

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1	Prokel Copper	351-11/11-CN	- Thành phần nguyên liệu: hợp chất chalate Đồng-glycine/lysine và các chất mang (silica và khoáng tự nhiên). - Chỉ tiêu chất lượng: Đồng (Cu): 10,0 - 12,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As ≤ 2,0 ppm; Pb ≤ 10,0 ppm; Cd ≤ 1,0 ppm; Hg ≤ 0,1 ppm.	Bổ sung đồng (Cu) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu xanh lá cây nhạt.	Premex S.A.	Colombia	10/2/2019
2	Canidae All Life Stages Formula	366-11/11-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gà, thịt cừu, gạo, khoai tây, cám gạo, đậu, tinh dầu canola, hạt lanh, bột cá, lecithin, beta-carotene, dầu hướng dương, chiết xuất cây Yucca schidigera, premix vitamin và khoáng.. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm ≤ 10,0 %; Protein ≥ 24,0 %; Béo ≥ 14,5 %; Xơ ≤ 4,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh:	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh (có chứa thịt) cho chó.	Dạng viên, màu nâu.	Canidae Corporation of Norco.	USA	10/2/2019
3	Canidae Chicken Meal and Rice Formula	368-11/11-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gà, thịt cừu, gạo, khoai tây, cám gạo, đậu, tinh dầu canola, hạt lanh, bột cá, lecithin, beta-carotene, dầu hướng dương, chiết xuất cây Yucca schidigera, premix vitamin và khoáng.. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm ≤ 10,0 %; Protein ≥ 26,0 %; Béo ≥ 15,5 %; Xơ ≤ 4,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh:	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh (có chứa thịt) cho chó.	Dạng viên, màu nâu.	Canidae Corporation of Norco.	USA	10/2/2019
4	Canidae Lamb Meal and Rice Formula	367-11/11-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt cừu, gạo, cám gạo, đậu, tinh dầu canola, hạt lanh, lecithin, beta-carotene, dầu hướng dương, chiết xuất cây Yucca schidigera, premix vitamin và khoáng.. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm ≤ 10,0 %; Protein ≥ 21,0 %; Béo ≥ 12,5 %; Xơ ≤ 5,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh:	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh (có chứa thịt) cho chó.	Dạng viên, màu nâu.	Canidae Corporation of Norco.	USA	10/2/2019
5	Felidae Cat and Kitten Formular	369-11/11-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gà, thịt gà tây, thịt cừu, trứng gà, gạo, cám gạo, mỡ gà, đậu, tinh dầu canola, hạt lanh, lecithin, beta-carotene, dầu hướng dương, chiết xuất cây Yucca schidigera, premix vitamin và khoáng.. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm ≤ 9,0 %; Protein ≥ 32,0 %; Béo ≥ 20,0 %; Xơ ≤ 2,5 %. - Chỉ tiêu vệ sinh:	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh (có chứa thịt) cho mèo.	Dạng viên, màu nâu.	Canidae Corporation of Norco.	USA	10/2/2019

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
6	DK Yucca Liquid	355-11/11-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chất chiết xuất từ cây Yucca Schidigera, chất bảo quản và nước. - Hoạt chất chính: Saponin: $10 \pm 3 \%$. - Các chỉ tiêu vệ sinh: nấm men (< 10 CFU/ g), nấm mốc (< 10 CFU/ g), tổng số vi khuẩn hiếu khí (< 100 CFU/ g).	Bổ sung saponin trong nước uống cho gia súc, gia cầm nhằm cải thiện khả năng sinh trưởng và giảm mùi amonia trong chất thải của vật nuôi.	Dạng lỏng, màu nâu.	Desert King International.	USA	10/2/2019
7	Poultry VTM Chick Premix	11-01/08-CN	- Chỉ tiêu chất lượng chính (tính trong 1,0 kg): Vitamin A $\geq 12.000.000,0$ IU; Vitamin D3 $\geq 2.700.000,0$ IU; Vitamin E $\geq 10.000,0$ mg; Mangan (Mn): 80.000 mg; Sắt (Fe): 60.000 mg; Kẽm (Zn): 50.000 mg.	Bổ sung premix vitamin, khoáng vi lượng cho gà thịt và gà hậu bị.	Dạng hạt mịn, màu nâu xám.	International Nutrition Inc.	USA	10/2/2019
8	Poultry VTM Layer 2.5	13-01/08-CN	- Chỉ tiêu chất lượng chính trong 2,5kg: Vitamin A $\geq 12.000.000,0$ IU; Vitamin D3 $\geq 1.800.000,0$ IU; Vitamin E $\geq 10.000,0$ mg; Mangan (Mn): 65.000,0 mg; Sắt (Fe): 60.000,0 mg; Kẽm (Zn): 50.000,0 mg.	Bổ sung premix vitamin, khoáng vi lượng cho gà đẻ.	Dạng hạt mịn, màu nâu xám.	International Nutrition Inc.	USA	10/2/2019
9	Poultry VTM Layer Premix	12-01/08-CN	- Chỉ tiêu chất lượng chính trong 1kg: Vitamin A $\geq 12.000.000,0$ IU; Vitamin D3 $\geq 1.800.000,0$ IU; Vitamin E $\geq 10.000,0$ mg; Mangan (Mn): 65.000,0 mg; Sắt (Fe): 60.000,0 mg; Kẽm (Zn): 50.000,0 mg.	Bổ sung premix vitamin, khoáng vi lượng cho gà đẻ.	Dạng hạt mịn, màu nâu xám.	International Nutrition Inc.	USA	10/2/2019
10	Capsantal EBS 20 NT	136-5/12-CN/17	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất chất tạo màu từ cúc vạn thọ (Lutein E161b), chất chống oxi hoá (Ethoxyquin), phụ gia và chất mang (axit Silicic, bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0 \%$; Xanthophylls tổng số $\geq 20,0$ g/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 15,0$ ppm.	Bổ sung chất tạo màu trong thức ăn cho gia cầm nhằm cải thiện màu da và lòng đỏ trứng.	Dạng bột, màu vàng đậm.	Industrial Tecnica Pecuaria S.A.	Spain	12/7/2022
11	Nutracor	274-9/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Muối Canxi của các axit béo dầu cọ. - Thành phần một số chất chính: Ẩm độ (max): 5,0 %; Béo (min): 84,0 %; Ca: 8,91 - 9,09 %	Thức ăn bổ sung năng lượng cho bò sữa	Dạng hạt, màu hồng nhạt	Wawasan Agrolipids Sdn, Bhd., Malaysia	Malaysia	9/2017
12	Danisco Animal Nutrition - Alpha-Amylase	385-12/11-CN/17	- Thành phần nguyên liệu: Alpha amylase (EC 3.2.1.1), Propylene glycol, Sodium chloride, Potassium sorbate và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng: Alpha amylase (EC 3.2.1.1) $\geq 4.000,0$ U/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Pb $< 5,0$ ppm; As $< 2,0$ ppm; Cd $< 0,5$ ppm; Hg $< 0,1$ ppm.	Bổ sung enzyme Amylase trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	Dạng lỏng, màu vàng đến nâu.	Genencor International B.V.B.A.	Belgium	27/6/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
13	Danisco Animal Nutrition - Subtilisin (Protease)	384-12/11-CN/17	- Thành phần nguyên liệu: Subtilisin (Protease) (EC 3.4.21.62), Propylene glycol, Sodium acetate và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng: Subtilisin (Protease) (EC 3.4.21.62) $\geq 40.000,0$ U/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Pb $< 5,0$ ppm; As $< 2,0$ ppm; Cd $< 0,5$ ppm; Hg $< 0,1$ ppm.	Bổ sung enzym Protease trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	Dạng lỏng, màu vàng đến nâu.	Genencor International Oy.,	Finland	27/6/2022
14	Vit - Al Amino	368-11/12-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp vitamin tổng hợp (A, D3, E, K3, C, B1, B2, B6, B12, Calcium pantothenate, Nicotinamide), hỗn hợp axit amin tổng hợp (Aspartic acid, Threonine, Serine, Glutamic acid, Proline, Glycerin, Alanine, Cystine, Methionine, Isoleucine, Leucine, Phenylalanine, Tyrosine, Lysine, Histidine, Arginine, Tryptophan) và chất mang (polysorbate, nước cất). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 lít): Tổng axit amin ≥ 95.000 mg; Vitamin A $\geq 7,6 \times 10^6$ IU; Vitamin D3 $\geq 1,4 \times 10^6$ IU; Vitamin E $\geq 950,0$ mg; Vitamin K3 $\geq 1.900,0$ mg; Vitamin C $\geq 4.750,0$ mg; Vitamin B1 $\geq 475,0$ mg; Vitamin B2 $\geq 475,0$ mg; Vitamin B6 $\geq 190,0$ mg; Vitamin B12 $\geq 7,6$ mg; Calcium pantothenate $\geq 3.800,0$ mg; Nicotinamide $\geq 5700,0$ mg; Axit Folic $\geq 47,5$ mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli ≤ 10 CFU/g; Salmonella không có trong 25 g	Bổ sung hỗn hợp vitamin và axit amin cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu nâu.	Algerian Animal Health Products Laboratories	Algeria	16/3/2023
15	Concentrado 30 (Concentrate 30)	341-11/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: hỗn hợp khô dầu hướng dương và khô dầu đậu tương. - Một số chỉ tiêu chất lượng: Protein tối thiểu (tính theo vật chất khô): 30 %; mỡ thô tối đa: 2,0 %; độ ẩm tối đa: 13 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Aflatoxin B1 $\leq 0,5$ ppb; Aflatoxin B2 $\leq 0,5$ ppb; Aflatoxin G1 $\leq 0,5$ ppb; Aflatoxin G2 $\leq 0,5$ ppb.	Bổ sung đậm trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Agroindustria Madero S.A.	Argentina	11/2017
16	Biomim [®] BioStabil Plus	140-5/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: hỗn hợp vi khuẩn có lợi (Enterococcus faecium, Lactobacillus plantarum, Lactobacillus brevis) và chất mang (Inulin). - Chỉ tiêu chất lượng: tổng vi khuẩn lactic tối thiểu: 5×10^{10} CFU/g.	Bổ sung hỗn hợp vi khuẩn có lợi (Enterococcus faecium, Lactobacillus plantarum, Lactobacillus brevis) trong quá trình ủ cỏ làm thức ăn cho gia súc.	Dạng bột, màu trắng.	Biomim GmbH.	Austria	10/2/2019

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
17	Biomini® P.E.P.125	139-5/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: 90,0% là hỗn hợp các chất chiết xuất từ thảo dược và bột thảo dược (bột rễ Chicory; tinh dầu: Oregano, Anis star, orange) và 10,0% là chất chống vón (silica) và chất mang (chất vô cơ).	Bổ sung hỗn hợp các chất chiết xuất từ thảo dược và bột thảo dược trong thức ăn cho gia súc, gia cầm nhằm tăng tính ngon miệng của vật nuôi.	Dạng bột, màu nâu xám hơi xanh.	Biomini GmbH.	Austria	10/2/2019
18	Profish Ω Poultry	179-6/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các axit amin (Threonine, Methionine), Lysine sulphate, Fylax Forte, Fysal, protAEL, dầu cá hồi, Gluten ngô, Bột đậu tương. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm ≤ 11,0 %; Protein ≥ 55,0 %; Béo ≥ 8,0 %; Khoáng tổng số ≤ 5,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As ≤ 2,0 ppm; Pb ≤ 5,0 ppm; Cd ≤ 0,5 ppm; Cu ≤ 0,5 ppm.	Bổ sung protein trong thức ăn chăn nuôi cho gia cầm.	Dạng bột, màu vàng đến vàng nâu.	Hendrix NV.	Belgium	10/2/2019
19	Profish Ω Swine	178-6/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các axit amin (Threonine, Methionine), Lysine sulphate, Fylax Forte, Fysal, protAEL, dầu cá hồi, Gluten ngô, Bột đậu tương. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm ≤ 11,0 %; Protein ≥ 55,0 %; Béo ≥ 8,0 %; Khoáng tổng số ≤ 11,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As ≤ 2,0 ppm; Pb ≤ 5,0 ppm; Cd ≤ 0,5 ppm; Cu ≤ 0,5 ppm.	Bổ sung protein trong thức ăn chăn nuôi cho lợn.	Dạng bột, màu vàng đến vàng nâu.	Hendrix NV.	Belgium	10/2/2019
20	Aflorin P L	415-12/12-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất từ cây Yucca schidigera, tinh dầu bạc hà (Menthol oil) và các chất mang (mono-propylene glycol và nước). - Chỉ tiêu chất lượng: Saponin ≥ 500,0 ppm; Menthol ≥ 12,0 %. - Các chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 200,0 ppm; As ≤ 20,0 ppm; Hg ≤ 1,0 ppm; Cd ≤ 20,0 ppm.	Bổ sung chất chiết xuất thực vật trong nước uống cho lợn, gia cầm nhằm giảm mùi hôi của chất thải vật nuôi.	Dạng lỏng, màu vàng nâu.	Innov AD NV/SA.	Belgium	2/2/2023
21	Cibus 300	247-9/12-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Hợp chất các chất tạo mùi hương bơ sữa (Vanillin, Gamma nonalactone, Butanedione, axit butyric, Ethyl butyrate, Propylene glycol), chất chống kết dính (axit Silicic), chất mang (Dextrose monohydrate, tinh bột ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Vanillin ≥ 2,1 %; Gamma nonalactone ≥ 0,35 %; Butanedione ≥ 0,35 %; axit Butyric ≥ 0,2 %. - Các chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Pb ≤ 200,0 ppm; As ≤ 20,0 ppm; Hg < 1,0 ppm; Cd < 20,0 ppm.	Bổ sung chất tạo mùi hương bơ sữa (từ các hợp chất hữu cơ tổng hợp) trong thức ăn cho gia súc.	Dạng bột, màu trắng kem.	Innov AD NV/SA.	Belgium	2/2/2023

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
22	Innovita	248-9/12-CN	- Nguyên liệu chính: các vitamin tổng hợp A, D3, E, K3, B3, Choline Chloride và các khoáng vô cơ FeCO₃, CuSO₄, ZnO, MnO và chất mang CaCO₃. - Thành phần một số hoạt chất chính trong một kg: vitamin A ≥ 3.600.000 IU; vitamin D3 ≥ 900.000 IU, vitamin E ≥ 3.400 mg; Fe: 9.000 - 10.000 mg; Cu: 3.600 - 4.000 mg. - Các chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 20,0 ppm; As ≤ 20,0 ppm; Hg < 1,0 ppm; Cd < 20,0 ppm.	Bổ sung premix vitamin, khoáng trong thức ăn chăn nuôi gia cầm.	Dạng bột, màu trắng ngà đến vàng nhạt.	Innov AD NV/SA.	Belgium	10/2/2019
23	Novinox SV	244-9/12-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Các chất chống ôxi hoá (Butylated hydroxytoluene (BHT), Butylated hydroxyanisole (BHA), Propyl galate), axit Citric, chất chống kết dính (axit Silicic), chất mang (CaCO₃). - Chỉ tiêu chất lượng: Butylated hydroxytoluene (BHT) ≥ 3,5 %; Butylated hydroxyanisole (BHA) ≥ 0,7 %; Propyl galate ≥ 0,7 %; axit Citric ≥ 1,2 %. - Các chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 200,0 ppm; As ≤ 20,0 ppm; Hg ≤ 1,0 ppm; Cd ≤ 20,0 ppm.	Bổ sung chất chống oxy hóa trong thức ăn chăn nuôi lợn và gia cầm	Dạng bột, màu be.	Innov AD NV/SA.	Belgium	2/2/2018
24	Novinox V	245-9/12-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Propyl galate, axit Citric, Ethylenediaminetetraacetic acid (EDTA), chất chống kết dính (axit Silicic), chất mang (CaCO₃). - Chỉ tiêu chất lượng: Propyl galate ≥ 10,0 %; axit Citric ≥ 1,2 %; Ethylenediaminetetraacetic acid (EDTA) ≥ 0,3 %. - Các chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 200,0 ppm; As ≤ 20,0 ppm; Hg ≤ 1,0 ppm; Cd ≤ 20,0 ppm.	Bổ sung chất chống oxy hóa trong thức ăn chăn nuôi lợn và gia cầm	Dạng bột, màu trắng ngà.	Innov AD NV/SA.	Belgium	2/2/2018
25	Taminizer C	238-9/12-CN	Choline Chloride (Hàm lượng tối thiểu: 96,0 %).	Bổ sung Choline trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	Taminco N.V.	Belgium	10/2/2019
26	Taminizer C L	308-10/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Choline Chloride và chất mang (nước cất). - Hoạt chất chính: Choline Chloride tối thiểu : 75,0 %.	Bổ sung Choline trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, trong suốt không màu.	Taminco N.V.	Belgium	10/2/2019

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
27	Eurofwean-1	163-6/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: các sản phẩm từ: hạt ngũ cốc, sữa, hạt có dầu, cây có củ; đường; premix vitamin, khoáng; các axit amin tổng hợp; các enzyme; các axit; các vi khuẩn có lợi (Bacillus licheniformis DSM 5749, Bacillus subtilis DSM 5750). - Một số chỉ tiêu chất lượng (Unit/g): Cellulase $\geq$ 304,0; Xylanase $\geq$ 380,0; Protease $\geq$ 456,0; Phytase $\geq$ 900,0.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho lợn giai đoạn từ 02 ngày tuổi đến 20 kg khối lượng cơ thể.	Dạng bột hoặc dạng viên hoặc dạng mảnh, màu vàng nhạt.	Trouw Nutrition Nutreco Belgium N.V.	Belgium	10/2/2019
28	VITA-ACID	322-10/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit formic, axit propionic, axit lactic, axit fumaric và chất mang (sepiolite); - Hoạt chất chính (tính trong 1,0 kg): Axit formic $\geq$ 300,0 g; Axit propionic $\geq$ 100,0 g; Axit lactic $\geq$ 20,0 g; Axit fumaric $\geq$ 50,0 g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Cd $\leq$ 15,0 ppm; Pb $\leq$ 200,0 ppm.	Bổ sung hỗn hợp axit hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm kiểm soát các vi khuẩn có hại trong đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột, xám.	Vitafor NV.	Belgium	10/2/2019
29	Vita-Apoester 10 Plus	215-8/12-CN	- Hoạt chất chính: Beta-apo-8-carotenoicacid-ethylester (E160f): $\geq$ 10 %. - Thành phần khác: ethoxyquin (< 5%) và các chất mang.	Bổ sung chất tạo màu trong thức ăn chăn nuôi gia cầm.	Dạng bột, màu cam đỏ.	Vitafor NV.	Belgium	10/2/2019
30	Vita-Cantha 10 Plus	216-8/12-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Canthaxanthin, chất chống ôxi hoá (Ethoxyquin), chất phụ gia và chất mang (đầu thực vật, Silica, Sucrose, Dextrin). - Chỉ tiêu chất lượng: Canthaxanthin $\geq$ 10,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Pb $\leq$ 20,0 ppm; As $\leq$ 15,0 ppm.	Bổ sung chất tạo màu Canthaxanthin trong thức ăn chăn nuôi gia cầm.	Dạng bột, màu đỏ nâu.	Vitafor NV.	Belgium	12/4/2023
31	VITA-DOX	323-10/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit citric, butylated hydroxyanisole (BHA), ethoxyquin, axit orthophosphoric, SiO ₂ , sepiolite. - Hoạt chất chính (tính trong 1,0 kg): Axit citric $\geq$ 20,0 g; Butylated hydroxyanisole $\geq$ 20,0 g; Ethoxyquin $\geq$ 20,0 g; Axit phosphoric $\geq$ 20,0 g.	Bổ sung chất chống oxy hóa trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu xám.	Vitafor NV.	Belgium	10/2/2019

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
32	VITA-MOULD	324-10/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit formic; Axit propionic; Axit acetic; Axit lactic; Axit sorbic; Axit citric; Axit fumaric và chất mang (sepiolite). - Hoạt chất chính (tính trong 1,0 kg): Axit formic $\geq 50,0$ g; Axit propionic $\geq 250,0$ g; Axit acetic $\geq 15,0$ g; Axit lactic $\geq 10,0$ g; Axit sorbic $\geq 5,0$ g; Axit citric $\geq 5,0$ g; Axit fumaric $\geq 15,0$ g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Cd $\leq 15,0$ ppm; Pb $\leq 200,0$ ppm.	Bổ sung hỗn hợp axit hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm kiểm soát các vi khuẩn có hại trong đường tiêu hóa vật nuôi..	Dạng bột, màu xám.	Vitafor NV.	Belgium	10/2/2019
33	VITA-POWERTOX	321-10/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bentonite - Montmorillonite, các vitamin tổng hợp (A, E), MnSO₄, nấm men vô hoạt, chiết xuất nấm men, rỉ mật đường, dầu thực vật. - Hoạt chất chính (tính trong 1,0 kg): Bentonite – Montmorillonite $\geq 877.150,0$ mg; Vitamin A $\geq 58.100,0$ IU; Vitamin E $\geq 85,5$ IU. - Chỉ tiêu vệ sinh: As (≤ 12 mg/kg, Cd (≤ 5 mg/kg), Pb (≤ 15 mg/kg), Hg ($\leq 0,2$ mg/kg).	Bổ sung chất hấp phụ độc tố nấm mốc trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu.	Vitafor NV.	Belgium	10/2/2019
34	Hicell	197-7/12-CN	- Protein (min): 40,0 %. - Độ ẩm (max): 8,0 % - Thành phần nguyên liệu: 100 % nấm men <i>Saccharomyces cerevisiae</i> bất hoạt.	Bổ sung đạm và các chất dinh dưỡng trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu be nhạt.	Açucareira Quatá S.A.	Brazil	10/2/2019
35	Demp	145-5/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: 100% chiết xuất từ tế bào nấm men. - Chỉ tiêu chất lượng: protein: 40,0 - 50,0 %.	Bổ sung protein từ chiết xuất nấm men <i>Saccharomyces Cerevisiae</i> trong thức ăn cho gia súc nhai lại.	Dạng bột, màu nâu.	Alltech do Brazil Agroindustrial Ltda.	Brazil	10/2/2019

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
36	leanSTART	188-7/12-CN/17	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin E, vitamin K, L-Lysine, DL- Methionine, L-Threonine, wheat middlings, betonite Sodium, Calcium carbonate, Niacin, Ribofavin, vitamin B12, Calcium d-Pantothenate, d-Biotin, Pyridoxine hydrochloride, Thiamine mononitrate, Folic acid, dry whey, mineral oil. - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1 kg): Vitamin E $\geq 10.000,0$ IU; vitamin B12 $\geq 3.102,0$ mcg; vitamin K $\geq 177,0$ mg; vitamin B2 (Riboflavin) $\geq 440,0$ mg; vitamin B3 (Niacin) $\geq 4.400,0$ mg; vitamin H (d-Biotin) $\geq 14.520,0$ mcg; vitamin B1 (Thiamine) $\geq 308,0$ mg; vitamin B9 (Folic acid) $\geq 88,0$ mg; vitamin B5 (d-Pantothenic acid) $\geq 29.035,0$ mg; vitamin B6 (Pyridoxine) $\geq 354,0$ mg. - Chỉ tiêu an toàn: Salmonella không có trong 25 g; E. coli < 3 MPN/g	Bổ sung premix vitamin (vitamin E, K, H và các vitamin nhóm B), trong thức ăn chăn nuôi lợn.	Dạng bột, màu trắng.	Kenpal Farm Products Inc.	Canada	11/7/2022
37	Optimin SeY 3000	220-8/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: tế bào nấm men (được nuôi cấy trên môi trường giàu Selen) bất hoạt. - Hoạt chất chính: Selen tổng số (2900 ppm - 3800 ppm); trong đó hàm lượng Selen hữu cơ tối thiểu 90 %. - Các chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella (không phát hiện CFU/ 25 g), E. coli (không phát hiện CFU/g); Pb ($\leq 1,0$ ppm), As ($\leq 1,0$ ppm), Hg ($\leq 1,0$ ppm), Cd ($\leq 1,0$ ppm).	Bổ sung khoáng Selen hữu cơ trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng nhạt đến nâu.	Lallemand Inc., Canada (được thương mại bởi Trouw Nutrition International Feed Additives, The Netherlands).	Canada	10/2/2019
38	Feed Bee	361-11/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: hỗn hợp các nguyên liệu có nguồn gốc từ thực vật (Gramineae, Legumes, Ericaceae) đã được chế biến. - Một số hoạt chất chính: Protein $\geq 21,3$ %; Mỡ thô $\geq 3,9$ %; Đường tổng số $\geq 25,1$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli: không có trong 1g; Salmonella: không có trong 25 g.	Thức ăn bổ sung cho ong.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	The Bee Processing Enterprises Ltd.	Canada	11/2017
39	Feed Acidifier TS001	213-8/12-CN	- Hoạt chất chính: axit photphoric ($\geq 25\%$), axit citric ($\geq 8\%$), axit lactic ($\geq 8\%$). - Các chất mang vừa đủ 100%. - Các chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella (không phát hiện CFU/ 25 g), Pb (≤ 40ppm), As (≤ 10ppm).	Bổ sung các chất axit hóa trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm giảm pH đường tiêu hóa và cải thiện khả năng tiêu hóa.	Dạng bột, màu trắng nhạt.	Accro Science and Technical (Beijing) Co., Ltd.	China	10/2/2019

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
40	Feed Acidifier TS002	214-8/12-CN	- Hoạt chất chính: axit photphoric ($\geq 10\%$), axit lactic ($\geq 30\%$) và axit citric. - Các chất mang vừa đủ 100%. - Các chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella (không phát hiện CFU/ 25 g), Pb ($\leq 40\text{ppm}$), As ($\leq 10\text{ppm}$).	Bổ sung các chất axit hóa trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm giảm pH đường tiêu hóa và cải thiện khả năng tiêu hóa.	Dạng bột, màu trắng nhạt.	Accro Science and Technical (Beijing) Co., Ltd.	China	10/2/2019
41	Feed Fragrance Enhancer TF002	212-8/12-CN	- Hoạt chất chính: isovaleric, 3-(methylthio) propionaldehyde, butyric acid, trimethylamine, dầu cá. - Chất mang: Silicon dioxit, tinh bột ngô, bột khoáng tự nhiên. - Các chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella (không phát hiện CFU/ 25 g), Pb ($\leq 40\text{ppm}$), As ($\leq 10\text{ppm}$).	Bổ sung hỗn hợp chất tạo mùi hương (từ các hợp chất hữu cơ tổng hợp) trong thức ăn cho gia súc, gia cầm nhằm tăng khả năng ăn vào của vật nuôi.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Accro Science and Technical (Beijing) Co., Ltd.	China	10/2/2019
42	Feed Fragrance Enhancer TX002	211-8/12-CN	- Hoạt chất chính: ethyl lactate, isoamyl acetate, butyl acetate, ethyl butyrate, tinh dầu cam. - Chất mang: silicon dioxit, tinh bột ngô, bột khoáng tự nhiên. - Các chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella (không phát hiện CFU/ 25 g), Pb ($\leq 40\text{ppm}$), As ($\leq 10\text{ppm}$).	Bổ sung hỗn hợp chất tạo mùi hương (từ các hợp chất hữu cơ tổng hợp) trong thức ăn cho gia súc, gia cầm nhằm tăng khả năng ăn vào của vật nuôi.	Dạng bột, màu trắng nhạt.	Accro Science and Technical (Beijing) Co., Ltd.	China	10/2/2019
43	Feed Fragrance Enhancer TX003	218-8/12-CN	- Hoạt chất chính: ethyl lactate, ethyl maltol, citral, linalool, vanillin. - Chất mang: silicon dioxit, tinh bột ngô, bột khoáng tự nhiên. - Các chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella (không phát hiện CFU/ 25 g), Pb ($\leq 40\text{ppm}$), As ($\leq 10\text{ppm}$).	Bổ sung hỗn hợp chất tạo mùi hương (từ các hợp chất hữu cơ tổng hợp) trong thức ăn cho gia súc, gia cầm nhằm tăng khả năng ăn vào của vật nuôi.	Dạng bột, màu trắng nhạt.	Accro Science and Technical (Beijing) Co., Ltd.	China	10/2/2019
44	Feed Sweetener TT003	219-8/12-CN	- Hoạt chất chính: saccharin natri ($\geq 40\%$) và các chất tổng hợp. - Chất mang: Glucose, tinh bột ngô, bột khoáng tự nhiên. - Các chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella (không phát hiện CFU/ 25 g), Pb ($\leq 40\text{ppm}$), As ($\leq 10\text{ppm}$).	Bổ sung chất tạo vị ngọt (hỗn hợp Natri Saccharin và hợp chất hữu cơ tổng hợp) trong thức ăn cho gia súc, gia cầm nhằm tăng khả năng ăn vào của vật nuôi.	Dạng bột, màu trắng nhạt.	Accro Science and Technical (Beijing) Co., Ltd.	China	10/2/2019
45	Enramycin 4 % (Feed Grade)	242-9/12-CN	- Hoạt chất chính: Enramycin: 3,6 - 4,4 %. - Chất mang: cám gạo. - Các chỉ tiêu vệ sinh: As ≤ 5 ppm; tổng kim loại nặng (As, Pb, Hg, Cd) ≤ 20 ppm.	Bổ sung kháng sinh Enramycin trong thức ăn cho gia súc, gia cầm nhằm tăng khả năng sinh trưởng vật nuôi.	Dạng bột, màu nâu hoặc nâu sậm	Anji Fengmu Veterinary Drugs Co., Ltd.	China	10/2/2019

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
46	Enramycin 8 % (Feed Grade)	243-9/12-CN	- Hoạt chất chính: Enramycin: 7,2 - 8,8 %. - Chất mang: cám gạo. - Các chỉ tiêu vệ sinh: As ≤ 5 ppm; tổng kim loại nặng (As, Pb, Hg, Cd) ≤ 20 ppm.	Bổ sung kháng sinh Enramycin trong thức ăn cho gia súc, gia cầm nhằm tăng khả năng sinh trưởng vật nuôi.	Dạng bột, màu nâu hoặc nâu sậm	Anji Fengmu Veterinary Drugs Co., Ltd.	China	10/2/2019
47	Choline Chloride 50% Corncob	422-12/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Choline chloride và chất mang (bột lõi ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Choline Chloride ≥ 50,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As ≤ 20,0 ppm; Pb ≤ 20,0 ppm; Hg ≤ 20,0 ppm.	Bổ sung Choline chloride trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu vàng nhạt.	Be-long (North) Corp.	China	12/2017
48	Choline Chloride 50% Silica	421-12/12-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Choline chloride và chất mang (Silica). - Chỉ tiêu chất lượng: Choline chloride ≥ 50,0 % (tương đương Choline ≥ 43,0 %). - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; As < 4,0 ppm; Cd < 2,0 ppm.	Bổ sung Choline trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	Be-long (North) Corp.	China	12/1/2023
49	Choline Chloride 60% Corncob	423-12/12-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Choline chloride và chất mang (bột lõi ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Choline chloride ≥ 60,0 % (tương đương Choline ≥ 52,0 %). - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; As < 4,0 ppm; Cd < 2,0 ppm.	Bổ sung Choline trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu vàng nhạt.	Be-long (North) Corp.	China	12/1/2023
50	Choline Chloride 75% Liquid	424-12/12-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Choline chloride và chất mang (nước cất). - Chỉ tiêu chất lượng: Choline chloride ≥ 75,0 % (tương đương Choline ≥ 65,0 %). - Chỉ tiêu vệ sinh: As < 4,0 ppm; Cd < 2,0 ppm.	Bổ sung Choline trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, không màu.	Be-long (North) Corp.	China	12/1/2023
51	Fysal® Fit-4	432-12/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit Sorbic, axit Formic, axit Propionic, Ammonium formate, Silicon dioxide và dứa thủy phân.. - Chỉ tiêu chất lượng: Axit Sorbic: 63,0 - 77,0 %; Axit Formic: 71,0 - 87,0 %; Axit Propionic: 32,0 - 39,0 %; Ammonium formate: 33,0 - 41 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As ≤ 12,0 ppm; Pb ≤ 200,0 ppm; Cd ≤ 15,0 ppm; Hg ≤ 0,1 ppm.	Bổ sung hỗn hợp axit hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu xám đỏm nâu.	Selko B.V.	The Netherlands	12/2017

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
52	Toxo®-MX,	431-12/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: 100 % Bentonite (Montmorillonite).. - Chỉ tiêu chất lượng: CaO: 3,2 - 4,8 %; MgO: 4,0 - 5,4 %; Fe2O3: 5,4 - 6,5 %; Al2O3: 14,8 - 18,2 %; SiO2: 62,4 - 73,5 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As ≤ 12,0 ppm; Pb ≤ 30,0 ppm; Cd ≤ 2,0 ppm; Hg ≤ 0,1 ppm.	Bổ sung chất hấp phụ độc tố nấm mốc trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu be.	Selko B.V.	The Netherlands	12/2017
53	Choline Chloride 60% Corn Cob	177-6/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Choline chloride và chất mang (Bột lõi ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm ≤ 2,0 %; Choline chloride ≥ 60,0 %; Khoáng tổng số ≤ 10,0 % - Chỉ tiêu vệ sinh: Ecoli không có trong 1 g; Salmonella không có trong 25 g	Bổ sung Choline Chloride trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu hơi vàng.	Bevenovo Co. Ltd.	China	10/2/2019
54	Betaine HCl	329-11/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Betain HCl (tối thiểu 98,0 %). - Chỉ tiêu vệ sinh: Asen (As) ≤ 1,0 ppm; Chì (Pb) ≤ 10,0 ppm.	Bổ sung Betain HCl trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	Bevenovo Co. Ltd.	China	10/2/2019
55	0,1% of Vitamin Premix for Breeding Poultry (Model II)	320-10/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin tổng hợp (A, D3, E, K3, B1, B2, B6), axit nicotinic và chất mang (cám gạo chiết ly); - Hoạt chất chính (tính trong 1,0 kg): Vitamin A ≥ 4.000.000,0 IU; Vitamin D3 ≥ 1.200.000,0 IU; Vitamin E ≥ 11.000,0 IU; Vitamin K3 ≥ 1.600,0 mg; Vitamin B1 ≥ 700,0 mg; Vitamin B2 ≥ 2.800,0 mg; Vitamin B6 ≥ 1.500,0 mg; Axit nicotinic ≥ 14.000,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Asen (As) ≤ 10,0 ppm; Chì (Pb) ≤ 30,0 ppm.	Bổ sung premix vitamin cho gia cầm sinh sản.	Dạng bột, màu xám.	Chengdu Bangde Technology Co., Ltd.	China	10/2/2019
56	0,1% of Vitamin Premix for Meat Ducks (Model II)	318-10/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin tổng hợp (A, D3, E, K3, B1, B2, B6), axit nicotinic và chất mang (cám gạo chiết ly). - Hoạt chất chính (tính trong 1,0 kg): Vitamin A ≥ 4.000.000,0 IU; Vitamin D3 ≥ 1.000.000,0 IU; Vitamin E ≥ 5.600,0 IU; Vitamin K3 ≥ 800,0 mg; Vitamin B1 ≥ 400,0 mg; Vitamin B2 ≥ 2.400,0 mg; Vitamin B6 ≥ 800,0 mg; Axit nicotinic ≥ 14.000,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Asen ≤ 10,0 ppm; Chì (Pb) ≤ 30,0 ppm.	Bổ sung premix vitamin cho vịt thịt.	Dạng bột, màu xám.	Chengdu Bangde Technology Co., Ltd.	China	10/2/2019

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
57	0,1% of Vitamin Premix for Poultry Producing Eggs (Model II)	319-10/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin tổng hợp (A, D3, E, K3, B1, B2, B6), axit nicotinic và chất mang (cám gạo chiết ly). - Hoạt chất chính (tính trong 1,0 kg): Vitamin A $\geq 4.000.000,0$ IU; Vitamin D3 $\geq 1.200.000,0$ IU; Vitamin E $\geq 10.000,0$ IU; Vitamin K3 $\geq 1.500,0$ mg; Vitamin B1 $\geq 600,0$ mg; Vitamin B2 $\geq 2.800,0$ mg; Vitamin B6 $\geq 1.200,0$ mg; Axit nicotinic $\geq 14.000,0$ mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Asen (As) $\leq 10,0$ ppm; Chì (Pb) $\leq 30,0$ mg/kg.	Bổ sung premix vitamin cho gia cầm đẻ trứng.	Dạng bột, màu xám.	Chengdu Bangde Technology Co., Ltd.	China	10/2/2019
58	0,2% of Vitamin Premix for Fattening Pigs	313-10/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin tổng hợp (A, D3, E, K3, B1, B2, B6), axit nicotinic và chất mang (cám gạo chiết ly). - Hoạt chất chính (Tính trong 1kg): Vitamin A ($\geq 1.000.000$ IU), Vitamin D3 (≥ 280.000 IU), Vitamin E (≥ 5.800 IU), Vitamin K3 (≥ 280 mg), Vitamin B1 (≥ 380 mg), Vitamin B2 (≥ 800 mg), Vitamin B6 (≥ 450 mg), axit nicotinic (≥ 4.500 mg). - Chỉ tiêu vệ sinh: Asen (≤ 10 mg/kg), Chì (≤ 30 mg/kg).	Bổ sung premix vitamin cho lợn từ 60 kg – xuất chuồng.	Dạng bột, màu xám.	Chengdu Bangde Technology Co., Ltd.	China	10/2/2019
59	0,2% of Vitamin Premix for Little Meat Chicken	315-10/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin tổng hợp (A, D3, E, K3, B1, B2, B6), axit nicotinic và chất mang (cám gạo chiết ly). - Hoạt chất chính (tính trong 1,0 kg): Vitamin A $\geq 4.000.000,0$ IU; Vitamin D3 ≥ 750.000 IU; Vitamin E ≥ 8.000 IU; Vitamin K3 $\geq 700,0$ mg; Vitamin B1 $\geq 550,0$ mg; Vitamin B2 $\geq 1.400,0$ mg; Vitamin B6 $\geq 950,0$ mg; Axit nicotinic $\geq 10.000,0$ mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Asen $\leq 10,0$ ppm; Chì (≤ 30 ppm).	Bổ sung premix vitamin cho gà thịt.	Dạng bột, màu xám.	Chengdu Bangde Technology Co., Ltd.	China	10/2/2019
60	0,2% of Vitamin Premix for Mature Meat Chicken	317-10/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin tổng hợp (A, D3, E, K3, B1, B2, B6), axit nicotinic và chất mang (cám gạo chiết ly). - Hoạt chất chính (tính trong 1,0 kg): Vitamin A $\geq 2.000.000,0$ IU; Vitamin D3 $\geq 450.000,0$ IU; Vitamin E $\geq 6.000,0$ IU; Vitamin K3 $\geq 500,0$ mg; Vitamin B1 $\geq 400,0$ mg; Vitamin B2 $\geq 1.000,0$ mg; Vitamin B6 $\geq 700,0$ mg; Axit nicotinic $\geq 7.000,0$ mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Asen $\leq 10,0$ mg; Chì ($\leq 30,0$ ppm).	Bổ sung premix vitamin cho gà thịt.	Dạng bột, màu xám.	Chengdu Bangde Technology Co., Ltd.	China	10/2/2019

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
61	0,2% of Vitamin Premix for Middle-aged Meat Chicken	316-10/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin tổng hợp (A, D3, E, K3, B1, B2, B6), axit nicotinic và chất mang (cám gạo chiết ly). - Hoạt chất chính (tính trong 1,0 kg): Vitamin A $\geq 3.000.000,0$ IU; Vitamin D3 $\geq 500.000,0$ IU; Vitamin E $\geq 7.000,0$ IU; Vitamin K3 $\geq 600,0$ mg; Vitamin B1 $\geq 450,0$ mg; Vitamin B2 $\geq 1.200,0$ mg; Vitamin B6 $\geq 800,0$ mg; Axit nicotinic $\geq 9.000,0$ mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Asen $\leq 10,0$ ppm, Chì $\leq 30,0$ ppm.	Bổ sung premix vitamin cho gà thịt.	Dạng bột, màu xám.	Chengdu Bangde Technology Co., Ltd.	China	10/2/2019
62	0,2% of Vitamin Premix for Piglets (Model I)	310-10/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin tổng hợp (A, D3, E, K3, B1, B2, B6), axit nicotinic và chất mang (cám gạo chiết ly). - Hoạt chất chính (tính trong 1,0 kg): Vitamin A ($\geq 2.500.000$ IU), Vitamin D3 (≥ 350.000 IU), Vitamin E (≥ 7.200 IU), Vitamin K3 (≥ 360 mg), Vitamin B1 (≥ 480 mg), Vitamin B2 (≥ 1.000 mg), Vitamin B6 (≥ 550 mg), axit nicotinic (≥ 6.000 mg). - Chỉ tiêu vệ sinh: Asen (≤ 10 mg/kg), Chì (≤ 30 mg/kg).	Bổ sung premix vitamin cho lợn từ 15 – 30 kg.	Dạng bột, màu xám.	Chengdu Bangde Technology Co., Ltd.	China	10/2/2019
63	0,3% of Vitamin Premix for Growing Pigs	312-10/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin tổng hợp (A, D3, E, K3, B1, B2, B6), axit nicotinic và chất mang (cám gạo chiết ly). - Hoạt chất chính (tính trong 1,0 kg): Vitamin A ($\geq 1.600.000$ IU), Vitamin D3 (≥ 250.000 IU), Vitamin E (≥ 5.000 IU), Vitamin K3 (≥ 260 mg), Vitamin B1 (≥ 300 mg), Vitamin B2 (≥ 800 mg), Vitamin B6 (≥ 400 mg), axit nicotinic (≥ 4.000 mg). - Chỉ tiêu vệ sinh: Asen (≤ 10 mg/kg), Chì (≤ 30 mg/kg).	Bổ sung premix vitamin cho lợn từ 30 – 60 kg.	Dạng bột, màu xám.	Chengdu Bangde Technology Co., Ltd.	China	10/2/2019
64	0,5% of Vitamin Premix for Boars (Model III)	314-10/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin tổng hợp (A, D3, E, K3, B1, B2, B6), axit nicotinic và chất mang (cám gạo chiết ly). - Hoạt chất chính trong 1kg: Vitamin A ($\geq 1.000.000$ IU), Vitamin D3 (≥ 200.000 IU), Vitamin E (≥ 8.000 IU), Vitamin K3 (≥ 200 mg), Vitamin B1 (≥ 250 mg), Vitamin B2 (≥ 600 mg), Vitamin B6 (≥ 250 mg), axit nicotinic (≥ 3.000 mg). - Chỉ tiêu vệ sinh: Asen (≤ 10 mg/kg), Chì (≤ 30 mg/kg).	Bổ sung premix vitamin cho lợn đực giống.	Dạng bột, màu xám.	Chengdu Bangde Technology Co., Ltd.	China	10/2/2019

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
65	0,5% of Vitamin Premix for Piglets (Model III)	311-10/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin tổng hợp (A, D3, E, K3, B1, B2, B6), axit nicotinic và chất mang (cám gạo chiết ly). - Hoạt chất chính (tính trong 1,0 kg): Vitamin A ($\geq 1.000.000$ IU), Vitamin D3 (≥ 160.000 IU), Vitamin E (≥ 3.000 IU), Vitamin K3 (≥ 160 mg), Vitamin B1 (≥ 220 mg), Vitamin B2 (≥ 500 mg), Vitamin B6 (≥ 260 mg), axit nicotinic (≥ 2.600 mg). - Chỉ tiêu vệ sinh: Asen (≤ 10 mg/kg), Chì (≤ 30 mg/kg).	Bổ sung premix vitamin cho lợn từ 15 – 30 kg.	Dạng bột, màu xám.	Chengdu Bangde Technology Co., Ltd.	China	10/2/2019
66	1% of Vitamin Premix for Porkets (Model III)	309-10/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin tổng hợp (A, D3, E, K3, B1, B2, B6), axit nicotinic và chất mang (cám gạo chiết ly). - Hoạt chất chính (tính trong 1,0 kg): Vitamin A (≥ 600.000 IU), Vitamin D3 (≥ 100.000 IU), Vitamin E (≥ 2.500 IU), Vitamin K3 (≥ 120 mg), Vitamin B1 (≥ 160 mg), Vitamin B2 (≥ 350 mg), Vitamin B6 (≥ 180 mg), axit nicotinic (≥ 2.000 mg). - Chỉ tiêu vệ sinh: Asen (≤ 10 mg/kg), Chì (≤ 30 mg/kg).	Bổ sung premix vitamin cho lợn từ 7 ngày tuổi - 15 kg.	Dạng bột, màu xám.	Chengdu Bangde Technology Co., Ltd.	China	10/2/2019
67	Mold Inhibitor (KeMeiLing)	399-12/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: axit sorbic, kali sorbate và các chất mang (dầu thực vật, Silica, Zeolit). - Chỉ tiêu chất lượng: Axit sorbic tổng số $\geq 30,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 30,0$ ppm.	Bổ sung axit sorbic và muối của axit sorbic trong thức ăn cho gia súc, gia cầm nhằm ngăn chặn sự phát triển của nấm mốc.	Dạng bột, màu trắng hoặc vàng nhạt.	Chongqing Weishi Chemical Industry Co., Ltd.	China	10/2/2019
68	Stabilizer (SuperEner)	398-12/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: chất hoạt động bề mặt (Surfactant $\geq 45,0$ %; bao gồm: glycerin fatty acid ester và sucrose fatty acid ester) và chất mang (Silica, tinh bột). - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 30,0$ ppm; Salmonella không phát hiện trong 25 g.	Bổ sung chất hoạt động bề mặt trong thức ăn cho gia súc, gia cầm nhằm cải thiện khả năng hấp thụ dinh dưỡng của vật nuôi.	Dạng bột, màu trắng hoặc vàng nhạt.	Chongqing Weishi Chemical Industry Co., Ltd.	China	10/2/2019
69	Wisdem Emulsifier	414-12/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Lecithin từ đậu tương và các chất mang (cám gạo đã tách dầu, silica, bột lõi ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: lecithin $\geq 25,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm.	Bổ sung chất nhũ hóa (lecithin từ đậu tương) trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng xám.	Guangzhou Wisdom Bio-Technology Co., Ltd.	China	12/2017

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
70	Wisdem yellow-10%	413-12/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: chất tạo màu tổng hợp (β-Apo-8-carotenoic acid ethyl ester), chất bảo quản (ethoxyquin), chất mang (gelatin, tinh bột, đường). - Chỉ tiêu chất lượng: β-Apo-8-carotenoic acid ethyl ester $\geq 10,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm.	Bổ sung chất tạo màu (từ hợp chất hữu cơ tổng hợp β -Apo-8-carotenoic acid ethyl ester) trong thức ăn cho gia cầm nhằm cải thiện màu da và màu lòng đỏ trứng gia cầm.	Dạng bột, màu trắng hoặc hồng.	Guangzhou Wisdom Bio-Technology Co., Ltd.	China	12/2017
71	Choline Chloride 75% Liquid	208-8/12-CN	Thành phần: - Choline Chloride: ≥ 75 %. - Chất mang (nước): vừa đủ 100 %.	Bổ sung Choline trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, trong suốt.	Hebei Dazheng Feed Science and Technology Co., Ltd.	China	10/2/2019
72	Colistin Sulphate 10 % Premix	210-8/12-CN	- Hoạt chất chính: Colistin Sulphate: 9,0 % - 11,0 %; - Chất kết dính (0,1 % - 0,2 %) và chất mang (vừa đủ 100 %). - Tạp chất: Kim loại nặng ≤ 20 ppm.	Bổ sung kháng sinh Colistin trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm kích thích sinh trưởng vật nuôi.	Dạng hạt nhỏ, màu trắng hoặc vàng nhạt.	Hebei Shengxue Dacheng Pharmaceutical (Tangshan) Co., Ltd.	China	10/2/2019
73	Compound enzymes for poultry SQZYME CE P	369-11/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: hỗn hợp enzyme tiêu hóa (cellulase, Beta-glucanase, xylanase, pectinase, protease, alpha-amylase) và các chất phụ gia (kali sorbate, NaCl, tinh bột thực vật, cellulose, nước). - Một số chỉ tiêu chất lượng: cellulase (≥ 1000 u/g); xylanase (≥ 10000 u/g); protease (≥ 5000 u/g). - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli: không có trong 1g; Salmonella: không có trong 25 g.	Bổ sung hỗn hợp enzyme tiêu hóa trong thức ăn cho gia cầm.	Dạng bột, màu vàng nâu.	Hunan Hong Ying Xiang Biochemistry industry Co., Ltd. (Nhà xuất khẩu: Suntaq International Limited, China)	China	11/2017
74	Compound enzymes for swine SQZYME CE S	370-11/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: hỗn hợp enzyme tiêu hóa (cellulase, xylanase, Beta-glucanase, mannanase, protease, alpha-amylase) và các chất phụ gia (kali sorbate, NaCl, tinh bột thực vật, cellulose, nước). - Một số chỉ tiêu chất lượng: cellulase (≥ 1000 u/g); xylanase (≥ 9000 u/g); protease (≥ 2500 u/g). - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli: không có trong 1g; Salmonella: không có trong 25 g.	Bổ sung hỗn hợp enzyme tiêu hóa trong thức ăn cho lợn.	Dạng bột, màu vàng nâu.	Hunan Hong Ying Xiang Biochemistry industry Co., Ltd. (Nhà xuất khẩu: Suntaq International Limited, China)	China	11/2017

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
75	Phytase (SQZYME FY G)	372-11/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Zymoprotein (cung cấp enzyme phytase) và các chất phụ gia (kali sorbate, NaCl, tinh bột thực vật, cellulose). - Chỉ tiêu chất lượng: Phytase ≥ 5000 u/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli: không có trong 1g; Salmonella: không có trong 25 g.	Bổ sung enzyme Phytase trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng hạt, màu trắng vàng.	Hunan Hong Ying Xiang Biochemistry industry Co., Ltd. (Nhà xuất khẩu: Suntaq International Limited, China)	China	11/2017
76	Phytase (SQZYME FY P)	371-11/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Zymoprotein (cung cấp enzyme phytase) và các chất phụ gia (kali sorbate, NaCl, tinh bột thực vật, cellulose). - Chỉ tiêu chất lượng: Phytase ≥ 5000 u/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli: không có trong 1g; Salmonella: không có trong 25 g.	Bổ sung enzyme Phytase trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng vàng.	Hunan Hong Ying Xiang Biochemistry industry Co., Ltd. (Nhà xuất khẩu: Suntaq International Limited, China)	China	11/2017
77	Ferrous Sulphate	334-11/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: FeSO₄. H₂O (độ tinh khiết tối thiểu 91 %). - Hoạt chất chính: Sắt (Fe): 28,5 - 32,0 %. - Các chỉ tiêu vệ sinh: Hg $\leq 1,0$ ppm; Pb $\leq 15,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 5,0$ ppm.	Bổ sung khoáng Sắt (Fe) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng tinh thể, màu xám đến xanh nhạt.	Isky (Xiangtan) Bio-Chem Technologies Co., Ltd.	China	11/2017
78	Manganese Sulphate	332-11/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: MnSO₄. H₂O (độ tinh khiết tối thiểu 96 %). - Hoạt chất chính: Mangan (Mn): 31,0 - 32,5 %. - Các chỉ tiêu vệ sinh: Hg $\leq 1,0$ ppm; Pb $\leq 15,0$ ppm; As $\leq 5,0$ ppm; Cd $\leq 10,0$ ppm.	Bổ sung khoáng Mangan (Mn) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng đến hồng nhạt.	Isky (Xiangtan) Bio-Chem Technologies Co., Ltd.	China	10/2/2019
79	Zinc Sulfate	333-11/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: ZnSO₄. H₂O (độ tinh khiết tối thiểu 98 %). - Hoạt chất chính: Kẽm (Zn): 35,6 - 36,3 %. - Các chỉ tiêu vệ sinh: Hg $\leq 1,0$ ppm; Pb $\leq 15,0$ ppm; As $\leq 5,0$ ppm; Cd $\leq 10,0$ ppm.	Bổ sung khoáng Kẽm (Zn) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	Isky (Xiangtan) Bio-Chem Technologies Co., Ltd.	China	10/2/2019
80	Salinomycin Premix 12 %	241-9/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: nguyên liệu chứa Salinomycin (Salinomycin và mycelium) và chất mang (CaCO₃). - Hoạt chất chính: Salinomycin: 11,4 - 14,4 %. - Các chỉ tiêu vệ sinh: As ≤ 5 ppm; tổng kim loại nặng (As, Pb, Hg, Cd) ≤ 20 ppm.	Bổ sung kháng sinh Salinomycin trong thức ăn cho gia súc, gia cầm nhằm tăng khả năng sinh trưởng vật nuôi.	Dạng hạt, màu nâu hoặc nâu nhạt.	Lukang Shelile Heze Pharmaceutical Co., Ltd.	China	10/2/2019

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
81	Mintai Flavour Milk	277-9/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: hỗn hợp chất tạo mùi (γ -Undecalactone, Ethyl butyrate, Ethyl maltol, Ethyl vanillin) và chất mang (SiO_2). - Chỉ tiêu vệ sinh: $\text{As} \leq 10 \text{ ppm}$, $\text{Pb} \leq 30 \text{ ppm}$.	Bổ sung chất tạo hương sữa (từ các hợp chất hữu cơ tổng hợp) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng hoặc vàng nhạt.	Mintai Perfume Chemicals Company, Ltd., Chongqing.	China	10/2/2019
82	Seaweed Meal	420-12/12-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: 100% tảo biển. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0 \%$; Protein thô $\geq 16,0 \%$; Khoáng tổng số $\leq 30,0 \%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: $\text{E.coli} < 10 \text{ CFU/g}$; Salmonella không phát hiện trong 25g; $\text{Pb} \leq 3,0 \text{ ppm}$; $\text{Cd} \leq 5,0 \text{ ppm}$; $\text{As} \leq 12,0 \text{ ppm}$.	Bổ sung tảo biển trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện khả năng sinh trưởng vật nuôi.	Dạng bột thô, màu nâu.	Qingdao Hisea Bio-technology Co, Ltd.	China	9/1/2023
83	Choline Chloride 70% (Liquid)	192-7/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Choline chloride và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng: Choline chloride $\geq 70,0 \%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Ecoli không có trong 1 g; Salmonella không có trong 25 g	Bổ sung Choline Chloride trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu vàng hoặc không màu.	Shandong Aocter Chemical Co., Ltd.	China	10/2/2019
84	Choline Chloride 75% (Liquid)	193-7/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Choline chloride và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng: Choline chloride $\geq 75,0 \%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Ecoli không có trong 1 g; Salmonella không có trong 25 g	Bổ sung Choline Chloride trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu vàng hoặc không màu.	Shandong Aocter Chemical Co., Ltd.	China	10/2/2019
85	Runeng (Fat Emulsifier)	416-12/12-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Axit mật tổng hợp ($\text{C}_{24}\text{H}_{40}\text{O}_5$) và chất mang (tinh bột ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Axit mật tổng hợp ($\text{C}_{24}\text{H}_{40}\text{O}_5$) $\geq 20,0 \%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25g; $\text{As} \leq 5,0 \text{ ppm}$; $\text{Pb} \leq 10,0 \text{ ppm}$.	Bổ sung axit mật tổng hợp trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện khả năng tiêu hóa và hấp thụ mỡ.	Dạng bột, màu trắng hoặc trắng nhạt.	Shandong Longchang Animal Health Product Co., Ltd.	China	30/1/2023
86	Dextrose Monohydrate Food Grade	158- 5/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: D-Glucose (dextrose) monohydrate. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 9,5 \%$; Glucose $\geq 99,0 \%$ (tính theo lượng chất khô). - Chỉ tiêu vệ sinh: Ecoli không có trong 1 g; Salmonella không có trong 25 g; $\text{As} \leq 2,0 \text{ ppm}$.	Bổ sung Glucose trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột hoặc tinh thể, màu trắng.	Shandong Xiwang Bio-Chem Technology Co., Ltd.	China	10/2/2019
87	Feed Sweetener T500	409-12/12-CN/17	- Thành phần nguyên liệu: Sodium Saccharin dihydrate ($\text{C}_7\text{H}_4\text{NNaO}_3\text{S} \cdot 2\text{H}_2\text{O}$) và chất mang (Silica và bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0 \%$; Sodium Saccharin dihydrate $\geq 30,0 \%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: $\text{E.coli} < 10 \text{ CFU/g}$; Salmonella không phát hiện trong 25g; $\text{As} \leq 2,0 \text{ ppm}$; $\text{Pb} \leq 5,0 \text{ ppm}$; $\text{Hg} \leq 0,05 \text{ ppm}$; $\text{Cd} \leq 0,5 \text{ ppm}$.	Bổ sung chất tạo ngọt trong thức ăn cho lợn.	Dạng bột, màu trắng.	Shanghai Menon Animal Nutrition Technology Co, Ltd.	China	15/6/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
88	Feed Sweetener T500	410-12/12-CN/17	- Thành phần nguyên liệu: Sodium Saccharin dihydrate (C7H4NNaO3S.2H2O) và chất mang (Silica và sodium sulfate). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Sodium Saccharin dihydrate $\geq 20,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung chất tạo ngọt trong thức ăn cho lợn.	Dạng bột, màu trắng.	Shanghai Menon Animal Nutrition Technology Co, Ltd.	China	15/6/2022
89	Feed Sweetener T500S	411-12/12-CN/17	- Thành phần nguyên liệu: Sodium Saccharin dihydrate (C7H4NNaO3S.2H2O) và chất mang (Silica và bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Sodium Saccharin dihydrate $\geq 15,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung chất tạo ngọt trong thức ăn cho lợn.	Dạng bột, màu trắng.	Shanghai Menon Animal Nutrition Technology Co, Ltd.	China	15/6/2022
90	Fish Flavor 401	406-12/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit butyric ($\geq 0,15\%$); 3-Methylthiopropanol ($\geq 0,01\%$); và các chất mang (SiO2, Na2SO4). - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung chất tạo mùi (từ các hợp chất hữu cơ tổng hợp) trong thức ăn cho lợn.	Dạng bột, màu nâu hoặc nâu sậm.	Shanghai Menon Animal Nutrition Technology Co., Ltd.	China	12/2017
91	Fish Flavor 404	407-12/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit butyric $\geq 0,20\%$; 3-Methylthiopropanol $\geq 0,01\%$; Isovaleric acid $\geq 0,38\%$ và các chất mang (SiO2, Na2SO4). - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm	Bổ sung chất tạo mùi (từ các hợp chất hữu cơ tổng hợp) trong thức ăn cho lợn.	Dạng bột, màu nâu hoặc nâu sậm.	Shanghai Menon Animal Nutrition Technology Co., Ltd.	China	12/2017
92	Fruit Flavor 202	385-12/12-CN-1	- Thành phần nguyên liệu: Iso-Amyl-Acetate, Eugenol; Euthyl Butyrate và chất mang (SiO2, Na2SO4). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Iso-Amyl-Acetate $\geq 2,5\%$; Eugenol $\geq 0,1\%$; Euthyl Butyrate $\geq 0,3\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung chất tạo mùi (từ các hợp chất hữu cơ tổng hợp) trong thức ăn cho lợn.	Dạng bột, màu trắng hoặc hồng.	Shanghai Menon Animal Nutrition Technology Co, Ltd.	China	14/6/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
93	Fruit Flavor 207	386-12/12-CN-1	- Thành phần nguyên liệu: β -sinensal, Citral và các chất mang (SiO_2 và Na_2SO_4). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; β -sinensal $\geq 0,1\%$; Citral $\geq 0,1\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung chất tạo mùi (từ các hợp chất hữu cơ tổng hợp) trong thức ăn cho lợn.	Dạng bột, màu trắng.	Shanghai Menon Animal Nutrition Technology Co, Ltd.	China	14/6/2021
94	Fruit Flavor 208	387-12/12-CN-1	- Thành phần nguyên liệu: Iso Amyl Acetate, Eugenol, γ -Undecalactone và các chất mang (SiO_2 và Na_2SO_4). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Iso Amyl Acetate $\geq 0,45\%$; Eugenol $\geq 0,1\%$; γ -Undecalactone $\geq 0,1\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung chất tạo mùi (từ các hợp chất hữu cơ tổng hợp) trong thức ăn cho lợn.	Dạng bột, màu vàng và nâu.	Shanghai Menon Animal Nutrition Technology Co, Ltd.	China	14/6/2021
95	Menacid	347-11/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: axit fumaric ($\geq 20,0\%$), axit lactic ($\geq 4,0\%$), axit phosphoric ($\geq 12,0\%$) và chất mang (Silica). - Các chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm.	Bổ sung các axit hữu cơ và vô cơ trong thức ăn cho lợn giai đoạn từ 7 ngày tuổi đến 15 kg khối lượng cơ thể, nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột, màu trắng hoặc hồng nhạt.	Shanghai Menon Animal Nutrition Technology Co., Ltd.	China	14/6/2016
96	Milk Flavor 003	349-11/12-CN/17	Thành phần nguyên liệu: Ethyl Vanillin, Gama-Nonalactone, Ethyl Maltol và chất mang (SiO_2 , Na_2SO_4). Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Ethyl Vanillin $\geq 2,0\%$; Gama-Nonalactone $\geq 1,5\%$; Ethyl Maltol $\geq 0,9\%$. Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung chất tạo mùi trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng hoặc hồng	Shanghai Menon Animal Nutrition Technology Co, Ltd.	China	14/6/2022
97	Milk Flavor 005	350-11/12-CN/17	Thành phần nguyên liệu: Ethyl Vanillin, Gama-Nonalactone, Lada-Decalactone và chất mang (SiO_2 , Na_2SO_4). Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Ethyl Vanillin $\geq 2,0\%$; Gama-Nonalactone $\geq 3,0\%$; Lada-Decalactone $\geq 0,4\%$. Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung chất tạo mùi trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng hoặc hồng.	Shanghai Menon Animal Nutrition Technology Co, Ltd.	China	14/6/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
98	Milk Flavor 006	351-11/12-CN/17	- Thành phần nguyên liệu: Axit Butyric, Ethyl Vanillin, Gama-Nonalactone và chất mang (SiO ₂ , Na ₂ SO ₄). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm ≤ 10,0 %; Axit Butyric ≥ 0,7 %; Ethyl Vanillin ≥ 2,0 %; Gama-Nonalactone ≥ 1,5 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; As ≤ 2,0 ppm; Pb ≤ 5,0 ppm; Hg ≤ 0,05 ppm; Cd ≤ 0,5 ppm.	Bổ sung chất tạo mùi trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng hoặc hồng.	Shanghai Menon Animal Nutrition Technology Co, Ltd.	China	14/6/2022
99	Milk Flavor 102	352-11/12-CN/17	- Thành phần nguyên liệu: Ethyl butyrate, Ethyl vanillin, Gama-Nonalactone và chất mang (SiO ₂ , Na ₂ SO ₄). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm ≤ 10,0 %; Ethyl butyrate ≥ 0,2 %; Ethyl Vanillin ≥ 0,7 %; Gama-Nonalactone ≥ 1,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; As ≤ 2,0 ppm; Pb ≤ 5,0 ppm; Hg ≤ 0,05 ppm; Cd ≤ 0,5 ppm.	Bổ sung chất tạo mùi trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng hoặc hồng.	Shanghai Menon Animal Nutrition Technology Co, Ltd.	China	14/6/2022
100	Motionacid	346-11/12-CN/17	- Thành phần nguyên liệu: Axit Lactic, axit Phosphoric và chất mang (Silica). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm ≤ 10,0 %; axit Phosphoric ≥ 30,0 %; axit Lactic ≥ 15,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As ≤ 2,0 ppm; Pb ≤ 5,0 ppm.	Bổ sung axit lactic và axit photphoric trong thức ăn cho lợn giai đoạn từ 5 - 90 ngày tuổi, nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột, màu trắng.	Shanghai Menon Animal Nutrition Technology Co, Ltd.	China	29/11/2022
101	Organacid	348-11/12-CN/17	- Thành phần nguyên liệu: Các axit hữu cơ (Fumaric, Lactic), axit Phosphoric và chất mang (Silica). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm ≤ 10,0 %; axit Phosphoric ≥ 25,0 %; axit Lactic ≥ 8,0 %; axit Fumaric ≥ 7,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As ≤ 2,0 ppm; Pb ≤ 5,0 ppm.	Bổ sung các axit hữu cơ và vô cơ trong thức ăn cho lợn giai đoạn từ 5 - 90 ngày tuổi, nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột, màu nâu.	Shanghai Menon Animal Nutrition Technology Co, Ltd.	China	29/11/2022
102	Porketaroma	353-11/12-CN/17	- Thành phần nguyên liệu: Ethyl Vanillin, Gama-Nonalactone, Lada-Decalactone và chất mang (SiO ₂ , Na ₂ SO ₄). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm ≤ 10,0 %; Ethyl Vanillin ≥ 2,0 %; Gama-Nonalactone ≥ 1,5 %; Lada-Decalactone ≥ 0,3 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; As ≤ 2,0 ppm; Pb ≤ 5,0 ppm; Hg ≤ 0,05 ppm; Cd ≤ 0,5 ppm.	Bổ sung chất tạo mùi trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng hoặc vàng.	Shanghai Menon Animal Nutrition Technology Co, Ltd.	China	14/6/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
103	Poulacid	345-11/12-CN/17	- Thành phần nguyên liệu: Các axit hữu cơ (Fumaric, Lactic), axit Phosphoric, Calcium formate và chất mang (Silica). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; axit Phosphoric $\geq 30,0\%$; axit Fumaric $\geq 15,0\%$; axit Formic $\geq 7,0\%$; axit Lactic $\geq 5,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm.	Bổ sung các axit hữu cơ, axit vô cơ và muối axit hữu trong thức ăn cho gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột, màu trắng đến trắng nhạt.	Shanghai Menon Animal Nutrition Technology Co, Ltd.	China	29/11/2022
104	Super sweetener	408-12/12-CN/17	- Thành phần nguyên liệu: Sodium Saccharin dihydrate (C7H4NNaO3S.2H2O) và chất chống kết dính (SiO2). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Sodium Saccharin dihydrate $\geq 90,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung chất tạo ngọt trong thức ăn cho lợn.	Dạng bột, màu trắng.	Shanghai Menon Animal Nutrition Technology Co, Ltd.	China	15/6/2022
105	Superoma	354-11/12-CN/17	- Thành phần nguyên liệu: Ethyl Vanillin, Gama-Nonalactone, Lada-Decalactone và chất mang (SiO2, Na2SO4). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Ethyl Vanillin $\geq 3,0\%$; Gama-Nonalactone $\geq 0,5\%$; Lada-Decalactone $\geq 0,5\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung chất tạo mùi trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng hoặc vàng.	Shanghai Menon Animal Nutrition Technology Co, Ltd.	China	14/6/2022
106	Sunphase 5000 G	441-12/12-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Enzyme Phytase và các chất mang (tinh bột ngô, Zeolite). - Chỉ tiêu chất lượng: Phytase $\geq 5.000,0$ U/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; As $\leq 3,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm.	Bổ sung enzyme Phytase trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng hạt, màu vàng nhạt đến nâu.	Wuhan Sunhy Biology Co, Ltd.	China	30/1/2023
107	Sunzyme NH-500	446-12/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp các enzyme (xylanase, beta glucanase, mannanase, cellulase) và chất mang (zeolite, tinh bột, bột trấu). - Chỉ tiêu chất lượng (hoạt lực enzyme, U/g): Xylanase $\geq 3.000,0$; β -glucanase $\geq 200,0$; Mannanase $\geq 10.800,0$; Cellulase $\geq 7.200,0$. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 3,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; E. coli không có trong 1 g; Salmonella không có trong 25 g.	Bổ sung hỗn hợp enzyme tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Wuhan Sunhy Biology Co., Ltd.	China	12/2017

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
108	Sunzyme NSP 100	443-12/12-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp các enzyme (Xylanase, beta glucanase, mannanase, cellulase) và chất mang (tinh bột, bột trấu, zeolite). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 g): Xylanase $\geq 10.000,0$ U; β-glucanase $\geq 2.000,0$ U; Mannanase $\geq 28.000,0$ U; Cellulase $\geq 9.000,0$ U. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; As $\leq 3,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm.	Bổ sung hỗn hợp enzyme tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng nhạt đến nâu.	Wuhan Sunhy Biology Co, Ltd.	China	30/1/2023
109	Sunzyme NSP 1000	445-12/12-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp các enzyme (xylanase, beta glucanase, mannanase, cellulase, pectinase) và chất mang (tinh bột, bột trấu, zeolite). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 g): Xylanase $\geq 1.200,0$ U; β-glucanase $\geq 180,0$ U; Mannanase $\geq 7.200,0$ U; Cellulase $\geq 7.200,0$ U; Pectinase $\geq 100,0$ U. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; As $\leq 3,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm.	Bổ sung hỗn hợp enzyme tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Wuhan Sunhy Biology Co, Ltd.	China	30/1/2023
110	Sunzyme NSP 500	444-12/12-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp các enzyme (xylanase, β-glucanase, mannanase, cellulase) và chất mang (tinh bột, bột trấu, zeolite). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 g): Xylanase $\geq 2.000,0$ U; β-glucanase $\geq 400,0$ U; Mannanase $\geq 5.600,0$ U; Cellulase $\geq 1.800,0$ U. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; As $\leq 3,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm.	Bổ sung hỗn hợp enzyme tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng nhạt đến nâu.	Wuhan Sunhy Biology Co, Ltd.	China	30/1/2023
111	Sunzyme L	442-12/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp các enzyme xylanase, beta glucanase, mannanase, cellulase và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng (hoạt lực enzyme, U/ml): Xylanase $\geq 10.000,0$; β-glucanase $\geq 2.000,0$; Mannanase $\geq 28.000,0$; Cellulase $\geq 9.000,0$. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 3,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; E. coli không có trong 1 g; Salmonella không có trong 25 g.	Bổ sung hỗn hợp enzyme tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu vàng nhạt.	Wuhan Sunhy Biology Co., Ltd.	China	12/2017

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
112	FeedMag M	417-12/12-CN/17	- Thành phần nguyên liệu: Oxit Magiê được sản xuất từ khoáng tự nhiên (độ tinh khiết $\geq 90,0\%$); và các thành phần khác $\leq 10\%$ (SiO ₂ , CaO, Fe ₂ O ₃ , Al ₂ O ₃). - Chỉ tiêu chất lượng: Magiê (Mg): 54,0 - 60,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb < 10,0 ppm; As < 20,0 ppm; Cd < 2,0 ppm; Hg < 0,1 ppm.	Bổ sung khoáng Magiê vô cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng hạt nhỏ mịn, màu be tới nâu nhạt.	Xiuyan WanYou Mining Industry Co., Ltd., China (Nhà phân phối: Millenis SAS, France)	China	27/6/2022
113	Choline Chloride 75 % Liquid	359-11/12-CN	- Thành phần: Choline Chloride ($\geq 75\%$) và chất mang (nước cất). - Chỉ tiêu vệ sinh: tổng kim loại nặng (Pb, Hg, Cd, As) $\leq 0,002\%$.	Bổ sung Choline trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, không màu.	Zouping Jujia Choline Industrial Co., Ltd.	China	11/2017
114	Levadura Torula	227-9/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: 100 % nấm men Torula bất hoạt. - Thành phần dinh dưỡng chính: Protein $\geq 36,0\%$. - Các chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella (không phát hiện CFU/ 25 g), E. coli (không phát hiện CFU/g), tổng kim loại nặng As, Pb, Cd, Hg ($\leq 1,0$ ppm).	Bổ sung protein trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu kem	Instituto Cubano de Investigaciones de la Caña de Azúcar.	Cuba	10/2/2019
115	BioPlus YC	183-7/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vi khuẩn (Bacillus licheniformis DSM 5749, Bacillus subtilis DSM 5750), Kieslgur và chất mang (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: Bacillus licheniformis $\geq 1,6 \times 10^9$ CFU/g; Bacillus subtilis $\geq 1,6 \times 10^9$ CFU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Ecoli không có trong 1 g; Salmonella không có trong 25 g; Pb < 20,0 ppm; As < 15,0 ppm; Cd < 2,0 ppm; Hg < 0,3 ppm.	Bổ sung hỗn hợp vi khuẩn có lợi đường tiêu hóa vật nuôi (Bacillus licheniformis DSM 5749 và Bacillus subtilis DSM 5750) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	Chr. Hansen Czech Republic, s.r.o.	Czech Republic	10/2/2019
116	GalliPro	184-7/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vi khuẩn Bacillus subtilis DSM 5750, Kieslgur và chất mang (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: Bacillus subtilis $\geq 1,6 \times 10^9$ CFU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Ecoli không có trong 1 g; Salmonella không có trong 25 g.	Bổ sung vi khuẩn có lợi đường tiêu hóa vật nuôi (Bacillus subtilis DSM 17299) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	Chr. Hansen Czech Republic, s.r.o.	Czech Republic	10/2/2019
117	HP AviStart	240-9/12-CN	Khô dầu đậu tương được lên men bởi nấm men. - Thành phần dinh dưỡng: Protein ($\geq 54,0\%$), mỡ thô ($\leq 3,5\%$), xơ thô ($\leq 3,5\%$). - Các chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella (không phát hiện CFU/ 25 g).	Bổ sung protein trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Hamlet Protein A/S.	Denmark	10/2/2019

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
118	Krave AP-M	374-11/12-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp chất tạo mùi (29 %) (Benzyl acetate, Cinnamic Aldehyde, Iso Amyl Salicylate, Isopentyl acetate, Linalool, Propylene Glycol, Raspberry Ketone, Terpinolene, Vanillin) và các nguyên liệu khác (71 %) (bột đá, dextrose, silica, bột thực vật). - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli $\leq$ 10 CFU/g; Salmonella không có trong 25 g; Pb $\leq$ 20,0 ppm; Cd $\leq$ 1,0 ppm; As $\leq$ 2,0 ppm; Hg $\leq$ 0,2 ppm.	Bổ sung chất tạo mùi từ các hợp chất hữu cơ tổng hợp trong thức ăn cho lợn.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Nutriad Ltd.	England	20/3/2023
119	Krave AP-M (Farm pack)	376-11/12-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp chất tạo mùi (12 %) (Benzylacetate, Cinnamic Aldehyde, Iso Amyl Salicylate, Isopentyl acetate, Propylene Glycol, Vanillin) và các nguyên liệu khác (88 %) (bột đá, dextrose, silica, bột thực vật). - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli $\leq$ 10 CFU/g; Salmonella không có trong 25 g; Pb $\leq$ 20,0 ppm; Cd $\leq$ 1,0 ppm; As $\leq$ 2,0 ppm; Hg $\leq$ 0,2 ppm.	Bổ sung chất tạo mùi từ các hợp chất hữu cơ tổng hợp trong thức ăn cho lợn.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Nutriad Ltd.	England	20/3/2023
120	Krave AP-P	375-11/12-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp chất tạo mùi (25 %) (Benzylacetate, Cinnamic Aldehyde, Iso Amyl Salicylate, Isopentylacetate, Linalool, Propylene Glycol, Raspberry Ketone, Terpinolene, Vanillin) và các nguyên liệu khác (75 %) (bột đá, dextrose, silica, bột thực vật, bột ớt, bột gừng). - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli $\leq$ 10 CFU/g; Salmonella không có trong 25 g; Pb $\leq$ 20,0 ppm; Cd $\leq$ 1,0 ppm; As $\leq$ 2,0 ppm; Hg $\leq$ 0,2 ppm.	Bổ sung chất tạo mùi từ các hợp chất hữu cơ tổng hợp và thảo dược trong thức ăn cho lợn.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Nutriad Ltd.	England	20/3/2023
121	Farmabond Plus	360-11/12-CN	- Thành phần: Betonite (100 % Hydrated Sodium Calcium Aluminium Silicate). - Một số chỉ tiêu chất lượng: SiO ₂ : 66,84 %; Al ₂ O ₃ : 12,62 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq$ 6,0 ppm; Hg $\leq$ 0,0073 ppm; Cd $\leq$ 1,2 ppm; Pb $\leq$ 0,05 ppm.	Bổ sung chất hấp phụ độc tố nấm mốc trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu sáng.	Peletico Ltd. (Nhà xuất khẩu: Farmavet Limited, England).	England	11/2017
122	Avizyme 1502	172-6/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các enzyme (Xylanase, Alpha-amylase, Protease), chất bảo quản (Calcium propionate) và chất mang (Bột mỳ). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq$ 14,0 %; Xylanase $\geq$ 600,0 U/g; Alpha-amylase $\geq$ 800,0 U/g; Protease $\geq$ 8.000,0 U/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Ecoli không có trong 1 g; Salmonella không có trong 25 g.	Bổ sung hỗn hợp enzyme trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng hạt mịn, màu nâu nhạt.	Finnfeeds Oy (trading as Danisco Animal Nutrition).	Finland	10/2/2019

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
123	Avizyme 1505	173-6/12-CN/17	- Thành phần nguyên liệu: Enzym Endo-1,4-beta-xylanase (EC 3.2.1.8) (từ Trichoderma reesei), Subtilisin (protease) (EC 3.4.21.62) (từ Bacillus subtilis), Alpha - amylase (EC 3.2.1.1) (từ Bacillus amyloliquefaciens), chất bảo quản (calcium propionate) và chất mang (bột lúa mỳ). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0$ %; Enzym Endo-1,4-beta- xylanase (EC 3.2.1.8) $\geq 1.500,0$ U/g; Subtilisin (protease) (EC 3.4.21.62) $\geq 20.000,0$ U/g; Alpha - amylase (EC 3.2.1.1) $\geq 2.000,0$ U/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Pb < 5,0 ppm; As < 2,0 ppm; Cd < 0,5 ppm; Hg < 0,1 ppm.	Bổ sung các enzyme tiêu hóa trong thức ăn cho gia cầm.	Dạng hạt nhỏ mịn, màu nâu nhạt.	Finnfeeds Oy. (trading as Danisco Animal Nutrition)	Finland	27/6/2022
124	Danisco Xylanase 40000 G	175-6/12-CN/17	- Thành phần nguyên liệu: Enzym Endo-1,4-beta-xylanase (EC 3.2.1.8) (từ Trichoderma reesei), chất bảo quản (calcium propionate) và chất mang (bột lúa mỳ). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,5$ %; Endo-1,4-beta-xylanase (EC 3.2.1.8) $\geq 40.000,0$ U/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Pb < 5,0 ppm; As < 2,0 ppm; Cd < 0,5 ppm; Hg < 0,1 ppm.	Bổ sung enzyme tiêu hóa trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng hạt nhỏ mịn, màu nâu nhạt.	Finnfeeds Oy. (trading as Danisco Animal Nutrition)	Finland	27/6/2022
125	Danisco Xylanase 8000 G	174-6/12-CN/17	- Thành phần nguyên liệu: Enzym Endo-1,4-beta-xylanase (EC 3.2.1.8) (từ Trichoderma reesei), chất bảo quản (calcium propionate) và chất mang (bột lúa mỳ). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,5$ %; Endo-1,4-beta-xylanase (EC 3.2.1.8) $\geq 8.000,0$ U/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Pb < 5,0 ppm; As < 2,0 ppm; Cd < 0,5 ppm; Hg < 0,1 ppm.	Bổ sung enzyme Xylanase trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng hạt nhỏ mịn, màu nâu nhạt.	Finnfeeds Oy. (trading as Danisco Animal Nutrition)	Finland	27/6/2022
126	Globafix Plus	288-10/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: than thực vật, thành tế bào nấm men, chất mang (khoáng tự nhiên). - Một số hoạt chất chính: Cacbon: 22,5 % - 27,5 %; MannanOligosaccharide: 1,44 - 1,76 %;	Bổ sung chất hấp phụ độc tố trong thức ăn chăn nuôi gia súc và gia cầm.	Dạng bột, màu xám.	Global Nutrition International.	France	10/2/2019
127	Globamold Standard	289-10/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: natri propionate, axit propionic, axit photphoric, axit acetic, natri acetate, kali sorbate và các chất mang (các khoáng tự nhiên). - Một số hoạt chất chính: Axit propionic: 12,6 % - 15,4 %; Axit acetic: 2,7 % - 3,3 %;	Bổ sung chất chống nấm mốc trong thức ăn chăn nuôi gia súc và gia cầm.	Dạng bột, màu vàng.	Global Nutrition International.	France	10/2/2019

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
128	B-SAFE SD	151- 5/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Copper sulphate pentahydrate, chất tạo mùi (Chestnut tannins), chất chống đông vón (beet pulp), bột lúa mỳ, Dextrose, dầu thực vật, khoáng sét (Sepiolite, Sodium aluminosilicate). - Chỉ tiêu vệ sinh: .	Bổ sung nguyên tố khoáng vi lượng (đồng-Cu) trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu xám nhạt.	Invivo NSA.	France	10/2/2019
129	KX 83 P1 Optifeed Shrimp	391-12/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp chất tạo mùi (1,75 %) (benzyl alcohol, dihydrocoumarin); sodium monoglutamate; chất bảo quản (citric acid, trisodic citrate, BHT) và chất mang (bột đá, silicic acid và nước). - Chỉ tiêu vệ sinh: As ≤ 2,0 ppm; Cd ≤ 1,0 ppm; Pb ≤ 10,0 ppm; Hg ≤ 0,1 ppm.	Bổ sung chất tạo mùi từ các hợp chất hữu cơ tổng hợp trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng đến nâu nhạt.	Laboratoires Phode S.A.S.	France	12/2017
130	KX 83 P2 Optifeed Shrimp Plus	392-12/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp chất tạo mùi (11,5 %) (D-limonene, vanillin); hỗn hợp axit amin (0,7 %) (tryptophan, lysine, threonine, methionine); sodium monoglutamate; chiết xuất tự nhiên giàu tocopherol; chất bảo quản (citric acid, trisodic citrate) và chất mang (bột đá, silicic acid và nước). - Chỉ tiêu vệ sinh: As ≤ 2,0 ppm; Cd ≤ 1,0 ppm; Pb ≤ 10,0 ppm; Hg ≤ 0,1 ppm.	Bổ sung chất tạo mùi từ các hợp chất hữu cơ tổng hợp trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	Laboratoires Phode S.A.S.	France	12/2017
131	S 235 P1 Vanilla Milk	203-7/12-CN	Các hợp chất hữu cơ tổng hợp tạo mùi (7,0 %) và các chất mang (93,0 %).	Bổ sung chất tạo hương sữa vani trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu ngà.	Laboratoires Phode S.A.S.	France	10/2/2019
132	V 193 L1 Milky Way	393-12/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp chất tạo mùi (11 %) (hexyl acetate, ethyl butyrate, vanillin, γ undecalactone, γ nonalactone, butyl lactate) và chất mang (propylene glycol). - Chỉ tiêu vệ sinh: As ≤ 2,0 ppm; Cd ≤ 1,0 ppm; Pb ≤ 10,0 ppm; Hg ≤ 0,1 ppm.	Bổ sung chất tạo mùi từ các hợp chất hữu cơ tổng hợp trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, không màu.	Laboratoires Phode S.A.S.	France	12/2017
133	V 193 P1 Cristalsynth Milky Way	205-7/12-CN	Các hợp chất hữu cơ tổng hợp tạo mùi (9,0 %), các chất phụ gia và các chất mang.	Bổ sung chất tạo hương vani, kem, bơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	Laboratoires Phode S.A.S.	France	10/2/2019
134	V 201 P1 Cristalsynth Fish	204-7/12-CN	Các hợp chất hữu cơ tổng hợp tạo mùi (2,5 %), đậm cá thủy phân, các chất phụ gia và các chất mang.	Bổ sung chất tạo hương cá trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu.	Laboratoires Phode S.A.S.	France	10/2/2019

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
135	Actisaf Sc 47 PWD	229-9/12-CN	- Nấm men <i>Saccharomyces cerevisiae</i> (Sc 47) hoạt tính (≥ 1010 CFU/ g). - Các chỉ tiêu vệ sinh: <i>Salmonella</i> (không phát hiện CFU/ 25 g), <i>E. coli</i> (< 10 CFU/g).	Bổ sung vi sinh vật có lợi <i>Saccharomyces cerevisiae</i> đường tiêu hóa vật nuôi trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng.	Lesaffre Feed Additives division of S.I.Lesaffre.	France	10/2/2019
136	Ecopiglet	246-9/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: $\text{FeSO}_4 \cdot \text{H}_2\text{O}$, khoáng tự nhiên (Bentonite/ Montmorillonite, clinoptilolite), tảo (Algae), dầu thực vật tinh luyện. - Hoạt chất chính: Sắt (Fe): $12,0 \pm 2,0$ g/kg. - Các chỉ tiêu vệ sinh: $\text{As} \leq 12,0\text{ppm}$, $\text{Cd} \leq 5,0\text{ppm}$, $\text{Pb} \leq 15,0\text{ppm}$, $\text{Hg} \leq 0,2\text{ppm}$.	Bổ sung khoáng sắt cho lợn con từ 5 ngày tuổi đến cai sữa.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	Olmix SA.	France	10/2/2019
137	Pan-Orange 418, code 6418	237-9/12-CN	- Thành phần chính (24%): hỗn hợp các chất tạo mùi (tinh dầu cam, linalool, Geraniol, 1-Octanal). - Các chất mang (76%): NaCl và silica. - Các chỉ tiêu vệ sinh: <i>Salmonella</i> (không phát hiện CFU/ 25 g), <i>E. coli</i> (không phát hiện CFU/ g), tổng kim loại nặng As , Hg , Pb , Cd (≤ 10 ppm).	Bổ sung hỗn hợp các chất tạo mùi hương trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng nhạt đến vàng.	Pancosma France S.A.S.	France	10/2/2019
138	B-Max	363-11/12-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Premix vitamin (B1, B2, B5, B6, B12, PP), biotin, axit glutamic và chất mang (nước tinh khiết). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 lít): Vitamin B1: 15,2 - 22,8 g; Vitamin B2: 25,6 g - 38,4; Vitamin PP (Vitamin B3): 248,0 - 372,0 g; Vitamin B5: 120,0 - 180,0 g. - Các chỉ tiêu vệ sinh: <i>E.coli</i> < 10 CFU/g; <i>Salmonella</i> không phát hiện trong 25g.	Bổ sung premix vitamin cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu đỏ cam.	Qalian.	France	21/2/2023
139	Captivitol	364-11/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: các vitamin tổng hợp (A, D3, E, K3, PP, B1, B2, B5, B6), biotin, axit folic, choline chloride, mangan chelat, kẽm chelat, đồng chelat, sắt chelat, natri selenite, các axit amin tổng hợp (lysine, methionine), dầu thực vật và chất mang (nước tinh khiết). - Một số hoạt chất chính trong 1 lít: vitamin A (600000 IU), vitamin D3 (80000 IU), vitamin E acetate (1000 mg), Cu (10 mg); Se (7 mg); lysine HCl (404 mg), methionine (210 mg).	Bổ sung premix vitamin, khoáng, axit amin cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu xanh.	Qualian.	France	11/2017
140	Pondicoq	362-11/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: canxi carbonate, canxi pidolate, oxit mangan, vitamin D, phụ phẩm xay xát lúa mì và sepiolite. - Một số hoạt chất chính: Canxi: 23,0 %; Mangan: 2,0 %; vitamin D3: 250000 IU/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: $\text{Pb} \leq 200$ ppm; $\text{Cd} \leq 15$ ppm.	Bổ sung Canxi, Mangan, vitamin D ₃ trong thức ăn cho gia cầm đẻ trứng giai đoạn sau 45 tuần tuổi.	Dạng bột, màu trắng ngà.	Sanders.	France	11/2017

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
141	HiZox	397-12/12-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Ôxít kẽm (hàm lượng tinh khiết $\geq 94,0\%$). - Chỉ tiêu chất lượng: Kẽm (Zn) $\geq 75\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 5,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 20,0$ ppm.	Bổ sung khoáng Kẽm trong thức ăn cho lợn và gia cầm.	Dạng bột, màu trắng nhạt đến vàng nhạt.	Silar., France. (phân phối: Animine, France).	France	25/1/2023
142	Kofa [®] feed	378-11/12-CN	Thành phần nguyên liệu: Axit propionic: 333 - 407 g/kg; Natri propionate: 99 - 121 g/kg; Natri benzoate: 133 - 147 g/kg. Chất mang: nước cất.	Bổ sung hỗn hợp axit hữu cơ và muối axit hữu cơ trong thức ăn cho gia súc, gia cầm nhằm ngăn chặn sự phát triển của vi sinh vật có hại.	Dạng lỏng, không màu.	Addcon Europe GmbH.	Germany	11/2017
143	CreAMINO	389-12/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Guanidinoacetic acid ($\geq 96\%$) và phụ gia (tinh bột, nước, glycine).	Guanidinoacetic acid (công thức phân tử: C ₃ H ₇ N ₃ O ₂ ; là sản phẩm thu được từ quá trình phản ứng của glycine và cyanamide, có chứa nhóm chức năng amino axit) được dùng để bổ sung trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng hạt mịn, màu trắng đến be nhạt.	AlzChem AG.	Germany	12/2017
144	Lupro-Grain [®]	440-12/12-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Axit Propionic; Ammonia; Propanediol -1,2 và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng: Axit Propionic $\geq 90,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung axit Propionic trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu vàng nhạt.	BASF SE.	Germany	18/1/2023
145	Lupro-Mix [®] NC	438-12/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Propionic acid; Formic acid; Ammonia, nước. - Chỉ tiêu chất lượng (%): Ammonia. (7,0 - 9,0); Formic acid (32,0-36,0); Propionic acid (36,0-40,0). - Chỉ tiêu an toàn (ppm): As $\leq 2,0$; Cd $\leq 1,0$; Pb $\leq 10,0$; Hg $\leq 0,1$.	Bổ sung hỗn hợp axit hữu cơ (propionic acid, formic acid) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu vàng nhạt.	Basf SE.	Germany	12/2017
146	Natugrain [®] TS	439-12/12-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Endo - 1,4 - β - xylanase; Endo -1,4 - β -glucanase và chất mang (tinh bột). - Chỉ tiêu chất lượng: Endo -1,4 - β - xylanase $\geq 5.600,0$ TXU/g; Endo - 1,4 - β - glucanase $\geq 2.500,0$ TGU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g.	Bổ sung hỗn hợp enzyme (Endo -1,4 - β - xylanase; Endo -1,4 - β - glucanase) trong thức ăn chăn nuôi lợn và gia cầm.	Dạng bột, màu nâu.	BASF SE.	Germany	18/1/2023

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
147	Arbocel RC Fine	390-12/12-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: 'DM26!' - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0\%$; Xơ thô $\geq 65,0\%$; Khoáng tổng số $\leq 0,5\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 0,1$ ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm; Pb $\leq 0,5$ ppm; Cd $\leq 0,12$ ppm.	Bột gỗ cây lá kim (Picea abies) đã được chế biến, dùng để làm nguyên liệu bổ sung xơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	J. Rettenmaier & Söhne GmbH + Co Kg.	Germany	12/2017
148	BHT Feed Grade hoặc Rovelox® 100	282-10/12-CN	Thành phần: Butylated hydroxytoluene (BHT): $\geq 99,5\%$.	Chất chống oxy hóa, dùng để bảo quản thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	Lanxess Deutschland GmbH. (Phân phối bởi: Lanxess Distribution GmbH, Germany)	Germany	10/2/2019
149	Biolex® MB 40	225-8/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: 100 % thành tế bào nấm men Sacchromyces cerevisiae. - Hoạt chất chính: Protein ($\geq 22\%$); β -D-Glucan (25 - 30 %); Mannan Oligo Saccharides (20 - 25 %). - Các chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella (không phát hiện CFU/ 25 g), E. coli (không phát hiện CFU/g).	Bổ sung Protein để tiêu hóa, Glucan và Mannan Oligo Saccharides trong thức ăn cho gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột, màu be đến màu nâu sáng.	Leiber GmbH.	Germany	10/2/2019
150	Leiber Excel	226-8/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: 100 % tế bào nấm men Sacchromyces cerevisiae bất hoạt. - Hoạt chất chính: Protein ($\geq 47\%$); β -D-Glucan ($15 \pm 3\%$); Mannan Oligo Saccharides ($12 \pm 3\%$). - Các chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella (không phát hiện CFU/ 25 g), E. coli (không phát hiện CFU/g).	Bổ sung Protein để tiêu hóa, Glucan và Mannan Oligo Saccharides trong thức ăn cho gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột, màu nâu sáng.	Leiber GmbH.	Germany	10/2/2019
151	Lovit LC-Fertility Liquid	365-11/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: L-carnitine, vitamin E, Vitamin B12, Natri-selenate, chiết xuất từ cỏ ngọt và chất mang (nước cất). - Một số chỉ tiêu chất lượng tính trong 1 lít: L-carnitine: 200 g, vitamin E: 5,0 g; vitamin B12: 5,0 mg; Selen (Se): 100 mg.	Bổ sung L-carnitine, vitamin E, Vitamin B ₁₂ và Selen cho gia cầm.	Dạng lỏng, màu hồng nhạt.	Lohmann Animal Health GmbH & Co. KG.	Germany	11/2012
152	Cuxacid liquid L	157-5/12-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Các axit hữu cơ (Formic, Lactic, Propionic, Acetic, Citric), Ammonium và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng: Axit Formic $\geq 30,15\%$; Axit Lactic $\geq 18,0\%$; Axit Propionic $\geq 9,0\%$; Axit Acetic $\geq 7,2\%$; Axit Citric $\geq 2,7\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm	Bổ sung hỗn hợp axit hữu cơ (Formic, lactic, propionic, acetic) cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, không màu.	Kaesler Nutrion GmbH.	Germany	18/1/2023

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
153	Lovit BX liquid	155-5/12-CN/17	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin (B1, B2, B6, B12, K3, Nicotinamide), Sodium chloride và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 lít): Vitamin B1 $\geq$ 1.700,0 mg; Vitamin B2 $\geq$ 3.600,0 mg; Vitamin B6 $\geq$ 1.700,0 mg; Vitamin B12 $\geq$ 16.000,0 mcg; Vitamin K3 $\geq$ 1.066,0 mg; Nicotinamide $\geq$ 18.000,0 mg; Natri (Na): 0,4 - 0,6 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Ecoli không có trong 1 g; Salmonella không có trong 25 g; As $\leq$ 2,0 ppm; Cd $\leq$ 1,0 ppm; Pb $<$ 10,0 ppm; Hg $<$ 0,1 ppm.	Bổ sung premix vitamin và khoáng trong nước uống cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu đỏ cam.	Kaesler Nutrition GmbH., Germany.	Germany	20/9/2022
154	Lovit E-C + Se liquid	152-5/12-CN/17	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin (E, C), Sodium chloride, 1,2-Propanediol và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 lít): Vitamin E $\geq$ 67.200,0 mg; Vitamin C $\geq$ 90.000,0 mg; Selenium: 78,0 - 122,0 mg; Natri: 1,35 - 1,65 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Ecoli không có trong 1 g; Salmonella không có trong 25 g; As $\leq$ 2,0 ppm; Cd $\leq$ 1,0 ppm; Pb $\leq$ 10,0 ppm; Hg $\leq$ 0,1 ppm.	Bổ sung các vitamin và khoáng cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu vàng nhạt đến vàng đậm.	Kaesler Nutrition GmbH.	Germany	20/9/2022
155	Lovit LC-Energy Liquid	156-5/12-CN/17	- Thành phần nguyên liệu: L-Carnitine, Betaine anhydrate, Sorbitol, Magnesium sulfate và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 lít): L-Carnitine $\geq$ 22.500,0 mg; Betaine $\geq$ 45.000,0 mg; Sorbitol $\geq$ 90.000,0 mg; Magiê (Mg): 22.500,0 - 27.500,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Ecoli không có trong 1 g; Salmonella không có trong 25 g; As $\leq$ 2,0 ppm; Cd $\leq$ 1,0 ppm; Pb $\leq$ 10,0 ppm; Hg $\leq$ 0,1 ppm.	Bổ sung các chất nhằm cải thiện trao đổi chất (L-carnitine, Betain, Sorbitol và Magiê) cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu vàng nhạt tới vàng cam.	Kaesler Nutrition GmbH., Germany.	Germany	20/9/2022
156	Lovit multivit liquid	153- 5/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin (A, B1, B2, B6, B12, C, D3, E, Biotin, axit folic, Nicotinamide, Ca-d-pantothenate), Betaine và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 ml): Vitamin A $\geq$ 7.500,0 IU; Vitamin D3 $\geq$ 1.200,0 IU; Vitamin E (Menadione) $\geq$ 50,0 mg; Vitamin B1 $\geq$ 2,0 mg; Vitamin B2 $\geq$ 4,0 mg; Ca-D-pantothenate $\geq$ 15,0 mg; Vitamin C $\geq$ 50,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Ecoli không có trong 1 g; Salmonella không có trong 25 g; As $\leq$ 2,0 ppm; Cd $\leq$ 1,0 ppm; Pb $<$ 10,0 ppm; Hg $<$ 0,1 ppm.	Bổ sung premix vitamin cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu đỏ cam tới màu nâu.	Lohmann Animal Nutrition GmbH.	Germany	10/2/2019

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
157	Lovit Phos Liquid	294-10/12-CN/17	- Thành phần nguyên liệu: Calcium chloride, Magnesium oxide, Sodium oxide, Manganese carbonate, Zinc oxide, Copper oxide, axit Phosphoric và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 lít): Mangan (Mn): 3.840,0 - 5.760,0 mg; Kẽm (Zn): 3.200,0 - 4.800,0 mg; Đồng (Cu): 2.000,0 - 3.000,0 mg; Phốt pho (P): 6,4 - 8,6 %; Canxi (Ca): 1,85 - 2,5 %; Magiê (Mg): 0,85 - 1,15 %; Natri (Na): 0,6 - 0,9 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Ecoli không có trong 1 g; Salmonella không có trong 25 g; As $\leq$ 2,0 ppm; Cd $\leq$ 1,0 ppm; Pb $\leq$ 10,0 ppm; Hg $\leq$ 0,1 ppm.	Bổ sung premix khoáng cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu xanh lam hơi lục đến xanh lam.	Kaesler Nutrition GmbH., Germany.	Germany	20/9/2022
158	Lovit VA + Se liquid	154-5/12-CN/17	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin (A, B1, B2, B6, B12, D3, E, K3, Nicotinamide, D-panthenol, Selenium), axit Glutamic, 1,2-propanediol, axit amin (L-Tryptophan, L-Lysine, DL-Methionine, L-Threonine) và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 lít): Vitamin A $\geq$ 16,4 MIU; Vitamin D3 $\geq$ 0,81 MIU; Vitamin E $\geq$ 5.040,0 mg; Vitamin K3 $\geq$ 1.640,0 mg; Vitamin B1 $\geq$ 1.062,0 mg; Vitamin B2 $\geq$ 2.250,0 mg; Vitamin B6 $\geq$ 1.487,0 mg; Vitamin B12 $\geq$ 6.000,0 mcg; Nicotinamide $\geq$ 16.200,0 mg; D-Panthenol $\geq$ 4.760,0 mg; Selenium: 25,7 - 40,3 mg; Lysine $\geq$ 3.600,0 mg; Methionine $\geq$ 3.600,0 mg; axit Glutamic $\geq$ 5.400,0 mg; Threonine $\geq$ 1.800,0 mg; Tryptophan $\geq$ 540,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; As $\leq$ 2,0 ppm; Cd $\leq$ 1,0 ppm; Pb $\leq$ 10,0 ppm; Hg $\leq$ 0,1 ppm.	Bổ sung premix vitamin, axit amin và khoáng cho gia súc, gia cầm	Dạng lỏng, màu cam đến đỏ nhạt.	Kaesler Nutrition GmbH.	Germany	20/9/2022
159	Cuxarom® Provan	134-5/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vanilla, Cinnamaldehyde, Gamma nonalactone, Propylene glycol, chất chống oxy hóa (BHT, BHA), chất chống đông vón (axit silicic), chất nhũ hóa (1,2 propandiol) và chất mang (lactose, sodium chloride, silicon dioxide) . - Chỉ tiêu chất lượng: - Chỉ tiêu vệ sinh:	Bổ sung chất tạo mùi vanillin (từ các hợp chất hữu cơ tổng hợp) trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu kem.	Lohmann Animal Health GmbH.	Germany	10/2/2019
160	Glycinoplex-Fe	222-8/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: hợp chất chelate Sắt với axit amin Glycine. - Hoạt chất chính: Sắt (Fe): 20 $\pm$ 2 %. - Các chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella (không phát hiện CFU/ 25 g), E. coli (không phát hiện CFU/g).	Bổ sung khoáng Sắt hữu cơ trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng hạt, màu xám nâu.	Phytobiotics Futterzusatzstoffe GmbH.	Germany	10/2/2019

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
161	Glycinoplex-Mn	221-8/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: hợp chất chelate Mangan với axit amin Glycine. - Hoạt chất chính: Mangan (Mn): 22 ± 2 %. - Các chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella (không phát hiện CFU/ 25 g), E. coli (không phát hiện CFU/g).	Bổ sung khoáng Mangan hữu cơ trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng hồng.	Phytobiotics Futterzusatzstoffe GmbH.	Germany	10/2/2019
162	Glycinoplex-Zn	223-8/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: hợp chất chelate Kẽm với axit amin Glycine. - Hoạt chất chính: Kẽm (Zn): 26 ± 2 %. - Các chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella (không phát hiện CFU/ 25 g), E. coli (không phát hiện CFU/g).	Bổ sung khoáng Kẽm hữu cơ trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng hạt, màu trắng đến xám.	Phytobiotics Futterzusatzstoffe GmbH.	Germany	10/2/2019
163	Avi-Bone	285-10/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: hỗn hợp vitamin D3, C, B6 và chất mang (nước). - Hoạt chất chính trong 1 ml: Vitamin D3 ≥ 70.000 IU; vitamin C ≥ 11 mg; vitamin B6 $\geq 3,5$ mg.	Bổ sung hỗn hợp vitamin D3, C và B6 cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu be đến xám nhạt.	XVET Marketing GmbH.	Germany	10/2/2019
164	Calcium Top	330-11/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: monocalcium phosphate, dicalciumphosphate, magnesium chloride, và chất mang (nước cất). - Hoạt chất chính: Canxi (8,0 %); Photpho (5,5 %); Magiê (0,8 %).	Bổ sung hỗn hợp khoáng cho bò sữa sau khi đẻ.	Dạng lỏng, màu trắng.	XVET Marketing GmbH.	Germany	10/2/2019
165	Caromax	331-11/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: β -carotene, vitamin E, Mn-chelate, Zn-chelate, NatriSelenite, và các chất mang (cám mỳ và bột đá). - Hoạt chất chính: β -carotene (0,32 %); vitamin E (0,4 %); Mangan (0,15 %); Kẽm (0,15 %); Selen (15 ppm).	Bổ sung β -carotene, vitamin E và vi khoáng cho bò, ngựa, lợn giai đoạn sinh sản.	Dạng bột, màu be đến nâu.	XVET Marketing GmbH.	Germany	10/2/2019
166	Turbo Tox	286-10/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: nấm men Saccharomyces cerevisiae bất hoạt; Mannan Oligosaccharides, axit propionic, formic, citric; khoáng vô cơ. - Một số hoạt chất chính trong 1 kg: Axit propionic $\geq 156,0$ g; axit formic $\geq 45,5$ g; axit citric $\geq 50,0$ g.	Bổ sung hỗn hợp nấm men bất hoạt, Mannan Oligosaccharides và các axit hữu cơ trong thức ăn gia súc, gia cầm nhằm kiểm soát độc tố và vi sinh vật có hại.	Dạng bột, màu be đến nâu nhạt.	XVET Marketing GmbH.	Germany	10/2/2019
167	Ecodiar Liquid	187-7/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất tinh dầu từ Oregano (Thymol, Carvacrol), chất mang (nước). - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb < 25,0 ppm; As < 1,0 ppm; Cd < 1,0 ppm.	Bổ sung chất tạo mùi (từ chiết xuất thực vật Oregano) trong nước uống cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu trắng.	Ecopharm Hellas S.A.	Greece	10/2/2019
168	Ecodiar Powder	186-7/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất tinh dầu từ Oregano (Thymol, Carvacrol), chất mang (bột đá). - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb < 25,0 ppm; As < 1,0 ppm; Cd < 1,0 ppm.	Bổ sung chất tạo mùi (từ chiết xuất thực vật Oregano) trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	Ecopharm Hellas S.A.	Greece	10/2/2019

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
169	Gold Naturalis	283-10/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Mầm lúa mỳ lên men. - Thành phần dinh dưỡng: Protein $\geq 14,0$ %; mỡ thô $\leq 3,7$ %; xơ thô $\leq 1,44$ %. - Các chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 0,15$ ppm; As $\leq 0,3$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung các sản phẩm từ mầm lúa mỳ lên men trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột thô, màu xám nhạt.	Vet-Nutrition-Consulting Kft.	Hungary	10/2/2019
170	Arganocid Liquid	303-10/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các axit hữu cơ (Lactic, Citric, Formic, Phosphoric, Acetic, Tartaric) và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng: Axit Citric $\geq 10,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Ecoli không có trong 1 g; <u>Salmonella không có trong 25 g</u>	Bổ sung hỗn hợp axit hữu cơ và vô cơ cho gia súc, gia cầm nhằm kiểm soát độ pH của nước uống và đường tiêu hóa.	Dạng lỏng, trong suốt	Arosol Chemicals Pvt. Ltd.	India	10/2/2019
171	Arocal Vet	301-10/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: tricalcium phosphate; các vitamin tổng hợp (D3, B12), choline chloride và chất mang (nước cất). - Hoạt chất chính (có thể dao động 25%) trong 20 ml sản phẩm: Canxi: 325,6 mg; photpho: 167,7 mg, vitamin D3: 1600 IU, vitamin B12: 20 mcg, choline chloride 25 mg.	Bổ sung Canxi, Photpho, vitamin D3 và B12, Choline chloride cho gia súc.	Dạng lỏng, màu hồng.	Arosol Chemicals Pvt. Ltd.	India	10/2/2019
172	Aroliv DS Syrup	306-10/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ferrous gluconate, Ferric ammonium citrate, Thiamine hydrochloride, Riboflavine, Niacinamide, Cyanocobalamin, Calcium lactate, Calcium chloride, chiết xuất thực vật và chất mang (nước cất). - Một số chỉ tiêu chất lượng: Canxi: 120 - 150 mg/100ml; Sắt: 80 - 120 mg/100ml.	Bổ sung khoáng canxi, sắt, vitamin nhóm B và chiết xuất thực vật cho gia súc, gia cầm.	Dung dịch, màu nâu.	Arosol Chemicals Pvt. Ltd.	India	10/2/2019
173	Bio-C Complex Liquid	300-10/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: hỗn hợp các chất chiết xuất thực vật (Citrus limon, Psidium guajava, Emblica officinalis, Citrus sinensis, Carica papaya) và chất mang (Nước cất). - Một số hoạt chất chính: độ axit quy đổi ra axit citric ≥ 10 % (khối lượng/ thể tích); pH: 2,5 - 4,0. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli: không phát hiện/ml; <u>Salmonella: không phát hiện/25ml.</u>	Bổ sung vitamin C và mùi hương tự nhiên từ nguồn thực vật cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu nâu.	Arosol Chemicals Pvt. Ltd.	India	10/2/2019
174	Desenta Liquid	305-10/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: hỗn hợp các chất chiết xuất thực vật (Punica granatum, Aegle marmelos, Tinospora cordifolia, Cyperus rotundus, Acacia catechu, Holarrhena antidysentrica, Salmalia malabrica, Calotropis procera, Berberis aristata, Helicteres isora, Allium sativum, Woodfordia fucticosa) và chất mang (nước cất). - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli: không phát hiện/ml; <u>Salmonella: không phát hiện/25ml.</u>	Bổ sung các chất chiết xuất thực vật cho gia súc, gia cầm nhằm cải thiện sức khỏe và năng suất vật nuôi.	Dung dịch, màu nâu.	Arosol Chemicals Pvt. Ltd.	India	10/2/2019

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
175	Electrofed powder	307-10/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các chất chiết xuất thực vật (Aegle marmelos, Mangifera indica, Emblica officinalis, Leptadenia reticulata, Mentha piperita, Eclipta alba, Andrographis paniculata), NaCl, KCl, NaHCO ₃ , natri citrate, vi khuẩn sống Lactobacillus, và chất mang (dextrose). - Một số chỉ tiêu chất lượng tính trong 100 g sản phẩm: NaCl: 0,9 g; KCl: 0,5 g; NaHCO ₃ : 1,0 g; Sodium citrate: 1,0 g.	Bổ sung các chất điện giải và chiết xuất thực vật cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu.	Arosol Chemicals Pvt. Ltd.	India	10/2/2019
176	Immugrow Liquid	304-10/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: hỗn hợp các chất chiết xuất thực vật (Arnica Montana, Echinacea purpurea, Calendula officinalis, Tinospora cordifolia, Withenia somnifera, Azadirachta indica, Panax ginseng, Ocimum sanctum, piper longum, Emblica officinalis, Zingiber officinalis) và chất mang (nước cất). - Một số chỉ tiêu chất lượng: saponin $\geq 0,5$ % (khối lượng/ thể tích); pH: 4,0 - 5,5. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli: không phát hiện/ml; Salmonella: không phát hiện/25ml.	Bổ sung các chất chiết xuất thực vật cho gia súc, gia cầm nhằm cải thiện sức khỏe và năng suất vật nuôi.	Dạng lỏng, màu nâu	Arosol Chemicals Pvt. Ltd.	India	10/2/2019
177	Lactosol Plus	302-10/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: các vitamin tổng hợp (A, D3, B12, E), tricalcium phosphate, chiết xuất thực vật (Leptadenia reticulata, Asparagus racemosus) và chất mang (nước cất). - Hoạt chất chính (có thể dao động 25%) trong 100 ml sản phẩm: vitamin A: 45000 IU; vitamin D3: 8000 IU, vitamin B12: 100 mcg, vitamin E: 100 mg; Canxi: 1628 mg; photpho: 838,5 mg.	Bổ sung Canxi, Photpho, premix vitamin và chiết xuất thực vật cho gia súc.	Dạng lỏng, màu hồng nhạt.	Arosol Chemicals Pvt. Ltd.	India	10/2/2019
178	Nutripower (Oral paste)	287-10/12-CN	Thành phần nguyên liệu chính: Hỗn hợp vitamin (A, D3, E, B complex), các hợp chất bổ sung khoáng vô cơ (Na, Mn, Fe, I, Mg, Cl, Ca, K, P), dầu thực vật, dầu cá, mầm hạt ngũ cốc.	Bổ sung năng lượng, protein, premix vitamin và khoáng cho chó, mèo.	Dạng sệt, màu nâu.	Ashish Life Science Pvt. Ltd.	India	10/2/2019
179	Avilact	159-6/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Zeolite (Hydrated natri-canxi-nhôm silicates), NaHCO ₃ , MgO. - Một số chỉ tiêu chất lượng: NaHCO ₃ : 30,0 - 40,0%; MgO: 13,0 - 23,0 %.	Bổ sung các chất đệm trong thức ăn chăn nuôi gia súc nhai lại.	Dạng bột, màu vàng sáng hoặc trắng nhạt.	Avitech Nutrition Pvt. Ltd.	India	10/2/2019

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
180	Metazyme L	160-6/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: các enzyme (cellulase, hemicellulase, beta-glucanase, xylanase, amylase, protease, beta-mannase, pectinase, lipase, phytase) và chất mang (Dicalcium phosphate). - Một số chỉ tiêu chất lượng (Unit/g): Cellulase $\geq 304,0$; Xylanase $\geq 380,0$; Protease $\geq 456,0$; Phytase $\geq 900,0$.	Bổ sung hỗn hợp enzyme tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi gia cầm.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Avitech Nutrition Pvt. Ltd., India.	India	10/2/2019
181	Avitonic	252-9/12-CN	- Thành phần chính trong 1 lít: vitamin A ($\geq 2.000.000$ IU); vitamin D3 (≥ 450.000 IU); vitamin E ($\geq 3,3$ g); vitamin B1 ($\geq 3,0$ g); vitamin B2 ($\geq 3,6$ g); vitamin B6 ($\geq 1,8$ g); vitamin B12 ($\geq 9,0$ mg); Calcium pantothenate ($\geq 13,0$ g); vitamin K3 (≥ 220 mg); Choline Chloride (≥ 360 mg); DL-Methionine ($\geq 4,5$ g); L-Lysine ($\geq 2,2$ g); Histidine (≥ 800 mg). - Chất mang: nước cất.	Bổ sung premix vitamin và axit amin cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu nâu sậm.	Baader Schulz Laboratories.	India	10/2/2019
182	Novacal-D	250-9/12-CN	- Thành phần chính trong 1 ml: Canxi (16 ± 2 mg); Phốtpho ($8 \pm 1,5$ mg); vitamin D3 (≥ 70 IU); vitamin B12 ($\geq 0,8$ mcg). - Chất mang: nước cất.	Bổ sung khoáng và vitamin cho gia súc, gia cầm	Dạng sệt, màu hồng.	Baader Schulz Laboratories.	India	10/2/2019
183	Novacal-D Strong	251-9/12-CN	- Thành phần chính trong 1 ml: Canxi (18 ± 2 mg); Phốtpho ($9 \pm 1,5$ mg); vitamin A (≥ 700 IU); vitamin D3 (≥ 70 IU); vitamin B12 ($\geq 1,2$ mcg); vitamin E ($\geq 0,4$ mg); Biotin ($\geq 0,04$ mg), carbohydrate. - Chất mang: nước cất.	Bổ sung Canxi, Phốtpho và premix vitamin cho gia súc, gia cầm.	Dạng sệt, màu hồng.	Baader Schulz Laboratories.	India	10/2/2019
184	Poulzyme	255-9/12-CN	- Hoạt lực một số enzymes trong 1 kg: Cellulose ($\geq 1,8 \times 10^6$ U); xylanase ($\geq 3,6 \times 10^6$ U) . - Các enzymes khác: amylase, protease, phytase. - Chất mang: đường maltodextrin. - Các chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella (không phát hiện CFU/ 25 g), E. coli (không phát hiện CFU/ g).	Bổ sung các enzyme tiêu hóa cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	Baader Schulz Laboratories.	India	10/2/2019
185	Poulzyme Liquid	254-9/12-CN	- Hoạt lực một số enzymes trong 1 lít: Protease ($\geq 3,6 \times 10^5$ U); cellulose ($\geq 9 \times 10^7$ U); xylanase ($\geq 1,35 \times 10^5$ U). - Các enzymes khác: lipase, amylase, pectinase, beta-galactosidase, arabinase. - Chất mang: nước cất - Các chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella (không phát hiện CFU/ 25 g), E. coli (không phát hiện CFU/ g).	Bổ sung các enzyme tiêu hóa cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu nâu.	Baader Schulz Laboratories.	India	10/2/2019

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
186	Spectrolyte	249-9/12-CN	- Thành phần chính trong 1 kg: NaHCO ₃ (180 ± 18 g); KCl (100 ± 10 g); Natri citrate (75 ± 7,5 g); MgSO ₄ (14 ± 1,4 g); Na ₂ HPO ₄ (20 ± 2 g); vitamin C (25 ± 2,5 g), Canxi lactate (16 ± 1,6 g), Lactobacillus (3 × 10 ⁶ CFU). - Chất mang: đường maltodextrine và lactose.	Bổ sung các chất điện giải và vitamin C cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	Baader Schulz Laboratories.	India	10/2/2019
187	Spectroplex-5 X	253-9/12-CN	- Thành phần chính trong 1 ml: Vitamin B ₂ (≥ 1,8 mg); vitamin B ₆ (≥ 0,5 mg); vitamin B ₁₂ (≥ 5,6 mcg); D-Pantothenol (≥ 1,1 mg); Niacinamide (≥ 33 mg); DL-Methionine (≥ 4,5 mg); L-Lysine (≥ 4,5 mg); Choline chloride (≥ 4,5 mg). - Chất mang: nước cất.	Bổ sung các vitamin nhóm B và các axit amin cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu đỏ.	Baader Schulz Laboratories.	India	10/2/2019
188	D3-Calphos	236-9/12-CN	Thành phần dinh dưỡng trong 1 lít: Calcium Lactate (11,25-13,75 mg), Calcium Gluconate (9 000 – 10 100 mg), Vitamin D ₃ (≥ 25 000 IU; Vitamin B ₁₂ (≥ 0,5 mg; Choline Chloride (≥ 10,0g).	Bổ sung canxi, phốt pho và vitamin trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu hồng	International Biologicals.	India	10/2/2019
189	Electropro	234-9/12-CN	Thành phần dinh dưỡng trong 1 kg: NaCl (≥ 10,0g), Calcium Lactate (≥ 12,0g), Calcium Gluconate (≥ 12,0g), Sodium bicarbonate (≥ 30,0g), Sodium Citrate (≥ 60,0g), Ascorbic acid (≥ 10,0g), KCl (≥ 30,0g), Magnesium sulphate (≥ 10,0g)	Bổ sung chất điện giải trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	International Biologicals.	India	10/2/2019
190	Stress Vit	233-9/12-CN	Thành phần dinh dưỡng trong 1 lít: Vitamin A (≥ 250 000 IU), Vitamin D ₃ (≥ 25 000 IU), Vitamin E (≥ 150,0 mg).	Bổ sung hỗn hợp vitamin A, D ₃ , E trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu vàng nâu.	International Biologicals.	India	10/2/2019
191	VMA Liquid	235-9/12-CN	Thành phần dinh dưỡng trong 1 lít: Vitamin A (≥ 10 000 000 IU), Vitamin D ₃ (≥ 2 000 000 IU), Vitamin K (≥ 1,0g), Vitamin B ₆ (≥ 1,25g), Vitamin E (≥ 1,0g), Vitamin B ₁ (≥ 2,0g), Vitamin C (≥ 35,0g), Lysine (≥ 0,44g), Methionine (≥ 0,080g), Fe (0,225-0,275mg), Cu (≥ 0,032-0,039mg), Zn (0,090-0,110mg), Na (0,747-0,913mg).	Bổ sung vitamin, axit amin và khoáng chất trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu vàng	International Biologicals.	India	10/2/2019
192	Manganese Oxide (MnO) 60-62%	209-8/12-CN	Ôxit Mangan (MnO) được sản xuất từ quặng Mangan. - Hoạt chất chính: MnO ≥ 75 %; Mangan tổng số (Mn): 60 - 62 %. - Tạp chất: Fe ≤ 8 %; As ≤ 100 ppm; Pb ≤ 100 ppm.	Bổ sung khoáng Mangan (Mn) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu xanh.	Manmohan Minerals & Chemicals (P) Ltd.	India	10/2/2019

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
193	Manganese Oxide (MnO) 60-62%	209-8/12-CN/17	- Thành phần nguyên liệu: Ôxít Mangan ($MnO \geq 78\%$) được sản xuất từ quặng Mangan, Iron Oxide (Fe_2O_3), Alumina Dioxide (Al_2O_3), Silicon Dioxide (SiO_2). - Chỉ tiêu chất lượng: Mangan (Mn): 60,0 - 62,0 %; - Chỉ tiêu vệ sinh: $As \leq 100,0$ ppm; $Pb \leq 100,0$ ppm; $Hg \leq 1,0$ ppm; $Cd \leq 30,0$ ppm.	Bổ sung khoáng Mangan (Mn) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu xanh.	Manmohan Minerals & Chemicals (P) Ltd..	India	14/6/2022
194	Natchol Powder	259-9/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp bột thực vật (<i>Solanum nigrum</i> , <i>Boerhavia diffusa</i> , <i>Bacopa monnieri</i> , <i>Citrullus colocynthis</i>). - Các chỉ tiêu vệ sinh: $Pb \leq 10,0$ ppm; $As \leq 2,0$ ppm; $Hg \leq 1,0$ ppm; $Cd \leq 0,3$ ppm.	Bổ sung hỗn hợp bột thực vật trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện khả năng tiêu hóa của vật nuôi.	Dạng bột, màu xanh đến xanh đậm.	Natural Remedies Pvt. Ltd.	India	10/2/2019
195	Natsel BE Powder	258-9/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp bột thực vật (<i>Punica granatum</i> , <i>Tamarindus indica</i> , <i>Terminalia arjuna</i> , <i>Embllica officinalis</i>), Natri selenite, Biotin. - Các chỉ tiêu vệ sinh: $Pb \leq 10,0$ ppm; $As \leq 2,0$ ppm; $Hg \leq 1,0$ ppm; $Cd \leq 0,3$ ppm.	Bổ sung bột thực vật, khoáng Selen, Biotin trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện năng suất vật nuôi.	Dạng bột, màu nâu.	Natural Remedies Pvt. Ltd.	India	10/2/2019
196	Phytocee Powder	261-9/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp bột thực vật (<i>Embllica officinalis</i> , <i>Ocimum sanctum</i> , <i>Withania somnifera</i>). - Các chỉ tiêu vệ sinh: $Pb \leq 10,0$ ppm; $As \leq 2,0$ ppm; $Hg \leq 1,0$ ppm; $Cd \leq 0,3$ ppm.	Bổ sung hỗn hợp bột thực vật trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện khả năng tiêu hóa của vật nuôi.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	Natural Remedies Pvt. Ltd.	India	10/2/2019
197	Phytonin Powder	256-9/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp bột thực vật (<i>Mucuna pruriens</i> , <i>Trigonella foenumgraecum</i> , <i>Boerhaavia diffusa</i> , <i>Allium sativum</i> , <i>Asparagus racemosus</i> , <i>Solanum nigrum</i> , <i>Piper nigrum</i>), Betaine Hydrochloride, acid Folic, Natri, SiO_2 . - Các chỉ tiêu vệ sinh: $Pb \leq 10,0$ ppm; $As \leq 2,0$ ppm; $Hg \leq 1,0$ ppm; $Cd \leq 0,3$ ppm.	Bổ sung bột thực vật, Betain, acid folic trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện năng suất vật nuôi.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	Natural Remedies Pvt. Ltd.	India	10/2/2019
198	Zigbir Powder	260-9/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp bột thực vật (<i>Andrographis paniculata</i> , <i>Phyllanthus amarus</i> , <i>Boerhavia diffusa</i> , <i>Solanum nigrum</i>). - Các chỉ tiêu vệ sinh: $Pb \leq 10,0$ ppm; $As \leq 2,0$ ppm; $Hg \leq 1,0$ ppm; $Cd \leq 0,3$ ppm.	Bổ sung hỗn hợp bột thực vật trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện khả năng tiêu hóa của vật nuôi.	Dạng bột, màu xanh.	Natural Remedies Pvt. Ltd.	India	10/2/2019

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
199	Zist Liquid	257-9/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp các chất chiết xuất từ thực vật (<i>Embllica officinalis</i> , <i>Mangifera India</i> , <i>Withania somnifera</i> , <i>Ocimum sanctum</i>), các chất bảo quản và chất mang. - Các chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 10,0 ppm; As ≤ 2,0 ppm; Hg ≤ 1,0 ppm; Cd ≤ 0,3 ppm.	Bổ sung hỗn hợp các chất chiết xuất thực vật cho gia súc, gia cầm nhằm cải thiện sức đề kháng và hiệu quả sử dụng thức ăn của vật nuôi.	Dạng lỏng, màu nâu.	Natural Remedies Pvt. Ltd.	India	10/2/2019
200	Enziver	270-9/12-CN	- Thành phần chính trong 1g: Cellulase ≥ 10 000 U; Xylanase ≥ 5 000 U; Phytase ≥ 1 000 U; Amylase ≥ 7 500 U; β-Glucanase ≥ 800 U; Protease ≥ 5 500 U; Pectinase ≥ 900 U. - Các chỉ tiêu vệ sinh: Ecoli: Không có trong 25g; Salmonella: Không có trong 25g.	Bổ sung hỗn hợp enzyme tiêu hoá trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng hoặc xám nhạt.	Pfizer Animal Health India Limited.	India	10/2/2019
201	Liposorb	169-6/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Lecithin, Castor oil ethoxylate, Sodium chloride, Semolina và chất mang (Silica). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm ≤ 5,0 %; Lysophosphatidyl choline ≥ 2,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Ecoli không có trong 1 g; Salmonella không có trong 25 g	Bổ sung các chất nhũ hóa (Phospholipids và Lysophospholipids cải biến, Polyethylene Glycol Ricinoleate) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	Polchem Hygiene Laboratories Pvt. Ltd.	India	10/2/2019
202	3 Quinol	405-12/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Halquinol BP 80 (Chloro hydroxyl quinoline 98%): 57,5 - 62,6 % và chất mang (bột đá). - Bản chất của Halquinol (C ₁₈ H ₁₁ Cl ₃ N ₂ O ₂) bao gồm 3 thành phần: 5,7-dichloroquinolin-8-ol: 57,0 - 75,0 %; 5-Chloroquinolin-8-ol : 23,0 - 40,0 %; 7-Chloroquinolin-8-ol : max. 4,0 %.	Bổ sung Halquinol trong thức ăn chăn nuôi gia cầm nhằm tăng khả năng sinh trưởng vật nuôi và hiệu quả chăn nuôi.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	Quadrigen VetHealth Pvt. Ltd.	India	12/2017
203	Halquinol BPC	403-12/12-CN	- Bản chất: Halquinol (C ₁₈ H ₁₁ Cl ₃ N ₂ O ₂) - Thành phần: 5,7-dichloroquinolin-8-ol: 57,0 - 75,0 %; 5-Chloroquinolin-8-ol : 23,0 - 40,0 %; 7-Chloroquinolin-8-ol : max. 4,0 %.	Bổ sung Halquinol trong thức ăn chăn nuôi gia cầm nhằm tăng khả năng sinh trưởng vật nuôi và hiệu quả chăn nuôi.	Dạng bột, màu nâu đến nâu vàng nhạt.	Salvi Chemical Industries Ltd.	India	12/2017
204	Amylex	394-12/12-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Enzyme Fungal-alpha amylase (từ <i>Aspergillus oryzae</i>) và chất mang (3,9 Saccharide Polymer). - Chỉ tiêu chất lượng: Amylase ≥ 5.000.000,0 U/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Cd ≤ 1,0 ppm; Pb ≤ 2,0 ppm; Hg ≤ 1,0 ppm.	Bổ sung enzyme Alpha amylase trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng đến nâu nhạt.	United Alacrity (India) Pvt, Ltd.	India	6/4/2023

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
205	Bayzyme	395-12/12-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp enzyme tiêu hóa (Amylase, Protease, Cellulase, Xylanase, Beta-glucanase) và chất mang (3,9 Saccharide Polymer). - Chỉ tiêu chất lượng: Amylase: 38.000,0 - 42.000,0 U/g; Protease: 145.000,0 - 155.000,0 U/g; Cellulase: 900,0 - 1.100,0 U/g; Xylanase: 175,0 - 225,0 U/g; Beta-glucanase: 100,0 - 150,0 U/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Cd ≤ 1,0 ppm; Pb ≤ 2,0 ppm; Hg < 1,0 ppm.	Bổ sung hỗn hợp các enzyme tiêu hóa trong thức ăn cho lợn và gia cầm.	Dạng bột, màu trắng đến nâu nhạt.	United Alacrity (India) Pvt, Ltd.	India	6/4/2023
206	Maxcare	388-12/12-CN	- Hoạt chất chính (tính trong 1,0 kg): Vitamin A: 120 000 IU ± 20%; Vitamin D3: 40 000 IU ± 20%; Vitamin E: 1 500 mg ± 20%; Vitamin K3: 50 mg ± 20%; Sắt (Fe): 3 750 mg ± 20%; Đồng (Cu): 500 mg ± 20%; Kẽm (Zn): 4 000 mg ± 20%; Mangan (Mn): 200 mg ± 20%; Selen (Se): 10 mg ± 20%; - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 200,0 ppm; Cd ≤ 15,0 ppm.	Bổ sung hỗn hợp vitamin và khoáng trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng	P.T Trouw Nutrition Indonesia.	Indonesia	12/2017
207	Mixtrouvit	147-5/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: hỗn hợp các vitamin (A, D3, E, B1, B2, B6, B12, H, K3, calcium-d-pantothenate, folic acid, nicotinic acid) và chất mang. - Một số chỉ tiêu chất lượng (hàm lượng tối thiểu tính trong 1 g): vitamin A: 50.000,0 IU; vitamin D3: 10.500,0 IU; vitamin E: 75,0 mg; nicotinic acid: 150,0 mg.	Bổ sung hỗn hợp vitamin trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng đến kem.	P.T Trouw Nutrition Indonesia.	Indonesia	10/2/2019
208	Mixtrouvit Vitamin Layer	279-9/12-CN	- Thành phần một số hoạt chất chính trong 1g: Vitamin A: 20 000 IU ± 20%; Vitamin D3: 5 000 IU ± 20%; Vitamin E 30 mg ± 20%; Vitamin B1: 4 mg ± 20%; Vitamin B2: 10 mg ± 20%; Vitamin B6: 6 mg ± 20%; Vitamin K3: 4 mg ± 20% và chất mang (Bột đá) - Độ ẩm: ≤ 10%;	Bổ sung hỗn hợp vitamin trong thức ăn gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng kem.	P.T Trouw Nutrition Indonesia.	Indonesia	10/2/2019
209	Orange	148-5/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: hỗn hợp các vitamin (A, D3, E, B12, K3, C), chiết xuất từ nghệ, và chất mang (lactose). - Một số chỉ tiêu chất lượng (hàm lượng tối thiểu tính trong 1 g): vitamin A: 3.200,0 IU; vitamin D3: 640,0 IU; vitamin E: 1,2 mg; vitamin C: 24,0 mg.	Bổ sung hỗn hợp vitamin trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng đến vàng nhạt.	P.T Trouw Nutrition Indonesia.	Indonesia	10/2/2019

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
210	Selko - pH	146-5/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: axit formic, ammonium formate, axit acetic, đồng acetate. - Chỉ tiêu chất lượng: pH: 3,0 – 3,5; axit formic $\geq$ 32,6%; axit acetic $\geq$ 8,5 %; Cu-acetate: 3,8 – 4,2 g/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq$ 2,0 ppm; Cd $\leq$ 1,0 ppm; Pb $\leq$ 10,0 ppm.	Bổ sung hỗn hợp axit hữu cơ và muối của chúng cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu xanh đậm.	P.T Trouw Nutrition Indonesia.	Indonesia	10/2/2019
211	TN Ox	281-9/12-CN	- Thành phần một số hoạt chất chính trong 1 kg: Ethoxyquin: 8 g $\pm$ 20%; BHA: 5 g $\pm$ 20%; BHT: 55 g $\pm$ 20%; Citric acid: 5 g $\pm$ 20%; - Chất mang: CaCO ₃	Bổ sung chất chống oxy hoá trong thức ăn gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu xám.	P.T Trouw Nutrition Indonesia.	Indonesia	10/2/2019
212	TNI Vitamin C Monophosphate	149-5/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: L-ascorbic acid 2-monophosphate. - Chỉ tiêu chất lượng: Vitamin C $\geq$ 35,0 %.	Bổ sung vitamin C trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng hạt, màu trắng đến vàng nhạt.	P.T Trouw Nutrition Indonesia.	Indonesia	10/2/2019
213	Trouw Nutrition Vitamin Premix 430	280-9/12-CN	- Thành phần một số hoạt chất chính trong 1g: Vitamin A: 17 000 IU $\pm$ 20%; Vitamin D3: 2 500 IU $\pm$ 20%; Vitamin E: 80 mg $\pm$ 20%; Vitamin B2: 12 mg $\pm$ 20%; Vitamin H: 0,4 mg $\pm$ 20%; Vitamin K3: 6,5 mg $\pm$ 20% và chất mang (bột đá). - Độ ẩm: $\leq$ 10%	Bổ sung hỗn hợp vitamin trong thức ăn gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng kem.	P.T Trouw Nutrition Indonesia.	Indonesia	10/2/2019
214	Trouw Nutrition Vitamin Premix 528	182-7/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin (A, D3, E, B1, B2, B6, B12, C, Biotin, K3, Calcium-d-pantothenate, axit nicotinic, axit folic, Inositol) và chất mang (cám lúa mỳ, bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 g): Độ ẩm $\leq$ 10,0 %; Vitamin A $\geq$ 2.000,0 IU; Vitamin D3 $\geq$ 750,0 IU; Vitamin E $\geq$ 25,0 mg; Vitamin B1 $\geq$ 10,0 mg; Vitamin B2 $\geq$ 8,75 mg; Vitamin B6 $\geq$ 10,0 mg; Vitamin B12 $\geq$ 0,005 mg; Biotin $\geq$ 0,25 mg; Vitamin K3 $\geq$ 5,0 mg; Vitamin C $\geq$ 50,0 mg; Axit Nicotinic $\geq$ 17,5 mg; Calcium-d- pantothenate $\geq$ 30,0 mg; Axit folic $\geq$ 1,25 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Ecoli không có trong 1 g; Salmonella không có trong 25 g; Cd $\leq$ 15 ppm; Pb $\leq$ 200 ppm.	Bổ sung hỗn hợp vitamin trong thức ăn chăn nuôi gia súc và gia cầm.	Dạng bột, màu trắng đến màu kem.	P.T Trouw Nutrition Indonesia.	Indonesia	10/2/2019

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
215	Vitlect XP	181-7/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin (A, D3, E, B1, B2, B6, B12, C, Biotin, K3, Calcium-d-pantothenate, axit nicotinic, axit folic, Inositol) và chất mang (cám lúa mỳ). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 g): Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Vitamin A $\geq 1.300,0$ IU; Vitamin D3 $\geq 500,0$ IU; Vitamin E $\geq 25,0$ mg; Vitamin B1 $\geq 2,6$ mg; Vitamin B2 $\geq 5,33$ mg; Vitamin B6 $\geq 5,33$ mg; Vitamin B12 $\geq 0,008$ mg; Biotin $\geq 0,046$ mg; Vitamin K3 $\geq 1,6$ mg; Vitamin C $\geq 33,0$ mg; Axit Nicotinic $\geq 20,0$ mg; Calcium-d-pantothenate $\geq 16,0$ mg; Axit folic $\geq 0,01$ mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Ecoli không có trong 1 g; Salmonella không có trong 25 g; Cd ≤ 15 ppm; Pb ≤ 200 ppm	Bổ sung hỗn hợp vitamin trong thức ăn chăn nuôi gia súc và gia cầm.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	P.T Trouw Nutrition Indonesia.	Indonesia	10/2/2019
216	Acid Buf	198-7/12-CN	- Khoáng tổng số (min): 95,0 %. - Độ ẩm (max): 5,0 %. - Canxi: 28 - 32 %. - Magiê: 5,0 - 7,0 %. - Thành phần nguyên liệu: khoáng từ tảo biển (<u>Linthothamnium calcareum</u>) và ôxit Magiê.	Bổ sung khoáng trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu xám.	Celtic Sea Minerals.	Ireland	10/2/2019
217	Lacto-Butyrim 101 Hydro	344-11/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: các axit béo (butyric, caprylic, capric, lauric) đã được este hóa với glycerin, glycerin và axit propionic tự do. - Một số hoạt chất chính: Axit butyric ($\geq 15,0$ %); Axit propionic tự do ($\leq 10,0$ %). - Các chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Hg $\leq 0,5$ ppm; E. Coli ≤ 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện/ 25g.	Bổ sung các axit béo (butyric, caprylic, capric, lauric) cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu vàng nhạt.	SILO S.p.A.	Italy	10/2/2019
218	Lacto-Butyrim 101 P	343-11/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: các axit béo (butyric, propionic, caprylic, capric, lauric) đã được este hóa với glycerin, glycerin tự do và chất mang (SiO2). - Một số hoạt chất chính: Axit butyric ($\geq 15,0$ %); Axit propionic ($\geq 0,1$ %). - Các chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Hg $\leq 0,5$ ppm; E. Coli ≤ 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện/ 25g.	Bổ sung các axit béo (butyric, propionic, caprylic, capric, lauric) cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	SILO S.p.A.	Italy	10/2/2019

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
219	Birdacid	275-9/12-CN	- Thành phần nguyên liệu chính: các axit hữu cơ, chiết xuất từ cây Yucca schidigera, triglycerides từ dầu thực vật. - Thành phần một số hoạt chất chính: axit furaric: 20,0 ± 2,0 %; axit malic: 10,0 ± 1,0 %; axit citric: 10,0 ± 1,0 %; axit sorbic: 10,0 ± 1,0 %.	Bổ sung hỗn hợp axit hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia cầm nhằm ổn định độ pH của thức ăn và cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng vi hạt, màu trắng be.	Biolek Sp.z o.o., Poland (sản xuất tại Italy).	Italy	10/2/2019
220	Suiacid	276-9/12-CN	- Thành phần nguyên liệu chính: các axit hữu cơ, chiết xuất từ cây Yucca schidigera, triglycerides từ dầu thực vật. - Thành phần một số hoạt chất chính: axit furaric: 20,0 ± 2,0 %; axit malic: 10,0 ± 1,0 %; axit citric: 10,0 ± 1,0 %; axit sorbic: 10,0 ± 1,0 %.	Bổ sung hỗn hợp axit hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi lợn nhằm ổn định độ pH của thức ăn và cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng vi hạt, màu trắng kem.	Biolek Sp.zo.o., Poland (sản xuất tại Italy).	Italy	10/2/2019
221	Avi-Mul Top	404-12/12-CN/17	- Thành phần: Glyceryl polyethylene glycol ricinoleate (E484) và chất mang (axit Oleic). - Chỉ tiêu chất lượng: Chỉ số axit: 95,0 - 102,0 mg KOH/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 5,0 ppm; Cd ≤ 5,0 ppm; As ≤ 5,0 ppm.	Bổ sung chất nhũ hóa trong thức ăn cho gia súc, gia cầm nhằm cải thiện khả năng hấp thụ dinh dưỡng của vật nuôi.	Dạng lỏng, màu vàng.	Sabo S.p.A. (Xuất khẩu bởi: Sevecom S.p.A, Italy).	Italy	22/12/2022
222	Sil Sel 1% Coated	418-12/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Natri Selenite và chất mang (dầu thực vật, bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: Selen (Se): 0,90 - 1,10 %; Mỡ thô ≥ 48,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As ≤ 2,0 ppm; Pb ≤ 10,0 ppm; nấm mốc và nấm men < 10 CFU/g.	Bổ sung khoáng Selen trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng vi bọc, màu be.	Sila S.R.L.	Italy	12/2017
223	Sil Sel 1% RBP	419-12/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Natri Selenite và chất mang (dầu thực vật, bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: Selen (Se): 0,90 - 1,10 %; Mỡ thô (EE) ≥ 65,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As ≤ 2,0 ppm; Pb ≤ 10,0 ppm; nấm mốc và nấm men < 10 CFU/g.	Bổ sung khoáng Selen trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng vi bọc, màu be.	Sila S.R.L.	Italy	12/2017
224	ID-LAC (water soluble)	290-10/12-CN	- Thành phần nguyên liệu chính: Hỗn hợp vi khuẩn có lợi (Bacillus subtilis CBS, Lactobacillus plantarum CLP-1, Lactobacillus acidophilus), Calcium gluconate. - Một số hoạt chất chính: Bacillus subtilis ≥ 2,0 × 10 ¹⁰ CFU/kg; Lactobacillus plantarum ≥ 1,0 × 10 ¹⁰ CFU/kg; Lactobacillus acidophilus ≥ 1,0 × 10 ¹⁰ CFU/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella (không phát hiện CFU/ 25 g).	Bổ sung vi khuẩn có lợi đường tiêu hóa cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng nhạt đến trắng.	Cheilbio Co., Ltd.	Korea	10/2/2019

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
225	Bio-BV	150-5/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: các vi khuẩn có lợi (Bacillus subtilis GU1, Lactobacillus plantarum), chất phụ gia và chất mang. - Chỉ tiêu chất lượng: Bacillus subtilis GU1 $\geq 1,0 \times 10^6$ CFU/g; Lactobacillus plantarum $\geq 1,0 \times 10^6$ CFU/g.	Bổ sung vi khuẩn có lợi đường tiêu hóa vật nuôi (Bacillus subtilis GU1, Lactobacillus plantarum) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng.	Chumdan Environment Co.	Korea	10/2/2019
226	Catfish (7743)	384-11/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: các vitamin tổng hợp (A, D3, K3, B1, B2, B6, B12), axit folic, niacinamide, D-calcium pantothenate, D-biotin, và chất mang (vỏ lúa mì). - Hoạt chất chính (tính trong 1,0 kg): Vitamin A $\geq 4.400.000,0$ IU; Vitamin D3 $\geq 2.200.000,0$ IU; Vitamin K3 $\geq 4.000,0$ mg; Vitamin B1 $\geq 10.000,0$ mg; Vitamin B2 $\geq 15.000,0$ mg; Vitamin B6 $\geq 10.000,0$ mg; Niacin $\geq 80.000,0$ mg; Axit pantothenic $\geq 35.000,0$ mg. - <u>Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 30,0$ ppm; Cd $\leq 50,0$ ppm.</u>	Bổ sung premix vitamin cho lợn.	Dạng bột, màu nâu nhạt đến nâu vàng.	DaOne Chemical Co., Ltd.	Korea	11/2017
227	VN-001	338-11/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: hỗn hợp các vitamin tổng hợp (A, B1, B2, B6, B12, D3, K3, E, folic acid, calcium pantothenate), các axit amin (Lysine, Methionine), các khoáng vô cơ (FeSO4, CoSO4, KCl, MnSO4, NaCl, ZnSO4). - Các chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 5,0$ ppm; Cd $\leq 10,0$ ppm; <u>Pb $\leq 15,0$ ppm.</u>	Bổ sung premix vitamin, khoáng, axit amin trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	DaOne Chemical Co., Ltd.	Korea	10/2/2019
228	VN-323	339-11/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: hỗn hợp các vitamin tổng hợp (A, B1, B2, B5, B6, B9, B12, D3, K3, E, niacin, biotin, choline), các khoáng vô cơ (FeSO4, CuSO4, CoSO4, Ca(IO3)2; Na2SeO3, ZnSO4, MnSO4). - Các chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 5,0$ ppm; Cd $\leq 10,0$ ppm; <u>Pb $\leq 15,0$ ppm.</u>	Bổ sung premix vitamin và khoáng trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu hoặc vàng nhạt.	DaOne Chemical Co., Ltd.	Korea	10/2/2019
229	VN-501	335-11/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: hỗn hợp khoáng vô cơ: CoSO-4; FeSO4; CaCO3. - Hoạt chất chính: Coban (Co): 22,5 - 30,0 %; Canxi (Ca): 4,5 - 6,0 %; Sắt (Fe): 2,7 - 3,6 %. - Các chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 5,0$ ppm; Cd $\leq 10,0$ ppm; <u>Pb $\leq 15,0$ ppm.</u>	Bổ sung premix khoáng trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	DaOne Chemical Co., Ltd.	Korea	10/2/2019

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
230	VN-502	336-11/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: hỗn hợp khoáng vô cơ: Na ₂ SeO ₃ ; FeSO ₄ và bột đá. - Hoạt chất chính: Selen (Se): 29,7 - 39,6 %; Canxi (Ca): 4,5 - 6,0 %; Sắt (Fe): 2,7 - 3,6 %. - Các chỉ tiêu vệ sinh: As ≤ 5,0 ppm; Cd ≤ 10,0 ppm; Pb ≤ 15,0 ppm.	Bổ sung premix khoáng trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	DaOne Chemical Co., Ltd.	Korea	10/2/2019
231	VN-503	337-11/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: hỗn hợp khoáng vô cơ: Ca(IO ₃) ₂ ; FeSO ₄ và bột đá. - Hoạt chất chính: Iốt (I): 40,5 - 54,0 %; Canxi (Ca): 4,5 - 6,0 %; Sắt (Fe): 2,7 - 3,6 %. - Các chỉ tiêu vệ sinh: As ≤ 5,0 ppm; Cd ≤ 10,0 ppm; Pb ≤ 15,0 ppm.	Bổ sung premix khoáng trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	DaOne Chemical Co., Ltd.	Korea	10/2/2019
232	Beta plex	430-12/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Beta-glucan và chất mang (nước cất). - Chỉ tiêu chất lượng: Beta-glucan ≥ 10,0 g/lít. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli không phát hiện trong 1 g; Salmonella không phát hiện trong 25 g; Pb ≤ 1,0 ppm.	Bổ sung beta-glucan cho gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng lỏng, màu be nhạt	Glucan Co., Ltd.	Korea	12/2017
233	Squid Liver Paste	377-11/12-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Gan mực (có bổ sung chất bảo quản Butylated Hydroxy Toluene với hàm lượng 150 ppm). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm ≤ 45,0 %; Protein thô ≥ 25,0 %; Béo thô ≤ 30,0 %; Khoáng tổng số ≤ 10,0 %; chỉ số axit ≤ 60,0 mg KOH/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g.	Gan mực nhão, dùng để bổ sung protein trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng sệt, màu nâu đậm.	HS Aqua Feed Co., Ltd.	Korea	2/1/2023
234	Squid liver oil	284-10/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Dầu gan mực (có bổ sung chất bảo quản Ethoxyquin). - Thành phần chất lượng: Mỡ thô ≥ 98,0 %; độ ẩm ≤ 1,0 %; chỉ số axit ≤ 5,0 %.	Dầu gan mực, dùng bổ sung trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu nâu đen.	Korea Oil & Fats Co., Ltd.	Korea	10/2/2019
235	Lipidol	230-9/12-CN	- Hoạt chất chính: lecithin (≥ 20 %). - Chất mang: Silica. - Các chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella (không phát hiện CFU/ 25 g), E. coli (< 10 CFU/ g).	Bổ sung chất nhũ hóa (lecithin từ đậu tương) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng sữa.	Pathway Intermediates International Inc.	Korea	10/2/2019
236	Bio-Vert extra	180-7/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vi khuẩn (Bacillus subtilis, Streptococcus faecium, Lactobacillus casei) và chất mang (Glucose). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Bacillus subtilis ≥ 1,0 x 10 ¹¹ CFU; Streptococcus faecium ≥ 1,0 x 10 ¹⁰ CFU; Lactobacillus casei ≥ 1,0 x 10 ¹⁰ CFU. - Chỉ tiêu vệ sinh: Ecoli không có trong 1 g; Salmonella không có trong 25 g.	Bổ sung hỗn hợp vi khuẩn có lợi đường ruột (Bacillus subtilis, Streptococcus faecium, Lactobacillus casei) trong thức ăn chăn nuôi gia súc và gia cầm.	Dạng bột, màu trắng hoặc vàng nhạt.	Samu Median Co. Ltd.	Korea	10/2/2019

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
237	Toxo-Bond p.	207-8/12-CN	Hỗn hợp ôxít vô cơ (SiO ₂ : 54,0 - 66,0 %; Al ₂ O ₃ : 13,5 - 16,5 %; Fe ₂ O ₃ : 2,7 - 3,5 %; MgO: 1,8 - 2,2 %; CaO: 1,8 - 2,2 %) và các chất mang.	Bổ sung trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm hấp phụ độc tố nấm mốc.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	Samyang Anipharm Co. Ltd.	Korea	10/2/2019
238	Amino Kingdom	428-12/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp các axit amin (alanine, arginine, aspartam acid, cysteine, glutamic acid, glycine, histidine, isoleucine, leucine, lysine, methionine, phenylalanine, proline, seine, threonine, tryptophan, tyrosine, valine); vitamin B1; các axit béo (linoleic, oleic, palmitoleic, stearic); các hợp chất chứa khoáng (Ca, P, K, Na, Mg, Fe, Mn, Zn, Cu) và chất mang (nước cất). - Một số chỉ tiêu chất lượng: tổng axit amin ($\geq 11,0$ g/lít); vitamin B1 ($\geq 1.000,0$ mg/lít); tổng axit béo ($\geq 9,0$ %). - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli không phát hiện trong 1 g; Salmonella không phát hiện trong 25 g.	Bổ sung các axit amin, vitamin B1, các axit béo và premix khoáng cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu nâu đen.	SCI Co., Ltd.	Korea	12/2017
239	LiverHealth	426-12/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: L-carnitine, các axit amin (Methionine, Lysine, Cystein), Choline chloride, Solbitol, Magiê sulphat và chất mang (nước cất). - Một số chỉ tiêu chất lượng (mg/lít): L-carnitine ($\geq 10.000,0$); Methionine ($\geq 16.000,0$); Lysine ($\geq 10.000,0$); Solbitol ($\geq 20.000,0$). - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli không phát hiện trong 1 g; Salmonella không phát hiện trong 25 g.	Bổ sung hỗn hợp axit amin, L-carnitine, Choline chloride, Solbitol và khoáng cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu trắng đục.	SCI Co., Ltd.	Korea	12/2017
240	Seed-1000	425-12/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Saccharomyces cerevisiae, các chủng Bacillus (subtilis, licheniformis, polymyxa) và chất mang (bột ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Saccharomyces cerevisiae $\geq 2 \times 10^{10}$ CFU/kg; Bacillus subtilis $\geq 1 \times 10^{11}$ CFU/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli không phát hiện trong 1 g; Salmonella không phát hiện trong 25 g.	Bổ sung vi sinh vật có lợi đường tiêu hóa vật nuôi (Saccharomyces và Bacillus) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng hạt nhỏ, màu nâu sáng.	SCI Co., Ltd.	Korea	12/2017

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
241	Tonic-20	427-12/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp axit amin (alanine, arginine, aspartam acid, cysteine, glutamic acid, glycine, histidine, isoleucine, leucine, lysine, methionine, phenylalanine, proline, seine, threonine, tryptophan, tyrosine, valine); các axit béo (linoleic, oleic, palmitoleic, stearic); các hợp chất chứa khoáng (Ca, P, K, Na, Mg, Fe, Mn, Zn, Cu) và chất mang (bột ngô). - Một số chỉ tiêu chất lượng: tổng axit béo ($\geq 9,0$ %); tổng axit amin ($\geq 19,0$ %). - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli không phát hiện trong 1 g; Salmonella không phát hiện trong 25 g.	Bổ sung các axit amin, các axit béo và premix khoáng trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng hạt nhỏ, màu nâu đen.	SCI Co., Ltd.	Korea	12/2017
242	Vita-Kingdom	429-12/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Premix vitamin (A, D3, E, K3, B1, B2, B6, B12, C, folic acid, Ca-pantothenate, niacin); methionine; các hợp chất chứa khoáng (Co, Mn, Fe, K, Na, Zn) và chất mang (glucose). - Một số chỉ tiêu chất lượng: Vitamin A $\geq 15.000,0$ IU/g; Vitamin D3 $\geq 800,0$ IU/g; methionine $\geq 16,0$ g/kg). - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli không phát hiện trong 1 g; Salmonella không phát hiện trong 25 g.	Bổ sung các vitamin, methionine và premix khoáng cho gia súc, gia cầm.	Dạng hạt nhỏ, màu vàng đến cam.	SCI Co., Ltd.	Korea	12/2017
243	Copper Sulfate	342-11/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: CuSO₄.H₂O (tối thiểu 98%) - Hoạt chất chính: Đồng (Cu): 34,0 % - 35,5 %. - Chỉ tiêu an toàn: Pb < 10,0 ppm; Hg < 0,5 ppm; As < 3,0 ppm; Cd < 10,0 ppm.	Bổ sung khoáng Đồng trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu xanh nhạt.	Seoan Chemtech Co., Ltd.	Korea	10/2/2019
244	Immuno-PD	206-8/12-CN	- Hoạt chất chính: Vitamin C: ≥ 10 mg/ ml; Vitamin D3: ≥ 250 IU/ ml; Vitamin E: ≥ 10 mg/ ml; - Thành phần nguyên liệu khác: các chất phụ gia và các chất mang.	Bổ sung vitamin C, D ₃ , E cho lợn.	Dạng lỏng, màu vàng sáng.	Shinil Biogen Co. Ltd.	Korea	10/2/2019
245	Bergafat F-100	298-10/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: sản phẩm giàu acid palmitic C:16 được phân tách từ dầu cọ (99 %) và chất bảo quản (SiO₂ và BHT). - Chỉ tiêu chất lượng: mỡ thô $\geq 99,0$ %; axit béo tự do (được tách từ dầu cọ) ≥ 70 %; chỉ số Iốt: 6-14 mg/100mg.	Thức ăn bổ sung năng lượng cho bò sữa.	Dạng bột, màu trắng ngà.	Premier Oil Industries Sdn. Bhd. (Nhà xuất khẩu: Berg+Schmidt (M) Sdn Bhd., Malaysia).	Malaysia	10/2/2019

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
246	Bergafat F-100 Classic	299-10/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: sản phẩm giàu acid palmitic C:16 được phân tách từ dầu cọ (99 %) và chất bảo quản (SiO ₂ và BHT). - Chỉ tiêu chất lượng: mỡ thô $\geq 99,0$ %; axit béo tự do (được tách từ dầu cọ) ≥ 70 %; chỉ số Iốt ≤ 27 mg/100mg.	Thức ăn bổ sung năng lượng cho bò sữa.	Dạng bột, màu trắng ngà.	Premier Oil Industries Sdn. Bhd. (Nhà xuất khẩu: Berg+Schmidt (M) Sdn Bhd., Malaysia).	Malaysia	10/2/2019
247	Bergaprime	297-10/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: dầu thực vật, phospholipid từ đậu tương, protein thực vật và chất mang (tinh bột ngô) - Thành phần dinh dưỡng: mỡ thô $\geq 35,0$ %, đạm thô $\geq 5,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli không phát hiện trong 1 g; Salmonella: không phát hiện trong 25 g.	Thức ăn bổ sung năng lượng cho lợn và gia cầm.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Premier Oil Industries Sdn. Bhd. (Nhà xuất khẩu: Berg+Schmidt (M) Sdn Bhd., Malaysia).	Malaysia	10/2/2019
248	Copper Sulphate	194-7/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Copper sulphate pethahydrate (CuSO ₄ .5H ₂ O). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Đồng (Cu) $\geq 24,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $< 5,0$ ppm; As $< 5,0$ ppm.	Bổ sung khoáng Đồng (từ hợp chất CuSO ₄ . 5 H ₂ O) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng tinh thể, màu xanh.	Resilient Mix Sdn. Bhd.	Malaysia	10/2/2019
249	Yucca Schidigera and Quillaja Blending	239-9/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất từ cây Yucca schidigera (min. 99,5 %) và chất bảo quản CuSO ₄ (max. 0,5 %). - Hàm lượng Saponin: 15 ± 2 %. - Các chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella (không phát hiện CFU/ 25 g), E. coli (không phát hiện CFU/ g).	Bổ sung chất saponin trong nước uống cho gia súc, gia cầm nhằm cải thiện khả năng tiêu hóa và giảm mùi hôi trong chất thải vật nuôi.	Dạng lỏng, màu nâu sẫm.	Pure Land Products SA DE CV.	Mexico	10/2/2019
250	Oxido De Zinc Maximo 720 (Zinc Oxide Maximum 720)	358-11/12-CN/17	- Thành phần: Oxit Kẽm (hàm lượng tinh khiết tối thiểu 89,6 %). - Hoạt chất chính: Kẽm (Zn) $\geq 72,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 0,04$ %; Cd $\leq 0,003$ %; As $\leq 0,01$ %.	Bổ sung khoáng Kẽm trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu xám.	Zinc Nacional, S.A., Mexico.	Mexico	20/11/2022
251	Rovabio Max AP 25	367-11/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Enzyme, vỏ trấu, bột đá, silica. - Hàm lượng một số hoạt chất chính: Xylanase $\geq 5\,500$ U/g; Beta Glucanase ≥ 500 U/g; Phytase $\geq 2\,500$ U/g. - Chỉ tiêu an toàn: Hg $\leq 0,1$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Ecoli < 10 cfu/g; Salmonella: Không có/25g; nấm men và nấm mốc < 1000 cfu/g.	Bổ sung enzyme trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng.	Adisseo France S.A.S.	Singapore	11/2017

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
252	Mycofix® Eco 3.0	196-7/12-CN	Bentonite và chiết xuất từ củ cây diếp xoăn (Chicory root extract).	Bổ sung chất chống mốc trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu be xám.	Biomin Singapore Pte Ltd.	Singapore	10/2/2019
253	Enerzyme Super	296-10/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp enzyme tiêu hóa (Xylanase, Mannanase, Beta-glucanase, Phytase) và các chất mang (Bột đá, bột trấu). - Các chỉ tiêu vệ sinh: Asen (As) $\leq 3,0$ ppm; Chì (Pb) $\leq 5,0$ ppm; Salmonella: không phát hiện / 25 g.	Bổ sung hỗn hợp enzyme tiêu hóa trong thức ăn cho lợn.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	Crown Pacific Biotechnology Pte. Ltd.	Singapore	10/2/2019
254	Kemtrace Chromium Dry 0.4%	271-9/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chromium Propionate Base: 5,0%; Silica: 22,1%; NaCl: 72,9%. - Thành phần chất lượng: Crom (Cr) $\geq 0,4\%$. - Các chỉ tiêu an toàn khác: As $\leq 5,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 10,0$ ppm.	Bổ sung Crom (dưới dạng Chromium Propioante) trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu xanh lá cây.	Kemin Industries (Asia) Pte Limited.	Singapore	10/2/2019
255	Kemzyme Map Dry	272-9/12-CN	- Thành phần chất lượng trong 1g: Alpha - Amylase ≥ 470 U; Beta-Glucanase ≥ 800 U; Cellulase ≥ 7450 U; Protease ≥ 1650 U; - Chất mang: Bột đá và bentonite.	Bổ sung hỗn hợp enzyme trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	Kemin Industries (Asia) Pte Limited.	Singapore	10/2/2019
256	Quantum GLO R Dry	401-12/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: chất tạo màu (chiết xuất từ quả ớt), các chất phụ gia (chất nhũ hóa, ethanol, glycerol, chất tạo mùi, nước), chất bảo quản (ethoxyquin) và chất mang (cám mỳ và silica). - Chỉ tiêu chất lượng: Trans-capsanthin tổng số $\geq 5,2$ g/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm; As $\leq 3,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung Trans-capsanthin (từ chiết xuất quả ớt) trong thức ăn cho gia cầm nhằm cải thiện màu da và lòng đỏ trứng.	Dạng bột, màu đỏ.	Kemin Industries (Asia) Pte Limited.	Singapore	12/2017
257	Quantum GLO Y Dry	400-12/12-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Chất tạo màu (chiết xuất hoa cúc vạn thọ), chất nhũ hóa (Polyxyethylene sorbitan fatty acid ester), Alcohols, chất chống oxi hoá (ethoxyquin), chất tạo mùi (D-limonene) và chất mang (cám gạo hoặc cám mỳ, silica). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 20,0$ %; Xanthophyll tổng số $\geq 20,0$ g/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; As $\leq 3,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung chất tạo màu Xanthophylls (chiết xuất từ hoa cúc vạn thọ) trong thức ăn cho gia cầm nhằm cải thiện màu da và lòng đỏ trứng gia cầm.	Dạng bột, màu vàng.	Kemin Industries (Asia) Pte Limited.	Singapore	12/1/2023

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
258	Termox Liquid	273-9/12-CN	- Thành phần chất lượng: Butylated Hydroxyanisole $\geq 9,0\%$; Butylated Hydroxytoluene $\geq 9,0\%$; Lecithin $\geq 5,0\%$. - Chất mang: Dầu thực vật.	Bổ sung chất chống oxy hoá (Butylated Hydroxyanisole và Butylated Hydroxytoluene) trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu vàng nâu.	Kemin Industries (Asia) Pte Limited.	Singapore	10/2/2019
259	Feed Curb FS Dry	195-7/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit propionic (min): 35 % và chất mang: (Silica và NaCl). - Chỉ tiêu chất lượng: Axit propionic (min): 35 % - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As < 3,0 ppm; Cd < 15,0 ppm; Pb < 10,0 ppm; Hg < 1,0 ppm.	Bổ sung chất chống mốc trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	Kemin Industries (Asia) Pte Limited.	Singapore	10/2/2019
260	Myco CURB ES Liquid	373-11/12-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Các axit hữu cơ (Propionic, formic, Undecylenic, Acetic, Sorbic) và muối của axit formic, chất hoạt động bề mặt (glycerol), chất bảo quản (Sodium benzoate), chất tạo mùi (tinh dầu quế), chất chống oxy hoá (BHA, Tert-Butylhydroquinone) và chất mang (propylene glycol). - Chỉ tiêu chất lượng: Axit Propionic $\geq 70,0\%$; axit Formic $\geq 7,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 30,0$ ppm; Pb $\leq 30,0$ ppm; Cd $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung axit hữu cơ trong thức ăn cho gia súc, gia cầm nhằm kiểm soát nấm mốc.	Dạng lỏng, màu nâu vàng.	Kemin Industries (Asia) Pte Limited.	Singapore	17/5/2023
261	Termox Dry	185-7/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Butylated hydroxyanisol (BHA), Butylated hydroxytoluene (BHT), axit citric và chất mang (dầu thực vật, silica, bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: Butylated hydroxyanisol (BHA) $\geq 8,0\%$; Butylated hydroxytoluene (BHT) $\geq 5,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh:	Bổ sung chất chống oxy hóa (BHA, BHT, axit citric) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng đến màu vàng.	Kemin Industries (Asia) Pte Limited.	Singapore	10/2/2019
262	Zagromin Manganese Oxide	382-11/12-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Mangan oxide và chất mang (CaCO ₃). - Chỉ tiêu chất lượng: Mangan (Mn) $\geq 50,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 80,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm; As $\leq 60,0$ ppm; Cd $\leq 10,0$ ppm.	Bổ sung khoáng Mangan trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm..	Dạng bột, màu đen.	Zagro Singapore Pte Ltd.	Singapore	8/2/2023

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
263	Zagromin SMP VN	381-11/12-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Cobalt sulphate, Copper sulphate, Calcium Iodate, Ferrous sulphate, Manganese oxide, Sodium selenite, Zinc oxide và chất mang (CaCO₃). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Coban (Co): 0,22 - 0,29 g; Đồng (Cu): 54,0 - 72,0 g; Iốt (I): 0,45 - 0,6 g; Mangan (Mn): 45,0 - 60,0 g; Selen (Se): 0,14 - 0,19 g; Kẽm (Zn): 104,0 - 108,0 g; Sắt (Fe): 90,0 - 120,0 g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 15,0 ppm; Hg ≤ 0,1 ppm; As ≤ 12,0 ppm; Cd < 5,0 ppm.	Bổ sung hỗn hợp khoáng vô cơ trong thức ăn cho lợn.	Dạng bột, màu xám.	Zagro Singapore Pte Ltd.	Singapore	8/2/2023
264	Zagromix SVP VN	380-11/12-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Các Vitamin (A, D3, E, K3, B1, B2, B6, B12, Biotin, axit Folic, axit Nicotinic, axit Pantothenic) và chất mang (CaCO₃). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Vitamin A: 45.000.000,0 - 60.000.000,0 IU; Vitamin D3: 5.600.000,0 - 7.500.000,0 IU; Vitamin E: 115,5 - 150,0 g; Vitamin K3: 6,7 - 9,0 g; Vitamin B1: 6,7 - 9,0 g; Vitamin B2: 13,5 - 18,0 g; Vitamin B6: 11,2 - 15,0 g; Vitamin B12: 90,0 - 120,0 g; Biotin: 450,0 - 600,0 mg; axit Folic: 9,0 - 12,0 g; axit Nicotinic: 67,5 - 90,0 g; axit Pantothenic: 45,0 - 60,0 g. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Pb ≤ 2,0 ppm; Hg ≤ 0,1 ppm; As ≤ 0,5 ppm; Cd ≤ 0,5 ppm.	Bổ sung hỗn hợp vitamin trong thức ăn cho lợn.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	Zagro Singapore Pte Ltd.	Singapore	8/2/2023
265	Zagrovit Calpan	383-11/12-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: D-Calcium pantothenate. - Chỉ tiêu chất lượng: D-calcium pantothenate ≥ 98,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 2,0 ppm; Hg ≤ 0,1 ppm; As ≤ 0,5 ppm; Cd ≤ 0,5 ppm.	Bổ sung vitamin B ₅ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	Zagro Singapore Pte Ltd.	Singapore	8/2/2023
266	Zagrosol AD3E	325-11/12-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin (A, D3, E) và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 lít): Vitamin A: 80.000.000,0 - 120.000.000,0 IU; Vitamin D3: 16.000.000,0 - 24.000.000,0 IU; Vitamin E: 20,0 - 30,0 g. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Pb < 2,0 ppm; Hg < 0,1 ppm; As < 0,5 ppm; Cd < 0,5 ppm.	Bổ sung các vitamin trong thức ăn và nước uống cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu vàng.	Zagro Singapore Pte Ltd.	Singapore	8/2/2023

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
267	Zagrosol B-Lyte	327-11/12-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Các Vitamin (B1, B2, B6, B12, Nicotinamide, axit Pantothenic), Sodium chloride, Potassium chloride và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 lít): Vitamin B1: 1,6 - 2,4 g; Vitamin B2: 1,6 - 2,4 g; Vitamin B6: 2,4 - 3,6 g; Vitamin B12: 8,0 - 12,0 mg; Nicotinamide: 9,6 - 14,4 g; axit Pantothenic: 1,6 - 2,4 g; Natri (Na): 1,25 - 1,87 g; Kali (K): 0,41 - 0,61 g; Clo (Cl): 2,34 - 3,52 g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb < 2,0 ppm; Hg < 0,1 ppm; As < 0,5 ppm; Cd < 0,5 ppm.	Bổ sung vitamin và chất điện giải trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu cam.	Zagro Singapore Pte Ltd.	Singapore	8/2/2023
268	Zagrosol ES	326-11/12-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin E, Sodium Selenite và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 lít): Vitamin E: 120,0 - 180,0 g; Selen (Se): 0,2 - 0,3 g. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Pb < 2,0 ppm; Hg < 0,1 ppm; As < 0,5 ppm; Cd < 0,5 ppm.	Bổ sung vitamin và khoáng trong thức ăn và nước uống cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu vàng.	Zagro Singapore Pte Ltd.	Singapore	8/2/2023
269	Zagrosol Multivite	328-11/12-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Các Vitamin (A, D3, E, B1, B2, B6, B12, Biotin, Nicotinamide, axit Pantothenic) và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 lít): Vitamin A: 8.000.000,0 - 12.000.000 IU; Vitamin D3: 2.400.000,0 - 3.600.000,0 IU; Vitamin E: 8,0 - 12,0 g; Vitamin B1: 2,8 - 4,2 g; Vitamin B2: 1,6 - 2,4 g; Vitamin B6: 1,6 - 2,4 g; Vitamin B12: 8,0 - 12,0 mg; Biotin: 8,0 - 12,0 mg; Nicotinamide: 4,0 - 6,0 g; axit Pantothenic: 4,0 - 6,0 g. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Pb < 2,0 ppm; Hg < 0,1 ppm; As < 0,5 ppm; Cd < 0,5 ppm.	Bổ sung các vitamin trong thức ăn và nước uống cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu cam đậm.	Zagro Singapore Pte Ltd.	Singapore	8/2/2023
270	Agrobond Plus	295-10/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp khoáng đất sét tự nhiên (Bentonite-Montmorillonite, Sepiolitic clay, Kieselgur), nấm men bất hoạt và dầu thực vật. - Các chỉ tiêu vệ sinh: Cadimi (Cd) ≤ 15 ppm; Flo (F) ≤ 350 ppm; Chì (Pb) ≤ 200 ppm; Thủy ngân (Hg) ≤ 0,1 ppm.	Bổ sung chất hấp phụ độc tố trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu be.	Andres Pinaluba, S.A.	Spain	10/2/2019

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
271	Iberfeed Binmold	402-12/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Aluminium sodium calcium formate propionate hydrated silicate: 100 %. - Công thức phân tử: $19\text{SiO}_2.15\text{CaO}. \text{Na}_2\text{O}. \text{Al}_2\text{O}_3.9\text{Ca}(\text{HCOO})_2.6\text{Ca}(\text{CH}_3\text{CH}_2\text{COO})_2.15\text{H}_2\text{O}$. - Chi tiêu vệ sinh: $\text{Pb} \leq 10,0 \text{ ppm}$; $\text{Cd} \leq 2,0 \text{ ppm}$; $\text{As} \leq 2,0 \text{ ppm}$; $\text{Hg} \leq 1,0 \text{ ppm}$.	Bổ sung trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm hấp phụ độc tố nấm mốc.	Dạng bột, màu nâu.	Biovet, SA.	Spain	12/2017
272	Amicen's Solucion Plus	168-6/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin (A, D3, E, B1, B2, B6, B12, Nicotinic acid, Calcium pantothenate, C, Folic acid, K3), protein thủy phân từ thực vật và chất mang (Nước). - Chi tiêu chất lượng (tính trong 1,0 ml): Vitamin A $\geq 19.000,0 \text{ IU}$; Vitamin D3 $\geq 4.750,0 \text{ IU}$; Vitamin E $\geq 8,55 \text{ mg}$; Vitamin B1 $\geq 4.75 \text{ mg}$; Vitamin B2 $\geq 9,5 \text{ mg}$; Vitamin B6 $\geq 2,5 \%$; Axit Nicotinic $\geq 19,0 \text{ mg}$; Calcium pantothenate $\geq 9,5 \text{ mg}$; Vitamin C $\geq 47,5 \text{ mg}$; Axit folic $\geq 0,5 \text{ mg}$; Vitamin K3 $\geq 4,75 \text{ mg}$. - Chi tiêu vệ sinh: Ecoli không có trong 1 g; <u>Salmonella không có trong 25 g</u>	Bổ sung premix vitamin và hỗn hợp axit amin (từ protein thực vật thủy phân) cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu nâu.	Cenavisa, S.L.	Spain	10/2/2019
273	Hepatocen Liquido	232-9/12-CN	- Hoạt chất chính trong 1 lít sản phẩm: vitamin B1 ($2,5 \pm 0,5 \text{ g}$); vitamin B2 ($5,5 \pm 0,5 \text{ g}$); vitamin B6 ($3,5 \pm 0,5 \text{ g}$), vitamin B12 ($15 \pm 2 \text{ mg}$), nicotiamide ($8,0 \pm 1,0 \text{ g}$), canxi pantothenate ($8,0 \pm 1,0 \text{ g}$) và DL-methionine ($10,0 \pm 1,0 \text{ g}$). - Thành phần khác: chất phụ gia (sorbitol), và các chất mang (1,2-propanodiol, NaCl, glucose).	Bổ sung các vitamin nhóm B và axit amin cho gia cầm.	Dạng lỏng, màu hồ phách.	Cenavisa, S.L.	Spain	10/2/2019
274	Complejo Reconstituyente	268-9/12-CN	- Thành phần chính trong 1 kg: Vitamin A $\geq 10.000 \text{ IU}$; Vitamin D3 $\geq 2.000.000 \text{ IU}$; Vitamin E $\geq 5\text{g}$; Vitamin B1 $\geq 1\text{g}$; Vitamin B2 $\geq 4\text{g}$; Vitamin B6 $\geq 1\text{g}$; Vitamin H $\geq 1\text{g}$.	Bổ sung vitamin trong thức ăn, nước uống cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng	Dex Iberica S.A.	Spain	10/2/2019
275	Digestivo	269-9/12-CN	- Thành phần chính trong 1 kg: Formic acid (85%) $\geq 100\text{g}$; Orthophosphoric acid (85%) $\geq 650\text{g}$.	Bổ sung axit hữu cơ trong thức ăn, nước uống cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu nâu sẫm.	Dex Iberica S.A.	Spain	10/2/2019
276	Electro – Dex	266-9/12-CN	- Thành phần chính trong 1 kg: Mn $\geq 3,2\text{g}$; Cu $\geq 3,6\text{g}$; Co $\geq 0,2 \text{ g}$.	Bổ sung khoáng vi lượng trong thức ăn, nước uống cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	Dex Iberica S.A.	Spain	10/2/2019
277	Hepavit Liq	265-9/12-CN	- Thành phần chính trong 1 lít: Vitamin B1 $\geq 5,0 \text{ g}$; Vitamin B6 $\geq 6,0\text{g}$; Vitamin B12 $\geq 10\text{mg}$; Vitamin K3 $\geq 3,5\text{g}$; Choline Chloride $\geq 200\text{g}$	Bổ sung vitamin trong thức ăn, nước uống cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu đỏ.	Dex Iberica S.A.	Spain	10/2/2019

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
278	Vitaminoacido Liq	267-9/12-CN	- Thành phần chính trong 1 lít: Vitamin A $\geq 10\,000\,000$ IU; Vitamin D3 $\geq 2\,000\,000$ IU; Vitamin E $\geq 4\,000$ IU; Vitamin B1 $\geq 0,4$ g; Vitamin B6 $\geq 0,3$ g; Choline ≥ 5 g.	Bổ sung vitamin trong thức ăn, nước uống cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu vàng đỏ.	Dex Iberica S.A.	Spain	10/2/2019
279	Sudan Hay	292-10/12-CN	- Bản chất: Cỏ Sudan khô. - Chỉ tiêu vệ sinh: Cd $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm.	Cỏ Sudan khô, được sử dụng làm thức ăn cho gia súc.	Dạng thô, màu xanh hoặc vàng.	Navarro Aragonesa De Forrajes, S.A.	Spain	10/2/2019
280	Ecobiol	357-11/12-CN/17	- Thành phần: Bacillus amyloliquefaciens (CECT 5940) và chất mang (dextrose). - Chỉ tiêu chất lượng: Bacillus amyloliquefaciens $\geq 1,0 \times 10^9$ CFU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g.	Bổ sung vi khuẩn có lợi đường tiêu hóa vật nuôi (Bacillus amyloliquefaciens CECT 5940) trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	Evonik Espana y Portugal, S.A.	Spain	2/3/2023
281	Salmonat B	355-11/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: hỗn hợp axit hữu cơ và muối axit hữu cơ (calcium formate, propionic acid, sodium propionate, calcium propionate, sorbic acid) và chất mang (calcium sulphate và calcium carbonate). - Một số chỉ tiêu chất lượng: canxi format ($\geq 28,3\%$); pH (5,5 - 7,5); khoáng tổng số (86,0 - 90,0 %). - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 0,1$ ppm; Pb $\leq 0,05$ ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm; Cd $\leq 0,05$ ppm.	Bổ sung chất bảo quản (các axit hữu cơ và muối axit hữu) trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng kem.	Norel, S.A.	Spain	11/2017
282	Seven + 25	356-11/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: hỗn hợp axit hữu cơ và vô cơ (fumaric, citric, lactic, formic, malic, orthophosphoric, sorbic acid), chất chống vón và chất tạo mùi. - Một số chỉ tiêu chất lượng: pH $< 3,5$; axit citric monohydrate ($\geq 11,0\%$); axit formic ($\geq 3,5\%$); khoáng tổng số (68,5 - 70,5 %). - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 0,1$ ppm; Pb $\leq 0,05$ ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm; Cd $< 0,05$ ppm.	Bổ sung chất axit hóa (các axit hữu cơ và vô cơ) trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng kem.	Norel, S.A.	Spain	11/2017
283	Sugarex 36	135-5/12-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Sodium saccharine, Neohesperidin dihydrochalcone (NHDC) và chất chống kết dính (Silicic acid). - Chỉ tiêu chất lượng: Sodium saccharine $\geq 92,6\%$; NHDC $\geq 5,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Pb $< 5,0$ ppm; As $< 2,0$ ppm; Cd $< 0,5$ ppm; Hg $< 0,1$ ppm.	Bổ sung chất tạo ngọt trong thức ăn cho lợn.	Dạng bột, màu trắng đến vàng nhạt.	Interquim, S.A.	Spain	17/5/2023

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
284	PGA BP - 800 (Poly Glutamic Acid Broth Powder)	189-7/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ri mật đường, Axit L-Glutamic và chất mang (bột đậu tương). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm ≤ 7,0 %; Protein ≥ 20,0 %; Khoáng tổng số ≤ 10,0 % - Chỉ tiêu vệ sinh: Ecoli không có trong 1 g; <u>Salmonella không có trong 25 g</u>	Sản phẩm lên men từ hỗn hợp: ri mật đường, bột đậu tương, axit glutamic; dùng làm thức ăn bổ sung protein cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng hơi nâu.	Vedan Enterprise Corporation.	Taiwan	10/2/2019
285	Allzyme SSF Liquid 500ml	171-6/12-CN/17	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất từ nấm Aspergillus niger lên men, Glycerin, Sodium chloride, Potassium sorbate và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 ml): Phytase ≥ 120,0 SPU; Alpha Amylase ≥ 12,0 FAU; Beta-glucanase ≥ 80,0 BGU; Cellulase ≥ 16,0 CMCU; Pectinase ≥ 1.600,0 AJDU; Fungal protease ≥ 280,0 HUT; Xylanase ≥ 40,0 XU. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; <u>Salmonella không phát hiện trong 25g.</u>	Bổ sung hỗn hợp enzyme trong thức ăn cho lợn và gia cầm.	Dạng lỏng, màu nâu nhạt.	Alltech Biotechnology Corp, Ltd.	Thailand	29/12/2022
286	Allzyme SSF E	170-6/12-CN/17	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất từ nấm Aspergillus niger lên men và chất mang (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 g): Phytase ≥ 300,0 SPU; Protease ≥ 700,0 HUT; Cellulase ≥ 40,0 CMCU; Xylanase ≥ 100,0 XU; Beta-glucanase ≥ 200,0 BGU; Amylase ≥ 30,0 FAU; Pectinase ≥ 4.000,0 AJDU. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; <u>Salmonella không phát hiện trong 25g.</u>	Bổ sung hỗn hợp enzyme trong thức ăn cho lợn và gia cầm.	Dạng bột, màu trắng nhạt.	Alltech Biotechnology Corp, Ltd.	Thailand	29/12/2022
287	Shrimp Soluble Concentrate	161-6/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Phụ phẩm của quá trình chế biến tôm (đầu, vỏ) và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm ≤ 40,0 %; Protein ≥ 30,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Ecoli không có trong 1 g; <u>Salmonella không có trong 25 g; As ≤ 10,0 ppm; Hg ≤ 0,5 ppm; Cd < 2,0 ppm; Pb < 10,0 ppm.</u>	Sản phẩm chứa protein được tách chiết từ đầu tôm và vỏ tôm, dùng làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng sệt, màu nâu đất.	Bangkok Fisheries Co., Ltd.	Thailand	10/2/2019
288	Actifarm	217-8/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vi khuẩn có lợi Bacillus subtilis; phụ gia (chất tạo màu) và chất mang (cám gạo). - Chỉ tiêu chất lượng: Bacillus subtilis: ≥ 7×10 ⁹ CFU/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli (không phát hiện CFU/g), <u>Salmonella (không phát hiện CFU/25 g), tổng kim loại nặng As, Pb, Cd, Hg (< 10,0 ppm).</u>	Bổ sung vi khuẩn có lợi đường tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện khả năng tiêu hóa của vật nuôi.	Dạng hạt, màu xanh.	Sahathanee Co., Ltd.	Thailand	10/2/2019

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
289	Zymax	412-12/12-CN/17	- Thành phần nguyên liệu: Bacillus subtilis, chất tạo màu (radish red pigment) và chất mang (cám gạo). - Chỉ tiêu chất lượng: Bacillus subtilis $\geq 7,0 \times 10^9$ CFU/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $< 10,0$ ppm; As $< 2,0$ ppm; Cd $< 1,0$ ppm.	Bổ sung vi khuẩn có lợi Bacillus subtilis trong thức ăn cho lợn và gia cầm.	Dạng bột, màu hồng.	Sahathanee Co., Ltd.	Thailand	29/12/2022
290	Chelasol - Broiler	262-9/12-CN	- Hỗn hợp khoáng hữu cơ. - Thành phần chính trong 1 kg: NaCl (58,5-71,5g); K (5,4-6,6g); Fe (1,35-1,65g); Zn (4,95-6,05g); Cu (4,5-5,5 g); Co (90-110 mg); Mn (540-660mg); Mg (2,7-3,3g); Methionine (44-55mg). - Chất mang: Nước.	Bổ sung khoáng hữu cơ trong thức ăn, nước uống cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu xanh.	Vet Superior Consultant Co., Ltd.	Thailand	10/2/2019
291	Chelasol - Poultry	263-9/12-CN	- Hỗn hợp khoáng hữu cơ. - Thành phần chính trong 1 kg: Ca (4,5-5,5g); K (4,5-5,5g); Zn (2,25-2,75g); Cu (0,9-1,1g); Mn (2,7-3,3g); Mg (4,5-5,5g); Fe (3,6-4,4g); Glycine (9,0-11,0g). - Các chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm. - Chất mang: Nước.	Bổ sung khoáng hữu cơ trong thức ăn, nước uống cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu xanh.	Vet Superior Consultant Co., Ltd.	Thailand	10/2/2019
292	Chromamix Plus	264-9/12-CN	- Hỗn hợp khoáng hữu cơ. - Thành phần chính trong 1 kg: Cr (0,18 – 0,22g); Mn (20,25-24,75g); Fe (54,0-6,0g). - Chất mang: Bột đá.	Bổ sung khoáng hữu cơ trong thức ăn, nước uống cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	Vet Superior Consultant Co., Ltd.	Thailand	10/2/2019
293	Euro Calf	231-9/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: whey, sữa bột, dầu thực vật, bột đậu tương, premix vitamin-khoáng. - Thành phần dinh dưỡng: Protein (≥ 21 %), mỡ (≥ 15 %), carbohydrates (≥ 48 %). - Các chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella (không phát hiện CFU/ 25 g).	Sản phẩm thay thế sữa, dùng làm thức ăn bổ sung cho bê con.	Dạng bột, màu vàng.	Industrie-en Handelssonderne ming Vreugdenhil B.V.	The Netherlands	10/2/2019
294	Fokkamix 40	190-7/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bột Whey, Protein đậu tương, dầu cọ, Calcium formiate, bột Whey khử lactose, Protein từ lúa mì, dầu dừa. - Chỉ tiêu vệ sinh:	Hỗn hợp các sản phẩm từ sữa, hạt đậu tương, ngũ cốc, dầu thực vật, premix vitamin và khoáng; dùng làm thức ăn bổ sung cho bê.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Nukamel B.V.	The Netherlands	10/2/2019

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
295	Premulac 20	228-9/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: whey giàu đạm, protein đậu tương, dầu thực vật, chất bảo quản. - Thành phần dinh dưỡng chính: Protein $\geq 19,0$ %; Mỡ thô $\geq 19,0$ %; Lactose $\geq 33,5$ %. - Các chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella (không phát hiện CFU/ 25 g), E. coli (không phát hiện CFU/g).	Bổ sung dinh dưỡng trong thức ăn chăn nuôi lợn con.	Dạng bột, màu trắng kem.	Nutrifeed.	The Netherlands	10/2/2019
296	ProPhorce TM SR 130	396-12/12-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Sản phẩm thu được từ quá trình phản ứng giữa axit butyric và glycerol (bao gồm hỗn hợp: glycerin; di- và triglycerides butyrate) và chất mang (Silica). - Chỉ tiêu chất lượng: Axit butyric (sau khi xà phòng hóa): 50,4 - 58,4 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb < 10,0 ppm; Hg < 0,1 ppm.	Bổ sung axit Butyric trong thức ăn cho lợn và gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng hạt mịn, màu trắng.	Perstorp Waspik B.V.	The Netherlands	25/1/2023
297	MucoPro Powder 80P	162-6/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Protein thủy phân từ niêm mạc ruột. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 5,0$ %; Protein $\geq 70,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Ecoli không có trong 1 g; Salmonella không có trong 25 g.	Sản phẩm protein thủy phân được tách chiết từ niêm mạc ruột lợn, dùng làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	Sonac Burgum B.V.	The Netherlands	10/2/2019
298	Energylac 50	141-5/12-CN/17	- Thành phần nguyên liệu: Bột whey và dầu thực vật. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 2,5$ %; Protein thô (CP) $\geq 6,0$ %; Béo thô (Fat) $\geq 50,0\%$; Lactose $\geq 37,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g.	Bổ sung hỗn hợp bột whey và dầu thực vật, dùng làm nguyên liệu thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Schils B.V.	The Netherlands	27/6/2022
299	Feed Bond	291-10/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hydrated Sodium Calcium Aluminosilicates (HSCAS). - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 40,0$ ppm; As $\leq 12,0$ ppm.	Khoáng Zeolit tự nhiên, bổ sung trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm hấp phụ độc tố.	Dạng bột, màu trắng đến trắng ngà.	ACG Products Ltd.	USA	10/2/2019
300	Bio-Chrome 5000	379-11/12-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Nấm men bất hoạt có chứa Crôm (thu được từ tế bào nấm men nuôi cấy trong môi trường giàu Crôm) và chất mang (nấm men bất hoạt không chứa Crôm). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0$ %; Chromium (Cr): 5.000,0 - 6.500,0 ppm. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; As $\leq 50,0$ ppm; Cd $\leq 30,0$ ppm.	Bổ sung khoáng hữu cơ (Crôm) trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu xanh.	Alltech, Inc.	USA	24/4/2023

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
301	Demp	144-5/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: 100% chiết xuất từ tế bào nấm men. - Chỉ tiêu chất lượng: protein: 40,0 - 50,0 %.	Bổ sung protein từ chiết xuất nấm men Saccharomyces Cerevisiae trong thức ăn cho gia súc nhai lại.	Dạng bột, màu nâu.	Alltech Inc.	USA	10/2/2019
302	Vac-Pac Plus Intl.	191-7/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Potassium phosphate, Sodium phosphate, Sodium sulfate, Sodium bicarbonate, Potassium chloride, lysine, Maltodextrin. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 2,0$ %; Kali (K): ; Natri (Na):. - Chỉ tiêu vệ sinh:	Bổ sung các chất điện giải (Na, K) cho gia súc, gia cầm.	Dạng hạt, màu xanh nhạt.	Animal Science Products, Inc.	USA	10/2/2019
303	KeyShure® Copper Proteinate	164-6/12-CN/17	- Thành phần nguyên liệu: Copper oxide, Copper carbonate, Copper sulfate và chất mang (bột ngô, bột đậu tương, bột mỳ). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Đồng (Cu): 15,0 - 18,0 %; Protein $\geq 23,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 100,0$ ppm; As $\leq 12,0$ ppm; Cd $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,2$ ppm.	Bổ sung khoáng Đồng (Cu) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu xanh nhạt đến xanh đậm.	Balchem Corporation.	USA	28/7/2022
304	KeyShure® Iron Proteinate	165-6/12-CN/17	- Thành phần nguyên liệu: Iron oxide, Iron carbonate, Iron sulfate và chất mang (bột ngô, bột đậu tương, bột mỳ). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Sắt (Fe): 15,0 - 18,0 %; Protein $\geq 26,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 100,0$ ppm; As $\leq 12,0$ ppm; Cd $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,2$ ppm.	Bổ sung khoáng Sắt (Fe) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu đậm.	Balchem Corporation.	USA	28/7/2022
305	KeyShure® Manganese Proteinate	166-6/12-CN/17	- Thành phần nguyên liệu: Manganese oxide, Manganese carbonate, Manganese sulfate và chất mang (bột ngô, bột đậu tương, bột mỳ). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Mangan (Mn): 15,0 - 18,0 %; Protein $\geq 23,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 100,0$ ppm; As $\leq 12,0$ ppm; Cd $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,2$ ppm.	Bổ sung khoáng Mangan (Mn) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu xám nhạt.	Balchem Corporation.	USA	28/7/2022
306	KeyShure® Zinc Proteinate	167-6/12-CN/17	- Thành phần nguyên liệu: Zinc oxide, Zinc carbonate, Zinc sulfate và chất mang (bột ngô, bột đậu tương, bột mỳ). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Kẽm (Zn): 15,0 - 18,0 %; Protein $\geq 34,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 100,0$ ppm; As $\leq 12,0$ ppm; Cd $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,2$ ppm.	Bổ sung khoáng Kẽm (Zn) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng nâu.	Balchem Corporation.	USA	28/7/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
307	NiaShure™	142-5/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Niacin (nicitinic acid được bao bọc) và dầu thực vật đã được hydro hóa. - Chỉ tiêu chất lượng: Niacin $\geq 65,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 4,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,2$ ppm.	Bổ sung Niacin (dạng bypass dạ cỏ) trong thức ăn cho bò.	Dạng hạt, màu trắng.	Balchem Corporation.	USA	10/2/2019
308	NitroShure™	143-5/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Urê, dầu thực vật đã được hydro hóa, monoglycerides, chất tạo màu caramel. - Chỉ tiêu chất lượng: Nito phi protein $\geq 40,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 4,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,2$ ppm.	Bổ sung nito phi protein (từ urê) trong thức ăn cho bò.	Dạng hạt, màu nâu vàng tới nâu.	Balchem Corporation.	USA	10/2/2019
309	ReaShure®	278-9/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Choline chloride, dầu thực vật và chất mang (bột lõi ngô). - Hoạt chất chính: Choline chloride: $\geq 28,8$ %. - Các chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 4,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,2$ ppm.	Bổ sung Choline Chloride cho gia súc nhai lại.	Dạng hạt, màu nâu nhạt đến nâu.	Balchem Corporation.	USA	10/2/2019
310	Sudan Hay	293-10/12-CN	- Bản chất: Cỏ Sudan khô. - Chỉ tiêu vệ sinh: Cd $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm.	Cỏ Sudan khô, được sử dụng làm thức ăn cho gia súc.	Dạng thô, màu xanh hoặc vàng.	El Toro Export, LLC.	USA	10/2/2019
311	Optimin® Copper 15%	434-12/12-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Đồng chelate, đậm đặc nành thủy phân. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 8,0$ %; Đồng (Cu): 14,5 - 16,5 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 25,0$ ppm; Cd $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 12,0$ ppm; Hg $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung khoáng hữu cơ (Đồng) hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu xanh lá cây.	Great Plains Processing.	USA	30/3/2023
312	Optimin® Iron 15%	436-12/12-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Sắt chelate, đậm đặc nành thủy phân. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 8,0$ %; Sắt (Fe): 14,5 - 16,5 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 25,0$ ppm; Cd $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 12,0$ ppm; Hg $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung khoáng hữu cơ (Sắt) hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu.	Great Plains Processing.	USA	30/3/2023
313	Optimin® Manganese 15%	435-12/12-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Mangan chelate, đậm đặc nành thủy phân. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 8,0$ %; Mangan (Mn): 14,5 - 16,5 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 25,0$ ppm; Cd $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 12,0$ ppm; Hg $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung khoáng hữu cơ (Mangan) hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng nhạt.	Great Plains Processing.	USA	30/3/2023

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
314	Optimin® ZMC	437-12/12-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Kẽm chelate, Đồng chelate đồng, Mangan chelate, đậm đặc nành thủy phân, chất mang (CaCO ₃). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm ≤ 8,0 %; Kẽm (Zn): 7,5 - 9,2 %; Mangan (Mn): 3,5 - 4,6 %; Đồng (Cu): 1,5 - 2,3 %. - Chỉ tiêu an toàn (ppm): Pb ≤ 25,0; Cd ≤ 5,0; As ≤ 12,0; Hg < 0,5.	Bổ sung khoáng hữu cơ (Kẽm, Mangan, Đồng) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu xanh lá cây nhạt.	Great Plains Processing.	USA	30/3/2023
315	Optimin® Zinc 15%	433-12/12-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Kẽm chelate, đậm đặc nành thủy phân. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm ≤ 8,0; Kẽm (Zn): 14,5 - 16,5 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 25,0 ppm; Cd ≤ 5,0 ppm; As ≤ 12,0 ppm; Hg ≤ 0,5 ppm.	Bổ sung khoáng hữu cơ (Kẽm) hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng nhạt.	Great Plains Processing.	USA	30/3/2023
316	Cheese Meal	176-6/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Phomat, vỏ đậu tương, chất bảo quản (BHA). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm ≤ 10,0 %; Protein ≥ 40,0 %; Béo ≥ 20,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Ecoli không có trong 1 g; Salmonella không có trong 25 g.	Hỗn hợp phomat vụn và vỏ đậu tương dùng làm thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng.	HRW, Inc.	USA	10/2/2019
317	AF-65 Granular	366-11/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Khoáng tự nhiên (0,7 - 1,0 %) và chất mang (Kaolin). - Hàm lượng một số hoạt chất chính: KCl (0,10 - 1,14 %); MgSO ₄ (0,08 - 0,10 %). - Chỉ tiêu an toàn: Hg ≤ 0,3 ppm; Cd ≤ 0,5 ppm; Pb ≤ 8,0 ppm; As < 2,0 ppm.	Bổ sung khoáng tự nhiên (K, Mg, Fe, Ca, Na, Mn, Zn) trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng hạt, màu nâu đen.	Live Earth Products.	USA	11/2017
318	Chromax	340-11/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chromium tripicolinate, CaCO ₃ , dầu khoáng. - Một số hoạt chất chính: Crôm (Cr): 400,0 - 500,0 ppm, Canxi (Ca): 35,0 - 40,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As ≤ 10,0 ppm, Pb ≤ 10,0 ppm, Hg ≤ 1,0 ppm, Cd ≤ 5,0 ppm.	Bổ sung khoáng Crôm trong thức ăn chăn nuôi lợn.	Dạng bột, màu trắng nhạt.	Prince Agri Products, Inc.	USA	10/2/2019
319	Cardio-Strength	202-7/12-CN	- Hoạt chất chính trong một viên (790 mg): L-carnitine HCl (250mg); L-aurine (250mg); N,N-Dimethylglycine HCl (50mg); vitamin E (30 IU); coenzyme Q10 (20mg); folic acid (0,9mg), Magiê (0,5mg); Kali (0,1mg), Selen (0,007mg). - Thành phần khác: các chất mang	Thức ăn bổ sung cho chó nhằm hỗ trợ tim.	Dạng viên không chứa bột màu vàng	Vetri-Science Laboratories of Vermont (a division of FoodScience Corporation).	USA	10/2/2019

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
320	UT Strength STAT for Dogs	201-7/12-CN	- Hoạt chất chính trong một viên (1900 mg): Methionine: 100 mg; Vitamine C: 60 mg. Lactobacillus acidophilus: 35×10 ⁶ CFU; - Thành phần khác: Bột thực vật, chiết xuất thực vật, chất phụ gia và các chất mang.	Thức ăn bổ sung cho chó nhằm hỗ trợ đường tiết niệu.	Dạng viên, màu nâu đến hồng nhạt.	Vetri-Science Laboratories of Vermont (a division of FoodScience Corporation).	USA	10/2/2019
321	Vetri-SAMe 225 mg	200-7/12-CN	- Hoạt chất chính trong một viên (850 mg): S-Adenosylmethionine: 250mg L-Glutathione: 20mg - Thành phần khác: các chất mang.	Thức ăn bổ sung cho chó nhằm hỗ trợ gan.	Dạng viên, màu cam nâu.	Vetri-Science Laboratories of Vermont (a division of FoodScience Corporation).	USA	10/2/2019
322	Copro 25	199-7/12-CN	- Thành phần nguyên liệu: Cobalt glucoheptonate và các chất mang (CaCO ₃ và bột lõi ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Coban: 2,5 %.	Bổ sung khoáng Coban trong thức ăn chăn nuôi gia súc ăn cỏ.	Dạng bột, màu nâu.	Zinpro Corporation DBA Zinpro Animal Nutrition.	USA	10/2/2019
323	Premiks selenowy 4,5% Se (Selenium premix 4.5% Se)	123-4/12-CN		Bổ sung khoáng Selen trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng đến be.	Anima Sp.zo.o. Poland.	Poland	10/2/2019
324	Fish Soluble Liquid	303-9/13-CN	- Nguyên liệu chính: Phụ phẩm chế biến từ cá. - Thành phần dinh dưỡng: protein thô ≥ 32,0 %; mỡ thô ≤ 10,0 %; ẩm độ ≤ 55,0%. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli không có trong 1 g; <u>Salmonella không có trong 25 g.</u>	Bổ sung protein trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu nâu sẫm.	Coomarpes Ltda.	Argentina	9/2018
325	Biostrong 510	09-01/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: hỗn hợp các chất tạo mùi (bột thảo dược: 22,0%; tinh dầu thảo dược: 7,5%) và các chất mang (cám mỳ, silica và bột đá). - Các chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện CFU trong 25 g; As ≤ 4,0 ppm; Pb ≤ 200,0 ppm.	Bổ sung chất tạo mùi trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc dạ dày đơn và gia cầm.	Dạng bột, màu nâu vàng.	Delacon Biotechnik GmbH.	Austria	1/2018
326	Fresta F	08-01/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: hỗn hợp các chất tạo mùi (bột thảo dược: 50,5%; tinh dầu thảo dược: 1,5%) và các chất mang (cám mỳ, silica và bột đá). - Các chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện CFU trong 25 g; As ≤ 4,0 ppm; Pb ≤ 200,0 ppm.	Bổ sung chất tạo mùi trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc dạ dày đơn và gia cầm.	Dạng bột, màu nâu vàng.	Delacon Biotechnik GmbH.	Austria	1/2018

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
327	AveMix 02 CS L	236-7/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các enzyme (β -glucanase, xylanase, pectinase) và chất mang (sorbitol, glycerol, water). - Chỉ tiêu chất lượng: Xylanase $\geq 10.700,0$ U/g; β -glucanase $\geq 6.150,0$ U/g; Pectinase $\geq 230,0$ PGLU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không có trong 25 g; E. coli không có trong 25 g.	Bổ sung các enzyme tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu nâu.	Aveve NV.	Belgium	7/2018
328	AveMix P5000	237-7/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Enzyme Phytase và chất mang (bột mỳ, bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: Phytase $\geq 5.000,0$ FU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không có trong 25 g; E. coli không có trong 25 g; Pb $< 5,0$ ppm; As $< 3,0$ ppm.	Bổ sung enzyme Phytase trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu xám.	Aveve NV.	Belgium	7/2018
329	AveMix P5000 L	238-7/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Enzyme Phytase và chất mang (sorbitol, glycerol, water). - Chỉ tiêu chất lượng: Phytase $\geq 5.000,0$ FU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không có trong 25 g; E. coli không có trong 25 g.	Bổ sung enzyme Phytase trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu nâu.	Aveve NV.	Belgium	7/2018
330	AveMix XG 10 L	235-7/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các enzyme (β -glucanase, xylanase) và chất mang (sorbitol, glycerol, water). - Chỉ tiêu chất lượng: Xylanase $\geq 40.000,0$ XU/g; β -glucanase $\geq 9.000,0$ BGU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không có trong 25 g; E. coli không có trong 25 g.	Bổ sung các enzyme tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu nâu.	Aveve NV.	Belgium	7/2018
331	Herbalmax	324-9/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất từ hỗn hợp thực vật (hoa và rễ cây Echinacea purpurea 34,40 %; lá cây Plantago major 34,0 %; lá cây Eucalyptus globulus 27,0 %; hoa và rễ cây Drosera rotundifolia 4,0 %) và các acid hữu cơ (Acetic acid: 0,204 %; formic acid: 0,182 %; lactic acid: 0,106 %) - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 0,3$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,2$ ppm; Cd $\leq 5,0$ ppm.; Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g.	Bổ sung chiết xuất thực vật cho gia súc, gia cầm nhằm cải thiện chức năng gan, hỗ trợ đường tiêu của vật nuôi.	Dạng lỏng, màu nâu.	Herbavita BVBA.	Belgium	9/2018

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
332	Aflorin BF L	40-02/13-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Axit photphoric, axit citric, hỗn hợp chất tạo mùi (0,6 %) (chiết xuất từ chè xanh và hạt nho); Dextrose và chất mang (nước). - Một số chỉ tiêu chất lượng: Axit photphoric $\geq 2,0$ %; axit Citric $\geq 8,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g.	Bổ sung axit hữu cơ và chiết xuất thực vật trong nước uống cho gia súc, gia cầm nhằm giảm nguy cơ stress của vật nuôi.	Dạng lỏng, màu đỏ.	Innov AD NV.	Belgium	16/3/2023
333	Escent L	228-7/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit orthophosphoric, axit lactic, axit citric, chất tạo mùi (chiết xuất từ các thảo dược), chiết xuất nấm men, và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng: Axit lactic: 2,4 - 3,2 %; axit citric: 5,5 - 6,5 %; axit orthophosphoric: 4,5 - 5,5 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 200,0$ ppm; As $\leq 20,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm; Cd $\leq 20,0$ ppm.	Bổ sung các axit hữu cơ và vô cơ trong thức ăn và nước uống cho gia súc, gia cầm nhằm kiểm soát độc tố nấm mốc.	Dạng lỏng có vân mây, màu nâu sẫm.	Innov AD NV.	Belgium	7/2018
334	GV-Y 20	97-4/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: chiết xuất từ hoa cúc vạn thọ, chất bảo quản (ethoxyquin) và chất mang (bột đá, silica). - Chỉ tiêu chất lượng: Xanthophyll tổng số $\geq 2,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 200,0$ ppm; As $\leq 20,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm; Cd $\leq 20,0$ ppm.	Bổ sung Xanthophyll (Lutein), từ chiết xuất hoa cúc vạn thọ, trong thức ăn cho gia cầm nhằm cải thiện màu da và màu lòng đỏ trứng gia cầm.	Dạng bột, màu vàng đậm.	Innov AD NV.	Belgium	4/2018
335	Lumance	175-6/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Mono-, Di- và Tri-glycerides của axit butyric; các chất bảo quản (axit propionic, axit sorbic); chất tạo mùi, vị ngọt (tinh dầu thực vật, maltodextrin) và chất mang (silica). - Chỉ tiêu chất lượng: Axit propionic: 1,3 - 2,3 %; axit sorbic: 0,2 - 0,8 %; axit butyric: 10,0 - 12,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 200,0$ ppm; As $\leq 20,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm; Cd $\leq 20,0$ ppm.	Bổ sung axit butyric đã được este hóa trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	Innov AD NV.	Belgium	6/2018
336	Lumance L	319-9/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Mono-, Di- và Tri-glycerides của axit butyric; Kẽm sunphát; chất tạo mùi (Thyme oil, oreganum oil, cinnamon oil); chất bảo quản (Ammonium propionate); và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng: Axit propionic: 1,28 - 1,92 %; Zn: 0,70 - 1,05 %; axit butyric: 2,8 - 4,2 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 200,0$ ppm; As $\leq 20,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm; Cd $\leq 20,0$ ppm.	Bổ sung các axit butyric đã được glycerin hóa và kẽm cho gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng dung dịch, màu hổ phách.	Innov AD NV.	Belgium	9/2018

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
337	Magnet	48-3/13-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Bentonite-montmorillonite và sepiolite, nấm men bất hoạt và chiết xuất nấm men (<i>Saccharomyces cerevisiae</i>). - Chỉ tiêu chất lượng: SiO ₂ : 20,0 - 50,0 %; Al ₂ O ₃ : 2,0 - 12,0 % - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 100,0 ppm; As ≤ 10,0 ppm; Hg < 1,0 ppm; Cd < 15,0 ppm.	Bổ sung các chất hấp phụ độc tố nấm mốc trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	Innov AD NV.	Belgium	4/4/2023
338	Novicid	242-7/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit formic, axit lactic và các chất mang (axit silicic, khoáng tự nhiên Clinoptilopite, hỗn hợp steatites và chlorite). - Chỉ tiêu chất lượng: Axit formic: 2,75 - 4,25 %; axit lactic: 25,5 - 29,5 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 200,0 ppm; As ≤ 20,0 ppm; Hg < 1,0 ppm; Cd < 20,0 ppm.	Bổ sung các axit hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm kiểm soát độ pH đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột, màu nâu.	Innov AD NV.	Belgium	7/2018
339	Novicid 12PS	243-7/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: axit orthophosphoric, axit formic, axit citric, axit fumaric và các chất mang (axit silicic, hỗn hợp steatites và chlorite). - Chỉ tiêu chất lượng: Axit formic: 5,5 - 9,0 %; axit citric: 6,0 - 8,0 %; axit fumaric: 3,0 - 7,0 %; Axit orthophosphoric: 36,0 - 39,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 200,0 ppm; As ≤ 20,0 ppm; Hg < 1,0 ppm; Cd < 20,0 ppm.	Bổ sung các axit hữu cơ và vô cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm kiểm soát độ pH đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột, màu trắng ngà.	Innov AD NV.	Belgium	7/2018
340	Novicid ES L	244-7/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: axit orthophosphoric, axit formic, axit acetic, axit propionic, axit sorbic và chất mang (nước). - Một số chỉ tiêu chất lượng: Axit formic: 44,0 - 47,0 %; axit acetic: 14,0 - 17,5 %; axit propionic: 9,0 - 11,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 200,0 ppm; As ≤ 20,0 ppm; Hg < 1,0 ppm; Cd < 20,0 ppm.	Bổ sung các axit hữu cơ và vô cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm kiểm soát độ pH đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng lỏng, màu nâu.	Innov AD NV.	Belgium	7/2018
341	Novicid S	49-3/13-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Axit Formic, axit Lactic, Sodium formate và các chất mang (silicic acid, Clinoptilopite, hợp chất tự nhiên của steatite và chlotite). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm ≤ 14,0 %; Axit Formic ≥ 3,5 %; Axit Lactic ≥ 38,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 100,0 ppm; As ≤ 10,0 ppm; Hg < 1,0 ppm; Cd < 15,0 ppm.	Bổ sung hỗn hợp axit hữu cơ và muối của axit hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm kiểm soát độ pH đường tiêu hóa và cải thiện khả năng tiêu hóa của vật nuôi.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	Innov AD NV.	Belgium	4/4/2023

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
342	Novimold	245-7/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ca-propionate, axit citric, axit sorbic và chất mang (axit silicic, NaCl). - Một số chỉ tiêu chất lượng: Axit propionic: 27,0 - 33,0 %; axit citric: 2,25 - 3,25 %; axit sorbic: 0,05 - 0,15 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 200,0 ppm; As ≤ 20,0 ppm; Hg < 1,0 ppm; Cd < 20,0 ppm.	Bổ sung các axit hữu cơ và muối axit hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm kiểm soát sự phát triển của nấm mốc.	Dạng bột, màu trắng.	Innov AD NV.	Belgium	7/2018
343	Novimold L	246-7/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ammonium propionate, axit orthophosphoric, axit propionic, axit sorbic và chất mang (nước). - Một số chỉ tiêu chất lượng: Axit propionic: 54,0 - 59,0 %; axit sorbic: 0,03 - 0,07 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 200,0 ppm; As ≤ 20,0 ppm; Hg < 1,0 ppm; Cd < 20,0 ppm.	Bổ sung các axit hữu cơ, vô cơ và muối axit hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm kiểm soát sự phát triển của nấm mốc.	Dạng lỏng, màu vàng.	Innov AD NV.	Belgium	7/2018
344	Novinat L	177-6/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất từ cây Yucca Schidigera, chất bảo quản (sodium benzoate) và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng: Axit benzoic: 0,70 - 1,5 %; Saponin: 7,0 - 8,2 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 200,0 ppm; As ≤ 20,0 ppm; Hg < 1,0 ppm; Cd < 20,0 ppm.	Bổ sung chất chiết xuất từ cây Yucca Schidigera trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm giảm mùi hôi chất thải của vật nuôi.	Dạng lỏng, màu nâu đậm.	Innov AD NV.	Belgium	6/2018
345	Novinat S	176-6/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất từ cây Yucca Schidigera, chất bảo quản (sodium benzoate) và chất mang (silica). - Chỉ tiêu chất lượng: Axit benzoic: 0,4 - 1,2 %; Saponin: 7,0 - 8,2 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 200,0 ppm; As ≤ 20,0 ppm; Hg < 1,0 ppm; Cd < 20,0 ppm.	Bổ sung chất chiết xuất từ cây Yucca Schidigera trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm giảm mùi hôi chất thải của vật nuôi.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	Innov AD NV.	Belgium	6/2018
346	Novinox	50-3/13-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Butylated Hydroxytoluene (BHT), Ethoxyquin, axit citric và các chất mang (silicic acid và bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: BHT ≥ 9,5 %; Ethoxyquin (monomer) ≥ 0,25 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 100,0 ppm; As ≤ 10,0 ppm; Hg < 1,0 ppm; Cd < 15,0 ppm.	Bổ sung các chất chống oxy hóa trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	Innov AD NV.	Belgium	4/4/2023

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
347	Novinox EF L	74-3/13-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Butylated Hydroxyanisole (BHA), Butylated Hydroxytoluene (BHT), Propyl Gallate và chất mang (dầu hạt cải). - Chỉ tiêu chất lượng: BHT $\geq 22,5$ %; BHA $\geq 3,9$ %; Propyl Gallate $\geq 0,44$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Pb $\leq 100,0$ ppm; As $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm; Cd $\leq 20,0$ ppm.	Bổ sung các chất chống ôxy hóa trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu vàng trong.	Innov AD NV.	Belgium	11/4/2023
348	Novion S L	321-9/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các axit hữu cơ (lactic, formic, acetic, propionic, butyric); chất tạo mùi (chiết xuất Eugenol và Thymol); và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng: Axit formic: 48,5- 53,5 %; axit propionic: 0,6 - 1,8 %; axit lactic: 11,2 - 14,4 %; axit butyric: 3,0 - 5,0 %; axit acetic: 2,8 - 5,6 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 200,0$ ppm; As $\leq 20,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm; Cd $\leq 20,0$ ppm.	Bổ sung các axit hữu cơ cho gia súc, gia cầm nhằm kiểm soát cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng dung dịch, màu nâu.	Innov AD NV.	Belgium	9/2018
349	Novipel S	227-7/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Canxi sunphate và chiết xuất từ cây Guar (Guar gum). - Chỉ tiêu chất lượng: Canxi: 18,3 - 21,3 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 200,0$ ppm; As $\leq 20,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm; Cd $\leq 20,0$ ppm.	Bổ sung chất kết dính trong sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm dạng viên.	Dạng bột, màu trắng.	Innov AD NV.	Belgium	7/2018
350	Novitech L	320-9/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các axit hữu cơ (lactic, formic, acetic, propionic); Natri formate; và chất mang (Propylen glycol). - Chỉ tiêu chất lượng: Axit lactic: 60,5- 65,5 %; axit formic: 6,8 - 10,2 %; axit propionic: 2,5 - 4,5 %; axit acetic: 3,5 - 5,3 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 200,0$ ppm; As $\leq 20,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm; Cd $\leq 20,0$ ppm.	Bổ sung các axit hữu cơ cho gia súc, gia cầm nhằm kiểm soát cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng dung dịch, màu nâu.	Innov AD NV.	Belgium	9/2018
351	Novitech V	229-7/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thành tế bào nấm men, tế bào nấm men bất hoạt, Na-butyrate, chiết xuất thực vật (Rosmarinus officinalis), axit sorbic và chất mang (sepiolite). - Chỉ tiêu chất lượng: Protein: $14,0 \pm 2,0$ %; Beta-glucans: $6,0 \pm 2,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 200,0$ ppm; As $\leq 20,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm; Cd $\leq 20,0$ ppm.	Bổ sung beta-glucan từ thành tế bào nấm men trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột, màu be.	Innov AD NV.	Belgium	7/2018

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
352	Novyrate EB L	73-3/13-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Mono- and Di-glycerides of Butyric acid và chất mang (Glycerin). - Chỉ tiêu chất lượng: Axit Butyric $\geq 28,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Pb $\leq 100,0$ ppm; As $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm; Cd $\leq 20,0$ ppm.	Bổ sung axit butyric đã được este hóa trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, không màu.	Innov AD NV.	Belgium	11/4/2023
353	Novyrate EB	71-3/13-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Mono- and Di-glycerides of Butyric acid và chất mang (silicic acid trầm tích khô). - Chỉ tiêu chất lượng: Axit Butyric $\geq 24,75$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 100,0$ ppm; As $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm.	Bổ sung axit butyric đã được este hóa trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	Innov AD NV.	Belgium	11/4/2023
354	Novyrate FP	72-3/13-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Sodium butyrate và chất mang (dầu cọ). - Chỉ tiêu chất lượng: Axit Butyric $\geq 53,5$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 100,0$ ppm; As $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm; Cd $\leq 20,0$ ppm.	Bổ sung axit hữu cơ (Butyric) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng hạt mịn, màu trắng.	Innov AD NV.	Belgium	11/4/2023
355	Optima Plus L	174-6/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ammonium propionate, axit orthophosphoric, axit propionic, axit sorbic và các chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng: Axit propionic: 48,6 - 59,4 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 200,0$ ppm; As $\leq 20,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm; Cd $\leq 20,0$ ppm.	Bổ sung các axit hữu cơ và vô cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm kiểm soát sự phát triển của nấm mốc.	Dạng lỏng, màu vàng.	Innov AD NV.	Belgium	6/2018
356	Profitect	357-10/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các axit hữu cơ và vô cơ (axit citric, axit lactic, axit phosphoric); chất tạo mùi (chiết xuất từ thực vật: Curcuma longa, Tilia cordata, grape seed); phụ gia và chất mang (nấm men bất hoạt Saccharomyces cerevisiae và nước). - Chỉ tiêu chất lượng: pH (10 %): 1,5 - 2,5; axit citric: 5,4 - 8,1 %; axit lactic: 1,5 - 2,3 %; axit phosphoric: 3,6- 5,7 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 200,0$ ppm; As $\leq 20,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm; Cd $\leq 20,0$ ppm.	Bổ sung các axit hữu cơ và vô cơ trong nước uống cho gia súc, gia cầm nhằm cải thiện khả năng tiêu hóa thức ăn của vật nuôi.	Dạng lỏng, màu hổ phách.	Innov AD NV.	Belgium	10/2018
357	Tracelite Fe 20	37-02/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sắt-glycine chelate và chất chống vón (silicic acid). - Chỉ tiêu chất lượng: Sắt (Fe): 18,0 - 22,0 %; Glycine $\geq 18,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 200,0$ ppm; As $\leq 20,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm; Cd $\leq 20,0$ ppm; E. coli không có trong 1g; Salmonella không có trong 25 g.	Bổ sung khoáng Sắt (Fe) hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu xám đỏ.	Innov AD NV.	Belgium	2/2018

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
358	Tracelite Cu 20	36-02/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Đồng-glycine chelate và các chất mang (silicic acid, clinoptipolite, hợp chất tự nhiên của steatite và chlorite). - Chỉ tiêu chất lượng: Đồng (Cu): 18,0 - 22,0 %; Glycine $\geq$ 11,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq$ 200,0 ppm; As $\leq$ 20,0 ppm; Hg $\leq$ 1,0 ppm; Cd $\leq$ 20,0 ppm; E. coli không có trong 1g; <u>Salmonella không có trong 25 g.</u>	Bổ sung khoáng Đồng (Cu) hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu xanh.	Innov AD NV.	Belgium	2/2018
359	Tracelite Zn 20	39-02/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Zn-glycine chelate và các chất mang (silicic acid, clinoptipolite, hợp chất tự nhiên của steatite và chlorite). - Chỉ tiêu chất lượng: Kẽm (Zn): 18,0 - 22,0 %; Glycine $\geq$ 12,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq$ 200,0 ppm; As $\leq$ 20,0 ppm; Hg $\leq$ 1,0 ppm; Cd $\leq$ 20,0 ppm; E. coli không có trong 1g; <u>Salmonella không có trong 25 g.</u>	Bổ sung khoáng Kẽm (Zn) hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng ngà.	Innov AD NV.	Belgium	2/2018
360	Tracelite Mn 20	38-02/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Mangan-glycine chelate và chất chống vón (silicic acid). - Chỉ tiêu chất lượng: Mangan (Mn): 18,0 - 22,0 %; Glycine $\geq$ 25,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq$ 200,0 ppm; As $\leq$ 20,0 ppm; Hg $\leq$ 1,0 ppm; Cd $\leq$ 20,0 ppm; E. coli không có trong 1g; <u>Salmonella không có trong 25 g.</u>	Bổ sung khoáng Mangan (Mn) hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng ngà.	Innov AD NV.	Belgium	2/2018
361	PARAdigmOX Green liquid	171-6/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chất chống oxy hóa (chiết xuất giàu tocopherol từ đậu tương), chất tạo mùi (chiết xuất từ cây Rosemary) và chất mang (dầu thực vật). - Chỉ tiêu chất lượng: Tocopherol: 14,0 - 16,5 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq$ 200,0 ppm; Cd $\leq$ 15,0 ppm; As $\leq$ 60,0 ppm; Hg $\leq$ 1,0 ppm.	Bổ sung chất chống oxy hóa (tocopherol) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu xanh nâu.	Kemin Europa N.V.	Belgium	6/2018
362	Nutraxe BXP 100	223-7/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các enzyme (Endo-1,4-beta xylanase, Alpha-amylase, Beta-glucanase, Phytase), và chất mang (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: Alpha-amylase $\geq$ 22.500,0 U/g; Endo-1,4-beta xylanase $\geq$ 112.500,0 U/g; Beta-glucanase $\geq$ 10.000,0 U/g; Phytase $\geq$ 2.500,0 U/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq$ 20,0 ppm; Cd $\leq$ 2,0 ppm; As $\leq$ 15,0 ppm; Hg $\leq$ 0,3 ppm.	Bổ sung các enzyme tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi động vật dạ dày đơn.	Dạng bột, màu kem đến trắng xám.	Nutrex NV.	Belgium	7/2018
363	Savoplus Sweet	222-7/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các chất tạo ngọt (99,0 %) bao gồm: Sodium saccharine và Neohesperidine dihydrochalcone; và Dextrose. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq$ 10,0 ppm; Cd $\leq$ 2,0 ppm; As $\leq$ 4,0 ppm; Hg $\leq$ 0,1 ppm.	Bổ sung chất tạo ngọt trong thức ăn chăn nuôi lợn.	Dạng bột, màu kem.	Nutrex NV.	Belgium	7/2018

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
364	Oxy-Nil EQzero Dry	254-7/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các chất chống oxy hóa (Butylated hydroxytoluene - BHT, Butylated hydroxyanisole - BHA, Propyl gallate); chất bảo quản (axit citric); và chất mang (khoáng tự nhiên và dầu thực vật). - Chỉ tiêu chất lượng: Propyl gallate: $0,5 \pm 0,1$ %; BHT: $25,0 \pm 2,5$ %; BHA: $5,0 \pm 1,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; Pb $\leq 200,0$ ppm; As $\leq 4,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm.	Bổ sung các chất chống oxy hóa trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng nhạt.	Nutri-AD International NV.	Belgium	7/2018
365	Oxy-Nil EQzero Liquid	256-7/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các chất chống oxy hóa (Butylated hydroxytoluene - BHT, Butylated hydroxyanisole - BHA, Propyl gallate); và chất mang (dầu thực vật). - Chỉ tiêu chất lượng: Propyl gallate: $0,5 \pm 0,1$ %; BHT: $25,0 \pm 2,5$ %; BHA: $5,0 \pm 1,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; Pb $\leq 200,0$ ppm; As $\leq 4,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm.	Bổ sung các chất chống oxy hóa trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu nâu.	Nutri-AD International NV.	Belgium	7/2018
366	Oxy-Nil EQzero Plus Dry	255-7/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các chất chống oxy hóa (Butylated hydroxytoluene - BHT, Butylated hydroxyanisole - BHA, Propyl gallate); chất bảo quản (axit citric); và chất mang (khoáng tự nhiên và dầu thực vật). - Chỉ tiêu chất lượng: Propyl gallate: $0,1 \pm 0,02$ %; BHT: $15,0 \pm 1,5$ %; BHA: $10,0 \pm 1,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; Pb $\leq 200,0$ ppm; As $\leq 4,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm.	Bổ sung các chất chống oxy hóa trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng ngà.	Nutri-AD International NV.	Belgium	7/2018
367	Oxy-Nil EQzero Plus Liquid	257-7/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các chất chống oxy hóa (Butylated hydroxytoluene - BHT, Butylated hydroxyanisole - BHA, Propyl gallate); và chất mang (dầu thực vật). - Chỉ tiêu chất lượng: Propyl gallate: $0,1 \pm 0,02$ %; BHT: $15,0 \pm 1,5$ %; BHA: $10,0 \pm 1,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 200,0$ ppm; As $\leq 4,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm; Salmonella không phát hiện trong 25 g.	Bổ sung các chất chống oxy hóa trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu nâu.	Nutri-AD International NV.	Belgium	7/2018

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
368	Trouw Nutrition Vitamin Premix 528	281-8/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin đơn tổng hợp (A, D3, E, K3, B1, B2, B6, B12, H, nicotinic acid, calcium-d-pantothenate), và chất mang (bột đá). - Một số chỉ tiêu chất lượng tính trong 1 kg (hàm lượng vitamin phân tích đạt tối thiểu 80% so với hàm lượng công bố): Vitamin A: 1.960.000,0 IU; vitamin D3: 490.000,0 IU; vitamin E: 11.200,0 mg; vitamin B2: 1.120,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Cd ≤ 15,0 ppm; Pb ≤ 200,0 ppm; Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g.	Bổ sung premix vitamin trong thức ăn chăn nuôi lợn.	Dạng bột, màu xám đến trắng.	PT. Trouw Nutrition Indonesia.	Indonesia	8/2018
369	Taminizer C	146-5/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Choline Chloride. - Chỉ tiêu chất lượng: Choline Chloride ≥ 96,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As ≤ 2,0 ppm; Pb ≤ 5,0 ppm.	Bổ sung Choline trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	Taminco BVBA.	Belgium	5/2018
370	Taminizer C L	145-5/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Choline Chloride và chất mang (nước cất). - Chỉ tiêu chất lượng: Choline Chloride ≥ 75,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As ≤ 2,0 ppm; Pb ≤ 5,0 ppm.	Bổ sung Choline trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, không màu.	Taminco BVBA.	Belgium	5/2018
371	Sowges Conc 5 %	279-8/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin đơn tổng hợp (A, D3, E, K, B1, B2, Ca-pantothenate, B6, B12, niacin, folic acid, biotin), các khoáng vô cơ (I-potassium, Co-carbonate, Na-selenit, Cu-sulphate, Mn-oxide, Zn-oxide, Fe-sulphate, phụ gia và chất mang (glycerol, sản phẩm ngũ cốc). - Một số chỉ tiêu chất lượng tính trong 1 kg (hàm lượng vitamin phân tích đạt tối thiểu 80% so với hàm lượng công bố): Vitamin A: 180.000,0 IU; vitamin D3: 36.000,0 IU; vitamin E: 900,0 IU; vitamin B12: 360,0 mg; Co: 7,2 - 10,8 mg; Se: 2,16 - 3,24 mg; Cu: 144,0 - 216,0 mg; Fe: 864,0 - 1.296,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25 g; As ≤ 40,0 ppm; Pb ≤ 100,0 ppm.	Bổ sung premix vitamin, khoáng trong thức ăn chăn nuôi lợn nái giai đoạn mang thai.	Dạng bột, màu vàng be.	Trouw Nutrition Belgium, Nutreco Belgium N.V.	Belgium	8/2018

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
372	Sowlac Conc 5 %	280-8/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin đơn tổng hợp (A, D3, E, K, B1, B2, Ca-pantothenate, B6, B12, niacin, folic acid, biotin), các khoáng vô cơ (I-potassium, Co-carbonate, Na-selenit, Cu-sulphate, Mn-oxide, Zn-oxide, Fe-sulphate, phụ gia và chất mang (glycerol, sản phẩm ngũ cốc). - Một số chỉ tiêu chất lượng tính trong 1 kg (hàm lượng vitamin phân tích đạt tối thiểu 80% so với hàm lượng công bố): Vitamin A: 216.000,0 IU; vitamin D3: 36.000,0 IU; vitamin E: 900,0 IU; vitamin B12: 540,0 mg; Co: 3,6 - 5,4 mg; Se: 4,32 - 6,48 mg; Cu: 216,0 - 324,0 mg; Fe: 2.160,0 - 3240,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25 g; As ≤ 40,0 ppm; Pb ≤ 100,0 ppm.	Bổ sung premix vitamin, khoáng trong thức ăn chăn nuôi lợn nái giai đoạn nuôi con.	Dạng bột, màu vàng be.	Trouw Nutrition Belgium, Nutreco Belgium N.V.	Belgium	8/2018
373	Vita-Mycotox	361-10/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hydrated potassium, calcium and magnesium aluminosilicate; Sodium activated hydrated aluminium silicate; Hydrated magnesium silicate. - Chỉ tiêu chất lượng: Khoáng tổng số (Ash) ≥ 80,0 %; SiO2: 45,0 - 65,0 %; Al2O3: 8,0 - 12,0 %; MgO: 5,0 - 9,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb < 60,0 ppm; Cd < 2,0 ppm.	Bổ sung hỗn hợp các khoáng tự nhiên trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm hấp phụ độc tố nấm mốc.	Dạng bột, màu nâu hoặc nâu nhạt.	Vitafor NV.	Belgium	10/2018
374	Vita-Mycotox Extra	362-10/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: 67,0 % các khoáng tự nhiên (Hydrated potassium, calcium and magnesium aluminosilicate; Sodium activated hydrated aluminium silicate; Hydrated magnesium silicate); 33,0 % thành tế bào nấm men và các axit hữu cơ (humic, sorbic, formic, acetic, lactic, propionic, fumaric, citric). - Một số chỉ tiêu chất lượng: Khoáng tổng số: 60,0 - 75,0 %; SiO2: 30,0 - 50,0 %; Al2O3: 6,0 - 10,0 %; MgO: 2,0 - 5,0 %; axit propionic: 5,5 - 6,5 %; axit formic: 1,0 - 2,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 60,0 ppm; Cd ≤ 2,0 ppm.	Bổ sung hỗn hợp các khoáng tự nhiên, thành tế bào nấm men và các axit hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm kiểm soát chất lượng thức ăn.	Dạng bột, màu nâu hoặc nâu nhạt.	Vitafor NV.	Belgium	10/2018
375	Vita-Zym Barley	05-01/13-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp enzyme (β-glucanase, Xylanase) và chất mang (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: β-glucanase ≥ 1.400.000,0 IU/kg; Xylanase ≥ 900.000,0 IU/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Pb ≤ 20,0 ppm; As ≤ 15,0 ppm; Cd ≤ 2,0 ppm; Hg ≤ 0,3 ppm.	Bổ sung enzyme tiêu hóa (β-glucanase, Xylanase) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng hoặc xám.	Vitafor NV.	Belgium	12/4/2023

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
376	Vita-Zym Mixed Cereals	07-01/13-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp enzyme (β -glucanase, Xylanase) và chất mang (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: β -glucanase $\geq 450.000,0$ IU/kg; Xylanase $\geq 1.800.000,0$ IU/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Pb $\leq 20,0$ ppm; As $\leq 15,0$ ppm; Cd < 2,0 ppm; Hg < 0,3 ppm.	Bổ sung enzyme tiêu hóa (β -glucanase, Xylanase) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng hoặc xám.	Vitafor NV.	Belgium	12/4/2023
377	Vita-Zym Wheat	06-01/13-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp enzyme (β -glucanase, Xylanase) và chất mang (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: β -glucanase $\geq 250.000,0$ IU/kg; Xylanase $\geq 3.600.000,0$ IU/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Pb $\leq 20,0$ ppm; As $\leq 15,0$ ppm; Cd < 2,0 ppm; Hg < 0,3 ppm.	Bổ sung enzyme tiêu hóa (β -glucanase, Xylanase) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng hoặc xám.	Vitafor NV.	Belgium	12/4/2023
378	Vita-amino Complex	114-4/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: hỗn hợp các vitamin và tiền vitamin tổng hợp, các axit amin, potassium iodide, chất bảo quản (potassium sorbate, citric acid) và chất mang (nước cất). - Một số chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1 lít): Vitamin B1 $\geq 1.250,0$ mg; vitamin B6 $\geq 1.450,0$ mg; vitamin C $\geq 5.000,0$ mg; lysine $\geq 2.530,0$ mg; methionine $\geq 470,0$ mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: As < 10,0 mg/lít; Pb < 20,0 mg/lít.	Bổ sung premix vitamin, tiền vitamin, axit amin cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu nâu.	Vitafor NV.	Belgium	4/2018
379	Vita-multi Vita Stress	115-4/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: hỗn hợp các vitamin và tiền vitamin tổng hợp, các khoáng vi lượng (Fe, Cu, Zn), các axit amin, chất bảo quản (potassium sorbate, citric acid), chất chống oxy hóa (Butylated Hydroxy Toluene) và chất mang (nước cất). - Một số chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1 lít): Vitamin A $\geq 12.000.000,0$ IU; vitamin D3 $\geq 3.000.000,0$ IU; vitamin B1 $\geq 2.000,0$ mg; vitamin B6 $\geq 1.250,0$ mg; vitamin C $\geq 3.500,0$ mg; lysine $\geq 450,0$ mg; methionine $\geq 80,0$ mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 10,0$ mg/lít; Pb $\leq 20,0$ mg/lít.	Bổ sung premix vitamin, tiền vitamin, axit amin và khoáng vi lượng cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu nâu.	Vitafor NV.	Belgium	4/2018
380	Vita-premix Red 10 Plus	325-10/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Canthaxanthin tổng hợp và chất mang (Silica). - Chỉ tiêu chất lượng: Canthaxanthin $\geq 10,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 20,0$ ppm; As $\leq 15,0$ ppm; Hg $\leq 0,3$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Salmonella không có trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g.	Bổ sung Canthaxanthin tổng hợp trong thức ăn chăn nuôi gia cầm nhằm cải thiện màu da và màu đỏ lòng trứng gia cầm.	Dạng bột, màu nâu đỏ.	Vitafor NV.	Belgium	10/2018

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
381	Vita-vit AD3E 100/20/20	113-4/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: hỗn hợp các vitamin tổng hợp (A, D3, E); chất bảo quản (potassium sorbate); chất chống oxy hóa (Butylated Hydroxy Toluene); chất mang (nước cất). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1 lít): Vitamin A $\geq$ 100.000.000,0 IU; Vitamin D3 $\geq$ 20.000.000,0 IU; Vitamin E $\geq$ 20.000,0 mg. - <u>Chỉ tiêu vệ sinh: As < 10,0 mg/lít; Pb < 20,0 mg/lít.</u>	Bổ sung các vitamin A, D ₃ , E cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu nâu.	Vitafor NV.	Belgium	4/2018
382	Vita-vit B-complex+K3+Choline Complex	116-4/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: hỗn hợp các vitamin và tiền vitamin tổng hợp, chất bảo quản (potassium sorbate), và chất mang (nước cất). - Một số chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1 lít): Vitamin B1 $\geq$ 10.000,0 mg; vitamin B2 $\geq$ 18.300,0 mg; vitamin B6 $\geq$ 10.000,0 mg; choline chloride $\geq$ 31.700,0 mg; vitamine K3 $\geq$ 10.000,0 mg. - <u>Chỉ tiêu vệ sinh: As < 10,0 mg/lít; Pb < 20,0 mg/lít.</u>	Bổ sung premix vitamin, tiền vitamin cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu nâu.	Vitafor NV.	Belgium	4/2018
383	Vita-Zym Corn	208-6/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các enzyme (Endo-1,4- β -xylanase, β -glucanase, cellulase) và chất mang (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: Endo-1,4- β -xylanase $\geq$ 16.000.000,0 U/kg; β -glucanase $\geq$ 46.240,0 U/kg; cellulase $\geq$ 49.600,0 U/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không có trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g.	Bổ sung các enzyme tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng hoặc xám.	Vitafor NV.	Belgium	6/2018
384	Vita-Zym Porc	209-6/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các enzyme (Endo-1,4- β -xylanase, β -glucanase) và chất mang (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: Endo-1,4- β -xylanase $\geq$ 8.000.000,0 U/kg; β -glucanase $\geq$ 575.732,0 U/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không có trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g.	Bổ sung các enzyme tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi lợn.	Dạng bột, màu trắng hoặc xám.	Vitafor NV.	Belgium	6/2018
385	Essential	322-9/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Dầu hạt điều, dầu thầu dầu và silica. - Chỉ tiêu chất lượng: Cardol $\geq$ 40,0 g/kg; Cardanol $\geq$ 200,0 g/kg; Ricinoleic acid $\geq$ 90,0 g/kg; mỡ thô $\geq$ 35,0 %; chỉ số axit 7,0 mg KOH / gram. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq$ 0,001 ppb; Pb $\leq$ 0,001 ppm; Hg $\leq$ 0,001 ppm; Cd $\leq$ 0,001 ppm.; Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g.	Bổ sung hỗn hợp dầu hạt điều và dầu thầu dầu trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu đen.	Oligo Basics Agroindustrial Ltda.	Brazil	9/2018

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
386	Prote-N	296-8/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Urê, chất phụ gia (dầu thực vật đã được hydro hóa, paprika oleoresin). - Chỉ tiêu chất lượng: Nitơ tổng số $\geq 41,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 4,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm.	Bổ sung nitơ phi protein (từ urê đã được vi bọc bởi chất béo thực vật) cho gia súc nhai lại.	Dạng hạt, màu cam.	Grasp Indústria E Comércio Ltda.	Brazil	8/2018
387	Clinacox 0.5 %	96-4/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Diclazuril, phụ gia và chất mang (Polyvidone K30, NaOH, khô dầu đậu tương). - Chỉ tiêu chất lượng: Diclazuril: 0,50 - 0,55 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; Pb < 10,0 ppm; As < 2,0 ppm; F < 150 ppm.	Bổ sung Diclazuril trong thức ăn chăn nuôi gia cầm nhằm tăng năng suất vật nuôi.	Dạng bột, màu vàng nhạt đến vàng nâu.	Biovet Joint Stock Company.	Bulgaria	4/2018
388	OptiPhos Coated	140-5/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Enzyme phytase được sản xuất bởi chủng Pichia pastoris và chất mang (bột lõi ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Phytase ≥ 5000 FTU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli không có trong 1 g; Salmonella không có trong 25 g.	Bổ sung enzyme Phytase trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng hạt mịn, màu nâu.	Biovet Joint Stock Company.	Bulgaria	8/2018
389	Formula-HP hoặc Formule-HP	232-7/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin (A, D3, E), sorbitol, betain, Na-benzoate, Na-hydroxide, choline chloride, carnitine, glycerol, polyethylene glycol ricinoleate, DL-methionine, methyl p-hydroxybenzoate, monosodium glutamate, thiamine hydrochloride, menadione sodium bisulphite, BHT, polydimethylsiloxane và nước khử khoáng. - Một số chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Vitamin A $\geq 5.000.000,0$ IU; Vitamin D3 $\geq 500.000,0$ IU; Vitamin E $\geq 500,0$ IU. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g.	Bổ sung premix vitamin cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu nâu vàng.	JEFO Nutrition Inc.	Canada	7/2018

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
390	BoarSTART	14-01/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: bột mỳ; khô dầu đậu tương; bột cá; bột đá; các nguyên liệu bổ sung vitamin (C, E, K, H, B4, B5, B3, B12, B9, B6, B2, B1), bổ sung khoáng hữu cơ (Fe, Cu, Zn, Mn, Se) và các chất phụ gia (muối, axit hữu cơ, chất tạo mùi). - Một số chỉ tiêu chất lượng: Protein tối thiểu: 45,0 %; Vitamin E: 1.500,0 - 2.500,0 IU/kg; Đồng (Cu): 85,0 - 135,0 ppm; Sắt (Fe): 1.500,0 - 2.300,0 ppm. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli nhỏ hơn 3 MPN/g; Salmonella không phát hiện trong 25 g.	Bổ sung protein và các chất dinh dưỡng trong thức ăn chăn nuôi lợn đực giống.	Dạng bột, màu vàng rêu.	Kenpal Farm Products Inc.	Canada	01/2018
391	FarrowSTART	15-01/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: các nguyên liệu bổ sung vitamin (A, D3, E, K, H, B5, B3, B12, B9, B6, B2, B1), bổ sung khoáng vô cơ (K, Mg, Na, Fe, Cu, Zn, Mn), Selen hữu cơ và các chất mang. - Một số chỉ tiêu chất lượng: Vitamin A: 250.000,0 - 450.000,0 IU/kg; Vitamin D3: 40.000,0 - 80.000,0 IU/kg; Vitamin E: 750,0 - 1.250,0 IU/kg; Sắt (Fe): 2.750,0 - 4.250,0 ppm; Kẽm (Zn): 1.600,0 - 2.400,0 ppm. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli nhỏ hơn 3 MPN/g; Salmonella không phát hiện trong 25 g.	Bổ sung premix vitamin và khoáng trong thức ăn chăn nuôi lợn nái.	Dạng bột, màu vàng nâu.	Kenpal Farm Products Inc.	Canada	01/2018
392	LitterSTART	16-01/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: bột mỳ; bột đậu tương; tinh bột ngô; dầu cá; đường; bột lõi ngô; bột đá; các nguyên liệu bổ sung vitamin (E, K, H, B4, B5, B3, B12, B9, B6, B2, B1), bổ sung khoáng hữu cơ (Fe, Cu, Zn, Mn, Se). - Một số chỉ tiêu chất lượng: Vitamin E: 1.500,0 - 2.500,0 IU/kg; Sắt (Fe): 500,0 - 1.000,0 ppm; Kẽm (Zn): 900,0 - 1.300,0 ppm. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli nhỏ hơn 3 MPN/g; Salmonella không phát hiện trong 25 g.	Bổ sung premix vitamin, khoáng và các chất dinh dưỡng trong thức ăn chăn nuôi lợn nái.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Kenpal Farm Products Inc.	Canada	01/2018

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
393	SowSTART	17-01/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: bột mỳ; khô dầu đậu tương; bột cá; dầu thực vật; bột whey; đường; bột đá; bột lõi ngô; axit amin (Lysine); các nguyên liệu bổ sung vitamin (A, D3, E, K, H, B5, B3, B4; B12, B9, B6, B2, B1), bổ sung khoáng (Fe, Cu, Zn, Mn, Se, Cu, Co, Ca). - Một số chỉ tiêu chất lượng: Protein tối thiểu (CP) 27,0 %; Mỡ thô (EE) 10,0 - 13,0 %; Vitamin A: 8.000,0 - 16.000,0 IU/kg; Vitamin D: 1.100,0 - 1.900,0 IU/kg; Vitamin E: 1.200,0 - 2.000,0 IU/kg; Sắt (Fe): 375,0 - 625,0 ppm; Kẽm (Zn): 275,0 - 575,0 ppm. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli nhỏ hơn 3 MPN/g; Salmonella không phát hiện trong 25 g.	Bổ sung premix vitamin, khoáng và các chất dinh dưỡng trong thức ăn chăn nuôi lợn nái.	Dạng bột, màu vàng rêu.	Kenpal Farm Products Inc.	Canada	01/2018
394	Alkosel 3000	178-6/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Selenium enriched yeast Saccharomyces Cerevisiae. - Chỉ tiêu dinh dưỡng: Selen $\geq 3\text{g/kg}$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Ecoli không có trong 1,0g; Salmonella không có trong 25 g. - Chỉ tiêu an toàn (ppm): Asen $\leq 1,0$; Chì $\leq 1,0$; Cadimi $\leq 1,0$ Thủy ngân $\leq 1,0$.	Bổ sung Selen trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	Lallemand Inc.	Canada	6/2018
395	Quillaja Powder QP	19-01/13-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: 100 % bột vỏ cây Quillaja saponaria. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 8,0\%$; Saponin $\geq 2,5\%$; Khoáng tổng số $\leq 7,0\%$; Tổng chất rắn hoà tan (TDS) $\geq 15,0\%$. - Các chỉ tiêu vệ sinh: E.coli $< 10\text{ CFU/g}$; Salmonella không phát hiện trong 25g; Pb $\leq 10,0\text{ ppm}$; As $\leq 2,0\text{ ppm}$.	Bổ sung Saponin từ chiết xuất bột vỏ cây Quillaja saponaria trong thức ăn cho gia súc, gia cầm nhằm giảm mùi hôi của chất thải vật nuôi, cải thiện năng suất vật nuôi.	Dạng bột, màu be.	Natural Response S.A., Chile. (Nhà phân phối: Desert King Chile S.A., Chile).	Chile	12/2/2023
396	Microvit® D3 Promix 500	126-4/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Cholecalciferol (vitamin D3); BHT; chất mang (sucrose, dầu đậu tương, silica). - Chỉ tiêu chất lượng: Vitamin D3 $\geq 500\ 000\text{ IU/g}$. - Chỉ tiêu vệ sinh (ppm); Pb $\leq 5,0$; As $\leq 2,0$; Hg $\leq 0,1$; Cd $\leq 1,0$.	Bổ sung vitamin D3 trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu be đến nâu vàng.	Adisseo France S.A.S, China (Sản xuất tại Zhejiang Garden Biochemical High -Tech Co., Ltd., China).	China	4/2018

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
397	Energy Burst	139-5/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: các loại đường (maltodextrin, dextrose, dextrin, sucrose), mật đường ngô, tinh bột, khoáng tự nhiên (HSCAS). - Chỉ tiêu chất lượng: Tổng số đường nghịch chuyển $\geq 15,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli < 5 MPN/g; Salmonella không có trong 25 g.	Bổ sung năng lượng trong thức ăn chăn nuôi lợn con.	Dạng bột, màu trắng.	ADM Alliance Nutrition Inc.	China	5/2018
398	Phytase 5000U/g Granular	201-6/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Phytase và chất mang (tinh bột ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Phytase $\geq 5000,0$ U/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không có trong 25 g; Coliform < 3 MPN/g.	Bổ sung enzyme Phytase trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng hạt mịn, màu trắng đến vàng nhạt.	Beijing Challenge Bio-technology Limited Company.	China	6/2018
399	Phytase 5000U/ml Liquid	200-6/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Phytase, Magiê sunphat và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng: Phytase $\geq 5000,0$ U/ml. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không có trong 25 ml; Coliform < 3 MPN/ml.	Bổ sung enzyme Phytase trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu vàng nhạt đến nâu.	Beijing Challenge Bio-technology Limited Company.	China	6/2018
400	Concentrated Greenenzyme	272-8/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các nguyên liệu enzyme ($\geq 50\%$) (pectinase, xylanase), và chất mang ($\leq 50\%$) (bentonite). - Chỉ tiêu chất lượng: Pectinase $\geq 1.000,0$ U/g; Xylanase $\geq 6.000,0$ U/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $< 0,05$ ppm.	Bổ sung các enzyme tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng hoặc vàng nâu.	Beijing ZNBT Bio-Hightech Co., Ltd.	China	8/2018
401	Ferments - Bacillus	51-3/13-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Bacillus subtilis và chất mang (Bentonite). - Chỉ tiêu chất lượng: Bacillus subtilis $\geq 2 \times 10^9$ CFU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Cd $< 1,0$ ppm.	Bổ sung vi khuẩn có lợi đường tiêu hóa vật nuôi (Bacillus subtilis) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng xám.	Beijing ZNBT Bio-Hightech Co, Ltd.	China	20/3/2023
402	Ferments - Probiotics	52-3/13-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp vi sinh vật (Bacillus subtilis, Lactobacillus plantarum, Saccharomyces cerevisiae) và chất mang (Bentonite). - Chỉ tiêu chất lượng: Bacillus subtilis $\geq 5 \times 10^8$ CFU/g; Lactobacillus plantarum $\geq 5 \times 10^7$ CFU/g; Saccharomyces cerevisiae $\geq 5 \times 10^8$ CFU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung các vi sinh vật có lợi đường tiêu hóa vật nuôi (Bacillus subtilis, Lactobacillus plantarum, Saccharomyces cerevisiae) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng xám.	Beijing ZNBT Bio-Hightech Co, Ltd.	China	20/3/2023

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
403	Greenenzyme for Pig	273-8/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các nguyên liệu enzyme ($\geq 10\%$) (pectinase, xylanase), và chất mang ($\leq 90\%$) (bentonite). - Chỉ tiêu chất lượng: Pectinase $\geq 1.000,0$ U/g; Xylanase $\geq 6.000,0$ U/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm.	Bổ sung các enzyme tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng hoặc vàng nâu.	Beijing ZNBT Bio-Hightech Co., Ltd.	China	8/2018
404	Greenenzyme Pectinase	274-8/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Enzyme pectinase và chất mang (bentonite). - Chỉ tiêu chất lượng: Pectinase $\geq 2.000,0$ U/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm.	Bổ sung enzyme pectinase trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng hoặc vàng nâu.	Beijing ZNBT Bio-Hightech Co., Ltd.	China	8/2018
405	Liquid Greenezyme (for Poultry)	94-4/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Enzyme Pectinase (từ chiết xuất lên men Aspergillus niger) và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng: Pectinase $\geq 4.500,0$ U/ml. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli không có trong 1 ml; Salmonella không có trong 25 ml.	Bổ sung enzyme Pectinase trong thức ăn chăn nuôi gia cầm.	Dạng lỏng, màu vàng hoặc không màu.	Beijing ZNBT Bio-Hightech Co., Ltd.	China	4/2018
406	Liquid Greenezyme (for Swine)	93-4/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Enzyme Pectinase (từ chiết xuất lên men Aspergillus niger) và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng: Pectinase $\geq 5.000,0$ U/ml. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli không có trong 1 ml; Salmonella không có trong 25 ml.	Bổ sung enzyme Pectinase trong thức ăn chăn nuôi lợn.	Dạng lỏng, màu vàng hoặc không màu.	Beijing ZNBT Bio-Hightech Co., Ltd.	China	4/2018
407	Choline Chloride 60% Corn Cob	360-10/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Choline Chloride và chất mang (bột lõi bắp ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Choline Chloride $\geq 60,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 0,2$ ppm; Pb $\leq 0,2$ ppm; Hg $\leq 0,01$ ppm; Cd $\leq 0,03$ ppm; Salmonella: không phát hiện CFU trong 25 g; E. coli không phát hiện CFU trong 1 g.	Bổ sung Choline Chloride trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng.	Bevenovo Co., Ltd.	China	10/2018
408	0.1% of Vitamin Premix for Breeding Poultry (Model II)	293-8/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin tổng hợp (A, D3, E, K3, B1, B2, B6), axit nicotinic và chất mang (cám gạo chiết ly). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1kg): Vitamin A $\geq 4.000.000,0$; vitamin D3 $\geq 1.200.000,0$ IU; vitamin E $\geq 11.000,0$ IU; vitamin K3 $\geq 1.600,0$ mg; vitamin B1 $\geq 1.800,0$ mg; vitamin B2 $\geq 3.000,0$ mg; vitamin B6 $\geq 3.000,0$ mg; axit nicotinic $\geq 25.000,0$ mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 30,0$ ppm.	Bổ sung premix vitamin cho gia cầm sinh sản.	Dạng bột, màu xám.	Chengdu Bangde Technology Co., Ltd.	China	8/2018

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
409	0.1% of Vitamin Premix for Meat Ducks (Model II)	291-8/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin tổng hợp (A, D3, E, K3, B1, B2, B6), axit nicotinic và chất mang (cám gạo chiết ly). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1kg): Vitamin A $\geq 4.000.000,0$ IU; vitamin D3 $\geq 1.000.000,0$ IU; vitamin E $\geq 10.000,0$ IU; vitamin K3 $\geq 800,0$ mg; vitamin B1 $\geq 1.800,0$ mg; vitamin B2 $\geq 3.000,0$ mg; vitamin B6 $\geq 3.000,0$ mg; axit nicotinic $\geq 25.000,0$ mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 30,0$ ppm.	Bổ sung premix vitamin cho vịt thịt.	Dạng bột, màu xám.	Chengdu Bangde Technology Co., Ltd.	China	8/2018
410	0.1% of Vitamin Premix for Poultry Producing Eggs (Model II)	292-8/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin tổng hợp (A, D3, E, K3, B1, B2, B6), axit nicotinic và chất mang (cám gạo chiết ly). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1kg): Vitamin A $\geq 4.000.000,0$ IU; vitamin D3 $\geq 1.200.000,0$ IU; vitamin E $\geq 10.000,0$ IU; vitamin K3 $\geq 1.500,0$ mg; vitamin B1 $\geq 1.800,0$ mg; vitamin B2 $\geq 3.000,0$ mg; vitamin B6 $\geq 3.000,0$ mg; axit nicotinic $\geq 25.000,0$ mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 30,0$ ppm.	Bổ sung premix vitamin cho gia cầm đẻ trứng.	Dạng bột, màu xám.	Chengdu Bangde Technology Co., Ltd.	China	8/2018
411	0.2% of Vitamin Premix for Fattening Pigs	286-8/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin tổng hợp (A, D3, E, K3, B1, B2, B6), axit nicotinic và chất mang (cám gạo chiết ly). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1kg): Vitamin A $\geq 1.000.000,0$ IU; vitamin D3 $\geq 280.000,0$ IU; vitamin E $\geq 5.800,0$ IU; Vitamin K3 $\geq 280,0$ mg; vitamin B1 $\geq 500,0$ mg; vitamin B2 $\geq 1.500,0$ mg; vitamin B6 $\geq 750,0$ mg; axit nicotinic $\geq 6.000,0$ mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 30,0$ ppm.	Bổ sung premix vitamin cho lợn từ 60 kg thể trọng đến xuất chuồng.	Dạng bột, màu xám.	Chengdu Bangde Technology Co., Ltd.	China	8/2018
412	0.2% of Vitamin Premix for Little Meat Chicken	288-8/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin tổng hợp (A, D3, E, K3, B1, B2, B6), axit nicotinic và chất mang (cám gạo chiết ly). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1kg): Vitamin A $\geq 4.000.000,0$ IU; vitamin D3 $\geq 750.000,0$ IU; vitamin E $\geq 8.000,0$ IU; vitamin K3 $\geq 700,0$ mg; vitamin B1 $\geq 900,0$ mg; vitamin B2 $\geq 1.500,0$ mg; vitamin B6 $\geq 1.500,0$ mg; axit nicotinic ≥ 12.500 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 30,0$ ppm.	Bổ sung premix vitamin cho gà thịt.	Dạng bột, màu xám.	Chengdu Bangde Technology Co., Ltd.	China	8/2018

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
413	0.2% of Vitamin Premix for Mature Meat Chicken	290-8/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin tổng hợp (A, D3, E, K3, B1, B2, B6), axit nicotinic và chất mang (cám gạo chiết ly). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1kg): Vitamin A $\geq 2.000.000,0$ IU; vitamin D3 $\geq 450.000,0$ IU; vitamin E $\geq 6.000,0$ IU; vitamin K3 $\geq 500,0$ mg; vitamin B1 $\geq 900,0$ mg; vitamin B2 $\geq 1.500,0$ mg; vitamin B6 $\geq 1.500,0$ mg; axit nicotinic $\geq 12.500,0$ mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 30,0$ ppm.	Bổ sung premix vitamin cho gà thịt.	Dạng bột, màu xám.	Chengdu Bangde Technology Co., Ltd.	China	8/2018
414	0.2% of Vitamin Premix for Middle-aged Meat Chicken	289-8/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin tổng hợp (A, D3, E, K3, B1, B2, B6), axit nicotinic và chất mang (cám gạo chiết ly). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1kg): Vitamin A $\geq 3.000.000,0$ IU; vitamin D3 $\geq 500.000,0$ IU; vitamin E $\geq 7.000,0$ IU; vitamin K3 $\geq 600,0$ mg; vitamin B1 $\geq 900,0$ mg; vitamin B2 $\geq 1.500,0$ mg; vitamin B6 $\geq 1.500,0$ mg; axit nicotinic $\geq 12.500,0$ mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $< 10,0$ ppm; Pb $< 30,0$ ppm.	Bổ sung premix vitamin cho gà thịt.	Dạng bột, màu xám.	Chengdu Bangde Technology Co., Ltd.	China	8/2018
415	0.2% of Vitamin Premix for Piglets (Model I)	283-8/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin tổng hợp (A, D3, E, K3, B1, B2, B6), axit nicotinic và chất mang (cám gạo chiết ly). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1kg): Vitamin A $\geq 2.500.000,0$ IU; vitamin D3 $\geq 350.000,0$ IU; vitamin E $\geq 7.200,0$ IU; vitamin K3 $\geq 360,0$ mg; vitamin B1 $\geq 500,0$ mg; vitamin B2 $\geq 1.500,0$ mg; vitamin B6 $\geq 750,0$ mg; axit nicotinic $\geq 6.000,0$ mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $< 10,0$ ppm; Pb $< 30,0$ ppm.	Bổ sung premix vitamin cho lợn từ 15 kg đến 30 kg thể trọng.	Dạng bột, màu xám.	Chengdu Bangde Technology Co., Ltd.	China	8/2018
416	0.3% of Vitamin Premix for Growing Pigs	285-8/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin tổng hợp (A, D3, E, K3, B1, B2, B6), axit nicotinic và chất mang (cám gạo chiết ly). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1kg): Vitamin A $\geq 1.600.000,0$ IU; vitamin D3 $\geq 250.000,0$ IU; vitamin E $\geq 5.000,0$ IU; vitamin K3 $\geq 260,0$ mg; vitamin B1 $\geq 340,0$ mg; vitamin B2 $\geq 1.000,0$ mg; vitamin B6 $\geq 500,0$ mg; axit nicotinic $\geq 4.000,0$ mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $< 10,0$ ppm; Pb $< 30,0$ ppm.	Bổ sung premix vitamin cho lợn từ 30 kg đến 60 kg thể trọng.	Dạng bột, màu xám.	Chengdu Bangde Technology Co., Ltd.	China	8/2018

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
417	0.5% of Vitamin Premix for Breeding Pigs (Model III)	287-8/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin tổng hợp (A, D3, E, K3, B1, B2, B6), axit nicotinic và chất mang (cám gạo chiết ly). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1kg): Vitamin A $\geq$ 1.000.000,0 IU; vitamin D3 $\geq$ 200.000,0 IU; vitamin E $\geq$ 8.000,0 IU; vitamin K3 $\geq$ 200,0 mg; vitamin B1 $\geq$ 250,0 mg; vitamin B2 $\geq$ 600,0 mg; vitamin B6 $\geq$ 300,0 mg; axit nicotinic $\geq$ 3.000,0 mg. - <u>Chỉ tiêu vệ sinh: As < 10,0 ppm; Pb < 30,0 ppm.</u>	Bổ sung premix vitamin cho lợn đực giống.	Dạng bột, màu xám.	Chengdu Bangde Technology Co., Ltd.	China	8/2018
418	0.5% of Vitamin Premix for Piglets (Model III)	284-8/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin tổng hợp (A, D3, E, K3, B1, B2, B6), axit nicotinic và chất mang (cám gạo chiết ly). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1kg): Vitamin A $\geq$ 1.000.000,0 IU; vitamin D3 $\geq$ 160.000,0 IU; vitamin E $\geq$ 3.000,0 IU; vitamin K3 $\geq$ 160,0 mg; vitamin B1 $\geq$ 220,0 mg; vitamin B2 $\geq$ 600,0 mg; vitamin B6 $\geq$ 300,0 mg; axit nicotinic $\geq$ 2.600,0 mg. - <u>Chỉ tiêu vệ sinh: As < 10,0 ppm; Pb < 30,0 ppm.</u>	Bổ sung premix vitamin cho lợn từ 15 kg đến 30 kg thể trọng.	Dạng bột, màu xám.	Chengdu Bangde Technology Co., Ltd.	China	8/2018
419	1% of Vitamin Premix for Suckling Pig (Model III)	282-8/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin tổng hợp (A, D3, E, K3, B1, B2, B6), axit nicotinic và chất mang (cám gạo chiết ly). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1kg): Vitamin A $\geq$ 600.000,0 IU; vitamin D3 $\geq$ 100.000,0 IU; vitamin E $\geq$ 2.500,0 IU; Vitamin K3 $\geq$ 120,0 mg; vitamin B1 $\geq$ 160,0 mg; vitamin B2 $\geq$ 350,0 mg; vitamin B6 $\geq$ 180,0 mg; axit nicotinic $\geq$ 2.000,0 mg. - <u>Chỉ tiêu vệ sinh: As < 10,0 ppm; Pb < 30,0 ppm.</u>	Bổ sung premix vitamin cho lợn con từ 7 ngày tuổi đến 15 kg thể trọng.	Dạng bột, màu xám.	Chengdu Bangde Technology Co., Ltd.	China	8/2018
420	Halquinol	305-9/13-CN	- Bản chất: Halquinol (C18H11Cl3N2O2) - Thành phần: 5,7-dichloroquinolin-8-ol: 57,0 - 74,0 %; 5-Chloroquinolin-8-ol: 23,0 - 40,0 %; 7-Chloroquinolin-8-ol < 4,0 %.	Bổ sung Halquinol trong thức ăn chăn nuôi gia cầm nhằm tăng khả năng sinh trưởng vật nuôi và hiệu quả chăn nuôi.	Dạng bột, màu nâu vàng hoặc vàng nhạt.	Chengdu Decens Bio-technology Co., Ltd.	China	9/2018
421	Ferrous Sulphate Monohydrate Feed Grade	351-10/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ferrous Sulphate Monohydrate (FeSO4.H2O). - Một số chỉ tiêu chất lượng: Fe (30,0 - 32,9 %). - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb < 20,0 ppm; Cd < 10,0 ppm; As < 2,0 ppm.	Bổ sung Fe trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu xám.	Guangxi Hezhou Chemland Co., Ltd.	China	10/2018

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
422	“Shengtaiyuan” feed for poultry and livestock	239-7/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Phức hợp axit amin (Aspartic, threonine, serine, glutamic acid, proline, glycine, alanine, cystine, valine, methionine, isoleucine, leucine, tyrosine, phenylalanine, lysine, histidine, arginine), ZnSO₄, Zn-chelate, nước. - Một số chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1 lít): Tổng các axit amin: 100,0 - 120,0 g; Zn: 5,0 -7,0 g; - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; As ≤ 2,0 ppm; Pb ≤ 5,0 ppm.	Bổ sung các axit amin và Kẽm cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu nâu nhạt đến đen nâu.	Guangxi Nanning Shengtaiyuan Biotechnology Co., Ltd.	China	7/2018
423	Wisdem Coated Zinc Oxide	92-4/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ôxit kẽm và các chất phụ gia (glycerin monostearate, glycerin fatty acid ester, sodium carboxy methyl cellulose). - Chỉ tiêu chất lượng: Zn: 38,0 - 44,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 10,0 ppm; As ≤ 2,0 ppm; Cd ≤ 5,0 ppm;.	Bổ sung Kẽm từ ôxit kẽm trong thức ăn chăn nuôi lợn con.	Dạng hạt nhỏ, màu vàng nhạt.	Guangzhou Wisdom Bio-Technology Co., Ltd.	China	4/2018
424	AB Mos	138-5/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: 100 % thành tế bào nấm men Saccharomyces cerevisiae. - Chỉ tiêu chất lượng: Protein ≥ 18,0 %; Mannan Oligosaccharides ≥ 20,0 %; Beta-glucan ≥ 22,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As ≤ 2,0 ppm; Pb ≤ 5,0 ppm; Salmonella không có trong 25 g.	Bổ sung thành tế bào nấm men (sản phẩm giàu Mannan Oligosaccharides và Beta-glucan) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng hạt, màu vàng sáng đến màu be.	Harbin Aobili Biotechnology Co., Ltd.	China	5/2018
425	Colistin Sulfate Premix	28-02/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Colistin sunphát và các chất mang (sợi nấm mycelium lên men và bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: Colistin: 9,0 - 11,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As ≤ 2,0 ppm Pb ≤ 20,0 ppm; Cd ≤ 20,0 ppm; E. coli không có trong 1 g; Salmonella không có trong 25 g.	Bổ sung kháng sinh Colistin trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện khả năng sinh trưởng vật nuôi và hiệu quả chăn nuôi.	Dạng hạt, màu trắng đến vàng nhạt hoặc vàng.	Jiangsu Sel Biochem Co., Ltd.	China	02/2018
426	Roxarsone	297-8/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Roxarsone (3 Nitro acid, 3-Nitro-4-Hydroxybenzenearsonic acid) với độ tinh khiết ≥ 98,0 %. - Chỉ tiêu chất lượng: Asen hữu cơ (trong Roxarsone): 28,0 - 28,8 %; Asen vô cơ ≤ 0,05 %.	Bổ sung Roxarsone trong thức ăn chăn nuôi lợn và gia cầm nhằm kích thích khả năng sinh trưởng vật nuôi.	Dạng bột, màu nâu vàng hoặc vàng nhạt.	Jiangxihaitian Medicine Industry Limited Corporation.	China	8/2018
427	Betaine Hydrochloride	170-6/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Betaine Hydrochloride (C₅H₁₁NO₂.HCl) ≥ 98,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 10 ppm; As ≤ 2,0 ppm.	Bổ sung Betaine trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	Jinan Taifei Science & Technology Co., Ltd.	China	6/2018

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
428	Bacitracin Methylene Disalicylate 10 %	85-4/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bacitracin Methylene Disalicylate và chất mang (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: Bacitracin: 9,5 - 10,5 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As ≤ 2,0 ppm; Pb ≤ 10,0 ppm.	Bổ sung Bacitracin Methylene Disalicylate trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm tăng khả năng sinh trưởng vật nuôi.	Dạng hạt, màu vàng đến nâu nhạt.	Lifecome Biochemistry Co., Ltd.	China	4/2018
429	Bacitracin Methylene Disalicylate 15 %	86-4/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bacitracin Methylene Disalicylate và chất mang (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: Bacitracin: 14,25 - 15,75 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As ≤ 2,0 ppm; Pb ≤ 10,0 ppm.	Bổ sung Bacitracin Methylene Disalicylate trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm tăng khả năng sinh trưởng vật nuôi.	Dạng hạt, màu vàng đến nâu nhạt.	Lifecome Biochemistry Co., Ltd.	China	4/2018
430	Bacitracin Methylene Disalicylate Premix 10 %	270-8/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sản phẩm lên men Bacillus licheniformis sấy khô có chứa Bacitracin Methylene Disalicylate, và chất mang (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: Bacitracin: 9,0 - 11,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As ≤ 2,0 ppm; Pb ≤ 10,0 ppm.	Bổ sung Bacitracin Methylene Disalicylate trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm tăng khả năng sinh trưởng vật nuôi.	Dạng hạt, màu vàng đến nâu nhạt.	Lifecome Biochemistry Co., Ltd.	China	8/2018
431	Bacitracin Zinc Premix 10 %	269-8/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sản phẩm lên men Bacillus licheniformis sấy khô có chứa Bacitracin Zinc và chất mang (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: Bacitracin: 9,0 - 11,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As ≤ 2,0 ppm; Pb ≤ 10,0 ppm.	Bổ sung Bacitracin Zinc trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm tăng khả năng sinh trưởng vật nuôi.	Dạng bột, màu vàng đến nâu nhạt.	Lifecome Biochemistry Co., Ltd.	China	8/2018
432	Colistin Sulfate Premix 10%	189-6/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Colistin sulfate và chất mang (tinh bột ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Colistin: 9,0 - 11,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As ≤ 2,0 ppm; Pb ≤ 10,0 ppm.	Bổ sung Colistin sulfate trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm tăng khả năng sinh trưởng vật nuôi.	Dạng hạt, màu trắng đến vàng nhạt.	Lifecome Biochemistry Co., Ltd.	China	6/2018
433	Manganese Sulphate Monohydrate Feed Grade	349-10/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Manganese Sulphate Monohydrate (MnSO ₄ . H ₂ O). - Một số chỉ tiêu chất lượng: Mn (31,8 - 32,5 %). - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb < 10,0 ppm; Cd < 10,0 ppm; As < 5,0 ppm.	Bổ sung khoáng Mn trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu hồng nhạt.	Lingshan Changan Chemical Plant & Mine Co., Ltd.	China	10/2018
434	Feed-grade Chromium Picolinate IV type (Gelaime 165)	225-7/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chromium picolinate; chất mang và phụ gia (bột đá, silica, bột vỏ trấu, zeolite). - Chỉ tiêu chất lượng: Crôm (Cr): 0,20 - 0,23 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 20,0 ppm; As ≤ 4,0 ppm.	Bổ sung Crôm trong thức ăn chăn nuôi lợn.	Dạng bột, màu kem.	Mianyang Sinyiml Chemical Co., Ltd.	China	7/2018

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
435	Chlotetracycline 15 %	263-7/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chlotetracycline và các chất mang (mycelium, bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: Chlotetracycline: $15,0 \pm 2,0$ % - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm.	Bổ sung Chlotetracycline trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện khả năng sinh trưởng vật nuôi.	Dạng bột hoặc hạt, màu nâu hoặc nâu đậm.	Qilu Pharmaceutical (Inner-Mongolia) Co., Ltd.	China	7/2018
436	Chlotetracycline 20 %	264-7/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chlotetracycline và các chất mang (mycelium, bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: Chlotetracycline: $20,0 \pm 2,0$ % - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm.	Bổ sung Chlotetracycline trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện khả năng sinh trưởng vật nuôi.	Dạng bột hoặc hạt, màu nâu hoặc nâu đậm.	Qilu Pharmaceutical (Inner-Mongolia) Co., Ltd.	China	7/2018
437	Dextrose Monohydrate	214-7/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Dextrose Monohydrate. - Chỉ tiêu chất lượng: Hàm lượng Dextrose tính trong vật chất khô $\geq 99,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g.	Dextrose Monohydrate được sử dụng làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột kết tinh, màu trắng.	Qingdao Shengda Commercial & Trade Co., Ltd.	China	7/2018
438	ZRZY Red 0,5% Dry	02-01/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: chiết xuất từ quả ớt, ethoxyquin và chất mang (bột đá trầm tích). - Chỉ tiêu chất lượng: Capsanthin tổng số $\geq 0,5$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 2,0$ ppm.	Bổ sung Capsanthin (chiết xuất từ ớt) trong thức ăn cho gia cầm nhằm cải thiện màu da và màu lòng đỏ trứng gia cầm.	Dạng bột, màu đỏ nhạt.	Qingdao Zhongren Zhiye Bio-Technology Co., Ltd.	China	01/2018
439	ZRZY Red 1% Dry	03-01/13-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất từ quả ớt, chất chống ôxi hoá (Ethoxyquin) và chất mang (bột đá trầm tích). - Chỉ tiêu chất lượng: Capsanthin tổng số $\geq 1,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 2,0$ ppm; Cd < 1,0 ppm; Hg < 1,0 ppm.	Bổ sung Capsanthin (chiết xuất từ ớt) trong thức ăn cho gia cầm nhằm cải thiện màu da và màu lòng đỏ trứng gia cầm.	Dạng bột, màu đỏ cam.	Qingdao Zhongren Zhiye Bio-Technology Co, Ltd.	China	17/5/2023
440	ZRZY Yellow 2% Dry	01-01/13-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: chiết xuất từ hoa cúc vạn thọ, ethoxyquin và chất mang (bột đá trầm tích). - Chỉ tiêu chất lượng: Xanthophyll tổng số $\geq 2,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung Xanthophylls từ chiết xuất hoa cúc vạn thọ trong thức ăn chăn nuôi gia cầm nhằm cải thiện màu vàng da và lòng đỏ trứng.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Qingdao Zhongren Zhiye Bio-Technology Co, Ltd.	China	2/2/2023
441	Jabiru Natural Red Pigment	180-6/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất từ quả ớt ngọt, ethoxyquin, chất mang (bột trấu nghiền). - Chỉ tiêu dinh dưỡng: Xanthophyll $\geq 5,0$ g/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Ecoli không có trong 1,0g; Salmonella không có trong 25 g. - Chỉ tiêu an toàn (ppm): Asen $\leq 3,0$; Chì $\leq 10,0$.	Bổ sung Xanthophyll từ chiết xuất quả ớt ngọt trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu đỏ sẫm.	Shandong Tianyin Biotechnology Co., Ltd..	China	6/2018

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
442	Jabiru Natural Yellow Pigment	179-6/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất từ hoa cúc vạn thọ, ethoxyquin, chất mang (bột trấu nghiền). - Chỉ tiêu dinh dưỡng: Xanthophyll $\geq 20,0\text{g/kg}$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Ecoli không có trong 1,0 g; Salmonella không có trong 25 g. - Chỉ tiêu an toàn (ppm): Asen $\leq 3,0$; Chì $\leq 10,0$.	Bổ sung Xanthophyll từ chiết xuất hoa cúc vạn thọ trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu cam.	Shandong Tianyin Biotechnology Co., Ltd..	China	6/2018
443	Lutein Powder	23-02/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: chiết xuất từ hoa cúc vạn thọ, chất bảo quản (ethoxyquin) và chất mang (bột đá, silica). - Chỉ tiêu chất lượng: Xanthophyll tổng số $\geq 2,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 3,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm.	Bổ sung Xanthophyll (chiết xuất từ hoa cúc vạn thọ) trong thức ăn cho gia cầm nhằm cải thiện màu da và màu lòng đỏ trứng gia cầm.	Dạng bột, màu đỏ sậm.	Shandong Tianyin Biotechnology Co., Ltd..	China	02/2018
444	Paprika Oleoresin Powder	22-02/13-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất từ quả ớt, chất bảo quản (Ethoxyquin) và chất mang (bột đá, silica). - Chỉ tiêu chất lượng: Carotenoid $\geq 0,5\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 3,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm.	Bổ sung Carotenoid (chiết xuất từ quả ớt) trong thức ăn cho gia cầm nhằm cải thiện màu da và màu lòng đỏ trứng gia cầm.	Dạng bột, màu đỏ sậm.	Shandong Tianyin Biotechnology Co., Ltd.	China	30/1/2023
445	Microvit E Promix 50	23-02/13-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất từ hoa cúc vạn thọ, chất bảo quản (Ethoxyquin) và chất mang (bột đá, silica). - Chỉ tiêu chất lượng: Xanthophyll tổng số $\geq 2,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 3,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm.	Bổ sung Xanthophyll (chiết xuất từ hoa cúc vạn thọ) trong thức ăn cho gia cầm nhằm cải thiện màu da và màu lòng đỏ trứng gia cầm.	Dạng bột, màu vàng cam.	Shandong Tianyin Biotechnology Co., Ltd.	China	30/1/2023
446	Aute-Yellow (Natural Lutein)	277-8/13-CN	- Thành phần nguyên liệu chính: Chất chiết xuất từ hoa cúc vạn thọ, chất chống oxy hóa (Ethoxyquin), và các chất mang (bột đá và silica). - Chỉ tiêu chất lượng: Carotenoid tổng số $\geq 2,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 3,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm.	Bổ sung carotenoid từ chiết xuất hoa cúc vạn thọ trong thức ăn cho gia cầm nhằm cải thiện màu da và màu lòng đỏ trứng.	Dạng bột, màu vàng hoặc cam.	Sichuan Divineland Aute Agriculture Science Co., Ltd.	China	8/2018
447	Kingphos 5000U	67-3/13-CN	- Chỉ tiêu chất lượng: Phytase: $\geq 5000\text{U/g}$; Độ ẩm $\leq 8,0\%$; chất mang (tinh bột ngô). - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 5,0$ ppm; Pb $\leq 30,0$ ppm; Aflatoxin B1: $\leq 10,0$ ppb; Ecoli không phát hiện trong 1g; Salmonella không phát hiện trong 25 g.	Bổ sung enzyme phytase trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng ngà.	Weifang KDN Biotech Co., Ltd.	China	3/2018
448	Kingphos 5000U	68-3/13-CN	- Chỉ tiêu chất lượng: Phytase: $\geq 5000\text{U/ml}$; chất mang (nước). - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 5,0$ ppm; Pb $\leq 30,0$ ppm; Ecoli không phát hiện trong 1g; Salmonella không phát hiện trong 25 g.	Bổ sung enzyme phytase trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu vàng nhạt.	Weifang KDN Biotech Co., Ltd.	China	3/2018

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
449	Monopotassium Phosphate	350-10/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Monopotassium Phosphate (KH ₂ PO ₄). - Một số chỉ tiêu chất lượng: K (28,0 - 29,9 %); P (22,3 - 22,9 %). - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb < 20,0 ppm; As < 10,0 ppm.	Bổ sung khoáng (K; P) trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm.	Dạng hạt, màu trắng.	Wuhan Inorganic Salt Chemical Co., Ltd.	China	10/2018
450	SiloSolve AS 200	149-5/13-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Vi khuẩn hữu ích (Lactobacillus Plantarum, Lactobacillus Buchneri, Enterococcus Faecium) và chất mang (sodium aluminosilicate, maltodextrin). - Chỉ tiêu chất lượng (CFU/g): Lactobacillus Plantarum $\geq 2,5 \times 10^{10}$; Lactobacillus Buchneri $\geq 6,3 \times 10^{10}$; Enterococcus Faecium $\geq 3,8 \times 10^{10}$. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; As < 2,0 ppm; Cd < 0,5 ppm; Pb < 5,0 ppm; Hg < 0,05 ppm.	Bổ sung các vi sinh vật có lợi trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa.	Dạng bột, màu trắng.	Chr.Hansen Czech Republic, s.r.o.	Czech Republic	17/5/2023
451	Agrimos	240-7/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Manno-oligosaccharides và beta-glucans được chiết xuất từ thành tế bào nấm men Saccharomyces cerevisiae. - Chỉ tiêu chất lượng: Protein thô $\leq 25,0$ %; beta-glucans $\geq 19,0$ %; Mannans $\geq 24,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g; Coliform < 100 CFU/g.	Bổ sung Manno-oligosaccharides và beta-glucans trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	De Danske Gærfabrikker A/S.	Denmark	7/2018
452	Levucell SC20	172-6/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: 100 % nấm men hoạt động Saccharomyces cerevisiae CNCM I-1077 - Chỉ tiêu chất lượng: Saccharomyces cerevisiae (CNCM I-1077) $\geq 2 \times 10^{10}$ CFU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g.	Bổ sung vi sinh vật có lợi Saccharomyces cerevisiae CNCM I-1077 cho bò, dê, cừu, ngựa nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột, màu trắng xám nhạt.	De Danske Gærfabrikker A/S. (Phân phối bởi: Lallemand S.A.S., France).	Denmark	6/2018
453	Levucell SC10ME Titan	173-6/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Nấm men hoạt động Saccharomyces cerevisiae CNCM I-1077, hỗn hợp axit stearic và palmitic. - Chỉ tiêu chất lượng: Saccharomyces cerevisiae (CNCM I-1077) $\geq 1 \times 10^{10}$ CFU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g.	Bổ sung vi sinh vật có lợi Saccharomyces cerevisiae CNCM I-1077 cho bò, dê, cừu, ngựa nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột, màu trắng xám nhạt.	F.X Wieninger GmbH, Germany. (Phân phối bởi: Lallemand S.A.S., France).	Denmark	6/2018

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
454	RONOZYME HiPhos (GT)	151-5/13-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất lên men <i>Aspergillus oryzae</i> được làm khô (chứa phytase); chất phụ gia và chất mang (Cellulose, dextrin, Sodium sulphate). - Chỉ tiêu chất lượng: Phytase $\geq 10.000,0$ FYT/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: <i>E.coli</i> < 10 CFU/g; <i>Salmonella</i> không phát hiện trong 25g.	Bổ sung enzyme Phytase trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng hạt mịn, màu trắng nhạt.	Novozymes A/S	Denmark	17/5/2023
455	RONOZYME HiPhos (L)	153-5/13-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất lên men <i>Aspergillus oryzae</i> được làm khô (chứa phytase); chất phụ gia và chất mang (Sodium benzoate, Potassium sorbate, Sorbitol, nước). - Chỉ tiêu chất lượng: Phytase $\geq 20.000,0$ FYT/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: <i>E.coli</i> < 10 CFU/g; <i>Salmonella</i> không phát hiện trong 25g.	Bổ sung enzyme Phytase trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu vàng đến nâu.	Novozymes A/S	Denmark.	17/5/2023
456	RONOZYME HiPhos (M)	152-5/13-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất lên men <i>Aspergillus oryzae</i> được làm khô (chứa phytase); chất phụ gia và chất mang (Sodium sulphate, Kaolin, bột mỳ, Dextrin, dầu thực vật được thủy phân, Cellulose, sản phẩm từ ngô, Zinc acetate dihydrate, Sodium thiosulphate). - Chỉ tiêu chất lượng: Phytase $\geq 50.000,0$ FYT/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: <i>E.coli</i> < 10 CFU/g; <i>Salmonella</i> không phát hiện trong 25g.	Bổ sung enzyme Phytase trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng hạt mịn, màu trắng nhạt.	Novozymes A/S	Denmark.	17/5/2023
457	Mold-SP	294-8/13-CN	- Thành phần nguyên liệu chính: Propionic acid; Ammonium propionate; Calcium propionate; Sodium propionate; Sodium formate, Sodium acetate, Calcium formate. - Chỉ tiêu chất lượng: Propionic acid $\geq 38,0$ %. - Kim loại nặng: (ppm): Chì $\leq 5,0$; Cadimi $\leq 0,5$; Thủy ngân $\leq 0,1$; Asen $\leq 2,0$. - Vi sinh vật: <i>Salmonella</i> không phát hiện trong 25,0 g; <i>Shigella</i> không phát hiện trong 25,0 g.	Bổ sung axit hữu cơ trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	Aditivos & Alimentos S.A.	Ecuador	8/2018
458	Mycobind	295-8/13-CN	- Thành phần nguyên liệu chính: Hydrated sodium aluminum silicate; Hydrated calcium aluminum silicate; Zeolite. - Chỉ tiêu chất lượng: Al_2O_3 (13,73-17,48 %); SiO_2 (60,20-67,28 %). - Kim loại nặng: (ppm): Chì $\leq 30,0$; Cadimi $\leq 5,0$; Thủy ngân $\leq 0,1$; Asen $\leq 12,0$.	Bổ sung chất hấp phụ độc tố nấm mốc trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu be.	Aditivos & Alimentos S.A.	Ecuador	8/2018

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
459	Digestsea Still	312-9/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sorbitol, chiết xuất từ táo, axit amin, hydroxy analogue of methionine, chất tạo mùi từ chiết xuất cây atiso và cây boldo. - Một số chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 35,0\%$; protein thô $\geq 9,62\%$, hydroxy analogue of methionine $\geq 5,12\%$. - Một số chỉ tiêu an toàn: Asen $\leq 4,0$ ppm; Chì $\leq 10,0$ ppm; Flo ≤ 500 ppm; Cadimi $\leq 0,5$ ppm; Thủy ngân $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung axit amin và chất hydroxy analogue of methionine (thay thế methionin) trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu nâu.	Amadeite SAS.	France	9/2018
460	Sealyt Spark	313-9/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Dextrose, sodium bicarbonate, lactose, MgSO₄, táo, NaCl, KCl, muối của axit béo. - Một số chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 6,0\%$; glucose $\geq 29,5\%$, Na: 4,0-7,0%; K: 1,44-2,52 %; Mg: 1,2-2,1%; Ca: 0,2-0,8 %; vitamin C $\geq 19\ 550$ mg/kg. - Một số chỉ tiêu an toàn: Asen $\leq 4,0$ ppm; Chì $\leq 10,0$ ppm; Flo ≤ 500 ppm; Cadimi $\leq 0,5$ ppm; Thủy ngân $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung chất điện giải trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng viên, màu tro.	Amadeite SAS.	France	9/2018
461	Searup Spark	311-9/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Lactose; Sodium bicarbonate, táo, muối của axit béo; các vitamin (A, D3, B1, nicotinic acid, E, B6, B12, biotin); folic acid, chất bảo quản (citric acid.). - Một số chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 6,0\%$; Vitamin A $\geq 975\ 000$ IU/kg; Vitamin D3 $\geq 110\ 500$ IU/kg; Vitamin E $\geq 12\ 750$ IU/kg; Vitamin B1 $\geq 24,0$ g/kg; Vitamin B6 $\geq 9,0$ g/kg; Vitamin B12 $\geq 65,8$ mg/kg. - Một số chỉ tiêu an toàn: Asen $\leq 4,0$ ppm; Chì $\leq 10,0$ ppm; Flo ≤ 500 ppm; Cadimi $\leq 0,5$ ppm; Thủy ngân $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung vitamin và chất điện giải trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng viên, màu nâu.	Amadeite SAS.	France	9/2018
462	Searup Still	310-9/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất từ táo, axit béo được este hóa với glycerol, các vitamin (A, D3, E, B1, B6, nicotinic acid, lysine, chất chống oxi hóa (BHT)), chất bảo quản (Formic acid). - Một số chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 83,0\%$; Vitamin A $\geq 750\ 000$ IU/kg; Vitamin D3 $\geq 123\ 500$ IU/kg; Vitamin E $\geq 30\ 000$ IU/kg; Vitamin B1 ≥ 585 mg/kg; Vitamin B6 ≥ 300 mg/kg. - Một số chỉ tiêu an toàn: Asen $\leq 4,0$ ppm; Chì $\leq 10,0$ ppm; Flo ≤ 500 ppm; Cadimi $\leq 0,5$ ppm; Thủy ngân $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung vitamin và axit béo trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu xanh.	Amadeite SAS.	France	9/2018

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
463	Thermoplus	267-7/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Canxi cacbonate, natri sunphate, ôxit kẽm, chiết xuất hạt nho, vitamin B1 và chất mang (bột mỳ). - Chỉ tiêu chất lượng (g/kg): Canxi (Ca): 135,0 - 145,0; Kẽm (Zn): 4,0 - 6,0; Lưu huỳnh (S): 70,0 - 75,0; vitamin B1: 0,4 - 0,6. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 25 g; As ≤ 12,0 ppm; Pb ≤ 15,0 ppm; Cd ≤ 5,0 ppm; Hg ≤ 0,2 ppm.	Bổ sung khoáng vô cơ và vitamin B ₁ cho gia súc ăn cỏ.	Dạng bột, màu be đậm.	Deltavit.	France	7/2018
464	Optifeed Poultry KX 96 P1 Sw	359-10/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các hợp chất tạo mùi tổng hợp (18,4 %) (vanillin, d-limonen, eugenol, geraniol, isoamyl acetate); chất phụ gia (17,5 %) (axit silic kết tủa và sấy khô); và chất mang (64,1 %) (Dextrose). - Chỉ tiêu vệ sinh: As < 2,0 ppm; Pb < 10,0 ppm; Hg < 0,1 ppm; Cd < 1,0 ppm; Salmonella: không phát hiện trong 25 g; Aflatoxin B1 < 0,02 ppm.	Bổ sung các hợp chất tạo mùi tổng hợp trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	Les Laboratoires Phode S.A.S.	France	10/2018
465	Veo Premium Veo	358-10/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các hợp chất tạo mùi tổng hợp (18,399 %) (linalol, decanal, citral, terpineol, d-limonene, ethyl butyrate, octanal, beta ionone, citronellyl acetate); các chất phụ gia (14,001 %) (axit silic kết tủa và sấy khô, chiết xuất tự nhiên giàu tocopherol) và chất mang (67,6 %) (bột mỳ, bột đá). - Chỉ tiêu vệ sinh: As < 2,0 ppm; Pb < 10,0 ppm; Hg < 0,1 ppm; Cd < 1,0 ppm; Salmonella: không phát hiện trong 25 g; Aflatoxin B1 < 0,02 ppm.	Bổ sung các hợp chất tạo mùi tổng hợp trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu ngà.	Les Laboratoires Phode S.A.S.	France	10/2018
466	Molasweet	304-9/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Corylone (2,6 %); Vanillin (2,1 %); Lauric acid (1,3 %); Maltol (1,0 %); 1,2 – Propylene Glycol (13,0 %); Dextrose (38,0 %), chất mang (Silica 21,5 %; Sodium Saccharin 20,5 %). - Chỉ tiêu vệ sinh: As ≤ 2,0 ppm; Pb ≤ 200,0 ppm; Hg ≤ 0,1 ppm; Cd ≤ 15,0 ppm.	Bổ sung chất tạo mùi trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu hơi trắng đến hồng nhạt.	Pancosma France S.A.S.	France	9/2018
	(Code C61-2025)							

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
467	Promote Fruit Aroma	323-9/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp chất tạo mùi (18,9 %) (Phenethyl isovalerate (C13H18O2), Alpha-ionone (C13H20O), Benzaldehyde (C7H6O), Alcool benzylique (C7H8O), Ethyl cinnamate (C11H12O2), Gamma undecalactone (C11H20O2), Benzyl salicylate (C14H12O3)); chất chống đông vón (Silicic acid) và các chất mang (muối và tinh bột ngô). - Chỉ tiêu vệ sinh: As ≤ 60,0 ppm; Pb ≤ 200,0 ppm; Hg ≤ 1,0 ppm; Cd ≤ 15,0 ppm.; Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. Coli < 10,0 CFU/g.	Bổ sung chất tạo mùi từ các hợp chất hữu cơ tổng hợp trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng đến màu kem.	Provimi France.	France	9/2018
468	Proviox Nucleus	275-8/13-CN	- Thành phần nguyên liệu chính: Chất chiết xuất từ củ hành, chất chiết xuất từ quả nho, silica. - Chỉ tiêu chất lượng (%): Quercetin ≥ 7,0 %. - Kim loại nặng: (ppm): Chì ≤ 200,0; Cadimi ≤ 15,0; - Vi sinh vật: Salmonella không phát hiện trong 25,0 g; Ecoli không phát hiện trong 1,0 g.	Bổ sung chất chống oxy hóa trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng.	Provimi France.	France	8/2018
469	Antidium	278-8/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vi sinh vật có ích Enterococcus faecium DSM 10663/ NCIMB 10415; các chất điện giải (sodium chloride, potasium chloride); và chất mang (kaolinite). - Một số chỉ tiêu chất lượng : Enterococcus faecium DSM 10663/ NCIMB 10415 ≥ 10,5 × 1010 CFU/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Aflatoxins ≤ 0,05 ppm; Pb ≤ 10,0 ppm; As ≤ 2,0 ppm; Cd ≤ 2,0 ppm; Hg ≤ 0,5 ppm.	Bổ sung vi sinh vật có lợi đường tiêu hóa (Enterococcus faecium DSM 10663/ NCIMB 10415) và các chất điện giải cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	Qalian.	France	8/2018
470	Vitaflash	231-7/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin tổng hợp (A, D3, E, B1, B2, B6, B12, C, K3), nicotinic acid, folic acid, methionine, lysine, calcium pantothenate và chất mang (dextrose). - Một số chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 gam): Vitamin A ≥ 20.000,0 IU; Vitamin D3 ≥ 4.000,0 IU; Vitamin E ≥ 10,0 mg; Methionine ≥ 20,0 mg; Lysine ≥ 30,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 10 g; E. coli không phát hiện trong 1 g.	Bổ sung premix vitamin và axit amin cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Qalian, France.	France	7/2018

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
471	Dynamix M	346-10/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Đồng sunphat, sắt sunphat, ôxit kẽm, ôxit mangan, selenite, coban sunphat, iodate và chất mang (bột đá) - Chỉ tiêu chất lượng (mg/g): Cu (14,9 - 21,2); Fe (63,4 - 89,6); Zn (42,5 - 60,0); Mn (22,6 - 32,0); Se (159,0 - 224,0); Co (0,084 - 0,119); I (0,18 - 0,26). - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 200,0 ppm; As ≤ 20,0 ppm; Hg < 1,0 ppm; Cd < 20,0 ppm.	Bổ sung premix khoáng trong thức ăn chăn nuôi lợn.	Dạng bột, màu ghi xám.	Techna SA.	France	10/2018
472	Dynamix V	345-10/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp vitamin (A, D3, E, K3, B1, B2, B5, B6, B12, B3, B9, H2); chất bảo quản (Ethoxyquin, Propyl gallate) và chất mang (bột đá) - Một số chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 g): vitamin A (8.000,0 - 11.500,0 IU); vitamin D3 (1.060,0 - 1.550,0 IU); vitamin E (10,6 - 17,5 mg); vitamin B5 (8,0 - 13,0 mg). - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 200,0 ppm; As ≤ 20,0 ppm; Hg ≤ 1,0 ppm; Cd ≤ 20,0 ppm.	Bổ sung premix vitamin trong thức ăn chăn nuôi lợn.	Dạng bột, màu ghi xám.	Techna SA.	France	10/2018
473	Reganol	344-10/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp tinh dầu thực vật (37,5 %) (citrus extracts, oregano extracts) và các chất mang (sepiolite, bột mỳ). - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 200,0 ppm; As ≤ 20,0 ppm; Hg ≤ 1,0 ppm; Cd ≤ 20,0 ppm.	Bổ sung chất tạo mùi từ tinh dầu thực vật trong thức ăn chăn nuôi lợn con nhằm cải thiện khả năng ăn vào của vật nuôi.	Dạng bột, màu be.	Techna SA.	France	10/2018
474	ADDCON XF Superfine	150-5/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Calcium propionate và calcium formate. - Chỉ tiêu chất lượng: Axit propionic: 45,0 - 55,0 %; Axit formic: 21,4 - 26,2 %; Canxi: 21,1 - 26,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As < 3,0 ppm; Pb < 5,0 ppm.	Bổ sung muối axit hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm kiểm soát chất lượng thức ăn.	Dạng bột, màu trắng be.	Addcon Europe GmbH.	Germany	5/2018
475	Luprosil	124-4/13-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Axit Propionic. - Chỉ tiêu chất lượng: Axit Propionic ≥ 99,5 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As ≤ 2,0 ppm; Cd ≤ 0,5 ppm; Pb ≤ 10,0 ppm; Hg ≤ 0,1 ppm.	Bổ sung axit propionic (nhằm mục đích bảo quản) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu vàng.	BASF SE.	Germany	18/1/2023
476	Natugrain TS L	123-4/13-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Endo -1,4 - β xylanase; Endo -1,4 - β glucanase và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng: Endo -1,4 - β - xylanase ≥ 5.600,0 TXU/g; Endo -1,4 - β - glucanase ≥ 2.500,0 TGU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g.	Bổ sung hỗn hợp enzyme (Endo -1,4 - β - xylanase; Endo -1,4 - β - glucanase) trong thức ăn chăn nuôi lợn và gia cầm.	Dạng lỏng, màu vàng.	BASF SE.	Germany	18/1/2023

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
477	Natuphos 5000 Combi G	121-4/13-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Các enzyme (Phytase, Endo -1,4 - β xylanase; Endo -1,4 - β - glucanase), chất phụ gia và chất mang (tinh bột, polyvinyl alcohol, Kẽm sunphat, polyethylene wax, axit béo). - Chỉ tiêu chất lượng: Phytase $\geq 5.000,0$ FTU/g; Endo -1,4 - β - xylanase $\geq 5.600,0$ TXU/g; Endo -1,4 - β - glucanase $\geq 2.500,0$ TGU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g.	Bổ sung hỗn hợp enzyme (Phytase; Endo -1,4 - β - xylanase; Endo -1,4 - β - glucanase) trong thức ăn chăn nuôi lợn và gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	BASF SE.	Germany	18/1/2023
478	Natuphos 5000 Combi L	122-4/13-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Các enzyme (Phytase, Endo -1,4 - β - xylanase; Endo -1,4 - β - glucanase) và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng: Phytase $\geq 5.000,0$ FTU/g; Endo -1,4 - β - xylanase $\geq 5.600,0$ TXU/g; Endo -1,4 - β - glucanase $\geq 2.500,0$ TGU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g.	Bổ sung hỗn hợp enzyme (Phytase; Endo -1,4 - β - xylanase; Endo -1,4 - β - glucanase) trong thức ăn chăn nuôi lợn và gia cầm.	Dạng lỏng, màu vàng.	BASF SE.	Germany	18/1/2023
479	Toxisorb Classic	134-4/13-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: 100 % Aluminosilicate. - Chỉ tiêu chất lượng: SiO ₂ : 53,0 - 61,0 %; Al ₂ O ₃ : 16,0 - 21,0 %; Fe ₂ O ₃ : 4,5 - 6,5 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 30,0$ ppm; Hg $\leq 0,2$ ppm.	Bổ sung khoáng Aluminosilicate nhằm hấp phụ độ tổ nấm mốc trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu xám be.	Clariant Produkte Deutschland GmbH.	Germany	24/4/2023
480	Toxisorb Premium	135-4/13-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: 100 % Aluminosilicate. - Chỉ tiêu chất lượng: SiO ₂ : 52,0 - 60,0 %; Al ₂ O ₃ : 4,0 - 8,0 %; Fe ₂ O ₃ : 1,0 - 2,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 25,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 30,0$ ppm; Hg $\leq 0,2$ ppm.	Bổ sung khoáng Aluminosilicate nhằm hấp phụ độ tổ nấm mốc trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu xám be.	Clariant Produkte Deutschland GmbH.	Germany	4/2018
481	Prima Food Classic Line Standard Croc	250-7/13-CN	- Nguyên liệu chính: Bột gia cầm, phụ phẩm thực vật, mỡ gà, ngô. - Thành phần dinh dưỡng (%): Độ ẩm $\leq 11,0$; Protein thô $\geq 21,0$; Xơ thô $\leq 3,0$; Mỡ thô $\geq 8,0$; Ca (1,00-1,80); P (0,85-1,40); Khoáng tổng số $\leq 7,5$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Ecoli không phát hiện trong 1 g; Salmonella không phát hiện trong 25 g..	Thức ăn hỗn hợp cho chó ở mọi lứa tuổi.	Dạng viên, màu nâu sẫm.	Dr. Clauder GmbH&Co.KG	Germany	7/2018
482	Dr. Clauder's Adult Small Breed	248-7/13-CN	- Nguyên liệu chính: Bột gia cầm, bột ngô, bột cá, bột gạo, mỡ gia cầm. - Thành phần dinh dưỡng (%): Độ ẩm $\leq 8,0$; Protein thô $\geq 26,0$; Xơ thô $\leq 2,5$; Mỡ thô $\geq 16,0$; Ca (1,10 - 2,00); P (0,93-1,48); Khoáng tổng số $\leq 6,0$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Ecoli không phát hiện trong 1 g; Salmonella không phát hiện trong 25 g.	Thức ăn hỗn hợp cho chó từ 1 đến 7 tuổi.	Dạng viên, màu nâu sẫm.	Dr. Clauder GmbH&Co.KG	Germany	7/2018

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
483	Dr. Clauder's Fish& Rice All Breed	249-7/13-CN	- Nguyên liệu chính: Bột gia cầm, bột cá, đậu, bột gạo, mỡ gia cầm. - Thành phần dinh dưỡng (%): Độ ẩm $\leq 8,0$; Protein thô $\geq 24,0$; Xơ thô $\leq 3,0$; Mỡ thô $\geq 13,0$; Ca (0,96 - 1,68); P (0,85-1,40); Khoáng tổng số $\leq 7,0$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Ecoli không phát hiện trong 1 g; <u>Salmonella không phát hiện trong 25 g.</u>	Thức ăn hỗn hợp cho chó bị dị ứng và nhạy cảm từ 2 tháng tuổi trở lên.	Dạng viên, màu nâu sẫm.	Dr. Clauder GmbH&Co.KG	Germany	7/2018
484	Dr. Clauder's Puppy All Breed	247-7/13-CN	- Nguyên liệu chính: Bột gia cầm, bột ngô, bột gạo, bột cá, mỡ gia cầm. - Thành phần dinh dưỡng (%): Độ ẩm $\leq 8,0$; Protein thô $\geq 30,0$; Xơ thô $\leq 2,5$; Mỡ thô $\geq 19,5$; Ca (0,96- 1,68); P (0,85-1,4); Khoáng tổng số $\leq 6,5$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Ecoli không phát hiện trong 1 g; <u>Salmonella không phát hiện trong 25 g.</u>	Thức ăn hỗn hợp cho chó từ 3 tuần đến 4 tháng tuổi.	Dạng viên, màu nâu sẫm.	Dr. Clauder GmbH&Co.KG	Germany	7/2018
485	Litina Katinka Mix	251-7/13-CN	- Nguyên liệu chính: Phụ phẩm thực vật, ngũ cốc, thịt và phụ phẩm thịt, cá và phụ phẩm từ cá, dầu. - Thành phần dinh dưỡng (%): Độ ẩm $\leq 9,5$; Protein thô $\geq 30,0$; Xơ thô $\leq 2,5$; Mỡ thô $\geq 10,0$; Ca (1,20 - 2,00); P (0,93-1,48); Khoáng tổng số $\leq 8,0$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Ecoli không phát hiện trong 1 g; <u>Salmonella không phát hiện trong 25 g.</u>	Thức ăn hỗn hợp cho mèo ở mọi lứa tuổi.	Dạng viên, màu nâu sẫm.	Dr. Clauder GmbH&Co.KG	Germany	7/2018
486	Miamix Mine Broiler	75-3/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sắt sunphát, Đồng sunphát, ôxit Mangan, ôxit Kẽm, Canxi iodate, Coban cacbonat, Natri selenite và chất mang (CaCO ₃). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Sắt (Fe): 40,0 g; Đồng (Cu): 5,0 g; Mangan (Mn): 60,0 g; Kẽm (Zn): 40,0 g; Iodine (I): 0,4 g; Coban (Co): 0,1 g; Selen (Se): 0,3 g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 200,0$ ppm; As $\leq 50,0$ ppm; Hg $\leq 0,3$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm.	Bổ sung premix khoáng trong thức ăn chăn nuôi gia cầm thịt.	Dạng bột, màu be xám.	Miavit GmbH.	Germany	3/2018
487	Miamix Mine Broiler Layer	41-02/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các hợp chất vô cơ chứa khoáng Fe, Cu, Mn, Zn, I, Co, Se; và chất mang (CaCO ₃). - Chỉ tiêu chất lượng tính trong 1,0 kg: Fe (70,0 g); Cu (8,0 g); Mn (80,0 g); Zn (70,0 g); I (0,4 g); Co (0,1 g); Se (0,2 g). - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 200,0$ ppm; As $\leq 50,0$ ppm; Hg $\leq 0,3$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm.	Bổ sung premix khoáng vô cơ trong thức ăn chăn nuôi gia cầm đẻ.	Dạng bột, màu be xám.	Miavit GmbH.	Germany	2/2018

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
488	Miamix Mine Duck Grower	82-3/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sắt sunphát, Đồng sunphát, ôxit Mangan, ôxit Kẽm, Canxi iodate, Natri selenite và chất mang (CaCO₃). - Chỉ tiêu chất lượng tính trong 1,0 kg: Fe (60,0 g); Cu (10,0 g); Mn (100,0 g); Zn (80,0 g); I (0,8 g); Se (0,25 g). - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 200,0 ppm; As ≤ 50,0 ppm; Hg < 0,3 ppm; Cd < 15,0 ppm.	Bổ sung premix khoáng trong thức ăn chăn nuôi vịt thịt.	Dạng bột, màu be xám.	Miavit GmbH.	Germany	3/2018
489	Miamix Mine Duck Layer	76-3/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sắt sunphát, Đồng sunphát, ôxit Mangan, ôxit Kẽm, Canxi iodate, Coban cacbonat, Natri selenite và chất mang (CaCO₃). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Sắt (Fe): 90,0 g; Đồng (Cu): 15,0 g; Mangan (Mn): 120,0 g; Kẽm (Zn): 100,0 g; Iodine (I): 1,0 g; Coban (Co): 0,25 g; Selen (Se): 0,25 g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 200,0 ppm; As ≤ 50,0 ppm; Hg ≤ 0,3 ppm; Cd ≤ 15,0 ppm.	Bổ sung premix khoáng trong thức ăn chăn nuôi vịt đẻ.	Dạng bột, màu be xám.	Miavit GmbH.	Germany	3/2018
490	Miamix Mine Fattening	78-3/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sắt sunphát, Đồng sunphát, ôxit Mangan, ôxit Kẽm, Canxi iodate, Coban cacbonat, Natri selenite và chất mang (CaCO₃). - Chỉ tiêu chất lượng tính trong 1,0 kg: Fe (80,0 g); Cu (30,0 g); Mn (50,0 g); Zn (80,0 g); I (0,2 g); Co (0,1 g); Se (0,2 g). - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 200,0 ppm; As ≤ 50,0 ppm; Hg ≤ 0,3 ppm; Cd ≤ 15,0 ppm.	Bổ sung premix khoáng trong thức ăn chăn nuôi lợn giai đoạn vỗ béo.	Dạng bột, màu be xám.	Miavit GmbH.	Germany	3/2018
491	Miamix Mine Piglet	77-3/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sắt sunphát, Đồng sunphát, ôxit Mangan, ôxit Kẽm, Canxi iodate, Coban cacbonat, Natri selenite và chất mang (CaCO₃). - Chỉ tiêu chất lượng tính trong 1,0 kg: Fe (90,91 g); Cu (90,91 g); Mn (54,55 g); Zn (90,91 g); I (0,36 g); Co (0,18 g); Se (0,27 g). - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 200,0 ppm; As ≤ 50,0 ppm; Hg ≤ 0,3 ppm; Cd ≤ 15,0 ppm.	Bổ sung premix khoáng trong thức ăn chăn nuôi lợn con.	Dạng bột, màu be xám.	Miavit GmbH.	Germany	3/2018

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
492	Miamix Mine Sow	79-3/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sắt sunphát, Đồng sunphát, ôxit Mangan, ôxit Kẽm, Canxi iodate, Coban cacbonat, Natri selenite và chất mang (CaCO₃). - Chỉ tiêu chất lượng tính trong 1,0 kg: Fe (100,0 g); Cu (30,0 g); Mn (60,0 g); Zn (100,0 g); I (0,2 g); Co (0,1 g); Se (0,2 g). - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 200,0 ppm; As ≤ 50,0 ppm; Hg ≤ 0,3 ppm; Cd ≤ 15,0 ppm.	Bổ sung premix khoáng trong thức ăn chăn nuôi lợn nái.	Dạng bột, màu be xám.	Miavit GmbH.	Germany	3/2018
493	Miamix Vit Broiler	42-02/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các hợp chất tổng hợp vitamin A, D3, E, K3, H, folic acid, B1, B2, B6, B12, nicotinic acid amide, calcium-D-pantothenate; chất chống oxy hóa (BHT) và chất mang (CaCO₃). - Một số chỉ tiêu chất lượng tính trong 1,0 g: Vitamin A (10.000,0 IU); vitamin D3 (1.000,0 IU); vitamin E (20,0 mg); vitamin H (60,0 mcg); vitamin B6 (3,0 mg). - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 200,0 ppm; As ≤ 50,0 ppm; Hg < 0,3 ppm; Cd < 15,0 ppm.	Bổ sung premix vitamin trong thức ăn chăn nuôi gia cầm thịt.	Dạng bột, màu be xám.	Miavit GmbH.	Germany	2/2018
494	Miamix Vit Broiler Layer	43-02/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các hợp chất tổng hợp vitamin A, D3, E, K3, H, folic acid, B1, B2, B6, B12, nicotinic acid amide, calcium-D-pantothenate; chất chống oxy hóa (BHT) và chất mang (CaCO₃). - Một số chỉ tiêu chất lượng tính trong 1,0 g: Vitamin A (12.500,0 IU); vitamin D3 (3.000,0 IU); vitamin E (30,0 mg); vitamin H (120,0 mcg); vitamin B6 (4,0 mg). - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 200,0 ppm; As ≤ 50,0 ppm; Hg < 0,3 ppm; Cd < 15,0 ppm.	Bổ sung premix vitamin trong thức ăn chăn nuôi gia cầm đẻ.	Dạng bột, màu be xám.	Miavit GmbH.	Germany	2/2018
495	Miamix Vit Duck Grower	81-3/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các hợp chất tổng hợp vitamin A, D3, E, K3, H, folic acid, B1, B2, B6, B12, nicotinic acid amide, calcium-D-pantothenate; chất chống oxy hóa (BHT) và chất mang (CaCO₃). - Một số chỉ tiêu chất lượng tính trong 1,0 g: Vitamin A (8.000,0 IU); vitamin D3 (2.500,0 IU); vitamin E (30,0 mg); vitamin H (150,0 mcg); calcium-D-pantothenate (10,0 mg) . - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 200,0 ppm; As ≤ 50,0 ppm; Hg < 0,3 ppm; Cd < 15,0 ppm.	Bổ sung premix vitamin trong thức ăn chăn nuôi vịt thịt.	Dạng bột, màu be xám.	Miavit GmbH.	Germany	3/2018

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
496	Miamix Vit Duck Layer	47-02/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các hợp chất tổng hợp vitamin A, D3, E, K3, H, folic acid, B1, B2, B6, B12, nicotinic acid amide, calcium-D-pantothenate; chất chống oxy hóa (BHT) và chất mang (CaCO₃). - Một số chỉ tiêu chất lượng tính trong 1,0 g: Vitamin A (12.000,0 IU); vitamin D3 (3.800,0 IU); vitamin E (40,0 mg); vitamin H (250,0 mcg); calcium-D-pantothenate (15,0 mg) . - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 200,0 ppm; As ≤ 50,0 ppm; Hg < 0,3 ppm; Cd < 15,0 ppm.	Bổ sung premix vitamin trong thức ăn chăn nuôi vịt đẻ.	Dạng bột, màu be xám.	Miavit GmbH.	Germany	2/2018
497	Miamix Vit Fattening	45-02/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các hợp chất tổng hợp vitamin A, D3, E, K3, H, folic acid, B1, B2, B6, B12, nicotinic acid amide, calcium-D-pantothenate; chất chống oxy hóa (BHT) và chất mang (CaCO₃). - Một số chỉ tiêu chất lượng tính trong 1,0 g: Vitamin A (6.000,0 IU); vitamin D3 (800,0 IU); vitamin E (15,0 mg); vitamin H (20,0 mcg); vitamin B6 (2,0 mg); nicotinic acid amide (15,0 mg). - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 200,0 ppm; As ≤ 50,0 ppm; Hg < 0,3 ppm; Cd < 15,0 ppm.	Bổ sung premix vitamin trong thức ăn chăn nuôi lợn thịt.	Dạng bột, màu be xám.	Miavit GmbH.	Germany	2/2018
498	Miamix Vit Piglet	44-02/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các hợp chất tổng hợp vitamin A, D3, E, K3, H, folic acid, B1, B2, B6, B12, nicotinic acid amide, calcium-D-pantothenate; chất chống oxy hóa (BHT) và chất mang (CaCO₃). - Một số chỉ tiêu chất lượng tính trong 1,0 g: Vitamin A (12.000,0 IU); vitamin D3 (1.200,0 IU); vitamin E (40,0 mg); vitamin H (100,0 mcg); nicotinic acid amide (25,0 mg). - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 200,0 ppm; As ≤ 50,0 ppm; Hg < 0,3 ppm; Cd < 15,0 ppm.	Bổ sung premix vitamin trong thức ăn chăn nuôi lợn con.	Dạng bột, màu be xám.	Miavit GmbH.	Germany	2/2018
499	Miamix Vit Sows	46-02/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các hợp chất tổng hợp vitamin A, D3, E, K3, H, folic acid, B1, B2, B6, B12, nicotinic acid amide, calcium-D-pantothenate; chất chống oxy hóa (BHT) và chất mang (CaCO₃). - Một số chỉ tiêu chất lượng tính trong 1,0 g: Vitamin A (12.000,0 IU); vitamin D3 (1.200,0 IU); vitamin E (40,0 mg); vitamin H (150,0 mcg); vitamin B1 (2,0 mg); calcium-D-pantothenate (10,0 mg) . - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 200,0 ppm; As ≤ 50,0 ppm; Hg < 0,3 ppm; Cd < 15,0 ppm.	Bổ sung premix vitamin trong thức ăn chăn nuôi lợn nái.	Dạng bột, màu be xám.	Miavit GmbH.	Germany	2/2018

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
500	Miaxyla	80-3/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Xylanase (EC 3.2.1.8) và chất mang (Bột mỳ). - Chỉ tiêu chất lượng: Endo 1,4 Beta Xylanase: 1.800.000,0 EPU/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 200,0 ppm; As ≤ 50,0 ppm; Hg ≤ 0,3 ppm; Cd ≤ 15,0 ppm.	Bổ sung enzyme Endo 1,4 Beta Xylanase trong thức ăn chăn nuôi gia cầm.	Dạng bột, màu be xám.	Miavit GmbH.	Germany	3/2018
501	ElectroPec	233-7/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin E; các hợp chất khoáng (NaCl, KCl, MgSO4) và chất mang (Dextrose) - Một số chỉ tiêu chất lượng: Protein thô ≥ 5,2 %; Béo thô ≥ 0,1%; Vitamin E ≥ 225,0 mg/kg; Kali 1,35-2,25 %; Natri: 5,85-9,75 %; Magiê 0,08-0,13 % - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 10,0 ppm; As ≤ 4,0 ppm; Hg ≤ 0,2 ppm; Cd ≤ 0,5 ppm.	Bổ sung vitamin E và chất điện giải (khoáng chất) cho bò và cừu.	Dạng bột, màu be xám.	Miavit GmbH.	Germany	7/2018
502	Pectolit Plus	234-7/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các loại vitamin như A, D3, E, K3, H, B1, B6, B12); các hợp chất khoáng (CuSO4; MnSO4; ZnSO4; Na2O3Se) và chất mang (Dextrose) - Một số chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Protein thô ≥ 106,0g; Béo thô ≥ 63,0 g. Vitamin A ≥ 18.750,0 IU; Vitamin D3 ≥ 3.750,0 IU; Vitamin E ≥ 37,5 mg; Vitamin K3 ≥ 1,87 mg; Đồng 8,4-14,0 mg; Mangan 32,25-53,75 mg; Kẽm 36,75-61,25 mg; Selen 0,38-0,63 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 10,0 ppm; As ≤ 4,0 ppm; Hg ≤ 0,2 ppm; Cd ≤ 0,5 ppm.	Bổ sung vitamin và chất điện giải cho gia súc.	Dạng bột, màu be xám.	Miavit GmbH.	Germany	7/2018
503	Cytoplex-Se 2000	83-3/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: 100 % tế bào nấm men bất hoạt có chứa Selen. - Chỉ tiêu chất lượng: Selen: 1.800,0 - 2.200,0 ppm; Protein ≥ 40,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As ≤ 0,4 ppm; Pb ≤ 1,0 ppm; E. coli không có trong 1 g; Salmonella không có trong 25 g.	Bổ sung Selen trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	Phytobiotics Futterzusatzstoffe GmbH.	Germany	3/2018
504	Glycinoplex-Cu	84-3/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chelate Đồng-Glycine với độ tinh khiết ≥ 98,0%. - Chỉ tiêu chất lượng: Cu: 21,6 - 26,4 % ; Glycine ≥ 20,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As ≤ 0,4 ppm; Pb ≤ 1,0 ppm; E. coli không có trong 1 g; Salmonella không có trong 25 g.	Bổ sung Đồng hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu xanh lục đến xanh nhạt.	Phytobiotics Futterzusatzstoffe GmbH.	Germany	3/2018

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
505	Piggy Sweet	192-6/13-CN	- Thành phần nguyên liệu chính: Chất tạo ngọt (sodium saccharin), Neohesperidin Dihydro Chalcon. - Chỉ tiêu chất lượng: Sodium saccharin $\geq 60,0\%$. - Kim loại nặng: (ppm): Chì $\leq 10,0$; Cadimi $\leq 1,0$; Asen $\leq 2,0$; Thủy ngân $\leq 0,1$. - Vi sinh vật: Salmonella không phát hiện trong 25g.	Bổ sung chất tạo ngọt (Sodium Saccharin) trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	Phytobiotics Futterzusatzstoffe GmbH.	Germany	6/2018
506	Piggy Sweet	204-6/13-CN	- Thành phần nguyên liệu chính: Chất tạo ngọt (sodium saccharin), Neohesperidin Dihydro Chalcon. - Chỉ tiêu chất lượng (%): Sodium saccharin $\geq 90,0$. - Kim loại nặng: (ppm): Chì $\leq 10,0$; Cadimi $\leq 1,0$; Asen $\leq 2,0$; - Vi sinh vật: Salmonella không phát hiện trong 25g.	Bổ sung chất tạo ngọt (Sodium Saccharin) trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	Phytobiotics Futterzusatzstoffe GmbH.	Germany	6/2018
507	Sangrovit - FarmPack	191-6/13-CN	- Thành phần nguyên liệu chính: Chất tạo ngọt (sodium saccharin), chiết xuất từ cây Macleaya Cordata. - Chỉ tiêu chất lượng: Sodium saccharin $\geq 60,0\%$. - Kim loại nặng: (ppm): Chì $\leq 10,0$; Cadimi $\leq 1,0$; Asen $\leq 2,0$; Thủy ngân $\leq 0,1$. - Vi sinh vật: Salmonella không phát hiện trong 25g.	Bổ sung chất tạo ngọt (Sodium Saccharin) trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu xanh lục.	Phytobiotics Futterzusatzstoffe GmbH.	Germany	6/2018
508	Sangrovit - FarmPack	203-6/13-CN	- Thành phần nguyên liệu chính: Chất tạo ngọt (sodium saccharin), chiết xuất từ cây Macleaya Cordata. - Chỉ tiêu chất lượng (%): Sodium saccharin $\geq 60,0$. - Kim loại nặng: (ppm): Chì $\leq 10,0$; Cadimi $\leq 1,0$; Asen $\leq 2,0$; - Vi sinh vật: Salmonella không phát hiện trong 25g.	Bổ sung chất tạo ngọt (Sodium Saccharin) trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu xanh lục.	Phytobiotics Futterzusatzstoffe GmbH.	Germany	6/2018
509	Sangrovit WS	193-6/13-CN	- Thành phần nguyên liệu chính: Chiết xuất từ cây Macleaya Cordata, DL malic acid; Potassium Sorbate. - Chỉ tiêu chất lượng: Sodium saccharin $\geq 60,0\%$. - Kim loại nặng: (ppm): Chì $\leq 10,0$; Cadimi $\leq 1,0$; Asen $\leq 2,0$; Thủy ngân $\leq 0,1$. - Vi sinh vật: Salmonella không phát hiện trong 25g.	Bổ sung chiết xuất từ cây Macleaya Cordata trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu đỏ.	Phytobiotics Futterzusatzstoffe GmbH.	Germany	6/2018

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
510	Sangrovit WS	205-6/13-CN	- Thành phần nguyên liệu chính: Chiết xuất từ cây Macleaya Cordata , DL malic acid; Potassium Sorbate. - Chỉ tiêu chất lượng (%):m: Sanguinarine $\geq 1,0$. - Kim loại nặng: (ppm): Chì $\leq 10,0$; Cadimi $\leq 1,0$; Asen $\leq 2,0$; - Vi sinh vật: Salmonella không phát hiện trong 25g.	Bổ sung chất Sanguinarine từ chiết xuất của cây Macleaya Cordata trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu đỏ đến cam.	Phytobiotics Futterzusatzstoffe GmbH.	Germany	6/2018
511	Schaumacid Protect G	276-8/13-CN	- Thành phần nguyên liệu chính: Lactic acid, ammonium formate, mid chain fatty acid, ammonium propionate và chất mang silicic acid. - Chỉ tiêu chất lượng (%): Lactic acid $\geq 15,2$; Ammonium formate $\geq 21,2$; Ammonium propionate $\geq 2,5$. - Kim loại nặng: (ppm): Chì $\leq 5,0$; Cadimi $\leq 0,5$, Thủy ngân $\leq 0,1$; Asen $\leq 2,0$. - Vi sinh vật: Salmonella không phát hiện trong 25,0 g; Ecoli không phát hiện trong 1,0 g.	Bổ sung axit hữu cơ trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng hạt nhỏ, màu xám đậm.	Ligrana GmbH.	Germany	8/2018
512	Mould Guard Diamond	91-4/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: axit propionic (0,05 %); axit acetic (0,05 %); axit formic (0,05 %); axit sorbic (0,01 %); canxi propionate (10,0 %), chiết xuất citric từ hạt nho, muối NaCl. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 4,0$ ppm; Hg $\leq 0,2$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 30,0$ ppm.	Bổ sung hỗn hợp axit hữu cơ, muối axit hữu cơ và chiết xuất citric từ hạt nho trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm kiểm soát sự phát triển của nấm mốc.	Dạng bột, màu trắng.	Xvet GmbH.	Germany	4/2018
513	Toxin Guard	90-4/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sepiolite (hydrated magnesium silicates), Vermiculite (hydrated aluminium silicate), Saponite (hydrated calcium magnesium silicate). - Chỉ tiêu chất lượng: Khoáng tổng số $\geq 85,0$ %; khoáng không tan trong axit HCl $\geq 60,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 4,0$ ppm; Hg $\leq 0,2$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 30,0$ ppm.	Bổ sung chất hấp phụ độc tố mycotoxin trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu xám.	Xvet GmbH.	Germany	4/2018
514	Optigen II	18-01/13-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Urê, Beta carotene, chất chống oxy hóa (BHT) và chất mang (dầu thực vật). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0$ %; Nitơ tổng số $\geq 41,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 30,0$ ppm; Cd $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm; Pb $\leq 100,0$ ppm	Bổ sung Nitơ phi protein cho bò.	Dạng hạt, màu vàng.	Alltech Biotechnology Pvt. Ltd.	India	8/2/2023

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
515	Vita Gold Plus	226-7/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin tổng hợp (A, D3, E, C, K3, B1, B2, B6, B12, H), Calcium pantothenate, Nicotinamide, DL-Methionine, L-Lysine, Folic acid, Choline bitartrate và chất mang (Dextrose). - Một số chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1 kg): Vitamin A $\geq 6.000.000,0$ IU; Vitamin D3 $\geq 2.000.000,0$ IU; Vitamin E $\geq 3.000,0$ mg; DL-Methionine $\geq 10.000,0$ mg; L-Lysine $\geq 2.000,0$ mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g.	Bổ sung premix vitamin và axit amin trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng chanh.	American Pharma International.	India	7/2018
516	HerboMethione Plus Powder	59-3/13-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Bột thảo dược (Trigonella foenumgraecum, Allium sativum), các axit amin, phospholipids và chất xơ tự nhiên. - Chỉ tiêu chất lượng: Methionine $\geq 1,5$ %; tổng số các axit amin $\geq 8,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g.	Bổ sung bột thảo dược và methionine trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu xám nhạt.	Indian Herbs Specialities Pvt. Ltd.	India	16/3/2023
517	Probiolac	342-10/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp các vi sinh vật có lợi (Lactobacillus acidophilus, Lactobacillus casei, Lactobacillus reuteri, Lactobacillus fermentum, Lactococcus lactis, Bifidobacterium bifidum, Streptococcus faecium, Aspergillus Oryzae, Torulopsis); chất xơ hỗ trợ vi khuẩn có lợi phát triển (Fructooligosaccharides) và chất mang (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 100,0 gam): Tổng số vi khuẩn axit lactic $\geq 10^{10}$ CFU; tổng số tế bào nấm (Aspergillus Oryzae và Torulopsis) $\geq 3 \times 10^9$ CFU; Fructooligosaccharides $\geq 25,0$ g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 0,3$ ppm; As $\leq 0,1$ ppm; Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g.	Bổ sung hỗn hợp vi sinh vật có lợi và Fructooligosaccharides trong thức ăn cho gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột, màu trắng.	Intvet Products MFG. Co.(P) Ltd.	India	10/2018

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
518	Prosol	343-10/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp vi sinh vật có lợi (Lactobacillus acidophilus, Lactobacillus casei, Lactobacillus reuteri, Lactobacillus fermentum, Lactococcus lactis, Bifidobacterium bifidum, Streptococcus faecium, Aspergillus Oryzae, Torulopsis; chất xơ hỗ trợ vi khuẩn có lợi phát triển (Fructooligosaccharides); vitamin C và chất mang (Dextrose). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 100,0 gam): Tổng số vi khuẩn axit lactic $\geq 2 \times 10^{10}$ CFU; tổng số tế bào nấm (Aspergillus Oryzae và Torulopsis) $\geq 5 \times 10^9$ CFU; Fructooligosaccharides $\geq 25,0$ g; vitamin C $\geq 10,0$ mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 0,3$ ppm; As $\leq 0,1$ ppm; Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g.	Bổ sung hỗn hợp vi sinh vật có lợi, Fructooligosaccharides và vitamin C trong nước uống cho gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột, màu trắng.	Intvet Products MFG. Co.(P) Ltd.	India	10/2018
519	Caldron	98-4/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các nguyên liệu bổ sung vitamin (thiamine HCl, riboflavin, niacinamide, cynocobalamin); nguyên liệu bổ sung sắt (sắt gluconate, sắt ammonium citrate), nguyên liệu bổ sung canxi (canxi lactate); chiết xuất từ thực vật (thân cây Fumaria officinalis, thân cây Ecipta alba, thân cây Solanum nigrum); các chất bảo quản (Sodium methyl paraben, Sodium propyl paraben, BHA); chất mang (nước). - Một số chỉ tiêu chất lượng (mg/100 ml): Thiamine HCl (4,75 - 5,25); Niacinamide (47,5 - 52,5); Sắt gluconate (142,5 - 157,5); Sắt ammonium citrate (142,5 - 157,5); Canxi lactate (237,5 - 262,5). - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 17,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; E. coli không có trong 1 g	Bổ sung premix vitamin nhóm B, canxi và sắt cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu nâu.	Natur Krauter.	India	4/2018
520	Coccigreen liquid	99-4/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất từ hỗn hợp thực vật (vỏ cây Holarrhena antidysenterica, rễ cây Berberis aristata, thân cây Tinospora cordifolia, thân cây Cyperus rotundus, vỏ cây Acacia catechu, quả Punica granatum) và chất mang (nước). - Một số chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; E.coli không có trong 1ml.	Bổ sung chiết xuất thực vật cho gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng lỏng, màu nâu	Natur Krauter.	India	4/2018

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
521	Coccigreen powder	100-4/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bột vỏ cây Holarrhena antidysenterica, bột quả Aegle marmelos, nhựa cây Salmalia malabarica, bột vỏ cây Acacia catechu, bột thân cây Cyperus rotundus, bột rễ cây Berberis aristata, bột quả Helicteres isora, bột củ Allium sativum, bột hoa Woodfordia fruticosa, và kaolin. - Một số chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 10,0 ppm; As ≤ 5,0 ppm; Cd ≤ 2,0 ppm; E.coli không có trong 1 gam.	Bổ sung hỗn hợp bột thực vật và kaolin trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột, màu vàng nâu.	Natur Krauter.	India	4/2018
522	Lactoplus liquid	102-4/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin đơn tổng hợp (A, B12, D3, E); nguyên liệu bổ sung canxi và photpho (Tribasic calcium phosphate); các chiết xuất từ rễ cây Leptadenia reticulata và Asparagus racemosus; các chất bảo quản (Sodium methyl paraben, Sodium propyl paraben, BHA); các chất phụ gia (chất tạo màu, chất tạo ngọt, chất tạo mùi); chất mang (nước tinh khiết). - Một số chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1 ml): Ca5(OH)(PO4)3 (50,0 ± 2,5 mg); Vitamin A (450,0 ± 22,5 IU); vitamin E (1,0 ± 0,05 mg); vitamin D3 (80,0 ± 4,0 IU); vitamin B12 (1,0 ± 0,05 mcg). - Một số chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 17,0 ppm; As ≤ 2,0 ppm; Cd ≤ 1,0 ppm; E.coli không có trong 1ml.	Bổ sung canxi; photpho; vitamin A, E, D ₃ , B ₁₂ và chiết xuất thực vật cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu hồng.	Natur Krauter.	India	4/2018
523	Livgreen liquid	103-4/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất từ hỗn hợp thực vật (quả Terminalia chebula, thân cây Tephrosia purpurea, toàn bộ cây Fumaria vaillantii, rễ cây Boerhavia diffusa, thân cây Solanum nigrum, thân cây Eclipta alba, thân cây Andrographis paniculata, quả Trachyspermum ammi, củ Zingiber officinale) và chất mang (nước khử ion). - Một số chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 17,0 ppm; As ≤ 2,0 ppm; Cd ≤ 1,0 ppm; E.coli không có trong 1ml.	Bổ sung chiết xuất thực vật cho gia súc, gia cầm nhằm cải thiện chức năng gan của vật nuôi.	Dạng lỏng, màu nâu.	Natur Krauter.	India	4/2018
524	Livgreen powder	104-4/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp bột thực vật (rễ cây Boerhavia diffusa, quả Terminalia bellirica, thân cây Eclipta alba, thân cây Solanum nigrum, thân cây Fumeria officianalis, thân cây Adrographis paniculata, thân cây Phyllanthus niruri, quả Trachyspermum ammi, quả Terminalia chebuta, lá cây Ocimum bascilicum, quả Emblica officinalis). - Một số chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 10,0 ppm; As ≤ 2,0 ppm; Cd ≤ 2,0 ppm; E.coli không có trong 1 gam.	Bổ sung bột thực vật trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện chức năng gan của vật nuôi.	Dạng bột, màu nâu.	Natur Krauter.	India	4/2018

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
525	Prebiotic	105-4/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp bột thực vật (thân cây <i>Tinospora cordifolia</i>, rễ cây <i>Asparagus racemosus</i>, hoa <i>Calendula officinalis</i>, rễ cây <i>Withania somnifera</i>, lá cây <i>Ocimum sanctum</i>, hoa <i>Echinacea purpurea</i>, quả <i>Emblica officinalis</i>, rễ cây <i>Centella asiatica</i>, hạt <i>Mangifera indica</i>, quả <i>Aegle marmelos</i>, thân <i>Phyllanthus niruri</i>, rễ <i>panax ginseng</i>), khoáng <i>Shilajeet</i>. - Một số chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 10,0 ppm; As ≤ 5,0 ppm; Cd ≤ 2,0 ppm; E.coli không có trong 1 gam.	Bổ sung bột thực vật trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện khả năng miễn dịch của vật nuôi.	Dạng bột, màu nâu.	Natur Krauter.	India	4/2018
526	Resgreen powder	101-4/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp bột thực vật (bột rễ cây <i>Glycyrrhiza glabra</i>, bột lá cây <i>Adhatoda vasica</i>, bột quả <i>Hedychium spicatum</i>, bột củ <i>Zingiber officinale</i>, bột quả <i>Piper nigrum</i>). - Một số chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 10,0 ppm; As ≤ 5,0 ppm; Cd ≤ 2,0 ppm; E.coli không có trong 1 gam.	Bổ sung hỗn hợp bột thực vật trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột, màu nâu	Natur Krauter.	India	4/2018
527	Oxifresh	210-6/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ethoxyquin; Butylated Hydroxy Anisole (BHA); Butylated Hydroxy Toluene (BHT); Citric Acid; Phosphoric Acid và chất mang (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng (g/kg): Ethoxyquin ≥ 20,0; Butylated Hydroxy Anisole (BHA) ≥ 15,0; Butylated Hydroxy Toluene (BHT) ≥ 18,0; Citric Acid ≥ 50,0; Phosphoric Acid ≥ 15,0. - Chỉ tiêu vệ sinh, an toàn (ppm): Asen ≤ 1,0; Cadimi ≤ 2,0; Chì ≤ 5,0; Thủy ngân ≤ 0,05. Salmonella không có trong 25 g; Ecoli không có trong 1,0 g.	Bổ sung hỗn hợp các chất chống ô xi hoá trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu kem.	PVS Impex.	India	6/2018
528	Zymax	211-6/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các enzyme (Xylanase; Pectinase; Cellulase; Phytase; Protease; Amylase; Beta Glucanase; Lipase và chất mang (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng (IU/kg): Xylanase ≥ 200 000,0; Pectinase ≥ 42 500,0; Cellulase ≥ 40 000,0; Phytase ≥ 40 000,0; Protease ≥ 20 000,0; Amylase ≥ 20 000,0; Beta Glucanase ≥ 20 000,0; Lipase ≥ 12 500,0. - Chỉ tiêu vệ sinh, an toàn (ppm): Asen ≤ 1,0; Cadimi ≤ 2,0; Chì ≤ 5,0; Thủy ngân ≤ 0,05. Salmonella không có trong 25 g; Ecoli không có trong 1,0 g.	Bổ sung các enzyme tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi lợn.	Dạng bột, màu kem.	PVS Impex.	India	6/2018

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
529	Hepato Care Premix	224-7/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Choline, inositol, protein thủy phân, biotin, Natri selenite, các vitamin (B12, B6, E), niacinamide, chất chống mốc (axit propionic và Canxi propionate), chất mang (khoáng tự nhiên HSCAS). - Một số chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1kg): Choline $\geq$ 15,0 g; Vitamin B12 $\geq$ 400,0 mcg; vitamin E $\geq$ 80,0 mg; Selen: 220,0 -250,0 mcg; Vitamin B6 $\geq$ 500,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g.	Bổ sung các chất dinh dưỡng trong thức ăn chăn nuôi gia cầm nhằm cải thiện chức năng gan, tăng năng suất vật nuôi.	Dạng bột, màu nâu sáng.	Varsha Multi Tech.	India	7/2018
530	Mixtrouvit	307-9/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin đơn tổng hợp (A, D3, E, K3, B1, B2, B6, B12, H2, nicotinic acid, Ca-d-pantothenate), các khoáng vô cơ (Fe-sulphate, Cu-sulphate, Zn-sulphate, Mn-oxide, Na-selenite, Co-carbonate, Ca-iodate) và chất mang (bột đá). - Một số chỉ tiêu chất lượng tính trong 1 kg (hàm lượng vitamin phân tích đạt tối thiểu 80% so với hàm lượng công bố): Vitamin A: 2.2400.000,0 IU; vitamin D3: 560.000,0 IU; vitamin E: 12.800,0 IU; vitamin B12: 4,8 mg; Fe: 24.000,0 - 36.000,0 mg; Cu: 4.800,0 - 7.200,0 mg; Se: 64,0 - 96,0 mg; Co: 48,0 - 72,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Cd $\leq$ 15,0 ppm; Pb $\leq$ 200,0 ppm; Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g.	Bổ sung premix vitamin, khoáng trong thức ăn chăn nuôi lợn.	Dạng bột, màu xám đến trắng.	PT. Trouw Nutrition Indonesia.	Indonesia	9/2018
531	Mix-Trouvit Blend Egg 552	308-9/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin đơn tổng hợp (A, D3, E, K3, B1, B2, B6, B12, H2, nicotinic acid, Ca-d-pantothenate), các khoáng vô cơ (Fe-sulphate, Cu-sulphate, Zn-sulphate, Mn-oxide, Na-selenite, Co-carbonate, Ca-iodate) và chất mang (bột đá). - Một số chỉ tiêu chất lượng tính trong 1 kg (hàm lượng vitamin phân tích đạt tối thiểu 80% so với hàm lượng công bố): Vitamin A: 2.880.000,0 IU; vitamin D3: 640.000,0 IU; vitamin E: 4.800,0 IU; vitamin B12: 6,4 mg; Fe: 22.400,0 - 33.600,0 mg; Cu: 4.800,0 - 7.200,0 mg; Se: 64,0 - 96,0 mg; Co: 80,0 - 120,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Cd $\leq$ 15,0 ppm; Pb $\leq$ 200,0 ppm; Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g.	Bổ sung premix vitamin, khoáng trong thức ăn chăn nuôi gà giai đoạn đẻ trứng.	Dạng bột, màu xám đến trắng.	PT. Trouw Nutrition Indonesia.	Indonesia	9/2018

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
532	Nutri - C	306-9/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin đơn tổng hợp (A, D3, E, K3, B1, B2, B6, B12, H2, nicotinic acid, Ca-d-pantothenate), các khoáng vô cơ (Fe-sulphate, Cu-sulphate, Zn-sulphate, Mn-oxide, Na-selenite, Co-carbonate, Ca-iodate) và chất mang (bột đá). - Một số chỉ tiêu chất lượng tính trong 1 kg (hàm lượng vitamin phân tích đạt tối thiểu 80% so với hàm lượng công bố); Vitamin A: 3.520.000,0 IU; vitamin D3: 704.000,0 IU; vitamin E: 20.800,0 IU; vitamin B12: 8,0 mg; Fe: 48.000,0 - 72.000,0 mg; Cu: 51.200,0 - 76.800,0 mg; Se: 128,0 - 192,0 mg; Co: 48,0 - 72,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Cd ≤ 15,0 ppm; Pb ≤ 200,0 ppm; Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g.	Bổ sung premix vitamin, khoáng trong thức ăn chăn nuôi lợn.	Dạng bột, màu xám đến xanh.	PT. Trouw Nutrition Indonesia.	Indonesia	9/2018
533	Trouw Nutrition Vitamin Premix 430	356-10/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin đơn tổng hợp (A, D3, E, K3, B1, B2, B6, B12, H, nicotinic acid, Ca-d-pantothenate, folic acid), các khoáng vô cơ (Fe-sulphate, Cu-sulphate, Zn-sulphate, Mn-oxide, Na-selenite, Co-carbonate, Ca-iodate) và chất mang (bột đá). - Một số chỉ tiêu chất lượng tính trong 1 kg: Vitamin A ≥ 120.000,0 IU; vitamin D3 ≥ 16.000,0 IU; vitamin E ≥ 300,0 mg; vitamin B12 ≥ 480,0 mg; Fe: 1.600,0 - 2.400,0 mg; Cu: 260,0 - 390,0 mg; Zn: 1.600 - 2.400 mg; Mn: 600,0 - 900,0 mg; Se: 4,0 - 6,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Cd ≤ 15,0 ppm; Pb ≤ 200,0 ppm; Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g.	Bổ sung premix vitamin, khoáng trong thức ăn chăn nuôi lợn.	Dạng bột, màu trắng đến kem.	PT. Trouw Nutrition Indonesia.	Indonesia	10/2018

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
534	Vitlect XP	309-9/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin đơn tổng hợp (A, D3, E, K3, B1, B2, B6, B12, H2, nicotinic acid, Ca-d-pantothenate), các khoáng vô cơ (Fe-sulphate, Cu-sulphate, Zn-sulphate, Mn-oxide, Na-selenite, Co-carbonate, Ca-iodate) và chất mang (bột đá). - Một số chỉ tiêu chất lượng tính trong 1 kg (hàm lượng vitamin phân tích đạt tối thiểu 80% so với hàm lượng công bố): Vitamin A: 2.240.000,0 IU; vitamin D3: 560.000,0 IU; vitamin E: 8.960,0 mg; vitamin B12: 4,48 mg; Fe: 16.000,0 - 24.000,0 mg; Cu: 3.200,0 - 4.800,0 mg; Se: 56,0 - 84,0 mg; Co: 56,0 - 84,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Cd ≤ 15,0 ppm; Pb ≤ 200,0 ppm; Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g.	Bổ sung premix vitamin, khoáng trong thức ăn chăn nuôi gà.	Dạng bột, màu xám đến trắng.	PT. Trouw Nutrition Indonesia.	Indonesia	9/2018
535	Zincoret Swine	221-7/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ôxit kẽm và dầu cọ đã được hydro hóa. - Chỉ tiêu chất lượng: Ôxit kẽm: 50,0 ± 5,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 20,0 ppm; As ≤ 2,0 ppm; Cd ≤ 5,0 ppm; Hg ≤ 0,2 ppm.	Bổ sung Kẽm trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng vi bọc, màu trắng ngà đến màu be.	Vetagro S.p.a.	Italy	7/2018
536	KA-Mix	106-4/13-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Các axit hữu cơ (axit Formic, Lactic, Citric) và các chất mang (silica, đá trầm tích). - Chỉ tiêu chất lượng: Axit Formic ≥ 4,0 %; axit Lactic ≥ 4,0 %; Axit Citric ≥ 54,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 20,0 ppm; As ≤ 4,0 ppm.	Bổ sung hỗn hợp axit hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi lợn con nhằm cải thiện khả năng sinh trưởng vật nuôi.	Dạng bột, màu trắng.	Fuso Corporation Co. Ltd.	Japan	17/4/2023
537	Feed Flavor-EX	58-3/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: chiết xuất từ ri mật đường và cám gạo tách dầu. - Chỉ tiêu chất lượng: Polyphenol ≥ 0,8 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Aflatoxin B1 ≤ 10 ppb; Salmonella không có trong 25 g; As ≤ 2,0 ppm; Pb ≤ 1,0 ppm; Cd ≤ 1,0 ppm.	Bổ sung chất tạo mùi thơm từ chiết xuất ri mật đường trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu sẫm.	Shin-Yo Co., Ltd.	Japan	3/2018
538	Ig-Lock	300-9/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bột lòng đỏ trứng, Fructo-Oligosaccharide, nước. - Thành phần dinh dưỡng: Fructo-Oligosaccharide ≥ 1,0%, Protein thô ≥ 6,6%; Mỡ thô ≥ 9,4%; Ẩm độ ≤ 70,0%. - Chỉ tiêu an toàn: Ecoli không có trong 1,0 g; Salmonella không có trong 25,0 g.	Bổ sung bột lòng đỏ trứng và Fructo-Oligosaccharide trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng sệt, màu vàng.	Dan Biotech Inc.	Korea	9/2018

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
539	VN 002	26-02/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: các nguyên liệu bổ sung vitamin tổng hợp (A, C, D3, B9, E); các nguyên liệu bổ sung khoáng vi lượng (Cu, Mn, Zn, Se); các axit amin (lysine, methionine) và chất mang (bột trấu). - Một số chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1 kg): Vitamin A $\geq 18.000.000,0$ IU; vitamin C $\geq 10.500,0$ mg; vitamin D3 $\geq 720.000,0$ IU; vitamin E $\geq 18.000,0$ mg; lysine $\geq 60.000,0$ mg; methionine $\geq 18.000,0$ mg; Cu: 1.150,0 - 1.650,0 mg; Se: 20,25 - 24,75 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 5,0$ ppm; Cd $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 15,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung premix vitamin, khoáng, axit amin trong thức ăn chăn nuôi lợn.	Dạng bột, màu nâu hơi vàng.	DaOne Chemical Co., Ltd.	Korea	02/2018
540	Casoline	110-4/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: L-carnitine (45,0 - 60,0 g/lít), Betaine HCl (90,0 - 120,0 g/lít), Choline chloride (90,0 - 120,0 g/lít), Cyanocobalamine (0,9 - 1,2 mg/lít), D-Sorbitol (270,0 - 360,0 g/lít), chất phụ gia và chất mang (chất tạo màu đỏ cho thực phẩm, Methyl p-Hydroxybenzoate, Propyl p-Hydroxybenzoate, Propylene glycol, nước cất). - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli không có trong 1 ml; Salmonella không có trong 25 ml.	Bổ sung các chất hỗ trợ sức đề kháng, giảm stress cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu đỏ nhạt.	Ewhapharmtek Corp.	Korea	4/2018
541	Ewha ADEB12 Sol	111-4/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: hỗn hợp các vitamin tổng hợp (A, D3, E, B12); chất phụ gia và chất mang (Polyoxyl 35 castor oil, Methyl p-Hydroxybenzoate, Propyl p-Hydroxybenzoate, Propylene glycol, Butylated Hydroxy Toluene, nước cất). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1 lít): Vitamin A: 9.000.000,0 - 12.000.000,0 IU; Vitamin D3: 900.000,0 - 1.200.000,0 IU; Vitamin E: 3.600,0 - 4.800,0 IU; Vitamin B12: 1,8 - 2,8 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli không có trong 1 ml; Salmonella không có trong 25 ml.	Bổ sung các vitamin A, D ₃ , E, B ₁₂ cho gia cầm.	Dạng lỏng, màu vàng nhạt.	Ewhapharmtek Corp.	Korea	4/2018

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
542	Gold Pigmom	337-10/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp vi sinh vật (<i>Bacillus subtilis</i>; <i>Lactobacillus acidophilus</i>, <i>Enterococcus faecium</i>); các chất điện giải (<i>Sodium chloride</i>; <i>Sodium bicarbonate</i> và <i>Potassium chloride</i>); chất tạo ngọt (<i>Glycine</i>) và chất mang (bột lòng đỏ trứng và glucose). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): <i>Bacillus subtilis</i> $\geq 1,0 \times 10^9$ CFU/kg; <i>Lactobacillus acidophilus</i> $\geq 1,0 \times 10^9$ CFU/kg, <i>Enterococcus faecium</i> $\geq 1,0 \times 10^9$ CFU/kg; Na $\geq 9,1$ g; Cl $\geq 2,4$ g; K $\geq 2,6$ g. - Chỉ tiêu vệ sinh: <i>Salmonella</i> không phát hiện trong 25 g; <i>E. coli</i> không phát hiện trong 1 g.	Bổ sung vi sinh vật có lợi đường tiêu hóa và các chất điện giải cho lợn con.	Dạng bột, màu vàng nhạt đến vàng nâu.	Ewhapharmtek Corp.	Korea	10/2018
543	Hivisol WS	112-4/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: hỗn hợp các vitamin tổng hợp (A, D3, E, K3, B1, B2, B6, B12, C, calcium pantothenate, nicotinamide, folic axit); DL-methionine; và các chất mang (lactose, glucose). - Một số chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1 kg): Vitamin A: 4.000.000,0 - 7.500.000,0 IU; Vitamin D3: 800.000,0 - 1.500.000,0 IU; Vitamin E: 1.600,0 - 3.000,0 IU; Vitamin B12: 2.400,0 - 4.500,0 mcg. Methionine: 8.000,0 - 15.000,0 mg - Chỉ tiêu vệ sinh: <i>E. coli</i> không có trong 1g; <i>Salmonella</i> không có trong 25 g.	Bổ sung premix vitamin, methionine trong thức ăn chăn nuôi gia cầm.	Dạng bột, màu vàng.	Ewhapharmtek Corp.	Korea	4/2018
544	FFA CID Neo	331-10/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các axit hữu cơ (<i>Formic axit</i>, <i>Lactic axit</i>, <i>Citric axit</i>) và chất mang: Calcium carbonate (CaCO_3) - Chỉ tiêu chất lượng: <i>Formic acid</i> $\geq 22,0$ %; <i>Lactic acid</i> $\geq 8,0$ %; <i>Citric acid</i> $\geq 20,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 15,0$ ppm; As $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm; <i>Salmonella</i> không phát hiện trong 25 g; <i>E. coli</i> không phát hiện trong 1 g.	Bổ sung các axit hữu cơ trong thức ăn nhằm cải thiện đường tiêu hóa cho lợn.	Dạng bột, màu trắng.	Feed Flavors Asia Co., Ltd.	Korea	10/2018

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
545	FFA CID-P	332-10/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các axit hữu cơ (Formic axit, Lactic axit, Fumaric axit) và Phosphoric axit; chất mang: Calcium carbonate (CaCO₃). - Chỉ tiêu chất lượng: Formic acid $\geq 15,0$ %; Lactic acid $\geq 10,0$ %; Fumaric acid $\geq 10,0$ %; Phosphoric acid $\geq 15,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 15,0$ ppm; As $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm; Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g.	Bổ sung các axit hữu cơ và vô cơ trong thức ăn nhằm cải thiện đường tiêu hóa cho lợn.	Dạng bột, màu trắng.	Feed Flavors Asia Co., Ltd.	Korea	10/2018
546	FFA DK	328-10/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Methyl salicylate (C₈H₈O₃); Cinnamic aldehyde (C₉H₈O); chất chống đông vón (Silica) và chất mang (Dextrose và bột ngô). - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 15,0$ ppm; As $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm; Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g.	Bổ sung chất tạo mùi từ các hợp chất hữu cơ tổng hợp trong thức ăn cho lợn.	Dạng bột, màu nâu.	Feed Flavors Asia Co., Ltd.	Korea	10/2018
547	FFA MC15	327-10/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: g- nonalactone (C₉H₁₆O₂); d-decalactone (C₁₀H₁₈O₂); chất chống đông vón (Silica); và chất mang (Dextrose). - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 15,0$ ppm; As $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm; Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g.	Bổ sung chất tạo mùi từ các hợp chất hữu cơ tổng hợp trong thức ăn cho lợn.	Dạng bột, màu trắng.	Feed Flavors Asia Co., Ltd.	Korea	10/2018
548	FFA Pala-TF	330-10/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Benzyl acetate (C₉H₁₀O₂); Vanillin; chất chống đông vón (Silica) và chất mang (Dextrose). - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 15,0$ ppm; As $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm; Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g.	Bổ sung chất tạo mùi từ các hợp chất hữu cơ tổng hợp trong thức ăn cho lợn.	Dạng bột, màu trắng.	Feed Flavors Asia Co., Ltd.	Korea	10/2018
549	FFA SMF	326-10/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Butyl butyryl lactate (C₁₁H₂₀O₄); Ethyl lactate (C₅H₁₀O₃); g-nonalactone (C₉H₁₆O₂); chất tạo ngọt (saccharine); chất chống đông vón (silica); và chất mang (Dextrose). - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 15,0$ ppm; As $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm; Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g.	Bổ sung chất tạo mùi từ các hợp chất hữu cơ tổng hợp trong thức ăn cho lợn.	Dạng bột, màu trắng.	Feed Flavors Asia Co., Ltd.	Korea	10/2018

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
550	FFA Vanilla	329-10/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Butyl butyryl lactate (C11H20O4); Ethyl lactate (C5H10O3); chất chống đông vón (Silica) và chất mang (Dextrose). - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 15,0 ppm; As ≤ 10,0 ppm; Hg ≤ 10,0 ppm; Cd ≤ 15,0 ppm; Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g.	Bổ sung chất tạo mùi từ các hợp chất hữu cơ tổng hợp trong thức ăn cho lợn.	Dạng bột, màu xám nhạt.	Feed Flavors Asia Co., Ltd.	Korea	10/2018
551	SY Lutein Powder	159-5/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất từ hoa cúc vạn thọ và chất mang (Glucose). - Chỉ tiêu chất lượng: Xanthophyll ≥ 20,0 g/kg. - Các chỉ vệ sinh: Pb ≤ 10,0 ppm; As ≤ 3,0 ppm.	Bổ sung Xanthophyll từ chiết xuất hoa cúc vạn thọ trong thức ăn chăn nuôi gia cầm nhằm cải thiện màu da và lòng đỏ trứng.	Dạng bột, màu vàng cam.	Samyang Anipharma Co., Ltd.	Korea	5/2018
552	Astrafat AF 580 P	31-02/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: 100 % chất béo từ dầu cọ. - Chỉ tiêu chất lượng: Mỡ thô ≥ 99,0 %; axit béo tự do (tính theo axit palmitic) ≤ 3,5 %; chỉ số peroxide ≤ 40 meq/kg.	Bổ sung năng lượng từ dầu cọ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng hạt vi bọc, màu trắng đến vàng nhạt.	Gracefill Industries Sdn Bhd.	Malaysia	5/2018
553	GT-Vit Pmx No.1	160-5/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: các nguyên liệu bổ sung vitamin tổng hợp (A, D3, E, K3, B1, B2, B6, B12, H, B5, B9, B3); chất chống oxy hóa; và các chất mang (bột đá, bột trấu). - Một số chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1kg): Vitamin A ≥ 15.000.000,0 IU; vitamin D3 ≥ 4.000.000,0 IU; vitamin E ≥ 100,0 g; vitamin B2 ≥ 20,0 g; vitamin B3 ≥ 60,0 g. - Chỉ tiêu vệ sinh: As < 2,0 ppm; Pb < 5,0 ppm.	Bổ sung premix vitamin trong thức ăn chăn nuôi gia cầm.	Dạng hạt mịn, màu trắng đến nâu nhạt.	Jaco Nutrimix Sdn. Bhd.	Malaysia	5/2018
554	GT-Vit Pmx No.2	161-5/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: các nguyên liệu vitamin tổng hợp (A, D3, E, K3, B1, B2, B6, B12, H, B5, B9, B3); chất chống oxy hóa; và các chất mang (bột đá, bột trấu). - Một số chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1kg): Vitamin A ≥ 12.000.000,0 IU; vitamin D3 ≥ 5.000.000,0 IU; vitamin E ≥ 100,0 g; vitamin B2 ≥ 9,0 g; vitamin B3 ≥ 60,0 g. - Chỉ tiêu vệ sinh: As < 2,0 ppm; Pb < 5,0 ppm.	Bổ sung premix vitamin trong thức ăn chăn nuôi gia cầm.	Dạng hạt mịn, màu trắng đến nâu nhạt.	Jaco Nutrimix Sdn. Bhd.	Malaysia	5/2018

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
555	GT-Vit Pmx No.3	162-5/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: các nguyên liệu vitamin tổng hợp (A, D3, E, K3, B1, B2, B6, B12, H, B5, B9, B3); chất chống oxy hóa; và các chất mang (bột đá, bột trấu). - Một số chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1kg): Vitamin A $\geq 17.000.000,0$ IU; vitamin D3 $\geq 2.500.000,0$ IU; vitamin E $\geq 60,0$ g; vitamin B2 $\geq 8,0$ g; vitamin B3 $\geq 40,0$ g. - <u>Chỉ tiêu vệ sinh: As $< 2,0$ ppm; Pb $< 5,0$ ppm.</u>	Bổ sung premix vitamin trong thức ăn chăn nuôi lợn.	Dạng hạt mịn, màu trắng đến nâu nhạt.	Jaco Nutrimix Sdn. Bhd.	Malaysia	5/2018
556	GT-Vit Pmx No.5	163-5/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: các nguyên liệu vitamin tổng hợp (A, D3, E, K3, B1, B2, B6, B12, H, B5, B9, B3); chất chống oxy hóa; và các chất mang (bột đá, bột trấu). - Một số chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1kg): Vitamin A $\geq 14.000.000,0$ IU; vitamin D3 $\geq 4.000.000,0$ IU; vitamin E $\geq 100,0$ g; vitamin B2 $\geq 12,0$ g; vitamin B3 $\geq 75,0$ g. - <u>Chỉ tiêu vệ sinh: As $< 2,0$ ppm; Pb $< 5,0$ ppm.</u>	Bổ sung premix vitamin trong thức ăn chăn nuôi gia cầm.	Dạng hạt mịn, màu trắng đến nâu nhạt.	Jaco Nutrimix Sdn. Bhd.	Malaysia	5/2018
557	GT-Vit Pmx No.6	164-5/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: các nguyên liệu vitamin tổng hợp (A, D3, E, K3, B1, B2, B6, B12, H, B5, B9, B3); chất chống oxy hóa; và các chất mang (bột đá, bột trấu). - Một số chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1kg): Vitamin A $\geq 12.000.000,0$ IU; vitamin D3 $\geq 3.500.000,0$ IU; vitamin E $\geq 50,0$ g; vitamin B2 $\geq 8,0$ g; vitamin B3 $\geq 40,0$ g. - <u>Chỉ tiêu vệ sinh: As $< 2,0$ ppm; Pb $< 5,0$ ppm.</u>	Bổ sung premix vitamin trong thức ăn chăn nuôi gia cầm.	Dạng hạt mịn, màu trắng đến nâu nhạt.	Jaco Nutrimix Sdn. Bhd.	Malaysia	5/2018
558	Jaco Pty Min 101	197-6/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Đồng sunphat, Sắt sunphat, Kẽm ôxit, Mangan ôxit, Coban carbonate, Selen selenite, Kali iodate, chất chống đông vón (Silic oxit) và chất mang (bột đá). - Một số chỉ tiêu chất lượng (g/kg): Cu (9,0 - 11,0); Fe (50,0 - 70,0); Zn (70,0 - 90,0); Mn (90,0 - 110,0); Co (0,40 - 0,60); Se (0,25 - 0,35); I (1,30 - 1,70). - <u>Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm; Cd $< 0,5$ ppm.</u>	Bổ sung premix khoáng trong thức ăn chăn nuôi gia cầm.	Dạng hạt mịn, màu xám nhạt đến đen xám.	Jaco Nutrimix Sdn. Bhd.	Malaysia	6/2018

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
559	Jaco Vitamix 201	29-02/13-CN/17	- Thành phần nguyên liệu: Retinyl acetate (Vitamin A); Colecalciferol (Vitamin D3); DL-α-tocopheryl acetate (Vitamin E); Menadione (Vitamin K3); Thiamine mononitrate (Vitamin B1); Riboflavin (Vitamin B2); Pyridoxine hydrochloride (Vitamin B6); Cyanocobalamin (Vitamin B12); D-biotin (Vitamin H), Calcium d-pantothenate (Vitamin B5); axit Folic (Vitamin B9); Nicotinic acid (Vitamin B3), chất chống oxy hóa; chất chống kết dính (Silicon dioxide) và chất mang (bột đá, bột trấu). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Vitamin A $\geq 10.000.000,0$ IU; vitamin D3 $\geq 5.000.000,0$ IU; Vitamin E $\geq 50,0$ g; Vitamin K3 $\geq 3,0$ g; Vitamin B1 $\geq 2,5$ g; Vitamin B2 $\geq 9,0$ g; Vitamin B6 $\geq 4,0$ g; Vitamin B12 $\geq 0,02$ g; Vitamin H $\geq 0,1$ g; Vitamin B5 $\geq 12,0$ g; Vitamin B9 $\geq 1,0$ g; Vitamin B3 $\geq 50,0$ g. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 30,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm; Pb $\leq 60,0$ ppm.	Bổ sung premix vitamin trong thức ăn chăn nuôi gia cầm.	Dạng hạt mịn, màu trắng đến nâu nhạt.	Jaco Nutrimix Sdn. Bhd.	Malaysia	29/12/2022
560	Jaco Vitamix 601	30-02/13-CN/17	- Thành phần nguyên liệu: Retinyl acetate (Vitamin A); Colecalciferol (Vitamin D3); DL-α-tocopheryl acetate (Vitamin E); Menadione (Vitamin K3); Thiamine mononitrate (Vitamin B1); Riboflavin (Vitamin B2); Pyridoxine hydrochloride (Vitamin B6); Cyanocobalamin (Vitamin B12); D-biotin (Vitamin H), Calcium d-pantothenate (Vitamin B5); axit Folic (Vitamin B9); Nicotinic acid (Vitamin B3), chất chống oxy hóa; chất chống kết dính (Silicon dioxide) và chất mang (bột đá, bột trấu). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Vitamin A $\geq 10.000.000,0$ IU; vitamin D3 $\geq 3.000.000,0$ IU; Vitamin E $\geq 50,0$ g; Vitamin K3 $\geq 3,0$ g; Vitamin B1 $\geq 2,0$ g; Vitamin B2 $\geq 6,0$ g; Vitamin B6 $\geq 4,0$ g; Vitamin B12 $\geq 0,015$ g; Vitamin H $\geq 0,08$ g; Vitamin B5 $\geq 10,0$ g; Vitamin B9 $\geq 1,0$ g; Vitamin B3 $\geq 30,0$ g. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 30,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm; Pb $\leq 60,0$ ppm.	Bổ sung premix vitamin trong thức ăn chăn nuôi gia cầm.	Dạng hạt mịn, màu trắng đến nâu nhạt.	Jaco Nutrimix Sdn. Bhd.	Malaysia	29/12/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
561	Pig Min	198-6/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Đồng sunphat, Sắt sunphat, Kẽm ôxit, Mangan ôxit, Coban carbonate, Selen selenite, Kali iodate, chất chống đông vón (Silic oxit) và chất mang (bột đá). - Một số chỉ tiêu chất lượng (g/kg): Cu (9,0 - 11,0); Fe (130,0 - 170,0); Zn (115,0 - 145,0); Mn (40,0 - 60,0); Co (0,40 - 0,60); Se (0,15 - 0,25); I (0,9 - 1,1). - Chỉ tiêu vệ sinh: As ≤ 2,0 ppm; Pb ≤ 5,0 ppm; Hg ≤ 0,05 ppm; Cd < 0,5 ppm.	Bổ sung premix khoáng trong thức ăn chăn nuôi lợn.	Dạng hạt mịn, màu xám nhạt đến đen xám.	Jaco Nutrimix Sdn. Bhd.	Malaysia	6/2018
562	Pty Min-A	194-6/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Đồng sunphat, Sắt sunphat, Kẽm ôxit, Mangan ôxit, Coban carbonate, Selen selenite, Kali iodate và chất mang (bột đá). - Một số chỉ tiêu chất lượng (g/kg): Cu (9,0 - 11,0); Fe (70,0 - 90,0); Zn (90,0 - 110,0); Mn (110,0 - 130,0); Co (0,40 - 0,60); Se (0,25 - 0,35); I (0,9 - 1,1). - Chỉ tiêu vệ sinh: As ≤ 2,0 ppm; Pb ≤ 5,0 ppm; Hg ≤ 0,05 ppm; Cd ≤ 0,5 ppm.	Bổ sung premix khoáng trong thức ăn chăn nuôi gia cầm.	Dạng hạt mịn, màu xám nhạt đến đen xám.	Jaco Nutrimix Sdn. Bhd.	Malaysia	6/2018
563	Pty Min-B	195-6/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Đồng sunphat, Sắt sunphat, Kẽm ôxit, Mangan ôxit, Coban carbonate, Selen selenite, Kali iodate và chất mang (bột đá). - Một số chỉ tiêu chất lượng (g/kg): Cu (9,0 - 11,0); Fe (45,0 - 55,0); Zn (90,0 - 110,0); Mn (110,0 - 130,0); Co (0,40 - 0,60); Se (0,25 - 0,35); I (1,5 - 2,5). - Chỉ tiêu vệ sinh: As ≤ 2,0 ppm; Pb ≤ 5,0 ppm; Hg ≤ 0,05 ppm; Cd ≤ 0,5 ppm.	Bổ sung premix khoáng trong thức ăn chăn nuôi gia cầm.	Dạng hạt mịn, màu xám nhạt đến đen xám.	Jaco Nutrimix Sdn. Bhd.	Malaysia	6/2018
564	Pty Min-D	196-6/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Đồng sunphat, Sắt sunphat, Kẽm ôxit, Mangan ôxit, Coban carbonate, Selen selenite, Kali iodate và chất mang (bột đá). - Một số chỉ tiêu chất lượng (g/kg): Cu (13,5 - 16,5); Fe (40,0 - 60,0); Zn (90,0 - 110,0); Mn (90,0 - 110,0); Co (0,9 - 1,1); Se (0,2 - 0,3); I (2,5 - 3,5). - Chỉ tiêu vệ sinh: As ≤ 2,0 ppm; Pb ≤ 5,0 ppm; Hg ≤ 0,05 ppm; Cd ≤ 0,5 ppm.	Bổ sung premix khoáng trong thức ăn chăn nuôi gia cầm.	Dạng hạt mịn, màu xám nhạt đến đen xám.	Jaco Nutrimix Sdn. Bhd.	Malaysia	6/2018
565	Copper Sulphate 25% (Feed grade)	268-7/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Đồng sunphate (CuSO₄. 5H₂O) với độ tinh khiết ≥ 98,0 %. - Chỉ tiêu chất lượng: Cu ≥ 25,0 %. - Các chỉ tiêu khác: Fe ≤ 100,0 ppm; Pb ≤ 20,0 ppm; Cd ≤ 5,0 ppm; As ≤ 5,0 ppm; Hg ≤ 5,0 ppm.	Bổ sung Đồng vô cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng tinh thể, màu xanh.	Resilient Mix Sdn. Bhd.	Malaysia	7/2018

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
566	Baymix Grobig BS	133-4/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vi khuẩn có lợi Bacillus subtilis và các chất mang (khoáng tự nhiên diatomaceous earth, tinh bột ngô, lignin sulfonate). - Chỉ tiêu chất lượng: Bacillus subtilis $\geq 1 \times 10^{10}$ CFU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 2,0$ %; Cd $\leq 1,0$ %; Pb $\leq 5,0$ %; Hg $\leq 0,05$ %; E. coli < 10 CFU/g; Salmonella không có trong 25 g.	Bổ sung vi khuẩn có lợi đường tiêu hóa vật nuôi Bacillus subtilis trong thức ăn chăn nuôi lợn và gà.	Dạng hạt, màu nâu.	Bayer de México, S.A. de C.V.	Mexico	4/2018
567	Copper Sulphate Pentahydrate	156-5/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sunphát Đồng (CuSO ₄ . 5 H ₂ O) với độ tinh khiết $\geq 99,0$ %. - Chỉ tiêu chất lượng: Đồng (Cu) $\geq 25,0$ %. - Các chỉ tiêu khác: Fe $< 1000,0$ ppm; Pb $< 50,0$ ppm; Zn $< 500,0$ ppm.	Bổ sung Đồng vô cơ trong thức ăn chăn nuôi lợn và gia cầm.	Dạng hạt tinh thể, màu xanh dương.	Fabrica de Sulfato el Aguila, S.A. de C.V.	Mexico	5/2018
568	Pixafil Amarillo Mr. Polvo (Yellow Pixafil Dry)	04-01/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: chiết xuất từ hoa cúc vạn thọ và chất mang (bã bột hoa cúc vạn thọ). - Chỉ tiêu chất lượng: Xanthophyll tổng số $\geq 2,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 2,0$ ppm.	Bổ sung Xanthophyll (chiết xuất từ hoa cúc vạn thọ) trong thức ăn cho gia cầm nhằm cải thiện màu da và màu lòng đỏ trứng gia cầm.	Dạng bột, màu nâu.	Industrias Alcosa, S.A. DE C.V.	Mexico	01/2018
569	Lican Cells	301-9/13-CN	- Nguyên liệu chính: Bột hồng câu bò. - Thành phần dinh dưỡng: protein thô $\geq 90,0$ %; mỡ thô $\leq 2,0$ %; ẩm độ $\leq 10,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli không có trong 1 g; Salmonella không có trong 25 g. As $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm; Cd $\leq 5,0$ ppm.	Bổ sung protein trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu đỏ	Lican Alimentos Mexico Sapi DE CV.	Mexico	9/2018
570	Prolechon	302-9/13-CN	- Nguyên liệu chính: Bột huyết tương bò. - Thành phần dinh dưỡng: protein thô $\geq 75,0$ %; mỡ thô $\leq 1,0$ %; ẩm độ $\leq 8,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli không có trong 1 g; Salmonella không có trong 25 g. As $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm; Cd $\leq 5,0$ ppm.	Bổ sung protein trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng nhạt	Lican Alimentos Mexico Sapi DE CV.	Mexico	9/2018
571	Vigest	53-3/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Folic axit, Riboflavin, chiết xuất nấm men, Dextrose Monohydrate và nước. - Chỉ tiêu chất lượng: Vitamin B ₂ $\geq 65,0$ mg/lít; Vitamin B ₉ $\geq 8,5$ mg/lít. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli không có trong 1 ml; Salmonella không có trong 25 ml.	Bổ sung vitamin B ₂ , B ₉ cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu nâu sẫm.	Bayer New Zealand Limited.	New Zealand	3/2018

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
572	Lignobond DD	219-7/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ca-lignosulfonate. - Chỉ tiêu chất lượng: Canxi (Ca) $\geq 6,0$ %; Lưu huỳnh (S) $\geq 7,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 30,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung chất kết dính (Calcium lignosulfonate) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu.	Borregaard AS.	Norway	7/2018
573	PellTech	220-7/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ca-lignosulfonate. - Chỉ tiêu chất lượng: Canxi (Ca) $\geq 3,2$ %; Lưu huỳnh (S) $\geq 5,3$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 30,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung chất kết dính (Calcium lignosulfonate) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu.	Borregaard AS.	Norway	7/2018
574	SoftAcid FL+	215-7/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Na-lignosulfonate, axit formic, axit lactic, và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng: Sodium lignosulfonate (tính trong vật chất khô): $18,0 \pm 3,0$ %; Axit formic: $25,5 \pm 3,0$ %; Axit lactic: $24,0 \pm 2,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 200,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung chất axit hóa trong thức ăn chăn nuôi gia súc và gia cầm.	Dạng lỏng, màu nâu.	Borregaard AS.	Norway	7/2018
575	SoftAcid IV+	217-7/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Na-lignosulfonate, axit formic, axit propionic, và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng: Sodium lignosulfonate (tính trong vật chất khô): $13,0 \pm 3,0$ %; Axit formic: $42,5 \pm 3,0$ %; Axit propionic: $10,0 \pm 2,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 200,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung chất axit hóa trong thức ăn chăn nuôi gia súc và gia cầm.	Dạng lỏng, màu nâu.	Borregaard AS.	Norway	7/2018
576	SoftAcid P+	216-7/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Na-lignosulfonate, axit propionic, và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng: Sodium lignosulfonate (tính trong vật chất khô): $13,0 \pm 3,0$ %; Axit propionic: $59,0 \pm 2,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 200,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung chất axit hóa trong thức ăn chăn nuôi gia súc và gia cầm.	Dạng lỏng, màu nâu.	Borregaard AS.	Norway	7/2018
577	SoftAcid V	218-7/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Na-lignosulfonate, axit formic, và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng: Sodium lignosulfonate (tính trong vật chất khô): $13,0 \pm 3,0$ %; Axit formic: $51,0 \pm 3,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 200,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung chất axit hóa trong thức ăn chăn nuôi gia súc và gia cầm.	Dạng lỏng, màu nâu.	Borregaard AS.	Norway	7/2018
578	Hemoprot	241-7/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: bột hồng cầu bò. - Chỉ tiêu chất lượng: độ ẩm $\leq 8,0$ %; protein thô $\geq 90,0$ %; khoáng tổng số $\leq 6,0$ %; - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli: không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g.	Bổ sung protein trong thức ăn chăn nuôi cho lợn và gia cầm.	Dạng bột, màu nâu đậm.	Lican Paraguay S.A.	Paraguay	7/2018

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
579	BHT	20-01/13-CN/17	- Thành phần: Butylhydroxytoluene (BHT) và chất chống vón (SiO ₂). - Chỉ tiêu chất lượng: Butylhydroxytoluene $\geq$ 98,0 %. - Các chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq$ 30,0 ppm; Cd $\leq$ 10,0 ppm; Pb $\leq$ 100,0 ppm; Hg $\leq$ 0,3 ppm.	Chất chống oxy hóa (BHT), dùng bổ sung trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột tinh thể, màu trắng.	Sterlitamak Petrochemical Plant., Russia (Nhà xuất khẩu: Vitafor NV, Belgium).	Russia	29/12/2022
580	Bredol 683	136-5/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Glyceryl polyethyleneglycol ricinoleate (E484) và chất chống oxy hóa. - Chỉ tiêu chất lượng: pH: 5,5 - 7,5; Glycerine tự do $\leq$ 0,02 %; điểm vẫn đục: 55,0 - 59,0 oC. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq$ 2,0 ppm; Pb $\leq$ 5,0 ppm.	Bổ sung chất nhũ hóa trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu vàng.	Akzo Nobel Surface Chemistry Pte. Ltd.	Singapore	5/2018
581	Bredol 694	137-5/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Glyceryl polyethyleneglycol ricinoleate (E484) và chất chống oxy hóa. - Chỉ tiêu chất lượng: pH: 5,5 - 7,5; Glycerine tự do $\leq$ 0,02 %; Điểm vẫn đục: 72,0 - 76,0 oC. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq$ 2,0 ppm; Pb $\leq$ 5,0 ppm.	Bổ sung chất nhũ hóa trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu vàng.	Akzo Nobel Surface Chemistry Pte. Ltd.	Singapore	5/2018
582	Rovabio Excel AP 10 T-Flex	87-4/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: các enzyme từ chiết xuất của quá trình lên men Penicillium funiculosum và các chất mang (bột mỳ, bột đá). - Một số chỉ tiêu chất lượng: Endo-1,4- β -xylanase $\geq$ 2.200,0 visco U/g; Endo-1,3(4)- β -glucanase $\geq$ 200 AGL U/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli < 10 CFU/g; Salmonella không có trong 25 g; As < 2,0 ppm; Pb < 5,0 ppm; Cd < 1,0 ppm; Hg < 0,05 ppm.	Bổ sung enzyme tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng.	Crown Pacific Biotechnology Pte. Ltd. (Sản xuất cho Adisseo Asia Pacific Pte. Ltd., Singapore).	Singapore	4/2018
583	Clostat 12 Dry	165-6/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: vi khuẩn có lợi Bacillus subtilis; các chất phụ gia và chất mang (sodium propionate, polysorbate 80, silica, bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: Bacillus subtilis $\geq 1 \times 10^{12}$ CFU/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb < 10,0 ppm; Cd < 15,0 ppm; As < 3,0 ppm; Hg < 1,0 ppm; nấm mốc (mold count) < 104 CFU/g.	Bổ sung vi khuẩn có lợi đường tiêu hóa vật nuôi (Bacillus subtilis) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	Kemin Industries (Asia) Pte. Ltd.	Singapore	6/2018
584	Endox V Dry	271-8/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ethoxyquin, Butylated Hydroxytoluene (BHT), citric acid, và các chất mang (Bột đá và silica). - Chỉ tiêu chất lượng: Tổng các chất chống oxy hóa (Ethoxyquin, BHT, citric acid): 9,3 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq$ 10,0 ppm; Cd $\leq$ 15,0 ppm; As < 3,0 ppm; Hg < 1,0 ppm.	Bổ sung chất chống oxy hóa trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu nhạt đến nâu đậm.	Kemin Industries (Asia) Pte. Ltd.	Singapore	8/2018

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
585	Lysoforte Booster Dry	27-02/13-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Chết nhũ hóa (Lecithin biên tính), chất chống oxy hoá (Ethoxyquin) và chất mang (Natri clorua và silica). - Chỉ tiêu chất lượng: Lecithin biên tính $\geq 50,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 3,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung chất nhũ hóa trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng đến nâu nhạt.	Kemin Industries (Asia) Pte. Ltd.	Singapore	6/2/2023
586	Toxfin Dry	206-6/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bentonite (Hydrated alumina silicate), sepiolite (Hydrated magnesium silicate). - Chỉ tiêu chất lượng: SiO ₂ $\geq 44,0\%$; Al ₂ O ₃ $\geq 10,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm; As $\leq 3,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung hỗn hợp Bentonite và Sepiolite nhằm hấp phụ độc tố nấm mốc trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu.	Kemin Industries (Asia) Pte. Ltd.	Singapore	6/2018
587	Zagromin Cobalt Sulphate Feed Grade	141-5/13-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Cobalt Sulphate (CoSO ₄ .7H ₂ O). - Chỉ tiêu chất lượng: Coban (Co) $\geq 21,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 3,0$ ppm.	Bổ sung Coban vô cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng tinh thể, màu nâu đỏ.	Zagro Singapore Pte, Ltd.	Singapore	16/3/2023
588	Zagromin Copper Sulphate Pentahydrate	333-10/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Copper Sulphate Pentahydrate (CuSO ₄ .5H ₂ O) (độ tinh khiết $\geq 99,0\%$). - Chỉ tiêu chất lượng: Đồng (Cu) $\geq 25,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 30,0$ ppm; Cd $\leq 3,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung Đồng vô cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng tinh thể, màu xanh.	Zagro Singapore Pte, Ltd.	Singapore	10/2018
589	Zagromin Ferrous Sulphate Feed Grade	143-5/13-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Ferrous Sulphate (FeSO ₄ .H ₂ O). - Chỉ tiêu chất lượng: Sắt (Fe) $\geq 30,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 20,0$ ppm; As $\leq 3,0$ ppm; Cd $\leq 5,0$ ppm.	Bổ sung Sắt vô cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng tinh thể, màu trắng đến hơi xám.	Zagro Singapore Pte, Ltd.	Singapore	16/3/2023
590	Zagromin Manganese Sulphate Feed Grade	144-5/13-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Manganese Sulphate (MnSO ₄ .H ₂ O). - Chỉ tiêu chất lượng: Mangan (Mn) $\geq 31,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 20,0$ ppm; As $\leq 5,0$ ppm; Cd $\leq 10,0$ ppm.	Bổ sung Mangan vô cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng đến hồng nhạt.	Zagro Singapore Pte, Ltd.	Singapore	16/3/2023
591	Zagromin Zinc Oxide	190-6/13-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Ôxit Kẽm (ZnO). - Chỉ tiêu chất lượng: Kẽm (Zn) $\geq 72,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 400,0$ ppm; As $\leq 100,0$ ppm; Cd $\leq 30,0$ ppm.	Bổ sung Kẽm vô cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu.	Zagro Singapore Pte, Ltd.	Singapore	16/3/2023
592	Zagromin Zinc Sulphate Feed Grade	142-5/13-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Zinc Sulphate (ZnSO ₄ .H ₂ O). - Chỉ tiêu chất lượng: Kẽm (Zn) $\geq 35,0\%$. - Chỉ tiêu khác: Pb $\leq 100,0$ ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm; As $\leq 0,5$ ppm; Cd $\leq 10,0$ ppm.	Bổ sung Kẽm vô cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	Zagro Singapore Pte, Ltd.	Singapore	16/3/2023

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
593	Zagrovit Biotin 2%	35-02/13-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Biotin và chất mang (tinh bột ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Biotin $\geq 2,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm; As $\leq 0,5$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung Biotin trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	Zagro Singapore Pte, Ltd.	Singapore	16/3/2023
594	Zagrovit E 50	34-02/13-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin E acetate và chất mang (Silicon dioxide). - Chỉ tiêu chất lượng: Vitamin E acetate $\geq 50,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm; As $\leq 0,5$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung vitamin E trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	Zagro Singapore Pte, Ltd.	Singapore	16/3/2023
595	ZeoFeed 200	199-6/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: 100% zeolit tự nhiên (Clinoptilolite). - Một số chỉ tiêu chất lượng: SiO ₂ $\geq 62,0$ % ; Al ₂ O ₃ $\leq 14,0$ %; Fe ₂ O ₃ $\leq 2,3$ %; CaO $\leq 5,5$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 30,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm.	Bổ sung khoáng tự nhiên Clinoptilolite nhằm chống vón cục trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	Zeocem, a.s.	Slovakia	6/2018
596	Viusid Vet Polvo (Powdered)	348-10/13-CN	- Thành phần nguyên liệu trong 100 g sản phẩm: Malic acid (8,2 - 10,2 g); Glucosamine (8,2 - 10,2 g); Arginine (7,4 - 9,2 g); Glycine (4,2 - 5,2 g); Ascorbic acid (2,0 - 2,6 g); Monoammonium glycyrrhizinate (0,4 - 0,6 g); Pyridoxine (0,4 - 0,5 g); Zinc sulphate (0,2 - 0,3 g); Calcium pantothenate (0,2 - 0,3 g); Folic acid (0,09 - 0,11 g); Cyanocobalamin (0,009 - 0,011 g); Potassium sorbate (0,18 - 0,22 g); Sodium benzoate (0,18 - 0,22 g); chất chống đông vón (SiO ₂) và chất mang (Maltodextrin, bột đá). - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện (CFU) trong 30 g; E. coli không phát hiện (NMP) trong 1 g.	Bổ sung axit amin, vitamin và các chất điện giải trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng.	Catalysis, S.L.	Spain	10/2018
597	Viusid Vet Solucion Oral (Oral Solution)	347-10/13-CN	- Thành phần nguyên liệu trong 100 ml sản phẩm: Malic acid (8,2 - 10,2 g); Glucosamine (8,2 - 10,2 g); Arginine (7,4 - 9,2 g); Glycine (4,2 - 5,2 g); Ascorbic acid (2,0 - 2,6 g); Monoammonium glycyrrhizinate (0,4 - 0,6 g); Pyridoxine (0,4 - 0,5 g); Zinc sulphate (0,2 - 0,3 g); Calcium pantothenate (0,2 - 0,3 g); Folic acid (0,09 - 0,11 g); Cyanocobalamin (0,009 - 0,011 g); Potassium sorbate (0,18 - 0,22 g); Sodium benzoate (0,18 - 0,22 g); và chất mang (nước cất). - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện (CFU) trong 30 g; E. coli không phát hiện (NMP) trong 1 g.	Bổ sung axit amin, vitamin và các chất điện giải cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu vàng đến vàng nâu.	Catalysis, S.L.	Spain	10/2018

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
598	Capsantal CG	314-9/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Beta-apo-8-carotenoic acid ethyl ester, tinh bột ngô. - Một số chỉ tiêu chất lượng: Beta-apo-8-carotenoic acid ethyl ester $\geq 10,0\%$; ẩm độ $\leq 7,0\%$. - Một số chỉ tiêu an toàn: Ecoli không có trong 1 g; Salmonella không có trong 25 g; Chi $\leq 5,0$ ppm; Asen $\leq 1,0$ ppm; Cadimi $\leq 2,0$ ppm; Thủy ngân $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung chất tạo màu (Beta-apo-8-carotenoic acid ethyl ester) trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng viên, màu vàng.	Itpsa, S.A.	Spain	9/2018
599	Capsantal CG1	315-9/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Beta-apo-8-carotenoic acid ethyl ester, tinh bột ngô. - Một số chỉ tiêu chất lượng: Beta-apo-8-carotenoic acid ethyl ester $\geq 1,0\%$; ẩm độ $\leq 7,0\%$. - Một số chỉ tiêu an toàn: Ecoli không có trong 1 g; Salmonella không có trong 25 g; Chi $\leq 5,0$ ppm; Asen $\leq 1,0$ ppm; Cadimi $\leq 2,0$ ppm; Thủy ngân $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung chất tạo màu (Beta-apo-8-carotenoic acid ethyl ester) trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng viên, màu vàng.	Itpsa, S.A.	Spain	9/2018
600	Capsantal CG2	316-9/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Beta-apo-8-carotenoic acid ethyl ester, tinh bột ngô. - Một số chỉ tiêu chất lượng: Beta-apo-8-carotenoic acid ethyl ester $\geq 2,0\%$; ẩm độ $\leq 7,0\%$. - Một số chỉ tiêu an toàn: Ecoli không có trong 1 g; Salmonella không có trong 25 g; Chi $\leq 5,0$ ppm; Asen $\leq 1,0$ ppm; Cadimi $\leq 2,0$ ppm; Thủy ngân $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung chất tạo màu (Beta-apo-8-carotenoic acid ethyl ester) trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng viên, màu vàng.	Itpsa, S.A.	Spain	9/2018
601	Pienso Complementario Levamix Verracos	24-02/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Mannan-oligosaccharides, beta-glucan, tế bào nấm men bất hoạt và các chất mang (bột đá, Natri phosphate anhydro và sepiolite). - Chỉ tiêu chất lượng: Mannan-oligosaccharides và beta-glucan $\geq 40,0 \%$; protein $\geq 24,0 \%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $< 4,0$ ppm; Pb $< 10,0$ ppm; E. coli không phát hiện trong 1 g; Salmonella không phát hiện trong 25 g.	Bổ sung Mannan-oligosaccharides, Beta-glucan và các chất dinh dưỡng từ tế bào nấm men bất hoạt trong thức ăn chăn nuôi lợn nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Kubus, S.A.	Spain	02/2018
602	Gustor BP 70	148-5/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Muối của axit hữu cơ (Sodium butyrate), dầu cọ. - Chỉ tiêu chất lượng (%): Sodium butyrate $\geq 70,0$; Mỡ thô $\leq 30,0$, Khoáng tổng số $\leq 39,0$.	Bổ sung Natri Butyrate trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	Norel S.A.	Spain	5/2018

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
603	Coxsan	64-3/13-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp tinh dầu thực vật (Garlic oil, Carvacrol); phụ gia và chất mang (NaCl, Polyethylene glycol và nước). - Chỉ tiêu chất lượng: Garlic $\geq 3,0$ %; Carvacrol $\geq 8,5$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Cd $\leq 15,0$ ppm; Pb $\leq 200,0$ ppm.	Bổ sung chất tạo mùi từ tinh dầu thực vật trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu trắng.	Phytotherapeutic Solutions S.L.	Spain	9/4/2023
604	Licorol Exp	63-3/13-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp tinh dầu thực vật (Eucalyptol, Menthol) và chất mang (Polyethylene glycol và nước). - Chỉ tiêu chất lượng: Eucalyptol $\geq 10,0$ %; Menthol $\geq 10,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Cd $\leq 15,0$ ppm; Pb $\leq 200,0$ ppm.	Bổ sung chất tạo mùi từ tinh dầu thực vật trong thức ăn chăn nuôi gia cầm.	Dạng lỏng, màu vàng nhạt.	Phytotherapeutic Solutions S.L.	Spain	9/4/2023
605	Phytmax Cox	66-3/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: hỗn hợp tinh dầu thực vật (Cinnamon, Chili, Turmeric, Piper Nigrum); phụ gia và chất mang (silica, paraffin). - Chỉ tiêu chất lượng: Cinnamaldehyde (10,0 %); Capsicum Oleoresin (3,0 %); Curcumin (3,0 %); Piperine (0,5 %). - Chỉ tiêu vệ sinh: Cd $\leq 15,0$ ppm; Pb $\leq 200,0$ ppm; E. coli không có trong 1 g; Salmonella không có trong 25 g.	Bổ sung chất tạo mùi từ tinh dầu thực vật trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng.	Phytotherapeutic Solutions S.L.	Spain	3/2018
606	Phytmax M Liquid	61-3/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: hỗn hợp tinh dầu thực vật (Cinnamon, Oregano, Chili) và chất mang (Polyethylene glycol và nước). - Chỉ tiêu chất lượng: Cinnamaldehyde: 10,0 %; Carvacrol: 5,0 %; Capsicum Oleoresin: 3,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Cd $\leq 15,0$ ppm; Pb $\leq 200,0$ ppm; E. coli không có trong 1 g; Salmonella không có trong 25 g.	Bổ sung chất tạo mùi từ tinh dầu thực vật trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu hơi đỏ.	Phytotherapeutic Solutions S.L.	Spain	3/2018
607	Phytoregan 10%	62-3/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: tinh dầu Origanum heracleoticum (10,0 %) và chất mang (Polyethylene glycol và nước). - Chỉ tiêu vệ sinh: Cd $\leq 15,0$ ppm; Pb $\leq 200,0$ ppm; E. coli không có trong 1 g; Salmonella không có trong 25 g.	Bổ sung chất tạo mùi từ tinh dầu thực vật trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu trắng.	Phytotherapeutic Solutions S.L.	Spain	3/2018

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
608	Phytoregan Premix	60-3/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: tinh dầu Origanum heracleoticum (5,0 %), phụ gia và chất mang (colloidal silica, paraffin). - Chỉ tiêu vệ sinh: Cd ≤ 15,0 ppm; Pb ≤ 200,0 ppm; E. coli không có trong 1 g; Salmonella không có trong 25 g.	Bổ sung chất tạo mùi từ tinh dầu thực vật trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	Phytotherapic Solutions S.L.	Spain	3/2018
609	Phytmax M	65-3/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: hỗn hợp tinh dầu thực vật (Cinnamon, Oregano, Chili) và chất mang (silica, paraffin). - Chỉ tiêu chất lượng: Cinnamaldehyde (10,0 %); Carvacrol (5,0 %); Capsicum Oleoresin (3,0 %). - Chỉ tiêu vệ sinh: Cd ≤ 15,0 ppm; Pb ≤ 200,0 ppm; E. coli không có trong 1 g; Salmonella không có trong 25 g.	Bổ sung chất tạo mùi từ tinh dầu thực vật trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu be.	Phytotherapic Solutions S.L.	Spain	3/2018
610	XTRACT Nature, code X60-6986	166-6/13-CN	- Thành phần chính (8,0 %): hỗn hợp tinh dầu thực vật (Capsicum oleoresin và Turmeric oleoresin). - Các chất mang (92,0 %): dầu thực vật đã hydro hóa và dextrose. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g.	Bổ sung tinh dầu thực vật nhằm tạo hương vị trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu cam đến đỏ.	Pancosma S.A.	Switzerland	6/2018
611	Milkin Plus	338-10/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Calcium phosphate dibasic (CaHPO ₄ .2H ₂ O); Ferros sulphate (FeSO ₄ .H ₂ O); Magnesium chloride (MgCl ₂); Sodium chloride (NaCl); Potassium chloride (KCl) và chất mang (Colloidal silicon dioxide). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Ca (13,6 - 20,4 g); P (4,0 - 6,0 g); Fe (8,0 -- 12,0 g); Mg (2,4 - 3,6 g); Na (80,0 - 120,0 g); K (24,0 - 36,0 g). - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 50,0 ppm; As ≤ 12,0 ppm; Hg ≤ 0,5 ppm; Cd ≤ 10,0 ppm; Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g.	Bổ sung premix khoáng trong thức ăn chăn nuôi lợn trưởng thành.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	China Bestar Laboratories Ltd.	Taiwan	10/2018

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
612	Top # 98	339-10/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ferros sulphate (FeSO₄.H₂O); Glycine; các Vitamin (A, D3, C) và chất mang (Dextrose). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Vitamin A ≥ 48.000,0 IU; Vitamin D3 ≥ 12.000,0 IU; Vitamin C ≥ 3,2 g; Glycine ≥ 16,0 g và Fe (12,0 - 18,0 g). - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 50,0 ppm; As ≤ 12,0 ppm; Hg ≤ 0,5 ppm; Cd ≤ 10,0 ppm; Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g.	Bổ sung premix khoáng và vitamin trong thức ăn chăn nuôi lợn con.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	China Bestar Laboratories Ltd.	Taiwan	10/2018
613	Copper Sulfate Pentahydrate	355-10/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Copper Sulfate Pentahydrate (CuSO₄.5H₂O). - Chỉ tiêu chất lượng: Đồng (Cu) ≥ 25,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As < 12,0 ppm; Cd < 10,0 ppm; Pb < 50,0 ppm; Hg < 0,5 ppm.	Bổ sung Đồng vô cơ (Cu) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu xanh.	Max Chemicals Co., Ltd.	Taiwan	10/2018
614	Prolipid	155-5/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Polyoxyethylene sorbitan fatty acid ester (50,0 %) và chất mang (silicon dioxide) - Chỉ tiêu chất lượng: Chất hoạt động bề mặt không ion: 47,5 - 53,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 20,0 ppm; As ≤ 5,0 ppm; Cd ≤ 2,0 ppm; Hg ≤ 5,0 ppm.	Bổ sung chất nhũ hóa trong thức ăn chăn nuôi lợn và gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	New Well Power Co. Ltd.	Taiwan	5/2018
615	Raisit	25-02/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp bột cá được lên men với Saccharomyces cerevisiae và bột đậu tương được lên men với Saccharomyces cerevisiae. - Chỉ tiêu chất lượng: Protein ≥ 39,0 %; mỡ thô ≤ 3,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli không phát hiện trong 1 g; Salmonella không phát hiện trong 25 g.	Bổ sung protein trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu hoặc vàng nhạt.	South Asia Chemicals & Feeds Ltd.	Taiwan	02/2018
616	Biofac-200	117-4/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: premix vitamin (E, A, D, B1, B2, B6, K3, B5, B3, B4), bổ sung khoáng vô cơ (canxi, sắt, mangan, kẽm), methionine, khô dầu đậu tương, chất chống oxy hóa (Ethoxyquin) và chất mang (bột đá). - Một số chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1kg sản phẩm): Vitamin E ≥ 0,9 g; vitamin A ≥ 3.240.000,0 IU; vitamin D ≥ 648.000,0 IU; Fe: 0,9 - 1,1 g; Mn: 3,06 - 3,74 g; Zn: 1,8 - 2,2 g; methionine ≥ 4,0 g. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli không có trong 1g; Salmonella không có trong 25 g.	Bổ sung premix vitamin, khoáng và methionine trong thức ăn chăn nuôi lợn và gia cầm.	Dạng bột, màu nâu.	Advance Pharma Co., Ltd.	Thailand	4/2018

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
617	Hogtonal	118-4/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: premix vitamin (A, D3, B2, K3, B5, B3, B4), bổ sung khoáng vô cơ (canxi, sắt, mangan, kẽm), methionine và chất mang (bột đá). - Một số chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1kg sản phẩm): Vitamin A $\geq 400.000,0$ IU; vitamin D3 $\geq 72.000,0$ IU; Fe: 1,8 - 2,3 g; Mn: 1,7 - 2,2 g; Zn: 1,3 - 1,7 g; methionine $\geq 10,0$ g. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli không có trong 1g; Salmonella không có trong 25 g.	Bổ sung premix vitamin và khoáng trong thức ăn chăn nuôi lợn.	Dạng bột, màu hồng đến vàng.	Advance Pharma Co., Ltd.	Thailand	4/2018
618	Mineral	119-4/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: mangan sunphát, sắt sunphát, kẽm oxit và chất mang (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1kg sản phẩm): Mn: 5,8 - 7,2 g; Fe: 1,7 - 2,2 g; Zn: 3,2 - 4,0 g. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung premix khoáng trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu hồng.	Advance Pharma Co., Ltd.	Thailand	4/2018
619	Tr-Egg Formula for Layer	120-4/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: premix vitamin (A, D3, E, B2, B12, K3, B5, B3, B4), bổ sung khoáng vô cơ (đồng, sắt, mangan, kẽm), chất tạo màu lòng đỏ trứng gà (canthaxanthin) và chất mang (bột trấu). - Một số chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1kg sản phẩm): Vitamin A $\geq 3.000.000$ IU; vitamin D3 $\geq 600.000,0$ IU; vitamin E $\geq 1,8$ g; Cu: 0,6 - 0,8 g; Fe: 0,6 - 0,8 g; Mn: 13,5 - 17,0 g; Zn: 10,0 - 13,0 g. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli không có trong 1g; Salmonella không có trong 25 g.	Bổ sung premix vitamin, khoáng và chất tạo màu lòng đỏ trứng trong thức ăn chăn nuôi gia cầm sinh sản.	Dạng bột, màu nâu vàng nhạt.	Advance Pharma Co., Ltd.	Thailand	4/2018
620	Pedigree Beef and Vegetables Flavor	213-6/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: các sản phẩm từ ngũ cốc, bột động vật, dầu thực vật, premix vitamin và khoáng, cà rốt khô, rau bina khô, DL-Methionine, các chất phụ gia (chất tạo mùi, chất tạo màu, chất bảo quản). - Chỉ tiêu chất lượng: Protein $\geq 18,0$ %; Mỡ thô $\geq 10,0$ %; Xơ $\leq 5,0$ %; Độ ẩm $\leq 12,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli nhỏ hơn 10 CFU/g.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó.	Dạng viên, màu nâu cam.	Mars Petcare (Thailand) Co., Ltd.	Thailand	6/2018
621	Pedigree Chicken and Vegetables Flavor	230-7/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: các sản phẩm từ ngũ cốc, bột gia cầm, dầu thực vật, chất xơ từ thực vật, premix vitamin và khoáng, cà rốt khô, rau bina khô, DL-Methionine, các chất phụ gia (chất tạo mùi, chất tạo màu, chất bảo quản). - Chỉ tiêu chất lượng: Protein $\geq 18,0$ %; Mỡ thô $\geq 10,0$ %; Xơ $\leq 5,0$ %; Độ ẩm $\leq 12,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó.	Dạng viên, màu nâu cam.	Mars Petcare (Thailand) Co., Ltd.	Thailand	7/2018

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
622	Whiskas Junior Ocean Fish Flavor with Milk	212-6/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: các sản phẩm từ ngũ cốc, bột động vật, bột cá biển, dầu thực vật, sản phẩm sữa, premix vitamin và khoáng, Taurine, muối iốt, các chất phụ gia (chất tạo mùi, chất tạo màu, chất bảo quản). - Chỉ tiêu chất lượng: Protein $\geq 30,0\%$; Mỡ thô $\geq 12,0\%$; Xơ $\leq 5,0\%$; Độ ẩm $\leq 12,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli nhỏ hơn 10 CFU/g.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho mèo.	Dạng viên, màu nâu cam.	Mars Petcare (Thailand) Co., Ltd.	Thailand	6/2018
623	B-Pro Digest	317-9/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bã đậu nành lên men 100%. - Một số chỉ tiêu chất lượng: ẩm độ $\leq 12,0\%$; protein thô $\geq 50,0\%$; mỡ thô $\leq 1,0\%$; xơ thô $\leq 4,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; Aflatoxin tổng số (B1, B2, G1, G2) $< 20,0$ ppb.	Bổ sung protein trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng nâu.	Microinnovate Co., Ltd.	Thailand	9/2018
624	Virof	340-10/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Acid amin (Lysine, Methionine, Glutamine); Vitamin (B1, B6, B12); Beta glucan; các phụ gia và chất mang (chất tạo mùi, Ethoxyquin, bột đậu tương lên men và bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Protein $\geq 30,0\%$; Vitamin B1(1,50 g); Vitamin B6 (2,0 g); Vitamin B12 (25,0 mg); Lysine (10,0 g); Methionine (15,0 g); Glutamine (2,0 g). - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g.	Bổ sung acid amin và vitamin trong thức ăn chăn nuôi cho lợn.	Dạng bột, màu nâu.	Panomix Nutrisolutions Co., Ltd.	Thailand	10/2018
625	Zymax Liquid	21-01/13-CN/17	- Thành phần nguyên liệu: Bacillus subtilis và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng: Bacillus subtilis $\geq 3,9 \times 10^{10}$ CFU/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $< 10,0$ ppm; As $< 2,0$ ppm; Cd $< 1,0$ ppm.	Bổ sung vi khuẩn có lợi Bacillus subtilis trong thức ăn cho lợn và gia cầm.	Dạng lỏng, màu vàng nhạt.	Sahathanee Co., Ltd.	Thailand	29/12/2022
626	Nanosorb	265-7/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thành tế bào nấm men, chất phụ gia (chất bảo quản) và chất mang (tế bào nấm men bất hoạt). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong vật chất khô): Beta-glucans $\geq 15,0\%$; Tổng polysaccharide $\geq 30,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; Coliform tổng số ≤ 10 MPN/g.	Bổ sung beta-glucans từ thành tế bào nấm men trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm hấp phụ độc tố trong đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột, màu xám nâu nhạt.	Specialty Biotech Co., Ltd.	Thailand	7/2018

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
627	Yeastdiet	266-7/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Tê bào nấm men <i>Saccharomyces cerevisiae</i> và chất phụ gia (chất bảo quản). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong vật chất khô): Protein $\geq 40,0 \%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: <i>Salmonella</i> không phát hiện trong 25 g; <i>Coliform</i> tổng số ≤ 10 MPN/g.	Bổ sung protein từ tế bào nấm men bất hoạt trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu hoặc nâu nhạt.	Specialty Biotech Co., Ltd.	Thailand	7/2018
628	Whiskas Adult Cat Mackerel and Sardines	69-3/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Cá thu, cá mòi, chất tạo đông, dầu đậu tương, premix vitamin và khoáng, Taurine, chất tạo màu tổng hợp. - Chỉ tiêu chất lượng: Protein thô (CP) $\geq 10,0 \%$; Mỡ thô (EE) $\geq 1,5 \%$; Xơ thô (CF) $\leq 1,0 \%$; Độ ẩm $\leq 85,0 \%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: <i>Salmonella</i> không phát hiện trong 1 g; <i>E. coli</i> nhỏ hơn 10 CFU/g.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho mèo.	Dạng sệt, màu nâu đỏ.	Unicord Public Company Limited.	Thailand	3/2018
629	Whiskas Adult Cat Ocean Fish	70-3/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Cá ngừ, cá mòi, cá thu, chất tạo đông, dầu đậu tương, premix vitamin và khoáng, Taurine. - Chỉ tiêu chất lượng: Protein thô (CP) $\geq 10,0 \%$; Mỡ thô (EE) $\geq 1,5 \%$; Xơ thô (CF) $\leq 1,0 \%$; Độ ẩm $\leq 85,0 \%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: <i>Salmonella</i> không phát hiện trong 1 g; <i>E. coli</i> nhỏ hơn 10 CFU/g.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho mèo.	Dạng sệt, màu cam đỏ.	Unicord Public Company Limited.	Thailand	3/2018
630	Zinc Sulphate Monohydrate	207-6/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Zinc Sulphate Monohydrate - Chỉ tiêu chất lượng: Zn $\geq 35,0 \%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 50,0$ ppm	Bổ sung kẽm trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng ngà	Utids Enterprise Company Ltd.	Thailand	6/2018
631	Bio-Active Soy	181-6/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Khô dầu đậu tương được lên men bởi <i>Lactobacillus acidophilus</i> . - Chỉ tiêu chất lượng: Protein thô: 52,0 - 54,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: <i>Salmonella</i> không có trong 25 g; <i>E. coli</i> không có trong 1 g.	Khô dầu đậu tương được lên men bởi <i>Lactobacillus acidophilus</i> , dùng làm thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng.	Vet Superior Consultant Co., Ltd.	Thailand	6/2018
632	Chrom Chelated (0.4% Cr)	184-6/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Crôm-glycine và chất mang (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: Crôm (Cr): 4,0 - 4,4 g/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $< 0,25$ ppm; Cd $< 0,10$ ppm; Hg $< 0,10$ ppm; As $< 0,10$ ppm.	Bổ sung Crôm trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu hồng nhạt.	Vet Superior Consultant Co., Ltd.	Thailand	6/2018
633	Copper Proteinate (13% Cu)	186-6/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Đồng-Proteinate và chất mang (bột đậu tương đã được thủy phân). - Chỉ tiêu chất lượng: Đồng (Cu): 13,0 - 14,3 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $< 0,25$ ppm; Cd $< 0,10$ ppm; Hg $< 0,10$ ppm; As $< 0,10$ ppm.	Bổ sung Đồng trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu xanh lá cây nhạt.	Vet Superior Consultant Co., Ltd.	Thailand	6/2018

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
634	Ferrous Proteinate (13% Fe)	188-6/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sắt-Proteinate và chất mang (bột đậu tương đã được thủy phân). - Chỉ tiêu chất lượng: Sắt (Fe): 13,0 - 14,3 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb < 0,25 ppm; Cd < 0,10 ppm; Hg < 0,10 ppm; As < 0,10 ppm.	Bổ sung Sắt trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu đỏ.	Vet Superior Consultant Co., Ltd.	Thailand	6/2018
635	Keelamin - Poultry	185-6/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Canxi-glycine, Kali-glycine, Kẽm-glycine, Đồng-glycine, Mangan-glycine, Coban-glycine, Magiê-glycine, Sắt-glycine và chất mang (nước cất). - Chỉ tiêu chất lượng (mg/ml): Canxi (5,0 - 5,5); Kali (5,0 - 5,5); Kẽm (2,50 - 2,75); Đồng (1,0 - 1,1); Mangan (3,0 - 3,3); Coban (0,010 - 0,011); Magiê (5,0 - 5,5); Sắt (4,0 - 4,4). - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 10,0 ppm; Hg ≤ 1,0 ppm; As ≤ 2,0 ppm.	Bổ sung premix khoáng trong thức ăn chăn nuôi gia cầm.	Dạng lỏng, màu xanh.	Vet Superior Consultant Co., Ltd.	Thailand	6/2018
636	Manganese Proteinate (13% Mn)	183-6/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Mangan-Proteinate và chất mang (bột đậu tương đã được thủy phân). - Chỉ tiêu chất lượng: Mangan (Mn): 13,0 - 14,3 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb < 0,25 ppm; Cd < 0,10 ppm; Hg < 0,10 ppm; As < 0,10 ppm.	Bổ sung Mangan trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu.	Vet Superior Consultant Co., Ltd.	Thailand	6/2018
637	Selenium yeast (0.1% Se)	182-6/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Nấm men bất hoạt Saccharomyces cerevisiae chứa Senlen (lên men trong môi trường giàu selen) và chất mang (nấm men Saccharomyces cerevisiae bất hoạt). - Chỉ tiêu chất lượng: Selen (Se): 1,0 - 1,1 g/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb < 0,25 ppm; Cd < 0,10 ppm; Hg < 0,10 ppm; As < 0,10 ppm.	Bổ sung Selen trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu.	Vet Superior Consultant Co., Ltd.	Thailand	6/2018
638	Zinc Proteinate (15% Zn)	187-6/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Kẽm-Proteinate và chất mang (bột đậu tương đã được thủy phân). - Chỉ tiêu chất lượng: Kẽm (Zn): 15,0 - 16,5 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb < 0,25 ppm; Cd < 0,10 ppm; Hg < 0,10 ppm; As < 0,10 ppm.	Bổ sung Kẽm trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng.	Vet Superior Consultant Co., Ltd.	Thailand	6/2018
639	Iromin	252-7/13-CN	- Nguyên liệu chính: Sắt chelate, nước cất. - Thành phần dinh dưỡng: Fe (72,0-80,0 g/lít); Glycine ≥ 150,0 g/lít. - Chỉ tiêu vệ sinh: Ecoli không phát hiện trong 1 g; Salmonella không phát hiện trong 25 g; As ≤ 2,0 ppm; Pb < 10,0 ppm; Hg < 1,0 ppm.	Bổ sung sắt hữu cơ cho lợn con.	Dạng lỏng, màu nâu.	Vet Superior Consultant Co., Ltd.	Thailand	7/2018

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
640	Orgamin Sol	253-7/13-CN	- Nguyên liệu chính: CaSO ₄ ; Na ₂ SO ₄ ; MnSO ₄ ; CuSO ₄ ; MgSO ₄ ; FeSO ₄ ; ZnSO ₄ ; CoSO ₄ . - Thành phần dinh dưỡng (g/lít): Ca (4,5-5,5); Na (4,5-5,5); Mn (2,7-3,3); Cu (0,9-1,1); Mg (4,5-5,5); Fe (3,6-4,4); Zn (2,25-2,75); Co (0,009-0,011). - Chỉ tiêu vệ sinh: Ecoli không phát hiện trong 1 g; Salmonella không phát hiện trong 25 g; As ≤ 2,0 ppm; Pb < 10,0 ppm; Hg < 1,0 ppm.	Bổ sung khoáng vi lượng cho gia cầm.	Dạng lỏng, màu xanh.	Vet Superior Consultant Co., Ltd.	Thailand	7/2018
641	Lianol Ferti-T	202-6/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Protein khoai tây, protein khoai tây được lên men, gluten ngô và premix (vitamin E, Sắt sunphat và L- tryptophan). - Chỉ tiêu chất lượng: Protein: 32,5 - 37,5 %; mỡ thô: 1,0 - 2,8 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không có trong 25 g; Coliform < 10 CFU/g.	Thức ăn bổ sung cho lợn nái.	Dạng viên, màu trắng.	Ardol B.V.	The Netherlands	6/2018
642	Fra AC34 Dry	130-4/13-CN	- Thành phần dinh dưỡng (%): Glycerin (23,0-27,0); Monoglycerides of propionic acid (16,0-20,0); Diglycerides of propionic acid (3,0-4,0). - Chỉ tiêu vệ sinh: Kim loại nặng (ppm): As ≤ 12,0; Cd ≤ 2,0; Pb ≤ 30,0; Hg ≤ 0,2.	Bổ sung hỗn hợp axit béo bay hơi trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột màu kem.	Framelco B.V.	The Netherlands	4/2018
643	Fra C12 Dry	131-4/13-CN	- Thành phần dinh dưỡng (%): Glycerin (11,0-15,0); Monoglycerides of lauric acid (33,0-37,0); Diglycerides of lauric acid (7,0-10,0). - Chỉ tiêu vệ sinh: Kim loại nặng (ppm): As ≤ 12,0; Cd ≤ 2,0; Pb ≤ 30,0; Hg ≤ 0,2.	Bổ sung hỗn hợp axit béo bay hơi trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng kem.	Framelco B.V.	The Netherlands	4/2018
644	Fra Lac34 Dry	127-4/13-CN	- Thành phần dinh dưỡng (%): Glycerin (15,0-19,0); Monoglycerides of propionic acid (11,0-14,0); Lactic acid (16,0-20,0). - Chỉ tiêu vệ sinh: Kim loại nặng (ppm): As ≤ 12,0; Cd ≤ 2,0; Pb ≤ 30,0; Hg ≤ 0,2.	Bổ sung hỗn hợp axit béo bay hơi trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu kem nâu.	Framelco B.V.	The Netherlands	4/2018
645	Fra Lac34 Liquid	128-4/13-CN	- Thành phần dinh dưỡng (%): Glycerin (23,0-27,0); Monoglycerides of propionic acid (16,0-20,0); Lactic acid (25,0-29,0). - Chỉ tiêu vệ sinh: Kim loại nặng (ppm): As ≤ 12,0; Cd ≤ 2,0; Pb ≤ 30,0; Hg ≤ 0,2.	Bổ sung hỗn hợp axit béo bay hơi trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu nâu vàng.	Framelco B.V.	The Netherlands	4/2018
646	Fra LBB Dry	129-4/13-CN	- Thành phần dinh dưỡng (%): Glycerin (15,0-17,0); Monoglycerides of butyric acid (8,0-12,0); Monoglycerides of propionic acid (8,0-12,0). - Chỉ tiêu vệ sinh: Kim loại nặng (ppm): As ≤ 12,0; Cd ≤ 2,0; Pb ≤ 30,0; Hg ≤ 0,2.	Bổ sung hỗn hợp axit béo bay hơi trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng kem.	Framelco B.V.	The Netherlands	4/2018

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
647	Fra VC4 Dry	132-4/13-CN	- Thành phần dinh dưỡng (%): Glycerin (2,0-4,0); Monoglycerides of butyric acid (44,0-48,0; Diglycerides of butyric acid (7,0-9,0). - Chỉ tiêu vệ sinh: Kim loại nặng (ppm): As ≤ 12,0; Cd ≤ 2,0; Pb ≤ 30,0; Hg ≤ 0,2.	Bổ sung hỗn hợp axit béo bay hơi trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng kem.	Framelco B.V.	The Netherlands	4/2018
648	Delac Dulce	13-01/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: bột đậu tương, bột whey và lactose. - Chỉ tiêu chất lượng: protein (N × 6,25) ≥ 34,5 %; lactose ≥ 18,9 %; khoáng tổng số ≤ 9,7 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g.	Bổ sung protein và các chất dinh dưỡng trong thức ăn chăn nuôi lợn con.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Joosten Products B.V.	The Netherlands	01/2018
649	FMR omega 3	11-01/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: bột đậu tương, gluten lúa mì và dầu cá. - Chỉ tiêu chất lượng: protein (N × 6,25) ≥ 55,0 %; mỡ thô ≥ 5,1 %; khoáng tổng số ≤ 6,1 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g.	Bổ sung protein và các chất dinh dưỡng trong thức ăn chăn nuôi gia cầm.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Joosten Products B.V.	The Netherlands	01/2018
650	JPC 56	10-01/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: bột đậu tương và gluten lúa mì. - Chỉ tiêu chất lượng: protein (N × 6,25) ≥ 53,0 %; mỡ thô ≥ 2,5 %; khoáng tổng số ≤ 6,1 %; - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g.	Bổ sung protein và các chất dinh dưỡng trong thức ăn chăn nuôi lợn con.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Joosten Products B.V.	The Netherlands	01/2018
651	Nutrilac	167-6/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sản phẩm sữa, dầu thực vật, ngũ cốc và phụ phẩm ngũ cốc, hạt dầu và phụ phẩm hạt dầu, amino axit, vitamin và khoáng, các chất phụ gia (chất chống đông vón, axit hữu cơ, nhũ hóa, probiotic và chất tạo mùi). - Chỉ tiêu chất lượng: protein (N × 6,38) ≥ 22,0 %; mỡ thô ≥ 15,0 %; lysine ≥ 1,66 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g. <u>E. coli không phát hiện trong 1 g.</u>	Bổ sung các chất dinh dưỡng trong thức ăn chăn nuôi lợn con.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Joosten Products B.V.	The Netherlands	6/2018
652	Sweelac	12-01/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: bột đậu tương, bột whey và lactose. - Chỉ tiêu chất lượng: protein (N × 6,25) ≥ 10,8 %; lactose ≥ 62,0 %; khoáng tổng số ≤ 10,7 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g.	Bổ sung protein và các chất dinh dưỡng trong thức ăn chăn nuôi lợn con.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Joosten Products B.V.	The Netherlands	01/2018
653	Zacid 4500	32-02/13-CN	- Thành phần: axit citric (≥ 5,6 %); axit formic (≥ 32,5 %); axit sorbic (≥ 1,6 %) và chất mang (các muối của canxi). - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 2,0 ppm; Hg ≤ 0,1 ppm; As ≤ 0,5 ppm; Cd ≤ 0,5 ppm.	Bổ sung các axit hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm kiểm soát sự phát triển của vi khuẩn có hại.	Dạng bột, màu trắng.	Kemira Chemsolutions B.V.	The Netherlands	02/2018

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
654	Zacid 6000	33-02/13-CN	- Thành phần: axit citric ($\geq 5,6\%$); axit formic ($\geq 22,9\%$); axit lactic ($\geq 3,3\%$); axit propionic ($\geq 8,0\%$); axit photphoric ($\geq 12,4\%$) và chất mang (các muối của canxi). - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm; As $\leq 0,5$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung các axit hữu cơ và vô cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm kiểm soát sự phát triển của vi khuẩn có hại.	Dạng bột, màu trắng.	Kemira Chemsolutions B.V.	The Netherlands	02/2018
655	Biolex MB40	168-6/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: 100 % sản phẩm từ thành tế bào nấm men. - Chỉ tiêu chất lượng: protein thô: 20,0 - 30,0 %; (1,3)-(1,6)- β -D-Glucans: 25,0 - 30,0 %; Mannans: 20,0 - 25,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25 g.	Bổ sung Mannans và Glucans trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột, màu be đến nâu nhạt.	Leiber GmbH.	Germany	6/2018
656	Leiber Beta-S	169-6/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: 100 % sản phẩm từ thành tế bào nấm men. - Chỉ tiêu chất lượng: protein thô: 5,0 - 7,0 %; (1,3)-(1,6)- β -D-Glucans $\geq 70,0\%$; Mannans $\leq 2,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25 g.	Bổ sung Glucans trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột, màu be sáng.	Leiber GmbH.	Germany	6/2018
657	ProPhorce™ AC 101	95-4/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit formic, natri formate, axit lactic, axit fumaric, axit citric và chất mang (silica). - Chỉ tiêu chất lượng: Axit formic: 18,8 - 24,8 %; axit fumaric: 7,0 - 13,0 %; axit lactic: 15,4 - 21,4 %; axit citric $\leq 3,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 30,0$ ppm; Cd $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 8,0$ ppm; Hg $\leq 2,0$ ppm.	Bổ sung các axit hữu cơ và muối axit hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột, màu trắng.	Perstorp Waspik.	The Netherlands	4/2018
658	Sorbatox	341-10/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Complexed Hydrated Aluminium Silicate. - Chỉ tiêu chất lượng: SiO ₂ (47,5 - 51,0 %); Al ₂ O ₃ (33,0 - 37,0 %). - Các chỉ tiêu khác: Fe ₂ O ₃ (0,5 - 2,0 %); Pb $\leq 30,0$ ppm; As $\leq 12,0$ ppm; Hg $\leq 0,2$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm.	Bổ sung chất hấp phụ độc tố mycotoxins trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	Kiotechagil.	United Kingdom	10/2018
659	Oaten Hay	299-8/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: rơm yến mạch khô. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; protein thô $\geq 4,0\%$; ADF $\leq 45,0\%$; NDF $\leq 67,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Chì (Pb) ≤ 1 ppm; Cadimi (Cd) ≤ 1 ppm.	Rơm yến mạch khô dùng làm thức ăn cho gia súc.	Dạng thô, màu xanh hoặc màu vàng.	ACX Pacific Northwest Inc.	USA	8/2018
660	Sudan Hay	298-8/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: cỏ Sudan khô. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; protein thô $\geq 4,0\%$; ADF $\leq 45,0\%$; NDF $\leq 67,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Chì (Pb) ≤ 1 ppm; Cadimi (Cd) ≤ 1 ppm.	Cỏ Sudan khô dùng làm thức ăn cho gia súc.	Dạng thô, màu xanh hoặc màu vàng.	ACX Pacific Northwest Inc.	USA	8/2018

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
661	Beef Advantage	259-7/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Nấm men chứa selen, kẽm proteinate, mangan proteinate, coban proteinate, đồng proteinate, các chất phụ gia và chất mang (axit ascorbic, sản phẩm protein thực vật, chất béo, bột đá, chiết xuất lên men <i>Aspergillus niger</i> được sấy khô, sản phẩm lên men <i>Lactobacillus acidophilus</i>, <i>Enterococcus faecium</i>). - Chỉ tiêu chất lượng: Zn: 2,12 - 2,65 %; Mn: 1,42 - 1,78 %; Cu: 5.660,0 - 7.075,0 ppm; Co: 2.359,0 - 2.948,0 ppm; I: 1.100,0 - 1.540,0 ppm; Se: 637,0 - 892,0 ppm. - Chỉ tiêu vệ sinh: As ≤ 30,0 ppm; Cd ≤ 10,0 ppm; Pb ≤ 100,0 ppm; Hg ≤ 0,05 ppm.	Bổ sung premix khoáng vi lượng trong thức ăn chăn nuôi bò.	Dạng bột, màu nâu.	Alltech Inc.	USA	7/2018
662	Bioplex High Five	318-9/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Kẽm proteinate, Đồng proteinate, men Selen, Mangan proteinate, Coban proteinate và bột đá. - Chỉ tiêu chất lượng: Zn: 7,2 - 8,6 %; Cu: 2,2 - 2,6 %; Mn: 1,0 - 1,2 %; Co: 0,12 - 0,14 %; Se: 0,03 - 0,04 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As ≤ 30,0 ppm; Cd ≤ 10,0 ppm; Pb ≤ 100,0 ppm; Hg ≤ 0,05 ppm.	Bổ sung premix khoáng hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi bò.	Dạng bột, màu nâu ánh xanh.	Alltech Inc.	USA	9/2018
663	Breeder Advantage	107-4/13-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Zinc proteinate, Selenium yeast (từ <i>Saccharomyces cerevisiae</i>), chiết xuất lên men <i>Aspergillus niger</i> được sấy khô, sản phẩm protein thực vật. - Chỉ tiêu chất lượng: Kẽm (Zn): 3,2 - 4,0 %; Selen (Se): 300,0 - 420,0 ppm. - Chỉ tiêu vệ sinh: As ≤ 30,0 ppm; Cd ≤ 10,0 ppm; Pb ≤ 100,0 ppm; Hg ≤ 0,05 ppm.	Bổ sung Kẽm và Selen trong thức ăn chăn nuôi gia cầm giống.	Dạng bột, màu nâu.	Alltech, Inc	USA	27/4/2023
664	Layer Advantage	260-7/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Nấm men chứa selen, kẽm proteinate, mangan proteinate, đồng proteinate, dicalcium phosphate, các chất phụ gia và chất mang (sản phẩm protein thực vật, phụ phẩm ngũ cốc đã được xử lý, chiết xuất lên men <i>Aspergillus niger</i> được sấy khô). - Chỉ tiêu chất lượng: Zn: 7.500,0 - 9.375,0 ppm; Mn: 4.500,0 - 5.625,0 ppm; Cu: 1.000,0 - 1.250,0 ppm; Se: 200,0 - 280,0 ppm. - Chỉ tiêu vệ sinh: As ≤ 30,0 ppm; Cd ≤ 10,0 ppm; Pb ≤ 100,0 ppm; Hg ≤ 0,05 ppm.	Bổ sung premix khoáng vi lượng trong thức ăn chăn nuôi gà đẻ.	Dạng bột, màu nâu.	Alltech Inc.	USA	7/2018

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
665	Mycosorb A+	261-7/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Nấm men bia sấy khô, khoáng tự nhiên (Hydrated sodium calcium aluminosilicate), và bột tảo. - Chỉ tiêu chất lượng: Protein $\geq 18,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 15,0$ ppm; Cd $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 100,0$ ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm.	Bổ sung các chất dinh dưỡng và chất chống vón trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu vàng nhạt.	Alltech Inc.	USA	7/2018
666	PN Pre-harvest Boiler	57-3/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Magiê oxit, sản phẩm protein thực vật, phụ phẩm ngũ cốc đã được xử lý, đồng proteinate, sắt proteinate, kẽm proteinate, mangan proteinate, men selen, hydrated sodium calcium aluminosilicate, chất béo, axit ascorbic, chiết xuất lên men Aspergillus niger, Calcium Iodate. - Chỉ tiêu chất lượng: Magê (Mg): 23,22 - 29,03 %; Sắt (Fe): 8.600,0 - 10.750,0 ppm; Đồng (Cu): 6.665,0 - 8.331,0 ppm; Kẽm (Zn): 5.375,0 - 6.718,0 ppm; Mangan (Mn): 4.945,0 - 6.181,0 ppm; Iodine (I): 125,0 - 163,0 ppm; Selen (Se): 65,0 - 81,0 ppm. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 30,0$ ppm; Cd $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 100,0$ ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm.	Bổ sung premix khoáng trong thức ăn chăn nuôi gia cầm thịt.	Dạng bột, màu nâu.	Alltech Inc.	USA	3/2018
667	PN Post-Hatch Broiler Supplement	58-3/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: sản phẩm protein thực vật, phụ phẩm ngũ cốc đã được xử lý, men selen, hydrated sodium calcium aluminosilicate, chất béo, axit ascorbic, chiết xuất lên men Aspergillus niger, Calcium Iodate. - Chỉ tiêu chất lượng: Selen (Se): 13,76 - 17,20 ppm; Iodine (I) : 23,0 - 30,0 ppm. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 30,0$ ppm; Cd $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 100,0$ ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm.	Bổ sung premix khoáng trong thức ăn chăn nuôi gia cầm thịt.	Dạng bột, màu nâu.	Alltech Inc.	USA	3/2018

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
668	PN Beef Finisher	353-10/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các sản phẩm protein từ thực vật; phụ phẩm từ ngũ cốc; nấm men có chứa Selenium; bột đá; Zinc proteinate; Manganese proteinate; Cobalt proteinate; Hydrated sodium calcium aluminosilicate; Copper proteinate; sản phẩm chất béo; Ascorbic acid; Calcium Iodate; chiết xuất lên men từ Aspergillus oryzae được sấy khô; sản phẩm lên men Lactobacillus acidophilus được sấy khô; sản phẩm lên men Enterococcus faecium được sấy khô. - Chỉ tiêu chất lượng: Zn (4.819,0 - 6.024,0 ppm); Mn (3.224,0 - 4.030,0 ppm); Cu (1.285,0 - 1.606,0 ppm); Co (535,0 - 669,0 ppm); I (250,0 - 350,0 ppm); Se (145,0 - 203,0 ppm); Saccharomyces cerevisiae (bất hoạt) $\geq 7,5 \times 10^8$ cells/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 30,0$ ppm; Cd $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 100,0$ ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm.	Bổ sung premix khoáng vi lượng trong thức ăn chăn nuôi bò thịt.	Dạng bột, màu nâu.	Alltech Inc.	USA	10/2018
669	PN Beef Receiver	354-10/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các sản phẩm protein từ thực vật; phụ phẩm từ ngũ cốc; nấm men có chứa Selenium; bột đá; Zinc proteinate; Manganese proteinate; Cobalt proteinate; Hydrated sodium calcium aluminosilicate; Copper proteinate; sản phẩm chất béo; Ascorbic acid; Calcium Iodate; chiết xuất lên men từ Aspergillus niger được sấy khô; sản phẩm lên men Lactobacillus acidophilus được sấy khô; sản phẩm lên men Enterococcus faecium được sấy khô. - Chỉ tiêu chất lượng: Zn (6.884,0 - 8.605,0 ppm); Mn (4.605,0 - 5.756,0 ppm); Cu (1.836,0 - 2.295,0 ppm); Co (764,0 - 955,0 ppm); I (357,0 - 500,0 ppm); Se (207,0 - 290,0 ppm); Saccharomyces cerevisiae (bất hoạt) $\geq 1,08 \times 10^9$ cells/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 30,0$ ppm; Cd $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 100,0$ ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm.	Bổ sung premix khoáng vi lượng trong thức ăn chăn nuôi bò thịt.	Dạng bột, màu nâu.	Alltech Inc.	USA	10/2018

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
670	PN Calf Starter	352-10/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các sản phẩm protein từ thực vật; phụ phẩm từ ngũ cốc; nấm men có chứa Selenium; bột đá; Zinc proteinate; Manganese proteinate; Cobalt proteinate; Copper proteinate; sản phẩm chất béo; Ascorbic acid; Calcium Iodate; chiết xuất lên men từ Aspergillus niger được sấy khô; sản phẩm lên men Lactobacillus acidophilus được sấy khô; sản phẩm lên men Enterococcus faecium được sấy khô. - Chỉ tiêu chất lượng: Zn (9.637,0 - 12.046,0 ppm); Mn (6447,0 - 8059,0 ppm); Cu (2.570,0 - 3.213,0 ppm); Co (1070,0 - 1338,0 ppm); I (499,0 - 699,0 ppm); Se (289,0 - 405,0 ppm); Saccharomyces cerevisiae (bất hoạt) $\geq 1,5 \times 10^9$ cells/g . - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 30,0$ ppm; Cd $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 100,0$ ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm.	Bổ sung premix khoáng vi lượng trong thức ăn chăn nuôi bò.	Dạng bột, màu nâu.	Alltech Inc.	USA	10/2018
671	PN Grower Broiler	55-3/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bột đá, sản phẩm protein thực vật, phụ phẩm ngũ cốc đã được xử lý, đồng proteinate, sắt proteinate, kẽm proteinate, mangan proteinate, men selen, hydrated sodium calcium aluminosilicate, chất béo, axit ascorbic, chiết xuất lên men Aspergillus niger, Calcium Iodate. - Chỉ tiêu chất lượng (đơn vị tính: mg/kg): Sắt (Fe): 8.600,0 - 10.750,0; Đồng (Cu): 6.665,0 - 8.331,0; Kẽm (Zn): 5.375,0 - 6.718,0; Mangan (Mn): 4.945,0 - 6.181,0; Iodine (I): 125,0 - 163,0; Selen (Se): 65,0 - 81,0. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 30,0$ ppm; Cd $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 100,0$ ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm.	Bổ sung premix khoáng trong thức ăn chăn nuôi gia cầm thịt.	Dạng bột, màu nâu.	Alltech Inc.	USA	3/2018

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
672	PN Swine Finisher	56-3/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Magiê oxit, sản phẩm protein thực vật, phụ phẩm ngũ cốc đã được xử lý, đồng proteinate, sắt proteinate, kẽm proteinate, mangan proteinate, men selen, hydrated sodium calcium aluminosilicate, chất béo, axit ascorbic, chiết xuất lên men Aspergillus niger. - Chỉ tiêu chất lượng: Magê (Mg): 21,6 - 27,0 %; Zn: 5.000,0 - 6.250,0 ppm; Mangan (Mn): 4.600,0 - 5.750,0ppm; Selen (Se): 60,0 - 75,0 ppm; Đồng (Cu): 6.200,0 - 7.750,0 ppm; Sắt (Fe): 8.000,0 - 10.400,0 ppm; - Chỉ tiêu vệ sinh: As ≤ 30,0 ppm; Cd ≤ 10,0 ppm; Pb < 100,0 ppm; Hg < 0.05 ppm.	Bổ sung premix khoáng trong thức ăn chăn nuôi lợn giai đoạn vỗ béo.	Dạng bột, màu nâu.	Alltech Inc.	USA	3/2018
673	PN Swine Grower	54-3/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Phụ phẩm ngũ cốc đã được xử lý, sản phẩm protein thực vật, đồng proteinate, sắt proteinate, kẽm proteinate, mangan proteinate, men selen, hydrated sodium calcium aluminosilicate, chất béo, axit ascorbic, chiết xuất lên men Aspergillus niger. - Chỉ tiêu chất lượng (đơn vị tính: mg/kg): Zn: 7.000,0 - 8.750,0; Mn: 7.000,0 - 8.750,0; Cu: 8.000,0 - 10.000,0; Fe: 8.000,0 - 10.400,0; Se: 60,0 - 75,0. - Chỉ tiêu vệ sinh: As ≤ 30,0 ppm; Cd ≤ 10,0 ppm; Pb ≤ 100,0 ppm; Hg ≤ 0,05 ppm.	Bổ sung premix khoáng trong thức ăn chăn nuôi lợn giai đoạn sinh trưởng.	Dạng bột, màu nâu.	Alltech Inc.	USA	3/2018
674	Sow Advantage	108-4/13-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Iron proteinate, Zinc proteinate, Manganese proteinate, Selenium yeast (từ Saccharomyces cerevisiae), Copper proteinate, hydrated sodium calcium aluminosilicate, sản phẩm protein thực vật, chất béo, chiết xuất lên men Aspergillus niger được sấy khô. - Chỉ tiêu chất lượng: Sắt (Fe): 2,0 - 2,5 %; Kẽm (Zn): 1,65 - 2,06 %; Mangan (Mn): 6.750,0 - 8.438,0 ppm; Đồng (Cu): 3.330,0 - 4.163,0 ppm; Selen (Se): 75,0 - 105,0 ppm. - Chỉ tiêu vệ sinh: As ≤ 30,0 ppm; Cd ≤ 10,0 ppm; Pb < 100,0 ppm; Hg < 0.05 ppm.	Bổ sung premix khoáng hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi lợn cái trưởng thành.	Dạng bột, màu nâu.	Alltech, Inc	USA	27/4/2023

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
675	Weaner Advantage	109-4/13-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: Iron proteinate, Zinc proteinate, Selenium yeast (từ <i>Saccharomyces cerevisiae</i>), Manganese proteinate, Copper proteinate, phụ phẩm ngũ cốc đã được xử lý, sản phẩm protein thực vật, hydrated sodium calcium aluminosilicate, chất béo, Calcium carbonate. - Chỉ tiêu chất lượng: Sắt (Fe): 1,6875 - 2,109 %; Kẽm (Zn): 1,5 - 1,875 %; Mangan (Mn): 9,375 - 11,719,0 ppm; Đồng (Cu): 1,875 - 2,344 ppm; Selen (Se): 150,0 - 210,0 ppm. - Chỉ tiêu vệ sinh: As ≤ 30,0 ppm; Cd ≤ 10,0 ppm; Pb < 100,0 ppm; Hg < 0,05 ppm.	Bổ sung premix khoáng hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi lợn con.	Dạng bột, màu nâu.	Alltech, Inc	USA	27/4/2023
676	Chromium Picolinate 1%	335-10/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chromium Picolinate (Cr(C₆H₄NO₂)₃.H₂O) và chất mang (Sucrose). - Chỉ tiêu chất lượng: Chromium (Cr): 1,0 - 1,2 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 10,0 ppm; As ≤ 3,0 ppm; Hg ≤ 1,0 ppm; Cd ≤ 5,0 ppm; Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g.	Bổ sung Chromium (Cr) trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu hồng đến hồng đậm.	AMT Labs, Inc.	USA	10/2018
677	Chromium Picolinate 0.1%	336-10/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chromium Picolinate (Cr(C₆H₄NO₂)₃.H₂O) và chất mang (Sucrose). - Chỉ tiêu chất lượng: Chromium (Cr): 0,1 - 0,12 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 10,0 ppm; As ≤ 3,0 ppm; Hg ≤ 1,0 ppm; Cd ≤ 5,0 ppm; Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g.	Bổ sung Chromium (Cr) trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu hồng nhạt đến hồng.	AMT Labs, Inc.	USA	10/2018
678	Chromium Picolinate 11.9%	334-10/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chromium Picolinate (Cr(C₆H₄NO₂)₃.H₂O). - Chỉ tiêu chất lượng: Chromium (Cr): 10,71 - 13,09 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 10,0 ppm; As ≤ 3,0 ppm; Hg ≤ 1,0 ppm; Cd ≤ 5,0 ppm; Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g.	Bổ sung Chromium (Cr) trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu hồng đậm đến đỏ.	AMT Labs, Inc.	USA	10/2018
679	NovaSil Plus	262-7/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Calcium bentonite (97,0 %) và silica (3,0%). - Chỉ tiêu chất lượng: SiO₂: 62,0 - 74,0 %; Al₂O₃: 15,0 - 18,0 %; CaO: 3,0 - 5,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As ≤ 10,0 ppm; Cd ≤ 2,0 ppm; Pb ≤ 30,0 ppm; Hg ≤ 0,1 ppm.	Bổ sung chất hấp phụ độc tố mycotoxin trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng đến xám nhạt.	BASF Corporation.	USA	7/2018

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
680	HP 300	125-4/13-CN	- Bản chất sản phẩm: 100 % khô dầu đỗ tương (đã được xử lý bằng enzyme phân giải oligosaccharides). - Chỉ tiêu chất lượng: Protein $\geq 54,5\%$; - Các chỉ khác: Salmonella không có trong 25 g; E. coli không có trong 1 g; hoạt độ urê $< 0,35$ mg N/ phút; Aflatoxin tổng số (B1, B2, G1, G2) < 50 ppb.	Thức ăn bổ sung cho gia súc và gia cầm.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Hamlet Protein, Inc.	USA	4/2018
681	Bamanos	88-4/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thành tế bào nấm men, axit citric, phụ phẩm từ chế biến hạt và chất chống vón (sodium aluminosilicate). - Chỉ tiêu chất lượng: Glucmannoprotein $\geq 35,0\%$; Protein $\geq 31,5\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli < 10 CFU/g; Salmonella không có trong 25 g; Pb $\leq 5,0$ ppm; Cd $\leq 5,0$ ppm As $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung Mananoligosaccharides (Glucmannoprotein) từ thành tế bào nấm men trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột, màu nâu vàng nhạt.	Prince Agri Products, Inc.	USA	4/2018
682	Leodor	89-4/13-CN/18	- Thành phần nguyên liệu: 100 % bột cây Yucca Schidigera. - Chỉ tiêu chất lượng: Saponin $\geq 8,0\%$; Tổng chất rắn Yucca hòa tan $\geq 40,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Pb $\leq 5,0$ ppm; Cd $\leq 5,0$ ppm As $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung Saponin từ cây Yucca Schidigera trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện năng suất vật nuôi và giảm mùi hôi từ chất thải vật nuôi.	Dạng bột, màu be nhạt.	Prince Agri Products, Inc.	USA	23/4/2018
683	SDP 80 Dried Porcine Solubles	154-5/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sản phẩm thu được sau khi chiết xuất heparin từ ruột non của lợn và protein đậu tương. - Chỉ tiêu chất lượng: Protein thô $\geq 50,0\%$; Mỡ thô $\geq 2,5\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Coliforms < 10 CFU/g; nấm mốc và nấm men < 50 CFU/g; Salmonella không có trong 25 g.	Bổ sung protein dễ tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi lợn và gia cầm.	Dạng bột, màu nâu vàng.	Protein Resources Inc.	USA	5/2018
684	Probios Oral Suspension For Swine	157-5/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp vi khuẩn lactic (Enterococcus faecium, Lactobacillus acidophilus, Lactobacillus casei, Lactobacillus plantarum); các chất phụ gia và chất mang (dầu thực vật, tinh bột ngô, sucrose, silica, polyorbate 80, sodium silica aluminate, ethoxyquin). - Chỉ tiêu chất lượng: Tổng số vi khuẩn lactic $\geq 5 \times 10^6$ CFU/ml. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli không có trong 1ml; Salmonella không có trong 25 ml.	Bổ sung các vi khuẩn lactic có lợi đường tiêu hóa cho lợn.	Dạng lỏng, màu kem.	Vets Plus, Inc.	USA	5/2018

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
685	Swine Prefer Piglet Blast	158-5/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: Dầu thực vật, tinh bột ngô, sucrose, bột trứng; các vitamin (C, D, B3, B5, B1, B12); Sắt proteinate; hỗn hợp vi khuẩn lactic (Enterococcus faecium, Lactobacillus acidophilus, Lactobacillus casei, Lactobacillus plantarum); các chất phụ gia (tocopherols, glycerin, coffee, silica, polyorbate 80, sodium silica aluminate, ethoxyquin). - Một số chỉ tiêu chất lượng (tính trong 2 ml): Sắt $\geq 0,2$ mg; vitamin D3 ≥ 350 IU; axit ascorbic $\geq 2,0$ mg; tổng số vi khuẩn lactic $\geq 5 \times 10^6$ CFU. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli không có trong 1ml; Salmonella không có trong 25 ml.	Bổ sung năng lượng, các vitamin, sắt và các vi khuẩn lactic có lợi đường tiêu hóa cho lợn.	Dạng lỏng, màu kem.	Vets Plus, Inc.	USA	5/2018
686	YieldSTART S	363-10/13-CN	- Thành phần nguyên liệu: SQM Zinc (Zinc polysaccharide complex, silicon dioxide, mineral oil), SQM Iron (Iron polysaccharide complex, silicon dioxide, mineral oil), SQM Manganese (Manganese polysaccharide complex, silicon dioxide, mineral oil), SQM Copper (Copper polysaccharide complex, silicon dioxide, mineral oil), và các chất mang (bột đá và dầu khoáng). - Chỉ tiêu chất lượng: Zn: 4,7 - 5,3 %; Fe: 5,7 - 6,3 %; Mn: 1,8 - 2,2 %; Cu: 0,55 - 0,65 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 5,0$ ppm; E. coli < 3 MPN/g; Salmonella không có trong 25 g.	Bổ sung premix khoáng hữu cơ (kẽm, sắt, mangan, đồng) trong thức ăn chăn nuôi lợn.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	Kenpal Farm Products Inc., Canada	Canada	10/2018
687	Novitech MN	17-3/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: 100% chiết xuất từ thành tế bào nấm men Saccharomyces cerevisiae. - Chỉ tiêu chất lượng: Beta-glucan $\geq 20,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 20,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 200,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung Beta-glucan trong thức ăn cho gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa của vật nuôi.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	Innov AD NV.	Belgium	03/2020
688	Choline Chloride 50 % Silica powder	38-3/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Choline Chloride và chất mang (Silica). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 2,0$ %; Choline Chloride $\geq 50,0$ %; Choline $\geq 37,25$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm.	Bổ sung Choline Chloride trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng hạt nhỏ mịn, màu trắng.	Taian Havay Chemicals Co, Ltd.	China	03/2020
689	Choline Chloride 60 % powder	39-3/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Choline Chloride và chất mang (Bột lõi ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 2,0$ %; Choline Chloride $\geq 60,0$ %; Choline $\geq 44,7$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm.	Bổ sung Choline Chloride trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng hạt nhỏ mịn, màu vàng nhạt đến nâu.	Taian Havay Chemicals Co, Ltd.	China	03/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
690	Choline Chloride 75 % liquid	40-3/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Choline Chloride và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 2,0$ %, Choline Chloride $\geq 75,0$ %; Choline $\geq 55,88$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm.	Bổ sung Choline Chloride trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, không màu.	Taian Havay Chemicals Co, Ltd.	China	03/2020
691	Smizyme Xylanase	32-3/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Enzyme Xylanase và chất mang (tinh bột ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Xylanase $\geq 10.000,0$ U/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli ≤ 10 CFU/g; As $\leq 3,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung enzyme Xylanase tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng hạt, màu hơi vàng hoặc trắng.	Beijing Smile Feed Sci & Tech. Co, Ltd.	China	03/2020
692	Smizyme Cellulase	33-3/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Enzyme Cellulase và chất mang (tinh bột ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Cellulase $\geq 3.000,0$ U/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli ≤ 10 CFU/g; As $\leq 3,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung enzyme Cellulase tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng hạt, màu hơi vàng hoặc trắng.	Beijing Smile Feed Sci & Tech. Co, Ltd.	China	03/2020
693	Smizyme Mannanase	34-3/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Enzyme Mannanase và chất mang (tinh bột ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Mannanase $\geq 10.000,0$ U/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli ≤ 10 CFU/g; As $\leq 3,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung enzyme Mannanase tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng hạt, màu hơi vàng hoặc trắng.	Beijing Smile Feed Sci & Tech. Co, Ltd.	China	03/2020
694	Smizyme compound for layers	35-3/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các Enzyme (Xylanase, Glucannase, Cellulase, Mannanase, Pectinase, Amylase, acid Protease) và chất mang (tinh bột ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Xylanase $\geq 1.400,0$ U/g; Protease $\geq 400,0$ U/g; Alpha-amylase $\geq 200,0$ U/g; Cellulase $\geq 50,0$ U/g; Beta-glucanase $\geq 600,0$ U/g; Mannanase $\geq 20,0$ U/g; Pectinase $\geq 40,0$ U/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli ≤ 10 CFU/g; As $\leq 3,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung các enzyme tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi gia cầm đẻ trứng.	Dạng bột, màu hơi vàng hoặc trắng.	Beijing Smile Feed Sci & Tech. Co, Ltd.	China	03/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
695	Smizyme compound for piglets	36-3/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các Enzyme (Xylanase, Glucannase, Mannanase, Pectinase, Amylase, acid Protease) và chất mang (tinh bột ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Xylanase $\geq 800,0$ U/g; Protease $\geq 2.000,0$ U/g; Alpha-amylase $\geq 500,0$ U/g; Beta-glucanase $\geq 400,0$ U/g; Mannanase $\geq 60,0$ U/g; Pectinase $\geq 40,0$ U/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli ≤ 10 CFU/g; As $\leq 3,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung các enzyme tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi lợn con.	Dạng bột, màu hơi vàng hoặc trắng.	Beijing Smile Feed Sci & Tech. Co, Ltd.	China	03/2020
696	Smizyme compound for growing and finishing pigs	37-3/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các Enzyme (Xylanase, Glucannase, Cellulase, Pectinase) và chất mang (tinh bột ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Xylanase $\geq 1600,0$ U/g; Cellulase $\geq 60,0$ U/g; Beta-glucanase $\geq 400,0$ U/g; Pectinase $\geq 40,0$ U/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli ≤ 10 CFU/g; As $\leq 3,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung các enzyme tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi lợn sinh trưởng và vỗ béo.	Dạng bột, màu hơi vàng hoặc trắng.	Beijing Smile Feed Sci & Tech. Co, Ltd.	China	03/2020
697	Vitamin E 50 %	13-3/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin E acetate và chất mang (Silicon Dioxide). - Chỉ tiêu chất lượng: Vitamin E acetate $\geq 50,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 2,0$ ppm.	Bổ sung vitamin E acetate trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	Zhejiang NVB Company Ltd.	China	03/2020
698	Vitamin AD3 1000/200	14-3/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin A acetate, Vitamin D3, Glucose, Sodium acetate, chất chống oxy hóa (Ethoxyquin), phụ gia và chất mang (gelatin, silicon dioxide, tinh bột ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Vitamin A acetate $\geq 1.000.000,0$ IU/g; Vitamin D3 $\geq 200.000,0$ IU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 2,0$ ppm.	Bổ sung các vitamin A acetate, vitamin D3 trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu vàng đến nâu nhạt.	Zhejiang NVB Company Ltd.	China	03/2020
699	Vitamin D3 500	15-3/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin D3, Sucrose, Maltodextrin, chất chống bảo quản (BHT), phụ gia và chất mang (gelatin, silicon dioxide, tinh bột ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Vitamin D3 $\geq 500.000,0$ IU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 2,0$ ppm.	Bổ sung vitamin D3 trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu vàng.	Zhejiang NVB Company Ltd.	China	03/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
700	Vitamin A Acetate 1000	16-3/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin A Acetate, Glucose, Sodium Acetate, chất chống oxi hóa (Ethoxyquin), phụ da và chất mang (gelatin, silicon dioxide, tinh bột ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Vitamin A acetate $\geq 1.000.000,0$ IU/g. - <u>Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 2,0$ ppm.</u>	Bổ sung vitamin A acetate trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng đến nâu.	Zhejiang NVB Company Ltd., China	China	03/2020
701	FolicoF HP	52-3/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sodium selenite, chất chống vón (Sepiolite), chất chống oxi hóa (Ethoxyquin), chất tạo mùi (chiết xuất từ đậu tương, nho) và chất mang (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 5,0$ %; Selen (Se): 36,0 - 44,0 mg/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; <u>Hg $\leq 0,05$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm.</u>	Bổ sung Selen trong thức ăn chăn nuôi lợn nái mang thai.	Dạng bột, màu trắng.	IDENA (Innovation Développement En Nutrition Animale).	France	03/2020
702	Pontiplus	53-3/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Mn-Glycine Chelate, Zn-Glycine Chelate, Manganese sulfate, chất chống vón (Sepiolite), chất tạo mùi (chiết xuất từ cỏ cari - fenugreek extract), và chất mang (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 4,0$ %; Mangan (Mn): 3.375,0 - 4.125,0 mg/kg; Kẽm (Zn): 1.350,0 - 1.650,0 mg/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; <u>Hg $\leq 0,05$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm.</u>	Bổ sung Mangan và Kẽm trong thức ăn chăn nuôi gia cầm đẻ trứng.	Dạng bột, màu hơi sẫm.	IDENA (Innovation Développement En Nutrition Animale).	France	03/2020
703	Vali MP HP	54-3/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Mn-glycine chelate, Manganese sulfate, chất tạo mùi (chiết xuất từ táo biển) và chất mang (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 2,0$ %; Mangan (Mn): 9.135,0 - 11.165,0 mg/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; <u>Hg $\leq 0,05$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm.</u>	Bổ sung Mangan trong thức ăn chăn nuôi lợn sinh trưởng và vỗ béo.	Dạng bột, màu trắng.	IDENA (Innovation Développement En Nutrition Animale).	France	03/2020
704	Lutavit E 50	02-3/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin E acetate (DL-Alpha-Tocopheryl Acetate) và chất mang (Colloidal silica). - Chỉ tiêu chất lượng: Vitamin E acetate $\geq 50,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; <u>Hg $\leq 0,1$ ppm.</u>	Bổ sung Vitamin E acetate trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	BASF SE.	Germany	03/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
705	Lutavit E 50S	03-3/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin E acetate (DL-Alpha-Tocopheryl Acetate) và các chất mang (sản phẩm từ sữa và gelatin). - Chỉ tiêu chất lượng: Vitamin E acetate $\geq 50,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung Vitamin E acetate trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	BASF SE.	Germany	03/2020
706	Lutavit A 1000 Plus	04-3/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin A acetate (retinyl acetate) và các chất mang (gelatin và carbohydrates). - Chỉ tiêu chất lượng: Vitamin A acetate $\geq 1.000.000,0$ IU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung Vitamin A acetate trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu.	BASF SE.	Germany	03/2020
707	Lutavit A 500S	05-3/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin A acetate (retinyl acetate), chất chống oxy hóa (Ethoxyquin) và các chất mang (sản phẩm từ sữa và gelatin). - Chỉ tiêu chất lượng: Vitamin A acetate $\geq 500.000,0$ IU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung Vitamin A acetate trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng.	BASF SE.	Germany	03/2020
708	Prime Cal	12-3/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Microcrystall hydroxyapatite complex (MCHC), Vitamin D3, phụ gia và chất mang (Crospovidone XL, tinh bột ngô, Colloidal silicon dioxide, Magnesium stearate, Sodium lauryl sulphate, Hydrogenated castor oil, HPMC E 15, Titanium dioxide, Propylene glycol, PEG 600, Purified talc, Iso propyl alcohol, chất tạo màu và nước). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 viên = 1,9032 g): Độ ẩm $\leq 5,0$ %; Protein $\geq 25,0$ %; Collagen $\geq 12,0$ %; Canxi (Ca): 450,0 - 550,0 mg; Phốt pho (P): 198,0 - 242,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g, E. coli < 10 CFU/g.	Bổ sung chất dinh dưỡng và khoáng trong thức ăn chó mèo.	Dạng viên, màu vàng nhạt.	Fredun Pharmaceuticals Limited.	India	03/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
709	Cheese ball	18-3/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Pho mát, tinh bột ngô, Trehalose, bột sữa, gelatin, bơ thực vật, hương pho mai. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 35,0$ %; Protein $\geq 3,0$ %; Béo thô $\geq 0,6$ %; Xơ thô $\leq 4,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 8,0$ %; Lysine $\geq 0,3$ %; Caxi (Ca): 0,03 - 1,0 %; Phốt pho (P): 0,2 - 3,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E.coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Hg < 0,4 ppm.	Thức ăn hỗn hợp cho chó ở mọi lứa tuổi.	Dạng viên, màu vàng nhạt.	Bowwow Korea.	Korea	03/2020
710	Cheese Roll Chicken	19-3/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Cá, thịt gà, pho mát, bột mỳ, đường, protein từ đậu tương, sobitol, gluten mỳ. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 35,0$ %; Protein $\geq 15,0$ %; Béo thô $\geq 0,7$ %; Xơ thô $\leq 3,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 6,0$ %; Lysine $\geq 0,3$ %; Caxi (Ca): 0,03 - 1,0 %; Phốt pho (P): 0,2 - 3,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E.coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp cho chó ở mọi lứa tuổi.	Dạng thanh dài, màu đỏ.	Bowwow Korea.	Korea	03/2020
711	Lamb Jerky	20-3/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt cừu, cá, bột mỳ, chất xơ từ đậu tương, đường, sobitol, gluten mỳ. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 35,0$ %; Protein $\geq 15,0$ %; Béo thô $\geq 3,0$ %; Xơ thô $\leq 5,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 6,0$ %; Lysine $\geq 0,3$ %; Caxi (Ca): 0,03 - 1,0 %; Phốt pho (P): 0,2 - 2,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E.coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Hg < 0,4 ppm.	Thức ăn hỗn hợp cho chó ở mọi lứa tuổi.	Dạng thanh dài, màu nâu đỏ.	Bowwow Korea.	Korea	03/2020
712	Beef Jerky	21-3/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt bò, cá, bột mỳ, chất xơ từ đậu tương, đường, sobitol, gluten mỳ. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 35,0$ %; Protein $\geq 15,0$ %; Béo thô $\geq 3,0$ %; Xơ thô $\leq 5,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 6,0$ %; Lysine $\geq 0,3$ %; Caxi (Ca): 0,03 - 1,0 %; Phốt pho (P): 0,2 - 2,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Hg < 0,4 ppm.	Thức ăn hỗn hợp cho chó ở mọi lứa tuổi.	Dạng thanh dài, màu nâu đỏ.	Bowwow Korea.	Korea	03/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
713	Mixed Snack	22-3/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Cá, thịt gà, cá hồi, bột mì, chất xơ từ đậu tương, đường, sobitol, gluten mì. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 35,0\%$; Protein $\geq 15,0\%$; Béo thô $\geq 0,7\%$; Xơ thô $\leq 3,0\%$; Khoáng tổng số $\leq 6,0\%$; Lysine $\geq 0,3\%$; Caxi (Ca): 0,03 - 1,0 %; Phốt pho (P): 0,2 - 3,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E.coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp cho chó ở mọi lứa tuổi.	Dạng hình trụ, nhiều màu.	Bowwow Korea.	Korea	03/2020
714	Mixed Sandwich	23-3/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Cá, thịt gà, cá hồi, pho mát, bột mì, chất xơ từ đậu tương, protein đậu tương, đường, sobitol, gluten mì. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 35,0\%$; Protein $\geq 15,0\%$; Béo thô $\geq 0,7\%$; Xơ thô $\leq 3,0\%$; Khoáng tổng số $\leq 6,0\%$; Lysine $\geq 0,3\%$; Caxi (Ca): 0,03 - 1,0 %; Phốt pho (P): 0,2 - 3,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E.coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp cho chó ở mọi lứa tuổi.	Dạng hình khối, nhiều màu.	Bowwow Korea.	Korea	03/2020
715	Lamb Cheese Sand	24-3/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt cừu, cá, pho mát, bột mì, xơ từ đậu tương, protein đậu tương, đường, sobitol, gluten mì, bột gia vị thịt bò. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 35,0\%$; Protein $\geq 18,0\%$; Béo thô $\geq 3,0\%$; Xơ thô $\leq 4,0\%$; Khoáng tổng số $\leq 6,0\%$; Lysine $\geq 0,3\%$; Caxi (Ca): 0,03 - 1,0 %; Phốt pho (P): 0,2 - 3,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E.coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp cho chó ở mọi lứa tuổi.	Dạng hình khối, màu nâu đậm và trắng.	Bowwow Korea.	Korea	03/2020
716	Cheese Sausage	25-3/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Cá, bột mì, tinh bột ngô, lòng trắng trứng, pho mát, protein đậu tương, đường, sobitol, muối. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 65,0\%$; Protein $\geq 3,0\%$; Béo thô $\geq 0,6\%$; Xơ thô $\leq 4,0\%$; Khoáng tổng số $\leq 8,0\%$; Lysine $\geq 0,3\%$; Caxi (Ca): 0,03 - 1,0 %; Phốt pho (P): 0,2 - 3,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E.coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp cho chó ở mọi lứa tuổi.	Dạng hình tròn dài, màu vàng nhạt.	Bowwow Korea.	Korea	03/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
717	Chicken Long Stick	26-3/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Cá, thịt gà, pho mát, bột mỳ, đường, protein đậu tương, sobitol, gluten mỳ. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 35,0\%$; Protein $\geq 15,0\%$; Béo thô $\geq 0,7\%$; Xơ thô $\leq 3,0\%$; Khoáng tổng số $\leq 6,0\%$; Lysine $\geq 0,3\%$; Caxi (Ca): 0,03 - 1,0 %; Phốt pho (P): 0,2 - 3,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E.coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp cho chó ở mọi lứa tuổi.	Dạng thanh tròn dài, màu đỏ nhạt.	Bowwow Korea.	Korea	03/2020
718	Carrot Long Stick	27-3/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Cá, thịt gà, pho mát, cà rốt, bột mỳ, đường, protein đậu tương, sobitol, gluten mỳ. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 35,0\%$; Protein $\geq 15,0\%$; Béo thô $\geq 0,7\%$; Xơ thô $\leq 3,0\%$; Khoáng tổng số $\leq 6,0\%$; Lysine $\geq 0,3\%$; Caxi (Ca): 0,03 - 1,0 %; Phốt pho (P): 0,2 - 3,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E.coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp cho chó ở mọi lứa tuổi.	Dạng thanh tròn dài, màu đỏ nhạt.	Bowwow Korea.	Korea	03/2020
719	Spinack Long Stick	28-3/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Cá, thịt gà, pho mát, rau bina, bột mỳ, đường, protein đậu tương, sobitol, gluten mỳ. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 35,0\%$; Protein $\geq 15,0\%$; Béo thô $\geq 0,7\%$; Xơ thô $\leq 3,0\%$; Khoáng tổng số $\leq 6,0\%$; Lysine $\geq 0,3\%$; Caxi (Ca): 0,03 - 1,0 %; Phốt pho (P): 0,2 - 3,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E.coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp cho chó ở mọi lứa tuổi.	Dạng thanh tròn dài, màu xanh nhạt.	Bowwow Korea.	Korea	03/2020
720	Strawberry Long Stick	29-3/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Cá, thịt gà, pho mát, dâu tây, bột mỳ, đường, protein đậu tương, sobitol, gluten mỳ. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 35,0\%$; Protein $\geq 15,0\%$; Béo thô $\geq 0,7\%$; Xơ thô $\leq 3,0\%$; Khoáng tổng số $\leq 6,0\%$; Lysine $\geq 0,3\%$; Caxi (Ca): 0,03 - 1,0 %; Phốt pho (P): 0,2 - 3,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E.coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp cho chó ở mọi lứa tuổi.	Dạng thanh tròn dài, màu hồng nhạt.	Bowwow Korea.	Korea	03/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
721	Salmon Long Stick	30-3/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Cá, cá hồi, pho mát, bột mỳ, đường, protein đậu tương, sobitol, gluten mỳ. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 35,0\%$; Protein $\geq 15,0\%$; Béo thô $\geq 0,7\%$; Xơ thô $\leq 3,0\%$; Khoáng tổng số $\leq 6,0\%$; Lysine $\geq 0,3\%$; Caxi (Ca): 0,03 - 1,0 %; Phốt pho (P): 0,2 - 3,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E.coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp cho chó ở mọi lứa tuổi.	Dạng thanh tròn dài, màu đỏ nhạt.	Bowwow Korea.	Korea	03/2020
722	Ham Long Stick	31-3/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Cá, thịt lợn, thịt xay, pho mát, bột mỳ, đường, protein đậu tương, sobitol, gluten mỳ, gia vị giảm bồng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 35,0\%$; Protein $\geq 15,0\%$; Béo thô $\geq 0,7\%$; Xơ thô $\leq 3,0\%$; Khoáng tổng số $\leq 6,0\%$; Lysine $\geq 0,3\%$; Caxi (Ca): 0,03 - 1,0 %; Phốt pho (P): 0,2 - 3,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E.coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp cho chó ở mọi lứa tuổi.	Dạng thanh tròn dài, màu nâu đỏ nhạt.	Bowwow Korea.	Korea	03/2020
723	PIF Chrome 0,12	11-3/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chromium picolinate và chất mang (Bột đá, Kaolin). - Chỉ tiêu chất lượng: Crôm (Cr): 0,12 - 0,13%. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 40,0$ ppm; Cd $\leq 50,0$ ppm; Pb $\leq 30,0$ ppm; Hg $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung Crôm hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu hồng nhạt đến xám.	Samjo Life Science Co, Ltd.	Korea	03/2020
724	Neubacid Soft FL + Dry	06-3/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các axit hữu cơ (Formic, Lactic), chất phụ gia (Sodium Lignosulphonate) và chất mang (Silica). - Chỉ tiêu chất lượng: Axit Formic $\geq 18,0\%$; Axit Lactic $\geq 16,0\%$ - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung các axit hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm để kiểm soát độ pH của thức ăn trong quá trình bảo quản.	Dạng bột, màu be đến nâu.	Brenntag Polska Sp. z o.o.	Poland	03/2020
725	Neubacid Soft IV + Dry	07-3/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit hữu cơ (Formic, Propionic), chất phụ gia (Sodium Lignosulphonate) và chất mang (Silica). - Chỉ tiêu chất lượng: Axit Formic $\geq 29,0\%$; Axit Propionic $\geq 7,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung các axit hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm để kiểm soát độ pH của thức ăn trong quá trình bảo quản.	Dạng bột, màu be đến nâu.	Brenntag Polska Sp. z o.o.	Poland	03/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
726	Neubacid Soft P + Dry	08-3/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit Propionic, chất phụ gia (Sodium Lignosulphonate) và chất mang (Silica). - Chỉ tiêu chất lượng: Axit Propionic $\geq 39,6\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung các axit hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm để kiểm soát độ pH của thức ăn trong quá trình bảo quản.	Dạng bột, màu be.	Brenntag Polska Sp. z o.o.	Poland	03/2020
727	PA Powder	55-3/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit Propionic, Ammonium propionate và chất mang (bột lõi ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Axit Propionic $\geq 40,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung hỗn hợp axit hữu cơ và muối của axit hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm kiểm soát sự phát triển của nấm mốc.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	P.V.T. Manufacturing Co, Ltd.	Thailand	03/2020
728	PH Powder	56-3/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit Propionic, Ammonium propionate và chất mang (bột lõi ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Axit Propionic $\geq 33,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung hỗn hợp axit hữu cơ và muối của axit hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm kiểm soát sự phát triển của nấm mốc.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	P.V.T. Manufacturing Co, Ltd.	Thailand	03/2020
729	Vistabet 91	57-3/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Betaine anhydrous và chất chống vón (Calcium stearate). - Chỉ tiêu chất lượng: Betaine $\geq 91,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g; As $< 1,0$ ppm; Cd $< 2,0$ ppm; Pb $< 5,0$ ppm; Hg $< 0,1$ ppm.	Bổ sung Betaine trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng nhạt đến trắng.	The Amalgamated Sugar Company LLC.	USA	03/2020
730	Timothy Hay	41-3/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Cỏ Timothy khô (độ ẩm $\leq 12,0\%$). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong vật chất khô): Protein $\geq 10,0\%$; ADF $\leq 37,0\%$; NDF $\leq 55,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g.	Cỏ Timothy khô dùng làm thức ăn cho gia súc.	Dạng thô, màu xanh.	Andreson Hay and Grain Co, Inc.	USA	03/2020
731	Oat Hay	42-3/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Cỏ yến mạch khô (độ ẩm $\leq 12,0\%$). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong vật chất khô): Protein $\geq 10,0\%$; ADF $\leq 32,0\%$; NDF $\leq 50,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g.	Cỏ yến mạch khô dùng làm thức ăn cho gia súc.	Dạng thô, màu xanh.	Andreson Hay and Grain Co, Inc.	USA	03/2020
732	Sudan Hay	43-3/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Cỏ Sudan khô (độ ẩm $\leq 12,0\%$). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong vật chất khô): Protein $\geq 6,0\%$; ADF $\leq 46,0\%$; NDF $\leq 78,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g.	Cỏ Sudan khô dùng làm thức ăn cho gia súc.	Dạng thô, màu xanh.	Andreson Hay and Grain Co, Inc.	USA	03/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
733	Teff Grass	44-3/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Cỏ Teff khô (độ ẩm $\leq 12,0$ %). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong vật chất khô): Protein $\geq 12,0$ %; ADF $\leq 34,0$ %; NDF $\leq 54,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g.	Cỏ Teff khô dùng làm thức ăn cho gia súc.	Dạng thô, màu xanh.	Andreson Hay and Grain Co, Inc.	USA	03/2020
734	Bermuda Grass	45-3/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Cỏ Bermuda khô (độ ẩm $\leq 12,0$ %). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong vật chất khô): Protein $\geq 7,0$ %; ADF $\leq 40,0$ %; NDF $\leq 65,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g.	Cỏ Bermuda khô dùng làm thức ăn cho gia súc.	Dạng thô, màu xanh.	Andreson Hay and Grain Co, Inc.	USA	03/2020
735	Rhodes Grass	46-3/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Cỏ Rhodes khô (độ ẩm $\leq 12,0$ %). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong vật chất khô): Protein $\geq 10,0$ %; ADF $\leq 32,0$ %; NDF $\leq 57,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g.	Cỏ Rhodes khô dùng làm thức ăn cho gia súc.	Dạng thô, màu xanh.	Andreson Hay and Grain Co, Inc.	USA	03/2020
736	Ryegrass Straw	47-3/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Rơm Ryegrass (độ ẩm $\leq 12,0$ %). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong vật chất khô): Protein $\geq 5,0$ %; ADF $\leq 44,0$ %; NDF $\leq 70,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g.	Rơm Ryegrass dùng làm thức ăn cho gia súc.	Dạng thô, màu vàng.	Andreson Hay and Grain Co, Inc.	USA	03/2020
737	Orchard Straw	48-3/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Rơm Orchard (độ ẩm $\leq 12,0$ %). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong vật chất khô): Protein $\geq 6,0$ %; ADF $\leq 49,0$ %; NDF $\leq 76,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g.	Rơm Orchard dùng làm thức ăn cho gia súc.	Dạng thô, màu vàng đến xanh.	Andreson Hay and Grain Co, Inc.	USA	03/2020
738	Fescue Straw	49-3/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Rơm Fescue (độ ẩm $\leq 12,0$ %). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong vật chất khô): Protein $\geq 6,0$ %; ADF $\leq 47,0$ %; NDF $\leq 75,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g.	Rơm Fescue dùng làm thức ăn cho gia súc.	Dạng thô, màu vàng đến xanh.	Andreson Hay and Grain Co, Inc.	USA	03/2020
739	Wheat Straw	50-3/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Rơm lúa mỳ (độ ẩm $\leq 12,0$ %). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong vật chất khô): Protein $\geq 4,0$ %; ADF $\leq 55,0$ %; NDF $\leq 75,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g.	Rơm lúa mỳ dùng làm thức ăn cho gia súc.	Dạng thô, màu vàng.	Andreson Hay and Grain Co, Inc.	USA	03/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
740	Oat Straw	51-3/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Rơm yến mạch (độ ẩm $\leq 12,0\%$). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong vật chất khô): Protein $\geq 3,0\%$; ADF $\leq 55,0\%$; NDF $\leq 75,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g.	Rơm yến mạch dùng làm thức ăn cho gia súc.	Dạng thô, màu vàng đến xanh nhạt.	Andreson Hay and Grain Co, Inc.	USA	03/2020
741	Vistabet 96	09-3/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Betaine anhydrous và chất chống vón (Calcium stearate). - Chỉ tiêu chất lượng: Betaine $\geq 96,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g; As $< 1,0$ ppm; Cd $< 2,0$ ppm; Pb $< 5,0$ ppm; Hg $< 0,1$ ppm.	Bổ sung Betaine trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	The Amalgamated Sugar Company LLC.	USA	03/2020
742	Vistabet Liquid	10-3/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Betaine, chiết xuất từ củ cải đường (Beta vulgaris) và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng: Betaine $\geq 34,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g; As $< 1,0$ ppm; Cd $< 2,0$ ppm; Pb $< 5,0$ ppm; Hg $< 0,1$ ppm.	Bổ sung Betaine trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu nâu nhạt.	The Amalgamated Sugar Company LLC.	USA	03/2020
743	Betafin LQD	01-3/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Betaine, chiết xuất từ củ cải đường và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng: Betaine $\geq 47,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung Betaine trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu nâu.	The Western Sugar Cooperative, USA. (Sản xuất cho Danisco Animal Nutrition)	USA	03/2020
744	ANCID Perfect	229-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ammonium formate, axit Formic, Sodium butyrate và chất mang (bột rau diếp xoắn). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Axit Formic $\geq 179.000,0$ mg; Axit Butyric $\geq 175.000,0$ mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $< 50,0$ ppm; As $< 12,0$ ppm; Cd $< 10,0$ ppm; Hg $< 0,5$ ppm.	Bổ sung hỗn hợp axit hữu cơ thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu	Animal Nutrition Development Group S.L.	Spain	06/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
745	REPROPIX taste	230-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin (A, D3, E, niacin), Glycerol, 1.2 propanodiol (monopropylen glycol), Calcium propionate, Cobalt sulphate; Alfa tocopherol và chất mang (bột đá) - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Glycerol $\geq$ 214.500,0 mg; Vitamin A $\geq$ 84.000,0 IU; Vitamin D3 $\geq$ 16.800,0 IU; Vitamin E $\geq$ 275,0 mg; Niacin $\geq$ 150,0 mg; 1.2 propanodiol (monopropylen glycol) $\geq$ 61.425,0 mg; Alfa tocopherol $\geq$ 250,0 mg; Cobalt (Co): 370,0 - 375,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $<$ 50,0 ppm; As $<$ 12,0 ppm; Cd $<$ 10,0 ppm; Hg $<$ 0,5 ppm.	Bổ sung năng lượng, vitamin và khoáng trong thức ăn cho bò giai đoạn trước và sau khi sinh.	Dạng bột, màu vàng nhạt	Animal Nutrition Development Group S.L.	Spain	06/2020
746	Me-O Canned Cat Food Sardines With Chicken	222-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Cá mòi, thịt gà, chất kết dính (Luxara 425-10, Luxara 6995 S), chất tạo màu (Canthaxanthin 10% powder), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq$ 84,0 %; Protein $\geq$ 10,0 %; Năng lượng trao đổi $\geq$ 530,0 Kcal/kg; Béo $\geq$ 1,5 %; Xơ $\leq$ 1,0 %; Khoáng tổng số $\leq$ 5,0 %; Lysine $\geq$ 0,55 %; Methionine + Cystine $\geq$ 0,15 %; Canxi: 0,6 - 2,5 %; Phốtpho: 0,5 - 1,6 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E coli không phát hiện trong 1 g; Pb $\leq$ 5,0 ppm; As $\leq$ 2,0 ppm; Cd $\leq$ 2,0 ppm; Hg $\leq$ 0,33 ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho mèo.	Dạng lỏng, màu đỏ hồng nhạt.	Pattani Food Industries Co, Ltd.	Thailand	06/2020
747	Me-O Canned Cat Food Sardines With Crabmeat	223-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Cá mòi, thịt cua, chất kết dính (Luxara 425-10, Luxara 6995 S), chất tạo màu (Canthaxanthin 10% powder), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq$ 84,0 %; Protein $\geq$ 10,0 %; Năng lượng trao đổi $\geq$ 530,0 Kcal/kg; Béo $\geq$ 1,5 %; Xơ $\leq$ 1,0 %; Khoáng tổng số $\leq$ 5,0 %; Lysine $\geq$ 0,55 %; Methionine + Cystine $\geq$ 0,15 %; Canxi: 0,6 - 2,5 %; Phốtpho: 0,5 - 1,6 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E coli không phát hiện trong 1 g; Pb $\leq$ 5,0 ppm; As $\leq$ 2,0 ppm; Cd $\leq$ 2,0 ppm; Hg $\leq$ 0,33 ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho mèo.	Dạng lỏng, màu đỏ hồng nhạt.	Pattani Food Industries Co, Ltd.	Thailand	06/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
748	Me-O Canned Cat Food Sardines With Salmon	224-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Cá mòi, cá hồi, chất kết dính (Luxara 425-10, Luxara 6995 S), chất tạo màu (Canthaxanthin 10% powder), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 84,0$ %; Protein $\geq 10,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 530,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 1,5$ %; Xơ $\leq 1,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 5,0$ %; Lysine $\geq 0,55$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,15$ %; Canxi: 0,6 - 2,5 %; Phốtpho: 0,5 - 1,6 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E coli không phát hiện trong 1 g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,33$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho mèo.	Dạng lỏng, màu đỏ hồng nhạt.	Pattani Food Industries Co, Ltd.	Thailand	06/2020
749	Me-O Canned Cat Food Tuna And Chunky Sardines	225-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Cá mòi, cá hồi, chất kết dính (Iron oxide RB-3297), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 84,0$ %; Protein $\geq 10,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 530,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 2,0$ %; Xơ $\leq 1,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 5,0$ %; Lysine $\geq 0,55$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,15$ %; Canxi: 0,6 - 2,5 %; Phốtpho: 0,5 - 1,6 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E coli không phát hiện trong 1 g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,33$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho mèo.	Dạng lỏng, màu đỏ hồng nhạt.	Pattani Food Industries Co, Ltd.	Thailand	06/2020
750	Me-O Canned Cat Food Pilchard In Prawn Jelly	226-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Cá mòi, chất kết dính (Luxara 425-10, Luxara 6995 S), chất tạo màu (Canthaxanthin 10% powder), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 84,0$ %; Protein $\geq 10,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 530,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 2,0$ %; Xơ $\leq 1,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 5,0$ %; Lysine $\geq 0,55$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,15$ %; Canxi: 0,6 - 2,5 %; Phốtpho: 0,5 - 1,6 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E coli không phát hiện trong 1 g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,33$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho mèo.	Dạng lỏng, màu đỏ hồng nhạt.	Pattani Food Industries Co, Ltd.	Thailand	06/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
751	Me-O Canned Cat Food Tuna In Jelly	227-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Cá ngừ, thịt gà, chất kết dính (Luxara 425-10, Luxara 6995 S), chất tạo màu (Canthaxanthin 10% powder), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 84,0$ %; Protein $\geq 10,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 530,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 2,0$ %; Xơ $\leq 1,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 5,0$ %; Lysine $\geq 0,55$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,15$ %; Canxi: 0,6 - 2,5 %; Phốtpho: 0,5 - 1,6 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E coli không phát hiện trong 1 g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,33$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho mèo.	Dạng lỏng, màu đỏ hồng nhạt.	Pattani Food Industries Co, Ltd.	Thailand	06/2020
752	Me-O Canned Cat Food Seafood Platter In Prawn Jelly	228-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Cá, chất kết dính (Luxara 425-10, Luxara 6995 S), chất tạo màu (Canthaxanthin 10% powder), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 84,0$ %; Protein $\geq 10,0$ %; Năng lượng trao đổi (ME) $\geq 530,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 2,0$ %; Xơ $\leq 1,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 5,0$ %; Lysine $\geq 0,55$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,15$ %; Canxi: 0,6 - 2,5 %; Phốtpho: 0,5 - 1,6 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E coli không phát hiện trong 1 g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,33$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho mèo.	Dạng lỏng, màu hồng nhạt.	Pattani Food Industries Co, Ltd.	Thailand	06/2020
753	Powerzyme 100	220-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp vi sinh vật (Bacillus subtilis, Bacillus Licheniformis) và chất mang (bột ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 11,0$ %; Bacillus subtilis $\geq 1,0 \times 10^9$ CFU/g; Bacillus Licheniformis $\geq 1,0 \times 10^9$ CFU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm.	Bổ sung các vi sinh vật có lợi trong thức ăn cho gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	B & B Korea Co, Ltd.	Korea	06/2020
754	Powerzyme 250	221-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vi sinh vật có lợi (Bacillus subtilis) và chất mang (bột ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 11,0$ %; Bacillus subtilis $\geq 2,5 \times 10^{10}$ CFU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm.	Bổ sung vi sinh vật có lợi trong thức ăn cho gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	B & B Korea Co, Ltd., Korea.	Korea	06/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
755	Enramycin 4%	215-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Enramycin và chất mang (cám gạo). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Enramycin: 3,6 - 4,4 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: $Pb \leq 20,0$ ppm; $As \leq 4,0$ ppm.	Bổ sung kháng sinh Enramycin trong thức ăn cho gia súc, gia cầm nhằm tăng khả năng sinh trưởng vật nuôi.	Dạng bột, màu xám hoặc nâu sẫm.	Anji Fengmu Veterinary Drugs Co, Ltd.	China	06/2020
756	Enramycin 8%	216-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Enramycin và chất mang (cám gạo). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Enramycin: 7,2 - 8,8 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: $Pb \leq 20,0$ ppm; $As \leq 4,0$ ppm.	Bổ sung kháng sinh Enramycin trong thức ăn cho gia súc, gia cầm nhằm tăng khả năng sinh trưởng vật nuôi.	Dạng bột, màu xám hoặc nâu nhạt.	Anji Fengmu Veterinary Drugs Co, Ltd.	China	06/2020
757	Colistin Sulphate 10%	217-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Colistin sulphate và chất mang (tinh bột). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Colistin: 9,0 - 11,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: $Pb \leq 20,0$ ppm; $As \leq 2,0$ ppm.	Bổ sung kháng sinh Colistin trong thức ăn cho gia súc, gia cầm nhằm tăng khả năng sinh trưởng vật nuôi.	Dạng bột hoặc hạt nhỏ mịn, màu trắng hoặc trắng nhạt.	Anji Fengmu Veterinary Drugs Co, Ltd.	China	06/2020
758	Amoxicillin 10%	218-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Amoxicillin trihydrate và chất mang (tinh bột). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 8,0$ %; Amoxicillin: 9,0 - 11,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: $Pb \leq 20,0$ ppm; $As \leq 2,0$ ppm.	Bổ sung kháng sinh Amoxicillin trong thức ăn cho gia súc, gia cầm nhằm tăng khả năng sinh trưởng vật nuôi.	Dạng bột, màu trắng hoặc trắng nhạt.	Anji Fengmu Veterinary Drugs Co, Ltd.	China	06/2020
759	Chlortetracycline 15%	219-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chlortetracycline và chất mang (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 8,0$ %; Chlortetracycline: 13,5 - 16,5 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: $Pb \leq 20,0$ ppm; $As \leq 2,0$ ppm.	Bổ sung kháng sinh Chlortetracycline trong thức ăn cho gia súc, gia cầm nhằm tăng khả năng sinh trưởng vật nuôi.	Dạng bột hoặc hạt nhỏ mịn, màu nâu đến nâu đậm.	Anji Fengmu Veterinary Drugs Co, Ltd.	China	06/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
760	Pro-Mac Poultry	214-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit hữu cơ (Formic; Acetic; Lactic, Sorbic, Propionic, Citric acid monohydrate), Axit phosphoric, các vitamin (B1, B2, B3, B5, B6; B11, B12), Axit amin (L-Lysine, DL-Methionine, L-Threonine, L-Tryptophan), Magnesium chloride hexahydrate, Manganese chloride tetrahydrate, Copper chelate, Zinc chelate, Sodium iodide, Sodium selenite, Cobalt chloride, Ethanol, Choline chloride, Zinc chloride, Monopropylene glycol, Glucose, Ammonium formate, Calcium chloride và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Axit Formic: 230,0 - 270,0 g; Axit Propionic: 2,4 - 2,8 g; Axit Acetic: 9,0 - 11,0 g; Axit Lactic: 140,0 - 160,0 g; Axit Citric: 4,5 - 5,5 g; Axit Sorbic: 230,0 - 270,0 mg; Axit Phosphoric: 1,1 - 1,5 g; Magiê: 0,9 - 1,1 g; Kẽm: 1,2 - 1,6 g; Đồng: 270,0 - 310,0 mg; Mangan: 200,0 - 240,0 mg; Iodide: 12,0 -14,0 mg; Selen: 2,1 - 2,5 mg; Choline: 70,0 - 80,0 g; L - Lysine $\geq$ 12,0 g; DL - Methionine $\geq$ 6,5 g; L-Threonine $\geq$ 7,5 g; L-Tryptophan $\geq$ 1,5 g; Vitamin B1 $\geq$ 270,0 mg ;Vitamin B3 $\geq$ 0,9 g; Vitamin B5 $\geq$ 750,0 mg; Vitamin B6 $\geq$ 230,0 mg; Vitamin B11 $\geq$ 1,8 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb < 100,0 ppm; As < 4,0 ppm; Cd < 10,0 ppm; Hg < 0,5 ppm.	Bổ sung axit, vitamin, khoáng và axit amin trong nước uống nhằm cải thiện khả năng tiêu hóa cho gia cầm.	Dạng lỏng, màu xanh lá cây hoặc nâu.	Kanters Special Products, BV.	The Netherlands	06/2020
761	Anta Ferm MT80	211-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thành tế bào nấm men Saccharomyces cerevisiae, dầu hạt cải và chất mang (khoáng tự nhiên Bentonite và diatomaceous earth). - Chỉ tiêu chất lượng: SiO₂: 51,75 - 63,25 %; Al₂O₃: 12,06 - 14,74 %; Beta-Glucan: 1,08 - 1,32 %; Axit Citric $\geq$ 3,6 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; Cd < 15,0 ppm; Pb < 200,0 ppm.	Bổ sung thành tế bào nấm men và chất hấp phụ độc tố nấm mốc trong thức ăn chăn nuôi.	Dạng bột, màu xanh xám nhạt.	Dr. Eckel GmbH.	Germany	06/2020
762	Anta Cid Sal-Con	212-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit hữu cơ (Formic, Lactic, Acetic), Axit phosphoric, canxi và chất mang (hydrous aluminium phyllosilicates). - Chỉ tiêu chất lượng: Axit Formic $\geq$ 40,95 %; Axit Lactic $\geq$ 5,13 %; Axit Acetic $\geq$ 2,7 %; Axit Phosphoric $\geq$ 9,63 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; Cd < 15,0 ppm; Pb < 200,0 ppm.	Bổ sung hỗn hợp các axit trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm kiểm soát sự phát triển của nấm mốc.	Dạng bột, màu trắng hoặc xám.	Dr. Eckel GmbH.	Germany	06/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
763	PreAcid BA	213-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các axit (Formic, Lactic, Gluconic, Butyric), Natri Gluconate, Canxi Gluconate và chất mang (Calcium silicate). - Chỉ tiêu chất lượng: Axit Formic $\geq 38,34$ %; Axit Lactic $\geq 14,85$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; Cd $< 15,0$ ppm; Pb $< 200,0$ ppm.	Bổ sung hỗn hợp axit hữu cơ và muối của chúng cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột hoặc hạt, màu trắng hoặc trắng nhạt.	Dr. Eckel Animal Nutrition GmbH & Co. KG.	Germany	06/2020
764	Hemicell W-L	210-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Enzyme b-Mannanase, Xylanase (từ quá trình lên men vi khuẩn Paenibacillus lentus, Trichoderma longibrachiatum), chất ổn định (Sorbitol, Monosodium glutamate, Sodium acetate, Potassium sorbate), chất tạo màu (Caramel), chất bảo quản (Sodium chloride), chất phụ gia và chất mang (Calcium chloride, Sucrose, nước). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 01 lít): b-Mannanase $\geq 720,0 \times 106$ Units; Xylanase $\geq 800,0 \times 106$ Units. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 ml; E. coli < 10 CFU/ml.	Bổ sung các enzyme (b-Mannanase, Xylanase) trong thức ăn chăn nuôi nhằm tăng khả năng hấp thu thức ăn, cải thiện năng suất vật nuôi.	Dạng lỏng, màu nâu nhạt.	Elanco Animal Health.	USA	06/2020
765	Hemicell-HT	209-4/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Enzyme b-Mannanase (từ vi khuẩn Paenibacillus lentus), chất phụ gia và chất mang (bột hạt lạnh, bột đá, khoáng dầu). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 9,0$ %; b- Mannanase $\geq 160,0 \times 106$ U/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 ml; E. coli < 10 CFU/ml.	Bổ sung enzyme b-Mannanase trong thức ăn chăn nuôi nhằm tăng khả năng hấp thu thức ăn, cải thiện năng suất vật nuôi.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	D&D Ingredient Distributors, Inc. (sản xuất cho Elanco Animal Health, USA).	USA	06/2020
766	Hemicell HT-L	208-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Enzyme b-Mannanase (từ vi khuẩn Paenibacillus lentus), chất ổn định (sorbitol, Monosodium glutamate, Sodium acetate, Potassium sorbate), chất tạo màu (Caramel), chất bảo quản (Sodium chloride), chất phụ gia và chất mang (Calcium chloride, nước). - Chỉ tiêu chất lượng: b- Mannanase $\geq 590,0 \times 106$ U/lít - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 ml; E. coli < 10 CFU/ml.	Bổ sung enzyme b-Mannanase trong thức ăn chăn nuôi nhằm tăng khả năng hấp thu thức ăn, cải thiện năng suất vật nuôi.	Dạng lỏng, màu nâu nhạt.	Elanco Animal Health.	USA	06/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
767	Zinc Oxide Feed Grade 72 %	206-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Zinc oxide (độ tinh khiết $\geq 80,0$ %). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %, Kẽm: 64,8 - 79,2 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 400 ppm; As ≤ 100 ppm; Cd ≤ 30 ppm; Hg $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung Kẽm trong thức ăn chăn nuôi gia súc và gia cầm.	Dạng bột, màu vàng.	Tanrikulu Endustri Malz. San. Ve Tic. A.S.	Turkey	06/2020
768	Zinc Oxide Feed Grade 75 %	207-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Zinc oxide (độ tinh khiết $\geq 84,0$ %). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %, Kẽm: 67,5 - 82,5 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 400 ppm; As ≤ 100 ppm; Cd ≤ 30 ppm; Hg $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung Kẽm trong thức ăn chăn nuôi gia súc và gia cầm.	Dạng bột, màu vàng.	Tanrikulu Endustri Malz. San. Ve Tic. A.S.	Turkey	06/2020
769	LivoLiv 250 Premix Powder	204-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất từ hỗn hợp thảo dược (Andrographis paniculata, Phyllanthus niruri, Azadirachta indica) và chất mang (bột thực vật). - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm.	Bổ sung hỗn hợp chất chiết xuất từ thảo dược trong nước uống cho gia súc, gia cầm nhằm cải thiện chức năng gan của vật nuôi.	Dạng bột, màu nâu xanh.	Indian Herbs Specialities Pvt. Ltd.	India	06/2020
770	LivoLiv Liquid Conc.	205-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất từ hỗn hợp thảo dược (Andrographis paniculata, Phyllanthus niruri, Azadirachta indica) và chất mang (nước). - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm.	Bổ sung hỗn hợp chất chiết xuất từ thảo dược trong nước uống cho gia súc, gia cầm nhằm cải thiện chức năng gan của vật nuôi.	Dạng lỏng, màu nâu đến nâu đậm.	Indian Herbs Specialities Pvt. Ltd.	India	06/2020
771	Natuzyme Feed Enzyme for Pigs and Poultry	203-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các enzyme (Xylanase, Cellulase, Beta-Glucanase, Alpha-amylase, Phytase, Protease) và chất mang (bột đá).- Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 g): Xylanase $\geq 10.000,0$ U; Cellulase $\geq 6.000,0$ U; Beta-Glucanase $\geq 700,0$ U; Alpha-amylase $\geq 400,0$ U; Phytase $\geq 1.500,0$ U; Protease $\geq 700,0$ U. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $< 1,0$ ppm; As $< 1,0$ ppm; Cd $< 1,0$ ppm; Hg $< 1,0$ ppm.	Bổ sung các enzyme tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu xám trắng.	Bioproton Pty Ltd.	Australia	06/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
772	Pigortek 659, Code 6659	202-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit Phenylacetic, Alpha-Terpineol, Phenethyl alcohol, Benzaldehyde, Cinnamaldehyde, Acetophenone, Isoamyl phenylacetate, Gamma-Nonalactone, Trans-Anethole, Linalool, Propylene glycol và chất mang (nước, silica). - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g; Pb ≤ 200,0 ppm; As ≤ 2,0 ppm; Hg ≤ 0,1 ppm; Cd ≤ 15,0 ppm.	Bổ sung chất tạo mùi trong thức ăn chăn nuôi cho lợn con.	Dạng hạt, màu hơi trắng đến hồng nhạt.	Pancosma France S.A.S.	France	06/2020
773	Ferrous Sulphate Monohydrate	201-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ferrous Sulphate Monohydrate (FeSO ₄ .H ₂ O). - Chỉ tiêu chất lượng: Sắt (Fe): 30,0 - 31,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As ≤ 5,0 ppm; Cd ≤ 10,0 ppm; Pb ≤ 15,0 ppm.	Bổ sung Sắt trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng hoặc nâu.	Isky (Xiangtan) Bio-Chem Technology Co, Ltd.	China	06/2020
774	Amasil NA	199-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit formic, Sodium formate và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng: Axit formic ≥ 60,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g; Pb ≤ 10,0 ppm; As ≤ 2,0 ppm; Cd ≤ 0,5 ppm; Hg ≤ 0,1 ppm.	Bổ sung hỗn hợp axit hữu cơ và muối của axit hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm kiểm soát sự phát triển của nấm mốc.	Dạng lỏng, không màu.	BASF SE.	Germany	06/2020
775	Lupro-Cid NA	200-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit hữu cơ (Formic, propionic), Sodium formate và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng: Axit Formic ≥ 53,0 %; Axit Propionic ≥ 17,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g; Cd ≤ 0,5 ppm; Pb ≤ 10,0 ppm; Hg ≤ 0,1 ppm; As ≤ 2,0 ppm.	Bổ sung hỗn hợp các axit hữu cơ và muối của axit hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm kiểm soát sự phát triển của nấm mốc.	Dạng lỏng, không màu.	BASF SE.	Germany	06/2020
776	Vitamin A Acetate 500	189-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin A Acetate, Gelatin, Sodium Acetate, Glucose, chất chống vón (Silicon dioxide), chất chống oxy hóa (Ethoxyquin) và chất mang (bột ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm ≤ 5,0 %; Vitamin A Acetate ≥ 500.000,0 IU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: As ≤ 2,0 ppm; Pb ≤ 2,0 ppm.	Bổ sung vitamin A Acetate trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng hạt nhỏ mịn, màu vàng nâu đến nâu nhạt.	Zhejiang NVB Company Ltd.	China	06/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
777	Topmix: Broiler Starter Premix-B111	185-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin A Acetate, D-Activated animal sterol, DL-Alpha tocopheryl acetate, Thiamin hydrochloride, Calcium pantothenate, Niacin, Vitamin B12, Pyridoxine hydrochloride, D-biotin, Riboflavin, Menadione, Axit folic, Manganese sulphate, Zinc sulphate hoặc Zinc oxide, Ferrous sulfate, Copper sulfate, Potassium iodide, Cobalt sulfate, Sodium selenite, chất chống oxy hóa (Ethoxyquin) và chất mang (cám gạo, bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Vitamin A $\geq 4.320.000$ IU; Vitamin D3 $\geq 1.080.000$ IU; Vitamin E $\geq 5.400,0$ IU; Vitamin K3 $\geq 0,54$ g; Vitamin B1 $\geq 0,54$ g; Vitamin B2 $\geq 1,98$ g; Vitamin B6 $\geq 0,72$ g; Vitamin B12 $\geq 0,0036$ g; axit Nicotinic $\geq 9,0$ g; axit Pantothenic (Vitamin B5) $\geq 4,32$ g; Axit folic $\geq 0,18$ g; Biotin $\geq 0,043$ g; Mangan: 30,4 - 33,6 g; Kẽm: 22,8 - 25,2 g; Sắt: 15,2 - 16,8 g; Đồng: 3,04 - 3,36 g; Iodine: 0,19 - 0,21 g; Coban: 0,038 - 0,042 g; Selen: 0,038 - 0,042 g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 20,0$ ppm; As ≤ 10 ppm; Cd $\leq 5,0$ ppm, Hg $\leq 0,1$ ppm	Bổ sung premix vitamin và khoáng cho gà từ 01 ngày tuổi đến xuất chuồng.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	Top Feed Mills Co., Ltd.	Thailand	06/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
778	Topmix: Broiler Breeder Premix-B444	186-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin A Acetate, D-Activated animal sterol, DL-Alpha tocopheryl acetate, Thiamin mononitrate hoặc thiamin hydrochloride, Calcium pantothenate, Niacin hoặc Niacinamide, Vitamin B12, Pyridoxine hydrochloride, D-biotin, Riboflavin, Menadione, Axit folic, Manganese sulphate, Zinc sulphate hoặc Zinc oxide, Ferrous sulfate, Copper sulfate, Potassium iodide, Cobalt sulfate, Sodium selenite, chất chống oxy hóa (Ethoxyquin) và chất mang (cám gạo, bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Vitamin A $\geq$ 4.500.000,0 IU; Vitamin D3 $\geq$ 1.080.000,0 MIU; Vitamin E $\geq$ 10.800,0 IU; Vitamin K3 $\geq$ 0,72 g; Vitamin B1 $\geq$ 0,72 g; Vitamin B2 $\geq$ 3,6 g; Vitamin B6 $\geq$ 1,8 g; Vitamin B12 $\geq$ 0,0036 g; axit Nicotinic $\geq$ 4,5 g; axit Pantothenic (Vitamin B5) $\geq$ 3,6 g; Axit folic $\geq$ 0,36 g; Biotin $\geq$ 0,032 g; Mangan: 22,8 - 25,2 g; Kẽm: 19,0 - 21,0 g; Sắt: 15,2 - 16,8 g; Đồng: 3,8 - 4,2 g; Iodine: 0,76 - 0,84 g; Coban: 0,076 - 0,084 g; Selen: 0,038 - 0,042 g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli $<$ 10 CFU/g; Pb $\leq$ 20,0 ppm; As $\leq$ 10 ppm; Cd $\leq$ 5,0 ppm, Hg $\leq$ 0,1 ppm	Bổ sung premix vitamin và khoáng cho gà thịt từ 20 tuần tuổi đến xuất chuồng.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	Top Feed Mills Co., Ltd.	Thailand	06/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
779	Topmix: Duck Premix-D111	187-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin A Acetate, D-Activated animal sterol, DL-Alpha tocopheryl acetate, Thiamin mononitrate hoặc thiamin hydrochloride, Calcium pantothenate, Niacin hoặc Niacinamide, Vitamin B12, Pyridoxine hydrochloride, D-biotin, Riboflavin, Menadione, Axit folic, Manganese sulphate, Zinc sulphate hoặc Zinc oxide, Ferrous sulfate, Copper sulfate, Potassium iodide, Cobalt sulfate, Sodium selenite, chất chống oxi hóa (Ethoxyquin) và chất mang (cám gạo, bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Vitamin A $\geq$ 4.500.000,0 MIU; Vitamin D3 $\geq$ 900.000,0 IU; Vitamin E $\geq$ 21.600,0 IU; Vitamin K3 $\geq$ 0,72 g; Vitamin B1 $\geq$ 0,72 g; Vitamin B2 $\geq$ 3,6 g; Vitamin B6 $\geq$ 1,8 g; Vitamin B12 $\geq$ 0,007 g; axit Nicotinic $\geq$ 25,2 g; axit Pantothenic (Vitamin B5) $\geq$ 5,04 g; Axit folic $\geq$ 0,72 g; Biotin $\geq$ 0,036 g; Mangan: 41,8 - 46,2 g; Kẽm: 38,0 - 42,0 g; Sắt: 30,4 - 33,6 g; Đồng: 4,18 - 4,62 g; Iodine: 0,665 - 0,735 g; Coban: 0,076 - 0,084 g; Selen: 0,114 - 0,126 g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli $<$ 10 CFU/g; Pb $\leq$ 20,0 ppm; As $\leq$ 10 ppm; Cd $\leq$ 5,0 ppm, Hg $\leq$ 0,1 ppm	Bổ sung premix vitamin và khoáng cho vịt thịt từ 01 ngày tuổi đến xuất chuồng.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	Top Feed Mills Co., Ltd.	Thailand	06/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
780	Topmix: Layer Premix-L444	188-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin A Acetate, D-Activated animal sterol, DL-Alpha tocopheryl acetate, Thiamin mononitrate hoặc thiamin hydrochloride, Calcium pantothenate, Niacin hoặc Niacinamide, Vitamin B12, Pyridoxine hydrochloride, D-biotin, Riboflavin, Menadione, Axit folic, Manganese sulphate, Zinc sulphate hoặc Zinc oxide, Ferrous sulfate, Copper sulfate, Potassium iodide, Cobalt sulfate, Sodium selenite, chất chống oxy hóa (Ethoxyquin) và chất mang (cám gạo, bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Vitamin A $\geq$ 4.500.000,0 IU; Vitamin D3 $\geq$ 1.080.000,0 IU; Vitamin E $\geq$ 3.600,0 IU; Vitamin K3 $\geq$ 0,54 g; Vitamin B1 $\geq$ 0,72 g; Vitamin B2 $\geq$ 1,8 g; Vitamin B6 $\geq$ 1,08 g; Vitamin B12 $\geq$ 0,0023 g; axit Nicotinic $\geq$ 4,5 g; axit Pantothenic (Vitamin B5) $\geq$ 3,384 g; Axit folic $\geq$ 0,18 g; Biotin $\geq$ 0,032 g; Mangan: 22,8 - 25,2 g; Kẽm: 19,0 - 21,0 g; Sắt: 15,2 - 16,8 g; Đồng: 3,8 - 4,2 g; Iodine: 0,76 - 0,84 g; Coban: 0,076 - 0,084 g; Selen: 0,038 - 0,042 g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq$ 20,0 ppm; As $\leq$ 10 ppm; Cd $\leq$ 5,0 ppm; Hg $\leq$ 0,1 ppm	Bổ sung premix vitamin và khoáng cho gà đẻ trứng từ 18 tuần tuổi đến khi kết thúc giai đoạn đẻ trứng.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	Top Feed Mills Co., Ltd.	Thailand	06/2020
781	Toxifix	183-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Zeolite Clinoptilolite, Clay mica, Cristobalite, Plagioclase, Rutile và Quartz. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq$ 6,0 %; SiO2: 62,0 - 71,3 %; Al2O3: 11,5 - 14,0 %; Fe2O3: 0,7 - 2,3 %; CaO: 2,7 - 5,5 %; MgO: 0,6 - 1,2 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq$ 30,0 ppm; As $\leq$ 2,0 ppm; Cd $\leq$ 2,0 ppm; Hg $\leq$ 0,1 ppm.	Bổ sung chất hấp phụ độc tố trong thức ăn gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng hoặc xám.	Zeocem, a.s.	Slovakia	06/2020
782	Toxifix Plus	184-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Zeolite Clinoptilolite, Clay mica, Cristobalite, Plagioclase, Rutile và Quartz. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq$ 6,0 %; SiO2: 62,0 - 75,0 %; Al2O3: 9,0 - 14,0 %; Fe2O3: 0,7 - 2,3 %; CaO: 2,7 - 5,5 %; MgO: 0,6 - 1,2 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq$ 30,0 ppm; As $\leq$ 2,0 ppm; Cd $\leq$ 2,0 ppm; Hg $\leq$ 0,1 ppm.	Bổ sung chất hấp phụ độc tố trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng hoặc xám.	Zeocem, a.s.	Slovakia	06/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
783	DASARA	182-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vi khuẩn Bacillus subtilis, chất phụ gia và chất mang (Glucose, nước) - Chỉ tiêu chất lượng: Bacillus subtilis $\geq 1,0 \times 10^{10}$ CFU/ml. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g.	Bổ sung vi khuẩn có lợi đường tiêu hóa vật nuôi (Bacillus subtilis) trong nước uống cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu vàng nhạt.	B & B Korea Co, Ltd.	Korea	06/2020
784	Vitamin D3 beadlets 500,000 IU/G	181-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin D3 (Cholecalciferol actinism oil), dầu hướng dương, Gelatin, Calcium phosphate, chất chống oxi hóa (BHT), chất tạo ngọt (Sucrose) và chất mang (bột ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 5,0$ %; Vitamin D3 $\geq 500.000,0$ IU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 20,0$ ppm; As $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung vitamin D3 trong thức ăn cho gia súc và gia cầm.	Dạng hạt mịn, màu vàng nhạt hoặc nâu vàng.	Taizhou Hisound Pharmaceutical Co, Ltd.	China	06/2020
785	Feed Additive Vitamin D3 500	180-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin D3 (Cholecalciferol), dầu hướng dương, Gelatin, Magnesium aluminum silicate, chất chống oxi hóa (BHT), chất tạo ngọt (Sucrose) và chất mang (bột ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 5,0$ %; Vitamin D3 $\geq 500.000,0$ IU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 0,2$ ppm; Hg $\leq 0,01$ ppm.	Bổ sung vitamin D3 trong thức ăn cho gia súc và gia cầm.	Dạng hạt, màu be đến nâu vàng.	Zhejiang Garden Biochemical High-Tech Co, Ltd.	China	06/2020
786	Intellibond Z (Zinc Hydroxychloride)	179-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Zinc Hydroxychloride (Zn5(OH)8Cl2*(H2O)). - Chỉ tiêu chất lượng: Kẽm (Zn): 55,0 - 59,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb < 100,0 ppm; As < 30,0 ppm; Cd < 10,0 ppm.	Bổ sung Kẽm trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng hạt mịn, màu nâu hoặc nâu vàng.	Micronutrients, Inc.	USA	06/2020
787	andBUT EVO	174-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Calcium butyrate, Colloidal silica và chất mang (bột rau diếp xoăn). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Calcium butyrate: 22,0 - 23,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb < 50,0 ppm; As < 12,0 ppm; Cd < 10,0 ppm; Hg < 0,5 ppm.	Bổ sung Calcium butyrate trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	Animal Nutrition Development Group S.L.	Spain	06/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
788	AndCID1	175-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các axit hữu cơ (Lactic, Citric, Acetic, Formic, Propionic), axit phosphoric, axit béo (Lauric, Myristic), Sodium butyrate và chất mang (bột đá, Clipnotilolite). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Axit Lactic $\geq 50.000,0$ mg; axit Citric $\geq 35.000,0$ mg; axit Acetic $\geq 20.000,0$ mg; axit Formic $\geq 180.000,0$ mg; axit Propionic $\geq 180.000,0$ mg; axit Phosphoric $\geq 20.000,0$ mg; axit Lauric $\geq 10.000,0$ mg; axit Myristic $\geq 10.000,0$ mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb < 50,0 ppm; As < 12,0 ppm; Cd < 10,0 ppm; Hg < 0,5 ppm.	Bổ sung hỗn hợp axit và axit béo trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng nhạt đến trắng	Animal Nutrition Development Group S.L.	Spain	06/2020
789	B.M.B Formula	176-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sodium butyrate, chiết xuất thành tế bào nấm men (Beta-glucan, Mananoligosaccharides) và chất mang (Silicum dioxide). - Chỉ tiêu chất lượng: Sodium butyrate: 27,0 - 29,0 %; Beta-glucan $\geq 10,0$ %; Mananoligosaccharides $\geq 10,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb < 50,0 ppm; As < 12,0 ppm; Cd < 10,0 ppm; Hg < 0,5 ppm.	Bổ sung thành tế bào nấm men và muối trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu	Animal Nutrition Development Group S.L.	Spain	06/2020
790	AndSORB	177-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: 100 % Zeolite Clipnotilolite. - Chỉ tiêu chất lượng: SiO₂: 71,0 - 72,0 %; Al₂O₃: 12,0 - 13,0 %; Fe₂O₃: 1,5 - 1,75 %; CaO: 2,9 - 3,2 %; MgO: 0,5 - 0,7 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb < 50,0 ppm; As < 12,0 ppm; Cd < 10,0 ppm; Hg < 0,5 ppm.	Bổ sung chất hấp phụ độc tố nấm mốc trong thức ăn gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng nhạt	Animal Nutrition Development Group S.L.	Spain	06/2020
791	AndSORB MOS	178-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất thành tế bào nấm men (Beta-glucan, Mananoligosaccharides) và Zeolite Clipnotilolite. - Chỉ tiêu chất lượng: SiO₂: 49,7 - 51,8 %; Al₂O₃: 8,4 - 9,4 %; Fe₂O₃: 1,05 - 1,26 %; CaO: 2,03 - 2,3 %; MgO: 0,35 - 0,5 %; Beta-glucan $\geq 7,5$ %; Mananoligosaccharides $\geq 7,5$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb < 50,0 ppm; As < 12,0 ppm; Cd < 10,0 ppm; Hg < 0,5 ppm.	Bổ sung chất hấp phụ độc tố nấm mốc trong thức ăn gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng nhạt	Animal Nutrition Development Group S.L.	Spain	06/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
792	DMX-7 Mold Inhibitor	173-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit Propionic, Ammonia hydroxide, Sodium hydroxide, Magnesium chloride, Calcium chloride, glycerine và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng: Axit Propionic $\geq 40,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 0,1$ ppm; As $\leq 0,1$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm.	Bổ sung chất chống mốc (axit propionic), trong thức ăn chăn nuôi.	Dạng lỏng, màu hồ phách (nâu vàng nhạt).	Delstasia SDN BHD.	Malaysia	06/2020
793	Choline Chloride 60 % on Vegetable Carrier	171-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Choline Chloride và chất mang (bột lõi ngô và vỏ trấu). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 2,0\%$; Choline Chloride $\geq 60,0\%$ (tính theo chất khô); Choline $\geq 44,8\%$ (tính theo chất khô). - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $< 20,0$ ppm.	Bổ sung Choline Chloride trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	Yixing Taminco Feed Additives Co, Ltd.	China	06/2020
794	Choline Chloride 75 % Aqueous Solution	172-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Choline Chloride và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng: Choline Chloride $\geq 75,0\%$; Choline $\geq 56,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $< 20,0$ ppm.	Bổ sung Choline Chloride trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, không màu.	Yixing Taminco Feed Additives Co, Ltd.	China	06/2020
795	Precipitated Silica MFIL-P (U)	170-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Silicon dioxide (SiO ₂). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 6,0\%$; SiO ₂ $\geq 98,5\%$ (tính theo chất khô). - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm; Pb $\leq 15,0$ ppm.	Phụ gia trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	Madhu Silica Pvt.Ltd.	India	06/2020
796	Proviox 50	169-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chất chiết xuất từ củ hành, quả nho và chất mang (Natrolite Phonolite (E566), bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: Quercetin $\geq 0,45\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 15,0$ ppm; As $\leq 12,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,2$ ppm.	Bổ sung chất chống oxy hóa trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu be.	Provimi B.V.	The Netherlands	06/2020
797	LithoFeed	168-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Clinoptilolite, Calcite, Mica, Quartz. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 6,0\%$; SiO ₂ : 67,0 -72,0 %; Al ₂ O ₃ : 11,0 -14,0 %; CaO: 3,0 - 6,0 %; K ₂ O: 1,0 - 4,0 %; MgO: 0,5 - 1,5 %; Fe ₂ O ₃ : 0,8 - 1,7 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 4,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 60,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung chất hấp phụ độc tố nấm mốc trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng hạt mịn, màu be hoặc xám.	LITHOS Industrial Minerals GmbH.	Austria	06/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
798	Zinc Oxide Feed Grade 72 %	166-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Zinc oxide (độ tinh khiết $\geq 89,6\%$). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 1,0\%$; Kẽm (Zn): 72,0 - 74,5 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 100,0$ ppm; Cd $\leq 20,0$ ppm; Pb $\leq 400,0$ ppm.	Bổ sung Kẽm trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng trắng hoặc nâu.	Numinor Chemical Industries, Ltd.	Israel	06/2020
799	Zinc Oxide Feed Grade 75 %	167-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Zinc oxide (độ tinh khiết $\geq 93,0\%$). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 1,0\%$; Kẽm (Zn): 75,0 - 80,3 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 100,0$ ppm; Cd $\leq 20,0$ ppm; Pb $\leq 400,0$ ppm.	Bổ sung Kẽm trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng trắng hoặc nâu.	Numinor Chemical Industries, Ltd.	Israel	06/2020
800	Ingaso Topaz	165-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin (A, B1, B2, B3, B6, B12, D3, E, K3), Nicotinic acid, D-calcium pantothenate, Biotin), các axit hữu cơ (Orthophosphoric, Fumaric, Citric, Malic), Dicopper chloride trihydroxide, Potassium iodine, Sodium selenite, Iron heptahydrated sulphate, Manganese monohydrated sulphate, Zinc oxide, phytase, Endo-1,4-Beta-xylanase, Endo-1,3-Beta-glucanase, Bacillus licheniformis, Bacillus subtilis, chất chống oxy hóa (Ethoxiquin, Propyl galate) và chất mang (bột ngô, sữa bột tách béo, lúa mỳ, lúa mạch, yến mạch, bột đá, bột trứng). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Vitamin A $\geq 65.000,0$ IU; Vitamin D3 $\geq 10.000,0$ IU; Vitamin E $\geq 200,0$ mg; Vitamin B1 $\geq 6,0$ mg; Vitamin B2 $\geq 25,0$ mg; Vitamin B6 $\geq 15,0$ mg; axit Nicotinic $\geq 125,0$ mg; D-calcium panthothenate $\geq 100,0$ mg; Biotine $\geq 0,55$ mg; Phytase $\geq 2.500,0$ FTU; Endo-1,4-Beta-xylanase $\geq 5.500,0$ VU; Endo-1,3 (4)Beta-glucanase $\geq 7.500,0$ VU; Bacillus licheniformis $\geq 3,6 \times 10^9$ CFU; Bacillus subtilis $\geq 3,6 \times 10^9$ CFU; axit Orthophosphoric $\geq 1,5$ g; axit Fumaric $\geq 3,0$ g; axit Citric $\geq 1,5$ g; axit Malic $\geq 1,5$ g; Mangan: 100,0 - 300,0 mg; Sắt: 500,0 - 700,0 mg; Đồng: 680,0 - 800,0 mg; Kẽm: 500,0 - 700,0 mg; Iodine: 3,0 - 4,0 mg; Selen: 1,0 - 1,75 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $< 10,0$ ppm; Cd $< 0,5$ ppm; As $< 4,0$ ppm; Hg $< 0,1$ ppm.	Bổ sung premix vitamin, khoáng và vi khuẩn có lợi trong đường tiêu hóa cho lợn con giai đoạn tập ăn đến 70 ngày.	Dạng bột, màu be.	Ingaso Farm S.L.U.	Spain	06/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
801	Rhodimet AT88	164-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: DL-Methionine hydroxy Analogue và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0\%$; Methionine hydroxy Analogue $\geq 88,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $< 5,0$ ppm; As $< 2,0$ ppm; Cd $< 1,0$ ppm; Hg $< 0,1$ ppm.	Bổ sung chất DL-methionine hydroxy analogue để thay thế methionine trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng nhão, màu nâu.	Bluestar Adisseo Nanjing Co, Ltd.	China	06/2020
802	VitalYellow 2%	162-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Xanthophylls, chất chống oxi hóa (Ethoxyquin) và chất mang (Silicon dioxide, bột đá, cám gạo). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 8,0\%$; Xanthophylls $\geq 2,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 3,0$ ppm.	Bổ sung chất tạo màu xanthophylls trong thức ăn chăn nuôi cho gia cầm.	Dạng bột, màu vàng đến cam.	Zhaoqing Juyuan Bio-chem Co, Ltd.	China	06/2020
803	Vitalgold	163-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Xanthophylls, b-Apo-8'-carotenoic ethyl ester, chất chống oxi hóa (Ethoxyquin) và chất mang (Silicon dioxide, bột đá, cám gạo). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 8,0\%$; b-Apo-8'-carotenoic ethyl ester $\geq 0,5\%$; Xanthophylls $\geq 1,0\%$; - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 3,0$ ppm.	Bổ sung chất tạo màu xanthophylls trong thức ăn chăn nuôi cho gia cầm.	Dạng bột, màu vàng đến cam.	Zhaoqing Juyuan Bio-chem Co, Ltd.	China	06/2020
804	Classic Pets Adult Dog Food Beef Flavour	159-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bột ngô, bột đậu tương, bột gia cầm, bột sắn, cám gạo, mỡ gia cầm, choline, chất tạo mùi (Beef flavor powder V069) và chất chống oxi hóa (BHA, BHT), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Protein $\geq 19,0\%$; Năng lượng trao đổi $\geq 3.300,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 8,0\%$; Xơ $\leq 4,0\%$; Khoáng tổng số $\leq 10,0\%$; Lysine $\geq 0,63\%$; Methionine + Cystine $\geq 0,43\%$; Canxi: 0,6 - 2,5 %; Photpho: 0,5 - 1,6 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E coli không phát hiện trong 25 g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,33$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó.	Dạng viên, màu nâu.	Perfect Companion Group Co, Ltd.	Thailand	06/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
805	Classic Pets Small Breed Dog Food Beef Flavour	160-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bột ngô, bột đậu tương, bột gia cầm, bột sắn, cám gạo, mỡ gia cầm, choline, chất tạo mùi (Beef flavor powder V069), chiết xuất từ Yucca và chất chống oxi hóa (BHA, BHT), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein $\geq 22,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.300,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 8,0$ %; Xơ $\leq 5,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 10,0$ %; Lysine $\geq 0,63$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,43$ %; Canxi: $0,6 - 2,5$ %; Photpho: $0,5 - 1,6$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E coli không phát hiện trong 25 g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,33$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó.	Dạng viên, màu nâu.	Perfect Companion Group Co, Ltd.	Thailand	06/2020
806	Classic Pets Puppy Food Milk Flavour	161-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bột ngô, bột đậu tương, bột gia cầm, gạo, lúa mỳ, choline, chất tạo mùi (Butter-Eco) và chất chống oxi hóa (BHA, BHT), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein $\geq 27,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.400,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 8,0$ %; Xơ $\leq 4,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 10,0$ %; Lysine $\geq 0,77$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,53$ %; Canxi: $1,0 - 2,5$ %; Photpho: $0,8 - 1,6$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E coli không phát hiện trong 25 g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,33$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó.	Dạng viên, màu nâu.	Perfect Companion Group Co, Ltd.	Thailand	06/2020
807	Smartheart Canned Dog Food Beef & Liver	157-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt và phụ phẩm từ thịt (bò, cừu, gà, bê, gà tây), ngũ cốc và phụ phẩm từ ngũ cốc (bột mỳ, đậu tương), chất kết dính, chất tạo màu, premix vitamin và khoáng, nước. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 85,0$ %; Protein $\geq 6,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 100,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 2,0$ %; Xơ $\leq 1,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 4,0$ %; Lysine $\geq 0,63$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,43$ %; Canxi: $0,6 - 2,5$ %; Photpho: $0,5 - 1,6$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E coli không phát hiện trong 1 g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó.	Dạng nhão, màu nâu.	Australian Pet Brands Pty, Ltd.	Australia	06/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
808	Smartheart Canned Dog Food Chicken & Liver	158-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt và phụ phẩm từ thịt (bò, cừu, gà, bê, gà tây), ngũ cốc và phụ phẩm từ ngũ cốc (bột mỳ, đậu tương), chất kết dính, chất tạo màu, premix vitamin và khoáng, nước. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 85,0\%$; Protein $\geq 6,0\%$; Năng lượng trao đổi $\geq 100,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 2,0\%$; Xơ $\leq 1,0\%$; Khoáng tổng số $\leq 4,0\%$; Lysine $\geq 0,63\%$; Methionine + Cystine $\geq 0,43\%$; Canxi: 0,6 - 2,5 %; Phốtpho: 0,5 - 1,6 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E coli không phát hiện trong 1 g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó.	Dạng nhão, màu nâu.	Australian Pet Brands Pty, Ltd.	Australia	06/2020
809	Smartheart Pouch Dog Food Chicken Chunk In Gravy	145-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gà, nội tạng gà, protein từ thực vật (đậu tương), tinh bột sắn, premix vitamin và khoáng, chất tạo mùi (D'tech 8P (11-11556), chất kết dính (Xanthan gum) và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 85,0\%$; Protein $\geq 8,0\%$; Năng lượng trao đổi $\geq 520,0$ Kcal; Béo $\geq 2,0\%$; Xơ $\leq 1,0\%$; Khoáng tổng số $\leq 2,0\%$; Lysine $\geq 0,09\%$; Methionine + Cystine $\geq 0,06\%$; Canxi: 0,6 - 2,5 %; Phốtpho: 0,5 - 1,6 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E coli không phát hiện trong 1 g; Pb $\leq 0,85$ ppm; As $\leq 0,34$ ppm; Cd $\leq 0,34$ ppm; Hg $\leq 0,06$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó.	Dạng nhão, màu nâu.	Perfect Companion Group Co, Ltd.	Thailand	06/2020
810	Smartheart Pouch Dog Food Chicken & Liver In Jelly	146-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gà; nội tạng gà; protein từ thực vật (đậu tương), tinh bột sắn, chất kết dính (Carageenan), premix vitamin và khoáng và nước. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 85,0\%$; Protein $\geq 8,0\%$; Năng lượng trao đổi $\geq 570,0$ Kcal; Béo $\geq 3,0\%$; Xơ $\leq 1,0\%$; Khoáng tổng số $\leq 2,0\%$; Lysine $\geq 0,09\%$; Methionine + Cystine $\geq 0,06\%$; Canxi: 0,6 - 2,5 %; Phốtpho: 0,5 - 1,6 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E coli không phát hiện trong 1 g; Pb $\leq 0,85$ ppm; As $\leq 0,34$ ppm; Cd $\leq 0,34$ ppm; Hg $\leq 0,06$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó.	Dạng nhão, màu nâu.	Perfect Companion Group Co, Ltd.	Thailand	06/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
811	Smartheart Pouch Dog Food Beef Chunk In Gravy	147-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt bò, gan gia cầm, protein từ thực vật (đậu tương), chất tạo mùi (D'tech 8P (11-11556)), chất tạo màu (Ponceau 4R Lake), chất kết dính (Sodium alginate, xanthan gum), premix vitamin và khoáng, nước. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 85,0$ %; Protein $\geq 8,0$ %; Năng lượng trao đổi (ME) $\geq 520,0$ Kcal; Béo $\geq 2,0$ %; Xơ thô $\leq 1,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 2,0$ %; Lysine $\geq 0,09$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,06$ %; Canxi: 0,6 - 2,5 %; Phốtpho: 0,5 - 1,6 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E coli không phát hiện trong 1 g; Pb $\leq 0,85$ ppm; As $\leq 0,34$ ppm; Cd $\leq 0,34$ ppm; Hg $\leq 0,06$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó.	Dạng nhão, màu nâu đỏ.	Perfect Companion Group Co, Ltd.	Thailand	06/2020
812	Smartheart Pouch Puppy Food Chicken Chunk In Gravy	148-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gà, nội tạng gà, protein từ thực vật (đậu tương), tinh bột sắn, chất tạo mùi (D'tech 8P (11-11556), chất kết dính (Xanthan gum), premix vitamin và khoáng, chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 85,0$ %; Protein $\geq 8,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 570,0$ Kcal; Béo $\geq 3,0$ %; Xơ $\leq 1,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 2,0$ %; Lysine $\geq 0,09$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,06$ %; Canxi: 0,6 - 2,5 %; Phốtpho: 0,5 - 1,6 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E coli không phát hiện trong 1 g; Pb $\leq 0,85$ ppm; As $\leq 0,34$ ppm; Cd $\leq 0,34$ ppm; Hg $\leq 0,06$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó.	Dạng nhão, màu nâu đỏ.	Perfect Companion Group Co, Ltd.	Thailand	06/2020
813	Smartheart Adult Lamb & Rice Flavour	149-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ngô, gạo, bột gia cầm, bột đậu tương, mỡ gà, dầu đậu tương, bột thịt cừu, nấm men khô, lecithin, dầu cá, chất chống oxi hóa (BHA, BHT) và chất tạo màu (Indigo carmine, Ponceau 4R, Brilliant blue), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein $\geq 23,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.400,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 8,0$ %; Xơ $\leq 4,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 10,0$ %; Lysine $\geq 0,63$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,43$ %; Canxi: 0,6 - 2,5 %; Phốtpho: 0,5 - 1,6 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E coli không phát hiện trong 1 g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,33$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó.	Dạng viên, màu đỏ, xanh và nâu.	Perfect Companion Group Co, Ltd.	Thailand	06/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
814	Merry Meal Time Cat Food Seafood Flavor	150-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bột ngô, bột đậu tương, bột phụ phẩm bột gia cầm, gluten ngô, mỡ gà, bột cá, bột tôm, phụ phẩm bột mực, nấm men khô, muối iốt, phụ phẩm từ cá, chất chống oxi hóa (BHA, BHT) và chất tạo màu (Ponceau 4R), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein $\geq 26,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.000,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 4,0$ %; Xơ $\leq 4,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 9,0$ %; Lysine $\geq 0,83$ %; Methionine + Cystine $\geq 1,1$ %; Canxi: $0,8 - 1,5$ %; Photpho: $0,7 - 1,5$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E coli không phát hiện trong 1 g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,33$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho mèo.	Dạng viên, màu nâu và đỏ.	Perfect Companion Group Co, Ltd.	Thailand	06/2020
815	Me-O Persian	151-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bột ngô, bột phụ phẩm gia cầm, mỡ động vật, gluten ngô, bột đậu tương, bột cá, bột củ cải đường, dầu cá, hạt lanh, chất chống oxi hóa (BHA, BHT) và chất tạo màu (Palatants (C'Sens 9P)), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein $\geq 30,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.000,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 15,0$ %; Xơ $\leq 9,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 9,0$ %; Lysine $\geq 0,83$ %; Methionine + Cystine $\geq 1,1$ %; Canxi: $0,8 - 1,5$ %; Photpho: $0,7 - 1,5$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E coli không phát hiện trong 1 g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,33$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho mèo.	Dạng viên, màu nâu.	Perfect Companion Group Co, Ltd.	Thailand	06/2020
816	Me-O Cat Mackerel	152-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bột ngũ cốc (ngô và gạo), bột phụ phẩm gia cầm, protein từ thực vật (đậu tương và ngô), bột cá, mỡ gà, nấm men khô, phụ phẩm từ cá thu, muối iốt, chất chống oxi hóa (BHA, BHT), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein $\geq 30,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.000,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 9,0$ %; Xơ $\leq 4,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 9,0$ %; Lysine $\geq 0,83$ %; Methionine + Cystine $\geq 1,1$ %; Canxi: $0,8 - 1,5$ %; Photpho: $0,7 - 1,5$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E coli không phát hiện trong 1 g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,33$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho mèo.	Dạng viên, màu nâu.	Perfect Companion Group Co, Ltd.	Thailand	06/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
817	Me-O Cat Gourmet	153-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bột ngũ cốc (ngô và gạo), bột phụ phẩm gia cầm, protein từ thực vật (đậu tương và ngô), bột cá, sắn, mỡ gà, nấm men khô, phụ phẩm (cá và gan gà), bột tôm, bột trứng gà, muối iốt, chất chống oxi hóa (BHA, BHT) và chất tạo màu (Indigo carmine, titanium dioxide, Ponceau 4R), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein $\geq 26,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.000,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 4,0$ %; Xơ thô $\leq 4,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 9,0$ %; Lysine $\geq 0,83$ %; Methionine + Cystine $\geq 1,1$ %; Canxi: $0,8 - 1,5$ %; Phốtpho: $0,7 - 1,5$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E coli không phát hiện trong 1 g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,33$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho mèo.	Dạng viên, màu nâu sáng và đỏ tía.	Perfect Companion Group Co, Ltd.	Thailand	06/2020
818	A Pro I.Q.Formula Cat Food	154-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bột ngô, gạo, gluten ngô, bột gia cầm, mỡ gia cầm, bột cá, muối iốt, chất tạo màu (Palatants (C'Sens 9P)), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0$ %; Protein $\geq 20,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 2.800,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 7,0$ %; Xơ $\leq 6,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 9,0$ %; Lysine $\geq 0,83$ %; Methionine + Cystine $\geq 1,1$ %; Canxi: $0,7 - 1,5$ %; Phốtpho: $0,6 - 1,5$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E coli không phát hiện trong 1 g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,33$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho mèo.	Dạng viên, màu đỏ và xanh lá cây.	Perfect Companion Group Co, Ltd.	Thailand	06/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
819	A Pro I.Q.Formula Dog Food	155-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bột ngô hoặc gạo hoặc bột lúa mỳ hoặc bột sắn, thịt từ và phụ phẩm từ gia cầm hoặc bột cá hoặc bột trứng gà hoặc nấm men khô, gluten ngô hoặc protein từ đậu tương, béo từ đậu tương, cám gạo hoặc cám lúa mỳ, mỡ gia cầm hoặc dầu thực vật, nội tạng gia cầm hoặc gan gà, muối iốt, chất chống oxi hóa (BHA, BHT), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein $\geq 15,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.260,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 6,0$ %; Xơ $\leq 6,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 10,0$ %; Lysine $\geq 0,63$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,43$ %; Canxi: 0,6 - 2,5 %; Phốtpho: 0,5 - 1,6 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E coli không phát hiện trong 1 g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,33$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho mèo.	Dạng viên, màu nâu.	Perfect Companion Group Co, Ltd.	Thailand	06/2020
820	Smarteart Singing Bird Food Competition Formula	156-4/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Béo từ đậu tương, bột ngô, bột đậu tương, gạo bột lúa mỳ, dầu thực vật, bột trứng gà, mật ong, chuối, nước cam, gừng, chất chống oxi hóa (BHA, BHT) và chất tạo màu (Lake sunset yellow, Blue alum lake, lake carmoisine), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein $\geq 17,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 2.900,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 12,0$ %; Xơ thô $\leq 6,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 10,0$ %; Lysine $\geq 0,8$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,5$ %; Canxi: 0,7 - 1,5 %; Phốtpho: 0,5 - 1,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E coli không phát hiện trong 1 g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,33$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chim cảnh.	Dạng viên, màu nâu đỏ.	Perfect Companion Group Co, Ltd.	Thailand	06/2020
821	Autolyzed Yeast	141-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: 100 % tế bào nấm men Saccharomyces cerevisiae đã được phân giải bằng enzyme. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein $\geq 42,0$ %; khoáng tổng số $\leq 10,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; E. coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25 g.	Bổ sung protein dễ tiêu hóa và các chất dinh dưỡng từ tế bào nấm men trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng đến nâu.	Tangshan Top Bio-Technology Co.	China	06/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
822	Yeast Cell Wall	142-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: 100 % thành tế bào nấm men <i>Saccharomyces cerevisiae</i> . - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 9,0$ %; Protein $\leq 30,0$ %; khoáng tổng số $\leq 10,0$ %; Beta-glucan $\geq 20,0$ %; Mannan-Oligosaccharides $\geq 18,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; E. coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25 g.	Bổ sung Beta-glucan và Mannan-oligosaccharide từ thành tế bào nấm men trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột, màu vàng đến nâu.	Tangshan Top Bio-Technology Co.	China	06/2020
823	Yeast Extract	143-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: 100% chiết xuất từ tế bào nấm men <i>Saccharomyces cerevisiae</i> (phần còn lại của tế bào nấm men sau khi đã được loại bỏ thành tế bào nấm men, và được sấy khô). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 6,0$ %; Protein $\geq 55,0$ %; khoáng tổng số $\leq 15,0$ % . - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; E. coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25 g.	Bổ sung protein từ chiết xuất tế bào nấm men trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng đến nâu.	Tangshan Top Bio-Technology Co.	China	06/2020
824	Yeast Powder	144-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: 100 % tế bào nấm men <i>Saccharomyces cerevisiae</i> bất hoạt. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein $\geq 35,0$ %; khoáng tổng số $\leq 10,0$ %; Beta-glucan $\geq 15,0$ %; Mannan-Oligosaccharides $\geq 10,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; E. coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25 g.	Bổ sung protein và các chất dinh dưỡng từ tế bào nấm men trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng đến nâu.	Tangshan Top Bio-Technology Co.	China	06/2020
825	Zinc Sulphate Monohydrate	140-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Zinc Sulphate Monohydrate ($\text{ZnSO}_4 \cdot \text{H}_2\text{O}$; độ tinh khiết tối thiểu: 96,0%). - Chỉ tiêu chất lượng: Kẽm $\geq 34,5$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Cd $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 5,0$ ppm.	Bổ sung Kẽm trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột hoặc hạt mịn, màu trắng.	PingXiang Baohai Feed Additives Co, Ltd.	China	06/2020
826	Zinc Oxide ZnO (E-6) Zn-72 %	139-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Oxit kẽm (ZnO) (độ tinh khiết $\geq 90,0$ %). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 0,5$ %; Kẽm: 72,0 - 74,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 90,0$ ppm; Cd $\leq 20,0$ ppm; Pb $\leq 300,0$ ppm.	Bổ sung Kẽm trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu đậm.	Przedsiębiorstwo ARKOP Sp. z o.o.	Poland	06/2020
827	Zinc Sulphate Monohydrate	135-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Zinc Sulphate Monohydrate ($\text{ZnSO}_4 \cdot \text{H}_2\text{O}$; độ tinh khiết $\geq 98,0$ %). - Chỉ tiêu chất lượng: Kẽm (Zn) $\geq 35,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 20,0$ ppm; As $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 20,0$ ppm.	Bổ sung Kẽm trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột hoặc hạt mịn, màu trắng.	Chemisky Co, Ltd.	China	06/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
828	Manganese Sulphate Monohydrate	136-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Manganese Sulphate Monohydrate (MnSO ₄ .H ₂ O; độ tinh khiết ≥ 98,0 %). - Chỉ tiêu chất lượng: Mangan (Mn) ≥ 31,8 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 20,0 ppm; As ≤ 10,0 ppm; Cd ≤ 20,0 ppm.	Bổ sung Mangan trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột hoặc hạt mịn, màu trắng hoặc hồng nhạt.	Chemisky Co, Ltd.	China	06/2020
829	Ferrous Sulphate Monohydrate	137-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ferrous Sulphate Monohydrate (FeSO ₄ .H ₂ O; độ tinh khiết ≥ 91,0 %). - Chỉ tiêu chất lượng: Sắt (Fe) ≥ 30,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 20,0 ppm; As ≤ 5,0 ppm; Cd ≤ 20,0 ppm.	Bổ sung Sắt trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng hoặc xám.	Chemisky Co, Ltd.	China	06/2020
830	Sodium Bicarbonate	138-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sodium bicarbonate (NaHCO ₃ ; độ tinh khiết ≥ 99,0 %). - Chỉ tiêu chất lượng: Sodium bicarbonate (NaHCO ₃) ≥ 99,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 5,0 ppm; As ≤ 1,0 ppm; Cd ≤ 2,0 ppm.	Bổ sung muối (Sodium bicarbonate) trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột kết tinh, màu trắng hoặc trắng nhạt.	Chemisky Co, Ltd.	China	06/2020
831	Electrose	133-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Calcium lactate, Potassium chloride, Magnesium sulphate, Sodium chloride, Sodium hydrogen phosphate, Sodium citrate, Lactobacillus sporogenes, Vitamin C và chất mang (destrose, carbohydrate). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 200,0 g): Canxi: 347,0 - 366,0 mg; Kali: 3.985,0 - 4.195,0 mg; Cloride: 3.613,0 - 3.804,0 mg; Magê: 172,0 - 181,0 mg; Natri: 597,0 - 629,0 mg; Vitamin C ≥ 4,0 mg; Lacto bacillus sporogense ≥ 3,0 × 10 ⁶ CFU. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g.	Bổ sung các chất điện giải và vi khuẩn có lợi đường tiêu hóa trong nước uống cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	Lexington Enterprises Pte., Ltd.	Singapore	06/2020
832	Lex-Sol	134-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin (A, D3, E, B12), các chất phụ gia và chất mang (Propylen glycol, Sorbitol, Polysorbate 80, nước). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 ml): Vitamin A ≥ 12.000,0 IU; Vitamin D3 ≥ 6.000,0 IU; Vitamin E ≥ 48,0 mg; Vitamin B12 ≥ 20,0 mcg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g.	Bổ sung premix vitamin trong nước uống cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu nâu nhạt.	Lexington Enterprises Pte., Ltd.	Singapore	06/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
833	Hepatoactive	131-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Carnitine HCl, Methionine DL, Choline chloride, Magnesium sulphate, Sorbitol, chiết xuất từ cây atisô (Cynarine), chất bảo quản (Prorylene glycol, Potassium sorbate) và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 lít): Carnitine $\geq 25,0$ g; Methionine $\geq 10,0$ g; Choline chloride $\geq 18,75$ g; Magnesium sulphate $\geq 10,0$ g; Sorbitol $\geq 200,0$g; Cynarine $\geq 5,0$ g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g; Pb < 10,0 ppm; As < 4,0 ppm; Cd < 0,5 ppm; Hg < 0,1 ppm.	Chất bổ sung trong thức ăn chăn nuôi cho gia cầm, giúp giải độc gan cải thiện năng suất vật nuôi.	Dạng dung dịch, màu vàng nhạt.	PH Iberica S.L.	Spain	06/2020
834	MultivitActive	132-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin (A, B1, B2, B6, B12, C, D3, E, K3), axit Folic, axit Pantothenic, Biotin, Nicotinamide, Choline chloride, các axit amin (Methionine, Arginine, Leucine, Threonine, Tryptophane, Lysine, Valine, Isoleucine, Phenylalanine, Histidine), chất bảo quản (Propylene glycol), Dextrose, Alcohol ethylic và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 lít): Vitamin A $\geq 2.500.000$ IU; vitamin B1 $\geq 1,5$ g; vitamin B2 $\geq 4,5$ g; vitamin B6 $\geq 2,5$ g; vitamin C $\geq 30,0$ g; vitamin D3 $\geq 2.250.000$ IU; vitamin E ≥ 10.000 IU; axit Pantothenic $\geq 9,0$ g; Nicotinamide ≥ 22 g; Methionine ≥ 200 g; Lysine ≥ 50 g; Valine ≥ 22 g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g; Pb < 10,0 ppm; As < 4,0 ppm; Cd < 0,5 ppm; Hg < 0,1 ppm.	Bổ sung hỗn hợp vitamin và axit amin trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng dung dịch, màu nâu sẫm.	PH Iberica S.L.	Spain	06/2020
835	NitroShure	129-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Urea và chất mang (dầu thực vật). - Chỉ tiêu chất lượng: Urea $\geq 87,0$ %; Nitơ tổng số (Total nitrogen) $\geq 40,0$ %; Béo (Fat) $\geq 9,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 20,0$ ppm; As $\leq 5,0$ ppm; Cd < 0,5 ppm; Hg < 0,2 ppm.	Bổ sung hỗn hợp Nitơ phi protein và dầu thực vật trong thức ăn chăn nuôi cho bò.	Dạng hạt mịn, màu trắng đến be.	Balchem Corporation.	USA	06/2020
836	NiaShure	130-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Niacin (axit Nicotinic) và dầu thực vật đã được hydro hóa. - Chỉ tiêu chất lượng: Niacin $\geq 65,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g; Cd $\leq 0,5$ ppm; Pb $\leq 20,0$ ppm; Hg < 0,2 ppm; As $\leq 5,0$ ppm.	Bổ sung Niacin trong thức ăn chăn nuôi cho bò cạp sữa và vắt sữa.	Dạng hạt, màu trắng đến hơi trắng.	Balchem Corporation.	USA	06/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
837	Topmix: Premix Pig Starter-S111	125-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin A Acetate, D-Activated animal sterol, DL-Alpha tocopheryl acetate, Thiamin hydrochloride, Calcium pantothenate, Niacin, Vitamin B12, Pyridoxine hydrochloride, D-biotin, Riboflavin, Menadione, Axit folic, Manganese sulphate, Zinc sulphate, Ferrous sulfate, Copper sulfate, Potassium iodide, Cobalt sulfate, Sodium selenite, chất chống oxi hóa (Ethoxyquin) và chất mang (cám gạo, bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Vitamin A $\geq 3.600.000,0$ IU; Vitamin D3 $\geq 720.000,0$ IU; Vitamin E $\geq 5.400,0$ IU; Vitamin K3 $\geq 0,9$ g; Vitamin B1 $\geq 0,36$ g; Vitamin B2 $\geq 1,08$ g; Vitamin B6 $\geq 0,54$ g; Vitamin B12 $\geq 0,005$ g; axit Nicotinic (Vitamin B) $\geq 7,2$ g; axit Pantothenic (Vitamin B5) $\geq 4,77$ g; Axit folic $\geq 0,18$ g; Biotin $\geq 0,029$ g; Mangan: 13,3 - 14,7 g; Kẽm: 38,0 - 42,0 g; Sắt: 30,4 - 33,6 g; Đồng: 45,6 - 50,4 g; Iodine: 0,475 - 0,525 g; Coban: 0,266 - 0,294 g; Selen: 0,038 - 0,042 g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 20,0$ ppm; As $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung premix vitamin và khoáng cho lợn con từ cai sữa đến 30 kg.	Dạng bột, màu vàng.	Top Feed Mills Co, Ltd.	Thailand	06/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
838	Topmix: Premix Pig Grower-S222	126-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin A Acetate, D-Activated animal sterol, DL-Alpha tocopheryl acetate, Thiamin mononitrate hoặc thiamin hydrochloride, Calcium pantothenate, Niacin hoặc Niacinamide, Vitamin B12, Pyridoxine hydrochloride, D-biotin, Riboflavin, Menadione, Axit folic, Manganese sulphate, Zinc sulphate hoặc Zinc oxide, Ferrous sulfate, Copper sulfate, Potassium iodide, Cobalt sulfate, Sodium selenite, chất chống oxy hóa (Ethoxyquin) và chất mang (cám gạo, bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Vitamin A $\geq 2.700.000,0$ IU; Vitamin D3 $\geq 540.000,0$ IU; Vitamin E $\geq 3.600,0$ IU; Vitamin K3 $\geq 0,72$ g; Vitamin B1 $\geq 0,36$ g; Vitamin B2 $\geq 1,08$ g; Vitamin B6 $\geq 0,432$ g; Vitamin B12 $\geq 0,0041$ g; axit Nicotinic (Vitamin B) $\geq 5,4$ g; axit Pantothenic (Vitamin B5) $\geq 3,6$ g; Axit folic $\geq 0,072$ g; Biotin $\geq 0,018$ g; Mangan: 13,3 - 14,7 g; Kẽm: 38,0 - 42,0 g; Sắt: 30,4 - 33,6 g; Đồng: 45,6 - 50,4 g; Iodine: 0,475 - 0,525 g; Coban: 0,266 - 0,294 g; Selen: 0,038 - 0,042 g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 20,0$ ppm; As $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 5,0$ ppm, Hg $\leq 0,1$ ppm	Bổ sung premix vitamin và khoáng cho lợn từ 30 đến 60 kg.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	Top Feed Mills Co, Ltd.	Thailand	06/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
839	Topmix: Premix Hog Finisher-S333	127-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin A Acetate, D-Activated animal sterol, DL-Alpha tocopheryl acetate, Thiamin mononitrate hoặc thiamin hydrochloride, Calcium pantothenate, Niacin hoặc Niacinamide, Vitamin B12, Pyridoxine hydrochloride, D-biotin, Riboflavin, Menadione, Axit folic, Manganese sulphate, Zinc sulphate hoặc Zinc oxide, Ferrous sulfate, Copper sulfate, Potassium iodide, Cobalt sulfate, Sodium selenite, chất chống oxy hóa (Ethoxyquin) và chất mang (cám gạo, bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Vitamin A $\geq 2.250.000,0$ IU; Vitamin D3 $\geq 540.000,0$ IU; Vitamin E $\geq 3.600,0$ IU; Vitamin K3 $\geq 0,36$ g; Vitamin B1 $\geq 0,288$ g; Vitamin B2 $\geq 0,864$ g; Vitamin B6 $\geq 0,432$ g; Vitamin B12 $\geq 0,0036$ g; axit Nicotinic (Vitamin B) $\geq 4,32$ g; axit Pantothenic (Vitamin B5) $\geq 2,88$ g; Axit folic $\geq 0,072$ g; Biotin $\geq 0,018$ g; Mangan: 13,3 - 14,7 g; Kẽm: 38,0 - 42,0 g; Sắt: 30,4 - 33,6 g; Đồng: 45,6 - 50,4 g; Iodine: 0,475 - 0,525 g; Coban: 0,266 - 0,294 g; Selen: 0,038 - 0,042 g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 20,0$ ppm; As $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 5,0$ ppm, Hg $\leq 0,1$ ppm	Bổ sung premix vitamin và khoáng cho lợn từ 60 kg đến xuất chuồng.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	Top Feed Mills Co, Ltd.	Thailand	06/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
840	Topmix: Pig Breeder Premix-S444	128-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin A Acetate, D-Activated animal sterol, DL-Alpha tocopheryl acetate, Thiamin mononitrate hoặc thiamin hydrochloride, Calcium pantothenate, Niacin hoặc Niacinamide, Vitamin B12, Pyridoxine hydrochloride, D-biotin, Riboflavin, Menadione, Axit folic, Manganese sulphate, Zinc sulphate hoặc Zinc oxide, Ferrous sulfate, Copper sulfate, Potassium iodide, Cobalt sulfate, Sodium selenite, chất chống oxy hóa (Ethoxyquin) và chất mang (cám gạo, bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Vitamin A $\geq$ 4.500.000,0 IU; Vitamin D3 $\geq$ 1.440.000,0 IU; Vitamin E $\geq$ 5.400,0 IU; Vitamin K3 $\geq$ 0,72 g; Vitamin B1 $\geq$ 0,36 g; Vitamin B2 $\geq$ 1,08 g; Vitamin B6 $\geq$ 0,36 g; Vitamin B12 $\geq$ 0,005 g; axit Nicotinic (Vitamin B) $\geq$ 7,2 g; axit Pantothenic (Vitamin B5) $\geq$ 4,5 g; Axit folic $\geq$ 0,27 g; Biotin $\geq$ 0,036 g; Mangan: 26,6 - 29,4 g; Kẽm: 38,0 - 42,0 g; Sắt: 30,4 - 33,6 g; Đồng: 5,7 - 6,3 g; Iodine: 0,475 - 0,525 g; Coban: 0,38 - 0,42 g; Selen: 0,038 - 0,042 g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli $<$ 10 CFU/g; Pb $\leq$ 20,0 ppm; As $\leq$ 10,0 ppm; Cd $\leq$ 5,0 ppm; Hg $\leq$ 0,1 ppm	Bổ sung premix vitamin và khoáng cho lợn giai đoạn mang thai đến cho con bú.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	Top Feed Mills Co, Ltd.	Thailand	06/2020
841	Nosiheptide Premix	122-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Nosiheptide và chất mang (bột đá, mycelium). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq$ 10,0 %; Nosiheptide: 0,485 - 0,55 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq$ 2,0 ppm; Pb $\leq$ 5,0 ppm; Cd $\leq$ 0,5 ppm.	Bổ sung kháng sinh Nosiheptide trong thức ăn chăn nuôi cho lợn và gia cầm nhằm kích thích khả năng sinh trưởng vật nuôi.	Dạng hạt, màu vàng nhạt đến vàng.	Shandong Qilu King-Phar Pharmaceutical Co, Ltd.	China	06/2020
842	Enramycin Premix	123-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Enramycin và chất mang (Zeolite, mycelium). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq$ 10,0 %; Enramycin: 3,88 - 4,28 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq$ 2,0 ppm; Pb $\leq$ 5,0 ppm; Cd $\leq$ 0,5 ppm.	Bổ sung kháng sinh Enramycin trong thức ăn chăn nuôi cho lợn và gia cầm nhằm kích thích khả năng sinh trưởng vật nuôi.	Dạng bột, màu xám đến nâu xám.	Shandong Qilu King-Phar Pharmaceutical Co, Ltd.	China	06/2020
843	Maduramicin 0,75 % + Nicarbazin 8 %	124-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Maduramicin; Nicarbazin; Ammonium bicarbonate và chất mang (bột lõi ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Nicarbazin: 7,2 - 8,8 %; Maduramicin: 0,675 - 0,825 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq$ 2,0 ppm; Pb $\leq$ 5,0 ppm; Cd $\leq$ 0,5 ppm.	Bổ sung kháng sinh Maduramicin; Nicarbazin trong thức ăn chăn nuôi cho gia cầm nhằm kích thích khả năng sinh trưởng vật nuôi.	Dạng hạt, màu vàng nhạt đến nâu.	Shandong Qilu King-Phar Pharmaceutical Co, Ltd.	China	06/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
844	Bicar Z	121-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Natri Bicarbonate (độ tinh khiết $\geq 99,0\%$). - Chỉ tiêu chất lượng: Natri $\geq 27,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung Natri Bicarbonate trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng tinh thể, màu trắng.	Solvay Chimica Italia S.p.A.	Italy	06/2020
845	Bio-Growth	119-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các Vitamin (A, D3, E, B1, B2, B6, B12, C, Nicotinamide, Pantothenic acid), các axit amin Glycine, Taurine), axit Citric, glucose, chất tạo màu (Ponceau 4R), chất bảo quản (Calcium propionate) và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 lít): Vitamin A $\geq 5.000.000,0$ IU; Vitamin D3 $\geq 1.000.000,0$ IU; Vitamin E $\geq 11.000,0$ IU; Vitamin B1 $\geq 3,0$ g; Vitamin B2 $\geq 3,0$ g; Vitamin B6 $\geq 3,0$ g; Vitamin B12 $\geq 0,01$ g; Vitamin C $\geq 12,5$ g; Nicotinamide $\geq 25,0$ g; Pantothenic acid $\geq 10,0$ g; Citric acid $\geq 40,0$ g; Glycine $\geq 10,0$ g; Taurin $\geq 25,0$ g. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $< 15,0$ ppm; Pb $< 200,0$ ppm.	Bổ sung premix vitamin và axit amin trong thức ăn hoặc nước uống cho gia súc, gia cầm.	Dạng dung dịch, màu đỏ.	TT & D Products Co Ltd.	Thailand	06/2020
846	Pro B1	120-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bổ sung vi khuẩn Bacillus subtilis và chất mang (Bột đậu tương). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0\%$; Bacillus subtilis $\geq 1,0 \times 10^{12}$ CFU/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g; Aflatoxin $< 20,0$ ppb.	Bổ sung vi sinh vật có lợi đường tiêu hóa trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng.	Microinnovate Co Ltd.	Thailand	06/2020
847	Besow	112-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin đơn (B1, B2, B6, B12), chất chống oxy hóa (Ethoxyquin), chất chống kết dính (Silicon dioxide) và chất mang (vỏ trấu, bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Vitamin B1 $\geq 1,25$ g; Vitamin B2 $\geq 2,5$ g; Vitamin B6 $\geq 1,5$ g; Vitamin B12 $\geq 0,0075$ g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $< 1,0$ ppm; Hg $< 0,05$ ppm.	Bổ sung premix vitamin trong thức ăn chăn nuôi lợn.	Dạng bột, màu nâu.	Animal Supplement & Pharmaceutical Co Ltd.	Thailand	06/2020
848	Synergrow	113-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chromium picolinate, chất chống oxy hóa (Ethoxyquin), chất chống kết dính (Silicon dioxide) và chất mang (vỏ trấu, bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: Crôm (Cr): 0,12 - 0,14 g/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm.	Bổ sung Crôm trong thức ăn chăn nuôi lợn giai đoạn 15 kg đến xuất chuồng.	Dạng bột, màu nâu.	Animal Supplement & Pharmaceutical Co Ltd.	Thailand	06/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
849	AA Concentrate Layer	114-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: DL-Methionine, Sodium Chloride, Mono Calcium phosphate, chất chống oxi hóa (Ethoxyquin), chất chống kết dính (Silicon dioxide) và chất mang (vỏ trấu, bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): DL-Methionine $\geq 89,1$ g; Natri: 35,1 - 42,9 g; Phốt pho: 47,25 - 57,75 g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $< 1,0$ ppm; Hg $< 0,05$ ppm.	Bổ sung axit amin và khoáng trong thức ăn chăn nuôi gia cầm.	Dạng bột, màu nâu.	Animal Supplement & Pharmaceutical Co Ltd.	Thailand	06/2020
850	Enerflex	115-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin đơn (B1, B2, B6), chất chống oxi hóa (Ethoxyquin), chất chống kết dính (Silicon dioxide) và chất mang (vỏ trấu, bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Vitamin B1 $\geq 3,0$ g; Vitamin B2 $\geq 12,0$ g; Vitamin B6 $\geq 3,0$ g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm.	Bổ sung premix vitamin trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu.	Animal Supplement & Pharmaceutical Co Ltd.	Thailand	06/2020
851	FT-1	116-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ferrous sulfate, Copper sulfate, Manganese sulfate, Zinc oxide, Sodium selenite, Ferrous proteinate, Copper proteinate, Manganese proteinate, Zinc proteinate, chất chống oxi hóa (Ethoxyquin), chất chống kết dính (Silicon dioxide) và chất mang (vỏ trấu, bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Sắt: 45,0 - 55,0 g; Đồng: 30,0 - 36,67 g; Mangan: 12,0 - 14,66 g; Kẽm: 24,0 - 29,34 g; Selen: 0,18 - 0,22 g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm.	Bổ sung premix khoáng trong thức ăn chăn nuôi lợn.	Dạng bột, màu nâu.	Animal Supplement & Pharmaceutical Co Ltd.	Thailand	06/2020
852	Shellguard	117-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Copper sulfate, Manganese sulfate, Zinc proteinate, chất chống oxi hóa (Ethoxyquin), chất chống kết dính (Silicon dioxide) và chất mang (vỏ trấu, bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Đồng: 9,0 - 11,0 g; Mangan: 36,0 - 44,0 g; Kẽm: 36,0 - 44,0 g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $< 1,0$ ppm; Hg $< 0,05$ ppm.	Bổ sung premix khoáng trong thức ăn cho gia cầm đẻ trứng.	Dạng bột, màu nâu.	Animal Supplement & Pharmaceutical Co Ltd.	Thailand	06/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
853	Prottox	118-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Manganese sulfate; Chất chống kết dính (Silicon dioxide) và chất mang (Hydrated sodium calcium alumino silicate-HSCAS). - Chỉ tiêu chất lượng: Mangan: 4,5 - 5,5 g/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g; Pb ≤ 5,0 ppm; As ≤ 2,0 ppm; Cd ≤ 1,0 ppm; Hg ≤ 0,05 ppm.	Bổ sung Mangan (Mn) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu.	Animal Supplement & Pharmaceutical Co Ltd.	Thailand	06/2020
854	C-Fern NF	110-6/14-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chromium picolinate, Sodium selenite và chất mang (vỏ trấu, bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Crôm (Cr): 0,40 - 0,45 g; Selen (Se): 0,60 - 0,65 g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g; Pb ≤ 0,3 ppm; As ≤ 0,1 ppm; Cd ≤ 0,1 ppm; Hg ≤ 0,005 ppm.	Bổ sung premix khoáng Crôm và Selen trong thức ăn chăn nuôi cho lợn.	Dạng bột, màu xám.	Grand Siam Co, Ltd.	Thailand	06/2020
855	C-Fern 01 NF	111-6/14-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chromium picolinate, Sodium selenite và chất mang (vỏ trấu, bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Crôm (Cr): 0,2 - 0,25 g; Selen (Se): 0,30 - 0,35 g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g; Pb ≤ 0,3 ppm; As ≤ 0,1 ppm; Cd ≤ 0,1 ppm; Hg ≤ 0,005 ppm.	Bổ sung premix khoáng Crôm và Selen trong thức ăn chăn nuôi cho lợn.	Dạng bột, màu xám.	Grand Siam Co, Ltd.	Thailand	06/2020
856	Intraco IVP73L	109-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sản phẩm phụ từ quá trình sản xuất Lysine gồm vi khuẩn bất hoạt Brevibacterium lactofermentum và các chất không tan thu được trong quá trình lên men. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm ≤ 10,0 %; Protein ≥ 73,0 %; Béo ≥ 7,0 %; Lysine ≥ 9,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g.	Bổ sung protein và các chất dinh dưỡng trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng hạt hoặc bột, màu vàng nâu.	Intraco Ltd N.V.	Belgium	06/2020
857	AB Tor - Sel	108-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Nấm men bất hoạt chứa Selen và các chất phụ gia (Magnesium stearate, Maltodextrin). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm < 8,0 %; Selen tổng số: 0,38 - 0,42 %; Protein ≥ 30,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; Pb < 1,0 ppm; As < 0,5 ppm; Cd < 0,1 ppm; Hg < 0,1 ppm.	Bổ sung Selen (từ nấm men bất hoạt chứa selen) trong thức ăn chăn nuôi.	Dạng bột, màu be sáng.	Bio Processing Australia Pty, Ltd.	Australia	06/2020
858	Vita-Acid DBC	107-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các axit (Lactic, Citric), axit Phosphoric và chất mang (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: Axit Lactic ≥ 17,0 %; axit Citric ≥ 3,6 %; axit Phosphoric ≥ 16,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 200,0 ppm; Cd ≤ 15,0 ppm.	Bổ sung các axit trong thức ăn cho gia cầm.	Dạng bột, màu trắng đến xám.	Vitafor N.V.	Belgium	06/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
859	Capsozyme SB PLUS	106-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các enzyme (α -galactosidase, Xylanase) và chất mang (Sepiplite). - Chỉ tiêu chất lượng: α -galactosidase $\geq 35,0$ GALU/g; Xylanase $\geq 45,0$ AXC/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E.coli < 10 CFU/g; Pb < 5,0 ppm; As < 1,0 ppm; Cd < 2,0 ppm; Hg < 0,1 ppm.	Bổ sung các enzyme tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi lợn và gia cầm.	Dạng bột, màu be.	Industrial Tecnica Pecuaria, S.A.	Spain	06/2020
860	Copper Sulfate Pentahydrate (Feed grade)	105-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Copper Sulfate Pentahydrate ($\text{CuSO}_4 \cdot 5\text{H}_2\text{O}$). - Chỉ tiêu chất lượng: Đồng (Cu): 24,7 - 25,5 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 30,0$ ppm; Hg $\leq 5,0$ ppm.	Bổ sung Đồng (Cu) trong thức ăn chăn nuôi cho lợn.	Dạng bột, màu xanh.	Meridian World SDN, BHD.	Malaysia	06/2020
861	Nutriforte Poultry	104-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit hữu cơ (Formic; Propionic; Acetic; Lactic; Sorbic; Citric monohydrate); Các vitamin (B3 (Niacinamide); B5 (D-Panthothenic acid); B1 (Thiamin HCl); B6 (Pyridoxin HCl); B11 (Folic acid); H (Biotin); B12 (Cobalamin)); Axit amin (L-Lysine HCl; DL-Methionine; L-Threonine; L-Tryptophane); Magnesium chloride hexahydrate; Manganese chloride tetrahydrate; Copper chelate; Ethanol; Choline chloride; Glucose; Ammonium formate và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Axit Formic: 95,0 - 105,0 g; Axit Propionic: 82,0 - 92,0 g; Axit Acetic: 38,0 - 46,0 g; Axit Lactic: 13,0 - 15,0 g; Axit Citric: 4,5 - 5,5 g; Axit Sorbic: 2,1 - 2,7 g; Magiê (Mg): 85,0 - 95,0 g; Đồng (Cu): 34,0 - 42,0 g; Kẽm (Zn): 7,0 - 8,0 g; Mangan (Mn): 1,3 - 1,7 g; Choline: 12,0 - 14,0 g; L - Lysine $\geq 1,3$ g; DL - Methionine $\geq 1,1$ g; L-Threonine $\geq 360,0$ mg; L-Tryptophane $\geq 45,0$ mg; Vitamin B3 $\geq 225,0$ mg; Vitamin B5 $\geq 225,0$ mg; Vitamin B1 $\geq 90,0$ mg; Vitamin B6 $\geq 90,0$ mg; Vitamin B11 $\geq 4,5$ mg; Vitamin H $\geq 0,9$ mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb < 100,0 ppm; As < 4,0 ppm; Cd < 10,0 ppm; Hg < 0,2 ppm.	Bổ sung premix vitamin, khoáng và amino acid trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu xanh.	Kanters Special Products, BV.	The Netherlands	06/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
862	NUCAP	103-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: 100% Khô dầu đậu tương được lên men bởi vi khuẩn <i>Lactobacillus salivaris</i>. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm < 10,0 %; Protein thô > 50,0 %; Béo < 2,6 %; Xơ thô < 4,5 %; Khoáng tổng số < 7,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 50 g; E.coli < 10 CFU/g; Pb < 10,0 ppm; As < 0,1 ppm; Cd < 0,1 ppm; Hg < 0,02 ppm.	Bổ sung protein trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu nhạt hoặc vàng.	Total Nutrition Technologies Co, Ltd.	Taiwan	06/2020
863	TopEnrich	102-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Nấm men <i>Saccharomyces cerevisiae</i> và chất mang (Bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm < 1,0 %, <i>Saccharomyces cerevisiae</i> > $1,0 \times 10^6$ CFU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g; Pb < 10,0 ppm; As < 3,0 ppm; Cd < 0,5 ppm; Hg < 0,1 ppm.	Bổ sung vi sinh vật có lợi đường tiêu hóa vật nuôi (<i>Saccharomyces cerevisiae</i>) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu xám nhạt.	Enriching Innovation Biotech Co, Ltd.	Taiwan	06/2020
864	SMIBIOTICS Bacillus Subtilis	100-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vi khuẩn <i>Bacillus subtilis</i> và chất mang (tinh bột ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm ≤ 10,0 %; <i>Bacillus subtilis</i> ≥ $2,0 \times 10^{10}$ CFU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g; Pb ≤ 5,0 ppm; As ≤ 2,0 ppm.	Bổ sung vi khuẩn có lợi đường tiêu hóa vật nuôi (<i>Bacillus subtilis</i>) cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Beijing Smile Feed Sci. & Tech. Co, Ltd.	China	06/2020
865	SMIBIOTICS Bacillus Licheniformis	101-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vi khuẩn <i>Bacillus Licheniformis</i> và chất mang (tinh bột ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm ≤ 10,0 %; <i>Bacillus Licheniformis</i> ≥ $2,0 \times 10^{10}$ CFU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g; Pb ≤ 5,0 ppm; As ≤ 2,0 ppm.	Bổ sung vi khuẩn có lợi đường tiêu hóa vật nuôi (<i>Bacillus Licheniformis</i>) cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Beijing Smile Feed Sci. & Tech. Co, Ltd.	China	06/2020
866	Zinc Sulphate Monohydrate	99-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Zinc Sulphate Monohydrate ($\text{ZnSO}_4 \cdot \text{H}_2\text{O}$). - Chỉ tiêu chất lượng: Kẽm (Zn): 35,5 - 36,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As ≤ 5,0 ppm; Cd ≤ 10,0 ppm; Pb ≤ 15,0 ppm.	Bổ sung Kẽm (Zn) trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	Isky (Xiangtan) Bio-Chem Technology Co, Ltd.	China	06/2020
867	Betaine Anhydrous 96%	97-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Betaine và chất chống kết dính (Ca-stearate). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm ≤ 2,0 %, Betaine ≥ 96,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 5,0 ppm; As ≤ 2,0 ppm.	Bổ sung Betaine trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng hạt nhỏ mịn, màu trắng đến nâu nhạt.	Shandong Aocter Chemical Co, Ltd.	China	06/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
868	Betaine HCl 98%	98-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Betaine HCl. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 2,0$ %, Betaine $\geq 70,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm.	Bổ sung Betaine trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng hạt nhỏ mịn, màu trắng đến nâu nhạt.	Shandong Aocter Chemical Co, Ltd.	China	06/2020
869	Manganese Sulphate Monohydrate	96-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Manganese Sulphate Monohydrate (MnSO ₄ .H ₂ O). - Chỉ tiêu chất lượng: Mangan (Mn): 31,0 - 33,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 5,0$ ppm; Cd $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 15,0$ ppm.	Bổ sung Mangan (Mn) trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng đến màu hồng.	Isky (Xiangtan) Bio-Chem Technology Co, Ltd.	China	06/2020
870	Essential	95-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất vỏ hạt điều, dầu thầu dầu và chất mang (Silica). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 5,0$ %; Cardol $\geq 4,0$ %; Cardonol $\geq 20,0$ %; axit Ricinoleic $\geq 9,0$ %; Béo thô $\geq 35,0$ %; chỉ số Peroxid ≤ 10 mEq/kg; chỉ số axit $\leq 7,0$ mg KOH/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 3,0$ ppm; Cd $\leq 0,1$ ppm; Pb $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm; .	Bổ sung hỗn hợp tinh dầu chiết xuất từ vỏ hạt điều và dầu thầu dầu trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện khả năng tiêu hóa của vật nuôi.	Dạng bột, màu nâu.	Oligo Basics Agroindustrial LTDA.	Brazil	06/2020
871	Bioacid	93-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp các axit (Phosphoric, Lactic, Citric, Fumaric) và chất mang (Silicon dioxide). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 13,0$ %, axit Phosphoric $\geq 30,0$ %, axit Lactic $\geq 10,0$ %, axit Citric $\geq 15,0$ %, axit Fumaric $\geq 5,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 30,0$ ppm; As $\leq 10,0$ ppm.	Bổ sung hỗn hợp các axit hữu cơ và vô cơ trong thức ăn gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng hạt hoặc bột, màu trắng xám.	Greencore Feed Science & Technology Co, Ltd.	China	06/2020
872	SR ACID	94-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sodium butyrate, axit phosphoric, chất nhũ hóa (Glyceryl monosterate) và chất mang (Silicon dioxide). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 13,0$ %; Sodium butyrate $\geq 30,0$ %, axit Phosphoric $\geq 5,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 30,0$ ppm; As $\leq 10,0$ ppm.	Bổ sung hỗn hợp muối axit hữu cơ trong thức ăn gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi	Dạng hạt, màu trắng xám.	Greencore Feed Science & Technology Co, Ltd.	China	06/2020
873	Soy Protein Concentrate	92-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Đạm đậu tương cô đặc (sản phẩm thu được từ hạt đậu tương sau khi đã tách vỏ, dầu, tinh bột). - Chỉ tiêu chất lượng: Protein $\geq 65,0$ %; Độ ẩm $\leq 7,0$ %; Mỡ thô $\leq 1,5$ %; Xơ thô $\leq 6,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g.	Đạm đậu tương cô đặc nhằm bổ sung Protein trong thức ăn chăn nuôi.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Shandong Changrun Biology Co, Ltd.	China	06/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
874	Star Pro Premium Feline Formula	91-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: ngô, phụ phẩm từ chế biến thịt gia cầm, mỡ động vật, khô dầu đậu tương, bột mì, bột củ cải đường, whey, lecithin, chất tạo mùi, premix vitamin- khoáng, muối, nấm men khô, axit hữu cơ, chất axit hóa. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein $\geq 30,0$ %; Mỡ thô $\geq 15,0$ %; Xơ thô $\leq 3,5$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 250,0$ ppb; As $\leq 100,0$ ppb; Cd $< 100,0$ ppb.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho mèo.	Dạng viên, màu nâu.	Texas Farm Products Company.	USA	06/2020
875	Gly Eggshell	86-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Kẽm-glycine chelated, Đồng- glycine chelated, Sắt- glycine chelated, Mangan-glycine chelated, các chất mang (bột đá, sepiolite). - Chỉ tiêu chất lượng: Kẽm: 5,5 - 6,5 %; Đồng: 0,55 - 0,65 %; Sắt: 3,1 - 3,3 %; Mangan: 5,5 - 6,5 %; Glycine: 18,3 - 19,5 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $< 15,0$ ppm; As $< 5,0$ ppm; Cd $< 2,0$ ppm; Hg $< 1,0$ ppm;	Bổ sung hỗn hợp khoáng hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia cầm đẻ.	Dạng bột, màu trắng xám.	LIPTOSA (Lipidos Toledo S.A.).	Spain	06/2020
876	Glyadd Zn	87-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Kẽm-glycine chelated và các chất mang (sepiolite, silicon dioxide). - Chỉ tiêu chất lượng: Kẽm: 25,5 - 26,3 %; Glycine: 29,2 - 30,5 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $< 15,0$ ppm; As $< 5,0$ ppm; Cd $< 2,0$ ppm; Hg $< 1,0$ ppm;	Bổ sung khoáng Kẽm hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	LIPTOSA (Lipidos Toledo S.A.).	Spain	06/2020
877	Glyadd Cu	88-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Đồng-glycine chelated và các chất mang (sepiolite, silicon dioxide). - Chỉ tiêu chất lượng: Đồng: 23,5 - 24,5 %; Glycine: 27,5 - 28,5 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $< 15,0$ ppm; As $< 5,0$ ppm; Cd $< 2,0$ ppm; Hg $< 1,0$ ppm;	Bổ sung khoáng Đồng hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu xanh dương.	LIPTOSA (Lipidos Toledo S.A.).	Spain	06/2020
878	Glyadd Fe	89-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sắt-glycine chelated và chất mang (silicon dioxide). - Chỉ tiêu chất lượng: Sắt: 19,7 - 20,4 %; Glycine: 23,5 - 24,5 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $< 15,0$ ppm; As $< 5,0$ ppm; Cd $< 2,0$ ppm; Hg $< 1,0$ ppm;	Bổ sung khoáng Sắt hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng.	LIPTOSA (Lipidos Toledo S.A.).	Spain	06/2020
879	Glyadd Mn	90-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Mangan-glycine chelated và chất mang (silicon dioxide). - Chỉ tiêu chất lượng: Mangan: 19,6 - 20,3 %; Glycine: 26,5 - 27,5 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $< 15,0$ ppm; As $< 5,0$ ppm; Cd $< 2,0$ ppm; Hg $< 1,0$ ppm;	Bổ sung khoáng Mangan hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu hồng nhạt	LIPTOSA (Lipidos Toledo S.A.).	Spain	06/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
880	PEDIGREE Beef and Vegetable Flavor	83-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sản phẩm từ ngũ cốc, phụ phẩm của quá trình chế biến gia cầm, dầu đậu tương, dầu cọ, xơ dễ tiêu hóa, chất tạo mùi, bột carrot, chất tạo màu, chất bảo quản, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0\%$; Protein $\geq 18,0\%$; Năng lượng trao đổi $\geq 3.500,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 10,0\%$; Xơ thô $\leq 5,0\%$; Khoáng tổng số $\leq 8,0\%$; Lysine $\geq 0,63\%$; Methionine + Cystine $\geq 0,43\%$; Canxi: $0,6 - 2,5\%$; Phốtpho: $0,5 - 1,6\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; Pb $\leq 3,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,3$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó trưởng thành.	Dạng viên; màu nâu, vàng, xanh.	Mars Petcare (Thailand) Co, Ltd.	Thailand	06/2020
881	PEDIGREE Chicken and Vegetables Flavor	84-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sản phẩm từ ngũ cốc, phụ phẩm của quá trình chế biến gia cầm, dầu đậu tương, dầu cọ, xơ dễ tiêu hóa, chất tạo mùi, bột carrot, chất bảo quản, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0\%$; Protein $\geq 18,0\%$; Năng lượng trao đổi $\geq 3.500,0$ Kcal; Béo $\geq 10,0\%$; Xơ thô $\leq 5,0\%$; Khoáng tổng số $\leq 8,0\%$; Lysine $\geq 0,63\%$; Methionine + Cystine $\geq 0,43\%$; Canxi: $0,6 - 2,5\%$; Phốtpho: $0,5 - 1,6\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E coli không phát hiện trong 1 g; Pb $\leq 3,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,3$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó trưởng thành.	Dạng viên; màu nâu, xám, cam, xanh.	Mars Petcare (Thailand) Co, Ltd.	Thailand	06/2020
882	PEDIGREE Puppy Chicken Egg and Milk Flavor	85-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sản phẩm từ ngũ cốc, phụ phẩm của quá trình chế biến gia cầm, dầu đậu tương, dầu cọ, xơ dễ tiêu hóa, chất tạo mùi, bột carrot, bột trứng gà, chất tạo màu, chất bảo quản, premix vitamin và khoáng, nước. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0\%$; Protein $\geq 26,0\%$; Năng lượng trao đổi $\geq 3.500,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 12,0\%$; Xơ thô $\leq 5,0\%$; Khoáng tổng số $\leq 8,0\%$; Lysine $\geq 0,77\%$; Methionine + Cystine $\geq 0,53\%$; Canxi: $1,0 - 2,5\%$; Phốtpho: $0,8 - 1,6\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E coli không phát hiện trong 1 g; Pb $\leq 3,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,3$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó con.	Dạng viên; màu nâu, cam, xám.	Mars Petcare (Thailand) Co, Ltd.	Thailand	06/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
883	Natugrain Wheat TS	82-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Enzyme Xylanase (Từ chiết xuất lên men <i>Aspergillus niger</i>) và chất mang (Cám lúa mì). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Xylanase $\geq 5.600,0$ TXU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: <i>Salmonella</i> không phát hiện trong 25 g; <i>E. coli</i> < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 3,0$ ppm; Cd $< 0,5$ ppm; Hg $< 0,5$ ppm.	Bổ sung enzyme Xylanase có lợi đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột, màu be nhạt đến nâu.	Basf SE.	Germany	06/2020
884	Mori-Max	81-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vi khuẩn <i>Bacillus subtilis</i> ; chất chống kết dính (Calcium acetate) và chất mang (bã bia sấy khô). - Chỉ tiêu chất lượng: <i>Bacillus subtilis</i> $> 1,0 \times 10^8$ CFU/g - Chỉ tiêu vệ sinh: <i>Salmonella</i> không phát hiện trong 25 g; <i>E. coli</i> < 10 CFU/g; Pb $< 40,0$ ppm; As $< 20,0$ ppm; Cd $< 2,0$ ppm; Hg $< 0,5$ ppm.	Bổ sung vi khuẩn có lợi đường tiêu hóa vật nuôi (<i>Bacillus subtilis</i>) cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu vàng đến nâu sáng.	Biotopia Co, Ltd.	Korea	06/2020
885	Sunpet puppy H.E	78-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ngũ cốc, thịt và sản phẩm từ thịt (lợn và bò), dầu thực vật và mỡ động vật, cá, rau, sữa và sản phẩm từ sữa, nấm men, premix vitamin và khoáng - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 9,0$ %; Protein thô $\geq 29,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.785,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 19,0$ %; Xơ $\leq 3,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 7,0$ %; Lysine $\geq 17,0$ %; Methionine + Cystine $\geq 13,0$ %; Canxi: 1,5 - 2,4 %; Phốtpho: 0,8 - 1,2 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: <i>Salmonella</i> không phát hiện trong 25 g; <i>E. coli</i> không phát hiện trong 1 g; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó mang thai và nuôi con.	Dạng viên tròn, màu nâu.	Jonker Petfood B.V.	The Netherlands	06/2020
886	Sunpet Adult	79-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ngũ cốc, thịt và sản phẩm từ thịt (lợn và bò), dầu thực vật và mỡ động vật, rau, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 9,0$ %; Protein $\geq 21,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.157,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 7,5$ %; Xơ $\leq 3,9$ %; Khoáng tổng số $\leq 8,0$ %; Lysine $\geq 10,0$ %; Methionine + Cystine $\geq 6,5$ %; Canxi: 1,8 - 2,4 %; Phốtpho: 1,1 - 1,2 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: <i>Salmonella</i> không phát hiện trong 25 g; <i>E. coli</i> không phát hiện trong 1 g; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó trưởng thành.	Dạng viên tròn, màu nâu.	Jonker Petfood B.V.	The Netherlands	06/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
887	Sunpet Catfood	80-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ngũ cốc, thịt và sản phẩm từ thịt (lợn và bò), dầu thực vật và mỡ động vật, cá ngừ và sản phẩm từ cá, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 9,0\%$; Protein $\geq 30,0\%$; Năng lượng trao đổi $\geq 3.283,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 10,0\%$; Xơ $\leq 3,5\%$; Khoáng tổng số $\leq 8,5\%$; Lysine $\geq 16,0\%$; Methionine + Cystine $\geq 10,0\%$; Canxi: 1,5 - 2,4 %; Phốtpho: 1,0 - 1,2 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho mèo.	Dạng viên tròn, màu nâu.	Jonker Petfood B.V.	The Netherlands	06/2020
888	Porkhide Strips	77-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Da lợn khô và chất bảo quản (Potassium Sorbate). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 25,0\%$; Protein $\geq 50,0\%$; béo $\leq 5,0\%$; khoáng tổng số $\geq 1,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; tổng số vi khuẩn hiếu khí $< 10,0$ CFU/g; Cd $\leq 1,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm.	Sử dụng làm nguyên liệu thức ăn cho chó.	Dạng tấm (miếng), màu vàng nhạt tự nhiên.	WenZhou PetPal Hi Tech Pet Nutrition Products Co, Ltd.	China	06/2020
889	Sangrovit Extra	71-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Natri clorua, chất tạo hương vị (chiết xuất từ cây Macleaya cordata), chất kết dính (Lignosulphonates). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Sanguinarine $\geq 0,5\%$. - Các chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 200,0$ ppm; As $\leq 20,0$ ppm; Cd $\leq 20,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung chất tạo hương vị từ chiết xuất thực vật trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện khả năng ăn vào của vật nuôi.	Dạng hạt mịn, màu từ nâu đến đỏ.	Phytobiotics Futterzusatzstoffe GmbH.	Germany	06/2020
890	Sangrovit RS	72-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Natri clorua, bột xanh, béo thực vật, chất tạo hương vị (chiết xuất từ cây Macleaya cordata). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Sanguinarine $\geq 0,15\%$. - Các chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 200,0$ ppm; As $\leq 20,0$ ppm; Cd $\leq 20,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung chất tạo hương vị từ chiết xuất thực vật trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện khả năng ăn vào của vật nuôi.	Dạng bột, màu xanh.	Phytobiotics Futterzusatzstoffe GmbH.	Germany	06/2020
891	Plexomin Cu 24	73-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: hợp chất chelate Đồng với axit amin Glycine. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Đồng (Cu): 21,6 - 26,4 %. - Các chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 200,0$ ppm; As $\leq 20,0$ ppm; Cd $\leq 20,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung khoáng Đồng hữu cơ trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu xanh nhạt đến xanh.	Phytobiotics Futterzusatzstoffe GmbH.	Germany	06/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
892	Plexomin Fe 20	74-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: hợp chất chelate Sắt với axit amin Glycine. - Chỉ tiêu chất lượng: Ẩm độ $\leq 10,0$ %; Sắt (Fe): 18,0 - 22,0 %. - Các chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 200,0$ ppm; As $\leq 20,0$ ppm; Cd $\leq 20,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung khoáng Sắt hữu cơ trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng hạt, màu be đến nâu.	Phytobiotics Futterzusatzstoffe GmbH.	Germany	06/2020
893	Plexomin Mn 22	75-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: hợp chất chelate Mangan với axit amin Glycine. - Chỉ tiêu chất lượng: Ẩm độ $\leq 10,0$ %; Mangan (Mn): 19,8 - 24,2 %. - Các chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 200,0$ ppm; As $\leq 20,0$ ppm; Cd $\leq 20,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung khoáng Mangan hữu cơ trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng đến hồng.	Phytobiotics Futterzusatzstoffe GmbH.	Germany	06/2020
894	Plexomin Zn 26	76-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: hợp chất chelate Kẽm với axit amin Glycine. - Chỉ tiêu chất lượng: Ẩm độ $\leq 10,0$ %; Kẽm (Zn): 23,4 - 28,6 %. - Các chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 200,0$ ppm; As $\leq 20,0$ ppm; Cd $\leq 20,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung khoáng Kẽm hữu cơ trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng hạt, màu trắng đến xám.	Phytobiotics Futterzusatzstoffe GmbH.	Germany	06/2020
895	Cat's Eye Kitten & Cat	59-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gà, bột cá, bột ngô vàng, bột lúa mì, bột đỗ tương, bã rượu, củ cải đường, bột cellulose, hạt lanh, dầu đậu tương, mỡ động vật, nấm men khô, nội tạng gia cầm, chiết xuất từ Yucca, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein $\geq 31,5$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.450,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 12,5$ %; Xơ thô $\leq 4,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 10,0$ %; Lysine tổng số $\geq 1,242$ %; Methionine + Cystine $\geq 1,139$ %; Canxi: 1,0 - 2,0 %; Photpho: 0,8 - 1,6 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g; Aflatoxin B1 $\leq 10,0$ ppb; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho mèo sau 03 tháng tuổi.	Dạng viên, màu nâu.	Daehan Feed Co, Ltd.	Korea	06/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
896	Iskhan Allergy Free	60-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Protein đậu tương thủy phân, bột gia cầm thủy phân, gạo còn vỏ, dầu đậu tương, mỡ gà, hạt lanh, hương liệu tự nhiên thủy phân, chiết xuất từ Yucca, enzymes (amylase, protease), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein $\geq 21,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.300,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 11,0$ %; Xơ thô $\leq 8,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 12,0$ %; Lysine $\geq 0,924$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,636$ %; Canxi: $0,65 - 2,0$ %; Phốtpho: $0,7 - 2,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g; Aflatoxin B1 $\leq 10,0$ ppb; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó sau 12 tháng tuổi.	Dạng viên, màu nâu.	Daehan Feed Co, Ltd.	Korea	06/2020
897	Iskhan Baby starter	61-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gà thủy phân, bột gia cầm, gạo còn vỏ, mỡ gà, dầu cá hồi, sắn hạt, protein đậu tương thủy phân, cellulose tinh khiết, bột cá biển, protein động vật thủy phân, bột trứng, hạt lanh, nấm men, Fructooligosaccharide, probiotic (Bacillus subtilis), sữa non, kháng thể trứng gà (Immunoglobulin yolk), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein $\geq 30,0$ %; Năng lượng trao đổi (ME) $\geq 3.850,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 21,0$ %; Xơ thô $\leq 6,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 9,0$ %; Lysine $\geq 1,14$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,717$ %; Canxi: $1,0 - 1,8$ %; Phốtpho: $1,0 - 1,8$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g; Aflatoxin B1 $\leq 10,0$ ppb; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó con và chó nuôi con.	Dạng viên, màu nâu.	Daehan Feed Co, Ltd.	Korea	06/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
898	Iskhan Cat Grain Free Adult	62-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt cá hồi, thịt cá ngừ, thịt gà, bột cellulose, mỡ gà, dầu cá, thịt gà, hỗn hợp trái cây (dâu tây, cam, táo, chuối, xoài), hạt lanh, rau hỗn hợp (cà chua, củ cải đường, sup lơ xanh, cây mùi tây), Beta-carotene, Fructooligosaccharide, protease, hỗn hợp thảo dược, chiết xuất từ tỏi, chiết xuất từ Yucca, probiotic (Bacillus subtilis), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein $\geq 33,0$ % g; Năng lượng trao đổi (ME) $\geq 3.650,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 16,0$ %; Xơ thô $\leq 7,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 9,0$ %; Lysine $\geq 1,332$ %; Methionine + Cystine $\geq 1,221$ %; Canxi: 0,95 - 2,5 %; Phốtpho: 1,0 - 1,8 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g; Aflatoxin B1 $\leq 10,0$ ppb; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho mèo trưởng thành (sau 10 tháng tuổi).	Dạng viên, màu nâu.	Daehan Feed Co, Ltd.	Korea	06/2020
899	Iskhan Cat Grain Free Kitten	63-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt cá hồi, thịt cá ngừ, thịt gà, gạo còn vỏ, bột cellulose, mỡ gà, dầu cá, thịt gà khử nước, hỗn hợp trái cây (dâu tây, cam, táo, chuối, xoài), hạt lanh, rau hỗn hợp (cà chua, củ cải đường, súp lơ xanh, cây mùi tây), Beta-carotene, Fructooligosaccharide, protease, hỗn hợp thảo dược, chiết xuất từ tỏi, chiết xuất từ Yucca, probiotic (Bacillus subtilis), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein $\geq 36,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.850,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 20,0$ %; Xơ thô $\leq 5,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 10,0$ %; Lysine $\geq 1,368$ %; Methionine + Cystine $\geq 1,254$ %; Canxi: 1,0 - 2,0 %; Phốtpho: 0,9 - 2,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g; Aflatoxin B1 $\leq 10,0$ ppb; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho mèo sau 02 tháng tuổi.	Dạng viên, màu nâu.	Daehan Feed Co, Ltd.	Korea	06/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
900	Iskhan Junior	64-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gia cầm, bột gia cầm, bột sắn bột, bột khoai tây, bột chuối, bột gia cầm thủy phân, hỗn hợp hoa quả và rau (carot, cà chua, củ cải đường, súp lơ xanh, cây mùi tây, đậu tây, cam, táo), mỡ gà, dầu cá hồi, cellulose tinh khiết, bột trứng, nấm men, hạt lanh, lecithin, Beta-carotene, kháng thể trứng gà (Immunoglobulin york), Fructooligosaccharide, protease, hỗn hợp thảo dược, chiết xuất từ tỏi, chiết xuất thảo dược (cây húng tây, cỏ cari, tỏi, táo bẹ), chiết xuất Yucca, probiotic (Bacillus subtilis), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein $\geq 32,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.850,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 21,0$ %; Xơ $\leq 3,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 9,0$ %; Lysine $\geq 1,14$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,78$ %; Canxi: 1,1 - 2,0 %; Phốtpho: 0,8 - 1,6 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g; Aflatoxin B1 $\leq 10,0$ ppb; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó con.	Dạng viên, màu nâu.	Daehan Feed Co, Ltd.	Korea	06/2020
901	Iskhan Performance	65-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gia cầm, bột gia cầm, bột sắn bột, bột khoai tây, bột chuối, bột gia cầm thủy phân, hỗn hợp hoa quả và rau (carot, cà chua, củ cải đường, súp lơ xanh, cây mùi tây, đậu tây, cam, táo), mỡ gà, dầu cá hồi, cellulose tinh khiết, bột trứng, nấm men, hạt lanh, lecithin, probiotics (Bacillus subtilis), Beta-carotene, kháng thể trứng gà (Immunoglobulin york), Fructooligosaccharide, chiết xuất từ tỏi, chiết xuất thảo dược (cây húng tây, cỏ cari, tỏi, táo bẹ), chiết xuất Yucca, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein $\geq 26,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.650,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 16,0$ %; Xơ $\leq 3,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 9,0$ %; Lysine $\geq 1,096$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,754$ %; Canxi: 1,1 - 2,0 %; Phốtpho: 0,8 - 1,3 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g; Aflatoxin B1 $\leq 10,0$ ppb; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó giai đoạn sinh trưởng.	Dạng viên, màu nâu.	Daehan Feed Co, Ltd.	Korea	06/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
902	Iskhan Sensitive Duck & Vegetable	66-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt vịt bỏ xương, thịt gia cầm, khoai lang, bột sắn hạt, bột khoai tây, bột chuối, bột gia cầm thủy phân, hỗn hợp hoa quả và rau (carot, cà chua, củ cải đường, súp lơ xanh, cây mùi tây, đậu tây, cam, táo), mỡ gà, dầu cá hồi, cellulose tinh khiết, bột trứng, nấm men, hạt lanh, lecithin, probiotics (Bacillus subtilis), Beta-carotene, Fructooligosaccharide, chiết xuất từ tỏi, chiết xuất thảo dược (cỏ cari, tỏi, táo bẹ), chiết xuất Yucca, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein $\geq 25,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.600,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 16,0$ %; Xơ $\leq 5,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 12,0$ %; Lysine $\geq 1,14$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,78$ %; Canxi: 1,2 - 2,0 %; Phốtpho: 0,8 - 1,3 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g; Aflatoxin B1 $\leq 10,0$ ppb; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó giai đoạn sinh trưởng.	Dạng viên, màu nâu.	Daehan Feed Co, Ltd.	Korea	06/2020
903	Iskhan Sensitive Salmon & Potato	67-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Cá hồi, thịt gia cầm, khoai lang, bột sắn hạt, bột khoai tây, bột chuối, bột gia cầm thủy phân, hỗn hợp hoa quả và rau (carot, cà chua, củ cải đường, súp lơ xanh, cây mùi tây, đậu tây, cam, táo), mỡ gà, dầu cá hồi, cellulose tinh khiết, bột trứng, nấm men, hạt lanh, lecithin, probiotics (Bacillus subtilis), Beta-carotene, Fructooligosaccharide, chiết xuất từ tỏi, chiết xuất thảo dược (cỏ cari, tỏi, táo bẹ), chiết xuất Yucca, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein $\geq 25,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.600,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 16,0$ %; Xơ $\leq 5,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 12,0$ %; Lysine $\geq 1,14$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,78$ %; Canxi: 1,2 - 2,0 %; Phốtpho: 0,8 - 1,3 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g; Aflatoxin B1 $\leq 10,0$ ppb; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó giai đoạn sinh trưởng.	Dạng viên, màu nâu.	Daehan Feed Co, Ltd.	Korea	06/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
904	Probest Adult	68-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Phụ phẩm chế biến gia cầm, bột ngô vàng, bột lúa mỳ, bột gạo, mỡ gia cầm, bột đỗ tương bỏ vỏ, bột củ cải đường, nấm men khô, bột gia cầm, choline chloride, chất bảo quản (Ethoxyquin), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein $\geq 22,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.250,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 10,0$ %; Xơ $\leq 3,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 10,0$ %; Lysine $\geq 0,858$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,591$ %; Canxi: $0,9 - 1,9$ %; Phốtpho: $0,8 - 1,8$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g; Aflatoxin B1 $\leq 10,0$ ppb; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó trưởng thành.	Dạng viên, màu nâu.	Daehan Feed Co, Ltd.	Korea	06/2020
905	Probest Growth	69-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Phụ phẩm chế biến gia cầm, bột ngô vàng, bột lúa mỳ, bột gạo, mỡ gia cầm, bột đỗ tương bỏ vỏ, bột củ cải đường, Mỡ động vật, nấm men khô, bột gia cầm, choline chloride, chất bảo quản (Ethoxyquin), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein thô $\geq 25,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.500,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 12,0$ %; Xơ $\leq 3,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 11,0$ %; Lysine $\geq 0,924$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,636$ %; Canxi: $1,0 - 2,0$ %; Phốtpho: $1,0 - 2,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g; Aflatoxin B1 $\leq 10,0$ ppb; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó giai đoạn sinh trưởng.	Dạng viên, màu nâu.	Daehan Feed Co, Ltd.	Korea	06/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
906	Probest Puppy	70-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Phụ phẩm chế biến gia cầm, bột ngô vàng, bột lúa mỳ, bột gạo, mỡ gia cầm, bột đỗ tương bỏ vỏ, bột củ cải đường, nấm men khô, bột gia cầm, choline chloride, chiết xuất từ Yucca, chất bảo quản (Ethoxyquin), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein thô $\geq 30,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.500,0$ Kcal; Béo $\geq 16,0$ %; Xơ thô $\leq 3,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 12,0$ %; Lysine $\geq 0,937$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,645$ %; Canxi: $1,0 - 2,3$ %; Phốtpho: $1,0 - 2,3$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g; Aflatoxin B1 $\leq 10,0$ ppb; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó con.	Dạng viên, màu nâu.	Daehan Feed Co, Ltd.	Korea	06/2020
907	Copper Sulfate Pentahydrate	58-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Copper sulfate pentahydrate (CuSO₄.5H₂O). - Chỉ tiêu chất lượng: Đồng (Cu): $25,0 - 26,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 50,0$ ppm; Cd $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,5$ ppm; As $\leq 12,0$ ppm.	Bổ sung khoáng đồng (Cu) trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm.	Dạng tinh thể, màu xanh.	Max Chemicals Co., Ltd.	Taiwan	06/2020
908	LinkAcid H.C	236-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit hữu cơ (Phosphoric và Citric) và chất mang (axit Silicic). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 13,0$ %; axit Phosphoric $\geq 19,3$ %; axit Citric $\geq 25,2$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 4,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung hỗn hợp axit hữu cơ (Phosphoric và Citric) trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột, màu trắng.	Industrial Tecnica Pecuaria, S.A.	Spain	16/10/2020
909	LinkAtiox Feed	237-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit Citric, chất chống oxy hoá (Propyl gallate, Ethoxyquin, BHT) và chất mang (axit Silicic và bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 13,0$ %; Axit Citric $\geq 0,9$ %; Ethoxyquin: $4,9 - 6,0$ %; Propyl gallate: $0,9 - 1,1$ %; BHT: $0,9 - 1,1$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 4,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung chất chống oxy hóa (Propyl gallate, Ethoxyquin, BHT) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu.	Industrial Tecnica Pecuaria, S.A.	Spain	16/10/2020
910	LinkAcid Premium	238-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit hữu cơ (Phosphoric, Lactic, Citric, Fumaric) và chất mang (axit Silicic). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 13,0$ %; axit Phosphoric $\geq 15,5$ %; axit Lactic $\geq 15,1$ %; axit Citric $\geq 3,6$ %; axit Fumaric $\geq 0,9$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 4,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung hỗn hợp axit hữu cơ (Phosphoric, Lactic, Citric, Fumaric) trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột, màu be.	Industrial Tecnica Pecuaria, S.A.	Spain	16/10/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
911	LinkAtiox P.F	239-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit Citric, chất chống oxy hoá (Propyl gallate, BHT, BHA) và chất mang (axit Silicic và bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 13,0\%$; BHT: 4,5 - 5,5 %; BHA: 0,8 - 1,1 %; axit Citric $\geq 0,9\%$; Propyl gallate: 0,9 - 1,1 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 4,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung chất chống oxy hóa (Propyl gallate, BHT, BHA) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu be.	Industrial Tecnica Pecuaria, S.A.	Spain	16/10/2020
912	Linkamold L.A	240-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sodium propionate, Sodium acetate, Potassium sorbate, Axit hữu cơ (Phosphoric, Acetic và Propionic) và mang (axit Silicic). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 13,0\%$; axit Propionic $\geq 19,8\%$; axit Acetic $\geq 11,9\%$; axit Phosphoric $\geq 1,5\%$; axit Sorbic $\geq 0,7\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 4,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung hỗn hợp axit hữu cơ (Phosphoric, Acetic, Propionic, Sorbic) trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm nhằm kiểm soát sự phát triển của nấm mốc.	Dạng bột, màu trắng.	Industrial Tecnica Pecuaria, S.A.	Spain	16/10/2020
913	Keyplex-842	306-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Zinc proteinate, Manganese proteinate, Copper proteinate, khoáng dầu và chất mang (cám mỳ). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Đồng (Cu): 2,0 - 3,0 %; Mangan (Mn): 4,0 - 5,0 %; Kẽm (Zn): 8,0 - 10,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 12,0$ ppm; Cd $\leq 10,0$ ppm; Pb < 100,0 ppm; Hg < 0,2 ppm.	Bổ sung khoáng (đồng, mangan, kẽm) trong thức ăn cho bò.	Dạng bột, nâu vàng và màu xanh.	Balchem Corporation.	USA	20/10/2020
914	Vitamin K3 MNB 96	307-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Menadione nicotinamide bisulfite (C ₁₇ H ₁₆ N ₂ O ₆ S) $\geq 96,0\%$. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 1,5\%$; Vitamin K3 (Menadione) $\geq 43,9\%$; Vitamin B3 (Nicotinamide) $\geq 31,2\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 1,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg < 0,1 ppm.	Bổ sung vitamin (K3, B3) trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Brother Enterprises Holding Co, Ltd.	China	20/10/2020
915	Anizyme PP 2000	319-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Enzyme Phytase, Sodium propionate và chất mang (vỏ trấu). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,8\%$; Phytase $\geq 2.000,0$ U/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 4,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm.	Bổ sung enzyme Phytase trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu.	Better Pharma Co, Ltd.	Thailand	20/10/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
916	Pros Acid MQ	320-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit Propionic và muối của axit Propionic, axit Sorbic và chất mang (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 6,6\%$; axit Propionic $\geq 491,4$ g/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 4,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm.	Bổ sung axit hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm kiểm soát sự phát triển của nấm mốc.	Dạng bột, màu trắng.	Better Pharma Co, Ltd., Thailand.	Thailand	20/10/2020
917	Protezyme TSP 1500	321-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Enzyme Phytase, axit Citric, Sodium propionate và chất mang (vỏ trấu). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0\%$; Phytase $\geq 1.500,0$ U/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g.	Bổ sung enzyme Phytase trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu.	Better Pharma Co, Ltd.	Thailand	20/10/2020
918	Sanpo Puppy & Pregnant Dog Food	318-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bột ngô, bột gluten, thịt bò, mỡ gà, củ cải đường, protein từ nấm men, bột sữa, dầu cá, choline chloride, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Protein $\geq 30,0\%$; Năng lượng trao đổi $\geq 4.000,0$ Kcal/kg; Xơ $\leq 5,0\%$; Khoáng tổng số $\leq 8,0\%$; Lysine $\geq 0,8\%$; Methionine + Cystine $\geq 0,8\%$; Canxi: 1,0 - 1,5 %; Phốtpho: 0,8 - 1,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E coli không phát hiện trong 1 g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Hg $\leq 5,0$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó con và chó mang thai.	Dạng viên, màu nâu.	Tianjin Ken-Canpo Animal Medicament Health Product Co, Ltd.	China	20/10/2020
919	ProtAcid Plus Liquid	315-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các axit hữu cơ (Formic, Lactic, Butyric), axit Phosphoric và chất mang (axit Lignosulfonic). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Axit Formic $\geq 260,0$ g; axit Lactic $\geq 40,0$ g; axit Phosphoric $\geq 25,0$ g; axit Butyric $\geq 25,0$ g. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $< 100,0$ ppm; Pb $< 200,0$ ppm; Cd < 15 ppm.	Bổ sung các axit (Formic, Lactic, Butyric và Phosphoric) trong thức ăn chăn nuôi gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng lỏng, màu nâu.	Quimidroga S.A.	Spain	20/10/2020
920	Prota Mold Liquid	316-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các axit hữu cơ (Formic, Propionic, Acetic) và chất mang (axit Lignosulfonic). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Axit Formic $\geq 20,0$ g; axit Propionic $\geq 305,0$ g; axit Acetic $\geq 105,0$ g. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $< 100,0$ ppm; Pb $< 200,0$ ppm; Cd < 15 ppm.	Bổ sung các axit (Formic, Propionic, Acetic) trong thức ăn chăn nuôi gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng lỏng, màu nâu.	Quimidroga S.A.	Spain	20/10/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
921	ProtAcid Liquid	317-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit Formic, axit Phosphoric và chất mang (axit Lignosulfonic). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Axit Formic $\geq 340,0$ g; axit Phosphoric $\geq 35,0$ g. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $< 100,0$ ppm; Pb $< 200,0$ ppm; Cd < 15 ppm.	Bổ sung các axit (Formic, Phosphoric) trong thức ăn chăn nuôi gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng lỏng, màu nâu.	Quimidroga S.A.	Spain	20/10/2020
922	Smartheart Gold Dog Food, Lamb & Rice Formula, Adult Medium & Large Breed	330-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ngũ cốc (gạo, bột gạo), thịt và phụ phẩm từ quá trình giết mổ (bột thịt cừu), dầu thực vật và mỡ (mỡ gia cầm, dầu cá, dầu hướng dương), trấu và cám gạo, protein từ thực vật, hạt lanh, củ cải đường, chất chống oxi hoá (hỗn hợp tocopherol và chiết xuất tinh dầu từ cây hương thảo), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein $\geq 23,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.200,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 12,0$ %; Xơ $\leq 5,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 10,0$ %; Lysine $\geq 0,63$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,43$ %; Canxi: 0,6 - 2,5 %; Phốtpho: 0,5 - 1,6 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $< 2,0$ ppm; Hg $< 0,33$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó trưởng thành.	Dạng viên, màu nâu.	Perfect Companion Group Co, Ltd.	Thailand	20/10/2020
923	Smartheart Gold Dog Food, Lamb & Rice Formula, Adult Small Breed	331-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ngũ cốc (gạo, bột gạo), thịt và phụ phẩm từ quá trình giết mổ (bột thịt cừu), dầu thực vật và mỡ (mỡ gia cầm, dầu cá, dầu hướng dương), trấu và cám gạo, protein từ thực vật, hạt lanh, củ cải đường, chất chống oxi hoá (hỗn hợp tocopherol và chiết xuất tinh dầu từ cây hương thảo), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein $\geq 23,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.200,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 12,0$ %; Xơ $\leq 5,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 10,0$ %; Lysine $\geq 0,63$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,43$ %; Canxi: 0,6 - 2,5 %; Phốtpho: 0,5 - 1,6 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $< 2,0$ ppm; Hg $< 0,33$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó trưởng thành.	Dạng viên, màu nâu.	Perfect Companion Group Co, Ltd.	Thailand	20/10/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
924	Smartheart Gold Adult Dog Fit & Firm	332-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ngũ cốc (gạo), thịt và phụ phẩm từ quá trình giết mổ (thịt gia cầm), dầu thực vật và mỡ (mỡ gà, dầu cá), trấu và cám gạo, hạt lanh, củ cải đường, chất chống oxi hoá (hỗn hợp tocopherol và chiết xuất tinh dầu từ cây hương thảo), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein $\geq 23,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.000,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 9,0$ %; Xơ $\leq 5,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 10,0$ %; Lysine $\geq 0,63$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,43$ %; Canxi: 0,6 - 2,5 %; Phốtpho: 0,5 - 1,6 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,33$ ppm	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó trưởng thành.	Dạng viên, màu nâu.	Perfect Companion Group Co, Ltd.	Thailand	20/10/2020
925	Smartheart Gold Small Breed Fit & Firm	333-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ngũ cốc (gạo), thịt và phụ phẩm từ quá trình giết mổ (thịt gia cầm), dầu thực vật và mỡ (mỡ gà, dầu cá), trấu và cám gạo, hạt lanh, củ cải đường, chất chống oxi hoá (hỗn hợp tocopherol và chiết xuất tinh dầu từ cây hương thảo), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein $\geq 23,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.000,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 9,0$ %; Xơ $\leq 5,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 10,0$ %; Lysine $\geq 0,63$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,43$ %; Canxi: 0,6 - 2,5 %; Phốtpho: 0,5 - 1,6 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,33$ ppm	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó trưởng thành.	Dạng viên, màu nâu.	Perfect Companion Group Co, Ltd.	Thailand	20/10/2020
926	Smartheart Gold Dog Food, Senior 7+ Formula, Adult Medium & Large Breed	334-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ngũ cốc (gạo), thịt và phụ phẩm từ quá trình giết mổ (thịt gia cầm), dầu thực vật và mỡ (mỡ gà, dầu cá), trấu và cám gạo, hạt lanh, củ cải đường, chất chống oxi hoá (hỗn hợp tocopherol và chiết xuất tinh dầu từ cây hương thảo), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein $\geq 23,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.000,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 9,0$ %; Xơ $\leq 6,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 10,0$ %; Lysine $\geq 0,63$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,43$ %; Canxi: 0,6 - 2,5 %; Phốtpho: 0,5 - 1,6 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,33$ ppm	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó trưởng thành.	Dạng viên, màu nâu.	Perfect Companion Group Co, Ltd.	Thailand	20/10/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
927	Smarthearth Gold Dog Food, Senior 7+ Formula, Adult Small Breed	335-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ngũ cốc (gạo), thịt và phụ phẩm từ quá trình giết mổ (thịt gia cầm), dầu thực vật và mỡ (mỡ gà, dầu cá), trấu và cám gạo, hạt lanh, củ cải đường, chất chống oxi hoá (hỗn hợp tocopherol và chiết xuất tinh dầu từ cây hương thảo), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein $\geq 23,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.000,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 9,0$ %; Xơ $\leq 6,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 10,0$ %; Lysine $\geq 0,63$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,43$ %; Canxi: $0,6 - 2,5$ %; Phốtpho: $0,5 - 1,6$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,33$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó trưởng thành.	Dạng viên, màu nâu.	Perfect Companion Group Co, Ltd.	Thailand	20/10/2020
928	Smarthearth Gold Puppy	336-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ngũ cốc (gạo, ngô), bột gluten ngô, bột trứng gà, bột đậu tương, dầu thực vật và mỡ (mỡ gà, dầu cá, dầu hướng dương), cá, hạt lanh, củ cải đường, chất chống oxi hoá (hỗn hợp tocopherol và chiết xuất tinh dầu từ cây hương thảo), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein $\geq 28,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.700,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 20,0$ %; Xơ $\leq 3,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 10,0$ %; Lysine $\geq 0,77$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,53$ %; Canxi: $1,0 - 2,5$ %; Phốtpho: $0,8 - 1,6$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,33$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó con.	Dạng viên, màu nâu.	Perfect Companion Group Co, Ltd.	Thailand	20/10/2020
929	All - G Rich	264-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bột tảo (Schizochytrium limacinum). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Béo $\geq 50,0$ %; DHA $\geq 14,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $< 100,0$ ppm; As $< 30,0$ ppm.	Bổ sung béo và DHA trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu.	Alltech Inc.	USA	16/10/2020
930	PN Calf	265-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Tê bào nấm men bất hoạt có chứa Selen, Phytase, axit Ascorbic và chất mang (bột tảo). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Selen (Se): $164,0 - 230,0$ ppm - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 100,0$ ppm; As $\leq 30,0$ ppm; Cd $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm.	Bổ sung Selen (Se) hữu cơ trong thức ăn cho bê.	Dạng bột, màu nâu.	Alltech Inc.	USA	16/10/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
931	Annual Rye Grass Straw	190-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Rơm lúa mạch đen. - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong vật chất khô): Độ ẩm $\leq 12,0\%$; Protein $\geq 4,0\%$; ADF $\leq 55,0\%$; NDF $\leq 75,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 3,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Rơm lúa mạch đen dùng làm thức ăn cho gia súc.	Dạng thô, màu vàng.	Anderson Hay and Grain Co, Inc.	USA	16/10/2020
932	Broiler Advantage	266-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Nấm men bất hoạt (Asperigillus niger), Zinc proteinate, Manganese proteinate, Phytase và chất mang (bã bia, bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Mangan (Mn): 3.000,0 - 4.500,0 ppm; Kẽm (Zn): 3.000,0 - 4.500,0 ppm - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 30,0$ ppm; Pb $\leq 100,0$ ppm; Cd ≤ 10 ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm.	Bổ sung các khoáng hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi cho gà thịt.	Dạng bột, màu nâu.	Alltech Inc.	USA	16/10/2020
933	Calf Advantage	267-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Zinc proteinate, Manganese proteinate, Copper proteinate, Cobalt proteinate, Ethylenediamine dihydriodide (EDDI), chiết xuất Selen từ tế bào nấm men và chất mang (nấm men sấy khô, bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Kẽm (Zn): 3,26 - 4,08 %; Mangan (Mn): 1,19 - 1,49 %; Đồng (Cu): 1,04 - 1,30 %; Coban (Co): 1.243,0 - 1.554,0 ppm; Iốt (I): 1.384,0 - 1.938,0 ppm; Selen (Se): 497,0 - 696,0 ppm - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 30,0$ ppm; Pb $\leq 100,0$ ppm; Cd ≤ 10 ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm.	Bổ sung các khoáng hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi cho bê và bò thịt.	Dạng bột, màu nâu xanh.	Alltech Inc.	USA	16/10/2020
934	Dairy Advantage	268-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Tế bào nấm men bất hoạt có chứa Selen, Xylanase, Hydrated sodium calcium aluminosilicate, bột tảo biển và chất mang (bã bia sấy khô). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Selen (Se): 100,0 - 150,0 ppm; - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 30,0$ ppm; Pb $\leq 100,0$ ppm; Cd ≤ 10 ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm.	Bổ sung Selen (Se) hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi cho bò sữa.	Dạng bột, màu nâu.	Alltech Inc.	USA	16/10/2020
935	Starter Advantage	269-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Tế bào nấm men bất hoạt, Phytase và chất mang (bã bia sấy khô, bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Protein $\geq 20,0\%$; Khoáng tổng số $\leq 40,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 30,0$ ppm; Pb $\leq 100,0$ ppm; Cd ≤ 10 ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm.	Bổ sung protein trong thức ăn chăn nuôi cho gà thịt.	Dạng bột, màu nâu.	Alltech Inc.	USA	16/10/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
936	Smartheart Puppy Power Pack	270-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Gạo, bột gia cầm, mỡ gà, khô dầu đậu tương, bột gluten ngô, bột trứng gà, củ cải đường, nấm men sấy khô, chất chống oxi hóa (BHA, BHT), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Protein $\geq 32,0\%$; Năng lượng trao đổi $\geq 3.400,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 22,0\%$; Xơ $\leq 3,5\%$; Khoáng tổng số $\leq 10,0\%$; Lysine $\geq 0,63\%$; Methionine + Cystine $\geq 0,43\%$; Canxi: 0,6 - 2,5 %; Phốtpho: 0,5 - 1,6 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,33$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó con.	Dạng viên, màu nâu.	Perfect Companion Group Co, Ltd.	Thailand	16/10/2020
937	Smartheart Adult Dog Power Pack	271-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Gạo, bột gia cầm, mỡ gà, khô dầu đậu tương, bột gluten ngô, dầu đậu tương, nấm men sấy khô, chất chống oxi hóa (BHA, BHT), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Protein $\geq 30,0\%$; Năng lượng trao đổi $\geq 3.400,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 20,0\%$; Xơ $\leq 3,5\%$; Khoáng tổng số $\leq 10,0\%$; Lysine $\geq 0,63\%$; Methionine + Cystine $\geq 0,43\%$; Canxi: 0,6 - 2,5 %; Phốtpho: 0,5 - 1,6 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,33$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó trưởng thành.	Dạng viên, màu nâu.	Perfect Companion Group Co, Ltd.	Thailand	16/10/2020
938	A Pro I.Q. Bird Food For All Birds	272-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Tầm gạo, bột ngô, sắn củ, cám gạo, cám mì, khô dầu đậu tương, bột lông vũ, cá, gia cầm và phụ phẩm gia cầm, chất chống oxi hóa (BHA, BHT), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0\%$; Protein $\geq 20,0\%$; Năng lượng trao đổi $\geq 2.500,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 6,0\%$; Xơ $\leq 6,0\%$; Khoáng tổng số $\leq 10,0\%$; Lysine $\geq 0,60\%$; Methionine + Cystine $\geq 0,40\%$; Canxi: 0,6 - 1,5 %; Phốtpho: 0,4 - 1,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,33$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chim.	Dạng viên, màu nâu.	Perfect Companion Group Co, Ltd.	Thailand	16/10/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
939	Maxwin Game Cock Food Endurance Combat Mix	273-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Yến mạch, lúa miến, ngô, lúa mỳ, cám gạo, khô dầu dừa, bột cá, bột gluten ngô, khô dầu đậu tương, protein từ Whey, bột trứng gà, nấm men sấy khô, chất tạo màu (Ponceau 4R), kháng sinh (Monensin), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 13,0\%$; Protein $\geq 12,5\%$; Năng lượng trao đổi $\geq 2.400,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 10,0\%$; Xơ $\leq 12,0\%$; Khoáng tổng số $\leq 10,0\%$; Lysine $\geq 0,5\%$; Methionine + Cystine $\geq 0,5\%$; Canxi: $0,9 - 1,5\%$; Phốtpho: $0,4 - 0,9\%$; Monensin $\leq 110,0$ mg/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,33$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho gà chọi.	Dạng viên, màu đỏ.	Perfect Companion Group Co, Ltd.	Thailand	16/10/2020
940	Choline Chloride 75 % Liquid	301-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Choline chloride và nước. - Chỉ tiêu chất lượng: Choline chloride $\geq 75,0\%$ (tương đương với Choline $\geq 55,9\%$). - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung Choline Chloride trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, không màu.	Shandong Jujia Biotech Co, Ltd.	China	20/10/2020
941	Whiskas Adult Ocean Fish Flavor	302-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ngũ cốc (ngô, gạo, lúa mỳ), bột gluten ngô, gia cầm và phụ phẩm từ gia cầm, các sản phẩm từ đậu tương (đậu tương, khô đậu tương), dầu cò, cá, chất tạo màu (Sunset yellow, Tartrazine), chất bảo quản (Potassium sorbate, BHT, BHA), chất tạo mùi (tuna flavour, mackerel flavour), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0\%$; Protein $\geq 30,0\%$; Năng lượng trao đổi $\geq 3.500,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 10,0\%$; Xơ $\leq 5,0\%$; Khoáng tổng số $\leq 8,0\%$; Lysine $> 0,7\%$; Methionine + Cystine $> 0,47\%$; Canxi: $0,5 - 2,5\%$; Phốtpho: $0,4 - 1,6\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 3,0$ ppm; Hg $\leq 0,3$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho mèo trưởng thành.	Dạng viên; màu nâu, vàng, xanh	Mars Petcare (Thailand) Co, Ltd.	Thailand	20/10/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
942	Whiskas Adult Mackerel Flavor	303-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ngũ cốc (ngô, gạo, lúa mỳ), bột gluten ngô, gia cầm và phụ phẩm từ gia cầm, các sản phẩm từ đậu tương (đậu tương, khô đậu tương), dầu cò, cá, chất tạo màu (Sunset yellow, Tartrazine), chất bảo quản (Potassium sorbate, BHT, BHA), chất tạo mùi (mackerel flavour), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0$ %; Protein $\geq 30,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.500,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 10,0$ %; Xơ $\leq 5,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 8,0$ %; Lysine $> 0,7$ %; Methionine + Cystine $> 0,47$ %; Canxi: $0,5 - 2,5$ %; Phốtpho: $0,4 - 1,6$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 3,0$ ppm; Hg $\leq 0,3$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho mèo trưởng thành.	Dạng viên; màu đỏ, vàng, xanh	Mars Petcare (Thailand) Co, Ltd.	Thailand	20/10/2020
943	Whiskas Adult Tuna Flavour	304-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ngũ cốc (ngô, gạo, lúa mỳ), bột gluten ngô, gia cầm và phụ phẩm từ gia cầm, các sản phẩm từ đậu tương (đậu tương, khô đậu tương), dầu cò, cá, chất tạo màu (Sunset yellow, Tartrazine), chất bảo quản (Potassium sorbate, BHT, BHA), chất tạo mùi (tuna flavour), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0$ %; Protein $\geq 30,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.500,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 10,0$ %; Xơ $\leq 5,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 8,0$ %; Lysine $> 0,7$ %; Methionine + Cystine $> 0,47$ %; Canxi: $0,5 - 2,5$ %; Phốtpho: $0,4 - 1,6$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 3,0$ ppm; Hg $\leq 0,3$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho mèo trưởng thành.	Dạng viên; màu cam, nâu, xanh	Mars Petcare (Thailand) Co, Ltd.	Thailand	20/10/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
944	Whiskas Junior Ocean Fish Flavor with Milk	305-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ngũ cốc (ngô, gạo, lúa mỳ), bột gluten ngô, gia cầm và phụ phẩm từ gia cầm, các sản phẩm từ đậu tương (đậu tương, khô đậu tương), dầu cò, cá, bột sữa, chất tạo màu (Sunset yellow, Tartrazine), chất bảo quản (Potassium sorbate, BHT, BHA), chất tạo mùi (tuna flavour, mackerel flavour), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0$ %; Protein $\geq 30,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.600,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 12,0$ %; Xơ $\leq 5,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 8,0$ %; Lysine $> 0,7$ %; Methionine + Cystine $> 0,47$ %; Canxi: $0,5 - 2,5$ %; Phốtpho: $0,4 - 1,6$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 3,0$ ppm; Hg $\leq 0,3$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho mèo đang sinh trưởng.	Dạng viên; màu nâu, cam	Mars Petcare (Thailand) Co, Ltd.	Thailand	20/10/2020
945	DR. Luvcare Adult Beef Flavor	191-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Gạo, thịt gia cầm (gà, vịt, gà tây), bột gluten ngô, mỡ gà, bột cá, nấm men khô, củ cải đường, hạt lanh, chất tạo mùi (Beef flavour powder V069), chất chống oxi hoá (BHA, BHT), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein $\geq 25,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.600,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 13,0$ %; Xơ $\leq 4,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 10,0$ %; Lysine $\geq 0,63$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,43$ %; Canxi: $0,6 - 2,5$ %; Phốtpho: $0,5 - 1,6$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $< 2,0$ ppm; Hg $< 0,33$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó trưởng thành.	Dạng viên, màu nâu.	Perfect Companion Group Co, Ltd.	Thailand	20/10/2020
946	DR. Luvcare Adult Liver	192-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Gạo, thịt gia cầm (gà, vịt, gà tây), bột gluten ngô, mỡ gà, bột cá, nấm men khô, củ cải đường, hạt lanh, gan gia cầm, Lecithin, dầu cá, dầu hướng dương, chất chống oxi hoá (BHA, BHT), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein $\geq 25,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.600,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 13,0$ %; Xơ $\leq 4,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 10,0$ %; Lysine $\geq 0,63$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,43$ %; Canxi: $0,6 - 2,5$ %; Phốtpho: $0,5 - 1,6$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $< 2,0$ ppm; Hg $< 0,33$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó trưởng thành.	Dạng viên, màu nâu.	Perfect Companion Group Co, Ltd.	Thailand	20/10/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
947	DR. Luvcare Adult Large Breed	193-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Gạo, thịt gia cầm (gà, vịt, gà tây), đậu tương, bột cá, mỡ gia cầm, củ cải đường, hạt lanh, nấm men khô, dầu cá, dầu hướng dương, chất chống oxi hoá (BHA, BHT), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein $\geq 25,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.600,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 13,0$ %; Xơ $\leq 4,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 10,0$ %; Lysine $\geq 0,63$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,43$ %; Canxi: 0,6 - 2,5 %; Phốtpho: 0,5 - 1,6 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,33$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó trưởng thành.	Dạng viên, màu nâu.	Perfect Companion Group Co, Ltd.	Thailand	20/10/2020
948	DR. Luvcare Puppy Large Breed	194-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Gạo, thịt gia cầm (gà, vịt, gà tây), đậu tương, bột cá, mỡ gia cầm, củ cải đường, hạt lanh, bột sữa khử béo, bột trứng, nấm men khô, dầu cá, Lecithin, dầu hướng dương, Yucca schidigera, chất chống oxi hoá (BHA, BHT), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein $\geq 29,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.700,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 14,0$ %; Xơ $\leq 4,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 10,0$ %; Lysine $\geq 0,77$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,53$ %; Canxi: 1,0 - 2,5 %; Phốtpho: 0,8 - 1,6 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,33$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó con.	Dạng viên, màu nâu.	Perfect Companion Group Co, Ltd.	Thailand	20/10/2020
949	DR. Luvcare Puppy Beef Flavor	195-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Gạo, thịt gia cầm (gà, vịt, gà tây), mỡ gà, bột gluten ngô, củ cải đường, hạt lanh, bột cá, bột trứng gà, nấm men khô, Lecithin, chất tạo mùi (Beef flavour powder V069), chất chống oxi hoá (BHA, BHT), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein $\geq 29,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.700,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 14,0$ %; Xơ $\leq 4,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 10,0$ %; Lysine $\geq 0,77$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,53$ %; Canxi: 1,0 - 2,5 %; Phốtpho: 0,8 - 1,6 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,33$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó con.	Dạng viên, màu nâu.	Perfect Companion Group Co, Ltd.	Thailand	20/10/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
950	DR. Luvcare Puppy Liver	196-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Gạo, thịt gia cầm (gà, vịt, gà tây), mỡ gà, bột gluten ngô, củ cải đường, hạt lanh, bột cá, gan gia cầm, bột trứng gà, nấm men khô, Lecithin, dầu hướng dương, dầu cá, chiết xuất từ Yucca, chất chống oxi hoá (BHA, BHT), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein $\geq 29,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.700,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 14,0$ %; Xơ $\leq 4,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 10,0$ %; Lysine $\geq 0,77$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,53$ %; Canxi: 1,0 - 2,5 %; Phốtpho: 0,8 - 1,6 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,33$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó con.	Dạng viên, màu nâu.	Perfect Companion Group Co, Ltd.	Thailand	20/10/2020
951	DR. Luvcare Small Breed Beef, Milk, Vegetable & Eggs Flavor	197-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Gạo, thịt gia cầm (gà, vịt, gà tây), mỡ gà, bột gluten ngô, củ cải đường, hạt lanh, bột cá, bột trứng gà, sữa bột, nấm men khô, Lecithin, dầu hướng dương, dầu cá, Yucca extract, chất tạo mùi (Beef flavour powder V069), chất chống oxi hoá (BHA, BHT), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein $\geq 29,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.800,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 18,0$ %; Xơ $\leq 4,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 10,0$ %; Lysine $\geq 0,63$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,43$ %; Canxi: 0,6 - 2,5 %; Phốtpho: 0,5 - 1,6 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,33$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó trưởng thành.	Dạng viên, màu nâu.	Perfect Companion Group Co, Ltd.	Thailand	20/10/2020
952	DR. Luvcare Small Breed Liver, Milk, Vegetable & Eggs	198-6/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Gạo, thịt gia cầm (gà, vịt, gà tây), mỡ gà, bột gluten ngô, củ cải đường, hạt lanh, bột cá, bột trứng gà, sữa bột, gan gà, nấm men khô, Lecithin, dầu hướng dương, dầu cá, Yucca extract, chất chống oxi hoá (BHA, BHT), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein $\geq 29,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.800,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 18,0$ %; Xơ $\leq 4,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 10,0$ %; Lysine $\geq 0,63$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,43$ %; Canxi: 0,6 - 2,5 %; Phốtpho: 0,5 - 1,6 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,33$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó trưởng thành.	Dạng viên, màu nâu.	Perfect Companion Group Co, Ltd.	Thailand	20/10/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
953	Vitamin B2 80% Feed Grade	310-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin B2 và chất mang (tinh bột ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 3,0$ %; Vitamin B2 $\geq 80,0$ % (tính theo vật chất khô). - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g ; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 3,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung Vitamin B ₂ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng đến vàng cam.	Shandong NB Biotechnology Co, Ltd.	China	20/10/2020
954	Zagrovit A 1000	279-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin A acetate, Gelatin, Glucose và tinh bột ngô. - Chỉ tiêu chất lượng: Vitamin A $\geq 1.000.000,0$ IU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 0,5$ ppm; Pb $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung vitamin A trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng nhạt đến nâu.	Zagro Singapore Pte Ltd.	Singapore	20/10/2020
955	Zagrovit B ₁₂ 1%	280-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin B12, dextrin và bột đá. - Chỉ tiêu chất lượng: Vitamin B12 $\geq 1,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 0,5$ ppm; Pb $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung vitamin B ₁₂ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng hạt mịn, màu đỏ nhạt đến hồng.	Zagro Singapore Pte Ltd.	Singapore	20/10/2020
956	Zagrovit A/D ₃ 1000/200	281-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin A acetate, Vitamin D3, Gelatin, Glucose và tinh bột ngô. - Chỉ tiêu chất lượng: Vitamin A $\geq 1.000.000,0$ IU/g; vitamin D3 $\geq 200.000,0$ IU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 0,5$ ppm; Pb $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung vitamin A và D ₃ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng nhạt đến nâu.	Zagro Singapore Pte Ltd.	Singapore	20/10/2020
957	Betain Hydrochloride 98%	278-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Betain Hydrochloride. - Chỉ tiêu chất lượng: Betain Hydrochloride $\geq 98,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 3,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung Betain trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột kết tinh, màu trắng.	Sunwin Biotech Shandong Co., Ltd.	China	20/10/2020
958	Vitamin AD3 1000/200	282-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin A acetate, vitamin D3, các chất phụ gia và chất mang (Gelatin, tinh bột ngô, glucose, ethoxyquin và silicon dioxide). - Chỉ tiêu chất lượng: Vitamin A $\geq 1.000.000,0$ IU/g; vitamin D3 $\geq 200.000,0$ IU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 2,0$ ppm.	Bổ sung vitamin A và D ₃ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng viên bọc siêu nhỏ, màu vàng nâu đến nâu.	Zhejiang NVB Company Ltd.	China	20/10/2020
959	Bacitracin Methylene Disalicylate 50% Soluble Powder	283-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bacitracin Methylene Disalicylate và chất mang (Sodium Hydrogen Carbonate). - Chỉ tiêu chất lượng: Bacitracin: 45,0 - 60,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung Bacitracin trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm tăng khả năng sinh trưởng vật nuôi.	Dạng bột, màu nâu nhạt đến trắng xám nhạt.	Lifecome Biochemistry Co., Ltd.	China	20/10/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
960	Fermented Soybean Meal	235-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Khô dầu đậu tương lên men. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 11,0\%$; protein $\geq 49,0\%$; Mỡ thô $\leq 3,0\%$; pH $\leq 5,0$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Aflatoxin B1 $< 10,0$ ppb.	Khô dầu đậu tương lên men, dùng làm nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Jiangsu Yancheng Yuanyao Biological Co. Ltd.	China	14/10/2020
961	Probiozyme	284-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Saccharomyces cerevisiae, Saccharomyces boulardii, Lactobacillus sporogenes, Bacillus subtilis, protease, Beta-glucanase, Xylanase, Cellulase, chất mang (Bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: Saccharomyces cerevisiae $\geq 4,0 \times 10^{12}$ CFU/kg; Saccharomyces boulardii $\geq 1,0 \times 10^{10}$ CFU/kg; Lactobacillus sporogenes $\geq 1,2 \times 10^{10}$ CFU/kg; Bacillus subtilis $\geq 1,4 \times 10^{10}$ CFU/kg; Protease $\geq 7,0 \times 10^4$ U/kg; Beta-glucanase $\geq 4,5 \times 10^4$ U/kg; Xylanase $\geq 1,2 \times 10^{10}$ U/kg; Cellulase $\geq 1,15 \times 10^4$ U/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 0,5$ ppm; Pb $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung hỗn hợp vi khuẩn có lợi và các enzyme tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi gia súc và gia cầm.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	Zagro Singapore Pte Ltd.	Singapore	20/10/2020
962	Kid Starter 100 Hbageum	297-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Monocalcium phosphate, CaCO₃, muối, Magiê ôxit, dầu khoáng, bột mì, lactose, nấm men, whey, mỡ động vật, dầu thực vật, các vitamin (A, D3, E), Canxi sunphat, Đồng sunphate, Mangan ôxit, Natri selenite, Kẽm ôxit, Coban sunphate, Canxi iodate, Natri saccharide, Choline chloride, Niacin, Riboflavin, d-calcium pantothenate, Thiamine mononitrate, vitamin B12, menadione dimethylpyrimidinol bisulfite, folic acid, pyridoxine hydrochloride, ascorbic acid, d-biotin, chất tạo mùi. - Chỉ tiêu chất lượng: Canxi: 6,3 - 8,3 %; Phốtpho: 0,6 - 1,0 %; Kali: 0,3 - 0,5 %; Magiê: 0,8 - 1,2 %; Lưu huỳnh: 0,6 - 1,0 %; Natri: 1,8 - 2,4 %; Mangan: 550,0 - 850,0 ppm; Sắt: 625,0 - 1125,0 ppm; Đồng: 195,0 - 355,0 ppm; Kẽm: 505,0 - 805,0 ppm; Coban: 5,5 - 9,5 ppm; Iốt: 7,5 - 11,5 ppm; Vitamin A $\geq 200.000,0$ IU/kg; Vitamin D3 $\geq 22.500,0$ IU/kg; Vitamin E $\geq 2.500,0$ IU/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 5,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung premix khoáng, vitamin trong thức ăn chăn nuôi dê.	Dạng bột, màu xám nâu.	International Stock Food Company Ltd.	Canada	20/10/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
963	Kid Feedlot Specific Herbageum Kid	298-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Monocalcium phosphate, CaCO₃, muối, Magiê ôxit, dầu khoáng, bột mì, các vitamin (A, D₃, E), Canxi sunphat, lưu huỳnh, Đồng sunphate, Mangan ôxit, Natri selenite, Kẽm ôxit, Coban sunphate, Canxi iodate, Thiamine mononitrate, chất tạo mùi. - Chỉ tiêu chất lượng: Canxi: 21,5 - 26,5 %; Lưu huỳnh: 0,6 - 1,0 %; Natri: 7,4 - 10,4 %; Mangan: 800,0 - 1.200,0 ppm; Sắt: 800,0 - 1.400,0 ppm; Đồng: 635,0 - 935,0 ppm; Kẽm: 1.200,0 - 1.800,0 ppm; Coban: 20,0 - 30,0 ppm; Iốt: 30,0 - 50,0 ppm; Vitamin A ≥ 420.000,0 IU/kg; Vitamin D₃ ≥ 30.000,0 IU/kg; Vitamin E ≥ 2.500,0 IU/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: As ≤ 5,0 ppm; Pb ≤ 5,0 ppm; Hg ≤ 1,0 ppm.	Bổ sung premix khoáng, vitamin trong thức ăn chăn nuôi dê.	Dạng bột, màu xám tro.	International Stock Food Company Ltd.	Canada	20/10/2020
964	Goat Specific Herbageum Goat	299-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Monocalcium phosphate, CaCO₃, muối, Magiê ôxit, dầu khoáng, bột mì, Canxi sunphat, lưu huỳnh, các vitamin (A, D₃, E), Đồng sunphate, Mangan ôxit, Natri selenite, Kẽm ôxit, Coban sunphate, Canxi iodate, chất tạo mùi. - Chỉ tiêu chất lượng: Canxi: 8,0 - 14,0 %; Phốtpho: 4,5 - 7,5 %; Magiê: 4,5 - 7,5 %; Lưu huỳnh: 0,6 - 1,0 %; Natri: 8,5 - 12,5 %; Mangan: 1.800,0 - 2.600,0 ppm; Sắt: 3.000,0 - 4.000,0 ppm; Đồng: 1.050,0 - 1.450,0 ppm; Kẽm: 6.750,0 - 8.250,0 ppm; Coban: 30,0 - 50,0 ppm; Iốt: 105,0 - 145,0 ppm; Vitamin A ≥ 1.000.000,0 IU/kg; Vitamin D₃ ≥ 85.000,0 IU/kg; Vitamin E ≥ 12.000,0 IU/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: As ≤ 5,0 ppm; Pb ≤ 5,0 ppm; Hg ≤ 1,0 ppm.	Bổ sung premix khoáng, vitamin trong thức ăn chăn nuôi dê.	Dạng bột, màu xám tro.	International Stock Food Company Ltd.	Canada	20/10/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
965	Baymix Immuno	312-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất từ thành tế bào nấm men (<i>Saccharomyces cerevisiae</i>), calcium formate, calcium lactate, calcium gluconate, sodium butyrate, chất tạo mùi (chiết xuất từ cây humulus và liquorice) và chất mang (bột đá và dầu thực vật). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Axit Formic $\geq 20,0\%$; axit Lactic $\geq 5,0\%$; axit Butyric $\geq 1,5\%$; Beta-glucan $\geq 7,0\%$; Mannan-oligosaccharide (MOS) $\geq 6,5\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g; Aflatoxin B1 $< 0,02$ ppm; As $< 4,0$ ppm; Cd $< 0,5$ ppm; Pb $< 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung Beta-glucan, Mannan-oligosaccharide và các axit hữu cơ trong thức ăn cho gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa của vật nuôi.	Dạng bột, màu nâu đến vàng nhạt.	Dr Eckel GmbH.	Germany	20/10/2020
966	CholiPEARL	250-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Choline chloride, Soy lecithin, Silicon dioxide, nước và chất mang (dầu thực vật). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Choline chloride $\geq 23,0\%$ (tương đương với Choline $\geq 17,1\%$). - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli ≤ 10 CFU/g; As $\leq 3,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung Choline trong thức ăn cho gia súc nhai lại.	Dạng hạt, nhỏ mịn, màu trắng đến vàng nhạt.	Kemin Cavriago S.R.L.	Italy	20/10/2020
967	Eastman Propionic Acid, Feed Grade	285-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit propionic. - Chỉ tiêu chất lượng: Axit propionic $\geq 99,5\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 3,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm.	Bổ sung axit propionic trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm kiểm soát chất lượng thức ăn chăn nuôi.	Dạng lỏng, không màu.	Eastman Chemical Company.	USA	20/10/2020
968	Yalebao	231-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Tế bào nấm men <i>Saccharomyces cerevisiae</i> bất hoạt và chất mang (bã bia). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 8,0\%$; Protein $\geq 42,0\%$; khoáng tổng số $\leq 10,0\%$; xơ thô $\leq 0,5\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Pb $< 5,0$ ppm.	Bổ sung protein từ tế bào nấm men bất hoạt trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Guangdong Atech Biotechnology Co, Ltd.	China	13/10/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
969	Yakangbao 450	232-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Tế bào nấm men <i>Saccharomyces cerevisiae</i> bất hoạt và chất mang (bã bia). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 8,0$ %; Protein $\geq 50,0$ %; khoáng tổng số $\leq 9,0$ %; xơ thô $\leq 0,5$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: <i>Salmonella</i> : không phát hiện CFU/25g; <i>E. coli</i> < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Pb $< 5,0$ ppm.	Bổ sung protein từ tế bào nấm men bất hoạt trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Guangdong Atech Biotechnology Co, Ltd.	China	13/10/2020
970	Yaanbao 500	233-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất từ thành tế bào nấm men <i>Saccharomyces cerevisiae</i> (Mannan-oligosaccharides) và chất mang (bã bia). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 8,0$ %; Mannan-oligosaccharides $\geq 20,0$ %; Protein $\leq 35,0$ %; khoáng tổng số $\leq 8,0$ %; xơ thô $\leq 0,5$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: <i>Salmonella</i> : không phát hiện CFU/25g; <i>E. coli</i> < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Pb $< 5,0$ ppm.	Bổ sung Mannan-oligosaccharides từ thành tế bào nấm men trong thức ăn chăn nuôi lợn nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Guangdong Atech Biotechnology Co, Ltd.	China	13/10/2020
971	Yaxibao 2000	234-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: 100 % tế bào nấm men bất hoạt có chứa Selen. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 8,0$ %; Selen: 2.000,0 - 2.500,0 ppm; khoáng tổng số $\leq 8,0$ %; xơ thô $\leq 0,5$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: <i>Salmonella</i> : không phát hiện CFU/25g; <i>E. coli</i> < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm.	Bổ sung Selen trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Guangdong Atech Biotechnology Co, Ltd.	China	13/10/2020
972	Vitalucca	289-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: 100 % bột cây <i>Yucca Schidigera</i> . - Chỉ tiêu chất lượng: Saponin $\geq 8,0$ %; tổng chất rắn hòa tan (TDS) $\geq 30,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: <i>E. coli</i> < 10 CFU/g; <i>Salmonella</i> không có trong 25 g; As $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 10,0$ ppm Hg $< 2,0$ ppm.	Bổ sung saponin từ cây <i>Yucca Schidigera</i> trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện năng suất vật nuôi và giảm mùi hôi thối từ chất thải vật nuôi.	Dạng bột, màu be nhạt.	International Whey Technics Ltd.	USA	20/10/2020
973	Vitalucca Liquid	290-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất từ cây <i>Yucca Schidigera</i> , chất phụ gia (Đồng sunphát) và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng: Saponin $\geq 8,0$ %; tổng chất rắn hòa tan (TDS) $\geq 50,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: <i>E. coli</i> < 10 CFU/g; <i>Salmonella</i> không có trong 25 g; As $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 10,0$ ppm Hg $< 2,0$ ppm.	Bổ sung saponin từ cây <i>Yucca Schidigera</i> trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện năng suất vật nuôi và giảm mùi hôi thối từ chất thải vật nuôi.	Dạng lỏng, màu nâu đậm.	International Whey Technics Ltd.	USA	20/10/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
974	Zinc Oxide	291-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Oxit Kẽm (ZnO) với độ tinh khiết $\geq 88,0\%$. - Chỉ tiêu chất lượng: $Zn \geq 70,0\%$; $Fe \leq 5,0\%$; $Cu \leq 1,0\%$; độ ẩm $\leq 7,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: $As \leq 20,0$ ppm; $Hg \leq 10,0$ ppm; $Cd < 100,0$ ppm; $Pb < 500,0$ ppm.	Bổ sung khoáng Kẽm vô cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu nhạt hoặc trắng đến trắng nhạt.	Zinc-O-india.	India	20/10/2020
975	SelenoSource AF 3000	249-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: 100 % tế bào nấm men bất hoạt có chứa Selen. - Chỉ tiêu chất lượng: Selen: 3.000,0 - 3.750,0 ppm. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Aflatoxin B1 < 0,005 ppm; $As < 12,0$ ppm; $Cd < 5,0$ ppm; $Pb < 15,0$ ppm; $Hg < 0,1$ ppm.	Bổ sung Selen hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Diamond V Mills, Inc.	USA	20/10/2020
976	Sodium Bisulfate PET	247-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sodium Bisulphate ($NaHSO_4 \geq 95,2\%$). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 0,5\%$; Sodium Bisulphate ($NaHSO_4$) $\geq 95,2\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: $As < 3,0$ ppm; $Pb < 2,0$ ppm; $Hg < 1,0$ ppm.	Bổ sung Sodium Bisulphate trong thức ăn cho chó và mèo, nhằm cải thiện đường tiêu hóa.	Dạng hạt nhỏ mịn, màu trắng đến trắng nhạt.	Jones-Hamilton Co.	USA	20/10/2020
977	TBCC (Tribasic Copper Chloride) Feed Grade	248-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Tribasic Copper Chloride ($Cu_2Cl(OH)_3 \geq 97,5\%$). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 2,0\%$; Đồng (Cu) $\geq 58,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: $As \leq 25,0$ ppm; $Cd \leq 5,0$ ppm; $Pb \leq 5,0$ ppm.	Bổ sung khoáng Đồng (Cu) trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu xanh.	Asian Chemical Co, Ltd.	Thailand	20/10/2020
978	Calpozag	286-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Calcium Chloride, Magnesium Chloride, Potassium Chloride, chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng (g/lít): Canxi (Ca): 104,0 - 156,0; Magiê (Mg): 3,36 - 5,04; Kali (K): 2,4 - 3,6. - Chỉ tiêu vệ sinh: $Pb \leq 2,0$ ppm; $Hg \leq 0,05$ ppm; $As \leq 0,05$ ppm; $Cd < 0,5$ ppm.	Bổ sung Canxi và vi khoáng cho bò sữa.	Dạng lỏng, màu vàng.	Zagro Singapore Pte Ltd.	Singapore	20/10/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
979	Jaco Vitamix 300 P	292-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin tổng hợp (A, D3, E, K3, B1, B2, B6, B12, H, B5, B9, B3), phytase, chất chống oxy hóa, chất mang (vỏ trấu, bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Vitamin A $\geq 17,0 \times 106$ IU; vitamin D3 $\geq 2,0 \times 106$ IU, vitamin E $\geq 100,0$ g; vitamin K3 $\geq 5,0$ g; vitamin B1 $\geq 3,0$ g; vitamin B2 $\geq 8,0$ g; vitamin B6 $\geq 5,0$ g; vitamin B12 $\geq 0,035$ g; vitamin H $\geq 0,3$ g; vitamin B5 $\geq 20,0$ g; vitamin B9 $\geq 2,0$ g; vitamin B3 $\geq 40,0$ g; Phytase $\geq 1.000,0$ FTU. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm.	Bổ sung premix vitamin và enzyme phytase trong thức ăn chăn nuôi lợn con.	Dạng hạt mịn, màu nâu nhạt.	Jaco Nutrimix Sdn. Bhd.	Malaysia	20/10/2020
980	Jaco Vitamix 303	293-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin tổng hợp (A, D3, E, K3, B1, B2, B6, B12, H, B5, B9, B3), chất chống oxy hóa, chất mang (vỏ trấu, bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Vitamin A $\geq 7,0 \times 106$ IU; vitamin D3 $\geq 1,5 \times 106$ IU, vitamin E $\geq 80,0$ g; vitamin K3 $\geq 4,5$ g; vitamin B1 $\geq 2,5$ g; vitamin B2 $\geq 6,0$ g; vitamin B6 $\geq 3,5$ g; vitamin B12 $\geq 0,03$ g; vitamin H $\geq 0,06$ g; vitamin B5 $\geq 15,0$ g; vitamin B9 $\geq 0,5$ g; vitamin B3 $\geq 22,0$ g. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm.	Bổ sung premix vitamin trong thức ăn chăn nuôi lợn giai đoạn sinh trưởng.	Dạng hạt mịn, màu nâu nhạt.	Jaco Nutrimix Sdn. Bhd., Malaysia.	Malaysia	20/10/2020
981	Jaco Vitamix 307	294-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin tổng hợp (A, D3, E, K3, B1, B2, B6, B12, H, B5, B9, B3), chất chống oxy hóa, chất mang (vỏ trấu, bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Vitamin A $\geq 15,0 \times 106$ IU; vitamin D3 $\geq 2,5 \times 106$ IU, vitamin E $\geq 100,0$ g; vitamin K3 $\geq 5,0$ g; vitamin B1 $\geq 2,5$ g; vitamin B2 $\geq 8,0$ g; vitamin B6 $\geq 5,0$ g; vitamin B12 $\geq 0,03$ g; vitamin H $\geq 0,6$ g; vitamin B5 $\geq 20,0$ g; vitamin B9 $\geq 3,0$ g; vitamin B3 $\geq 40,0$ g. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm.	Bổ sung premix vitamin trong thức ăn chăn nuôi lợn nái.	Dạng hạt mịn, màu nâu nhạt.	Jaco Nutrimix Sdn. Bhd., Malaysia.	Malaysia	20/10/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
982	Jaco Vitamix 300	295-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin tổng hợp (A, D3, E, K3, B1, B2, B6, B12, H, B5, B9, B3), chất chống ôxy hóa, chất mang (vỏ trấu, bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Vitamin A $\geq 17,0 \times 106$ IU; vitamin D3 $\geq 2,0 \times 106$ IU, vitamin E $\geq 100,0$ g; vitamin K3 $\geq 5,0$ g; vitamin B1 $\geq 3,0$ g; vitamin B2 $\geq 8,0$ g; vitamin B6 $\geq 5,0$ g; vitamin B12 $\geq 0,035$ g; vitamin H $\geq 0,3$ g; vitamin B5 $\geq 20,0$ g; vitamin B9 $\geq 2,0$ g; vitamin B3 $\geq 40,0$ g. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm.	Bổ sung premix vitamin trong thức ăn chăn nuôi lợn con.	Dạng hạt mịn, màu nâu nhạt.	Jaco Nutrimix Sdn. Bhd., Malaysia.	Malaysia	20/10/2020
983	Jaco Poultry Mineral 201	296-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Đồng sunphát, Sắt sunphát, ôxit kẽm, ôxit Mangan, Selen selenite, Kali iodate, chất mang (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng (đơn vị tính g/kg): Đồng (Cu): 9,2 - 10,8; Sắt (Fe): 73,6 - 86,4; Kẽm (Zn): 92,0 - 108,0; Mangan (Mn): 110,4 - 129,6 g; Selen (Se): 0,28 - 0,32; Iôt (I): 0,92 - 1,08. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm.	Bổ sung premix khoáng vô cơ trong thức ăn chăn nuôi gà thịt và gà đẻ.	Dạng hạt mịn, màu xám nhạt đến xám đen.	Jaco Nutrimix Sdn. Bhd., Malaysia.	Malaysia	20/10/2020
984	Magnesium Sulphate	288-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Magnesium Sulphate (MgSO4) với độ tinh khiết tối thiểu là 99,0 %. - Chỉ tiêu chất lượng: Magiê (Mg) $\geq 19,5$ %; Sắt (Fe) $\leq 15,0$ ppm. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 8,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 10,0$ ppm.	Bổ sung khoáng vô cơ Magiê trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	Laizhou City Laiyu Chemical Co., Ltd., China	China	20/10/2020
985	Manganese Oxide (MnO) 60-62%	262-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Manganese Oxide (MnO), Silicon dioxide (SiO2), Aluminium oxide (Al2O3). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 2,0$ %; Mangan (Mn) $\geq 60,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 200,0$ ppm; Cd $\leq 30,0$ ppm; As $\leq 100,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung khoáng Mangan (Mn) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu xanh.	Goodearth Agrochem Pvt, Ltd., India.	India	16/10/2020
986	Manganese Sulphate (MnSO4)	263-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Manganese Sulphate Monohydrate (MnSO4.H2O) độ tinh khiết tối thiểu là 99,0 %. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 2,0$ %; Mangan (Mn) $\geq 32,0$ % - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 30,0$ ppm; Cd $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 12,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung khoáng Mangan (Mn) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng đến hồng nhạt.	Goodearth Agrochem Pvt, Ltd., India.	India	16/10/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
987	Globigen Sow 25 %	261-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Nấm men bất hoạt (Saccharomyces cerevisiae) và chất mang (bột trứng gà). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 8,0$ %; Protein $\geq 40,0$ %; béo $\geq 9,0$ %; xơ thô $\leq 1,0$ %; khoáng tổng số $\leq 8,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 4,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Pb < 10,0 ppm; Hg < 0.1 ppm.	Bổ sung Protein từ bột trứng sấy khô và nấm men bất hoạt trong thức ăn chăn nuôi lợn.	Dạng bột, màu nâu nhạt đến vàng nhạt.	EW Nutrition GmbH., Germany.	Germany	16/10/2020
988	Betaine Anhydrous 75 PCT	260-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Betaine Anhydrous, Sodium chloride và chất chống kết dính (Calcium Stearate). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 1,0$ %; Betaine $\geq 75,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 3,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm.	Bổ sung Betaine trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	Shandong Grand Biotechnology Co, Ltd., China	China	16/10/2020
989	Presan-FX	314-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit Sorbic, muối của axit Butyric, Acacia (Gum arabic), dầu thực vật (dầu dừa, dầu cọ, dầu đậu nành), chất tạo mùi (axit Benzoic, capsicum oleoresin) và chất mang (axit Silicic, Sepiolite). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 4,0$ %; Axit Sorbic $\geq 6,2$ %; Axit Butyric $\geq 4,4$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Cd $\leq 15,0$ ppm; Pb $\leq 200,0$ ppm.	Bổ sung axit hữu cơ, muối axit hữu cơ, dầu thực vật trong thức ăn chăn nuôi nhằm cải thiện đường tiêu hóa cho lợn.	Dạng bột, màu trắng đến nâu nhạt.	Selko B.V., The Netherlands.	The Netherlands	20/10/2020
990	Zambac MD 100	313-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bacitracin Methylene Disalicylate và chất mang (bột đá, bột ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 7,0$ %; Bacitracin Methylene Disalicylate: 13,0 - 16,0 % (tương đương với Bacitracin: 9,0 - 11,0 %). - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Hg < 0,1 ppm.	Bổ sung kháng sinh Bacitracin trong thức ăn cho gia súc, gia cầm nhằm tăng khả năng sinh trưởng vật nuôi.	Dạng hạt nhỏ mịn, màu vàng nhạt đến nâu nhạt.	Lifecome Biochemistry Co, Ltd., China	China	20/10/2020
991	Choline Chloride 60% Corn Cob	287-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Choline Chloride và chất mang (bột lõi ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Choline Chloride $\geq 60,0$ % (tương đương với Choline $\geq 44,7$ %). - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung Choline trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng hạt, màu vàng đến nâu nhạt.	Shandong Jujia Biotech Co., Ltd., China	China	20/10/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
992	LysiPEARL	253-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: L-Lysine hydrochloride và chất mang dầu thực vật được hydro hoá. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Lysine hydrochloride $\geq 47,5\%$ (tương đương với Lysine $\geq 38,0\%$). - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm; As $\leq 3,0$ ppm.	Bổ sung Lysine trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc nhai lại.	Dạng hạt nhỏ mịn, màu trắng nhạt đến nâu nhạt.	Kemin Cavriago S.R.L., Italy.	Italy	20/10/2020
993	MetiPEARL	254-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Methionine và chất mang dầu thực vật được hydro hoá. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Methionine $\geq 50,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm; As $\leq 3,0$ ppm.	Bổ sung Methionine trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc nhai lại.	Dạng hạt nhỏ mịn, màu trắng đến be.	Kemin Cavriago S.R.L., Italy.	Italy	20/10/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
994	Ingaso Jade	255-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin (A, B1, B2, B6, B12, D3, E (alfa-tocoferol) và K3), Nicotinic acid, D-calcium pantothenate, Biotin, Betaine anhydroys, các axit hữu cơ (Orthophosphoric, Fumaric, Citric, Malic), Dicopper chloride trihydroxide, Potassium iodine, Sodium selenite, Iron heptahydrated sulphate, Manganese monohydrated sulphate, Zinc oxide, 6-phytase EC 3.1.3.26 (4a1640), Endo-1,4-Beta-xylanase (EC 3.2.1.8) , Endo-1,3(4)-Beta-glucanase (EC 3.2.1.6), Bacillus licheniformis (DMS 5749), Bacillus subtilis (DSM 5750), L-lysine monochlorhydrate, DL-methionine, L-threonine, L-tryptophan, chất chống oxy hóa (Ethoxiquin, Propyl galate) và chất mang (Protein từ khoai tây, lúa mì, lúa mạch, bột đá, bột trứng). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Độ ẩm ≤ 10,0 %; Vitamin A ≥ 325.000,0 IU; Vitamin D3 ≥ 50.000,0 IU; Vitamin E (alfa-tocoferol) ≥ 1.000,0 mg; Vitamin B1 ≥ 30,0 mg; Vitamin B2 ≥ 125,0 mg; Vitamin B6 ≥ 75,0 mg; axit Nicotinic ≥ 625,0 mg; D-calcium panthothenate ≥ 500,0 mg; 6-Phytase EC 3.1.3.26 ≥ 12.500,0 FTU; Endo-1,4-Beta-xylanase ≥ 27.500,0 VU; Endo-1,3 (4)Beta-glucanase ≥ 37.500,0 VU; Bacillus licheniformis ≥ 1,8 × 10¹⁰ CFU; Bacillus subtilis ≥ 1,8 × 10¹⁰ CFU; axit Orthophosphoric ≥ 7,5 g; axit Fumaric ≥ 15,0 g; axit Citric ≥ 7,5 g; axit Malic ≥ 7,5 g; Mangan: 850,0 - 1.200,0 mg; Sắt: 2.750,0 - 3.750,0 mg; Đồng: 3.400,0 - 4.000,0 mg; Kẽm: 3.000,0 - 3.750,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb < 10,0 ppm; Cd < 0,5 ppm; As < 4,0 ppm; Hg < 0,1 ppm.	Bổ sung premix vitamin, khoáng và vi khuẩn có lợi trong đường tiêu hóa cho lợn con giai đoạn tập ăn.	Dạng bột, màu kem.	Ingaso Farm S.L.U., Spain.	Spain	20/10/2020
995	30 % Coated Sodium Butyrate	251-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sodium butyrate và chất mang dầu thực vật được hydro hoá. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm ≤ 8,0 %; Axit Butyric ≥ 21,4 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 10,0 ppm; As ≤ 5,0 ppm.	Bổ sung axit Butyric trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng hạt nhỏ mịn, màu trắng đến trắng nhạt.	Zhejiang Vega Bio-Technology Co, Ltd., China	China	20/10/2020
996	Bacitracin Methylene Disalicylate (BMD) Premix 10 %	252-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bacitracin Methylene Disalicylate và chất mang (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm ≤ 7,0 %; Bacitracin: 9,5 - 10,5 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 20,0 ppm; As ≤ 2,0 ppm.	Bổ sung kháng sinh Bacitracin trong thức ăn cho gia súc, gia cầm nhằm tăng khả năng sinh trưởng vật nuôi.	Dạng hạt nhỏ mịn, màu vàng nhạt đến nâu nhạt.	Shenzhou Vega Bio-Technology Co, Ltd., China	China	20/10/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
997	E.C.O. Trace Cu 23 %	256-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Copper-Glycine chelate. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 7,0$ %; Đồng: 23,0 - 29,0 %; Glycine $\geq 27,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 100,0$ ppm; Cd $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm As $\leq 30,0$ ppm.	Bổ sung khoáng Đồng (Cu) hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng hạt nhỏ mịn, màu xanh nhạt.	Biochem Zusatzstoffe Handels - und Produktionsgesellschaft mbH., Germany.	Germany	16/10/2020
998	E.C.O. Trace Fe 20 %	257-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Iron-Glycine chelate. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 6,0$ %; Sắt: 20,0 - 26,0 %; Glycine $\geq 25,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 100,0$ ppm; Cd $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm As $\leq 30,0$ ppm.	Bổ sung khoáng Sắt (Fe) hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng hạt nhỏ mịn, màu nâu nhạt.	Biochem Zusatzstoffe Handels - und Produktionsgesellschaft mbH., Germany.	Germany	16/10/2020
999	E.C.O. Trace Mn 20 %	258-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Manganese-Glycine chelate. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 5,0$ %; Mangan: 20,0 - 26,0 %; Glycine $\geq 28,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 100,0$ ppm; Cd $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm As $\leq 30,0$ ppm.	Bổ sung khoáng Mangan (Mn) hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng hạt nhỏ mịn, màu hồng nhạt.	Biochem Zusatzstoffe Handels - und Produktionsgesellschaft mbH., Germany.	Germany	16/10/2020
1000	E.C.O. Trace Zn 25 %	259-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Zinc-Glycine chelate. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 6,0$ %; Kẽm: 25,0 - 32,5 %; Glycine $\geq 29,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 100,0$ ppm; Cd $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm As $\leq 30,0$ ppm.	Bổ sung khoáng Kẽm (Zn) hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng hạt nhỏ mịn, màu be nhạt.	Biochem Zusatzstoffe Handels - und Produktionsgesellschaft mbH., Germany.	Germany	16/10/2020
1001	Bio Digest	308-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các axit (Phosphoric, Citric, Benzoic, Malic), phụ gia và chất mang (Potassium diformate, Aluminosilicate). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 18,0$ %; axit Phosphoric $> 25,0$ %; axit Citric $> 10,0$ %; axit Benzoic $> 5,0$ %; axit Malic $> 4,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $< 10,0$ ppm; As $< 10,0$ ppm; Cd $< 100,0$ ppb; Hg $< 30,0$ ppb.	Bổ sung các axit hữu cơ và vô cơ trong thức ăn cho gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột, màu trắng.	Total Nutrition Technologies Co, Ltd., Taiwan.	Taiwan	20/10/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1002	Protigen F100	309-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: 100 % khô dầu đậu tương được lên men vi khuẩn <i>Lactobacillus salivarius</i>. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm < 10,0 %; Protein > 50,0 %; Xơ < 4,5 %; Khoáng tổng số < 7,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: <i>Salmonella</i>: không phát hiện CFU/25g; <i>E. coli</i> < 10 CFU/g; Pb < 10,0 ppm; As < 100,0 ppb; Cd < 100,0 ppb; Hg < 20,0 ppb.	Khô dầu đậu tương lên men, dùng làm nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Total Nutrition Technologies Co, Ltd., Taiwan.	Taiwan	20/10/2020
1003	VemoZyme 50	322-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp enzyme từ vi khuẩn <i>Trichoderma reesei</i> (Endo-1,4 beta-xylanase; Endo-1,4 beta-glucanase; Endo-1,3(4) β-glucanase; α-amylase; Protease; Lipase; Endo-1,4-β-Mannanase; α-Galactosidase) và chất mang (bột đá, cám mỳ). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 g): Độ ẩm $\leq$ 10,0 %; Endo-1,4 beta-xylanase $\geq$ 32.000,0 EPU; Endo-1,4 beta-glucanase $\geq$ 2.700,0 U; Endo-1,3(4) β-glucanase $\geq$ 900,0 U; α-amylase $\geq$ 50,0 U; Protease $\geq$ 1.000,0 U; Lipase $\geq$ 200,0 U; Endo-1,4-β-Mannanase $\geq$ 10,0 U; α-Galactosidase $\geq$ 10,0 U. - Chỉ tiêu vệ sinh: <i>Salmonella</i>: không phát hiện CFU/25g; <i>E. coli</i> < 10 CFU/g; Pb $\leq$ 20,0 ppm; As $\leq$ 15,0 ppm; Cd $\leq$ 2,0 ppm; Hg $\leq$ 0,3 ppm.	Bổ sung hỗn hợp enzyme tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu kem đến sáng be.	Vemo 99 Ltd., Bulgaria	Bulgaria	20/10/2020
1004	VemoZyme 50F	323-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp enzyme từ vi khuẩn <i>Trichoderma reesei</i> (Endo-1,4 beta-xylanase; Endo-1,4 beta-glucanase; Endo-1,3(4) β-glucanase; Phytase; α-amylase; Protease; Lipase; Endo-1,4-β-Mannanase; α-Galactosidase) và chất mang (bột đá, cám mỳ). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 g): Độ ẩm $\leq$ 10,0 %; Endo-1,4 beta-xylanase $\geq$ 32.000,0 EPU; Endo-1,4 beta-glucanase $\geq$ 2.700,0 U; Endo-1,3(4) β-glucanase $\geq$ 900,0 U; Phytase $\geq$ 10.000,0 PPU; α-amylase $\geq$ 50,0 U; Protease $\geq$ 1.000,0 U; Lipase $\geq$ 200,0 U; Endo-1,4-β-Mannanase $\geq$ 10,0 U; α-Galactosidase $\geq$ 10,0 U. - Chỉ tiêu vệ sinh: <i>Salmonella</i>: không phát hiện CFU/25g; <i>E. coli</i> < 10 CFU/g; Pb $\leq$ 20,0 ppm; As $\leq$ 15,0 ppm; Cd $\leq$ 2,0 ppm; Hg $\leq$ 0,3 ppm.	Bổ sung hỗn hợp enzyme tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu be nhạt đến be.	Vemo 99 Ltd., Bulgaria	Bulgaria	20/10/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1005	VemoZyme 100	324-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp enzyme từ vi khuẩn <i>Trichoderma reesei</i> (Endo-1,4 beta-xylanase; Endo-1,4 beta-glucanase; Endo-1,3(4) β-glucanase; α-amylase; Protease; Lipase; Endo-1,4-β-Mannanase; α-Galactosidase) và chất mang (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 g): Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Endo-1,4 beta-xylanase $\geq 16.000,0$ EPU; Endo-1,4 beta-glucanase $\geq 1.350,0$ U; Endo-1,3(4) β-glucanase $\geq 450,0$ U; α-amylase $\geq 25,0$ U; Protease $\geq 1.000,0$ U; Lipase $\geq 100,0$ U; Endo-1,4-β-Mannanase $\geq 10,0$ U; α-Galactosidase $\geq 5,0$ U. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 20,0$ ppm; As $\leq 15,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,3$ ppm.	Bổ sung hỗn hợp enzyme tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu kem đến be nhạt.	Vemo 99 Ltd., Bulgaria	Bulgaria	20/10/2020
1006	VemoZyme 100F	325-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp enzyme từ vi khuẩn <i>Trichoderma reesei</i> (Endo-1,4 beta-xylanase; Endo-1,4 beta-glucanase; Endo-1,3(4) β-glucanase; Phytase; α-amylase; Protease; Lipase; Endo-1,4-β-Mannanase; α-Galactosidase) và chất mang (bột đá và cám mì). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 g): Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Endo-1,4 beta-xylanase $\geq 16.000,0$ EPU; Endo-1,4 beta-glucanase $\geq 1.350,0$ U; Endo-1,3(4) β-glucanase $\geq 450,0$ U; Phytase $\geq 5.000,0$ PPU; α-amylase $\geq 25,0$ U; Protease $\geq 1.000,0$ U; Lipase $\geq 100,0$ U; Endo-1,4-β-Mannanase $\geq 10,0$ U; α-Galactosidase $\geq 5,0$ U. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 20,0$ ppm; As $\leq 15,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,3$ ppm.	Bổ sung hỗn hợp enzyme tiêu trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu be nhạt đến be.	Vemo 99 Ltd., Bulgaria	Bulgaria	20/10/2020
1007	VemoZyme F 5000	326-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Enzyme Phytase từ vi khuẩn <i>Trichoderma reesei</i> và chất mang (bột đá và cám mì). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 g): Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Phytase $\geq 5.000,0$ PPU. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 20,0$ ppm; As $\leq 15,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,3$ ppm.	Bổ sung enzyme Phytase trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu be nhạt đến be.	Vemo 99 Ltd., Bulgaria	Bulgaria	20/10/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1008	VemoZyme F 5000 NTP	327-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Enzyme Phytase và chất mang (bột đá và cám mì). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 g): Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Phytase $\geq 5.000,0$ PPU. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 20,0$ ppm; As $\leq 15,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $< 0,3$ ppm.	Bổ sung enzyme Phytase trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu be nhạt đến be.	Vemo 99 Ltd., Bulgaria	Bulgaria	20/10/2020
1009	VemoZyme F 10000	328-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Enzyme Phytase từ vi khuẩn Trichoderma reesei và chất mang (bột đá và cám mì). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 g): Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Phytase $\geq 10.000,0$ PPU. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 20,0$ ppm; As $\leq 15,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $< 0,3$ ppm.	Bổ sung enzyme Phytase trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu be nhạt đến be.	Vemo 99 Ltd., Bulgaria	Bulgaria	20/10/2020
1010	VemoZyme F 10000 NTP	329-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Enzyme Phytase và chất mang (bột đá và cám mì). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 g): Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Phytase $\geq 10.000,0$ PPU. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 20,0$ ppm; As $\leq 15,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $< 0,3$ ppm.	Bổ sung enzyme Phytase trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu be nhạt đến be.	Vemo 99 Ltd., Bulgaria	Bulgaria	20/10/2020
1011	Sodium Butyrate Hybrid Plus	337-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sodium butyrate, phụ gia và chất mang (tinh dầu, silica, dầu thực vật). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 5,0$ %; Sodium Butyrate : 68,0 - 72,0 % (tương đương với axit Butyric $\geq 49,0$ %). - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $< 5,0$ ppm; As $< 2,0$ ppm; Cd $< 5,0$ ppm; Hg $< 0,1$ ppm.	Bổ sung Natri Butyrate trong thức ăn cho gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng hạt nhỏ mịn, màu trắng.	Avicola De Tarragona S.A (AVITASA), Spain.	Spain	20/10/2020
1012	Sodium Butyrate Retard 30	338-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sodium butyrate, phụ gia và chất mang (silica, dầu thực vật). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 5,0$ %; Sodium Butyrate : 29,0 - 31,0 % (tương đương với axit Butyric $\geq 20,9$ %). - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $< 5,0$ ppm; As $< 2,0$ ppm; Cd $< 5,0$ ppm; Hg $< 0,1$ ppm.	Bổ sung Natri Butyrate trong thức ăn cho gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng hạt nhỏ mịn, màu trắng.	Avicola De Tarragona S.A (AVITASA), Spain.	Spain	20/10/2020
1013	Globigen Piglet 1	311-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bột trứng gà, Oligosaccharides và chất mang (Silicate). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $< 7,0$ %; Protein $> 35,0$ %; Béo $> 23,0$ %; Khoáng tổng số $< 6,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $< 2,0$ ppm; Cd $< 2,0$ ppm; Pb $< 10,0$ ppm; Hg $< 0,1$ ppm.	Bổ sung Protein từ bột trứng sấy khô trong thức ăn chăn nuôi lợn con.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	EW Nutrition Japan K.K., Japan.	Germany	20/10/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1014	Iron-Glycinate	274-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ferrous-glycine chelate hydrate ($\geq 90,0\%$). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 8,0\%$; Sắt (Fe): 21,0 - 24,0 %; Glycine $\geq 69,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 100,0$ ppm; As $\leq 30,0$ ppm; Cd $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,2$ ppm.	Bổ sung khoáng Sắt (Fe) hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng hạt nhỏ mịn, màu be đến nâu nhạt.	BASF SE., Germany.	Germany	20/10/2020
1015	Copper-Glycinate	275-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Copper-glycine chelate hydrate ($\geq 93,0\%$). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 8,0\%$; Đồng (Cu): 23,0 - 27,0 %; Glycine $\geq 70,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 100,0$ ppm; As $\leq 30,0$ ppm; Cd $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,2$ ppm.	Bổ sung khoáng Đồng (Cu) hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng hạt nhỏ mịn, màu xanh.	BASF SE., Germany.	Germany	20/10/2020
1016	Zinc-Glycinate	276-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Zinc-glycine chelate hydrate ($\geq 95,0\%$). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 3,0\%$; Kẽm (Zn): 25,0 - 28,0 %; Glycine $\geq 70,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 100,0$ ppm; As $\leq 30,0$ ppm; Cd $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,2$ ppm.	Bổ sung khoáng Kẽm (Zn) hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng hạt nhỏ mịn, màu trắng đến màu be.	BASF SE., Germany.	Germany	20/10/2020
1017	Manganese-Glycinate	277-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Manganese-glycine chelate hydrate ($\geq 90,0\%$). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 3,0\%$; Mangan (Mn): 20,0 - 23,0 %; Glycine $\geq 70,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 100,0$ ppm; As $\leq 30,0$ ppm; Cd $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,2$ ppm.	Bổ sung khoáng Mangan (Mn) hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng hạt nhỏ mịn, màu trắng đến hồng nhạt.	BASF SE., Germany.	Germany	20/10/2020
1018	Acidrex	300-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các axit hữu cơ (Acetic, Lactic, Formic) và chất phụ gia (Propylene glycol). - Chỉ tiêu chất lượng: Axit Acetic $\geq 70,0\%$; axit Lactic $\geq 8,0\%$; axit Formic $\geq 0,7\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $< 0,5$ ppm.	Bổ sung các axit hữu cơ (Acetic, Lactic, Formic) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm kiểm soát sự phát triển của nấm mốc.	Dạng lỏng, màu vàng.	A.W.P. S.r.l., Italia.	Italy	20/10/2020
1019	Natural Core ECO1 Lamb (Dog All Life State)	241-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt cừu, khoai lang, lúa mỳ, lúa mạch, gạo nâu, mỡ gà, khô dầu hạt hướng dương, đậu tương, Oligosaccharide, hạt lanh, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Protein $\geq 24,0\%$; Năng lượng trao đổi $\geq 4.400,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 12,0\%$; Xơ $\leq 6,0\%$; Khoáng tổng số $\leq 8,0\%$; Lysine $\geq 0,63\%$; Methionine + Cystine $\geq 0,43\%$; Canxi: 0,9 - 2,5 %; Phốtpho: 0,4 - 1,2 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Aflatoxin $\leq 20,0$ ppb; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh hương cừu cho chó ở các giai đoạn.	Dạng viên hình chữ nhật, màu nâu.	EreBon Co, Ltd., Korea.	Korea	20/10/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1020	Natural Core ECO2 Duck (Dog All Life State)	242-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt vịt, khoai lang, lúa mỳ, lúa mạch, gạo nâu, mỡ gà, khô dầu hạt hướng dương, đậu tương, Oligosaccharide, hạt lanh, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0\%$; Protein $\geq 24,0\%$; Năng lượng trao đổi $\geq 4.400,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 12,0\%$; Xơ $\leq 6,0\%$; Khoáng tổng số $\leq 8,0\%$; Lysine $\geq 0,63\%$; Methionine + Cystine $\geq 0,43\%$; Canxi: 0,9 - 2,5 %; Phốtpho: 0,4 - 1,2 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Aflatoxin $\leq 20,0$ ppb; Ph $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh hương vịt cho chó ở các giai đoạn.	Dạng viên hình chữ nhật, màu nâu.	EreBon Co, Ltd., Korea.	Korea	20/10/2020
1021	Natural Core ECO4 Slim-Down	243-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt vịt, khoai lang, lúa mạch, gạo nâu, mỡ gà, khô dầu hạt hướng dương, đậu tương, Oligosaccharide, hạt lanh, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0\%$; Protein $\geq 19,0\%$; Năng lượng trao đổi $\geq 4.200,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 8,0\%$; Xơ $\leq 6,0\%$; Khoáng tổng số $\leq 8,0\%$; Lysine $\geq 0,63\%$; Methionine + Cystine $\geq 0,43\%$; Canxi: 0,9 - 2,5 %; Phốtpho: 0,4 - 1,2 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Aflatoxin $\leq 20,0$ ppb; Ph $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó trưởng thành.	Dạng viên hình tam giác, màu nâu.	EreBon Co, Ltd., Korea.	Korea	20/10/2020
1022	Natural Core ECO5 Puppy	244-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt cừu, hạt kê, thịt gà, khoai lang, lúa mạch, gạo nâu, mỡ gà, khô dầu hạt hướng dương, đậu tương, hạt lanh, hạt bí ngô, sữa bột, dầu cá, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0\%$; Protein $\geq 28,0\%$; Năng lượng trao đổi $\geq 4.600,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 15,0\%$; Xơ $\leq 6,0\%$; Khoáng tổng số $\leq 8,0\%$; Lysine $\geq 0,77\%$; Methionine + Cystine $\geq 0,53\%$; Canxi: 0,9 - 2,5 %; Phốtpho: 0,4 - 1,2 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Aflatoxin $\leq 20,0$ ppb; Ph $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó mang thai và chó con.	Dạng viên hình tam giác, màu nâu.	EreBon Co, Ltd., Korea.	Korea	20/10/2020

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1023	Natural Core ECO9b Senior Salmon	245-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Cá hồi, khoai lang, hạt kê, lúa mạch, gạo nâu, mỡ gà, sụn vịt, khô dầu hạt hướng dương, đậu tương, hạt lanh, hạt bí ngô, sữa bột, dầu cá, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Protein $\geq 21,0\%$; Năng lượng trao đổi $\geq 4.100,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 7,0\%$; Xơ $\leq 6,0\%$; Khoáng tổng số $\leq 8,0\%$; Lysine $\geq 0,63\%$; Methionine + Cystine $\geq 0,43\%$; Canxi: 1,0 - 2,5 %; Phốtpho: 0,5 - 1,2 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Aflatoxin $\leq 20,0$ ppb; $Pb < 10,0$ ppm; $As < 2,0$ ppm; $Hg < 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó ở các giai đoạn.	Dạng viên hình tam giác, màu nâu.	EreBon Co, Ltd., Korea.	Korea	20/10/2020
1024	Natural Core Organic 95% Multi-protein CAT	246-10/15-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gà, gạo nâu, đậu tương, hạt vừng, tía tô, khô dầu hạt hướng dương, trứng, mỡ gà, lúa mạch, yến mạch, sụn vịt, cá hồi, lúa mì, hạt lanh, khoai lang, dầu cá hồi, đậu xanh, lúa mạch đen, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0\%$; Protein $\geq 30,0\%$; Năng lượng trao đổi $\geq 4.500,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 15,0\%$; Xơ $\leq 6,0\%$; Khoáng tổng số $\leq 8,0\%$; Lysine $\geq 0,83\%$; Methionine + Cystine $\geq 1,1\%$; Canxi: 0,9 - 2,5 %; Phốtpho: 0,4 - 1,2 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Aflatoxin $\leq 20,0$ ppb; $Pb < 10,0$ ppm; $As < 2,0$ ppm; $Hg < 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho mèo ở các giai đoạn.	Dạng viên hình tam giác, màu nâu.	EreBon Co, Ltd., Korea.	Korea	20/10/2020
1025	Soft Sasami Stick Cut Type 80 g	29-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gà, đậu tương, bánh mì vụn, bột mì, đường, dầu thực vật, Glycerol, Sorbitol, Propylen glycol, Vitamin E, polyphosphate sodium, chất bảo quản (axit Sorbic, sodium acetate dehydro), chất tạo màu (sodium nitrite, Red 106). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 33,0\%$; Protein $\geq 9,0\%$; Béo $\geq 2,0\%$; Xơ thô $\leq 2,0\%$; Khoáng tổng số $\leq 5,5\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g	Thức ăn bổ sung hương gà cho chó ở các giai đoạn.	Dạng viên dài, màu đỏ nhạt.	DoggyFoods Co, Ltd.	Japan	27/1/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1026	Luctarom 78129Z	89-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit Octanoic, Gamma-undecalactone, Axit Hexanoic, Cinnamic aldehyde, p-Anisaldehyde, Benzaldehyde, Gamma-Nonalactone, Ethyl lactate, Sodium saccharin, vanillin, phụ gia và chất mang (Sodium chloride, dextrose, calcium carbonate, Silicon dioxide). - Chỉ tiêu chất lượng: Axit Octanoic: 0,1 - 0,4 %; Gamma-Undecalactone: 0,5 - 1,3 %; Axit Hexanoic: 1,2 - 2,6 %; Cinnamic aldehyde: 1,4 - 3,0 %; Benzaldehyde: 2,3 - 4,3 %; p-Anisaldehyde: 1,4 - 3,0 %; Gamma-Nonalactone: 4,0 - 12,0 %; Ethyl lactate: 12,5 - 21,5 %; Sodium saccharin: 1,0 - 3,0 %; vanillin: 2,0 - 3,6 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 10,0 ppm; As ≤ 3,0 ppm; Cd ≤ 0,5 ppm; Hg < 0,1 ppm.	Bổ sung chất tạo mùi trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu hồng nhạt đến hồng.	Lucta (Guangzhou) Flavours, Co Ltd	China	3/2/2021
1027	Luctarom LOS 27611Z	90-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Tributyrin, Carvacrol, Cinnamic aldehyde và chất mang (dầu hướng dương). - Chỉ tiêu chất lượng: Tributyrin: 2,0 - 5,0 %; Carvacrol: 10,0 - 20,0 %; Cinnamic aldehyde: 22,0 - 42,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 10,0 ppm; As ≤ 3,0 ppm; Cd ≤ 0,5 ppm; Hg ≤ 0,1 ppm.	Bổ sung chất tạo mùi trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu vàng nhạt đến vàng đậm.	Lucta (Guangzhou) Flavours, Co Ltd	China	3/2/2021
1028	Luctarom Los 27611Z	53-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: 3-Phenyl-2-propenal; 5-Isopropyl-2methyl-phenol; Glycerol tributyrat và chất mang (dầu hướng dương). - Chỉ tiêu chất lượng: 3-Phenyl-2-propenal: 20,0 - 40,0 %; 5-Isopropyl-2methyl-phenol: 10,0 - 20,0; Glycerol tributyrat: 2,1 - 5,1 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Cd < 1,0 ppm; As < 2,0 ppm; Pb < 10,0 ppm; Hg < 0,1 ppm.	Bổ sung chất tạo mùi trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu vàng.	Lucta S.A.	Spain	28/1/2021
1029	Luctarom Poultry	92-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thymol, Carvacrol, Tributyrin và chất mang (Silicon dioxide). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm ≤ 10,0 %; Thymol: 0,2 - 1,0 %; Carvacrol: 4,0 - 7,0 %; Tributyrin: 48,0 - 58,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 10,0 ppm; As ≤ 3,0 ppm; Cd ≤ 0,5 ppm; Hg ≤ 0,1 ppm.	Bổ sung chất tạo mùi trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng đến vàng nhạt.	Lucta (Guangzhou) Flavours, Co Ltd.	China	3/2/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1030	Luctarom Premium 78466Z	93-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vanillin, Tributyrin và chất mang (Silicon dioxide). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm < 10,0 %; Vanillin: 0,5 – 1,5 %; Tributyrin: 45,0 - 65,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 10,0 ppm; As ≤ 3,0 ppm; Cd ≤ 0,5 ppm; Hg ≤ 0,1 ppm.	Bổ sung chất tạo mùi trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng đến vàng nhạt.	Lucta (Guangzhou) Flavours, Co Ltd.	China	3/2/2021
1031	Copper Sulphate Penta Hydrate	28-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Copper Sulphate Penta Hydrate (CuSO ₄ .5H ₂ O ≥ 98,0 %). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm ≤ 0,5 %; Đồng (Cu): 24,5 - 25,5 % - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 75,0 ppm; As ≤ 5,0 ppm; Cd ≤ 5,0 ppm; Hg ≤ 0,1 ppm.	Bổ sung Đồng (Cu) trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm.	Dạng hạt nhỏ mịn, màu xanh.	Bakirsulfat Kimya San Ve Tic A.S.	Turkey	27/1/2021
1032	Megacid-L	25-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ammonium formate, axit Formic và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng: Axit Formic ≥ 30,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 30,0 ppm; As ≤ 10,0 ppm.	Bổ sung axit Formic trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa cho vật nuôi	Dạng lỏng, màu xanh đến nâu.	Guangzhou Numega Nutrition Co Ltd.	China	27/1/2021
1033	Moldkiller	26-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ammonium propionate và chất mang (Silicon dioxide). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm ≤ 13,0 %; axit Propionic ≥ 25,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 30,0 ppm; As ≤ 10,0 ppm.	Bổ sung axit Propionic trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm kiểm soát sự phát triển của nấm mốc.	Dạng bột, màu trắng đến trắng xám.	Guangzhou Numega Nutrition Co Ltd.	China	27/1/2021
1034	Megabuty	27-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sodium butyrate và chất mang (Silicon dioxide). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm ≤ 2,0 %; axit Butyrate ≥ 77,5 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 30,0 ppm; As ≤ 10,0 ppm.	Bổ sung axit Butyric trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa cho vật nuôi	Dạng bột hoặc hạt, màu trắng.	Guangzhou Numega Nutrition Co Ltd.	China	27/1/2021
1035	Nuklospray E50	59-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bột Whey, dầu thực vật (dầu dừa, dầu cọ), chất tạo mùi (Vanilla) và chất chống kết dính (Silica dioxide). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm ≤ 5,0 %; Béo (Fat) ≥ 48,0 %; Lactose ≥ 34,0 %; Khoáng tổng số (Ash) ≤ 8,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb ≤ 10,0 ppm; As ≤ 4,0 ppm; Cd ≤ 0,5 ppm; Hg ≤ 0,2 ppm.	Bổ sung chất béo và lactose trong thức ăn chăn nuôi cho bê và lợn con	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Sloten B.V.	The Netherlands	1/2/2021
1036	Selacid Green Growth-PX	60-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit Sorbic, Calcium formate, axit Citric, dầu thực vật (dầu dừa, dầu cọ) và chất mang (axit Silicic). - Chỉ tiêu chất lượng: Axit Formic ≥ 37,0 %; axit Citric ≥ 17,0 %; axit Sorbic ≥ 4,5 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Cd ≤ 15,0 ppm; Pb ≤ 200,0 ppm.	Bổ sung axit hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm kiểm soát sự phát triển của nấm mốc.	Dạng bột, màu trắng đến nâu nhạt.	Selko B.V.	The Netherlands	1/2/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1037	Selacid-SP	61-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit hữu cơ (Sorbic, Formic, Acetic, Lactic, Propionic, Citric), Ammonium formate và chất mang (axit Silicic). - Chỉ tiêu chất lượng: Axit Formic $\geq 20,0$ %; Axit Propionic $\geq 10,0$ %; Axit Acetic $\geq 7,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 200,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm.	Bổ sung axit hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi nhằm cải thiện đường tiêu hóa của vật nuôi.	Dạng bột, màu trắng đến vàng nhạt.	Selko B.V.	The Netherlands	1/2/2021
1038	Optimin Active	62-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Zinc proteinate, Manganese proteinate, Copper proteinate, Iron proteinate, Potassium iodide, nấm men bất hoạt chứa Selen (Saccharomyces cerevisiae) và chất mang (Bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 8,0$ %; Kẽm (Zn): 5,0 - 6,0 %; Mangan (Mn): 3,5 - 4,5 %; Sắt (Fe): 3,0 - 4,0 %; Đồng (Cu): 0,5 - 1,0 %; Selen (Se): 0,03 - 0,53 %; Iodine (I): 0,07 - 0,57%. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Cd $\leq 15,0$ ppm; Pb $\leq 200,0$ ppm.	Bổ sung hỗn hợp khoáng hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, xám nâu.	Great Plains Processing.	USA	1/2/2021
1039	Wisdom Vitamin-BT	31-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: L-Carnitine, Gelatin, Silica và chất mang (bột ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 15,0$ %; L-Carnitine $\geq 50,0$ % - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm.	Chất bổ sung trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm giúp giải độc gan cải thiện năng suất vật nuôi.	Dạng bột, màu trắng đến trắng xám.	Guangzhou Wisdom Bio-Technology Co, Ltd.	China	28/1/2021
1040	A-Plex Se	56-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Nấm men bất hoạt chứa Selen (Candida utilis) và chất mang (Dicalcium phosphate). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 5,0$ %; Selen (Se): 2.000,0 - 2.500,0 ppm. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 15,0$ ppm; Cd $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 12,0$ ppm; Hg $\leq 0,2$ ppm.	Bổ sung Selen (Se) hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột hoặc hạt nhỏ mịn, màu nâu.	Appliedforce (Thailand) Co, Ltd.	Thailand	28/1/2021
1041	S-Plex Cr	57-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chromium tripicolinate, chất chống kết dính (Sodium carbonate) và chất mang (Bột đá và dicalcium phosphate). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 5,0$ %; Crôm (Cr): 400,0 - 450,0 ppm. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 15,0$ ppm; Cd $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 12,0$ ppm; Hg $\leq 0,2$ ppm.	Bổ sung Crôm (Cr) hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi cho lợn.	Dạng bột hoặc hạt nhỏ mịn, màu đỏ.	Appliedforce (Thailand) Co, Ltd.	Thailand	28/1/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1042	Vision 153 Bio Feed A	32-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bacillus subtilis và chất mang (Gluten ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm < 15,0 %; Bacillus subtilis > $1,0 \times 10^7$ CFU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb < 40,0 ppm; Cd < 2,0 ppm; As < 20,0 ppm; Hg < 0,5 ppm.	Bổ sung vi sinh vật có lợi đường tiêu hóa trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu vàng nhạt.	Sun Bio Co, Ltd.	Korea	28/1/2021
1043	Vision 153 Bio Feed S	33-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bacillus subtilis, Lactobacillus acidophilus, Saccharomyces cerevisiae và chất mang (Gluten ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm < 15,0 %; Bacillus subtilis > $1,0 \times 10^7$ CFU/g; Lactobacillus acidophilus > $2,0 \times 10^7$ CFU/g; Saccharomyces cerevisiae > $1,0 \times 10^7$ CFU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb < 40,0 ppm; Cd < 2,0 ppm; As < 20,0 ppm; Hg < 0,5 ppm.	Bổ sung hỗn hợp các vi sinh vật có lợi đường tiêu hóa trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu vàng nhạt.	Sun Bio Co, Ltd.	Korea	28/1/2021
1044	Vision 153 Bio Feed G	34-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bacillus subtilis, Lactobacillus acidophilus, Saccharomyces cerevisiae và chất mang (Gluten ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm < 15,0 %; Bacillus subtilis > $1,0 \times 10^7$ CFU/g; Lactobacillus acidophilus > $2,0 \times 10^7$ CFU/g; Saccharomyces cerevisiae > $1,0 \times 10^7$ CFU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb < 40,0 ppm; Cd < 2,0 ppm; As < 20,0 ppm; Hg < 0,5 ppm.	Bổ sung hỗn hợp các vi sinh vật có lợi đường tiêu hóa trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu vàng nhạt.	Sun Bio Co, Ltd.	Korea	28/1/2021
1045	Vision 153 Bio Feed C	35-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Lactobacillus plantarum và chất mang (Glucose). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm < 15,0 %; Lactobacillus plantarum > $2,0 \times 10^{10}$ CFU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb < 40,0 ppm; Cd < 2,0 ppm; As < 20,0 ppm; Hg < 0,5 ppm.	Bổ sung vi sinh vật có lợi trong thức ăn thô xanh cho gia súc nhai lại.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Sun Bio Co, Ltd.	Korea	28/1/2021
1046	Optiphos WSP	46-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Enzyme Phytase từ vi khuẩn Pichia pastoris và chất mang (Glucose). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm ≤ 10,0 %; Phytase ≥ 900.000,0 FTU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb ≤ 10,0 ppm; Cd ≤ 0,5 ppm; As ≤ 3,0 ppm.	Bổ sung enzyme Phytase trong thức ăn chăn nuôi nhằm tăng khả năng hấp thu thức ăn, cải thiện năng suất vật nuôi.	Dạng bột hoặc hạt mịn, be đến vàng.	Biovet Joint Stock Company.	Bulgaria	28/1/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1047	Hostazym X WSP	47-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Enzyme Endo-1,4-beta xylanase từ vi khuẩn <i>Trichoderma longibrachiatum</i> và chất mang (cám mỳ). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Endo-1,4-beta xylanase $\geq 1.000.000,0$ EPU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: <i>Salmonella</i> : không phát hiện CFU/25g; <i>E. coli</i> < 10 CFU/g; Pb $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; As $\leq 3,0$ ppm.	Bổ sung enzyme Endo-1,4-beta xylanase trong thức ăn chăn nuôi nhằm tăng khả năng hấp thu thức ăn, cải thiện năng suất vật nuôi.	Dạng bột hoặc hạt, be nhạt đến be.	Biovet Joint Stock Company.	Bulgaria	28/1/2021
1048	Nutriprotect	40-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bentonite, Clinoptilolite và chiết xuất thành tế bào nấm men (<i>Saccharomyces cerevisiae</i>). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0\%$; SiO ₂ : 45,5 - 50,5 %; MgO: 13,4 - 18,7 %; Al ₂ O ₃ : 5,3 - 8,5 %; CaO: 2,2 - 5,5 %; Beta Glucan: 1,5 - 2,1%; Manna Oligosaccharides: 0,7 - 1,3 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: <i>Salmonella</i> : không phát hiện CFU/25g; <i>E. coli</i> < 10 CFU/g; Pb $\leq 200,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm; As $\leq 60,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung chất hấp phụ độc tố nấm mốc trong thức ăn gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu xám be.	Mixscience.	France	28/1/2021
1049	Tecnoshell	41-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Calcium pidolate, Manganese oxide, Vitamin D3 và chất mang (Bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0\%$; Canxi (Ca): 176.000,0 - 196.000,0 mg/kg; Mangan (Mn): 17.800,0 - 22.600,0 mg/kg; Vitamin D3 $\geq 500.000,0$ IU/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: <i>Salmonella</i> : không phát hiện CFU/25g; <i>E. coli</i> < 10 CFU/g; Pb $\leq 200,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm; As $\leq 60,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung Vitamin và khoáng trong thức ăn chăn nuôi cho gà giống và gà đẻ trứng.	Dạng bột, màu be nhạt.	Mixscience.	France	28/1/2021
1050	Noyau Swity A	42-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Lúa mạch, yến mạch, đậu tương, bột whey, sữa tách bơ, protein từ khoai tây, củ cải đường, đậu tương thủy phân. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0\%$; Protein $\geq 14,0\%$; Lysine ≥ 8.170 mg/kg; Vitamin A $\geq 76.000,0$ UI/kg; Vitamin E $\geq 570,0$ UI/kg; Canxi (Ca): 6.701,0 - 7.580,0 mg/kg; Phospho (P): 3.040,0 - 3.470,0 mg/kg; Sắt (Fe): 380,0 - 420,0 mg/kg; Mangan (Mn): 456,0 - 505,0 mg/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: <i>Salmonella</i> : không phát hiện CFU/25g; <i>E. coli</i> < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung Protein, Lysine Vitamin và khoáng trong thức ăn chăn nuôi lợn con.	Dạng bột, màu trắng ngà hoặc vàng nhạt.	Sanders Ouest.	France	28/1/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1051	Choline chloride 60% on corn cob	23-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Choline Chloride và chất mang (bột lõi ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Choline Chloride $\geq 60,0\%$ (tương đương với Choline $\geq 44,0\%$). - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung Choline trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột hoặc hạt mịn, màu nâu vàng.	Shandong Jujia Biotech Co, Ltd.	China	27/1/2021
1052	Choline chloride 75% liquid	24-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Choline Chloride và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng: Choline Chloride $\geq 75,0\%$ (tương đương với Choline $\geq 55,9\%$). - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung Choline trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, không màu.	Shandong Jujia Biotech Co, Ltd.	China	27/1/2021
1053	Selisseo 0.1% SE	37-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hydroxy Analogue of Selenomethionine (HMSeBA), chất chống kết dính (Silica) và chất mang (bột ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 8,0\%$; Selen (Se): 1.000,0 - 1.200,0 mg/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $< 100,0$ ppm; As $< 30,0$ ppm; Cd $< 10,0$ ppm.	Bổ sung Selen (Se) trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng đến be nhạt.	Crown Pacific Biotechnology Pte., Ltd., Singapore (Sản xuất cho Adisseo Asia Pacific Pte.,Ltd., Singapore).	Singapore	28/1/2021
1054	ProHacid Advance (2.0)	44-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit Citric, axit Benzoic, Calcium Lactate, Calcium Formate, chất chống kết dính và chất mang (SiO ₂ , NaCl, MgO). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 20,0\%$; Axit Citric $\geq 9,5\%$; axit Lactic $\geq 8,7\%$; axit Formic $\geq 9,2\%$; axit Benzoic $\geq 24,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 200,0$ ppm; As $\leq 4,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung axit hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi nhằm cải thiện đường tiêu hóa cho lợn.	Dạng bột, màu trắng đến kem lẫn các hạt màu nâu nhạt và xám.	Perstorp Waspik BV.	The Netherlands	28/1/2021
1055	Inositol	43-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Inositol. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 0,5\%$; Inositol $\geq 97,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 0,5$ ppm; As $\leq 1,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung Inositol trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột hoặc hạt nhỏ mịn, màu trắng.	Zouping Xiwang Bio-Engineering Co, Ltd.	China	28/1/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1056	Selacid-PX	58-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Calcium formate, Calcium propionate, axit Citric và chất mang (Sepiolite và dầu cọ). - Chỉ tiêu chất lượng: Axit Formic $\geq 50,0$ %; axit Propionic $\geq 4,0$ %; axit Citric $\geq 4,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 200,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm.	Bổ sung axit hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột, màu trắng đến nâu nhạt.	Selko B.V.	The Netherlands	28/1/2021
1057	Fylax Forte Liquid	63-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các axit hữu cơ (Sorbic, Formic, Acetic, Lactic, Propionic); Ammonium propionate; 1,2-Propanediol và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng: Axit propionic $\geq 38,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 200,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm.	Bổ sung các axit hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm kiểm soát sự phát triển của nấm mốc.	Dạng lỏng, màu nâu vàng.	Selko B.V.	The Netherlands	1/2/2021
1058	Fylax Forte HC-Liquid	64-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các axit hữu cơ (Sorbic, Formic, Acetic, Lactic, Propionic); Ammonium propionate; 1,2-Propanediol và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng: Axit propionic $\geq 48,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 200,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm.	Bổ sung các axit hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm kiểm soát sự phát triển của nấm mốc.	Dạng lỏng, màu nâu vàng.	Selko B.V.	The Netherlands	1/2/2021
1059	Manganese Oxide 60-62 % Feed Grade	98-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Manganese Oxide (MnO), Iron Oxide (Fe ₂ O ₃), Silicon Dioxide (SiO ₂), Alumina Dioxide (Al ₂ O ₃), Manganese Dioxide (MnO ₂). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 1,0$ %; Mangan tổng số (Mn): 60,0 - 62,0 %; Sắt (Fe): 4,0 - 8,0 %; SiO ₂ : 4,0 - 8,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 100,0$ ppm; As $\leq 70,0$ ppm; Cd $\leq 3,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung khoáng Mangan (Mn) trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu xanh.	Manmohan Minerals and Chemicals PVT, Ltd.	India	18/2/2021
1060	Unisol II Compound Premixed Feed 0,1% for Piglet (≤ 30 kg)	99-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin(A, D3, E, C), các axit amin (L-Methionine, L-Lysine, L-Arginine), Sodium Selenite và chất mang (bột ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Vitamin A $\geq 10,0$ MIU/kg; Vitamin D3 $\geq 1,2$ MIU/kg; Vitamin E $\geq 5.000,0$ IU/kg; Vitamin C $\geq 80.000,0$ mg/kg; Methionine $\geq 3.500,0$ mg/kg; Lysine $\geq 4.200,0$ mg/kg; Arginine $\geq 10.000,0$ mg/kg; Selen (Se): 225,0 - 275,0 mg/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 5,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm.	Bổ sung premix vitamin, khoáng và axit amin trong thức ăn và nước uống cho lợn con.	Dạng bột, màu vàng nhạt đến vàng.	Chongqing Unibio Biological Technology Co, Ltd.	China	18/2/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1061	Eusow Compound Premixed Feed 0,2% for Sow	100-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin (B1, B12, E), Biotin, axit Folic, axit Nicotinic, axit Pantothenic, Chromium picolinate và chất mang (vỏ trấu). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Vitamin B1 $\geq 200,0$ mg/kg; Vitamin B12 $\geq 2,0$ mg/kg; Vitamin E $\geq 10.000,0$ IU/kg; Biotin $\geq 40,0$ mg/kg; Axit Folic $\geq 1.200,0$ mg/kg; axit Nicotinic $\geq 1.600,0$ mg/kg; Axit Pantothenic $\geq 1.000,0$ mg/kg; Crôm (Cr): 54,0 - 66,0 mg/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 5,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm.	Bổ sung premix vitamin và khoáng thức ăn cho lợn nái.	Dạng bột, màu xám.	Chongqing Unibio Biological Technology Co, Ltd.	China	18/2/2021
1062	Glycoline Pellets	54-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Monopropylene glycol, Glycerol, Vitamin PP (axit Nicotinic), Cobalt carbonate, chất chống kết dính (Kaolinitic clay), chất bảo quản (Calcium propionate), chất chống oxi hoá (Ethoxyquin, Propyl gallate) và chất mang (lúa mì). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 17,0\%$; Monopropylene glycol $\geq 11,13\%$; Glycerol $\geq 3,32\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $< 10,0$ ppm; As $< 4,0$ ppm; Cd $< 0,5$ ppm; Hg $< 0,1$ ppm.	Bổ sung năng lượng cho gia súc nhai lại trong giai đoạn trước và sau khi sinh.	Dạng viên, màu xám.	Vitalac.	France	18/2/2021
1063	Glycoline Liquid	55-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Monopropylene glycol, Glycerol, Sorbitol, Vitamin PP (axit Nicotinic), Cobalt sulphate pentahydrate, chất bảo quản (Sodium propionate) và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 25,2\%$; Monopropylene glycol $\geq 40,8\%$; Glycerol $\geq 14,45\%$; Sorbitol $\geq 12,58\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $< 10,0$ ppm; As $< 4,0$ ppm; Cd $< 0,5$ ppm; Hg $< 0,1$ ppm.	Bổ sung năng lượng cho gia súc nhai lại trong giai đoạn trước và sau khi sinh.	Dạng lỏng, màu hồng.	Vitalac.	France	18/2/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1064	Greensafe	66-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vi khuẩn (Bacillus Subtilis, Bacillus Licheniformis) và chất mang (bột Talcum). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Bacillus Subtilis $\geq 1,0 \times 10^{10}$ CFU/g; Bacillus Licheniformis $\geq 2,0 \times 10^{10}$ CFU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm.	Bổ sung các vi sinh vật có lợi trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột, màu trắng xám.	Weifang KDN Biotech Co, Ltd.	China	1/2/2021
1065	Kingphos 5000	67-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Enzyme Phytase (từ vi khuẩn Pichia Pastoris) và chất mang (tinh bột ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Phytase $\geq 5.000,0$ U/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm.	Bổ sung enzyme Phytase có lợi đường tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng hạt mịn, màu trắng hoặc vàng.	Weifang KDN Biotech Co, Ltd.	China	1/2/2021
1066	Kingphos 10000	68-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Enzyme Phytase (từ vi khuẩn Pichia Pastoris) và chất mang (tinh bột ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Phytase $\geq 10.000,0$ U/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm.	Bổ sung enzyme Phytase có lợi đường tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng hạt mịn, màu trắng hoặc vàng.	Weifang KDN Biotech Co, Ltd.	China	1/2/2021
1067	Kingzyme	69-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp các enzyme (Xylanase, Beta glucanase, Mannanase, Cellulase và chất mang (tinh bột ngô)). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Xylanase $\geq 12.000,0$ U/g; Beta glucanase $\geq 3.000,0$ U/g; Mannanase $\geq 800,0$ U/g, Cellulase $\geq 300,0$ U/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm.	Bổ sung hỗn hợp các enzyme có lợi đường tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng hạt mịn, màu trắng hoặc vàng.	Weifang KDN Biotech Co, Ltd.	China	1/2/2021
1068	Kingzyme Fix	70-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp các enzyme (Xylanase, Cellulase); vi khuẩn Bacillus Subtillis và chất mang (bột Talcum). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Xylanase $\geq 3.000,0$ U/g; Cellulase $\geq 100,0$ U/g; Bacillus subtilis $\geq 5,0 \times 10^9$ CFU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm.	Bổ sung hỗn hợp các enzyme có lợi đường tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng hạt mịn, màu vàng nhạt.	Weifang KDN Biotech Co, Ltd.	China	1/2/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1069	VP 300	71-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Enzyme Protease và chất mang (tinh bột ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Protease $\geq 40.000,0$ U/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm.	Bổ sung enzyme Protease có lợi đường tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng hạt mịn, màu vàng nhạt.	Weifang KDN Biotech Co, Ltd.	China	1/2/2021
1070	Vitamin E 50% CWS	21-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin E Acetate, chất chống kết dính (Silicon dioxide) và chất mang (tinh bột biến tính). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 5,0\%$; Vitamin E Acetate $\geq 50,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 2,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung Vitamin E Acetate trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng hoặc trắng nhạt.	Zhejiang NVB Company Ltd.	China	27/1/2021
1071	Vitamin A Acetate 500 GF	22-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin A Acetate, Sucrose, Sodium ascorbate, chất chống oxy hoá (Ethoxyquin), chất chống kết dính (Silicon dioxide) và chất mang (tinh bột biến tính, tinh bột ngô, Maltodextrin). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 5,0\%$; Vitamin A Acetate $\geq 500.000,0$ IU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 2,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung Vitamin A Acetate trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm.	Dạng hạt mịn, màu vàng nâu đến nâu nhạt.	Zhejiang NVB Company Ltd.	China	27/1/2021
1072	Nutri-Lyso	30-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Lecithin biến tính bằng enzyme (từ đậu tương) và chất mang (Silica). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 4,0\%$; Lecithin biến tính bằng Enzyme $\geq 50,0\%$ (Phosphatides không hoà tan trong Acetone $\geq 18,0\%$); Chỉ số axit ≤ 40 mg KOH/g; Hexane không hoà tan (Hexane insoluble matter) $\leq 0,3\%$; Chỉ số Peroxide $\leq 20,0$ meqO ₂ /kg. - Chỉ tiêu vệ sinh Salmonella: không phát hiện CFU/25g; Pb $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; As $\leq 4,0$ ppm; Hg $\leq 0,2$ ppm.	Bổ sung chất nhũ hóa (Lecithin từ đậu tương) trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng nhạt đến vàng.	Nutri-AD International NV.	Belgium	27/1/2021
1073	Manganous oxide	91-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Manganous oxide (MnO $\geq 77,0\%$) - Chỉ tiêu chất lượng: Mangan (Mn): 60,0 – 61,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 85,0$ ppm; Pb $\leq 90,0$ ppm; Hg $\leq 0,2$ ppm; Cd $\leq 10,0$ ppm.	Bổ sung Mangan (Mn) trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu xanh.	Compania Minera Autlan S.A.B DE C.V.	Mexico	4/2/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1074	MT.X AA	38-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Khoáng sét (Bentonite, Kieselgur) và tảo biển. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; SiO ₂ : 35,0 - 65,0 %; Al ₂ O ₃ : 5,0 - 15,0 %; CaO: 2,0 - 12,0 %; Fe ₂ O ₃ : 0,1 - 6,0 %; Na ₂ O: 0,1 - 5,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb < 200,0 ppm; As < 60,0 ppm; Hg < 1,0 ppm; Cd < 15,0 ppm.	Bổ sung chất hấp phụ độc tố nấm mốc trong thức ăn gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu be.	Olmix SA.	France	28/1/2021
1075	MFeed+	39-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Khoáng sét (Bentonite, Kieselgur), axit Lactic, chất tạo mùi (valilla) và tảo biển. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 9,5\%$; SiO ₂ : 35,0 - 65,0 %; Al ₂ O ₃ : 3,0 - 13,0 %; CaO: 0,1 - 10,0 %; Fe ₂ O ₃ : 0,1 - 5,0 %; Na ₂ O: 0,1 - 5,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb < 200,0 ppm; As < 60,0 ppm; Hg < 1,0 ppm; Cd < 15,0 ppm.	Bổ sung chất phụ gia giúp cải thiện đường tiêu hoá vật nuôi.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	Olmix SA.	France	28/1/2021
1076	Super Biovit	101-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin (A, D ₃ , E, K ₃ , B ₁₂ , C, Thiamin, Riboflavin), Pantothenic acid, Pyridoxine, Propylen glycol, Citric acid và các axit amin. - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 lít): Vitamin A $\geq 10,0$ MIU; Vitamin D ₃ $\geq 2,0$ MIU; Vitamin E $\geq 6.000,0$ IU; Vitamin B ₁ (Thiamin) $\geq 2,0$ g; Vitamin B ₂ (Riboflavin) $\geq 2,0$ g; Vitamin B ₆ (Pyridoxine) $\geq 2,0$ g; Vitamin B ₁₂ $\geq 3,0$ mg; Vitamin C $\geq 10,0$ g; Vitamin B ₅ (Pantothenic acid) $\geq 2,8$ g; Methionine $\geq 120,0$ g; Lysine $\geq 50,0$ g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg < 0.05 ppm; Cd < 0.25 ppm.	Bổ sung các vitamin, chất điện giải và axit amin cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu nâu đậm.	Dor.Ky D&D Ltd.	Israel	18/2/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1077	Multivit Total	102-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin (A, D3, E, K3, B12, C, Thiamin, Riboflavin, Niacin) Pantotenic acid, Pyridoxine, Folic acid), Sodium chloride, Potassium chloride, Magnesium sulfate, Methionine, Lysine, axit Citric và chất mang (Lactose). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Vitamin A $\geq$ 15,0 MIU; Vitamin D3 $\geq$ 1,0 MIU; Vitamin E $\geq$ 2.000,0 IU; Vitamin B1 (Thiamin) $\geq$ 1,5 g; Vitamin B2 (Riboflavin) $\geq$ 1,5 g; Vitamin B6 (Pyridoxine) $\geq$ 1,5 g; Vitamin B12 $\geq$ 5,0 mg; Vitamin C $\geq$ 8,0 g; Vitamin B5 (Pantothenic acid) $\geq$ 5,0 g; Vitamin B3 (Niacine) $\geq$ 10,0 g; Axit Folic $\geq$ 300,0 g; Methionine $\geq$ 20,0 g; Lysine $\geq$ 30,0 g; Natri (Na): 11,0 - 12,0 g; Kali (K): 11,0 - 12,0 g; Mage (Mg): 5,5 - 6,0 g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq$ 2,0 ppm; Pb $\leq$ 5,0 ppm; Hg $\leq$ 0,05 ppm; Cd $\leq$ 0,25 ppm.	Bổ sung các vitamin, chất điện giải và axit amin cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng đến be.	Dor.Ky D&D Ltd.	Israel	18/2/2021
1078	Rovabio Excel AP 25	36-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sản phẩm Rovabio Excel AP (Endo-1,4-Beta-xylanase; Endo-1,3(4)-Beta-glucanase và chất kết dính bột mịn) và chất mang (vỏ trấu, bột đá và silica). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm < 7,5 %; Xylanase $\geq$ 5.500,0 Visco units/g; Beta-glucanase $\geq$ 500,0 AGL units/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g; As < 2,0 ppm; Cd < 1,0 ppm; Hg < 0,05 ppm; Pb < 5,0 ppm.	Bổ sung các enzyme trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu be đến nâu.	Crown Pacific Biotechnology Pte., Ltd., Singapore (Sản xuất cho Adisseo Asia Pacific Pte.,Ltd., Singapore).	Singapore	28/1/2021
1079	Choline Chloride 50% Silica (Feed Grade)	20-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Choline chloride và chất mang (silica). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq$ 16,0 %; Choline $\geq$ 37,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 MPN/g; As $\leq$ 2,0 ppm; Cd $\leq$ 0,5 ppm; Hg < 0,1 ppm; Pb < 20,0 ppm.	Bổ sung Choline Chloride trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	Shandong NB Technology Co, Ltd.	China	27/1/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1080	Nectarom Milky Vanilla	45-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp chất tạo mùi (Gamma-nonolactone: 24,0 - 36,0 %; Vanillin: 20,0 - 30,0 %; Ethyl lactate: 13,5 - 20,5 %; axit Butyric: 2,0 - 5,0 %, Diacetyl: 2,0 - 5,0 %; Maltol: 2,0 - 5,0 %; Ethyl propionate: 2,0 - 5,0 %), chất chống kết dính (axit Silicic) và chất mang (Sodium chloride). - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 MPN/g; As ≤ 60,0 ppm; Cd ≤ 15,0 ppm; Hg < 1,0 ppm; Pb < 200,0 ppm.	Bổ sung chất tạo mùi trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng đến cam nhạt.	Provimi France.	France	28/1/2021
1081	O'Fresh Chicken & Rice	72-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Gạo, thịt gia cầm, bột gia cầm, mỡ gà, hạt lanh, bột trứng gà, củ cải đường, chất chống oxi hoá (Vitamin C), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm ≤ 10,0 %; Protein ≥ 28,0 %; Năng lượng trao đổi ≥ 3.450,0 Kcal/kg; Béo ≥ 15,0 %; Xơ ≤ 4,0 %; Khoáng tổng số ≤ 10,0 %; Lysine ≥ 1,24 %; Methionine + Cystine ≥ 1,13 %; Canxi: 1,3 - 2,5 %; Phốtpho: 0,8 - 1,8 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb ≤ 10,0 ppm; As ≤ 2,0 ppm; Hg ≤ 400,0 ppb; Cd ≤ 1,0 ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh hương gà cho chó ở các giai đoạn.	Dạng viên, màu vàng nhạt đến nâu nhạt.	CJ Cheiljedang Corp.	Korea	1/2/2021
1082	O'Fresh Beef & Oat	73-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Gạo, thịt gia cầm, yến mạch, bột gia cầm, mỡ gà, hạt lanh, bột trứng gà, củ cải đường, chất chống oxi hoá (Vitamin C), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm ≤ 10,0 %; Protein ≥ 28,0 %; Năng lượng trao đổi ≥ 3.450,0 Kcal/kg; Béo ≥ 15,0 %; Xơ ≤ 4,0 %; Khoáng tổng số ≤ 10,0 %; Lysine ≥ 1,24 %; Methionine + Cystine ≥ 1,13 %; Canxi: 1,3 - 2,5 %; Phốtpho: 0,8 - 1,8 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb ≤ 10,0 ppm; As ≤ 2,0 ppm; Hg < 400,0 ppb; Cd < 1,0 ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh hương bò cho chó ở các giai đoạn.	Dạng viên, màu vàng nhạt đến nâu nhạt.	CJ Cheiljedang Corp.	Korea	1/2/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1083	O'Fresh Lamb & Vegetable	74-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Gạo, thịt gia cầm, thịt cừu, bột gia cầm, mỡ gà, hạt lanh, bột trứng gà, hỗn hợp rau, củ cải đường, chất chống oxi hoá (Vitamin C), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Protein $\geq 28,0\%$; Năng lượng trao đổi $\geq 3.450,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 15,0\%$; Xơ $\leq 4,0\%$; Khoáng tổng số $\leq 10,0\%$; Lysine $\geq 1,24\%$; Methionine + Cystine $\geq 1,13\%$; Canxi: 1,3 - 2,5 %; Phốtpho: 0,8 - 1,8 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Hg < 400,0 ppb; Cd < 1,0 ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh hương cừu cho chó ở các giai đoạn.	Dạng viên, màu vàng nhạt đến nâu nhạt.	CJ Cheiljedang Corp.	Korea	1/2/2021
1084	O'Fresh Duck & Potato	75-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Gạo, thịt gia cầm, thịt cừu, bột gia cầm, mỡ gà, hạt lanh, bột trứng gà, hỗn hợp rau, củ cải đường, chất chống oxi hoá (Vitamin C), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Protein $\geq 28,0\%$; Năng lượng trao đổi $\geq 3.450,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 15,0\%$; Xơ $\leq 4,0\%$; Khoáng tổng số $\leq 10,0\%$; Lysine $\geq 1,24\%$; Methionine + Cystine $\geq 1,13\%$; Canxi: 1,3 - 2,5 %; Phốtpho: 0,8 - 1,8 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Hg < 400,0 ppb; Cd < 1,0 ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh hương vịt cho chó ở các giai đoạn.	Dạng viên, màu vàng nhạt đến nâu nhạt.	CJ Cheiljedang Corp.	Korea	1/2/2021
1085	Enfresh Puppy A/P	76-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt cừu, thịt gà khô, bột gia cầm, bột trứng gà, bột mì, gạo say, mỡ, bơ, bột thịt, củ cải đường, hạt lanh, lecithin, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Protein $\geq 32,0\%$; Năng lượng trao đổi $\geq 3.450,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 16,0\%$; Xơ $\leq 4,0\%$; Khoáng tổng số $\leq 10,0\%$; Lysine $\geq 1,24\%$; Methionine + Cystine $\geq 1,13\%$; Canxi: 1,5 - 2,5 %; Phốtpho: 0,8 - 1,8 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Hg < 400,0 ppb; Cd < 1,0 ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó dưới 18 tháng tuổi.	Dạng viên, màu vàng nhạt đến nâu nhạt.	CJ Cheiljedang Corp.	Korea	1/2/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1086	Enfresh Adult A/P	77-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt cừu, thịt gà khô, bột gia cầm, bột trứng gà, bột mì, gạo say, mỡ, bơ, bột thịt, củ cải đường, hạt lanh, lecithin, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Protein $\geq 28,0\%$; Năng lượng trao đổi $\geq 3.450,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 15,0\%$; Xơ $\leq 4,0\%$; Khoáng tổng số $\leq 10,0\%$; Lysine $\geq 1,24\%$; Methionine + Cystine $\geq 1,13\%$; Canxi: 1,3 - 2,5 %; Phốtpho: 0,8 - 1,8 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 400,0$ ppb; Cd $\leq 1,0$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó trên 18 tháng tuổi.	Dạng viên, màu vàng nhạt đến nâu nhạt.	CJ Cheiljedang Corp.	Korea	1/2/2021
1087	O'Nature Puppy	78-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bột cá hồi thủy phân, bột gia cầm thủy phân, bột gia cầm, bột khoai tây, mỡ gia cầm, bột trứng, hạt lanh, dầu cá, củ cải đường, chiết xuất từ cây Yucca, chất chống oxi hoá (vitamin C), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Protein $\geq 30,0\%$; Năng lượng trao đổi $\geq 3.450,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 16,0\%$; Xơ $\leq 4,0\%$; Khoáng tổng số $\leq 10,0\%$; Lysine $\geq 1,24\%$; Methionine + Cystine $\geq 1,13\%$; Canxi: 0,8 - 2,5 %; Phốtpho: 0,8 - 1,8 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 400,0$ ppb; Cd $\leq 1,0$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó con dưới 12 tháng tuổi.	Dạng viên, màu vàng nhạt đến nâu nhạt.	CJ Cheiljedang Corp.	Korea	1/2/2021
1088	O'Nature Dogcare Baby	79-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bột gia cầm thủy phân, mỡ gia cầm, bột trứng, thịt cừu, củ cải đường, hạt lanh, dầu cá, bột trứng, chất chống oxi hoá (vitamin C), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Protein $\geq 30,0\%$; Năng lượng trao đổi $\geq 3.450,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 16,0\%$; Xơ $\leq 4,0\%$; Khoáng tổng số $\leq 10,0\%$; Lysine $\geq 1,24\%$; Methionine + Cystine $\geq 1,13\%$; Canxi: 0,8 - 2,5 %; Phốtpho: 0,8 - 1,8 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 400,0$ ppb; Cd $\leq 1,0$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó con dưới 12 tháng tuổi.	Dạng viên, màu vàng nhạt đến nâu nhạt.	CJ Cheiljedang Corp.	Korea	1/2/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1089	O'Fresh Puppy	80-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bột gia cầm, gạo, lúa mỳ, mỡ gia cầm, thịt cừu, bột thịt gia cầm thủy phân, hạt lanh, bột trứng gia cầm, dầu cá, củ cải đường, chất chống oxi hoá (vitamin C), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Protein $\geq 30,0\%$; Năng lượng trao đổi $\geq 3.450,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 16,0\%$; Xơ $\leq 4,0\%$; Khoáng tổng số $\leq 10,0\%$; Lysine $\geq 1,24\%$; Methionine + Cystine $\geq 1,13\%$; Canxi: $0,8 - 2,5\%$; Phốtpho: $0,8 - 1,8\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 400,0$ ppb; Cd $\leq 1,0$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó con dưới 12 tháng tuổi.	Dạng viên, màu vàng nhạt đến nâu nhạt.	CJ Cheiljedang Corp.	Korea	1/2/2021
1090	O'Nature Adult	81-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bột cá hồi thủy phân, bột gia cầm thủy phân, bột gia cầm, bột khoai tây, mỡ gia cầm, bột trứng, hạt lanh, dầu cá, củ cải đường, chiết xuất từ cây Yucca, chất chống oxi hoá (vitamin C), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Protein $\geq 26,0\%$; Năng lượng trao đổi $\geq 3.450,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 14,0\%$; Xơ $\leq 4,0\%$; Khoáng tổng số $\leq 10,0\%$; Lysine $\geq 1,24\%$; Methionine + Cystine $\geq 1,13\%$; Canxi: $0,8 - 2,5\%$; Phốtpho: $0,8 - 1,8\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 400,0$ ppb; Cd $\leq 1,0$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó trưởng thành trên 12 tháng tuổi.	Dạng viên, màu vàng nhạt đến nâu nhạt.	CJ Cheiljedang Corp.	Korea	1/2/2021
1091	O'Nature Dogcare Adult	82-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bột gia cầm thủy phân, thịt cừu, thịt gia cầm, ngũ cốc (gạo, lúa mỳ, lúa mạch), củ cải đường, hạt lanh, dầu cá, mỡ gia cầm, bột trứng, chất chống oxi hoá (vitamin C), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Protein $\geq 26,0\%$; Năng lượng trao đổi $\geq 3.450,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 14,0\%$; Xơ $\leq 4,0\%$; Khoáng tổng số $\leq 10,0\%$; Lysine $\geq 1,24\%$; Methionine + Cystine $\geq 1,13\%$; Canxi: $0,8 - 2,5\%$; Phốtpho: $0,8 - 1,8\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 400,0$ ppb; Cd $\leq 1,0$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó trưởng thành.	Dạng viên, màu vàng nhạt đến nâu nhạt.	CJ Cheiljedang Corp.	Korea	1/2/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1092	O'Fresh Adult	83-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bột gia cầm, gạo, lúa mỳ, mỡ gà, thịt cừu, bột gia cầm thủy phân, lúa mạch, hạt lanh, bột trứng gà, dầu cá, củ cải đường, chất chống oxi hoá (vitamin C), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Protein $\geq 26,0\%$; Năng lượng trao đổi $\geq 3.450,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 14,0\%$; Xơ $\leq 4,0\%$; Khoáng tổng số $\leq 10,0\%$; Lysine $\geq 1,24\%$; Methionine + Cystine $\geq 1,13\%$; Canxi: $0,8 - 2,5\%$; Phốtpho: $0,8 - 1,8\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 400,0$ ppb; Cd $\leq 1,0$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó trưởng thành.	Dạng viên, màu vàng nhạt đến nâu nhạt.	CJ Cheiljedang Corp.	Korea	1/2/2021
1093	O'Fresh senior	84-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bột gia cầm, gạo, lúa mỳ, lúa mạch, thịt cừu, mỡ gà, hạt lanh, bột trứng, dầu cá, củ cải đường, chất chống oxi hoá (vitamin C), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Protein $\geq 22,0\%$; Năng lượng trao đổi $\geq 3.450,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 12,0\%$; Xơ $\leq 4,0\%$; Khoáng tổng số $\leq 10,0\%$; Lysine $\geq 1,24\%$; Methionine + Cystine $\geq 1,13\%$; Canxi: $0,8 - 2,5\%$; Phốtpho: $0,8 - 1,8\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 400,0$ ppb; Cd $\leq 1,0$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó trưởng thành.	Dạng viên, màu vàng nhạt đến nâu nhạt.	CJ Cheiljedang Corp.	Korea	1/2/2021
1094	O'Nature Dogcare Silver	85-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bột gia cầm thủy phân, ngũ cốc (gạo, lúa mỳ, lúa mạch), thịt cừu, mỡ gà, củ cải đường, hạt lanh, bột trứng, dầu cá, chất chống oxi hoá (vitamin C), chiết xuất từ Yucca schidigera, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Protein $\geq 22,0\%$; Năng lượng trao đổi $\geq 3.450,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 12,0\%$; Xơ $\leq 4,0\%$; Khoáng tổng số $\leq 10,0\%$; Lysine $\geq 1,24\%$; Methionine + Cystine $\geq 1,13\%$; Canxi: $0,8 - 2,5\%$; Phốtpho: $0,8 - 1,8\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 400,0$ ppb; Cd $\leq 1,0$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó trưởng thành.	Dạng viên, màu vàng nhạt đến nâu nhạt.	CJ Cheiljedang Corp.	Korea	1/2/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1095	O'Fresh Kitten	86-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bột gia cầm, thịt cừu, bột gia cầm thủy phân, gluten ngô, gạo, mỡ gà, bột trứng, dầu cá, củ cải đường, hạt lanh, ngô, chất chống oxi hoá (vitamin C), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein $\geq 36,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.450,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 18,0$ %; Xơ $\leq 5,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 10,0$ %; Lysine $\geq 1,24$ %; Methionine + Cystine $\geq 1,13$ %; Canxi: 0,8 - 2,5 %; Phốtpho: 0,8 - 2,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 400,0$ ppb; Cd $\leq 1,0$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho mèo dưới 12 tháng tuổi.	Dạng viên, màu vàng nhạt đến nâu nhạt.	CJ Cheiljedang Corp.	Korea	1/2/2021
1096	O'Fresh Cat	87-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bột gia cầm, thịt cừu, bột gia cầm thủy phân, gluten ngô, gạo, mỡ gà, bột trứng, dầu cá, củ cải đường, hạt lanh, ngô, chiết xuất từ Yucca schidigera, chất chống oxi hoá (vitamin C), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein $\geq 32,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.450,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 16,0$ %; Xơ $\leq 5,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 10,0$ %; Lysine $\geq 1,24$ %; Methionine + Cystine $\geq 1,13$ %; Canxi: 0,8 - 2,5 %; Phốtpho: 0,8 - 2,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 400,0$ ppb; Cd $\leq 1,0$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho mèo trên 12 tháng tuổi.	Dạng viên, màu vàng nhạt đến nâu nhạt.	CJ Cheiljedang Corp.	Korea	1/2/2021
1097	Oligovet Reproduction 150	14-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Canxi Iodate, Đồng cacbonate, Mangan cabonate, Chelate Zn-Glycine, Chelate Mn-Glycine, Chelate Cu-Glycine, Kẽm ôxit, Selenite sodium, các vitamin (A, D3, E), β-caroten, phụ gia và chất mang (Magiê ôxit, chất béo từ hạt cải, muối Magie của axit Stearic và axit Palmitic, bột sắt trợ). - Chỉ tiêu chất lượng (trong 1,0 kg): I ốt (I): 6.440,0 - 9.873,0 mg; Đồng (Cu): 21.564,0 - 33.058,0 mg; Mangan (Mn): 25.757,0 - 39.487,0 mg; Kẽm (Zn): 38.638,0 - 59.233,0 mg; Selen (Se): 1.049,0 - 1.838,0 mg; vitamin A $\geq 9.400.000,0$ IU; vitamin D3 $\geq 620.500,0$ IU; vitamin E $\geq 14.870,0$ IU; β-caroten $\geq 3.689,0$ mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Cd $< 15,0$ mg/kg; As $< 30,0$ mg/kg; Pb $< 60,0$ mg/kg.	Bổ sung premix khoáng và vitamin trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc nhai lại.	Dạng viên nén, màu nâu có chấm xanh, đỏ, vàng.	Vetalis Technologies.	France	25/3/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1098	Oligovet Dry Cow 150	103-3/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Canxi Iodate, Đồng ôxit, Cobalt (II) Carbonate hydroxide (2:3) monohydrate, Mangan cacbonat, Kẽm ôxit, Sodium selenite, các vitamin (A, E), phụ gia và chất mang (Magiê ôxit, chất béo từ hạt cải, muối Magiê của axit Stearic và axit Palmitic, bột sắt trợ). - Chỉ tiêu chất lượng (trong 1,0 kg): Iôt (I): 23.765,0 - 38.716,0 mg; Coban (Co): 3.472,0 - 6.085,0 mg; Đồng (Cu): 49.216,0 - 80.178,0 mg; Mangan (Mg): 41.459,0 - 72.653,0 mg; Kẽm (Zn): 126.562,0 - 221.788,0 mg; Selen (Se): 2.586,0 - 4.078,0 mg; Magiê (Mg): 2,3 - 4,1 %; vitamin A $\geq$ 15.527.864,0 IU; vitamin E $\geq$ 75.000,0 IU. - Chỉ tiêu vệ sinh: Cd < 15,0 mg/kg; As < 30,0 mg/kg; Pb < 60,0 mg/kg.	Bổ sung premix khoáng và vitamin trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc nhai lại.	Dạng viên nén, màu xanh xám có chấm trắng.	Vetalis Technologies.	France	25/3/2021
1099	Copper Sulfate Pentahydrate	17-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Copper Sulfate (CuSO₄). - Chỉ tiêu chất lượng: Đồng (Cu) $\geq$ 25%; - Chỉ tiêu an toàn: E.coli: < 3,0 MPN/g ; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Cd $\leq$ 5,0 mg/kg; As $\leq$ 5,0 mg/kg; Pb $\leq$ 50,0 mg/kg;	Bổ sung khoáng vi lượng trong thức ăn chăn nuôi.	Dạng tinh thể màu xanh	Chemtronic Technology (Thailand) Co., Ltd.	Thailand	28/1/2021
1100	Axtra Phy 10000 TPT	19-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: 6-Phytase, Sodium sulphate, Tinh bột, Hydrated magnesium silicate, Sucrose, Poly-vinyl alcohol (PVA), Tinh dầu thực vật, Sodium phytase. - Chỉ tiêu chất lượng: 6-Phytase $\geq$ 10000 FTU/g, Ẩm độ: $\leq$ 2,0%, - Chỉ tiêu an toàn: E. coli không phát hiện trong 25g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Cd $\leq$ 0,5 mg/kg; As $\leq$ 2,0 mg/kg; Pb $\leq$ 5,0 mg/kg; Hg $\leq$ 0,1 mg/kg.	Bổ sung enzyme Phytase trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng ngà đến nâu nhạt.	Danisco Argentina S.A.	Argentina	28/1/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1101	Bactosac-P	18-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bacillus Subtilis, Bacillus Licheniformis, Lactobacillus Plantarum, Lactobacillus Acidophilus, Pediococcus Pentosaceus, Saccharomyces Cerevisiae, Streptococcus Faecium, canxi cacbonat, vỏ trấu. - Chỉ tiêu chất lượng: Bacillus Subtilis $\geq 1,0 \times 10^{10}$ cfu/kg; Bacillus Licheniformis $\geq 1,0 \times 10^{10}$ cfu/kg; Lactobacillus Plantarum $\geq 1,0 \times 10^{10}$ cfu/kg; Lactobacillus Acidophilus $\geq 1,0 \times 10^{10}$ cfu/kg; Pediococcus Pentosaceus $\geq 1,0 \times 10^9$ cfu/kg; Saccharomyces Cerevisiae $\geq 1,0 \times 10^9$ cfu/kg; Streptococcus Faecium $1,0 \times 10^{10}$ cfu/kg; Ẩm độ: $\leq 10,0$ %. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli ≤ 1010 cfu/kg; Salmonella: không phát hiện trên mẫu 25g; Cd $\leq 0,5$ mg/kg; As $\leq 1,0$ mg/kg; Pb $\leq 0,5$ mg/kg; Hg $\leq 1,0$ mg/kg.	Bổ sung vi sinh vật có lợi vào trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu.	K.M.P.Biotech Co, Ltd..	Thailand	28/1/2021
1102	Calf Protector	48-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Zn-glycine chelate; Cu-glycine chelate, Mn-glycine chelate, Sodium selenite, các vitamin (A, B12, C, E (α-tocopherolacetate)), Bacillus Subtilis (DSM 5750), Bacillus Licheniformis (DSM 5749); Lactobacillus Rhamnosus (DSM 7133); Enterococcus Faecium (DMS 7134), phụ gia và chất mang (dầu dừa, dầu cọ, bột whey). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Độ ẩm $\leq 2,0$ %; Kẽm (Zn): 2.400,0 - 3.120,0 mg; Mangan (Mn): 2.400,0 - 3.120,0 mg; Đồng (Cu): 200,0 - 320,0 mg; Selen (Se): 5,0 - 5,3 mg; Vitamin A $\geq 1.000.000,0$ IU; Vitamin C $\geq 15.000,0$ mg; Vitamin E (α-tocopherolacetate) $\geq 10.000,0$ mg; Vitamin B12 $\geq 5.000,0$ mcg; Bacillus Subtilis (DSM 5750) $\geq 4,2 \times 10^{10}$ CFU, Bacillus Licheniformis (DSM 5749) $\geq 4,2 \times 10^{10}$ CFU; Lactobacillus Rhamnosus (DSM 7133) $\geq 1,9 \times 10^{10}$ CFU; Enterococcus faecium (DMS 7134) $\geq 4,4 \times 10^{10}$ CFU. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 0,5$ ppm; As $\leq 0,5$ ppm; Cd $\leq 0,2$ ppm; Hg $\leq 0,02$ ppm.	Bổ sung khoáng, vitamin và vi sinh vật có lợi trong thức ăn cho bê.	Dạng nhão, màu nâu đến vàng.	Biochem Zusatzstoffe Handels - und Produktionsgesellschaft mbH.	Germany	28/1/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1103	Prolyt Pack	49-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Zn-glycine chelate; Cu-glycine chelate, Mn-glycine chelate, các vitamin (A, E (α-tocopherolacetate)), Betaine, Bacillus subtilis (DSM 5750), Bacillus licheniformis (DSM 5749), Enterococcus faecium (DMS 10663/NCIMB 10415) và chất mang (Lactose, sodium bicarbonate). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Độ ẩm $\leq 4,0$ %; Kẽm (Zn): 1.200,0 - 1.560,0 mg; Mangan (Mn): 1.200,0 - 1.560,0 mg; Đồng (Cu): 160,0 - 256,0 mg; Betaine $\geq 96.000,0$ mg; Vitamin E (α-tocopherolacetate) $\geq 2.575,0$ mg; Vitamin A ≥ 25.000 IU; Bacillus subtilis (DSM 5750) $\geq 3,2 \times 10^{10}$ CFU, Bacillus licheniformis (DSM 5749) $\geq 3,2 \times 10^{10}$ CFU; Enterococcus faecium (DMS 10663/NCIMB 10415) $\geq 5,0 \times 10^{10}$ CFU. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 0,5$ ppm; As $\leq 0,5$ ppm; Cd $\leq 0,2$ ppm; Hg $\leq 0,02$ ppm.	Bổ sung khoáng, vitamin và vi sinh vật có lợi trong thức ăn cho bê.	Dạng bột, màu trắng.	Biochem Zusatzstoffe Handels - und Produktionsgesellschaft mbH.	Germany	28/1/2021
1104	ProB.I.O.-Sacc	50-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Saccharomyces cerevisiae (MUCL 39885) và chất mang (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 5,0$ %; Saccharomyces Cerevisiae $\geq 1,5 \times 10^{10}$ CFU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 0,5$ ppm; As $\leq 0,5$ ppm; Cd $\leq 0,2$ ppm; Hg $\leq 0,02$ ppm.	Bổ sung vi khuẩn Saccharomyces cerevisiae có lợi đường tiêu hóa vật nuôi trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng hạt nhỏ mịn, màu nâu nhạt.	Biochem Zusatzstoffe Handels - und Produktionsgesellschaft mbH.	Germany	28/1/2021
1105	Energy-Top	51-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Glycerine, Betaine, axit hữu cơ (propionic, Citric) và chất mang (Sodium chloride). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 lít): Betaine $\geq 36.750,0$ mg; Glycerine $\geq 750.000,0$ mg; axit Propionic $\geq 61.250,0$ mg; axit Citric $\geq 61.250,0$ mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 0,5$ ppm; As $\leq 0,5$ ppm; Cd $\leq 0,2$ ppm; Hg $\leq 0,02$ ppm.	Bổ sung Betaine, Glycerine và axit hữu cơ trong thức ăn cho lợn nái và bò sữa.	Dạng lỏng, màu nâu nhạt.	Biochem Zusatzstoffe Handels - und Produktionsgesellschaft mbH.	Germany	28/1/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1106	Fertility Pack Sow	52-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Fe-glycine chelate; Cu-glycine chelate, Mn-glycine chelate, Zn-glycine chelate, Sodium selenite, các vitamin (C, B1, B2, B6, B12, E(α-tocopherolacetate)), nicotinic acid, pantothenic acid, chất mang (nấm men bất hoạt, cám lúa mỳ). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Độ ẩm $\leq$ 5,0 %; Sắt (Fe): 20.000,0 - 26.000,0 mg; Đồng (Cu): 3.500,0 - 4.550,0 mg; Mangan (Mn): 5.000,0 - 6.500,0 mg; Kẽm (Zn): 7.500,0 - 9.750,0 mg; Selen (Se): 85,0 - 110,0 mg; Vitamin E (α-tocopherolacetate) $\geq$ 17.500,0 mg; Vitamin B1 $\geq$ 670,0 mg; Vitamin B2 $\geq$ 2.700,0 mg; Vitamin B6 $\geq$ 2.000,0 mg; Vitamin B12 $\geq$ 16,7 mg; Vitamin C $\geq$ 35.000,0 mg; axit Nicotinic $\geq$ 13.340,0 mg; axit Pantothenic $\geq$ 3.330,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq$ 0,5 ppm; As $\leq$ 0,5 ppm; Cd $\leq$ 0,2 ppm; Hg $\leq$ 0,02 ppm.	Bổ sung khoáng và vitamin trong thức ăn cho lợn nái.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	Biochem Zusatzstoffe Handels - und Produktionsgesellschaft mbH.	Germany	28/1/2021
1107	Rindamin MLF	15-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Calcium carbonate, Sodium chloride, Monocalcium phosphate, Calcium sodium phosphate, Magnesium oxide, rỉ mật từ củ cải đường, các vitamin (A, D3, E), Zinc oxide, Manganese oxide, Copper sulphate pentahydrate, Cobalt carbonate, Calcium Iodate, Sodium selenite. - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1 kg): Vitamin A $\geq$ 200.000,0 IU; Vitamin D3 $\geq$ 24.000,0 IU; Vitamin E $\geq$ 800,0 mg; Kẽm (Zn): 1.200,0 - 1.800,0 mg; Mangan (Mn): 1.200,0 - 1.800,0 mg; Đồng (Cu): 400,0 - 600,0 mg; Canxi (Ca): 207,0 - 253,0 g; Natri (Na): 90,0 - 110,0 g; Phospho (P): 27,0 - 33,0 g; Magiê (Mg): 27,0 - 33,0 g; Coban (Co): 24,0 - 36,0 mg; Iot (I): 16,0 - 24,0 mg; Selen (Se): 14,0 - 21,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq$ 5,0 ppm; As $\leq$ 2,0 ppm; Hg $\leq$ 0,1 ppm.	Bổ sung premix vitamin và khoáng trong thức ăn cho bò sữa.	Dạng bột, màu xám.	H.Wilhelm Schaumann Eilsleben GmbH.	Germany	25/1/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1108	Kalvicin Pro CV ATG	16-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Calcium carbonate, Sodium chloride, Monocalcium phosphate, Magnesium phosphate, Glycerin, các vitamin (A, D3, E, niacine), Iron Sulphate Monohydrate, Iron-glycine chelate, Zinc oxide, Zinc-glycine chelate, Manganese oxide, Mn-glycine chelate, Copper sulphate pentahydrate, Cu-glycine chelate, Calcium Iodate anhydrous, Sodium selenite, Lactobacillus rhamnonus (DSM 7133), Enterococcus faecium (DSM 7134), Biotin. - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1 kg): Vitamin A $\geq 640.000,0$ IU; Vitamin D3 $\geq 52.000,0$ IU; Vitamin E $\geq 3.200,0$ mg; Niacine $\geq 10.000,0$ mg; Kẽm (Zn): 2.400,0 - 3.600,0 mg; Mangan (Mn): 960,0 - 1.440,0 mg; Đồng (Cu): 160,0 - 240,0 mg; Canxi (Ca): 189,0 - 231,0 g; Natri (Na): 54,0 - 66,0 g; Phospho (P): 36,0 - 44,0 g; Magê (Mg): 23,0 - 28,0 g; Iôt (I): 32,0 - 48,0 mg; Selen (Se): 9,6 - 14,4 mg; Lactobacillus Rhamnonus (DSM 7133) $\geq 7,5 \times 10^9$ CFU; Enterococcus Faecium (DSM 7134) $\geq 17,5 \times 10^9$ CFU. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung premix vitamin, khoáng và vi khuẩn có lợi trong thức ăn cho bê.	Dạng bột, màu xám.	H.Wilhelm Schaumann Eilsleben GmbH.	Germany	25/1/2021
1109	Xamacol 20	65-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất carotenoids từ củ cà rốt, chất chống oxy hóa (Ethoxyquin), phụ gia và chất mang (axit Silicic, bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0$ %; Tổng số Carotenoids $\geq 20,0$ mg/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 15,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm; Hg < 0,1 ppm; Pb < 200,0 ppm.	Bổ sung chất tạo màu Carotenoids trong thức ăn chăn nuôi cho gia cầm nhằm cải thiện màu da và lòng đỏ trứng.	Dạng bột, màu vàng.	Novus Carotenoid Technologies, S.A.	Spain	1/2/2021
1110	ProPhorce AC 299	88-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sodium Formate $\geq 97,0$ %. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 5,0$ %; Axit Formic $\geq 63,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g; As < 4,0 ppm; Cd < 15,0 ppm; Hg < 0,1 ppm; Pb < 200,0 ppm.	Bổ sung axit hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm kiểm soát sự phát triển của nấm mốc.	Dạng hạt nhỏ mịn, màu trắng.	Perstorp Waspik B.V.	The Netherlands	1/2/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1111	Qili-Fe	01-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chelate Sắt - Glycine (độ tinh khiết $\geq 90,0\%$). - Chỉ tiêu chất lượng: Sắt (Fe): 17,0 - 19,0 %; Glycine: 22,0 - 25,5 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 20,0$ ppm; As $\leq 5,0$ ppm; E. coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện CFU/25g.	Bổ sung khoáng Sắt hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Guangzhou Tanke Bio-Tech Co., Ltd., China	China	18/2/2021
1112	Qili-Zn	02-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chelate Kẽm – Glycine (độ tinh khiết $\geq 95,0\%$). - Chỉ tiêu chất lượng: Kẽm (Zn): 21,0 - 22,5 %; Glycine: 23,0 - 26,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 20,0$ ppm; As $\leq 5,0$ ppm; E. coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện CFU/25g.	Bổ sung khoáng Kẽm hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	Guangzhou Tanke Bio-Tech Co., Ltd., China	China	18/2/2021
1113	Qili-Mn	03-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chelate Mangan - Glycine ($\geq 90,0\%$) và chất phụ gia (Silica). - Chỉ tiêu chất lượng: Mangan (Mn): 22,0 - 23,0 %; Glycine: 29,0 - 31,5 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 20,0$ ppm; As $\leq 5,0$ ppm; E. coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện CFU/25g.	Bổ sung khoáng Mangan hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	Guangzhou Tanke Bio-Tech Co., Ltd., China	China	18/2/2021
1114	Qili-Cu	04-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chelate Đồng - Glycine ($\geq 90,0\%$) và chất phụ gia (Silica). - Chỉ tiêu chất lượng: Đồng (Cu): 21,0 - 22,5 %; Glycine: 24,0 - 26,5 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 20,0$ ppm; As $\leq 5,0$ ppm; E. coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện CFU/25g.	Bổ sung khoáng Đồng hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu xanh.	Guangzhou Tanke Bio-Tech Co., Ltd., China	China	18/2/2021
1115	Qilimix-Piglet	05-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chelate Sắt - Glycine, Chelate Kẽm - Glycine, Chelate Đồng - Glycine, Chelate Mangan - Glycine, Coban Chloride, Caxi Iodate, Natri Selenite, chất phụ gia (Silica). - Chỉ tiêu chất lượng (g/kg): Sắt (Fe): 53,0 - 70,0; Đồng (Cu): 5,0 - 8,0; Kẽm (Zn): 40,0 - 50,0; Mangan (Mn): 13,0 - 16,0; Coban (Co): 0,06 - 0,10; Iốt (I): 0,33 - 0,50; Selen (Se): 0,23 - 0,50. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 30,0$ ppm; As $\leq 10,0$ ppm; E. coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện CFU/25g.	Bổ sung hỗn hợp khoáng hữu cơ và vô cơ trong thức ăn chăn nuôi lợn.	Dạng bột, màu xám.	Guangzhou Tanke Bio-Tech Co., Ltd., China	China	18/2/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1116	Hoazyme PT	06-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Enzyme Phytase (từ <i>Aspergillus niger</i>) và chất mang (tinh bột ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Phytase $\geq 5.000,0$ U/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: <i>E. coli</i> < 10 CFU/g; <i>Salmonella</i> không phát hiện CFU/25g; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 3,0$ ppm; Cd $< 0,5$ ppm.	Bổ sung enzyme Phytase (hoạt lực phytase ≥ 5.000 U/g) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng hạt, màu trắng.	Jiangsu Yinong Bioengineering Co, Ltd.	China	18/2/2021
1117	Hoazyme PTH	07-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Enzyme Phytase (từ <i>Aspergillus niger</i>) và chất mang (tinh bột ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Phytase $\geq 10.000,0$ U/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: <i>E. coli</i> < 10 CFU/g; <i>Salmonella</i> không phát hiện CFU/25g; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 3,0$ ppm; Cd $< 0,5$ ppm.	Bổ sung enzyme Phytase (hoạt lực phytase ≥ 10.000 U/g) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng hạt, màu trắng.	Jiangsu Yinong Bioengineering Co, Ltd.	China	18/2/2021
1118	Hoazyme PT Pro	08-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Enzyme Phytase (từ <i>Aspergillus niger</i>) và chất mang (tinh bột ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Phytase $\geq 200.000,0$ U/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: <i>E. coli</i> < 10 CFU/g; <i>Salmonella</i> không phát hiện CFU/25g; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 3,0$ ppm; Cd $< 0,5$ ppm.	Bổ sung enzyme Phytase (hoạt lực phytase ≥ 200.000 U/g) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Jiangsu Yinong Bioengineering Co, Ltd.	China	18/2/2021
1119	Hoazyme PT-Plus	09-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các enzyme (Xylanase, Mannanase, Glucanase, Cellulase, Amylase, Protease, Pectinase) và chất mang (tinh bột). - Chỉ tiêu chất lượng (U/g): Xylanase $\geq 3.600,0$; Mannanase $\geq 150,0$; Glucanase $\geq 320,0$; Cellulase $\geq 400,0$; Amylase $\geq 350,0$; Protease $\geq 1.000,0$; Pectinase $\geq 150,0$. - Chỉ tiêu vệ sinh: <i>E. coli</i> < 10 CFU/g; <i>Salmonella</i> không phát hiện CFU/25g; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 3,0$ ppm; Cd $< 0,5$ ppm.	Bổ sung hỗn hợp enzyme tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu xám nhạt.	Jiangsu Yinong Bioengineering Co, Ltd.	China	18/2/2021
1120	Empyreal 75	94-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: 100 % Protein tinh chất từ ngô. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $< 12,0$ %; Protein thô (CP) $\geq 75,0$ %; Xơ thô (CF) $\leq 2,5$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: <i>Salmonella</i> không phát hiện trong 25 g; <i>E. coli</i> < 10 MPN/g; Aflatoxin $< 20,0$ ppb; As $< 2,0$ ppm; Cd $< 0,5$ ppm; Hg $< 0,1$ ppm; Pb $< 5,0$ ppm.	Bổ sung Protein trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng.	Cargill, Incorporated.	USA	3/2/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1121	Ammocure 15%	95-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất Yucca Schidigera và chất chống kết dính (Silicon dioxide). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 7,0\%$; Saponin: 3,0 - 5,0%; tổng chất rắn hòa tan (TDS) $\geq 13,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm.	Bổ sung saponin từ cây Yucca Schidigera trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện năng suất vật nuôi và giảm mùi hôi thối từ chất thải vật nuôi.	Dạng bột, màu nâu vàng đến nâu.	Brookside Agra LC.	USA	18/2/2021
1122	Ammocure 30%	96-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất Yucca Schidigera và chất chống kết dính (Silicon dioxide). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 4,5\%$; Saponin: 5,0 - 9,0%; tổng chất rắn hòa tan (TDS) $\geq 25,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm.	Bổ sung saponin từ cây Yucca Schidigera trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện năng suất vật nuôi và giảm mùi hôi thối từ chất thải vật nuôi.	Dạng bột, màu nâu vàng đến nâu.	Brookside Agra LC.	USA	18/2/2021
1123	Yucca Liquid 50%	97-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất Yucca Schidigera, Copper sulfate. - Chỉ tiêu chất lượng: Saponin: 12,0 - 16,0%; tổng chất rắn hòa tan (TDS) $\geq 42,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm.	Bổ sung saponin từ cây Yucca Schidigera trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện năng suất vật nuôi và giảm mùi hôi thối từ chất thải vật nuôi.	Dạng lỏng, màu nâu đậm.	Brookside Agra LC.	USA	18/2/2021
1124	Novilys	10-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: L-Lysine HCl, dầu thực vật (để vi bọc) và chất chống kết dính (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; L-Lysine HCl $\geq 45,0\%$ (tương đương Lysine $\geq 36,0\%$). - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện CFU/25g; Hg $\leq 1,0$ ppm; As $\leq 20,0$ ppm; Pb $\leq 200,0$ ppm; Cd $\leq 20,0$ ppm.	Bổ sung axit amin Lysine bypass trong thức ăn cho gia súc nhai lại.	Dạng vi hạt, màu be.	Innov AD NV/SA.	Belgium	28/1/2021
1125	Novimet	11-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: DL-Methionine, dầu thực vật (để vi bọc) và chất chống kết dính (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 8,0\%$; Methionine $\geq 45,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện CFU/25g; Hg $\leq 1,0$ ppm; As $\leq 20,0$ ppm; Pb $\leq 200,0$ ppm; Cd $\leq 20,0$ ppm.	Bổ sung axit amin Methionine bypass trong thức ăn cho gia súc nhai lại.	Dạng vi hạt, màu be.	Innov AD NV/SA.	Belgium	28/1/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1126	Novichol	12-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Choline Chloride, dầu thực vật (dễ vi bọc) và chất chống kết dính (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Choline $\geq 16,2\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện CFU/25g; Hg $\leq 1,0$ ppm; As $\leq 20,0$ ppm; Pb $\leq 200,0$ ppm; Cd $\leq 20,0$ ppm.	Bổ sung Choline bypass trong thức ăn cho gia súc nhai lại.	Dạng vi hạt, màu trắng nhạt.	Innov AD NV/SA.	Belgium	28/1/2021
1127	Fibramax	13-01/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: nấm men bất hoạt (Aspergillus Oryzar, Saccharomyces cerevisiae), chiết xuất nấm men Kluyveromyces marxianus, chất mang (bột bánh). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Protein $\geq 18,0\%$; Beta-glucan $\geq 6,0\%$; Manan OligoSaccharide $\geq 3,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện CFU/25g; Hg $\leq 1,0$ ppm; As $\leq 20,0$ ppm; Pb $< 200,0$ ppm; Cd $< 20,0$ ppm.	Bổ sung Beta-glucan và Manan OligoSaccharide trong thức ăn cho gia súc nhằm cải thiện hệ vi sinh vật đường tiêu hóa.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	Innov AD NV/SA.	Belgium	28/1/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1128	Ingaso Bravo VietNam	129-3/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin (A, D3, E, K3, B1, B2, B6, B12), các axit amin (L-lysine monochlorhydrate, DL-methionine, L-Threonine, L-Tryptophan), các axit hữu cơ (Orthophosphoric, Fumaric, Citric, Malic), Nicotinic acid, D-Calcium pantothenate, Biotine, Betaine anhydrous, Manganese oxide, Iron monohydrated sulphate, Dicopper chloride trihydroxide, Zinc oxide, Potassium iodine, Sodium selenite, Endo-1,4 Beta-xylanase, Endo-1,3(4)-Beta glucanase, 6-phytase, Bacillus licheniformis, Bacillus subtilis, chất chống oxy hoá (Ethoxyquin, Propyl gallate), Sodium chloride, Dicalcium phosphate và chất mang (bột whey, protein khoai tây, bột huyết tương, lúa mạch ép đùn, bột ngô, bột lúa mỳ, yến mạch). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 11,0\%$; Protein thô $\geq 26,0\%$; Vitamin A $\geq 108.000,0$ IU/kg; Vitamin D3 $\geq 16.000,0$ IU/kg; Vitamin E (alfa-tocofeol) $\geq 300,0$ mg/kg; L-Lysine $\geq 29,0$ mg/kg; Betaine anhydrous $\geq 900,0$ mg/kg; Axit Nicotinic $\geq 208,0$ mg/kg; Sắt (Fe): 890,0 - 1.190,0 mg/kg; Đồng (Cu): 1.140,0 - 1.416,0 mg/kg; Kẽm (Zn): 17.450,0 - 23.600,0 mg/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: As < 4,0 ppm; Pb < 10,0 ppm; Cd < 0,5 ppm; Hg < 0,1 ppm E. coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện CFU/25g.	Bổ sung premix vitamin, khoáng và axit amin trong thức ăn chăn nuôi cho lợn con 15 ngày tuổi sau cai sữa.	Dạng bột, màu nâu.	Ingaso Farm S.L.U.	Spain	25/4/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1129	Ingaso Phoenix	130-3/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin (A, D3, E, K3, B1, B2, B6, B12), các axit amin (L-lysine monochlorhydrate, DL-methionine, L-Threonine, L-Tryptophan), các axit hữu cơ (Orthophosphoric, Fumaric, Citric, Malic), Nicotinic acid, D-Calcium pantothenate, Biotine, Betaine anhydrous, Manganese oxide, Iron monohydrated sulphate, Copper pentahydrated sulphate, potassium iodine, sodium selenite, Zinc oxide, Sodium chloride, Calcium carbonate, Dicalcium phosphate, Endo-1,4 Beta-xylanase, Endo-1,3(4)-Beta glucanase, 6-phytase, Bacillus subtilis, chất chống oxy hoá (Ethoxyquin, Propyl gallate) và chất mang (tầm lúa mì, lúa mạch). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 6,0\%$; Vitamin A $\geq 325.000,0$ IU/kg; Vitamin D3 $\geq 50.000,0$ IU/kg; Vitamin E (alfa-tocofeol) $\geq 1.000,0$ mg/kg; Betain anhydrous $\geq 2.750,0$ mg/kg; L-lysine monochlorhydrate $\geq 70,0$ g/kg; Axit Nicotinic $\geq 625,0$ mg/kg; Sắt (Fe): 2.650,0 - 3.600,0 mg/kg; Đồng (Cu): 3.400,0 - 4.250,0 mg/kg; Kẽm (Zn): 2.950,0 - 3.700,0 mg/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: As < 4,0 ppm; Pb < 10,0 ppm; Cd < 0,5 ppm; Hg < 0,1 ppm E. coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện CFU/25g.	Bổ sung premix vitamin, khoáng và axit amin trong thức ăn chăn nuôi cho lợn con đến 25 kg.	Dạng bột, màu xám.	Ingaso Farm S.L.U.	Spain	25/4/2021
1130	Ingaso Elite	131-3/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin (A, D3, E, K3, B1, B2, B6, B12), Nicotinic acid, D-Calcium pantothenate, Biotine, Betaine anhydrous, Manganese oxide, Iron monohydrated sulphate, Copper pentahydrated sulphate, sodium selenite, Zinc oxide, Potassium iodine, 6-phytase, chất chống oxy hoá (Ethoxyquin, Propyl gallate) và chất mang (Calcium carbonate, Sepiolite). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 3,0\%$; Vitamin A $\geq 2.666.000,0$ IU/kg; Vitamin D3 $\geq 500.000,0$ IU/kg; Vitamin E (alfa-tocofeol) $\geq 3.300,0$ mg/kg; Betain anhydrous $\geq 10.000,0$ mg/kg; Axit Nicotinic $\geq 3.330,0$ mg/kg; Sắt (Fe): 11.330,0 - 15.330,0 mg/kg; Đồng (Cu): 1.950,0 - 3.500,0 mg/kg; Kẽm (Zn): 19.830,0 - 26.800,0 mg/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: As < 4,0 ppm; Pb < 10,0 ppm; Cd < 0,5 ppm; Hg < 0,1 ppm E. coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện CFU/25g.	Bổ sung premix vitamin, khoáng trong thức ăn chăn nuôi cho lợn sinh trưởng và lợn vỗ béo.	Dạng bột, màu xám.	Ingaso Farm S.L.U.	Spain	25/4/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1131	Ingaso Active	132-3/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin (A, D3, E, K3, B1, B2, B6, B12), Nicotinic acid, D-Calcium pantothenate, Biotine, Betaine anhydrous, Manganese oxide, Iron monohydrated sulphate, Copper pentahydrated sulphate, Zinc oxide, Potassium iodine, Sodium selenite, 6-phytase, chất chống oxy hoá (Ethoxyquin, Propyl gallate) và chất mang (Calcium carbonate, Sepiolite). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 4,0$ %; Vitamin A $\geq 3.333.000,0$ IU/kg; Vitamin D3 $\geq 666.000,0$ IU/kg; Vitamin E (alfa-tocofeol) $\geq 6.000,0$ mg/kg; Betain anhydrous $\geq 41.660,0$ mg/kg; Axit Nicotinic $\geq 5.000,0$ mg/kg; Sắt (Fe): 17.000,0 - 23.000,0 mg/kg; Đồng (Cu): 2.500,0 - 4.000,0 mg/kg; Kẽm (Zn): 19.830,0 - 26.800,0 mg/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $< 4,0$ ppm; Pb $< 10,0$ ppm; Cd $< 0,5$ ppm; Hg $< 0,1$ ppm E. coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện CFU/25g	Bổ sung premix vitamin và khoáng trong thức ăn chăn nuôi cho lợn mang thai và lợn nuôi con.	Dạng bột, màu xám.	Ingaso Farm S.L.U.	Spain	25/4/2021
1132	Notox Ultimate V	112-3/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Nấm men bất hoạt (Saccharomyces cerevisiae); Triglyceride của axit béo; Bentonite, Sepiolite; chất chiết xuất từ nho và lá atiso. - Chỉ tiêu chất lượng: Ẩm độ: $\leq 11,0$ %; Al2O3: 6,5-10,5 %; CaO: 1,5-3,5 %, Fe2O3 : 3,0 - 6,0 %; K2O: 0,5-2,5 %; MgO: 4,0 -7,0 %; Na2O:0,5 - 2,5 %; SiO2 : 32,0 -50,0 %; Protein $\geq 7,5$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli ≤ 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Cd $\leq 15,0$ ppm; As $\leq 60,0$ ppm; Pb $\leq 200,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung chất hấp phụ độc tố nấm mốc trong thức ăn chăn nuôi gia súc gia cầm.	Dạng bột, màu nâu nhạt đến sẫm.	Provimi France.	France	30/3/2021
1133	Hepatoren	105-3/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: DL-Methionine, L-Lysine HCl, L-Carnitine Chloride, Choline Chloride, Vitamin B12, Sorbitol, Sodium Chloride, Potassium Chloride, phụ gia và chất mang (mannitol, nước). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 lít): DL-Methionine $\geq 142,5$ g; L-Lysine $\geq 7,6$ g; L-Carnitine $\geq 38,7$ g; Choline $\geq 35,4$ g; Vitamin B12 $\geq 9,5$ mg; Sorbitol $\geq 95,0$ g; Manitol $\geq 61,75$ g, Sodium Chloride $\geq 95,0$ g, Potassium Chloride $\geq 71,25$ g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung axit amin, vitamin, vi khoáng, sorbitol trong nước uống cho gia súc, gia cầm nhằm cải thiện chức năng gan.	Dạng lỏng, màu đỏ nhạt đến hồng.	S.P. Veterinaria S.A.	Spain	25/3/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1134	Hepatovex	106-3/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: DL-Methionine, L-Lysine HCl, Choline chloride, Vitamin B12, Sorbitol, phụ gia và chất mang (Propylene glycol, nước). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 lít): DL-Methionine $\geq 47,5$ g; L-Lysine $\geq 76,0$ g; Choline $\geq 134,7$ g; Vitamin B12 $\geq 9,5$ mg; Sorbitol $\geq 95,0$ g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung axit amin, vitamin, sorbitol trong nước uống cho gia súc, gia cầm nhằm cải thiện chức năng gan.	Dạng lỏng, màu nâu.	S.P. Veterinaria S.A.	Spain	25/3/2021
1135	Novitech Y L	133-3/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Betain HCl, axit citric, axit photphoric, sorbitol, chiết xuất thực vật (artichoke, milk thistle, taraxacum officinale, oregano), chiết xuất nấm men Saccharomyces cerevisiae, chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng: pH: 1,6 - 2,6; Betain $\geq 1,5$ %; axit citric $\geq 0,6$ %; axit photphoric $\geq 0,37$ %; sorbitol $\geq 0,015$ %; protein thô $\leq 2,5$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện CFU/25g; Pb $\leq 200,0$ ppm; As $\leq 20,0$ ppm; Cd $\leq 20,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung các chất axit hóa, chiết xuất thực vật, các chất khác nhằm cải thiện đường tiêu hóa, giảm stress cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu nâu.	Innov AD NV/SA.	Belgium	25/3/2021
1136	BiOWiSH™ MultiBio 3PS	107-3/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp vi khuẩn có lợi (Pediococcus acidilactici, Pediococcus pentosaceus, Lactobacillus plantarum, Bacillus subtilis) và các chất mang (Dextrose, khoáng tự nhiên). - Chỉ tiêu chất lượng: Pediococcus acidilactici $\geq 1,0 \times 10^8$ CFU/g; Pediococcus pentosaceus $\geq 1,0 \times 10^8$ CFU/g; Lactobacillus plantarum $\geq 1,0 \times 10^8$ CFU/g; Bacillus subtilis $\geq 1,0 \times 10^7$ CFU/g; protein $\geq 0,4$ %; khoáng tổng số $\leq 5,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $< 1,0$ ppm; Pb $< 1,0$ ppm.	Bổ sung các vi khuẩn có lợi (Lactobacillus plantarum, Pediococcus acidilactici, Pediococcus pentosaceus, Bacillus subtilis) vào thức ăn hoặc nước uống cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	BiOWiSH Technologies, Inc.	USA	29/3/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1137	BiOWiSH™ MultiBio 3P	108-3/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp vi khuẩn có lợi (Pediococcus acidilactici, Pediococcus pentosaceus, Lactobacillus plantarum, Bacillus subtilis) và các chất mang (bột ngũ cốc, cám gạo). - Chỉ tiêu chất lượng: Pediococcus acidilactici $\geq 1,0 \times 10^8$ CFU/g; Pediococcus pentosaceus $\geq 1,0 \times 10^8$ CFU/g; Lactobacillus plantarum $\geq 1,0 \times 10^8$ CFU/g; Bacillus subtilis $\geq 1,0 \times 10^7$ CFU/g; protein $\geq 7,0$ %; mỡ $\geq 1,0$ %; xơ thô $\leq 15,0$ %; khoáng tổng số $\leq 10,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g.	Bổ sung các vi khuẩn có lợi (Lactobacillus plantarum, Pediococcus acidilactici, Pediococcus pentosaceus, Bacillus subtilis) vào thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	BiOWiSH Technologies, Inc.	USA	29/3/2021
1138	Adhealth No. 1	109-3/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Premix vitamin (A, D3, B1, B2, B6), Choline Chloride, Methionine, chiết xuất lên men nấm (Rhizopus genus) sấy khô, bột ngô nấu chín. - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1 g): Vitamin A $\geq 950,0$ IU; vitamin D3 $\geq 500,0$ IU; vitamin B1 $\geq 3,8$ mg; vitamin B2 $\geq 2,5$ mg; vitamin B6 $\geq 2,8$ mg; Choline chloride $\geq 2,6$ mg; Methionine $\geq 0,35$ %; Protein $\geq 8,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 1,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm.	Bổ sung premix vitamin, choline, methionine và các chất dinh dưỡng của chiết xuất lên men nấm Rhizopus vào thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng nâu.	Union Formosa Biochemistry Co.	Taiwan	29/3/2021
1139	Bonsilage Mais	113-3/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp các vi khuẩn lactic có lợi (Lactobacillus buchneri DSM 12856 - 1k2075, Lactobacillus plantarum DSM 12837 - 1k2079, Pediococcus pentosaceus DSM 12834 - 1k2103), Lactose, Calcium chloride. - Chỉ tiêu chất lượng: Tổng số vi khuẩn lactic $\geq 2,5 \times 10^{11}$ CFU/g; độ ẩm $\leq 5\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: : Salmonella không phát hiện trong 25g, E.coli < 10 CFU/g.	Hỗn hợp vi khuẩn lactic, dùng để ủ chua thức ăn thô cho gia súc nhai lại.	Dạng bột, màu kem.	Lactosan GmbH & Co. KG.	Austria	21/3/2021
1140	Bonsilage Forte	114-3/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp các vi khuẩn lactic có lợi (Pediococcus acidilactici DSM 16243 - 1k2102, Lactococcus lactis NCIMB 30160 - 1k2082, Lactobacillus paracasei DSM 16245 - 1k2076) và Dextrose anhydrous. - Chỉ tiêu chất lượng: Tổng số vi khuẩn lactic $\geq 1,25 \times 10^{11}$ CFU/g; độ ẩm $\leq 5\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: : Salmonella không phát hiện trong 25g, E.coli < 10 CFU/g.	Hỗn hợp vi khuẩn lactic, dùng để ủ chua thức ăn thô cho gia súc nhai lại.	Dạng bột, màu kem.	Lactosan GmbH & Co. KG.	Austria	21/3/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1141	Rindavit 41 ASS-CO ATG	115-3/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bột đá, NaCl, ôxit Magiê, Calcium-sodium phosphate, Mono Canxi photphat, ri mật đường củ cải, các vitamin (A, D3, E), ôxit kẽm, chelate Glycine - kẽm, ôxit Mangan, chelate Glycine - Mangan, Sunphat đồng, chelate Glycine - đồng, Coban(II)-carbonate, Canxi iodate, Natri selenite, Saccharomyces cerevisae. - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1 kg): Ca: 162,0 – 198,0 g; P: 41,0 - 49,0 g; Na: 90,0 - 110,0 g; Mg: 63,0 - 77,0 g; Zn: 4.880,0 - 7.320,0 mg; Mn: 4.080 - 6.120,0 mg; Cu: 880,0 -1.320,0 mg; Co: 32,0 - 48,0 mg; Se: 28,0 - 42,0 mg; I: 48,0 - 72,0mg; vitamin A: 800.000,0 - 1.200.000,0 I.U; vitamin D3: 64.000,0 - 96.000,0 I.U; vitamin E: 3.200,0 - 4.800,0 mg; Saccharomyces cerevisae (CNCM I-1077) $\geq 65,0 \times 10^9$ CFU. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25g; E.coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung premix vitamin, khoáng và nấm men hoạt tính trong thức ăn cho bò sữa.	Dạng bột, màu xám.	H.Wilhelm Schaumann Eilsleben GmbH.	Germany	21/3/2021
1142	Rindavital Energietrunk	116-3/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Glucose, muối NaCl, Mono Canxi photphat, Natri bicarbonate, Propylene glycol, vitamin (C, E), Natri selenite, Coban(II)-carbonate, Saccharomyces cerevisae. - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1 kg): Glucose: 630,0 - 770,0 g; Ca:13,5 - 16,5 g; P: 18,0 -22,0 g; Na: 45,0 - 55,0 g; Co: 16,0 - 24,0 mg; vitamin C: 800,0 - 1.200,0 IU; vitamin E: 3.200,0 - 4.800,0 mg; Se: 8,0 - 12,0 mg; Saccharomyces cerevisae $\geq 19 \times 10^9$ CFU. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25g; E.coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung premix vitamin, khoáng và nấm men hoạt tính trong thức ăn cho bò sữa.	Dạng bột, màu trắng.	H.Wilhelm Schaumann Eilsleben GmbH.	Germany	21/3/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1143	Rindavital VK ATG	117-3/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Magiê photphat, muối NaCl, đường củ cải dạng viên, nấm men, ri mật đường củ cải, các vitamin (A, D3, E), β-carotene, ôxit kẽm, chelate Glycine - kẽm, ôxit Mangan, chelate Glycine - mangan, sulphate đồng, chelate Glycine - đồng, Canxi iodate, Coban(II) carbonate, Selen selenite. - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1 kg): Ca: 9,0 - 11,0 g; P: 72,0 - 88,0 g; Na: 72,0 - 88,0 g; Mg: 126,0 - 154,0 g; vitamin A: 800.000,0 - 1.200.000,0 IU.; vitamin D3: 48.000,0 - 72.000,0 IU; vitamin E: 6.000,0 - 9.000,0 mg; Zn: 3.976,0 - 5.964,0 mg; Mn: 2.560,0 - 3.840,0 mg; Cu: 804,0 - 1.056,0 mg; I: 80,0 - 120,0 mg; Se: 21,2 - 31,8 mg; Co: 32,0 - 48,0 mg; Beta carotene: 400,0 - 600,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25g; E.coli < 10 CFU/g; Pb $\leq$ 5,0 ppm; As $\leq$ 2,0 ppm; Hg $\leq$ 0,1 ppm.	Bổ sung premix vitamin và khoáng trong thức ăn cho bò sữa.	Dạng bột, màu trắng.	H.Wilhelm Schaumann Eilsleben GmbH.	Germany	21/3/2021
1144	Habio Phytase powder	118-3/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Enzyme Phytase và chất mang (tinh bột ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq$ 10,0 %; Phytase $\geq$ 5.000,0 U/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq$ 3,0 ppm; Pb $\leq$ 1,0 ppm; Cd $\leq$ 0,5 ppm; E. coli < 10 CFU/g; Aflatoxin B1 $\leq$ 10,0 μg/kg.	Bổ sung enzyme Phytase trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Mianyang Habio Bioengineering, Ltd.	China	21/3/2021
1145	Habio Phytase Granule	119-3/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Enzyme Phytase và chất mang (tinh bột ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq$ 10,0 %; Phytase $\geq$ 5.000,0 U/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq$ 3,0 ppm; Pb $\leq$ 1,0 ppm; Cd $\leq$ 0,5 ppm; E. coli < 10 CFU/g; Aflatoxin B1 $\leq$ 10,0 μg/kg.	Bổ sung enzyme Phytase trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng hạt nhỏ mịn, màu vàng nhạt.	Mianyang Habio Bioengineering, Ltd.	China	21/3/2021
1146	Habio Phytase Liquid	120-3/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Enzyme Phytase và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng: Phytase $\geq$ 5.000,0 U/ml. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq$ 3,0 ppm; Pb $\leq$ 1,0 ppm; Cd $\leq$ 0,5 ppm; E. coli < 10 CFU/g; Aflatoxin B1 $\leq$ 10,0 μg/L.	Bổ sung enzyme Phytase trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu vàng nhạt.	Mianyang Habio Bioengineering, Ltd.	China	21/3/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1147	Habio Multi Enzymes Powder	121-3/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các enzym (Cellulase, Beta-Glucanase, Phytase) và chất mang (tinh bột ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Cellulase $\geq 500,0$ U/g; Beta-glucanase $\geq 1.500,0$ U/g; Phytase $\geq 5.000,0$ U/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 3,0$ ppm; Pb $\leq 1,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; E. coli < 10 CFU/g; Aflatoxin B1 $\leq 10,0$ μ g/kg.	Bổ sung hỗn hợp enzyme tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Mianyang Habio Bioengineering, Ltd.	China	21/3/2021
1148	Habio Multi Enzymes Granule	122-3/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các enzym (Cellulase, Beta-Glucanase, Phytase) và chất mang (tinh bột ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Cellulase $\geq 500,0$ U/g; Beta-glucanase $\geq 1.500,0$ U/g; Phytase $\geq 5.000,0$ U/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 3,0$ ppm; Pb $\leq 1,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; E. coli < 10 CFU/g; Aflatoxin B1 $\leq 10,0$ μ g/kg.	Bổ sung hỗn hợp enzyme tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng hạt nhỏ mịn, màu vàng nâu.	Mianyang Habio Bioengineering, Ltd.	China	21/3/2021
1149	Habio Multi Enzymes Liquid	123-3/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các enzym (Cellulase, Beta-Glucanase, Phytase) và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng: Cellulase $\geq 500,0$ U/ml; Beta-glucanase $\geq 1.500,0$ U/ml; Phytase $\geq 5.000,0$ U/ml. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 3,0$ ppm; Pb $\leq 1,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; E. coli < 10 CFU/g; Aflatoxin B1 $\leq 10,0$ μ g/L.	Bổ sung hỗn hợp enzyme tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu nâu.	Mianyang Habio Bioengineering, Ltd.	China	21/3/2021
1150	Femax-70	127-3/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sodium Stearoyl Lactylate, Lecithin và chất mang (Silicon dioxide). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 5,0\%$; Sodium Stearoyl Lactylate $\geq 50,0\%$ (tương đương axit Lactic $\geq 17,0\%$); Lecithin $\geq 15,0\%$; Chỉ số Ester $\leq 350,0$ mg KOH/g; Chỉ số axit $\leq 80,0$ mg KOH/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện CFU/25g; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 5,0$ ppm; Cd $< 10,0$ ppm; Hg $< 5,0$ ppm.	Bổ sung chất nhũ hóa trong thức ăn chăn nuôi gia súc và gia cầm.	Dạng bột, màu kem sáng đến vàng.	Feed Flavors Asia Co, Ltd.	Korea	25/3/2021
1151	Colistin Sulfate Premix 10%	140-3/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Colistin Sulfate và chất mang (tinh bột ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Colistin: 9,0 - 10,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 20,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 20,0$ ppm; Hg $\leq 20,0$ ppm.	Bổ sung kháng sinh Colistin trong thức ăn cho gia súc, gia cầm nhằm tăng khả năng sinh trưởng vật nuôi.	Dạng hạt nhỏ mịn, màu trắng nhạt.	Zhejiang Apelo Kangyu Bio-pharmaceutical Co, Ltd.	China	14/6/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1152	Mastersorb Premium	128-3/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bentonite, thành tế bào nấm men bất hoạt (Saccharomyces cerevisiae), Zinc chelate, chất tạo mùi (Oregano, thyme rosemary, chili peper). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 8,0$ %; SiO₂: 27,0 - 42,0 %; Al₂O₃: 10,0 - 16,0 %; MgO: 1,0 - 3,0 %; CaO: 1,0 - 2,0 %; Beta glucan $\geq 4,0$ %; Mannan Oligosaccharides $\geq 5,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện CFU/25g; Pb $\leq 200,0$ ppm; As $\leq 100,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm; Hg < 0,1 ppm.	Bổ sung chất hấp phụ độc tố trong thức ăn chăn nuôi gia súc nhai lại.	Dạng bột, màu xanh xám nhạt.	Grasp Industria E Comercio LTDA.	Brazil	25/3/2021
1153	Booster	111-3/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Propylene glycol, Glycerol, mạch nha, Vitamin B12 và chất mang (glucose, fructose). - Chỉ tiêu chất lượng: Propylene glycol $\geq 32,5$ %; Glycerol $\geq 5,4$ %; Vitamin B12 $\geq 36,0$ mg/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 4,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Hg < 0,1 ppm.	Bổ sung năng lượng cho gia súc nhai lại.	Dạng lỏng, màu vàng nhạt.	Agrovit S.R.L.	Italy	29/3/2021
1154	Bergapur	104-3/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Lecithin (từ đậu tương) và chất chống đông vón (Silica dioxide). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 1,0$ %; Phosphatides (tương đương Acetone không hòa tan) $\geq 95,0$ %; Chỉ số axit $\leq 35,0$ mg KOH/g; Chỉ số Peroxide $\leq 5,0$ meq/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g.	Bổ sung chất nhũ hóa (Lecithin từ đậu tương) trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng hạt nhỏ mịn hoặc bột, màu nâu nhạt hoặc vàng.	Carotino Biochem PTE, Ltd..	Singapore	25/3/2021
1155	Stearolac 90	110-3/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit béo thu được từ sản phẩm phụ của quá trình tinh luyện dầu cọ. - Chỉ tiêu chất lượng: Mỡ thô $\geq 99,0$ %; tổng axit béo no $\geq 85,0$ %; chỉ số Iốt $\leq 15,0$ %; độ ẩm $\leq 1,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g.	Bổ sung axit béo no (từ sản phẩm phụ của quá trình tinh luyện dầu cọ) cho gia súc nhai lại (Rumen bypass fat).	Dạng bột, màu trắng ngà hoặc vàng nhạt.	Wawasan Agrolipids Sdn. Bhd.	Malaysia	25/3/2021
1156	Evenmor	134-3/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin D3, Folic acid, vitamin B12, nấm men bất hoạt giàu Selen, chất bảo quản (ethoxyquin), chất mang (cám gạo tách dầu, bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1 kg): Vitamin D3 $\geq 6.000.000,0$ IU; Folic acid $\geq 7,5$ g; vitamin B12 $\geq 90,0$ mg; Selen: 108,0 - 132,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg < 0,1 ppm.	Bổ sung vitamin (D ₃ , B ₁₂ , Folic acid) và Selen trong thức ăn chăn nuôi lợn nái chữa.	Dạng bột, màu xám nhạt.	Top Feed Mills Co. Ltd.	Thailand	25/3/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1157	Bioboost-G	135-3/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin A, D3, E, B1, B2, B6, B12; Menadione nicotinamide bisulfite; Nicotinic acid; Calcium d Pantothenate; Folic acid; Biotin; Choline chloride; Sắt sunphate; Mangan sunphate; Đồng sunphate; Kẽm ôxit; sodium Selenite; potassium Iodide; Coban sunphate; chất bảo quản (ethoxyquin); chất mang (cám gạo tách dầu, bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: (tính trong 1 kg): Vitamin A $\geq$ 300.000,0 IU; vitamin D3 $\geq$ 60.000,0 IU; vitamin E $\geq$ 1.625,0 IU; vitamin K3 $\geq$ 75,0 mg; vitamin B1 $\geq$ 50,0 mg; vitamin B2 $\geq$ 250,0 mg; vitamin B6 $\geq$ 100,0 mg; vitamin B12 $\geq$ 1,25 mg; Nicotinic acid $\geq$ 1.125,0 mg; Pantothenic acid $\geq$ 875,0 mg; Folic acid $\geq$ 38,0 mg; Biotin $\geq$ 3,75 mg; Choline $\geq$ 9,8 g; Fe: 3.690,0 - 4.613,0 mg; Mn: 900,0 - 1.125,0 mg; Cu: 4.500,0 - 5.625,0 mg; Zn: 3.600,0 - 4.500,0 mg; Se: 6,75 - 8,4 mg; I: 11,52 - 14,4 mg; Co: 27,0 - 33,8 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq$ 2,0 ppm; Pb $\leq$ 20,0 ppm; Cd $\leq$ 2,0 ppm; Hg $\leq$ 2,0 ppm.	Bổ sung premix vitamin, khoáng trong thức ăn chăn nuôi lợn thịt giai đoạn từ 50 kg đến 80 kg thể trọng.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Top Feed Mills Co. Ltd.	Thailand	25/3/2021
1158	Bioboost-F	136-3/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin A, D3, E, B1, B2, B6, B12; Menadione nicotinamide bisulfite; Nicotinic acid; Calcium d Pantothenate; Folic acid; Biotin; Choline chloride; Sắt sunphate; Mangan sunphate; Đồng sunphate; Kẽm ôxit; sodium Selenite; potassium Iodide; Coban sunphate; chất bảo quản (ethoxyquin); chất mang (cám gạo tách dầu, bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: (tính trong 1 kg): Vitamin A $\geq$ 225.000,0 IU; vitamin D3 $\geq$ 45.000,0 IU; vitamin E $\geq$ 1.200,0 IU; vitamin K3 $\geq$ 55,0 mg; vitamin B1 $\geq$ 38,0 mg; vitamin B2 $\geq$ 190,0 mg; vitamin B6 $\geq$ 75,0 mg; vitamin B12 $\geq$ 935,0 μg; Nicotinic acid $\geq$ 840,0 mg; Pantothenic acid $\geq$ 655,0 mg; Folic acid $\geq$ 28,0 mg; Biotin $\geq$ 2,8 mg; Choline $\geq$ 9,8 g; Fe: 3.690,0 - 4.613,0 mg; Mn: 900,0 - 1.125,0 mg; Cu: 3.375,0 - 4.219,0 mg; Zn: 3.600,0 - 4.500,0 mg; Se: 6,75 - 8,4 mg; I: 11,7 - 14,6 mg; Co: 27,0 - 33,8 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq$ 2,0 ppm; Pb $\leq$ 20,0 ppm; Cd $\leq$ 2,0 ppm; Hg $\leq$ 2,0 ppm.	Bổ sung premix vitamin, khoáng trong thức ăn chăn nuôi lợn thịt giai đoạn từ 80 kg đến 110 kg thể trọng.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Top Feed Mills Co. Ltd.	Thailand	25/3/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1159	Bioboost-S	137-3/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin A, D3, E, B1, B2, B6, B12; Menadione nicotinamide bisulfite; Nicotinic acid; Calcium d Pantothenate; Folic acid; Biotin; Choline chloride; Sắt sunphate; Mangan sunphate; Đồng sunphate; Kẽm ôxit; sodium Selenite; potassium Iodide; Coban sunphate; chất bảo quản (ethoxyquin); chất mang (cám gạo tách dầu, bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: (tính trong 1 kg): Vitamin A $\geq$ 330.000,0 IU; vitamin D3 $\geq$ 66.000,0 IU; vitamin E $\geq$ 1.800,0 IU; vitamin K3 $\geq$ 80,0 mg; vitamin B1 $\geq$ 55,0 mg; vitamin B2 $\geq$ 275,0 mg; vitamin B6 $\geq$ 110,0 mg; vitamin B12 $\geq$ 1.370,0 μg; Nicotinic acid $\geq$ 1,24 g; Pantothenic acid $\geq$ 960,0 mg; Folic acid $\geq$ 40,0 mg; Biotin $\geq$ 4,0 mg; Choline $\geq$ 9,8 g; Fe: 4.590,0 - 5.738,0 mg; Mn: 1.125,0 - 1.406,0 mg; Cu: 4.500,0 - 5.625,0 mg; Zn: 4.500,0 - 5.625,0 mg; Se: 6,75 - 8,4 mg. I: 14,4 - 18,0 mg; Co: 33,75 - 42,2 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq$ 2,0 ppm; Pb $\leq$ 20,0 ppm; Cd $\leq$ 2,0 ppm; Hg $\leq$ 2,0 ppm.	Bổ sung premix vitamin, khoáng trong thức ăn chăn nuôi lợn giai đoạn từ 15 kg đến 50 kg thể trọng.	Dạng bột, màu trắng nhạt.	Top Feed Mills Co. Ltd.	Thailand	25/3/2021
1160	Biomax-G	138-3/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin A, D3, E, B1, B2, B6, B12; Menadione nicotinamide bisulfite; Nicotinic acid; Calcium d Pantothenate; Folic acid; Biotin; Choline chloride; Sắt sunphate; Mangan sunphate; Đồng sunphate; Kẽm ôxit; sodium Selenite; potassium Iodide; Coban sunphate; chất bảo quản (ethoxyquin); chất mang (cám gạo tách dầu, bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: (tính trong 1 kg): Vitamin A $\geq$ 375.000,0 IU; vitamin D3 $\geq$ 75.000,0 IU; vitamin E $\geq$ 1.500,0 IU; vitamin K3 $\geq$ 50,0 mg; vitamin B1 $\geq$ 25,0 mg; vitamin B2 $\geq$ 125,0 mg; vitamin B6 $\geq$ 125,0 mg; vitamin B12 $\geq$ 750,0 μg; Nicotinic acid $\geq$ 750,0 mg; Pantothenic acid $\geq$ 500,0 mg; Folic acid $\geq$ 110,0 mg; Biotin $\geq$ 7,5 mg; Choline $\geq$ 10,0 g; Fe: 4.050,0 - 5.063,0 mg; Mn: 1.575,0 - 1.969,0 mg; Cu: 1.125,0 - 1.406,0 mg; Zn: 2.700,0 - 3.375,0 mg; Se: 4,5 - 5,6 mg; I: 22,5 - 28,1 mg; Co: 11,7 - 14,6 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq$ 2,0 ppm; Pb $\leq$ 20,0 ppm; Cd $\leq$ 2,0 ppm; Hg $\leq$ 2,0 ppm.	Bổ sung premix vitamin, khoáng trong thức ăn chăn nuôi lợn nái mang thai.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Top Feed Mills Co. Ltd.	Thailand	25/3/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1161	Biomax-L	139-3/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin A, D3, E, B1, B2, B6, B12; Menadione nicotinamide bisulfite; Nicotinic acid; Calcium d Pantothenate; Folic acid; Biotin; Choline chloride; Sắt sunphate; Mangan sunphate; Đồng sunphate; Kẽm ôxit; sodium Selenite; potassium Iodide; Coban sunphate; chất bảo quản (ethoxyquin); chất mang (cám gạo tách dầu, bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: (tính trong 1 kg): Vitamin A $\geq$ 380.000,0 IU; vitamin D3 $\geq$ 76.000,0 IU; vitamin E $\geq$ 1.500,0 IU; vitamin K3 $\geq$ 50,0 mg; vitamin B1 $\geq$ 25,0 mg; vitamin B2 $\geq$ 125,0 mg; vitamin B6 $\geq$ 125,0 mg; vitamin B12 $\geq$ 750,0 μg; Nicotinic acid $\geq$ 750,0 mg; Pantothenic acid $\geq$ 500,0 mg; Folic acid $\geq$ 110,0 mg; Biotin $\geq$ 7,5 mg; Choline $\geq$ 10,0 g; Fe: 4.050,0 - 5.063,0 mg; Mn: 1.575,0 - 1.969,0 mg; Cu: 1.125,0 - 1.406,0 mg; Zn: 2.700,0 - 3.375,0 mg; Se: 4,5 - 5,6 mg; I: 22,5 - 28,1 mg; Co: 11,7 - 14,6 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq$ 2,0 ppm; Pb $\leq$ 20,0 ppm; Cd $\leq$ 2,0 ppm; Hg $\leq$ 2,0 ppm.	Bổ sung premix vitamin, khoáng trong thức ăn chăn nuôi lợn nái nuôi con.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Top Feed Mills Co. Ltd.	Thailand	25/3/2021
1162	Superzyme - CS	124-3/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất lên men của Vi khuẩn có lợi (Trichoderma reesei, Aspergillus niger, Aspergillus oryzae, Saccharomyces cerevisiae, Pichia pastoris); dầu hạt cải bột mì, SiO₂). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq$ 12%; Xylanase $\geq$ 2.400,0 XYL units/g; Glucanase $\geq$ 300,0 GLU units/g; Invertase $\geq$ 1.400,0 INV units/g; Protease $\geq$ 2.400,0 HUT units /g; Cellulase $\geq$ 1.000,0 CMC units/g; Amylase $\geq$ 24.000,0 FAA units/g; Mannanase $\geq$ 120,0 MAN units/g; Phytase $\geq$ 2.000,0 FYT units/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không có trong 25g; nấm men và nấm mốc $<$ 100 cfu/g.	Bổ sung các enzyme tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng đến vàng nhạt.	Canadian Bio-Systems Inc.	Canada	25/3/2021
1163	Concentrase - P	125-3/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất lên men Bacillus licheniformis, bột mì, SiO₂, bột đá. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq$ 10%; Protease $\geq$ 25.000,0 HUT units/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không có trong 25g; nấm men và nấm mốc $<$ 100 cfu/g.	Bổ sung enzyme protease trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng đến vàng nhạt.	Canadian Bio-Systems Inc.	Canada	25/3/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1164	Concentrase - P Liquid	126-3/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất lên men Bacillus licheniformis, Glycerin, NaCl, Sodium Benzoate, Potassium sorbate, nước. - Chỉ tiêu chất lượng: Protease $\geq 25.000,0$ HUT units/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không có trong 25g; nấm men và nấm mốc < 100 cfu/g.	Bổ sung enzyme protease trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu vàng đến nâu.	Canadian Bio-Systems Inc.	Canada	25/3/2021
1165	Fitmin Dog Mini Puppy	157-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt (gà, thịt gà sấy khô, gan gia cầm thủy phân), gạo, ngô, mỡ gia cầm, bột cá, củ cải đường, hạt lanh, trứng gà, hương táo, dầu cá hồi, men bia sấy khô, chất chống oxy hóa (BHA, BHT), chất bảo quản (axit fumaric, axit Sorbic, muối Calcium propionate), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein $\geq 26,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.510,0$ Kcal/kg; Xơ thô $\leq 4,2$ %; Canxi: 0,6 - 2,5 %; Phốtpho: 0,5 - 1,6 %; Lysine $\geq 0,5$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,38$ %; Threonine $\geq 0,46$ %; Khoáng tổng số $\leq 8,5$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp cho chó con, chó mang thai và chó nuôi con.	Dạng hạt, màu nâu.	Dibaq A.S.	Czech Republic	27/6/2021
1166	Fitmin Dog Mini Performance	158-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt (gà, thịt gà sấy khô, gan gia cầm thủy phân), gạo, ngô, mỡ gia cầm, bột cá, củ cải đường, hạt lanh, trứng gà, hương táo, dầu cá hồi, men bia sấy khô, chất chống oxy hóa (BHA, BHT), chất bảo quản (axit fumaric, axit Sorbic, muối Calcium propionate), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein $\geq 24,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.530,0$ Kcal/kg; Xơ thô $\leq 4,7$ %; Canxi: 0,6 - 2,5 %; Phốtpho: 0,5 - 1,6 %; Lysine $\geq 0,51$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,38$ %; Threonine $\geq 0,46$ %; Khoáng tổng số $\leq 9,56$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp cho chó trưởng thành.	Dạng hạt, màu nâu.	Dibaq A.S.	Czech Republic	27/6/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1167	Fitmin Dog Medium Puppy	159-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt (gà, thịt gà sấy khô, gan gia cầm thủy phân), gạo, ngô, mỡ gia cầm, bột cá, hạt lanh, củ cải đường, hạt lanh, trứng gà, hương táo, dầu cá hồi, men bia sấy khô, chất chống oxy hóa (BHA, BHT), chất bảo quản (axit fumaric, axit Sorbic, muối Calcium propionate), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein $\geq 24,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.469,0$ Kcal/kg; Xơ thô $\leq 4,2$ %; Canxi: 0,6 - 2,5 %; Phốtpho: 0,5 - 1,6 %; Lysine $\geq 0,50$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,38$ %; Threonine $\geq 0,45$ %; Khoáng tổng số $\leq 9,56$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp cho chó con, chó mang thai và chó nuôi con.	Dạng hạt, màu nâu.	Dibaq A.S.	Czech Republic	27/6/2021
1168	Fitmin Dog Medium Maintenance	160-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt (gà, thịt gà sấy khô, gan gia cầm thủy phân), gạo, ngô, mỡ gia cầm, bột cá, hạt lanh, củ cải đường, hạt lanh, trứng gà, hương táo, dầu cá hồi, men bia sấy khô, chất chống oxy hóa (BHA, BHT), chất bảo quản (axit fumaric, axit Sorbic, muối Calcium propionate), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein $\geq 20,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.036,0$ Kcal/kg; Xơ thô $\leq 4,2$ %; Canxi: 0,6 - 2,5 %; Phốtpho: 0,5 - 1,6 %; Lysine $\geq 0,44$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,33$ %; Threonine $\geq 0,4$ %; Khoáng tổng số $\leq 7,4$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp cho chó trưởng thành.	Dạng hạt, màu nâu.	Dibaq A.S.	Czech Republic	27/6/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1169	Fitmin Dog Medium Performance	161-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt (gà, thịt gà sấy khô, gan lợn), gạo, ngô, mỡ gia cầm, bột cá, hạt lanh, củ cải đường, hạt lanh, trứng gà, hương táo, dầu cá hồi, men bía sấy khô, chất chống oxy hóa (BHA, BHT), chất bảo quản (axit fumaric, axit Sorbic, muối Calcium propionate), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein $\geq 24,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.353,0$ Kcal/kg; Xơ thô $\leq 4,7$ %; Canxi: 0,6 - 2,5 %; Phốtpho: 0,5 - 1,6 %; Lysine $\geq 0,48$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,36$ %; Threonine $\geq 0,44$ %; Khoáng tổng số $\leq 9,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp cho chó trưởng thành.	Dạng hạt, màu nâu.	Dibaq A.S.	Czech Republic	27/6/2021
1170	Reashure	220-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Choline chloride, dầu thực vật và chất mang (bột lõi ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 3,0$ %; Choline chloride $\geq 28,8$ % (tương đương với Choline $\geq 21,5$ %). - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli ≤ 10 CFU/g; As $\leq 4,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,2$ ppm.	Bổ sung Choline trong thức ăn cho gia súc nhai lại.	Dạng hạt, nhỏ mịn, màu nâu đến nâu nhạt.	Balchem Corporation.	USA	27/6/2021
1171	Zinc Oxide White Seal Feed Grade	164-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Kẽm oxit (ZnO $\geq 99,0$ %). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 0,2$ %; Kẽm (Zn): 79,9 – 80,34 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 100,0$ ppm; Cd $\leq 20,0$ ppm; Pb $\leq 100,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung kẽm (Zn) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	Thai-Lysaght Co, Ltd.	Thailand	27/6/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1172	Fitmin Dog Maxi Puppy	169-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt (gà, thịt gà sấy khô, gan gia cầm thủy phân), gạo, ngô, mỡ gia cầm, bột cá, củ cải đường, hạt lanh, trứng gà, hương táo, dầu cá hồi, men bia sấy khô, chất chống oxy hóa (BHA, BHT), chất bảo quản (axit fumaric, axit Sorbic, muối Calcium propionate), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein $\geq 24,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.469,0$ Kcal/kg; Xơ thô $\leq 4,2$ %; Canxi: 0,6 - 2,5 %; Phốtpho: 0,5 - 1,6 %; Lysine $\geq 0,5$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,38$ %; Threonine $\geq 0,45$ %; Khoáng tổng số $\leq 9,5$ %; Béo $\geq 16,63$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp cho chó con, chó mang thai và chó nuôi con.	Dạng hạt, màu nâu.	Dibaq A.S.	Czech Republic	27/6/2021
1173	Fitmin Dog Maxi Performance	170-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt (gà, thịt gà sấy khô, gan gia cầm thủy phân), gạo, ngô, mỡ gia cầm, bột cá, củ cải đường, hạt lanh, trứng gà, hương táo, dầu cá hồi, men bia sấy khô, chất chống oxy hóa (BHA, BHT), chất bảo quản (axit fumaric, axit Sorbic, muối Calcium propionate), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein $\geq 24,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.523,0$ Kcal/kg; Xơ thô $\leq 4,2$ %; Canxi: 0,6 - 2,5 %; Phốtpho: 0,5 - 1,6 %; Lysine $\geq 0,51$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,38$ %; Threonine $\geq 0,46$ %; Khoáng tổng số $\leq 9,50$ %; Béo $\geq 17,5$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp cho chó trưởng thành.	Dạng hạt, màu nâu.	Dibaq A.S.	Czech Republic	27/6/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1174	Premius Dog Beef	171-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt (bò, thịt bò sấy khô, gan lợn thủy phân), lúa mỳ, cám mỳ, mỡ gia cầm, gạo, củ cải đường, hương táo, dầu cá hồi, men bia sấy khô, chất chống oxy hóa (BHA, BHT), chất bảo quản (axit fumaric, axit Sorbic, muối Calcium propionate), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein $\geq 19,25$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 2.888,0$ Kcal/kg; Xơ thô $\leq 5,7$ %; Canxi: 0,6 - 2,5 %; Phốtpho: 0,5 - 1,6 %; Lysine $\geq 0,41$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,31$ %; Threonine $\geq 0,38$ %; Khoáng tổng số $\leq 9,45$ %; Béo $\geq 7,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp cho chó trưởng thành.	Dạng hạt, màu đỏ nâu.	Dibaq A.S.	Czech Republic	27/6/2021
1175	Premius Dog Junior	172-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt (bò, thịt bò sấy khô, gan lợn thủy phân), lúa mỳ, cám mỳ, mỡ gia cầm, gạo, củ cải đường, hương táo, dầu cá hồi, men bia sấy khô, chất chống oxy hóa (BHA, BHT), chất bảo quản (axit fumaric, axit Sorbic, muối Calcium propionate), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein $\geq 27,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.364,0$ Kcal/kg; Xơ thô $\leq 5,7$ %; Canxi: 0,6 - 2,5 %; Phốtpho: 0,5 - 1,6 %; Lysine $\geq 0,49$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,37$ %; Threonine $\geq 0,44$ %; Khoáng tổng số $\leq 10,63$ %; Béo $\geq 14,88$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp cho chó con, chó mang thai và chó nuôi con.	Dạng hạt, màu đỏ nâu.	Dibaq A.S.	Czech Republic	27/6/2021
1176	Nupro	219-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Tê bào nấm men và men bia sấy khô (lên men bởi vi khuẩn Saccharomyces cervisiae). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0$ %; Protein thô $\geq 40,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $< 30,0$ ppm; Pb $< 100,0$ ppm; Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli ≤ 10 CFU/g.	Bổ sung protein trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu sáng.	Alltech Inc.	USA	27/6/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1177	Orbitonic	248-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin (A, D3, E, B1, B2, B6, B12, D3, K3); Choline chloride; L-Carnitine; Ferrous sulphate monohydrate; Calcium iodate anhydrous; Calcium panthothenate; Cupic sulphate pentahydrate; Maganous oxide; Zinc Oxide; D,L-Methionine; L-Lysine monohydrochloride; Magnesium carbonate; Sodium chloride; Mono-calcium phosphate và chất mang (Bột lõi ngô và bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Vitamin A $\geq 0,6$ MIU; Vitamin D3 $\geq 0,2$ MIU; Vitamin B1 $\geq 100,0$ mg; Vitamin B2 $\geq 200,0$ mg; Vitamin K3 $\geq 25,0$ mg; L-Carnitine $\geq 10.000,0$ mg; Vitamin E $\geq 75,0$ mg; Calcium panthothenate $\geq 500,0$ mg; Choline $\geq 25.000,0$ mg; DL-Methionine $\geq 10.000,0$ mg; Lysine $\geq 3.200,0$ mg; Magiê (Mg): 5.100,0 - 5.610,0 mg; Sắt (Fe): 420,0 - 462,0 mg; Mangan (Mn): 410,0 - 451,0 mg; Đồng (Cu): 125,0 - 138,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli ≤ 10 CFU/g; As $< 12,0$ ppm; Pb $< 200,0$ ppm; Cd $< 15,0$ ppm; Hg $< 0,2$ ppm.	Bổ sung Premix vitamin, khoáng và axit amin trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu xám nhạt.	Tecnologia & Vitaminas, S.L.	Spain	30/6/2021
1178	Premor VIT	249-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin (A, D3, E, B1, B2, B6, B12, D3, C, K3), Biotin, Folic acid, Calcium panthothenate, Nicotinic acid và chất mang (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Vitamin A $\geq 25,0$ MIU; Vitamin D3 $\geq 2,5$ MIU; Vitamin B1 $\geq 3.750,0$ mg; Vitamin B2 $\geq 10.000,0$ mg; Vitamin B6 $\geq 8.750,0$ mg; Vitamin B12 $\geq 25,0$ mg; Biotin $\geq 100,0$ mg; Nicotinic acid $\geq 62.500,0$ mg; Vitamin C $\geq 610.000,0$ mg; Calcium panthothenate $\geq 33.750,0$ mg; axit Folic $\geq 2.000,0$ mg; . - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli ≤ 10 CFU/g; As $< 12,0$ ppm; Pb $< 200,0$ ppm; Cd $< 15,0$ ppm; Hg $< 0,2$ ppm.	Bổ sung các vitamin trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	Tecnologia & Vitaminas, S.L.	Spain	30/6/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1179	Fitmin Cat Kitten	173-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gà sấy khô, gan gia cầm thủy phân, mỡ gia cầm, gạo, ngô, gan lợn, bột cá, trứng, củ cải đường, men bia sấy khô, nấm men sấy khô, bột Whey, hạt lanh, hương táo, dầu cá hồi, chất chống oxy hóa (BHA, BHT), chất bảo quản (axit fumaric, axit Sorbic, muối Calcium propionate), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein $\geq 34,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.676,0$ Kcal/kg; Xơ thô $\leq 4,2$ %; Canxi: 0,7 - 2,4 %; Phốtpho: 0,5 - 1,7 %; Lysine $\geq 0,83$ %; Methionine + Cystine $\geq 1,1$ %; Threonine $\geq 0,73$ %; Khoáng tổng số $\leq 9,0$ %; Béo $\geq 19,25$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp cho mèo con, mèo mang thai và mèo nuôi con.	Dạng hạt, màu nâu.	Dibaq A.S.	Czech Republic	30/6/2021
1180	Fitmin Cat Solution Hairball	174-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gà sấy khô, gan gia cầm thủy phân, gạo vỡ, mỡ gia cầm, ngô, củ cải đường, cám gạo, gan lợn, bột cá, trứng, men bia sấy khô, nấm men sấy khô, hạt lanh, hương táo, dầu cá hồi, chất chống oxy hóa (BHA, BHT), chất bảo quản (axit fumaric, axit Sorbic, muối Calcium propionate), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein $\geq 29,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.315,0$ Kcal/kg; Xơ thô $\leq 7,2$ %; Canxi: 0,7 - 2,4 %; Phốtpho: 0,5 - 1,7 %; Lysine $\geq 0,83$ %; Methionine + Cystine $\geq 1,1$ %; Threonine $\geq 0,73$ %; Khoáng tổng số $\leq 8,5$ %; Béo $\geq 16,63$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp cho mèo trưởng thành.	Dạng hạt, màu nâu.	Dibaq A.S.	Czech Republic	30/6/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1181	Fitmin Cat Adult Salmon	175-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gà sấy khô, gan gia cầm thủy phân, gạo vỡ, mỡ gia cầm, ngô, cá hồi, cá khô, củ cải đường, men bia sấy khô, trứng gà, nấm men sấy khô, hạt lanh, dầu cá hồi, chất chống oxy hóa (BHA, BHT), chất bảo quản (axit fumaric, axit Sorbic, muối Calcium propionate), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein $\geq 30,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.410,0$ Kcal/kg; Xơ thô $\leq 4,2$ %; Canxi: 0,7 - 2,4 %; Phốtpho: 0,5 - 1,7 %; Lysine $\geq 0,83$ %; Methionine + Cystine $\geq 1,1$ %; Threonine $\geq 0,73$ %; Khoáng tổng số $\leq 8,5$ %; Béo $\geq 17,5$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp cho mèo trưởng thành.	Dạng hạt, màu nâu.	Dibaq A.S.	Czech Republic	30/6/2021
1182	Axion Thermocontrol HC	245-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất từ hạt nho (Polyphenols) và chất mang (Calcium carbonate và Sodium bicarbonate). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 3,9$ %; Polyphenols $\geq 304,5$ meq gallic acid/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli ≤ 10 CFU/g; As $\leq 4,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Hg $\leq 0,2$ ppm.	Bổ sung chất chống oxy hóa trong thức ăn chăn nuôi cho lợn nái và lợn vỗ béo.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	CCPA.	France	30/6/2021
1183	Axion FeedStim	246-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Zinc sulfate heptahydrate, chiết xuất từ củ nghệ (Curcumin), chiết xuất từ hạt nho (Polyphenols) và chất mang (Calcium carbonate và bột mỳ). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 3,0$ %; Kẽm (Zn): 73,5 - 136,5 mg/kg; Curcumin $\geq 0,7$ mg/kg; Polyphenols $\geq 1.050,0$ meq gallic acid/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli ≤ 10 CFU/g; As $\leq 4,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Hg $\leq 0,2$ ppm.	Bổ sung dưỡng chất trong thức ăn chăn nuôi cho gà đẻ và thịt nhằm cải thiện năng suất vật nuôi.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	CCPA.	France	30/6/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1184	Axion Sow' AX	247-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin (C, E, B12), chiết xuất Selen từ tế bào nấm men (Saccharomyces cerevisiae),), chiết xuất từ hạt nho (Polyphenols) và chất mang (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 3,0$ %; Polyphenols $\geq 7.840,0$ meq gallic acid/kg; Vitamin E $\geq 6.300,0$ mg/kg; Vitamin C $\geq 10.500,0$ mg/kg; Vitamin B12 $\geq 46,7$ mg/kg; Selen (Se): 10,5 - 19,5 mg/kg; - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli ≤ 10 CFU/g; As $\leq 4,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Hg $\leq 0,2$ ppm.	Bổ sung dưỡng chất trong thức ăn chăn nuôi cho lợn nái mang thai và cho con bú.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	CCPA.	France	30/6/2021
1185	Redstim	156-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sodium chloride, Potassium chloride, Sodium bicarbonate và chất mang (Monohydrate dextrose). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Glucose $\geq 83,6$ %; Natri (Na): 30,0 - 35,0 g/kg; Kali (K): 23,0 - 29,0 g/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 4,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,2$ ppm; Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli ≤ 10 CFU/g.	Bổ sung năng lượng và chất điện giải trong thức ăn thức ăn chăn nuôi gia cầm.	Dạng bột, màu trắng hồng đến hồng nhạt.	Tecnofirm.	France	27/6/2021
1186	Fitmin Dog For Life Puppy All Breeds	165-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt (gà, lợn, bò, thịt gà sấy khô, gan lợn thủy phân), mỡ gia cầm, gạo, bột mỳ, cám mỳ, ngô, củ cải đường, men bia sấy khô, dầu cá hồi, chất chống oxy hóa (BHA, BHT), chất bảo quản (axit fumaric, axit Sorbic, muối Calcium propionate), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein $\geq 27,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.424,0$ Kcal/kg; Xơ thô $\leq 4,7$ %; Canxi: 0,6 - 2,5 %; Phốtpho: 0,5 - 1,6 %; Lysine $\geq 0,49$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,37$ %; Threonine $\geq 0,47$ %; Khoáng tổng số $\leq 9,4$ %; Béo $\geq 15,75$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp cho chó con, chó mang thai và chó nuôi con.	Dạng hạt, màu nâu.	Dibaq A.S.	Czech Republic	27/6/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1187	Fitmin Dog For Life Adult Large Breeds	166-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt (gà, lợn, bò, thịt gà sấy khô, gan lợn thủy phân), mỡ gia cầm, gạo, bột mỳ, cám mỳ, ngô, củ cải đường, men bia sấy khô, dầu cá hồi, chất chống oxy hóa (BHA, BHT), chất bảo quản (axit fumaric, axit Sorbic, muối Calcium propionate), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein $\geq 23,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.265,0$ Kcal/kg; Xơ thô $\leq 4,7$ %; Canxi: 0,6 - 2,5 %; Phốtpho: 0,5 - 1,6 %; Lysine $\geq 0,47$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,35$ %; Threonine $\geq 0,43$ %; Khoáng tổng số $\leq 9,0$ %; Béo $\geq 14,0$ %;. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp cho chó trưởng thành.	Dạng hạt, màu nâu.	Dibaq A.S.	Czech Republic	27/6/2021
1188	Fitmin Dog For Life Adult All Breeds	167-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt (gà, lợn, bò, thịt gà sấy khô, gan lợn thủy phân), gạo, bột mỳ, cám mỳ, củ cải đường, mỡ gia cầm, gạo, bột mỳ, cám mỳ, ngô, củ cải đường, men bia sấy khô, dầu cá hồi, chất chống oxy hóa (BHA, BHT), chất bảo quản (axit fumaric, axit Sorbic, muối Calcium propionate), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein $\geq 22,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.227,0$ Kcal/kg; Xơ thô $\leq 4,7$ %; Canxi: 0,6 - 2,5 %; Phốtpho: 0,5 - 1,6 %; Lysine $\geq 0,46$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,35$ %; Threonine $\geq 0,42$ %; Khoáng tổng số $\leq 9,0$ %; Béo $\geq 13,0$ %;. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp cho chó trưởng thành.	Dạng hạt, màu nâu.	Dibaq A.S.	Czech Republic	27/6/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1189	Fitmin Dog For Life Junior Large Breeds	168-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt (gà, lợn, bò, thịt gà sấy khô, gan lợn thủy phân), gạo, bột mỳ, cám mỳ, củ cải đường, mỡ gia cầm, gạo, bột mỳ, cám mỳ, ngô, củ cải đường, men bia sấy khô, dầu cá hồi, chất chống oxy hóa (BHA, BHT), chất bảo quản (axit fumaric, axit Sorbic, muối Calcium propionate), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein $\geq 25,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.306,0$ Kcal/kg; Xơ thô $\leq 4,7$ %; Canxi: 0,6 - 2,5 %; Phốtpho: 0,5 - 1,6 %; Lysine $\geq 0,48$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,36$ %; Threonine $\geq 0,43$ %; Khoáng tổng số $\leq 8,7$ %; Béo $\geq 14,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp cho chó con từ 5 đến 18 tháng tuổi.	Dạng hạt, màu nâu.	Dibaq A.S.	Czech Republic	27/6/2021
1190	Bio Peptide-S	150-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: 100 % Khô dầu đậu tương lên men. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein thô $\geq 50,0$ %; Xơ thô (CF) $\leq 5,5$ %; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 7,0$ %; Béo thô (Fat) $\leq 2,5$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli ≤ 10 CFU/g; Aflatoxin tổng số $\leq 10,0$ ppb.	Khô dầu đậu tương lên men, dùng làm nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Central Union Oil Corp.	Taiwan	27/6/2021
1191	Viva	151-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: 100 % Đậu xanh lên men bởi vi khuẩn Aspergillus oryzae. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 8,0$ %; Isovitexin $\geq 1.000,0$ ppm. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli ≤ 10 CFU/g; As $< 12,0$ ppm; Pb $< 50,0$ ppm; Cd $< 10,0$ ppm; Hg $< 0,5$ ppm.	Bổ sung chất chống oxy hóa trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	King's Ground Biotech Co, Ltd.	Taiwan	27/6/2021
1192	Technomos	218-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: 100 % Thành tế bào nấm men (Saccharomyces cerevisiae). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 6,0$ %; Beta glucan $\geq 20,0$ %; Mannan oligosaccharide $\geq 20,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli ≤ 10 CFU/g; As $\leq 0,1$ ppm; Pb $\leq 0,1$ ppm; Cd $\leq 0,05$ ppm; Hg $\leq 0,02$ ppm.	Bổ sung chiết xuất từ thành tế bào nấm men trong thức ăn chăn nuôi nhằm cải thiện đường tiêu hóa và tăng cường miễn dịch cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	Biochem Zusatzstoffe Handels und Produktionsgesellschaft mbH.	Germany	27/6/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1193	Quantum Blue 40P	181-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Enzyme Phytase (từ <i>Trichoderma reesei</i>), dầu thực vật, Sodium sulfate và chất mang (Bột lúa mỳ). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Phytase $> 40.000,0$ FTU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; As $< 3,0$ ppm; Pb $< 2,0$ ppm; Cd $< 0,5$ ppm; Hg $< 0,5$ ppm.	Bổ sung Phytase trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm	Dạng bột, nâu vàng nhạt hoặc màu be.	Roal Oy.	Finland	27/6/2021
1194	Quantum Blue 5L	182-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Enzyme Phytase (từ <i>Trichoderma reesei</i>), Sodium chloride, Sorbitol, chất bảo quản (Sodium benzoate) và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng: Tỷ trọng (kg/lít): 1,1 - 1,2; Phytase $> 5.000,0$ FTU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; As $< 3,0$ ppm; Pb $< 2,0$ ppm; Cd $< 0,5$ ppm; Hg $< 0,5$ ppm.	Bổ sung Phytase trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm	Dạng lỏng, nâu vàng nhạt hoặc màu be.	Roal Oy.	Finland	27/6/2021
1195	Vita-LM 14	253-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin (A, D3, E, B12, Niacin), Lysine, Methionine và chất mang (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0\%$; Vitamin A $\geq 30,0$ MIU/kg; Vitamin D3 $\geq 6,0$ MIU/kg; Vitamin E $\geq 30.000,0$ IU/kg; Vitamin B12 $\geq 12,0$ mg/kg; Niacin $\geq 35.000,0$ mg/kg; Lysine $\geq 50.000,0$ mg/kg; Methionine $\geq 50.000,0$ mg/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm.	Bổ sung các vitamin và axit amin trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm	Dạng bột, vàng nhạt.	American Pharma International.	India	30/6/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1196	Superzyme H ₂ O	254-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vi khuẩn có lợi (Lactobacillus acidophilus, Lactobacillus plantarum, Bacillus subtilis, Aspergillus oryzae), các Enzyme (Protease, Lipase) và chất mang (bột Talcum). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm ≤ 12,0 %; Lactobacillus acidophilus ≥ 1,0 × 10⁹ CFU/kg; Lactobacillus plantarum ≥ 1,0 × 10⁹ CFU/kg; Bacillus subtilis ≥ 1,0 × 10⁹ CFU/kg; Aspergillus oryzae ≥ 1,0 × 10⁹ CFU/kg; Protease ≥ 10.000,0 IU/kg; Lipase ≥ 8.000,0 IU/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; As ≤ 2,0 ppm; Pb ≤ 5,0 ppm; Cd ≤ 1,0 ppm; Hg ≤ 0,05 ppm.	Bổ sung các vi khuẩn và enzyme có lợi đường tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm	Dạng bột, vàng kem.	American Pharma International.	India	30/6/2021
1197	Superzyme	255-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vi khuẩn có lợi (Lactobacillus acidophilus, Lactobacillus lactis, Bacillus subtilis), các Enzyme (Protease, Lipase) và chất mang (bột Talcum). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm ≤ 12,0 %; Lactobacillus acidophilus ≥ 1,0 × 10⁸ CFU/kg; Lactobacillus lactis ≥ 1,0 × 10⁸ CFU/kg; Bacillus subtilis ≥ 1,0 × 10⁸ CFU/kg; Protease ≥ 8.000,0 IU/kg; Lipase ≥ 6.000,0 IU/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; As ≤ 2,0 ppm; Pb ≤ 5,0 ppm; Cd ≤ 1,0 ppm; Hg ≤ 0,05 ppm.	Bổ sung các vi khuẩn và enzyme có lợi đường tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm	Dạng bột, vàng kem.	American Pharma International.	India	30/6/2021
1198	Vita-505	256-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin (A, D3, E, K3, B1; B2; B12; Niacin; Calcium Pantothenate; Folic acid), Choline và chất mang (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm ≤ 12,0 %; Vitamin A ≥ 72,0 MIU/kg; Vitamin D3 ≥ 10,8 MIU/kg; Vitamin E ≥ 15.000,0 IU/kg; Vitamin K3 ≥ 5.000,0 mg/kg; Vitamin B1 ≥ 2.000,0 mg/kg; Vitamin B2 ≥ 15.000,0 mg/kg; Vitamin B12 ≥ 30,0 mg/kg; Niacin ≥ 30.000,0 mg/kg; Calcium Pantothenate ≥ 23.000,0 mg/kg; Axit Folic ≥ 2.000,0 mg/kg; Choline ≥ 100.000,0 mg/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; As ≤ 2,0 ppm; Pb ≤ 5,0 ppm; Cd ≤ 1,0 ppm; Hg ≤ 0,05 ppm.	Bổ sung các vitamin trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm	Dạng bột, vàng nhạt.	American Pharma International.	India	30/6/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1199	Vita-ADE	257-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin (A, D3, E) và chất mang (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0\%$; Vitamin A $\geq 25,0$ MIU/kg; Vitamin D3 $\geq 2,0$ MIU/kg; Vitamin E $\geq 12.000,0$ IU/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm.	Bổ sung các vitamin trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm	Dạng bột, vàng nhạt.	American Pharma International.	India	30/6/2021
1200	Lumigard TC 500	152-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất tinh dầu (Carvacrol) từ Oregano (cây kinh giới) và chất mang (sepiolite). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0\%$; Carvacrol $\geq 18.000,0$ mg/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; As $\leq 60,0$ ppm; Pb $\leq 200,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung chiết xuất tinh dầu từ cây kinh giới trong thức ăn chăn nuôi nhằm cải thiện đường tiêu hóa của vật nuôi	Dạng bột, màu trắng ngà.	Mixscience.	France	27/6/2021
1201	Performix piglet 0,25%	153-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin (A, B1, B2, B12, D3, E, K3, Nicotinic acid, Calcium D-Pantothenate), Ferrous sulphate, Calcium iodate, Cupric sulphate, Manganous oxide, Zinc oxide, Sodium selenite và chất mang (Bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 9,7\%$; Vitamin A $\geq 4,32$ MUI/kg; Vitamin B1 $\geq 258,0$ mg/kg; Vitamin B2 $\geq 1.800,0$ mg/kg; Vitamin B12 $\geq 8,0$ mg/kg; Vitamin D3 $\geq 700.000,0$ UI/kg; Vitamin E $\geq 16.000,0$ UI/kg; Vitamin K3 $\geq 700,0$ mg/kg; Axit Nicotinic $\geq 7.200,0$ mg/kg; Calcium D-Pantothenate $\geq 3.600,0$ mg/kg; Sắt (Fe): 43.200,0 - 52.800,0 mg/kg; Iốt (I): 209,9 - 314,9 mg/kg; Đồng (Cu): 54.000,0 - 66.000,0 mg/kg; Mangan (Mn): 18.000,0 - 22.000,0 mg/kg; Kẽm (Zn): 43.200,0 - 52.800,0 mg/kg; Selen (Se): 96,0 - 144,0 mg/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; As $\leq 60,0$ ppm; Pb $\leq 200,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung premix khoáng và vitamin trong thức ăn cho lợn con	Dạng bột, màu be đậm đến nâu.	Mixscience.	France	27/6/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1202	Performix Sow 0,25%	154-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin (A, B1, B2, B6, B12, D3, E, K3, Nicotinic acid, Calcium D-Pantothenate), axit Folic, Biotin, Ferrous sulphate, Calcium iodate, Cupric sulphate, Manganous oxide, Zinc oxide, Sodium selenite và chất mang (Bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 1,2\%$; Vitamin A $\geq 4,32$ MUI/kg; Vitamin B1 $\geq 320,0$ mg/kg; Vitamin B2 $\geq 1.440,0$ mg/kg; Vitamin B6 $\geq 160,0$ mg/kg; Vitamin B12 $\geq 6,4$ mg/kg; Vitamin D3 $\geq 700.000,0$ UI/kg; Vitamin E $\geq 25.600,0$ UI/kg; Vitamin K3 $\geq 320,0$ mg/kg; Axit Nicotinic $\geq 9.000,0$ mg/kg; Calcium D-Pantothenate $\geq 5.400,0$ mg/kg; Axit Folic $\geq 1.800,0$ mg/kg; Biotin $\geq 96,0$ mg/kg; Sắt (Fe): 28.823,0 - 35.228,0 mg/kg; Iốt (I): 160,0 - 240,0 mg/kg; Đồng (Cu): 3.600,0 - 4.400,0 mg/kg; Mangan (Mn): 18.000,0 - 22.000,0 mg/kg; Kẽm (Zn): 36.000,0 - 44.000,0 mg/kg; Selen (Se): 96,0 - 144,0 mg/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; As $\leq 60,0$ ppm; Pb $\leq 200,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung premix khoáng và vitamin trong thức ăn cho lợn sinh sản	Dạng bột, màu be đậm đến nâu.	Mixscience.	France	27/6/2021
1203	Performix Fattener 0,25%	155-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin (A, B1, B2, B12, D3, E, K3, Nicotinic acid, Calcium D-Pantothenate), Ferrous sulphate, Calcium iodate, Cupric sulphate, Manganous oxide, Zinc oxide, Sodium selenite và chất mang (Bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 1,3\%$; Vitamin A $\geq 2,16$ MUI/kg; Vitamin B1 $\geq 160,0$ mg/kg; Vitamin B2 $\geq 700,0$ mg/kg; Vitamin B12 $\geq 3,2$ mg/kg; Vitamin D3 $\geq 300.000,0$ UI/kg; Vitamin E $\geq 3.200,0$ UI/kg; Vitamin K3 $\geq 160,0$ mg/kg; Axit Nicotinic $\geq 1.800,0$ mg/kg; Calcium D-Pantothenate $\geq 1.800,0$ mg/kg; Sắt (Fe): 27.000,0 - 33.000,0 mg/kg; Iốt (I): 96,0 - 144,0 mg/kg; Đồng (Cu): 5.400,0 - 6.600,0 mg/kg; Mangan (Mn): 14.400,0 - 17.600,0 mg/kg; Kẽm (Zn): 30.616,0 - 37.420,0 mg/kg; Selen (Se): 96,0 - 144,0 mg/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; As $\leq 60,0$ ppm; Pb $\leq 200,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung premix khoáng và vitamin trong thức ăn cho lợn vỗ béo	Dạng bột, màu be đến nâu nhạt.	Mixscience.	France	27/6/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1204	Delta Acidoline XT	163-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin B1, Magnesium oxide và chất mang (Bột đá, nấm men bất hoạt, Sodium Chloride). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 1,6\%$; Vitamin B1 $\geq 560,0$ mg/kg; Magiê (Mg): 44.520,0 - 82.680,0 mg/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli ≤ 10 CFU/g; As $\leq 4,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Hg $\leq 0,2$ ppm.	Bổ sung khoáng Magiê trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc nhai lại nhằm ổn định môi trường dạ cỏ.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	CCPA.	France	27/6/2021
1205	Activo Liquid	162-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất tinh dầu thực vật (Cinnamon) từ quế (Cinnamomum sp), Pectin, axit Citric, Sodium chloride và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng: Sodium chloride $\geq 1.000,0$ mg/kg; Axit Citric $\geq 150.000,0$ mg/kg; Cinnamon $\geq 3.000,0$ mg/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli ≤ 10 CFU/g; As $\leq 4,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung axit hữu cơ và tinh dầu thực vật trong thức ăn chăn nuôi nhằm cải thiện đường tiêu hóa của vật nuôi	Dạng lỏng, màu be.	Agrochemica GmbH.	Germany	27/6/2021
1206	AVI VIT 100 Maxi Min Forte	214-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit Ascorbic (Vitamin C), Cholecalciferol (Vitamin D3), Menadione (Vitamin K), Pyridoxine HCl (Vitamin B6), axit Nicotinic (Vitamin B), Sorbitol và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 lít): Axit Ascorbic (Vitamin C) $\geq 90.000,0$ mg; Cholecalciferol (Vitamin D3) $\geq 1,35$ MIU; Menadione (Vitamin K) $\geq 9.900,0$ mg; Pyridoxine HCl (Vitamin B6) $\geq 2.790,0$ mg; axit Nicotinic (Vitamin B) $\geq 29.700,0$ mg; Sorbitol $\geq 9,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; As $< 4,0$ ppm; Pb $< 10,0$ ppm; Cd $< 1,0$ ppm; Hg $< 0,1$ ppm.	Bổ sung các vitamin trong thức ăn chăn nuôi cho gà thịt, gà mái thương phẩm và gà hậu bị	Dạng lỏng, màu vàng nhạt.	Inform Nutrition Ireland Ltd.	Ireland	27/6/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1207	AVI VIT 200 Hepatobooster	215-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit Ascorbic (Vitamin C), Biotin, Thiamine (Vitamin B1), Riboflavin (Vitamin B2), Pyridoxine HCl (Vitamin B6), Cyanocobalmin (Vitamin B12), Menadione (Vitamin K), Inositol, Carnitine, Methionine Hydroxy Analogue (MHA), Sorbitol, chất tạo mùi (Rosemary) và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 lít): Axit Ascorbic (Vitamin C) $\geq 12.000,0$ mg; Biotin $\geq 80,0$ mg; Thiamine (Vitamin B1) $\geq 80,0$ mg; Riboflavin (Vitamin B2) $\geq 40,0$ mg; Pyridoxine HCl (Vitamin B6) $\geq 80,0$ mg; Cyanocobalmin (Vitamin B12) $\geq 160,0$ mcg; Menadione (Vitamin K) $\geq 1.600,0$ mg; Inositol $\geq 4.000,0$ mg; Carnitine $\geq 4.000,0$ mg; Methionine Hydroxy Analogue (MHA) $\geq 8.000,0$ mg; Sorbitol $\geq 24,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; As $< 4,0$ ppm; Pb $< 10,0$ ppm; Cd $< 0,5$ ppm; Hg $< 0,1$ ppm.	Bổ sung các vitamin trong nước uống cho gà đẻ, gà hậu bị và gà thịt	Dạng lỏng, màu vàng nhạt.	Inform Nutrition Ireland Ltd.	Ireland	27/6/2021
1208	Start Aid Electrolyte for piglets	216-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit Ascorbic (Vitamin C), Thiamine (Vitamin B1), Riboflavin (Vitamin B2), Pyridoxine HCl (Vitamin B6), axit Pantothenic (Vitamin B5), Alpha-tocopherol (Vitamin E), Threonine, Sodium chloride, Potassium Chloride, Mono potassium Phosphate, Axit Citric, Enterococcus faecium, Sodium Citrate và chất mang (glucose). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Axit Ascorbic (Vitamin C) $\geq 9.600,0$ mg; Thiamine (Vitamin B1) $\geq 600,0$ mg; Riboflavin (Vitamin B2) $\geq 880,0$ mg; Pyridoxine HCl (Vitamin B6) $\geq 320,0$ mg; axit Pantothenic (Vitamin B5) $\geq 1.200,0$ mg; Alpha-tocopherol (Vitamin E) $\geq 16.000,0$ mg; Threonine $\geq 26.400,0$ mg; Natri (Na): 2,0 - 4,5 %, Kali (K): 1,0 - 2,5 %; Axit Citric $\geq 36.000,0$ mg; Enterococcus faecium $\geq 2,0 \times 10^{10}$ CFU. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; As $< 4,0$ ppm; Pb $< 10,0$ ppm; Cd $< 0,5$ ppm; Hg $< 0,1$ ppm.	Bổ sung các chất điện giải, vitamin và vi sinh vật có lợi trong thức ăn cho lợn con	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Inform Nutrition Ireland Ltd.	Ireland	27/6/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1209	Farrow Max	217-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin A, Vitamin D3, Alpha-tocopherol (Vitamin E), Riboflavin (Vitamin B2), Pyridoxine HCl (Vitamin B6), axit Nicotinic (Vitamin B), Cyanocobalmin (Vitamin B12), Calcium D pantothenate (Vitamin B5), Thiamin Hydrochloride (Vitamin B1), Biotin, axit Folic, Choline Chloride và chất mang (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Vitamin A $\geq 256.000,0$ IU; Vitamin D3 $\geq 25.600,0$ IU; Alpha-tocopherol (Vitamin E) $\geq 1.280,0$ mg; Riboflavin (Vitamin B2) $\geq 41,0$ mg; Pyridoxine HCl (Vitamin B6) $\geq 28,0$ mg; axit Nicotinic (Vitamin B) $\geq 6.400,0$ mg; Cyanocobalmin (Vitamin B12) $\geq 320,0$ mcg; Calcium D pantothenate (Vitamin B5) $\geq 320,0$ mg; Thiamin Hydrochloride (Vitamin B1) $\geq 38,0$ mg; Biotin $\geq 3.840,0$ mcg; axit Folic $\geq 25,0$ mg; Choline $\geq 3.200,0$ mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; As $< 4,0$ ppm; Pb $< 10,0$ ppm; Cd $< 1,0$ ppm; Hg $< 0,1$ ppm.	Bổ sung các vitamin trong thức ăn cho lợn nái	Dạng bột, màu xám.	Inform Nutrition Ireland Ltd.	Ireland	27/6/2021
1210	MiaClost	208-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Enterococcus faecium (DSMZ 7134/4b1841), Bacillus subtilis PB6 (ATCC-PTA 6737), Vitamin C và chất mang (Bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 25,0$ %; Enterococcus faecium $\geq 1,1 \times 10^{12}$ CFU/kg; Bacillus subtilis $\geq 3,7 \times 10^{11}$ CFU/kg; Vitamin C $\geq 75.000,0$ mg/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli ≤ 3 MPN/g; As $\leq 4,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung vitamin và vi sinh vật có lợi đường tiêu hóa trong thức ăn cho gà vỗ béo.	Dạng bột, màu trắng.	Miavit GmbH.	Germany	30/6/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1211	MiaKick	209-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vi khuẩn Bacillus (Bacillus subtilis (DSM 5750), Bacillus licheniformis (DSM 5749)), các Vitamin (A, E, Nicotinic acid), bột trứng gà và chất mang (dầu dừa và dầu đậu nành). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 01 lít): Tổng số vi khuẩn Bacillus $\geq 3,0 \times 10^{10}$ CFU; Vitamin A $\geq 561.000,0$ IU; Vitamin E $\geq 3.185,0$ mg; Axit Nicotinic $\geq 935,0$ mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli ≤ 3 MPN/g; As $\leq 4,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung vitamin và vi sinh vật có lợi đường tiêu hóa trong thức ăn cho lợn con.	Dạng sệt, màu vàng nhạt đến nâu nhạt.	Miavit GmbH.	Germany	30/6/2021
1212	Sucram 200, code 6830	179-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sodium saccharin, Ribotide (Disodium 5'-Inosinate + Disodium 5' - Guanylate), Ammonium Glycyrhizinate, Maltodextrine, Maltol . - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 5,0$; Sodium saccharin (C₇H₄NNaO₃S*2H₂O) $\geq 97,8$ %; Ribotide $\geq 0,6$ %; Ammonium Glycyrhizinate $\geq 0,2$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli ≤ 10 CFU/g; As $< 1,0$ ppm; Pb $< 10,0$ ppm; Cd $< 1,0$ ppm; Hg $< 0,1$ ppm.	Bổ sung chất tạo ngọt trong thức ăn chăn nuôi cho lợn con	Dạng bột, màu hơi trắng đến hồng.	Pancosma S.A.	Switzerland	27/6/2021
1213	Vitasan 40/3720 Z	210-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp chất tạo mùi (5-Isopropyl-2-methylphenol) và chất mang (dầu hướng dương). - Chỉ tiêu chất lượng: 5-Isopropyl-2-methylphenol $\geq 32,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli ≤ 10 CFU/g; As $< 2,0$ ppm; Pb $< 10,0$ ppm; Cd $< 1,0$ ppm; Hg $< 0,1$ ppm.	Bổ sung chất tạo mùi tổng hợp trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng dung dịch, màu vàng đến vàng nhạt.	Lucta, S.A.	Spain	27/6/2021
1214	Hacienda 66/3719Z	211-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp chất tạo mùi (3-phenyl-2-propenal) và chất mang (dầu hướng dương). - Chỉ tiêu chất lượng: 3-phenyl-2-propenal $\geq 53,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli ≤ 10 CFU/g; As $< 2,0$ ppm; Pb $< 10,0$ ppm; Cd $< 1,0$ ppm; Hg $< 0,1$ ppm.	Bổ sung chất tạo mùi tổng hợp trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng dung dịch, màu vàng đến vàng nhạt.	Lucta, S.A.	Spain	27/6/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1215	Ferrobay	176-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ferros chelated methionine (CH₃SCH₂CH₂CH(NH₂)COOFeHSO₄.nH₂O). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm < 18,0 %; Methionine > 2,0 %; Sắt (Fe): 19,0 - 24,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli ≤ 10 CFU/g; As < 12,0 ppm; Pb < 50,0 ppm; Cd < 10,0 ppm; Hg < 0,5 ppm.	Bổ sung khoáng Sắt (Fe) hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu nhạt đến nâu đậm.	More Standing Enterprise Co, Ltd.	Taiwan	27/6/2021
1216	Comwell Pig Breeder	177-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ferros proteinate, Zinc proteinate, Managnese proteinate, Copper proteinate, Cobalt proteinate, Seleno methionine premix, chất chống kết dính (Silica) và chất mang (khô dầu đậu tương). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm < 12,0 %; Sắt (Fe): 8,0 - 12,0%; Kẽm (Zn): 4,5 - 7,5 %; Mangan (Mn): 2,25 - 3,75 %; Đồng (Cu): 1,0 - 3,0 %; Coban (Co): 0,05 - 0,15 %; Selen (Se): 0,005 - 0,015 %; Protein thô (CP) ≥ 9,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli ≤ 10 CFU/g; As < 12,0 ppm; Pb < 50,0 ppm; Cd < 10,0 ppm; Hg < 0,5 ppm.	Bổ sung các khoáng hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	More Standing Enterprise Co, Ltd.	Taiwan	27/6/2021
1217	Zineboy	178-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Zinc chelated methionine (CH₃SCH₂CH₂CH(NH₂)COOZnHSO₄*nH₂O). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm < 12,0 %; Methionine > 3,0 %; Kẽm (Zn): 24,0 - 31,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli ≤ 10 CFU/g; As < 12,0 ppm; Pb < 50,0 ppm; Cd < 10,0 ppm; Hg < 0,5 ppm.	Bổ sung khoáng Kẽm (Zn) hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng nhạt.	More Standing Enterprise Co, Ltd.	Taiwan	27/6/2021
1218	Acti'z Antiox 1000L	250-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sodium selenite, axit Citric, Sodium bicarbonate, chất chống kết dính (Calcium stearate), chất tạo mùi (chiết xuất từ cây bạch quả (Gingo biloba)) và chất mang (lactose). - Chỉ tiêu chất lượng: Selen (Se): 936,0 - 1.404,0 mg/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli ≤ 10 CFU/g; As < 4,0 ppm; Pb < 10,0 ppm; Cd < 0,5 ppm; Hg < 0,1 ppm.	Bổ sung khoáng Selen (Se) vô cơ trong nước cho gia súc, gia cầm trong giai đoạn stress.	Dạng viên, màu da cam.	Synergie Prod., France (Sản xuất cho Qalian, France)	France	30/6/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1219	Acti'z Hydra 1000L	251-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sodium chloride, Potassium citrate, axit Citric, Sodium bicarbonate, Magnesium stearate và chất mang (lactose) - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 01 kg): Natri (Na): 104.000,0 - 156.000,0 mg; Kali (K): 34.400,0 - 51.600,0 mg; Clo (Cl): 80.000,0 - 120.000,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli $\leq$ 10 CFU/g; As < 4,0 ppm; Pb < 10,0 ppm; <u>Cd < 0,5 ppm; Hg < 0,1 ppm.</u>	Bổ sung các chất điện giải trong nước cho gia súc, gia cầm.	Dạng viên, màu trắng.	Synergie Prod., France (Sản xuất cho Qaliam, France)	France	30/6/2021
1220	Acti'z Oligo 1000L	252-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Zinc chelate of glycine hydrate, Manganese chelate of glycine hydrate, Cupric sulphate pentahydrate, axit Citric, Sodium bicarbonate, chất chống kết dính (Calcium stearate) và chất mang (lactose). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 01 kg): Kẽm (Zn): 47.052,0 - 70.578,0 mg; Đồng (Cu): 30.956,0 - 46.434,0 mg; Mangan (Mn): 22.584,0 - 33.876,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli $\leq$ 10 CFU/g; As < 4,0 ppm; Pb < 10,0 ppm; <u>Cd < 0,5 ppm; Hg < 0,1 ppm.</u>	Bổ sung các khoáng hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi cho gia, súc gia cầm.	Dạng viên, màu xanh da trời.	Synergie Prod., France (Sản xuất cho Qaliam, France)	France	30/6/2021
1221	Astaxanthin 10% (Essention Pink) Toc. Stab	276-7/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Astaxanthin, Gelatin, tinh bột ngô, sucrose. - Chỉ tiêu chất lượng: Astaxanthin $\geq$ 10,0 %; độ ẩm $\leq$ 6,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli < 10 CFU/g; Salmonella không có trong 25g; Pb $\leq$ 2,0 mg/kg; As $\leq$ 2,0 mg/kg; <u>Hg < 0,1 mg/kg; Cd < 1,0 mg/kg.</u>	Bổ sung chất tạo màu Astaxanthin trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng vi bọc, màu nâu tím đến đỏ tím.	Zhejiang NVB Company Ltd.	China	12/7/2021
1222	Canthaxanthin 10% (Essention Red)	277-7/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Canthaxanthin, Gelatin, tinh bột ngô, sucrose. - Chỉ tiêu chất lượng: Cathanxanthin $\geq$ 10,0 %; độ ẩm $\leq$ 8,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli < 10 CFU/g; Salmonella không có trong 25g; Pb $\leq$ 2,0 mg/kg; As $\leq$ 2,0 mg/kg; <u>Hg < 0,1 mg/kg; Cd < 1,0 mg/kg.</u>	Bổ sung chất tạo màu (Canthaxanthin) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng vi bọc, màu nâu tím đến đỏ tím.	Zhejiang NVB Company Ltd.	China	12/7/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1223	Vitamin AD ₃ E emulsion	278-7/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin A Palmitate, vitamin D ₃ , vitamin E Acetate, chất nhũ hóa (Tween 80), Glycerin, nước, chất chống oxy hóa (vitamin C). - Chỉ tiêu chất lượng: Vitamin A ≥ 100.000,0 IU/ml; vitamin D ₃ ≥ 40.000,0 IU/ml, vitamin E ≥ 40,0 mg/ml. - Chỉ tiêu vệ sinh: E .coli < 10 CFU/ml; Salmonella không có trong 25 ml; Pb ≤ 2,0 mg/kg; As ≤ 2,0 mg/kg.	Bổ sung các vitamin (A, D ₃ , E) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu vàng đến vàng nâu.	Zhejiang NVB Company Ltd.	China	12/7/2021
1224	Xanthophyll 2% (Essention Yellow 2%)	279-7/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Lutein (chứa Xanthophyll), bột đá, chất chống vón (Silicon dioxide). - Chỉ tiêu chất lượng: Xanthophyll ≥ 2,0 %; độ ẩm ≤ 15,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 2,0 mg/kg; As ≤ 2,0 mg/kg.	Bổ sung chất tạo màu (Xanthophyll) trong thức ăn chăn nuôi gia cầm.	Dạng bột, màu vàng.	Zhejiang NVB Company Ltd.	China	12/7/2021
1225	Xanthophyll 4% (Essention Yellow 4%)	280-7/16-CN	-Thành phần nguyên liệu: Lutein (chứa Xanthophyll), bột đá, chất chống vón (Silicon dioxide). - Chỉ tiêu chất lượng: Xanthophyll ≥ 4,0 %; độ ẩm ≤ 15,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 2,0 mg/kg; As ≤ 2,0 mg/kg.	Bổ sung chất tạo màu (Xanthophyll) trong thức ăn chăn nuôi gia cầm.	Dạng bột, màu vàng.	Zhejiang NVB Company Ltd.	China	12/7/2021
1226	EnrichTide	202-6/16-CN	Thành phần nguyên liệu: Peptone nấm men, chất mang (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm < 2,0 %; Protein > 1,2%. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25g, E.coli < 10 CFU/g; Pb < 10,0 ppm; As < 3,0 ppm; Cd < 0,5 ppm; Hg < 0,1 ppm.	Bổ sung peptone nấm men trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu xám nhạt.	Enriching Innovation Biotech Co, Ltd.	Taiwan	27/6/2021
1227	Natural Core Eco3a Sensi-Care Lamb	141-6/16-CN	Thành phần nguyên liệu: Thịt cừu, lúa mạch, khoai lang, gạo nâu, mỡ gà, khô dầu hạt hướng dương, hạt lanh, cà rốt, Oligosaccharide, Lactobacillus, sản phẩm từ thực vật khác, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm ≤ 12,0 %; Protein thô ≥ 23,0 %; Năng lượng trao đổi ≥ 4.300,0 Kcal/kg; Xơ thô ≤ 6,0 %; Khoáng tổng số ≤ 8,0 %; Lysine ≥ 0,63 %; Methionine + Cystine ≥ 0,43 %; Threonine ≥ 0,48 %; Canxi: 0,9 - 2,5 %; Photpho: 0,4 - 1,2 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli < 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; As ≤ 2,0 ppm; Pb ≤ 10,0 ppm; Cd ≤ 2,0 ppm; Hg ≤ 0,4 ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó.	Dạng viên hình tam giác, màu nâu.	EreBon Co., Ltd.	Korea	27/6/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1228	Natural Core Eco6 Sensitive Solution Salmon	142-6/16 -CN	- Thành phần nguyên liệu: Cá hồi, thịt vịt, lúa mạch, khoai lang, gạo nâu, mỡ gà, khô dầu hạt hướng dương, hạt lanh, yến mạch, Oligosaccharide, một số sản phẩm thực vật khác, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0$ %; Protein thô $\geq 23,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 4.400,0$ Kcal/kg; Xơ thô $\leq 6,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 8,0$ %; Lysine $\geq 0,63$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,43$ %; Threonine $\geq 0,48$ %; Canxi: 1,0 - 2,5 %; Phốtpho: 0,5 - 1,2 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli < 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó.	Dạng viên hình tam giác, màu nâu.	EreBon Co., Ltd.	Korea	27/6/2021
1229	Natural Core Eco7 Sensitive Solution Lamb	143-6/16 -CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt cừu, lúa mạch, khoai lang, gạo nâu, mỡ gà, khô dầu hạt hướng dương, hạt lanh, yến mạch, Oligosaccharide, Lactobacillus, sản phẩm từ thực vật khác, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein $\geq 22,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 4.400,0$ Kcal/kg; Chất béo $\geq 10,0$ %; Xơ $\leq 6,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 8,0$ %; Lysine $\geq 0,63$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,43$ %; Threonine $\geq 0,48$ %; Canxi: 1,0 - 2,5 %; Phốtpho: 0,5 - 1,2 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli < 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó.	Dạng viên hình tam giác, màu nâu.	EreBon Co., Ltd.	Korea	27/6/2021
1230	Natural Core Eco8 MP No-Grain	144-6/16 -CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gà, cá hồi, thịt cừu, khoai lang, mỡ gà, dầu cá hồi, bột củ cải đường, quả hắc mai biển, bột nhân sâm, Oligosaccharide, Lactobacillus, sản phẩm từ thực vật khác, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0$ %; Protein thô $\geq 26,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.710,0$ Kcal/kg; Xơ thô $\leq 8,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 10,0$ %; Lysine $\geq 0,63$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,43$ %; Threonine $\geq 0,48$ %; Canxi: 0,9 - 2,5 %; Phốtpho: 0,4 - 1,2 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli < 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó.	Dạng viên hình tam giác, màu nâu.	EreBon Co., Ltd.	Korea	27/6/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1231	Natural Core Eco10 Vegetarian Dog	145-6/16 -CN	- Thành phần nguyên liệu: Đậu nành, bắp, khoai lang, lúa mạch, gạo nâu, khô dầu hạt hướng dương, hạt lanh, lúa mì, bột nhân sâm, Oligosaccharide, Lactobacillus, sản phẩm từ thực vật khác, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein thô $\geq 22,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 4.100,0$ Kcal/kg; Xơ thô $\leq 6,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 8,0$ %; Lysine $\geq 0,63$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,43$ %; Threonine $\geq 0,48$ %; Canxi: 1,0 - 2,5 %; Phốtpho: 0,5 - 1,2 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli < 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó.	Dạng viên hình tam giác, màu nâu.	EreBon Co., Ltd.	Korea	27/6/2021
1232	Natural Core Eco11 Performance	146-6/16 -CN	-Thành phần nguyên liệu: Thịt gà, khoai lang, khô dầu hạt hướng dương, mỡ gà, cá hồi, hạt lanh, thịt cừu, thịt vịt, bột nhân sâm, Oligosaccharide, Lactobacillus, sản phẩm từ thực vật khác, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0$ %; Protein thô $\geq 26,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 4.500,0$ Kcal/kg; Xơ thô $\leq 8,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 10,0$ %; Lysine $\geq 0,63$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,43$ %; Threonine $\geq 0,48$ %; Canxi: 0,9 - 2,5 %; Phốtpho: 0,4 -1,2 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli < 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó.	Dạng viên hình tam giác, màu nâu.	EreBon Co., Ltd.	Korea	27/6/2021
1233	Natural Core Slim-Down No-Grain CAT	147-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gà, khoai lang, khô dầu hạt hướng dương, mỡ gà, cá hồi, hạt lanh, bột nhân sâm, dầu cá hồi, Oligosaccharide, Lactobacillus, sản phẩm từ thực vật khác, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein thô $\geq 30,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 4.300,0$ Kcal/kg; Xơ thô $\leq 10,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 8,0$ %; Lysine $\geq 0,83$ %; Methionine + Cystine $\geq 1,1$ %; Threonine $\geq 0,73$ %; Canxi: 0,7 - 2,5 %; Phốtpho: 0,5 - 0,9 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli < 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh giảm cân cho mèo.	Dạng viên hình tròn, màu nâu.	EreBon Co., Ltd.	Korea	27/6/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1234	Innomax Porcine Plasma	196-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bột huyết tương lợn sấy khô. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 9,0\%$; Protein thô $\geq 78,0\%$; Béo thô $\geq 1,5\%$; Khoáng tổng số $\leq 11,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: Không phát hiện trong 25g; E. coli < 10 cfu/g.	Bổ sung protein trong thức ăn gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng nâu nhạt.	Sonac USA, LLC.	USA	30/6/2021
1235	Glycozyme	183-6/16 -CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vi sinh vật có lợi (Bacillus subtilis, Lactobacillus plantarum, Saccharomyces cerevisiae), chất mang (cám gạo, cám mì). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Bacillus subtilis $\geq 1,0 \times 10^6$ CFU/g; Lactobacillus plantarum $\geq 1,0 \times 10^6$ CFU/g; Sacchromyces cerevisiae $\geq 1,0 \times 10^6$ CFU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli không phát hiện trong 1,0 g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Cd $\leq 0,5$ mg/kg; As $\leq 2,0$ mg/kg; Pb $\leq 1,0$ mg/kg; Hg $\leq 0,1$ mg/kg.	Bổ sung các vi sinh vật có lợi trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng nâu.	Jeju JMS company, Korea. (Công ty xuất khẩu: Maxcell Global Co., Ltd, Korea)	Korea	30/6/2021
1236	Heat stable phytase 10000	197-6/16 -CN	- Thành phần nguyên liệu: Phytase, chất mang (tinh bột). - Chỉ tiêu chất lượng: Phytase ≥ 10.000 U/g; Độ ẩm $\leq 8,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli $< 3,0$ MPN/g; Salmonella: không phát hiện trong 25,0 g; As $\leq 5,0$ mg/kg; Pb $\leq 10,0$ mg/kg; Cd $\leq 0,5$ mg/kg.	Bổ sung enzyme Phytase trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng hạt, màu trắng hoặc vàng nhạt.	Nanchang lifeng Industry and Trading Co., Ltd.	China	30/6/2021
1237	eXolution	191-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bacillus subtilis, chất mang (Protein đậu nành lên men, ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12\%$; Bacillus subtilis $\geq 1,0 \times 10^9$ CFU/kg; - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; As $\leq 2,0$ mg/kg; Pb $\leq 10,0$ mg/kg; Hg $\leq 0,1$ mg/kg; Cd $\leq 2,0$ mg/kg.	Bổ sung vi khuẩn có lợi Bacillus subtilis trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng hoặc vàng nhạt.	CTCBIO Inc.	Korea	30/6/2021
1238	Pig fattener Min PMX	148-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Đồng sulphate pentahydrate, Sắt sulphate monohydrate, Kẽm oxit, Mangan oxit, Sodium selenite, Calcium iodate, chất mang (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Đồng (Cu): 9,2 - 10,8 g; Sắt (Fe): 73,6 - 86,4 g; Kẽm (Zn): 119,6 - 140,4 g; Mangan (Mn): 46,0 - 54,0 g; Selen (Se): 0,27 - 0,33 g; Iốt (I): 0,9 - 1,1 g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Cd $\leq 0,5$ mg/kg; As $\leq 2,0$ mg/kg; Pb $\leq 5,0$ mg/kg; Hg $\leq 0,05$ mg/kg.	Bổ sung premix khoáng vô cơ trong thức ăn chăn nuôi lợn giai đoạn vỗ béo.	Dạng hạt mịn, màu xám nhạt đến xám đen.	Jaco Nutrimix Sdn, Bhd.	Malaysia	30/6/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1239	Sow Min	149-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Đồng sulphate pentahydrate, Sắt sulphate monohydrate, Kẽm oxit, Mangan oxit, Sodium selenite, Calcium iodate, chất mang (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Đồng (Cu): 6,9 - 8,1 g; Sắt (Fe): 34,5 - 40,5 g; Kẽm (Zn): 59,8 - 70,2 g; Mangan (Mn) 50,6 - 59,4 g; Selen (Se) 0,14 - 0,17 g; Iốt (I): 0,45 - 0,55 g. - Chỉ tiêu vệ sinh: As ≤ 2,0 mg/kg; Pb ≤ 5,0 mg/kg; Cd < 0,5 mg/kg; Hg < 0,05 mg/kg.	Bổ sung premix khoáng vô cơ trong thức ăn chăn nuôi lợn nái.	Dạng hạt mịn, màu xám nhạt đến xám đen.	Jaco Nutrimix Sdn, Bhd.	Malaysia	30/6/2021
1240	Ecotide	460-12/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vi khuẩn Bacillus Subtilis, Silicon Dioxide, tinh bột ngô. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm ≤ 9%; Bacillus Subtilis ≥ 0,5 x 10⁸ cfu/g. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli: không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Cd ≤ 1,0 mg/kg; As < 2,0 mg/kg; Pb < 5,0 mg/kg.	Bổ sung vi khuẩn có lợi trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng.	Sichuan Rota Bioengineering Co, Ltd.	China	29/12/2021
1241	Inositol	186-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Inositol. - Chỉ tiêu chất lượng: Inositol ≥ 97,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli < 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện trong 25 g; Cd ≤ 0,5 mg/kg; As ≤ 0,5 mg/kg; Pb ≤ 0,5 mg/kg; Hg ≤ 0,1 mg/kg.	Bổ sung Inositol trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	Jilin Haizi Bio-Engineering Technology Co, Ltd.	China	30/6/2021
1242	Betafin LQD (38%)	187-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Betaine, nước, các sản phẩm từ củ cải đường. - Chỉ tiêu chất lượng: Betaine ≥ 38,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli < 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Cd ≤ 1,0 mg/kg; As ≤ 2,0 mg/kg; Pb ≤ 10,0 mg/kg; Hg ≤ 0,1 mg/kg.	Bổ sung Betaine trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu nâu.	Finnfeeds Finland Oy (trading as Danisco Animal Nutrition), Finland.	Finland	30/6/2021
1243	Axtra Phy 5000 L	188-6/16 -CN	- Thành phần nguyên liệu: 6-Phytase, nước, Sorbitol, Sodium Chloride, Potassium Sorbate, Sodium Benzoate. - Chỉ tiêu chất lượng: 6-Phytase ≥ 5.000,0 FTU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli < 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Cd ≤ 0,5 mg/kg; As ≤ 2,0 mg/kg; Pb < 5,0 mg/kg; Hg < 0,1 mg/kg.	Bổ sung enzyme Phytase trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu nâu.	Danisco US Inc.	USA	30/6/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1244	Squid Liver Paste (Feed Grade)	192-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: gan mực, nội tạng mực. - Chỉ tiêu chất lượng: Protein $\geq 25,0$ %; Lipit $\geq 10,0$ %; Ẩm độ: $\leq 40,0$ %; Tro: $\leq 15,0$ %. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli $\leq 10,0$ CFU/g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Cd $\leq 40,0$ mg/kg; As $\leq 5,0$ mg/kg; Pb $\leq 10,0$ mg/kg; Hg $\leq 0,5$ mg/kg.	Bổ sung chất dinh dưỡng trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm.	Dạng sệt, màu vàng	Qingdao Hisea Imp. & Exp.Co, Ltd.	China	30/6/2021
1245	Feed Grade Phytase 10000U/g	194-6/16-CN	Thành phần nguyên liệu: Phytase (lên men từ Aspergillus Niger ACCC 30134), chất mang (tinh bột ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Hoạt lực Phytase $\geq 10.000,0$ U/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện trong 25,0 g; E. coli $< 10,0$ CFU/g; Pb $< 0,02$ mg/kg; As $< 2,0$ mg/kg; Cd $< 0,4$ mg/kg; Hg $\leq 0,1$ mg/kg.	Bổ sung enzyme Phytase trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng hạt, màu vàng nhạt đến trắng.	Beijing Challenge Bio-Technology Co., Ltd.	China	6/9/2021
1246	Natural Thermostable Phytase 10000U/g	195-6/16-CN	Thành phần nguyên liệu: Phytase (lên men từ Aspergillus Niger ACCC 30557), chất mang (tinh bột ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Hoạt lực Phytase $\geq 10.000,0$ U/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện trong 25,0 g; E. coli $< 10,0$ CFU/g; Pb $< 0,02$ mg/kg; As $< 2,0$ mg/kg; Cd $< 0,4$ mg/kg; Hg $\leq 0,1$ mg/kg.	Bổ sung enzyme Phytase chịu nhiệt trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng hạt, màu vàng nhạt đến trắng.	Beijing Challenge Bio-Technology Co., Ltd.	China	6/9/2021
1247	SoELAB	452-12/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Khô dầu đậu tương lên men bởi vi khuẩn Enterococcus faecium SLB-120. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0$ %; Protein thô $\geq 53,0$ %; Xơ thô $\leq 6,0$ %; Tro thô $\leq 8,0$ %; Hoạt độ Urease: 0,05 - 0,35 (mg N/phút ở 30-oC). - Chỉ tiêu vệ sinh: Tổng số aflatoxin (B1, B2, G1, G2) $\leq 50,0$ ppb.	Khô dầu đậu tương lên men, bổ sung protein trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng.	FeedUp Ltd.	Korea	19/12/2021
1248	SoELAB-Pass	453-12/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Khô dầu đậu tương lên men bởi vi khuẩn Enterococcus faecium SLB-120. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 13,0$ %; Protein thô $\geq 45,0$ %; Xơ thô $\leq 6,0$ %; Tro thô $\leq 8,0$ %; Hoạt độ Urease: 0,05 - 0,35 (mg N/phút ở 30-oC). - Chỉ tiêu vệ sinh: Tổng số aflatoxin (B1, B2, G1, G2) $\leq 50,0$ ppb.	Khô dầu đậu tương lên men, bổ sung protein bypass trong thức ăn chăn nuôi cho bò.	Dạng bột, màu nâu.	FeedUp Ltd.	Korea	19/12/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1249	Kem Wet LR Liquid	240-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit propionic và muối propionate; các chất phụ gia (chất tạo bề mặt, chất bảo quản, chất tạo màu); chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng: Axit propionic $\geq 25,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 3,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung axit propionic và muối của axit propionic trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm ức chế nấm mốc phát triển.	Dạng lỏng, màu vàng nhạt.	Kemin Industries (Asia) Pte Ltd.	Singapore	30/6/2021
1250	Lysoforte Ana Dry	241-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Lecithin biến tính, chất chống oxy hóa, muối NaCl, Silica. - Chỉ tiêu chất lượng: Lecithin biến tính $\geq 25,0\%$ - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 3,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm. E. Coli < 10 CFU/g, Salmonella không có CFU trong 25 g.	Bổ sung chất nhũ hóa (lecithin biến tính) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện khả năng tiêu hóa thức ăn.	Dạng bột, màu trắng đến nâu nhạt.	Kemin Industries (Asia) Pte Ltd.	Singapore	30/6/2021
1251	Calphos Block	185-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Muối Natri clorua; Dicanxiphosphate; bột đá; premix khoáng, vitamin (Sodium selenite, Magie sunphate, Canxi iodate, Kẽm ôxit, Mangan ôxit, Sắt ôxit, Coban carbonate, Đồng sunphát, vitamin A, vitamin D3, vitamin E). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Khoáng tổng số $\geq 95,0\%$; Mangan (Mn): 1.400,0 - 1.700,0 mg; Coban (Co): 30,0 - 50,0 mg; Kẽm (Zn): 600,0 - 700,0 mg; Đồng (Cu): 450,0 - 550,0 mg; Sắt (Fe): 700,0 - 800,0 mg; Selen (Se): 17,0 - 23,0 mg; Iốt (I): 55,0 - 65,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 30,0$ ppm; As $\leq 30,0$ ppm; Cd $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,2$ ppm.	Tăng đá liếm, thức ăn bổ sung khoáng cho gia súc nhai lại và ngựa.	Tăng hình vuông hoặc tròn, màu xanh xám.	Royal Ilac San. Ve Tic. Ltd. Sti.	Turkey	30/6/2021
1252	AL860 Butinov	238-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sodium Butyrate, chất tạo mùi, chất mang (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: Sodium Butyrate $\geq 50,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung Sodium Butyrate trong thức ăn chăn nuôi lợn và gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột, màu trắng.	IDENA (Innovation Developpement en Nutrition Animale).	France	30/6/2021
1253	AD475 Id' acids G2P	239-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: hỗn hợp axit hữu cơ (axit citric, lactic, malic, sorbic, fumaric), phụ gia (chất tạo mùi), chất mang (triglycerides). - Chỉ tiêu chất lượng: Axit citric > 9,0 %; axit lactic > 0,3 %; axit malic > 9,0 %; axit sorbic > 10,7 %; axit fumaric > 18,9 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung hỗn hợp axit hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột, màu trắng.	IDENA (Innovation Developpement en Nutrition Animale), France.	France	30/6/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1254	E009	222-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Khô đầu đậu tương, bột thịt gia cầm, bột cá, bột máu, bột lông vũ thủy phân, dầu cá, DL- Methionine, L-Lysine, L-Threonine, chất bảo quản (Ethoxyquin). - Chỉ tiêu chất lượng: Ẩm $\leq 10,0$ %; mỡ $\geq 8,0$ %; xơ $\leq 2,0$ %; protein thô $\geq 60,0$ %; cát sạn $\leq 2,5$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25g; nấm mốc $\leq 1,0 \times 10^5$ CFU/g; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung đạm trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu sẫm.	Top Feed Mills Co., Ltd.	Thailand	27/6/2021
1255	Vita-Canthaxanthin 1 %	223-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Canthaxanthin, chất mang (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: Canthaxanthin $\geq 1,0$ %; độ ẩm $\leq 2,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 200,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm; As $\leq 4,0$ ppm.	Bổ sung chất tạo màu Canthaxanthin trong thức ăn chăn nuôi gia cầm.	Dạng bột, màu xám với hạt màu đỏ.	Vitafor NV	Belgium	27/6/2021
1256	NutriVet Pro BS (1B) FG	213-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bacillus subtilis và chất mang (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Bacillus subtilis $\geq 1,0 \times 10^9$ CFU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25g, E.coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 4,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 1,5$ ppm.	Bổ sung vi khuẩn có lợi Bacillus subtilis trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	Anthem Cellutions (India) Pvt. Ltd.	India	23/6/2021
1257	CRINA Finishing Pigs and Sows	272-7/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp chất tạo mùi tổng hợp: 21,4 % (Eugenol, 2-Methoxyphenol (Guaiacol), Thymol, 3-Methylphenol (m-cresol), Isopentyl salicylate, Benzyl salicylate, Piperine); các chất phụ gia và chất mang (silicic acid, BHT, xơ gỗ, mầm lúa mì, bột đá, sản phẩm từ sữa). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 8,0$ %; tỷ lệ hòa tan trong methanol nóng: 28,0 - 32,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm; Salmonella không phát hiện trong 25g; E. coli < 10 CFU/g.	Bổ sung hỗn hợp chất tạo mùi tổng hợp trong thức ăn chăn nuôi lợn.	Dạng bột, màu vàng đến nâu nhạt.	DSM Nutritional Products GmbH.	Germany	12/7/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1258	CRINA Poultry	273-7/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp chất tạo mùi tổng hợp: 27,7 % (Eugenol, Thymol, 3-Methylphenol (m-cresol), Isopentyl salicylate, Benzyl salicylate, Piperine); các chất phụ gia và chất mang (silicic acid, BHT, xơ gỗ, mầm lúa mì, bột đá, sản phẩm từ sữa). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 8,5$ %; tỷ lệ hòa tan trong methanol nóng: 34,0 - 38,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm; Salmonella không phát hiện trong 25g; E. coli < 10 CFU/g.	Bổ sung hỗn hợp chất tạo mùi tổng hợp trong thức ăn chăn nuôi gia cầm.	Dạng bột, màu vàng đến nâu nhạt.	DSM Nutritional Products GmbH.	Germany	12/7/2021
1259	CRINA Piglets	274-7/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp chất tạo mùi tổng hợp: 19,9 % (Eugenol, 2-Methoxyphenol (Guaiacol), Thymol, 3-Methylphenol (m-cresol), Isopentyl salicylate, Benzyl salicylate); các chất phụ gia và chất mang (silicic acid, BHT, xơ gỗ, mầm lúa mì, bột đá, sản phẩm từ sữa). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 8,0$ %; tỷ lệ chiết xuất trong methanol nóng: 25,0 - 29,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm; Salmonella không phát hiện trong 25g; E. coli < 10 CFU/g.	Bổ sung hỗn hợp chất tạo mùi tổng hợp trong thức ăn chăn nuôi lợn con.	Dạng bột, màu vàng đến nâu nhạt.	DSM Nutritional Products GmbH.	Germany	12/7/2021
1260	CRINA Ruminants	275-7/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp chất tạo mùi tổng hợp: 40,4 % (d-Limonene, Eugenol, 2-Methoxyphenol (Guaiacol), Thymol, 3-Methylphenol (m-cresol), Vanillin, Isopentyl salicylate, Benzyl salicylate); các chất phụ gia và chất mang (silicic acid, BHT, xơ gỗ, protein khoai tây, mầm lúa mì). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 8,0$ %; tỷ lệ chiết xuất trong methanol nóng: 47,0 - 51,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm; Salmonella không phát hiện trong 25g; E. coli < 10 CFU/g.	Bổ sung hỗn hợp chất tạo mùi tổng hợp trong thức ăn chăn nuôi gia súc nhai lại.	Dạng bột, màu vàng đến nâu nhạt.	DSM Nutritional Products GmbH.	Germany	12/7/2021
1261	Acid Lac Premium Liquid	236-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit acetic, axit lactic, axit benzoic, axit formic và muối formate, axit propionic, chất tạo mùi, chất mang (Propylene glycol, nước). - Chỉ tiêu chất lượng: Axit acetic $\geq 25,0$ %; axit lactic $\geq 18,0$ %; axit benzoic $\geq 6,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 3,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung hỗn hợp axit hữu cơ và muối axit hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng lỏng, màu nâu.	Kemin Industries (Asia) Pte Ltd.	Singapore	30/6/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1262	Silage Savor Plus Liquid	237-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit propionic và muối propionate, axit acetic và muối acetate, axit benzoic và muối axit benzoic, phụ gia (chất tạo bề mặt), chất chống ôxi hóa, chất tạo màu, chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng: Axit acetic $\geq 10,0\%$; axit propionic $\geq 60,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 3,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung hỗn hợp axit hữu cơ và muối của axit hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng lỏng, màu vàng.	Kemin Industries (Asia) Pte Ltd.	Singapore	30/6/2021
1263	Carry - 5	269-7/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vỏ thóc được làm sạch và nghiền thành bột, dầu khoáng, chất chống vón (silicon dioxin). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; mỡ thô $0,3 - 0,7\%$; xơ thô $\leq 45,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 1,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm.	Bột trấu, dùng làm chất mang trong sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng đến nâu.	Neo Pharma Chem Co., Ltd.	Thailand	12/7/2021
1264	Carry - 10	270-7/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vỏ thóc được làm sạch và nghiền thành bột, dầu khoáng, chất chống vón (silicon dioxin). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; mỡ thô $0,8 - 1,2\%$; xơ thô $\leq 45,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 1,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm.	Bột trấu, dùng làm chất mang trong sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng đến nâu.	Neo Pharma Chem Co., Ltd.	Thailand	12/7/2021
1265	Carry - FM	271-7/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vỏ thóc được làm sạch và nghiền thành bột, dầu khoáng, chất chống vón (silicon dioxin). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; mỡ thô $0,05 - 2,0\%$; xơ thô $\leq 45,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 1,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm.	Bột trấu, dùng làm chất mang trong sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng đến nâu.	Neo Pharma Chem Co., Ltd.	Thailand	12/7/2021
1266	X-Soy 80	242-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Protein đậu tương cô đặc (thu được từ hạt đỗ tương chín đã tách vỏ, dầu, carbohydrate), được nghiền với kích cỡ hạt nhỏ hơn 70 microns. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Protein $\geq 60,0\%$; mỡ thô $\geq 0,4\%$; xơ thô $\leq 5,0\%$; khoáng tổng số $\leq 7,0$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Hàm lượng tổng số Aflatoxin (B1, B2, G1, G2) $< 1,6$ ppb.	Protein đậu tương cô đặc, dùng làm nguyên liệu bổ sung protein trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu sáng, vàng nhạt hoặc kem.	Sementes Selecta S/A.	Brazil	30/6/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1267	X-Soy 200	243-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Protein đậu tương cô đặc (thu được từ hạt đỗ tương chín đã tách vỏ, dầu, carbohydrate), được nghiền với kích cỡ hạt nhỏ hơn 180 microns. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein $\geq 60,0$ %; mỡ thô $\geq 0,4$ %; xơ thô $\leq 5,0$ %; khoáng tổng số $\leq 7,0$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Hàm lượng tổng số Aflatoxin (B1, B2, G1, G2) $< 1,6$ ppb.	Protein đậu tương cô đặc, dùng làm nguyên liệu bổ sung protein trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu sáng, vàng nhạt hoặc kem.	Sementes Selecta S/A.	Brazil	30/6/2021
1268	X-Soy 600	244-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Protein đậu tương cô đặc (thu được từ hạt đỗ tương chín đã tách vỏ, dầu, carbohydrate), dạng bột thô. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein $\geq 60,0$ %; mỡ thô $\geq 0,4$ %; xơ thô $\leq 5,0$ %; khoáng tổng số $\leq 7,0$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Hàm lượng tổng số Aflatoxin (B1, B2, G1, G2) $< 1,6$ ppb.	Protein đậu tương cô đặc, dùng làm nguyên liệu bổ sung protein trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu sáng, vàng nhạt hoặc kem.	Sementes Selecta S/A.	Brazil	30/6/2021
1269	Nutrase Xyla Liquid	221-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Enzyme Endo-1.4-beta-xylanase (IUB EC 3.2.1.8) và chất mang (Glycerol). - Chỉ tiêu chất lượng: Enzyme Endo-1.4-beta-xylanase $\geq 9.000,0$ U/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25g; E.coli < 10 CFU/g.	Bổ sung enzyme Endo-1.4-beta-xylanase trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu nâu.	Nutrex NV.	Belgium	27/6/2021
1270	PBC Fermented Soybean Meal	224-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Khô đậu đậu tương lên men với hỗn hợp vi khuẩn lactic (Lactobacillus acidophilus, Bifidobacterium, Lactobacillus casei, Lactobacillus breve, Bifidobacterium longum) và nấm men (Saccharomyces boulardii). - Chỉ tiêu chất lượng: protein $\geq 38,0$%; độ ẩm $\leq 26,0$ %, mỡ thô $\leq 2,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Hàm lượng tổng số aflatoxin (B1, B2, G1, G2) $\leq 50,0$ ppb; Salmonella không phát hiện trong 25g; E.coli < 10 CFU/g.	Khô đậu đậu tương lên men, dùng làm nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	Polywisdom Biotechnology Corporation.	Taiwan	27/6/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1271	Shu Ti Qing A	203-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Nấm men bất hoạt giàu Selen và Crôm, Kẽm proteinate, Chelate Zn-Methionine, Sắt proteinate, Chelate Fe-Methionine, Đồng proteinate, Chelate Cu-Methionine, Mangan proteinate, Chelate Mn-Methionine, môi trường lên men nấm men <i>Saccharomyces cerevisiae</i>, protein lúa mì thủy phân, protein gạo, gluten ngô, protein đậu tương thủy phân, chất bảo quản (Ethoxyquine, canxi formate). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1 kg): protein $\geq 36,0$ %; Đồng (Cu): 15,0 - 28,0 mg; Mangan (Mn): 35,0 - 60,0 mg; Selen (Se): 45,0 - 65,0 mg; Crôm (Cr): 60,0 - 100,0 mg; Sắt (Fe): 200,0 - 330,0 mg; Kẽm (Zn): 9.000,0 - 13.500,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 40,0$ ppm; Cd $\leq 10,0$ ppm; Salmonella không phát hiện trong 25g; E.coli < 10 CFU/g.	Bổ sung premix khoáng hữu cơ (Cu, Mn, Se, Cr, Fe, Zn) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng hoặc nâu nhạt.	Guangzhou Prosyn Microbial Feed Co., Ltd.	China	30/6/2021
1272	BS Fermentation peptide X-1	204-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin (A, D3, E, K3, B1, B2), niacinamide, pantothenic acid, folic acid, biotin, lysine, methionine, môi trường lên men nấm men <i>Saccharomyces cerevisiae</i>, protein đậu tương thủy phân, protein từ nấm <i>Candida utilis</i>, chất bảo quản (Ethoxyquine, canxi formate). - Chỉ tiêu chất lượng: protein $\geq 46,0$ %; lysine $\geq 2,3$ %; methionine $\geq 0,4$ %; Pantothenic acid $\geq 45,0$ mg/kg; niacinamide $\geq 100,0$ mg/kg; biotin $\geq 1,0$ mg/kg; folic acid $\geq 4,0$ mg/kg; vitamin K3 $\geq 5,0$ mg/kg; vitamin D3 $\geq 8.550,0$ mg/kg; vitamin A $\geq 45.000,0$ IU/kg; vitamin B1 $\geq 8,0$ mg/kg; vitamin B2 $\geq 22,0$ mg/kg; vitamin E $\geq 80,0$ mg/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 40,0$ ppm; Cd $\leq 10,0$ ppm; Salmonella không phát hiện trong 25g; E.coli < 10 CFU/g.	Bổ sung protein, axit amin và premix vitamin trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng nâu sáng.	Guangzhou Prosyn Microbial Feed Co., Ltd.	China	30/6/2021
1273	Microgran Co 5% BMP	233-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Cobalt carbonate monohydrate, các chất phụ gia (glycerine polyethyleneglycol ricinoleate, Polyoxyethylene sorbitan mono-oleate), chất mang (bột đá đã khử bụi). - Chỉ tiêu chất lượng: Coban (Co): 4,5 - 5,5 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 0,5$ ppm; As $\leq 0,5$ ppm; Cd $\leq 0,1$ ppm; Hg $\leq 0,02$ ppm.	Bổ sung khoáng Coban vô cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu xám đến tím.	Dox-Al Italia SpA.	Italy	30/6/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1274	Microgran I 10% BMP	234-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Calcium Iodate anhydrous, các chất phụ gia (Glycerine polyethylenglycol ricinoleate, Polyoxyethylene sorbitan mono-oleate), chất mang (bột đá đã khử bụi). - Chỉ tiêu chất lượng: Iốt (I): 9,0 - 11,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 0,5 ppm; As ≤ 0,5 ppm; Cd ≤ 0,1 ppm; Hg ≤ 0,02 ppm.	Bổ sung khoáng Iốt vô cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng đến xám.	Dox-Al Italia SpA.	Italy	30/6/2021
1275	Microgran Se 4,5% BMP	235-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sodium selenite, các chất phụ gia (Glycerine polyethylenglycol ricinoleate, Polyoxyethylene sorbitan mono-oleate), chất mang (bột đá đã khử bụi). - Chỉ tiêu chất lượng: Selen (Se): 4,0 - 5,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 0,5 ppm; As ≤ 0,5 ppm; Cd ≤ 0,1 ppm; Hg ≤ 0,02 ppm.	Bổ sung khoáng Selen vô cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng đến xám.	Dox-Al Italia SpA.	Italy	30/6/2021
1276	V & V	225-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Formic acid, lactic acid, phosphoric acid, phụ gia và chất mang (chiết xuất thực vật, silica, đất sét). - Chỉ tiêu chất lượng: axit formic ≥ 17,6 %; axit lactic ≥ 8,0 %; axit photphoric ≥ 6,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb < 10,0 ppm; As < 4,0 ppm; Cd < 0,5 ppm; Hg < 0,1 ppm.	Bổ sung axit hữu cơ và vô cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột, màu trắng đến xám.	Vitalac.	France	27/6/2021
1277	Sowacid	226-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Citric acid, Calcium propionate, phosphoric acid, Benzoic acid, Calcium formate, phụ gia và chất mang (chiết xuất thực vật, silica, đất sét). - Chỉ tiêu chất lượng: axit citric ≥ 1,2 %; axit propionic ≥ 1,5 %; axit photphoric ≥ 5,6 %; axit benzoic ≥ 8,0 %; axit formic ≥ 11,2%. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 10,0 ppm; As ≤ 4,0 ppm; Cd ≤ 0,5 ppm; Hg < 0,1 ppm.	Bổ sung axit vô cơ, axit hữu cơ và muối axit hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột, màu trắng đến xám.	Vitalac.	France	27/6/2021
1278	Anygest	227-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bacillus subtilis, chất mang (bột mì, cám gạo). - Chỉ tiêu chất lượng: Bacillus subtilis ≥ 1,0 × 10 ⁶ CFU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25g; E.coli < 10 CFU/g; Pb ≤ 10,0 ppm; Cd ≤ 1,0 ppm; As ≤ 2,0 ppm; Hg < 0,4 ppm.	Bổ sung vi khuẩn có lợi Bacillus subtilis trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng nâu.	Cleanland Co. Ltd.	Korea	27/6/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1279	Happy Cow	212-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Dung dịch lên men <i>Saccharomyces cerevisiae</i> . - Chỉ tiêu chất lượng: <i>Saccharomyces cerevisiae</i> $\geq 1,4 \times 10^6$ CFU/ml. - Chỉ tiêu vệ sinh: <i>Salmonella</i> không phát hiện trong 25ml; <i>E.coli</i> < 10 CFU/ml.	Bổ sung nấm men <i>Saccharomyces cerevisiae</i> hoạt động trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu nâu.	SeedBio Co. Ltd.	Korea	23/6/2021
1280	Compound premixed feed for middle chicken (Common use for CB25 middle chicken)	205-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin (A, D3, E, B2), Đồng sunphate, Sắt sunphate, Mangan sunphat, Kẽm sunphate, chất mang (Zeolite, cám gạo). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1 kg): Vitamin A $\geq 200.000,0$ IU; vitamin D3 $\geq 200.000,0$ IU; vitamin E $\geq 2.000,0$ mg; vitamin B2 $\geq 800,0$ mg; Đồng (Cu): 800,0 - 1.500,0 mg; Sắt (Fe): 10.000,0 - 24.000,0 mg; Mangan (Mn): 12.000,0 - 20.000,0 mg; Kẽm (Zn): 12.000,0 - 20.000,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $< 4,0$ ppm; As $< 10,0$ ppm.	Bổ sung premix vitamin, khoáng trong thức ăn cho gà.	Dạng bột, màu xám.	GuangDong Yunhua Industrial Co., Ltd.	China	30/6/2021
1281	Compound premixed feed for pig (Common use for SH15 growing pigs)	206-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin (A, D3, E, B2), Đồng sunphate, Sắt sunphate, Mangan sunphat, Kẽm sunphate, chất mang (Zeolite, cám gạo). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1 kg): Vitamin A $\geq 800.000,0$ IU; vitamin D3 $\geq 100.000,0$ IU; vitamin E $\geq 2.000,0$ mg; vitamin B2 $\geq 800,0$ mg; Đồng (Cu): 1.200,0 - 3.000,0 mg; Sắt (Fe): 12.000,0 - 20.000,0 mg; Mangan (Mn): 1.600,0 - 4.000,0 mg; Kẽm (Zn): 8.000,0 - 20.000,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $< 40,0$ ppm; As $< 10,0$ ppm.	Bổ sung premix vitamin, khoáng trong thức ăn cho lợn.	Dạng bột, màu xám.	GuangDong Yunhua Industrial Co., Ltd.	China	30/6/2021
1282	Compound premixed feed for meat ducks (Common use for DM15 meat ducks)	207-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin (A, D3, E, B2), Đồng sunphate, Sắt sunphate, Mangan sunphat, Kẽm sunphate, chất mang (Zeolite, cám gạo). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1 kg): Vitamin A $\geq 600.000,0$ IU; vitamin D3 $\geq 100.000,0$ IU; vitamin E $\geq 4.000,0$ mg; vitamin B2 $\geq 800,0$ mg; Đồng (Cu): 1.000,0 - 2.500,0 mg; Sắt (Fe): 8.000,0 - 24.000,0 mg; Mangan (Mn): 10.000,0 - 25.000,0 mg; Kẽm (Zn): 8.000,0 - 20.000,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $< 40,0$ ppm; As $< 10,0$ ppm.	Bổ sung premix vitamin, khoáng trong thức ăn cho vịt thịt.	Dạng bột, màu xám.	GuangDong Yunhua Industrial Co., Ltd.	China	30/6/2021
1283	Appetide	232-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Triglycerides, Peptone nấm men, chất mang (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $< 2,0$ %; protein $> 1,5$ %; chất béo $> 2,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: <i>Salmonella</i> không phát hiện trong 25g, <i>E.coli</i> < 10 CFU/g; Pb $< 10,0$ ppm; As $< 3,0$ ppm; Cd $< 0,5$ ppm; Hg $< 0,1$ ppm.	Bổ sung peptone từ nấm men và axit béo trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột, màu xám nhạt.	Enriching Innovation Biotech Co, Ltd.	Taiwan	30/6/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1284	Liv-on	260-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: L-Lysine HCl, DL-Methionine, sorbitol, chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng (trong 1 lít): Lysine $\geq 12.500,0$ mg; Methionine $\geq 6.000,0$ mg; Sorbitol $\geq 6.800,0$ mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25g, E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm.	Bổ sung Lysine, Methionine và Sorbitol cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu nâu.	International Health Care Limited.	India	30/6/2021
1285	Add Cal	261-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Canxi lactate, Canxi gluconate, Cholecalciferol, Canxi photphate, Cyanocobalamin, Choline chloride, protein thủy phân, axit citric, nước cất. - Chỉ tiêu chất lượng (trong 1 lít): Canxi (Ca): 7.200,0 - 8.800,0 mg; Photpho (P): 1.600,0 - 2.000,0 mg; Cholecalciferol $\geq 25.000,0$ IU; Cyanocobalamin $\geq 500,0$ µg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25g, E.coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm.	Bổ sung Canxi, Phốtpho và vitamin cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu hồng.	International Health Care Limited.	India	30/6/2021
1286	Min All Forte	262-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Dicanxiphotphat, Đồng sunphate, Coban sunphate, Magiê sunphate, Kẽm sunphate, Sắt sunphate, Na₂SeO₃, Lysine, Methionine, vitamin (A, D₃, E), chất mang (dextrose) . - Chỉ tiêu chất lượng (trong 1 kg): Canxi (Ca): 19,2 - 24,0 %; Photpho (P): 16,0 - 20,0 %; Đồng (Cu): 270,0 - 330,0 mg; Coban (Co): 36,0 - 44,0 mg; Magiê (Mg): 1,8 - 2,2 g; Kẽm (Zn): 1,8 - 2,2 g; Sắt (Fe): 800,0 - 1.000,0 mg; Natri (Na): 5,4 - 6,6 g; Selen (Se): 9,0 - 11,0 mg; Lysine $\geq 4,4$ g; Methionine $\geq 2,2$ g; vitamin A ≥ 300.000 IU; vitamin D₃ $\geq 6.000,0$ IU; vitamin E $\geq 200,0$ mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25g, E.coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm.	Bổ sung premix vitamin, khoáng, axit amin cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu kem.	International Health Care Limited.	India	30/6/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1287	Promi Boost	263-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Protein thủy phân, Methionine, Lysine, Inositol, vitamin (B12, E), Beta-glucan, Mannan Oligosaccharides, Choline chloride, Đồng sunphate, Coban sunphate, Mangan sunphate, Kẽm sunphate, Kali iodua, Sắt sunphate, Na₂SeO₃, chất mang (nước cất). - Chỉ tiêu chất lượng (trong 1 lít): Methionine ≥ 25,3 g; Lysine ≥ 13,6 g; Inositol ≥ 1,2 g; vitamin B12 ≥ 1.000,0 µg; vitamin E ≥ 250,0 mg; Beta-glucan ≥ 1.200,0 mg; Mannan Oligosaccharides ≥ 1.200,0 mg; Choline ≥ 12.500,0 mg; Natri (Na): 24,0 - 29,0 g; Mangan (Mn): 15,0 - 18,0 g; Kẽm (Zn): 6,0 - 7,2 g; Đồng (Cu): 360,0 - 450,0 mg; Sắt (Fe): 1,8 - 2,2 g; Iốt (I): 180,0 - 220,0 mg; Coban (Co): 180,0 - 220,0 mg; Selen (Se): 80,0 - 100,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25g, E.coli < 10 CFU/g; As ≤ 2,0 ppm; Cd ≤ 1,0 ppm; Pb < 5,0 ppm; Hg < 0,05 ppm.	Bổ sung premix vitamin, khoáng, axit amin, beta-glucan, manan-Oligosaccharides cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu nâu.	International Health Care Limited.	India	30/6/2021
1288	V-Plex LM	264-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin (B2, B6, B12); Lysine, Methionine, Niacinamide, Calcium D Pantothenate, chất mang (nước cất). - Chỉ tiêu chất lượng (trong 1 lít): Vitamin B2 ≥ 200,0 mg; vitamin B6 ≥ 110,0 mg; vitamin B12 ≥ 1.250,0 µg; Lysine ≥ 750,0 mg; Methionine ≥ 750,0 µg; Niacinamide ≥ 5.000,0 mg; Calcium D Pantothenate ≥ 200,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25g, E.coli < 10 CFU/g; As ≤ 2,0 ppm; Cd ≤ 1,0 ppm; Pb < 5,0 ppm; Hg < 0,05 ppm.	Bổ sung premix vitamin, axit amin cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu đỏ.	International Health Care Limited.	India	30/6/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1289	Hi-Milk	265-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vi khuẩn có lợi (Bacillus subtilis, Bacillus polymyxa, Lactobacillus lactis); Alpha amylase, vitamin (D3, C, A, E), Lysine, Methionine, Dicanxiphotphat; Coban sunphate, Mangan sunphate, Magiê sunphate, Kẽm sunphate, Sắt sunphate, chất mang (dextrose). - Chỉ tiêu chất lượng (trong 1 kg): Bacillus subtilis $\geq 1,0 \times 10^7$ CFU; Bacillus polymyxa $\geq 1,0 \times 10^7$ CFU; Lactobacillus lactis $\geq 1,0 \times 10^7$ CFU; Alpha amylase $\geq 40.000,0$ IU; vitamin D3 $\geq 20.000,0$ IU; vitamin C $\geq 1.500,0$ mg; vitamin A $\geq 100.000,0$ IU; vitamin E $\geq 1.000,0$ mg; Lysine $\geq 5.000,0$ mg; Methionine $\geq 2.500,0$ mg; Canxi (Ca): 90,0 - 110 g; Photpho (P): 45,0 - 55,0 g; Kẽm (Zn): 18,0 - 20,0 g; Mangan (Mn): 18,0 - 20,0 g; Magiê (Mg): 32,0 - 40,0 g; Coban (Co): 450,0 - 550,0 mg; Sắt (Fe): 12,0 - 15,0 g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25g, E.coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm.	Bổ sung premix vitamin, khoáng, axit amin, vi khuẩn có lợi, enzyme cho gia súc.	Dạng bột, màu kem.	International Health Care Limited.	India	30/6/2021
1290	Chick Boost	266-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: vitamin (A, D3, E, K3, B6, B2, B1, B12), Methionine, Lysine, axit Aspartic, axit glutamic, Alanine, Valine, Leucine, chất mang (nước cất). - Chỉ tiêu chất lượng (trong 1 lít): Vitamin A $\geq 800.000,0$ IU; vitamin D3 $\geq 20.000,0$ IU; vitamin E $\geq 3.700,0$ mg; vitamin K3 $\geq 250,0$ mg; vitamin B6 $\geq 2.000,0$ mg; vitamin B2 $\geq 4.000,0$ mg; vitamin B1 $\geq 3.500,0$ mg; vitamin B12 $\geq 10,0$ mg; methionine $\geq 5.000,0$ mg; Lysine $\geq 2.500,0$ mg; axit Aspartic $\geq 1.500,0$ mg; axit glutamic $\geq 1.500,0$ mg; Alanine $\geq 1.000,0$ mg; Valine $\geq 1.000,0$ mg; Leucine $\geq 1.500,0$ mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25g, E.coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm.	Bổ sung premix vitamin, axit amin cho gia cầm.	Dạng lỏng, màu nâu nhạt.	International Health Care Limited.	India	30/6/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1291	Vacci-Care	267-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Choline chloride, methionine, chất mang (nước cất). - Chỉ tiêu chất lượng (trong 1 lít): Choline $\geq 20.000,0$ mg; methionine $\geq 1.000,0$ mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25g, E.coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; <u>Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm.</u>	Bổ sung Choline và Methionine cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu vàng.	International Health Care Limited.	India	30/6/2021
1292	Total Care	268-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vi khuẩn có lợi (Pseudomonas fluorescens, Saccharomyces boulardii), Sắt sunphate, axit folic, vitamin B12, chất mang (dextrose). - Chỉ tiêu chất lượng (trong 1 kg): Pseudomonas fluorescens $\geq 2,0 \times 10^5$ CFU; Saccharomyces boulardii $\geq 2,0 \times 10^5$ CFU; Sắt (Fe): 80,0 - 100,0 mg; axit folic $\geq 250,0$ µg; vitamin B12 $\geq 500,0$ µg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25g, E.coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; <u>Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm.</u>	Bổ sung vitamin, sắt, vi sinh vật có lợi cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu.	International Health Care Limited.	India	30/6/2021
1293	Axtra XB 201 L	180-6/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Enzyme (Endo-1,4-beta-xylanase (EC 3.2.1.8); Endo-1,3(4)-beta-glucanase (EC 3.2.1.6)), Sorbitol, Sodium chloride, Sodium acetate, Potassium sorbate và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng: Xylanase (Endo-1,4-beta-xylanase) $\geq 12.200,0$ U/g; Beta-glucanase (Endo-1,3(4)-beta-glucanase) $\geq 1.520,0$ U/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung các enzyme (Beta-glucanase, Xylanase) trong thức ăn chăn nuôi nhằm tăng khả năng hấp thu thức ăn, cải thiện năng suất vật nuôi.	Dạng lỏng, màu nâu nhạt.	Genencor International Oy.	Finland	27/6/2021
1294	Acifix	258-7/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Mannan Oligosaccharides, beta glucan, axit hữu cơ (propionic, benzoic, citric, fumaric), chất mang (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng (g/kg): Beta-glucan $\geq 10,0$; Mannan Oligosaccharides $\geq 20,0$; axit propionic $\geq 20,0$; axit benzoic $\geq 20,0$; axit citric $\geq 20,0$; axit fumaric $\geq 5,0$. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 2,0$ pm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm.	Bổ sung hỗn hợp axit hữu cơ, beta glucan, Mannan Oligosaccharides trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột, màu kem.	PVS Impex	India	12/7/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1295	Piglean	259-7/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Crôm chloride, Betain HCl, vitamin (B2, B6), axit folic, Selenium citrate, chất mang (xơ). - Chỉ tiêu chất lượng (mg/kg): Crôm (Cr): 180,0 - 220,0; Betain $\geq 2.000,0$; vitamin B2 $\geq 2.000,0$; vitamin B6 $\geq 1.000,0$; axit folic $\geq 300,0$; Selen (Se): 180,0 - 220,0. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25 g; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Pb $< 5,0$ ppm; Hg $< 0,05$ ppm.	Bổ sung khoáng (Selen và Crôm), premix vitamin trong thức ăn chăn nuôi lợn.	Dạng bột, màu kem.	PVS Impex	India	12/7/2021
1296	Sodium Bicarbonate Feed Grade	350-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sodium Bicarbonate ($\text{NaHCO}_3 \geq 99,0\%$). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 0,2\%$; Sodium Bicarbonate $\geq 99,0\%$ (trương đương Natri $\geq 27,0\%$). - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung muối (Sodium bicarbonate) trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng hạt nhỏ, mịn, màu trắng.	Hunan Yuhua Technology Group Co, Ltd.	China	17/11/2021
1297	Vitamin E 50%	359-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin E (dl-a-tocopheryl acetate) và chất mang (Silicon dioxide). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 5,0\%$; Vitamin E (dl-a-tocopheryl acetate) $\geq 50,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 2,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm.	Bổ sung Vitamin E trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	Zhejiang NVB Company Ltd.	China	16/11/2021
1298	Performix Layer Breeder 0,25 %	364-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin (A, D3, E, B1, K3, B2, B6, B12, PP), Calcium D-pantothenate, axit Folic, Biotin, Ferrous sulphate, Calcium iodate, Cupric sulphate, Manganous oxide, Zinc oxide, Sodium selenite và chất mang (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Độ ẩm $\leq 1,0\%$; Vitamin A $\geq 3,6$ MIU; Vitamin D3 $\geq 1,08$ MIU; Vitamin E $\geq 9.600,0$ IU; Vitamin B1 $\geq 1.080,0$ mg; Vitamin K3 $\geq 1.800,0$ mg; Vitamin B2 $\geq 10.800,0$ mg; Vitamin B6 $\geq 1.800,0$ mg; Vitamin B12 $\geq 13,0$ mg; Vitamin PP $\geq 18.000,0$ mg; Calcium D-pantothenate $\geq 7.200,0$ mg; Axit Folic $\geq 700,0$ mg; Biotin $\geq 63,0$ mg; Sắt (Fe): 18.000,0 - 22.000,0 mg; Iốt (I): 384,0 - 576,0 mg; Đồng (Cu): 3.600,0 - 4.400,0 mg; Mangan (Mn): 28.800,0 - 35.200,0 mg; Kẽm (Zn): 16.200,0 - 19.800,0 mg; Selen (Se): 96,0 - 144,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli ≤ 10 CFU/g; As $\leq 60,0$ ppm; Pb $\leq 200,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung premix vitamin và khoáng cho gà đẻ trứng	Dạng bột, màu nâu nhạt hoặc xám nhạt.	Mixscience.	France	16/11/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1299	Performix Broiler S 0,25 %	365-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin (A, D3, E, B1, K3, B2, B6, B12, PP), Calcium D-pantothenate, axit Folic, Biotin, Ferrous sulphate, Calcium iodate, Cupric sulphate, Manganous oxide, Zinc oxide, Sodium selenite và chất mang (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Độ ẩm $\leq 1,0$ %; Vitamin A $\geq 3,6$ MIU; Vitamin D3 $\geq 1,26$ MIU; Vitamin E $\geq 6.400,0$ IU; Vitamin B1 $\geq 640,0$ mg; Vitamin K3 $\geq 900,0$ mg; Vitamin B2 $\geq 1.800,0$ mg; Vitamin B6 $\geq 1.100,0$ mg; Vitamin B12 $\geq 4,8$ mg; Vitamin PP $\geq 10.800,0$ mg; Calcium D-pantothenate $\geq 3.240,0$ mg; Axit Folic $\geq 192,0$ mg; Biotin $\geq 31,98$ mg; Sắt (Fe): 12.600,0 - 15.400,0 mg; Iốt (I): 480,0 - 720,0 mg; Đồng (Cu): 3.600,0 - 4.400,0 mg; Mangan (Mn): 28.800,0 - 35.200,0 mg; Kẽm (Zn): 28.800,0 - 35.200,0 mg; Selen (Se): 96,0 - 144,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli ≤ 10 CFU/g; As $\leq 60,0$ ppm; Pb $\leq 200,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung premix vitamin và khoáng cho gà thịt	Dạng bột, màu nâu nhạt hoặc xám nhạt.	Mixscience.	France	16/11/2021
1300	Performix Broiler F 0,25 %	366-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin (A, D3, E, B1, K3, B2, B6, B12, PP), Calcium D-pantothenate, axit Folic, Biotin, Ferrous sulphate, Calcium iodate, Cupric sulphate, Manganous oxide, Zinc oxide, Sodium selenite và chất mang (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Độ ẩm $\leq 1,0$ %; Vitamin A $\geq 2,88$ MIU; Vitamin D3 $\geq 1,08$ MIU; Vitamin E $\geq 6.400,0$ IU; Vitamin B1 $\geq 500,0$ mg; Vitamin K3 $\geq 500,0$ mg; Vitamin B2 $\geq 1.440,0$ mg; Vitamin B6 $\geq 1.080,0$ mg; Vitamin B12 $\geq 3,8$ mg; Vitamin PP $\geq 7.200,0$ mg; Calcium D-pantothenate $\geq 2.880,0$ mg; Axit Folic $\geq 128,0$ mg; Biotin $\geq 22,55$ mg; Sắt (Fe): 10.800,0 - 13.200,0 mg; Iốt (I): 500,0 - 700,0 mg; Đồng (Cu): 3.600,0 - 4.400,0 mg; Mangan (Mn): 23.400,0 - 28.600,0 mg; Kẽm (Zn): 23.400,0 - 28.600,0 mg; Selen (Se): 96,0 - 144,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli ≤ 10 CFU/g; As $\leq 60,0$ ppm; Pb $\leq 200,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung premix vitamin và khoáng cho gà thịt từ 21 ngày đến xuất bán	Dạng bột, màu nâu nhạt hoặc xám nhạt.	Mixscience.	France	16/11/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1301	Performix Layer 0,25 %	367-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin (A, D3, E, K3, B2, B6, B12, PP), Calcium D-pantothenate, axit Folic, Ferrous sulphate, Calcium iodate, Cupric sulphate, Manganous oxide, Zinc oxide, Sodium selenite và chất mang (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Độ ẩm $\leq 1,0$ %; Vitamin A $\geq 2,52$ MIU; Vitamin D3 $\geq 900,0$ MIU; Vitamin E $\geq 4.800,0$ IU; Vitamin K3 $\geq 320,0$ mg; Vitamin B2 $\geq 1.080,0$ mg; Vitamin B6 $\geq 500,0$ mg; Vitamin B12 $\geq 3,84$ mg; Vitamin PP $\geq 3.600,0$ mg; Calcium D-pantothenate $\geq 1.800,0$ mg; Axit Folic $\geq 80,0$ mg; Sắt (Fe): 7.200,0 - 8.800,0 mg; Iốt (I): 320,0 - 480,0 mg; Đồng (Cu): 1.800,0 - 2.200,0 mg; Mangan (Mn): 23.400,0 - 28.600,0 mg; Kẽm (Zn): 16.200,0 - 19.800,0 mg; Selen (Se): 64,0 - 96,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli ≤ 10 CFU/g; As $\leq 60,0$ ppm; Pb $\leq 200,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung premix vitamin và khoáng cho gà đẻ trứng	Dạng bột, màu nâu nhạt hoặc xám nhạt.	Mixscience.	France	16/11/2021
1302	Performix Duck 0,25 %	368-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin (A, D3, E, B1, K3, B2, B6, B12, PP), Calcium D-pantothenate, axit Folic, Biotin, Ferrous sulphate, Calcium iodate, Cupric sulphate, Manganous oxide, Zinc oxide, Sodium selenite và chất mang (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Độ ẩm $\leq 1,0$ %; Vitamin A $\geq 3,6$ MIU; Vitamin D3 $\geq 0,72$ MIU; Vitamin E $\geq 6.400,0$ IU; Vitamin B1 $\geq 320,0$ mg; Vitamin K3 $\geq 700,0$ mg; Vitamin B2 $\geq 1.440,0$ mg; Vitamin B6 $\geq 700,0$ mg; Vitamin B12 $\geq 5,0$ mg; Vitamin PP $\geq 12.600,0$ mg; Calcium D-pantothenate $\geq 4.320,0$ mg; Axit Folic $\geq 320,0$ mg; Biotin $\geq 31,98$ mg; Sắt (Fe): 12.600,0 - 15.400,0 mg; Iốt (I): 384,0 - 576,0 mg; Đồng (Cu): 3.600,0 - 4.400,0 mg; Mangan (Mn): 32.400,0 - 39.600,0 mg; Kẽm (Zn): 32.400,0 - 39.600,0 mg; Selen (Se): 96,0 - 144,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli ≤ 10 CFU/g; As $\leq 60,0$ ppm; Pb $\leq 200,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung premix vitamin và khoáng cho vịt	Dạng bột, màu nâu nhạt hoặc xám nhạt.	Mixscience.	France	16/11/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1303	Zinc Methionine	392-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Zinc Methionine. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 3,0\%$; Methionine $\geq 40,0\%$; Kẽm (Zn): 20,0 - 23,5 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli ≤ 10 CFU/g; As $\leq 5,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; <u>Cd $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 5,0$ ppm.</u>	Bổ sung khoáng hữu cơ (Kẽm) và axit amin trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng hoặc trắng nhạt.	Nanning Zeweier Feed Co, Ltd.	China	23/11/2021
1304	Glycine Iron	393-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Glycine Iron. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Glycine $\geq 21,0\%$; Sắt (Fe): 17,0 - 19,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli ≤ 10 CFU/g; As $\leq 5,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; <u>Cd $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 5,0$ ppm.</u>	Bổ sung khoáng hữu cơ (Sắt) và axit amin trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng nhạt hoặc nâu nhạt.	Nanning Zeweier Feed Co, Ltd.	China	23/11/2021
1305	Glycine Zinc	394-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Glycine Zinc. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 5,0\%$; Glycine $\geq 22,0\%$; Kẽm (Zn): 21,0 - 27,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli ≤ 10 CFU/g; As $\leq 5,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; <u>Cd $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 5,0$ ppm.</u>	Bổ sung khoáng hữu cơ (Kẽm) và axit amin trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng hạt nhỏ mịn, màu trắng.	Nanning Zeweier Feed Co, Ltd.	China	23/11/2021
1306	0,1 % Suckling pig compound premixed feed (Ru Kuang Bao)	395-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ferrous fumarate, Zinc methionine, Manganese methionine, Copper methionine, Calcium Iodate, Cobalt chloride, Sodium selenite. - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Đồng (Cu): 12.000,0 - 15.000,0 mg; Kẽm (Zn): 90.000,0 - 140.000,0 mg; Mangan (Mn): 12.000,0 - 20.000,0 mg; Sắt (Fe): 150.000,0 - 200.000,0 mg; Iốt (I): 200,0 - 800,0 mg; Selen (Se): 200,0 - 450,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli ≤ 10 CFU/g; As $\leq 5,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; <u>Cd $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 5,0$ ppm.</u>	Bổ sung premix khoáng trong thức ăn chăn nuôi cho lợn con.	Dạng bột, màu đỏ đậm.	Nanning Zeweier Feed Co, Ltd.	China	23/11/2021
1307	0,1 % Pig microelements premixed feed (Gan Le Bao)	396-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ferrous sulfate, Manganese sulfate, Copper sulfate, Zinc sulfate, Calcium iodate, Cobalt chloride, Sodium selenite, Glycine. - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Đồng (Cu): 15.000,0 - 25.000,0 mg; Kẽm (Zn): 70.000,0 - 100.000,0 mg; Mangan (Mn): 23.000,0 - 35.000,0 mg; Sắt (Fe): 70.000,0 - 100.000,0 mg; Iốt (I): 200,0 - 400,0 mg; Selen (Se): 200,0 - 450,0 mg; Glycine $\geq 22,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli ≤ 10 CFU/g; As $\leq 5,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; <u>Cd $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 5,0$ ppm.</u>	Bổ sung premix khoáng và axit amin trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm.	Dạng hạt nhỏ mịn, màu nâu đậm.	Nanning Zeweier Feed Co, Ltd.	China	23/11/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1308	0,1 % of Pig compound premixed feed (Zhu Zhi Bao)	397-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ferrous sulfate, Manganese sulfate, Copper sulfate, Zinc sulfate, Calcium iodate, Sodium selenite, rỉ mật đường và chất mang (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Đồng (Cu): 10.000,0 - 20.000,0 mg; Kẽm (Zn): 40.000,0 - 60.000,0 mg; Mangan (Mn): 10.000,0 - 20.000,0 mg; Sắt (Fe): 60.000,0 - 80.000,0 mg; Iốt: 200,0 - 700,0 mg; Selen (Se): 200,0 – 450,0. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli $\leq$ 10 CFU/g; As $\leq$ 5,0 ppm; Pb $\leq$ 10,0 ppm; Cd $\leq$ 10,0 ppm; Hg $\leq$ 5,0 ppm.	Bổ sung premix khoáng trong thức ăn chăn nuôi cho lợn con.	Dạng hạt nhỏ mịn, màu nâu đậm.	Nanning Zeweier Feed Co, Ltd.	China	23/11/2021
1309	Dextrose Monohydrate	352-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Dextrose Monohydrate. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq$ 10,0 %; Dextrose (tính theo VCK) $\geq$ 99,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli $\leq$ 10 CFU/g; As $\leq$ 1,0 ppm; Pb $\leq$ 0,5 ppm.	Bổ sung Dextrose trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm.	Dạng hạt nhỏ mịn, màu trắng.	Shandong Tianli Pharmaceutical Co, Ltd.	China	16/11/2021
1310	Dextrose Anhydrous	353-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Dextrose Anhydrous (Dextrose khan). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq$ 1,0 %; Dextrose (tính theo VCK) $\geq$ 99,5 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli $\leq$ 10 CFU/g; As $\leq$ 1,0 ppm; Pb $\leq$ 0,5 ppm.	Bổ sung Dextrose trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm.	Dạng hạt nhỏ mịn, màu trắng.	Shandong Tianli Pharmaceutical Co, Ltd.	China	16/11/2021
1311	Natuzyne Plus	416-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các enzyme (Xylanase, Mannanase, α-Amylase, Phytase) và chất mang (Bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq$ 10,0 %; Xylanase $\geq$ 10.000 XU/g; Mannanase $\geq$ 400,0 U/g; α-Amylase $\geq$ 400,0 U/g; Phytase $\geq$ 1.500,0 U/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli $<$ 10 CFU/g; Aflatoxin tổng số $\leq$ 2,0 ppb; Pb $\leq$ 10,0 ppm; As $\leq$ 10,0 ppm; Cd $\leq$ 5,0 ppm; Hg $\leq$ 5,0 ppm.	Bổ sung các enzyme tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm nhằm tăng khả năng hấp thu thức ăn, cải thiện năng suất vật nuôi.	Dạng bột, màu xám trắng.	Bioproton Pty, Ltd.	Australia	28/11/2021
1312	Sugarcap VA	362-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sodium saccharin, Neohesperidine dihydrochalcone (NHDC) và chất mang (Dextrose). - Chỉ tiêu chất lượng: Sodium saccharin $\geq$ 85,0 %; Neohesperidine dihydrochalcone (NHDC) $\geq$ 0,4 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq$ 10,0 ppm; Pb $\leq$ 15,0 ppm.	Bổ sung chất tạo ngọt trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu kem trắng.	ITPSA Far East (Guangzhou) Ltd.	China	16/11/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1313	KeyShure Calcium Proteinate With Phosphorus	421-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Calcium Proteinate và Calcium phosphate. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Canxi (Ca): 20,0- 30,0 %; Phốt pho (P): 5,0 - 8,0 %; Protein thô (CP) $\geq 18,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g, E. coli < 10 CFU/g; Fluorine (F) $\leq 500,0$ ppm; As $\leq 12,0$ ppm; Cd $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 100,0$ ppm; Hg $\leq 0,2$ ppm.	Bổ sung khoáng và protein trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng đến trắng nhạt.	Balchem Corporation.	USA	28/11/2021
1314	KeyShure Cobalt Proteinate	422-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Cobalt Proteinate. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Coban (Co): 10,0- 12,0 %; Protein thô (CP) $\geq 25,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g, E. coli < 10 CFU/g; Fluorine (F) $\leq 500,0$ ppm; As $\leq 12,0$ ppm; Cd $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 100,0$ ppm; Hg $\leq 0,2$ ppm.	Bổ sung khoáng hữu cơ và protein trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu hồng tím nhạt đến hồng tím đậm.	Balchem Corporation.	USA	28/11/2021
1315	KeyShure Magnesium Proteinate	423-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Magnesium Proteinate. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Magiê (Mg): 10,0- 13,0 %; Protein thô (CP) $\geq 25,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g, E. coli < 10 CFU/g; Fluorine (F) $\leq 500,0$ ppm; As $\leq 12,0$ ppm; Cd $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 100,0$ ppm; Hg $\leq 0,2$ ppm.	Bổ sung khoáng hữu cơ và protein trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu xanh vàng nhạt.	Balchem Corporation.	USA	28/11/2021
1316	SOMAFAT	334-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Dầu cọ và chất mang (Calcium hydroxide). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Béo thô (Fat) $\geq 80,0\%$; Axit béo tự do (FFA) $\leq 3,5\%$; Chỉ số Peroxide $\leq 20,0$ meq/kg - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g, E. coli < 10 CFU/g; Pb < 11,0 ppm; As < 5,0 ppm; Cd < 5,0 ppm; Hg < 0,1 ppm.	Bổ sung năng lượng trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Young Soo Co, Ltd.	Korea	16/11/2021
1317	Rovabio Advance T-Flex	351-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các enzyme (Endo-1,4- β -xylanase; Endo-1,3(4)- β -glucanase), stearic acid và chất mang (bột đá và Maltodextrin). - Chỉ tiêu chất lượng: Endo-1,4- β -xylanase $\geq 25.000,0$ VU/g; Endo-1,3(4)- β -glucanase $\geq 17.200,0$ VU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g, E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Hg < 0,1 ppm.	Bổ sung các enzyme có lợi cho đường tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng nhạt đến vàng đậm.	Innov'ia., Fance (Sản xuất cho Adisseo France SAS)	Fance	23/11/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1318	Xtract, code 6930	361-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Tinh dầu thực vật (Capsicum oleoresin, Carvacrol, Cinnamaldehyde) và chất mang (dầu hạt cải được hydro hóa). - Chỉ tiêu chất lượng: Capsicum oleoresin: 1,8 - 2,2 %; Carvacrol: 4,5 - 5,5 %; Cinnamaldehyde: 2,7 - 3,3 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g, E. coli < 10 CFU/g; Pb ≤ 200,0 ppm; As ≤ 2,0 ppm; Cd ≤ 15,0 ppm; Hg ≤ 0,1 ppm.	Bổ sung tinh dầu thực vật nhằm tạo hương vị trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu cam nhạt đến cam đậm.	Pancosma S.A.	Switzerland	16/11/2021
1319	Rovabio Advance P	360-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các enzyme (Endo-1,4-β-xylanase; Endo-1,3(4)-β-glucanase) và chất mang (bột lúa mì và Maltodextrin). - Chỉ tiêu chất lượng: Endo-1,4-β-xylanase ≥ 25.000,0 VU/g; Endo-1,3(4)-β-glucanase ≥ 17.200,0 VU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g, E. coli < 10 CFU/g; Pb ≤ 5,0 ppm; As ≤ 2,0 ppm; Cd ≤ 1,0 ppm; Hg ≤ 0,1 ppm.	Bổ sung các enzyme có lợi đường tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng nhạt đến vàng đậm.	Innov'ia., Fance (Sản xuất cho Adisseo France SAS)	Fance	23/11/2021
1320	SQZYME FYP (Phytase powder) 5,000 U/g	406-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Enzyme Phytase (từ vi khuẩn Pichia pastoris) và chất mang (tinh bột và bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm ≤ 8,0 %; Phytase ≥ 5.000,0 U/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g, E. coli < 10 CFU/g; As ≤ 3,0 ppm; Pb ≤ 5,0 ppm.	Bổ sung enzyme Phytase trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng nhạt đến vàng nhạt.	Hunan Hong Ying Xiang Biochemistry Industry Co, Ltd.	China	28/11/2021
1321	SQZYME FYP (Phytase powder) 10,000 U/g	407-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Enzyme Phytase (từ vi khuẩn Pichia pastoris) và chất mang (tinh bột và bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm ≤ 8,0 %; Phytase ≥ 10.000,0 U/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g, E. coli < 10 CFU/g; As ≤ 3,0 ppm; Pb ≤ 5,0 ppm.	Bổ sung enzyme Phytase trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng nhạt đến vàng nhạt.	Hunan Hong Ying Xiang Biochemistry Industry Co, Ltd.	China	28/11/2021
1322	SQZYME FYG (Phytase granular) 5,000 U/g	408-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Enzyme Phytase (từ vi khuẩn Pichia pastoris) và chất mang (tinh bột và bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm ≤ 8,0 %; Phytase ≥ 5.000,0 U/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g, E. coli < 10 CFU/g; As ≤ 3,0 ppm; Pb ≤ 5,0 ppm.	Bổ sung enzyme Phytase trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng hạt nhỏ mịn, màu trắng nhạt đến vàng nhạt.	Hunan Hong Ying Xiang Biochemistry Industry Co, Ltd.	China	28/11/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1323	SQZYME FYG (Phytase granular) 10,000 U/g	409-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Enzyme Phytase (từ vi khuẩn <i>Pichia pastoris</i>) và chất mang (tinh bột và bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 8,0\%$; Phytase $\geq 10.000,0$ U/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: <i>Salmonella</i> không phát hiện trong 25 g, <i>E. coli</i> < 10 CFU/g; As $\leq 3,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm.	Bổ sung enzyme Phytase trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng hạt nhỏ mịn, màu trắng nhạt đến vàng nhạt.	Hunan Hong Ying Xiang Biochemistry Industry Co, Ltd.	China	28/11/2021
1324	Phytase HTR (Thermostable Phytase granular) 5,000 U/g	410-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Enzyme Phytase (từ vi khuẩn <i>Aspergillus Niger</i>) và chất mang (tinh bột và maltodextrin). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 8,0\%$; Phytase $\geq 5.000,0$ U/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: <i>Salmonella</i> không phát hiện trong 25 g, <i>E. coli</i> < 10 CFU/g; As $\leq 3,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm.	Bổ sung enzyme Phytase trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng hạt nhỏ mịn, màu trắng nhạt đến vàng nhạt.	Hunan Hong Ying Xiang Biochemistry Industry Co, Ltd.	China	28/11/2021
1325	Phytase HTR (Thermostable Phytase granular) 10,000 U/g	411-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Enzyme Phytase (từ vi khuẩn <i>Aspergillus Niger</i>) và chất mang (tinh bột và maltodextrin). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 8,0\%$; Phytase $\geq 10.000,0$ U/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: <i>Salmonella</i> không phát hiện trong 25 g, <i>E. coli</i> < 10 CFU/g; As $\leq 3,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm.	Bổ sung enzyme Phytase trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng hạt nhỏ mịn, màu trắng nhạt đến vàng nhạt.	Hunan Hong Ying Xiang Biochemistry Industry Co, Ltd.	China	28/11/2021
1326	Ammotrol	412-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất Saponin từ cây <i>Yucca schidigera</i> , chất bảo quản (Natrium benzoate) và chất mang (Dextrose). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 2,0\%$; Saponin $\geq 0,27\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: <i>Salmonella</i> không phát hiện trong 25 g, <i>E. coli</i> < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Pb $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,01$ ppm.	Bổ sung saponin từ cây <i>Yucca Schidigera</i> trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện năng suất vật nuôi và giảm mùi hôi thối từ chất thải vật nuôi.	Dạng bột, màu nâu đến nâu đỏ.	PT. Medion Farma Jaya.	Indonesia	28/11/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1327	Puyuh Vitanak	413-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin (A; B1; B2; B6; B12; D3; E; Calcium D-pantothenate; Niacinamide), Lysine, Methionine và chất mang (Lactose). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 g): Vitamin A $\geq$ 11.400,0 IU; Vitamin B1 $\geq$ 0,95 mg; Vitamin B2 $\geq$ 2,85 mg; Vitamin B6 $\geq$ 0,475 mg; Vitamin B12 $\geq$ 1,9 mcg; Vitamin D3 $\geq$ 900,0; Vitamin E $\geq$ 0,95 IU; Calcium D-pantothenate $\geq$ 4,5 mg; Niacinamide $\geq$ 18,0 mg; Lysine $\geq$ 90,0 mg; Methionine $\geq$ 180,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g, E. coli < 10 CFU/g; As $\leq$ 2,0 ppm; Cd $\leq$ 1,0 ppm; Pb $\leq$ 2,0 ppm; Hg $\leq$ 0,01 ppm.	Bổ sung vitamin và axit amin trong thức ăn chăn nuôi cho chim cút.	Dạng bột, màu vàng nâu.	PT. Medion Farma Jaya.	Indonesia	28/11/2021
1328	Turbo	414-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin (A; B1; B2; B6; B12; C; Calcium D-pantothenate; D3; E; K3; Niacinamide; axit Folic), Lysine, Methionine và chất mang (Lactose). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 g): Vitamin A $\geq$ 4.750,0 IU; Vitamin B1 $\geq$ 1,9 mg; Vitamin B2 $\geq$ 3,8 mg; Vitamin B6 $\geq$ 285,0 mcg; Vitamin B12 $\geq$ 1,9 mcg; Vitamin C $\geq$ 18,0 mg; Calcium D-pantothenate $\geq$ 4,5 mg; Vitamin D3 $\geq$ 1.440,0; Vitamin E $\geq$ 2,85 IU; Vitamin K3 $\geq$ 0,9 mg; Niacinamide $\geq$ 13,5 mg; Axit Folic $\geq$ 180,0 mcg; Lysine $\geq$ 90,0 mg; Methionine $\geq$ 45,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g, E. coli < 10 CFU/g; As $\leq$ 2,0 ppm; Cd $\leq$ 1,0 ppm; Pb $\leq$ 2,0 ppm; Hg $\leq$ 0,01 ppm.	Bổ sung vitamin và axit amin trong thức ăn chăn nuôi cho vịt đẻ.	Dạng bột, màu vàng nâu.	PT. Medion Farma Jaya.	Indonesia	28/11/2021
1329	Vita chicks	415-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin (A; B1; B2; B6; B12; C; Calcium D-pantothenate; D3; E; K3; axit Nicotinic) và chất mang (Lactose). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Vitamin A $\geq$ 4,7 MIU; Vitamin B1 $\geq$ 1,9 g; Vitamin B2 $\geq$ 3,8 g; Vitamin B6 $\geq$ 0,95 g; Vitamin B12 $\geq$ 0,95 mg; Vitamin C $\geq$ 18,0 g; Calcium D-pantothenate $\geq$ 4,5 g; Vitamin D3 $\geq$ 0,45 MIU; Vitamin E $\geq$ 2.375,0 IU; Vitamin K3 $\geq$ 0,9 g; Axit Nicotinic $\geq$ 13,5 g;. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g, E. coli < 10 CFU/g; As $\leq$ 2,0 ppm; Cd $\leq$ 1,0 ppm; Pb $\leq$ 2,0 ppm; Hg $\leq$ 0,01 ppm.	Bổ sung vitamin và axit amin trong thức ăn chăn nuôi cho gia cầm.	Dạng bột, màu nâu hoặc màu cam.	PT. Medion Farma Jaya.	Indonesia	28/11/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1330	Palbio 62SP	354-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Protein thủy phân từ niêm mạc ruột và dầu đậu nành. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 6,0$ %; Protein thô $\geq 59,5$ %; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 29,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g, E. coli < 10 CFU/g.	Sản phẩm protein thủy phân được tách chiết từ niêm mạc ruột lợn, dùng làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Bioiberica S.A.	Spain	16/11/2021
1331	TOP HO Xiao Tai Bao	349-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Enzyme Xylanase (từ Trichoderma reesei) và chất mang (tinh bột ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Xylanase $\geq 48.000,0$ BXU/g; Độ ẩm $\leq 13,0$ %; - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g, E. coli < 10 CFU/g.	Bổ sung enzyme tiêu hóa (Xylanase) trong thức ăn chăn nuôi cho lợn.	Dạng bột, màu vàng nhạt đến vàng đậm.	Nung Ho Enterprise Co, Ltd.	Taiwan	16/11/2021
1332	Vipha'MUN Tablets	427-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin (A, B1, B6, B12, D3, E, Calcium-D-pantothenate, Niacin (Niacinamide), axit Folic, Biotin), axit Citric, các axit béo (Stearic, palmitic), bột tảo biển, sodium bicarbonate và chất mang (lactose). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 Kg): Độ ẩm $\leq 8,0$ %; Vitamin A $\geq 0,6$ MIU; Vitamin B1 $\geq 32,4$ g; Vitamin B6 $\geq 11,25$ g; Vitamin B12 $\geq 0,1$ g; Vitamin D3 $\geq 0,16$ MIU; Vitamin E $\geq 14,4$ g; Calcium-D-pantothenate $\geq 112,5$ g; Niacin $\geq 45,0$ g; axit Folic $\geq 4,5$ g; Biotin $\geq 1.125,0$ mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $< 4,0$ ppm; Cd $< 0,5$ ppm; Pb $< 10,0$ ppm; Hg $< 0,1$ ppm.	Bổ sung hỗn hợp các vitamin trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm.	Dạng viên, màu be.	Synergie Prod., France (Sản xuất cho Amadeite SAS., France)	France	28/11/2021
1333	Vipha'MUN Liquid	428-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin (A, B1, B6, D3, E, Niacinamide), axit Formic, chất nhũ hóa (axit béo glycerol, polyoxyethylene (20) sorbitan monooleate), L-Lysine HCl, chất bảo quản (BHT) và bột tảo biển. - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 Kg): Vitamin E $\geq 30.000,0$ mg; Vitamin B6 $\geq 392,0$ mg; Niacin $\geq 1.980,0$ mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $< 4,0$ ppm; Cd $< 0,5$ ppm; Pb $< 10,0$ ppm; Hg $< 0,1$ ppm.	Bổ sung hỗn hợp các vitamin trong nước uống cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu nâu xanh.	Artimon SAS., France (Sản xuất cho Amadeite SAS., France)	France	28/11/2021
1334	Vipha'DIGEST	429-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sorbitol, Methionine Hydroxy Analogue (MHA) và bột tảo biển. - Chỉ tiêu chất lượng: Methionine Hydroxy Analogue (MHA) $\geq 6,75$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $< 4,0$ ppm; Cd $< 0,5$ ppm; Pb $< 10,0$ ppm; Hg $< 0,1$ ppm.	Bổ sung Methionine Hydroxy Analogue (MHA) trong nước uống cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu nâu.	Artimon SAS., France (Sản xuất cho Amadeite SAS., France)	France	28/11/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1335	Vipha'DIAR Tablets	430-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Magnesium sulphate anhydrous, Potassium chloride, Calcium acetate, Sodium chloride, Sodium bicarbonate, Sodium chloride, Ascorbic acid, Citric acid, muối của axit béo (axit stearic và axit palmitic), bột tảo biển và chất mang (Lactose, Dextrose). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 8,5\%$; Natri (Na): 5,8 - 8,8%; Kali (K): 1,92 - 3,36 %; Magiê (Mg): 1,6 - 2,8 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $< 4,0$ ppm; Cd $< 0,5$ ppm; Pb $< 10,0$ ppm; Hg $< 0,1$ ppm.	Bổ sung hỗn hợp khoáng trong nước uống cho gia súc, gia cầm.	Dạng viên, màu be.	Synergie Prod., France (Sản xuất cho Amadeite SAS., France)	France	28/11/2021
1336	Ingaso P-140 Vietnam	439-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin (A, D3, E, K3, B1, B2, B6, B12, axit nicotinic, D-calcium pantothenate, biotin), các axit hữu cơ (Orthophosphoric, Fumaric, Citric, Malic), bột trứng gà, Sodium chloride, Protein từ khoai tây, Betaine anhydrous, Manganese oxide, dicopper chloride trihydroxide, Iron sulphate monohydrate, Zinc oxide, Potassium iodine, Sodium selenite, Endo-1,4-Beta-xylanase, Endo-1,3(4)-Beta-glucanase, 6-phytase, Bacillus licheniformis, Bacillus subtilis, chất chống ôxi hóa (Ethoxyquin, Propyl pallate), DL-methionine, L-lysine monohydrochloride, L-threonine, L-tryptophan và chất mang (Bột đá, ngô ép đùn, lúa mì ép đùn, lúa mạch ép đùn, yến mạch ép đùn, DCP). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Độ ẩm $\leq 4,4\%$; Protein $\geq 21,0\%$; Vitamin A $\geq 325.000,0$ IU; Vitamin D3 $\geq 50.000,0$ IU; Vitamin E $\geq 1,0$ g; Lysine $\geq 41,5$ g; Methionine $\geq 21,0$ g; Sắt (Fe): 2,65 - 3,6 g; Mangan (Mn): 0,85 - 1,15 g; Kẽm (Zn): 52,4 - 71,0 g; Đồng (Cu): 3,4 - 4,25 g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; Pb $< 10,0$ ppm; Cd $< 0,5$ ppm; As $< 4,0$ ppm; Hg $< 0,1$ ppm.	Bổ sung premix vitamin, axit amin và khoáng trong thức ăn chăn nuôi cho lợn con.	Dạng bột, vàng nhạt.	Ingaso Farm S.L.U.	Spain	29/11/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1337	Ingaso Fertile	440-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Biotin, Vitamin E, Hydrated amino acid Zinc chelate, nấm men bất hoạt chứa Selen (từ nấm men <i>Saccharomyces cerevisiae</i>) và chất mang (ngũ cốc ép đùn). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Độ ẩm $\leq 7,0$ %; Biotine $\geq 33,0$ mg; Vitamin E $\geq 8.333,0$ mg; Kẽm (Zn): 5.700,0 - 7.600,0 mg; Selen (Se): 28,0 - 38,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; Pb < 10,0 ppm; Cd < 0,5 ppm; As < 4,0 ppm; Hg < 0,1 ppm.	Bổ sung premix vitamin và khoáng trong thức ăn chăn nuôi cho lợn nái và lợn đực.	Dạng bột, màu be.	Ingaso Farm S.L.U.	Spain	29/11/2021
1338	Ingaprot 45	441-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Protein từ đậu tương, Dicalcium phosphate, L-lysine monohydrochloride, L-tryptophan, ngô ép đùn, đậu tương rang, lúa mì ép đùn, lúa mạch ép đùn, yến mạch ép đùn, gạo ép đùn và chất mang (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Độ ẩm $\leq 11,3$ %; Protein $\geq 38,4$ %; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 4,1$ %; Lysine $\geq 6,43$ g; Tryptophan $\geq 1,45$ g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; Pb < 10,0 ppm; Cd < 0,5 ppm; As < 4,0 ppm; Hg < 0,1 ppm.	Bổ sung protein và axit amin trong thức ăn chăn nuôi cho lợn con.	Dạng bột, màu be.	Ingaso Farm S.L.U.	Spain	29/11/2021
1339	Ingaso Inmuprot 70	442-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Protein từ thực vật (đậu tương, khoai tây), L-lysine monohydrochloride, DL-methionine, L-threonine, L-tryptophan, đậu tương rang nghiền và chất mang (DCP). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Độ ẩm $\leq 9,9$ %; Protein $\geq 59,5$ %; Lysine $\geq 15,53$ g; Methionine $\geq 10,4$ g; Threonine $\geq 6,2$ g; Tryptophan $\geq 4,03$ g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; Pb < 10,0 ppm; Cd < 0,5 ppm; As < 4,0 ppm; Hg < 0,1 ppm.	Bổ sung protein và axit amin trong thức ăn chăn nuôi cho lợn con.	Dạng bột, màu nâu.	Ingaso Farm S.L.U.	Spain	29/11/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1340	ActiveMOS	398-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: 100 % thành tế bào nấm men từ nấm men <i>Saccharomyces cerevisiae</i>) - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 8,0$ %; Mannan-oligosaccharide (MOS) $\geq 18,0$ %; Beta glucan $\geq 20,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện MPN/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung Beta-glucan và Mannan-oligosaccharide từ thành tế bào nấm men trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột, màu be đến nâu.	Açucareira Quatá S.A.	Brazil	23/11/2021
1341	Profish Omega Poultry	347-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các axit amin (L-Lysine HCl, DL-Methionine, L-Threonine, L-Tryptophan), dầu cá hồi (Xalar salmon oil), chất phụ gia (Fylax Forte, Fysal) và chất mang (Gluten ngô, bột đậu tương). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Độ ẩm $\leq 11,0$ %; Protein thô $\geq 55,0$ %; Béo thô (Fat) $\geq 8,0$ %; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 5,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; Pb $< 5,0$ ppm; Cd $< 0,5$ ppm; As $< 2,0$ ppm; Hg $< 0,1$ ppm.	Bổ sung Protein trong thức ăn chăn nuôi cho gia cầm.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Belcofeed NV.	Belgium	16/11/2021
1342	Profish Omega Swine	348-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các axit amin (L-Lysine HCl, DL-Methionine, L-Threonine, L-Tryptophan), dầu cá hồi (Xalar salmon oil), chất phụ gia (Fylax Forte, Fysal) và chất mang (Gluten ngô, bột đậu tương). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Độ ẩm $\leq 11,0$ %; Protein thô $\geq 55,0$ %; Béo thô (Fat) $\geq 8,0$ %; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 5,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; Pb $< 5,0$ ppm; Cd $< 0,5$ ppm; As $< 2,0$ ppm; Hg $< 0,1$ ppm.	Bổ sung Protein trong thức ăn chăn nuôi cho lợn.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Belcofeed NV.	Belgium	16/11/2021
1343	Rovimix E 50-SD	358-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin E (DL-alpha-Tocopheryl Acetate), chất chống đông vón (Silicon Dioxide) và chất mang (tinh bột biến tính, Maltodextrin). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 5,0$ %; Vitamin E $\geq 50,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm.	Bổ sung vitamin E trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng đến vàng nhạt.	DSM Nutritional Products.	USA	16/11/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1344	Chick Min	329-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các Vitamin (A, B1, B2, B6, C, D3, E, Biotin, axit Pantothenic, Niacin), Copper sulfate, Zinc sulfate, Potassium sulfate, Magnesium sulfate, Ferrous sulfate, Manganese sulfate, Cobalt sulfate, Sodium chloride, Sodium bicarbonate, Methionine và chất mang (Dextrose monohydrate). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Vitamin A $\geq 1,75$ MIU; Vitamin B1 $\geq 210,0$ mg; Vitamin B2 $\geq 650,0$ mg; Vitamin B6 $\geq 200,0$ mg; Vitamin C $\geq 6.000,0$ mg; Vitamin D3 $\geq 0,4$ MIU; Vitamin E $\geq 400,0$ mg; Biotin $\geq 1,7$ mg; axit Pantothenic $\geq 350,0$ mg; Niacin $\geq 400,0$ mg; Methionine $\geq 20,0$ mg; Natri (Na): 5,0 - 8,0 mg; Kali (K): 2.400,0 - 3.600,0 mg; Kẽm (Zn): 2.200,0 - 3.300,0 mg; Đồng (Cu): 2.000,0 - 3.000,0 mg; Magiê (Mg): 1.200,0 - 1.800,0 mg; Sắt (Fe): 600,0 - 900,0 mg; Mangan (Mn): 240,0 - 360,0 mg; Coban (Co): 40,0 - 60,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; Pb < 80,0 ppm; Cd < 10,0 ppm; As < 50,0 ppm; Hg < 2,0 ppm.	Bổ sung premix vitamin và khoáng trong nước uống cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	Vet Superior Consultant Co, Ltd.	Thailand	16/11/2021
1345	Seleplus	330-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin E, Sodium selenite và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 lít): Vitamin E $\geq 65.000,0$ IU; Selen (Se): 360,0 - 540,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; Pb < 80,0 ppm; Cd < 10,0 ppm; As < 50,0 ppm; Hg < 2,0 ppm.	Bổ sung premix vitamin và khoáng trong nước uống cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu đỏ.	Vet Superior Consultant Co, Ltd.	Thailand	16/11/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1346	Hi-A-Min	331-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Calcium sulfate, Zinc sulfate, Manganese sulfate, Copper sulfate, Ferrous sulfate, Magnesium sulfate, Potassium sulfate, Cobalt sulfate và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 lít): Canxi (Ca): 4.800,0 - 7.200,0 mg; Kẽm (Zn): 2.400,0 - 3.600,0 mg; Mangan (Mn): 2.000,0 - 3.000,0 mg; Đồng (Cu): 800,0 - 1.200,0 mg; Sắt (Fe): 4.000,0 - 6.000,0 mg; Magiê (Mg): 4.000,0 - 6.000,0 mg; Kali (K): 4.000,0 - 6.000,0 mg; Coban (Co): 8,0 - 12,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; Pb < 80,0 ppm; Cd < 10,0 ppm; As < 50,0 ppm; Hg < 2,0 ppm.	Bổ sung premix khoáng trong nước uống cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu xanh.	Vet Superior Consultant Co, Ltd.	Thailand	16/11/2021
1347	Nosa	332-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Zinc sulfate, tinh dầu bạc hà (Peppermint oil) và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 lít): Kẽm (Zn): 4.000,0 - 6.000,0 mg; Peppermint oil $\geq$ 2.000,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; Pb < 80,0 ppm; Cd < 10,0 ppm; As < 50,0 ppm; Hg < 2,0 ppm.	Bổ sung khoáng và tinh dầu thực vật trong nước uống cho gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa.	Dạng lỏng, màu đỏ.	Vet Superior Consultant Co, Ltd.	Thailand	16/11/2021
1348	Probiozyme	333-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vi sinh vật (Bacillus subtilis, Bacillus licheniformis, Lactobacillus acidophilus, lactobacillus plantarum), các enzyme (Cellulase, Xylanase, Beta-glucanase, Alpha-amylase, Protease, Phytase) và chất mang (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Độ ẩm $\leq$ 10,0 %; Bacillus subtilis $\geq$ $1,0 \times 10^8$ CFU; Bacillus licheniformis $\geq$ $1,0 \times 10^8$ CFU; Lactobacillus acidophilus $\geq$ $1,0 \times 10^4$ CFU; Lactobacillus plantarum $\geq$ $1,0 \times 10^4$ CFU; Cellulase $\geq$ 1.000.000,0 U; Xylanase $\geq$ 1.000.000,0 U; Beta-glucanase $\geq$ 500.000,0 U; Alpha-amylase $\geq$ 1.500.000,0 U; Protease $\geq$ 10.000,0 U; Phytase $\geq$ 25.000,0 U. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; Pb < 80,0 ppm; Cd < 10,0 ppm; As < 50,0 ppm; Hg < 2,0 ppm.	Bổ sung vi sinh vật và enzyme trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu.	Vet Superior Consultant Co, Ltd.	Thailand	16/11/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1349	Cupramel 25	343-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Copper sulphate pentahydrate ((CuSO₄.5H₂O) ≥ 98,0 %). - Chỉ tiêu chất lượng: Đồng (Cu): 24,0 - 25,45 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb < 100,0 ppm; As < 50,0 ppm; Cd < 10,0 ppm; Hg < 0,5 ppm.	Bổ sung khoáng vi lượng Đồng (Cu) trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm.	Dạng tinh thể, màu xanh.	Bakir Sulfat Kimya San. Ve Tic.A.S., Turkey (sản xuất cho Olmix S.A, France)	Turkey	16/11/2021
1350	Vivactiv'	342-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Zinc sulfate, Manganese sulfate, Cobalt carbonate, Vitamin B12, Biotin, saponin (chiết xuất từ Yucca schidigera) và chất mang (Sodium sulfate, bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Độ ẩm ≤ 3,6 %; Kẽm (Zn): 16.200,0 - 19.800,0 mg; Mangan (Mn): 14.400,0 - 17.600,0 mg; Coban (Co): 81,0 - 99,0 mg; Biotin ≥ 7,0 mg; Saponin ≥ 700,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; Pb < 10,0 ppm; Cd < 0,5 ppm; As < 4,0 ppm; Hg < 2,0 ppm.	Bổ sung khoáng và saponin trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc nhai lại.	Dạng bột, màu nâu đỏ.	CCPA.	France	16/11/2021
1351	Pecutrin	363-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Calcium propionate, Sodium bicarbonate, mono-calcium phosphate, Choline chloride, Niacin, dầu thực vật và chất mang (cám lúa mỳ). - Chỉ tiêu chất lượng : Canxi (Ca): 11,0 - 15,0 %; Phospho (P): 3,4 - 4,7 %; Béo thô (Fat) ≥ 4,5 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; Pb < 15,0 ppm; Cd < 5,0 ppm; As < 4,0 ppm; Hg < 0,2 ppm.	Bổ sung khoáng, béo thô trong thức ăn chăn nuôi cho bò sữa.	Dạng hạt nhỏ mịn, màu trắng xám.	Dr. Eckel, GmbH.	Germany	16/11/2021
1352	Probio-5	335-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp các vi sinh vật có lợi (Saccharomyces cerevisiae; Lactobacillus plantarum; Bacillus licheniformis) và chất mang (cám gạo). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm ≤ 10,0 %; Saccharomyces cerevisiae ≥ 2,3 × 10⁸ CFU/g; Lactobacillus plantarum ≥ 4,6 × 10⁸ CFU/g; Bacillus licheniformis ≥ 4,1 × 10⁸ CFU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; Pb < 5,0 ppm; Cd < 0,5 ppm; As < 2,0 ppm; Hg < 0,1 ppm.	Bổ sung hỗn hợp vi sinh vật có lợi trong thức ăn cho gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Soma Inc.	Korea	16/11/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1353	Probio-Sol	336-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp các vi sinh vật có lợi (<i>Saccharomyces cerevisiae</i>; <i>Bacillus licheniformis</i>) và chất mang (Dextrose). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; <i>Saccharomyces cerevisiae</i> $\geq 2,0 \times 10^8$ CFU/g; <i>Bacillus licheniformis</i> $\geq 2,0 \times 10^8$ CFU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: <i>Salmonella</i> không phát hiện trong 25 g; <i>E. coli</i> không phát hiện trong 1 g; Pb < 5,0 ppm; Cd < 0,5 ppm; As < 2,0 ppm; Hg < 0,1 ppm.	Bổ sung hỗn hợp vi sinh vật có lợi trong thức ăn cho gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột, màu trắng.	Soma Inc.	Korea	16/11/2021
1354	Novicid Elite	344-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit Formic, axit Propionic, axit Benzoic, axit Lactic, Sodium formate, chất chống kết dính (Clinoptilolite) và chất mang (axit Silicic). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0$ %; axit Formic $\geq 22,5$ %; axit Propionic $\geq 7,9$ %; axit Benzoic $\geq 3,9$ %; axit Lactic $\geq 2,5$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: <i>Salmonella</i> không phát hiện trong 25 g; <i>E. coli</i> không phát hiện trong 1 g; Pb < 200,0 ppm; Cd < 20,0 ppm; As < 20,0 ppm; Hg < 1,0 ppm.	Bổ sung hỗn hợp axit hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Innov AD NV/SA.	Belgium	16/11/2021
1355	Novicid PM	345-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Calcium formate, Calcium propionate, axit Citric, chất tạo mùi (tinh dầu quế) và chất mang (Calcium sulfate). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 2,0$ %; axit Formic $\geq 36,0$ %; axit Propionic $\geq 9,0$ %; axit Citric $\geq 6,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: <i>Salmonella</i> không phát hiện trong 25 g; <i>E. coli</i> không phát hiện trong 1 g; Pb < 200,0 ppm; Cd < 20,0 ppm; As < 20,0 ppm; Hg < 1,0 ppm.	Bổ sung hỗn hợp axit hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Innov AD NV/SA.	Belgium	16/11/2021
1356	Aflorin BF	346-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit Citric, chất tạo mùi (chiết xuất từ hạt nho, trà xanh) và chất mang (Clinoptilolite). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 5,0$ %; axit Citric $\geq 45,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: <i>Salmonella</i> không phát hiện trong 25 g; <i>E. coli</i> không phát hiện trong 1 g; Pb < 200,0 ppm; Cd < 20,0 ppm; As < 20,0 ppm; Hg < 1,0 ppm.	Bổ sung axit Citric trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột, màu nâu.	Innov AD NV/SA.	Belgium	16/11/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1357	1% Compound Premix Applied to Suckling Piglet at the Later Stage	399-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ferrous sulfate, Copper sulfate, Manganese sulfate, Zinc sulfate và chất mang (bột Zeolite). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Sắt (Fe): 16.800,0 - 25.000,0 mg; Đồng (Cu): 16.000,0 - 25.000,0 mg; Mangan (Mn): 5.000,0 - 15.000,0 mg; Kẽm (Zn): 10.000,0 - 20.000,0 mg. - <u>Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $< 40,0$ ppm; As $< 10,0$ ppm.</u>	Bổ sung hỗn hợp premix khoáng trong thức ăn chăn nuôi cho lợn con.	Dạng bột, màu xám hoặc xám xanh.	Anhui Tech Bank Feed Industry Co, Ltd.	China	23/11/2021
1358	1% Compound Premix Applied to Broiler Duckling at the Earlier Stage	400-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ferrous sulfate, Copper sulfate, Manganese sulfate, Zinc sulfate và chất mang (bột Zeolite). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Sắt (Fe): 3.500,0 - 75.000,0 mg; Đồng (Cu): 40,0 - 3.500,0 mg; Mangan (Mn): 4.000,0 - 9.000,0 mg; Kẽm (Zn): 2.000,0 - 6.000,0 mg. - <u>Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $< 40,0$ ppm; As $< 10,0$ ppm.</u>	Bổ sung hỗn hợp premix khoáng trong thức ăn chăn nuôi cho vịt thịt.	Dạng bột, màu xám hoặc xám xanh.	Anhui Tech Bank Feed Industry Co, Ltd.	China	23/11/2021
1359	Betaine Anhydrous 96%	337-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Betaine anhydrous và chất chống kết dính (Calcium Stearate). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Độ ẩm $\leq 2,0\%$; Betaine anhydrous $\geq 96,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung Betaine trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng đến nâu nhạt.	Nanchang Lifeng Industry and Trading, Co, Ltd.	China	16/11/2021
1360	Lysozyme 10%	338-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Lysozyme và chất mang (tinh bột hoặc glucose). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Lysozyme $\geq 450.000,0$ IU; khoáng tổng số (Ash) $\leq 9,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 3,0$ ppm; <u>Cd $\leq 0,5$ ppm.</u>	Bổ sung enzyme Lysozyme trong thức ăn cho gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột, màu trắng đến vàng nhạt.	Nanchang Lifeng Industry and Trading, Co, Ltd.	China	16/11/2021
1361	Lysozyme 98%	339-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Lysozyme. - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Độ ẩm $\leq 5,0\%$; Lysozyme $\geq 5.000.000,0$ IU. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 3,0$ ppm; <u>Cd $\leq 0,5$ ppm.</u>	Bổ sung enzyme Lysozyme trong thức ăn cho gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột, màu trắng.	Nanchang Lifeng Industry and Trading, Co, Ltd.	China	16/11/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1362	Coated Sodium Butyrate 90%	340-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sodium butyrate và chất mang (tinh bột). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Độ ẩm $\leq 5,0$ %; Axit butyric $\geq 90,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 20,0$ ppm; As $\leq 5,0$ ppm.	Bổ sung axit hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng hạt, màu trắng.	Nanchang Lifeng Industry and Trading, Co, Ltd.	China	16/11/2021
1363	Jia Su An	341-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Kitasamycin, dầu thực vật hydro hoá và chất mang (tinh bột ngô, bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Kitasamycin: 9,0 - 11,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; Pb $\leq 5,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung kháng sinh Kitasamycin trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm tăng khả năng sinh trưởng vật nuôi.	Dạng hạt nhỏ mịn hoặc dạng vi nang, màu trắng hoặc vàng nhạt.	Jiangxi Tianjia Animal Pharmaceutical Co, Ltd.	China	16/11/2021
1364	AP 820P	282-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: 100 % huyết tương lợn. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 9,0$ %; Protein thô $\geq 73,0$ %; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 16,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung protein trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng nhạt đến vàng nhạt.	APC Europe S.A.	Spain	14/11/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1365	Piglet Booster	401-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Retinyl acetate (Vitamin A), Thiamine (Vitamin B1), Riboflavin (Vitamin B2), Calcium D pantothenate (Vitamin B5), Pyridoxine HCl (Vitamin B6), Cyanocobalmin (Vitamin B12), axit Ascorbic (Vitamin C), Cholecalciferol (Vitamin D3), Alpha-tocopherol (Vitamin E), Biotin, axit Folic, Menadione (Vitamin K), Nicotinamide, Ferrous chelate glycine hydrate, Copper chelate of glycine, potassium Iodide, Threonine, dầu hạt lanh, chất tạo mùi (Oregano, Rosemary) và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 lít): Retinyl acetate (Vitamin A) $\geq 432.000,0$ IU; Thiamine (Vitamin B1) $\geq 800,0$ mg; Riboflavin (Vitamin B2) $\geq 148,0$ mg; Calcium D pantothenate (Vitamin B5) $\geq 280,0$ mg; Pyridoxine HCl (Vitamin B6) ≥ 132mg; Cyanocobalmin (Vitamin B12) $\geq 1.360,0$ mcg; axit Ascorbic (Vitamin C) $\geq 8.000,0$ mg; Cholecalciferol (Vitamin D3) $\geq 88.000,0$ IU; Alpha-tocopherol (Vitamin E) $\geq 16.000,0$ mg; Biotin $\geq 20.000,0$ mcg; axit Folic $\geq 32,0$ mg; Menadione (Vitamin K) $\geq 40,0$ mg; Axit Nicotinic (Nicotinamide) $\geq 920,0$ mg; Sắt (Fe): $8.000,0 - 12.000,0$ mg; Đồng (Cu): $960,0 - 1.440,0$ mg; Iốt (I): $160,0 - 240,0$ mg; Threonine $\geq 40.000,0$ mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; As $< 4,0$ ppm; Pb $< 10,0$ ppm; Cd $< 0,5$ ppm; Hg $< 0,2$ ppm.	Bổ sung premix vitamin, khoáng và axit amin trong thức ăn cho lợn con	Dạng lỏng, màu nâu.	Inform Nutrition Ireland Ltd.	Ireland	23/11/2021
1366	Corion Calphocor	431-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Magnesium chloride, Calcium chloride, Monopotassium phosphate, axit Citric. - Chỉ tiêu chất lượng: Magiê (Mg): $0,5 - 1,1$ %; Canxi (Ca): $1,5 - 2,5$ %; Phospho (P): $0,8 - 1,5$ %; Axit Citric $\geq 2,0$ g/lít. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; Pb $< 10,0$ ppm; As $< 4,0$ ppm; Cd $< 0,5$ ppm; Hg $< 0,1$ ppm.	Bổ sung khoáng và axit hữu cơ trong nước uống cho gia cầm.	Dạng lỏng, màu đỏ nhạt.	Dilus Labs, S.L.	Spain	29/11/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1367	Corion Liver Tonic	432-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Magnesium sulphate, Sorbitol, Carnitine, Choline chloride, Lysine monohydrochloride. - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 lít): Lysine $\geq 4,0$ g; Magiê (Mg): 0,7 - 1,5 %; Carnitine $\geq 20,0$ g; Choline $\geq 15,0$ g; Sorbitol $\geq 120,0$ g - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; Pb < 10,0 ppm; As < 4,0 ppm; Cd < 0,5 ppm; Hg < 0,1 ppm	Bổ sung axit amin và khoáng trong thức ăn và nước uống cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu vàng nhạt.	Dilus Labs, S.L.	Spain	29/11/2021
1368	Corion Acid Plus	433-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các axit hữu cơ (Lactic, Formic, Acetic). - Chỉ tiêu chất lượng: Axit Lactic $\geq 13,0$ %; Axit Formic $\geq 18,0$ %; Axit Acetic $\geq 18,0$ % - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; Pb < 10,0 ppm; As < 4,0 ppm; Cd < 0,5 ppm; Hg < 0,1 ppm	Bổ sung hỗn hợp axit hữu cơ trong thức ăn và nước uống cho gia súc, gia cầm nhằm bảo quản thức ăn và chống sự lên men, nấm mốc trong thức ăn và nước uống.	Dạng lỏng, không màu.	Dilus Labs, S.L.	Spain	29/11/2021
1369	Corion Renacor	434-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Magnesium sulphate, Choline chloride, Nicotinamide, DL-Methionine, Lysine monohydrochloride, Sorbitol, Mannitol. - Chỉ tiêu chất lượng: Nicotinamide $\geq 1,5$ g/lít; Methionine $\geq 10,0$ g/lít; Sorbitol $\geq 65,0$ g/lít; Lysine $\geq 6,0$ g/lít; Magiê (Mg): 0,2 - 1,0 %; Carnitine $\geq 45,0$ g/lít; Choline $\geq 10,0$ g/lít; Mannitol $\geq 45,0$ g/lít. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; Pb < 10,0 ppm; As < 4,0 ppm; Cd < 0,5 ppm; Hg < 0,1 ppm	Bổ sung premix vitamin, axit amin và khoáng trong nước uống cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu vàng nhạt.	Dilus Labs, S.L.	Spain	29/11/2021
1370	Corion Chick Pro	435-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin (A, B1, B2, B6, B12, D3, E, K3), Dexpanthenol, Choline chloride, Biotin, Inositol, DL-Methionine, Protein thủy phân từ thực vật. - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 lít): Vitamin A $\geq 2,0$ MIU; Vitamin B1 $\geq 2,0$ g; Vitamin B2 $\geq 3,0$ g; Vitamin B6 $\geq 1,0$ g; Vitamin B12 $\geq 5,0$ mg; Vitamin D3 $\geq 0,4$ MIU; Vitamin E $\geq 4,0$ g; Vitamin K3 $\geq 220,0$ mg; Choline $\geq 200,0$ mg; Methionine $\geq 4,0$ g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; Pb < 10,0 ppm; As < 4,0 ppm; Cd < 0,5 ppm; Hg < 0,1 ppm	Bổ sung premix vitamin và axit amin trong nước uống cho gia cầm.	Dạng lỏng, màu nâu vàng.	Dilus Labs, S.L.	Spain	29/11/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1371	PD PS One Concentrate	462-12/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Yến mạch nấu chín, bột cá, đậu tương nguyên dầu, protein đậu tương cô đặc, Sucrose, Dicalcium Phosphate, premix vitamin khoáng, các axit amin, dầu đậu tương, lúa mỳ. - Chỉ tiêu chất lượng: Mỡ thô $\geq 9,25\%$; Protein thô $\geq 32,5\%$; Xơ thô $\leq 3,5\%$; Khoáng tổng số $\leq 12,5\%$; Độ ẩm $\leq 13,0\%$; Phốtpho (P): 0,50 - 1,65 %; Canxi (Ca): 0,80 - 2,40 %; Lysine $\geq 2,3\%$; Methionine + Cystine $\geq 1,25\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 5,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Salmonella không phát hiện trong 25g, E.coli < 10 CFU/g; tổng vi khuẩn hiếu khí $\leq 1,0 \times 10^6$ CFU/g.	Thức ăn đậm đặc cho lợn con từ 7 ngày tuổi đến 7 kg trọng lượng cơ thể.	Dạng bột, màu vàng đến nâu.	Primary Diets (A division of AB Agri Ltd.).	United Kingdom	5/1/2022
1372	PD PS Two Concentrate	463-12/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Yến mạch nấu chín, bột cá, đậu tương nguyên dầu, protein đậu tương cô đặc, Sucrose, Dicalcium Phosphate, premix vitamin khoáng, các axit amin, dầu đậu tương, lúa mỳ. - Chỉ tiêu chất lượng: Mỡ thô $\geq 9,0\%$; Protein thô $\geq 32,5\%$; Xơ thô $\leq 3,5\%$; Khoáng tổng số $\leq 13,75\%$; Độ ẩm $\leq 13,0\%$; Phốtpho (P): 0,6 - 1,8 %; Canxi (Ca): 1,0 - 2,6 %; Lysine $\geq 2,4\%$; Methionine + Cystine $\geq 1,25\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 5,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Salmonella không phát hiện trong 25g, E.coli < 10 CFU/g; tổng vi khuẩn hiếu khí $\leq 1,0 \times 10^6$ CFU/g.	Thức ăn đậm đặc cho lợn con từ 7 ngày tuổi đến 8 kg trọng lượng cơ thể.	Dạng bột, màu vàng đến nâu.	Primary Diets (A division of AB Agri Ltd.).	United Kingdom	5/1/2022
1373	PD PS Three Concentrate	464-12/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Yến mạch nấu chín, bột cá, đậu tương nguyên dầu, protein đậu tương cô đặc, Sucrose, Dicalcium Phosphate, premix vitamin khoáng, các axit amin, dầu đậu tương, lúa mỳ. - Chỉ tiêu chất lượng: Mỡ thô $\geq 9,85\%$; Protein thô $\geq 36,0\%$; Xơ thô $\leq 3,5\%$; Khoáng tổng số $\leq 15,0\%$; Độ ẩm $\leq 13,0\%$; Phốtpho (P): 0,9 - 2,2 %; Canxi (Ca): 1,40 - 2,85 %; Lysine $\geq 2,6\%$; Methionine + Cystine $\geq 1,3\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 5,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Salmonella không phát hiện trong 25g, E.coli < 10 CFU/g; tổng vi khuẩn hiếu khí $\leq 1,0 \times 10^6$ CFU/g.	Thức ăn đậm đặc cho lợn con từ 7 ngày tuổi đến 8 kg trọng lượng cơ thể.	Dạng bột, màu vàng đến nâu.	Primary Diets (A division of AB Agri Ltd.).	United Kingdom	5/1/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1374	PD PS Four Concentrate	465-12/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Yến mạch nấu chín, bột cá, đậu tương nguyên dầu, protein đậu tương cô đặc, Sucrose, Dicalcium Phosphate, premix vitamin khoáng, các axit amin, dầu đậu tương, lúa mì. - Chỉ tiêu chất lượng: Mỡ thô $\geq 10,5\%$; Protein thô $\geq 32,0\%$; Xơ thô $\leq 3,65\%$; Khoáng tổng số $\leq 17,5\%$; Độ ẩm $\leq 13,0\%$; Phốtpho (P): 1,25 - 2,50 %; Canxi (Ca): 1,7 - 3,4 %; Lysine $\geq 2,65\%$; Methionine + Cystine $\geq 1,3\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 5,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Salmonella không phát hiện trong 25g, E.coli < 10 CFU/g; tổng vi khuẩn hiếu khí $\leq 1,0 \times 10^6$ CFU/g.	Thức ăn đậm đặc cho lợn con từ 7 ngày tuổi đến 13 hoặc 14 kg trọng lượng cơ thể.	Dạng bột, màu nâu đến màu kem.	Primary Diets (A division of AB Agri Ltd.).	United Kingdom	5/1/2022
1375	Meli Production CAB	281-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Cám lúa mì, đậu faba, cỏ linh lăng sấy khô đông bánh, ngô, lúa mì, đậu, bánh bột đậu nành ép, cacbonat canxi, clorua natri, Monocanci photphate, premix vitamin - khoáng, chất tạo mùi. - Chỉ tiêu chất lượng: Protein thô (CP) $\geq 14,9\%$; Béo thô (Fat) $\geq 1,9\%$; Xơ thô (CF) $\leq 11,8\%$; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 7,7\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25g, E.coli < 10 CFU/g; As $\leq 4,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Thức ăn tinh hỗn hợp organic cho bò sữa.	Dạng ép viên, màu nâu vàng.	Terrena.	France	10/11/2021
1376	Mold inhibitor (Kemeiling)	370-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit Sorbic, axit Acetic, chất phụ gia và chất mang (dầu thực vật, Silica, Zeolit). - Chỉ tiêu chất lượng: Axit Sorbic $\geq 3,0\%$; axit Acetic $\geq 7,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 20,0$ ppm; As $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung axit hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm kiểm soát sự phát triển của nấm mốc.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Chongqing Weishi Chemical Industry Co., Ltd.	China	18/11/2021
1377	Antioxidant (Keyangning)	371-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ethoxyquin, Butylated Hydroxytoluene (BHT), chất mang (Silica). - Chỉ tiêu chất lượng: Ethoxyquin: 5,5 - 6,5 %; BHT: 6,5 - 7,5 %; khoáng tổng số $\leq 72,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 20,0$ ppm; As $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung chất chống oxy hóa (Ethoxyquin, BHT) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Chongqing Weishi Chemical Industry Co., Ltd.	China	18/11/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1378	Nutrisacc Power Pack	445-11/16- CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin A, Tricalcium phosphate, Calcium hydroxide, Manganese oxide, Copper sulphate, chất mang (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: Canxi (Ca): 6,5 - 8,8 %; Phốtpho (P): 2,0 - 2,8 %; Mangan (Mn): 0,067 - 0,101 %; Đồng (Cu): 0,008 - 0,012 %; vitamin A $\geq 92.000,0$ IU/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm.	Bổ sung premix khoáng và vitamin A cho gia súc nhai lại.	Dạng bột, màu xám.	Provimi Animal Nutrition India Pvt. Ltd.	India	30/11/2021
1379	Mineral Block	461-12/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Natri clorua, Canxi cacbonate, Natri selenite, Magiê ôxit, Canxi iodate, Kẽm ôxit, Mangan ôxit, Sắt ôxit, Coban cacbonate, Đồng sunphate. - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Natri (Na): 36,0 - 40,0 %; Magiê (Mg): 0,28 - 0,38 %; Mangan (Mn): 130,0 - 160,0 mg; Coban (Co): 12,0 - 18,0 mg; Kẽm (Zn): 200,0 - 260,0 mg; Đồng (Cu): 150,0 - 180,0 mg; Sắt (Fe): 700,0 - 900,0 mg; Selen (Se): 3,0 - 7,0 mg; Iốt (I): 8,0 - 12,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 30,0$ ppm; As $\leq 30,0$ ppm; Cd $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,2$ ppm.	Tăng đá liếm, thức ăn bổ sung khoáng cho gia súc nhai lại và ngựa.	Tăng hình vuông hoặc tròn, màu đỏ.	Royal Ilac San. Ve Tic. Ltd. Sti.	Turkey	27/12/2021
1380	Prolac 42	403-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Khô đậu tương, protein đậu tương cô đặc, bột whey. - Chỉ tiêu chất lượng: Protein $\geq 42,0$ %; Mỡ thô $\leq 1,5$ %; khoáng tổng số $\leq 7,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25g, E.coli < 10 CFU/g.	Bổ sung protein và các chất dinh dưỡng trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Jiangsu Utile Bio-Tech Co., Ltd.	China	25/11/2021
1381	Yeastel	379-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: 100 % tế bào nấm men Saccharomyces cerevisiae bất hoạt thủy phân. - Chỉ tiêu chất lượng: Protein $\geq 45,0$ %; khoáng tổng số $\leq 8,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25g, E.coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung protein và các chất dinh dưỡng từ tế bào nấm men thủy phân trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng nhạt đến nâu.	Guangdong Hinabiotech Co., Ltd.	China	18/11/2021
1382	Monodicalcium Phosphate (21%)	369-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Monocalcium phosphate và Dicalcium Phosphate. - Chỉ tiêu chất lượng: Phốtpho (P) $\geq 21,0$ %; Canxi (Ca) $\geq 14,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 30,0$ ppm; Pb $\leq 30,0$ ppm; Cd $\leq 10,0$ ppm; F $\leq 0,18$ %.	Bổ Canxi và Phốtpho trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng hoặc vàng nhạt.	Yunnan Phosphorus Chemicals Group Corporation Ltd.	China	17/11/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1383	Feed Flavor	373-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: γ -Nonalactone, Ethyl vanillin, Nicotinamide, 3-Methyl cyclopenten-1,2-dione, Silicon dioxide, Sodium chloride. - Chỉ tiêu chất lượng: γ -Nonalactone $\geq 0,2$ %; Ethyl vanillin $\geq 0,5$ %; Nicotinamide $\geq 0,05$ %; 3-Methyl cyclopenten-1,2-dione $\geq 0,2$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 3,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung chất tạo mùi tổng hợp trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện khả năng ăn vào của vật nuôi.	Dạng bột, màu trắng hoặc vàng nhạt.	Mintai Perfume Chemicals Company Ltd., Chongqing.	China	17/11/2021
1384	Feed Flavor (Fruit Type)	374-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Iso-amyl acetate, Isoamyl butyrate, Nicotinamide, tinh dầu cam ngọt, Silicon dioxide, Sodium chloride. - Chỉ tiêu chất lượng: Iso-amyl acetate $\geq 0,1$ %; Nicotinamide $\geq 0,05$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 3,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung chất tạo mùi vị hoa quả tổng hợp trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện khả năng ăn vào của vật nuôi.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Mintai Perfume Chemicals Company Ltd., Chongqing.	China	17/11/2021
1385	Feed Flavor (Fish Type)	375-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: 4-Hydroxy-2,5-dimethyl-3(2H)furanone, 4-Methyl-5-thiazoleethanol, Nicotinamide, mỡ nội tạng mực, Silic dioxit, chất mang (cám gạo hoặc cám ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: 4-Hydroxy-2,5-dimethyl-3(2H)furanone $\geq 0,05$ %; 4-Methyl-5-thiazoleethanol $\geq 0,1$ %; Nicotinamide $\geq 0,05$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 3,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung chất tạo mùi vị cá tổng hợp trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện khả năng ăn vào của vật nuôi.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Mintai Perfume Chemicals Company Ltd., Chongqing.	China	17/11/2021
1386	Livotas	405-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất thực vật (Andrographis paniculata, Phyllanthus niruri, Picrorrhiza kurroa, Cichorium intybus, Taraxacum officinale); các chất phụ gia và chất mang (Sodium methyl paraben, Sodium propyl paraben, Sodium benzoate, Potassium sorbate, Sorbitol, Xanthan gum, O-Phosphoric acid, nước cất). - Chỉ tiêu chất lượng: pH: 4,0 - 6,0; tổng chất rắn hòa tan $\geq 10,0$ %; tổng chất rắn không hòa tan $\leq 10,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Tổng vi khuẩn hiếu khí $\leq 1,0 \times 10^4$ CFU/ml; nấm men tổng số ≤ 100 CFU/ml. Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm.	Bổ sung các chất chiết xuất thực vật cho gia súc, gia cầm nhằm cải thiện khả năng sinh trưởng vật nuôi.	Dạng dung dịch, màu nâu đậm.	Intas Pharmaceuticals Limited.	India	28/11/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1387	Calshakti	404-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Tricalcium phosphate, vitamin D3, vitamin B12, hỗn hợp chiết xuất thực vật (Asparagus racemosus, Leptadenia reticulata, Piper longum); các chất phụ gia và chất mang: Glycerin, Xanthan gum, Tween 80 (hoạt tính bề mặt), Sodium saccharine, Sodium methyl paraben, Sodium propyl paraben, chất tạo mùi, tạo màu, chất bảo quản (phosphoric acid, Sodium benzoate), nước cất. - Chỉ tiêu chất lượng (trong 1 lít): Canxi (Ca): 15.300,0 - 18.700,0 mg; Phospho (P): 7.650,0 - 9.350,0 mg; Vitamin D3 $\geq$ 72.000,0 IU; Vitamin B12 $\geq$ 900,0 µg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Tổng vi khuẩn hiếu khí $\leq 1,0 \times 10^4$ CFU/ml; nấm men tổng số ≤ 100 CFU/ml.	Bổ sung Canxi, photpho, vitamin (D ₃ , B ₁₂) và chiết xuất thực vật cho gia súc.	Dạng dung dịch, màu hồng.	Intas Pharmaceuticals Limited.	India	28/11/2021
1388	Lactolat	376-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bột whey, dầu mỡ thực vật, lactose. - Chỉ tiêu chất lượng: Mỡ thô $\geq 39,0$ %; lactose $\geq 42,0$ %; protein $\geq 4,5$ %; khoáng tổng số $\leq 8,5$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25g, E.coli < 10 CFU/g.	Thức ăn bổ sung cho lợn nái trước khi đẻ và giai đoạn nuôi con.	Dạng bột, màu kem.	Nutrifed.	The Netherlands	18/11/2021
1389	Mixed Feed Additive Betaine Hydrochloride 95%	377-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Betaine HCl, Natri Clorua, Silicon dioxide (chất chống vón). - Chỉ tiêu chất lượng: Betaine HCl (tính trong vật chất khô) $\geq 95,0$ %; độ ẩm $\leq 2,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm.	Bổ sung Betain trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột tinh thể, màu trắng.	Sunwin Biotech Shandong Co. Ltd.	China	18/11/2021
1390	Mixed Feed Additive Betaine Hydrochloride 98%	378-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Betaine HCl, Natri Clorua. - Chỉ tiêu chất lượng: Betaine HCl (tính trong vật chất khô) $\geq 98,0$ %; độ ẩm $\leq 2,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm.	Bổ sung Betain trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột tinh thể, màu trắng.	Sunwin Biotech Shandong Co. Ltd.	China	18/11/2021
1391	Axtra Phy 5000 TPT	444-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: 6-Phytase, Sodium sulphate, tinh bột, Hydrated magnesium silicate, sucrose, poly-vinyl alcohol, dầu thực vật, Sodium phytate, bột đá. - Chỉ tiêu chất lượng: 6-phytase $\geq 5.000,0$ FTU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 15,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 20,0$ ppm; Hg $\leq 0,3$ ppm; Salmonella không phát hiện trong 25g; E.coli < 10 CFU/g.	Bổ sung enzyme Phytase trong thức ăn chăn nuôi lợn và gia cầm.	Dạng bột, màu trắng ngà tới nâu nhạt.	Danisco Argentina S.A.	Argentina	30/11/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1392	Lecithin	449-12/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Lecithin chiết tách từ hạt đậu tương. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 1,0$ %; phần không hòa tan trong acetone $\geq 60,0$ %; phần không hòa tan trong Hexane $\leq 1,0$ %; chỉ số axit $\leq 32,0$ mg KOH/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm; Cd $\leq 0,2$ ppm; Salmonella không phát hiện trong 25g; E.coli < 10 CFU/g.	Lecithin, dùng làm phụ gia trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu nhạt đến màu vàng.	Thai Vegetable Oil Public Company Limited.	Thailand	19/12/2021
1393	Rovabio Advance L	424-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Enzyme (endo-1,4- β -xylanase, endo-1,3(4)- β -glucanase), Sorbitol, Potassium sorbate, nước cất. - Chỉ tiêu chất lượng: endo-1,4- β -xylanase ≥ 6.250 VU/ml; endo-1,3(4)- β -glucanase $\geq 4.300,0$ VU/ml. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25ml; E.coli < 10 CFU/ml; nấm men và mốc $< 1.000,0$ CFU/ml.	Bổ sung enzyme xylanase và glucanase trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu vàng đến nâu.	Genencor International BVBA, Belgium. (Sản xuất cho Công ty Adisseo France S.A.S).	Belgium	28/11/2021
1394	Rovabio Advance L2	425-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Enzyme (endo-1,4- β -xylanase, endo-1,3(4)- β -glucanase), Sorbitol, Potassium sorbate, nước cất. - Chỉ tiêu chất lượng: endo-1,4- β -xylanase ≥ 12.500 VU/ml; endo-1,3(4)- β -glucanase $\geq 8.600,0$ VU/ml. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25ml; E.coli < 10 CFU/ml; nấm men và mốc $< 1.000,0$ CFU/ml.	Bổ sung enzyme xylanase và glucanase trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu vàng đến nâu.	Genencor International BVBA, Belgium. (Sản xuất cho Công ty Adisseo France S.A.S).	Belgium	28/11/2021
1395	Rovabio Max Advance L	426-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Enzyme (endo-1,4- β -xylanase, endo-1,3(4)- β -glucanase, phytase), Sorbitol, Potassium sorbate, nước cất. - Chỉ tiêu chất lượng: endo-1,4- β -xylanase ≥ 6.250 VU/ml; endo-1,3(4)- β -glucanase $\geq 4.300,0$ VU/ml; 6-phytase $\geq 2.500,0$ FTU/ml. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25ml; E.coli < 10 CFU/ml; nấm men và mốc $< 1.000,0$ CFU/ml.	Bổ sung enzyme xylanase, glucanase và phytase trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu vàng đến nâu.	Genencor International BVBA, Belgium. (Sản xuất cho Công ty Adisseo France S.A.S).	Belgium	28/11/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1396	Anigane	355-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sodium Glycerophosphate, Potassium citrate, Ammonium Iron (III) Citrate, Manganese (III) Sulphate, chất mang (nước cất). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1 lít): Kali (K): 8,2 - 10,0 g; Natri (Na): 6,0 - 7,0 g; Sắt (Fe): 4,4 - 5,4 g; Mangan (Mn): 0,72 - 0,88 g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb < 10,0 ppm; Hg < 1,0 ppm; As < 15,0 ppm.	Bổ sung các chất điện giải cho lợn và gia cầm.	Dạng lỏng, màu nâu đậm.	Rural Chemical Industries (Aust) Pty Ltd., Australia. (Sản xuất cho Ruth Consolidated Industries Pty Ltd., Australia)	Australia	17/11/2021
1397	Selectolyte	356-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Kali sunphate, Natri bicarbonate, Canxi silicate. - Chỉ tiêu chất lượng: Bicarbonate: 25,6 - 31,6 %; Kali (K): 20,2 - 24,6 %; Natri (Na): 9,8 - 12,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb < 10,0 ppm; Hg < 1,0 ppm; As < 15,0 ppm.	Bổ sung các chất điện giải cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	Rural Chemical Industries (Aust) Pty Ltd., Australia. (Sản xuất cho Ruth Consolidated Industries Pty Ltd., Australia)	Australia	17/11/2021
1398	Biostart	357-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: bột đá, bột mì, nấm men Saccharomyces cerevisiae hoạt động, chelated Selenium, dầu khoáng, Ascorbic acid, vitamin E acetate, Menadione sodium bisulphite, d-Biotin, Calcium d-pantothenate, Niacinamide, vitamin B12, Folic acid, Pyridoxine Hydrochloride, Riboflavin, Thiamine Mononitrate. - Chỉ tiêu chất lượng: vitamin E $\geq$ 100,0 IU/g; vitamin C $\geq$ 100,0 mg/g; Saccharomyces cerevisiae $\geq$ 2$\times$10⁹ CFU/g; Selen (Se): 150,0 - 250,0 mg/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb < 8,0 ppm; Hg < 1,0 ppm; As < 15,0 ppm.	Bổ sung vitamin E, vitamin C và nấm men Saccharomyces cerevisiae hoạt tính, selen trong thức ăn cho lợn.	Dạng bột, màu nâu.	Kenpal Farm Products Inc.	Canada	17/11/2021
1399	Biolyso	372-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Enzyme Lysozyme, Glycine, axit Aspartic, chất mang (cám gạo, tinh bột). - Chỉ tiêu chất lượng: Lysozyme $\geq$ 500.000,0 IU/g; Glycine $\geq$ 50,0 mg/g; axit Aspartic $\geq$ 10,0 mg/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g.	Bổ sung enzyme Lysozyme và axit amin Glycine và axit Aspartic trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột hoặc hạt mịn, màu trắng tới vàng.	Zhejiang Aegis Biotech Co., Ltd.	China	18/11/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1400	Bypassmate L	129-02/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Muối canxi của axit béo (axit béo từ dầu đậu tương và dầu hạt cải), chất chống ôxy hóa (ethoxyquin). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 7,0$ %; Mỡ thô $\geq 82,0$ %; Canxi: 8,0 - 11,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Pb < 7,5 ppm; Cd < 7,5 ppm.	Bổ sung chất béo trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng hạt mịn, màu nâu.	Yuka Sangyo Co., Ltd.	Japan	23/2/2021
1401	Porcine Plasma Powder	391-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bột huyết tương lợn. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 8,0$ %; protein $\geq 75,0$ %; khoáng tổng số $\leq 10,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g.	Bột huyết tương lợn, bổ sung protein trong thức ăn chăn nuôi lợn và gia cầm.	Dạng bột, màu vàng kem.	Sonac Australia Pty Ltd.	Australia	18/11/2021
1402	Unitide	450-12/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Khô đậu tương được thủy phân với enzyme. - Chỉ tiêu chất lượng: Protein $\geq 47,0$ %; Mỡ > 0,8 %; Xơ thô < 3,5 %; khoáng tổng số $\leq 8,0$ %. - Chỉ tiêu an toàn: Salmonella không phát hiện trong 25g; E.coli < 10 CFU/g; Aflatoxin tổng số (B1+B2+G1+G2) $\leq 50,0$ ppb.	Khô đậu tương được thủy phân với enzyme, dùng làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	Taigene Biotechnology Co., Ltd.	Taiwan	26/12/2021
1403	Akizyme 200	380-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Xylanase, Phytase, chất mang (bột đá, bột vỏ trấu). - Chỉ tiêu chất lượng: Phytase $\geq 2.375,0$ FTU/g; Xylanase $\geq 76.000,0$ BXU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25g, E.coli < 10 CFU/g; As $\leq 30,0$ ppm; Pb $\leq 200,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm; Hg $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung enzyme tiêu hóa (Xylanase, Phytase) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu be đến màu nâu.	Crown Pacific Biotechnology Pte. Ltd.	Singapore	18/11/2021
1404	Clostridium butyricum + Bacillus licheniformis + Bacillus subtilis	443-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vi khuẩn có lợi (Clostridium butyricum, Bacillus licheniformis, Bacillus subtilis), chất mang (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: Clostridium butyricum $\geq 10^6$ CFU/g; Bacillus licheniformis $\geq 10^9$ CFU/g; Bacillus subtilis $\geq 10^9$ CFU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g.	Bổ sung vi khuẩn có lợi (Clostridium butyricum, Bacillus licheniformis, Bacillus subtilis) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng hạt mịn, màu xám nhạt đến trắng.	Zhejiang Huijia Bio-Technology Co., Ltd.	China	30/11/2021
1405	Hisoy	446-11/16- CN	- Thành phần nguyên liệu: Khô đậu tương lên men bởi Lactobacillus spp và Candida spp. - Chỉ tiêu chất lượng: Protein $\geq 50,0$ %; Mỡ $\leq 3,0$ %; Xơ thô $\leq 4,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 8,0$ %. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Aflatoxin tổng số (B1+B2+G1+G2) $\leq 50,0$ ppb.	Khô đậu tương lên men, dùng làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng đến nâu.	JBF Co., Ltd.	Thailand	30/11/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1406	JBF Full Fat Soy	447-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bột đậu tương nguyên dầu ép đùn. - Chỉ tiêu chất lượng: Protein $\geq 36,0$ %; Mỡ $\geq 15,0$ %; Xơ thô $\leq 7,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 6,0$ %. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Aflatoxin tổng số (B1+B2+G1+G2) $< 50,0$ ppb.	Bột đậu tương nguyên dầu ép đùn, dùng làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng.	JBF Co., Ltd.	Thailand	30/11/2021
1407	Coated L-Ascorbic Acid 97%	448-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: L-Ascorbic acid, chất phụ gia (Ethyl Cellulose). - Chỉ tiêu chất lượng: Ascorbic acid $\geq 97,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 3,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm.	L-Ascorbic acid (Vitamin C), dùng bổ sung trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột hoặc hạt mịn, màu trắng.	Hebei Tianyin Biotech Co., Ltd.	China	30/11/2021
1408	Ronozyme MultiGrain (GT)	451-12/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất lên men sấy khô (chứa enzymes: Endo-1,4- β -xylanase, Endo-1,4- β -glucanase, Endo-1,3(4)- β -glucanase), phụ gia và chất mang (Sodium sulfate, dextrin, cellulose, kaolin). - Chỉ tiêu chất lượng: Endo-1,4- β -xylanase $\geq 2.700,0$ U/g; Cellulase (Endo-1,4- β -glucanase) $\geq 800,0$ U/g; Endo-1,3(4)- β -glucanase $\geq 700,0$ U/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Pb $< 5,0$ ppm; As $< 3,0$ ppm; Cd $< 0,5$ ppm.	Bổ sung hỗn hợp enzyme tiêu hóa (Endo-1,4- β -xylanase, Endo-1,4- β -glucanase, Endo-1,3(4)- β -glucanase) trong thức ăn chăn nuôi cho lợn và gia cầm.	Dạng hạt, màu trắng nhạt.	Novozymes A/S.	Denmark	26/12/2021
1409	Saltec 514	385-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit Formic, axit Propionic, chất mang (Propanetriol). - Chỉ tiêu chất lượng: Axit Formic $\geq 60,0$ %; axit Propionic $\geq 25,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 200,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm; As $\leq 30,0$ ppm; Hg $< 0,1$ ppm.	Bổ sung axit hữu cơ (Formic, Propionic) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu hồ phách.	Linq Technology Corporation.	Thailand	30/11/2021
1410	Moldtec 203	386-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Natri propionate, Ammonium propionate, axit Propionic, axit Acetic, chất mang (Silica dioxide). - Chỉ tiêu chất lượng: Axit Propionic $\geq 27,13$ %; axit Acetic $\geq 1,5$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 200,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm; As $\leq 30,0$ ppm; Hg $< 0,1$ ppm.	Bổ sung axit hữu cơ và muối axit hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	Linq Technology Corporation.	Thailand	30/11/2021
1411	Saltec 502	387-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Canxi propionate, Canxi formate, axit Citric, chất mang (Silica dioxide). - Chỉ tiêu chất lượng: Axit Propionic $\geq 11,93$ %; axit Formic $\geq 42,45$ %; axit Citric $\geq 13,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 200,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm; As $\leq 30,0$ ppm; Hg $< 0,1$ ppm.	Bổ sung axit hữu cơ và muối axit hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	Linq Technology Corporation.	Thailand	30/11/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1412	Acidtec 402	388-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Canxi lactate, Canxi formate, axit Citric, chất mang (Silica dioxide). - Chỉ tiêu chất lượng: Axit Lactic $\geq 30,96$ %; axit Formic $\geq 16,27$ %; axit Citric $\geq 5,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 200,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm; As $\leq 30,0$ ppm; Hg $< 0,1$ ppm.	Bổ sung axit hữu cơ và muối axit hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	Linq Technology Corporation.	Thailand	30/11/2021
1413	Selisseo 2% Se	418-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hydroxy-analog of Selenomethionine, chất mang (Silicic acid, Silica, nước). - Chỉ tiêu chất lượng: Senlen (Se): 2,0 - 2,4 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 30,0$ ppm; Pb $\leq 100,0$ ppm; Cd $\leq 10,0$ ppm.	Bổ sung Selen trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng đến be nhạt.	MinAscent Leuna Production GmbH, Germany. (Sản xuất cho Công ty Adisseo France S.A.S)	Germany	28/11/2021
1414	MetaSmart Liquid	417-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hợp chất hữu cơ có chức năng tương tự Methionine (isopropyl ester of 2-hydroxy-4-(methylthio)-butanoic acid); công thức hóa học: C ₈ H ₁₆ O ₃ S; số CAS: 57296-04-5. - Chỉ tiêu chất lượng: C ₈ H ₁₆ O ₃ S (isopropyl ester of 2-hydroxy-4-(methylthio)butanoic acid) $\geq 95,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung isopropyl ester of 2-hydroxy-4-(methylthio) butanoic acid để thay thế Methionine trong thức ăn cho bò sữa.	Dạng lỏng, màu nâu sáng.	ESIM Chemicals GmbH, Austria. (Sản xuất cho Công ty Adisseo France S.A.S)	Austria	28/11/2021
1415	Corn Starch	419-11/16-CN	Thành phần nguyên liệu: Tinh bột ngô. - Chỉ tiêu chất lượng: Hàm lượng tinh bột (tính trong vật chất khô) $\geq 90,0$ %; độ ẩm $\leq 13,2$ %; khoáng tổng số $\leq 0,15$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g.	Tinh bột ngô, dùng làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	Yufeng Industry Group Co., Ltd.	China	28/11/2021
1416	Pea Protein	420-11/16-CN	Thành phần nguyên liệu: Protein hạt đậu Hà Lan cô đặc (sản phẩm thu được từ hạt đậu Hà Lan sau khi đã tách vỏ, dầu và tinh bột). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; protein (tính trong vật chất khô) $\geq 80,0$ %; khoáng tổng số $\leq 4,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g.	Protein cô đặc từ hạt đậu, dùng làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Yantai Shuangta Food Co., Ltd.	China	28/11/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1417	Axtra Phy 10000 TPT	382-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Enzyme 6-Phytase, Sodium sulphate, tinh bột, talc, Sucrose, Poly-vinyl alcohol (PVA), tinh dầu thực vật, Sodium phytate - Chỉ tiêu chất lượng: Enzyme 6-Phytase $\geq 10.000,0$ FTU/g, Độ ẩm $\leq 2,0\%$, - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli không phát hiện trong 25g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Cd $\leq 0,5$ mg/kg; As $\leq 2,0$ mg/kg; Pb $\leq 5,0$ mg/kg; Hg $\leq 0,1$ mg/kg.	Bổ sung enzyme Phytase trong thức ăn chăn nuôi.	Dạng bột, màu trắng ngà đến nâu nhạt.	Danisco US Inc.	USA	24/11/2021
1418	Schaumacid Drink	318-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit Lactic, axit Formic, axit Propionic, axit Acetic, axit Citric, Glycerine và Ammonia. - Chỉ tiêu chất lượng (trong 1 kg sản phẩm): Độ ẩm $\leq 19,0\%$; axit Lactic: 501,3 - 612,7 g; axit Formic: 227,7 - 278,3 g; axit Acetic: 45,0 - 55,0 g; axit Citric: 27,0 - 33,0g; axit Propionic: 45,0 - 55,0 g; Glycerine: 9,0 - 11,0 g; Ammonia: 45,0 -55,0 g. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm; Flour ≤ 100 ppm.	Bổ sung các acid hữu cơ vào thức ăn cho lợn, gà và bò	Dạng lỏng, màu vàng.	Ligrana GmbH.	Germany	14/11/2021
1419	Schaumann Leckmasse	319-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: ri mật (mía đường và củ cải đường), NaCl, MgO, CaHPO₄, CaCO₃, dầu hạt cải và phụ gia (vitamin A, vitamin D3, vitamin E, ZnO, MnO, CuSO₄.5H₂O, Coban cacbonat dạng viên bọc, Canxi Iốt, Natri selenite). - Chỉ tiêu chất lượng (trong 1 kg sản phẩm): Độ ẩm $\leq 9,0\%$; Ca: 54 – 66 g; P: 18 - 22 g; Na: 90 - 110 g; Mg: 90 - 110 g; Zn: 4.800 - 7.200 mg; Se: 32 - 48 mg; Mn: 3.200 - 4.800 mg; Cu: 960 - 1.440 mg; Co: 14,4 - 21,0 mg; I: 80 - 120 mg; vitamin A: 200.000 - 300.000 I.U; vitamin D3: 40.000 - 60.000 I.U; vitamin E: 400 - 600 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện trong 25g; As ≤ 2 ppm; Pb ≤ 5 ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm; Flour ≤ 100 ppm.	Bổ sung khoáng vi lượng và vitamin vào thức ăn cho bò sữa và bê	Dạng đặc, màu nâu.	H.Wilhelm Schaumann Eilsleben GmbH.	Germany	14/11/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1420	Rindamin Junior Lick ATG	320-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: NaCl, rỉ mật (mía đường và củ cải đường), CaHPO₄, CaCO₃, MgO, dầu hạt cải, vitamin A, vitamin D₃, vitamin E, ZnO, Kẽm chelate glycine, MnO, CuSO₄.5H₂O, đồng chelate glycine, Coban cacbonat dạng viên bọc, Canxi Iốt, Natri selenite. - Chỉ tiêu chất lượng (trong 1,0 kg sản phẩm): Độ ẩm ≤ 9,0 %; Ca: 99,0 - 121,0 g; P: 31,5 - 38,5 g; Mg: 18,0 - 22,0 g; Na: 103,5 - 126,5 g; Zn: 4.020 - 6.030 mg; Se: 24 – 36 mg; Mn: 3.200 - 4.800 mg; Cu: 752 - 1.128 mg; Co: 14,4 - 21,0 mg; I: 80 - 120 mg; vitamin A: 360.000 - 540.000 I.U; vitamin D₃: 36.000 - 54.000 I.U; vitamin E: 480 - 720 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện trong 25g; As ≤ 2,0 ppm; Pb ≤ 5,0 ppm; Hg ≤ 0,1 ppm; Flour ≤ 100 ppm. □	Bổ sung khoáng vi lượng và vitamin vào thức ăn cho bò tơ và bê	Dạng đặc, màu nâu.	H.Wilhelm Schaumann Eilsleben GmbH.	Germany	14/11/2021
1421	ANF Organic Dog Lamb 95%	296-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bột ngô, bột đậu nành, gạo lứt, lúa mạch, thịt gà, thịt cừu, lúa mì, bột hạt hướng dương, hạt lanh, bột củ cải, bột hạt vừng, hạt hướng dương, hương vị tự nhiên (mỡ gà tinh chế), đậu xanh, kiều mạch, khoai lang, cà rốt, bí đỏ, hạt bí đỏ, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm ≤ 11,0 %; Protein thô ≥ 24,8 %; Năng lượng trao đổi ≥ 3.000,0 Kcal/kg; Béo thô ≥ 9,5 %; Xơ thô ≤ 8,5 %; Khoáng tổng số ≤ 8,5 %; Lysine ≥ 1,2 %; Threonine ≥ 0,7 %; Methionine + Cystine ≥ 1,0 %; Canxi: 0,5 - 2,0 %; Phốtpho: 0,2 - 1,0 %. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli ≤ 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Aflatoxin ≤ 10,0 ppb; Pb ≤ 10,0 ppm; As ≤ 2,0 ppm; Hg ≤ 0,4 ppm	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó trên 6 tháng tuổi.	Dạng viên, màu nâu.	OSP, Co, Ltd., Korea. (Phân phối bởi: Daisan & Company Inc., Korea).	Korea	14/11/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1422	ANF Organic Chicken 95%	297-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các nguyên liệu có nguồn gốc từ nông sản gồm: bột gluten ngô, bột đậu nành, gạo lứt, thịt gà, lúa mỳ, lúa mạch, bột hạt hướng dương, hạt lanh, bột củ cải, bột hạt vừng, hương vị tự nhiên (mỡ gà tinh chế), hạt hướng dương, đậu xanh, bột kiều mạch, khoai lang, cà rốt, bí ngô, hạt bí ngô, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 11,2\%$; Protein thô $\geq 24,3\%$; Năng lượng trao đổi $\geq 3.000,0$ Kcal/kg; Béo thô $\geq 9,5\%$; Xơ thô $\leq 8,6\%$; Khoáng tổng số $\leq 8,7\%$; Lysine $\geq 1,2\%$; Threonine $\geq 0,7\%$; Methionine + Cystine $\geq 1,0\%$; Canxi: 0,5 - 2,0 %; Phốtpho: 0,2 - 1,0 %. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli ≤ 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Aflatoxin $\leq 10,0$ ppb; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó trên 6 tháng tuổi.	Dạng viên, màu nâu.	OSP, Co, Ltd., Korea. (Phân phối bởi: Daisan & Company Inc., Korea).	Korea	14/11/2021
1423	ANF Mini O Baby Dog	298-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp các nguồn đạm động vật (thịt cừu, cá, thịt vịt, đạm động vật thủy phân), bột gluten ngô, mỡ gà tinh chế, bột đỗ tương, bột củ cải, lúa mỳ, lúa mạch, gạo lứt, hạt lanh, bột phô mai, gạo, dầu cá hồi, bột hạt vừng, bột hạt hướng dương, hạt hướng dương, khoai lang, bột đá, đậu xanh, kiều mạch, canxi phốt phát, cà rốt, bí ngô, hạt bí ngô, premix vitamin và khoáng, muối hạt, chất chiết xuất từ cây yucca, hỗn hợp bột rau (cà chua, súp lơ, mùi tây, củ cải, quả việt quất, chuối, dâu tây, táo, cam, xoài), taurin, axit citric, Fructo-oligosaccharide, bột sữa non, Lactobacillus - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 11,0\%$; Protein thô $\geq 28,0\%$; Năng lượng trao đổi $\geq 3.325,0$ Kcal/kg; Béo thô $\geq 14,0\%$; Xơ thô $\leq 6,0\%$; Khoáng tổng số $\leq 8,0\%$; Lysine $\geq 1,2\%$; Threonine $\geq 0,7\%$; Methionine + Cystine $\geq 1,0\%$; Canxi: 0,6 – 1,8 %; Phốtpho: 0,4 - 1,4 %. - Chỉ tiêu an toàn: E. Coli ≤ 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Aflatoxin $\leq 10,0$ ppb; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó đang cai sữa đến 4 tháng tuổi.	Dạng viên, màu nâu.	OSP, Co, Ltd., Korea. (Phân phối bởi: Daisan & Company Inc., Korea).	Korea	14/11/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1424	ANF Mini O Junior Dog	299-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp nguồn đạm động vật (thịt cừu, cá, thịt vịt, đạm động vật thủy phân), gluten ngô, mỡ gà tinh chế, gạo lứt, bột củ cải, bột đậu nành, gạo, bột mỳ, bột hạt hướng dương, lúa mạch, hạt lanh, bột phô mai, bột hạt vừng, dầu cá hồi, hạt hướng dương, khoai lang, đậu xanh, kiều mạch, bột đá, canxi photphat, cà rốt, bí đỏ, hạt bí đỏ, premix vitamin và khoáng, muối hạt, chất chiết xuất từ cây yucca, hỗn hợp bột rau (cà chua, súp lơ, mùi tây, củ cải, quả việt quất, chuối, dâu tây, táo, cam, xoài), Taurin, Choline, axit citric, Fructo-oligosaccharit, Lactobacillus - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 11,0\%$; Protein thô $\geq 26,0\%$; Năng lượng trao đổi $\geq 3.225,0$ Kcal/kg; Béo thô $\geq 12,0\%$; Xơ thô $\leq 6,0\%$; Khoáng tổng số $\leq 8,0\%$; Lysine $\geq 1,2\%$; Threonine $\geq 0,7\%$; Methionine + Cystine $\geq 1,0\%$; Canxi: 0,7 - 2,1 %; Photpho: 0,2 - 0,5 %. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli ≤ 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Aflatoxin $\leq 10,0$ ppb; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó từ 4 tháng đến 1 năm.	Dạng viên, màu nâu.	OSP, Co, Ltd., Korea. (Phân phối bởi: Daisan & Company Inc., Korea).	Korea	14/11/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1425	ANF Mini O Adult Dog	300-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp nguồn đạm động vật (thịt cừu, cá, thịt vịt, đạm động vật thủy phân), gluten ngô, mỡ gà tinh chế, gạo lứt, gạo, lúa mỳ, bột củ dền, bột hạt hướng dương, lúa mạch, hạt lanh, bột phô mai, bột hạt vừng, bột đỗ tương, dầu cá hồi, hạt hướng dương, khoai lang, đậu xanh, bột kiều mạch, bột đá, canxi photphat, cà rốt, bí ngô, hạt bí ngô, premix vitamin và khoáng., muối hạt, chất chiết xuất từ cây yucca, hỗn hợp bột rau (cà chua, súp lơ, mùi tây, củ cải, quả việt quất, chuối, dâu tây, táo, cam, xoài), Taurin, axit citric, Fructo-oligosaccharide, Lactobacillus. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 11,0$ %; Protein thô $\geq 24,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.125,0$ Kcal/kg; Béo thô $\geq 10,0$ %; Xơ thô $\leq 6,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 8,0$ %; Lysine $\geq 1,2$ %; Threonine $\geq 0,7$ %; Methionine + Cystine $\geq 1,0$ %; Canxi: $0,7 - 2,1$ %; Phốtpho: $0,5 - 1,5$ %. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli ≤ 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Aflatoxin $\leq 10,0$ ppb; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó trên 1 năm tuổi.	Dạng viên, màu nâu.	OSP, Co, Ltd., Korea. (Phân phối bởi: Daisan & Company Inc., Korea).	Korea	14/11/2021
1426	ANF Made with Organic Dog Duck and Oat	301-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp nguồn đạm động vật (thịt vịt, chất đạm thủy phân từ động vật, thịt cừu, thịt cá hồi), gluten ngô, yến mạch, mỡ gà tinh chế, bột đậu nành, bột củ dền, gạo lứt, gạo, lúa mỳ, bột hạt hướng dương, lúa mạch, hạt lanh, bột hạt vừng, hạt hướng dương, bột phô mai, bột đá, khoai lang, đậu xanh, bột kiều mạch, canxi photphat, cà rốt, bí đỏ, hạt bí đỏ, premix vitamin và khoáng, hỗn hợp bột rau (việt quất, chuối, dâu tây, táo, cam, xoài), muối tinh; Taurin, axit citric, axit lactic. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 11,0$ %; Protein thô $\geq 26,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.225,0$ Kcal/kg; Béo thô $\geq 12,0$ %; Xơ thô $\leq 6,8$ %; Khoáng tổng số $\leq 8,0$ %; Lysine $\geq 1,2$ %; Threonine $\geq 0,7$ %; Methionine + Cystine $\geq 1,0$ %; Canxi: $0,4 - 1,2$ %; Phốtpho: $0,5 - 1,5$ %. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli ≤ 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Aflatoxin $\leq 10,0$ ppb; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó trên 6 tháng tuổi.	Dạng viên, màu nâu.	OSP, Co, Ltd., Korea. (Phân phối bởi: Daisan & Company Inc., Korea).	Korea	14/11/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1427	ANF Made with Organic Dog Salmon and Potato	302-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp chất nguồn động vật (thịt vịt, cá hồi, chất đạm thủy phân từ động vật, thịt cừu), các nguyên liệu nông sản gồm: bột gluten ngô, lúa mỳ, mỡ gà tinh chế, bột củ cải, đậu nành, gạo lứt, khoai tây, gạo, bột mỳ, bột hạt hướng dương, lúa mạch, hạt lanh, bột hạt vừng, hạt hướng dương, bột phô mai, bột đá, đậu xanh, bột kiều mạch, khoai lang, canxi photphat, cà rốt, bí ngô, hạt bí ngô, premix vitamin và khoáng, muối tinh, chất chiết xuất cây Yucca, hỗn hợp bột rau (cà chua, súp lơ, mùi tây, củ dền, quả Việt Quất, chuối, dâu tây, táo, cam, xoài), Taurine, axit xitric, axit lactic. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 11,0$ %; Protein thô $\geq 26,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.225,0$ Kcal/kg; Béo thô $\geq 12,0$ %; Xơ thô $\leq 6,8$ %; Khoáng tổng số $\leq 8,0$ %; Lysine $\geq 1,2$ %; Threonine $\geq 0,7$ %; Methionine + Cystine $\geq 1,0$ %; Canxi: $0,4 - 1,2$ %; Photpho: $0,5 - 1,4$ %. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli ≤ 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Aflatoxin $\leq 10,0$ ppb; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó trên 6 tháng tuổi.	Dạng viên, màu nâu.	OSP, Co, Ltd., Korea. (Phân phối bởi: Daisan & Company Inc., Korea).	Korea	14/11/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1428	ANF Made with Organic Cat Duck and Oat	303-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp nguồn đạm động vật (Thịt vịt, cá hồi, chất đạm thủy phân từ động vật, thịt cừu); các nông sản gồm: bột gluten ngô, yến mạch, gạo, mỡ gà tinh chế, lúa mạch, bột củ dền, dầu cá hồi, hạt lanh, gạo lứt, lúa mỳ, bột phô mai, bột hạt vừng, hạt hướng dương, bột hạt hướng dương, bột đá, khoai lang, đậu xanh, bột kiều mạch, canxi photphat, cà rốt, bí đỏ; hỗn hợp bột rau (cà chua, súp lơ, mùi tây, củ dền, quả việt quất, chuối, dây tây, táo, cam, xoài), premix vitamin và khoáng, muối tinh, chất chiết xuất cây Yucca, hạt hướng dương, Taurine, axit xitric, axit lactic. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 11,0$ %; Protein thô $\geq 30,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.375,0$ Kcal/kg; Béo thô $\geq 15,0$ %; Xơ thô $\leq 6,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 8,0$ %; Lysine $\geq 1,2$ %; Threonine $\geq 0,7$ %; Methionine + Cystine $\geq 1,0$ %; Canxi: $0,6 - 2,0$ %; Photpho: $0,8 - 2,4$ %. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli ≤ 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Aflatoxin $\leq 10,0$ ppb; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho mèo trên 6 tháng tuổi.	Dạng viên, màu nâu.	OSP, Co, Ltd., Korea. (Phân phối bởi: Daisan & Company Inc., Korea).	Korea	14/11/2021
1429	ANF Made with Organic Cat Salmon and Potato	304-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp nguồn đạm động vật (cá hồi, thịt vịt, chất đạm thủy phân từ động vật, thịt cừu); Các nông sản gồm: bột gluten ngô, lúa mạch, mỡ gà tinh chế, khoai tây, bột củ dền, dầu cá hồi, hạt lanh, gạo lứt, lúa mỳ, bột pho mát, gạo, bột hạt vừng, bột đá, kiều mạch, hạt hướng dương, đậu xanh, canxi photphat, khoai lang, cà rốt, bí ngô, hạt bí ngô, premix vitamin và khoáng, muối tinh, chất chiết xuất cây yucca; hỗn hợp bột rau (cà chua, súp lơ, mùi tây, củ dền, quả việt quất, chuối, dây tây, táo, cam, xoài), Taurine, axit xitric, axit lactic. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 11,0$ %; Protein thô $\geq 30,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.375,0$ Kcal/kg; Béo thô $\geq 15,0$ %; Xơ thô $\leq 6,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 8,0$ %; Lysine $\geq 1,2$ %; Threonine $\geq 0,7$ %; Methionine + Cystine $\geq 1,0$ %; Canxi: $0,7 - 2,2$ %; Photpho: $0,8 - 2,4$ %. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli ≤ 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Aflatoxin $\leq 10,0$ ppb; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho mèo trên 6 tháng tuổi.	Dạng viên, màu nâu.	OSP, Co, Ltd., Korea. (Phân phối bởi: Daisan & Company Inc., Korea).	Korea	14/11/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1430	ANF 6 Free Dog Lamb	305-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp nguồn đạm động vật (thịt cừu, thịt gà, đạm động vật thủy phân, cá hồi), gạo, bột gluten ngô, mỡ gà tinh chế, các sản phẩm nông sản gồm: bột củ dền, yến mạch, gạo lứt, lúa mỳ, bột hạt hướng dương, lúa mạch, hạt lanh, bột hạt vừng, bột đỗ tương, hạt hướng dương, đậu xanh, dầu cá hồi, bột phô mai, bột kiều mạch, khoai lang, cà rốt, bí ngô, hạt bí ngô, premix vitamin và khoáng, muối tinh, chiết xuất cây Yucca, hỗn hợp bột rau (cà chua, súp lơ, mùi tây, củ cải, quả việt quất, chuối, dâu tây, táo, cam, xoài), Choline, Taurine. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 11,0\%$; Protein thô $\geq 26,0\%$; Năng lượng trao đổi $\geq 3.440,0$ Kcal/kg; Béo thô $\geq 10,0\%$; Xơ thô $\leq 7,5\%$; Khoáng tổng số $\leq 8,0\%$; Lysine $\geq 1,2\%$; Threonine $\geq 0,7\%$; Methionine + Cystine $\geq 1,0\%$; Canxi: $0,4 - 1,2\%$; Phốtpho: $0,5 - 1,4\%$. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli ≤ 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Aflatoxin $\leq 10,0$ ppb; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó trên 6 tháng tuổi.	Dạng viên, màu nâu.	OSP, Co, Ltd., Korea. (Phân phối bởi: Daisan & Company Inc., Korea).	Korea	14/11/2021
1431	ANF 6 Free Dog Duck	306-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp nguồn đạm động vật (thịt vịt, đạm động vật thủy phân, thịt gà, cá hồi), các sản phẩm nông sản gồm: gạo, bột gluten ngô, bột củ cải, mỡ gà tinh chế, yến mạch, gạo lứt, lúa mỳ, bột hạt hướng dương, lúa mạch, hạt lanh, bột hạt vừng, bột đỗ tương, hạt hướng dương, đậu xanh, bột phô mai, bột kiều mạch, khoai lang, cà rốt, bí ngô, hạt bí ngô, premix vitamin và khoáng, muối tinh, chiết xuất cây yucca, hỗn hợp bột rau (cà chua, súp lơ, mùi tây, củ dền, quả việt quất, chuối, dâu tây, táo, cam, xoài), Choline, Taurine. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Protein thô $\geq 26,0\%$; Năng lượng trao đổi $\geq 3.412,0$ Kcal/kg; Béo thô $\geq 10,0\%$; Xơ thô $\leq 7,5\%$; Khoáng tổng số $\leq 8,0\%$; Lysine $\geq 1,2\%$; Threonine $\geq 0,7\%$; Methionine + Cystine $\geq 1,0\%$; Canxi: $0,4 - 1,3\%$; Phốtpho: $0,5 - 1,5\%$. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli ≤ 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Aflatoxin $\leq 10,0$ ppb; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó trên 6 tháng tuổi.	Dạng viên, màu nâu.	OSP, Co, Ltd., Korea. (Phân phối bởi: Daisan & Company Inc., Korea).	Korea	14/11/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1432	ANF 6 Free Dog Salmon	307-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp nguồn đạm động vật (cá hồi, thịt gà, đạm động vật thủy phân), các nông sản như: gạo, bột gluten ngô, mỡ gà tinh chế, bột củ dền, yến mạch, gạo lứt, lúa mỳ, bột hạt hướng dương, lúa mạch, hạt lanh, bột hạt vừng, bột đỗ tương, hạt hướng dương, đậu xanh, bột phô mai, bột kiều mạch, khoai lang, cà rốt, bí ngô, hạt bí ngô, premix vitamin và khoáng, muối tinh, chiết xuất cây yucca, hỗn hợp bột rau (cà chua, súp lơ, mùi tây, củ dền, quả việt quất, chuối, dâu tây, táo, cam, xoài), Choline, Taurin. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 11,0$ %; Protein thô $\geq 26,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.465,0$ Kcal/kg; Béo thô $\geq 10,0$ %; Xơ thô $\leq 6,5$ %; Khoáng tổng số $\leq 8,0$ %; Lysine $\geq 1,2$ %; Threonine $\geq 0,7$ %; Methionine + Cystine $\geq 1,0$ %; Canxi: $0,4 - 1,3$ %; Phốtpho: $0,5 - 1,6$ %. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli ≤ 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Aflatoxin $\leq 10,0$ ppb; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó trên 6 tháng tuổi.	Dạng viên, màu nâu.	OSP, Co, Ltd., Korea. (Phân phối bởi: Daisan & Company Inc., Korea).	Korea	14/11/2021
1433	ANF 6 Free Cat Indoor Kitten	308-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp nguồn đạm động vật (thịt gà, đạm cá hồi thủy phân, cá ngừ, đạm động vật thủy phân), bột gluten ngô, gạo, mỡ gà tinh chế, đạm đậu Hà Lan, bột hạt hướng dương, bột củ dền, hạt lanh, gạo lứt, lúa mạch, bột hạt vừng, bionit, hạt hướng dương, L-Lysine, dầu cá hồi, đậu xanh, bột kiều mạch, khoai lang, premix vitamin và khoáng, chiết xuất cây Yucca, cà rốt, bí ngô, hạt bí ngô, muối tinh, choline chloride, canxi photphat, taurin, thảo dược, Fructo-oligosaccharide, Pyrophosphate, DL-methionine, axit xitric, quả việt quất. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 11,0$ %; Protein thô $\geq 36,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.795,0$ Kcal/kg; Béo thô $\geq 14,0$ %; Xơ thô $\leq 5,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 12,0$ %; Lysine $\geq 1,2$ %; Threonine $\geq 0,7$ %; Methionine + Cystine $\geq 1,0$ %; Canxi: $0,6 - 1,9$ %; Phốtpho: $0,5 - 1,4$ %. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli ≤ 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Aflatoxin $\leq 10,0$ ppb; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho mèo đang cai sữa đến 1 năm tuổi.	Dạng viên, màu nâu.	OSP, Co, Ltd., Korea. (Phân phối bởi: Daisan & Company Inc., Korea).	Korea	14/11/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1434	ANF 6 Free Cat Indoor Adult	309-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp nguồn đạm động vật (thịt gà, đạm cá hồi thủy phân, cá ngừ, đạm động vật thủy phân), gạo, bột gluten ngô, mỡ gà tinh chế, bột củ dền, bột hạt hướng dương, gạo lứt, lúa mạch, bột hạt vừng, hạt lanh, hạt hướng dương, bionit, đậu xanh, bột kiều mạch, khoai lang, L-Lysine, dầu cá hồi, premix vitamin và khoáng, cà rốt, bí ngô, hạt bí ngô, muối tinh, canxi photphat, chiết xuất cây yucca, taurine, choline chloride, thảo dược, quả việt quất, Pyrophosphate, DL-methionine, Fructo-oligosaccharide. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 11,0$ %; Protein thô $\geq 34,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.590,0$ Kcal/kg; Béo thô $\geq 12,0$ %; Xơ thô $\leq 5,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 12,0$ %; Lysine $\geq 1,2$ %; Threonine $\geq 0,7$ %; Methionine + Cystine $\geq 1,0$ %; Canxi: $0,6 - 1,8$ %; Photpho: $0,5 - 1,4$ %. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli ≤ 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Aflatoxin $\leq 10,0$ ppb; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho mèo trên 1 năm tuổi.	Dạng viên, màu nâu.	OSP, Co, Ltd., Korea. (Phân phối bởi: Daisan & Company Inc., Korea).	Korea	14/11/2021
1435	ANF 6 Free Cat Skin Care	310-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp nguồn đạm động vật (đạm cá hồi thủy phân, thịt vịt, đạm thủy phân động vật), gạo, bột gluten ngô, mỡ gà tinh chế, gạo lứt, yến mạch, bột củ dền, bột hạt hướng dương, hạt lanh, lúa mạch, bột hạt vừng, hạt hướng dương, đậu xanh, bột yến mạch, khoai lang, L-Lysine, hạt bí ngô, cà rốt, bí ngô, dầu cá hồi, premix vitamin và khoáng, chiết xuất cây yucca, taurin, canxi photphat, muối tinh, thảo dược, Choline chloride, axit xitric, quả việt quất, DL-methionine. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 11,0$ %; Protein thô $\geq 30,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.525,0$ Kcal/kg; Béo thô $\geq 14,0$ %; Xơ thô $\leq 5,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 12,0$ %; Lysine $\geq 1,2$ %; Threonine $\geq 0,7$ %; Methionine + Cystine $\geq 1,0$ %; Canxi: $0,5 - 1,4$ %; Photpho: $0,4 - 1,1$ %. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli ≤ 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Aflatoxin $\leq 10,0$ ppb; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho mèo trên 1 năm tuổi.	Dạng viên, màu nâu.	OSP, Co, Ltd., Korea. (Phân phối bởi: Daisan & Company Inc., Korea).	Korea	14/11/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1436	ANF 6 Free Cat Weight Care	311-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp nguồn đạm động vật (đạm cá hồi thủy phân, thịt gà, cá ngừ, đạm động vật thủy phân), gạo, bột gluten ngô, yến mạch, bột hạt hướng dương, lúa mạch, gạo lứt, mỡ gà tinh chế, bột củ dền, bột hạt vừng, hạt hướng dương, hạt lanh, đậu xanh, bột kiều mạch, khoai lang, L- Lysine, L – Carnitine, hạt bí ngô, cà rốt, bí ngô, dầu cá hồi, premix vitamin và khoáng, chiết xuất cây yucca, DL-methionine, canxi photphat, choline chloride, muối tinh, thảo dược, Taurin, quả việt quất. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 11,0$ %; Protein thô $\geq 29,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.420,0$ Kcal/kg; Béo thô $\geq 10,0$ %; Xơ thô $\leq 5,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 12,0$ %; Lysine $\geq 1,2$ %; Threonine $\geq 0,7$ %; Methionine + Cystine $\geq 1,0$ %; Canxi: $0,6 - 1,8$ %; Photpho: $0,5 - 1,4$ %. - Chỉ tiêu an toàn: E. Coli ≤ 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Aflatoxin $\leq 10,0$ ppb; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho mèo trên 1 năm tuổi.	Dạng viên, màu nâu.	OSP, Co, Ltd., Korea. (Phân phối bởi: Daisan & Company Inc., Korea).	Korea	14/11/2021
1437	Protilac 20/35	321-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bột sữa, dầu thực vật (dầu dừa/dầu cọ), đạm thủy phân từ lúa mì, hạt dầu và các sản phẩm phụ từ các nguyên liệu GMO. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 3,5$ %; Protein $\geq 20,0$ %; Béo thô $\geq 20,0$ %; Lactose $\geq 35,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 7,0$ %; Xơ tổng số $\leq 1,1$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. Coli: không phát hiện trong 0,1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g.	Bổ sung Protein, Lipit, Lactose trong thức ăn chăn nuôi cho lợn.	Dạng bột, màu kem nhạt.	Schils B.V., Netherlands.	The Netherlands	14/11/2021
1438	Superspray S70	322-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: bột sữa whey, hạt dầu và các sản phẩm phụ được từ các nguyên liệu GMO. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 4,0$ %; Protein $\geq 10,0$ %; Lactose $\geq 70,0$ %; Béo thô $\geq 0,5$ %; Khoáng tổng số $\leq 8,5$ %; Xơ thô $\leq 0,45$ % - Chỉ tiêu vệ sinh: E. Coli: không phát hiện trong 0,1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g.	Bổ sung Protein, Lipit, Lactose trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu kem nhạt.	Schils B.V., Netherlands.	The Netherlands	14/11/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1439	Zenith Dog Puppy	284-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ưc gà, bột gà, gạo lức, yến mạch, β-Glucan (β-1,3-1,6 Glucan), rau quả, Lactobacillus, Lecithin, dầu cá hồi (EPA, DHA), mỡ gà, Canxi Carbonate, dầu hạt hướng dương, Yucca, L-Carnitine, Lysine, Dietary Fiber (Levan), premix vitamin và khoáng, chất nhũ hóa tự nhiên, màu Monascus, Chlorella, bột cà rốt, Cochineal Color. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 23,0$ %; Protein $\geq 30,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.160,0$ Kcal/kg; Béo thô $\geq 12,0$ %; Xơ thô $\leq 4,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 0,5$ %; Lysine $\geq 0,72$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,56$ %; Canxi: 1,4 - 2,4 %; Phốtpho: 0,5 - 1,2 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli ≤ 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Aflatoxin $\leq 20,0$ ppb; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,8$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó.	Viên tròn, màu nâu.	Bowwow Korea.	Korea	14/11/2021
1440	Zenith Dog Small Breed	285-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt cừu, bột gà, gạo lức, yến mạch, β-Glucan (β-1,3-1,6 Glucan), Lecithin, dầu cá hồi (EPA, DHA), mỡ gà, Calcium Carbonate, dầu hạt hướng dương, Yucca Extract, Chondroitin Sulfate, chất Glucosamine, L-Carnitine, Lysine, Dietary Fiber (Levan), premix vitamin và khoáng, Monascus Color. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 23,0$ %; Protein $\geq 28,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.060,0$ Kcal/kg; Béo thô $\geq 10,0$ %; Xơ thô $\leq 4,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 0,5$ %; Lysine $\geq 0,51$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,52$ %; Canxi: 1,4 – 2,4 %; Phốtpho: 0,5 – 1,2 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli ≤ 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Aflatoxin $\leq 20,0$ ppb; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,8$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó.	Viên tròn, màu nâu.	Bowwow Korea.	Korea	14/11/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1441	Zenith Dog Large Breed	286-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt cừu, bột gà, gạo lứt, yến mạch, β-Glucan (β-1,3-1,6 Glucan), Lecithin, dầu cá hồi (EPA, DHA), mỡ gà, canxi cacbonat, dầu hướng dương, Yucca Extract, Chondroitin Sulfate, chất Glucosamine, L-Carnitine, Lysine, Dietary Fiber (Levan), premix vitamin và khoáng, Emusifier tự nhiên, Monascus Color (màu tự nhiên). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 23,0$ %; Protein $\geq 28,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.060,0$ Kcal/kg; Béo thô $\geq 10,0$ %; Xơ thô $\leq 4,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 0,5$ %; Lysine $\geq 0,51$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,52$ %; Canxi: 1,4 - 2,4 %; Phốtpho: 0,5 - 1,2 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli ≤ 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Aflatoxin $\leq 20,0$ ppb; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,8$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó.	Viên tam giác, màu nâu.	Bowwow Korea.	Korea	14/11/2021
1442	Zenith Dog Light & Senior	287-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt cừu, bột gà, gạo lứt, yến mạch, β-Glucan (β-1,3-1,6 Glucan), Lecithin, dầu cá hồi (EPA, DHA), mỡ gà, canxi cacbonat, dầu hạt hướng dương, Yucca Extract, Chondroitin Sulfate, chất Glucosamine, L-Carnitine, Lysine, Dietary Fiber (Levan), premix vitamin và khoáng, chất nhũ hóa tự nhiên, Monascus Color (màu tự nhiên). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 23,0$ %; Protein $\geq 22,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 2.810,0$ Kcal/kg; Béo thô $\geq 9,0$ %; Xơ thô $\leq 10,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 0,5$ %; Lysine $\geq 0,51$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,52$ %; Canxi: 1,4 - 2,4 %; Phốtpho: 0,5 - 1,2 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli ≤ 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Aflatoxin $\leq 20,0$ ppb; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,8$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó.	Viên tam giác, màu nâu.	Bowwow Korea.	Korea	14/11/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1443	Zenith Cat	288-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt cá hồi, thịt gà, bột gà, yến mạch, β-Glucan (β-1,3-1,6 Glucan), phô mai, gạo, Chondroitin Sulfate, chất Glucosamine, Cellulose, dầu cá hồi (EPA, DHA), mỡ gà, Calcium Carbonate, Lecithin, Methionin, Taurine, chiết xuất Rosemary, chất chống búi lông, premix vitamin và khoáng, Glycerin, Sodium Propionate, axit Fumaric, Monascus Color (màu tự nhiên). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 23,0$ %; Protein $\geq 30,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 4.300,0$ Kcal/kg; Béo thô $\geq 10,0$ %; Xơ thô $\leq 7.5,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 0,5$ %; Lysine $\geq 0,67$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,88$ %; Canxi: 1,0 - 2,0 %; Phốtpho: 0,5 - 1,5 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli ≤ 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Aflatoxin $\leq 20,0$ ppb; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,8$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho mèo.	Viên hình cá, màu nâu.	Bowwow Korea.	Korea	14/11/2021
1444	Yogurt Drops Banana	289-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Dầu dừa, sữa bột tách Béo thô, sữa chua, tinh bột ngô, Lecithin, nhựa chuối, vitamin và các khoáng chất khác. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 8,0$ %; Protein $\geq 2,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 4.640,0$ Kcal/kg; Béo thô $\geq 22,0$ %; Xơ thô $\leq 4,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 0,5$ %; Lysine $\geq 0,02$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,01$ %; Canxi: 0,01 - 0,2 %; Phốtpho: 0,1 - 0,9 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli ≤ 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Aflatoxin $\leq 20,0$ ppb; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,8$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó.	Viên hình chóp, màu vàng nhạt.	Bowwow Korea.	Korea	14/11/2021
1445	Dental Fish Chew	290-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt cá trắng (Surimi), Gelatin, chất diệt lục, bột bắp, Glucose, Cellulose, đậm đặc nành, chất giữ độ ẩm (Sorbitol), sữa bột, muối, chất nhũ hoá, chất cân bằng pH (Pyrophosphate), hương vị sữa, Abradant (Geolite), Potassium Sorbate, chiết xuất men gạo, chất chống oxy hoá tự nhiên. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 23,0$ %; Protein $\geq 20,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.110,0$ Kcal/kg; Béo thô $\geq 0,5$ %; Xơ thô $\leq 1,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 0,5$ %; Lysine $\geq 0,2$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,1$ %; Canxi: 0,05 - 0,2 %; Phốtpho: 0,2 - 1,2 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli ≤ 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Aflatoxin $\leq 20,0$ ppb; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,8$ ppm.	Thức ăn hoàn chỉnh cho chó.	Viên hình xương, màu xanh.	Bowwow Korea.	Korea	14/11/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1446	Nutrivance Soy Protein Concentrate	323-11/16 -CN	- Thành phần nguyên liệu: Đạm đậu nành. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12\%$, Protein thô $\geq 60\%$, Béo thô $\geq 0,5\%$, Khoáng tổng số $\leq 6,5\%$, Xơ thô $\leq 5,5\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli : không phát hiện trong 1g ; Salmonella: không phát hiện trong 25g; As < 1,0 mg/kg; Pb < 5,0 mg/kg ; Hg < 0,05mg/kg ; Cd < 1,0 mg/kg.	Cung cấp đạm đậu nành vào thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	Protein Resources, Inc.	USA	14/11/2021
1447	Anion Booster	324-11/16 -CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit Glutamic cô đặc lên men khô, ngô lên men khô, trấu, bột mì. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12\%$, Protein thô $\geq 50\%$; Nitơ phi protein $\leq 31\%$; Béo thô $\geq 1,05\%$; Xơ không tan trong axit (ADF) $\leq 6\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli : không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; As < 2,0 mg/kg; Pb < 5,0 mg/kg; Hg < 0,05mg/kg; Cd < 1,0mg/kg.	Bổ sung protein trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc.	Dạng bột, màu nâu.	Stuhr Enterprises, LLC.	USA	14/11/2021
1448	Pigor Magnasweet 219, Code 6219	316-11/16 -CN	- Thành phần nguyên liệu: Sodium Saccharin, Cinnamaldehyde, Phenylethyl Alcohol, Gamma-Nonalactone, Isoamyl phenylacetate, Benzaldehyde, Linalool, Trans anethole, axit Phenylacetic, chất mang (Silica, Dextrose) - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10\%$; Sodium Saccharin: 39,6 - 48,4%; Cinnamaldehyde: 4,2 - 5,2%; Phenylethyl alcohol: 3,6 - 4,4%; Gamma-Nonalactone: 2,3 - 2,9%; Isoamyl phenylacetate: 2,4 - 3,0%; Benzaldehyde: 1,3 - 1,7%; Linalool: 4,3 - 5,3%; Trans anethole: 1,6 - 2,0%, axit Phenylacetic: 1,2 - 1,6%. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli < 10 CFU/ g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Cd $\leq 15,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 200,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung hương vani mật ong, hương lái trong thức ăn chăn nuôi.	Dạng bột, màu trắng đến hồng.	Pancosma France S.A.S.	France	14/11/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1449	Biocholine N	312-11/16 -CN	Thành phần nguyên liệu: Choline Chloride 75% lỏng, Hemicell HT-L. Chỉ tiêu chất lượng: Choline $\geq 43,4$ %; Beta- Mananase $\geq 60.000.000$ đơn vị/lít; TMA ≤ 500 ppm; Chỉ tiêu vệ sinh: E. Coli: không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Cd ≤ 1 mg/kg; As $\leq 2,0$ mg/kg; Pb $\leq 5,0$ mg/kg; Hg $\leq 0,05$ mg/kg.	Bổ sung Choline và β -mannanase vào thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu nâu.	Kofavet Special, Inc.	Korea	14/11/2021
1450	Natural Xanthophyll (Biofil Yellow)	315-11/16 -CN	- Thành phần nguyên liệu: Xanthophyll, Ethoxyquin, Canxi carbonate, Silica. Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 8,0$ %; Xanthophyll $\geq 20,0$ g/kg; - Chỉ tiêu vệ sinh: E. Coli: không phát hiện trong 25g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Cd $\leq 3,0$ ppm; As $\leq 3,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 3,0$ ppm.	Bổ sung Xanthophyll vào thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột mịn, màu vàng tới vàng cam.	Shandong Tianyin Biotechnology Co., Ltd.	China	14/11/2021
1451	Corn starch	317-11/16 -CN	- Thành phần nguyên liệu: Tinh bột ngô (Corn starch). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 13,0$ %; Tinh bột ngô ≥ 90 %; Protein $\leq 0,33$ mg; pH: 5,0 – 6,0; Tro $\leq 0,07$ %; Chất béo $\leq 0,06$ %. - Chỉ tiêu an toàn: E. Coli: không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Cd $\leq 0,05$ mg/kg; As $\leq 0,5$ mg/kg; Pb $\leq 1,0$ mg/kg; Hg $\leq 0,05$ mg/kg; Melamine $\leq 0,5$ mg/kg; Aflatoxin (B1, B2, G1, G2): không phát hiện.	Bổ sung tinh bột vào thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	Zhucheng Xingmao corn developing Co., Ltd.	China	14/11/2021
1452	Silvafeed Nutri P	283-11/16 -CN	- Thành phần nguyên liệu: Chất chiết từ hạt dẻ. - Chỉ tiêu chất lượng: Tanin $\geq 75,0$ %; pH: 3,0 - 5,0; Xơ thô $< 2,0$ %; Độ ẩm $< 8,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli không phát hiện trong 1g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Pb $\leq 1,00$ mg/kg ; As $\leq 1,00$ mg/kg; Cd $\leq 0,10$ mg/kg; Hg $< 0,10$ mg/kg.	Bổ sung tannin vào thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu.	LEDOGA S.r.l.	Italy	14/11/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1453	SiloSolve EF	389-11/16 -CN	Thành phần nguyên liệu: Lactobacillus plantarum (DSM16568/1k20720), Enterococcus faecium (DSM22502/1k20602), Lactococcus lactis (NCIMB30117/1k2083), Xylanase (EC3.2.1.8) Trichoderma longibrachiatum (CBS6194), chất nhũ hóa (Glyceryl Polyethyleneglycol ricinoleate), Maltodextrin, Sodium aluminium silicate. Chỉ tiêu chất lượng: Lactobacillus plantarum $\geq 2,0 \times 10^{10}$ CFU/g; Enterococcus faecium $\geq 1,5 \times 10^{10}$ CFU/g; Lactococcus lactis $\geq 1,5 \times 10^{10}$ CFU/g; Xylanase (EC 3.2.1.8) Trichoderma longibrachiatum (CBS6194) $\geq 100.000,0$ HEC/g. Chỉ tiêu an toàn: E. coli < 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Cd $< 0,2$ ppm; As $< 0,5$ ppm; Pb $< 0,5$ ppm; Hg $< 0,02$ ppm	Hỗn hợp vi sinh vật có lợi và enzyme dùng để ủ thức ăn thô xanh cho gia súc.	Dạng bột, màu trắng.	Chr.Hansen Czech Republic, s.r.o.	Czech Republic	30/11/2021
1454	Vitamin Premix Feed for Piglet (V1#)	291-11/16 -CN	- Thành phần nguyên liệu: Các Vitamin (A, D3, E, K3, B1, B2, B6, B12, B5, B3, B9, B8), chất mang zeolite. - Chỉ tiêu chất lượng (trong 1,0kg sản phẩm): Độ ẩm ≤ 10.0 %; Vitamin A $\geq 3.250.000$ IU; Vitamin D3 ≥ 375.000 IU; Vitamin E ≥ 20.000 IU; Vitamin K3 ≥ 1.250 mg; Vitamin B1 ≥ 1.000 mg; Vitamin B2 ≥ 5.000 mg; Vitamin B6 ≥ 2.000 mg; Vitamin B12 ≥ 12.5 mg; Vitamin B5 ≥ 20.000 mg; Vitamin B3 ≥ 45.000 mg; Vitamin B9 ≥ 75 mg; Vitamin B8 ≥ 18 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli: không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Cd $\leq 1,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 400,0$ ppb.	Bổ sung premix vitamin trong thức ăn chăn nuôi lợn con.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	East Hope (Singapore) Animal Nutrition pte., Ltd.	Singapore	14/11/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1455	Vitamin Premix Feed for Growing - fattening Pig (V2#)	292-11/16 -CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin (A, D3, E, K3, B1, B2, B6, B12, B5, B3, B9, B8), chất mang zeolite. - Chỉ tiêu chất lượng (trong 1,0kg sản phẩm): Độ ẩm $\leq$ 10,0 %; Vitamin A $\geq$ 3.250.000 IU; Vitamin D3 $\geq$ 375.000 IU; Vitamin E $\geq$ 20.000 IU; Vitamin K3 $\geq$ 1.250 mg/kg; Vitamin B1 $\geq$ 1.000 mg; Vitamin B2 $\geq$ 5.000 mg; Vitamin B6 $\geq$ 2.000 mg; Vitamin B12 $\geq$ 12.5 mg; Vitamin B5 $\geq$ 20.000 mg; Vitamin B3 $\geq$ 45.000 mg; Vitamin B9 $\geq$ 75 mg; Vitamin B8 $\geq$ 18 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli: không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Cd $\leq$ 1,0 ppm; As $\leq$ 2,0 ppm; Pb $\leq$ 10,0 ppm; Hg $\leq$ 400,0 ppb.	Bổ sung premix vitamin trong thức ăn chăn nuôi lợn thịt.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	East Hope (Singapore) Animal Nutrition pte., Ltd.	Singapore	14/11/2021
1456	Vitamin Premix Feed for Sow (V3#)	293-11/16 -CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin (A, D3, E, K3, B1, B2, B6, B12, B5, B3, B9, B8), chất mang zeolite. - Chỉ tiêu chất lượng: (trong 1,0kg sản phẩm): Độ ẩm $\leq$ 10,0 %; Vitamin A $\geq$ 3.250.000 IU; Vitamin D3 $\geq$ 375.000 IU; Vitamin E $\geq$ 20.000 IU ; Vitamin K3 $\geq$ 1.250 mg; Vitamin B1 $\geq$ 1.000 mg; Vitamin B2 $\geq$ 5.000 mg; Vitamin B6 $\geq$ 2.000 mg; Vitamin B12 $\geq$ 12.5 mg; Vitamin B5 $\geq$ 20.000 mg; Vitamin B3 $\geq$ 45.000 mg; Vitamin B9 $\geq$ 75 mg; Vitamin B8 $\geq$ 18 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli: không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Cd $\leq$ 1,0 ppm; As $\leq$ 2,0 ppm; Pb $\leq$ 10,0 ppm; Hg $\leq$ 400,0 ppb.	Bổ sung premix vitamin trong thức ăn chăn nuôi lợn nái.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	East Hope (Singapore) Animal Nutrition pte., Ltd.	Singapore	14/11/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1457	Vitamin Premix Feed for Broiler (V4#)	294-11/16 -CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin (A, D3, E, K3, B1, B2, B6, B12, B5, B3, B9, B8), chất mang zeolite. - Chỉ tiêu chất lượng (trong 1,0kg sản phẩm): Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Vitamin A $\geq 5.000.000$ IU; Vitamin D3 $\geq 1.000.000$ IU; Vitamin E ≥ 20.000 IU; Vitamin K3 ≥ 500 mg; Vitamin B1 ≥ 2.000 mg; Vitamin B2 ≥ 5.000 mg; Vitamin B6 ≥ 7.500 mg; Vitamin B12 ≥ 10 mg; Vitamin B5 ≥ 25.000 mg; Vitamin B3 ≥ 25.000 mg; Vitamin B9 ≥ 200 mg; Vitamin B8 ≥ 100 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli: không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Cd $\leq 1,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 400,0$ ppb.	Bổ sung premix vitamin trong thức ăn chăn nuôi gà thịt.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	East Hope (Singapore) Animal Nutrition pte., Ltd.	Singapore	14/11/2021
1458	Vitamin Premix Feed for Layer (V5#)	295-11/16 -CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin (A, D3, E, K3, B1, B2, B6, B12, B5, B3, B9, B8), chất mang zeolite. - Chỉ tiêu chất lượng (trong 1,0kg sản phẩm): Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Vitamin A $\geq 8.000.000$ IU; Vitamin D3 $\geq 1.000.000$ IU; Vitamin E ≥ 20.000 IU; Vitamin K3 ≥ 500 mg/kg; Vitamin B1 ≥ 2.000 mg; Vitamin B2 ≥ 5.000 mg; Vitamin B6 ≥ 7.500 mg; Vitamin B12 ≥ 10 mg; Vitamin B5 ≥ 10.000 mg; Vitamin B3 ≥ 25.000 mg; Vitamin B9 ≥ 200 mg; Vitamin B8 ≥ 100 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli: không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Cd $\leq 1,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 400,0$ ppb.	Bổ sung Premix vitamin trong thức ăn chăn nuôi gà đẻ.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	East Hope (Singapore) Animal Nutrition pte., Ltd.	Singapore	14/11/2021
1459	Fruit Flavor 205	454-12/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Isoamyl Acetate, Ethyl butyrate, chất mang (SiO2). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Isoamyl acetate $\geq 0,5\%$; Ethyl butyrate $\geq 0,1\%$. - Chỉ tiêu an toàn: As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung chất tạo mùi trong thức ăn chăn nuôi lợn.	Dạng bột, màu trắng đến vàng nhạt.	Shanghai Menon Animal Nutrition Technology Co., Ltd.	China	29/12/2021
1460	Menacid 100	455-12/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Lactic acid, Fumaric acid, Calcium Formate, Calcium Propionate, chất mang (đầu cọ, SiO2). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 5,0\%$; Lactic acid $\geq 3,0\%$; Fumaric acid $\geq 23,0\%$; Formic acid $\geq 6,0\%$; Propionic acid $\geq 2,0\%$. - Chỉ tiêu an toàn: As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung axit hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi cho lợn và gia cầm.	Dạng hạt mịn, màu trắng hoặc vàng.	Shanghai Menon Animal Nutrition Technology Co., Ltd.	China	29/12/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1461	Menoco	456-12/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Choline Chloride, chất mang (dầu cọ, SiO ₂). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm ≤ 8,0 %; Choline Chloride ≥ 24,0 % (tương đương Choline ≥ 17,9 %). - Chỉ tiêu an toàn: As ≤ 2,0 ppm; Pb ≤ 5,0 ppm; Hg ≤ 0,05 ppm; Cd ≤ 1,0 ppm.	Bổ sung Choline trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc nhai lại.	Dạng viên, màu vàng nhạt.	Shanghai Menon Animal Nutrition Technology Co., Ltd.	China	29/12/2021
1462	Menogen	457-12/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Urê, chất mang (dầu cọ, SiO ₂). - Chỉ tiêu chất lượng: Nitrogen ≥ 38,0 %; Độ ẩm ≤ 3,0 %; - Chỉ tiêu an toàn: E. coli: không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; As ≤ 2,0 ppm; Pb ≤ 5,0 ppm; Hg ≤ 0,05 ppm; Cd ≤ 1,0 ppm.	Bổ sung Urê trong thức ăn chăn nuôi gia súc nhai lại.	Dạng hạt, màu vàng nhạt.	Shanghai Menon Animal Nutrition Technology Co., Ltd.	China	29/12/2021
1463	Menoherb	458-12/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Cinnamaldehyde, Thymol; chất mang (dầu thực vật, SiO ₂). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm ≤ 10,0 %; Thymol ≥ 1,0 %; Cinnamaldehyde ≥ 18,0 %. - Chỉ tiêu an toàn: As ≤ 2,0 ppm; Pb ≤ 5,0 ppm; Hg ≤ 0,05 ppm; Cd ≤ 1,0 ppm.	Bổ sung tinh dầu thực vật (Cinnamaldehyde, Thymol) trong thức ăn chăn nuôi cho lợn và gia cầm.	Dạng hạt, màu vàng nhạt.	Shanghai Menon Animal Nutrition Technology Co., Ltd.	China	29/12/2021
1464	Menomet	459-12/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: DL-Methionine, chất mang (dầu cọ). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm ≤ 5,0 %; DL-Methionine ≥ 45,0 %. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli: không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; As ≤ 2,0 ppm; Pb ≤ 5,0 ppm; Hg ≤ 0,05 ppm; Cd ≤ 1,0 ppm.	Bổ sung DL-Methionine trong thức ăn chăn nuôi gia súc nhai lại.	Dạng viên, màu vàng nhạt.	Shanghai Menon Animal Nutrition Technology Co., Ltd.	China	29/12/2021
1465	Actigen	381-11/16 -CN	- Thành phần nguyên liệu: Nấm men thủy phân; Men bia sấy khô (từ Saccharomyces cerevisiae). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm ≤ 12,0 %; Protein thô ≥ 28%; Mannan ≥ 14%. - Chỉ tiêu an toàn: E. Coli: không phát hiện trong 1gram; Salmonella: không phát hiện trong 25gram.	Bổ sung pre-biotic vào thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	Alltech.	USA	30/11/2021
1466	Actigen	383-11/16 -CN	Thành phần nguyên liệu: Nấm men thủy phân, men bia sấy khô (từ Saccharomyces cerevisiae) - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm ≤ 12,0 %; Protein thô ≥ 28%; Mannan ≥ 14%. - Chỉ tiêu an toàn: E. Coli: không phát hiện trong 1gram; Salmonella: không phát hiện trong 25gram.	Bổ sung pre-biotic vào thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	Alltech.	Brazil	30/11/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1467	(CYS) Sodium Humate	384-11/16 -CN	Thành phần nguyên liệu: Sodium Humate. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0\%$; Axit Humic $\geq 60,0\%$. - Chỉ tiêu an toàn: E. Coli: không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Arsenic (As) $\leq 3,0$ mg/kg; Chì (Pb) $\leq 20,0$ mg/kg; Thủy ngân (Hg) $\leq 0,05$ mg/kg; Cadmium (Cd) $\leq 1,0$ mg/kg.	Bổ sung Sodium Humate vào thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm	Dạng mảnh, màu đen.	Jinan Haihua Organisms Science and Technology Co., Ltd.	China	24/11/2021
1468	Quantum Blue 5G	390-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Enzyme Phytase từ quá trình lên men bởi Trichoderma reesei, Na ₂ SO ₄ , Sorbitol, dầu thực vật, chất mang (bột mỳ). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Phytase $\geq 5.000,0$ FTU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli < 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Cd < 1mg; As < 3,0 mg; Pb < 2 mg; Hg < 1,0 mg.	Bổ sung Phytase trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	PGP International Inc.	USA	24/11/2021
1469	Sodium butyrate	325-11/16 - CN	- Thành phần nguyên liệu: Sodium butyrate - Chỉ tiêu chất lượng: Butyric Acid $\geq 77,6\%$; Độ ẩm $\leq 2,0\%$. - Chỉ tiêu an toàn: Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung axit Butyric vào thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng hạt, màu trắng hoặc trắng nhạt.	Zhejiang Vega Bio-technology Co., Ltd.	China	14/11/2021
1470	40% Coated Sodium butyrate	326-11/16 - CN	- Thành phần nguyên liệu: Sodium butyrate, chất mang (dầu thực vật đã được hydro hóa). - Chỉ tiêu chất lượng: Butyric Acid $\geq 28,5\%$; Độ ẩm $\leq 8,0\%$. - Chỉ tiêu an toàn: Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 5,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung axit Butyric vào thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng hạt vi bọc, màu trắng hoặc trắng nhạt.	Zhejiang Vega Bio-technology Co., Ltd.	China	14/11/2021
1471	Coated Sodium Butyrate with Essential Oil	327-11/16 - CN	- Thành phần nguyên liệu: Sodium butyrate, Thymol, Cinamyl Aldehyde, chất mang (dầu thực vật đã được hydro hóa). - Chỉ tiêu chất lượng: Butyric acid $\geq 28,5\%$; Thymol $\geq 1\%$; Cinnamyl Aldehyde $\geq 4,0\%$; Độ ẩm $\leq 8,0\%$. - Chỉ tiêu an toàn: Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 5,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm. □	Bổ sung axit Butyric và tinh dầu thực vật vào thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng hạt vi bọc, màu vàng.	Zhejiang Vega Bio-technology Co., Ltd.	China	14/11/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1472	60% Choline Chloride Powder	313-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Choline chloride, bột ôi ngô. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm ≤ 2 ; Choline chloride $\geq 60\%$; Choline $\geq 44\%$; Trimethylamine (TMA) ≤ 300 ppm. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli không phát hiện trong 1g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Aflatoxin không phát hiện; Cd $\leq 1,0$ ppm; As $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Hg $< 0,1$ ppm.	Bổ sung Choline vào thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng đến nâu.	Liaoning Biochem Co., Ltd.	China	14/11/2021
1473	75% Choline Chloride Liquid	314-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Choline chloride, Trimethylamine, Hydrochloric Acid, Ethylene Oxide, nước. - Chỉ tiêu chất lượng: Choline chloride $\geq 75\%$; Choline $\geq 55,9\%$. Trimethylamine (TMA) ≤ 300 ppm. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Aflatoxin không phát hiện; Cd $\leq 1,0$ ppm; As $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung Choline vào thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, không màu.	Liaoning Biochem Co., Ltd.	China	14/11/2021
1474	Acid Buf 10	328-11/16-CN	Thành phần nguyên liệu: Maerl (tảo biển có chứa canxi), magiê ôxít. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $< 5,0\%$; Canxi: 27,0 - 29,0 %; Magiê: 9,0 - 12,0 %; Khoáng tổng số: 91,0 - 94,0 %. - Chỉ tiêu an toàn: Salmonella: không phát hiện trong 25g; Cd $< 2,0$ mg/kg; As $< 12,0$ mg/kg; Pb $< 15,0$ mg/kg; Hg $< 0,2$ mg/kg, Fluoride < 500 mg/kg.	Bổ sung khoáng trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu xanh nhạt	Celtic Sea Minerals, Ireland. (phân phối bởi Marigot Ltd., Ireland).	Ireland	14/11/2021
1475	Oligovet Super Grazing	402-11/16-CN	Thành phần nguyên liệu: Oxít Magiê, dầu hạt cải, muối Magiê của axit Stearic và axit Palmitic, Calcium iodate, Cobalt (II) carbonate hydroxide (2:3) monohydrate, Copper oxide, Zinc oxide, Sodium Selenite. Chỉ tiêu chất lượng: Iốt (I): 15.371,0 - 25.042,0 mg/kg; Coban (Co): 4.100,0 - 6.680,0 mg/kg; Đồng (Cu) 143.451,0 - 233.697,0 mg/kg; Kẽm (Zn): 237.720,0 - 387.269,0 mg/kg; Selen (Se): 4.103,0 - 6.684,0 mg/kg; Magiê (Mg): 3,3 - 5,7 %. Chỉ tiêu an toàn: E.coli: Không phát hiện; Salmonella: không phát hiện; Cd $< 15,0$ mg/kg; As $< 30,0$ mg/kg; Pb $< 60,0$ mg/kg.	Bổ sung khoáng trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc nhai lại.	Dạng viên nén, màu xám đen.	Vetalis Technologies.	France	30/11/2021

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1476	Pro Sow	436-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin (A, D3, B1, B2, B6, B12, E, nicotinamide, D-calcium pantothenate, biotin, axit Folic), đậu tương mảnh, Sodium chloride, lúa mỳ, Manganese chelate of amino acids, hydrated Iron chelate of amino acids, hydrate copper chelate of amino acids, Zinc chelate of amino acids, Sodium selenite, L-lysine, Threonine và chất mang (hạt lạnh thủy phân). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Vitamin A $\geq$ 200.000,0 IU; Vitamin D3 $\geq$ 40.000,0 IU; Vitamin E $\geq$ 950,0 mg; Nicotinamide $\geq$ 1.000,0 mg; Sắt (Fe): 150,0 - 300,0 mg; Mangan (Mn): 350,0 - 450,0 mg; Lysine $\geq$ 26.500,0 mg; Threonine $\geq$ 1.000,0 mg; Protein thô (CP) $\geq$ 21,0 %; Omega 3 $\geq$ 4,1 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; Pb < 10,0 ppm; Cd < 10,0 ppm; As < 4,0 ppm; Hg < 0,1 ppm.	Bổ sung premix vitamin, axit amin khoáng và omega 3 trong thức ăn chăn nuôi cho lợn nái nuôi con.	Dạng bột có lẫn các hạt nhỏ, màu nâu.	Tecnozoo S.R.L.	Italy	29/11/2021
1477	Glucon Eco	437-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Gluconate calcium, Vitamin D3, chất nhũ hóa và ổn định bề mặt (Glycerol Polyethylene Glycol Ricinoleate) và chất mang (Glucose). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Vitamin D3 $\geq$ 200.000,0 IU; Canxi (Ca): 1,0 - 1,8 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; Pb < 10,0 ppm; Cd < 10,0 ppm; As < 4,0 ppm; Hg < 0,1 ppm.	Bổ sung premix vitamin và khoáng trong thức ăn chăn nuôi cho gà đẻ trứng	Dạng lỏng, màu vàng.	Tecnozoo S.R.L.	Italy	29/11/2021
1478	Adiresp	438-11/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin (A, D3), chất nhũ hóa và ổn định bề mặt (Glycerol Polyethylene Glycol Ricinoleate), tinh dầu bạch đàn (Cineole), chất mang và tá dược (1,2 Propandiol, Dextrose, Fructose, Sucrose). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 lít): Vitamin A $\geq$ 0,9 MIU; Vitamin D3 $\geq$ 10.000,0 IU; Cineole $\geq$ 12.250,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; Pb < 10,0 ppm; Cd < 10,0 ppm; As < 4,0 ppm; Hg < 0,1 ppm.	Bổ sung vitamin và tinh dầu thực vật trong thức ăn cho gia súc, gia cầm nhằm tăng tính ngon miệng và cải thiện hệ hô hấp của vật nuôi.	Dạng lỏng, màu vàng.	Tecnozoo S.R.L.	Italy	29/11/2016

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1479	Aviplus S	26-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các axit hữu cơ (Citric, Sorbic), tinh dầu thực vật (Thymol), chất tạo mùi (Vanillin) và chất mang (dầu cọ). - Chỉ tiêu chất lượng: Axit Citric $\geq 25,0\%$; Axit Sorbic $\geq 16,7\%$; Thymol $\geq 1,7\%$. - Chỉ tiêu an toàn: Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung các axit hữu cơ và tinh dầu thực vật trong thức ăn chăn nuôi cho lợn con nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng hạt nhỏ mịn, trắng ngà đến hồng.	Vetagro S.P.A,	Italy	6/1/2022
1480	Valopro	27-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sodium sulfate, Calcium carbonate, Manganese sulfate, Zinc sulfate, Cobalt acetate - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Coban (Co): 79,96 - 119,96 mg; Mangan (Mn): 16.740,0 - 20.460,0 mg; Kẽm (Zn): 16.677,0 - 20.383,0 mg; Natri (Na): 14,57 - 17,80 % - Chỉ tiêu an toàn: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; Pb $\leq 200,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm; As $\leq 60,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung premix khoáng trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc nhai lại.	Dạng bột, màu nâu.	Mixscience.	France	6/1/2022
1481	JNC Premix For Pig Grow	06-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sodium sulfate, Calcium carbonate, Manganese sulfate, Zinc sulfate, Cobalt acetate - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Coban (Co): 79,96 - 119,96 mg; Mangan (Mn): 16.740,0 - 20.460,0 mg; Kẽm (Zn): 16.677,0 - 20.383,0 mg; Natri (Na): 14,57 - 17,80 % - Chỉ tiêu an toàn: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; Pb $\leq 200,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm; As $\leq 60,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung premix vitamin và khoáng trong thức ăn chăn nuôi cho lợn sinh trưởng.	Dạng bột, màu nâu nhạt đến nâu đậm.	Japan Nutrition Co, Ltd.	Japan	6/1/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1482	JNC Premix For Pig Finish	07-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin (A, B1, B2, B6, B12, D3, E, K3, Niacin/Nicotinamide, Biotin, Axit Pantothenic, Axit Folic), Choline chloride, Copper sulfate, Manganous sulfate, Zinc sulfate, Cobalt sulfate, Calcium Iodate, Ferrous sulfate, Phytase và chất mang (chiết xuất thành tế bào nấm men, bột đá, cám gạo). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Vitamin A $\geq$ 4,41 MIU; Vitamin B1 $\geq$ 1,58 g; Vitamin B2 $\geq$ 2,52 g; Vitamin B6 $\geq$ 1,89 g; Vitamin B12 $\geq$ 0,016 g; Vitamin D3 $\geq$ 0,57 MIU; Vitamin E $\geq$ 6,93 g; Vitamin K3 $\geq$ 1,89 g; Niacin/Nicotinamide $\geq$ 3,15 g; Biotin $\geq$ 0,095 g; Axit Pantothenic $\geq$ 7,56 g; Axit Folic $\geq$ 0,38 g; Choline $\geq$ 31,5 g; Đồng (Cu): 9,0 - 11,0 g; Mangan (Mn): 22,05 - 26,95 g; Kẽm (Zn): 44,98 - 54,98 g; Sắt (Fe): 28,35 - 34,65 g; Phytase $\geq$ 0,44 MFTU. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; Pb < 3,0 ppm; As < 2,0 ppm; Cd < 1,0 ppm; Hg < 0,4 ppm	Bổ sung premix vitamin và khoáng trong thức ăn chăn nuôi cho lợn vỗ béo.	Dạng bột, màu nâu nhạt đến nâu đậm.	Japan Nutrition Co, Ltd.	Japan	6/1/2022
1483	JNC Premix For Sow	08-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin (A, B1, B2, B6, B12, D3, E, K3, Niacin/Nicotinamide, Biotin, Axit Pantothenic, Axit Folic), Choline chloride, Copper sulfate, Manganous sulfate, Zinc sulfate, Cobalt sulfate, Calcium Iodate, Ferrous sulfate, Phytase và chất mang (chiết xuất thành tế bào nấm men, bột đá, cám gạo). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Vitamin A $\geq$ 9,0 MIU; Vitamin B1 $\geq$ 3,37 g; Vitamin B2 $\geq$ 6,75 g; Vitamin B6 $\geq$ 2,7 g; Vitamin B12 $\geq$ 0,032 g; Vitamin D3 $\geq$ 1,125 MIU; Vitamin E $\geq$ 40,5 g; Vitamin K3 $\geq$ 36,0 g; Niacin/Nicotinamide $\geq$ 54,0 g; Biotin $\geq$ 0,124 g; Axit Pantothenic $\geq$ 20,25 g; Axit Folic $\geq$ 1,238 g; Choline $\geq$ 33,75 g; Đồng (Cu): 9,0 - 11,0 g; Mangan (Mn): 27,0 - 33,0 g; Kẽm (Zn): 45,0 - 55,0 g; Sắt (Fe): 22,5 - 27,5 g; Phytase $\geq$ 0,45 MFTU. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; Pb < 3,0 ppm; As < 2,0 ppm; Cd < 1,0 ppm; Hg < 0,4 ppm	Bổ sung premix vitamin và khoáng trong thức ăn chăn nuôi cho lợn nái.	Dạng bột, màu nâu nhạt đến nâu đậm.	Japan Nutrition Co, Ltd.	Japan	6/1/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1484	Jerhigh Meat as Meals (Chicken Recipe)	09-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gà, bột lúa mỳ, tinh bột sắn, trứng gà, protein từ sữa, Glycerine, lecithin, Cellulose, premix vitamin và khoáng, chất tạo mùi (Meat flavor 20.1505.1W), chất tạo màu (Ferroxide 510P). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 20,0$ %; Protein thô (CP) $\geq 20,0$ %; Xơ thô $\leq 4,0$ %; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 6,0$ %; Béo thô (Fat) $\geq 9,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; Pb < 5,0 ppm; As < 2,0 ppm; Cd < 2,0 ppm; Hg < 0,33 ppm.	Thức ăn bổ sung hương gà cho chó.	Dạng que ngắn, màu nâu.	CPF (Thailand) Public Company Limited.	Thailand	5/1/2022
1485	Jerhigh Meat as Meals (Beef Recipe)	10-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gà, thịt bò, gan bò, bột lúa mỳ, tinh bột sắn, trứng gà, protein từ sữa, Glycerine, lecithin, Cellulose, premix vitamin và khoáng, chất tạo mùi (Meat flavor ME-062027), chất tạo màu (Ferroxide 510P). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 20,0$ %; Protein thô (CP) $\geq 20,0$ %; Xơ thô $\leq 4,0$ %; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 6,0$ %; Béo thô (Fat) $\geq 9,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; Pb < 5,0 ppm; As < 2,0 ppm; Cd < 2,0 ppm; Hg < 0,33 ppm.	Thức ăn bổ sung hương bò cho chó.	Dạng que ngắn, màu nâu.	CPF (Thailand) Public Company Limited.	Thailand	5/1/2022
1486	Maxi-Mil HP	60-01/17- CN	- Thành phần nguyên liệu: Các axit hữu cơ (Propionic, Butyric), Ammonium Propionate, Ammonium Butyrate, chất nhũ hóa (Polysorbate 80), chất tạo mùi (Natural Terpenes) và chất mang (nước) - Chỉ tiêu chất lượng: Axit Propionic $\geq 43,9$ %; Axit Butyric $\geq 14,6$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; Pb $\leq 5,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm.	Bổ sung hỗn hợp axit hữu cơ và muối của axit hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm kiểm soát sự phát triển của nấm mốc.	Dạng lỏng, màu vàng.	Asta Chemicals SDN. BHD.	Malaysia	6/1/2022
1487	Noyau MT.X+	55-01/17- CN	- Thành phần nguyên liệu: Bentonite và chất mang (tảo biển).%- Chỉ tiêu chất lượng (tính theo VCK): SiO₂: 25,0 - 55,0 %; MgO: 5,0 - 15,0 %; Al₂O₃: 1,0 - 11,0 %; CaO: 0,1 - 6,0 %.- Chỉ tiêu an toàn: Pb < 200,0 ppm; As < 60,0 ppm; Cd < 15,0 ppm; Hg < 1,0 ppm.	Bổ sung chất hấp phụ độc tố nấm mốc trong thức ăn gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu be.	Olmix SA.	France	6/1/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1488	Noyau MFeed	56-01/17- CN	- Thành phần nguyên liệu: Bentonite, Clinoptilolite, Copper sulphate, chất tạo mùi (vanilla) và chất mang (tảo biển).%- Chỉ tiêu chất lượng (tính theo VCK): SiO ₂ : 30,0 - 60,0 %; MgO: 2,0 - 12,0 %; Al ₂ O ₃ : 5,0 - 15,0 %; CaO: 1,0 - 7,0 %; Đồng (Cu): 12.150,0 - 14.850,0 mg/kg.%- Chỉ tiêu an toàn: Pb < 200,0 ppm; As < 60,0 ppm; Cd < 15,0 ppm; Hg < 1,0 ppm.	Bổ sung chất phụ gia giúp cải thiện đường tiêu hoá vật nuôi.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	Olmix SA.	France	6/1/2022
1489	Calcium Formate	01-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit Formic và bột đá - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm ≤ 0,5 %; Axit Formic ≥ 68,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 20,0 ppm; As ≤ 0,5 ppm.	Bổ sung axit hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng tinh thể, màu trắng.	Chongqing Chuandong Chemical (Group) Co, Ltd.	China	6/1/2022
1490	Copper Sulphate Pentahydrate Feed Grade	59-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Copper Sulphate Pentahydrate (CuSO ₄ .5H ₂ O ≥ 98,0 %) - Chỉ tiêu chất lượng: Đồng (Cu): 24,0 - 25,45 % - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb < 20,0 ppm; As < 10,0 ppm; Hg < 0,1 ppm; Cd < 5,0 ppm.	Bổ sung đồng (Cu) trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm.	Dạng hạt nhỏ mịn, màu xanh.	Asian Chemical Co, Ltd.	Thailand	6/1/2022
1491	Jerhigh Salami	11-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gà, bột sắn bột, bột lúa mỳ, đường, Glycerine, premix vitamin và khoáng, chất tạo mùi (Meat flavor 20.1505.1W), chất tạo màu (Ferroxide 212P, 226P), chất bảo quản (Sodium Erythorbate, sodium nitrite). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm ≤ 20,0 %; Protein thô (CP) ≥ 24,0 %; Xơ thô ≤ 6,0 %; Khoáng tổng số (Ash) ≤ 6,0 %; Béo thô (Fat) ≥ 12,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; Pb < 5,0 ppm; As < 2,0 ppm; Cd < 2,0 ppm; Hg < 0,33 ppm.	Thức ăn bổ sung hương gà cho chó.	Dạng mảnh, màu đỏ.	CPF (Thailand) Public Company Limited.	Thailand	5/1/2022
1492	Jerhigh Strip	12-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gà, bột sắn bột, bột lúa mỳ, đường, bột sữa gầy, Cellulose, Lecithin, Glycerine, premix vitamin và khoáng, chất tạo mùi (Meat flavor 20.1505.1W), chất tạo màu (Ferroxide 212P, 226P), chất bảo quản (Sodium Erythorbate, sodium nitrite). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm ≤ 20,0 %; Protein thô (CP) ≥ 24,0 %; Xơ thô ≤ 6,0 %; Khoáng tổng số (Ash) ≤ 6,0 %; Béo thô (Fat) ≥ 9,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; Pb < 5,0 ppm; As < 2,0 ppm; Cd < 2,0 ppm; Hg < 0,33 ppm.	Thức ăn bổ sung hương gà cho chó.	Dạng viên hình chữ nhật, màu nâu đỏ.	CPF (Thailand) Public Company Limited.	Thailand	5/1/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1493	Blueberry stick	13-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gà, bột sắn bột, bột lúa mỳ, Gluten lúa mỳ, củ rau diếp xoăn, đường, bột sữa gầy, Glycerine, Lecithin, premix vitamin và khoáng, chất tạo mùi (Blueberry flavor PD-1232), chất tạo màu (Ferroxide 212P, 226P), chất bảo quản (Sodium Erythorbate, sodium nitrite). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 20,0\%$; Protein thô (CP) $\geq 20,0\%$; Xơ thô $\leq 6,0\%$; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 6,0\%$; Béo thô (Fat) $\geq 9,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; Pb < 5,0 ppm; As < 2,0 ppm; Cd < 2,0 ppm; Hg < 0,33 ppm.	Thức ăn bổ cho chó.	Dạng mảnh, màu đỏ.	CPF (Thailand) Public Company Limited.	Thailand	5/1/2022
1494	Banana Stick	14-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gà, bột sắn bột, bột lúa mỳ, Gluten lúa mỳ, củ rau diếp xoăn, đường, Glycerine, premix vitamin và khoáng, chất tạo mùi (Banana flavor PD-1231), chất tạo màu (Tartrazine, Titanium dioxide), chất bảo quản (Sodium Erythorbate, Sodium metabisulfite). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 20,0\%$; Protein thô (CP) $\geq 20,0\%$; Xơ thô $\leq 6,0\%$; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 6,0\%$; Béo thô (Fat) $\geq 9,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; Pb < 5,0 ppm; As < 2,0 ppm; Cd < 2,0 ppm; Hg < 0,33 ppm.	Thức ăn bổ sung hương chuối cho chó.	Dạng mảnh, màu vàng.	CPF (Thailand) Public Company Limited.	Thailand	5/1/2022
1495	Strawberry stick	15-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gà, bột sắn bột, Gluten lúa mỳ, củ rau diếp xoăn, đường, Lecitin, Glycerine, bột sữa gầy, Collagen, premix vitamin và khoáng, chất tạo mùi (Strawberry flavor 052311 C), chất tạo màu (Erythorsin), chất bảo quản (Sodium Erythorbate, Sodium metabisulfite). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 20,0\%$; Protein thô (CP) $\geq 20,0\%$; Xơ thô $\leq 6,0\%$; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 6,0\%$; Béo thô (Fat) $\geq 9,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; Pb < 5,0 ppm; As < 2,0 ppm; Cd < 2,0 ppm; Hg < 0,33 ppm.	Thức ăn bổ sung hương dâu tây cho chó.	Dạng mảnh, màu hồng.	CPF (Thailand) Public Company Limited.	Thailand	5/1/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1496	Toxo-MX	25-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: 100 % Bentonite . - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 15,0$ %; SiO ₂ : 45,0 - 65,0 %; Al ₂ O ₃ : 5,0 - 20,0 %; Fe ₂ O ₃ : 1,0 - 10,0 %; MgO: 1,0 - 10,0 %; CaO: 1,0 - 10,0 %. - Chỉ tiêu an toàn: Pb $\leq 200,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm.	Bổ sung chất hấp phụ độc tố nấm mốc trong thức ăn chăn nuôi gia súc gia cầm.	Dạng bột, màu be.	Selko B.V.	The Netherlands	6/1/2022
1497	Actebioz Plus	24-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất tinh dầu (Carvacrol) từ cây kinh giới (Oregano) và chất mang (cám lúa mỳ, Sepiolite). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 6,0$ %; Carvacrol $\geq 17.600,0$ mg/kg; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 44,5$ %. - Chỉ tiêu an toàn: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; As $\leq 60,0$ ppm; Pb $\leq 200,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung chiết xuất tinh dầu từ cây kinh giới trong thức ăn chăn nuôi nhằm cải thiện đường tiêu hóa của vật nuôi	Dạng bột, màu nâu.	Mixscience.	France	6/1/2022
1498	Dried Distillers Grain (DDG) Export Pellet	466-12/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Phụ phẩm ngũ cốc từ quá trình sản xuất ethanol (DDGS) và tinh bột ngũ cốc. - Chỉ tiêu chất lượng (tính theo vật chất khô): Protein thô $\geq 20,0$ %; Béo thô $\geq 4,0$ %; ADF $\leq 20,0$ %; NDF $\leq 35,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 8,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Aflatoxin tổng số $\leq 50,0$ ppb; Vomitoxin $\leq 8,0$ ppm	Nguyên liệu thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm	Dạng viên, màu nâu.	Manildra Starches PTY, Ltd.	Australia	27/12/2022
1499	Selko Intellibond C (Basic Copper Chloride)	23-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: - Thành phần nguyên liệu: Dicopper chloride trihydroxide (Cu ₂ (OH) ₃ Cl $\geq 92,0\%$) và chất kết dính (tinh bột). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 3,0$ %; Đồng (Cu): 54,0 - 59,0 %; - Chỉ tiêu an toàn: As $\leq 50,0$ ppm; Cd $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 100,0$ ppm	Bổ sung khoáng vào thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	Dạng hạt nhỏ mịn, màu xanh.	Micronutrients USA LLC.	USA	6/1/2022
1500	Jerhigh Cookie	18-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gà, bột sắn bột, bột lúa mỳ, đường, Glycerine, Lecithin, Cellulose, premix vitamin và khoáng, chất tạo mùi (Meat flavor 20.1505.1W), chất tạo màu (Ferroxide 212P, 226P), chất bảo quản (Sodium Erythorbate, sodium nitrite). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 20,0$ %; Protein thô (CP) $\geq 24,0$ %; Xơ thô $\leq 6,0$ %; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 6,0$ %; Béo thô (Fat) $\geq 12,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; Pb $< 5,0$ ppm; As $< 2,0$ ppm; Cd $< 2,0$ ppm; Hg $< 0,33$ ppm.	Thức ăn bổ sung hương gà cho chó.	Dạng mảnh, màu nâu đỏ.	CPF (Thailand) Public Company Limited.	Thailand	5/1/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1501	Jerhigh Bacon	19-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gà, bột sắn bột, bột lúa mì, đường, bột sữa gầy, premix vitamin và khoáng, chất tạo mùi (Smoke supreme poly C(maple) & H(hickory)), chất tạo màu (Titanium dioxide Ferroxide 212P, 226P), chất bảo quản (Sodium Erythorbate, sodium nitrite). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 20,0$ %; Protein thô (CP) $\geq 24,0$ %; Xơ thô $\leq 6,0$ %; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 6,0$ %; Béo thô (Fat) $\geq 12,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; Pb < 5,0 ppm; As < 2,0 ppm; Cd < 2,0 ppm; Hg < 0,33 ppm.	Thức ăn bổ sung hương gà cho chó.	Dạng viên hình chữ nhật, màu đỏ và trắng.	CPF (Thailand) Public Company Limited.	Thailand	5/1/2022
1502	Jerhigh Chicken Jerky	20-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gà, Glycerine, Sorbitol, premix vitamin và khoáng, - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 20,0$ %; Protein thô (CP) $\geq 35,0$ %; Xơ thô $\leq 2,0$ %; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 6,0$ %; Béo thô (Fat) $\geq 9,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; Pb < 5,0 ppm; As < 2,0 ppm; Cd < 2,0 ppm; Hg < 0,33 ppm.	Thức ăn bổ sung hương gà cho chó.	Dạng miếng giống miếng thịt gà, màu nâu đỏ.	CPF (Thailand) Public Company Limited.	Thailand	5/1/2022
1503	Beef Stick	21-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gà, thịt bò, bột sắn bột, bột lúa mì, Gluten lúa mì, Lecitin, sữa khử béo, Glycerine, chất tạo mùi (Meat flavor ME-062027), chất bảo quản (Sodium Erythorbate, Sodium Nitrate). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 20,0$ %; Protein thô (CP) $\geq 20,0$ %; Xơ thô $\leq 6,0$ %; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 6,0$ %; Béo thô (Fat) $\geq 9,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; Pb < 5,0 ppm; As < 2,0 ppm; Cd < 2,0 ppm; Hg < 0,33 ppm.	Thức ăn bổ sung hương gà cho chó.	Dạng que, màu nâu đỏ.	CPF (Thailand) Public Company Limited.	Thailand	5/1/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1504	Jerhigh Liver Stick	22-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gà, bột sắn bột, Gluten lúa mì, bột lúa mì, gan gia cầm, Glycerine, đường, Lecitin, Glycerine, bột sữa gầy, chất tạo mùi (Smoke supreme poly C(maple) & H(hickory)), chất tạo màu (Caramel), Collagen, premix vitamin và khoáng, chất bảo quản (Sodium Erythorbate, Sodium metabisulfite). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 20,0$ %; Protein thô (CP) $\geq 24,0$ %; Xơ thô $\leq 6,0$ %; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 6,0$ %; Béo thô (Fat) $\geq 9,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; Pb $< 5,0$ ppm; As $< 2,0$ ppm; Cd $< 2,0$ ppm; Hg $< 0,33$ ppm.	Thức ăn bổ sung cho chó.	Dạng que, màu nâu.	CPF (Thailand) Public Company Limited.	Thailand	5/1/2022
1505	Probion-Forte	54-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bacillus subtilis, Bacillus coagulans và chất mang (Malt, Zeolite). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $< 10,0$ %; Bacillus subtilis $\geq 1,0 \times 10^8$ CFU/g; Bacillus coagulans $\geq 1,0 \times 10^8$ CFU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25g, E.coli < 10 CFU/g; As $\leq 5,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Hg $< 1,0$ ppm; Cd $< 5,0$ ppm.	Bổ sung vi khuẩn lợi Bacillus trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu đỏ nhạt hoặc nâu.	WooGene B&G Co, Ltd.	Korea	6/1/2022
1506	Prichemin ZN 20	30-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Zn-Amino acid chelate (amino acid từ protein đậu tương được thủy phân bằng enzyme). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Kẽm (Zn): 20,0 - 24,0 %; Protein thô $\geq 10,0$ %. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli: không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Pb $\leq 15,0$ ppm; As $\leq 12,0$ ppm; Cd $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung Kẽm hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Priya Chemicals.	India	5/1/2022
1507	Prichemin - PLUS	31-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Fe-Amino acid chelate (amino acid từ protein đậu tương được thủy phân bằng enzyme). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Sắt (Fe): 20,0 - 24,0 %; Protein thô $\geq 10,0$ %. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli: không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Pb $\leq 15,0$ ppm; As $\leq 12,0$ ppm; Cd $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung Sắt hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu be nhạt đến màu nâu.	Priya Chemicals.	India	5/1/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1508	Prichemin - 4	32-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Mn-Amino acid chelate (amino acid từ protein đậu tương được thủy phân bằng enzyme). - Chỉ tiêu chất lượng: Protein thô $\geq 10,0\%$; Manganese (Mn): 20,0 - 24,0 %; Độ ẩm $\leq 10,0\%$. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli: không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Pb $\leq 15,0$ ppm; As $\leq 12,0$ ppm; Cd $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung Mangan hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Priya Chemicals.	India	5/1/2022
1509	Prichemin FE 20	33-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Cu-Amino acid chelate (amino acid từ protein đậu tương được thủy phân bằng enzyme). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Protein thô $\geq 6,0\%$; Đồng (Cu): 20,0 - 24,0 %. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli: không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Pb $\leq 15,0$ ppm; As $\leq 12,0$ ppm; Cd $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung Đồng hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu xanh.	Priya Chemicals.	India	5/1/2022
1510	Prichemin CR 2.0	34-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Cr-Amino acid chelate (amino acid từ protein đậu tương được thủy phân bằng enzyme). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Crôm (Cr): 2,0 - 2,25 %; Protein thô $\geq 47,0\%$. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli: không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Pb $\leq 15,0$ ppm; As $\leq 12,0$ ppm; Cd $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung Crôm hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi trong gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng nâu.	Priya Chemicals.	India	5/1/2022
1511	Prichemin ZMC DS	35-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Se-Amino acid chelate (amino acid từ protein đậu tương được thủy phân bằng enzyme). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Protein thô $\geq 48,0\%$; Selen (Se): 2,0 - 2,25 %. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli: không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Pb $\leq 15,0$ ppm; As $\leq 12,0$ ppm; Cd $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung Selen hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Priya Chemicals.	India	5/1/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1512	Prichemin SOW	36-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Zn-Amino acid chelate, Mn-Amino acids chelate, Fe-Amino acid chelate, Cu-Amino acid chelate, Cr-Amino acid chelate, Se-Amino acid chelate, Iodine, (amino acid từ protein đậu tương được thủy phân bằng enzyme). - Chỉ tiêu chất lượng: Protein thô $\geq 18,0\%$; Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Kẽm (Zn): 7,0 - 8,5 %; Mangan (Mn): 7,0 - 8,5 %; Sắt (Fe): 2,0 - 3,5 %; Đồng (Cu): 0,8 - 1,5 %; Crôm (Cr): 0,02 - 0,03 %; Selen (Se): 0,03 - 0,07 %; Iốt (I): 0,2 - 0,4 %. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli: không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Pb $\leq 15,0$ ppm; As $\leq 12,0$ ppm; Cd $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung hỗn hợp khoáng hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Priya Chemicals.	India	5/1/2022
1513	Prichemin SE 2.0	37-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Zn-Amino acid chelate, Mn-Amino acid chelate, Cu-Amino acid chelate, Co-Amino acid chelate (amino acid từ protein đậu tương được thủy phân bằng enzyme). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Kẽm (Zn): 5,15 - 7,20 %; Protein thô $\geq 30,0\%$; Mangan (Mn): 2,86 - 3,5 %; Đồng (Cu): 1,8 - 2,5 %; Coban (Co): 0,18 - 0,22 %. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli: không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Pb $\leq 15,0$ ppm; As $\leq 12,0$ ppm; Cd $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung hỗn hợp khoáng hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi cho bò, ngựa, dê.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Priya Chemicals.	India	5/1/2022
1514	Prichemin CU 20	38-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Zn-Amino acid chelate, Mn-Amino acid chelate, Cu-Amino acid chelate (amino acid từ protein đậu tương được thủy phân bằng enzyme). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Protein thô $\geq 24,0\%$; Kẽm (Zn): 8,0 - 10,5 %; Mangan (Mn): 4,0 - 5,0 %; Đồng (Cu): 2,0 - 3,0 %. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli: không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Pb $\leq 15,0$ ppm; As $\leq 12,0$ ppm; Cd $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung hỗn hợp khoáng hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi lợn và gia cầm.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Priya Chemicals.	India	5/1/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1515	Prichemin MN 20	39-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Zn-Amino acid chelate, Mn-Amino acid chelate, Cu-Amino acid chelate, Fe-Amino acid chelate (amino acid từ protein đậu tương được thủy phân bằng enzyme). - Chỉ tiêu chất lượng: Protein thô $\geq 35,0\%$; Kẽm (Zn): 3,2 - 4,2 %; Mangan (Mn): 1,6 - 1,9 %; Đồng (Cu): 2,0 - 3,0 %; Sắt (Fe): 1,6 - 1,9 %; Độ ẩm $\leq 10,0\%$. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli: không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Pb $\leq 15,0$ ppm; As $\leq 12,0$ ppm; Cd $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung hỗn hợp khoáng hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi lợn.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Priya Chemicals.	India	5/1/2022
1516	PIF ONE-Q	03-01/17-CN	Thành phần nguyên liệu: Alkalne Protease, Xylanase, Beta-Mannanase, chất mang (Glucose). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0\%$; Alkaline Protease $\geq 2.500.000,0$ IU/kg; Xylanase $\geq 300.000,0$ IU/kg; Beta-Mannanase $\geq 100.000,0$ IU/kg. - Chỉ tiêu an toàn: As $\leq 4,0$ mg/kg; Pb $\leq 10,0$ mg/kg; Cd $\leq 1,0$ mg/kg; Hg $\leq 1,0$ mg/kg; E.coli < 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện trong 25g. □	Bổ sung enzyme tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu tro đến vàng nhạt.	InsectBiotech Co., Ltd.	Korea	18/01/2022
1517	Tributyryn	48-12/16-CN	Thành phần nguyên liệu: Tributyrin, Silicon dioxide. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Tributyrin $\geq 45,0\%$. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli: không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g. As $\leq 3,0$ mg/kg; Pb $\leq 20,0$ mg/kg; Hg $\leq 0,05$ mg/kg; Cd $\leq 1,0$ mg/kg.	Bổ sung Tributyrin trong thức ăn cho lợn và gia cầm.	Dạng hạt, màu trắng.	Jinan Haihua Organisms Science and Technology Co., Ltd.	China	24/01/2022
1518	Amdetox	04-01/17-CN	Thành phần nguyên liệu: Mannan Oligosaccharides, Sodium Aluminosilicate, chất mang (Bentonite). - Chỉ tiêu chất lượng: Mannan Oligosaccharides $\geq 15,0$ g/kg; Sodium Aluminosilicate $\geq 200,0$ g/kg (tương đương SiO₂ $\geq 140,0$ g/kg); Độ ẩm $\leq 10,0\%$. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Cd $\leq 500,0$ ppb; Hg $\leq 100,0$ ppb; Pb $\leq 40,0$ ppm; As $\leq 10,0$ ppm.	Bổ sung chất hấp phụ độc tố nấm mốc vào thức ăn chăn nuôi gia súc gia cầm	Dạng bột, màu xám.	Jiangsu Aomai Bio-Technology Co.	China	9/1/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1519	Wisdem Coated Zinc Oxide 75%	49-01/17-CN	Thành phần nguyên liệu: Oxide kẽm, chất béo Hydro hóa, Ethoxyquin, Arabic gum, tinh bột ngô. Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 8,0\%$; Kẽm oxit (ZnO): $75,0 - 80,0\%$; Kẽm (Zn): $60,0 - 64,0\%$. Chỉ tiêu an toàn: E. coli $< 1,0$ MPN/g; Salmonella : không phát hiện trong 25g; Cd $\leq 8,0$ ppm; As $\leq 5,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Hg $< 0,1$ ppm.	Bổ sung kẽm vào thức ăn chăn nuôi cho lợn.	Dạng hạt, màu be xám.	Guangzhou Wisdom Bio-Technology Co.,Ltd.	China	16/1/2022
1520	Manganese Sulfate Monohydrate	40-01/17-CN	Thành phần nguyên liệu: MnSO ₄ .H ₂ O. Chỉ tiêu chất lượng: MnSO ₄ .H ₂ O $\geq 98,0\%$; Mangan (Mn) $\geq 31,8\%$. Chỉ tiêu an toàn: As $\leq 5,0$ mg/kg; Pb $\leq 20,0$ mg/kg; Cd $\leq 10,0$ mg/kg; Hg $\leq 1,0$ mg/kg.	Bổ sung Mangan (Mn) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu từ trắng đến hồng nhạt.	Kirns Chemical Ltd.	China	11/1/2022
1521	Feed Flavor EX-B	05-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất từ ri ri mật, vụn bánh mì. - Chỉ tiêu chất lượng: Polyphenol $> 0,8\%$; Độ ẩm $\leq 12,0\%$. - Chỉ tiêu an toàn: Cd $\leq 1,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm; Tổng Aflatoxin (B1, B2, G1, G2) $\leq 10,0$ ppb.	Bổ sung chất tạo mùi vào thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu sẫm.	Shin-Yo Co., Ltd.	Japan	5/1/2022
1522	Bicar Z (Sodium Bicarbonate)	467-12/16-CN	Thành phần nguyên liệu: Sodium Bicarbonate (NaHCO ₃). - Chỉ tiêu chất lượng: Sodium Bicarbonate $\geq 99,0\%$; Natri $\geq 27,0\%$. - Chỉ tiêu an toàn: Cd $\leq 2,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung Natri Bicarbonate trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột, màu trắng	Solvay Peroxythai Limited.	Thailand	27/12/2021
1523	Home & Dog Junior	69-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ngô, lúa mì, gạo lứt, bột thịt gà, bột thịt, bột đậu nành, bột chuối, bột cải tía, bột thịt gà thủy phân (hương tự nhiên), mỡ gà, muối, Protease, chiết xuất thảo mộc, chiết xuất tỏi, chiết xuất Yucca, men bia, thảo đinh lăng, Choline Chloride, chiết xuất cam quýt (chất chống oxy hóa tự nhiên), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0\%$; Protein thô $\geq 30,0\%$; Năng lượng trao đổi $\geq 3.430,0$ Kcal/kg; Xơ thô $\leq 4,0\%$; Khoáng tổng số $\leq 11,5\%$; Lysine tổng số $\geq 0,9\%$; Threonine $\geq 0,65\%$; Methionine + Cystine tổng số $\geq 0,6\%$; Canxi: $0,95 - 2,5\%$; Phốtpho tổng số: $0,7 - 1,5\%$. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Aflatoxin B1 $\leq 10,0$ ppb; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó.	Dạng viên, màu nâu.	Deahan Feed Co, Ld.	Korea	24/01/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1524	Home & Dog Adult	70-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bột thịt gà, ngô, lúa mì, gạo lức, đậu nành, cám lúa mì, bột thịt gà thủy phân (hương tự nhiên), mỡ gà, mỡ bò, bột củ cải đường, mầm lúa mì, muối, men bia, Protease, thảo dược (xạ hương, nghệ), thảo đinh lăng, Choline Chloride, chiết xuất cam quýt (chất chống oxi hóa tự nhiên), Glucosamine, Chondroitin Sulfate, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0$ %; Protein thô $\geq 25,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.250,0$ Kcal/kg; Xơ thô $\leq 5,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 11,0$ %; Lysine tổng số $\geq 0,9$ %; Threonine $\geq 0,65$ %; Methionine + Cystine tổng số $\geq 0,6$ %; Canxi: 0,95 - 2,5 %; Phốtpho tổng số: 0,7 - 1,5 %. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Aflatoxin B1 $\leq 10,0$ ppb; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó.	Dạng viên, màu nâu.	Deahan Feed Co, Ld.	Korea	24/01/2022
1525	Home & Dog	71-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bột thịt gà, bột đậu nành, ngô, lúa mì, gạo lức, bột chuối, bột cải tía, bột thịt gà thủy phân (hương tự nhiên), chiết xuất thảo mộc, chiết xuất tỏi, chiết xuất Yucca, men bia, muối, thảo đinh lăng, Protease, chiết xuất cam quýt (chất chống oxi hóa tự nhiên) premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0$ %; Protein thô $\geq 25,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.200,0$ Kcal/kg; Xơ thô $\leq 6,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 11,0$ %; Lysine tổng số $\geq 0,85$ %; Threonine $\geq 0,65$ %; Methionine + Cystine tổng số $\geq 0,6$ %; Canxi: 0,85 - 2,0 %; Phốtpho tổng số: 0,6 - 1,1%. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Aflatoxin B1 $\leq 10,0$ ppb; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó.	Dạng viên, màu nâu.	Deahan Feed Co, Ld.	Korea	24/01/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1526	Home & Dog Happy	72-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ngô, đậu nành, hạt cải dầu, lúa mì, vỏ hạt ngô, mỡ động vật, mỡ gà, bột thịt gà thủy phân (hương tự nhiên), đá vôi, muối, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0$ %; Protein thô $\geq 14,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 2.900,0$ Kcal/kg; Xơ thô $\leq 9,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 11,0$ %; Lysine tổng số $\geq 0,5$ %; Threonine $\geq 0,48$ %; Methionine + Cystine tổng số $\geq 0,42$ %; Canxi: 0,55 - 1,5 %; Phốtpho tổng số: 0,4 - 0,8%. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Aflatoxin B1 $\leq 10,0$ ppb; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó.	Dạng viên, màu nâu.	Deahan Feed Co, Ltd.	Korea	24/01/2022
1527	Home & Dog Lamb& Brown Rice	73-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bột thịt cừu, gạo lức, bột thịt gà, ngô, lúa mì, bột đậu nành, bột củ cải đường, mỡ gà, mỡ động vật, bột thịt gà thủy phân (hương tự nhiên), muối, chiết xuất Yucca, chiết xuất thảo mộc, chiết xuất tỏi, thảo đinh lăng, chiết xuất cam quýt (chất chống oxi hóa tự nhiên), Protease, Glucosamine, Chondroitin, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0$ %; Protein thô $\geq 30,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.400,0$ Kcal/kg; Xơ thô $\leq 4,5$ %; Khoáng tổng số $\leq 12,5$ %; Lysine tổng số $\geq 0,85$ %; Threonine $\geq 0,65$ %; Methionine + Cystine tổng số $\geq 0,60$ %; Canxi: 0,95 - 2,5 %; Phốtpho tổng số: 0,7 - 1,4 %. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Aflatoxin B1 $\leq 10,0$ ppb; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó.	Dạng viên, màu nâu.	Deahan Feed Co, Ltd.	Korea	24/01/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1528	Home & Dog Beef & Vegetable	74-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ngô, đậu nành, thịt bò, thịt gà, mỡ gà, mỡ bò, bột củ cải đường, bột thịt gà thủy phân (hương tự nhiên), lúa mì, L-tryptophan, Protease, chiết xuất yucca, cây thảo đinh lăng, Choline Chloride, chiết xuất chanh cam, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0\%$; Protein thô $\geq 25,0\%$; Năng lượng trao đổi $\geq 3.500,0$ Kcal/kg; Xơ thô $\leq 4,0\%$; Khoáng tổng số $\leq 10,0\%$; Lysine tổng số $\geq 0,94\%$; Threonine $\geq 0,70\%$; Methionine + Cystine tổng số $\geq 0,65\%$; Canxi: 1,0 - 2,5 %; Phốtpho tổng số: 0,85 - 1,5%. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Aflatoxin B1 $\leq 10,0$ ppb; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó.	Dạng viên, màu nâu.	Deahan Feed Co, Ld.	Korea	24/01/2022
1529	Home & Dog Moisture	75-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gà, bột thịt gà, gạo lức, ngô, bột thịt gà thủy phân (hương tự nhiên), mỡ gà, dầu cá (cá hồi), bột trứng, bột chuối, Quinoa (diêm mạch), amaranth, lúa mạch, hạt chia, bo bo, cám yến mạch, hạt lanh, L-tryptophan, DL-methionine, Choline Chloride, chiết xuất cam quýt (chất chống oxi hóa tự nhiên), thảo đinh lăng, Protease, probiotic (Bacillus subtilus), Glucosamine, CLA (axit Linoleic liên hợp), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 25,0\%$; Protein thô $\geq 21,0\%$; Năng lượng trao đổi $\geq 2.800,0$ Kcal/kg; Xơ thô $\leq 3,0\%$; Khoáng tổng số $\leq 9,0\%$; Lysine tổng số $\geq 0,92\%$; Threonine $\geq 0,70\%$; Methionine + Cystine tổng số $\geq 0,63\%$; Canxi: 1,0 - 2,0 %; Phốtpho tổng số: 0,6 - 1,2 %. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Aflatoxin B1 $\leq 10,0$ ppb; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó.	Dạng viên, màu nâu.	Deahan Feed Co, Ld.	Korea	24/01/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1530	Home Cat	76-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bột thịt gà, bột cá, ngô, lúa mì, đậu nành, bột lúa mì, bột củ cải đường, bột xơ, hạt lanh, dầu đậu nành, nấm men, muối, hương tự nhiên cho mèo, Taurine, Methionine, L-Lysine, chiết xuất yucca, chiết xuất thảo dược, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Protein thô $\geq 31,5\%$; Năng lượng trao đổi $\geq 3.450,0$ Kcal/kg; Xơ thô $\leq 4,0\%$; Khoáng tổng số $\leq 10,0\%$; Lysine tổng số $\geq 1,24\%$; Threonine $\geq 0,76\%$; Methionine + Cystine tổng số $\geq 1,13\%$; Canxi: 1,0 - 2,0 %; Phốtpho tổng số: 0,7 - 1,4 %. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Aflatoxin B1 $\leq 10,0$ ppb; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó.	Dạng viên, màu nâu.	Deahan Feed Co, Ltd.	Korea	24/01/2022
1531	Adimix Easy	112-01/17-CN	Thành phần nguyên liệu: Sodium butyrate và chất mang (Dextrin). - Chỉ tiêu chất lượng: Axit Butyric $\geq 67,0\%$; Độ ẩm $\leq 5,0\%$. - Chỉ tiêu an toàn: As $\leq 4,0$ mg/kg; Pb $\leq 10,0$ mg/kg; Cd $\leq 0,5$ mg/kg; Hg $\leq 0,1$ mg/kg.	Bổ sung axit hữu cơ hỗ trợ đường ruột cho gia súc, gia cầm	Dạng hạt, màu trắng hoặc trắng đục.	Nutri-Ad International NV.	Belgium	24/01/2022
1532	Varium	52-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bentonite (Montmorillonite type clay), thành tế bào nấm men, Monosodium glutamate. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 13,0\%$; SiO₂: 32,0 - 65,0 %; Al₂O₃: 4,0 - 15,0 %; Beta - Glucan $\geq 0,84\%$; Manan Oligosaccharide $\geq 0,7\%$; Monosodium Glutamate $\geq 4,9\%$. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli không phát hiện trong 10g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Pb $\leq 10,0$ mg/kg; As $\leq 3,0$ mg/kg; Cd $\leq 0,5$ mg/kg; Hg $\leq 0,1$ mg/kg.	Bổ sung chất hấp phụ độc tố trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột màu xám đậm.	Amlan International.	USA	24/01/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1533	NeoPrime	53-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bentonite (Calcium montmorillonite type clay), thành tế bào nấm men, Monosodium glutamate. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 13,0\%$; SiO₂: 24,0 - 55,0 %; Al₂O₃: 3,0 - 15,0 %; Beta - Glucan $\geq 2,94\%$; Manan Oligosaccharide $\geq 2,45\%$; Monosodium Glutamate $\geq 2,45\%$. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli: không phát hiện trong 10g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Pb $\leq 10,0$ mg/kg; As $\leq 3,0$ mg/kg; Cd $\leq 0,5$ mg/kg; Hg $\leq 0,1$ mg/kg.	Bổ sung chất hấp phụ độc tố trong thức ăn chăn nuôi lợn con.	Dạng bột màu xám đậm.	Amlan International.	USA	24/01/2022
1534	Aromabiotic	65-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit béo (Octanoic acid, Decanoic acid) chưng cất từ thực vật (45,0 - 55,0 %); chất mang (bột mì, tấm gạo và SiO₂) (45,0 - 55,0 %). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 20,0\%$; Béo thô $\geq 45,0\%$; Khoáng tổng số $\leq 35,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli: không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; As $\leq 4,0$ mg/kg; Pb $\leq 10,0$ mg/kg; Hg $\leq 0,2$ mg/kg; Cd $\leq 0,5$ mg/kg.	Bổ sung axit béo (Octanoic acid, Decanoic acid) từ thực vật trong thức ăn chăn nuôi lợn con.	Dạng bột, màu trắng đến màu kem.	Nuscience Belgium.	Belgium	24/01/2022
1535	Aromabiotic poultry	66-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit béo (Octanoic acid, Decanoic acid) chưng cất từ thực vật (52,0 - 62,0 %); chất mang (bột mì, tấm gạo và SiO₂) (38,0 - 48,0 %). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 25,0\%$; Béo thô $\geq 52,0\%$; Khoáng tổng số $\leq 40,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli: không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; As $\leq 4,0$ mg/kg; Pb $\leq 10,0$ mg/kg; Hg $\leq 0,2$ mg/kg; Cd $\leq 0,5$ mg/kg.	Bổ sung axit béo (Octanoic acid, Decanoic acid) từ thực vật trong thức ăn chăn nuôi gia cầm.	Dạng bột, màu trắng đến màu kem.	Nuscience Belgium.	Belgium	24/01/2022
1536	Aromabiotic Cattle	67-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit béo (Octanoic acid, Decanoic acid) chưng cất từ thực vật (22,0 - 27,0 %); chất mang (bột mì, tấm gạo và SiO₂) (73,0 - 78,0 %). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 13,5\%$; Béo thô $\geq 22,0\%$; Khoáng tổng số $\leq 15,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli: không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; As $\leq 4,0$ mg/kg; Pb $\leq 10,0$ mg/kg; Hg $\leq 0,2$ mg/kg; Cd $\leq 0,5$ mg/kg.	Bổ sung axit béo (Octanoic acid, Decanoic acid) từ thực vật trong thức ăn chăn nuôi bò.	Dạng bột, màu be hoặc vàng.	Nuscience Belgium.	Belgium	24/01/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1537	MONGE Brand dog food – Patè and Chunkies with pork 100g	96-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gia cầm, thịt lợn, gan gà, gan lợn, Premix Vitamin - Khoáng, NaCl, chất tạo đặc (Lotus bean gum - E410), nước. - Chỉ tiêu chất lượng: Protein thô $\geq 7,0\%$; Mỡ thô $\geq 5,0\%$; Xơ thô $\leq 2,2\%$; Tro tổng số $\leq 2,2\%$; Năng lượng trao đổi (ME) $\geq 3.000,0$ Kcal/kg; Lysine tổng số $\geq 1,2\%$; Threonine tổng số $\geq 0,7\%$; Methionine + Cystine tổng số $\geq 1,0\%$; Canxi: 0,5 - 2,0 %; Phốt pho: 0,2 - 1,0 %; Cát sạn $\leq 1,5\%$. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli: không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Cd $\leq 0,5$ mg/kg; As $\leq 1,0$ mg/kg; Pb $\leq 3,0$ mg/kg; Hg $\leq 0,03$ mg/kg.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh (hương vị thịt lợn) cho chó.	Dạng sệt, màu từ hồng đến nâu nhạt.	Monge & C. S.p.A.	Italy	24/01/2022
1538	MONGE Brand dog food – Patè and Chunkies with codfish 100g	97-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gia cầm, cá biển, cá tuyết, thịt lợn, gan gà, gan lợn, Premix Vitamin - Khoáng, NaCl, chất tạo đặc (Lotus bean gum - E410), nước. - Chỉ tiêu chất lượng: Protein thô $\geq 7,0\%$; Mỡ thô $\geq 5,0\%$; Xơ thô $\leq 2,2\%$; Tro tổng số $\leq 2,2\%$; Năng lượng trao đổi (ME) $\geq 3.000,0$ Kcal/kg; Lysine tổng số $\geq 1,2\%$; Threonine tổng số $\geq 0,7\%$; Methionine + Cystine tổng số $\geq 1,0\%$; Canxi: 0,5 - 2,0 %; Phốt pho: 0,2 - 1,0 %; Cát sạn $\leq 1,5\%$. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli: không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Cd $\leq 0,5$ mg/kg; As $\leq 1,0$ mg/kg; Pb $\leq 3,0$ mg/kg; Hg $\leq 0,03$ mg/kg.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh (hương vị cá tuyết) cho chó.	Dạng sệt, màu từ hồng đến nâu nhạt.	Monge & C. S.p.A.	Italy	24/01/2022
1539	MONGE Brand dog food – Patè and Chunkies with salmon 100g	98-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gia cầm, cá biển, cá hồi, thịt lợn, gan gà, gan lợn, Premix Vitamin - Khoáng, NaCl, chất tạo đặc (Lotus bean gum - E410), nước. - Chỉ tiêu chất lượng: Protein thô $\geq 7,0\%$; Mỡ thô $\geq 5,0\%$; Xơ thô $\leq 2,2\%$; Tro tổng số $\leq 2,2\%$; Năng lượng trao đổi (ME) $\geq 3.000,0$ Kcal/kg; Lysine tổng số $\geq 1,2\%$; Threonine tổng số $\geq 0,7\%$; Methionine + Cystine tổng số $\geq 1,0\%$; Canxi: 0,5 - 2,0 %; Phốtpho: 0,2 - 1,0 %; Cát sạn $\leq 1,5\%$. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli: không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Cd $\leq 0,5$ mg/kg; As $\leq 1,0$ mg/kg; Pb $\leq 3,0$ mg/kg; Hg $\leq 0,03$ mg/kg.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh (hương vị cá hồi) cho chó.	Dạng sệt, màu từ hồng đến nâu nhạt.	Monge & C. S.p.A.	Italy	24/01/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1540	MONGE Brand dog food – Patè and Chunkies with beef 100g	99-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gia cầm, thịt bò, thịt lợn, thịt gà tây, gan gà, gan lợn, Premix Vitamin - Khoáng, NaCl, chất tạo đặc (Lotus bean gum - E410), nước. - Chỉ tiêu chất lượng: Protein thô $\geq 7,0\%$; Mỡ thô $\geq 5,0\%$; Xơ thô $\leq 2,2\%$; Tro tổng số $\leq 2,2\%$; Năng lượng trao đổi (ME) $\geq 3.000,0$ Kcal/kg; Lysine tổng số $\geq 1,2\%$; Threonine tổng số $\geq 0,7\%$; Methionine + Cystine tổng số $\geq 1,0\%$; Canxi: 0,5 - 2,0 %; Phốtpho: 0,2 - 1,0 %; Cát sạn $\leq 1,5\%$. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli: không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Cd $\leq 0,5$ mg/kg; As $\leq 1,0$ mg/kg; Pb $\leq 3,0$ mg/kg; Hg $\leq 0,03$ mg/kg.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh (hương vị thịt bò) cho chó.	Dạng sệt, màu từ hồng đến nâu nhạt.	Monge & C. S.p.A.	Italy	24/01/2022
1541	MONGE Brand dog food – Patè and Chunkies with chicken 100g	100-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gia cầm, thịt lợn, thịt gà tây, gan gà, gan lợn, Premix Vitamin - Khoáng, NaCl, chất tạo đặc (Lotus bean gum - E410), nước. - Chỉ tiêu chất lượng: Protein thô $\geq 7,0\%$; Mỡ thô $\geq 5,0\%$; Xơ thô $\leq 2,2\%$; Tro tổng số $\leq 2,2\%$; Năng lượng trao đổi (ME) $\geq 3.000,0$ Kcal/kg; Lysine tổng số $\geq 1,2\%$; Threonine tổng số $\geq 0,7\%$; Methionine + Cystine tổng số $\geq 1,0\%$; Canxi: 0,5 - 2,0 %; Phốtpho: 0,2 - 1,0 %; Cát sạn $\leq 1,5\%$. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli: không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Cd $\leq 0,5$ mg/kg; As $\leq 1,0$ mg/kg; Pb $\leq 3,0$ mg/kg; Hg $\leq 0,03$ mg/kg.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh (hương vị thịt gà) cho chó.	Dạng sệt, màu từ hồng đến nâu nhạt.	Monge & C. S.p.A.	Italy	24/01/2022
1542	MONGE Brand dog food – Patè and Chunkies with lamb 100g	101-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gia cầm, thịt cừu, thịt gà tây, gan gà, gan lợn, Premix Vitamin - Khoáng, NaCl, chất tạo đặc (Lotus bean gum - E410), nước. - Chỉ tiêu chất lượng: Protein thô $\geq 7,0\%$; Mỡ thô $\geq 5,0\%$; Xơ thô $\leq 2,2\%$; Tro tổng số $\leq 2,2\%$; Năng lượng trao đổi (ME) $\geq 3.000,0$ Kcal/kg; Lysine tổng số $\geq 1,2\%$; Threonine tổng số $\geq 0,7\%$; Methionine + Cystine tổng số $\geq 1,0\%$; Canxi: 0,5 - 2,0 %; Phốtpho: 0,2 - 1,0 %; Cát sạn $\leq 1,5\%$. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli: không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Cd $\leq 0,5$ mg/kg; As $\leq 1,0$ mg/kg; Pb $\leq 3,0$ mg/kg; Hg $\leq 0,03$ mg/kg.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh (hương vị thịt cừu) cho chó.	Dạng sệt, màu từ hồng đến nâu nhạt.	Monge & C. S.p.A.	Italy	24/01/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1543	MONGE Brand dog food – Patè and Chunkies with duck 100g	102-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gia cầm, thịt vịt, thịt gà tây, gan gà, gan lợn, Premix Vitamin - Khoáng, NaCl, chất tạo đặc (Lotus bean gum - E410), nước. - Chỉ tiêu chất lượng: Protein thô $\geq 7,0 \%$; Mỡ thô $\geq 5,0 \%$; Xơ thô $\leq 2,2 \%$; Tro tổng số $\leq 2,2 \%$; Năng lượng trao đổi (ME) $\geq 3.000,0$ Kcal/kg; Lysine tổng số $\geq 1,2 \%$; Threonine tổng số $\geq 0,7 \%$; Methionine + Cystine tổng số $\geq 1,0 \%$; Canxi: 0,5 - 2,0 %; Photpho: 0,2 - 1,0 %; Cát sạn $\leq 1,5 \%$. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli: không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Cd $\leq 0,5$ mg/kg; As $\leq 1,0$ mg/kg; Pb $\leq 3,0$ mg/kg; Hg $\leq 0,03$ mg/kg.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh (hương vị thịt vịt) cho chó.	Dạng sệt, màu từ hồng đến nâu nhạt.	Monge & C. S.p.A.	Italy	24/01/2022
1544	MONGE Brand dog food – Patè and Chunkies with tuna 100g	103-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gia cầm, cá biển, cá ngừ, thịt lợn, gan gà, gan lợn, Premix Vitamin - Khoáng, NaCl, chất tạo đặc (Lotus bean gum - E410), nước. - Chỉ tiêu chất lượng: Protein thô $\geq 7,0 \%$; Mỡ thô $\geq 5,0 \%$; Xơ thô $\leq 2,2 \%$; Tro tổng số $\leq 2,2 \%$; Năng lượng trao đổi (ME) $\geq 3.000,0$ Kcal/kg; Lysine tổng số $\geq 1,2 \%$; Threonine tổng số $\geq 0,7 \%$; Methionine + Cystine tổng số $\geq 1,0 \%$; Canxi: 0,5 - 2,0 %; Photpho: 0,2 - 1,0 %; Cát sạn $\leq 1,5 \%$. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli: không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Cd $\leq 0,5$ mg/kg; As $\leq 1,0$ mg/kg; Pb $\leq 3,0$ mg/kg; Hg $\leq 0,03$ mg/kg.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh (hương vị cá ngừ) cho chó.	Dạng sệt, màu từ hồng đến nâu nhạt.	Monge & C. S.p.A.	Italy	24/01/2022
1545	MONGE Brand dog food – Patè and Chunkies with turkey 100g	104-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gia cầm, thịt lợn, thịt gà tây, gan gà, gan lợn, Premix Vitamin - Khoáng, NaCl, chất tạo đặc (Lotus bean gum - E410), nước. - Chỉ tiêu chất lượng: Protein thô $\geq 7,0 \%$; Mỡ thô $\geq 5,0 \%$; Xơ thô $\leq 2,2 \%$; Tro tổng số $\leq 2,2 \%$; Năng lượng trao đổi (ME) $\geq 3.000,0$ Kcal/kg; Lysine tổng số $\geq 1,2 \%$; Threonine tổng số $\geq 0,7 \%$; Methionine + Cystine tổng số $\geq 1,0 \%$; Canxi: 0,5 - 2,0 %; Photpho: 0,2 - 1,0 %; Cát sạn $\leq 1,5 \%$. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli: không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Cd $\leq 0,5$ mg/kg; As $\leq 1,0$ mg/kg; Pb $\leq 3,0$ mg/kg; Hg $\leq 0,03$ mg/kg.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh (hương vị thịt gà tây) cho chó.	Dạng sệt, màu từ hồng đến nâu nhạt.	Monge & C. S.p.A.	Italy	24/01/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1546	MONGE Brand dog food – Patè and Chunkies with chicken and vegetables 100g	105-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gia cầm, thịt lợn, thịt gà tây, rau quả, gan gà, gan lợn, Premix Vitamin - Khoáng, NaCl, chất tạo đặc (Lotus bean gum - E410), nước. - Chỉ tiêu chất lượng: Protein thô $\geq 7,0$ %; Mỡ thô $\geq 5,0$ %; Xơ thô $\leq 2,2$ %; Tro tổng số $\leq 2,2$ %; Năng lượng trao đổi (ME) $\geq 3.000,0$ Kcal/kg; Lysine tổng số $\geq 1,2$ %; Threonine tổng số $\geq 0,7$ %; Methionine + Cystine tổng số $\geq 1,0$ %; Canxi: 0,5 - 2,0 %; Phốtpho: 0,2 - 1,0 %; Cát sạn $\leq 1,5$ %. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli: không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Cd $\leq 0,5$ mg/kg; As $\leq 1,0$ mg/kg; Pb $\leq 3,0$ mg/kg; Hg $\leq 0,03$ mg/kg.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh (hương vị thịt gà, rau) cho chó.	Dạng sệt, màu từ hồng đến nâu nhạt.	Monge & C. S.p.A.	Italy	24/01/2022
1547	MONGE Brand dog food – Patè and Chunkies with turkey and blueberry 100g	106-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gia cầm, thịt lợn, thịt gà tây, việt quất xanh, gan gà, gan lợn, Premix Vitamin - Khoáng, NaCl, chất tạo đặc (Lotus bean gum - E410), nước. - Chỉ tiêu chất lượng: Protein thô $\geq 7,0$ %; Mỡ thô $\geq 5,0$ %; Xơ thô $\leq 2,2$ %; Tro tổng số $\leq 2,2$ %; Năng lượng trao đổi (ME) $\geq 3.000,0$ Kcal/kg; Lysine tổng số $\geq 1,2$ %; Threonine tổng số $\geq 0,7$ %; Methionine + Cystine tổng số $\geq 1,0$ %; Canxi: 0,5 - 2,0 %; Phốtpho: 0,2 - 1,0 %; Cát sạn $\leq 1,5$ %. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli: không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Cd $\leq 0,5$ mg/kg; As $\leq 1,0$ mg/kg; Pb $\leq 3,0$ mg/kg; Hg $\leq 0,03$ mg/kg.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh (hương vị thịt gà tây và quả việt quất xanh) cho chó.	Dạng sệt, màu từ hồng đến nâu nhạt.	Monge & C. S.p.A.	Italy	24/01/2022
1548	MONGE Brand dog food – Patè and Chunkies with chicken and raspberry 100g	107-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gia cầm, thịt lợn, thịt gà tây, phúc bồn tử, gan gà, gan lợn, Premix Vitamin - Khoáng, NaCl, chất tạo đặc (Lotus bean gum - E410), nước. - Chỉ tiêu chất lượng: Protein thô $\geq 7,0$ %; Mỡ thô $\geq 5,0$ %; Xơ thô $\leq 2,2$ %; Tro tổng số $\leq 2,2$ %; Năng lượng trao đổi (ME) $\geq 3.000,0$ Kcal/kg; Lysine tổng số $\geq 1,2$ %; Threonine tổng số $\geq 0,7$ %; Methionine + Cystine tổng số $\geq 1,0$ %; Canxi: 0,5 - 2,0 %; Phốtpho: 0,2 - 1,0 %; Cát sạn $\leq 1,5$ %. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli: không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Cd $\leq 0,5$ mg/kg; As $\leq 1,0$ mg/kg; Pb $\leq 3,0$ mg/kg; Hg $\leq 0,03$ mg/kg.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh (hương vị thịt gà và quả phúc bồn tử) cho chó.	Dạng sệt, màu từ hồng đến nâu nhạt.	Monge & C. S.p.A.	Italy	24/01/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1549	MONGE Brand dog food – Patè and Chunkies with lamb and apple 100g	108-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gia cầm, thịt cừu, thịt gà tây, táo, gan gà, gan lợn, Premix Vitamin - Khoáng, NaCl, chất tạo đặc (Lotus bean gum - E410), nước. - Chỉ tiêu chất lượng: Protein thô $\geq 7,0 \%$; Mỡ thô $\geq 5,0 \%$; Xơ thô $\leq 2,2 \%$; Tro tổng số $\leq 2,2 \%$; Năng lượng trao đổi (ME) $\geq 3.000,0$ Kcal/kg; Lysine tổng số $\geq 1,2 \%$; Threonine tổng số $\geq 0,7 \%$; Methionine + Cystine tổng số $\geq 1,0 \%$; Canxi: 0,5 - 2,0 %; Phốtpho: 0,2 - 1,0 %; Cát sạn $\leq 1,5 \%$. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli: không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Cd $\leq 0,5$ mg/kg; As $\leq 1,0$ mg/kg; Pb $\leq 3,0$ mg/kg; Hg $\leq 0,03$ mg/kg.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh (hương vị thịt cừu và táo) cho chó.	Dạng sệt, màu từ hồng đến nâu nhạt.	Monge & C. S.p.A.	Italy	24/01/2022
1550	MONGE Brand dog food – Patè and Chunkies with duck and orange 100g	109-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gia cầm, thịt vịt, thịt gà tây, cam, gan gà, gan lợn, Premix Vitamin - Khoáng, NaCl, chất tạo đặc (Lotus bean gum - E410), nước. - Chỉ tiêu chất lượng: Protein thô $\geq 7,0 \%$; Mỡ thô $\geq 5,0 \%$; Xơ thô $\leq 2,2 \%$; Tro tổng số $\leq 2,2 \%$; Năng lượng trao đổi (ME) $\geq 3.000,0$ Kcal/kg; Lysine tổng số $\geq 1,2 \%$; Threonine tổng số $\geq 0,7 \%$; Methionine + Cystine tổng số $\geq 1,0 \%$; Canxi: 0,5 - 2,0 %; Phốtpho: 0,2 - 1,0 %; Cát sạn $\leq 1,5 \%$. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli: không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Cd $\leq 0,5$ mg/kg; As $\leq 1,0$ mg/kg; Pb $\leq 3,0$ mg/kg; Hg $\leq 0,03$ mg/kg.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh (hương vị thịt vịt và cam) cho chó.	Dạng sệt, màu từ hồng đến nâu nhạt.	Monge & C. S.p.A.	Italy	24/01/2022
1551	MONGE Brand dog food – Patè and Chunkies with salmon and pear 100g	110-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gia cầm, cá biển, cá hồi, thịt lợn, lê, gan gà, gan lợn, Premix Vitamin - Khoáng, NaCl, chất tạo đặc (Lotus bean gum - E410), nước. - Chỉ tiêu chất lượng: Protein thô $\geq 7,0 \%$; Mỡ thô $\geq 5,0 \%$; Xơ thô $\leq 2,2 \%$; Tro tổng số $\leq 2,2 \%$; Năng lượng trao đổi (ME) $\geq 3.000,0$ Kcal/kg; Lysine tổng số $\geq 1,2 \%$; Threonine tổng số $\geq 0,7 \%$; Methionine + Cystine tổng số $\geq 1,0 \%$; Canxi: 0,5 - 2,0 %; Phốtpho: 0,2 - 1,0 %; Cát sạn $\leq 1,5 \%$. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli: không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Cd $\leq 0,5$ mg/kg; As $\leq 1,0$ mg/kg; Pb $\leq 3,0$ mg/kg; Hg $\leq 0,03$ mg/kg.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh (hương vị cá hồi và lê) cho chó.	Dạng sệt, màu từ hồng đến nâu nhạt.	Monge & C. S.p.A.	Italy	24/01/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1552	MONGE Brand dog food – Patè and Chunkies with pork and pineapple 100g	111-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gia cầm, thịt lợn, thịt gà tây, dưa, gan gà, gan lợn, Premix Vitamin - Khoáng, NaCl, chất tạo đặc (Lotus bean gum - E410), nước. - Chỉ tiêu chất lượng: Protein thô $\geq 7,0\%$; Mỡ thô $\geq 5,0\%$; Xơ thô $\leq 2,2\%$; Tro tổng số $\leq 2,2\%$; Năng lượng trao đổi (ME) $\geq 3.000,0$ Kcal/kg; Lysine tổng số $\geq 1,2\%$; Threonine tổng số $\geq 0,7\%$; Methionine + Cystine tổng số $\geq 1,0\%$; Canxi: 0,5 - 2,0 %; Photpho: 0,2 - 1,0 %; Cát sạn $\leq 1,5\%$. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli: không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Cd $\leq 0,5$ mg/kg; As $\leq 1,0$ mg/kg; Pb $\leq 3,0$ mg/kg; Hg $\leq 0,03$ mg/kg.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh (hương vị thịt lợn và dưa) cho chó.	Dạng sệt, màu từ hồng đến nâu nhạt.	Monge & C. S.p.A.	Italy	24/01/2022
1553	Fermented soybean meal	468-12/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Khô đậu tương lên men bởi vi sinh vật có lợi. - Chỉ tiêu chất lượng: Protein $\geq 50,0\%$; Mỡ thô $\leq 3,0\%$; Xơ thô $\leq 7,0\%$; Khoáng tổng số $\leq 7,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25g, E.coli < 10 CFU/g; Tổng số Aflatoxin (B1, B2, G1, G2) $\leq 50,0$ ppb.	Khô đậu tương lên men, dùng làm nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Jiangsu Reco International Trading Co., Ltd.	China	29/12/2021
1554	Feed additive Disodium 5'-Inosinate	16-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Disodium 5'-Inosinate (từ sản phẩm lên men bởi Corynebacterium). - Chỉ tiêu chất lượng: Disodium 5'-Inosinate (tính trong vật chất khô) $\geq 97,0\%$; Độ ẩm $\leq 29,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm.	Bổ sung chất tạo hương vị ngọt (Disodium 5'-Inosinate) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	Dạng tinh thể, màu trắng.	CJ (Liaocheng) Biotech Co., Ltd.	China	5/1/2022
1555	Protide	17-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Phụ phẩm quá trình lên men bởi Corynebacterium để sản xuất Disodium 5'-Inosinate (gồm vi sinh vật lên men bất hoạt được sấy khô, các phần còn lại của đường chưa lên men). - Chỉ tiêu chất lượng: Protein thô $\geq 60,0\%$; Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Xơ thô $\leq 5,0\%$; Khoáng tổng số $\leq 10,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25g, E.coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm.	Phụ phẩm quá trình sản xuất Disodium 5'-Inosinate, dùng để bổ sung protein trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng hạt, màu vàng.	CJ (Liaocheng) Biotech Co., Ltd.	China	5/1/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1556	Fastazyme 3210	41-01/17- CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp enzyme (Xylanase, Phytase), các chất mang (Bột đá, vỏ trấu). - Chỉ tiêu chất lượng: Xylanase $\geq 32.000,0$ BXU/g; Phytase $\geq 1.000,0$ FTU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25g, E.coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 200,0$ ppm; As $\leq 30,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm; Hg $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung hỗn hợp enzyme (Xylanase, Phytase) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	Crown Pacific Biotechnology Pte. Ltd.	Singapore	18/1/2022
1557	Fastazyme 3230	42-01/17- CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp enzyme (Xylanase, Phytase), các chất mang (Bột đá, vỏ trấu). - Chỉ tiêu chất lượng: Xylanase $\geq 32.000,0$ BXU/g; Phytase $\geq 3.000,0$ FTU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25g, E.coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 200,0$ ppm; As $\leq 30,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm; Hg $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung hỗn hợp enzyme (Xylanase, Phytase) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	Crown Pacific Biotechnology Pte. Ltd.	Singapore	18/1/2022
1558	Fastazyme 4840	43-01/17- CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp enzyme (Xylanase, Phytase), các chất mang (Bột đá, vỏ trấu). - Chỉ tiêu chất lượng: Xylanase $\geq 48.000,0$ BXU/g; Phytase $\geq 4.000,0$ FTU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25g, E.coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 200,0$ ppm; As $\leq 30,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm; Hg $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung hỗn hợp enzyme (Xylanase, Phytase) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	Crown Pacific Biotechnology Pte. Ltd.	Singapore	18/1/2022
1559	Grow-Finisher Pig Vitamin Premix- AN MEI NO.2 (AM02)	61-01/17- CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin (A, D3, E, B1, B2, D-calcium pantothenate, Nicotinic acid, Folic Acid, D-Biotin), chất bảo quản (Ethoxyquin), chất mang (Silicon dioxide). - Chỉ tiêu chất lượng: Vitamin A $\geq 27.000,0$ IU/g; vitamin D3 $\geq 4.000,0$ IU/g; vitamin E $\geq 80,0$ g/kg; vitamin B1 $\geq 5,0$ g/kg; vitamin B2 $\geq 8,0$ g/kg; D-calcium pantothenate $\geq 40,0$ g/kg; Nicotinic acid $\geq 100,0$ g/kg; D-Biotin $\geq 0,8$ g/kg; Folic Acid $\geq 1,8$ g/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 40,0$ ppm.	Bổ sung premix vitamin trong thức ăn chăn nuôi lợn giai đoạn trưởng thành và vỗ béo.	Dạng bột, màu nâu đến vàng nhạt.	TaiCang Animal Biology Technology Co., Ltd.	China	16/01/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1560	Suckling Pig Compound Premix- RU ZHU 10 (AN21)	62-01/17- CN	- Thành phần nguyên liệu: Đồng sunphat, Sắt sunphat, Mangan sunphat, Kẽm sunphat, Vitamin (A, D3, E, B2), chất tạo ngọt, chất bảo quản (Ethoxyquin), chất mang (bột vỏ trấu, Silicon dioxide). - Chỉ tiêu chất lượng: Vitamin A $\geq$ 900,0 IU/g; vitamin D3 $\geq$ 140,0 IU/g; vitamin E $\geq$ 1,8 g/kg; vitamin B2 $\geq$ 0,28 g/kg; Đồng (Cu): 9,3 - 15,6 g/kg; Sắt (Fe): 9,0 - 15,0 g/kg; Kẽm (Zn): 8,25 - 13,75 g/kg; Mangan (Mn): 4,4 - 7,3 g/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq$ 40,0 ppm; As $\leq$ 10,0 ppm; Cd $\leq$ 1,0 ppm; Hg $\leq$ 0,05 ppm.	Bổ sung premix vitamin và khoáng trong thức ăn chăn nuôi lợn con giai đoạn 2 tuần sau cai sữa.	Dạng bột, màu nâu đến vàng nhạt.	TaiCang Animal Biology Technology Co., Ltd.	China	16/01/2022
1561	Pig Stater Compound Premix- ZI ZHU 10 (AN23)	63-01/17- CN	- Thành phần nguyên liệu: Đồng sunphat, Sắt sunphat, Mangan sunphat, Kẽm sunphat, L-Lysine, L-Threonine, DL-Methionine, L-Tryptophan, Vitamin (A, D3, E, B2), Phytase, Choline chloride, chất bảo quản (Ethoxyquin), chất mang (bột vỏ trấu, Silicon dioxide). - Chỉ tiêu chất lượng: Vitamin A $\geq$ 450,0 IU/g; vitamin D3 $\geq$ 90,0 IU/g; vitamin E $\geq$ 1,0 g/kg; vitamin B2 $\geq$ 0,20 g/kg; Đồng (Cu): 8,5 - 14,3 g/kg; Sắt (Fe): 15,8 - 26,3 g/kg; Kẽm (Zn): 6,7 - 11,2 g/kg; Mangan (Mn): 5,1 - 8,5 g/kg; L-Lysine $\geq$ 2,2 %; L-Threonine $\geq$ 5,0 %; DL-Methionine $\geq$ 1,8 %; L-Tryptophan $\geq$ 0,65 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq$ 40,0 ppm; As $\leq$ 10,0 ppm; Cd $\leq$ 1,0 ppm; Hg $\leq$ 0,05 ppm.	Bổ sung premix vitamin, khoáng, axit amin, Phytase trong thức ăn chăn nuôi lợn dưới 30 kg thể trọng.	Dạng bột, màu nâu đến vàng nhạt.	TaiCang Animal Biology Technology Co., Ltd.	China	16/01/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1562	Baby Pig Compound Premix (511)	64-01/17- CN	- Thành phần nguyên liệu: Đạm ruột lợn, Đồng sunphat, Sắt sunphat, Mangan sunphat, Kẽm sunphat, Canxi hydrophotphat, Natri chloride, L-Lysine, L-Threonine, DL-Methionine, L-Tryptophan, Vitamin (A, D3, E, B1, B2, D-calcium pantothenate, Nicotinic acid, D-Biotin), chất bảo quản (Ethoxyquin), chất mang (bột vỏ trấu, Silicon dioxide). - Chỉ tiêu chất lượng: Vitamin A $\geq 180,0$ IU/g; vitamin D3 $\geq 28,0$ IU/g; vitamin E $\geq 360,0$ mg/kg; vitamin B1 $\geq 28,0$ mg/kg; vitamin B2 $\geq 52,0$ mg/kg; Pantothenic Acid $\geq 200,0$ mg/kg; Nicotinic acid $\geq 440,0$ mg/kg; Biotin $\geq 4,0$ mg/kg; Đồng (Cu): 2,7 - 4,5 g/kg; Sắt (Fe): 2,85 - 4,75 g/kg; Kẽm (Zn): 30,2 - 50,3 g/kg; Mangan (Mn): 0,8 - 1,37 g/kg; L-Lysine $\geq 4,8$ %; L-Threonine $\geq 1,9$ %; DL-Methionine $\geq 2,2$ %; L-Tryptophan $\geq 0,45$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 40,0$ ppm; As $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm.	Bổ sung premix vitamin, khoáng, axit amin trong thức ăn chăn nuôi lợn giai đoạn 2 tuần sau cai sữa.	Dạng bột, màu nâu đến vàng nhạt.	TaiCang Animal Biology Technology Co., Ltd.	China	16/01/2022
1563	T101	44-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Đồng sunphat, Đồng - methionine chelate, Sắt sunphat, Sắt - methionine chelate Kẽm sunphat, Kẽm - methionine chelate, Vitamin (A, B2), chất tạo mùi (Ethyl vanillin, γ-Nonalactone), chất tạo ngọt (Sodium saccharin), khô dầu đậu tương, bột đá, cám gạo. - Chỉ tiêu chất lượng: Protein $\geq 5,0$ %; Methionine $\geq 0,6$ %; Đồng (Cu): 13,2 - 19,8 g/kg; Sắt (Fe): 12,8 - 19,2 g/kg; Kẽm (Zn): 12,0 - 18,0 g/kg; vitamin A $\geq 800.000,0$ IU/kg; vitamin B2 $\geq 350,0$ mg/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 100,0$ ppm; As $\leq 30,0$ ppm; Cd $\leq 20,0$ ppm; Hg $\leq 2,0$ ppm; Salmonella không phát hiện trong 25g. E.coli ≤ 10 CFU/g.	Bổ sung premix vitamin và khoáng trong thức ăn chăn nuôi lợn con.	Dạng bột, màu trắng xám.	Kunming Tip Biotechnology Co., Ltd.	China	19/1/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1564	T025LY	45-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Đồng sunphat, Đồng - methionine chelate, Sắt sunphat, Sắt - methionine chelate, Kẽm sunphat, Kẽm - methionine chelate, Vitamin (A, B2), khô dầu đậu tương, bột đá, cám gạo. - Chỉ tiêu chất lượng: Protein $\geq 5,0$ %; Methionine $\geq 0,6$ %; Đồng (Cu): 6,0 - 9,0 g/kg; Sắt (Fe): 20,0 - 30,0 g/kg; Kẽm (Zn): 20,8 - 31,2 g/kg; vitamin A $\geq 3.000.000,0$ IU/kg; vitamin B2 $\geq 1.500,0$ mg/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 100,0$ ppm; As $\leq 30,0$ ppm; Cd $\leq 20,0$ ppm; Hg $\leq 2,0$ ppm; Salmonella không phát hiện trong 25g, E.coli < 10 CFU/g.	Bổ sung premix vitamin và khoáng trong thức ăn chăn nuôi gà đẻ hậu bị.	Dạng bột, màu trắng xám.	Kunming Tip Biotechnology Co., Ltd.	China	19/1/2022
1565	T025PL	46-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Đồng sunphat, Đồng - methionine chelate, Sắt sunphat, Sắt - methionine chelate, Kẽm sunphat, Kẽm - methionine chelate, Vitamin (A, B2), khô dầu đậu tương, bột đá, cám gạo. - Chỉ tiêu chất lượng: Protein $\geq 5,0$ %; Methionine $\geq 0,7$ %; Đồng (Cu): 8,8 - 13,2 g/kg; Sắt (Fe): 17,6 - 26,4 g/kg; Kẽm (Zn): 20,0 - 30,0 g/kg; vitamin A $\geq 3.000.000,0$ IU/kg; vitamin B2 $\geq 1.500,0$ mg/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 100,0$ ppm; As $\leq 30,0$ ppm; Cd $\leq 20,0$ ppm; Hg $\leq 2,0$ ppm; Salmonella không phát hiện trong 25g, E.coli < 10 CFU/g.	Bổ sung premix vitamin và khoáng trong thức ăn chăn nuôi gà thịt.	Dạng bột, màu trắng xám.	Kunming Tip Biotechnology Co., Ltd.	China	19/1/2022
1566	T025SW	47-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Đồng sunphat, Đồng - methionine chelate, Sắt sunphat, Sắt - methionine chelate, Kẽm sunphat, Kẽm - methionine chelate, Vitamin (A, B2), khô dầu đậu tương, bột đá, cám gạo. - Chỉ tiêu chất lượng: Protein $\geq 5,0$ %; Methionine $\geq 0,8$ %; Đồng (Cu): 14,4 - 21,6 g/kg; Sắt (Fe): 48,0 - 72,0 g/kg; Kẽm (Zn): 31,2 - 46,8 g/kg; vitamin A $\geq 3.000.000,0$ IU/kg; vitamin B2 $\geq 900,0$ mg/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 100,0$ ppm; As $\leq 30,0$ ppm; Cd $\leq 20,0$ ppm; Hg $\leq 2,0$ ppm; Salmonella không phát hiện trong 25g, E.coli < 10 CFU/g.	Bổ sung premix vitamin, khoáng, axit amin trong thức ăn chăn nuôi lợn con.	Dạng bột, màu trắng xám.	Kunming Tip Biotechnology Co., Ltd.	China	19/1/2022
1567	Fodder Yeast	02-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Nấm men hoạt tính (Saccharomyces cerevisiae), chất mang (cám gạo). - Chỉ tiêu chất lượng: Saccharomyces cerevisiae $\geq 1,0 \times 10^7$ CFU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25g, E.coli < 10 CFU/g; tổng Aflatoxin (B1, B2, G1, G2) $\leq 50,0$ ppb.	Bổ sung nấm men hoạt tính Saccharomyces cerevisiae trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột ẩm, màu vàng nhạt đến vàng nâu.	SPG FUKOKU Co., Ltd.	Japan	5/1/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1568	ADDCON XF Superfine +	28-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit Propionic và muối Canxi Propionate, axit Formic và muối Canxi Formate, axit Benzoic và muối Natri Benzoate, chất mang (Silica) . - Chỉ tiêu chất lượng: Axit Propionic $\geq 45,0$ %; axit Formic $\geq 21,4$ %; axit Benzoic $\geq 3,81$ %; Canxi $\geq 21,1$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $< 3,0$ ppm; Pb $< 5,0$ ppm; Hg $< 0,1$ ppm.	Bổ sung hỗn hợp axit hữu cơ và muối của chúng trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm kiểm soát sự phát triển của nấm mốc.	Dạng bột, màu trắng đến be.	Addcon Europe GmbH.	Germany	5/1/2022
1569	G Promin	68-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Methionine activity (Methionine Hydroxy analogue - MHA), Lysine HCl, Choline chloride, Magiê sunphat, Kẽm sunphat, Sắt sunphat, Đồng sunphat, Mangan sunphat, Natri photphat, Coban Chloride, chất mang (nước cất). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 500 ml): Methionine activity (MHA) $\geq 121,2$ g; Lysine HCl $\geq 60,0$g; Choline chloride $\geq 60,0$g; Magiê (Mg): 446,55 - 744,25 mg; Kẽm (Zn): 161,78 - 269,63 mg; Sắt (Fe): 167,55 - 279,25 mg; Đồng (Cu): 119,1 - 198,5 mg; Mangan (Mn): 288,41 - 480,69 mg; Phôtpho (P): 115,6 - 192,7 mg; Coban (Co): 154,7 - 257,8 mg; Natri (Na): 344,3 - 573,8 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 ml, E.coli < 10 CFU/ml; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung premix khoáng và axit amin cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu nâu nhạt.	Provimi Animal Nutrition India Pvt. Ltd.	India	10/1/2022
1570	Levamix Nucleus	117-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Mananno-oligosaccharide (MOS), beta-glucans, sản phẩm từ nấm men thủy phân (nucleosids), Kẽm-axit amin chelate, Mangan-axit amin chelate, Đồng-axit amin chelate, nấm men bất hoạt (Saccharomyces cerevisiae NCYC R397) giàu Selen, bột đá, Sepiolite. - Chỉ tiêu chất lượng: Protein $> 16,71$ %; xơ thô $< 4,96$ %; Mỡ thô $> 4,0$ %; khoáng tổng số $< 33,13$ %; Lysine $> 1,89$ g/kg; Methionine $> 1,0$ g/kg; Kẽm (Zn): 2.400,0 - 3.600,0 mg/kg; Mangan (Mn): 976,0 - 1464,0 mg/kg; Đồng (Cu): 488,0 - 732 mg/kg; Selen (Se): 4,0 - 8,4 mg/kg; Natri (Na): 2.800,0 - 4.200,0 ppm. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25g, E.coli < 10 CFU/g; As $< 4,0$ ppm; Pb $< 10,0$ ppm; Hg $< 0,1$ ppm.	Bổ sung protein, premix khoáng và axit amin cho lợn đực.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	Kubus, S.A.	Spain	24/1/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1571	Lacto F	29-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bacillus coagulans và chất mang (bột đá) . - Chỉ tiêu chất lượng: Bacillus coagulans $\geq 1,0 \times 10^7$ CFU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25g, E.coli < 10 CFU/g; As < 3,0 ppm; Pb < 10,0 ppm; Hg < 0,1 ppm; Cd < 0,5 ppm.	Bổ sung vi khuẩn có lợi Bacillus coagulans trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu xám nhạt.	Enriching Innovation Biotech Co., Ltd.	Taiwan	5/1/2022
1572	Feed Sweetener (WD)	126-02/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sodium Saccharin, Silicon dioxide, tinh bột ngô. - Chỉ tiêu chất lượng: Sodium Saccharin (tính trong vật chất khô) $\geq 90,0$ %; độ ẩm $\leq 13,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 3,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm.	Chất tạo ngọt Sodium Saccharin, dùng bổ sung trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	Dadhank (Chengdu) Biotech Corp.	China	17/2/2022
1573	Humapol Pulvis	135-3/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit Humic, Sắt sunphate, Canxi cacbonate, Natri bicarbonate, Magiê sunphate, Natri tripolyphosphate, Disulfua molybden, Kẽm sunphate, Đồng sunphate, Mangan sunphate, Natri selenite, Coban sunphate, chất mang (Dextrose). - Chỉ tiêu chất lượng: Chất chính (Axit Humic $\geq 70,0$ %; Sắt (Fe): 8.625,0 - 14.375,0 mg/kg); Chất khác (Canxi (Ca): 2,06 - 3,44 %; Natri (Na): 0,075 - 0,125 %; Magiê (Mg): 0,2 - 0,34 %; Phốtpho (P): 0,08 - 0,14 %; Molybden (Mo): 4,5 - 7,5 mg/kg; Kẽm (Zn): 13,5 - 22,5 mg/kg; Đồng (Cu): 7,5 - 12,5 mg/kg; Mangan (Mn): 52,5 - 87,5 mg/kg; Selen (Se): 3,0 - 5,0 mg/kg; Coban (Co): 2,25 - 3,75 g/kg). - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 12,0$ ppm; Pb $\leq 15,0$ ppm; Cd $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,2$ ppm.	Bổ sung axit hữu cơ Humic, Sắt và premix khoáng trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu đen.	Expert-Medical Ltd.	Hungary	3/3/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1574	Humapol Solution	136-3/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit Humic, Sắt sunphate, axit Fulvic, Canxi cacbonate, Natri bicarbonate, Magiê sunphate, Natri tripolyphosphate, Disulfua molybden, Kẽm sunphate, Đồng sunphate, Mangan sunphate, Natri selenite, chất mang (nước cất). - Chỉ tiêu chất lượng: Chất chính (Axit Humic $\geq 11,0$ %; axit Fulvic $\geq 17,0$ %; Sắt (Fe): 750,0 - 1.250,0 mg/kg; Chất khác (Canxi (Ca): 0,3 - 0,5 %; Natri (Na): 1,875 - 3,125 %; Magiê (Mg): 0,075 - 0,125 %; Phốtpho (P): 0,0075 - 0,0125 %; Molybden (Mo): 0,75 - 1,25 mg/kg; Kẽm (Zn): 7,5 - 12,5 mg/kg; Đồng (Cu): 3,75 - 6,25 mg/kg; Mangan (Mn): 22,5 - 37,5 mg/kg; Selen (Se): 0,75 - 1,25 mg/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 12,0$ ppm; Pb $\leq 15,0$ ppm; Cd $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,2$ ppm.	Bổ sung axit Humic, Fulvic, Sắt và premix khoáng trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu đen.	Expert-Medical Ltd.	Hungary	3/3/2022
1575	Humapol Suspension	137-3/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit Humic, Sắt sunphate, Canxi cacbonate, Natri bicarbonate, Magiê sunphate, Natri tripolyphosphate, Disulfua molybden, Kẽm sunphate, Đồng sunphate, Mangan sunphate, Natri selenite, Coban sunphate, chất mang (nước cất). - Chỉ tiêu chất lượng: Chất chính (Axit Humic $\geq 10,0$ %; Sắt (Fe): 750,0 - 1.250,0 mg/kg; Chất khác (Canxi (Ca): 0,3 - 0,5 %; Natri (Na): 0,0075 - 0,0125 %; Magiê (Mg): 0,06 - 0,1 %; Phốtpho (P): 0,0075 - 0,0125 %; Molybden (Mo): 0,75 - 1,25 mg/kg; Kẽm (Zn): 1,5 - 2,5 mg/kg; Đồng (Cu): 0,75 - 1,25 mg/kg; Mangan (Mn): 11,25 - 18,75 mg/kg; Selen (Se): 0,75 - 1,25 mg/kg; Coban (Co): 0,75 - 1,25 mg/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 12,0$ ppm; Pb $\leq 15,0$ ppm; Cd $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,2$ ppm.	Bổ sung axit hữu cơ Humic, Sắt và premix khoáng trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu đen.	Expert-Medical Ltd.	Hungary	3/3/2022
1576	Flavomycin 80	57-01/17- CN	- Thành phần nguyên liệu: Flavophospholipol (Bambermycin), các chất phụ gia và chất mang (bã sản phẩm lên men, Silica dioxide, bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: Bambermycin: 7,6 - 8,4 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung kháng sinh Flavophospholipol (Bambermycin) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm kích thích sinh trưởng vật nuôi.	Dạng hạt, màu be đến nâu đậm.	Biovet Joint Stock Company	Bulgaria	6/1/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1577	Poulcox 20% Granular	58-01/17- CN	- Thành phần nguyên liệu: Monensin Sodium, các chất phụ gia và chất mang (bã sản phẩm lên men, Carboxymethylcellulose sodium, bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: Monensin: 19,0 - 20,5 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 10,0 ppm; As ≤ 2,0 ppm; Cd ≤ 1,0 ppm; Hg ≤ 0,1 ppm.	Bổ sung kháng sinh Monensin trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm kích thích sinh trưởng vật nuôi.	Dạng hạt, màu be đến nâu đậm.	Biovet Joint Stock Company	Bulgaria	6/1/2022
1578	SynGenX	125-02/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sản phẩm lên men bởi Lactobacillus acidophilus được làm khô, chất mang (bột vỏ đậu tương, bột mì, bột lúa mạch đen). - Chỉ tiêu chất lượng: Protein thô > 17,0 %; Mỡ thô > 0,5 %; Xơ thô < 22,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25g, E.coli < 10 CFU/g; Pb ≤ 5,0 ppm; Cd ≤ 1,0 ppm; As ≤ 2,0 ppm; Hg ≤ 0,1 ppm.	Bổ sung sản phẩm lên men bởi Lactobacillus acidophilus trong thức ăn chăn nuôi lợn.	Dạng bột, màu nâu nhạt đến nâu đậm.	Diamond V Mills, Inc.	USA	17/2/2022
1579	Pokazyme PK200	113-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp enzyme tiêu hóa (Xylanase, Protease, Beta-Mannanase, Amylase, Lipase) và chất mang (bột vỏ trấu). - Chỉ tiêu chất lượng: Xylanase ≥ 8.100,0 U/g; Protease ≥ 3.000,0 U/g; Beta-Mannanase ≥ 1.000,0 U/g; Lipase ≥ 2.500,0 U/g; Amylase ≥ 300,0 U/g; độ ẩm ≤ 10,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25g, E.coli < 10 CFU/g; As ≤ 3,0 ppm; Pb ≤ 10,0 ppm; Hg ≤ 0,5 ppm; Cd ≤ 0,5 ppm; tổng Aflatoxin (B1, B2, G1, G2) < 20,0 ppb.	Bổ sung hỗn hợp enzyme tiêu hóa (Xylanase, Protease, Beta-Mannanase, Amylase, Lipase) trong thức ăn chăn nuôi lợn con giai đoạn đến 20 kg thể trọng.	Dạng bột, màu vàng nhạt đến nâu.	AsiaPac (Dongguan) Bio-technology Co., Ltd.	China	17/1/2022
1580	Pokazyme PK218	114-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp enzyme tiêu hóa (Xylanase, Protease, Beta-Mannanase, Beta-Glucanase, Cellulase, Pectinase, Amylase) và chất mang (bột vỏ trấu). - Chỉ tiêu chất lượng: Xylanase ≥ 3.700,0 U/g; Protease ≥ 2.500,0 U/g; Beta-Mannanase ≥ 2.000,0 U/g; Beta-Glucanase ≥ 1.000,0 U/g; Cellulase ≥ 1.000,0 U/g; Pectinase ≥ 4.500,0 U/g; Amylase ≥ 150,0 U/g; Độ ẩm ≤ 10,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25g, E.coli < 10 CFU/g; As ≤ 3,0 ppm; Pb ≤ 10,0 ppm; Hg ≤ 0,5 ppm; Cd ≤ 0,5 ppm; tổng Aflatoxin (B1, B2, G1, G2) < 20,0 ppb.	Bổ sung hỗn hợp enzyme tiêu hóa (Xylanase, Protease, Beta-Mannanase, Beta-Glucanase, Cellulase, Pectinase, Amylase) trong thức ăn chăn nuôi lợn giai đoạn từ 20kg thể trọng đến xuất chuồng.	Dạng bột, màu vàng nhạt đến nâu.	AsiaPac (Dongguan) Bio-technology Co., Ltd.	China	17/1/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1581	Pokazyme PK516	115-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp enzyme tiêu hóa (Xylanase, Protease, Beta-Mannanase, Beta-Glucanase, Cellulase, Amylase) và chất mang (bột vỏ trấu). - Chỉ tiêu chất lượng: Xylanase $\geq 38.000,0$ U/g; Protease $\geq 2.000,0$ U/g; Beta-Mannanase $\geq 2.000,0$ U/g; Beta-Glucanase $\geq 2.000,0$ U/g; Cellulase $\geq 1.000,0$ U/g; Amylase $\geq 400,0$ U/g; độ ẩm $\leq 10,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25g, E.coli < 10 CFU/g; As $\leq 3,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,5$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; tổng Aflatoxin (B1, B2, G1, G2) $\leq 20,0$ ppb.	Bổ sung hỗn hợp enzyme tiêu hóa (Xylanase, Protease, Beta-Mannanase, Beta-Glucanase, Cellulase, Amylase) trong thức ăn chăn nuôi gia cầm.	Dạng bột, màu vàng nhạt đến nâu.	AsiaPac (Dongguan) Bio-technology Co., Ltd.	China	17/1/2022
1582	Pokazyme Phosaving 5000	116-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Enzyme Phytase và chất mang (bột vỏ trấu). - Chỉ tiêu chất lượng: Phytase $\geq 5.000,0$ U/g; độ ẩm $\leq 10,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25g, E.coli < 10 CFU/g; As $\leq 3,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,5$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; tổng Aflatoxin (B1, B2, G1, G2) $\leq 20,0$ ppb.	Bổ sung enzyme Phytase trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng nhạt đến nâu.	AsiaPac (Dongguan) Bio-technology Co., Ltd.	China	17/1/2022
1583	Bulldog Adult	77-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Gạo, Protein gia cầm, mỡ động vật, Protein thực vật (Gluten lúa mì), Protein động vật, Protein thịt lợn, bột củ cải đường, xơ thực vật, dầu cá, dầu đậu nành, nấm men thủy phân (nguồn Mannooligosaccharides), động vật giáp xác thủy phân (nguồn Glucosamine), chiết xuất từ cúc vạn thọ (nguồn lutein), chiết xuất trà xanh và nho (nguồn Polyphenol), sụn thủy phân (nguồn Chondroitin), Premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,5$ %; Protein thô $\geq 21,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 358,0$ kcal/100g; Xơ thô $\leq 5,2$ %; Canxi (Ca): 0,6 - 1,2 %; Phốtpho (P): 0,31- 0,71 %; Lysine tổng số $\geq 1,0$ %; Methionine + Cystine tổng số $\geq 0,78$ %; Threonine tổng số $\geq 0,61$ %; Khoáng tổng số $\leq 7,10$ %; Cát sạn $\leq 0,5$ %. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella: không có trong 25g; Cd $\leq 0,34$ ppm; As $\leq 0,34$ ppm; Pb $\leq 0,85$ ppm; Hg $\leq 0,06$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó trên 12 tháng tuổi.	Dạng viên tròn, màu nâu.	Royal Canin SAS.	France	24/1/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1584	Bulldog Junior	78-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Gạo, Protein gia cầm, mỡ động vật, Protein thực vật (Gluten lúa mì), protein thịt lợn, Protein động vật thủy phân, xơ thực vật, bột củ cải đường, dầu cá, dầu đậu nành, Fructo-oligo-saccharides, men thủy phân (nguồn Mannooligosacharides), động vật giáp xác thủy phân (nguồn Glucosamine), chiết xuất từ cúc vạn thọ (nguồn Lutein), sụn thủy phân (nguồn Chondroitin), Premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,5\%$; Protein thô $\geq 27,5\%$; Năng lượng trao đổi $\geq 365,6$ kcal/100g; Xơ thô $\leq 5,1\%$; Canxi (Ca): 0,96 - 1,68 %; Phốtpho (P): 0,75 - 1,15 %; Lysine tổng số $\geq 1,26\%$; Methionine + Cystine tổng số $\geq 0,9\%$; Threonine tổng số $\geq 0,78\%$; Khoáng tổng số $\leq 8,6\%$; Cát sạn $\leq 0,5\%$. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella: không có trong 25g; Cd $\leq 0,34$ ppm; As $\leq 0,34$ ppm; Pb $\leq 0,85$ ppm; Hg $\leq 0,06$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó con đến 12 tháng tuổi.	Dạng viên tròn, màu nâu.	Royal Canin SAS.	France	24/1/2022
1585	Hair &Skin care	79-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Protein gia cầm, mỡ động vật (thịt gà, gà tây), Protein thực vật (Gluten lúa mì), gạo, xơ thực vật, ngô, Protein động vật thủy phân, lúa mỳ, nấm men (men bia), bột ngô, Gluten ngô, bột củ cải, dầu đậu tương, dầu cá, dầu cây lưu ly, chiết xuất từ cúc vạn thọ (nguồn lutein), Premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 7,0\%$; Protein thô $\geq 30,0\%$; năng lượng trao đổi $\geq 394,05$ kcal/100g; xơ thô $\leq 6,7\%$; Canxi (Ca): 0,88 - 1,54 %; Phốt pho (P): 0,7 - 1,1 %; Lysine tổng số $\geq 0,38\%$; Methionine + Cystine tổng số $\geq 1,22\%$; Threonine tổng số $\geq 0,91\%$; Khoáng tổng số $\leq 7,70\%$; cát sạn (khoáng không tan trong axit Clohydric) $\leq 0,5\%$. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella: không có trong 25g; Cd $\leq 0,34$ ppm; As $\leq 0,34$ ppm; Pb $\leq 0,85$ ppm; Hg $\leq 0,06$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho mèo trưởng thành.	Dạng viên tròn, màu nâu.	Royal Canin SAS.	France	24/1/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1586	Hairball Care	80-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Protein gia cầm, Gluten lúa mì, ngô, xơ thực vật, gạo, mỡ động vật, Protein động vật thủy phân, lúa mì, bột ngô, Gluten ngô, bột củ cải, nấm men (nấm men bia), dầu đậu nành, dầu cá, Fructo-oligo-saccharides, vỏ Psyllium và hạt, Premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 7,0$ %; Protein thô $\geq 32,0$ %; năng lượng trao đổi $\geq 357,0$ Kcal/100g; xơ thô $\leq 7,9$ %; Canxi (Ca): 0,92 - 1,61%; Phốt pho (P): 0,80 - 1,20 %; Lysine tổng số $\geq 0,38$ %; Methionine + Cystine tổng số $\geq 0,23$%; Threonine tổng số $\geq 0,2$ %; Khoáng tổng số $\leq 7,6$ %; Cát sạn (khoáng không tan trong axit Clohydric) $\leq 0,5$ %. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella: không có trong 25g; Cd $\leq 0,34$ ppm; As $\leq 0,34$ ppm; Pb $\leq 0,85$ ppm; Hg $\leq 0,06$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho mèo trưởng thành.	Dạng viên tròn, màu nâu.	Royal Canin SAS.	France	24/1/2022
1587	Maxi Starter Mother & Baby dog	81-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Gạo, Protein gia cầm, mỡ động vật, Protein thực vật (Gluten lúa mì), Protein động vật thủy phân, ngô, bột củ cải đường, dầu đậu nành, xơ thực vật, dầu cá, muối axit béo, Fructo-oligo-saccharides, vỏ và hạt Psyllium, nấm men thủy phân (men bia), cúc vạn thọ chiết xuất, Premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 9,0$ %; Protein thô $\geq 26,9$ %; năng lượng trao đổi $\geq 400,55$ kcal/100g; Xơ thô $\leq 3,5$ %; Canxi (Ca): 0,96 - 1,68 %; Phốtpho (P): 0,75 - 1,15 %; Lysine tổng số $\geq 0,38$ %; Methionine + Cystine tổng số $\geq 0,86$ %; Threonine tổng số $\geq 0,79$ %; Khoáng tổng số $\leq 9,0$ %; cát sạn (khoáng không tan trong axit Clohydric) $\leq 0,50$ %. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella: không có trong 25g; Cd $\leq 0,34$ ppm; As $\leq 0,34$ ppm; Pb $\leq 0,85$ ppm; Hg $\leq 0,06$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó mẹ và chó con đến 2 tháng tuổi.	Dạng viên tròn, màu nâu.	Royal Canin SAS.	France	24/1/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1588	Medium Light Weight Care	82-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Protein gia cầm, ngô, xơ thực vật, lúa mạch, lúa mì, Gluten ngô, mỡ động vật, gạo, Protein động vật thủy phân, bột củ cải đường, nấm men, dầu cá, Fructo-oligo-saccharides, dầu đậu nành, nấm men thủy phân, Premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,5\%$; Protein thô $\geq 24,0\%$; Năng lượng trao đổi $\geq 292,0$ Kcal/100g; Xơ thô $\leq 12,13\%$; Canxi (Ca): 0,60 -1,20 %; Phốt pho (P): 0,40 - 0,80 %; Lysine tổng số $\geq 0,94\%$; Methionine + Cystine tổng số $\geq 0,74\%$; Threonine tổng số $\geq 0,82\%$; Khoáng tổng số $\leq 5,90\%$; Cát sạn $\leq 0,50\%$. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella: không có trong 25g; Cd $\leq 0,34$ ppm; As $\leq 0,34$ ppm; Pb $\leq 0,85$ ppm; Hg $\leq 0,06$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó.	Dạng viên tròn, màu nâu.	Royal Canin SAS.	France	24/1/2022
1589	Medium Starter Mother & Baby Dog	83-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Protein, gạo, mỡ động vật, Protein thực vật (Gluten lúa mì), ngô, bột củ cải đường, Protein động vật thủy phân, dầu cá, dầu đậu nành, Fructo-oligo-saccharides, muối của axit béo, nấm men thủy phân, chiết xuất từ cúc vạn thọ, Premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 9,0\%$; Protein thô $\geq 26,9\%$; Năng lượng trao đổi $\geq 398,0$ Kcal/100g; Xơ thô $\leq 3,0\%$; Canxi (Ca): 0,96 - 1,68 %; Phốtpho (P): 0,75 - 1,15 %; Lysine tổng số $\geq 0,38\%$; Methionine + Cystine tổng số $\geq 0,89\%$; Threonine tổng số $\geq 0,86\%$; Khoáng tổng số $\leq 9,0\%$; Cát sạn $\leq 0,50\%$. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella: không có trong 25g; Cd $\leq 0,34$ ppm; As $\leq 0,34$ ppm; Pb $\leq 0,85$ ppm; Hg $\leq 0,06$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó mẹ và chó con đến 2 tháng tuổi.	Dạng viên tròn, màu nâu.	Royal Canin SAS.	France	24/1/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1590	Mini Light Weight Care	84-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Protein gia cầm, ngô, lúa mạch, gạo, Gluten ngô, Protein thực vật (Gluten lúa mì), xơ thực vật, mỡ động vật, Protein động vật thủy phân, củ cải đường, dầu cá, nấm men (men bia), dầu đậu nành, Fructo-oligo-saccharides, vỏ Psyllium và hạt, dầu cây lưu ly, Premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 11,0\%$; Độ đậm $\geq 28,0\%$; Năng lượng trao đổi $\geq 302,0$ Kcal/100g; Xơ thô $\leq 7,8\%$; Canxi (Ca): 0,62 - 1,22 %; Phốtpho (P): 0,44 - 0,84 %; Lysine tổng số $\geq 0,89\%$; Methionine + Cystine tổng số $\geq 0,84\%$; Threonine tổng số $\geq 0,83\%$; Khoáng tổng số $\leq 6,1\%$; Cát sạn $\leq 0,5\%$. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella: không có trong 25g; Cd $\leq 0,34$ ppm; As $\leq 0,34$ ppm; Pb $\leq 0,85$ ppm; Hg $\leq 0,06$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó.	Dạng viên tròn, màu nâu.	Royal Canin SAS.	France	24/1/2022
1591	Mini Starter Mother & Baby Dog	85-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Protein gia cầm, gạo, mỡ động vật, Protein thực vật (Gluten lúa mì), ngô, bột củ cải đường, Protein động vật thủy phân, dầu cá, dầu đậu nành, Fructo-oligo-saccharides, muối của axit béo, nấm men thủy phân, chiết xuất từ cúc vạn thọ, Premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 9,0\%$; Protein thô $\geq 26,9\%$; Năng lượng trao đổi $\geq 402,0$ Kcal/100g; Xơ thô $\leq 3,0\%$; Canxi (Ca): 0,72 - 1,68 %; Phốtpho (P): 0,57 - 1,33 %; Lysine tổng số $\geq 0,38\%$; Methionine + Cystine tổng số $\geq 0,87\%$; Threonine tổng số $\geq 0,83\%$; Khoáng tổng số $\leq 9,0\%$; Cát sạn $\leq 0,5\%$. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella: không có trong 25g; Cd $\leq 0,34$ ppm; As $\leq 0,34$ ppm; Pb $\leq 0,85$ ppm; Hg $\leq 0,06$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó mẹ và chó con đến 2 tháng tuổi.	Dạng viên tròn, màu nâu.	Royal Canin SAS.	France	24/1/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1592	Poodle Adult	86-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ngô, Protein gia cầm, Protein thực vật (Gluten lúa mì), mỡ động vật, gạo, bột ngô, Gluten ngô, Protein động vật thủy phân, bột củ cải đường, dầu đậu nành, dầu cá, nấm men (men bia), xơ thực vật, Fructo-oligo-saccharides, dầu cây lưu ly, chiết xuất trà xanh và nho (nguồn Polyphenol), động vật giáp xác thủy phân (nguồn Glucosamine), chiết xuất từ cúc vạn thọ (nguồn lutein), sụn thủy phân (nguồn gốc của Chondroitin), Premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,5\%$; Protein thô $\geq 27,0\%$; Năng lượng trao đổi $\geq 385,7$ Kcal/100g; Xơ thô $\leq 3,7\%$; Canxi (Ca): 0,6 - 1,2 %; Phốtpho (P): 0,4 - 0,8 %; Lysine tổng số $\geq 1,37\%$; Methionine + Cystine tổng số $\geq 1,11\%$; Threonine tổng số $\geq 0,77\%$; Khoáng tổng số $\leq 6,3\%$; Cát sạn $\leq 0,5\%$. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella: không có trong 25g; Cd $\leq 0,34$ ppm; As $\leq 0,34$ ppm; Pb $\leq 0,85$ ppm; Hg $\leq 0,06$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó trên 10 tháng tuổi.	Dạng viên tròn, màu nâu.	Royal Canin SAS.	France	24/1/2022
1593	Poodle Junior	87-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Protein gia cầm, Protein thực vật (Gluten lúa mì), mỡ động vật, ngô, gạo, Gluten ngô, lúa mì, Protein động vật thủy phân (hương vị), bột ngô, bột củ cải đường, dầu cá, nấm men, dầu đậu nành, Fructo-oligo-saccharides, vỏ Psyllium và hạt, nấm men thủy phân (nguồn Mannooligosaccharides), dầu cây lưu ly, chiết xuất từ cúc vạn thọ (nguồn Lutein), Premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,5\%$; Protein thô $\geq 29,2\%$; năng lượng trao đổi $\geq 380,95$ Kcal/100g; xơ thô $\leq 3,9\%$; Canxi (Ca): 0,72 - 1,68%; phốt pho (P): 0,53 - 1,25%; Lysine tổng số $\geq 0,38\%$; Methionine + Cystine tổng số $\geq 1,03\%$; Threonine tổng số $\geq 0,86\%$; Khoáng tổng số $\leq 7,8\%$; cát sạn (khoáng không tan trong axit Clohydric) $\leq 0,5\%$. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella: không có trong 25g; Cd $\leq 0,34$ ppm; As $\leq 0,34$ ppm; Pb $\leq 0,85$ ppm; Hg $\leq 0,06$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó con dưới 10 tháng tuổi.	Dạng viên tròn, màu nâu.	Royal Canin SAS.	France	24/1/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1594	Canine Health Nutrition -Adult beauty	88-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt và sản phẩm động vật (thịt gia cầm, protein thịt lợn), sản phẩm từ ngũ cốc (tinh bột ngô), sản phẩm từ thực vật (Cellulose, bột củ cải đường), dầu hướng dương, Premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 77,0$ %; Protein thô $\geq 7,6$ %; Năng lượng trao đổi ≥ 109 Kcal/100g; Xơ thô $\leq 3,0$ %; Canxi (Ca): 0,19 - 0,79 %; Phốtpho (P): 0,19 - 0,79 %; Lysine tổng số $\geq 0,095$ %; Methionine + Cystine tổng số $\geq 0,18$ %; Threonine tổng số $\geq 0,11$ %; Khoáng tổng số $\leq 2,2$ %; Cát sạn $\leq 0,5$ %. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella: không có trong 25g; Cd $\leq 0,34$ ppm; As $\leq 0,34$ ppm; Pb $\leq 0,85$ ppm; Hg $\leq 0,06$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó trên 10 tháng tuổi.	Dạng sệt, màu nâu.	Mars Austria OG.	Austria	24/1/2022
1595	Canine Health Nutrition - Adult light	89-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt và sản phẩm động vật (thịt gà, gà tây, thịt lợn), sản phẩm từ ngũ cốc (tinh bột ngô), sản phẩm từ thực vật (Cellulose, bột củ cải đường), khoáng (Canxi, Photpho, Natri), Premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 81,0$ %; Protein thô $\geq 8,7$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 72,0$ Kcal/100g; Xơ thô $\leq 3,5$ %; Canxi (Ca): 0,18 - 0,42 %; Phốtpho (P): 0,15 - 0,35 %; Lysine tổng số $\geq 0,095$ %; Methionine + Cystine tổng số $\geq 0,21$ %; Threonine tổng số $\geq 0,3$ %; Khoáng tổng số $\leq 1,5$ %; Cát sạn $\leq 0,5$ %. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella: không có trong 25g; Cd $\leq 0,34$ ppm; As $\leq 0,34$ ppm; Pb $\leq 0,85$ ppm; Hg $\leq 0,06$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó trên 10 tháng tuổi.	Dạng sệt, màu nâu.	Mars Austria OG.	Austria	24/1/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1596	Instinctive	90-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt và sản phẩm động vật (thịt gà, thịt lợn), Protein từ thực vật (gluten mì), dầu mỡ (dầu hướng dương, mỡ gà, mỡ lợn) sản phẩm từ thực vật (Cellulose, bột củ cải đường), khoáng (Canxi, Photpho, Natri), đường, Premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 86,4\%$; Protein thô $\geq 8,8\%$; Năng lượng trao đổi $\geq 86,0$ Kcal/100g; Xơ thô $\leq 4,3\%$; Canxi (Ca): 0,12- 2,2 %; Phốtpho (P): 0,09- 1,19 %; Lysine tổng số $\geq 0,56\%$; Methionine + Cystine tổng số $\geq 0,33\%$; Threonine tổng số $\geq 0,37\%$; Khoáng tổng số $\leq 1,4\%$; Cát sạn $\leq 0,5\%$. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella: không có trong 25g; Cd $\leq 0,34$ ppm; As $\leq 0,34$ ppm; Pb $\leq 0,85$ ppm; Hg $\leq 0,06$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho mèo trưởng thành.	Dạng thạch, màu nâu.	Mars Austria OG.	Austria	24/1/2022
1597	Intense Beauty	91-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt và sản phẩm động vật (thịt gà, thịt lợn), cá và sản phẩm từ cá, Protein từ thực vật (gluten mì), dầu mỡ (dầu hướng dương, mỡ gà, mỡ lợn), sản phẩm từ thực vật (Bột củ cải đường), khoáng (Canxi, Photpho, Natri), đường, Premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 82,5\%$; Protein thô $\geq 10,5\%$; Năng lượng trao đổi $\geq 78,0$ kcal/100g; Xơ thô $\leq 1,6\%$; Canxi (Ca): 0,12 - 0,28 %; Phốt pho (P): 0,09 - 0,21%; Lysine tổng số $\geq 0,095\%$; Methionine + Cystine tổng số $\geq 0,35\%$; Threonine tổng số $\geq 0,38\%$; Khoáng tổng số $\leq 3,0\%$; Cát sạn $\leq 0,5\%$. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella: không có trong 25g; Cd $\leq 0,34$ ppm; As $\leq 0,34$ ppm; Pb $\leq 0,85$ ppm; Hg $\leq 0,06$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho mèo trưởng thành.	Dạng thạch, màu nâu.	Mars Austria OG.	Austria	24/1/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1598	Kitten Instinctive	92-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt và sản phẩm động vật (thịt gà, thịt lợn), Protein từ thực vật (gluten mì), khoáng (Canxi, Photpho, Natri), sữa và sản phẩm từ sữa, sản phẩm từ thực vật (Cellulose, bột củ cải đường), dầu mỡ (dầu hướng dương, mỡ gà, mỡ lợn), nấm men (men bia), đường, Premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 82,0$ %; Protein thô $\geq 10,5$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 85,4$ kcal/100g; Xơ thô $\leq 1,6$ %; Canxi (Ca): 0,138 - 0,322 %; Phốtpho (P): 0,13 - 0,31 %; Lysine tổng số $\geq 0,20$ %; Methionine + Cystine tổng số $\geq 0,33$ %; Threonine tổng số $\geq 0,36$ %; Khoáng tổng số $\leq 3,0$ %; Cát sạn $\leq 0,5$ %. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella: không có trong 25g; Cd $\leq 0,34$ ppm; As $\leq 0,34$ ppm; Pb $\leq 0,85$ ppm; Hg $\leq 0,06$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho mèo con và mèo mang thai.	Dạng thạch, màu nâu.	Mars Austria OG.	Austria	24/1/2022
1599	Canine Health Nutrition - Junior	93-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt và sản phẩm động vật (thịt gà, gà tây, thịt lợn), sản phẩm từ ngũ cốc (tinh bột ngô), dầu mỡ (dầu hướng dương, mỡ gà, mỡ lợn), sản phẩm từ thực vật (Cellulose, bột củ cải đường), khoáng (Canxi, Photpho, Natri), Premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 86,4$ %; Protein thô $\geq 7,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 91,0$ kcal/100g; Xơ thô $\leq 2,7$ %; Canxi (Ca): 0,06 - 0,66 %; Phốtpho (P): 0,05 - 0,45 %; Lysine tổng số $\geq 0,5$ %; Methionine + Cystine tổng số $\geq 0,3$ %; Threonine tổng số $\geq 0,34$ %; Khoáng tổng số $\leq 2,5$ %; Cát sạn $\leq 0,5$ %. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella: không có trong 25g; Cd $\leq 0,34$ ppm; As $\leq 0,34$ ppm; Pb $\leq 0,85$ ppm; Hg $\leq 0,06$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó đến 10 tháng tuổi.	Dạng sệt, màu nâu.	Mars Austria OG.	Austria	24/1/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1600	Recovery Fel/Can can	94-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt và sản phẩm động vật (thịt gà, thịt lợn), sản phẩm từ ngũ cốc (ngô), sản phẩm từ thực vật (tinh bột ngô), dầu mỡ (dầu hướng dương, mỡ gà, mỡ lợn), sữa và sản phẩm từ sữa, khoáng (Canxi, Photpho, Natri), trứng và sản phẩm từ trứng, nấm men (men bia), đường, Premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 75,5\%$; Protein thô $\geq 12,0\%$; Năng lượng trao đổi $\geq 114,55$ Kcal/100g; Xơ thô $\leq 2,7\%$; Canxi (Ca): 0,12 - 0,72 %; Phốt pho (P): 0,09 - 0,49 %; Lysine tổng số $\geq 0,61\%$; Methionine + Cystine tổng số $\geq 0,34\%$; Threonine tổng số $\geq 0,34\%$; Khoáng tổng số $\leq 2,7\%$; Cát sạn $\leq 0,5\%$. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella: không có trong 25g; Cd $\leq 0,34$ppm; As $\leq 0,34$ ppm; Pb $\leq 0,85$ppm; Hg $\leq 0,06$ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó và mèo.	Dạng sệt, màu nâu.	Mars Austria OG.	Austria	24/1/2022
1601	Canine Health Nutrition -Starter mousse	95-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt và sản phẩm động vật (thịt gà, gà tây, thịt lợn), sản phẩm từ ngũ cốc (tinh bột ngô), sản phẩm từ thực vật (Cellulose, bột củ cải đường), dầu mỡ (dầu hướng dương, mỡ gà, mỡ gà tây, mỡ lợn), sữa và sản phẩm từ sữa, khoáng (Canxi, Photpho, Natri), nấm men (men bia), Premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 82,0\%$; Protein thô $\geq 8,0\%$; Năng lượng trao đổi $\geq 89,0$ Kcal/100g; Xơ thô $\leq 2,7\%$; Canxi (Ca): 0,1- 0,7 %; Phốt pho (P): 0,06 - 0,46 %; Lysine tổng số $\geq 0,49\%$; Methionine + Cystine tổng số $\geq 0,25\%$; Threonine tổng số $\geq 0,29\%$; Khoáng tổng số $\leq 2,5\%$; Cát sạn $\leq 0,5\%$. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella: không có trong 25g; Cd $\leq 0,34$ ppm; As $\leq 0,34$ ppm; Pb $\leq 0,85$ ppm; Hg $\leq 0,06$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó mẹ và chó con đến 2 tháng tuổi.	Dạng sệt, màu nâu.	Mars Austria OG.	Austria	24/1/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1602	Jerhigh Carrot Stick	118-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gà, bột sắn bột, bột lúa mỳ, đường, Glycerine, Cellulose, gluten lúa mỳ, sữa khử bơ, chất tạo mùi (grill chicken flavor powder BK.46.0534 grilled chicken Fl.PWD), chất tạo màu (Ferroxide, Betacarotene), chất bảo quản (Sodium Erythorbate, sodium metabisulfite), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 20,0$ %; Protein thô (CP) $\geq 24,0$ %; Béo thô (Fat) $\geq 9,0$ %; Xơ thô $\leq 6,0$ %; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 6,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,33$ ppm.	Thức ăn bổ sung hương gà cho chó.	Dạng que, màu vàng cam.	CPF (Thailand) Public Company Limited.	Thailand	19/1/2022
1603	Jerhigh Spinach Stick	119-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gà, bột sắn bột, bột lúa mỳ, đường, bột sữa gầy, Gluten lúa mỳ, bột rau bó xôi, Cellulose, Lecithin, Glycerine, chất tạo mùi (grill chicken flavor powder BK.46.0534 grilled chicken Fl.PWD), chất tạo màu (Titaniumdioxide, Green 979), chất bảo quản (Sodium Erythorbate, Sodium metabisulphate), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 20,0$ %; Protein thô (CP) $\geq 24,0$ %; Béo thô (Fat) $\geq 9,0$ %; Xơ thô $\leq 6,0$ %; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 6,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,33$ ppm.	Thức ăn bổ sung hương gà cho chó.	Dạng que, màu xanh.	CPF (Thailand) Public Company Limited.	Thailand	19/1/2022
1604	Jerhigh Stick	120-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gà, bột sắn bột, bột lúa mỳ, đường, bột sữa gầy, Cellulose, Lecithin, Glycerine, chất tạo mùi (Meat flavor 20.1505.1W; Smoke supreme poly C (maple) & H (hickory)), chất tạo màu (Ferroxide 212P, 226P, Caramel), chất bảo quản (Sodium Erythorbate, sodium nitrite), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 20,0$ %; Protein thô (CP) $\geq 24,0$ %; Béo thô (Fat) $\geq 9,0$ %; Xơ thô $\leq 6,0$ %; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 6,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,33$ ppm.	Thức ăn bổ sung hương gà cho chó.	Dạng que, màu đỏ.	CPF (Thailand) Public Company Limited.	Thailand	19/1/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1605	Jerhigh Milky Stick	121-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gà, bột sắn bột, bột lúa mỳ, đường, bột sữa gầy, Cellulose, Lecithin, Glycerine, chất tạo mùi (Milk flavor SDF 1011 NA), chất tạo màu (Titanium dioxide), chất bảo quản (Sodium Erythorbate, Sodium metabisulphate), premix vitamin và khoáng, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 20,0$ %; Protein thô (CP) $\geq 24,0$ %; Béo thô (Fat) $\geq 9,0$ %; Xơ thô $\leq 2,0$ %; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 6,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,33$ ppm.	Thức ăn bổ sung hương sữa cho chó.	Dạng que, màu trắng đến màu kem.	CPF (Thailand) Public Company Limited.	Thailand	19/1/2022
1606	Jerhigh Fish Stick	122-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Cá, bột sắn bột, bột lúa mỳ, đường, long trắng trứng gà, Glycerine, chất tạo mùi (Smoke supreme poly C (maple) & H (hikory)), chất bảo quản (Sodium metabisulphate), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 20,0$ %; Protein thô (CP) $\geq 22,0$ %; Béo thô (Fat) $\geq 0,5$ %; Xơ thô $\leq 6,0$ %; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 6,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,33$ ppm.	Thức ăn bổ sung hương sữa cho chó.	Dạng que, màu kem đến vàng đậm.	CPF (Thailand) Public Company Limited.	Thailand	19/1/2022
1607	Menacid 330	50-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các axit hữu cơ (Benzoic, Fumaric), các muối của axit hữu cơ (Calcium Formate, Calcium Propionate), phụ gia và chất mang (dầu thực vật, SiO₂). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 5,0$ %; Axit Benzoic $\geq 3,0$ %; Axit Fumaric $\geq 28,0$ %; Axit Formic $\geq 6,37$ %; Axit Propionic $\geq 3,18$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; F $\leq 500,0$ ppm.	Bổ sung các axit hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng hạt nhỏ mịn, màu trắng.	Shanghai Menon Animal Nutrition Technology Co, Ltd.	China	24/1/2022
1608	Organacid Plus	51-01/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các axit hữu cơ (Citric, Formic, Fumaric, Lactic) và chất mang (Silica). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Axit Lactic $\geq 18,0$ %; Axit Formic $\geq 18,0$ %; Axit Fumaric $\geq 9,0$ %; Axit Citric $\geq 1,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; F $\leq 500,0$ ppm.	Bổ sung các axit hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi lợn nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột, màu nâu.	Shanghai Menon Animal Nutrition Technology Co, Ltd.	China	24/1/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1609	Alterion NE	128-02/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bacillus subtilis (DSM 29784), chất chống kết dính (Sodium aluminosilicate), phụ gia và chất mang (Sucrose và bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 3,0\%$; Bacillus subtilis $\geq 1,0 \times 10^{10}$ CFU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung vi khuẩn có lợi Bacillus subtilis trong thức ăn chăn nuôi gia cầm.	Dạng bột, màu nâu.	Novozymes Biologicals, Inc., USA (Sản xuất cho Adisseo France S.A.S).	USA	16/02/2022
1610	BM-S Plus	130-02/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bacillus subtilis và chất mang (khô dầu đậu tương). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Xơ thô (CF) $\leq 4,0\%$; Bacillus subtilis $\geq 1,0 \times 10^{12}$ CFU/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Aflatoxin tổng số $\leq 20,0$ ppb; Pb $\leq 20,0$ ppm; As $\leq 8,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Bổ sung vi khuẩn có lợi Bacillus subtilis trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu.	Microinnovate Co, Ltd.	Thailand	27/02/2022
1611	Calcium Fast Bolo	131-02/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Magnesium Acetate, Calcium Pidolate, Vitamin D3, Cobalt acetate (II) tetrahydrate, Calcium Formate, Calcium Acetate, chất mang (Dextrose). - Chỉ tiêu chất lượng: Canxi (Ca): 20,0 - 23,0 %; Magiê (Mg): 2,3 - 2,88 %; Coban (Co): 80,0 - 120,0 mg/kg; Vitamin D3 $\geq 13.500,0$ IU/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Pb $\leq 0,5$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm.	Bổ sung premix vitamin và khoáng trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc nhai lại.	Dạng viên, màu đỏ và trắng.	Tecnozoo SNC.	Italy	27/02/2022
1612	Fertility Bolo	132-02/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin (A, B1, B2, D3, E, Niacin), Carnitine, Choline chloride, Beta-carotene, DL-Methionine, nấm men bất hoạt (Saccharomyces Cerevisiae) và chất mang (bột talco và cám mỹ). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Vitamin A $\geq 2,05$ MIU; Vitamin B1 $\geq 200,0$ mg; Vitamin B2 $\geq 450,0$ mg; Vitamin D3 $\geq 0,46$ MIU; Vitamin E $\geq 2.565,0$ mg; Niacin $\geq 17.550,0$ mg; Carnitine $\geq 27.000,0$ mg; Beta-carotene $\geq 6.300,0$ mg; Methionine $\geq 112.500,0$ mg; Choline chloride $\geq 117.000,0$ mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Pb $\leq 0,5$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm.	Bổ sung premix vitamin và axit amin trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc nhai lại.	Dạng viên, màu đỏ và trắng.	Tecnozoo SNC.	Italy	27/02/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1613	Energy Metabolic Bolo	133-02/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin (B1, B12, Niacin), Cobalt acetate tetrahydrate, Sodium propionate, Magnesium oxide và chất mang (Dextrose và Lactose). - Chỉ tiêu chất lượng: Vitamin B1 $\geq 900,0$ mg/kg; Vitamin B12 $\geq 8,0$ mg/kg; Niacin $\geq 180.000,0$ mg/mg; Sodium propionate $\geq 336.000,0$ mg/kg; Coban (Co): 80,0 - 120,0 mg/kg; Magiê (Mg): 6,5 - 7,5 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Pb $\leq 0,5$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm.	Bổ sung premix vitamin, khoáng và muối của axit hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc nhai lại.	Dạng viên, màu đỏ và trắng.	Tecnozoo SNC.	Italy	27/02/2022
1614	Ferm Starter Bolo	134-02/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin (B1, B12, Niacin), Cobalt acetate tetrahydrate, DL-Methionin và chất mang (nấm men bất hoạt và Destrose). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Vitamin B1 $\geq 900,0$ mg; Vitamin B12 $\geq 8,0$ mg; Niacin $\geq 90.000,0$ mg; Methionine $\geq 180.000,0$ mg; Coban (Co): 80,0 - 120,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Pb $\leq 0,5$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm.	Bổ sung premix vitamin, axit amin và khoáng trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc nhai lại.	Dạng viên, màu đỏ và trắng.	Tecnozoo SNC.	Italy	27/02/2022
1615	Ying Tai II 8000	124-02/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: vi khuẩn có lợi Bacillus Subtilis, chất mang (tinh bột ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Bacillus Subtilis $\geq 1,0 \times 10^9$ CFU/g. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; tổng Aflatoxin (B1, B2, G1, G2) $\leq 15,0$ ppb; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung vi khuẩn có lợi Bacillus subtilis trong thức ăn cho lợn và gia cầm.	Dạng bột, màu trắng nhạt đến vàng nhạt.	Linzhou Sinagri YingTai Bio-Peptide Co., Ltd.	China	16/02/2022
1616	Bypassmate L	129-02/17-CN	Thành phần nguyên liệu: Muối canxi của axit béo (axit béo từ dầu đậu tương và dầu hạt cải), chất chống oxy hóa (ethoxyquin). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 7,0$ %; Mỡ thô $\geq 82,0$ %; Canxi: 8,0 - 11,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Pb < 7,5 ppm; Cd < 7,5 ppm.	Bổ sung chất béo trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng hạt mịn, màu nâu.	Yuka Sangyo Co., Ltd.	Japan	16/02/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1617	Bakery Meal	123-02/17- CN	Thành phần nguyên liệu: Vụn bánh và các phụ phẩm của ngành sản xuất bánh kẹo. - Chỉ tiêu chất lượng: Protein $\geq 9\%$; Ẩm $\leq 3\%$; Xơ $\leq 5\%$; Khoáng tổng số $\leq 6\%$; Béo $\leq 6\%$; NaCl $\leq 3\%$. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli < 10CFU/g; Salmonella : không phát hiện trong 25g; Aflatoxin tổng số ≤ 100 ppb; Pb $\leq 3,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm.	Bổ sung năng lượng và protein trong thức ăn chăn nuôi.	Dạng bột, màu vàng.	Western States Industries Group, LLC.	USA	10/2/2022
1618	Trace mineral premix for piglets (Model FIII)	138-3/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sắt sunphat, Đồng sunphat, Kẽm sunphate, Mangan sunphat, chất mang (cám gạo chiết ly). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1kg): Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Fe: 22.500,0 - 50.000,0 mg; Cu: 20.000,0 - 43.750,0 mg; Zn: 17.500,0 - 37.500,0 mg; Mn: 10.000,0 - 22.500,0 mg; cát sạn $\leq 5,0\%$. - Chỉ tiêu an toàn: As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Bổ sung premix khoáng vi lượng trong thức ăn chăn nuôi lợn con đến 30 kg thể trọng.	Dạng bột, màu xám.	Xinjin Bangde Technology Co., Ltd.	China	3/3/2022
1619	Trace mineral premix for growing pigs (Model FII)	139-3/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sắt sunphat, Đồng sunphat, Kẽm sunphate, Mangan sunphat, chất mang (cám gạo chiết ly). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1kg): Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Fe: 18.330,0 - 41.660,0 mg; Cu: 14.000,0 - 30.000,0 mg; Zn: 23.330,0 - 50.000,0 mg; Mn: 8.330,0 - 18.330,0 mg; cát sạn $\leq 5,0\%$. - Chỉ tiêu an toàn: As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Bổ sung premix khoáng vi lượng trong thức ăn chăn nuôi lợn giai đoạn từ 30 kg đến 60 kg thể trọng.	Dạng bột, màu xám.	Xinjin Bangde Technology Co., Ltd.	China	3/3/2022
1620	Trace mineral premix for breeding sows (Model FII)	140-3/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sắt sunphat, Đồng sunphat, Kẽm sunphate, Mangan sunphat, chất mang (cám gạo chiết ly). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1kg): Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Fe: 35.000,0 - 75.000,0 mg; Cu: 5.000,0 - 11.660,0 mg; Zn: 23.330,0 - 50.000,0 mg; Mn: 11.660,0 - 25.000,0 mg; cát sạn $\leq 5,0\%$. - Chỉ tiêu an toàn: As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Bổ sung premix khoáng vi lượng trong thức ăn chăn nuôi lợn nái.	Dạng bột, màu xám.	Xinjin Bangde Technology Co., Ltd.	China	3/3/2022
1621	Trace mineral premix for piglets (Model FII)	141-3/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sắt sunphat, Đồng sunphat, Kẽm sunphate, Mangan sunphat, chất mang (cám gạo chiết ly). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1kg): Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Fe: 30.000,0 - 66.660,0 mg; Cu: 26.660,0 - 58.330,0 mg; Zn: 23.330,0 - 50.000,0 mg; Mn: 13.330,0 - 30.000,0 mg; cát sạn $\leq 5,0\%$. - Chỉ tiêu an toàn: As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Bổ sung premix khoáng vi lượng trong thức ăn chăn nuôi lợn con đến 30 kg thể trọng.	Dạng bột, màu xám.	Xinjin Bangde Technology Co., Ltd.	China	3/3/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1622	Trace mineral premix for meat chicken (Model FI)	142-3/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sắt sunphat, Đồng sunphat, Kẽm sunphate, Mangan sunphat, chất mang (cám gạo chiết ly). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1kg): Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Fe: 45.000,0 - 100.000,0 mg; Cu: 3.500,0 - 9.000,0 mg; Zn: 35.000,0 - 75.000,0 mg; Mn: 35.000,0 - 75.000,0 mg; cát sạn $\leq 5,0$ %. - Chỉ tiêu an toàn: As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Bổ sung premix khoáng vi lượng trong thức ăn chăn nuôi gà con hướng thịt.	Dạng bột, màu xám.	Xinjin Bangde Technology Co., Ltd.	China	3/3/2022
1623	Trace mineral premix for meat ducks (Model FI)	143-3/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sắt sunphat, Đồng sunphat, Kẽm sunphate, Mangan sunphat, chất mang (cám gạo chiết ly). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1kg): Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Fe: 40.000,0 - 95.000,0 mg; Cu: 3.500,0 - 9.000,0 mg; Zn: 35.000,0 - 75.000,0 mg; Mn: 35.000,0 - 75.000,0 mg; cát sạn $\leq 5,0$ %. - Chỉ tiêu an toàn: As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Bổ sung premix khoáng vi lượng trong thức ăn chăn nuôi vịt thịt.	Dạng bột, màu xám.	Xinjin Bangde Technology Co., Ltd.	China	3/3/2022
1624	Trace mineral premix for laying hens (Model FIII)	144-3/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sắt sunphat, Đồng sunphat, Kẽm sunphate, Mangan sunphat, chất mang (cám gạo chiết ly). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1kg): Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Fe: 35.000,0 - 75.000,0 mg; Cu: 3.500,0 - 9.000,0 mg; Zn: 35.000,0 - 75.000,0 mg; Mn: 35.000,0 - 75.000,0 mg; cát sạn $\leq 5,0$ %. - Chỉ tiêu an toàn: As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Bổ sung premix khoáng vi lượng trong thức ăn chăn nuôi gà đẻ.	Dạng bột, màu xám.	Xinjin Bangde Technology Co., Ltd.	China	3/3/2022
1625	Trace mineral premix for breeding poultry (Model FIII)	145-3/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sắt sunphat, Đồng sunphat, Kẽm sunphate, Mangan sunphat, chất mang (cám gạo chiết ly). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1kg): Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Fe: 35.000,0 - 75.000,0 mg; Cu: 3.500,0 - 9.000,0 mg; Zn: 35.000,0 - 75.000,0 mg; Mn: 35.000,0 - 75.000,0 mg; cát sạn $\leq 5,0$ %. - Chỉ tiêu an toàn: As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Bổ sung premix khoáng vi lượng trong thức ăn chăn nuôi cho gia cầm đẻ giống.	Dạng bột, màu xám.	Xinjin Bangde Technology Co., Ltd.	China	3/3/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1626	Vitamin premix for piglets (Model FIV)	146-3/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp các vitamin tổng hợp (A, D3, E, K3, B1, B2, B6, Niacinamide), chất mang (cám gạo chiết ly). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1kg): Độ ẩm $\leq 10,0$ %; vitamin A $\geq 360.000,0$ IU; vitamin D3 $\geq 80.000,0$ IU; vitamin E $\geq 3.000,0$ IU; vitamin K3 $\geq 100,0$ mg; vitamin B1 $\geq 200,0$ mg; vitamin B2 $\geq 600,0$ mg; vitamin B6 $\geq 300,0$ mg; Niacinamide $\geq 2400,0$ mg; cát sạn $\leq 3,0$ %. - Chỉ tiêu an toàn: As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Bổ sung premix vitamin trong thức ăn chăn nuôi lợn con đến 30 kg thể trọng.	Dạng bột, màu xám.	Xinjin Bangde Technology Co., Ltd.	China	3/3/2022
1627	Vitamin premix for piglets (Model FIII)	147-3/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp các vitamin tổng hợp (A, D3, E, K3, B1, B2, B6, Niacinamide), chất mang (cám gạo chiết ly). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1kg): Độ ẩm $\leq 10,0$ %; vitamin A $\geq 450.000,0$ IU; vitamin D3 $\geq 100.000,0$ IU; vitamin E $\geq 3.750,0$ IU; vitamin K3 $\geq 130,0$ mg; vitamin B1 $\geq 250,0$ mg; vitamin B2 $\geq 750,0$ mg; vitamin B6 $\geq 380,0$ mg; Niacinamide $\geq 3.000,0$ mg; cát sạn $\leq 3,0$ %. - Chỉ tiêu an toàn: As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Bổ sung premix Vitamin trong thức ăn chăn nuôi cho lợn con đến 30 kg thể trọng.	Dạng bột, màu xám.	Xinjin Bangde Technology Co., Ltd.	China	3/3/2022
1628	Vitamin premix for growing pigs (Model FII)	148-3/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp các vitamin tổng hợp (A, D3, E, K3, B1, B2, B6, Niacinamide), chất mang (cám gạo chiết ly). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1kg): Độ ẩm $\leq 10,0$ %; vitamin A $\geq 500.000,0$ IU; vitamin D3 $\geq 100.000,0$ IU; vitamin E $\geq 4.000,0$ IU; vitamin K3 $\geq 170,0$ mg; vitamin B1 $\geq 340,0$ mg; vitamin B2 $\geq 1.000,0$ mg; vitamin B6 $\geq 500,0$ mg; Niacinamide $\geq 4.000,0$ mg; cát sạn $\leq 3,0$ %. - Chỉ tiêu an toàn: As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Bổ sung premix vitamin trong thức ăn chăn nuôi lợn giai đoạn từ 30 kg đến 60 kg thể trọng.	Dạng bột, màu xám.	Xinjin Bangde Technology Co., Ltd.	China	3/3/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1629	Vitamin premix for breeding sows (Model FIV)	149-3/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp các vitamin tổng hợp (A, D3, E, K3, B1, B2, B6, Niacinamide), chất mang (cám gạo chiết ly). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1kg): Độ ẩm $\leq 10,0$ %; vitamin A $\geq 360.000,0$ IU; vitamin D3 $\geq 60.000,0$ IU; vitamin E $\geq 5.000,0$ IU; vitamin K3 $\geq 100,0$ mg; vitamin B1 $\geq 200,0$ mg; vitamin B2 $\geq 600,0$ mg; vitamin B6 $\geq 300,0$ mg; Niacinamide $\geq 2.400,0$ mg; cát sạn $\leq 3,0$ %. - Chỉ tiêu an toàn: As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Bổ sung premix vitamin trong thức ăn chăn nuôi lợn nái.	Dạng bột, màu xám.	Xinjin Bangde Technology Co., Ltd.	China	3/3/2022
1630	Vitamin premix for breeding sows (Model FVIII)	150-3/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp các vitamin tổng hợp (A, D3, E, K3, B1, B2, B6, Niacinamide), chất mang (cám gạo chiết ly). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1kg): Độ ẩm $\leq 10,0$ %; vitamin A $\geq 300.000,0$ IU; vitamin D3 $\geq 50.000,0$ IU; vitamin E $\geq 5.000,0$ IU; vitamin K3 $\geq 100,0$ mg; vitamin B1 $\geq 200,0$ mg; Vitamin B2 $\geq 600,0$ mg; Vitamin B6 $\geq 300,0$ mg; Niacinamide $\geq 2.400,0$ mg; cát sạn $\leq 3,0$ %. - Chỉ tiêu an toàn: As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Bổ sung premix vitamin trong thức ăn chăn nuôi lợn nái.	Dạng bột, màu xám.	Xinjin Bangde Technology Co., Ltd.	China	3/3/2022
1631	Vitamin premix for piglets (Model FI)	151-3/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp các vitamin tổng hợp (A, D3, E, K3, B1, B2, B6, Niacinamide), chất mang (cám gạo chiết ly). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1kg): Độ ẩm $\leq 10,0$ %; vitamin A $\geq 900.000,0$ IU; vitamin D3 $\geq 200.000,0$ IU; vitamin E $\geq 7.500,0$ IU; vitamin K3 $\geq 250,0$ mg; vitamin B1 $\geq 500,0$ mg; vitamin B2 $\geq 1.500,0$ mg; vitamin B6 $\geq 750,0$ mg; Niacinamide $\geq 6.000,0$ mg; cát sạn $\leq 3,0$ %. - Chỉ tiêu an toàn: As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Bổ sung premix vitamin trong thức ăn chăn nuôi lợn con đến 30 kg thể trọng.	Dạng bột, màu xám.	Xinjin Bangde Technology Co., Ltd.	China	3/3/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1632	Vitamin premix for meat chicken (Model FI)	152-3/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp các vitamin tổng hợp (A, D3, E, K3, B1, B2, B6, Niacinamide), chất mang (cám gạo chiết ly). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1kg): Độ ẩm $\leq 10,0\%$; vitamin A $\geq 1.000.000,0$ IU; vitamin D3 $\geq 150.000,0$ IU; vitamin E $\geq 6.000,0$ IU; vitamin K3 $\geq 250,0$ mg; vitamin B1 $\geq 900,0$ mg; vitamin B2 $\geq 1.500,0$ mg; vitamin B6 $\geq 1.500,0$ mg; Niacinamide $\geq 12.500,0$ mg; cát sạn $\leq 3,0\%$. - Chỉ tiêu an toàn: As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Bổ sung premix vitamin trong thức ăn chăn nuôi gà thịt.	Dạng bột, màu xám.	Xinjin Bangde Technology Co., Ltd.	China	3/3/2022
1633	Vitamin premix for meat chicken (Model FIII)	153-3/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp các vitamin tổng hợp (A, D3, E, K3, B1, B2, B6, Niacinamide), chất mang (cám gạo chiết ly). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1kg): Độ ẩm $\leq 10,0\%$; vitamin A $\geq 900.000,0$ IU; vitamin D3 $\geq 125.000,0$ IU; vitamin E $\geq 5.500,0$ IU; vitamin K3 $\geq 250,0$ mg; vitamin B1 $\geq 900,0$ mg; vitamin B2 $\geq 1.500,0$ mg; vitamin B6 $\geq 1.500,0$ mg; Niacinamide $\geq 12.500,0$ mg; cát sạn $\leq 3,0\%$. - Chỉ tiêu an toàn: As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Bổ sung premix vitamin trong thức ăn chăn nuôi gà thịt giai đoạn sinh trưởng.	Dạng bột, màu xám.	Xinjin Bangde Technology Co., Ltd.	China	3/3/2022
1634	Vitamin premix for meat ducks (Model FI)	154-3/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp các vitamin tổng hợp (A, D3, E, K3, B1, B2, B6, Niacinamide), chất mang (cám gạo chiết ly). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1kg): Độ ẩm $\leq 10,0\%$; vitamin A $\geq 1.500.000,0$ IU; vitamin D3 $\geq 210.000,0$ IU; vitamin E $\geq 10.000,0$ IU; vitamin K3 $\geq 500,0$ mg; vitamin B1 $\geq 1.800,0$ mg; vitamin B2 $\geq 3.000,0$ mg; vitamin B6 $\geq 3.000,0$ mg; Niacinamide $\geq 25.000,0$ mg; cát sạn $\leq 3,0\%$. - Chỉ tiêu an toàn: As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Bổ sung premix vitamin trong thức ăn chăn nuôi vịt thịt.	Dạng bột, màu xám.	Xinjin Bangde Technology Co., Ltd.	China	3/3/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1635	Vitamin premix for laying hens (Model FIII)	155-3/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp các vitamin tổng hợp (A, D3, E, K3, B1, B2, B6, Niacinamide), chất mang (cám gạo chiết ly). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1kg): Độ ẩm $\leq 10,0$ %; vitamin A $\geq 2.200.000,0$ IU; vitamin D3 $\geq 300.000,0$ IU; vitamin E $\geq 10.000,0$ IU; vitamin K3 $\geq 500,0$ mg; vitamin B1 $\geq 1.800,0$ mg; vitamin B2 $\geq 3.000,0$ mg; vitamin B6 $\geq 3.000,0$ mg; Niacinamide $\geq 25.000,0$ mg; cát sạn $\leq 3,0$ %. - Chỉ tiêu an toàn: As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Bổ sung premix vitamin trong thức ăn chăn nuôi gà đẻ.	Dạng bột, màu xám.	Xinjin Bangde Technology Co., Ltd.	China	3/3/2022
1636	Vitamin premix for breeding poultry (Model FIII)	156-3/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp các vitamin tổng hợp (A, D3, E, K3, B1, B2, B6, Niacinamide), chất mang (cám gạo chiết ly). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1kg): Độ ẩm $\leq 10,0$ %; vitamin A $\geq 2.000.000,0$ IU; vitamin D3 $\geq 220.000,0$ IU; vitamin E $\geq 12.000,0$ IU; vitamin K3 $\geq 500,0$ mg; vitamin B1 $\geq 1.800,0$ mg; vitamin B2 $\geq 3.000,0$ mg; vitamin B6 $\geq 3.000,0$ mg; Niacinamide $\geq 25.000,0$ mg; cát sạn $\leq 3,0$ %. - Chỉ tiêu an toàn: As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Bổ sung premix vitamin trong thức ăn chăn nuôi gia cầm đẻ.	Dạng bột, màu xám.	Xinjin Bangde Technology Co., Ltd.	China	3/3/2022
1637	Selevit-Dex	157-3/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin E, Sodium selenite, phụ gia và chất mang (Axit Silicic, Lactose). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 15,0$ %; Vitamin E $\geq 30,0$ g/kg; Selen (Se): 360,0 - 540,0 mg/kg. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Pb $< 200,0$ ppm; Cd $< 15,0$ ppm.	Bổ sung vitamin và khoáng trong nước uống cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	Dex Iberica, SA.	Spain	6/3/2022
1638	Betaine Hydrochloride 98 %	158-3/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Betaine hydrochloride và chất chống kết dính (Silica). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 1,0$ %; Betaine hydrochloride $\geq 98,0$ % (tương đương Betaine $\geq 75,0$ %). - Chỉ tiêu an toàn: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Pb $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung Betaine trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng hạt nhỏ mịn, màu trắng.	Shandong Jujia Biotech Co, Ltd.	China	6/3/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1639	Selko IntelliBond Z (Zinc Hydroxychloride)	159-3/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Zinc chloride hydroxide monohydrate ($Zn5(OH)8Cl2.H2O \geq 92,0\%$) và chất kết dính (tinh bột). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 3,0\%$; Kẽm (Zn): 55,0 - 59,0 %; - Chỉ tiêu an toàn: As $\leq 30,0$ ppm; Cd $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 100,0$ ppm	Bổ sung Kẽm trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	Dạng hạt nhỏ mịn, màu nâu vàng.	Micronutrients USA LLC.	USA	6/3/2022
1640	Mixed Feed Additive Betaine Hydrochloride 95%	160-3/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Betaine Hydrochloride, chất chống vón (Silicon dioxide). - Chỉ tiêu chất lượng: Betaine HCl $\geq 95,0\%$ (tương đương với Betaine $\geq 72,2\%$); độ ẩm $\leq 3,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 3,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm.	Bổ Betaine trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột tinh thể, màu trắng.	Sunwin Biotech Shandong Co., Ltd.	China	7/3/2022
1641	Mixed Feed Additive Betaine Hydrochloride 98%	161-3/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Betaine Hydrochloride. - Chỉ tiêu chất lượng: Betaine HCl $\geq 98,0\%$ (tương đương với Betaine $\geq 74,5\%$); độ ẩm $\leq 2,0\%$. Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 3,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm.	Bổ Betaine trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột tinh thể, màu trắng.	Sunwin Biotech Shandong Co., Ltd.	China	7/3/2022
1642	Appetein GS	163-3/17-CN	Thành phần nguyên liệu: 100 % huyết tương lợn. - Chỉ tiêu chất lượng: Protein thô $\geq 78,0\%$; Khoáng tổng số $\leq 10,0\%$; Độ ẩm $\leq 9,0\%$. - Chỉ tiêu an toàn: Salmonella không phát hiện trong 25g; E. coli < 10 CFU/g; As < 2,0 ppm; Cd < 0,5 ppm; Pb < 5,0 ppm; Hg < 0,1 ppm.	Huyết tương lợn, bổ sung protein trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm.	Dạng hạt mịn, màu trắng ngà.	APC Europe, S.L.U	Spain	8/3/2022
1643	Tecvit SE	162-3/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin E, Sodium Selenite, các chất bảo quản (Potassium sorbate, Propyl gallate) và chất mang (Glyceryl polyethyleneglycol ricinoleate, Propylene glycol). - Chỉ tiêu chất lượng: Vitamin E $\geq 94,5$ mg/ml; Selen (Se): 0,47 - 0,58 mg/ml. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli: không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; As $\leq 1,0$ ppm; Pb $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung vitamin E và Selen trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu vàng.	Tecnologia & Vitaminas, S.L.	Spain	8/3/2022
1644	Xylamax	164-3/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Enzyme Xylanase (EC.3.2.1.8), chất chống kết dính (Silica), phụ gia và chất mang (tinh bột khoai tây và bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 3,0\%$; Xylanase $\geq 150.000,0$ XU/g. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g.	Bổ sung enzyme Xylanase trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng xám.	Yung Shin Pharm Ind, Co, Ltd., Taiwan (Sản xuất cho BioResource International Inc., USA)	Taiwan	13/3/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1645	Cobalt Sulphate	167-3/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Cobalt (II) sulfate heptahydrate ($\text{CoSO}_4 \cdot 7\text{H}_2\text{O}$ $\geq 99,0\%$). - Chỉ tiêu chất lượng: Coban (Co) $\geq 20,7\%$. - Chỉ tiêu an toàn: Pb $< 100,0$ ppm; As $< 30,0$ ppm; Cd $< 10,0$ ppm; Hg $< 0,1$ ppm.	Bổ sung khoáng (Coban) trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng hạt nhỏ mịn, màu nâu đỏ.	Freeport Cobalt Oy.	Finland	20/3/2022
1646	Escent	168-3/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sepiolite (E562); Bentonite montmorillonite (E558), nấm men bất hoạt và chất bảo quản (Calcium propionate (E282)). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0\%$; SiO_2 : 25,4 - 43,8 %; MgO: 9,62 - 24,05 %; Al_2O_3 : 2,3 - 9,8 %; CaO: 2,5 - 10,5 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Pb $\leq 200,0$ ppm; As $\leq 20,0$ ppm; Cd $\leq 20,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung chất hấp phụ độc tố nấm mốc trong thức ăn gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	Innov AD NV/SA.	Belgium	20/3/2022
1647	Escent S	169-3/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sepiolite (E562); Bentonite montmorillonite (E558), chất tạo mùi triết xuất thảo dược (Rosmarinus, Artichoke), nấm men bất hoạt, chất chống oxi hoá (BHT, axit Citric) và chất bảo quản (Calcium propionate). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0\%$; SiO_2 : 17,6 - 32,5 %; MgO: 3,2 - 12,0 %; Al_2O_3 : 1,6 - 9,7 %; CaO: 1,3 - 8,25 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Pb $\leq 200,0$ ppm; As $\leq 20,0$ ppm; Cd $\leq 20,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung chất hấp phụ độc tố nấm mốc trong thức ăn gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	Innov AD NV/SA.	Belgium	20/3/2022
1648	Chromaron	170-03/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chromium tripicolinate, Sodium selenite, Ferrous sulfate, Manganese sulfate và chất mang (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 01 kg): Crôm (Cr): 60,0 - 100,0 mg; Selen (Se): 60,0 - 100,0 mg; Sắt (Fe): 9.500,0 - 14.500,0 mg; Mangan (Mn): 6.400,0 - 9.600,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Pb $\leq 80,0$ ppm; As $\leq 50,0$ ppm; Cd $< 10,0$ ppm; Hg $< 2,0$ ppm.	Bổ sung premix khoáng trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu hồng.	Vet Superior Consultant Co, Ltd.	Thailand	20/3/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1649	Vetizyme	171-03/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bacillus subtilis, Bacillus licheniformis, Lactobacillus acidophilus, Lactobacillus plantarum, các enzyme (Cellulase, Xylanase, Beta-glucanase; Alpha-Amylase; Protease; Phytase) và chất mang (bột đá, dextrose). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Bacillus subtilis $\geq 2,0 \times 10^8$ CFU; Bacillus licheniformis $\geq 2,0 \times 10^8$ CFU; Lactobacillus acidophilus $\geq 2,0 \times 10^4$ CFU; Lactobacillus plantarum $\geq 2,0 \times 10^4$ CFU; Cellulase $\geq 1,0$ MU; Xylanase $\geq 0,8$ MU; Beta-glucanase $\geq 0,4$ MU; Alpha-Amylase $\geq 1,0$ MU; Protease $\geq 5.000,0$ U; Phytase $\geq 25.000,0$ U - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Pb $\leq 80,0$ ppm; As $\leq 50,0$ ppm; Cd $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 2,0$ ppm.	Bổ sung hỗn hợp enzyme và vi sinh vật có lợi trong đường tiêu hoá cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu.	Vet Superior Consultant Co, Ltd.	Thailand	20/3/2022
1650	Biosol-Iron	172-03/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ferrous sulfate và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng: Sắt (Fe): 64.000,0 - 96.000,0 mg/lít. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Pb $\leq 80,0$ ppm; As $\leq 50,0$ ppm; Cd $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 2,0$ ppm.	Bổ sung sắt cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu nâu.	Vet Superior Consultant Co, Ltd.	Thailand	20/3/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1651	Mino-Plus	173-03/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin (A, B1, B2, B5, B6, B12, D, E, Nicotinamide), Biotin, các axit amin (Alanine, Arginine, Axit Aspartic, Cysteine, Lysine, Methionine, Phenylalanine, Proline, Serine, Threonine, Tyrosine, Valine, Axit Glutamic, Glycine, Histidine, Isoleucine, Leucine) và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 lít): Vitamin A $\geq$ 8,0 MIU; Vitamin B1 $\geq$ 2.800,0 mg; Vitamin B2 $\geq$ 1.600,0 mg; Vitamin B5 $\geq$ 4.000,0 mg; Vitamin B6 $\geq$ 1.600,0 mg; Vitamin B12 $\geq$ 8,0 mg; Vitamin D $\geq$ 2,4 MIU; Vitamin E $\geq$ 8.000,0 mg; Nicotinamide $\geq$ 4.000,0 mg; Biotin $\geq$ 8,0 mg; Alanine $\geq$ 6.200,0 mg; Arginine $\geq$ 5.400,0 mg; Axit Aspartic $\geq$ 8.400,0 mg; Cysteine $\geq$ 900,0 mg; Lysine $\geq$ 7.300,0 mg; Methionine $\geq$ 3.600,0 mg; Phenylalanine $\geq$ 4.900,0 mg; Proline $\geq$ 5.000,0 mg; Serine $\geq$ 5.200,0 mg; Threonine $\geq$ 4.700,0 mg; Tyrosine $\geq$ 3.600,0 mg; Valine $\geq$ 5.400,0 mg; Axit Glutamic $\geq$ 15.300,0 mg; Glycine $\geq$ 5.500,0 mg; Histidine $\geq$ 2.600,0 mg; Isoleucine $\geq$ 4.300,0 mg; Leucine $\geq$ 8.400,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Pb $\leq$ 80,0 ppm; As $\leq$ 50,0 ppm; Cd $\leq$ 10,0 ppm; Hg $\leq$ 2,0 ppm.	Bổ sung premix vitamin và axit amin trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu nâu.	Vet Superior Consultant Co, Ltd.	Thailand	20/3/2022
1652	Nature-Fit	174-03/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Zinc sulfate, Manganese sulfate và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 lít): Kẽm (Zn): 24.000,0 - 36.000,0 mg; Mangan (Mn): 24.000,0 - 36.000,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Pb $\leq$ 80,0 ppm; As $\leq$ 50,0 ppm; Cd < 10,0 ppm; Hg < 2,0 ppm.	Bổ sung khoáng trong nước uống cho gia cầm.	Dạng lỏng, màu tím.	Vet Superior Consultant Co, Ltd.	Thailand	20/3/2022
1653	Feed Grade Copper Oxychloride	165-3/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Copper Oxychloride (tên gọi khác: Dicopper chloride trihydroxide); công thức phân tử: (Cu₂(OH)₃Cl; số CAS: 1332-65-6. - Chỉ tiêu chất lượng: (Cu₂(OH)₃Cl $\geq$ 98,0 % (tương đương với hàm lượng Đồng (Cu) $\geq$ 58,0 %). - Chỉ tiêu an toàn: As $\leq$ 20,0 ppm; Cd $\leq$ 3,0 ppm; Pb $\leq$ 10,0 ppm.	Bổ sung khoáng Đồng vào thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu xanh.	Cosmo Environmental Technology Co. Ltd.	China	20/3/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1654	Natural Core Ecoa Vegetarian Cat	166-3/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Đậu nành, khô dầu hạt hướng dương, ngô, dầu đậu nành, khoai lang, lúa mạch, gạo lứt, hạt lanh nguyên hạt, canxi photphat, yến mạch, củ cải đường, bột nhân sâm đỏ, Fructo Oligosaccharide, Taurine, axit Alginic Oligosaccharide, Lactobacillus, quả việt quất, bông cải xanh, cà chua, bột nhân sâm đỏ, Choline Chloride, chiết xuất yucca schidigera, hoa anh thảo, cà rốt, tỏi, rau spinach (chân vịt), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein $\geq 25,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 4.500,0$ Kcal/kg; Chất béo $\geq 13,0$ %; Xơ $\leq 7,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 8,0$ %; Lysine $\geq 0,83$ %; Methionine + Cystine $\geq 1,1$ %; Canxi: 1,0 - 2,5 %; Phốtpho: 0,5 - 1,2 %; Cát sạn $\leq 1,0$ %. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli < 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho mèo.	Dạng viên hình tam giác, màu nâu.	EreBon Co., Ltd.	Korea	15/3/2022
1655	Rovabio Max Advance P	175-03/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các enzyme (Endo-1,3(4)-β-glucanase (EC 3.2.1.6); Endo-1,4-β-xylanase (EC 3.2.1.8); 6-phytase (EC 3.1.3.26) và chất mang (bột lúa mỳ và maltodextrin).\$- Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 g): Endo-1,3(4)-β-glucanase (EC 3.2.1.6) $\geq 17.200,0$ VU/g; Endo-1,4-β-xylanase (EC 3.2.1.8) $\geq 25.000,0$ VU/g; 6-phytase (EC 3.1.3.26) $\geq 10.000,0$ FTU/g.\$- Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g.	Bổ sung enzyme xylanase, glucanase và phytase trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu be.	Innov'ia., France (Sản xuất cho Adisseo France SAS)	France	21/3/2022
1656	Zinc Oxide	176-3/17-CN	Thành phần nguyên liệu: Kẽm ôxít (độ tinh khiết $\geq 95,0$ %). - Chỉ tiêu chất lượng: Kẽm (Zn): 76,32 - 78,73 %; Sắt (Fe) $\leq 15,0$ ppm; Đồng (Cu) $\leq 5,0$ ppm; Độ ẩm $\leq 1,0$ %. - Chỉ tiêu an toàn: Pb $\leq 5,0$ ppm; Cd $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 12,0$ ppm; Hg $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung Kẽm trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	Hsien Ang Industry Co., Ltd.	Taiwan	21/3/2022
1657	Monocalcium Phosphate (MDCP)	177-3/17- CN	- Thành phần nguyên liệu: Monocalcium Phosphate (Ca(H₂PO₄)₂), Dicalcium phosphate (CaHPO₄). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 3,0$ %; Photpho (P): 18,0 % - 24,0 %; Canxi (Ca): 15,0 % - 19,0 %. - Chỉ tiêu an toàn: Cd $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 15,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung Canxi, Photpho trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng vi hạt, màu vàng nhạt.	OCP S.A.	Morocco	24/3/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1658	Neophos - Calcium Sodium Phosphate	178-3/17- CN	- Thành phần nguyên liệu: Calcium Sodium phosphate (CaNaPO ₄). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm ≤ 3,0 %; Photpho (P): 17,0 % - 23,0 %; Canxi (Ca): 18,0 % - 24,0 %; Natri (Na): 4,0 % - 7,0 %. - Chỉ tiêu an toàn: Cd ≤ 10,0 ppm; As ≤ 10,0 ppm; Pb ≤ 15,0 ppm; Hg ≤ 0,1 ppm.	Bổ sung Canxi, Photpho và Natri trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng vi hạt, màu kem.	Timab Industries.	France	24/3/2022
1659	GroPro	179-3/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: 100% nấm men thủy phân (Saccharomyces cerevisiae). - Chỉ tiêu chất lượng: Protein ≥ 40,0 %; độ ẩm ≤ 8,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli < 10 CFU/g; Salmonella không có trong 25 g; As ≤ 2,0 ppm; Pb ≤ 5,0 ppm.	Bổ sung protein dễ tiêu hóa và các chất dinh dưỡng từ nấm men Saccharomyces cerevisiae thủy phân trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng nhạt đến nâu.	Angel Yeast Co., Ltd.	China	29/3/2022
1660	Unimix 4, Premix for pigs from 30 kg until 60 kg of live weight, with inclusion rate 0,2 %	180-3/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin A (Retinol), Vitamin B1 (Thiamin), Vitamin B2 (Riboflavin), Vitamin B6 (Pyridoxine) Vitamin B12 (Cyanocobalamin), Vitamin B5 (Pantothenic acid), Vitamin D3 (Calciferol), Vitamin E (Alfatocopherol), Vitamin K3, Niacin (Nicotinamide), Biotin, Iron sulphate, Copper sulphate, Manganese oxide, Zinc oxide, Calcium Iodate, Selenium, dầu đậu nành, chất chống kết dính (diamol), chất chống oxi hoá (axit citric) và chất mang (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 01 kg): Vitamin A (Retinol) ≥ 2,0 MIU; Vitamin B1 (Thiamin) ≥ 1.000,0 mg; Vitamin B2 (Riboflavin) ≥ 1.000,0 IU; Vitamin B6 (Pyridoxine) ≥ 1.500,0 IU; Vitamin B12 (Cyanocobalamin) ≥ 10,0 mg; Vitamin B5 (Pantothenic acid) ≥ 5.000,0 mg; Vitamin D3 (Calciferol) ≥ 200.000,0 IU; Vitamin E (Alfatocopherol) ≥ 20.000,0 mg; Vitamin K3 ≥ 1.000,0 mg; Niacin (Nicotinamide) ≥ 10.000,0 mg; Biotin ≥ 25,0 mg; Sắt (Fe): 40.000,0 - 50.000,0 mg; Đồng (Cu): 3.000,0 - 100.000,0 mg; Mangan (Mn): 20.000,0 - 75.000,0 mg; Kẽm (Zn): 50.000,0 - 75.000,0 mg; Iốt (I): 100,0 - 5.000,0 mg; Selen (Se): 100,0 - 250,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; Pb < 100,0 ppm; As < 30,0 ppm; Cd < 10,0 ppm; Hg < 0,2 ppm.	Bổ sung Premix vitamin và khoáng trong thức ăn cho lợn từ 30,0 - 60,0 kg.	Dạng bột lẫn hạt, màu trắng.	Dansk Vilomix A/S.	Denmark	29/3/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1661	Unimix 4, Premix for pigs from 30 kg until 60 kg of live weight, with inclusion rate 1,0 %	181-3/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin A (Retinol), Vitamin B1 (Thiamin), Vitamin B2 (Riboflavin), Vitamin B6 (Pyridoxine) Vitamin B12 (Cyanocobalamin), Vitamin B5 (Pantothenic acid), Vitamin D3 (Calciferol), Vitamin E (Alfatocopherol), Vitamin K3, Niacin (Nicotinamide), Biotin, Iron sulphate, Copper sulphate, Manganese oxide, Zinc oxide, Calcium Iodate, Selenium, dầu đậu nành, chất chống kết dính (diamol), chất chống oxi hoá (axit citric) và chất mang (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 01 kg): Vitamin A (Retinol) $\geq 0,4$ MIU; Vitamin B1 (Thiamin) $\geq 200,0$ mg; Vitamin B2 (Riboflavin) $\geq 200,0$ mg; Vitamin B6 (Pyridoxine) $\geq 300,0$ mg; Vitamin B12 (Cyanocobalamin) $\geq 2,0$ mg; Vitamin B5 (Pantothenic acid) $\geq 1.000,0$ mg; Vitamin D3 (Calciferol) $\geq 40.000,0$ IU; Vitamin E (Alfatocopherol) $\geq 4.000,0$ mg; Vitamin K3 $\geq 200,0$ mg; Niacin (Nicotinamide) $\geq 2.000,0$ mg; Biotin $\geq 5,0$ mg; Sắt (Fe): 8.000,0 - 10.000,0 mg; Đồng (Cu): 600,0 - 20.000,0 mg; Mangan (Mn): 4.000,0 - 15.000,0 mg; Kẽm (Zn): 10.000,0 - 15.000,0 mg; Iốt (I): 20,0 - 1.000,0 mg; Selen (Se): 20,0 - 50,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; Pb < 100,0 ppm; As < 30,0 ppm; Cd < 10,0 ppm; Hg < 0,2 ppm.	Bổ sung Premix vitamin và khoáng trong thức ăn cho lợn từ 30,0 - 60,0 kg.	Dạng bột lẫn hạt, màu trắng.	Dansk Vilomix A/S.	Denmark	29/3/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1662	Unimix 2, Premix for pigs from 15 kg until 30 kg of live weight, with inclusion rate 0,2 %	182-3/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin A (Retinol), Vitamin B1 (Thiamin), Vitamin B2 (Riboflavin), Vitamin B6 (Pyridoxine) Vitamin B12 (Cyanocobalamin), Vitamin B5 (Pantothenic acid), Vitamin D3 (Calciferol), Vitamin E (Alfatocopherol), Vitamin K3, Niacin (Nicotinamide), Biotin, Iron sulphate, Copper sulphate, Manganese oxide, Zinc oxide, Calcium Iodate, Selenium, dầu đậu nành, chất chống kết dính (diamol), chất chống oxi hoá (axit citric) và chất mang (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 01 kg): Vitamin A (Retinol) $\geq 2,5$ MIU; Vitamin B1 (Thiamin) $\geq 1.000,0$ mg; Vitamin B2 (Riboflavin) $\geq 2.000,0$ mg; Vitamin B6 (Pyridoxine) $\geq 1.500,0$ mg; Vitamin B12 (Cyanocobalamin) $\geq 10,0$ mg; Vitamin B5 (Pantothenic acid) $\geq 5.000,0$ mg; Vitamin D3 (Calciferol) $\geq 250.000,0$ IU; Vitamin E (Alfatocopherol) $\geq 70.000,0$ mg; Vitamin K3 $\geq 1.000,0$ mg; Niacin (Nicotinamide) $\geq 10.000,0$ mg; Biotin $\geq 100,0$ mg; Sắt (Fe): 75.000,0 - 95.000,0 mg; Đồng (Cu): 3.000,0 - 100.000,0 mg; Mangan (Mn): 20.000,0 - 75.000,0 mg; Kẽm (Zn): 50.000,0 - 75.000,0 mg; Iốt (I): 100,0 - 5.000,0 mg; Selen (Se): 175,0 - 250,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; Pb < 100,0 ppm; As < 30,0 ppm; Cd < 10,0 ppm; Hg < 0,2 ppm.	Bổ sung Premix vitamin và khoáng trong thức ăn cho lợn từ 15,0 - 30,0 kg.	Dạng bột lẫn hạt, màu trắng.	Dansk Vilomix A/S.	Denmark	29/3/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1663	Unimix 2, Premix for pigs from 15 kg until 30 kg of live weight, with inclusion rate 1,0 %	183-3/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin A (Retinol), Vitamin B1 (Thiamin), Vitamin B2 (Riboflavin), Vitamin B6 (Pyridoxine) Vitamin B12 (Cyanocobalamin), Vitamin B5 (Pantothenic acid), Vitamin D3 (Calciferol), Vitamin E (Alfatocopherol), Vitamin K3, Niacin (Nicotinamide), Biotin, Iron sulphate, Copper sulphate, Manganese oxide, Zinc oxide, Calcium Iodate, Selenium, dầu đậu nành, chất chống kết dính (diamol), chất chống oxi hoá (axit citric) và chất mang (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 01 kg): Vitamin A (Retinol) $\geq 0,5$ MIU; Vitamin B1 (Thiamin) $\geq 200,0$ mg; Vitamin B2 (Riboflavin) $\geq 400,0$ mg; Vitamin B6 (Pyridoxine) $\geq 300,0$ mg; Vitamin B12 (Cyanocobalamin) $\geq 2,0$ mg; Vitamin B5 (Pantothenic acid) $\geq 1.000,0$ mg; Vitamin D3 (Calciferol) $\geq 50.000,0$ IU; Vitamin E (Alfatocopherol) $\geq 14.000,0$ mg; Vitamin K3 $\geq 200,0$ mg; Niacin (Nicotinamide) $\geq 2.000,0$ mg; Biotin $\geq 20,0$ mg; Sắt (Fe): 15.000,0 - 19.000,0 mg; Đồng (Cu): 600,0 - 20.000,0 mg; Mangan (Mn): 4.000,0 - 15.000,0 mg; Kẽm (Zn): 10.000,0 - 15.000,0 mg; Iốt (I): 20,0 - 1.000,0 mg; Selen (Se): 35,0 - 50,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; Pb < 100,0 ppm; As < 30,0 ppm; Cd < 10,0 ppm; Hg < 0,2 ppm.	Bổ sung Premix vitamin và khoáng trong thức ăn cho lợn từ 15,0 - 30,0 kg.	Dạng bột lẫn hạt, màu trắng.	Dansk Vilomix A/S.	Denmark	29/3/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1664	Unimix 2, Premix for piglets under 15 kg of live weight, with inclusion rate 0,2 %	184-3/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin A (Retinol), Vitamin B1 (Thiamin), Vitamin B2 (Riboflavin), Vitamin B6 (Pyridoxine) Vitamin B12 (Cyanocobalamin), Vitamin B5 (Pantothenic acid), Vitamin D3 (Calciferol), Vitamin E (Alfatocopherol), Vitamin K3, Niacin (Nicotinamide), Biotin, Iron sulphate, Copper sulphate, Manganese oxide, Zinc oxide, Calcium Iodate, Selenium, dầu đậu nành, chất chống kết dính (diamol), chất chống oxi hoá (axit citric) và chất mang (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 01 kg): Vitamin A (Retinol) $\geq 4,0$ MIU; Vitamin B1 (Thiamin) $\geq 1.000,0$ mg; Vitamin B2 (Riboflavin) $\geq 1.000,0$ mg; Vitamin B6 (Pyridoxine) $\geq 1.500,0$ mg; Vitamin B12 (Cyanocobalamin) $\geq 10,0$ mg; Vitamin B5 (Pantothenic acid) $\geq 5.000,0$ mg; Vitamin D3 (Calciferol) $\geq 0,4$ MIU; Vitamin E (Alfatocopherol) $\geq 70.000,0$ mg; Vitamin K3 $\geq 1.000,0$ mg; Niacin (Nicotinamide) $\geq 10.000,0$ mg; Biotin $\geq 100,0$ mg; Sắt (Fe): 75.000,0 - 95.000,0 mg; Đồng (Cu): 3.000,0 - 100.000,0 mg; Mangan (Mn): 20.000,0 - 75.000,0 mg; Kẽm (Zn): 50.000,0 - 75.000,0 mg; Iốt (I): 100,0 - 5.000,0 mg; Selen (Se): 175,0 - 250,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; Pb < 100,0 ppm; As < 30,0 ppm; Cd < 10,0 ppm; Hg < 0,2 ppm.	Bổ sung Premix vitamin và khoáng trong thức ăn cho lợn con dưới 15,0 kg.	Dạng bột lẫn hạt, màu trắng.	Dansk Vilomix A/S.	Denmark	29/3/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1665	Unimix 2, Premix for piglets under 15 kg of live weight, with inclusion rate 1 %	185-3/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin A (Retinol), Vitamin B1 (Thiamin), Vitamin B2 (Riboflavin), Vitamin B6 (Pyridoxine) Vitamin B12 (Cyanocobalamin), Vitamin B5 (Pantothenic acid), Vitamin D3 (Calciferol), Vitamin E (Alfatocopherol), Vitamin K3, Niacin (Nicotinamide), Biotin, Iron sulphate, Copper sulphate, Manganese oxide, Zinc oxide, Calcium Iodate, Selenium, dầu đậu nành, chất chống kết dính (diamol), chất chống oxi hoá (axit citric) và chất mang (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 01 kg): Vitamin A (Retinol) $\geq 0,8$ MIU; Vitamin B1 (Thiamin) $\geq 200,0$ mg; Vitamin B2 (Riboflavin) $\geq 200,0$ mg; Vitamin B6 (Pyridoxine) $\geq 300,0$ mg; Vitamin B12 (Cyanocobalamin) $\geq 2,0$ mg; Vitamin B5 (Pantothenic acid) $\geq 1.000,0$ mg; Vitamin D3 (Calciferol) $\geq 80.000,0$ IU; Vitamin E (Alfatocopherol) $\geq 14.000,0$ mg; Vitamin K3 $\geq 200,0$ mg; Niacin (Nicotinamide) $\geq 2.000,0$ mg; Biotin $\geq 20,0$ mg; Sắt (Fe): 15.000,0 - 19.000,0 mg; Đồng (Cu): 600,0 - 20.000,0 mg; Mangan (Mn): 4.000,0 - 15.000,0 mg; Kẽm (Zn): 10.000,0 - 15.000,0 mg; Iốt (I): 20,0 - 1.000,0 mg; Selen (Se): 35,0 - 50,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; Pb < 100,0 ppm; As < 30,0 ppm; Cd < 10,0 ppm; Hg < 0,2 ppm.	Bổ sung Premix vitamin và khoáng trong thức ăn cho lợn con dưới 15,0 kg.	Dạng bột lẫn hạt, màu trắng.	Dansk Vilomix A/S.	Denmark	29/3/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1666	Unimix 2, Premix for piglets under 15 kg of live weight, with inclusion rate 10 %	186-3/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin A (Retinol), Vitamin B1 (Thiamin), Vitamin B2 (Riboflavin), Vitamin B6 (Pyridoxine) Vitamin B12 (Cyanocobalamin), Vitamin B5 (Pantothenic acid), Vitamin D3 (Calciferol), Vitamin E (Alfatocopherol), Vitamin K3, Niacin (Nicotinamide), Biotin, Iron sulphate, Copper sulphate, Manganese oxide, Zinc oxide, Calcium Iodate, Selenium, dầu đậu nành, chất chống kết dính (diamol), chất chống oxi hoá (axit citric) và chất mang (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 01 kg): Vitamin A (Retinol) $\geq 80.000,0$ IU; Vitamin B1 (Thiamin) $\geq 20,0$ mg; Vitamin B2 (Riboflavin) $\geq 20,0$ mg; Vitamin B6 (Pyridoxine) $\geq 30,0$ mg; Vitamin B12 (Cyanocobalamin) $\geq 0,2$ mg; Vitamin B5 (Pantothenic acid) $\geq 100,0$ mg; Vitamin D3 (Calciferol) $\geq 8.000,0$ IU; Vitamin E (Alfatocopherol) $\geq 1.400,0$ mg; Vitamin K3 $\geq 20,0$ mg; Niacin (Nicotinamide) $\geq 200,0$ mg; Biotin $\geq 2,0$ mg; Sắt (Fe): 1.500,0 - 1.900,0 mg; Đồng (Cu): 60,0 - 2.000,0 mg; Mangan (Mn): 400,0 - 1.500,0 mg; Kẽm (Zn): 1.000,0 - 1.500,0 mg; Iốt (I): 2,0 - 100,0 mg; Selen (Se): 3,5 - 5,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; Pb < 100,0 ppm; As < 30,0 ppm; Cd < 10,0 ppm; Hg < 0,2 ppm.	Bổ sung Premix vitamin và khoáng trong thức ăn cho lợn con dưới 15,0 kg.	Dạng bột lẫn hạt, màu trắng.	Dansk Vilomix A/S.	Denmark	29/3/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1667	Unimix 5, Premix for pig from 60 kg until 105 kg of live weight, with inclusion rate 0,2 %	187-3/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin A (Retinol), Vitamin B1 (Thiamin), Vitamin B2 (Riboflavin), Vitamin B6 (Pyridoxine) Vitamin B12 (Cyanocobalamin), Vitamin B5 (Pantothenic acid), Vitamin D3 (Calciferol), Vitamin E (Alfatocopherol), Niacin (Nicotinamide), Biotin, Iron sulphate, Copper sulphate, Manganese oxide, Zinc oxide, Calcium Iodate, Selenium, dầu đậu nành, chất chống kết dính (diamol), chất chống oxi hoá (axit citric) và chất mang (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 01 kg): Vitamin A (Retinol) $\geq 2,0$ MIU; Vitamin B1 (Thiamin) $\geq 1.000,0$ mg; Vitamin B2 (Riboflavin) $\geq 1.000,0$ mg; Vitamin B6 (Pyridoxine) $\geq 1.500,0$ mg; Vitamin B12 (Cyanocobalamin) $\geq 10,0$ mg; Vitamin B5 (Pantothenic acid) $\geq 5.000,0$ mg; Vitamin D3 (Calciferol) $\geq 200.000,0$ IU; Vitamin E (Alfatocopherol) $\geq 20.000,0$ mg; Vitamin K3 $\geq 1.000,0$ mg; Niacin (Nicotinamide) $\geq 10.000,0$ mg; Biotin $\geq 25,0$ mg; Sắt (Fe): 40.000,0 - 50.000,0 mg; Đồng (Cu): 3.000,0 - 17.500,0 mg; Mangan (Mn): 20.000,0 – 75.000,0 mg; Kẽm (Zn): 50.000,0 - 75.000,0 mg; Iốt (I): 100,0 - 5.000,0 mg; Selen (Se): 100,0 - 250,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; Pb < 100,0 ppm; As < 30,0 ppm; Cd < 10,0 ppm; Hg < 0,2 ppm.	Bổ sung Premix vitamin và khoáng trong thức ăn cho lợn từ 60 đến 105 kg.	Dạng bột lẫn hạt, màu trắng.	Dansk Vilomix A/S.	Denmark	29/3/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1668	Unimix 5, Premix for pig from 60 kg until 105 kg of live weight, with inclusion rate 1,0 %	188-3/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin A (Retinol), Vitamin B1 (Thiamin), Vitamin B2 (Riboflavin), Vitamin B6 (Pyridoxine) Vitamin B12 (Cyanocobalamin), Vitamin B5 (Pantothenic acid), Vitamin D3 (Calciferol), Vitamin E (Alfatocopherol), Niacin (Nicotinamide), Biotin, Iron sulphate, Copper sulphate, Manganese oxide, Zinc oxide, Calcium Iodate, Selenium, dầu đậu nành, chất chống kết dính (diamol), chất chống oxi hoá (axit citric) và chất mang (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 01 kg): Vitamin A (Retinol) $\geq 0,4$ MIU; Vitamin B1 (Thiamin) $\geq 200,0$ mg; Vitamin B2 (Riboflavin) $\geq 200,0$ mg; Vitamin B6 (Pyridoxine) $\geq 300,0$ mg; Vitamin B12 (Cyanocobalamin) $\geq 2,0$ mg; Vitamin B5 (Pantothenic acid) $\geq 1.000,0$ mg; Vitamin D3 (Calciferol) $\geq 40.000,0$ IU; Vitamin E (Alfatocopherol) $\geq 4.000,0$ mg; Vitamin K3 $\geq 200,0$ mg; Niacin (Nicotinamide) $\geq 2.000,0$ mg; Biotin $\geq 5,0$ mg; Sắt (Fe): 8.000,0 - 10.000,0 mg; Đồng (Cu): 600,0 - 3.500,0 mg; Mangan (Mn): 4.000,0 - 15.000,0 mg; Kẽm (Zn): 10.000,0 - 15.000,0 mg; Iốt (I): 20,0 - 1.000,0 mg; Selen (Se): 20,0 - 50,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; Pb < 100,0 ppm; As < 30,0 ppm; Cd < 10,0 ppm; Hg < 0,2 ppm.	Bổ sung Premix vitamin và khoáng trong thức ăn cho lợn từ 60 đến 105 kg.	Dạng bột lẫn hạt, màu trắng.	Dansk Vilomix A/S.	Denmark	29/3/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1669	Unimix 8, Premix for dairy cows, with inclusion rate 0,25 %	189-3/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin A (Retinol), Vitamin D3 (Calciferol), Vitamin E (Alfatocopherol), Biotin, Iron sulphate, Copper sulphate, Manganese oxide, Zinc oxide, Calcium Iodate, Cobalt carbonate, Selenium, dầu đậu nành, chất chống kết dính (diamol), chất chống oxi hoá (axit citric) và chất mang (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 01 kg): Vitamin A (Retinol) $\geq 2,1$ MIU; Vitamin Vitamin D3 (Calciferol) $\geq 0,42$ MIU; Vitamin E (Alfatocopherol) $\geq 15.000,0$ mg; Biotin $\geq 102,0$ mg; Sắt (Fe): 4.799,0 - 6.000,0 mg; Đồng (Cu): 2.000,0 - 2.500,0 mg; Mangan (Mn): 6.198,0 - 7.747,0 mg; Kẽm (Zn): 15.998,0 - 20.000,0 mg; Iốt (I): 201,0 - 251,0 mg; Selen (Se): 160,0 - 200,0 mg; Coban (Co): 400,0 - 500,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; Pb < 100,0 ppm; As < 30,0 ppm; Cd < 10,0 ppm; Hg < 0,2 ppm.	Bổ sung Premix vitamin và khoáng trong thức ăn cho bò sữa.	Dạng bột lẫn hạt, màu trắng.	Dansk Vilomix A/S.	Denmark	29/3/2022
1670	Ronozyme MultiGrain (L)	190-3/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất lên men sấy khô (chứa enzymes: Endo-1,4-β-xylanase, Endo-1,4-β-glucanase, Endo-1,3(4)-β-glucanase), Sorbitol, chất bảo quản (Potassium sorbate) và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng: Endo-1,4-β-xylanase $\geq 2.700,0$ U/ml; Cellulase (Endo-1,4-β-glucanase) $\geq 800,0$ U/ml; Endo-1,3(4)-β-glucanase $\geq 700,0$ U/ml. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Pb < 5,0 ppm; As < 3,0 ppm; Cd < 0,5 ppm; Hg < 0,5 ppm.	Bổ sung hỗn hợp enzyme tiêu hóa (Endo-1,4- β -xylanase, Endo-1,4- β -glucanase, Endo-1,3(4)- β -glucanase) trong thức ăn chăn nuôi cho lợn và gia cầm.	Dạng lỏng, màu vàng đến nâu nhạt.	Novozymes A/S.	Denmark	29/3/2022
1671	Ronozyme HiStarch (CT)	191-3/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Enzyme α- amylase (từ vi khuẩn Bacillus licheniformis), Sodium sulphate, Cellulose, Sucrose, dầu thực vật, Dextrin, Methionine và chất mang (Kaolin). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 2,0$ %; α- amylase $\geq 600,0$ KNU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Pb < 5,0 ppm; As < 3,0 ppm; Cd < 0,5 ppm; Hg < 0,5 ppm.	Bổ sung enzyme α -amylase trong thức ăn chăn nuôi cho gia cầm.	Dạng hạt nhỏ mịn, màu trắng nhạt.	Novozymes North America, Inc.	USA	29/3/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1672	Procid	210-4/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit hữu cơ (Citric, Malic, Fumaric), axit béo (Palmitic, Stearic). - Chỉ tiêu chất lượng: Axit Citric $\geq 11,0\%$; axit Malic $\geq 6,0\%$; axit Fumaric $\geq 11,0\%$. - Chỉ tiêu an toàn: Pb $\leq 5,0$ mg/kg; Cd $\leq 1,0$ mg/kg; As $\leq 2,0$ mg/kg; Hg $\leq 0,05$ mg/kg.	Bổ sung axit hữu cơ (Citric, Malic, Fumaric) trong thức ăn chăn nuôi gia súc gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa.	Dạng hạt mịn, màu trắng.	MorningBio Co., Ltd.	Korea	3/4/2022
1673	Methionine Hydroxy Analog	200-4/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: 2-Hydroxy-4-(methylthio) butanoic acid (tên gọi khác: Methionine Hydroxy Analogue - MHA) (C5H10O3S). - Chỉ tiêu chất lượng: MHA $\geq 88,0\%$; độ ẩm $\leq 12,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 20,0$ ppm.	Methionine Hydroxy Analogue (MHA), bổ sung trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm thay thế axit amin methionine.	Dạng lỏng, màu đen.	Sumitomo Chemical Co., Ltd., Japan.	Japan	4/4/2022
1674	Tirsana BSK	201-04/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Glycerin, Propylene glycol, chiết xuất Yucca. - Chỉ tiêu chất lượng (trong 1kg sản phẩm): Glycerin: 585,0 - 715,0 g; Saponine: 4,5 - 5,5 g; Propylene glycol: 225,0 - 275,0 g; Độ ẩm $\leq 19,7\%$. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli: không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung Glycerin, Propylene glycol và Saponin cho bò sữa.	Dạng lỏng, màu nâu nhạt.	Ligrana GmbH.	Germany	10/4/2022
1675	Tirsana 1312	202-04/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Glycerin, Propylene glycol, vitamin B12. - Chỉ tiêu chất lượng: Vitamin B12: 800.000,0 - 1.200.000,0 µg/kg; Glycerin: 44,02 - 53,80 %; Propylene glycol: 39,20 - 47,92 %; Độ ẩm $\leq 11,7\%$. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli: không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung Propylene glycol, Glycerin và vitamin B ₁₂ cho bò sữa sau khi đẻ.	Dạng lỏng, màu đỏ nhạt.	Ligrana GmbH., Germany.	Germany	10/4/2022
1676	Schaumasil TMR G	203-04/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Amonium propionate, axit Propionic, Glycerin và Propylene glycol. - Chỉ tiêu chất lượng (trong 1kg sản phẩm): Tổng axit Propionic: 342,0 - 418,0 g; Glycerin: 234,0 - 286,0 g; Propylene glycol: 19,0 - 23,0 g; Độ ẩm $\leq 30,9\%$. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli: không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung axit hữu cơ, Glycerin và Propylene glycol trong thức ăn chăn nuôi bò sữa.	Dạng lỏng, màu vàng nhạt hoặc không màu.	Ligrana GmbH., Germany.	Germany	10/4/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1677	Schaumacid Protect Mono	204-04/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit Lactic, axit Formic, Ammonium formate, Monoglycerides, axit Citric, Glycerine, Ammonium propionate và Kali sorbate. - Chỉ tiêu chất lượng (trong 1kg sản phẩm): axit Lactic: 131,0 - 160,0 g; tổng axit Formic: 158,6 - 193,8 g; Glycerin: 28,0 - 34,3 g; Monoglycerides: 90,0 - 110,0 g; axit Propionic: 16,1 - 19,6 g; axit Citric: 4,5-5,5 g. Độ ẩm $\leq 7,9$ %; - Chỉ tiêu an toàn: E. coli không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung axit hữu cơ, Glycerin và Monoglyceride trong thức ăn chăn nuôi gia súc và gia cầm.	Dạng hạt, màu xám.	Ligrana GmbH., Germany.	Germany	10/4/2022
1678	Betaine HCl 95 %	205-4/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Betaine HCl 95%, Sodium Chloride, Silica. - Chỉ tiêu chất lượng: Betaine $\geq 72,45$ %; Độ ẩm $\leq 0,5$ %. - Chỉ tiêu an toàn: As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung Betaine trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột tinh thể, màu trắng.	Hylen Co., Ltd.	China	10/4/2022
1679	Betaine HCl 98 %	206-4/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Betaine HCl 98%, Sodium Chloride. - Chỉ tiêu chất lượng: Betaine $\geq 74,74$ %; Độ ẩm $\leq 0,5$ %. - Chỉ tiêu an toàn: As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung Betaine trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột tinh thể, màu trắng.	Hylen Co., Ltd.	China	10/4/2022
1680	Actibeet L	207-4/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Rỉ mật củ cải đường chứa Betaine, nước. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 45,0$ %; Betaine $\geq 38,0$ %; khoáng tổng số $\leq 4,0$ %. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli: không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Cd $\leq 1,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung Betaine trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu nâu sẫm.	Agrana Zucker GmbH.	Austria	10/4/2022
1681	Cassava Residue	208-4/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bã sắn khô (sản phẩm phụ từ quá trình sản xuất tinh bột sắn). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 14,0$ %; tinh bột $\geq 45,0$ %; xơ thô $\leq 25,0$ %. - Chỉ tiêu an toàn: Tổng Aflatoxin (B1, B2, G1, G2) $\leq 100,0$ ppb.	Bã sắn khô, dùng làm nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng thô, màu trắng ngà.	Lao TTL Agriculture and Industrial Development Sole Co., Ltd.	Lao PDR	11/4/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1682	Panto Protein 55	209-4/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Khô dầu đậu tương, gluten ngô, các chất phụ gia (axit Formic, axit Propionic). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 13,0$ %; Protein thô $\geq 52,0$ %; Lysine $\geq 1,7$ %; Mỡ thô $\geq 3,25$ %; Xơ thô $\leq 4,1$ %. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli: không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; tổng Aflatoxin B1 $\leq 20,0$ ppb.	Hỗn hợp khô dầu đậu tương và gluten ngô, dùng làm nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng.	HL Hamburger Leistungsfutter GmbH.	Germany	12/4/2022
1683	VitaPet Puppy Nurturing Formula Chicken & Egg Flavour	192-4/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ngô, khô dầu đậu tương, bột phụ phẩm thịt gà, tấm gạo, mỡ gà, khoáng và vitamin, bột thay thế sữa, màu thực phẩm, bột trứng, chất chống ôxi hóa (BHA, BHT). - Chỉ tiêu chất lượng: Protein thô $\geq 26,0$ %; ME $\geq 3.600,0$ Kcal/kg; chất béo thô $\geq 12,0$ %; xơ thô $\leq 5,0$ %; độ ẩm $\leq 10,0$ %; Canxi: 1,0 - 2,5 %; photpho: 0,8 - 1,6 %; Lysine $\geq 0,77$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,53$ %; Threonine $\geq 0,58$ %; khoáng tổng số $\leq 10,0$ %; cát sạn $\leq 0,5$ %. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli < 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,33$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh vị thịt gà cho chó.	Dạng viên, màu pha trộn (đỏ và nâu).	Perfect Companion Group Co., Ltd.	Thailand	4/4/2022
1684	VitaPet Adult Cat Seafood Flavour	193-4/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ngô, khô dầu đậu tương, bột phụ phẩm thịt gà, bột Gluten ngô, bột cá, mỡ gà, trứng, thịt gà, nấm men khô, muối i-ốt, phụ phẩm từ cá, Premix khoáng và vitamin, Taurine, chất chống ôxi hóa (BHA, BHT), màu thực phẩm, chiết xuất cây Yucca, hương vị hải sản. - Chỉ tiêu chất lượng: Protein thô $\geq 27,0$ %; ME $\geq 3.000,0$ Kcal/kg; chất béo thô $\geq 9,0$ %; xơ thô $\leq 4,0$ %; độ ẩm $\leq 10,0$ %; Canxi: 0,6 - 2,0 %; photpho: 0,5 - 2,0 %; Lysine $\geq 0,83$ %; Methionine + Cystine $\geq 1,1$ %; Threonine $\geq 0,73$ %; khoáng tổng số $\leq 8,0$ %; cát sạn $\leq 0,5$ %. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli < 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,33$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh vị hải sản cho mèo.	Dạng viên, màu pha trộn (đỏ, xanh, da cam).	Perfect Companion Group Co., Ltd.	Thailand	4/4/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1685	VitaPet Adult Dog Beef Flavour	194-4/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ngô, sắn, bột phụ phẩm gia cầm, khô dầu đậu tương, cám mì, mỡ gà, phụ phẩm gia cầm, muối (Sodium chloride), Premix khoáng và vitamin, chất tạo vị thịt bò, màu thực phẩm, chất chống ôxi hóa (BHA, BHT), chiết xuất cây Yucca. - Chỉ tiêu chất lượng: Protein thô $\geq 20,0$ %; ME $\geq 3.300,0$ Kcal/kg; chất béo thô $\geq 8,0$ %; xơ thô $\leq 5,0$ %; độ ẩm $\leq 12,0$ %; Canxi: 0,6 - 2,5 %; phốt pho: 0,5 - 1,6 %; Lysine $\geq 0,63$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,43$ %; Threonine $\geq 0,48$ %; khoáng tổng số $\leq 10,0$ %; cát sạn $\leq 0,5$ %. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli < 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,33$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh vị thịt bò cho chó.	Dạng viên, màu pha trộn (trắng, đỏ).	Perfect Companion Group Co., Ltd.	Thailand	4/4/2022
1686	VitaPet Adult Cat Tuna Flavour	195-4/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ngô, khô dầu đậu tương, bột phụ phẩm thịt gà, Gulten ngô, bột cá ngừ, mỡ gà, trứng, thịt gà, nấm men khô, muối i-ốt, Premix khoáng và vitamin, phụ phẩm từ cá, phụ phẩm từ gan, Taurine, chất chống ôxi hóa (BHA, BHT), màu thực phẩm, chiết xuất cây Yucca. - Chỉ tiêu chất lượng: Protein thô $\geq 27,0$ %; ME $\geq 3.000,0$ Kcal/kg; chất béo thô $\geq 9,0$ %; xơ thô $\leq 4,0$ %; độ ẩm $\leq 10,0$ %; Canxi: 0,6 - 2,0 %; phốt pho: 0,5 - 2,0 %; Lysine $\geq 0,83$ %; Methionine + Cystine $\geq 1,1$ %; Threonine $\geq 0,73$ %; khoáng tổng số $\leq 8,0$ %; cát sạn $\leq 0,5$ %. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli < 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,33$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh vị cá ngừ cho mèo.	Dạng viên, màu pha trộn (đỏ, da cam).	Perfect Companion Group Co., Ltd.	Thailand	4/4/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1687	VitaPet Adult Cat Ocean Fish Flavour	196-4/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ngô, khô đậu tương, sắn, bột Gulten ngô, bột phụ phẩm gia cầm, mỡ gà, bột Cellulose, cám mì, bột cá, Premix khoáng và vitamin, dầu cá, Taurine, chất chống ôxi hóa (BHA, BHT), chiết xuất cây Yucca. - Chỉ tiêu chất lượng: Protein thô $\geq 27,0$ %; ME $\geq 3.000,0$ Kcal/kg; chất béo thô $\geq 9,0$ %; xơ thô $\leq 7,0$ %; độ ẩm $\leq 10,0$ %; Canxi: 0,6 - 2,0 %; photpho: 0,5 - 2,0 %; Lysine $\geq 0,83$ %; Methionine + Cystine $\geq 1,1$ %; Threonine $\geq 0,73$ %; khoáng tổng số $\leq 8,0$ %; cát sạn $\leq 0,5$ %. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli < 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,33$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh vị cá biển cho mèo.	Dạng viên, màu nâu	Perfect Companion Group Co., Ltd.	Thailand	4/4/2022
1688	VitaPet Adult Dog Lamb & Rice Flavour	197-4/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ngô, khô đậu tương, bột phụ phẩm gia cầm, cám gạo, mỡ gà, Premix khoáng và vitamin, bột mì, gạo, bột sắn, màu thực phẩm, bột thịt cừu, chất chống ôxi hóa (BHA, BHT), chiết xuất cây Yucca. - Chỉ tiêu chất lượng: Protein thô $\geq 20,0$ %; ME $\geq 3.300,0$ Kcal/kg; chất béo thô $\geq 8,0$ %; xơ thô $\leq 5,0$ %; độ ẩm $\leq 12,0$ %; Canxi: 0,6 - 2,5 %; photpho: 0,5 - 1,6 %; Lysine $\geq 0,63$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,43$ %; Threonine $\geq 0,48$ %; khoáng tổng số $\leq 10,0$ %; cát sạn $\leq 0,5$ %. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli < 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,33$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh vị thịt cừu cho chó.	Dạng viên, màu pha trộn (trắng, nâu đậm).	Perfect Companion Group Co., Ltd.	Thailand	4/4/2022
1689	VitaPet Adult Dog Chicken Flavour	198-4/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ngô, sắn, bột phụ phẩm gia cầm, khô đậu tương, cám mì, mỡ gà, bột phụ phẩm gia cầm, muối (Natri chloride), premix khoáng và vitamin, chất chống ôxi hóa (BHA, BHT), màu thực phẩm, chiết xuất cây Yucca. - Chỉ tiêu chất lượng: Protein thô $\geq 20,0$ %; ME $\geq 3.300,0$ Kcal/kg; chất béo thô $\geq 8,0$ %; xơ thô $\leq 5,0$ %; độ ẩm $\leq 12,0$ %; Canxi: 0,6 - 2,5 %; photpho: 0,5 - 1,6 %; Lysine $\geq 0,63$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,43$ %; Threonine $\geq 0,48$ %; khoáng tổng số $\leq 10,0$ %; cát sạn $\leq 0,5$ %. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli < 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,33$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh vị thịt gà cho chó.	Dạng viên, màu pha trộn (trắng và nâu).	Perfect Companion Group Co., Ltd.	Thailand	4/4/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1690	VitaPet Kitten Nurturing Formula Fish & Egg Flavour	199-4/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ngô, khô đậu tương, bột phụ phẩm từ gà, bột Gulten ngô, mỡ gà, sắn, premix khoáng và vitamin, cám mì, bột trứng, bột cá, bột thay thế sữa, màu thực phẩm, chất chống ôxi hóa (BHA, BHT). - Chỉ tiêu chất lượng: Protein thô $\geq 30,0\%$; ME $\geq 3.000,0$ Kcal/kg; chất béo thô $\geq 9,0\%$; xơ thô $\leq 4,0\%$; độ ẩm $\leq 10,0\%$; Canxi: 1,0 - 2,0 %; phốt pho: 0,8 - 2,0 %; Lysine $\geq 1,2\%$; Methionine + Cystine $\geq 1,1\%$; Threonine $\geq 0,73\%$; khoáng tổng số $\leq 7,5\%$; cát sạn $\leq 0,5\%$. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli < 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Cd < 2,0 ppm; Hg < 0,33 ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh vị trứng và cá cho mèo.	Dạng viên, màu pha trộn (nâu, da cam).	Perfect Companion Group Co., Ltd.	Thailand	4/4/2022
1691	Alterion NE 20	211-4/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bacillus subtilis (DSM 29784), chất chống kết dính (Sodium alumino silicate, E554) và chất mang (Sucrose, bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: Bacillus subtilis $\geq 5,0 \times 10^8$ CFU/g - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Pb < 5,0 ppm; As < 2,0 ppm; Cd < 1,0 ppm; Hg < 0,1 ppm.	Bổ sung vi sinh vật có lợi (Bacillus subtilis) trong thức ăn chăn nuôi gia cầm, nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột, màu trắng.	Crown Pacific Biotechnology Pte, Ltd., Singapore (Sản xuất cho Adisseo Asia Pacific Pte, Ltd., Singapore).	Singapore	21/4/2022
1692	Jellybond	212-4/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: 100% Gelatin (chế biến từ các phụ phẩm trong sản xuất vỏ nhộng làm dược phẩm). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 8,0\%$; Độ kết dính: 14 ± 2 mPa.s; Protein thô $\geq 85,0\%$. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; As $\leq 3,0$ ppm; Hg $\leq 0,45$ ppm; Pb $\leq 4,5$ ppm; Cd $\leq 1,5$ ppm.	Gelatin, bổ sung chất kết dính trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu đỏ đến nâu.	KIC, Ltd.	Korea	3/5/2022
1693	Sustein	213-5/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Đạm đậu tương cô đặc (sản phẩm thu được từ hạt đậu tương sau khi đã tách vỏ, dầu, tinh bột). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Protein thô $\geq 62,0\%$; Chất béo $\geq 0,4\%$; Xơ thô $\leq 6,0\%$; Khoáng tổng số $\leq 6,5\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25g; E.coli không phát hiện trong 25g; Tổng số Aflatoxin (B1, B2, G1, G2) < 0.05mg/kg.	Đạm đậu tương cô đặc dùng bổ sung protein trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng.	Caramuru Alimentos S.A.	Brazil	3/5/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1694	Proplex DY	214-5/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Nấm men khô bất hoạt (<i>Saccharomyces cerevisiae</i>) thu được từ quá trình sản xuất Ethanol từ ngô. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein thô $\geq 46,0$ %; Béo thô $\leq 8,5$ %. - Chỉ tiêu an toàn: <i>E. coli</i> < 10 CFU/g; <i>Salmonella</i>: không phát hiện trong 25g; Pb $\leq 0,20$ ppm; Hg $\leq 0,04$ ppm; Cd $\leq 0,2$ ppm; As $\leq 0,2$ ppm; Aflatoxin B1 $\leq 20,0 \mu\text{g/kg}$.	Bổ sung protein trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu.	Archer Daniels Midland Company.	USA	3/5/2022
1695	Proplex T	215-5/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sinh khối lên men khô (sản phẩm phụ thu được từ quá trình lên men sản xuất axit amin Threonine). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 11,0$ %; Protein thô $\geq 74,0$ %; Béo thô $\leq 10,0$ %. - Chỉ tiêu an toàn: <i>E. coli</i> < 10 CFU/g; <i>Salmonella</i>: không phát hiện trong 25g; Pb $\leq 0,20$ ppm; Hg $\leq 0,04$ ppm; Cd $\leq 0,2$ ppm; As $\leq 0,2$ ppm; Aflatoxin B1 $\leq 20,0 \mu\text{g/kg}$.	Bổ sung protein trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu.	Archer Daniels Midland Company.	USA	3/5/2022
1696	Caromag	216-5/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ngó, Canxi carbonate, Magiê glycinate, Natri chloride, bột mì, dầu hạt cải, premix (vitamin A, vitamin E, vitamin C, vitamin B1, Beta Carotene và Biotin). - Chỉ tiêu chất lượng (trong 1,0 kg sản phẩm): Độ ẩm $\leq 8,6$%; Protein thô: 113,0 - 138,0 g; Khoáng tổng số: 351,0 - 429,0 g; Canxi: 68,0 - 83,0 g; Natri: 36,0 - 44,0 g; Magiê: 23,0 - 28,0 g; Vitamin A: 800.000,0 - 1.200.000,0 IU; Vitamin E: 6.400,0 - 9.600,0 mg; Vitamin C: 800,0 - 1.200,0 mg; Vitamin B1: 256,0 - 384,0 mg; Beta carotene: 5.600,0 - 8.400,0 mg; Biotin: 0,8 - 1,2 mg. - Chỉ tiêu an toàn: <i>E. coli</i> < 10 CFU/g; <i>Salmonella</i>: không phát hiện trong 25g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung premix vitamin và khoáng trong thức ăn bò sữa.	Dạng bột, màu trắng.	H.W. Schaumann Eilsleben GmbH.	Germany	3/5/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1697	Kalbi-Lyt	217-5/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Glucose, Natri bicarbonat, Natri chloride, Kali chloride, Glycerin, premix (Vitamin A, Vitamin D3, Vitamin E, Sodium Selenite, Lactobacillus rhamnosus DSM 7133, Enterococcus faecium DSM 7134, axit Citric). - Chỉ tiêu chất lượng (trong 1,0 kg sản phẩm): Độ ẩm $\leq 3,5\%$; Glucose: 570,0 - 630,0 g; Khoáng tổng số: 200,0 - 221,0 g; Vitamin A: 570.000,0 - 630.000,0 I.U; Vitamin D3: 38.000,0 - 42.000,0 I.U; Vitamin E: 1.330,0 - 1.470,0 mg; Selenium: 8,6 - 9,5 mg; Enterococcus faecium $\geq 2,8 \times 10^9$ CFU; Lactobacillus rhamnosus $\geq 1,2 \times 10^9$ CFU; axit Citric: 57,0 - 63,0 g; Kali: 5,2 - 6,4 g. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli < 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung premix vitamin, khoáng và probiotic cho bê.	Dạng bột, màu trắng.	H.W. Schaumann Eilsleben GmbH.	Germany	3/5/2022
1698	Calcium Iodate Monohydrate	227-5/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Calcium Iodate Monohydrate ($\text{Ca}(\text{IO}_3)_2 \cdot \text{H}_2\text{O}$) $\geq 99,5\%$. - Chỉ tiêu chất lượng: Iốt (I) $\geq 62,0\%$; Độ ẩm $\leq 0,5\%$. - Chỉ tiêu an toàn: Cd $\leq 2,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 4,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung Iốt (I) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng đến màu trắng ngà.	Calibre Chemicals Pvt., Ltd.	India	5/5/2022
1699	Strotease SP 100	218-5/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Enzyme Protease (từ Aspergillus niger) và chất mang (tinh bột ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Protease $\geq 15.000,0$ U/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Aflatoxin B1 $\leq 1,0$ ppb; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung enzyme Protease có lợi đường tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu vàng nhạt	Beijing Strowin Biology Science and Technology Co., Ltd.	China	4/5/2022
1700	Strogo F	219-5/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Enzyme Glucose oxidase (từ Penicillium notatum) và chất mang (tinh bột ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Glucose oxidase $\geq 1.500,0$ U/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Aflatoxin B1 $\leq 1,0$ ppb; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung enzyme Glucose oxidase có lợi đường tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu vàng nhạt	Beijing Strowin Biology Science and Technology Co., Ltd.	China	4/5/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1701	Strogo D	220-5/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Enzyme Glucose oxidase (từ <i>Penicillium notatum</i>) và chất mang (Maltodextrin). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Glucose oxidase $\geq 200,0$ U/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Aflatoxin B1 $\leq 1,0$ ppb; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung enzyme Glucose oxidase có lợi đường tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu vàng nhạt	Beijing Strowin Biology Science and Technology Co., Ltd.	China	4/5/2022
1702	Sunmicell	221-5/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Enzyme Beta-Mannanase (từ <i>Bacillus subtilis</i>) và chất mang (tinh bột ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Beta-Mannanase $\geq 3.000,0$ U/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Aflatoxin B1 $\leq 1,0$ ppb; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung enzyme Beta-Mannanase có lợi đường tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu vàng nhạt	Beijing Strowin Biology Science and Technology Co., Ltd.	China	4/5/2022
1703	Strophase 85	222-5/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Enzyme Phytase (từ <i>Aspergillus niger</i>) và chất mang (tinh bột ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Phytase $\geq 5.000,0$ U/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Aflatoxin B1 $\leq 1,0$ ppb; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung enzyme Phytase có lợi đường tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu vàng nhạt	Beijing Strowin Biology Science and Technology Co., Ltd.	China	4/5/2022
1704	Strophase 80	223-5/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Enzyme Phytase (từ <i>Aspergillus niger</i>) và chất mang (tinh bột ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Phytase $\geq 10.000,0$ U/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Aflatoxin B1 $\leq 1,0$ ppb; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung enzyme Phytase có lợi đường tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu vàng nhạt	Beijing Strowin Biology Science and Technology Co., Ltd.	China	4/5/2022
1705	Strophase A	224-5/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Enzyme Phytase (từ <i>Aspergillus niger</i>) và chất mang (tinh bột ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Phytase $\geq 1.000,0$ U/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Aflatoxin B1 $\leq 1,0$ ppb; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung enzyme Phytase có lợi đường tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu vàng nhạt	Beijing Strowin Biology Science and Technology Co., Ltd.	China	4/5/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1706	Stropase	225-5/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Enzyme Lipase (từ <i>Aspergillus niger</i>) và chất mang (tinh bột ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Lipase $\geq 20.000,0$ U/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: <i>E.coli</i> < 10 CFU/g; <i>Salmonella</i> không phát hiện trong 25g; Aflatoxin B1 $\leq 1,0$ ppb; Pb $< 5,0$ ppm; As $< 2,0$ ppm; Cd $< 0,5$ ppm.	Bổ sung enzyme Lipase có lợi đường tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu vàng nhạt	Beijing Strowin Biology Science and Technology Co., Ltd.	China	4/5/2022
1707	Strozyme S600	226-5/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Enzyme Beta-Mannanase (từ <i>Bacillus subtilis</i>), Enzyme Xylanase (từ <i>Trichoderma longbrachitum</i>) và chất mang (tinh bột ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Xylanase $\geq 20.000,0$ U/g; Beta-Mannanase $\geq 1.000,0$ U/g - Chỉ tiêu vệ sinh: <i>E.coli</i> < 10 CFU/g; <i>Salmonella</i> không phát hiện trong 25g; Aflatoxin B1 $\leq 1,0$ ppb; Pb $< 5,0$ ppm; As $< 2,0$ ppm; Cd $< 0,5$ ppm.	Bổ sung các enzyme (Xylanase, Beta-Mannanase) có lợi đường tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu vàng nhạt	Beijing Strowin Biology Science and Technology Co., Ltd.	China	4/5/2022
1708	Herb-All Calm	228-5/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp bột thực vật (2,4 %) (cây <i>Ocimum sanctum</i> , rễ cây <i>Withania somnifera</i>); các chất mang (97,6%) (bột cây <i>Mangifera indica</i> , <i>Emblica officinalis</i> và chất xơ từ loại hạt vỏ cứng). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0\%$; xơ thô $\leq 23,8\%$; khoáng tổng số $\leq 11,5\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: <i>Salmonella</i> không phát hiện trong 25g, <i>E.coli</i> < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung hỗn hợp thảo dược (cây <i>Ocimum sanctum</i> , rễ cây <i>Withania somnifera</i>) trong thức ăn cho gia súc, gia cầm nhằm cải thiện trao đổi chất và khả năng miễn dịch.	Dạng bột, màu xanh đến nâu nhạt.	LifeCircle Nutrition AG.	Switzerland	5/5/2022
1709	Herb-All Cocc-X	229-5/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp bột thực vật (1,5 %) (vỏ cây <i>Holarrhena antidysenterica</i> , củ <i>Allium sativum</i>); các chất mang (98,5%) (bột cây <i>Ficus religiosa</i> , <i>Berberis aristata</i> , <i>Embelia ribes</i> , <i>Azadirachta indica</i> và chất xơ từ loại hạt vỏ cứng). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0\%$; khoáng tổng số $\leq 7,8\%$; xơ thô $\leq 24,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: <i>Salmonella</i> không phát hiện trong 25g, <i>E.coli</i> < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Pb $< 10,0$ ppm; Hg $< 0,1$ ppm.	Bổ sung hỗn hợp thảo dược (vỏ cây <i>Holarrhena antidysenterica</i> , củ <i>Allium sativum</i>) trong thức ăn cho gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa.	Dạng bột, màu xanh đến nâu nhạt.	LifeCircle Nutrition AG.	Switzerland	5/5/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1710	Herb-All Gut	230-5/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp bột thực vật (4,5 %) (vỏ cây Holarrhena antidysenterica, vỏ cây Ficus religiosa); các chất mang (95,5%) (bột cây Acacia nilotica, Cyperus rotundus, Aegle marmelos và chất xơ từ loại hạt vỏ cứng). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0$ %; khoáng tổng số $\leq 9,8$ %; xơ thô $\leq 20,2$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25g, E.coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Pb < 10,0 ppm; Hg < 0,1 ppm.	Bổ sung hỗn hợp thảo dược (vỏ cây Holarrhena antidysenterica, vỏ cây Ficus religiosa) trong thức ăn cho gia súc, gia cầm nhằm cải thiện hệ vi sinh đường tiêu hóa.	Dạng bột, màu xanh đến nâu xám.	LifeCircle Nutrition AG.	Switzerland	5/5/2022
1711	Herb-All Liver	231-5/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp bột thực vật (2,7 %) (cây Andrographis paniculata, thân cây Tinospora cordifolia); các chất mang (97,3 %) (bột cây Helicteres isora, Achyranthes aspera, Azadirachta indica, Piper longum và chất xơ từ loại hạt vỏ cứng). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0$ %; khoáng tổng số $\leq 11,0$ %; xơ thô $\leq 23,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25g, E.coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung hỗn hợp thảo dược (cây Andrographis paniculata, thân cây Tinospora cordifolia) trong thức ăn cho gia súc, gia cầm nhằm cải thiện chức năng gan.	Dạng bột, màu xanh đến nâu xám.	LifeCircle Nutrition AG.	Switzerland	5/5/2022
1712	Herb-All Worm	232-5/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp bột thực vật (4,2 %) (thân cây Berberis aristata, thân rễ cây Curcuma longa); các chất mang (95,8 %) (bột cây Azadirachta indica, Embelia ribes, Pongamia glabra và chất xơ từ loại hạt vỏ cứng). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0$ %; khoáng tổng số $\leq 10,0$ %; xơ thô $\leq 23,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25g, E.coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Pb < 10,0 ppm; Hg < 0,1 ppm.	Bổ sung hỗn hợp thảo dược (thân cây Berberis aristata, thân rễ cây Curcuma longa) trong thức ăn cho gia súc, gia cầm nhằm kiểm soát ký sinh trùng đường tiêu hóa.	Dạng bột, màu xanh đến nâu xám.	LifeCircle Nutrition AG.	Switzerland	5/5/2022
1713	Levucell SB10ME Titan	233-5/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Saccharomyces cerevisiae (CNCM I-1079) và axit Stearic và axit Palmitic. - Chỉ tiêu chất lượng: Saccharomyces cerevisiae (CNCM I-1079) $\geq 1,0 \times 10^{10}$ CFU/g - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Pb < 5,0 ppm; Cd < 0,5 ppm; As < 2,0 ppm; Cd < 0,5 ppm; Hg < 0,1 ppm..	Bổ sung vi sinh vật có lợi trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu be đến xám.	F.X Wieninger GmbH., Germany (Sản xuất cho Lallemand SAS., France)	Germany	8/5/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1714	EKO RVB Mais Pro	234-5/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ngô, lúa mạch đen, cỏ alfafa, lúa mì, khô đậu nành, lúa mì lai lúa mạch đen (Triticale), đậu Lupins, lúa mạch, yến mạch, khô dầu hướng dương, rỉ mật đường, bột đá, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 14,0\%$; Protein thô (CP) $\geq 14,78\%$; Béo thô (Fat) $\geq 3,2\%$; Xơ thô (CF) $\leq 9,0\%$; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 6,0\%$; NDF $\leq 45,0\%$; ADF $\leq 35,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $< 1,0$ ppm; Hg $< 0,05$ ppm.	Thức ăn tinh hỗn hợp cho bò sữa	Dạng viên, màu nâu vàng hoặc nâu xanh	Van Gorp Biologische Voeder B.V.	The Netherlands	8/5/2022
1715	EKO Rundv Produktie	235-5/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ngô, lúa mạch đen, cỏ alfafa, lúa mì, khô đậu nành, lúa mì lai lúa mạch đen (Triticale), đậu Lupins, lúa mạch, yến mạch, khô dầu hướng dương, rỉ mật đường, bột đá, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 14,0\%$; Protein thô (CP) $\geq 14,78\%$; Béo thô (Fat) $\geq 3,2\%$; Xơ thô (CF) $\leq 9,0\%$; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 6,3\%$; NDF $\leq 45,0\%$; ADF $\leq 35,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $< 1,0$ ppm; Hg $< 0,05$ ppm.	Thức ăn tinh hỗn hợp cho bò sữa	Dạng viên, màu nâu vàng hoặc nâu xanh	Van Gorp Biologische Voeder B.V.	The Netherlands	8/5/2022
1716	EKO Baby Kalverkorrel	236-5/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ngô, lúa mạch đen, cỏ alfafa, lúa mì, khô đậu nành, lúa mì lai lúa mạch đen (Triticale), đậu Lupins, lúa mạch, yến mạch, khô dầu hướng dương, rỉ mật đường, bột đá, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 14,0\%$; Protein thô (CP) $\geq 14,78\%$; Béo thô (Fat) $\geq 3,2\%$; Xơ thô (CF) $\leq 9,0\%$; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 7,8\%$; NDF $\leq 45,0\%$; ADF $\leq 35,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $< 1,0$ ppm; Hg $< 0,05$ ppm.	Thức ăn tinh hỗn hợp cho bò sữa	Dạng viên, màu nâu vàng hoặc nâu xanh	Van Gorp Biologische Voeder B.V.	The Netherlands	8/5/2022
1717	Fuzzy White Cottonseed	237-5/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: 100% hạt bông. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 11,0\%$; Protein $\geq 18,0\%$; chất béo thô $\geq 14,0\%$. - Chỉ tiêu an toàn: Tổng Aflatoxin (B1, B2, G1, G2) $\leq 20,0$ ppb; axit béo tự do $\leq 5,0\%$.	Hạt bông, dùng làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi gia súc.	Dạng hạt, màu nâu.	Demeter Cormack Pty Ltd.	Australia	8/5/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1718	AD3E Power	238-5/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin A, Vitamin D3, Vitamin E, Polysorbate 80, Sorbitol, Monopropylene Glycol, Buthyl Hydroxyl Toluence, Citric Acid, Potassium Sorbate, chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 lít): Vitamin A $\geq$ 90.000.000,0 IU; Vitamin D3 $\geq$ 18.000.000,0 IU; Vitamin E $\geq$ 18.000,0 IU. - Chỉ tiêu vệ sinh: Tổng vi khuẩn hiếu khí $\leq$ 102 CFU/ml; Nấm men và nấm mốc $\leq$ 10 CFU/ml; E.coli $<$ 10 CFU/ml.	Bổ sung vitamin A, D ₃ , E cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu vàng.	Artimon	France	15/5/2022
1719	Anivit	239-5/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sorbitol Syrup, Choline Chloride, Betain, Vitamin B3, Vitamin B6, chất tạo mùi, Potassium Sorbate, chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 lít): Sorbitol $\geq$ 234,0 g; Choline $\geq$ 120,6 g; Betain $\geq$ 54,0 g; Vitamin B3 $\geq$ 21,6 g; Vitamin B6 $\geq$ 10,8 g. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli $<$ 10 CFU/ml; Tổng vi khuẩn hiếu khí $\leq$ 10² CFU/ml; Nấm men và nấm mốc $\leq$ 10 CFU/ml.	Bổ sung Sorbitol, Choline, Betain và vitamin cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu vàng.	Artimon	France	15/5/2022
1720	Apetor	240-5/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Dextrose, Sodium Chloride, Monopotassium Phosphate, Potassium Citrate, Betain, Sodium Benzoate, Riboflavin Phosphate, Citric Acid, Sodium Hydroxide, chất tạo mùi, chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 lít): Natri (Na): 18,1 - 26,1 g; Kali (K): 8,1 - 11,7 g; Photpho (P): 6,1 - 8,8 g; Betain: 20,2 - 29,3 g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Chì $\leq$ 10,0 ppm; As $\leq$ 4,0 ppm; Cd $\leq$ 0,5 ppm; Hg $\leq$ 0,1 ppm; Tổng vi khuẩn hiếu khí $\leq$ 10² CFU/ml.	Bổ sung các chất điện giải, Betain cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu vàng.	Artimon	France	15/5/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1721	Artipig	241-5/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Polysorbate 80, Vitamin A, Vitamin D3, Vitamin E, Medium Chain Triglycerides (MCT), Butylated Hydroxytoluene (BHT), Vitamin B1, Vitamin B12, Vitamin C, Vitamin K3, Potassium Sorbate, L-Lysine, Methionine Hydroxy Analog (MHA), Clostrum, chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 lít): MCT $\geq$ 529,2 g; Colostrum (IgG) $\geq$ 5,5g; Lysine $\geq$ 2,7 g; MHA $\geq$ 1,8 g; Vitamin A $\geq$ 900.000,0 IU; Vitamin D3 $\geq$ 90.000,0 IU; Vitamin E $\geq$ 360,0 mg; Vitamin B1 $\geq$ 8,0 mg; Vitamin B12 $\geq$ 16,0 mg; Vitamin C $\geq$ 80,0 mg; Vitamin K3 $\geq$ 4,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Tổng vi khuẩn hiếu khí $\leq$ 102 CFU/ml; Nấm men và nấm mốc $\leq$ 10 CFU/ml; E.coli $<$ 10 CFU/ml.	Bổ sung premix vitamin, axit amin và sữa đầu cho lợn con.	Dạng lỏng, màu hồng nhạt.	Artimon	France	15/5/2022
1722	DH Acid BCV	242-5/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Formic acid, Phosphoric acid, Citric acid, Benzoic acid, Sodium benzoate, Calcium hydroxide. - Chỉ tiêu chất lượng: Axit Benzoic $\geq$ 34,9 %; axit Formic $\geq$ 30,0 %; axit Citric $\geq$ 4,0 %; axit Phosphoric $\geq$ 2,5 %; Canxi (Ca): 14,0 - 19,0 %; Natri (Na): 4,0 - 9,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq$ 10,0 ppm; As $\leq$ 3,0 ppm; Cd $\leq$ 1,0 ppm; Hg $\leq$ 0,1 ppm.	Bổ sung hỗn hợp axit hữu cơ, muối axit hữu cơ, axit vô cơ trong thức ăn chăn nuôi lợn nhằm kiểm soát vi khuẩn có hại.	Dạng hạt mịn, màu trắng.	FF Chemicals B.V.	The Netherlands	15/5/2022
1723	Kalbi - Ferm	243-5/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin (A, D3, E, C, B2, B12), Sodium selenite, beta-carotene, Lactobacillus rhamnosus, Enterococcus faecium, phụ gia và chất mang (Glucose, magnesium oxide, colostrum, propylene glycol). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1 kg): Vitamin A $\geq$ 32.000.000,0 IU; vitamin D3 $\geq$ 32.000,0 IU; vitamin E $\geq$ 9.600,0 mg; vitamin C $\geq$ 4.800,0 mg; vitamin B2 $\geq$ 240,0 mg; vitamin B12 $\geq$ 880,0 µg; Selen (Se): 8,0 - 12,0 mg; Beta-carotene $\geq$ 1,600 mg; Magie (Mg): 18,0 - 22,0 g; Lactobacillus rhamnosus $\geq$ 4,8$\times$10⁹ CFU; Enterococcus faecium $\geq$ 11,2$\times$10⁹ CFU. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25g, E.coli $<$ 10 CFU/g; As $\leq$ 2,0 ppm; Pb $\leq$ 5,0 ppm; Hg $\leq$ 0,1 ppm.	Bổ sung premix vitamin, Selen và vi khuẩn có lợi cho bê.	Dạng bột, màu trắng.	H.W. Schaumann Eilsleben GmbH	Germany	15/5/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1724	Rumivital I Top	244-5/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Rỉ mật củ cải, bột mì, phụ phẩm lên men giàu protein, dầu hạt cải. - Chỉ tiêu chất lượng: Protein $\geq 11,4\%$; Mỡ thô $\geq 2,9\%$; Xơ thô $\leq 12,6\%$; Khoáng tổng số $\leq 19,2\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25g, E.coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Hỗn hợp thức ăn tinh, bổ sung cho gia súc nhai lại.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	H.W. Schaumann Eilsleben GmbH	Germany	15/5/2022
1725	Schaumalac Feed Protect XP Plus Granulat	245-5/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp vi khuẩn lactic (1k2079 Lactobacillus plantarum, 1k2103 Pediococcus pentosaceus, 1k2082 Lactococcus lactis) và chất mang (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: Tổng vi khuẩn lactic (Lactobacillus plantarum, Pediococcus pentosaceus, Lactococcus lactis) $\geq 4,0 \times 10^{11}$ CFU/g; Độ ẩm $\leq 5,5\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25g, E.coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Hỗn hợp vi khuẩn lactic có lợi, dùng để lên men thức ăn cho lợn.	Dạng hạt, màu xám.	Schaumann Taufkirchen GmbH & Co KG	Austria	15/5/2022
1726	Schaumalac Feed Protect XP Granulat	246-5/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp vi khuẩn lactic (1k2079 Lactobacillus plantarum, 1k2103 Pediococcus pentosaceus, 1k2082 Lactococcus lactis) và chất mang (Sodium benzoate và bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: Tổng vi khuẩn lactic (Lactobacillus plantarum, Pediococcus pentosaceus, Lactococcus lactis) $\geq 4,0 \times 10^{11}$ CFU/g; Độ ẩm $\leq 5,5\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25g, E.coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Hỗn hợp vi khuẩn lactic có lợi, dùng để lên men thức ăn cho lợn	Dạng hạt, màu trắng.	Schaumann Taufkirchen GmbH & Co KG	Austria	15/5/2022
1727	Windflavor 3019	247-5/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ethyl butyrate, Ethyl vanillin, axit Butyric và chất mang (silicon dioxide, calcium carbonate). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 8,0\%$; Ethyl butyrate $\geq 0,1\%$; Ethyl vanillin $\geq 1,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 3,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung chất tạo mùi trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng hoặc hồng nhạt	Interflavor (Zhongshan) Flavours Co, Ltd.	China	15/5/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1728	Harv-con NT	248-5/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Disodium 5'-guanylate; Disodium 5'-inosinate và chất mang (silicon dioxide). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 8,0\%$; Disodium 5'-guanylate $\geq 5,0\%$; Disodium 5'-inosinate $\geq 5,5\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 3,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung chất tạo mùi trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng hoặc vàng nhạt	Interflavor (Zhongshan) Flavours Co, Ltd.	China	15/5/2022
1729	Lactic LD	249-5/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit Lactic và chất mang (silicon dioxide). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 13,0\%$; Axit Lactic $\geq 20,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Pb $\leq 30,0$ ppm; As $\leq 10,0$ ppm; Flourine $\leq 1.000,0$ ppm.	Bổ sung axit hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột hoặc hạt nhỏ mịn, màu trắng xám	Greencore Feed Science & Technology Co, Ltd.	China	15/5/2022
1730	Poultry - AD	250-5/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit Phosphoric và chất mang (silicon dioxide). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 13,0\%$; Axit Phosphoric $\geq 20,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Pb $\leq 30,0$ ppm; As $\leq 10,0$ ppm; Flourine $\leq 1.000,0$ ppm.	Bổ sung axit trong thức ăn chăn nuôi nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột hoặc hạt nhỏ mịn, màu trắng xám	Greencore Feed Science & Technology Co, Ltd.	China	15/5/2022
1731	Benzoic AD	251-5/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit Benzoic và chất mang (silicon dioxide). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 13,0\%$; Axit Benzoic $\geq 40,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Pb $\leq 30,0$ ppm; As $\leq 10,0$ ppm; Flourine $\leq 1.000,0$ ppm.	Bổ sung axit hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột hoặc hạt nhỏ mịn, màu trắng	Greencore Feed Science & Technology Co, Ltd.	China	15/5/2022
1732	Citric AD	252-5/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit Citric và nước. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Axit Citric $\geq 90,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Pb $\leq 30,0$ ppm; As $\leq 10,0$ ppm; Flourine $\leq 1.000,0$ ppm.	Bổ sung axit hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột hoặc hạt nhỏ mịn, màu trắng xám	Greencore Feed Science & Technology Co, Ltd.	China	15/5/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1733	Bact Acid FLA Solid	253-5/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit Formic, axit Lactic, axit Acetic, axit Citric, axit Phốtphoric, Canxi hydroxit, chất chống vón (SiO₂). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm ≤ 14,5 %; axit Formic ≥ 32,0 %; axit Lactic ≥ 6,5 %; axit Acetic ≥ 8,5 %; axit Citric ≥ 6,5 %; Axit Phốtphoric ≥ 2,7 %; Canxi (Ca): 21,0 - 26,0 %. - Chỉ tiêu an toàn: Cd ≤ 2,0 ppm; As ≤ 3,0 ppm; Pb ≤ 5,0 ppm; Hg ≤ 0,5 ppm.	Bổ sung hỗn hợp axit (Formic, Lactic, Citric, Acetic và Phosphoric) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm kiểm soát vi sinh vật có hại.	Dạng bột hoặc hạt, màu trắng.	FF Chemicals B.V	the Netherlands	15/5/2022
1734	FF Antimould 64 PB+	254-5/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit Propionic, Ammonium Propionate, axit Benzoic, chất tạo bề mặt (Glyceryl- Polyethylene glycolricinoleate - E484), nước. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm ≤ 31,0 %; axit Propionic ≥ 17,0 %; axit Benzoic ≥ 4,5 %. - Chỉ tiêu an toàn: Cd ≤ 3,0 ppm; As ≤ 3,0 ppm; Pb ≤ 5,0 ppm; Hg ≤ 0,5 ppm.	Bổ sung axit hữu cơ, muối axit hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm kiểm soát nấm mốc.	Dạng lỏng, màu vàng nhạt.	FF Chemicals B.V	the Netherlands	15/5/2022
1735	YSP Bio Max Premix Powder	255-5/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Lactobacillus ssp. (Lactobacillus acidophilus và Lactobacillus bulgaricus), các chất phụ gia và chất mang (khô dầu đậu tương, ri mật, trích xuất nấm men, glucose). - Chỉ tiêu chất lượng: Tổng vi khuẩn lactic (Lactobacillus acidophilus và Lactobacillus bulgaricus) ≥ 109 CFU/g; Độ ẩm < 12,0 %. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli: không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Tổng Aflatoxin (B1, B2, G1, G2) ≤ 20,0 ppb.	Bổ sung vi khuẩn có lợi Lactobacillus trong thức ăn chăn nuôi lợn và gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa.	Dạng bột, màu nâu sẫm.	Sun Yeast Biotech Co., Ltd.	Taiwan	15/5/2022
1736	YSP Bio Max Solution	256-5/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Lactobacillus ssp. (Lactobacillus acidophilus và Lactobacillus bulgaricus), các chất phụ gia và chất mang (ri mật, trích xuất nấm men, glucose, nước). - Chỉ tiêu chất lượng: Tổng vi khuẩn lactic (Lactobacillus acidophilus và Lactobacillus bulgaricus) ≥ 109 CFU/ml. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli: không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Tổng Aflatoxin (B1, B2, G1, G2) < 20,0 ppb.	Bổ sung vi khuẩn có lợi Lactobacillus trong nước uống cho lợn và gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa.	Dạng lỏng, màu nâu sẫm.	Sun Yeast Biotech Co., Ltd.	Taiwan	15/5/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1737	Nutri-Ferm	257-5/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: chiết xuất lên men từ nấm Aspergillus, chất mang (cám mì). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 5,0\%$; Protein thô $\geq 12,0\%$; xơ thô $\geq 7,5\%$; béo thô $\geq 1,5\%$; khoáng tổng số $\leq 15,0\%$. - Chỉ tiêu an toàn: Salmonella: không phát hiện trong 25g; As $\leq 4,0$ mg/kg; Pb $\leq 10,0$ mg/kg; Cd $\leq 0,5$ mg/kg; Hg $< 0,1$ mg/kg.	Bổ sung chiết xuất lên men từ nấm Aspergillus hỗ trợ tiêu hóa cho bò sữa.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	Nutri-Ad International NV.	Belgium	18/5/2022
1738	Nutri-Chol 25C	258-5/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Choline chloride, dầu cọ, chất chống vón (silicic acid), chất mang (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Choline $\geq 167.900,0$ mg/kg. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli: không phát hiện trong 25g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; As $\leq 4,0$ mg/kg; Pb $\leq 10,0$ mg/kg; Cd $\leq 0,5$ mg/kg; Hg $\leq 0,1$ mg/kg.	Bổ sung Choline trong thức ăn bò thịt, bò sữa.	Dạng hạt nhỏ, màu be.	Nutri-Ad International NV.	Belgium	18/5/2022
1739	Nutri-PP 50C	259-5/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Niacin, dầu cọ, chất mang (Calcium carbonate). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 5,0\%$; Niacin (Vitamin B3) $\geq 450.000,0$ mg/kg. - Chỉ tiêu an toàn: Salmonella: không phát hiện trong 25g; As $\leq 4,0$ mg/kg; Pb $\leq 10,0$ mg/kg; Cd $\leq 0,5$ mg/kg; Hg $< 0,1$ mg/kg.	Bổ sung Niacin trong thức ăn gia súc nhai lại.	Dạng hạt nhỏ, màu trắng.	Nutri-Ad International NV.	Belgium	18/5/2022
1740	Axtra XB 201 TPT	260-5/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Endo-1,4-beta-xylanase, Endo-1,3(4)-beta-glucanase, các chất phụ gia và chất mang (Natri snphate, Poly-vinyl alcohol, tinh bột, Hydrated magie silicate, Sucrose). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 2,0\%$; Endo-1,4-beta-xylanase $\geq 12.200,0$ U/g; Endo-1,3(4)-beta-glucanase $\geq 1.520,0$ U/g; - Chỉ tiêu an toàn: Salmonella: không phát hiện trong 25g; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung enzyme tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi lợn và gia cầm.	Dạng hạt mịn, màu trắng ngà đến nâu nhạt.	Genencor International Oy.	Finland	18/5/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1741	Mycofix Plus 5.0	261-5/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Biomin BBSH 797, FUMzyme, Biomin MTV, tảo biển, nấm men bất hoạt, chất tạo mùi và chất mang (Bentonite, Diatomaceous earth). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0\%$; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 67,0\%$; SiO₂: 30,0 - 50,0 %; Chủng vi khuẩn thuộc họ Coriobacteriaceae (Biomin BBSH 797) $\geq 2,5 \times 10^9$ CFU/kg; Fumonisin esterase (FUMzyme) $\geq 3,0 \times 10^4$ Units/kg; T. Mycotoxinivorans (Biomin MTV) $\geq 5,0 \times 10^{10}$ CFU/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Pb $\leq 200,0$ ppm; As $\leq 12,0$ ppm; Hg $\leq 0,2$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm.	Bổ sung chất hấp phụ độc tố nấm mốc trong thức ăn gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu xám be	Biomin Singapore Pte, Ltd.	Singapore	17/5/2022
1742	Mycofix Select 5.0	262-5/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Biomin BBSH 797, FUMzyme, tảo biển, nấm men bất hoạt, chất tạo mùi và chất mang (Bentonite, Diatomaceous earth). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0\%$; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 90,0\%$; SiO₂: 40,0 - 60,0 %; Chủng vi khuẩn thuộc họ Coriobacteriaceae (Biomin BBSH 797) $\geq 2,5 \times 10^9$ CFU/kg; Fumonisin esterase (FUMzyme) $\geq 3,0 \times 10^4$ Units/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Pb $\leq 200,0$ ppm; As $\leq 12,0$ ppm; Hg $\leq 0,2$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm.	Bổ sung chất hấp phụ độc tố nấm mốc trong thức ăn gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu xám be	Biomin Singapore Pte, Ltd.	Singapore	17/5/2022
1743	Sal Curb K2 Liquid	263-5/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các axit hữu cơ (Formic, Lactic), các muối của axit hữu cơ (Ammonium Formate, Ammonium Lactate), chất hoạt động bề mặt (Polyoxyethylene sorbitan fatty acids ester), chất tạo mùi (Cinnamic aldehyde), chất chống oxi hoá (BHA) và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng: Axit Formic $\geq 50,0\%$; Axit Lactic $\geq 6,0\%$; Axit Propionic $\geq 8,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 30,0$ ppm; As $\leq 30,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm; Cd $\leq 10,0$ ppm.	Bổ sung hỗn hợp axit hữu cơ và muối của axit hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm kiểm soát sự phát triển của nấm mốc.	Dạng lỏng, màu nâu	Kemin Industries (Asia) Pte, Ltd.	Singapore	18/5/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1744	Kemtrace Chromium Dry 4,0 %	264-5/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chromium Propionate, axit Propionic, Sodium propionate, Polyoxyethylene sorbitan fatty acids ester, glycerol và chất mang (Silica). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 20,0$ %; Crôm (Cr): 4,0 - 5,5 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Pb $\leq 30,0$ ppm; As $\leq 30,0$ ppm; Hg < 1,0 ppm; Cd < 10,0 ppm.	Bổ sung Crôm (Cr) hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu xanh	Kemin Industries (Asia) Pte, Ltd.	Singapore	18/5/2022
1745	Dextrose Monohydrate	265-5/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Dextrose Monohydrate (tính theo VCK) $\geq 99,5$ %. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 9,5$ %; Dextrose (tính theo VCK) $\geq 99,5$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Pb $\leq 0,5$ ppm; As < 1,0 ppm.	Bổ sung Dextrose trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm.	Dạng hạt nhỏ mịn, màu trắng.	Luzhou Bio-Chem Technology (Shandong) Co, Ltd.	China	18/5/2022
1746	CTCGRO	266-5/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: 100% huyết tương lợn phun khô. - Chỉ tiêu chất lượng: Protein thô $\geq 60,0$ %; Mỡ thô $\leq 5,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 25,0$ %; Xơ thô $\leq 1,5$ %; Độ ẩm $\leq 10,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g.	Huyết tương lợn phun khô, dùng làm nguyên liệu bổ sung protein trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu vàng.	Puretein Agri LLC.	USA	23/5/2022
1747	Feed Additives Mixture Natural Xanthophyll Marigold Extract Nature Yellow	267-5/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất từ hoa cúc vạn thọ (Marigold Oleoresin), chất mang (Silica). - Chỉ tiêu chất lượng: Xanthophylls $\geq 2,0$ %; Độ ẩm $\leq 10,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; As $\leq 3,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Hg < 400,0 ppb; Cd < 1,0 ppm.	Bổ sung Xanthophylls từ chiết xuất hoa cúc vạn thọ trong thức ăn chăn nuôi gia cầm nhằm cải thiện màu vàng da và lòng đỏ trứng.	Dạng bột, màu vàng.	Shandong Zhiling Bio-Technology Co., Ltd.	China	23/5/2022
1748	Isomalto-oligosaccharide-900 (IMO-900)	268-5/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Isomalto-oligosaccharide. - Chỉ tiêu chất lượng: Isomalto-oligosaccharide $\geq 90,0$ %; độ ẩm $\leq 5,0$ %; khoáng tổng số $\leq 0,3$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g.	Bổ sung đường Isomalto-oligosaccharide (chất tạo ngọt) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	Baolingbao Biology Co., Ltd.	China	23/5/2022
1749	Crystalline Fructose	269-5/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Crystalline Fructose. - Chỉ tiêu chất lượng: Đường Fructose (tính trong vật chất khô) $\geq 98,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g.	Đường Fructose, dùng bổ sung trong thức ăn cho vật nuôi cảnh.	Dạng tinh thể, màu trắng.	Shandong Xiwang Sugar Industry Co., Ltd.	China	23/5/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1750	Intest-Plus C	270-5/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Canxi Butyrate, các chất phụ gia và chất mang (dầu thực vật, tinh bột mì). - Chỉ tiêu chất lượng: Axit Butyric $\geq 58,6\%$; Béo thô $\leq 3,0\%$. - Chỉ tiêu an toàn: As $< 4,0$ ppm; Cd $< 0,5$ ppm; Hg $< 0,1$ ppm; Pb $< 10,0$ ppm.	Bổ sung Canxi Butyrate trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa.	Dạng hạt, màu trắng kem.	Palital GmbH & Co. KG.	The Netherlands	25/5/2022
1751	Intest-Plus SC40	271-5/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Natri Butyrate, dầu thực vật. - Chỉ tiêu chất lượng: Axit Butyric $\geq 28,6\%$; Béo thô $\leq 60,0\%$. - Chỉ tiêu an toàn: As $< 4,0$ ppm; Cd $< 0,5$ ppm; Hg $< 0,1$ ppm; Pb $< 10,0$ ppm.	Bổ sung Natri Butyrate trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa.	Dạng hạt, màu trắng kem.	Palital GmbH & Co. KG.	The Netherlands	25/5/2022
1752	Intest-Plus Quattro	272-5/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Canxi Butyrate, Natri Butyrate, dầu thực vật. - Chỉ tiêu chất lượng: Axit Butyric $\geq 50,1\%$; Béo thô $\leq 27,0\%$. - Chỉ tiêu an toàn: As $< 4,0$ ppm; Cd $< 0,5$ ppm; Hg $< 0,1$ ppm; Pb $< 10,0$ ppm.	Bổ sung Canxi Butyrate và Natri Butyrate trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa.	Dạng hạt, màu trắng kem.	Palital GmbH & Co. KG.	The Netherlands	25/5/2022
1753	Lalsil Dry HC	273-5/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sản phẩm lên men Lactobacillus buchneri được làm khô, sản phẩm lên men Pediococcus acidilactici được làm khô, các chất hòa tan trong sản phẩm lên men Aspergillus niger được làm khô, các chất hòa tan trong sản phẩm lên men Trichoderma longibrachiatum được làm khô, chất mang và phụ gia (Lactose, Sodium aluminosilicate). - Chỉ tiêu chất lượng: Lactobacillus buchneri NCIMB 40788 (1k20739) $> 7,5 \times 10^{10}$ CFU/g; Pediococcus acidilactici CNCM MA 18/5M (1k2104) $> 5,0 \times 10^{10}$ CFU/g; Beta-glucanase $> 5750,0$ IU/g; Xylanase $> 30.000,0$ IU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25g, E.coli < 10 CFU/g; As $\leq 1,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Hỗn hợp vi khuẩn có lợi (Lactobacillus buchneri, Pediococcus acidilactici) và enzyme, dùng để ủ chua thức ăn thô xanh.	Dạng bột, màu trắng xám.	Lallemand Animal Nutrition UK Limited.	United Kingdom	25/5/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1754	Lalsil HDM HC	274-5/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sản phẩm lên men <i>Lactobacillus buchneri</i> được làm khô, sản phẩm lên men <i>Pediococcus acidilactici</i> được làm khô, các chất hòa tan trong sản phẩm lên men <i>Aspergillus niger</i> được làm khô, các chất hòa tan trong sản phẩm lên men <i>Trichoderma longibrachiatum</i> được làm khô, chất mang và phụ gia (Sucrose, Sodium aluminosilicate). - Chỉ tiêu chất lượng: <i>Lactobacillus buchneri</i> NCIMB 40788 $\geq 7,5 \times 10^{11}$ CFU/g; <i>Pediococcus acidilactici</i> CNCM MA 18/5M $\geq 5,0 \times 10^{10}$ CFU/g; Beta-glucanase $\geq 2930,0$ IU/g; Xylanase $\geq 15.300,0$ IU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: <i>Salmonella</i> không phát hiện trong 25g, <i>E.coli</i> < 10 CFU/g; As $\leq 1,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Hỗn hợp vi khuẩn có lợi (<i>Lactobacillus buchneri</i> , <i>Pediococcus acidilactici</i>) và enzyme, dùng để ủ chua thức ăn thô xanh.	Dạng bột, màu trắng xám.	Lallemand Animal Nutrition UK Limited.	United Kingdom	25/5/2022
1755	Lalsil Dry HC	275-5/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: sản phẩm lên men <i>Lactobacillus buchneri</i> được làm khô, sản phẩm lên men <i>Pediococcus acidilactici</i> được làm khô, các chất hòa tan trong sản phẩm lên men <i>Aspergillus niger</i> được làm khô, các chất hòa tan trong sản phẩm lên men <i>Trichoderma longibrachiatum</i> được làm khô, chất mang và phụ gia (Lactose, Sodium aluminosilicate). - Chỉ tiêu chất lượng: <i>Lactobacillus buchneri</i> NCIMB 40788 (1k20739) $> 7,5 \times 10^{10}$ CFU/g; <i>Pediococcus acidilactici</i> CNCM MA 18/5M (1k2104) $> 5,0 \times 10^{10}$ CFU/g; Beta-glucanase $> 5750,0$ IU/g; Xylanase $> 30.000,0$ IU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: <i>Salmonella</i> không phát hiện trong 25g, <i>E.coli</i> < 10 CFU/g; As $\leq 1,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Hỗn hợp vi khuẩn có lợi (<i>Lactobacillus buchneri</i> , <i>Pediococcus acidilactici</i>) và enzyme, dùng để ủ chua thức ăn thô xanh.	Dạng bột, màu trắng xám.	Lallemand Specialties Inc.	USA	25/5/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1756	Lalsil HDM HC	276-5/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sản phẩm lên men <i>Lactobacillus buchneri</i> được làm khô, sản phẩm lên men <i>Pediococcus acidilactici</i> được làm khô, các chất hòa tan trong sản phẩm lên men <i>Aspergillus niger</i> được làm khô, các chất hòa tan trong sản phẩm lên men <i>Trichoderma longibrachiatum</i> được làm khô, chất mang và phụ gia (Sucrose, Sodium aluminosilicate). - Chỉ tiêu chất lượng: <i>Lactobacillus buchneri</i> NCIMB 40788 $\geq 7,5 \times 10^{11}$ CFU/g; <i>Pediococcus acidilactici</i> CNCM MA 18/5M $\geq 5,0 \times 10^{10}$ CFU/g; Beta-glucanase $\geq 2930,0$ IU/g; Xylanase $\geq 15.300,0$ IU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: <i>Salmonella</i> không phát hiện trong 25g, <i>E.coli</i> < 10 CFU/g; As $\leq 1,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Hỗn hợp vi khuẩn có lợi (<i>Lactobacillus buchneri</i> , <i>Pediococcus acidilactici</i>) và enzyme, dùng để ủ chua thức ăn thô xanh.	Dạng bột, màu trắng xám.	Lallemand Specialties Inc.	USA	25/5/2022
1757	Cobalt Sulphate	277-5/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Cobalt (II) sulphate heptahydrate ($\text{CoSO}_4 \cdot 7\text{H}_2\text{O}$). - Chỉ tiêu chất lượng: $\text{CoSO}_4 \cdot 7\text{H}_2\text{O} \geq 99,0\%$ (tương đương với hàm lượng Coban (Co) $\geq 20,7\%$). - Chỉ tiêu vệ sinh: F $\leq 150,0$ ppm; As $\leq 30,0$ ppm; Cd $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 100,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung khoáng Coban vào cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng tinh thể, màu nâu đỏ.	Freeport Cobalt Oy	Finland	25/5/2022
1758	SFZYME	278-5/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Xylanase, Acid Protease, α-Amylase, β- Mannanase, Cellulase, β-Glucanase, chất mang (tinh bột ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Xylanase $\geq 15.000,0$ U/g; Acid Protease $\geq 5.000,0$ U/g; Anpha-Amylase $\geq 1.000,0$ U/g; Beta-Mannanase $\geq 1.200,0$ U/g; Cellulase $\geq 900,0$ U/g; Beta-Glucanase $\geq 1.500,0$ U/g; Độ ẩm $\leq 10,0\%$. - Chỉ tiêu an toàn: <i>E. coli</i> : không phát hiện trong 1g; <i>Salmonella</i>: không phát hiện trong 25g; Tổng Aflatoxin (B1, B2, G1, G2) $< 20,0$ ppb.	Bổ sung hỗn hợp enzyme tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng hạt, màu vàng nâu.	Jiangsu Yinong Bioengineering Co., Ltd.	China	30/5/2022
1759	XP 100	279-5/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Enzyme Protease, chất mang (tinh bột ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Protease $\geq 10.000,0$ U/g; Độ ẩm $\leq 10,0\%$. - Chỉ tiêu an toàn: <i>E. coli</i> : không phát hiện trong 1g; <i>Salmonella</i>: không phát hiện trong 25g; Tổng Aflatoxin (B1, B2, G1, G2) $< 20,0$ ppb.	Bổ sung enzyme Protease trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng hạt, màu Kaki (nâu vàng nhạt).	Jiangsu Yinong Bioengineering Co., Ltd.	China	30/5/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1760	PHOSMOR TT	280-5/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Enzyme Phytase, chất mang (tinh bột ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Phytase $\geq 10.000,0$ FTU/g; Độ ẩm $\leq 10,0$ %. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli : không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Tổng Aflatoxin (B1, B2, G1, G2) $< 20,0$ ppb.	Bổ sung enzyme Phytase trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng hạt nhỏ, màu trắng.	Jiangsu Yinong Bioengineering Co., Ltd.	China	30/5/2022
1761	Mouldblock 101	281-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các axit hữu cơ và muối của axit hữu cơ (Acetic, Propionic và Ammonium propionate), chất mang (Silica) - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 17,0$ %; Axit Acetic $\geq 4,0$ %; Axit Propionic $\geq 40,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 1,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung hỗn hợp axit hữu cơ và muối của axit hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm kiểm soát sự phát triển của nấm mốc.	Dạng bột, màu trắng đến trắng nhạt.	NuSana B.V.	The Netherlands	30/5/2022
1762	Mouldblock 201	282-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các axit hữu cơ và muối của axit hữu cơ (Acetic, Propionic và Ammonium propionate), chất mang (nước) - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 24,0$ %; Axit Acetic $\geq 4,0$ %; Axit Propionic $\geq 60,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 1,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung hỗn hợp axit hữu cơ và muối của axit hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm kiểm soát sự phát triển của nấm mốc.	Dạng lỏng, màu vàng nhạt.	NuSana B.V.	The Netherlands	30/5/2022
1763	Sanaphorce 104	283-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các axit hữu cơ và muối của axit hữu cơ (Benzoic, Citric, Calcium formate, Calcium Lactate), nước - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Axit Benzoic $\geq 10,0$ %; Axit Formic $\geq 40,0$ %; Axit Lactic $\geq 10,0$ %; Axit Citric $\geq 5,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 1,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung các axit hữu cơ trong thức ăn cho gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột, màu trắng đến trắng nhạt.	NuSana B.V.	The Netherlands	30/5/2022
1764	Sanaphorce 224	284-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các axit hữu cơ và muối của axit hữu cơ (Benzoic, Formic, Lactic, Propionic, Sodium formate), Copper sulfate, Zinc Sulfate và chất mang (nước) - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Axit Formic $\geq 55,0$ %; Axit Lactic $\geq 10,0$ %; Axit Propionic $\geq 4,0$ %; Axit Benzoic $\geq 0,1$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 1,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung các axit hữu cơ trong nước uống cho gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng lỏng, màu xanh.	NuSana B.V.	The Netherlands	30/5/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1765	Oregano Carvacrol I (Jinglian I)	285-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Tinh dầu thực vật (Carvacrol, Thymol) và chất mang (Silicon dioxide, béo hydro hóa). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Carvacrol $\geq 3,75\%$; Thymol $\geq 3,75\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 3,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung tinh dầu thực vật trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng hạt nhỏ mịn, màu vàng nhạt đến vàng.	Beijing Feedig Feed SCI. & TEC. Co, Ltd.	China	1/6/2022
1766	Oregano Carvacrol V (Jinglian V)	286-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Tinh dầu thực vật (Carvacrol, Thymol) và chất mang (Silicon dioxide, béo hydro hóa). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Carvacrol $\geq 1,5\%$; Thymol $\geq 1,5\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 3,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung tinh dầu thực vật trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng hạt nhỏ mịn, màu vàng nhạt đến vàng.	Beijing Feedig Feed SCI. & TEC. Co, Ltd.	China	1/6/2022
1767	Lutavit A 500 S NXT	287-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin A (Retinyl acetate), Glycerol 1-stearate, chất chống oxy hóa (BHT), chất chống kết dính (Axit Silicic) và chất mang (Lactose, Gelatine). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 3,0\%$; Vitamin A Acetate $\geq 500.000,0$ IU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli không phát hiện trong 1 g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung Vitamin A Acetate trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	BASF SE.	Germany	1/6/2022
1768	Lutavit A 1000 NXT	288-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin A (Retinyl acetate), Butylated hydroxytoluene (BHT), Disodium hydrogen orthophosphate, Silica và chất mang (Fructose glucose syrup, Gelatine). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 3,0\%$; Vitamin A Acetate $\geq 1,0$ MIU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli không phát hiện trong 1 g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung Vitamin A Acetate trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu.	BASF SE.	Germany	1/6/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1769	Lutavit A/D3 1000/200 NXT	289-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin A (Retinyl acetate), Vitamin D3 (Cholecalciferol); Silica, Butylated hydroxytoluene (BHT), Disodium hydrogen orthophosphate, dầu hướng dương và chất mang (Fructose glucose syrup, Gelatine). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 5,0$ %; Vitamin A Acetate $\geq 1,0$ MIU/g; Vitamin D3 $\geq 0,2$ MIU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli không phát hiện trong 1 g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung Vitamin A Acetate và Vitamin D ₃ trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu.	BASF SE.	Germany	1/6/2022
1770	Unimix 3, Premix for lactating sows, with inclusion rate 0,2 %	290-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin A (Retinol), Vitamin B1 (Thiamin), Vitamin B2 (Riboflavin), Vitamin B4, Vitamin B5 (Pantothenic acid), Vitamin B6 (Pyridoxine) Vitamin B12 (Cyanocobalamin), Vitamin D3 (Calciferol), Vitamin E (Alfatocopherol), Vitamin K3, Niacin (Nicotinamide), Vitamin H (Biotin), Axit Folic, Iron sulphate, Copper sulphate, Manganese oxide, Zinc oxide, Calcium Iodate, Natrium Selenium, dầu đậu nành, chất chống kết dính (diamol), chất chống oxi hoá (axit citric) và chất mang (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 01 kg): Vitamin A (Retinol) $\geq 3,5$ MIU; Vitamin B1 (Thiamin) $\geq 1.000,0$ mg; Vitamin B2 (Riboflavin) $\geq 2.500,0$ mg; Vitamin B5 (Pantothenic acid) $\geq 7.500,0$ mg; Vitamin B4 $\geq 25.000,0$ mg; Vitamin B6 (Pyridoxine) $\geq 1.500,0$ mg; Vitamin B12 (Cyanocobalamin) $\geq 10,0$ mg; Vitamin D3 (Calciferol) $\geq 0,4$ MIU; Vitamin E (Alfatocopherol) $\geq 82.500,0$ mg; Vitamin K3 $\geq 1.000,0$ mg; Niacin (Nicotinamide) $\geq 10.000,0$ mg; Vitamin H (Biotin) $\geq 100,0$ mg; Axit Folic $\geq 750,0$ mg; Sắt (Fe): 40.000,0 - 50.000,0 mg; Đồng (Cu): 3.000,0 - 100.000,0 mg; Mangan (Mn): 20.000,0 - 75.000,0 mg; Kẽm (Zn): 50.000,0 - 75.000,0 mg; Iốt (I): 100,0 - 5.000,0 mg; Selen (Se): 100,0 - 250,0 mg; Canxi (Ca): 176.000,0 - 186.000,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; Pb < 100,0 ppm; As < 30,0 ppm; Cd < 10,0 ppm; Hg < 0,2 ppm.	Bổ sung Premix vitamin và khoáng trong thức ăn cho lợn nái nuôi con.	Dạng bột lẫn hạt, màu trắng.	Dansk Vilomix A/S.	Denmark	5/6/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1771	Unimix 3, Premix for lactating sows, with inclusion rate 1,0 %	291-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin A (Retinol), Vitamin B1 (Thiamin), Vitamin B2 (Riboflavin), Vitamin B4, Vitamin B5 (Pantothenic acid), Vitamin B6 (Pyridoxine) Vitamin B12 (Cyanocobalamin), Vitamin D3 (Calciferol), Vitamin E (Alfatocopherol), Vitamin K3, Niacin (Nicotinamide), Vitamin H (Biotin), Axit Folic, Iron sulphate, Copper sulphate, Manganese oxide, Zinc oxide, Calcium Iodate, Natrium Selenium, dầu đậu nành, chất chống kết dính (diamol), chất chống oxi hoá (axit citric) và chất mang (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 01 kg): Vitamin A (Retinol) $\geq 0,7$ MIU; Vitamin B1 (Thiamin) $\geq 200,0$ mg; Vitamin B2 (Riboflavin) $\geq 500,0$ mg; Vitamin B4 $\geq 5.000,0$ mg; Vitamin B5 (Pantothenic acid) $\geq 1.500,0$ mg; Vitamin B6 (Pyridoxine) $\geq 300,0$ mg; Vitamin B12 (Cyanocobalamin) $\geq 2,0$ mg; Vitamin D3 (Calciferol) $\geq 80.000,0$ IU; Vitamin E (Alfatocopherol) $\geq 16.500,0$ mg; Vitamin K3 $\geq 200,0$ mg; Niacin (Nicotinamide) $\geq 2.000,0$ mg; Vitamin H (Biotin) $\geq 20,0$ mg; Axit Folic $\geq 150,0$ mg; Sắt (Fe): 8.000,0 - 10.000,0 mg; Đồng (Cu): 600,0 - 20.000,0 mg; Mangan (Mn): 4.000,0 - 15.000,0 mg; Kẽm (Zn): 10.000,0 - 15.000,0 mg; Iốt (I): 20,0 - 1.000,0 mg; Selen (Se): 20,0 - 50,0 mg; Canxi (Ca): 338.000,0 - 348.000,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; Pb < 100,0 ppm; As < 30,0 ppm; Cd < 10,0 ppm; Hg < 0,2 ppm.	Bổ sung Premix vitamin và khoáng trong thức ăn cho lợn nái nuôi con.	Dạng bột lẫn hạt, màu trắng.	Dansk Vilomix A/S.	Denmark	5/6/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1772	Unimix 3, Premix for pregnant sows, with inclusion rate 0,2 %	292-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin A (Retinol), Vitamin B1 (Thiamin), Vitamin B2 (Riboflavin), Vitamin B4, Vitamin B5 (Pantothenic acid), Vitamin B6 (Pyridoxine) Vitamin B12 (Cyanocobalamin), Vitamin D3 (Calciferol), Vitamin E (Alfatocopherol), Vitamin K3, Niacin (Nicotinamide), Vitamin H (Biotin), Axit Folic, Iron sulphate, Copper sulphate, Manganese oxide, Zinc oxide, Calcium Iodate, Natrium Selenium, dầu đậu nành, chất chống kết dính (diamol), chất chống oxi hoá (axit citric) và chất mang (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 01 kg): Vitamin A (Retinol) $\geq 4,0$ MIU; Vitamin B1 (Thiamin) $\geq 1.000,0$ mg; Vitamin B2 (Riboflavin) $\geq 2.500,0$ mg; Vitamin B4 $\geq 25.000,0$ mg; Vitamin B5 (Pantothenic acid) $\geq 7.500,0$ mg; Vitamin B6 (Pyridoxine) $\geq 1.500,0$ mg; Vitamin B12 (Cyanocobalamin) $\geq 10,0$ mg; Vitamin D3 (Calciferol) $\geq 400.000,0$ IU; Vitamin E (Alfatocopherol) $\geq 20.000,0$ mg; Vitamin K3 $\geq 1.000,0$ mg; Niacin (Nicotinamide) $\geq 10.000,0$ mg; Vitamin H (Biotin) $\geq 100,0$ mg; Axit Folic $\geq 750,0$ mg; Sắt (Fe): 40.000,0 - 50.000,0 mg; Đồng (Cu): 3.000,0 - 100.000,0 mg; Mangan (Mn): 20.000,0 - 75.000,0 mg; Kẽm (Zn): 50.000,0 - 75.000,0 mg; Iốt (I): 100,0 - 5.000,0 mg; Selen (Se): 100,0 - 250,0 mg; Canxi (Ca): 231.000,0 - 241.000,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; Pb < 100,0 ppm; As < 30,0 ppm; Cd < 10,0 ppm; Hg < 0,2 ppm.	Bổ sung Premix vitamin và khoáng trong thức ăn cho lợn nái chữa.	Dạng bột lẫn hạt, màu trắng.	Dansk Vilomix A/S.	Denmark	5/6/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1773	Unimix 3, Premix for pregnant sows, with inclusion rate 1,0 %	293-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin A (Retinol), Vitamin B1 (Thiamin), Vitamin B2 (Riboflavin), Vitamin B4, Vitamin B6 (Pyridoxine) Vitamin B12 (Cyanocobalamin), Vitamin B5 (Pantothenic acid), Vitamin D3 (Calciferol), Vitamin E (Alfatocopherol), Vitamin K3, Niacin (Nicotinamide), Vitamin H (Biotin), Axit Folic, Iron sulphate, Copper sulphate, Manganese oxide, Zinc oxide, Calcium Iodate, Natrium Selenium, dầu đậu nành, chất chống kết dính (diamol), chất chống oxi hoá (axit citric) và chất mang (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 01 kg): Vitamin A (Retinol) $\geq 0,8$ MIU; Vitamin B1 (Thiamin) $\geq 200,0$ mg; Vitamin B2 (Riboflavin) $\geq 200,0$ mg; Vitamin B4 $\geq 5.000,0$ mg; Vitamin B5 (Pantothenic acid) $\geq 1.500,0$ mg; Vitamin B6 (Pyridoxine) $\geq 300,0$ mg; Vitamin B12 (Cyanocobalamin) $\geq 2,0$ mg; Vitamin D3 (Calciferol) $\geq 80.000,0$ IU; Vitamin E (Alfatocopherol) $\geq 4.000,0$ mg; Vitamin K3 $\geq 200,0$ mg; Niacin (Nicotinamide) $\geq 2.000,0$ mg; Vitamin H (Biotin) $\geq 20,0$ mg; Axit Folic $\geq 150,0$ mg; Sắt (Fe): 8.000,0 - 10.000,0 mg; Đồng (Cu): 600,0 - 20.000,0 mg; Mangan (Mn): 4.000,0 - 15.000,0 mg; Kẽm (Zn): 10.000,0 - 15.000,0 mg; Iốt (I): 20,0 - 1.000,0 mg; Selen (Se): 20,0 - 50,0 mg; Canxi (Ca): 348.000,0 - 358.000,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; Pb < 100,0 ppm; As < 30,0 ppm; Cd < 10,0 ppm; Hg < 0,2 ppm.	Bổ sung Premix vitamin và khoáng trong thức ăn cho lợn nái chữa.	Dạng bột lẫn hạt, màu trắng.	Dansk Vilomix A/S.	Denmark	5/6/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1774	Unimix 9, Premix for layer, with inclusion rate 0,25 %	294-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin A (Retinol), Vitamin B1 (Thiamin), Vitamin B2 (Riboflavin), Vitamin B5 (Pantothenic acid), Vitamin B6 (Pyridoxine) Vitamin B12 (Cyanocobalamin), Vitamin C (axit Ascorbic), 25-Hydroxy Vitamin D, Niacin (Nicotinamide), Vitamin H (Biotin), Vitamin D3 (calciferol); Vitamin E (alpha tocopherol), Vitamin K3, Axit Folic, Methionine, Iron sulphate, Copper sulphate, Manganese oxide, Magnesium oxide; Zinc oxide, Calcium Iodate, Natrium Selenium, Cobalt carbonate, dầu đậu nành, chất chống kết dính (diamol), chất chống oxi hoá (axit Citric) và chất mang (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 01 kg): Vitamin A (Retinol) $\geq 5,2$ MIU; Vitamin B1 (Thiamin) $\geq 800,0$ mg; Vitamin B2 (Riboflavin) $\geq 2.800,0$ mg; Vitamin B5 (Axit Pantothenic) $\geq 4.000,0$ mg; Vitamin B6 (Pyridoxine) $\geq 2.000,0$ mg; Vitamin B12 (Cyanocobalamin) $\geq 8,0$ mg; Vitamin D3 (Calciferol) $\geq 1,2$ MIU; Vitamin E (Alfatocopherol) $\geq 16.000,0$ mg; Vitamin K3 $\geq 1.200,0$ mg; Niacin (Nicotinamide) $\geq 16.000,0$ mg; Biotin $\geq 35,0$ mg; Sắt (Fe): 16.000,0 - 20.000,0 mg; Đồng (Cu): 2.000,0 - 2.500,0 mg; Mangan (Mn): 24.000,0 - 30.000,0 mg; Kẽm (Zn): 24.000,0 - 30.000,0 mg; Iốt (I): 120,0 - 150,0 mg; Selen (Se): 120,0 - 150,0 mg; Coban (Co): 120,0 - 150,0 mg; Magiê (Mg): 120.000,0 - 150.000,0 mg; Methionine $\geq 50,0$ g; Axit Folic ≥ 400 mg; Vitamin C (Axit Ascorbic) $\geq 8.600,0$ mg; 25-Hydroxy Vitamin D $\geq 29,0$ mg; Canxi (Ca): 11.300,0 - 12.300,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; Pb < 100,0 ppm; As < 20,0 ppm; Cd < 10,0 ppm; Hg < 0,2 ppm.	Bổ sung Premix vitamin và khoáng trong thức ăn cho gà đẻ trứng.	Dạng bột lẫn hạt, màu trắng.	Dansk Vilomix A/S.	Denmark	5/6/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1775	Unimix 9, Premix for broilers, with inclusion rate 0,25 %	295-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin A (Retinol), Vitamin B1 (Thiamin), Vitamin B2 (Riboflavin), Vitamin B5 (Pantothenic acid), Vitamin B6 (Pyridoxine); Vitamin B12 (Cyanocobalamin), Vitamin C (axit Ascorbic), 25-hydroxy vitamin D, Vitamin D3 (Calciferol), Niacin (Nicotinamide), Vitamin H (Biotin), Axit Folic, Vitamin E (Alfatocopherol), Vitamin K3, Methionine, Iron sulphate, Copper sulphate, Manganese oxide, Zinc oxide, Calcium Iodate, Natrium Selenium, Cobalt carbonate, dầu đậu nành, chất chống kết dính (diamol), chất chống oxi hoá (axit Citric) và chất mang (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 01 kg): Vitamin A (Retinol) $\geq 3,2$ MIU; Vitamin B1 (Thiamin) $\geq 800,0$ mg; Vitamin B2 (Riboflavin) $\geq 1.500,0$ mg; Vitamin B5 (Pantothenic) $\geq 4.000,0$ mg; Vitamin B6 (Pyridoxine) $\geq 1.600,0$ mg; Vitamin B12 (Cyanocobalamin) $\geq 8,0$ mg; Vitamin C (axit Ascorbic) $\geq 6.800,0$ mg; Vitamin D3 (Calciferol) $\geq 0,8$ MIU, Vitamin E (Alfatocopherol) $\geq 12.000,0$ mg; Vitamin K3 $\geq 800,0$ mg; Niacin (Nicotinamide) $\geq 14.000,0$ mg; Vitamin H (Biotin) $\geq 60,0$ mg; 25-hydroxy vitamin D $\geq 29,0$ mg; Axit Folic $\geq 400,0$ mg; Sắt (Fe): 16.000,0 - 20.000,0 mg; Đồng (Cu): 2.000,0 - 2.500,0 mg; Mangan (Mn): 24.000,0 - 30.000,0 mg; Kẽm (Zn): 24.000,0 - 30.000,0 mg; Iốt (I): 120,0 - 150,0 mg; Selen (Se): 120,0 - 150,0 mg; Coban (Co): 120,0 - 150,0 mg; Methionine $\geq 50,0$ g; Canxi (Ca): 235.000,0 - 245.000,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; Pb $< 100,0$ ppm; As $< 20,0$ ppm; Cd $< 10,0$ ppm; Hg $< 0,2$ ppm.	Bổ sung Premix vitamin và khoáng trong thức ăn cho gà thịt.	Dạng bột lẫn hạt, màu trắng.	Dansk Vilomix A/S.	Denmark	5/6/2022
1776	Microjab N	296-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bacillus subtilis và chất mang (tinh bột ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Bacillus subtilis $\geq 1,0 \times 10^9$ CFU/g; độ ẩm $\leq 10,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25g, E.coli < 10 CFU/g; tổng Aflatoxin (B1, B2, G1, G2) $\leq 15,0$ ppb.	Bổ sung vi khuẩn có lợi Bacillus subtilis trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng đến vàng nhạt.	Linzhou Sinagri YingTai Bio-peptide Co., Ltd.	China	5/6/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1777	I-Jab	297-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bacillus subtilis và chất mang (tinh bột ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Bacillus subtilis $\geq 2,0 \times 10^{10}$ CFU/g; độ ẩm $\leq 10,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25g, E.coli < 10 CFU/g; tổng Aflatoxin (B1, B2, G1, G2) $\leq 15,0$ ppb.	Bổ sung vi khuẩn có lợi Bacillus subtilis trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng đến vàng nhạt.	Linzhou Sinagri YingTai Bio-peptide Co., Ltd.	China	5/6/2022
1778	Megacid-P	298-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các axit hữu cơ (Lactic, Formic) và chất mang (Silicon dioxide). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Axit Lactic $\geq 15,0$ %; Axit Formic $\geq 10,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 30,0$ ppm; As $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; F $\leq 1.000,0$ ppm.	Bổ sung các axit hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng hạt hoặc dạng bột, màu trắng xám.	Guangzhou Numega Nutrition Co, Ltd.	China	5/6/2022
1779	Megacid-S	299-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit Phosphoric và chất mang (Silicon dioxide). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 13,0$ %; Axit Phosphoric $\geq 40,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 30,0$ ppm; As $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung axit vô cơ trong thức ăn chăn nuôi nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng hạt hoặc dạng bột, màu trắng xám.	Guangzhou Numega Nutrition Co, Ltd.	China	5/6/2022
1780	Mega-APM	300-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit Formic, muối Calcium Formate và chất mang (Silicon dioxide). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Axit Formic $\geq 20,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 30,0$ ppm; As $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; F $\leq 1.000,0$ ppm.	Bổ sung axit hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột, màu trắng đến vàng.	Guangzhou Numega Nutrition Co, Ltd.	China	5/6/2022
1781	Pigred	301-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ferrous glycinate, Ferrous Lactate và chất mang (Silicon dioxide, bột lõi ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Sắt (Fe): 17,0 - 25,0 % . - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 30,0$ ppm; As $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; F $\leq 1.000,0$ ppm.	Bổ sung Sắt hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu đỏ.	Guangzhou Numega Nutrition Co, Ltd.	China	5/6/2022
1782	Minazel Plus	302-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các khoáng Zeolite, Feldspar, Quartz. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 7,0$ %; SiO ₂ : 63,0 - 71,0 %; Al ₂ O ₃ : 11,0 - 14,0 %; Fe ₂ O ₃ : 1,0 - 2,5 %; CaO: 3,0 - 5,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; As $\leq 5,0$ ppm; F $\leq 1.000,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm.	Bổ sung chất hấp phụ độc tố nấm mốc trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu nâu nhạt đến xám.	Patent Co. D.O.O.	Republic of Serbia	5/6/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1783	Opticell M1	303-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: 100 % Lignocellulose tự nhiên (chế biến từ gỗ tươi). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Xơ thô $\geq 59,0$ %; Protein thô $\leq 1,2$ %; Béo thô $\leq 1,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 4,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Cd $< 1,0$ ppm; As $< 2,0$ ppm; Pb $< 10,0$ ppm; Hg $< 0,1$ ppm.	Bổ sung chất xơ trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu.	Holzmühle Westerkamp GmbH.	Germany	8/6/2022
1784	Opticell C5	304-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: 100 % Lignocellulose tự nhiên (chế biến từ gỗ tươi). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Xơ thô $\geq 59,0$ %; Protein thô $\leq 1,2$ %; Béo thô $\leq 1,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 4,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Cd $< 1,0$ ppm; As $< 2,0$ ppm; Pb $< 10,0$ ppm; Hg $< 0,1$ ppm.	Bổ sung chất xơ trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm.	Dạng hạt mịn, màu nâu.	Holzmühle Westerkamp GmbH.	Germany	8/6/2022
1785	Zinc Sulphate Monohydrate	305-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Kẽm sunphat (ZnSO ₄ .H ₂ O) có độ tinh khiết tối thiểu đạt 98%. - Chỉ tiêu chất lượng: ZnSO ₄ .H ₂ O $\geq 98,0$ %; Zn $\geq 35,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $< 20,0$ ppm; As $< 5,0$ ppm; Cd $< 20,0$ ppm.	Bổ sung khoáng Kẽm vô cơ trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	Chemland Chemicals Co., Ltd.	China	8/6/2022
1786	Smartheart Chicken & Liver Flavor in Jelly	306-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gia cầm, phụ phẩm của quá trình giết mổ (gia cầm, bò), Protein từ đậu tương, gluten lúa mì, tinh bột biến tính, chất kết dính (Carrageenan), chất tạo màu (Caramel color), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 85,0$ %; Protein $\geq 8,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 535,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 3,0$ %; Xơ $\leq 2,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 2,0$ %; Lysine $\geq 0,09$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,1$ %; Threonine $\geq 0,07$ %; Canxi (tính theo VCK): 0,5 - 2,5 %; Phốtpho (tính theo VCK): 0,4 - 1,6 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 0,85$ ppm; As $\leq 0,34$ ppm; Cd $< 0,34$ ppm; Hg $< 0,06$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó trưởng thành.	Dạng nhão, màu nâu.	Perfect Companion Group Co, Ltd.	Thailand	13/6/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1787	Smartheart Beef Flavor Chunk in Gravy	307-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gia cầm, phụ phẩm của quá trình giết mổ (gia cầm, bò), Protein từ đậu tương, gluten lúa mì, tinh bột biết tính, chất kết dính (Xanthan Gum), chất tạo màu (Caramel color, Iron oxide Red), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 85,0$ %; Protein $\geq 8,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 535,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 3,0$ %; Xơ $\leq 2,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 2,0$ %; Lysine $\geq 0,09$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,1$ %; Threonine $\geq 0,07$ %; Canxi (tính theo VCK): $0,5 - 2,5$ %; Phốtpho (tính theo VCK): $0,4 - 1,6$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 0,85$ ppm; As $\leq 0,34$ ppm; Cd $\leq 0,34$ ppm; Hg $\leq 0,06$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó trưởng thành.	Dạng nhão, màu đỏ và nâu.	Perfect Companion Group Co, Ltd.	Thailand	13/6/2022
1788	Smartheart Chicken Flavor Chunk in Gravy	308-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gia cầm, phụ phẩm của quá trình giết mổ (gia cầm, bò), Protein từ đậu tương, tinh bột biết tính, chất kết dính (Xanthan Gum), chất tạo màu (Caramel color), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 85,0$ %; Protein $\geq 8,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 535,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 3,0$ %; Xơ $\leq 2,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 2,0$ %; Lysine $\geq 0,09$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,1$ %; Threonine $\geq 0,07$ %; Canxi (tính theo VCK): $0,5 - 2,5$ %; Phốtpho (tính theo VCK): $0,4 - 1,6$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 0,85$ ppm; As $\leq 0,34$ ppm; Cd $\leq 0,34$ ppm; Hg $\leq 0,06$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó trưởng thành.	Dạng nhão, màu nâu.	Perfect Companion Group Co, Ltd.	Thailand	13/6/2022
1789	Smartheart Puppy Chicken Flavor Chunk in Gravy	309-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gia cầm, phụ phẩm của quá trình giết mổ (gia cầm, bò), Protein từ đậu tương, tinh bột biết tính, chất kết dính (Xanthan Gum), chất tạo màu (Caramel color), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 85,0$ %; Protein $\geq 8,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 535,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 3,0$ %; Xơ $\leq 2,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 2,0$ %; Lysine $\geq 0,14$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,11$ %; Threonine $\geq 0,16$ %; Canxi (tính theo VCK): $1,2 - 2,5$ %; Phốtpho (tính theo VCK): $1,0 - 1,6$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 0,85$ ppm; As $\leq 0,34$ ppm; Cd $\leq 0,34$ ppm; Hg $\leq 0,06$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó con.	Dạng nhão, màu nâu.	Perfect Companion Group Co, Ltd.	Thailand	13/6/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1790	Smartheart Smoked Chicken Flavor with Vegetable	310-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gia cầm, cà rốt, đậu xanh, mỡ gà, chất kết dính (Carrageenan), chất tạo màu (Caramel color), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 85,0$ %; Protein $\geq 8,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 535,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 3,0$ %; Xơ $\leq 2,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 2,0$ %; Lysine $\geq 0,09$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,1$ %; Threonine $\geq 0,07$ %; Canxi (tính theo VCK): $0,5 - 2,5$ %; Phốtpho (tính theo VCK): $0,4 - 1,6$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 0,85$ ppm; As $\leq 0,34$ ppm; Cd $\leq 0,34$ ppm; Hg $\leq 0,06$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó trưởng thành.	Dạng nhão, màu nâu và trắng.	Perfect Companion Group Co, Ltd.	Thailand	13/6/2022
1791	Smartheart Salmon Flavor	311-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gia cầm, phụ phẩm của quá trình giết mổ (gia cầm, bò), bột cá hồi, Protein từ đậu tương, Gluten lúa mì, tinh bột biến tính, chất kết dính (Carrageenan), chất tạo màu (Iron oxide orange), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 85,0$ %; Protein $\geq 8,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 535,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 3,0$ %; Xơ $\leq 2,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 2,0$ %; Lysine $\geq 0,09$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,1$ %; Threonine $\geq 0,07$ %; Canxi (tính theo VCK): $0,5 - 2,5$ %; Phốtpho (tính theo VCK): $0,4 - 1,6$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 0,85$ ppm; As $\leq 0,34$ ppm; Cd $\leq 0,34$ ppm; Hg $\leq 0,06$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó trưởng thành.	Dạng nhão, màu da cam.	Perfect Companion Group Co, Ltd.	Thailand	13/6/2022
1792	Sucram 5S, code B60-5318	312-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sodium saccharin (dihydrate), Neotame và chất mang (silica). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Độ ẩm $\leq 40,0$ %; Sodium Saccharin dihydrate $\geq 20,5$ %; Neotame $\geq 4,5$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 200,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm; Hg $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung chất tạo ngọt trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng đến trắng nhạt.	Pancosma S.A.	Switzerland	12/6/2022
1793	Squid Liver Oil	313-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: 100% dầu gan mực. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 2,0$ %; chất béo thô $\geq 95,0$ %; - Chỉ tiêu vệ sinh: Chỉ số axit ≤ 60 mg KOH/g; chỉ số peroxide ≤ 35 meq/kg.	Dầu gan mực, dùng làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu nâu.	HS Aqua Feed Co., Ltd.	Korea	12/6/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1794	Probalac-L	314-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp các vi sinh vật có lợi (Bacillus subtilis, Bacillus licheniformis, Lactobacillus acidophilus, Lactobacillus plantarum, Pediococcus pentosaceus) và chất mang (ri mật đường, nước). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 lít): Bacillus subtilis $\geq 1,0 \times 10^9$ CFU; Bacillus licheniformis $\geq 1,0 \times 10^9$ CFU; Lactobacillus acidophilus $\geq 1,0 \times 10^9$ CFU; Lactobacillus plantarum $\geq 1,0 \times 10^9$ CFU; Pediococcus pentosaceus $\geq 1,0 \times 10^9$ CFU. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25ml; E. coli < 0.03 MPN/ml; As $\leq 1,0$ ppm; Pb < 0,5 ppm; Cd < 0,5 ppm; Hg < 1,0 ppm.	Bổ sung hỗn hợp vi sinh vật có lợi trong thức ăn cho gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng lỏng, màu nâu nhạt.	K.M.P. Biotech Co, Ltd.	Thailand	12/6/2022
1795	Leader Red 2.5%	315-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Canthaxanthin tổng hợp, chất chống oxy hóa (Ethoxyquin), chất mang (gelatin, tinh bột ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Canthaxanthin $\geq 2,5\%$; Độ ẩm $\leq 8,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: : Salmonella: không phát hiện CFU/25g, E. coli < 10 CFU/g.	Bổ sung chất tạo màu Canthaxanthin trong thức ăn chăn nuôi gia cầm nhằm cải thiện màu vàng da và lòng đỏ trứng.	Dạng hạt, màu đỏ.	Foshan Leader Bio-Technology Co., Ltd.	China	12/6/2022
1796	Fish Soluble Paste	316-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Phụ phẩm chế biến từ cá. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 50,0\%$; Protein thô (CP) $\geq 40,0\%$; Mỡ thô $\leq 3,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli ≤ 10 CFU/g; As $\leq 7,0$ ppm; Cd $\leq 2,5$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm; Pb $\leq 7,5$ ppm.	Bổ sung protein trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm.	Dạng nhão, màu nâu nhạt đến nâu đậm.	Janatha Fish Meal & Oil Products.	India	12/6/2022
1797	Mixed feed additives Glyceryl Monosterate (LENON)	317-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Phospholipid, Glyceryl monosterate, chất mang (tinh bột mì). - Chỉ tiêu chất lượng: Glyceryl monosterate $\geq 10,0\%$; mỡ thô $\geq 20,0\%$; độ ẩm $\leq 10,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25g, E.coli < 10 CFU/g.	Bổ sung Glyceryl monosterate và Phospholipid trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện khả năng tiêu hóa mỡ từ thức ăn.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Weifang Leiman Biological Science and Technology Co., Ltd.	China	12/6/2022
1798	Mixed feed additives low molecular weight Chitosan and Saccharomyces cerevisiae (TEENRAY)	318-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chitosan oligosaccharide, Saccharomyces cerevisiae hoạt động, chất mang (dextrin). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Chitosan oligosaccharide $\geq 10,0\%$; Saccharomyces cerevisiae $\geq 1,0 \times 10^9$ CFU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25g, E.coli < 10 CFU/g.	Bổ sung Chitosan oligosaccharide và nấm men Saccharomyces cerevisiae hoạt động trong thức ăn chăn nuôi lợn và gia cầm nhằm cải thiện khả năng tiêu hóa.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Weifang Leiman Biological Science and Technology Co., Ltd.	China	12/6/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1799	Mixed feed additives L-Ascorbic (SUCAN)	319-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin C, chất mang (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: Vitamin C $\geq 5,0$ %; độ ẩm $\leq 10,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 3,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung vitamin C trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng xám.	Weifang Leiman Biological Science and Technology Co., Ltd.	China	12/6/2022
1800	Mixed feed additives appetising substances (TEENROW)	320-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Monosodium glutamate, Guanosine 5'-monophosphate (GMP), Inosine-5-mono-phosphate (IMP), chất mang (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: Monosodium glutamate $\geq 15,0$ %; Guanosine 5'-monophosphate $\geq 1,5$ %; Inosine-5-mono-phosphate $\geq 1,5$ %; độ ẩm $\leq 10,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 3,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung chất tạo ngọt trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng xám.	Weifang Leiman Biological Science and Technology Co., Ltd.	China	12/6/2022
1801	Top Gut	321-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Clostridium butyricum MIYAIRI 588, phụ gia và chất mang (Xanthan gum, glucose monohydrate, lactose monohydrate). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Clostridium butyricum $\geq 1,25 \times 10^9$ CFU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25g, E.coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 3,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung vi sinh vật có lợi đường tiêu hóa (Clostridium butyricum) trong nước uống cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng đến be.	BIOVET Joint Stock Company.	Bulgaria	12/6/2022
1802	Miya-Gold S	322-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Clostridium butyricum MIYAIRI 588, phụ gia và chất mang (glucose monohydrate, men bia bất hoạt, sodium aluminosilicate, tinh bột ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Clostridium butyricum $\geq 5,0 \times 10^8$ CFU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25g, E.coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 3,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung vi sinh vật có lợi đường tiêu hóa (Clostridium butyricum) trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu xám nhạt đến nâu xám.	BIOVET Joint Stock Company.	Bulgaria	12/6/2022
1803	Miya-Gold C	323-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Clostridium butyricum MIYAIRI 588, phụ gia và chất mang (glucose monohydrate, men bia bất hoạt, sodium aluminosilicate, tinh bột ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Clostridium butyricum $\geq 1,0 \times 10^{10}$ CFU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25g, E.coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 3,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung vi sinh vật có lợi đường tiêu hóa (Clostridium butyricum) trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu xám nhạt đến nâu xám.	BIOVET Joint Stock Company.	Bulgaria	12/6/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1804	Spray Dried Porcine Plasma Protein Powder	324-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: 100% bột huyết tương lợn phun sấy khô. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 8,0\%$; Protein thô $\geq 78,0\%$; khoáng tổng số $\leq 10,0\%$; béo thô $\leq 2,0\%$; xơ thô $\leq 0,5\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25g, E.coli < 10 CFU/g.	Bột huyết tương lợn, dùng làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Qingyuan Taier Biotechnology Co., Ltd.	China	12/6/2022
1805	Chick Gel	325-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bột mì, bột ngô, khô đậu tương, bột cỏ, khô hạt cải, chất gel hấp thụ, bột đá, rỉ mật, premix vitamin khoáng, chất kết dính, chất tạo màu, Enterococcus faecium. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 15,0\%$; Protein thô $\geq 7,0\%$; xơ thô $\leq 9,0\%$; Canxi (Ca): 0,5 - 1,0 %; Enterococcus faecium $\geq 8,0 \times 10^{10}$ CFU/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25g, E.coli < 10 CFU/g.	Bổ sung các chất dinh dưỡng trong nước uống cho gia cầm con mới nở.	Dạng bột, màu xám đến be.	Vitamac Ltd.	United Kingdom	13/6/2022
1806	Acitec Liquido	326-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit Formic, Ammonium formate, axit Acetic, axit Propionic, Đồng sulphate, muối NaCl, sucrose, chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 ml): Axit Formic $\geq 256,0$ mg; axit Acetic $\geq 83,0$ mg; axit Propionic $\geq 72,0$ mg; Đồng (Cu): 2,3 - 2,8 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 2,0$ ppm; As $\leq 1,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung axit hữu cơ và khoáng trong nước uống cho gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng lỏng, màu xanh đục.	Tecnologia & Vitaminas, S.L.	Spain	14/6/2022
1807	Hydrocap-R	327-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: tinh dầu chiết xuất từ lá cây Eucalytus, Thymol tổng hợp, chất nhũ hóa (Glycerol polyethyleneglycol ricinoleate), dung môi hòa tan và chất mang (Propylene glycol, nước). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 ml): Eucalyptol $\geq 120,0$ mg; Thymol $\geq 50,0$ mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25g, E.coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 2,0$ ppm; As $\leq 1,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung tinh dầu từ chiết xuất thực vật và thymol tổng hợp trong nước uống cho gia súc, gia cầm nhằm kiểm soát vi khuẩn có hại.	Dạng lỏng, màu trắng đục.	Tecnologia & Vitaminas, S.L.	Spain	14/6/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1808	Bioplex C+	328-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Zinc proteinate, Iron proteinate, Manganese proteinate, Copper proteinate, Selenium yeast (từ <i>Saccharomyces cerevisiae</i>), Chromium yeast (từ <i>Saccharomyces cerevisiae</i>), Ethylenediamine dihydroiodide (EDDI). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0\%$; Sắt (Fe): 7,5 - 9,75 %; Kẽm (Zn): 5,0 - 6,5 %; Mangan (Mn): 1,25 - 1,625 %; Đồng (Cu): 8.300,0 - 10.790,0 ppm; Selen (Se): 375,0 - 487,5 ppm; Crôm (Cr): 250,0 - 325,0 ppm; I ốt (I): 1.000,0 - 1.300,0 ppm; Protein thô (CP) $\geq 20,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 50,0$ ppm; Cd $\leq 30,0$ ppm; Pb $\leq 100,0$ ppm; Hg $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung premix khoáng hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi lợn.	Dạng bột, màu nâu đậm.	Alltech Inc.,	USA	12/6/2022
1809	Bacillus coagulans	329-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bacillus coagulans và chất mang (tinh bột ngô, bột đá) - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Bacillus coagulans $\geq 8,0 \times 10^9$ CFU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Aflatoxin B1 $\leq 10,0$ ppb; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung vi khuẩn lợi Bacillus coagulans trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng nhạt.	Kunming Saturn Biological Technology (Group) Co, Ltd.	China	12/6/2022
1810	Finisher Advantage	330-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Copper proteinate, Calcium carbonate, Zinc proteinate, Manganese proteinate, Hydrated sodium calcium aluminosilicate, Vitamin C (axit Ascorbic) và chất mang (Bột táo biển, chiết xuất từ men <i>Aspergillus oryzae</i>, Selenium yeast, men bia sấy khô <i>Saccharomyces cerevisiae</i>). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0\%$; Protein thô (CP) $\geq 20,0\%$; Đồng (Cu): 1,5 - 2,0 %; Kẽm (Zn): 1,25 - 1,75 %; Mangan (Mn): 1,0 - 1,25 %; Selen (Se): 125,0 - 205,0 ppm. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli ≤ 10 CFU/g; As $\leq 50,0$ ppm; Cd $\leq 30,0$ ppm; Hg $\leq 0,5$ ppm; Pb $\leq 100,0$ ppm.	Bổ sung premix khoáng hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi cho lợn.	Dạng bột, màu nâu.	Alltech Inc.	USA	13/6/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1811	VantiPEAL 201	331-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất từ thảo dược (axit 3,4,5-Trihydroxybenzoic), chất nhũ hóa (Lecithin) và chất mang (Inulin, dầu thực vật, tinh bột ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Axit 3,4,5-Trihydroxybenzoic (Axit Gallic) $\geq 40,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli ≤ 10 CFU/g; As $\leq 30,0$ ppm; Cd $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm; Pb $\leq 30,0$ ppm.	Bổ sung chiết xuất thảo dược vào thức ăn chăn nuôi nhằm cải thiện đường tiêu hóa gia cầm.	Dạng hạt vi bọc, màu trắng nhạt đến xám	Kemin Cavriago S.R.L.	Italy	13/6/2022
1812	Lysoforte Liquid	332-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Lecithin biến tính, phụ gia và chất mang (Fatty acids esterified with glycerol, dầu thực vật). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 4,0$ %; Tổng chất nhũ hóa (Lecithin biến tính) $\geq 70,0$ %; Chỉ số axit $\leq 40,0$ mg KOH/g; Chỉ số Peroxide $\leq 20,0$ meq O2/kg; Acetone không hòa tan $\geq 40,4$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 30,0$ ppm; As $\leq 30,0$ ppm; Cd $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung chất nhũ hóa (lecithin biến tính) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện khả năng tiêu hóa thức ăn.	Dạng lỏng, màu nâu.	Kemin Industries (Asia) Pte, Ltd.	Singapore	16/6/2022
1813	Villi Max	333-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Mono-di-tri-Glycerides of Butyric acid và chất mang (axit Silicic) - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 8,0$ %; Axit Butyric ≥ 23 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 20,0$ ppm; Cd $\leq 20,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm; Pb $\leq 200,0$ ppm.	Bổ sung axit hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột, màu trắng.	Innov AD NV	Belgium	16/6/2022
1814	Jato Adult Dog	334-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gia cầm, bột thịt xương, bột đậu tương nguyên dầu, gạo, bột ngô, dầu thực vật, mỡ gà, dầu cá, gan gia cầm, Yucca, chất bảo quản (BHT, BHA), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein thô (CP) $\geq 18,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.060,0$ Kcal/kg; Béo thô (Fat) $\geq 8,0$ %; Xơ thô (CF) $\leq 4,0$ %; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 10,0$ %; Lysine $\geq 0,7$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,5$ %; Threonine $\geq 0,5$ %; Canxi (Ca): 1,0 - 2,5 %; Phốtpho (P): 0,5 - 1,5 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,33$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó trưởng thành.	Dạng viên, màu nâu.	Lee Pattane Feed Mill Co, Ltd.	Thailand	16/6/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1815	Enviro QS	335-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bột của cây Quillaja Saponaria Molina. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Saponin $\geq 3,5\%$; Tổng chất rắn hòa tan (TDS) $\geq 10,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli ≤ 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm.	Bổ sung saponin từ cây Quillaja Saponaria Molina trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện năng suất vật nuôi và giảm mùi hôi thối từ chất thải vật nuôi.	Dạng bột, màu nâu nhạt đến nâu đậm.	Delacon Biotechnik GmbH.	Austria	16/6/2022
1816	BioPro α	336-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vi sinh vật (Bacillus subtilis, Pichia farinosa) và chất mang (Zeolite). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Bacillus subtilis $\geq 1,0 \times 10^7$ CFU/g; Pichia farinosa $\geq 1,0 \times 10^7$ CFU/g - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g.	Bổ sung hỗn hợp các vi sinh vật có lợi đường tiêu hóa trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng và nâu.	Daeho Co, Ltd.	Korea	27/6/2022
1817	BioPro	337-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vi sinh vật (Enterococcus faecium, Bacillus subtilis, Lactobacillus plantarum, Saccharomyces cerevisiae), khô dầu đậu tương và chất mang (Zeolite). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Enterococcus faecium $\geq 2,0 \times 10^8$ CFU/g; Bacillus subtilis $\geq 3,5 \times 10^8$ CFU/g; Lactobacillus plantarum $\geq 2,0 \times 10^8$ CFU/g; Saccharomyces cerevisiae $\geq 1,0 \times 10^7$ CFU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g.	Bổ sung hỗn hợp các vi sinh vật có lợi đường tiêu hóa trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	Daeho Co, Ltd.	Korea	27/6/2022
1818	GreenCulture	338-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Saccharomyces cerevisiae, khô dầu đậu tương, bột ngô, bột mầm lúa mì, phụ phẩm chế biến ngũ cốc. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0\%$; Saccharomyces cerevisiae $\geq 3,0 \times 10^7$ CFU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g.	Bổ sung vi sinh vật có lợi đường tiêu hóa trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	Daeho Co, Ltd.	Korea	27/6/2022
1819	LipidSolve	339-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Glycerin fatty acid ester, phụ gia và chất mang (silica, Dextrose). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 11,0\%$; Glycerin fatty acid ester $\geq 9,5\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; As $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 20,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm..	Bổ sung chất nhũ hóa trong thức ăn cho gia súc, gia cầm nhằm cải thiện khả năng hấp thụ dinh dưỡng của vật nuôi.	Dạng bột, màu trắng.	Daeho Co, Ltd.	Korea	27/6/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1820	PerBig-S	340-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin (A, B1, B2, B6, B12, C, D3, E, Niacin, K3, Biotin, axit Pantothenic, axit Folic), L-Lysine HCl, DL-Methionine), Axit L-Tartaric và chất mang (Dextrose). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Vitamin A $\geq 6,0$ MIU; Vitamin B1 $\geq 3,0$ g; Vitamin B2 $\geq 5,0$ g; Vitamin B6 $\geq 1,0$ g; Vitamin B12 $\geq 0,002$ g; Vitamin C $\geq 2,0$ g; Vitamin D3 $\geq 2,0$ MIU; Vitamin E $\geq 3.000,0$ IU; Niacin $\geq 5,0$ g; Vitamin K3 $\geq 0,62$ g; Biotin $\geq 0,01$ g; Axit Pantothenic $\geq 4,7$ g; Axit Folic $\geq 0,1$ g; L-Lysine HCl $\geq 2,0$g; DL-Methionine $\geq 10,0$ g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; As $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 20,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm..	Bổ sung premix vitamin và axit amin trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm.	Dạng hạt nhỏ mịn, màu vàng.	Daeho Co, Ltd.	Korea	27/6/2022
1821	P-UP 50	341-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Khô dầu đậu tương lên men bởi Lactobacillus sp và Saccharomyces cerevisiae. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0$ %; Protein thô (CP) $\geq 49,0$ %; Xơ thô (CF) $\leq 7,0$ %; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 9,0$ %; Hoạt độ Urease $< 0,2$ mg N/phút ở 30oC. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli không phát hiện trong 1 g; Tổng số Aflatoxin (B1, B2, G1, G2) $\leq 2,0$ ppb.	Khô dầu đậu tương lên men, bổ sung protein trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng.	Pro Biotech Feed Co, Ltd.	Thailand	27/6/2022
1822	Nutrena Healthpedia Skin	342-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Cá hồi thủy sản, mầm gạo, ngô, Gluten ngô, mỡ động vật, bột củ cải đường, rau quả (cà chua, việt quất, bông cải xanh, mùi tây), Choline chloride, chiết xuất Yucca, premix vitamin và khoáng - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0$ %; Protein thô (CP) $\geq 27,0$ %; Năng lượng trao đổi (ME) $\geq 3.500,0$ Kcal/kg; Béo thô (Fat) $\geq 15,0$ %; Xơ thô (CF) $\leq 5,0$ %; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 9,0$ %; Canxi (Ca): 1,0 - 2,5 %; Phốt pho (P): 0,6 - 1,6 %; Lysine tổng số $\geq 0,63$ %; Methionine + Cystine tổng số $\geq 0,43$ %; Threonine tổng số $\geq 0,48$ %. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli: không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Aflatoxin tổng số $\leq 10,0$ ppb; Cd $\leq 0,5$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó ở các giai đoạn.	Dạng viên, màu nâu đậm.	Cargill Agri Purina Dangjin Plant.	Korea	27/6/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1823	Nutrena Healthpedia Healthy Gut	343-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bột cá, gạo, ngô, Gluten ngô, mỡ động vật, lúa mì, bột củ cải đường, phụ phẩm từ gia cầm, bột pho mát, rau củ quả (cà chua, việt quất, bông cải xanh, mùi tây), choline chloride, chiết xuất Yucca, premix vitamin và khoáng - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0$ %; Protein thô $\geq 27,0$ %; Năng lượng trao đổi (ME) $\geq 3.400,0$ Kcal/kg; Béo thô (Fat) $\geq 15,0$ %; Xơ thô (CF) $\leq 5,5$ %; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 9,0$ %; Canxi (Ca): 1,0 - 2,5 %; Phốt pho (P): 0,6 - 1,6 %; Lysine tổng số $\geq 0,63$ %; Methionine + Cystine tổng số $\geq 0,43$ %; Threonine tổng số $\geq 0,48$ %. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli: không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Aflatoxin tổng số $\leq 10,0$ ppb; Cd $\leq 0,5$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó ở các giai đoạn.	Dạng viên, màu nâu đậm.	Cargill Agri Purina Dangjin Plant.	Korea	27/6/2022
1824	Nutrena Healthpedia Healthy Joint	344-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bột cá, gạo, Gluten ngô, ngô, lúa mì, mỡ động vật, bột pho mát, bột củ cải đường, Choline chloride, Glucosamine, Chondroitin, rau quả (cà chua, việt quất, bông cải xanh, mùi tây), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0$ %; Protein thô (CP) $\geq 27,0$ %; Năng lượng trao đổi (ME) $\geq 3.400,0$ Kcal/kg; Béo thô (Fat) $\geq 15,0$ %; Xơ thô (CF) $\leq 5,0$ %; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 9,5$ %; Canxi (Ca): 1,0 - 2,5 %; Phốt pho (P): 0,6 - 1,6 %; Lysine tổng số $\geq 0,63$ %; Methionine + Cystine tổng số $\geq 0,43$ %; Threonine tổng số $\geq 0,48$ %. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli: không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Aflatoxin tổng số $\leq 10,0$ ppb; Cd $\leq 0,5$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó ở các giai đoạn.	Dạng viên, màu nâu đậm.	Cargill Agri Purina Dangjin Plant.	Korea	27/6/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1825	Nutrena Healthpedia Healthy Weight	345-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ngô, gạo, lúa mì, Gluten ngô, phụ phẩm gia cầm, mỡ gà tinh chế, rau quả (củ cải đường, cà chua, việt quất, bông cải xanh), cá hồi, hương vị tự nhiên, L-Carnitine, Glucosamine, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0$ %; Protein thô (CP) $\geq 22,0$ %; Năng lượng trao đổi (ME) $\geq 3.100,0$ Kcal/kg; Béo thô (Fat) $\geq 8,0$ %; Xơ thô (CF) $\leq 5,0$ %; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 10,0$ %; Canxi (Ca): 0,9 - 2,5 %; Phốt pho (P): 0,6 - 1,6 %; Lysine tổng số $\geq 0,63$ %; Methionine + Cystine tổng số $\geq 0,43$ %; Threonine tổng số $\geq 0,48$ %. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli: không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Aflatoxin tổng số $\leq 10,0$ ppb; Cd $\leq 0,5$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó ở các giai đoạn.	Dạng viên, màu nâu đậm.	Cargill Agri Purina Dangjin Plant.	Korea	27/6/2022
1826	Nutrena Healthpedia Healthy Stress	346-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bột cá, gạo, ngô, gluten ngô, mỡ động vật, lúa mạch, bột củ cải đường, chiết xuất Yucca, hoa cúc La Mã (Chamomile), Choline chloride, hỗn hợp rau quả, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0$ %; Protein thô (CP) $\geq 27,0$ %; Năng lượng trao đổi (ME) $\geq 3.400,0$ Kcal/kg; Béo thô (Fat) $\geq 15,0$ %; Xơ thô (CF) $\leq 5,0$ %; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 9,0$ %; Canxi (Ca): 0,9 - 2,5 %; Phốt pho (P): 0,6 - 1,6 %; Lysine tổng số $\geq 0,63$ %; Methionine + Cystine tổng số $\geq 0,43$ %; Threonine tổng số $\geq 0,48$ %. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli: không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Aflatoxin tổng số $\leq 10,0$ ppb; Cd $\leq 0,5$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó ở các giai đoạn.	Dạng viên, màu nâu đậm.	Cargill Agri Purina Dangjin Plant.	Korea	27/6/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1827	Nutrena Healthpedia Healthy 1 Year	347-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Phụ phẩm gia cầm, bột cá, gạo, ngô, Gluten ngô, mỡ động vật, lúa mì, bột củ cải đường, Lactobacillus, Protein Whey, Choline Chloride, rau quả (cà chua, việt quất, bông cải xanh, mùi tây), chiết xuất Yucca, tinh dầu thực vật (Rosemary, Thyme Carvacrol), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0\%$; Protein thô (CP) $\geq 28,0\%$; Năng lượng trao đổi (ME) $\geq 3.600,0$ Kcal/kg; Béo thô (Fat) $\geq 15,0\%$; Xơ thô (CF) $\leq 6,0\%$; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 10,0\%$; Canxi (Ca): 1,2 - 2,5 %; Phốt pho (P): 1,0 - 1,6 %; Lysine tổng số $\geq 0,63\%$; Methionine + Cystine tổng số $\geq 0,43\%$; Threonine tổng số $\geq 0,48\%$. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli: không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Aflatoxin tổng số $\leq 10,0$ ppb; Cd $\leq 0,5$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó con (1 năm tuổi).	Dạng viên, màu nâu đậm.	Cargill Agri Purina Dangjin Plant.	Korea	27/6/2022
1828	Nutrena Healthpedia Healthy 6 Years +	348-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bột cá hơi thuy phân, gạo, ngô, Gluten ngô, mỡ động vật, củ cải đường, Lactobacillus, Choline chloride, bột pho mát, chiết xuất Yucca, Glucosamine, cà chua, bông cải xanh, việt quất, mùi tây, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0\%$; Protein thô (CP) $\geq 27,0\%$; Năng lượng trao đổi (ME) $\geq 3.300,0$ Kcal/kg; Béo thô (Fat) $\geq 12,0\%$; Xơ thô (CF) $\leq 5,0\%$; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 10,0\%$; Canxi (Ca): 1,0 - 2,5 %; Phốt pho (P): 0,6 - 1,6 %; Lysine tổng số $\geq 0,63\%$; Methionine + Cystine tổng số $\geq 0,43\%$; Threonine tổng số $\geq 0,48\%$. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli: không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Aflatoxin tổng số $\leq 10,0$ ppb; Cd $\leq 0,5$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó lớn (trên 6 năm tuổi).	Dạng viên, màu nâu đậm.	Cargill Agri Purina Dangjin Plant.	Korea	27/6/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1829	Nutrena Healthpedia Shih Tzu	349-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bột cá hồi thủy phân, gạo, ngô, Gluten ngô, mỡ động vật, bột củ cải đường, Glucosamine, chiết xuất Yucca, Choline chloride, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0$ %; Protein thô (CP) $\geq 27,0$ %; Năng lượng trao đổi (ME) $\geq 3.300,0$ Kcal/kg; Béo thô (Fat) $\geq 13,0$ %; Xơ thô (CF) $\leq 5,5$ %; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 10,0$ %; Canxi (Ca): 1,0 - 2,5 %; Phốt pho (P): 0,6 - 1,6 %; Lysine tổng số $\geq 0,63$ %; Methionine + Cystine tổng số $\geq 0,43$ %; Threonine tổng số $\geq 0,48$ %. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli: không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Aflatoxin tổng số $\leq 10,0$ ppb; Cd $\leq 0,5$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó ở các giai đoạn.	Dạng viên, màu nâu đậm.	Cargill Agri Purina Dangjin Plant.	Korea	27/6/2022
1830	Nutrena Healthpedia Yorkshire Terrier	350-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Cá hồi thủy phân, gạo, ngô, Gluten ngô, mỡ động vật, bột củ cải đường, Choline chloride, Glucosamine, Chondroitin, hoa cúc La Mã (Chamomile), chiết xuất Yucca, Sodium Hexametaphosphate, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0$ %; Protein thô (CP) $\geq 28,0$ %; Năng lượng trao đổi (ME) $\geq 3.600,0$ Kcal/kg; Béo thô (Fat) $\geq 18,0$ %; Xơ thô (CF) $\leq 5,5$ %; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 10,0$ %; Canxi (Ca): 1,0 - 2,5 %; Phốt pho (P): 0,6 - 1,6 %; Lysine tổng số $\geq 0,63$ %; Methionine + Cystine tổng số $\geq 0,43$ %; Threonine tổng số $\geq 0,48$ %. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli: không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Aflatoxin tổng số $\leq 10,0$ ppb; Cd $\leq 0,5$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó ở các giai đoạn.	Dạng viên, màu nâu đậm.	Cargill Agri Purina Dangjin Plant.	Korea	27/6/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1831	Nutrena Healthpedia Maltese	351-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Cả hơi thủy phân, gạo, ngô, Gluten ngô, mỡ động vật, bột củ cải đường, Choline Chloride, Glucosamine, Chondroitin, tinh dầu thực vật (Rosemary, Thyme, Carvacrol), Sodium hexametaphosphate, chiết xuất Yucca, premix vitamin và khoáng chất. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0\%$; Protein thô (CP) $\geq 28,0\%$; Năng lượng trao đổi (ME) $\geq 3.600,0$ Kcal/kg; Béo thô (Fat) $\geq 18,0\%$; Xơ thô (CF) $\leq 5,0\%$; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 10,0\%$; Canxi (Ca): 1,0 - 2,5 %; Phốt pho (P): 0,6 - 1,6 %; Lysine tổng số $\geq 0,63\%$; Methionine + Cystine tổng số $\geq 0,43\%$; Threonine tổng số $\geq 0,48\%$. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli: không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Aflatoxin tổng số $\leq 10,0$ ppb; Cd $\leq 0,5$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó ở các giai đoạn.	Dạng viên, màu nâu đậm.	Cargill Agri Purina Dangjin Plant.	Korea	27/6/2022
1832	Nutrena Healthpedia Schunauser	352-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Cả hơi thủy phân, gạo, ngô, Gluten ngô, mỡ động vật, củ cải đường, Choline chloride, L-Canitine, chiết xuất Yucca, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0\%$; Protein thô (CP) $\geq 26,0\%$; Năng lượng trao đổi (ME) $\geq 3.300,0$ Kcal/kg; Béo thô (Béo) $\geq 12,0\%$; Xơ thô (CF) $\leq 5,0\%$; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 10,5\%$; Canxi (Ca): 1,0 - 2,5 %; Phốt pho (P): 0,6 - 1,6 %; Lysine tổng số $\geq 0,63\%$; Methionine + Cystine tổng số $\geq 0,43\%$; Threonine tổng số $\geq 0,48\%$. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli: không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Aflatoxin tổng số $\leq 10,0$ ppb; Cd $\leq 0,5$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó ở các giai đoạn.	Dạng viên, màu nâu đậm.	Cargill Agri Purina Dangjin Plant.	Korea	27/6/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1833	Nutrena Healthpedia Cocker Spaniel	353-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Cá hồi thủy phân, gạo, ngô, Gluten ngô, mỡ động vật, bột củ cải đường, Choline chloride, bột pho mát, tinh dầu thực vật (Rosemary, Thyme, Carvacrol), L-Canitine, chiết xuất Yucca, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0$ %; Protein thô (CP) $\geq 27,0$ %; Năng lượng trao đổi (ME) $\geq 3.300,0$ Kcal/kg; Béo thô (Fat) $\geq 12,0$ %; Xơ thô (CF) $\leq 5,0$ %; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 10,5$ %; Canxi (Ca): 1,0 - 2,5 %; Phốt pho: 0,6 - 1,6 %; Lysine tổng số $\geq 0,63$ %; Methionine + Cystine tổng số $\geq 0,43$ %; Threonine tổng số $\geq 0,48$ %. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli: không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Aflatoxin tổng số $\leq 10,0$ ppb; Cd $\leq 0,5$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó ở các giai đoạn.	Dạng viên, màu nâu đậm.	Cargill Agri Purina Dangjin Plant.	Korea	27/6/2022
1834	Nutrena Healthpedia Poodle	354-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Cá hồi thủy phân, gạo, phụ phẩm gia cầm, khoai tây, ngô, Gluten ngô, mỡ động vật, bột củ cải đường, Choline chloride, Glucosamine, Chondroitin, Natri hexametaphosphate, chiết xuất Yucca premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0$ %; Protein thô (CP) $\geq 28,0$ %; Năng lượng trao đổi (ME) $\geq 3.600,0$ Kcal/kg; Béo thô (Fat) $\geq 18,0$ %; Xơ thô (CF) $\leq 5,0$ %; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 10,0$ %; Canxi (Ca): 0,9 - 2,5 %; Phốt pho (P): 0,6 - 1,6 %; Lysine tổng số $\geq 0,63$ %; Methionine + Cystine tổng số $\geq 0,43$ %; Threonine tổng số $\geq 0,48$ %. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli: không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Aflatoxin tổng số $\leq 10,0$ ppb; Cd $\leq 0,5$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó ở các giai đoạn.	Dạng viên, màu nâu đậm.	Cargill Agri Purina Dangjin Plant.	Korea	27/6/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1835	Nutrena Healthpedia Pormeranian	355-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Cà hời thủy phân, gạo, phụ phẩm từ gia cầm, khoai tây, ngô, Gluten ngô, mỡ động vật, bột củ cải đường, Choline chloride, Glucosamine, Chondroitin, Natri hexametaphospate, chiết xuất Yucca, hoa cúc La Mã (Chamomile), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0$ %; Protein thô (CP) $\geq 27,0$ %; Năng lượng trao đổi (ME) $\geq 3.500,0$ Kcal/kg; Béo thô (Fat) $\geq 15,0$ %; Xơ thô (CF) $\leq 5,0$ %; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 10,0$ %; Canxi (Ca): 0,9 - 2,5 %; Phốt pho (P): 0,6 - 1,6 %; Lysine tổng số $\geq 0,63$ %; Methionine + Cystine tổng số $\geq 0,43$ %; Threonine tổng số $\geq 0,48$ %. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli: không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Aflatoxin tổng số $\leq 10,0$ ppb; Cd $\leq 0,5$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó ở các giai đoạn.	Dạng viên, màu nâu đậm.	Cargill Agri Purina Dangjin Plant.	Korea	27/6/2022
1836	Healthpedia Pure Healthy 6 Age	356-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt vịt, khoai tây, mỡ gà, khoai lang, bột cá, bột dừa, bột Carob, Protein đậu, bột cá hời thủy phân, L-Lysine, Monocalcium phosphate, Fructooligosaccaride, Inulin (rễ rau diếp xoăn), nấm men khô, chiết xuất Yucca, Glucosamine, chiết xuất cây hương thảo, premix vitamin và khoáng chất. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0$ %; Protein thô (CP) $\geq 28,0$ %; Năng lượng trao đổi (ME) $\geq 3.400,0$ Kcal/kg; Béo thô (Fat) $\geq 14,0$ %; Xơ thô (CF) $\leq 5,0$ %; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 10,0$ %; Canxi (Ca): 1,0 - 2,5 %; Phốt pho (P): 0,6 - 1,6 %; Lysine tổng số $\geq 0,63$ %; Methionine + Cystine tổng số $\geq 0,43$ %; Threonine tổng số $\geq 0,48$ %. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli: không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Aflatoxin tổng số $\leq 10,0$ ppb; Cd $\leq 0,5$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó ở các giai đoạn.	Dạng viên, màu nâu đậm.	Cargill Agri Purina Dangjin Plant.	Korea	27/6/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1837	Healthpedia Pure Healthy Skin	357-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Cá hồi, bột cá, khoai tây, mỡ gà, khoai lang, Protein đậu, bột dừa, bột Carob, bột cá hồi thủy phân, L-Lysine, Inulin (rễ rau diếp xoăn), nấm men khô, chiết xuất Yucca, chiết xuất cây hương thảo, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0$ %; Protein thô (CP) $\geq 28,0$ %; Năng lượng trao đổi (ME) $\geq 3.500,0$ Kcal/kg; Béo thô (Fat) $\geq 15,0$ %; Xơ thô (CF) $\leq 5,0$ %; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 10,0$ %; Canxi (Ca): 1,0 - 2,5 %; Phốt pho (CP): 0,6 - 1,6 %; Lysine tổng số $\geq 0,63$ %; Methionine + Cystine tổng số $\geq 0,43$ %; Threonine tổng số $\geq 0,48$ %. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli: không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Aflatoxin tổng số $\leq 10,0$ ppb; Cd $\leq 0,5$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó ở các giai đoạn.	Dạng viên, màu nâu đậm.	Cargill Agri Purina Dangjin Plant.	Korea	27/6/2022
1838	Healthpedia Pure Healthy Gut	358-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vịt, khoai tây, mỡ gà, khoai lang, bột cá, bột dừa, cây Carob, Protein đậu, bột cá hồi thủy phân, L-Lysine, Monocalcium phosphate, Fructooligosaccharide, Inulin (rễ rau diếp xoăn), nấm men khô, chiết xuất Yucca, Glucosamine, chiết xuất cây hương thảo, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0$ %; Protein thô (CP) $\geq 28,0$ %; Năng lượng trao đổi (ME) $\geq 3.500,0$ Kcal/kg; Béo thô (Fat) $\geq 14,0$ %; Xơ thô (CF) $\leq 5,0$ %; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 10,0$ %; Canxi (Ca): 1,0 - 2,5 %; Phốt pho (P): 0,6 - 1,6 %; Lysine tổng số $\geq 0,63$ %; Methionine + Cystine tổng số $\geq 0,43$ %; Threonine tổng số $\geq 0,48$ %. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli: không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Aflatoxin tổng số $\leq 10,0$ ppb; Cd $\leq 0,5$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó ở các giai đoạn.	Dạng viên, màu nâu đậm.	Cargill Agri Purina Dangjin Plant.	Korea	27/6/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1839	Healthpedia Pure Healthy Joint	359-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Cá hồi, bột cá, khoai lang, mỡ gà, khoai tây, Protein đậu, bột chuối, bột dừa, bột Carob, bột cá hồi thủy phân, L-Lysine, Inulin (rễ rau diếp xoăn), nấm men khô, Chondroitin, chiết xuất Yucca, Canxi photphat, Glucosamine, chiết xuất thảo dược (Rosemary), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0\%$; Protein thô (CP) $\geq 28,0\%$; Năng lượng trao đổi (ME) $\geq 3.500,0$ Kcal/kg; Béo thô (Fat) $\geq 15,0\%$; Xơ thô (CF) $\leq 5,5\%$; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 10,0\%$; Canxi (Ca): 1,0 - 2,5 %; Phốt pho (P): 0,6 - 1,6 %; Lysine tổng số $\geq 0,63\%$; Methionine + Cystine tổng số $\geq 0,43\%$; Threonine tổng số $\geq 0,48\%$. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli: không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Aflatoxin tổng số $\leq 10,0$ ppb; Cd $\leq 0,5$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó ở các giai đoạn.	Dạng viên, màu nâu đậm.	Cargill Agri Purina Dangjin Plant.	Korea	27/6/2022
1840	Healthpedia Pure Healthy Breakfast	360-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vịt, khoai tây, mỡ gà, khoai lang, bột cá hồi thủy phân, bột chuối, bột dừa, bột Carob, bột gà thủy phân, Protein đậu, cá hồi, L-Lysine, Probiotic, Fructooligosaccharide, Inulin (rễ rau diếp xoăn), nấm men khô, chiết xuất Yucca, rau củ (việt quất, cà chua, mùi tây), chiết xuất thảo dược (Rosemary), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0\%$; Protein thô (CP) $\geq 33,0\%$; Năng lượng trao đổi (ME) $\geq 3.650,0$ Kcal/kg; Béo thô (Fat) $\geq 16,0\%$; Xơ thô (CF) $\leq 5,5\%$; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 10,0\%$; Canxi (Ca): 1,0 - 2,5 %; Phốt pho (P): 0,6 - 1,6 %; Lysine tổng số $\geq 0,63\%$; Methionine + Cystine tổng số $\geq 0,43\%$; Threonine tổng số $\geq 0,48\%$. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli: không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Aflatoxin tổng số $\leq 10,0$ ppb; Cd $\leq 0,5$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó ở các giai đoạn.	Dạng viên, màu nâu đậm.	Cargill Agri Purina Dangjin Plant.	Korea	27/6/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1841	Healthpedia Pure Healthy Dinner	361-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Cà hời, bột ca, khoai tây, mỡ gà, khoai lang, Protein đậu, bột dừa, bột Carob, bột cá hời thủy phân, L-Lysine, nấm men khô, Chondroitin, Glucosamine, Monodicanxi photphat, chiết xuất Yucca, chiết xuất thảo dược (Rosemary), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0\%$; Protein thô (CP) $\geq 28,0\%$; Năng lượng trao đổi (ME) $\geq 3.400,0$ Kcal/kg; Béo thô (Fat) $\geq 14,0\%$; Xơ thô (CF) $\leq 5,5\%$; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 10,0\%$; Canxi (Ca): 1,0 - 2,5 %; Photpho (P): 0,6 - 1,6 %; Lysine tổng số $\geq 0,63\%$; Methionine + Cystine tổng số $\geq 0,43\%$; Threonine tổng số $\geq 0,48\%$. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli: không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Aflatoxin tổng số $\leq 10,0$ ppb; Cd $\leq 0,5$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó ở các giai đoạn.	Dạng viên, màu nâu đậm.	Cargill Agri Purina Dangjin Plant.	Korea	27/6/2022
1842	Healthpedia Professional Puppy	362-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vịt, Protein đậu, mỡ gà, khoai lang, bột cá hời, bột cá, bột chuối, bột gà thủy phân, bột dừa, bột củ cải đường, bột cá hời thủy phân, bột Carob, bí ngô khô, L-Lysine, Inulin (rễ rau diếp xoăn), nấm men khô, DL-Methionine, Probiotic, chiết xuất Yucca, chiết xuất thảo dược (Rosemary), premix vitamin và khoáng chất. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0\%$; Protein thô (CP) $\geq 35,0\%$; Năng lượng trao đổi (ME) $\geq 3.800,0$ Kcal/kg; Béo thô (Fat) $\geq 18,0\%$; Xơ thô (CF) $\leq 5,0\%$; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 10,0\%$; Canxi (Ca): 1,0 - 2,5 %; Photpho (P): 0,8 - 1,6 %; Lysine tổng số $\geq 0,63\%$; Methionine + Cystine tổng số $\geq 0,43\%$; Threonine tổng số $\geq 0,48\%$. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli: không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Aflatoxin tổng số $\leq 10,0$ ppb; Cd $\leq 0,5$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó con.	Dạng viên, màu nâu đậm.	Cargill Agri Purina Dangjin Plant.	Korea	27/6/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1843	Healthpedia Professional Adult (Salmon)	363-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bột ca hơi, khoai lang, Protein đậu, mỡ gà, bột cá, bột chuối, bột gà thủy phân, bột dừa, bột củ cải đường, bột cá hồi thủy phân, bột cây Carob, bí ngô khô, L-Lysine, Inulin (rễ rau diếp xoăn), nấm men khô, chiết xuất Yucca, chiết xuất thảo dược (Rosemary), Choline chloride, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0\%$; Protein thô (CP) $\geq 32,0\%$; Năng lượng trao đổi (ME) $\geq 3.700,0$ Kcal/kg; Béo thô (Fat) $\geq 16,0\%$; Xơ thô (CF) $\leq 5,0\%$; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 10,0\%$; Canxi (Ca): 1,0 - 2,5 %; Phốt pho (P): 0,6 - 1,6 %; Lysine tổng số $\geq 0,63\%$; Methionine + Cystine tổng số $\geq 0,43\%$; Threonine tổng số $\geq 0,48\%$. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli: không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Aflatoxin tổng số $\leq 10,0$ ppb; Cd $\leq 0,5$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó.	Dạng viên, màu nâu đậm.	Cargill Agri Purina Dangjin Plant.	Korea	27/6/2022
1844	Healthpedia Professional Adult (Duck)	364-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt vịt, khoai lang, Protein đậu, mỡ gà, bột cá, bột chuối, bột gà thủy phân, bột dừa, bột củ cải đường, bột cá hồi thủy phân, bột cây Carob, bí ngô khô, L-Lysine, Inulin (rễ rau diếp xoăn), nấm men khô, chiết xuất Yucca, chiết xuất thảo dược (Rosemary), Choline chloride, premix vitamin và khoáng chất. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0\%$; Protein thô (CP) $\geq 33,0\%$; Năng lượng trao đổi (ME) $\geq 3.600,0$ Kcal/kg; Béo thô (Fat) $\geq 16,0\%$; Xơ thô (CF) $\leq 5,0\%$; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 10,0\%$; Canxi (Ca): 1,0 - 2,5 %; Phốt pho (P): 0,6 - 1,6 %; Lysine tổng số $\geq 0,63\%$; Methionine + Cystine tổng số $\geq 0,43\%$; Threonine tổng số $\geq 0,48\%$. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli: không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Aflatoxin tổng số $\leq 10,0$ ppb; Cd $\leq 0,5$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó.	Dạng viên, màu nâu đậm.	Cargill Agri Purina Dangjin Plant.	Korea	27/6/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1845	Nutrena Bistro Kitten	365-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Phụ phẩm gia cam, ngô, Gluten ngô, lúa mì, mỡ gà tinh chế, Gluten lúa mì, bột củ cải đường, bột cá, muối, Choline chloride, Inulin (chất xơ từ rễ rau diếp xoăn), Tryptophan, DL-Methionine, L-Lysine, chiết xuất Yucca, rau quả (cà chua, việt quất, bông cải xanh, mùi tây), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0\%$; Protein thô (CP) $\geq 32,0\%$; Năng lượng trao đổi (ME) $\geq 3.400,0$ Kcal/kg; Béo thô (Fat) $\geq 13,0\%$; Xơ thô (CF) $\leq 5,0\%$; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 10,0\%$; Canxi (Ca): $1,0 - 2,0\%$; Phốt pho (P): $0,8 - 1,8\%$; Lysine tổng số $\geq 0,83\%$; Methionine + Cystine tổng số $\geq 1,1\%$; Threonine tổng số $\geq 0,73\%$. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli: không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Aflatoxin tổng số $\leq 10,0$ ppb; Cd $\leq 0,5$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho mèo con.	Dạng viên, màu nâu đậm.	Cargill Agri Purina Dangjin Plant.	Korea	27/6/2022
1846	Nutrena Bistro Adult Cat	366-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ngô, bột thịt gà, Gluten ngô, lúa mì, mỡ gà tinh chế, Gluten lúa mì, bột củ cải đường, bột cá trắng, muối, Choline chloride, Inulin (chất xơ từ rễ rau diếp xoăn), DL-Methionine, L-Lysine, Taurine, chiết xuất Yucca, rau quả (cà chua, việt quất, bông cải xanh, mùi tây), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0\%$; Protein thô (CP) $\geq 30,0\%$; Năng lượng trao đổi (ME) $\geq 3.200,0$ Kcal/kg; Béo thô (Fat) $\geq 12,0\%$; Xơ thô (CF) $\leq 5,0\%$; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 10,0\%$; Canxi (Ca): $0,9 - 2,0\%$; Phốt pho (P): $0,6 - 1,8\%$; Lysine tổng số $\geq 0,83\%$; Methionine + Cystine tổng số $\geq 1,1\%$; Threonine tổng số $\geq 0,73\%$. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli: không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Aflatoxin tổng số $\leq 10,0$ ppb; Cd $\leq 0,5$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho mèo (trên 1 năm tuổi).	Dạng viên, màu nâu đậm.	Cargill Agri Purina Dangjin Plant.	Korea	27/6/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1847	Little Lion Grain Free Kitten	367-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bột cá hồi, thịt vịt, Protein đậu, mỡ gà, khoai lang, bột chuối, bột dừa, bột Carob, bí ngô khô, L-Lysine, Inulin (rễ rau diếp xoăn), nấm men khô, DL-Methionine, Taurine, chiết xuất Yucca, chiết xuất thảo dược (Rosemary), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0\%$; Protein thô (CP) $\geq 38,0\%$; Năng lượng trao đổi (ME) $\geq 3.900,0$ Kcal/kg; Béo thô (Fat) $\geq 18,0\%$; Xơ thô (CF) $\leq 5,0\%$; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 10,0\%$; Canxi (Ca): $1,0 - 2,0\%$; Phốt pho (P): $0,8 - 1,8\%$; Lysine tổng số $\geq 0,83\%$; Methionine + Cystine tổng số $\geq 1,1\%$; Threonine tổng số $\geq 0,73\%$. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli: không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Aflatoxin tổng số $\leq 10,0$ ppb; Cd $\leq 0,5$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho mèo con.	Dạng viên, màu nâu đậm.	Cargill Agri Purina Dangjin Plant.	Korea	27/6/2022
1848	Little Lion Grain Free Adult	368-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bột cá hồi, thịt vịt, Protein đậu, mỡ gà, khoai lang, bột chuối, bột dừa, bột cây Carob, bí ngô khô, L-Lysine, Inulin (rễ rau diếp xoăn), nấm men khô, DL-Methionine, Taurine, chiết xuất Yucca, chiết xuất thảo dược (Rosemary), Choline chloride, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0\%$; Protein thô (CP) $\geq 37,0\%$; Năng lượng trao đổi (ME) $\geq 3.800,0$ Kcal/kg; Béo thô (Fat) $\geq 16,0\%$; Xơ thô (CF) $\leq 5,0\%$; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 10,0\%$; Canxi (Ca): $0,9 - 2,0\%$; Phốt pho (P): $0,6 - 1,8\%$; Lysine tổng số $\geq 0,83\%$; Methionine + Cystine tổng số $\geq 1,1\%$; Threonine tổng số $\geq 0,73\%$. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli: không phát hiện trong 1g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Aflatoxin tổng số $\leq 10,0$ ppb; Cd $\leq 0,5$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho mèo trưởng thành.	Dạng viên, màu nâu đậm.	Cargill Agri Purina Dangjin Plant.	Korea	27/6/2022
1849	Leather Wastes and Splits	369-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Da bò khô và chất bảo quản (Potassium Sorbate) - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 25,0\%$; Protein thô (CP) $\geq 64,2\%$; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 2,1\%$; Béo thô (Fat) $\leq 5,2\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 1,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm.	Sử dụng làm nguyên liệu thức ăn cho chó.	Dạng tấm (miếng), màu vàng nhạt tự nhiên.	Skyfat Tannery Co, Ltd.	Uganda	27/6/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1850	Pedigree DentaSix Puppy	370-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Tinh bột (ngô, lúa mỳ), Glycerine, Gelatin, gan gia cầm, gluten ngô, bột gum, bột sữa, chất tạo mùi (Flavour smoked chicken), chất tạo màu (Titanium dioxide), chất bảo quản (Potassium sorbate), premix khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 18,0\%$; Protein thô (CP) $\geq 8,0\%$; Xơ thô (CF) $\leq 5,0\%$; Canxi (Ca): 0,2 - 5,0 %; Phốtpho (P): 0,6 - 3,2 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 3,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd < 1,0 ppm; Hg < 0,3 ppm.	Thức ăn bổ sung cho chó.	Dạng thanh dài hình chữ X, màu nâu.	Mars Petcare (Thailand) Co, Ltd.	Thailand	29/6/2022
1851	Pedigree DentaSix Small Dogs	371-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Tinh bột (ngô, lúa mỳ), Glycerine, Gelatin, gan gia cầm, gluten ngô, bột gum, chất tạo mùi (Flavour smoked chicken), chất bảo quản (Potassium sorbate), premix khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 18,0\%$; Protein thô (CP) $\geq 8,0\%$; Xơ thô (CF) $\leq 5,0\%$; Canxi (Ca): 0,18 - 5,0 %; Phốtpho (P): 0,18 - 3,2 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 3,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd < 1,0 ppm; Hg < 0,3 ppm.	Thức ăn bổ sung cho chó.	Dạng thanh hình chữ X, màu nâu.	Mars Petcare (Thailand) Co, Ltd.	Thailand	29/6/2022
1852	Pedigree DentaSix Medium Dogs	372-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Tinh bột (ngô, lúa mỳ), Glycerine, Gelatin, gan gia cầm, gluten ngô, bột gum, chất tạo mùi (Flavour smoked chicken), premix khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 18,0\%$; Protein thô (CP) $\geq 8,0\%$; Xơ thô (CF) $\leq 5,0\%$; Canxi (Ca): 0,18 - 5,0 %; Phốtpho (P): 0,18 - 3,2 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 3,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd < 1,0 ppm; Hg < 0,3 ppm.	Thức ăn bổ sung cho chó.	Dạng thanh hình chữ X, màu nâu.	Mars Petcare (Thailand) Co, Ltd.	Thailand	29/6/2022
1853	Pedigree DentaSix Smoky Beef Small Dogs	373-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Tinh bột (ngô, lúa mỳ), Glycerine, Gelatin, gan gia cầm, gluten ngô, bột gum, chất tạo mùi (Flavour smoked chicken, Smoked Beef), chất tạo màu (Indigo Carmine, Tartrazine, Ponceau), chất bảo quản (Potassium sorbate), premix khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 18,0\%$; Protein thô (CP) $\geq 8,0\%$; Xơ thô (CF) $\leq 5,0\%$; Canxi (Ca): 0,18 - 5,0 %; Phốtpho (P): 0,18 - 3,2 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 3,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 0,3$ ppm.	Thức ăn bổ sung cho chó.	Dạng thanh hình chữ X, màu đỏ.	Mars Petcare (Thailand) Co, Ltd.	Thailand	29/6/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1854	Pedigree DentaSix Smoky Beef Medium Dogs	374-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Tinh bột (ngô, lúa mỳ), Glycerine, Gelatin, gan gia cầm, gluten ngô, bột gum, chất tạo mùi (Flavour smoked chicken, Smoked Beef), chất tạo màu (Indigo Carmine, Tartrazine, Ponceau), chất bảo quản (Potassium sorbate), premix khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 18,0\%$; Protein thô (CP) $\geq 8,0\%$; Xơ thô (CF) $\leq 5,0\%$; Canxi (Ca): 0,18 - 5,0 %; Phốtpho (P): 0,18 - 3,2 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 3,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 0,3$ ppm.	Thức ăn bổ sung cho chó.	Dạng thanh hình chữ X, màu đỏ.	Mars Petcare (Thailand) Co, Ltd.	Thailand	29/6/2022
1855	Pedigree DentaSix Green Tea Small Dogs	375-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Tinh bột (ngô, lúa mỳ), Glycerine, Gelatin, gan gia cầm, gluten ngô, bột gum, chất tạo mùi (Smoked Chicken, Green Tea extract), chất tạo màu (Lake Brilliant Blue FCF, Sunset yellow FCF, Lake Tartrazine), chất bảo quản (Potassium sorbate), premix khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 18,0\%$; Protein thô (CP) $\geq 8,0\%$; Xơ thô (CF) $\leq 5,0\%$; Canxi (Ca): 0,18 - 5,0 %; Phốtpho (P): 0,18 - 3,2 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 3,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 0,3$ ppm.	Thức ăn bổ sung cho chó.	Dạng thanh hình chữ X, màu xanh.	Mars Petcare (Thailand) Co, Ltd.	Thailand	29/6/2022
1856	Pedigree DentaSix Green Tea Medium Dogs	376-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Tinh bột (ngô, lúa mỳ), Glycerine, Gelatin, gan gia cầm, gluten ngô, bột gum, chất tạo mùi (Flavor Smoked Chicken, Green Tea extract), chất tạo màu (Lake Brilliant Blue FCF, Sunset yellow FCF, Lake Tartrazine), chất bảo quản (Potassium sorbate), premix khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 18,0\%$; Protein thô (CP) $\geq 8,0\%$; Xơ thô (CF) $\leq 5,0\%$; Canxi (Ca): 0,18 - 5,0 %; Phốtpho (P): 0,18 - 3,2 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 3,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 0,3$ ppm.	Thức ăn bổ sung cho chó.	Dạng thanh hình chữ X, màu xanh.	Mars Petcare (Thailand) Co, Ltd.	Thailand	29/6/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1857	Pedigree Puppy Chicken, Egg and Milk Flavor	377-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Tinh bột (ngô, gạo, lúa mỳ), thịt gia cầm, gluten ngô, khô dầu đỗ tương, dầu thực vật, bột trứng gà, DHA, chất tạo mùi (Milk Flavor), chất tạo màu (Sunset yellow, Tartrazine, Titanium Dioxide), chất bảo quản (Potassium sorbate), premix khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0$ %; Protein thô (CP) $\geq 26,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.400,0$ Kcal/kg; Xơ thô (CF) $\leq 5,0$ %; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 8,0$ %; Lysine $\geq 0,45$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,35$ %; Threonine $\geq 0,52$ %; Canxi (Ca): 0,6 - 3,75 %; Phốtpho (P): 0,5 - 2,4 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 3,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 0,3$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó con.	Dạng hạt, nhiều màu.	Mars Petcare (Thailand) Co, Ltd.	Thailand	29/6/2022
1858	Pedigree Chicken and Vegetables Flavor	378-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Tinh bột (ngô, gạo, lúa mỳ), thịt gia cầm, phụ phẩm gia cầm, đậu tương, khô dầu đỗ tương, bột gluten ngô, dầu thực vật, cà rốt, chất tạo màu (Sunset yellow, Tartrazine, Indigo carmine, Ponceau 4R, Titanium Dioxide), chất bảo quản (Potassium sorbate), premix khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0$ %; Protein thô (CP) $\geq 18,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.300,0$ Kcal/kg; Xơ thô (CF) $\leq 5,0$ %; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 8,0$ %; Lysine $\geq 0,31$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,32$ %; Threonine $\geq 0,24$ %; Canxi (Ca): 0,25 - 3,75 %; Phốtpho (P): 0,2 - 2,4 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 3,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 0,3$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó.	Dạng hạt, nhiều màu.	Mars Petcare (Thailand) Co, Ltd.	Thailand	29/6/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1859	Pedigree Beef and Vegetables Flavor	379-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Tinh bột (ngô, gạo, lúa mỳ), thịt gia cầm, phụ phẩm gia cầm, đậu tương, khô dầu đỗ tương, bột gluten ngô, dầu thực vật, cà rốt, chất tạo màu (Sunset yellow, Tartrazine, Indigo carmine, Ponceau 4R, Titanium Dioxide), chất bảo quản (Potassium sorbate), premix khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0\%$; Protein thô (CP) $\geq 18,0\%$; Năng lượng trao đổi $\geq 3.300,0$ Kcal/kg; Xơ thô (CF) $\leq 5,0\%$; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 8,0\%$; Lysine $\geq 0,31\%$; Methionine + Cystine $\geq 0,32\%$; Threonine $\geq 0,24\%$; Canxi (Ca): $0,25 - 3,75\%$; Phốtpho (P): $0,2 - 2,4\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 3,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 0,3$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó.	Dạng hạt, nhiều màu.	Mars Petcare (Thailand) Co, Ltd.	Thailand	29/6/2022
1860	Whiskas Junior Ocean Fish Flavor With Milk	380-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Tinh bột (ngô, gạo, lúa mỳ), thịt gia cầm, Gluten ngô, khô dầu đỗ tương, dầu thực vật, bột cá, bột sữa, Taurine, chất tạo màu (Titanium Dioxide), chất bảo quản (Potassium sorbate), chất tạo mùi (Ocean fish flavour), premix khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0\%$; Protein thô (CP) $\geq 30,0\%$; Năng lượng trao đổi $\geq 3.200,0$ Kcal/kg; Xơ thô (CF) $\leq 5,0\%$; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 9,0\%$; Lysine $\geq 0,6\%$; Methionine + Cystine $\geq 0,5\%$; Threonine $\geq 0,3\%$; Canxi (Ca): $0,5 - 3,4\%$; Phốtpho (P): $0,4 - 2,3\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 3,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 0,3$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho mèo con.	Dạng hạt, nhiều màu.	Mars Petcare (Thailand) Co, Ltd.	Thailand	29/6/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1861	Whiskas Adult Tuna Flavour	381-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Tinh bột (ngô, gạo, lúa mỳ), thịt gia cầm, Gluten ngô, khô dầu đỗ tương, dầu thực vật, bột cá, Taurine, chất tạo màu (Sunset Yellow, Tartrazine, Indigo Carmine, Ponceau 4R, Titanium Dioxide), chất bảo quản (Potassium sorbate), chất tạo mùi (Tuna flavour), premix khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0\%$; Protein thô (CP) $\geq 30,0\%$; Năng lượng trao đổi $\geq 3.100,0$ Kcal/kg; Xơ thô (CF) $\leq 5,0\%$; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 9,0\%$; Lysine $\geq 0,4\%$; Methionine + Cystine $\geq 0,2\%$; Threonine $\geq 0,3\%$; Canxi (Ca): 0,3 - 1,4 %; Phốtpho (P): 0,2 - 1,4 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 3,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 0,3$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho mèo trưởng thành.	Dạng hạt, nhiều màu.	Mars Petcare (Thailand) Co, Ltd.	Thailand	29/6/2022
1862	Whiskas Adult Ocean Fish Flavour	382-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Tinh bột (ngô, gạo, lúa mỳ), thịt gia cầm, Gluten ngô, khô dầu đỗ tương, dầu thực vật, bột cá, Taurine, chất tạo màu (Sunset Yellow, Tartrazine, Indigo Carmine, Ponceau 4R, Titanium Dioxide), chất bảo quản (Potassium sorbate), chất tạo mùi (Ocean Fish flavour), premix khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0\%$; Protein thô (CP) $\geq 30,0\%$; Năng lượng trao đổi $\geq 3.100,0$ Kcal/kg; Xơ thô (CF) $\leq 5,0\%$; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 9,0\%$; Lysine $\geq 0,4\%$; Methionine + Cystine $\geq 0,2\%$; Threonine $\geq 0,3\%$; Canxi (Ca): 0,3 - 1,4 %; Phốtpho (P): 0,2 - 1,4 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 3,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 0,3$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho mèo trưởng thành.	Dạng hạt, nhiều màu.	Mars Petcare (Thailand) Co, Ltd.	Thailand	29/6/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1863	Whiskas Adult Mackerel Flavour	383-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Tinh bột (ngô, gạo, lúa mỳ), thịt gia cầm, Gluten ngô, dầu thực vật, bột cá, Taurine, chất tạo màu (Sunset Yellow, Tartrazine, Indigo Carmine, Ponceau 4R, Titanium Dioxide), chất bảo quản (Potassium sorbate), chất tạo mùi (Mackerel flavour), premix khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0$ %; Protein thô (CP) $\geq 30,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.100,0$ Kcal/kg; Xơ thô (CF) $\leq 5,0$ %; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 9,0$ %; Lysine $\geq 0,4$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,2$ %; Threonine $\geq 0,3$ %; Canxi (Ca): 0,3 - 1,4 %; Phốtpho (P): 0,2 - 1,4 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 3,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 0,3$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho mèo trưởng thành.	Dạng hạt, nhiều màu.	Mars Petcare (Thailand) Co, Ltd.	Thailand	29/6/2022
1864	Promote Cinergy Iplus	384-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Khoáng Leonardite, tinh dầu Oregano và bột đá - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 15,0$ %; Axit Humic $\geq 10,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli ≤ 3 MPN/g; As $\leq 60,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm; Pb $\leq 200,0$ ppm.	Bổ sung axit Humic trong thức ăn chăn nuôi cho lợn con.	Dạng bột, màu nâu đậm.	Provimi North America, Inc.	USA	27/6/2022
1865	Novioro Y20	385-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất từ cúc vạn thọ (Xanthophylls) và chất mang (axit Silicic) - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Xanthophylls ≥ 20 g/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 20,0$ ppm; Cd $\leq 20,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm; Pb $\leq 200,0$ ppm.	Bổ sung chất tạo màu Xanthophylls, chiết xuất từ hoa cúc vạn thọ, trong thức ăn cho gia cầm nhằm cải thiện màu da và màu lòng đỏ trứng gia cầm.	Dạng bột, màu vàng nâu.	Innov AD NV.	Belgium	27/6/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1866	Me-O Gold Fit and Firm	386-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gia cầm, bột gluten, bột gạo, mỡ gia cầm, củ cải đường, bột cá, Taurine, chất chống oxi hóa (BHA, BHT), L-Carnitine, protein đậu tương, nấm men khô, bột trứng gà, dầu cá, chiết xuất yucca, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein thô (CP) $\geq 30,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.100,0$ Kcal/kg; Béo thô (Fat) $\geq 9,0$ %; Xơ thô (CF) $\leq 4,0$ %; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 10,0$ %; Lysine $\geq 0,83$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,4$ %; Threonine $\geq 0,73$ %; Canxi (Ca): $0,6 - 1,5$ %; Phốtpho (P): $0,5 - 1,5$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,33$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho mèo trưởng thành.	Dạng viên, màu nâu.	Perfect Companion Group Co, Ltd.	Thailand	27/6/2022
1867	Me-O Gold Indoor Cat	387-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gia cầm, bột gluten, bột gạo, mỡ gia cầm, Taurine, chất chống oxi hóa (BHA, BHT), protein đậu tương, nấm men khô, dầu cá, Lecithin, Fructo oligosaccharide, chiết xuất yucca, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein thô (CP) $\geq 32,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.300,0$ Kcal/kg; Béo thô (Fat) $\geq 12,0$ %; Xơ thô (CF) $\leq 8,0$ %; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 10,0$ %; Lysine $\geq 0,83$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,4$ %; Threonine $\geq 0,73$ %; Canxi (Ca): $0,6 - 1,5$ %; Phốtpho (P): $0,5 - 1,5$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,33$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho mèo trưởng thành.	Dạng viên, màu nâu.	Perfect Companion Group Co, Ltd.	Thailand	27/6/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1868	Me-O Gold Persian	388-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gia cầm, bột gluten, phụ phẩm gia cầm, bột gạo, mỡ gia cầm, Taurine, chất chống oxi hóa (BHA, BHT), nấm men khô, dầu cá, Lecithin, Fructo oligosaccharide, chiết xuất yucca, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Protein thô (CP) $\geq 30,0\%$; Năng lượng trao đổi $\geq 3.100,0$ Kcal/kg; Béo thô (Fat) $\geq 15,0\%$; Xơ thô (CF) $\leq 9,0\%$; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 10,0\%$; Lysine $\geq 0,83\%$; Methionine + Cystine $\geq 0,4\%$; Threonine $\geq 0,73\%$; Canxi (Ca): $0,6 - 1,5\%$; Phốtpho (P): $0,5 - 1,5\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,33$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho mèo trưởng thành.	Dạng viên, màu nâu.	Perfect Companion Group Co, Ltd.	Thailand	27/6/2022
1869	Me-O Cat Treat Salmon Flavour	389-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ngô, bột gluten, bột lúa mỳ, thịt cá hồi, mỡ gia cầm, bột đậu tương, bột trứng, bột cá, sản phẩm phụ của tôm, bột cá ngừ, nấm men khô, Taurine, chất chống oxi hóa (BHA, BHT), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0\%$; Protein thô (CP) $\geq 27,0\%$; Béo thô (Fat) $\geq 9,0\%$; Xơ thô (CF) $\leq 4,0\%$; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 10,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $< 2,0$ ppm; Hg $< 0,33$ ppm.	Thức ăn bổ sung cho mèo trưởng thành.	Dạng viên, màu xanh cam.	Perfect Companion Group Co, Ltd.	Thailand	27/6/2022
1870	Me-O Cat Treat Shrimp Flavour	390-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ngô, bột gluten, bột lúa mỳ, thịt cá hồi, mỡ gia cầm, phụ phẩm gia cầm, bột đậu tương, bột trứng, bột cá, sản phẩm phụ của tôm, bột cá ngừ, nấm men khô, Taurine, chất chống oxi hóa (BHA, BHT), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0\%$; Protein thô (CP) $\geq 27,0\%$; Béo thô (Fat) $\geq 9,0\%$; Xơ thô (CF) $\leq 4,0\%$; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 10,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,33$ ppm.	Thức ăn bổ sung cho mèo trưởng thành.	Dạng viên, màu đỏ cam.	Perfect Companion Group Co, Ltd.	Thailand	27/6/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1871	Me-O Cat Treat Tuna, Chicken & Egg Flavour	391-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ngô, bột gluten, bột lúa mì, thịt cá hồi, mỡ gia cầm, phụ phẩm gia cầm, bột đậu tương, bột trứng, bột cá, sản phẩm phụ của tôm, bột cá ngừ, nấm men khô, Taurine, chất chống oxi hóa (BHA, BHT), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0$ %; Protein thô (CP) $\geq 27,0$ %; Béo thô (Fat) $\geq 9,0$ %; Xơ thô (CF) $\leq 4,0$ %; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 10,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,33$ ppm.	Thức ăn bổ sung cho mèo trưởng thành.	Dạng viên, màu vàng cam.	Perfect Companion Group Co, Ltd.	Thailand	27/6/2022
1872	Smartheart Gold Salmon Meal & Rice - Medium to Large Breed Adult	392-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Cá hồi, gạo, cám gạo, protein đậu tương, dầu đậu tương, nấm men bột hoạt, củ cải đường, hạt lanh, dầu cá, Inulin, Mannan oligosaccharide, Beta-glucan, Fructo oligosaccharide, chất chống oxi hóa tự nhiên (Vitamin E, chiết xuất từ thảo dược Rosemary), chiết xuất từ Yucca, Biotin, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein thô (CP) $\geq 28,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.500,0$ Kcal/kg; Béo thô (Fat) $\geq 14,0$ %; Xơ thô (CF) $\leq 3,5$ %; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 10,0$ %; Lysine $\geq 0,63$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,65$ %; Threonine $\geq 0,48$ %; Canxi (Ca): 0,5 - 2,5 %; Phốtpho (P): 0,4 - 1,6 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,33$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó trưởng thành.	Dạng viên, màu nâu.	Perfect Companion Group Co, Ltd.	Thailand	27/6/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1873	Smartheart Gold Salmon Meal & Rice - Adult Small Breed	393-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Cá hồi, gạo, cám gạo, protein đậu tương, dầu đậu tương, nấm men bất hoạt, củ cải đường, hạt lanh, dầu cá, Inulin, Biotin, Mannan oligosaccharide, Beta-glucan, Fructo oligosaccharide, chất chống oxi hóa tự nhiên (Vitamin E, chiết xuất từ thảo dược Rosemary), chiết xuất từ Yucca, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Protein thô (CP) $\geq 28,0\%$; Năng lượng trao đổi $\geq 3.500,0$ Kcal/kg; Béo thô (Fat) $\geq 14,0\%$; Xơ thô (CF) $\leq 3,5\%$; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 10,0\%$; Lysine $\geq 0,63\%$; Methionine + Cystine $\geq 0,65\%$; Threonine $\geq 0,48\%$; Canxi (Ca): $0,5 - 2,5\%$; Phốtpho (P): $0,4 - 1,6\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,33$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó trưởng thành.	Dạng viên, màu nâu.	Perfect Companion Group Co, Ltd.	Thailand	27/6/2022
1874	Smartheart Gold Lamb & Rice - Medium to Large Breed Dog	394-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt cừu, gạo, cám gạo, protein đậu tương, dầu đậu tương, nấm men bất hoạt, hạt lanh, dầu cá, Biotin, Mannan oligosaccharide, Beta-glucan, Fructo oligosaccharide, chất chống oxi hóa tự nhiên (Mixed tocopherols, chiết xuất từ thảo dược Rosemary), chiết xuất từ Yucca, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Protein thô (CP) $\geq 26,0\%$; Năng lượng trao đổi $\geq 3.500,0$ Kcal/kg; Béo thô (Fat) $\geq 16,0\%$; Xơ thô (CF) $\leq 4,0\%$; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 10,0\%$; Lysine $\geq 0,63\%$; Methionine + Cystine $\geq 0,65\%$; Threonine $\geq 0,48\%$; Canxi (Ca): $0,5 - 2,5\%$; Phốtpho (P): $0,4 - 1,6\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,33$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó trưởng thành.	Dạng viên, màu nâu.	Perfect Companion Group Co, Ltd.	Thailand	27/6/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1875	Smarthearth Gold Lamb & Rice - Adult Small Breeds Dog	395-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt cừu, gạo, cám gạo, protein đậu tương, dầu đậu tương, nấm men bất hoạt, hạt lanh, dầu cá, Biotin, Mannan oligosaccharide, Beta-glucan, Fructo oligosaccharide, chất chống oxy hóa tự nhiên (Mixed tocopherols, chiết xuất từ thảo dược Rosemary), chiết xuất từ Yucca, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein thô (CP) $\geq 27,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.500,0$ Kcal/kg; Béo thô (Fat) $\geq 17,0$ %; Xơ thô (CF) $\leq 4,0$ %; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 10,0$ %; Lysine $\geq 0,63$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,65$ %; Threonine $\geq 0,48$ %; Canxi (Ca): $0,5 - 2,5$ %; Phốtpho (P): $0,4 - 1,6$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,33$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó trưởng thành.	Dạng viên, màu nâu.	Perfect Companion Group Co, Ltd.	Thailand	27/6/2022
1876	Biotronic Top forte	396-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các axit hữu cơ (Formic, Propionic), chất tạo mùi và chất mang (khoáng vermiculite). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 15,0$ %; Axit Formic $\geq 18,9$ %; Axit Propionic $\geq 17,1$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli ≤ 10 CFU/g; As $\leq 8,0$ ppm; Pb $\leq 11,0$ ppm.	Bổ sung các axit hữu cơ trong thức ăn cho gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	Biomin GmbH.	Austria	27/6/2022
1877	Biotronic PX Top3	397-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Calcium formate, chất tạo mùi và chất mang (axit Silicic). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Axit Formic $\geq 49,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g; E. coli ≤ 10 CFU/g; As $\leq 8,0$ ppm; Pb $\leq 11,0$ ppm.	Bổ sung axit hữu cơ trong thức ăn cho gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột, màu trắng.	Biomin GmbH.	Austria	27/6/2022
1878	Phyopson	398-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất thực vật Dandelion (cây Bồ công anh) (65,0%), Red Clover (cỏ Ba lá đỏ) (5,0%), chất phụ gia và chất mang (Silicon dioxide và bột vỏ trấu). - Chỉ tiêu chất lượng: Tổng số flavonoids $\geq 4,0$ %; Tổng số isoflavonoids $\geq 0,1$ %; Độ ẩm $\leq 13,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25g, E.coli < 10 CFU/g; As $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 40,0$ ppm.	Bổ sung chiết xuất thực vật trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện năng suất vật nuôi.	Dạng bột, màu vàng hơi nâu.	Beijing Keepyoung Technology Co., Ltd.	China	27/6/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1879	Impim	399-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất thực vật Dandelion (cây Bồ công anh) (50,0%), Glycyrrhiza (cây Cam thảo) (10,0%), chất phụ gia và chất mang (Silicon dioxide và bột vỏ trấu). - Chỉ tiêu chất lượng: Tổng số flavonoids $\geq 2,0$ %; Glycyrrhizic acid $\geq 0,1$ %; Độ ẩm $\leq 13,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25g, E.coli < 10 CFU/g; As $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 40,0$ ppm.	Bổ sung chiết xuất thực vật trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện năng suất vật nuôi.	Dạng bột, màu vàng hơi nâu.	Beijing Keepyoung Technology Co., Ltd.	China	27/6/2022
1880	Imuty	400-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất thực vật Quassia (cây Khổ mộc) (50,0%), Glycyrrhiza (cây Cam thảo) (10,0%), chất phụ gia và chất mang (Silicon dioxide và bột vỏ trấu). - Chỉ tiêu chất lượng: Polysaccharide $\geq 3,5$ %; Glycyrrhizic acid $\geq 0,1$ %; Độ ẩm $\leq 13,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25g, E.coli < 10 CFU/g; As $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 40,0$ ppm.	Bổ sung chiết xuất thực vật trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện năng suất vật nuôi.	Dạng bột, màu vàng hơi nâu.	Beijing Keepyoung Technology Co., Ltd.	China	27/6/2022
1881	Hepatodox	401-6/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất Atiso, Calcium D-Pantothenate, Vitamin B12, Betaine, Vitamin B6, Nicotinic acid, L-carnitine, L-Lysine, DL-methionine, chất bảo quản (Potassium sorbate), chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1 lít): Cynarin (từ chiết xuất Atiso) $\geq 18.000,0$ mg; Calcium-D-Pantothenate $\geq 900,0$ mg; vitamin B6 $\geq 450,0$ mg; vitamin B12 $\geq 1,35$ mg; Niacin $\geq 135,0$ mg; Betaine $\geq 5.400,0$ mg; L-carnitine $\geq 4.500,0$ mg; L-Lysine $\geq 1.800,0$ mg; DL-Methionine $\geq 9.000,0$ mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25ml, E.coli < 10 CFU/ml; Pb $\leq 1,5$ mg/l; Cd $\leq 0,15$ mg/l; As $\leq 1,0$ mg/l; Hg $\leq 0,05$ mg/l.	Bổ sung premix vitamin, axit amin cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu nâu hồ phách.	Dox-Al Italia S.P.A.	Italy	30/6/2022
1882	Pro B-S	402-7/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bacillus licheniformis, Bacillus subtilis, Bacillus pumilus, chất mang (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Bacillus subtilis $\geq 10^9$ CFU/kg; Bacillus licheniformis $\geq 10^9$ CFU/kg; Bacillus pumilus $\geq 10^9$ CFU/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện trong 25g; Cd $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 20,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung hỗn hợp vi khuẩn có lợi trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa.	Dạng bột, màu nâu sáng.	Vet Superior Consultant Co., Ltd.	Thailand	7/7/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1883	Shu Ti Qing A	403-7/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Nấm men bất hoạt giàu Selen và Crôm, Kẽm proteinate, Chelate Zn-Methionine, Sắt proteinate, Chelate Fe-Methionine, Đồng proteinate, Chelate Cu-Methionine, Mangan proteinate, Chelate Mn-Methionine, môi trường lên men nấm men Saccharomyces cerevisiae, protein lúa mì thủy phân, protein gạo, gluten ngô, protein đậu tương thủy phân, chất bảo quản (Ethoxyquin, canxi formate). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1 kg): Đồng (Cu): 1.120,0 - 1.680,0 mg; Mangan (Mn): 2.880,0 - 4.320,0 mg; Selen (Se): 57,0 - 85,0 mg; Crôm (Cr): 86,0 - 130,0 mg; Sắt (Fe): 3.840,0 - 5.760,0 mg; Kẽm (Zn): 10.400,0 - 15.600,0 mg; Protein $\geq 43,0$ %; Độ ẩm $\leq 10,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 40,0$ ppm; Cd $\leq 10,0$ ppm; Salmonella không phát hiện trong 25g; E.coli < 10 CFU/g.	Bổ sung premix khoáng hữu cơ (Cu, Mn, Se, Cr, Fe, Zn) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng hoặc nâu.	Guangzhou Prosyn Biological Technology Co., Ltd.	China	7/7/2022
1884	Iberfeed Columvital	404-7/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin tổng hợp (A, D3, E, B1, B2, B6, B12, K3, C), Calcium panthotenate, Nicotinamide, Folic acid, chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1 lít): Vitamin A $\geq 2,0 \times 10^7$ IU; Vitamin D3 $\geq 4,0 \times 10^6$ IU; Vitamin E $\geq 10,0$ g; Vitamin B1 $\geq 3,0$ g; Vitamin B2 $\geq 2,0$ g; Vitamin B6 $\geq 2,0$ g; Vitamin B12 $\geq 30,0$ mg; Vitamin K3 $\geq 5,0$ g; Vitamin C $\geq 3,0$ g; Calcium panthotenate $\geq 10,0$ g; Nicotinamide $\geq 20,0$ g; Folic acid $\geq 50,0$ g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25 g, E. coli không phát hiện trong 1g.	Bổ sung premix vitamin cho gia súc, gia cầm	Dạng lỏng, màu đỏ trong.	Biovet, S.A.	Spain	7/7/2022
1885	Essenzia Red 501	405-7/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Canthaxanthin tổng hợp, chất chống oxy hóa (BHT, BHA), chất mang (tinh bột ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Canthaxanthin $\geq 10,0$ %; Độ ẩm $\leq 8,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25g, E.coli < 10 CFU/g; tổng Aflatoxin (B1, B2, G1, G2) < 50,0 ppb.	Bổ sung chất tạo màu Canthaxanthin trong thức ăn chăn nuôi gia cầm nhằm cải thiện màu vàng da và lòng đỏ trứng.	Dạng hạt, màu đỏ đến tím.	Roha Dyechem (Thailand) Ltd.	Thailand	11/7/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1886	Essenzia Red 502	406-7/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Canthaxanthin tổng hợp, chất chống oxy hóa (BHT, BHA), chất mang (CaCO₃). - Chỉ tiêu chất lượng: Canthaxanthin $\geq 1,0$ %; Độ ẩm $\leq 8,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 3,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Pb $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung chất tạo màu Canthaxanthin trong thức ăn chăn nuôi gia cầm nhằm cải thiện màu vàng da và lòng đỏ trứng.	Dạng bột, màu hồng đỏ.	Roha Dyechem (Thailand) Ltd.	Thailand	11/7/2022
1887	Essenzia Golden Yellow F101	407-7/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất hoa cúc vạn thọ (Xanthophylls), chất chống oxy hóa (BHT, BHA), chất chống vón (SiO₂), chất mang (cám gạo). - Chỉ tiêu chất lượng: Xanthophylls $\geq 2,0$ %; Độ ẩm $\leq 12,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25g, E.coli < 10 CFU/g; tổng Aflatoxin (B1, B2, G1, G2) $\leq 50,0$ ppb.	Bổ sung chất tạo màu Xanthophylls trong thức ăn chăn nuôi gia cầm nhằm cải thiện màu vàng da và lòng đỏ trứng.	Dạng bột, màu vàng.	Roha Dyechem (Thailand) Ltd.	Thailand	11/7/2022
1888	Essenzia Golden Yellow F107	408-7/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất hoa cúc vạn thọ (Xanthophylls), chất chống oxy hóa (BHT, BHA), chất chống vón (SiO₂), chất mang (cám gạo). - Chỉ tiêu chất lượng: Xanthophylls $\geq 1,0$ %; Độ ẩm $\leq 12,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25g, E.coli < 10 CFU/g; tổng Aflatoxin (B1, B2, G1, G2) $\leq 50,0$ ppb.	Bổ sung chất tạo màu Xanthophylls trong thức ăn chăn nuôi gia cầm nhằm cải thiện màu vàng da và lòng đỏ trứng.	Dạng bột, màu vàng.	Roha Dyechem (Thailand) Ltd.	Thailand	11/7/2022
1889	Essenzia Golden Yellow F108	409-7/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất hoa cúc vạn thọ (Xanthophylls), chất chống oxy hóa (BHT, BHA), chất chống vón (SiO₂), chất mang (cám gạo). - Chỉ tiêu chất lượng: Xanthophylls $\geq 4,0$ %; Độ ẩm $\leq 12,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25g, E.coli < 10 CFU/g; tổng Aflatoxin (B1, B2, G1, G2) $\leq 50,0$ ppb.	Bổ sung chất tạo màu Xanthophylls trong thức ăn chăn nuôi gia cầm nhằm cải thiện màu vàng da và lòng đỏ trứng.	Dạng bột, màu vàng.	Roha Dyechem (Thailand) Ltd.	Thailand	11/7/2022
1890	Essenzia Marigold Oleoresin	410-7/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất hoa cúc vạn thọ. - Chỉ tiêu chất lượng: Xanthophylls $\geq 10,0$ %; Độ ẩm $\leq 30,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25g, E.coli < 10 CFU/g; tổng Aflatoxin (B1, B2, G1, G2) $\leq 50,0$ ppb.	Bổ sung chất tạo màu Xanthophylls trong thức ăn chăn nuôi gia cầm nhằm cải thiện màu vàng da và lòng đỏ trứng.	Dạng sáp, màu nâu sẫm.	Roha Dyechem (Thailand) Ltd.	Thailand	11/7/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1891	Copper Sulfate Feed Grade I Type	411-7/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Đồng sunphate ($\text{CuSO}_4.5\text{H}_2\text{O}$) với độ tinh khiết $\geq 98,5\%$. - Chỉ tiêu chất lượng: Đồng (Cu) $\geq 25,0\%$. - Chỉ tiêu an toàn: As $\leq 5,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 30,0$ ppm; Hg $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung khoáng Đồng vô cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng tinh thể, màu xanh.	Sichuan Combell Biotechnology Co., Ltd.	China	13/7/2022
1892	Ferrous Sulfate Feed Grade I Type	412-7/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sắt sunphate ($\text{FeSO}_4.\text{H}_2\text{O}$) với độ tinh khiết $\geq 91,4\%$. - Chỉ tiêu chất lượng: Sắt (Fe) $\geq 30,0\%$. - Chỉ tiêu an toàn: As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 20,0$ ppm; Cd $\leq 20,0$ ppm; Hg $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung khoáng Sắt vô cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng hoặc trắng kem.	Sichuan Combell Biotechnology Co., Ltd.	China	13/7/2022
1893	Manganese Sulfate Feed Grade I Type	413-7/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Mangan sunphate ($\text{MnSO}_4.\text{H}_2\text{O}$) với độ tinh khiết $\geq 98,0\%$. - Chỉ tiêu chất lượng: Mangan (Mn) $\geq 31,8\%$. - Chỉ tiêu an toàn: As $\leq 5,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 30,0$ ppm; Hg $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung khoáng Mangan vô cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng đến hồng nhạt kem.	Sichuan Combell Biotechnology Co., Ltd.	China	13/7/2022
1894	Magnesium Sulfate Feed Grade I Type	414-7/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Magiê sunphate ($\text{MgSO}_4.\text{H}_2\text{O}$) với độ tinh khiết $\geq 91,4\%$. - Chỉ tiêu chất lượng: Magiê (Mg) $\geq 16,0\%$. - Chỉ tiêu an toàn: As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung khoáng Magiê vô cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	Sichuan Combell Biotechnology Co., Ltd.	China	13/7/2022
1895	Zinc Sulfate Feed Grade I Type	415-7/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Kẽm sunphate ($\text{ZnSO}_4.\text{H}_2\text{O}$) với độ tinh khiết $\geq 94,7\%$. - Chỉ tiêu chất lượng: Kẽm (Zn) $\geq 34,5\%$. - Chỉ tiêu an toàn: As $\leq 5,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,5$ ppm; Cd $\leq 10,0$ ppm.	Bổ sung khoáng Kẽm vô cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng hoặc trắng kem.	Sichuan Combell Biotechnology Co., Ltd.	China	13/7/2022
1896	Zinc Sulfate Feed Grade II Type	416-7/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Kẽm sunphate ($\text{ZnSO}_4.\text{H}_2\text{O}$) với độ tinh khiết $\geq 92,0\%$. - Chỉ tiêu chất lượng: Kẽm (Zn) $\geq 33,5\%$. - Chỉ tiêu an toàn: As $\leq 5,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,5$ ppm; Cd $\leq 10,0$ ppm.	Bổ sung khoáng Kẽm vô cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng hoặc trắng kem.	Sichuan Combell Biotechnology Co., Ltd.	China	13/7/2022
1897	Zinc Oxide Feed Grade I Type	417-7/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Kẽm ôxit (ZnO) với độ tinh khiết $\geq 95,0\%$. - Chỉ tiêu chất lượng: Kẽm (Zn) $\geq 76,3\%$. - Chỉ tiêu an toàn: As $\leq 5,0$ ppm; Pb $\leq 20,0$ ppm; Hg $\leq 0,5$ ppm; Cd $\leq 8,0$ ppm.	Bổ sung khoáng Kẽm vô cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng hoặc trắng kem.	Sichuan Combell Biotechnology Co., Ltd.	China	13/7/2022
1898	Zinc Oxide Feed Grade II Type	418-7/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Kẽm ôxit (ZnO) với độ tinh khiết $\geq 93,4\%$. - Chỉ tiêu chất lượng: Kẽm (Zn) $\geq 75,0\%$. - Chỉ tiêu an toàn: As $\leq 5,0$ ppm; Pb $\leq 20,0$ ppm; Hg $\leq 0,5$ ppm; Cd $\leq 8,0$ ppm.	Bổ sung khoáng Kẽm vô cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng hoặc trắng kem.	Sichuan Combell Biotechnology Co., Ltd.	China	13/7/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1899	Delicio with Shrimp & Veggie Flavour	419-7/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bột lúa mỳ, cá hồi, glycerin, gluten lúa mỳ, đường, tôm khô, cải xoăn, dầu thực vật (dầu cọ, dầu hướng dương), Gelatin, gan gà, Sodium bicarbonate, chiết xuất nấm men, gạo, chất tạo hương (C331, VE-0989), chất tạo màu (Natracol Titanium dioxide), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 17,0\%$; Protein thô (CP) $\geq 18,0\%$; Xơ thô (CF) $\leq 2,0\%$; Béo thô (Fat) $\geq 8,0\%$; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 4,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn bổ sung cho chó hương vị tôm và rau.	Dạng que dẻo, màu nâu nhạt.	S.I.P. Siam Inter Pacific Co, Ltd.	Thailand	13/7/2022
1900	Delicio with Chicken & Carrot Flavour	420-7/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bột lúa mỳ, cá hồi, glycerin, gluten lúa mỳ, đường, thịt gà, cà rốt, gạo, chất tạo mùi (hương vị thịt gà-C331, VE-0989), dầu thực vật (dầu cọ, dầu hướng dương), Gelatin, gan gà, Sodium bicarbonate, chất bảo quản (Sodium propionate), chiết xuất nấm men khô, protease, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 17,0\%$; Protein thô (CP) $\geq 18,0\%$; Xơ thô (CF) $\leq 2,0\%$; Béo thô (Fat) $\geq 8,0\%$; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 4,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn bổ sung cho chó hương vị thịt gà và cà rốt.	Dạng que dẻo, màu nâu nhạt.	S.I.P. Siam Inter Pacific Co, Ltd.	Thailand	13/7/2022
1901	Delicio with BBQ Flavour	421-7/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bột lúa mỳ, cá hồi, glycerin, gluten lúa mỳ, đường, chất tạo mùi (hương vị thịt xông khói (VE-1980, VE-0988); Hương vị thịt gà (C331)), gạo, Gelatin, gan gà, Sodium bicarbonate, chiết xuất nấm men, chất bảo quản (Sodium propionate), dầu thực vật (dầu cọ, dầu hướng dương), chất tạo màu (Idacol FD&C Yellow No. 6 powder), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 17,0\%$; Protein thô (CP) $\geq 18,0\%$; Xơ thô (CF) $\leq 2,0\%$; Béo thô (Fat) $\geq 8,0\%$; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 4,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn bổ sung cho chó hương vị thịt xông khói	Dạng que dẻo, màu đỏ.	S.I.P. Siam Inter Pacific Co, Ltd.	Thailand	13/7/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1902	Delicio with Veggies Flavour	422-7/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bột lúa mỳ, cá hồi, glycerin, gluten lúa mỳ, đường, bột gạo, chất tạo mùi hương vị thịt gà(C331, VE-0989), dầu thực vật (dầu cọ, dầu hướng dương), Gelatin, gan gà, Sodium bicarbonate, chiết xuất nấm men, chất bảo quản (Sodium propionate), chất tạo màu (Idacol FD&C Yellow No. 1 powder; Idacol FD&C Yellow No.5 powder), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 17,0\%$; Protein thô (CP) $\geq 18,0\%$; Xơ thô (CF) $\leq 2,0\%$; Béo thô (Fat) $\geq 8,0\%$; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 4,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn bổ sung cho chó hương vị rau.	Dạng que dẻo, màu xanh.	S.I.P. Siam Inter Pacific Co, Ltd.	Thailand	13/7/2022
1903	Delicio with Milk Flavour	423-7/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bột lúa mỳ, cá hồi, glycerin, gluten lúa mỳ, đường, kem sữa, dầu thực vật (dầu cọ, dầu hướng dương), chất tạo mùi hương vị thịt gà (C331, VE-0989), Gelatin, gan gà, Sodium bicarbonate, chiết xuất nấm men, chất bảo quản (Sodium propionate), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 17,0\%$; Protein thô (CP) $\geq 18,0\%$; Xơ thô (CF) $\leq 2,0\%$; Béo thô (Fat) $\geq 8,0\%$; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 4,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn bổ sung cho chó hương vị sữa.	Dạng que dẻo, màu vàng nhạt.	S.I.P. Siam Inter Pacific Co, Ltd.	Thailand	13/7/2022
1904	Delicio with Liver Flavour	424-7/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bột lúa mỳ, cá hồi, glycerin, gluten lúa mỳ, gạo, đường, gan gà, dầu thực vật (dầu cọ, dầu hướng dương), chất tạo mùi (hương vị thịt gà (C331) và hương vị gan (VE-0987)), Gelatin, Sodium bicarbonate, chiết xuất nấm men, chất bảo quản (Sodium propionate), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 17,0\%$; Protein thô (CP) $\geq 18,0\%$; Xơ thô (CF) $\leq 2,0\%$; Béo thô (Fat) $\geq 8,0\%$; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 4,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn bổ sung cho chó hương vị gan.	Dạng que dẻo, màu nâu vàng.	S.I.P. Siam Inter Pacific Co, Ltd.	Thailand	13/7/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1905	Delicio with Cheddar Cheese Flavour	425-7/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bột lúa mỳ, cá hồi, glycerin, gluten pho mát, gạo, đường, dầu thực vật (dầu cọ, dầu hướng dương), chất tạo mùi hương vị thịt gà (C331), sữa bột, Gelatin, Sodium bicarbonate, chiết xuất nấm men, chất bảo quản (Sodium propionate), chất tạo màu (Natracol Titanium Dioxide, Idacol FD & C Yellow No.5 powder, Idacol FD & C Yellow No.6 powder), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 17,0\%$; Protein thô (CP) $\geq 18,0\%$; Xơ thô (CF) $\leq 2,0\%$; Béo thô (Fat) $\geq 8,0\%$; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 4,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn bổ sung cho chó hương vị pho mát.	Dạng dẻo hình tam giác, màu vàng.	S.I.P. Siam Inter Pacific Co, Ltd.	Thailand	13/7/2022
1906	Goodies Milky Bone	426-7/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Tinh bột sắn, bột thịt gà, glycerin, bột sữa, gelatin, dầu cọ, Cellulose, chất tạo màu (Natracol Titanium Dioxide), chất tạo mùi (hương vị sữa-2500630), chất bảo quản (Sodium propionate) và bột đá. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 17,0\%$; Protein thô (CP) $\geq 16,0\%$; Xơ thô (CF) $\leq 3,0\%$; Béo thô (Fat) $\geq 3,0\%$; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 7,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $< 2,0$ ppm; Hg $< 0,4$ ppm.	Thức ăn bổ sung cho chó hương vị sữa.	Dạng hình xương, màu trắng.	S.I.P. Siam Inter Pacific Co, Ltd.	Thailand	13/7/2022
1907	Goodies Bone Shape Strawberry Flavour	427-7/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Tinh bột sắn, bột thịt gà, glycerin, bột sữa, gelatin, dầu cọ, Cellulose, chất tạo màu (Natracol Titanium Dioxide), chất tạo mùi (hương dâu tây-41.543), chất bảo quản (Sodium propionate) và bột đá. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 17,0\%$; Protein thô (CP) $\geq 16,0\%$; Xơ thô (CF) $\leq 3,0\%$; Béo thô (Fat) $\geq 3,0\%$; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 7,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $< 2,0$ ppm; Hg $< 0,4$ ppm.	Thức ăn bổ sung cho chó hương vị dâu tây.	Dạng hình xương, màu hồng.	S.I.P. Siam Inter Pacific Co, Ltd.	Thailand	13/7/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1908	Goodies Stick Shape Lamb Flavour	428-7/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Gạo, Glycerin, Gluten lúa mỳ, tinh bột sắn, gan gà, dầu cọ, Fructo oligosacchride, chất tạo mùi (hương vị thịt cừu-VE-1978), chất tạo màu (Natracol Titanium Dioxide, Idacol FD&C Red No.40 podwer), Cellulose, chất bảo quản (Sodium propionate) và bột đá. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 14,0\%$; Protein thô (CP) $\geq 10,0\%$; Xơ thô (CF) $\leq 2,0\%$; Béo thô (Fat) $\geq 1,0\%$; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 4,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn bổ sung cho chó hương vị thịt cừu.	Dạng que dẻo, màu đỏ.	S.I.P. Siam Inter Pacific Co, Ltd.	Thailand	13/7/2022
1909	Goodies Stick Shape Liver Flavour	429-7/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Gạo, Glycerin, Gluten lúa mỳ, tinh bột sắn, gan gia cầm, dầu cọ, Fructo oligosacchride, Cellulose, chất tạo màu (Natracol Titanium Dioxide, Idacol FD&C Yellow No.6 powder, Idacol FD&C Blue No.1 powder, Idacol FD&C Yellow No.5 powder, Idacol FD&C Red No.40 powder), chất bảo quản (Sodium propionate) và bột đá. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 14,0\%$; Protein thô (CP) $\geq 10,0\%$; Xơ thô (CF) $\leq 2,0\%$; Béo thô (Fat) $\geq 1,0\%$; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 4,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn bổ sung cho chó hương vị gan.	Dạng que dẻo, màu vàng nhạt.	S.I.P. Siam Inter Pacific Co, Ltd.	Thailand	13/7/2022
1910	Goodies Stick Shape Veggie Flavour	430-7/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Gạo, Glycerin, Gluten lúa mỳ, tinh bột sắn, gan gia cầm, dầu cọ, Fructo oligosacchride, Cellulose, chất tạo màu (Natracol Titanium Dioxide, Idacol FD&C Blue No.1 powder, Idacol FD&C Yellow No.5 powder, Idacol FD&C Yellow No.6 powder, Idacol FD&C Red No.40 powder), chất bảo quản (Sodium propionate) và bột đá. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 14,0\%$; Protein thô (CP) $\geq 10,0\%$; Xơ thô (CF) $\leq 2,0\%$; Béo thô (Fat) $\geq 1,0\%$; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 4,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn bổ sung cho chó hương vị rau.	Dạng que dẻo, màu xanh.	S.I.P. Siam Inter Pacific Co, Ltd.	Thailand	13/7/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1911	Goodies Stick Shape Milk Flavour	431-7/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Gạo, Glycerin, Gluten lúa mì, tinh bột sắn, kem sữa, dầu cọ, Fructo oligosacchride, Cellulose, chất tạo màu (Natracol Titanium Dioxide), chất bảo quản (Sodium propionate) và bột đá. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 14,0$ %; Protein thô (CP) $\geq 10,0$ %; Xơ thô (CF) $\leq 2,0$ %; Béo thô (Fat) $\geq 1,0$ %; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 4,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $< 2,0$ ppm; Hg $< 0,4$ ppm.	Thức ăn bổ sung cho chó hương vị sữa.	Dạng que dẻo, màu trắng.	S.I.P. Siam Inter Pacific Co, Ltd.	Thailand	13/7/2022
1912	Goodies Green Brush Shape Chicken Flavour	432-7/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Tinh bột khoai tây, Glycerin, tinh bột sắn, Gluten lúa mì, Gelatin, dầu cọ, Cellulose, gan gia cầm, chất tạo mùi (hương vị thịt gà-VE-0989), Fructo oligosacchride, chất tạo màu (Natracol Titanium Dioxide, Idacol FD&C Blue No.1 powder, Idacol FD&C Yellow No.6 powder, Idacol FD&C Yellow No.5 powder, Idacol FD&C Red No.40 powder), chất bảo quản (Sodium propionate) và bột đá. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 14,0$ %; Protein thô (CP) $\geq 10,0$ %; Xơ thô (CF) $\leq 2,0$ %; Béo thô (Fat) $\geq 3,0$ %; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 5,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn bổ sung cho chó hương vị thịt gà.	Dạng que hình bàn chải đánh răng, màu xanh.	S.I.P. Siam Inter Pacific Co, Ltd.	Thailand	13/7/2022
1913	O'Nature Salmon & Pumpkin	433-7/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bột thịt gà, khoai lang, bột mì, bột bí đỏ, mỡ gà, củ cải đường, dẫn xuất protein (cá hồi, thịt gà thủy phân), hạt lanh, bột cá, bột trứng, inuline, taurine, canxiphotphat, Kali Chloride, Choline Chloride, premix vitamin và khoáng, muối, chiết xuất yucca, chất chống oxy hóa, chất chống mốc. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 14,0$ %; Protein thô $\geq 27,0$ %; Mỡ thô $\geq 15,0$ %; Canxi: 0,9 - 1,8 %; Phôpho: 0,9 - 1,8 %; Xơ $\leq 4,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 8,0$ %; Lysine tổng số $\geq 1,242$ %. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli không có trong 1 g; Salmonella không có trong 25 g.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh (hương vị cá hồi và bí đỏ) cho chó.	Dạng hạt, màu vàng nhạt đến nâu nhạt.	CJ Cheiljedang Corp.	Korea	13/7/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1914	O'Nature Salmon & Vegetable	434-7/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bột thịt gà, khoai lang, bột mì, mỡ gà, củ cải đường, dẫn xuất protein (cá hồi, thịt gà thủy phân), hạt lanh, bột cá, bột trứng, inuline, hỗn hợp rau, taurine, canxiphotphat, Kali Chloride, Choline Chloride, premix vitamin và khoáng, muối, chiết xuất yucca, chất chống oxy hóa, chất chống mốc. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 14,0\%$; Protein thô $\geq 27,0\%$; Mỡ thô $\geq 15,0\%$; Canxi: $0,9 - 1,8\%$; Phôpho: $0,9 - 1,8\%$; Xơ $\leq 4,0\%$; Khoáng tổng số $\leq 8,0\%$; Lysine tổng số $\geq 1,242\%$. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli không có trong 1 g; Salmonella không có trong 25 g.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh (hương vị cá hồi và rau) cho chó.	Dạng hạt, màu vàng nhạt đến nâu nhạt.	CJ Cheiljedang Corp.	Korea	13/7/2022
1915	O'Nature Catcare	435-7/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bột ngũ cốc, bột thịt gà, thịt cừu, vỏ hạt ngũ cốc, mỡ gà, củ cải đường, canxiphotphat, bột đá, bột trứng, hạt lanh, xơ thực vật, axit photphoric, Choline Chloride, muối, thức ăn xơ lên men, premix khoáng đa vi lượng và vitamin, chất tạo mùi, chất axit hóa, DL-Methionine, chất chống oxy hóa. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 14,0\%$; Protein thô $\geq 30,0\%$; Mỡ thô $\geq 9,0\%$; Canxi: $1,3 - 2,6\%$; Phôpho: $0,8 - 1,6\%$; Xơ $\leq 4,0\%$; Khoáng tổng số $\leq 9,0\%$; Lysine tổng số $\geq 1,242\%$. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli không có trong 1 g; Salmonella không có trong 25 g.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho mèo.	Dạng hạt, màu vàng nhạt đến nâu nhạt.	CJ Cheiljedang Corp.	Korea	11/7/2022
1916	O'Fresh Catcare	436-7/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bột ngũ cốc, bột thịt gà, thịt cừu, vỏ hạt ngũ cốc, mỡ gà, củ cải đường, canxiphotphat, bột đá, bột trứng, hạt lanh, xơ thực vật, axit photphoric, Choline Chloride, muối, thức ăn xơ lên men, premix khoáng đa vi lượng và vitamin, chất tạo mùi, chất axit hóa, DL-Methionine, chất chống oxy hóa. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 14,0\%$; Protein thô $\geq 30,0\%$; Mỡ thô $\geq 10,0\%$; Canxi: $1,3 - 2,6\%$; Phôpho: $0,9 - 1,8\%$; Xơ $\leq 3,0\%$; Khoáng tổng số $\leq 8,0\%$; Lysine tổng số $\geq 1,242\%$. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli không có trong 1 g; Salmonella không có trong 25 g.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho mèo.	Dạng hạt, màu vàng nhạt đến nâu nhạt.	CJ Cheiljedang Corp.	Korea	11/7/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1917	Mycosorb	437-7/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất Beta-glucan từ nấm men thủy phân (<i>Saccharomyces cerevisiae</i>), ngũ cốc lên men và chất chống kết dính (Hydrated sodium calcium aluminosilicate). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0\%$; Beta-glucan $\geq 18,0\%$ - Chỉ tiêu an toàn: <i>E. coli</i> $\leq 10,0$ CFU/g; <i>Salmonella</i> : không phát hiện trong 25g.	Bổ sung chất hấp phụ độc tố nấm mốc trong thức ăn gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu.	Alltech Inc.	USA	12/7/2022
1918	Diarr-Stop S Forte	438-7/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: tinh dầu và chiết xuất thực vật (<i>Oregano oil</i> , <i>Thyme oil</i> , <i>Castanea sativa extract</i>), chất mang (bột mì). - Chỉ tiêu chất lượng: Thymol và cavarol $\geq 1,0\%$; Tannic acid $\geq 7,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $< 2,0$ ppm; Pb $< 5,0$ ppm; Hg $< 0,1$ ppm; Cd $< 0,5$ ppm.	Bổ sung tinh dầu và chiết xuất thực vật trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa.	Dạng bột, màu nâu.	Pharmatéka Preventive Kft. Uzem.	Hungary	19/7/2022
1919	Diarr-Stop B 0.25%	439-7/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: tinh dầu và chiết xuất thực vật (<i>Oregano oil</i> , <i>Thyme oil</i> , <i>Castanea sativa extract</i>), chất mang (bột ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Thymol và cavarol $\geq 1,0\%$; Tannic acid $\geq 8,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $< 2,0$ ppm; Pb $< 5,0$ ppm; Hg $< 0,1$ ppm; Cd $< 0,5$ ppm.	Bổ sung tinh dầu và chiết xuất thực vật trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa.	Dạng bột, màu nâu.	Pharmatéka Preventive Kft. Uzem.	Hungary	19/7/2022
1920	Heparob BS Conc	440-7/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Choline chloride, chất mang (bột mì). - Chỉ tiêu chất lượng: Choline $\geq 4,2\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $< 2,0$ ppm; Pb $< 5,0$ ppm; Hg $< 0,1$ ppm; Cd $< 0,5$ ppm; <i>E. coli</i> không có trong 1 g; <i>Salmonella</i> không có trong 25 g.	Bổ sung Choline trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng hạ nhỏ, màu be.	Pharmatéka Preventive Kft. Uzem.	Hungary	19/7/2022
1921	Combivit-Se	441-7/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin (A, D3, E), chiết xuất lòng trắng trứng, Natri selenite, chất mang (dextrose). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1 kg): Vitamin A $\geq 3,0 \times 10^7$ IU; vitamin D3 $\geq 4,0 \times 10^6$ IU; vitamin E $\geq 3,0 \times 10^4$ IU; Lysozyme $\geq 4,0 \times 10^8$ IU; Selen (Se): 180,0 - 220,0 mg; độ ẩm $\leq 12,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $< 2,0$ ppm; Pb $< 5,0$ ppm; Hg $< 0,1$ ppm; Cd $< 0,5$ ppm; <i>E. coli</i> không có trong 1 g; <i>Salmonella</i> không có trong 25 g.	Bổ sung các vitamin (A, D3, E), Selen, Lysozyme cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu.	Pharmatéka Preventive Kft. Uzem.	Hungary	19/7/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1922	Poultry Conditioner WS	442-7/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Methionine, Lysine, Kẽm sunphat, Đồng sunphat, Natri selenite, Kali iodate, Disulfua molybden, Natri bicarbonate, (chất nhũ hóa), chất chống ôxy hóa (axit Tartaric), chất mang (dextrose). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1 kg): Methionine $\geq$ 17,5 %; Lysine $\geq$ 10,0 %; Kẽm (Zn): 234,0 - 286,0 mg; Mangan (Mn): 216,0 - 264,0 mg; Đồng (Cu): 162,0 - 198,0 mg; Selen (Se): 90,0 - 110,0 mg; Iốt (I): 8,55 - 10,45 mg; Molybden (Mo): 2,25 - 2,75 mg; Natri (Na): 0,64 - 0,86 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As < 2,0 ppm; Pb < 5,0 ppm; Hg < 0,1 ppm; Cd < 0,5 ppm; E. coli không có trong 1 g; Salmonella không có trong 25 g	Bổ sung axit amin (Methionine và Lysine) và premix khoáng cho gia súc, gia cầm.	Dạng hạt nhỏ, màu be.	Pharmatéka Preventive Kft. Uzem.	Hungary	19/7/2022
1923	Fitmin Cat Purity Indoor	443-7/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Cá (cá trích tươi, cá tuyết, lươn biển, cá mè, cá hồi), khoai tây, đậu xanh, củ cải đường, nấm men, trứng gà, mỡ gà, dầu cá hồi, hạt lanh, cỏ alfalfa, nấm men bất hoạt (Saccharomyces cerevisiae), chiết xuất thảo dược (bồ công anh, hoa cúc, hoa bồ đề), củ cải đỏ, chiết xuất Yucca, chất chống oxi hóa (mixed tocopherol, tinh dầu từ hương thảo), chất bảo quản (axit fumaric, axit sorbic, calcium propionate), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq$ 10,0 %; Protein thô (CP) $\geq$ 28,0 %; Năng lượng trao đổi $\geq$ 3.410,0 Kcal/kg; Béo thô (Fat) $\geq$ 15,0 %; Xơ thô (CF) $\leq$ 5,0 %; Khoáng tổng số (Ash) $\leq$ 8,5 %; Lysine $\geq$ 0,45 %; Methionine + Cystine $\geq$ 0,45 %; Threonine $\geq$ 0,69 %; Canxi (Ca): 0,6 - 2,4 %; Phốtpho (P): 0,5 - 1,7 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq$ 5,0 ppm; As $\leq$ 2,0 ppm; Cd $\leq$ 2,0 ppm; Hg $\leq$ 0,4 ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho mèo trưởng thành.	Dạng viên, màu nâu.	Dibaq A.S.	Czech Republic	13/7/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1924	Fitmin Cat Purity Kitten	444-7/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt (gà, gan lợn, thịt vịt, thịt lợn, thịt bò, cá tuyết, lươn biển, cá mòi, cá hồi), khoai tây, đậu xanh, củ cải đường, nấm men, trứng gà, mỡ gà, dầu cá hồi, hạt lanh, nấm men bất hoạt (<i>Saccharomyces cerevisiae</i>), chiết xuất thảo dược (bồ công anh, hoa cúc, hoa bồ đề), củ cải đỏ, chiết xuất Yucca, chất chống oxi hóa (mixed tocopherol, tinh dầu từ hương thảo), chất bảo quản (axit fumaric, axit sorbic, calcium propionate), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein thô (CP) $\geq 35,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.610,0$ Kcal/kg; Béo thô (Fat) $\geq 19,0$ %; Xơ thô (CF) $\leq 4,2$ %; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 9,5$ %; Lysine $\geq 0,83$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,88$ %; Threonine $\geq 0,65$ %; Canxi (Ca): 0,7 - 2,4 %; Phốtpho (P): 0,5 - 1,7 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho mèo dưới 12 tháng tuổi, mèo mang thai và mèo đang nuôi con.	Dạng viên, màu nâu.	Dibaq A.S.	Czech Republic	13/7/2022
1925	Fitmin Cat Purity Hairball	445-7/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt (bò và gan, thịt bò, thịt gia cầm, gan lợn), khoai tây, đậu xanh, mỡ gà, củ cải đường, trứng gà, hạt lanh, dầu cá hồi, nấm men bất hoạt (<i>Saccharomyces cerevisiae</i>), chiết xuất thảo dược (bồ công anh, hoa cúc, hoa bồ đề), củ cải đỏ, chiết xuất Yucca, chất chống oxi hóa (mixed tocopherol, tinh dầu từ hương thảo), chất bảo quản (axit fumaric, axit sorbic, calcium propionate), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein thô (CP) $\geq 28,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.615,0$ Kcal/kg; Béo thô (Fat) $\geq 16,5$ %; Xơ thô (CF) $\leq 7,2$ %; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 9,0$ %; Lysine $\geq 0,45$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,45$ %; Threonine $\geq 0,69$ %; Canxi (Ca): 0,6 - 2,4 %; Phốtpho (P): 0,5 - 1,7 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho mèo trưởng thành.	Dạng viên, màu nâu.	Dibaq A.S.	Czech Republic	13/7/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1926	Fitmin Cat Purity Urinary	446-7/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt (gia cầm, gan lợn, cá tuyết, lươn biển, cá mè), khoai tây, đậu xanh, mỡ gà, củ cải đường, trứng gà, dầu cá hồi, nấm men bất hoạt (<i>Saccharomyces cerevisiae</i>), chiết xuất thảo dược (bồ công anh, hoa cúc, hoa bồ đề), củ cải đỏ, chiết xuất Yucca, chất chống oxi hóa (mixed tocopherol, tinh dầu từ hương thảo), chất bảo quản (axit fumaric, axit sorbic, calcium propionate), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein thô (CP) $\geq 31,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.610,0$ Kcal/kg; Béo thô (Fat) $\geq 17,5$ %; Xơ thô (CF) $\leq 4,2$ %; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 8,5$ %; Lysine $\geq 0,45$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,45$ %; Threonine $\geq 0,69$ %; Canxi (Ca): 0,6 - 2,4 %; Phốtpho (P): 0,5 - 1,7 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho mèo trưởng thành.	Dạng viên, màu nâu.	Dibaq A.S.	Czech Republic	13/7/2022
1927	Fitmin Cat Purity Delicious	447-7/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt (vịt, gan lợn, thịt lợn và thịt bò), đậu xanh, khoai tây, mỡ gà, củ cải đường, trứng gà, dầu cá hồi, nấm men bất hoạt (<i>Saccharomyces cerevisiae</i>), hạt lanh, chiết xuất thảo dược (bồ công anh, hoa cúc, hoa bồ đề), củ cải đỏ, chiết xuất Yucca, chất chống oxi hóa (mixed tocopherol, tinh dầu từ hương thảo), chất bảo quản (axit fumaric, axit sorbic, calcium propionate), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein thô (CP) $\geq 30,5$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.610,0$ Kcal/kg; Béo thô (Fat) $\geq 17,9$ %; Xơ thô (CF) $\leq 4,2$ %; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 9,5$ %; Lysine $\geq 0,45$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,45$ %; Threonine $\geq 0,69$ %; Canxi (Ca): 0,6 - 2,4 %; Phốtpho (P): 0,5 - 1,7 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho mèo trưởng thành.	Dạng viên, màu nâu.	Dibaq A.S.	Czech Republic	13/7/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1928	Fitmin Cat For Life Hairball	448-7/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt (gia cầm, gan lợn, cá khô, gan lợn thủy phân), gạo, mỡ gia cầm, củ cải đường, cám mỳ, trứng gà, nấm men bất hoạt (<i>Saccharomyces cerevisiae</i>), hạt lanh, dầu cá hồi, chất chống oxi hóa (BHA, BHT), chất bảo quản (axit fumaric, axit sorbic, calcium propionate), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Protein thô (CP) $\geq 30,0\%$; Năng lượng trao đổi $\geq 3.450,0$ Kcal/kg; Béo thô (Fat) $\geq 17,0\%$; Xơ thô (CF) $\leq 7,2\%$; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 9,0\%$; Lysine $\geq 0,45\%$; Methionine + Cystine $\geq 0,45\%$; Threonine $\geq 0,69\%$; Canxi (Ca): 0,7- 2,4 %; Phốtpho (P): 0,5 - 1,7 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho mèo trưởng thành.	Dạng viên, màu nâu.	Dibaq A.S.	Czech Republic	13/7/2022
1929	Fitmin Cat For Life Kitten	449-7/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt (gia cầm, gan lợn, cá khô, gan lợn thủy phân, bò và lợn), gạo, mỡ gia cầm, trứng gà, củ cải đường, tinh bột khoai tây, nấm men bất hoạt (<i>Saccharomyces cerevisiae</i>), bột Whey, hạt lanh, dầu cá hồi, chiết xuất của Yucca, chất chống oxi hóa (BHA, BHT), chất bảo quản (axit fumaric, axit sorbic, calcium propionate), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Protein thô (CP) $\geq 34,0\%$; Năng lượng trao đổi $\geq 3.610,0$ Kcal/kg; Béo thô (Fat) $\geq 17,5\%$; Xơ thô (CF) $\leq 4,2\%$; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 10,0\%$; Lysine $\geq 0,85\%$; Methionine + Cystine $\geq 0,88\%$; Threonine $\geq 0,65\%$; Canxi (Ca): 0,7- 2,4 %; Phốtpho (P): 0,5 - 1,7 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho mèo dưới 12 tháng tuổi, mèo mang thai và mèo đang nuôi con.	Dạng viên, màu nâu.	Dibaq A.S.	Czech Republic	13/7/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1930	Fitmin Cat For Life Salmon	450-7/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt (gia cầm, cá hồi, gan lợn thủy phân), gạo, mỡ gia cầm, củ cải đường, dầu cá hồi, trứng gà, nấm men bất hoạt (<i>Saccharomyces cerevisiae</i>), chất chống oxi hóa (BHA, BHT), chất bảo quản (axit fumaric, axit sorbic, calcium propionate), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein thô (CP) $\geq 31,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.415,0$ Kcal/kg; Béo thô (Fat) $\geq 17,5$ %; Xơ thô (CF) $\leq 4,2$ %; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 9,0$ %; Lysine $\geq 0,45$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,45$ %; Threonine $\geq 0,69$ %; Canxi (Ca): 0,7- 2,4 %; Phốtpho (P): 0,5 - 1,7 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho mèo trưởng thành.	Dạng viên, màu nâu.	Dibaq A.S.	Czech Republic	13/7/2022
1931	Fitmin Dog Mini Maintenace	451-7/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gia cầm, gan gia cầm thủy phân, gạo, ngô, mỡ gia cầm, bột cá, củ cải đường, hạt lanh, trứng gà, dầu cá hồi, nấm men bất hoạt, fructooligosaccharides, chiết xuất của Yucca, chất chống oxi hóa (BHA, BHT), chất bảo quản (axit fumaric, axit sorbic, calcium propionate), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein thô (CP) $\geq 21,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.310,0$ Kcal/kg; Béo thô (Fat) $\geq 10,0$ %; Xơ thô (CF) $\leq 4,7$ %; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 9,56$ %; Lysine $\geq 0,51$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,38$ %; Threonine $\geq 0,46$ %; Canxi (Ca): 0,6- 2,5 %; Phốtpho (P): 0,5 - 1,6 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó trưởng thành giống nhỏ.	Dạng viên, màu nâu.	Dibaq A.S.	Czech Republic	13/7/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1932	Fitmin Dog Maxi Junior	452-7/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gia cầm, gan gia cầm thủy phân, gạo, ngô, mỡ gia cầm, bột cá, củ cải đường, hạt lanh, trứng gà, dầu cá hồi, nấm men bất hoạt, fructooligosaccharides, chiết xuất của Yucca, chất chống oxi hóa (BHA, BHT), chất bảo quản (axit fumaric, axit sorbic, calcium propionate), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Protein thô (CP) $\geq 23,0\%$; Năng lượng trao đổi $\geq 3.369,0$ Kcal/kg; Béo thô (Fat) $\geq 10,0\%$; Xơ thô (CF) $\leq 4,2\%$; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 9,5\%$; Lysine $\geq 0,5\%$; Methionine + Cystine $\geq 0,38\%$; Threonine $\geq 0,45\%$; Canxi (Ca): 0,6- 2,5 %; Phốtpho (P): 0,5 - 1,6 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó trưởng thành giống to.	Dạng viên, màu nâu.	Dibaq A.S.	Czech Republic	13/7/2022
1933	Lucantin Red NXT	453-7/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Canthaxanthin, chất chống oxi hóa (Ascorbyl palmitate; D,L-Alpha-Tocopherol, Propyl gallate), chất bảo quản (axit Sorbic, axit Benzoate) và chất mang (dầu thực vật, Gelatine, Sucrose, Silica). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 5,0\%$; Canthaxanthin $\geq 10,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung chất tạo màu (Canthaxanthin) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu đỏ đến tím.	BASF, SE.	Germany	17/7/2022
1934	Lucantin Yellow NXT	454-7/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Beta-Apo-8'-carotenoic acid ethyl ester, chất chống oxi hóa (Ascorbyl palmitate; D,L-Alpha-Tocopherol, Propyl gallate), chất bảo quản (axit Sorbic, axit Benzoate) và chất mang (dầu thực vật, Gelatine, Sucrose, Silica). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 5,0\%$; Beta-Apo-8'-carotenoic acid ethyl $\geq 10,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung chất tạo màu (Beta-Apo-8'-carotenoic acid ethyl ester) trong thức ăn cho gia cầm.	Dạng bột, màu đỏ.	BASF, SE.	Germany	17/7/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1935	Nutri Pro	455-7/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp axit amin (Threonine, Valine, Leucine, Phenylalanine, Arginine, Alanine, Aspartic acid, Glutamic acid, Glycine, Serine, Proline), muối NaCl. - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1 kg): Độ ẩm < 10,0 %; Threonine ≥ 22,0 g; Valine ≥ 24,0 g; Leucine ≥ 30,0 g; Phenylalanine ≥ 22,0 g; Arginine ≥ 25,0 g; Alanine ≥ 20,0 g; Aspartic acid ≥ 35,0 g; Glutamic acid ≥ 50,0 g; Glycine ≥ 35,0 g; Serine ≥ 63,0 g; Proline ≥ 50,0 g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb < 5,0 ppm; As < 2,0 ppm; Cd < 1,0 ppm; Hg < 0,05 ppm.	Bổ sung hỗn hợp axit amin trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu be.	Bretagne Chimie Fine (BCF).	France	19/7/2022
1936	VegaButyrin	456-7/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Tributyrin và chất mang (Silica). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm ≤ 10,0 %; Tributyrin ≥ 50,0 % (tương đương axit Butyric ≥ 43,0 %). - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 20,0 ppm; As ≤ 10,0 ppm; Hg ≤ 0,1 ppm; Cd ≤ 10,0 ppm.	Bổ sung Tributyrin trong thức ăn cho lợn và gia cầm.	Dạng hạt nhỏ mịn hoặc dạng bột, màu trắng hoặc trắng nhạt	Zhejiang Vega Bio-Technology Co, Ltd.	China	19/7/2022
1937	VegaZn	457-7/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Zinc oxide và chất mang (Polymethyl methacrylate). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm ≤ 10,0 %; Kẽm (Zn): 70,0 - 76,2 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 15,0 ppm; As ≤ 5,0 ppm; Hg ≤ 0,1 ppm; Cd ≤ 8,0 ppm.	Bổ sung khoáng Kẽm (Zn) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng hạt nhỏ mịn hoặc dạng bột, màu trắng hoặc trắng nhạt	Zhejiang Vega Bio-Technology Co, Ltd.	China	19/7/2022
1938	CG-Herbs Oral Solution	458-7/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất từ rễ Cam thảo (Liquorice), chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng: Axit Glycyrrhizic ≥ 2,0 mg/ml; độ pH: 4,0 - 6,5; độ ẩm ≤ 88,0 %;. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli: không phát hiện trong 1 ml; Salmonella: không phát hiện trong 25 ml.	Bổ sung chất chiết xuất rễ Cam thảo cho gia cầm nhằm cải thiện khả năng miễn dịch.	Dạng lỏng, màu nâu.	Aether Centre (Beijing) Biology Co., Ltd.	China	19/7/2022
1939	C-Herbs Oral Solution	459-7/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất từ cây Kim ngân (Lonicera Japonica Thunb), chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng: Axit Chlorogenic ≥ 0,6 mg/ml; độ pH: 5,0 - 7,0; độ ẩm ≤ 87,0 %. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli: không phát hiện trong 1 ml; Salmonella: không phát hiện trong 25 ml.	Bổ sung chất chiết xuất từ cây Kim ngân cho gia cầm nhằm cải thiện khả năng miễn dịch.	Dạng lỏng, màu nâu đỏ.	Aether Centre (Beijing) Biology Co., Ltd.	China	19/7/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1940	C-Herbs Powder	460-7/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất từ cây Kim ngân (Lonicera Japonica Thunb). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 7,0$ %; Axit Chlorogenic $\geq 13,0$ mg/g. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli: không phát hiện trong 1 ml; Salmonella: không phát hiện trong 25 ml.	Bổ sung chất chiết xuất từ cây Kim ngân cho gia cầm và lợn nhằm cải thiện khả năng miễn dịch.	Dạng bột, màu nâu vàng.	Aether Centre (Beijing) Biology Co., Ltd.	China	19/7/2022
1941	Dried Porkhide	461-7/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Da lợn khô, Kali sorbate. - Chỉ tiêu chất lượng: Protein $\geq 50,5$ %; độ ẩm $\leq 25,1$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g.	Da lợn khô làm nguyên liệu sản xuất thức ăn cho chó.	Dạng miếng rắn, màu vàng đậm.	Petpal Pet Nutrition Technology Co., Ltd.	China	19/7/2022
1942	Dried Rawhide	462-7/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Da trâu, bò khô; Kali sorbate. - Chỉ tiêu chất lượng: Protein $\geq 64,2$ %; độ ẩm $\leq 28,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g.	Da trâu, bò khô làm nguyên liệu sản xuất thức ăn cho chó.	Dạng mảnh rắn, màu trắng ngà.	Petpal Pet Nutrition Technology Co., Ltd.	China	19/7/2022
1943	Dograng Classic	463-8/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bột gia cầm, ngũ cốc, bột thịt, phụ phẩm chế biến ngũ cốc, Protein thực vật, béo động vật, nấm men, premix vitamin và khoáng.- Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein $\geq 25,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.400,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 10,0$ %; Xơ $\leq 6,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 12,0$ %; Lysine $\geq 1,0$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,7$ %; Threonine $\geq 0,7$ %; Canxi: 1,0 - 2,0 %; Phốt pho: 0,8 - 2,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,8$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó trên 3 tháng tuổi.	Dạng viên, màu nâu.	Dae Joo Co, Ltd.	Korea	3/8/2022
1944	Catsrang all life stages (indoor/ Outdoor)	464-8/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bột gia cầm, ngũ cốc, bột cá hồi, Protein thực vật, mỡ gà, củ cải đường, hạt lanh, nấm men, premix vitamin và khoáng.- Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein $\geq 31,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.500,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 11,0$ %; Xơ $\leq 3,5$ %; Khoáng tổng số $\leq 12,0$ %; Lysine $\geq 1,1$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,8$ %; Threonine $\geq 0,8$ %; Canxi: 0,8 - 2,0 %; Phốt pho: 0,6 - 2,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,8$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho mèo trên 3 tháng tuổi.	Dạng viên, màu nâu.	Dae Joo Co, Ltd.	Korea	3/8/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1945	Wonder Cat	465-8/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ngô, bột gia cầm, bột thịt (bò, lợn), mỡ động vật, củ cải đường, thịt gia cầm thủy phân, cá hồi, choline chloride, chiết xuất yucca, Taurine, premix vitamin và khoáng.- Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0\%$; Protein $\geq 30,0\%$; Năng lượng trao đổi $\geq 3.295,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 12,0\%$; Xơ $\leq 3,0\%$; Khoáng tổng số $\leq 9,0\%$; Lysine $\geq 1,2\%$; Methionine + Cystine $\geq 1,1\%$; Threonine $\geq 1,1\%$; Canxi: 1,0 - 2,0 %; Phốt pho: 0,8 - 1,6 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho mèo trên 4 tháng tuổi.	Dạng viên hình tam giác, màu nâu.	Jeil Feed Co, Ltd.	Korea	3/8/2022
1946	Dog mania Premium	466-8/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ngô, bột thịt (bò, lợn, vịt, bột gia cầm), cám mỳ, bột đậu tương, bột thịt xương, mỡ động vật, củ cải đường, thịt gia cầm thủy phân, choline chloride, chiết xuất yucca, Taurine, chiết xuất hạt nho, premix vitamin và khoáng.- Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0\%$; Protein $\geq 22,0\%$; Năng lượng trao đổi $\geq 3.055,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 10,0\%$; Xơ $\leq 5,0\%$; Khoáng tổng số $\leq 10,0\%$; Lysine $\geq 0,99\%$; Methionine + Cystine $\geq 0,72\%$; Threonine $\geq 0,79\%$; Canxi: 1,0 - 2,3 %; Phốt pho: 0,8 - 1,3 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó trên 1 năm tuổi.	Dạng viên hình tròn, màu nâu.	Jeil Feed Co, Ltd.	Korea	3/8/2022
1947	Anco Fit	467-8/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các khoáng (Bentonite, Clinoptilolite), thành tế bào nấm men (Saccharomyces cerevisiae) và chất tạo mùi (Cinnamon, lemon balm).\$- Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 9,0\%$; SiO ₂ : 40,0 - 46,0 %; Al ₂ O ₃ : 9,0 - 13,0 %; Beta glucan tổng số $\geq 2,0\%$.\$- Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 20,0$ ppm; As $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Hg $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung chất hấp phụ độc tố nấm mốc vào thức ăn chăn nuôi lợn và gia súc nhai lại.	Dạng bột, màu be.	Anco Animal Nutrition Competence.	Austria	3/8/2022
1948	AncoFit Poultry	468-8/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các khoáng (Bentonite, Clinoptilolite) và chất tạo mùi (Oregano, thyme, lemon balm).\$- Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 9,0\%$; SiO ₂ : 52,0 - 58,0 %; Al ₂ O ₃ : 12,0 - 16,0 %.\$- Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 20,0$ ppm; As $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Hg $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung chất hấp phụ độc tố nấm mốc vào thức ăn chăn nuôi gia cầm.	Dạng bột, màu be.	Anco Animal Nutrition Competence.	Austria	3/8/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1949	Milk Flavor 102A	470-8/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: g-Nonalactone, Ethyl Vanillin và chất mang (Silicon dioxide, Sodium sulfate). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; g-Nonalactone $\geq 0,5\%$; Ethyl Vanillin $\geq 0,3\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd < 0,5 ppm; Hg < 0,05 ppm.	Bổ sung chất tạo mùi trong thức ăn chăn nuôi lợn con.	Dạng bột, màu trắng đến hồng.	Shanghai Menon Animal Nutrition Technology Co, Ltd.	China	3/8/2022
1950	Fruit Flavor 209	471-8/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Isoamyl acetate, Ethyl butyrate và chất mang (Silicon dioxide, Sodium sulfate). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Isoamyl acetate $\geq 0,5\%$; Ethyl butyrate $\geq 0,5\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd < 0,5 ppm; Hg < 0,05 ppm.	Bổ sung chất tạo mùi trong thức ăn chăn nuôi lợn con.	Dạng bột, màu trắng đến vàng nhạt.	Shanghai Menon Animal Nutrition Technology Co, Ltd.	China	3/8/2022
1951	Menosweet 50	472-8/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sodium Saccharin và chất mang (Silicon dioxide, Sodium sulfate). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Sodium Saccharin $\geq 50,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd < 0,5 ppm; Hg < 0,05 ppm.	Bổ sung chất tạo ngọt trong thức ăn chăn nuôi lợn.	Dạng bột, màu trắng.	Shanghai Menon Animal Nutrition Technology Co, Ltd.	China	3/8/2022
1952	Menotrib	473-8/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Tributyrin và chất mang (Silicon dioxide, Sodium sulfate). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Tributyrin $\geq 50,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm.	Bổ sung Tributyrin trong thức ăn chăn nuôi lợn, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng đến vàng nhạt.	Shanghai Menon Animal Nutrition Technology Co, Ltd.	China	3/8/2022
1953	Menotrib 60	474-8/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Tributyrin và chất mang (Silicon dioxide, Sodium sulfate). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Tributyrin $\geq 60,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm.	Bổ sung Tributyrin trong thức ăn chăn nuôi lợn, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng đến vàng nhạt.	Shanghai Menon Animal Nutrition Technology Co, Ltd.	China	3/8/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1954	Menotrib Mix	475-8/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Tributyrin, Cinnamaldehyde, Thymol và chất mang (Sillicon dioxide, Sodium sulfate). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Tributyrin $\geq 50,0$ %; Cinnamaldehyde $\geq 1,5$ %; Thymol $\geq 0,4$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $< 0,5$ ppm; Hg $< 0,05$ ppm.	Bổ sung Tributyrin và tinh dầu thực vật trong thức ăn chăn nuôi lợn, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng đến vàng nhạt.	Shanghai Menon Animal Nutrition Technology Co, Ltd.	China	3/8/2022
1955	Menoso 90	476-8/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sodium Butyrate. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 5,0$ %; Axit Butyric $\geq 72,4$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm.	Bổ sung muối axit hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng hạt nhỏ mịn, màu trắng đến trắng nhạt.	Shanghai Menon Animal Nutrition Technology Co, Ltd.	China	3/8/2022
1956	Herbanoplex CP	477-8/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bột hoa Bía (Hop - Humulus lupulus) (35%), mầm hạt mì (15%), chất mang (Chicory - bột rau diếp xoăn) (50%). - Chỉ tiêu chất lượng: Tổng Poly phenol $\geq 0,1$ %; độ ẩm $\leq 12,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli < 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện CFU/25g; Pb $< 10,0$ ppm; As $< 4,0$ ppm; Cd $< 0,5$ ppm; Hg $< 0,1$ ppm.	Bổ sung hỗn hợp bột thực vật trong thức ăn chăn nuôi gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa và tăng năng suất vật nuôi.	Dạng bột thô, hỗn hợp màu nâu, xanh, xám của các nguyên liệu thảo dược.	Dr. Bata Ltd.	Hungary	3/8/2022
1957	Bio Santrix	478-8/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bột hạt bánh St. Johh's Ceratonia siliqua (30%), bột cỏ xạ hương (Thymus vulgaris) (20%), Kẽm-Glycine chelate, Đồng-Glycine chelate, chất mang (Chicory - bột rau diếp xoăn). - Chỉ tiêu chất lượng: Tổng Poly phenol $\geq 0,8$ %; Kẽm (Zn): 22.000,0 - 25.000,0 mg/kg; Đồng (Cu): 3.200,0 - 4.200,0 mg/kg; độ ẩm $\leq 12,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli < 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện CFU/25g; Pb $< 10,0$ ppm; As $< 4,0$ ppm; Cd $< 0,5$ ppm; Hg $< 0,1$ ppm.	Bổ sung hỗn hợp bột thực vật và khoáng hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi lợn.	Dạng bột thô, hỗn hợp màu nâu, xanh của các nguyên liệu thảo dược.	Dr. Bata Ltd.	Hungary	3/8/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1958	Salmon & Rice	479-8/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ngũ cốc, bột phụ phẩm gia cầm, cá hồi, mỡ gà, mỡ động vật, bột thịt xương, bột củ cải, gạo, khoai lang, cá hồi thủy phân, hạt lanh, khoai tây, muối, vitamin tổng hợp (A,B), premix khoáng (Fe, Cu, Zn, Mn), đường, dầu ăn, chiết xuất yucca. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 14,0$ %; Protein $\geq 30,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.500,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 18,0$ %; Xơ $\leq 4,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 10,0$ %; Lysine $\geq 1,0$ %; Methionine + Cystine $\geq 1,0$ %; Threonine $\geq 1,2$ %; Canxi: $1,0 - 4,0$ %; Phốt pho $\leq 1,8$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,8$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó.	Dạng viên hình tam giác, màu nâu.	Seoulfeed Co., Ltd.	Korea	7/8/2022
1959	Healthy Cat	480-8/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ngũ cốc, dầu nhuễn thể, cá, bột thịt, bột phụ phẩm gia cầm, bột cá, hạt lanh, mỡ động vật, mỡ gà, muối, vitamin tổng hợp (A,B), premix khoáng (Fe, Cu, Zn, Mn), taurine, DL-methionine, chiết xuất yucca. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0$ %; Protein $\geq 32,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.300,0$ Kcal/kg; Béo $\geq 12,5$ %; Xơ $\leq 4,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 10,0$ %; Lysine $\geq 1,2$ %; Methionine + Cystine $\geq 1,0$ %; Threonine $\geq 1,1$ %; Canxi: $1,0 - 4,0$ %; Phốt pho $\leq 1,8$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,8$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho mèo.	Dạng viên hình tròn, chữ thập, trái tim; màu nâu.	Seoulfeed Co., Ltd.	Korea	7/8/2022
1960	Citristim	481-8/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sản phẩm thu được sau khi tách axit Citric từ quá trình lên men sản xuất axit Citric. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 8,0$ %; Protein thô $\geq 38,0$ %; Mannose $\geq 12,0$ %; Mỡ thô $\geq 0,3$ %; Xơ thô $\leq 10,0$ %. - Chỉ tiêu an toàn: Salmonella không có trong 25 g; E. coli không có trong 1 g.	Bổ sung mannose nấm men trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	ADM Animal Nutrition, a division of Archer Daniels Midland Company.	USA	7/8/2022
1961	MiaDiasan	482-8/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất chứa Tannin từ hạt dẻ ngọt, chất mang (Canxi cacbonate). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Tannin $\geq 24,0$ %. - Chỉ tiêu an toàn: As $\leq 4,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung Tannin từ hạt dẻ ngọt trong thức ăn chăn nuôi lợn và gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột, màu be đến nâu.	Miavit GmbH.	Germany	7/8/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1962	MiaPhenol	483-8/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất từ cây hương thảo (Rosemary), các chất mang (đường Maltose, bột mì). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 7,5$ %; Carnosic acid $\geq 4.780,0$ mg/kg; Carnosol $\geq 1.620,0$ mg/kg. - Chỉ tiêu an toàn: As $\leq 4,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm; E. coli không có trong 1 g; Salmonella không có trong 25 g.	Bổ sung chiết xuất từ cây hương thảo trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm giảm stress và nâng cao sức đề kháng.	Dạng bột, màu be đến nâu.	Miavit GmbH.	Germany	7/8/2022
1963	MiaOvodur	484-8/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit Butyric, chelate Mangan với hydroxyanalogue of methionine, các chất mang (cám mì, đá tảo vôi). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; axit Butyric $\geq 200,0$ g/kg; Mangan (Mn): 12.000,0 - 16.000,0 mg/kg. - Chỉ tiêu an toàn: As $\leq 4,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung axit Butyric, khoáng Mangan trong thức ăn chăn nuôi gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột, màu xám đến be.	Miavit GmbH.	Germany	7/8/2022
1964	Bearing Jerky Treats Stick Lamb Flavored	485-8/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gà, tinh bột lúa mì, gluten lúa mì, Gelatin, đường Sucrose, chất bảo quản (Sodium chloride, Potassium sorbate), chất tạo màu (Caramel colour (A-125)), chất tạo mùi (Lamb flavour (VF-91092), Glycerine, nước. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 20,0$ %; Protein thô $\geq 17,0$ %; Xơ thô $\leq 1,5$ %; Khoáng tổng số $\leq 2,0$ %; Béo thô $\geq 1,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $< 1,0$ ppm; As $< 1,0$ ppm; Cd $< 1,0$ ppm; Hg $< 1,0$ ppm.	Thức ăn bổ sung cho chó hương vị cừu.	Dạng que, màu nâu đỏ.	King's Stella Laboratory Co, Ltd.	Thailand	10/8/2022
1965	Bearing Jerky Treats Stick Roasted Chicken Flavored	486-8/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gà, tinh bột lúa mì, gluten lúa mì, Gelatin, đường Sucrose, chất bảo quản (Sodium chloride, Potassium sorbate), chất tạo màu (Caramel colour (A-125)), chất tạo mùi (Roasted chicken flavour oil (VF0067), Glycerine, nước. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 20,0$ %; Protein thô $\geq 17,0$ %; Béo thô $\geq 1,0$ %; Xơ thô $\leq 1,5$ %; Khoáng tổng số $\leq 2,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $< 1,0$ ppm; As $< 1,0$ ppm; Cd $< 1,0$ ppm; Hg $< 1,0$ ppm.	Thức ăn bổ sung cho chó hương vị gà nướng.	Dạng que, màu kem.	King's Stella Laboratory Co, Ltd.	Thailand	10/8/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1966	Bearing Jerky Treats Stick Roasted Liver Flavored	487-8/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gà, tinh bột lúa mì, gluten lúa mì, Gelatin, đường Sucrose, chất bảo quản (Sodium chloride, Potassium sorbate), chất tạo màu (Caramel colour (A-125)), chất tạo mùi (Liver flavour (D Tech 8 P), Glycerine, nước. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 20,0$ %; Protein thô $\geq 17,0$ %; Béo thô $\geq 1,0$ %; Xơ thô $\leq 1,5$ %; Khoáng tổng số $\leq 2,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb < 1,0 ppm; As < 1,0 ppm; Cd < 1,0 ppm; Hg < 1,0 ppm.	Thức ăn bổ sung cho chó hương vị gan nướng.	Dạng que, màu nâu đỏ.	King's Stella Laboratory Co, Ltd.	Thailand	10/8/2022
1967	Bearing Jerky Treats Stick Beef and Liver Flavored	488-8/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gà, tinh bột lúa mì, gluten lúa mì, Gelatin, đường Sucrose, chất bảo quản (Sodium chloride, Potassium sorbate), chất tạo màu (Caramel colour (A-125)), chất tạo mùi (Beef flavor (A1421691); Liver flavour (RV0079)), Glycerine, nước. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 20,0$ %; Protein thô $\geq 17,0$ %; Béo thô $\geq 1,0$ %; Xơ thô $\leq 1,5$ %; Khoáng tổng số $\leq 2,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb < 1,0 ppm; As < 1,0 ppm; Cd < 1,0 ppm; Hg < 1,0 ppm.	Thức ăn bổ sung cho chó hương vị bò và gan.	Dạng que, màu nâu đỏ.	King's Stella Laboratory Co, Ltd.	Thailand	10/8/2022
1968	Bearing Jerky Treats Stick Cheese Flavored	489-8/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gà, tinh bột lúa mì, gluten lúa mì, Gelatin, đường Sucrose, chất bảo quản (Sodium chloride, Potassium sorbate), chất tạo màu (Caramel colour (A-125)), chất tạo mùi (Cheddar cheese flavor (FP-11552)), Glycerine, nước. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 20,0$ %; Protein thô $\geq 17,0$ %; Béo thô $\geq 1,0$ %; Xơ thô $\leq 1,5$ %; Khoáng tổng số $\leq 2,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb < 1,0 ppm; As < 1,0 ppm; Cd < 1,0 ppm; Hg < 1,0 ppm.	Thức ăn bổ sung cho chó hương vị phô mát.	Dạng que, màu vàng.	King's Stella Laboratory Co, Ltd.	Thailand	10/8/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1969	Bearing Jerky Treats Stick Milk Flavored	490-8/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gà, tinh bột lúa mì, gluten lúa mì, Gelatin, đường Sucrose, chất bảo quản (Sodium chloride, Potassium sorbate), chất tạo màu (Caramel colour (A-125)), chất tạo mùi (Milk flavor (A1205856)), Glycerine, nước. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 20,0$ %; Protein thô $\geq 17,0$ %; Béo thô $\geq 1,0$ %; Xơ thô $\leq 1,5$ %; Khoáng tổng số $\leq 2,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb < 1,0 ppm; As < 1,0 ppm; Cd < 1,0 ppm; Hg < 1,0 ppm.	Thức ăn bổ sung cho chó hương vị sữa.	Dạng que, màu trắng.	King's Stella Laboratory Co, Ltd.	Thailand	10/8/2022
1970	Hwangsaem Detoxication Sulfur	491-8/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Lưu huỳnh khử độc. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm < 10,0 %; S > 90,0 %. - Chỉ tiêu an toàn: As $\leq 20,0$ ppm; Pb $\leq 30,0$ ppm; Cd $\leq 50,0$ ppm; Hg $\leq 0,5$ ppm; F $\leq 1.800,0$ ppm.	Lưu huỳnh đã khử độc, bổ sung vào thức ăn chăn nuôi lợn nhằm tăng năng suất vật nuôi, cải thiện chất lượng thịt và môi trường chăn nuôi.	Dạng bột, màu vàng.	Hwangsaem Bio Co., Ltd.	Korea	18/8/2022
1971	Allplex B-T	492-8/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Zinc proteinate, Manganese proteinate, Copper proteinate, Ethylenediamine dihydriodide (EDDI) và Selen từ nấm men (từ Sacchanomyces cerevisiae) - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0$ %; Kẽm: 5,71 - 7,42 %; Mangan: : 5,71 - 7,42 %; Đồng: : 0,71 - 0,92 %; Iốt: 0,57 - 0,74 %; Selen: 429,0 - 558,0 ppm; Protein thô $\geq 25,0$ %; Cát sạn $\leq 1,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 100,0$ ppm; As $\leq 50,0$ ppm; Cd < 30,0 ppm; Hg < 0,5 ppm.	Bổ sung các khoáng hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia cầm.	Dạng bột, màu nâu nhạt đến nâu đậm.	Alltech Biotechnology Corporation, Ltd.	Thailand	14/8/2022
1972	Allplex GF-T	493-8/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Zinc proteinate, Manganese proteinate, Selen từ nấm men (từ Sacchanomyces cerevisiae) - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0$ %; Kẽm: 6,67 - 8,67 %; Mangan: 6,67 - 8,67 %; Selen: 500,0 - 650,0 ppm; Protein thô $\geq 25,0$ %; Cát sạn $\leq 2,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 100,0$ ppm; As $\leq 50,0$ ppm; Cd < 30,0 ppm; Hg < 0,5 ppm.	Bổ sung các khoáng hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu nhạt đến nâu đậm.	Alltech Biotechnology Corporation, Ltd.	Thailand	14/8/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1973	Allplex S-T	494-8/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Zinc proteinate, Iron proteinate, Manganese proteinate, Selen từ nấm men (từ <i>Sacchanomyces cerevisiae</i>) - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0\%$; Kẽm: 5,0 - 6,5 %; Sắt: 5,0 - 6,5 %; Mangan: 1,5 - 1,95 %; Selen: 300,0 - 390,0 ppm; Protein thô $\geq 25,0\%$; Cát sạn $\leq 1,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 100,0$ ppm; As $\leq 50,0$ ppm; Cd $< 30,0$ ppm; Hg $< 0,5$ ppm.	Bổ sung các khoáng hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi lợn mang thai.	Dạng bột, màu nâu nhạt đến nâu đậm.	Alltech Biotechnology Corporation, Ltd.	Thailand	14/8/2022
1974	Mycosorb A+	495-8/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất Beta glucan từ nấm men thủy phân (<i>Saccharomyces cerevisiae</i>), chất chống kết dính (Hydrated sodium calcium aluminosilicate) và bột tảo. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0\%$; Beta-glucan $\geq 22,0\%$. - Chỉ tiêu an toàn: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g.	Bổ sung Beta-glucan từ nấm men thủy phân nhằm hấp phụ độc tố nấm mốc trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu.	Alltech Inc.	USA	14/8/2022
1975	Golden Eagle Magnesium Block	496-8/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Manganese Oxide, Manganese Sulphate, Cobalt Carbonate, Calcium Iodate, Zinc Oxide, Sodium Selenite, Iron Oxide, Magnesium Sulfate, Di-Calcium Phosphate. - Chỉ tiêu chất lượng: Sắt (Fe): 2.250,0 - 3.750,0 mg/kg; Mangan (Mn): 1.875,0 - 3.125,0 mg/kg; Kẽm (Zn): 200,0 - 500,0 mg/kg; Iốt (I): 225,0 - 375,0 mg/kg; Selen (Se): 5,0 - 90,0 mg/kg; Coban (Co): 20,0 - 80,0 mg/kg; Natri (Na): 18,75 - 31,25 %; Magiê (Mg): 7,5 - 12,5 %; Canxi (Ca): 0,1 - 0,9 %; Phospho (P): 1,0 - 3,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 30,0$ ppm; As $\leq 30,0$ ppm; Cd $< 10,0$ ppm; Hg $< 0,2$ ppm.	Tăng đá liếm, thức ăn bổ sung khoáng cho gia súc nhai lại.	Dạng viên, màu vàng cam.	Reva Tarim Kimya San. Ve Tic. Ltd. Sti.	Turkey	22/8/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1976	Golden Eagle Phosphorus Block	497-8/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Manganese Oxide, Manganese Sulphate, Cobalt Carbonate, Calcium Iodate, Zinc Oxide, Sodium Selenite, Iron Oxide, Magnesium Sulfate, Di-Calcium Phosphate. - Chỉ tiêu chất lượng: Sắt (Fe): 2.250,0 - 3.750,0 mg/kg; Mangan (Mn): 1.875,0 - 3.125,0 mg/kg; Kẽm (Zn): 200,0 - 500,0 mg/kg; Iốt (I): 225,0 - 375,0 mg/kg; Selen (Se): 5,0 - 80,0 mg/kg; Coban (Co): 20,0 - 80,0 mg/kg; Natri (Na): 23,2 - 38,7 %; Magiê (Mg): 0,1 - 0,9 %; Canxi (Ca): 1,2 - 2,0 %; Phospho (P): 1,0 - 3,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 30,0 ppm; As ≤ 30,0 ppm; Cd ≤ 10,0 ppm; Hg ≤ 0,2 ppm.	Tăng đá liếm, thức ăn bổ sung khoáng cho gia súc nhai lại.	Dạng viên, màu xám trắng.	Reva Tarim Kimya San. Ve Tic. Ltd. Sti.	Turkey	22/8/2022
1977	Golden Eagle Mineral Block	498-8/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Manganese Oxide, Cobalt sulphate, Calcium Iodate, Zinc Oxide, Sodium Selenite, Copper Sulphate, Iron Oxide, Magnesium Sulfate. - Chỉ tiêu chất lượng: Sắt (Fe): 1.125,0 - 1.875,0 mg/kg; Đồng (Cu): 225,0 - 375,0 mg/kg; Mangan (Mn): 150,0 - 250,0 mg/kg; Kẽm (Zn): 150,0 - 400,0 mg/kg; Iốt (I): 112,0 - 188,0 mg/kg; Selen (Se): 5,0 - 90,0 mg/kg; Coban (Co): 20,0 - 80,0 mg/kg; Natri (Na): 27,0 - 45,0 %; Magiê (Mg): 0,1 - 0,9 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb ≤ 30,0 ppm; As ≤ 30,0 ppm; Cd ≤ 10,0 ppm; Hg ≤ 0,2 ppm.	Tăng đá liếm, thức ăn bổ sung khoáng cho gia súc nhai lại.	Dạng viên, màu đỏ.	Reva Tarim Kimya San. Ve Tic. Ltd. Sti.	Turkey	22/8/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1978	Revijel Energyx	499-8/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin A (Retinol Acetate), Vitamin B3 (Nicotinamide), Vitamin D3 (Cholecalciferol), Vitamin E (Alpha Tocopherol Acetate), Iron Oxide, Calcium Iodate, Cobalt Sulphate, Copper Sulphate, Manganese Sulphate, Zinc Oxide, Sodium Selenite, Magnesium Sulfate, Di-Calcium Phosphate, BHA. - Chỉ tiêu chất lượng: Vitamin A $\geq 112.500,0$ IU/kg; Vitamin B3 $\geq 375,0$ mg/kg; Vitamin D3 $\geq 22.500,0$ IU/kg; Vitamin E $\geq 50,0$ mg/kg; Mangan (Mn): 3.000,0 - 6.000,0 mg/kg; Kẽm (Zn): 3.000,0 - 5.000,0 mg/kg; Sắt (Fe): 2.500,0 - 5.500,0 mg/kg; Đồng (Cu): 195,0 - 305,0 mg/kg; Iốt (I): 75,0 - 125,0 mg/kg; Coban (Co): 15,0 - 100,0 mg/kg; Selen (Se): 5,0 - 100,0 mg/kg; Magiê (Mg): 2,5 - 7,5 %; Natri (Na): 0,9 - 3,1 %; Phospho: 0,4 - 1,6 %; Canxi (Ca): 1,0 - 11,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 30,0$ ppm; As $\leq 30,0$ ppm; Cd $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,2$ ppm.	Thức ăn bổ sung vitamin và khoáng cho gia súc nhai lại.	Dạng gel, màu nâu.	Reva Tarim Kimya San. Ve Tic. Ltd. Sti.	Turkey	22/8/2022
1979	Revitamin Block	500-8/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin A (Retinol Acetate), Vitamin D3 (Cholecalciferol), Vitamin E (Alpha Tocopherol Acetate), Nicotinamide (Niacin), Iron Oxide, Calcium Iodate, Cobalt Sulphate, Copper Sulphate, Manganese Sulphate, Zinc Oxide, Sodium Selenite, Magnesium Sulfate. - Chỉ tiêu chất lượng: Vitamin A $\geq 50.000,0$ IU/kg; Vitamin D3 $\geq 10.000,0$ IU/kg; Vitamin E $\geq 15,0$ mg/kg; Sắt (Fe): 400,0 - 1.600,0 mg/kg; Đồng (Cu): 195,0 - 400,0 mg/kg; Kẽm (Zn): 150,0 - 650,0 mg/kg; Mangan (Mn): 150,0 - 350,0 mg/kg; Coban (Co): 15,0 - 100,0 mg/kg; Selen (Se): 5,0 - 100,0 mg/kg; Iốt (I): 15,0 - 85,0 mg/kg; Magiê (Mg): 1,1 - 3,3 %; Natri (Na): 20,0 - 40,0 %; Canxi (Ca): 1,5 - 3,1 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 30,0$ ppm; As $\leq 30,0$ ppm; Cd $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,2$ ppm.	Thức ăn bổ sung vitamin và khoáng cho gia súc nhai lại.	Dạng viên, màu vàng.	Reva Tarim Kimya San. Ve Tic. Ltd. Sti.	Turkey	22/8/2022
1980	Bio-Mos	501-8/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Nấm men Saccharomyces cerevisiae thủy phân, bột ngũ cốc lên men phụ phẩm của quá trình sản xuất Ethanol (DDGS). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0$ %; Mannan $\geq 12,0$ %; Protein thô $\geq 30,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli < 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện CFU/25g.	Bổ sung Mannan từ nấm men thủy phân trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột, màu nâu.	Alltech Do Brazil Agroindustrial Ltda.	Brazil	22/8/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1981	Bio-Mos	502-8/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Nấm men <i>Saccharomyces cerevisiae</i> thủy phân, bột ngũ cốc lên men phụ phẩm của quá trình sản xuất Ethanol (DDGS). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0$ %; Mannan $\geq 12,0$ %; Protein thô $\geq 30,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: <i>E. coli</i> < 10 CFU/g; <i>Salmonella</i> : không phát hiện CFU/25g.	Bổ sung Mannan từ nấm men thủy phân trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột, màu nâu.	Alltech Inc.	USA	22/8/2022
1982	Novicid YY	503-8/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit Formic, axit Lactic, Sodium Formate, chất mang (axit silicic (E551a), Clinoptilopite (E567) và hỗn hợp tự nhiên Steatites and Chlorite (E560)). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 14,0$ %; Axit Lactic $\geq 31,0$ %; Axit Formic $\geq 3,3$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 200,0$ ppm; As $\leq 20,0$ ppm; Cd $\leq 20,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung axit hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột, màu nâu.	Innov AD NV	Belgium	6/9/2022
1983	Biomun	504-8/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit Citric, axit Lactic, chiết xuất từ thảo dược (Atiso, Milk thistle), chất mang (nấm men bất hoạt, Propylene glycol và nước). - Chỉ tiêu chất lượng: Axit Citric $\geq 5,0$ %; Axit Lactic $\geq 2,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 200,0$ ppm; As $\leq 20,0$ ppm; Cd $\leq 20,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung axit hữu cơ và chiết xuất từ thảo dược cho gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi và kiểm soát độc tố nấm mốc.	Dạng lỏng, màu nâu.	Innov AD NV	Belgium	6/9/2022
1984	Levucell SC 10 ME TITAN	505-8/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: <i>Saccharomyces cerevisiae</i> CNCM I-1077 (E1711) và hỗn hợp axit béo (Stearic, Palmitic). - Chỉ tiêu chất lượng: <i>Saccharomyces cerevisiae</i> $\geq 1,0 \times 10^{10}$ CFU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: <i>Salmonella</i> : không phát hiện CFU/25g; <i>E. coli</i> < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung nấm men hoạt động trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa.	Dạng hạt nhỏ mịn, màu be đến xám.	Lallemand Polska Sp. Z.O.O.	Poland	6/9/2022
1985	Levucell SB 10 ME TITAN	506-8/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: <i>Saccharomyces cerevisiae</i> boulardii CNCM I-1079 (E1703) và hỗn hợp axit béo (Stearic, Palmitic). - Chỉ tiêu chất lượng: <i>Saccharomyces cerevisiae</i> boulardii $\geq 1,0 \times 10^{10}$ CFU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: <i>Salmonella</i> : không phát hiện CFU/25g; <i>E. coli</i> < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung nấm men hoạt động trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa.	Dạng hạt nhỏ mịn, màu be đến xám.	Lallemand Polska Sp. Z.O.O.	Poland	6/9/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1986	Oat Hull Pellets	507-8/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Yên mạch, vỏ yên mạch và Bentonite. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0\%$; Protein thô $\geq 5,0\%$; Xơ thô $\geq 10,0\%$; Tinh bột $\geq 6,0\%$; Khoáng tổng số $\leq 7,0\%$. - Chỉ tiêu an toàn: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Aflatoxin tổng số $\leq 6,0$ ppb.	Bổ sung xơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc nhai lại.	Dạng viên, màu nâu.	Unigrain Pty, Ltd.	Australia	21/8/2022
1987	Vitamin C Coated	508-8/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: L-Ascorbic acid (vitamin C), phụ gia (Ethyl cellulose). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 1,0\%$; L-Ascorbic acid $\geq 96,0\%$. - Chỉ tiêu an toàn: Pb $\leq 50,0$ ppm; As $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung vitamin C được vi bọc trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng đến vàng nhạt.	Beijing Sunpu Biochem. & Tech. Co., Ltd.	China	22/8/2022
1988	SUNPU Promoter IV	509-8/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: L-carnitine, chất mang (Silicon dioxide). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 5,0\%$; L-carnitine $\geq 47,0\%$. - Chỉ tiêu an toàn: Pb $\leq 50,0$ ppm; As $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung L-carnitine trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng đến vàng nhạt.	Beijing Sunpu Biochem. & Tech. Co., Ltd.	China	22/8/2022
1989	SUNPU Kelikang	510-8/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: L-Carnitine, chất mang (Zeolite). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 6,0\%$; L-Carnitine $\geq 12,0\%$. - Chỉ tiêu an toàn: Pb $\leq 50,0$ ppm; As $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung L-carnitine trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng đến vàng nhạt.	Beijing Sunpu Biochem. & Tech. Co., Ltd.	China	22/8/2022
1990	Molimax AE	511-8/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Tinh dầu thực vật (Cinnamon, Thyme, Oregano, Clove), các chất phụ gia và chất mang (khoáng tự nhiên Kieselguhr, Canxi carbonate, dầu hướng dương đã hydro hóa). - Chỉ tiêu chất lượng: Cynamic aldehyde $\geq 0,4\%$; Thymol $\geq 0,066\%$; Carvacrol $\geq 0,38\%$; Eugenol $\geq 0,066\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 40,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm; Hg $\leq 0,2$ ppm.	Bổ sung tinh dầu thực vật trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột, màu trắng kem.	Molimen, S.L	Spain	22/8/2022
1991	Idacol Tartrazine Special	512-8/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Tartrazine (CAS No: 1934-21-0). - Chỉ tiêu chất lượng: Tartrazine $\geq 85,0\%$; Độ ẩm $\leq 15,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 2,0$ ppm; As $\leq 3,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung chất tạo màu Tartrazine trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng cam.	Roha Dyechem (Thailand) Ltd.	Thailand	22/8/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1992	Idacol Lake Tartrazine	513-8/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Lake Tartrazine (CAS No: 12225-21-7), Maltose dextrin. - Chỉ tiêu chất lượng: Tartrazine: 22,0 - 27,0 %; Độ ẩm $\leq$ 20,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq$ 2,0 ppm; As $\leq$ 1,0 ppm; Hg $\leq$ 1,0 ppm; Cd $\leq$ 1,0 ppm.	Bổ sung chất tạo màu Tartrazine trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng.	Roha Dyechem (Thailand) Ltd.	Thailand	22/8/2022
1993	Idacol Special Tartrazine (60% content)	514-8/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Tartrazine (CAS No: 1934-21-0), NaCl. - Chỉ tiêu chất lượng: Tartrazine $\geq$ 60,0 %; Độ ẩm $\leq$ 12,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq$ 2,0 ppm; As $\leq$ 3,0 ppm; Hg $\leq$ 1,0 ppm; Cd $\leq$ 1,0 ppm.	Bổ sung chất tạo màu Tartrazine trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng.	Roha Dyechem (Thailand) Ltd.	Thailand	22/8/2022
1994	Idacol Special Tartrazine (10% content)	515-8/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Tartrazine (CAS No: 1934-21-0), NaCl. - Chỉ tiêu chất lượng: Tartrazine $\geq$ 10,0 %; Độ ẩm $\leq$ 12,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq$ 2,0 ppm; As $\leq$ 3,0 ppm; Hg $\leq$ 1,0 ppm; Cd $\leq$ 1,0 ppm.	Bổ sung chất tạo màu Tartrazine trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng.	Roha Dyechem (Thailand) Ltd.	Thailand	22/8/2022
1995	Idacol Chocolare Brown HT	516-8/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Brown HT (CAS No: 4553-89-3). - Chỉ tiêu chất lượng: Brown HT: 70,0 - 75,0 %; Độ ẩm $\leq$ 30,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq$ 2,0 ppm; As $\leq$ 3,0 ppm; Hg $\leq$ 1,0 ppm; Cd $\leq$ 1,0 ppm.	Bổ sung chất tạo màu Brown HT trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu đỏ.	Roha Dyechem (Thailand) Ltd.	Thailand	22/8/2022
1996	Idacol Brown HT (50% content)	517-8/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Brown HT (CAS No: 4553-89-3), NaCl. - Chỉ tiêu chất lượng: Brown HT $\geq$ 50,0 %; Độ ẩm $\leq$ 12,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq$ 2,0 ppm; As $\leq$ 3,0 ppm; Hg $\leq$ 1,0 ppm; Cd $\leq$ 1,0 ppm.	Bổ sung chất tạo màu Brown HT trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu đỏ.	Roha Dyechem (Thailand) Ltd.	Thailand	22/8/2022
1997	Idacol Amaranth	518-8/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Amaranth (CAS No: 915-67-3). - Chỉ tiêu chất lượng: Amaranth $\geq$ 85,0 %; Độ ẩm $\leq$ 15,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq$ 2,0 ppm; As $\leq$ 3,0 ppm; Hg $\leq$ 1,0 ppm; Cd $\leq$ 1,0 ppm.	Bổ sung chất tạo màu Amaranth trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu đỏ.	Roha Dyechem (Thailand) Ltd.	Thailand	22/8/2022
1998	Idacol Amaranth (60% content)	519-8/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Amaranth (CAS No: 915-67-3), NaCl. - Chỉ tiêu chất lượng: Amaranth $\geq$ 60,0 %; Độ ẩm $\leq$ 12,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq$ 2,0 ppm; As $\leq$ 3,0 ppm; Hg $\leq$ 1,0 ppm; Cd $\leq$ 1,0 ppm.	Bổ sung chất tạo màu Amaranth trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu đỏ.	Roha Dyechem (Thailand) Ltd.	Thailand	22/8/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
1999	AL447 Red'Meat	520-9/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất Anthocyanins từ hoa cây Bụt Giấm (<i>Hibiscus sabdariffa</i>), Ferrous Carbonate, Ferrous chelate và chất mang (Calcium carbonate). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 7,0$ %; Sắt (Fe): 5,0 - 10,0 %; Anthocyanins $\geq 130,0$ mg/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 40,0$ ppm; As $\leq 10,0$ ppm; Cd < 15,0 ppm; Hg < 0,5 ppm.	Bổ sung chiết xuất từ thực vật và sắt trong thức ăn chăn nuôi lợn nhằm cải thiện màu sắc của thịt.	Dạng bột, màu tím.	IDENA (Innovation Développement en Nutrition Animale), France.	France	6/9/2022
2000	AL483 Meat'Boost	521-9/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Lysine HCl, L-Threonine, DL-Methionine và chất mang (Sepiolite). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 8,0$ %; Lysine $\geq 191.000,0$ mg/kg; Threonine $\geq 98.000,0$ mg/kg; Methionine $\geq 98.000,0$ mg/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 40,0$ ppm; As $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm; Hg $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung các axit amin trong thức ăn chăn nuôi gia cầm.	Dạng bột, màu trắng có lẫn hạt màu xám.	IDENA (Innovation Développement en Nutrition Animale), France.	France	6/9/2022
2001	AL409 Evoperf	522-9/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất tinh dầu thực vật (Thymol từ <i>Thymus vulgaris</i> L, Carvacrol từ <i>Origanum vulgare</i> L) và chất mang (Calcium carbonate). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 18,0$ %; Carvacrol $\geq 27.500,0$ mg/kg; Thymol $\geq 7.500,0$ mg/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 40,0$ ppm; As $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm; Hg $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung tinh dầu thực vật trong thức ăn chăn nuôi gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa.	Dạng bột, màu vàng.	IDENA (Innovation Développement en Nutrition Animale), France.	France	6/9/2022
2002	AL455 GRCP	523-9/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất tinh dầu thực vật (1-8 Cineol từ <i>Eucalyptus globulus</i>) và chất mang (Lõi ngô và ngô nghiền, Calcium carbonate). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; 1-8 Cineol $\geq 10.500,0$ mg/kg; Khoáng tổng số (Ash) $\leq 3,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 40,0$ ppm; As $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm; Hg $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung tinh dầu thực vật trong thức ăn chăn nuôi lợn nhằm cải thiện đường tiêu hóa.	Dạng bột, màu xám trắng.	IDENA (Innovation Développement en Nutrition Animale), France.	France	6/9/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2003	AL893 Forcix PY	524-9/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất tinh dầu thực vật (1-8 Cineol từ Eucalyptus globulus; Carvacrol từ Origanum vulgare) và chất mang (Calcium carbonate). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 20,0\%$; 1-8 Cineol $\geq 30.000,0$ mg/kg; Carvacrol $\geq 9.000,0$ mg/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 40,0$ ppm; As $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm; Hg $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung tinh dầu thực vật trong thức ăn chăn nuôi gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa.	Dạng bột, màu nâu với các hạt màu be.	IDENA (Innovation Développement en Nutrition Animale), France.	France	6/9/2022
2004	SP869L Forcix	525-9/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất tinh dầu thực vật (1-8 Cineol từ Eucalyptus globulus), Betaine HCl, Vitamin C và chất mang (Propylene glycol, Sorbitol, nước). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 15,0\%$; 1-8 Cineol $\geq 14.000,0$ mg/kg; Vitamin C $\geq 15.000,0$ mg/kg; Betaine $\geq 25.110,0$ mg/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 40,0$ ppm; As $\leq 4,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Hg $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung tinh dầu thực vật, vitamin và Betaine trong thức ăn chăn nuôi lợn nái nhằm cải thiện đường tiêu hóa.	Dạng lỏng, màu vàng nhạt.	IDENA (Innovation Développement en Nutrition Animale), France.	France	6/9/2022
2005	SR9005F Milkose	526-9/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Glycerine và chất mang (lõi ngô và vỏ đậu tương). - Chỉ tiêu chất lượng: Glycerine $\geq 640.000,0$ mg/kg; Khoáng tổng số $\leq 4,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 40,0$ ppm; As $\leq 4,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Hg $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung Glycerine trong thức ăn chăn nuôi gia súc nhai lại.	Dạng bột, màu vàng hoặc be.	IDENA (Innovation Développement en Nutrition Animale), France.	France	6/9/2022
2006	AL130 Viandi	527-9/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất tinh dầu thực vật (Geraniol từ Pelargonium asperum), Geranyl acetate từ Coriandrum sativum), Sepiolite và chất mang (Sodium sulphate, Calcium carbonate). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 6,0\%$; Geraniol $\geq 756,0$ mg/kg; Geranyl acetate $\geq 882,0$ mg/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 40,0$ ppm; As $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm; Hg $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung tinh dầu thực vật trong thức ăn chăn nuôi gia súc nhai lại nhằm giảm phát thải khí của quá trình lên men trong dạ cỏ.	Dạng bột, màu be trắng.	IDENA (Innovation Développement en Nutrition Animale), France.	France	6/9/2022
2007	AL597 Evolit	528-9/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất tinh dầu thực vật (Carvacrol từ Origanum vulgare) chất mang (Calcium carbonate). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 7,0\%$; Carvacrol $\geq 360,0$ mg/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 40,0$ ppm; As $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm; Hg $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung tinh dầu thực vật trong thức ăn chăn nuôi gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa.	Dạng bột, màu nâu vàng.	IDENA (Innovation Développement en Nutrition Animale), France.	France	6/9/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2008	AL100 Vertan	529-9/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất tinh dầu thực vật (Eugenol từ Syzygium aromaticum), Thymol từ Thymus vulgaris và chất mang (Sodium sulphate, Calcium carbonate). - Chỉ tiêu chất lượng: Eugenol $\geq 735,0$ mg/kg; Thymol $\geq 250,0$ mg/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 40,0$ ppm; As $\leq 10,0$ ppm; Cd $< 15,0$ ppm; Hg $< 0,5$ ppm.	Bổ sung tinh dầu thực vật trong thức ăn chăn nuôi gia súc nhai lại nhằm tăng protein by-pass trong dạ cỏ.	Dạng bột, màu trắng kem nhạt.	IDENA (Innovation Développement en Nutrition Animale), France.	France	6/9/2022
2009	AL878 Valkalor	530-9/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất tinh dầu thực vật (Eugenol từ Syzygium aromaticum, Geranyl acetate từ Coriandrum sativum) và chất mang (Sodium sulphate, Calcium carbonate). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 4,0$ %; Geranyl acetate $\geq 150,0$ mg/kg; Eugenol $\geq 150,0$ mg/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 40,0$ ppm; As $\leq 10,0$ ppm; Cd $< 15,0$ ppm; Hg $< 0,5$ ppm.	Bổ sung tinh dầu thực vật trong thức ăn chăn nuôi gia súc nhai lại nhằm cải thiện đường tiêu hóa.	Dạng bột, màu tím nhạt.	IDENA (Innovation Développement en Nutrition Animale), France.	France	6/9/2022
2010	AL820 Id'afix	531-9/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất tinh dầu thực vật (Eugenol từ Syzygium aromaticum), Zeolite. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 7,0$ %; Eugenol $\geq 935,0$ mg/kg; SiO ₂ : 50,0 - 75,0 %; Al ₂ O ₃ : 6,0 - 15,0 %; Fe ₂ O ₃ : 0,1 - 2,0 %; MgO: 0,1 - 2,0 %; CaO: 0,5 - 3,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 40,0$ ppm; As $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm; Hg $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung tinh dầu thực vật và Zeolite trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm hấp phụ độc tố nấm mốc trong thức ăn.	Dạng bột, màu trắng đến xám.	IDENA (Innovation Développement en Nutrition Animale), France.	France	6/9/2022
2011	AL137 Maxival	532-9/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất tinh dầu thực vật (Eugenol từ Syzygium aromaticum), enzyme Xylanase và chất mang (Sodium sulphate, Magnesium oxide, Sodium bicarbonate, Calcium carbonate). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 5,0$ %; Eugenol $\geq 450,0$ mg/kg; Xylanase $\geq 3.400,0$ U/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 40,0$ ppm; As $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm; Hg $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung tinh dầu thực vật và enzyme trong thức ăn chăn nuôi gia súc nhai lại tăng chức năng của dạ cỏ, tăng tiêu hóa xơ.	Dạng bột, màu be nâu.	IDENA (Innovation Développement en Nutrition Animale), France.	France	6/9/2022
2012	Lupro-Mix NA	533-9/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit Propionic, Axit Formic, Sodium propionate, Sodium formate và chất mang (nước) - Chỉ tiêu chất lượng: Axit Propionic: 36,0 - 40,0 %; Axit Formic: 32,0 - 36,0 %; Natri (Na): 7,0 - 9,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $< 10,0$ ppm; As $< 2,0$ ppm; Cd $< 0,5$ ppm; Hg $< 0,1$ ppm.	Bổ sung axit hữu cơ, muối axit hữu cơ trong thức ăn thô cho gia súc nhằm giảm pH, hỗ trợ quá trình ủ chua.	Dạng lỏng, không màu.	BASF SE.	Germany	12/9/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2013	Novinat V	534-9/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất từ bột tỏi (Garlic powder), tinh dầu quế (Cinnamon extract), bột lá hương thảo (Rosemary Leave powder), chất chống kết dính (Axit Silicic) và chất mang (Dextrose monohydrate). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Allicin $\geq 1.000,0$ ppm. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 200,0$ ppm; As $\leq 20,0$ ppm; Cd $< 20,0$ ppm; Hg $< 1,0$ ppm.	Bổ sung chiết xuất từ thực vật trong nước uống cho gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	Innov AD NV.	Belgium	12/9/2022
2014	Novinox L	535-9/16-CN	- Thành phần nguyên liệu: Butylated hydroxytoluene (BHT), Butylated hydroxyanisole (BHA), Ethoxyquin và chất mang (dầu hạt cải). - Chỉ tiêu chất lượng: Butylated hydroxytoluene (BHT) $\geq 16,0$ %; Ethoxyquin $\geq 8,0$ %; Butylated hydroxyanisole (BHA) $\geq 0,8$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 200,0$ ppm; As $\leq 20,0$ ppm; Cd $< 20,0$ ppm; Hg $< 1,0$ ppm.	Bổ sung các chất chống oxy hóa trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu nâu đậm.	Innov AD NV.	Belgium	12/9/2022
2015	Plasma in powder spray dried	536-9/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bột huyết tương bò phun khô. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 8,0$ %; Protein $\geq 75,0$ %; Mỡ thô $\leq 1,0$ %; khoáng tổng số $\leq 10,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g.	Bột huyết tương bò phun khô, dùng làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhấm.	Dạng bột, màu vàng nâu.	Lican Paraguay SA.	Paraguay	20/9/2022
2016	Eastman ProGIT SF1	537-9/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Calcium formate, Calcium Lactate, Calcium Acetate, Citric acid, chất mang (Silicic acid, Magnesium oxide). - Chỉ tiêu chất lượng: Axit Formic $\geq 30,6$ %; axit Acetic $\geq 12,3$ %; axit Lactic $\geq 10,1$ %; axit Citric $\geq 7,2$ %; Canxi (Ca) $\geq 19,6$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 50,0$ ppm; Cd $\leq 12,5$ ppm; Hg $< 2,5$ ppm; Pb $< 125,0$ ppm.	Bổ sung axit hữu cơ và muối của axit hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm kiểm soát vi khuẩn có hại.	Dạng bột, màu trắng.	Peti B.V., The Netherlands (sản xuất cho Eastman Chemical B.V., The Netherlands).	The Netherlands	22/9/2022
2017	Eastman ProGIT SF3	538-9/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Calcium formate, Calcium Lactate, Citric acid, chất chống vón và chống kết tủa (Silicic acid, Sepiolite). - Chỉ tiêu chất lượng: Axit Formic $\geq 23,9$ %; axit Lactic $\geq 14,5$ %; axit Citric $\geq 4,0$ %; Canxi (Ca) $\geq 13,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 50,0$ ppm; Cd $\leq 12,5$ ppm; Hg $< 2,5$ ppm; Pb $< 125,0$ ppm.	Bổ sung axit hữu cơ và muối của axit hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi lợn nhằm kiểm soát vi khuẩn có hại.	Dạng bột, màu trắng.	Peti B.V., The Netherlands (sản xuất cho Eastman Chemical B.V., The Netherlands).	The Netherlands	22/9/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2018	Eastman Mould Control SP1	539-9/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Calcium propionate (độ tinh khiết $\geq 98,5$ % tính trong vật chất khô). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; axit Propionic $\geq 73,0$ %; Canxi (Ca) $\geq 11,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 50,0$ ppm; Cd $\leq 12,5$ ppm; Hg $\leq 2,5$ ppm; Pb $\leq 125,0$ ppm.	Bổ sung Calcium propionate trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm kiểm soát sự phát triển của nấm mốc.	Dạng hạt, màu trắng.	Niacet B.V., The Netherlands (sản xuất cho Eastman Chemical B.V., The Netherlands).	The Netherlands	22/9/2022
2019	Eastman Mould Control LP3 NC	540-9/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Propionic acid, Ammonium propionate, Benzoic acid, chất mang (axit béo từ dầu cò). - Chỉ tiêu chất lượng: Axit Propionic $\geq 20,0$ %; axit Benzoic $\geq 0,6$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 50,0$ ppm; Cd $\leq 12,5$ ppm; Hg $\leq 2,5$ ppm; Pb $\leq 125,0$ ppm.	Bổ sung axit Propionic acid và muối Ammonium propionate trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm kiểm soát sự phát triển của nấm mốc.	Dạng lỏng, màu vàng.	Vendrig Liquid Solution B.V., The Netherlands (sản xuất cho Eastman Chemical B.V., The Netherlands).	The Netherlands	22/9/2022
2020	Eastman Bacteria Control SF1	541-9/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Calcium formate, Calcium propionate, Citric acid, chất chống vón và chống kết tủa (Silicic acid, Magnesium oxide). - Chỉ tiêu chất lượng: Axit Formic $\geq 40,8$ %; axit Citric $\geq 13,0$ %; axit Propionic $\geq 10,3$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 50,0$ ppm; Cd $\leq 12,5$ ppm; Hg $\leq 2,5$ ppm; Pb $\leq 125,0$ ppm.	Bổ sung axit hữu cơ và muối của axit hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi lợn nhằm kiểm soát vi khuẩn có hại.	Dạng bột, màu trắng.	Peti B.V., The Netherlands (sản xuất cho Eastman Chemical B.V., The Netherlands).	The Netherlands	22/9/2022
2021	Rovabio Advance P25	542-9/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sản phẩm Rovabio Advance P (Endo-1,4-β-xylanase; Endo-1,3(4)-β-glucanase; bột mỳ và Maltodextrin), Silica, bột đá, vỏ trấu. - Chỉ tiêu chất lượng: Endo-1,4- β Xylanase $\geq 6.250,0$ VU/g; Endo-1,3(4)-β-glucanase $\geq 4.300,0$ VU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Pb $< 5,0$ ppm; As $< 2,0$ ppm; Cd $< 1,0$ ppm; Hg $< 0,05$ ppm.	Bổ sung hỗn hợp enzyme tiêu hoá (Endo-1,4- β Xylanase và Endo-1,3(4)- β -glucanase) trong thức ăn chăn nuôi cho lợn và gia cầm.	Dạng bột, be nhạt đến be đậm.	Crown Pacific Biotechnology Pte, Ltd., Singapore (Sản xuất cho Adisseo Asia Pacific Pte, Ltd., Singapore).	Singapore	20/9/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2022	Rovabio Advance T-Flex 25	543-9/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sản phẩm Rovabio Advance T-Flex (Endo-1,4-β-xylanase; Endo-1,3(4)-β-glucanase; stearic acid ; Calcium carbonate và Maltodextrin), Silica, bột đá, vỏ trấu. - Chỉ tiêu chất lượng: Endo-1,4- β Xylanase ≥ 6.250,0 VU/g; Endo-1,3(4)-β-glucanase ≥ 4.300,0 VU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Pb < 5,0 ppm; As < 2,0 ppm; Cd < 1,0 ppm; Hg < 0,05 ppm.	Bổ sung hỗn hợp enzyme tiêu hoá (Endo-1,4- β Xylanase và Endo-1,3(4)-β-glucanase) trong thức ăn chăn nuôi cho lợn và gia cầm.	Dạng bột, be nhạt đến be đậm.	Crown Pacific Biotechnology Pte, Ltd., Singapore (Sản xuất cho Adisseo Asia Pacific Pte, Ltd., Singapore).	Singapore	20/9/2022
2023	Amnil	544-9/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bacillus subtilis, Bacillus licheniformis) và chất mang (Calcium carbonate). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm ≤ 10,0 %; Bacillus subtilis ≥ 1,004 × 10⁸ CFU/g; Bacillus licheniformis ≥ 0,476 × 10⁸ CFU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb ≤ 125,0 ppm; As ≤ 50,0 ppm; Cd ≤ 12,5 ppm; Hg ≤ 2,5 ppm.	Bổ sung các vi sinh vật có lợi Bacillus trong thức ăn chăn nuôi lợn và gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa.	Dạng bột, màu nâu đến vàng nhạt.	Tier I Nutritionals, Inc., USA (sản xuất cho JBS United, Inc., USA)	USA	21/9/2022
2024	Enspira	545-9/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Enzyme Xylanase (từ chiết xuất lên men từ Aspergillus niger và Trichoderma reesei) và chất mang (vỏ trấu và Calcium carbonate). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm ≤ 10,0 %; Xylanase ≥ 2.700,0 U/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb ≤ 125,0 ppm; As ≤ 50,0 ppm; Cd ≤ 12,5 ppm; Hg ≤ 2,5 ppm.	Bổ sung enzyme Xylanase trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu đến vàng nhạt.	Tier I Nutritionals, Inc., USA (sản xuất cho JBS United, Inc., USA)	USA	21/9/2022
2025	Visano	546-9/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bacillus subtilis và chất mang (Calcium carbonate). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm ≤ 10,0 %; Bacillus subtilis ≥ 1,48 × 10⁸ CFU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb ≤ 125,0 ppm; As ≤ 50,0 ppm; Cd ≤ 12,5 ppm; Hg ≤ 2,5 ppm.	Bổ sung vi sinh vật có lợi Bacillus subtilis trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa.	Dạng bột, màu nâu đến vàng nhạt.	Tier I Nutritionals, Inc., USA (sản xuất cho JBS United, Inc., USA)	USA	21/9/2022
2026	Novela 100	547-9/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bacillus subtilis và chất mang (Calcium carbonate). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm ≤ 10,0 %; Bacillus subtilis ≥ 7,35 × 10⁸ CFU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb ≤ 125,0 ppm; As ≤ 50,0 ppm; Cd ≤ 12,5 ppm; Hg ≤ 2,5 ppm.	Bổ sung vi sinh vật có lợi Bacillus subtilis trong thức ăn chăn nuôi gia cầm.	Dạng bột, màu nâu đến vàng nhạt.	Tier I Nutritionals, Inc., USA (sản xuất cho JBS United, Inc., USA)	USA	21/9/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2027	Tuna Fish Soluble And Fish Soluble	548-9/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Dịch cá ngừ và dịch cá. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 50,0\%$; Protein thô $\geq 35,0\%$; Khoáng tổng số $\leq 15,0\%$; Béo thô $\leq 10,0\%$; Tổng số nitơ dễ bay hơi (TVBN) $\leq 1.000,0$ mg N/100g. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g.	Dịch cá ngừ và dịch cá, dùng để bổ sung protein trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu nâu vàng.	Sirisaeng Arumpee Co., Ltd.	Thailand	26/9/2022
2028	MiaBond Trophy	549-9/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Betonite, nấm men Saccharomyces cerevisiae bất hoạt, Calcium carbonate, dầu thực vật. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 6,0\%$; SiO ₂ : 46,0 - 56,7 %; Al ₂ O ₃ : 4,4 - 5,5 %; Fe ₂ O ₃ : 1,4 - 1,75 %. - Chỉ tiêu an toàn: As $\leq 12,0$ ppm; Pb $\leq 15,0$ ppm; Cd $< 0,75$ ppm; Hg $< 0,2$ ppm.	Bổ sung Betonite nhằm hấp phụ độc tố nấm mốc trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu be đến xám.	Miavit GmbH.	Germany	28/9/2022
2029	MiaTrace Zn	550-9/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Kẽm ôxit, Kẽm sunphat, dầu thực vật, muối, Lactose, bột mì, lignocellulose, Calcium carbonate. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 6,0\%$; Kẽm: 90.000,0 - 110.000,0 mg/kg. - Chỉ tiêu an toàn: As $\leq 4,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm; E. coli không có trong 1 g; Salmonella không có trong 25 g.	Bổ sung khoáng Kẽm vô cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu kem, be đến nâu.	Miavit GmbH.	Germany	28/9/2022
2030	Guanidinoacetic acid	551-9/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Guanidinoacetic acid. - Chỉ tiêu chất lượng: Guanidinoacetic acid $\geq 98,50\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 4,0$ ppm; Hg $\leq 0,2$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm.	Bổ sung Guanidinoacetic acid (dẫn xuất của axit amin Glycine) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng tinh thể, màu trắng.	Decens Bio-technology Co., Ltd.	China	3/10/2022
2031	Windmill Monamphos	552-9/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Mono-Ammonium phosphate (NH ₄ H ₂ PO ₄) $\geq 94,0\%$. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 1,5\%$; Phốt pho (P) $\geq 25,4\%$; Nitơ tổng số $\geq 10,6\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,2$ ppm.	Bổ sung khoáng Phốt pho trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm.	Dạng hạt nhỏ mịn, màu trắng nhạt.	Aliphos Rotterdam B.V.	The Netherlands	4/10/2022
2032	Vegacid	553-10/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các axit hữu cơ (Sorbic, Citric, Fumaric, Malic) và chất mang (dầu thực vật hydro hóa). - Chỉ tiêu chất lượng: Axit Sorbic: 11,25 - 13,75 %; axit Citric: 9,0 - 11,0 %; axit Fumaric: 13,5 - 16,5 %; axit Malic: 6,75 - 8,25 %. - Chỉ tiêu an toàn: As $\leq 5,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; F $\leq 1.00,0$ ppm.	Bổ sung các axit hữu cơ (Sorbic, Citric, Fumaric, Malic) trong thức ăn chăn nuôi gia súc gia, cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa.	Dạng hạt nhỏ mịn, màu trắng.	Zhejiang Vega Bio-Technology Co, Ltd.	China	18/10/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2033	Thynofac	554-10/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Tinh dầu thực vật: Thymol (từ Cỏ xạ hương), Cinnamyl aldehyde (từ quế); và chất mang (dầu thực vật hydro hóa). - Chỉ tiêu chất lượng: Thymol $\geq 5,0$ %; Cinnamyl aldehyde $\geq 15,0$ %. - Chỉ tiêu an toàn: Salmonella không phát hiện CFU/25 g; Aflatoxin B1 $\leq 20,0$ ppm;	Bổ sung tinh dầu thực vật trong thức ăn cho gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa.	Dạng hạt nhỏ mịn, màu vàng.	Zhejiang Vega Bio-Technology Co, Ltd.	China	18/10/2022
2034	Actmix Pig Breeder	555-10/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin (A, D3, E, K3, B1, B2, B6, B12, axit Nicotinic, Cal-D-pantothenate, axit Folic, Biotin), Choline chloride, Manganous oxide, Ferrous sulfate, Zinc oxide, Copper sulfate, Potassium Iodide, Cobalt sulfate, Sodium Selenite, chất bảo quản (Ethoxyquin, Sodium propionate), chất chống kết dính (Silicon dioxide) và chất chất mang (Calcium carbonate, bột lõi ngô). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Vitamin A $\geq 6,4$ MIU; Vitamin D3 $\geq 1,28$ MIU; Vitamin E $\geq 9.600,0$ IU; Vitamin K3 $\geq 0,8$ g; Vitamin B1 $\geq 0,8$ g; Vitamin B2 $\geq 3,2$ g; Vitamin B6 $\geq 1,6$ g; Vitamin B12 $\geq 0,016$ g; Axit Pantothenic $\geq 8,0$ g; Niacin $\geq 12,0$ g; axit Folic $\geq 0,4$ g; Biotin $\geq 0,04$ g; Choline $\geq 89,53$ g; Mangan (Mn): 19,20 - 28,80 g; Sắt (Fe): 38,40 - 57,60 g; Kẽm (Zn): 32,0 - 48,0 g; Đồng (Cu): 5,76 - 8,64 g; I ốt (I): 0,32 - 0,48 g; Coban (Co): 0,064 - 0,096 g; Selen (Se): 0,032 - 0,048 g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 30,0$ ppm; Pb $\leq 100,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm; Cd $\leq 10,0$ ppm.	Bổ sung premix vitamin và khoáng trong thức ăn chăn nuôi cho lợn giống.	Dạng bột, màu nâu.	Better Pharma Co, Ltd.	Thailand	18/10/2022
2035	Biacid 100	556-10/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Calcium formate, Calcium lactate, Calcium butyrate, Citric acid, chất tạo mùi (Cinamaldehyde), chất chống kết dính (Silicon dioxide) và chất mang (Sepiolite). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Axit Formic $\geq 6,8$ g; axit Lactic $\geq 5,8$ g; axit Butyric $\geq 38,7$ g; axit Citric $\geq 223,9$ g. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 30,0$ ppm; Pb $\leq 100,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm; Cd $\leq 10,0$ ppm.	Bổ sung hỗn hợp axit hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột, màu kem đến nâu nhạt lẫn các hạt xám.	Better Pharma Co, Ltd.	Thailand	18/10/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2036	Actmix Pig Starter	557-10/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin (A, D3, E, K3, B1, B2, B6, B12, axit Nicotinic, Cal-D-pantothenate, axit Folic, Biotin), Choline chloride, Manganous oxide, Ferrous sulfate, Zinc oxide, Copper sulfate, Potassium Iodide, Cobalt sulfate, Sodium Selenite, chất bảo quản (Ethoxyquin, Sodium propionate) và chất chất mang (Calcium carbonate, bột lõi ngô). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Vitamin A $\geq$ 7,2 MIU; Vitamin D3 $\geq$ 1,44 MIU; Vitamin E $\geq$ 8.000,0 IU; Vitamin K3 $\geq$ 0,8 g; Vitamin B1 $\geq$ 0,6 g; Vitamin B2 $\geq$ 1,4 g; Vitamin B6 $\geq$ 1,0 g; Vitamin B12 $\geq$ 0,006 g; axit Pantothenic $\geq$ 6,0 g; Niacin $\geq$ 6,0 g; axit Folic $\geq$ 0,2 g; Biotin $\geq$ 0,02 g; Choline $\geq$ 44,8 g; Mangan (Mn): 25,60 - 38,40 g; Sắt (Fe): 57,60 - 86,40 g; Kẽm (Zn): 32,0 - 48,0 g; Đồng (Cu): 57,6 - 86,40 g; I ốt (I): 0,32 - 0,48 g; ; Coban (Co): 0,32 - 0,48 g; Selen (Se): 0,032 - 0,048 g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq$ 30,0 ppm; Pb $\leq$ 100,0 ppm; Hg $\leq$ 0,1 ppm; Cd $\leq$ 10,0 ppm.	Bổ sung premix vitamin và khoáng trong thức ăn chăn nuôi cho lợn.	Dạng bột, màu nâu.	Better Pharma Co, Ltd.	Thailand	18/10/2022
2037	B-Pro	558-10/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vi sinh vật (Saccharomyces cerevisiae; Lactobacillus acidophilus; Bacillus subtilis; Aspergillus oryzae) và chất mang (bột đá, vỏ trấu). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Saccharomyces cerevisiae $\geq$ $1,0 \times 10^{11}$ CFU; Lactobacillus acidophilus $\geq$ $1,0 \times 10^{11}$ CFU; Bacillus subtilis $\geq$ $1,0 \times 10^{11}$ CFU; Aspergillus oryzae $\geq$ $1,0 \times 10^{11}$ CFU. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq$ 30,0 ppm; Pb $\leq$ 100,0 ppm; Hg $\leq$ 0,1 ppm; Cd $\leq$ 10,0 ppm.	Bổ sung các vi sinh vật có lợi trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu.	Better Pharma Co, Ltd.	Thailand	18/10/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2038	Protezyme	559-10/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Enzyme Amylase (từ <i>Aspergillus niger</i>), enzyme Xylanase (từ <i>Bacillus spp</i>), enzyme Glucanase (từ <i>Trichoderma viride</i>), enzyme Protease (từ <i>Aspergillus niger</i>), enzyme Lipase (từ <i>Rhizopus oryzae</i>), chất bảo quản (Sodium propionate) và chất mang (vỏ trấu). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 g): Amylase $\geq 3.000,0$ U; Xylanase $\geq 400,0$ U; Glucanase $\geq 400,0$ U; Protease $\geq 8.000,0$ U; Lipase $\geq 200,0$ U. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 4,0$ ppm; Cd $< 5,0$ ppm; Hg $< 0,1$ ppm.	Bổ sung các enzyme tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi lợn.	Dạng bột, màu nâu.	Better Pharma Co, Ltd.	Thailand	18/10/2022
2039	Pros Acid G	560-10/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Calcium formate, Calcium lactate, Calcium propionate, axit Citric, chất chống kết dính (Silicon dioxide) và chất mang (tinh bột ngô). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Axit Formic $\geq 350,0$ g; axit Citric $\geq 99,5$ g; axit Propionic $\geq 78,0$ g; axit Lactic $\geq 58,0$ g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 100,0$ ppm; As $\leq 30,0$ ppm; Cd $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung hỗn hợp axit hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột, màu trắng.	Better Pharma Co, Ltd.	Thailand	18/10/2022
2040	Bic Mix 1 Starter	561-10/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin (A, D3, E, K, B1, B2, B6, B12, Nicotic acid, Panthothenic acid, Folic acid), D-Biotin, Coban sunphat, Đồng sunphat, Kali Iodide), Sắt sunphat, Mangan oxit, Natri Selenite, Kẽm sunphat, chất chống oxy hóa (Ethoxyquin), chất chống vón (Silicon dioxide), chất mang (khoáng tự nhiên Talcum). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1 kg): Độ ẩm $\leq 12,0$ %; Vitamin A $\geq 6.000.000,0$ IU; vitamin D3 $\geq 2.000.000,0$ IU; vitamin E $\geq 16.000,0$ IU; vitamin K3 $\geq 1,4$ g; vitamin B1 $\geq 0,72$ g; vitamin B2 $\geq 2,16$ g; vitamin B6 $\geq 1,28$ g; vitamin B12 $\geq 14,0$ mg; Nicotic acid $\geq 14,0$ g; Panthothenic acid $\geq 10,0$ g; Folic acid $\geq 0,4$ g; D-Biotin $\geq 48,0$ mg; Co: 0,10 - 0,18 g; Cu: 64,0 - 75,0 g; I: 0,18 - 0,30 g; Fe: 40,0 - 48,0 g, Mn: 17,0 - 22,0 g; Se: 0,064 - 0,084 g; Zn: 47,0 - 61,0 g. - Chỉ tiêu an toàn: As $< 3,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung premix vitamin khoáng cho lợn từ 15 kg đến 30 kg thể trọng.	Dạng bột, màu nâu xám.	Bic Chemical Co., Ltd.	Thailand	24/10/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2041	Bic Mix 2 Grower	562-10/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin (A, D3, E, K, B1, B2, B6, B12, Nicotic acid, Panthothenic acid, Folic acid), D-Biotin, Coban sunphat, Đồng sunphat, Kali Iodide), Sắt sunphat, Mangan oxit, Natri Selenite, Kẽm sunphat, chất chống ôxy hóa (Ethoxyquin), chất chống vón (Silicon dioxide), chất mang (khoáng tự nhiên Talcum). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1 kg): Độ ẩm ≤ 12,0 %; Vitamin A ≥ 4.000.000,0 IU; vitamin D3 ≥ 1.200.000,0 IU; vitamin E ≥ 10.000,0 IU; vitamin K3 ≥ 1,2 g; vitamin B1 ≥ 0,6 g; vitamin B2 ≥ 1,2 g; vitamin B6 ≥ 1,28 g; vitamin B12 ≥ 10,0 mg; Nicotic acid ≥ 8,0 g; Panthothenic acid ≥ 8,0 g; Folic acid ≥ 0,24 g; D-Biotin ≥ 48,0 mg; Co: 0,07 - 0,12 g; Cu: 52,0 - 67,0 g; I: 0,15 - 0,21 g; Fe: 39,0 - 51,0 g, Mn: 15,0 - 19,0 g; Se: 0,05 - 0,09 g; Zn: 39,0 - 51,0 g. - Chỉ tiêu an toàn: As < 3,0 ppm; Pb ≤ 10,0 ppm; Cd ≤ 0,5 ppm; Hg < 0,1 ppm.	Bổ sung premix vitamin khoáng cho lợn từ 30 kg đến 60 kg thể trọng.	Dạng bột, màu nâu xám.	Bic Chemical Co., Ltd.	Thailand	24/10/2022
2042	Bic Mix 3 Finisher	563-10/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin (A, D3, E, K, B1, B2, B6, B12, Nicotic acid, Panthothenic acid, Folic acid), D-Biotin, Coban sunphat, Đồng sunphat, Kali Iodide), Sắt sunphat, Mangan oxit, Natri Selenite, Kẽm sunphat, chất chống ôxy hóa (Ethoxyquin), chất chống vón (Silicon dioxide), chất mang (khoáng tự nhiên Talcum). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1 kg): Độ ẩm ≤ 12,0 %; Vitamin A ≥ 3.200.000,0 IU; vitamin D3 ≥ 400.000,0 IU; vitamin E ≥ 8.000,0 IU; vitamin K3 ≥ 0,8 g; vitamin B1 ≥ 0,4 g; vitamin B2 ≥ 0,8 g; vitamin B6 ≥ 1,2 g; vitamin B12 ≥ 8,0 mg; Nicotic acid ≥ 8,0 g; Panthothenic acid ≥ 4,8 g; Folic acid ≥ 0,2 g; D-Biotin ≥ 20,0 mg; Co: 0,062 - 0,083 g; Cu: 39,0 - 51,0 g; I: 0,11 - 0,15 g; Fe: 31,0 - 41,0 g, Mn: 15,0 - 19,0 g; Se: 0,04 - 0,06 g; Zn: 30,0 - 40,0 g. - Chỉ tiêu an toàn: As < 3,0 ppm; Pb ≤ 10,0 ppm; Cd ≤ 0,5 ppm; Hg < 0,1 ppm.	Bổ sung premix vitamin khoáng cho lợn từ 60 kg đến 100 kg thể trọng.	Dạng bột, màu nâu xám.	Bic Chemical Co., Ltd.	Thailand	24/10/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2043	Bic Mix 6 Breeder	564-10/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin (A, D3, E, K, B1, B2, B6, B12, Nicotic acid, Panthothenic acid, Folic acid), D-Biotin, Coban sunphat, Đồng sunphat, Kali Iodide), Sắt sunphat, Mangan oxit, Natri Selenite, Kẽm sunphat, chất chống ôxy hóa (Ethoxyquin), chất chống vón (Silicon dioxide), chất mang (khoáng tự nhiên Talcum). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1 kg): Độ ẩm ≤ 12,0 %; Vitamin A ≥ 8.000.000,0 IU; vitamin D3 ≥ 1.200.000,0 IU; vitamin E ≥ 32.000,0 IU; vitamin K3 ≥ 1,4 g; vitamin B1 ≥ 1,0 g; vitamin B2 ≥ 2,4 g; vitamin B6 ≥ 1,8 g; vitamin B12 ≥ 14,0 mg; Nicotic acid ≥ 14,0 g; Panthothenic acid ≥ 10,0 g; Folic acid ≥ 0,4 g; D-Biotin ≥ 80,0 mg; Co: 0,15 - 0,20 g; Cu: 7,1 - 9,8 g; I: 0,23 - 0,32 g; Fe: 49,0 - 64,0 g; Mn: 23,0 - 30,8 g; Se: 0,08 - 0,19 g; Zn: 39,0 - 51,5 g. - Chỉ tiêu an toàn: As < 3,0 ppm; Pb ≤ 10,0 ppm; Cd ≤ 0,5 ppm; Hg < 0,1 ppm.	Bổ sung premix vitamin khoáng cho lợn giống.	Dạng bột, màu nâu xám.	Bic Chemical Co., Ltd.	Thailand	24/10/2022
2044	Bic Pig Breeder	565-10/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin (A, D3, E, K, B1, B2, B6, B12, Nicotic acid, Panthothenic acid, Folic acid), D-Biotin, Choline Chloride, Coban sunphat, Đồng sunphat, Kali Iodide), Sắt sunphat, Mangan oxit, Natri Selenite, Kẽm sunphat, chất chống ôxy hóa (Ethoxyquin), chất chống vón (Silicon dioxide), chất mang (khoáng tự nhiên Talcum). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1 kg): Độ ẩm ≤ 12,0 %; Vitamin A ≥ 6.000.000,0 IU; vitamin D3 ≥ 800.000,0 IU; vitamin E ≥ 18.000,0 IU; vitamin K3 ≥ 1,2 g; vitamin B1 ≥ 0,8 g; vitamin B2 ≥ 2,0 g; vitamin B6 ≥ 2,2 g; vitamin B12 ≥ 8,0 mg; Nicotic acid ≥ 12,0 g; Panthothenic acid ≥ 8,0 g; Folic acid ≥ 0,8 g; D-Biotin ≥ 180,0 mg; Choline Chloride ≥ 120,0 g; Co: 0,07 - 0,095 g; Cu: 5,8 - 6,9 g; I: 0,35 - 0,55 g; Fe: 45,0 - 59,0 g; Mn: 25,0 - 33,0 g; Se: 0,08 - 0,12 g; Zn: 45,0 - 59,0 g. - Chỉ tiêu an toàn: As < 3,0 ppm; Pb ≤ 10,0 ppm; Cd ≤ 0,5 ppm; Hg ≤ 0,1 ppm.	Bổ sung premix vitamin khoáng cho lợn giống.	Dạng bột, màu nâu xám.	Bic Chemical Co., Ltd.	Thailand	24/10/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2045	Probio-peptide	566-10/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Khô dầu đậu tương lên men bởi vi sinh vật có lợi (<i>Bacillus subtilis</i>). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0$ %; Protein thô $\geq 50,0$ %; Béo thô $\leq 3,0$ %; Xơ thô $\leq 7,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 7,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: <i>Salmonella</i> không phát hiện trong 25g, <i>E.coli</i> < 10 CFU/g; Tổng số Aflatoxin (B1, B2, G1, G2) $< 50,0$ ppb.	Khô dầu đậu tương lên men, dùng làm nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng.	Guangdong Xipu Biotechnology Co, Ltd.	China	24/10/2022
2046	Superior Boost	567-10/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: <i>Bacillus Licheniformis</i>, <i>Bacillus subtilis</i>, <i>Bacillus pumilus</i>, chất mang (Calcium carbonate). - Chỉ tiêu chất lượng: <i>Bacillus Licheniformis</i> ≥ 109 CFU/kg; <i>Bacillus subtilis</i> ≥ 109 CFU/kg; <i>Bacillus pumilus</i> ≥ 109 CFU/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 4,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; <i>Salmonella</i> không phát hiện CFU/25g; <i>E. coli</i> < 10 CFU/g.	Bổ sung hỗn hợp vi khuẩn <i>Bacillus</i> có lợi trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	Vet Superior Consultant Co., Ltd.	Thailand	27/10/2022
2047	Multi-vitamins premix A for chicken	568-10/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các hợp chất chứa vitamin (A, D3, E, K3, B1, B2, B6, B12, D-calcium Panthothenate, Nicotinamide, Folic acid, D-Biotin, chất mang (bột vỏ trấu). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1 g): Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Vitamin A: 27.000,0 - 50.000,0 IU; vitamin D3: 9.300,0 - 25.000,0 IU; vitamin E $\geq 67,0$ mg; vitamin K3 $\geq 8,0$ mg ; vitamin B1 $\geq 5,3$ mg; vitamin B2 $\geq 19,0$ mg; vitamin B6 $\geq 9,3$ mg; vitamin B12 $\geq 0,04$ mg; D-calcium Panthothenate $\geq 29,0$ mg; Nicotinamide $\geq 93,0$ mg; Folic acid $\geq 2,7$ mg; D-Biotin $\geq 0,53$ mg. - Chỉ tiêu an toàn: As $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 30,0$ ppm; Cd $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung premix vitamin cho gà.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Guangdong Hiner Biotechnology Group Co, Ltd.	China	27/10/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2048	Multi-vitamins premix B for chicken	569-10/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các hợp chất chứa vitamin (A, D3, E, K3, B1, B2, B6, B12, D-calcium Panthothenate, Nicotinamide, Folic acid, D-Biotin, chất mang (bột vỏ trấu). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1 g): Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Vitamin A: 29.000,0 - 50.000,0 IU; vitamin D3: 9.300,0 - 25.000,0 IU; vitamin E $\geq 93,0$ mg; vitamin K3 $\geq 9,3$ mg; vitamin B1 $\geq 11,0$ mg; vitamin B2 $\geq 24,0$ mg; vitamin B6 $\geq 13,3$ mg; vitamin B12 $\geq 0,08$ mg; D-calcium Panthothenate $\geq 43,0$ mg; Nicotinamide $\geq 120,0$ mg; Folic acid $\geq 4,1$ mg; D-Biotin $\geq 0,53$ mg. - Chỉ tiêu an toàn: As $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 30,0$ ppm; Cd $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung premix vitamin cho gà.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Guangdong Hinter Biotechnology Group Co, Ltd.	China	27/10/2022
2049	Multi-vitamins premix C for chicken	570-10/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các hợp chất chứa vitamin (A, D3, E, K3, B1, B2, B6, B12, D-calcium Panthothenate, Nicotinamide, Folic acid, D-Biotin, chất mang (bột vỏ trấu). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1 g): Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Vitamin A: 40.000,0 - 50.000,0 IU; vitamin D3: 9.200,0 - 25.000,0 IU; vitamin E $\geq 60,0$ mg; vitamin K3 $\geq 61,0$ mg; vitamin B1 $\geq 11,0$ mg; vitamin B2 $\geq 26,0$ mg; vitamin B6 $\geq 20,0$ mg; vitamin B12 $\geq 0,1$ mg; D-calcium Panthothenate $\geq 41,0$ mg; Nicotinamide $\geq 200,0$ mg; Folic acid $\geq 4,7$ mg; D-Biotin $\geq 0,28$ mg. - Chỉ tiêu an toàn: As $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 30,0$ ppm; Cd $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung premix vitamin cho gà.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Guangdong Hinter Biotechnology Group Co, Ltd.	China	27/10/2022
2050	Multi-vitamins premix D for duck	571-10/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các hợp chất chứa vitamin (A, D3, E, K3, B1, B2, B12, D-calcium Panthothenate, Nicotinamide, Folic acid, chất mang (bột vỏ trấu). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1 g): Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Vitamin A $\geq 72.000,0$ IU; vitamin D3: 20.000,0 - 25.000,0 IU; vitamin E $\geq 72,0$ mg; vitamin K3 $\geq 15,0$ mg; vitamin B1 $\geq 3,1$ mg; vitamin B2 $\geq 24,0$ mg; vitamin B12 $\geq 0,05$ mg; D-calcium Panthothenate $\geq 47,0$ mg; Nicotinamide $\geq 55,0$ mg; Folic acid $\geq 0,8$ mg. - Chỉ tiêu an toàn: As $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 30,0$ ppm; Cd $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung premix vitamin cho vịt.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Guangdong Hinter Biotechnology Group Co, Ltd.	China	27/10/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2051	Multi-vitamins premix E for duck	572-10/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các hợp chất chứa vitamin (A, D3, E, K3, B1, B2, B12, D-calcium Panthothenate, Nicotinamide, Folic acid, chất mang (bột vỏ trấu). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1 g): Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Vitamin A $\geq 32.000,0$ IU; vitamin D3: $9.300,0 - 25.000,0$ IU; vitamin E $\geq 72,0$ mg; vitamin K3 $\geq 9,3$ mg; vitamin B1 $\geq 3,1$ mg; vitamin B2 $\geq 24,0$ mg; vitamin B12 $\geq 0,05$ mg; D-calcium Panthothenate $\geq 40,0$ mg; Nicotinamide $\geq 55,0$ mg; Folic acid $\geq 0,8$ mg. - Chỉ tiêu an toàn: As $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 30,0$ ppm; Cd $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung premix vitamin cho vịt.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Guangdong Hinter Biotechnology Group Co, Ltd.	China	27/10/2022
2052	Multi-vitamins premix F for duck	573-10/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các hợp chất chứa vitamin (A, D3, E, K3, B1, B2, B6, B12, D-calcium Panthothenate, Nicotinamide, Folic acid, D-Biotin, chất mang (bột vỏ trấu). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1 g): Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Vitamin A $\geq 32.000,0$ IU; vitamin D3: $9.300,0 - 25.000,0$ IU; vitamin E $\geq 32,0$ mg; vitamin K3 $\geq 9,3$ mg; vitamin B1 $\geq 9,3$ mg; vitamin B2 $\geq 24,0$ mg; vitamin B6 $\geq 7,8$ mg; vitamin B12 $\geq 0,05$ mg; D-calcium Panthothenate $\geq 40,0$ mg; Nicotinamide $\geq 150,0$ mg; Folic acid $\geq 3,1$ mg; D-Biotin $\geq 0,16$ mg. - Chỉ tiêu an toàn: As $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 30,0$ ppm; Cd $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung premix vitamin cho vịt.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Guangdong Hinter Biotechnology Group Co, Ltd.	China	27/10/2022
2053	Multi-vitamins premix Q for pig	574-10/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các hợp chất chứa vitamin (A, D3, E, K3, B1, B2, B6, B12, D-calcium Panthothenate, Nicotinamide, Folic acid, D-Biotin, chất mang (bột vỏ trấu). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1 g): Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Vitamin A: $24.000,0 - 32.500,0$ IU; vitamin D3: $6.000,0 - 12.500,0$ IU; vitamin E $\geq 100,0$ mg; vitamin K3 $\geq 11,5$ mg; vitamin B1 $\geq 6,3$ mg; vitamin B2 $\geq 19,2$ mg; vitamin B6 $\geq 11,8$ mg; vitamin B12 $\geq 0,08$ mg; D-calcium Panthothenate $\geq 47,0$ mg; Nicotinamide $\geq 103,0$ mg; Folic acid $\geq 4,0$ mg; D-Biotin $\geq 0,32$ mg. - Chỉ tiêu an toàn: As $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 30,0$ ppm; Cd $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung premix vitamin cho lợn.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Guangdong Hinter Biotechnology Group Co, Ltd.	China	27/10/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2054	Multi-vitamins premix P for pig	575-10/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các hợp chất chứa vitamin (A, D3, E, K3, B1, B2, B6, B12, D-calcium Panthothenate, Nicotinamide, Folic acid, D-Biotin, chất mang (bột vỏ trấu). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1 g): Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Vitamin A: 12.000,0 - 32.500,0 IU; vitamin D3: 4.000,0 - 12.500,0 IU; vitamin E $\geq 64,0$ mg; vitamin K3 $\geq 4,8$ mg; vitamin B1 $\geq 2,6$ mg; vitamin B2 $\geq 12,8$ mg; vitamin B6 $\geq 2,6$ mg; vitamin B12 $\geq 0,05$ mg; D-calcium Panthothenate $\geq 37,0$ mg; Nicotinamide $\geq 42,0$ mg; Folic acid $\geq 2,5$ mg; D-Biotin $\geq 0,4$ mg. - Chỉ tiêu an toàn: As $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 30,0$ ppm; Cd $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung premix vitamin cho lợn.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Guangdong Hinter Biotechnology Group Co, Ltd.	China	27/10/2022
2055	Multi-vitamins premix Y for pig	576-10/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các hợp chất chứa vitamin (A, D3, E, K3, B1, B2, B6, B12, D-calcium Panthothenate, Nicotinamide, Folic acid, D-Biotin, chất mang (bột vỏ trấu). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1 g): Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Vitamin A: 22.000,0 - 32.500,0 IU; vitamin D3: 5.400,0 - 12.500,0 IU; vitamin E $\geq 90,0$ mg; vitamin K3 ≥ 10 mg; vitamin B1 $\geq 5,7$ mg; vitamin B2 $\geq 17,0$ mg; vitamin B6 $\geq 10,6$ mg; vitamin B12 $\geq 0,07$ mg; D-calcium Panthothenate $\geq 42,0$ mg; Nicotinamide $\geq 93,0$ mg; Folic acid $\geq 3,6$ mg; D-Biotin $\geq 0,30$ mg. - Chỉ tiêu an toàn: As $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 30,0$ ppm; Cd $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung premix vitamin cho lợn.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Guangdong Hinter Biotechnology Group Co, Ltd.	China	27/10/2022
2056	Multi-vitamins premix M for livestock and poultry	577-10/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các hợp chất chứa vitamin (A, D3, E, K3, B1, B2, B6, B12, D-calcium Panthothenate, Nicotinamide, Folic acid, D-Biotin, chất mang (bột vỏ trấu). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1 g): Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Vitamin A: 15.000,0 - 32.500,0 IU; vitamin D3: 8.000,0 - 20.000,0 IU; vitamin E $\geq 25,0$ mg; vitamin K3 $\geq 7,0$ mg; vitamin B1 $\geq 4,0$ mg; vitamin B2 $\geq 25,0$ mg; vitamin B6 $\geq 8,0$ mg; vitamin B12 $\geq 0,075$ mg; D-calcium Panthothenate $\geq 50,0$ mg; Nicotinamide $\geq 60,0$ mg; Folic acid $\geq 4,0$ mg; D-Biotin $\geq 0,08$ mg. - Chỉ tiêu an toàn: As $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 30,0$ ppm; Cd $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung premix vitamin cho gia súc và gia cầm.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Guangdong Hinter Biotechnology Group Co, Ltd.	China	27/10/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2057	Multi-vitamins premix N for livestock and poultry	578-10/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các hợp chất chứa vitamin (A, D3, E, K3, B1, B2, B6, B12, D-calcium Panthothenate, Nicotinamide, Folic acid, D-Biotin, chất mang (bột vỏ trấu). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1 g): Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Vitamin A: 18.000,0 - 32.500,0 IU; vitamin D3: 4.800,0 - 20.000,0 IU; vitamin E $\geq 15,0$ mg; vitamin K3 $\geq 4,2$ mg; vitamin B1 $\geq 2,4$ mg; vitamin B2 $\geq 15,0$ mg; vitamin B6 $\geq 4,8$ mg; vitamin B12 $\geq 0,045$ mg; D-calcium Panthothenate $\geq 30,0$ mg; Nicotinamide $\geq 36,0$ mg; Folic acid $\geq 2,4$ mg; D-Biotin $\geq 0,048$ mg. - Chỉ tiêu an toàn: As $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 30,0$ ppm; Cd $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung premix vitamin cho gia súc và gia cầm.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Guangdong Hinter Biotechnology Group Co, Ltd.	China	27/10/2022
2058	Hemoglobin in powder spray dried	579-10/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bột hồng cầu phun sấy khô. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 8,0\%$; Protein $\geq 90,0\%$; Mỡ thô $\leq 2,0\%$; Khoáng tổng số $\leq 6,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g.	Bột hồng cầu phun sấy khô, dùng làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng nâu.	Lican Paraguay SA, Paraguay.	Paraguay	27/10/2022
2059	Dairy-Organic Premix For Dairy Cows	580-10/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin (A, D3, E), Ferrous sulphate monohydrate, Copper sulphate pentahydrate, Manganous oxide, Calcium Iodate anhydrous, Sodium selenite, Coated granulated cobalt carbonate, Zinc oxide, Calcium carbonate. - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Vitamin A: 2.400.000,0 - 3.600.000,0 IU; Vitamin D3: 480.000,0 - 720.000,0 IU; Vitamin E: 8.000,0 - 12.000,0 mg; Sắt (Fe): 7.560,0 - 15.000,0 mg; Đồng (Cu): 5.280,0 - 6.660,0 mg; Mangan (Mn): 16.524,0 - 23.664,0 mg; Kẽm (Zn): 16.524,0 - 23.664,0 mg; Iốt (I): 255,0 - 345,0 mg; Selen (Se): 93,6 - 146,4 mg; Coban (Co): 91,5 - 208,5 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; As $< 10,0$ ppm; Cd $< 15,0$ ppm; Pb $< 200,0$ ppm; Hg $< 0,1$ ppm.	Bổ sung premix vitamin và khoáng trong thức ăn chăn nuôi bò sữa.	Dạng bột, màu xám nhạt	Deutsche Vilomix Tierernahrung GmbH.	Germany	26/10/2022
2060	Sinophos brand Feed Grade Monocalcium Phosphate MCP 22	581-10/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Monocalcium phosphate monohydrate (Ca(H₂PO₄)₂.H₂O). - Chỉ tiêu chất lượng: Phôtho (P) $\geq 22,0\%$; Canxi (Ca) $\geq 13,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ Canxi và Phôtho trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột hoặc hạt mịn, màu xám nhạt.	Sinochem Yunlong Co., Ltd.	China	27/10/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2061	Sinophos brand Feed Grade Dicalcium Phosphate DCP 21	582-10/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Dicalcium Phosphate dihydrate (CaHPO ₄ .2H ₂ O) và Monocalcium phosphate monohydrate (Ca(H ₂ PO ₄) ₂ .H ₂ O). - Chỉ tiêu chất lượng: Phôpho (P) ≥ 21,0 %; Canxi (Ca) ≥ 14,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As ≤ 10,0 ppm; Pb ≤ 10,0 ppm; Cd ≤ 10,0 ppm; Hg ≤ 0,1 ppm.	Bổ Canxi và Phôpho trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột hoặc hạt mịn, màu xám nhạt.	Sinochem Yunlong Co., Ltd.	China	27/10/2022
2062	Bactocell	583-10/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vi khuẩn lactic <i>Pedococcus acidilactici</i> CNCM MA 18/5M, phụ gia và chất mang (Sodium aluminosilicate, Sucrose). - Chỉ tiêu chất lượng: <i>Pedococcus acidilactici</i> ≥ 1,0 × 10 ¹⁰ CFU/g - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Pb ≤ 5,0 ppm; As ≤ 2,0 ppm; Cd ≤ 0,5 ppm; Hg ≤ 0,1 ppm.	Bổ sung vi khuẩn lactic có lợi trong thức ăn chăn nuôi cho lợn và gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	Lallemand Animal Nutrition UK, Ltd.	United Kingdom	30/10/2022
2063	Bactocell	584-10/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vi khuẩn lactic <i>Pedococcus acidilactici</i> CNCM MA 18/5M, phụ gia và chất mang (Sodium aluminosilicate, Sucrose). - Chỉ tiêu chất lượng: <i>Pedococcus acidilactici</i> ≥ 1,0 × 10 ¹⁰ CFU/g - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Pb ≤ 5,0 ppm; As ≤ 2,0 ppm; Cd ≤ 0,5 ppm; Hg ≤ 0,1 ppm.	Bổ sung vi khuẩn lactic có lợi trong thức ăn chăn nuôi cho lợn và gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	Lallemand Specialties Inc	USA	30/10/2022
2064	VTNEST A	585-10/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Tributyrin, chất mang (silicon dioxide). - Chỉ tiêu chất lượng: Tributyrin ≥ 20,0 %; độ ẩm ≤ 12,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As ≤ 3,0 ppm; Pb ≤ 10,0 ppm; Cd ≤ 0,5 ppm; Hg ≤ 0,1 ppm; Cd ≤ 0,1 ppm; Salmonella không phát hiện trong 25g; E.coli < 10 CFU/g.	Bổ sung Tributyrin trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	Guangdong VTR Bio-Tech Co., Ltd	China	30/10/2022
2065	Sugarex PF/95F	586-10/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sodium Saccharine (E 954), Neohesperidine DC (E 959), chất chống vón (axit silicic), chất mang (Lactose). - Chỉ tiêu chất lượng: Sodium Saccharine ≥ 49,0,1 %; Neohesperidine DC ≥ 3,5 %; Khoáng tổng số ≤ 20,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Hg ≤ 0,1 ppm; As ≤ 3,0 ppm; Pb ≤ 10,0 ppm; Cd ≤ 0,5 ppm.	Bổ sung chất tạo ngọt trong thức ăn chăn nuôi lợn.	Dạng bột, màu trắng.	Interquim, S.A.	Spain	31/10/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2066	Re-Gro	587-10/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sắt sunphat, Canxi carbonat, Magiê ôxit, Kali sunphat, chất bảo quản (Natri acetate), chất mang (khoáng tự nhiên: Lanthanide, Vermiculite). - Chỉ tiêu chất lượng: Fe: 3,0 - 5,5 %; Ca: 8,0 - 12,0 %; Mg: 4,0 - 6,2 %; K: 2,0 - 4,5 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As ≤ 40,0 ppm; Pb ≤ 30,0 ppm; Cd ≤ 50,0 ppm; Hg < 0,5 ppm.	Bổ sung premix khoáng vô cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng hạt mịn, màu nâu.	Celltech Co., Ltd.	Korea	1/11/2022
2067	Alltech Dried Yeast	588-10/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Nấm men Saccharomyces cerevisiae bất hoạt sấy khô (được lên men trong môi trường ri mật đường). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm ≤ 13,0 %; Protein thô ≥ 36,0 %; Xơ thô ≤ 2,0 %; Khoáng tổng số ≤ 13,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli < 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện CFU/25g.	Bổ sung protein từ nấm men trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu.	Alltech Do Brazil Agroindustrial Ltda.	Brazil	31/10/2022
2068	Hemicell HT-L	589-11/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Enzyme b-Mannanase (từ vi khuẩn Paenibacillus lentus), chất ổn định (Sorbitol, Monosodium glutamate, Sodium acetate, Potassium sorbate), chất tạo màu (Caramel), chất bảo quản (Sodium chloride), chất phụ gia và chất mang (Calcium chloride, nước). - Chỉ tiêu chất lượng: β-mannanase ≥ 472,0 × 10 ⁶ U/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli < 10 CFU/ml; Salmonella không phát hiện trong 25 ml.	Bổ sung enzyme β-mannanase trong thức ăn chăn nuôi lợn và gia cầm.	Dạng lỏng, màu nâu nhạt.	Eli Lilly and Company Limited.	United Kingdom	1/11/2022
2069	Egmax powder	590-11/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp thảo dược (bột cây Solanum xanthocarpum, bột hạt cây Trichosanthes dioica, bột rễ cây Asparagus racemosus, bột cây Aloe musamberg), chất bảo quản (Sodium methylparaben, propylparaben sodium), chất chống oxy hóa (BHT) và Di Calcium phosphate. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm ≤ 10,0 %; Aloin A&B ≥ 0,1 %; Khoáng tổng số ≤ 18,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25g; E.coli < 10 CFU/g; As ≤ 3,0 ppm; Cd ≤ 0,3 ppm; Pb ≤ 10,0 ppm; Hg ≤ 1,0 ppm.	Bổ sung hỗn hợp thảo dược (Solanum xanthocarpum, Trichosanthes dioica, Asparagus racemosus, Aloe musamberg) trong thức ăn chăn nuôi gia cầm nhằm cải thiện chất lượng trứng.	Dạng bột, màu nâu vàng.	Natural Remedies Private Limited.	India	3/11/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2070	Stodi powder	591-11/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp thảo dược (20,0 % bột vỏ quả cây Punica granatum; 30,0 % nhựa và bột vỏ cây Acacia Arabica; 20,0 % bột cây Andrographis paniculata; 20,0 % bột vỏ cây Holarrhena antidysenterica và 10,0 % bột quả cây Terminalia bellerica). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; khoáng tổng số $\leq 13,0$ %; Punicalagin $\geq 0,5$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25g; E.coli < 10 CFU/g; As $\leq 3,0$ ppm; Cd $\leq 0,3$ ppm; <u>Pb $< 10,0$ ppm; Hg $< 1,0$ ppm.</u>	Bổ sung hỗn hợp thảo dược (Punica granatum, Acacia Arabica, Andrographis paniculata, Holarrhena antidysenterica, Terminalia bellerica) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột, màu nâu vàng.	Natural Remedies Private Limited.	India	3/11/2022
2071	Endostine	592-11/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Potassium Sorbate và chất mang (Sepiolite). - Chỉ tiêu chất lượng: Axit Sorbic $\geq 138,0$ g/kg; Kali (K): 48,0 - 84,0 g/kg. - Chỉ tiêu an toàn: Pb $< 40,0$ ppm; As $< 10,0$ ppm; Cd $< 15,0$ ppm; <u>Fluorine (F) $< 500,0$ ppm.</u>	Bổ sung axit hữu cơ (Sorbic) trong thức ăn chăn nuôi lợn nhằm cải thiện đường tiêu hóa.	Dạng bột, màu nâu.	Difagri SAS.	France	3/11/2022
2072	Laxicol	593-11/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất Inulin từ cây diếp xoăn (Chicory); Magnesium sulphate và chất mang (bột lúa mỳ, montmorillonite). - Chỉ tiêu chất lượng: Inulin $\geq 280,0$ g/kg; Magiê (Mg): 14,0 - 26,0 g/kg. - Chỉ tiêu an toàn: Salmonella không phát hiện trong 25g, E.coli < 10 CFU/g; Pb $< 40,0$ ppm; As $< 10,0$ ppm; Cd $< 15,0$ ppm; <u>Fluorine (F) $< 500,0$ ppm.</u>	Bổ sung Inulin và khoáng trong thức ăn chăn nuôi lợn nái nhằm cải thiện đường tiêu hóa ở vật nuôi.	Dạng bột, màu trắng kem.	Difagri SAS.	France	3/11/2022
2073	Ovuline	594-11/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: L-Tyrosine, Vitamin B6 và chất mang (bột lúa mỳ). - Chỉ tiêu chất lượng: Tyrosine $\geq 240,0$ g/kg; Vitamin B6 $\geq 0,5$ g/kg. - Chỉ tiêu an toàn: Salmonella không phát hiện trong 25g, E.coli < 10 CFU/g; Pb $< 40,0$ ppm; As $< 10,0$ ppm; Cd $< 15,0$ ppm; <u>Fluorine (F) $< 500,0$ ppm.</u>	Bổ sung axit amin Tyrosine và vitamin B ₆ trong thức ăn chăn nuôi cho lợn nái cai sữa.	Dạng bột, màu kem sáng.	Difagri SAS.	France	3/11/2022
2074	Respiflor	595-11/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Methol (chiết xuất từ cây bạc hà); Eucalyptol (chiết xuất từ bạch đàn) và chất mang (montmorillonite, calcium carbonate). - Chỉ tiêu chất lượng: Eucalyptol $\geq 4,25$ g/kg; Methol $\geq 2,25$ g/kg. - Chỉ tiêu an toàn: Pb $< 40,0$ ppm; As $< 10,0$ ppm; Cd $< 15,0$ ppm; <u>Fluorine (F) $< 500,0$ ppm.</u>	Bổ sung hỗn hợp chiết xuất tinh dầu thực vật trong thức ăn chăn nuôi lợn nhằm hỗ trợ đường hô hấp của vật nuôi.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	Difagri SAS.	France	3/11/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2075	Speedpart	596-11/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Calcium formate, Vitamin D3 và chất mang (Dextrose). - Chỉ tiêu chất lượng: Axit Formic $\geq 129,0$ g/kg; Vitamin D3 $\geq 10.000,0$ IU/kg; Canxi: 57,0 - 74,0 g/kg. - Chỉ tiêu an toàn: Pb $< 40,0$ ppm; As $< 10,0$ ppm; Cd $< 15,0$ ppm; Fluorine (F) $< 500,0$ ppm.	Bổ sung axit hữu cơ, vitamin và khoáng trong thức ăn chăn nuôi cho lợn nái giai đoạn 05 ngày trước khi đẻ.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	Difagri SAS.	France	3/11/2022
2076	NutriSource Chicken & Peas Formula Grain Free Dog Food	597-11/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gà, bột thịt gà, sản phẩm từ đậu Hà Lan, mỡ gà, hạt lanh, bột cỏ Alfalfa, hương liệu tạo mùi thịt gà, bột cá hồi, cà chua, dầu hướng dương, nấm men bia khô, bột trứng, muối, Potassium chloride, Premix vitamin và khoáng, Lactic acid, Glucosamine hydrochloride, Chondroitin sulfate, chiết xuất từ thực vật (Yucca, hương thảo), sản phẩm từ vi sinh vật có lợi (Saccharomyces cerevisiae, Lactobacillus acidophilus, Enterococcus faecium, Aspergillus niger, Trichoderma longibrachiatum, Bacillus subtilis). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein thô $\geq 28,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.500,0$ Kcal/kg; Béo thô $\geq 18,0$ %; Xơ thô $\leq 6,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 9,0$ %; Lysine $\geq 0,69$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,48$ %; Threonine $\geq 0,52$ %; Canxi: 1,2 - 2,5 %; Phốtpho: 1,0 - 1,6 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó.	Dạng viên hình khuy áo, màu nâu.	Tuffys Pet Foods, Inc.	USA	7/11/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2077	NutriSource Small Bites Chicken & Peas Formula Grain Free Dog Food	598-11/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gà, bột thịt gà, sản phẩm từ đậu Hà Lan, mỡ gà, hạt lanh, bột cỏ Alfalfa, hương liệu tạo mùi thịt gà, bột cá hồi, cà chua, dầu hướng dương, nấm men bia khô, bột trứng, muối, Potassium chloride, Premix vitamin và khoáng, Lactic acid, Glucosamine hydrochloride, Chondroitin sulfate, chiết xuất từ thực vật (Yucca, hương thảo), sản phẩm từ vi sinh vật có lợi (Saccharomyces cerevisiae, Lactobacillus acidophilus, Enterococcus faecium, Aspergillus niger, Trichoderma longibrachiatum, Bacillus subtilis). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein thô $\geq 28,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.600,0$ Kcal/kg; Béo thô $\geq 18,0$ %; Xơ thô $\leq 5,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 9,0$ %; Lysine $\geq 0,69$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,48$ %; Threonine $\geq 0,52$ %; Canxi: 1,2 - 2,5 %; Phốtpho: 1,0 - 1,6 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó.	Dạng viên hình khuy áo, màu nâu.	Tuffys Pet Foods, Inc.	USA	7/11/2022
2078	NutriSource Lamb Meal & Peas Formula Grain Free Dog Food	599-11/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt cừu, sản phẩm từ hạt đậu (peas, garbanzo beans), mỡ gà, bột cá hồi, bột cỏ Alfalfa, hương liệu tạo mùi thịt gà, cà chua, bột trứng, hạt lanh, dầu hướng dương, nấm men bia khô, Potassium chloride, muối, Premix vitamin và khoáng, Lactic acid, Glucosamine hydrochloride, Chondroitin sulfate, chiết xuất từ thực vật (Yucca, hương thảo), L-tryptophan, sản phẩm từ vi sinh vật có lợi (Saccharomyces cerevisiae, Lactobacillus acidophilus, Enterococcus faecium, Aspergillus niger, Trichoderma longibrachiatum, Bacillus subtilis). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein thô $\geq 28,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.500,0$ Kcal/kg; Béo thô $\geq 18,0$ %; Xơ thô $\leq 5,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 10,0$ %; Lysine $\geq 0,69$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,48$ %; Threonine $\geq 0,52$ %; Canxi: 1,2 - 2,5 %; Phốtpho: 1,0 - 1,6 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó.	Dạng viên hình khuy áo, màu nâu.	Tuffys Pet Foods, Inc.	USA	7/11/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2079	NutriSource Country Select Entrée Grain Free Cat Food	600-11/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gà, thịt vịt, sản phẩm từ hạt đậu (peas, garbanzo beans), tinh bột sắn, thịt gà tây, bột trứng, mỡ gà, hương liệu tạo mùi tự nhiên, hạt lanh, cà chua, bột cỏ Alfalfa, Phosphoric acid, Premix vitamin và khoáng, bột rau diếp xoăn, Lactic acid, inositol, L-carnitine, chiết xuất từ thực vật (Yucca, hương thảo), L-tryptophan, sản phẩm từ vi sinh vật có lợi (Saccharomyces cerevisiae, Lactobacillus acidophilus, Enterococcus faecium, Aspergillus niger, Trichoderma longibrachiatum, Bacillus subtilis). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein thô $\geq 36,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.500,0$ Kcal/kg; Béo thô $\geq 16,0$ %; Xơ thô $\leq 5,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 9,0$ %; Lysine $\geq 1,08$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,99$ %; Threonine $\geq 0,66$ %; Canxi: 1,0 - 2,4 %; Phốtpho: 0,8 - 1,8 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho mèo.	Dạng viên hình tam giác, màu nâu.	Tuffys Pet Foods, Inc.	USA	7/11/2022
2080	NutriSource Adult Chicken & Rice Formula Dog Food	601-11/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gà, bột thịt gà, gạo lức, lúa mạch, mỡ gà, gạo trắng, yến mạch, bột cá, củ cải, hương liệu tạo mùi thịt gà, hạt lanh, muối, Potassium chloride, Premix vitamin và khoáng, Lactic acid, Glucosamine hydrochloride, Chondroitin sulfate, chiết xuất từ thực vật (Yucca, hương thảo), sản phẩm từ vi sinh vật có lợi (Saccharomyces cerevisiae, Lactobacillus acidophilus, Enterococcus faecium, Aspergillus niger, Trichoderma longibrachiatum, Bacillus subtilis). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein thô $\geq 26,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.500,0$ Kcal/kg; Béo thô $\geq 16,0$ %; Xơ thô $\leq 4,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 9,0$ %; Lysine $\geq 0,69$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,48$ %; Threonine $\geq 0,52$ %; Canxi: 1,2 - 2,5 %; Phốtpho: 1,0 - 1,6 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó.	Dạng viên hình khuy áo, màu nâu.	Tuffys Pet Foods, Inc.	USA	7/11/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2081	NutriSource Small & Medium Breed Puppy Food	602-11/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gà, bột thịt gà, gạo lức, gạo trắng, mỡ gà, lúa mạch, hạt lanh, củ cải, dầu hướng dương, cà chua, hương liệu tạo mùi tự nhiên, Potassium chloride, muối, Premix vitamin và khoáng, chiết xuất từ thực vật (Yucca, hương thảo), sản phẩm từ vi sinh vật có lợi (Saccharomyces cerevisiae, Lactobacillus acidophilus, Enterococcus faecium, Aspergillus niger, Trichoderma longibrachiatum, Bacillus subtilis). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein thô $\geq 32,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.600,0$ Kcal/kg; Béo thô $\geq 21,0$ %; Xơ thô $\leq 5,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 11,0$ %; Lysine $\geq 0,69$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,48$ %; Threonine $\geq 0,52$ %; Canxi: 1,2 - 2,5 %; Phốtpho: 1,0 - 1,6 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó con.	Dạng viên hình tam giác, màu nâu.	Tuffys Pet Foods, Inc.	USA	7/11/2022
2082	NutriSource Lamb Meal & Rice Formula Dog Food	603-11/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt cừu, gạo trắng, gạo lức, lúa mạch, củ cải đường, bột cá, hạt lanh, hương liệu tạo mùi gà, mỡ gà, dầu hướng dương, bột trứng, Potassium chloride, muối, Premix vitamin và khoáng, Lactic acid, Glucosamine hydrochloride, Chondroitin sulfate, chiết xuất từ thực vật (Yucca, hương thảo), L-tryptophan, sản phẩm từ vi sinh vật có lợi (Saccharomyces cerevisiae, Lactobacillus acidophilus, Enterococcus faecium, Aspergillus niger, Trichoderma longibrachiatum, Bacillus subtilis). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein thô $\geq 22,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.300,0$ Kcal/kg; Béo thô $\geq 13,0$ %; Xơ thô $\leq 6,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 9,0$ %; Lysine $\geq 0,69$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,48$ %; Threonine $\geq 0,52$ %; Canxi: 1,2 - 2,5 %; Phốtpho: 1,0 - 1,6 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó.	Dạng viên hình khuy áo, màu nâu.	Tuffys Pet Foods, Inc.	USA	7/11/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2083	NutriSource Cat & Kitten Chicken & Rice Formula	604-11/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gà, bột thịt gà, gạo lức, đậu, mỡ gà, bột cá, bột trứng, yến mạch, bột khoai tây, bột củ cải đường, hương liệu tự nhiên, dầu hướng dương, bột Alfalfa, hạt lanh, Phosphoric acid, Potassium chloride, muối, Premix vitamin và khoáng, chiết xuất từ thực vật (Yucca, hương thảo), Lactic acid, sản phẩm từ vi sinh vật có lợi (Saccharomyces cerevisiae, Lactobacillus acidophilus, Enterococcus faecium, Aspergillus niger, Trichoderma longibrachiatum, Bacillus subtilis). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein thô $\geq 32,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.600,0$ Kcal/kg; Béo thô $\geq 19,0$ %; Xơ thô $\leq 5,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 9,0$ %; Lysine $\geq 1,08$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,99$ %; Threonine $\geq 0,66$ %; Canxi: 1,0 - 1,9 %; Photpho: 0,8 - 2,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho mèo.	Dạng viên hình tam giác, màu nâu.	Tuffy's Pet Foods, Inc.	USA	7/11/2022
2084	NutriSource Cat & Kitten Chicken, Salmon & Liver Formula	605-11/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gà, gạo lức, đậu Hà Lan, gan gà, mỡ gà, hạt lanh, dầu cá hồi, bột trứng, bột cá, hương liệu tạo mùi tự nhiên, củ cải ngọt, yến mạch, bột cà chua, dầu hướng dương, Potassium chloride, muối, DL-methionine, Premix vitamin và khoáng, taurin, chiết xuất rau diếp xoăn, chiết xuất từ thực vật (Yucca, hương thảo), Lactic acid, sản phẩm từ vi sinh vật có lợi (Saccharomyces cerevisiae, Lactobacillus acidophilus, Enterococcus faecium, Aspergillus niger, Trichoderma longibrachiatum, Bacillus subtilis). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein thô $\geq 32,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.600,0$ Kcal/kg; Béo thô $\geq 19,0$ %; Xơ thô $\leq 5,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 8,5$ %; Lysine $\geq 1,08$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,99$ %; Threonine $\geq 0,66$ %; Canxi: 1,0 - 1,7 %; Photpho: 0,8 - 1,7 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho mèo.	Dạng viên hình tam giác, màu nâu.	Tuffy's Pet Foods, Inc.	USA	7/11/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2085	Pure Vita Salmon & Peas Entrée Grain Free Dog Food	606-11/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Cá hồi, đậu Hà Lan, khoai lang, sản phẩm từ đậu, dầu hướng dương, bột cỏ Alfalfa, hạt lanh, Calcium carbonate, bột cà chua, Dicalcium phosphate, muối, Potassium chloride, sản phẩm từ thảo dược (canberries, turmeric, garlic), Premix vitamin và khoáng, chiết xuất rau diếp xoăn, chiết xuất từ thực vật (Yucca, hương thảo), Glucosamine hydrochloride, Chondroitin sulfate, L-carnitine, sản phẩm từ vi sinh vật có lợi (Saccharomyces cerevisiae, Lactobacillus acidophilus, Enterococcus faecium, Aspergillus niger, Trichoderma longibrachiatum, Bacillus subtilis). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein thô $\geq 24,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.400,0$ Kcal/kg; Béo thô $\geq 16,0$ %; Xơ thô $\leq 6,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 9,0$ %; Lysine $\geq 0,69$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,48$ %; Threonine $\geq 0,52$ %; Canxi: 1,2 - 2,5 %; Phốtpho: 0,9 - 1,6 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó.	Dạng viên hình khuy áo, màu nâu.	Tuffy's Pet Foods, Inc.	USA	7/11/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2086	Pure Vita Turkey & Sweet Potato Entrée Grain Free Dog Food	607-11/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gà tây, đậu Hà Lan, khoai lang, sản phẩm từ đậu, mỡ gà tây, bột cỏ Alfalfa, hạt lanh, hương liệu tạo mùi gà tây tự nhiên, Dicalcium phosphate, Potassium chloride, bột cà chua, dầu hướng dương, muối, sản phẩm từ thảo dược (canberries, blueberries, turmeric, garlic), Calcium carbonate, Glucosamine hydrochloride, Chondroitin sulfate, táo, chiết xuất từ thực vật (Yucca, hương thảo), L-carnitine, sản phẩm từ vi sinh vật có lợi (Saccharomyces cerevisiae, Lactobacillus acidophilus, Enterococcus faecium, Aspergillus niger, Trichoderma longibrachiatum, Bacillus subtilis). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein thô $\geq 24,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.400,0$ Kcal/kg; Béo thô $\geq 16,0$ %; Xơ thô $\leq 6,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 10,0$ %; Lysine $\geq 0,69$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,48$ %; Threonine $\geq 0,52$ %; Canxi: 1,2 - 2,5 %; Photpho: 1,0 - 1,6 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó.	Dạng viên hình khuy áo, màu nâu.	Tuffys Pet Foods, Inc.	USA	7/11/2022
2087	Shenqi Powder	608-11/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất từ rễ cây Astragalus (80,0 %) và rễ cây Codonopsis (20,0 %). - Chỉ tiêu chất lượng: Astragalus polysaccharides $\geq 60,0$ %; Astragaloside $\geq 0,15$ %; Độ ẩm $\leq 10,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 5,0$ ppm; Pb $\leq 20,0$ ppm; E. coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25 g.	Bổ sung chiết xuất thảo dược trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện khả năng miễn dịch.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Wuxi Zhengda Biology Co., Ltd.	China	8/11/2022
2088	Sodium Bicarbonate Feed Grade	609-11/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sodium bicarbonate (NaHCO₃; độ tinh khiết $\geq 99,0$ %). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 0,2$ %; Sodium Bicarbonate $\geq 99,0$ % (tương đương Natri $\geq 27,0$ %). - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung muối (Sodium bicarbonate) trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng hạt nhỏ, min, màu trắng.	Shandong Haitian Bio-Chemical Co, Ltd.	China	8/11/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2089	Pedigree Puppy Chicken Chunks Flavour in Gravy	610-11/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Phụ phẩm gia cầm, gan bò, thịt gà, gluten lúa mì, dầu đậu tương, chất tạo màu (Color titanium dioxide powder, color caramel, Sodium nitrite powder), chất tạo mùi (D-Xylose, Dextrose monohydrate powder), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 85,0$ %; Protein thô $\geq 8,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 500,0$ Kcal/kg; Xơ thô $\leq 3,0$ %; Canxi: 0,07 - 1,0 %; Phốtpho: 0,06 - 0,6 %; Lysine $\geq 0,08$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,06$ %; Threonine $\geq 0,1$ %; Khoáng tổng số $\leq 3,0$ %; - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 3,0$ ppm; Hg $\leq 0,3$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh hương vị thịt gà cho chó con đến 12 tháng tuổi.	Dạng nhão, màu nâu.	Mars Petcare (Thailand) Co, Ltd.	Thailand	21/11/2022
2090	Whiskas Tuna	611-11/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Cá ngừ, dầu đậu tương, chất tạo màu (Sodium nitrite powder), chất tạo gel, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 87,0$ %; Protein thô $\geq 9,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 400,0$ Kcal/kg; Xơ thô $\leq 1,0$ %; Canxi: 0,03 - 2,0 %; Phốtpho: 0,02 - 2,0 %; Lysine $\geq 0,06$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,02$ %; Threonine $\geq 0,05$ %; Khoáng tổng số $\leq 3,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 3,0$ ppm; Hg $\leq 0,3$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh hương vị cá ngừ cho mèo.	Dạng nhão, màu nâu.	Mars Petcare (Thailand) Co, Ltd.	Thailand	21/11/2022
2091	Whiskas Mackerel	612-11/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Cá thu, cá mòi, dầu đậu tương, chất tạo màu (Sodium nitrite powder, Color red iron oxide), chất tạo gel, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 87,0$ %; Protein thô $\geq 8,5$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 400,0$ Kcal/kg; Xơ thô $\leq 1,0$ %; Canxi: 0,03 - 3,5 %; Phốtpho: 0,02 - 3,5 %; Lysine $\geq 0,06$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,02$ %; Threonine $\geq 0,05$ %; Khoáng tổng số $\leq 3,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 3,0$ ppm; Hg $\leq 0,3$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh hương vị cá thu cho mèo.	Dạng nhão, màu nâu.	Mars Petcare (Thailand) Co, Ltd.	Thailand	21/11/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2092	Whiskas Junior Tuna	613-11/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Cá ngừ, dầu đậu tương, chất tạo màu (Sodium nitrite powder), chất tạo gel, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 83,0\%$; Protein thô $\geq 9,0\%$; Năng lượng trao đổi $\geq 700,0$ Kcal/kg; Xơ thô $\leq 1,0\%$; Canxi: $0,09 - 2,0\%$; Phốtpho: $0,07 - 2,0\%$; Lysine $\geq 0,14\%$; Methionine + Cystine $\geq 0,13\%$; Threonine $\geq 0,08\%$; Khoáng tổng số $\leq 3,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 3,0$ ppm; Hg $\leq 0,3$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh hương vị cá ngừ cho mèo con từ cai sữa đến 12 tháng tuổi.	Dạng nhão, màu nâu.	Mars Petcare (Thailand) Co, Ltd.	Thailand	21/11/2022
2093	Whiskas Ocean Fish	614-11/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Cá thu, cá mòi, thịt gà, phụ phẩm gia cầm, Gluten lúa mì, dầu đậu tương, chất tạo màu (Sodium nitrite powder, Color caramel), chất tạo gel, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 84,0\%$; Protein thô $\geq 8,0\%$; Năng lượng trao đổi $\geq 650,0$ Kcal/kg; Xơ thô $\leq 3,0\%$; Canxi: $0,05 - 3,5\%$; Phốtpho: $0,04 - 3,5\%$; Lysine $\geq 0,09\%$; Methionine + Cystine $\geq 0,04\%$; Threonine $\geq 0,08\%$; Khoáng tổng số $\leq 3,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 3,0$ ppm; Hg $\leq 0,3$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh hương vị cá biển cho mèo.	Dạng nhão, màu nâu.	Mars Petcare (Thailand) Co, Ltd.	Thailand	21/11/2022
2094	Whiskas Chicken and Tuna	615-11/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gà, phụ phẩm chế biến gia cầm, phụ phẩm chế biến bò, cá ngừ, dầu đậu tương, chất tạo màu (Color titanium dioxide powder, Color red iron oxide, Color brown iron oxide, Sodium nitrite powder, Color caramel), chất tạo gel, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 84,0\%$; Protein thô $\geq 8,0\%$; Năng lượng trao đổi $\geq 650,0$ Kcal/kg; Xơ thô $\leq 3,0\%$; Canxi: $0,05 - 3,5\%$; Phốtpho: $0,04 - 3,5\%$; Lysine $\geq 0,09\%$; Methionine + Cystine $\geq 0,04\%$; Threonine $\geq 0,08\%$; Khoáng tổng số $\leq 3,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 3,0$ ppm; Hg $\leq 0,3$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh hương vị thịt gà và cá ngừ cho mèo.	Dạng nhão, màu nâu đỏ.	Mars Petcare (Thailand) Co, Ltd.	Thailand	21/11/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2095	Whiskas Mackerel and Salmon	616-11/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Cá thu, cá mòi, phụ phẩm chế biến cá hồi, thịt gà, phụ phẩm gia cầm, Gluten lúa mỳ, dầu đậu tương, chất tạo màu (Color titanium dioxide powder, Color red iron oxide, Color lucanthin oink, Sodium nitrite powder), chất tạo gel, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 87,0$ %; Protein thô $\geq 8,5$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 400,0$ Kcal/kg; Xơ thô $\leq 1,0$ %; Canxi: 0,03 - 3,5 %; Phốtpho: 0,02 - 3,5 %; Lysine $\geq 0,06$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,02$ %; Threonine $\geq 0,05$ %; Khoáng tổng số $\leq 3,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 3,0$ ppm; Hg < 0,3 ppm; Cd < 1,0 ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh hương vị cá hồi và cá thu cho mèo.	Dạng nhão, màu nâu.	Mars Petcare (Thailand) Co, Ltd.	Thailand	21/11/2022
2096	Kitekat Tuna Flavour	617-11/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ngũ cốc (ngô, gạo), Gluten ngô, phụ phẩm chế biến gia cầm, dầu thực vật (dầu cọ, dầu đậu tương), Taurine, cá biển, muối iốt, chất tạo màu (Tartrazine, Indigo carmine, Ponceau 4R), chất bảo quản (Potassium sorbate, BHT, BHA), chất tạo mùi (Tuna flavour), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0$ %; Protein thô $\geq 26,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.100,0$ Kcal/kg; Xơ thô $\leq 5,0$ %; Canxi: 0,3 - 1,4 %; Phốtpho: 0,2 - 1,4 %; Lysine $\geq 0,4$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,2$ %; Threonine $\geq 0,3$ %; Khoáng tổng số $\leq 9,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 3,0$ ppm; Hg $\leq 0,3$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh vị cá ngừ cho mèo.	Dạng viên, màu đỏ.	Mars Petcare (Thailand) Co, Ltd.	Thailand	21/11/2022
2097	Kitekat Mackerel Flavour	618-11/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ngũ cốc (ngô, gạo), Gluten ngô, phụ phẩm chế biến gia cầm, dầu thực vật (dầu cọ, dầu đậu tương), Taurine, cá biển, muối iốt, chất bảo quản (Potassium sorbate, BHT, BHA), chất tạo mùi (Mackerel flavour), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0$ %; Protein thô $\geq 26,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.100,0$ Kcal/kg; Xơ thô $\leq 5,0$ %; Canxi: 0,3 - 1,4 %; Phốtpho: 0,2 - 1,4 %; Lysine $\geq 0,4$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,2$ %; Threonine $\geq 0,3$ %; Khoáng tổng số $\leq 9,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 3,0$ ppm; Hg $\leq 0,3$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh hương vị cá thu cho mèo.	Dạng viên, màu nâu.	Mars Petcare (Thailand) Co, Ltd.	Thailand	21/11/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2098	Pedigree Meat Jerky Grilled Liver Flavour	619-11/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Tinh bột sắn, tinh bột lúa mỳ, Gluten lúa mỳ, gluten ngô, gan gia cầm, chất bảo quản (Potassium sorbate), chất tạo mùi (Grilled liver flavor), chất tạo màu (Tartrazine, Sunset yellow), chất làm ẩm (Glycerine), premix khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 18,0\%$; Protein thô $\geq 24,0\%$; Xơ thô $\leq 5,0\%$; Canxi: 0,08 - 5,0 %; Phốtpho: 0,06 - 3,2 %; Khoáng tổng số $\leq 9,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 3,0$ ppm; Hg $\leq 0,3$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm.	Thức ăn bổ sung hương vị gan nướng cho chó.	Dạng miếng, màu nâu.	Mars Petcare (Thailand) Co, Ltd.	Thailand	21/11/2022
2099	Pedigree Meat Jerky Stix Smoky Beef Flavour	620-11/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Tinh bột sắn, tinh bột lúa mỳ, Gluten lúa mỳ, gluten ngô, gan gia cầm, chất bảo quản (Potassium sorbate), chất tạo mùi (Smoked beef flavor), chất tạo màu (Tartrazine, Indigo Carmine, Ponceau 4R, Sunset yellow), chất làm ẩm (Glycerine), premix khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 18,0\%$; Protein thô $\geq 24,0\%$; Xơ thô $\leq 5,0\%$; Canxi: 0,07 - 5,0 %; Phốtpho: 0,04 - 3,2 %; Khoáng tổng số $\leq 9,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 3,0$ ppm; Hg < 0,3 ppm; Cd < 1,0 ppm.	Thức ăn bổ sung hương vị thịt bò hun khói cho chó.	Dạng que, màu đỏ.	Mars Petcare (Thailand) Co, Ltd.	Thailand	21/11/2022
2100	Pedigree Meat Jerky Smoky Beef Flavour	621-11/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Tinh bột sắn, tinh bột lúa mỳ, Gluten lúa mỳ, gluten ngô, gan gia cầm, chất bảo quản (Potassium sorbate), chất tạo mùi (Smoked beef flavor), chất tạo màu (Tartrazine, Indigo carmine, Ponceau 4R), chất làm ẩm (Glycerine), premix khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 18,0\%$; Protein thô $\geq 24,0\%$; Xơ thô $\leq 5,0\%$; Canxi : 0,08 - 5,0 %; Phốtpho : 0,06 - 3,2 %; Khoáng tổng số $\leq 9,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 3,0$ ppm; Hg $\leq 0,3$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm.	Thức ăn bổ sung hương vị thịt bò hun khói cho chó.	Dạng miếng, màu đỏ.	Mars Petcare (Thailand) Co, Ltd.	Thailand	21/11/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2101	Pedigree Meat Jerky Stix Bacon Flavour	622-11/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Tinh bột sắn, tinh bột lúa mỳ, Gluten lúa mỳ, gluten ngô, gan gia cầm, chất bảo quản (Potassium sorbate), chất tạo mùi (Chicken Bacon flavor), chất tạo màu (Tartrazine, Indigo carmine, Ponceau 4R, Titanium Dioxide), chất làm ẩm (Glycerine), premix khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 18,0$ %; Protein thô $\geq 24,0$ %; Xơ thô $\leq 5,0$ %; Canxi: 0,07 - 5,0 %; Phốtpho: 0,04 - 3,2 %; Khoáng tổng số $\leq 9,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 3,0$ ppm; Hg < 0,3 ppm; Cd < 1,0 ppm.	Thức ăn bổ sung hương vị thịt lợn muối cho chó.	Dạng que, màu cam.	Mars Petcare (Thailand) Co, Ltd.	Thailand	21/11/2022
2102	Pedigree DentaStix - Toy Dogs	623-11/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Tinh bột ngô, tinh bột lúa mỳ, Gluten lúa mỳ, gluten ngô, gan gia cầm, gelatin, chất bảo quản (Potassium sorbate), chất tạo mùi (Flavour smoked chicken), gum, Sodium tripolyphosphate, Calcium carbonate, Potassium chloride, Zinc sulphate và chất xơ. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 18,0$ %; Protein thô $\geq 8,6,0$ %; Xơ thô $\leq 5,0$ %; Canxi: 0,18 - 5,0 %; Phốtpho: 0,16 - 3,2 %; Khoáng tổng số $\leq 10,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 3,0$ ppm; Hg < 0,3 ppm; Cd < 1,0 ppm.	Thức ăn bổ sung cho chó.	Dạng thanh, màu nâu.	Mars Petcare (Thailand) Co, Ltd.	Thailand	21/11/2022
2103	Bacti-Nil Dry	624-11/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit hữu cơ và muối axit hữu cơ (Formic acid, Ammonium Formate, Propionic acid, Ammonium Propionate); chất chống vón (Silicic acid, khoáng Clinoptilolite, hỗn hợp khoáng tự nhiên steatites and chlorite); hợp chất tạo mùi (axit béo mạch trung). - Chỉ tiêu chất lượng: Axit Formic $\geq 22,3$ %; axit Propionic $\geq 11,1$ %. - Chỉ tiêu an toàn: As < 4,0 ppm; Pb < 200,0 ppm.	Bổ sung axit hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột, màu trắng.	Nutri-Ad International NV.	Belgium	21/11/2022
2104	Bacti-Nil Liquid	625-11/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit hữu cơ và muối axit hữu cơ (Formic acid, Ammonium Formate, Acetic acid, Propionic acid, Ammonium Propionate); chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng: Axit Formic $\geq 30,0$ %; axit Acetic $\geq 18,0$ %; axit Propionic $\geq 10,9$ %. - Chỉ tiêu an toàn: As $\leq 4,0$ ppm; Pb $\leq 200,0$ ppm.	Bổ sung axit hữu cơ trong thức ăn và nước uống cho gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng lỏng, không màu.	Vendrig Verhuur B.V., The Netherlands. (Phân phối bởi Nutri-Ad International NV., Belgium).	The Netherlands	21/11/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2105	Nutri-Lac IGA Liquid	626-11/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit hữu cơ (Lactic acid, Formic acid); chất mang (men bia lỏng). - Chỉ tiêu chất lượng: Axit Lactic $\geq 52,6\%$; axit Formic $\geq 7,6\%$. - Chỉ tiêu an toàn: As $\leq 4,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm.	Bổ sung axit hữu cơ trong thức ăn và nước uống cho gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng lỏng, màu nâu đậm.	Vendrig Verhuur B.V., The Netherlands. (Phân phối bởi Nutri-Ad International NV., Belgium).	The Netherlands	21/11/2022
2106	Nutrivit GP Liquid	627-11/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hydroxy Analogue of Methionine (MHA), Lysine HCl, vitamin (B1, B2, B12), Choline chloride, Zinc chloride monohydrate, Ferric chloride hexahydrate, Cupric chloride dihydrate, Cobalt sulphate heptahydrate, Manganous chloride tetrahydrate, chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1 lít): MHA $\geq 204,16$ g; Lysine $\geq 101,0$ g; Vitamin B1 $\geq 7,0$ mg; Vitamin B2 $\geq 10,5$ mg; Vitamin B12 $\geq 7,0$ mg; Choline $\geq 113,625$ g; Zn: 345,1 - 517,7 mg; Fe: 357,4 - 536,2 mg; Cu: 254,1 - 381,1 mg; Co: 330,0 - 495,0 mg; Mn: 538,4 - 999,8 mg. - Chỉ tiêu an toàn: E. Coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25 g; As $\leq 4,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm.	Bổ sung premix vitamin, khoáng, axit amin trong thức ăn và nước uống cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu nâu.	Neofarma S.r.l., Italy. (Phân phối bởi Nutri-Ad International NV., Belgium).	Italy	21/11/2022
2107	Revital Plus Liquid	628-11/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Orthophosphoric acid, Citric acid, Lactic acid, chất nhũ hóa (Propane-1,2-diol), chiết xuất nấm men Saccharomyces cerevisiae, chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng: Orthophosphoric acid $\geq 4,2\%$; axit Citric $\geq 5,0\%$; axit Lactic $\geq 2,6\%$. - Chỉ tiêu an toàn: E. Coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25 g; As $\leq 4,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm.	Bổ sung hỗn hợp axit vô cơ và hữu cơ trong nước uống cho gia cầm.	Dạng lỏng, màu nâu.	Vendrig Verhuur B.V., The Netherlands. (Phân phối bởi Nutri-Ad International NV., Belgium).	The Netherlands	21/11/2022
2108	Digestarom DC Power	629-11/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp chiết xuất và tinh dầu thực vật (Origanum vulgare, Gaultheria procumbens, Carum carvi, Mentha arvensis) và chất mang (dầu thực vật, muối NaCl, Silica). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Carvacrol $\geq 65,0$ g; Methyl salicylate $\geq 8,0$ g; Carvone $\geq 1,7$ g; Menthol $\geq 15,0$ g; Khoáng tổng số $\leq 50,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli < 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện CFU/25g; As $\leq 12,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm; Pb $< 200,0$ ppm; Hg $< 0,2$ ppm.	Bổ sung hỗn hợp tinh dầu thực vật trong thức ăn chăn nuôi cho lợn và gia cầm nhằm cải thiện khả năng ăn vào của vật nuôi.	Dạng bột, màu be đến nâu nhạt.	Biomin Phytogenics GmbH.	Germany	23/11/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2109	Digestarom DC Xcel	630-11/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp chiết xuất và tinh dầu thực vật (Origanum vulgare, Gaultheria procumbens, Carum carvi, Mentha arvensis) và chất mang (dầu thực vật, muối NaCl, Silica). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Carvacrol $\geq$ 65,0 g; Methyl salicylate $\geq$ 8,0 g; Carvone $\geq$ 1,7 g; Menthol $\geq$ 20,0 g; Khoáng tổng số $\leq$ 36,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli < 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện CFU/25g; As $\leq$ 12,0 ppm; Cd $\leq$ 15,0 ppm; Pb < 200,0 ppm; Hg < 0,2 ppm.	Bổ sung hỗn hợp tinh dầu thực vật trong thức ăn chăn nuôi cho lợn, gia cầm nhằm cải thiện của thiện khả năng ăn vào vật nuôi.	Dạng bột, màu be đến nâu nhạt.	Biomin Phytogenics GmbH.	Germany	23/11/2022
2110	Bioplex High Five	631-11/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Zinc proteinate, Maganese proteinate, nấm men (Sacchanomyces cerevisiae) chứa Selen, Copper proteinate và Cobalt proteinate. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq$ 12,0 %; Protein thô $\geq$ 30,0 %; Kẽm (Zn): 7,2 - 9,36 %; Mangan (Mn): 2,0 - 2,6 %; Đồng (Cu): 1,2 - 1,56 %; Coban (Co): 0,12 - 0,16 %; Selen (Se): 300,0 - 390,0 ppm. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli < 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện CFU/25g; As $\leq$ 12,0 ppm; Cd $\leq$ 7,5 ppm; Pb $\leq$ 15,0 ppm; Hg $\leq$ 0,2 ppm.	Bổ sung khoáng hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi bò sữa.	Dạng bột, màu nâu xanh.	Alltech Inc.	USA	23/11/2022
2111	Biomin Phytase 5000	632-11/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Enzyme Phytase (tự chiết xuất lên men Aspergillus Niger) và chất mang (tinh bột). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq$ 13,0 %; Phytase $\geq$ 5.000,0 FTU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli < 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện CFU/25g; As $\leq$ 12,0 ppm; Cd $\leq$ 15,0 ppm; Pb < 200,0 ppm; Hg < 0,2 ppm.	Bổ sung enzyme Phytase trong thức ăn chăn nuôi lợn gia cầm.	Dạng bột, màu trắng đến trắng nhạt.	Biomin Singapore Pte, Ltd.	Singapore	23/11/2022
2112	Babydog Milk	633-11/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Protein và béo thô từ sữa bò, dầu đậu tương, Protein từ whey, dầu cá, fructooligosaccharides, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq$ 4,5 %; Protein thô $\geq$ 31,0 %; Năng lượng trao đổi $\geq$ 5.010,0 Kcal/kg; Xơ thô $\leq$ 3,0 %; Canxi: 0,88 - 1,54 %; Photpho: 0,6 - 1,0 %; Lysine $\geq$ 0,38 %; Methionine + Cystine $\geq$ 0,86 %; Threonine $\geq$ 0,79 %; Khoáng tổng số $\leq$ 8,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Cd $\leq$ 0,34 ppm; As $\leq$ 0,34 ppm; Pb < 0,85 ppm; Hg < 0,06 ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó con từ sơ sinh đến cai sữa (đến 2 tháng tuổi).	Dạng bột, màu be.	Royal Canin S.A.S.	France	23/11/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2113	Cardiac	634-11/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Gạo, Protein từ thịt gia cầm, bột ngô, mỡ gia cầm, gluten ngô, bột trứng, củ cải đường, dầu cá, xơ từ củ cải đường, dầu đậu tương, nấm men sấy khô, fructooligosaccharides, chiết xuất từ thực vật (chè, cúc vạn thọ), chất bảo quản, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 11,0\%$; Protein thô $\geq 24,0\%$; Năng lượng trao đổi $\geq 3.020,0$ Kcal/kg; Xơ thô $\leq 2,6\%$; Canxi: $0,63 - 1,23\%$; Phốtpho: $0,35 - 0,75\%$; Lysine $\geq 0,38\%$; Methionine + Cystine $\geq 0,74\%$; Threonine $\geq 0,51\%$; Khoáng tổng số $\leq 5,6\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Cd $\leq 0,34$ ppm; As $\leq 0,34$ ppm; Pb $\leq 0,85$ ppm; Cd $\leq 0,06$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó.	Dạng viên tròn, màu nâu.	Royal Canin S.A.S.	France	23/11/2022
2114	Mini Dermacomfort	635-11/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Gạo, gluten (lúa mỳ, ngô), mỡ gia cầm, vỏ yến mạch, ngô, gan gia cầm, dầu đậu tương, củ cải đường, dầu cá, hạt lanh, chiết xuất từ cúc vạn thọ, fructooligosaccharides, chất bảo quản, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 9,5\%$; Protein thô $\geq 24,0\%$; Năng lượng trao đổi $\geq 3.320,0$ Kcal/kg; Xơ thô $\leq 2,4\%$; Canxi: $0,46 - 1,06\%$; Phốtpho: $0,4 - 0,8\%$; Lysine $\geq 0,38\%$; Methionine + Cystine $\geq 0,74\%$; Threonine $\geq 0,52\%$; Khoáng tổng số $\leq 5,94\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Cd $\leq 0,34$ ppm; As $\leq 0,34$ ppm; Pb $\leq 0,85$ ppm; Cd $\leq 0,06$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó trưởng thành.	Dạng viên tròn, màu nâu.	Royal Canin S.A.S.	France	23/11/2022
2115	Medium Dermacomfort	636-11/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Gạo, gluten (lúa mỳ, ngô), mỡ gia cầm, vỏ yến mạch, ngô, gan gia cầm, dầu đậu tương, củ cải đường, dầu cá, hạt lanh, chiết xuất từ cúc vạn thọ, fructooligosaccharides, chất bảo quản, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 11,0\%$; Protein thô $\geq 22,0\%$; Năng lượng trao đổi $\geq 3.320,0$ Kcal/kg; Xơ thô $\leq 2,4\%$; Lysine $\geq 0,38\%$; Canxi: $0,65 - 1,25\%$; Phốtpho: $0,35 - 0,75\%$; Methionine + Cystine $\geq 0,74\%$; Threonine $\geq 0,42\%$; Khoáng tổng số $\leq 6,6\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Cd $\leq 0,34$ ppm; As $\leq 0,34$ ppm; Pb $\leq 0,85$ ppm; Cd $\leq 0,06$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó trưởng thành.	Dạng viên tròn, màu nâu.	Royal Canin S.A.S.	France	23/11/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2116	Rovabio Max Advance P25	637-11/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sản phẩm Rovabio Advance P (Endo-1,4-β-Xylanase; Endo-1,3(4)-β-Glucanase; 6-Phytase và chất mang (bột lúa mì và Maltodextrin)), phụ gia và chất mang (Silica, bột đá, vỏ trấu). - Chỉ tiêu chất lượng: Endo-1,4-β-Xylanase $\geq$ 6.250,0 VU/g; Endo-1,3(4)-β-Glucanase $\geq$ 4.300,0 VU/g; 6-Phytase $\geq$ 2.500,0 FTU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g.	Bổ sung hỗn hợp enzyme tiêu hoá (Endo-1,4- β Xylanase; Endo-1,3(4)- β -Glucanase và 6-Phytase) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, be nhạt đến be đậm.	Crown Pacific Biotechnology Pte. Ltd., Singapore (Sản xuất cho Adisseo Asia Pacific Pte. Ltd., Singapore).	Singapore	23/11/2022
2117	Vigour D	638-11/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit Caprylic; mono-, di -, tri- glycerides của axit butyric, chất tạo mùi (hỗn hợp tinh dầu thực vật hương nhu, quế), axit Propionic và chất mang (axit Silicic). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq$ 10,0 %; Axit Butyric $\geq$ 8,0 %; Axit Caprylic $\geq$ 1,5 %; axit Propionic $\geq$ 1,1 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq$ 100,0 ppm; As $\leq$ 10,0 ppm; Cd $\leq$ 15,0 ppm; Hg $\leq$ 1,0 ppm.	Bổ sung các axit hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi vật nuôi.	Dạng bột, màu nâu.	Innov AD NV.	Belgium	23/11/2022
2118	Vigour L	639-11/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Mono-, di -, tri-glycerides; chất tạo mùi (hỗn hợp tinh dầu thực vật hương nhu, quế, Oregano) và chất mang (Glycerin). - Chỉ tiêu chất lượng: Axit Butyric $\geq$ 20,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq$ 100,0 ppm; As $\leq$ 10,0 ppm; Cd $\leq$ 15,0 ppm; Hg $\leq$ 1,0 ppm.	Bổ sung axit hữu cơ trong nước uống cho gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi vật nuôi.	Dạng lỏng, màu nâu đỏ.	Innov AD NV.	Belgium	23/11/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2119	NutriSource Small Breed Seafood Select Grain Free Dog Food	640-11/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Cá hồi, bột cá, sản phẩm từ đậu Hà Lan, mỡ gà, hương liệu tạo mùi thịt gà, hạt lanh, bột cỏ Alfalfa, cà chua, dầu hướng dương, nấm men bia khô, muối, Potassium chloride, Premix vitamin và khoáng, Lactic acid, Glucosamine hydrochloride, Chondroitin sulfate, chiết xuất từ thực vật (Yucca, hương thảo), sản phẩm từ vi sinh vật có lợi (Saccharomyces cerevisiae, Lactobacillus acidophilus, Enterococcus faecium, Aspergillus niger, Trichoderma longibrachiatum, Bacillus subtilis). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein thô $\geq 25,0$ %; Năng lượng trao đổi $\geq 3.400,0$ Kcal/kg; Béo thô $\geq 15,0$ %; Xơ thô $\leq 5,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 10,0$ %; Lysine $\geq 0,69$ %; Methionine + Cystine $\geq 0,48$ %; Threonine $\geq 0,52$ %; Canxi: 1,2 - 1,8 %; Phốtpho: 0,9 - 1,6 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh hương vị cá biển cho chó.	Dạng viên hình khay áo, màu nâu.	Tuffys Pet Foods, Inc.	USA	23/11/2022
2120	Phytase	641-11/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Enzyme Phytase (từ Pichi pastoris), tinh bột, bột talcum, bột vỏ trấu. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 8,0$ %; Phytase $\geq 10.000,0$ U/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; Aflatoxin B1 $\leq 10,0$ ppb; As $\leq 3,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung enzyme Phytase trong thức ăn chăn nuôi lợn và gia cầm.	Dạng bột hoặc hạt nhỏ mịn, màu trắng đến xám.	Kunming Saturn Biological Technology (Group) Co, Ltd.	China	30/11/2022
2121	Xylanase + Cellulase	642-11/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Enzyme Xylanase (từ Pichia pastoris), enzyme Cellulase (từ Trichoderma reesei), enzyme β-Mannanase (từ Pichia pastoris), tinh bột, bột talcum, bột vỏ trấu. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Xylanase $\geq 2.500,0$ U/g; β-Mannanase $\geq 1.500,0$ U/g; Cellulase $\geq 200,0$ U/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; Aflatoxin B1 $\leq 10,0$ ppb; As $\leq 3,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung các enzyme (Xylanase, Cellulase, β -Mannanase) trong thức ăn chăn nuôi lợn và gia cầm.	Dạng bột hoặc hạt nhỏ mịn, màu trắng nhạt đến nâu vàng.	Kunming Saturn Biological Technology (Group) Co, Ltd.	China	30/11/2017

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2122	ProHacid Advance XL (2.0)	643-12/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các axit hữu cơ (Citric, Benzoic, Fumaric), các muối của axit (Calcium lactate, Calcium formate, Potassium sorbate), tinh dầu thực vật (Cinnamaldehyde, Thymol), chất chống vón và chất mang (SiO₂; Quartz, MgO). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm ≤ 12,0 %; Axit Benzoic ≥ 27,0 %; Axit Citric ≥ 9,5 %; Axit Formic ≥ 9,3 %; Axit Lactic ≥ 8,7 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Cd ≤ 15,0 ppm; Pb ≤ 200,0 ppm; Hg < 0,1 ppm; As < 4,0 ppm.	Bổ sung hỗn hợp axit hữu cơ, muối axit hữu cơ trong thức ăn cho gia súc và gia cầm nhằm kiểm soát vi khuẩn có hại.	Dạng bột lẫn hạt nhỏ, màu be.	Perstorp Waspik B.V.	The Netherlands	5/12/2022
2123	ProPhorce Classic	644-12/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các axit hữu cơ và muối của axit hữu cơ (Formic, Lactic, Propionic, Sodium Formate), chất tạo màu (Copper sulphate) và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng: Axit Formic ≥ 47,0 %; axit Lactic ≥ 7,0 %; axit Propionic ≥ 6,0 %. - Chỉ tiêu an toàn: As ≤ 4,0 ppm; Pb ≤ 40,0 ppm; Hg ≤ 0,1 ppm; Cd ≤ 15,0 ppm.	Bổ sung hỗn hợp axit hữu cơ (Formic, Lactic và Propionic) trong nước uống cho lợn và gia cầm nhằm kiểm soát vi sinh vật có hại.	Dạng lỏng, màu xanh.	Perstorp Waspik B.V.	The Netherlands	5/12/2022
2124	Mycosorb	645-12/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất Beta-glucan từ nấm men Saccharomyces cerevisiae thủy phân, ngũ cốc lên men và chất chống kết dính (Hydrated sodium calcium aluminosilicate). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm ≤ 12,0 %; Beta-glucan ≥ 18,0 %. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli ≤ 10,0 CFU/g; Salmonella: không phát hiện trong 25g.	Bổ sung chất hấp phụ độc tố nấm mốc trong thức ăn gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu.	Alltech do Brazil Agroindustrial Ltda.	Brazil	5/12/2022
2125	Saccharomyces Cerevisiae Extractive (JQ50)	646-12/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: 100% chiết xuất từ nấm men Saccharomyces cerevisiae. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm ≤ 9,0 %; Protein ≥ 50,0 %; Khoáng tổng số ≤ 13,0 %. - Chỉ tiêu an toàn: As ≤ 10,0 ppm; Pb ≤ 10,0 ppm; E. coli < 10,0 CFU/g; Salmonella: không phát hiện trong 25g.	Chiết xuất từ nấm men Saccharomyces cerevisiae, bổ sung protein dễ tiêu trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng.	Baoshan Rexam Yeast Co., Ltd.	China	6/12/2022
2126	Yang	647-12/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp các chế phẩm từ nấm men Saccharomyces cerevisiae và Cyberlindnera jadinii (thành tế bào nấm men, chiết xuất nấm men, tế bào nấm men bất hoạt). - Chỉ tiêu chất lượng: Protein: 28,0 - 32,0 %; tổng Polysaccharides ≥ 45,0 %; khoáng tổng số ≤ 6,0 %; độ ẩm ≤ 5,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As < 1,0 ppm; Pb < 5,0 ppm; Cd < 1,0 ppm; Hg < 0,1 ppm.	Bổ sung các chế phẩm từ nấm men trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa, khả năng miễn dịch cho vật nuôi.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Lallemand Animal Nutrition UK Limited.	United Kingdom	6/12/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2127	Yang	648-12/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp các chế phẩm từ nấm men <i>Saccharomyces cerevisiae</i> và <i>Cyberlindnera jadinii</i> (thành tế bào nấm men, chiết xuất nấm men, tế bào nấm men bất hoạt). - Chỉ tiêu chất lượng: Protein: 28,0 - 32,0 %; tổng Polysaccharides $\geq 45,0$ %; khoáng tổng số $\leq 6,0$ %; độ ẩm $\leq 5,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; <i>E. coli</i> < 10 CFU/g; As < 1,0 ppm; Pb < 5,0 ppm; Cd < 1,0 ppm; Hg < 0,1 ppm.	Bổ sung các chế phẩm từ nấm men trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa, khả năng miễn dịch cho vật nuôi.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	AS SalutaGuse Parmitehas.	Estonia	6/12/2022
2128	Soycomil R	649-12/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Protein đậu tương cô đặc. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 9,0$ %; Protein thô $\geq 63,0$ %; Béo thô $\leq 3,0$ %; Xơ thô $\leq 3,5$ %; Khoáng tổng số $\leq 6,5$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; <i>E. coli</i> < 10 CFU/g; Aflatoxin B1 $\leq 20,0$ ppb.	Protein đậu tương cô đặc, dùng làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng.	ADM Europort B.V., The Netherlands (Xuất khẩu bởi ADM Specialty Ingredients (Europe) BV., The Netherlands).	The Netherlands	6/12/2022
2129	Soycomil K	650-12/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Protein đậu tương cô đặc. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 9,0$ %; Protein thô $\geq 65,0$ %; Béo thô $\leq 3,0$ %; Xơ thô $\leq 3,5$ %; Khoáng tổng số $\leq 6,5$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; <i>E. coli</i> < 10 CFU/g; Aflatoxin B1 $\leq 20,0$ ppb.	Protein đậu tương cô đặc, dùng làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng.	ADM Europort B.V., The Netherlands (Xuất khẩu bởi ADM Specialty Ingredients (Europe) BV., The Netherlands).	The Netherlands	6/12/2022
2130	BIC Vita L	651-12/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Choline Chloride, Vitamin B6, Nicotinic acid, Vitamin K3, Betaine, chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1 kg): Choline Chloride $\geq 90,0$ g; Vitamin B6 $\geq 10,0$ g; Nicotinic acid $\geq 20,0$ g; Vitamin K3 $\geq 5,0$ g; Betaine $\geq 50,0$ g. - Chỉ tiêu an toàn: <i>E. coli</i> < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g.	Bổ sung premix Vitamin trong nước uống cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu vàng nhạt.	BIC Chemical Co., Ltd.	Thailand	25/12/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2131	BIC Vita Sol	652-12/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các hợp chất vitamin A, D3, E, K3, B1, B2, B6, B12, C, Nicotinic acid, Pantothenic acid, Folic acid, D-Biotin, chất mang (Dextrose monohydrate). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1 kg): Vitamin A $\geq 10.000.000,0$ IU; vitamin D3 $\geq 2.000.000,0$ IU; vitamin E $\geq 6.000,0$ IU; vitamin K3 $\geq 1,0$ g; vitamin B1 $\geq 0,6$ g; vitamin B2 $\geq 2,0$ g; vitamin B6 $\geq 1,3$ g; vitamin B12 $\geq 6,0$ mg; Nicotinic acid $\geq 11,0$ g; Pantothenic acid $\geq 6,0$ g; Folic acid $\geq 0,4$ g; D-Biotin $\geq 12,5$ mg; Vitamin C $\geq 20,0$ g. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 3,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung premix vitamin trong thức ăn và nước uống cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu hồng.	BIC Chemical Co., Ltd.	Thailand	25/12/2022
2132	Poultry Max	653-12/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các hợp chất vitamin (A, D3, E), Sodium Selenite, chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1 kg): Vitamin A $\geq 30.000,0$ IU; vitamin D3 $\geq 3.000,0$ IU; vitamin E $\geq 66.000,0$ IU; Selen (Se): 143,0 - 186,0 mg. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g.	Bổ sung Vitamin A, D ₃ , E và Selen trong nước uống cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu vàng nhạt.	BIC Chemical Co., Ltd.	Thailand	25/12/2022
2133	Poultry Vit	654-12/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các hợp chất vitamin (A, D3, E, B1, B2, B6, B12, C, Pantothenic acid), Lysine, Methionine, L-carnitine, Sodium Iodine, Sodium Selenite, Cobalt Sulphate, Copper Sulphate, Manganese oxide, Zinc Sulphahte, magnesium Sulphate, chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1 kg): Vitamin A $\geq 450.000,0$ IU; vitamin D3 $\geq 68.000,0$ IU; vitamin E $\geq 10.800,0$ IU; vitamin B1 $\geq 1,13$ g; vitamin B2 $\geq 0,45$ g; vitamin B6 $\geq 0,56$ g; vitamin B12 $\geq 5,0$ mg; Nicotinic acid $\geq 1,2$ g; Pantothenic acid $\geq 0,56$ g; Vitamin C $\geq 1,0$ g; Lysine $\geq 1,0$ g; Methionine $\geq 1,5$ g; L-carnitine $\geq 5,0$ g; Iôt (I): 0,3 - 0,4 g; Selen (Se): 90,0 - 120,0 g; Coban (Co): 0,3 - 0,4 g; Đồng (Cu): 0,80 - 0,98 g; Mangan (Mn): 0,65 - 0,97 g; Kẽm (Zn): 0,9 - 1,2 g; Magie (Mg): 0,30 - 0,45 g. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 3,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung premix vitamin, khoáng, axit amin trong nước uống cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu hồng nhạt.	BIC Chemical Co., Ltd.	Thailand	25/12/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2134	Lactoplan	655-12/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Lactobacillus plantarum và chất mang (cám mì, khô đậu tương, DDGS). - Chỉ tiêu chất lượng: Protein $\geq 20,0 \%$; Lactobacillus plantarum $\geq 1,0 \times 10^7$ CFU/g. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; tổng Aflatoxin (B1, B2, G1, G2) $\leq 50,0$ ppb.	Bổ sung vi khuẩn có lợi Lactobacillus plantarum trong thức ăn cho lợn và gia cầm.	Dạng bột, màu vàng nâu.	Nutraferma, Inc.	USA	26/12/2022
2135	NutriSource Large Breed Puppy Chicken & Rice Formula	656-12/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bột thịt gà, gạo, lúa mạch, đậu Hà Lan, bột yến mạch, bột củ cải đường, mỡ gà, hương liệu tạo mùi thịt gà, hạt lanh, dầu cá, nấm men khô, dầu hướng dương, bột tảo biển, muối, Potassium chloride, Premix vitamin và khoáng, DL-methionine, Lactic acid, Choline chloride, chiết xuất từ thực vật (Yucca, hương thảo), sản phẩm từ vi sinh vật có lợi (Saccharomyces cerevisiae, Lactobacillus acidophilus, Enterococcus faecium, Aspergillus niger, Trichoderma longibrachiatum, Bacillus subtilis). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0 \%$; Protein thô $\geq 26,0 \%$; Béo thô $\geq 14,0 \%$; Xơ thô $\leq 6,0 \%$; Khoáng tổng số $\leq 9,0 \%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh hương vị thịt gà cho chó.	Dạng viên hình khuy áo, màu nâu.	Tuffys Pet Foods, Inc.	USA	26/12/2022
2136	Nu Ben	657-12/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: 100 % khoáng sét Bentonite. - Chỉ tiêu chất lượng: SiO₂: 60,0 - 80,0 %; Al₂O₃: 5,0 - 25,0 %; Fe₂O₃: 0,1 - 7,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 30,0$ ppm; As $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung chất hấp phụ độc tố nấm mốc trong thức ăn lợn và gia cầm.	Dạng bột, màu trắng đến vàng.	Guangzhou Nutech Bio Tech Co, Ltd.	China	29/12/2022
2137	Nu Zeo	658-12/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: 100 % Bột Zeolite. - Chỉ tiêu chất lượng: SiO₂: 60,0 - 85,0 %; Al₂O₃: 10,0 - 25,0 %; Fe₂O₃: 0,1 - 5,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 30,0$ ppm; As $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung chất hấp phụ độc tố nấm mốc trong thức ăn lợn và gia cầm.	Dạng bột, màu trắng xám.	Guangzhou Nutech Bio Tech Co, Ltd.	China	29/12/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2138	Ingaso Lotus	659-12/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin (A, D3, E, K3, B1, B2, B6, B12, Nicotinic acid, D-calcium pantothenate), Biotin, Betaine anhydrous, Manganese oxide, Iron monohydrated sulphate, copper, Zinc oxide, Potassium iodine, Sodium selenite, Endo-1,4-Beta-xylanase, Endo-1,3(4)-Beta-glucanase, 6-phytase, Bacillus subtilis, Ethoxyquin, Propyl gallate, L-lysine monochlorhydrate, L-tryptophan, các axit hữu cơ (Ortophosphoric, Fumaric, Citric, Malic) và chất mang (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Vitamin A $\geq$ 975.000,0 IU; Vitamin D3 $\geq$ 150.000,0 IU; Vitamin E $\geq$ 3.000,0 mg; Mangan (Mn): 3.000,0 - 4.600,0 mg; Sắt (Fe): 9.375,0 - 14.375,0 mg; Kẽm (Zn): 10.400,0 - 15.000,0 mg; Đồng (Cu): 12.000,0 - 17.000,0 mg; Lysine $\geq$ 23,4 g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb < 10,0 ppm; Cd < 0,5 ppm; As < 4,0 ppm; Hg < 0,1 ppm.	Bổ sung premix vitamin, khoáng và axit amin trong thức ăn cho lợn con dưới 70 ngày tuổi.	Dạng bột, màu nâu.	Ingaso Farm, S.L.U.	Spain	29/12/2022
2139	Phytogen Powder	660-12/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Tinh dầu thực vật (Oregano) và chất mang (bột đá). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq$ 10,0 %; Carvacrol $\geq$ 2,75 %; Thymol $\geq$ 0,075 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq$ 40,0 ppm; As $\leq$ 10,0 ppm.	Bổ sung tinh dầu thực vật trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	Guangzhou Meritech BioEngineering Co, Ltd.	China	29/12/2022
2140	Gaston	661-12/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Zinc sulfate, axit Butyric và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 lít): Kẽm (Zn): 8.400,0 - 15.600,0 mg; axit Butyric $\geq$ 3.500,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq$ 5,0 ppm; Cd $\leq$ 30,0 ppm.	Bổ sung Kẽm và axit hữu cơ trong thức ăn cho lợn con.	Dạng lỏng, màu trắng.	Vet Superior Consultant Co, Ltd.	Thailand	29/12/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2141	Prodilac (Bolus)	662-12/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Lactobacillus acidophilus, Saccharomyces cerevisiae, Bacillus subtilis, Retinyl palmitate (Vitamin A), dl-alpha tocopheryl acetate (Vitamin E), Zinc glycine chelate, Magnesium glycine chelate, Manganese glycine chelate, Copper glycine chelate, Cobalt glycine chelate, chất tạo màu (Carmoisine red E122) và chất mang (dicalcium phosphate). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Tổng số Lactobacillus $\geq 1,0 \times 10^4$ CFU; tổng số Saccharomyces cerevisiae $\geq 1,0 \times 10^6$ CFU; tổng số Bacillus subtilis $\geq 1,0 \times 10^5$ CFU; Kẽm (Zn): 2.800,0 - 5.200,0 mg; Magiê (Mg): 4.900,0 - 9.100,0 mg; Mangan (Mn): 1.400,0 - 2.600,0 mg; Đồng (Cu): 900,0 - 1.700,0 mg; Coban (Co): 120,0 - 220,0 mg; Vitamin A $\geq 80.000,0$ IU; Vitamin E $\geq 900,0$ IU. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 4,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm.	Bổ sung hỗn hợp vi sinh vật, khoáng và Vitamin trong thức ăn cho gia súc nhai lại và lợn.	Dạng bột hoặc viên, màu đỏ nâu.	Vet Superior Consultant Co, Ltd.	Thailand	29/12/2022
2142	Livotec	663-12/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Choline chloride, Sodium selenite, dl-alpha tocopheryl acetate (vitamin E), chất tạo màu (Carmoisine red E122) và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 lít): Choline $\geq 14.000,0$ mg; Vitamin E $\geq 32.000,0$ IU; Selenium: 210,0 - 390,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 30,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm; Pb $\leq 60,0$ ppm.	Bổ sung Choline, Vitamin và khoáng trong nước uống cho gia cầm nhằm cải thiện chức năng gan.	Dạng lỏng, màu đỏ.	Vet Superior Consultant Co, Ltd.	Thailand	29/12/2022
2143	Lizotic	664-12/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các axit hữu cơ (Lactic, Citric), chất tạo màu (Carmoisine red E122) và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 lít): Axit Lactic $\geq 9.500,0$ mg; Axit Citric $\geq 1.300,0$ mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 30,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm; Pb $\leq 60,0$ ppm.	Bổ sung hỗn hợp axit hữu cơ trong nước uống cho lợn và gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng lỏng, màu đỏ.	Vet Superior Consultant Co, Ltd.	Thailand	29/12/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2144	Mac-Cow	665-12/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Zinc glycine chelate, Manganese glycine chelate, Copper glycine chelate, Cobalt glycine chelate, Selenium yeast (từ Saccharomyces cerevisiae) và chất mang (nấm men bất hoạt Saccharomyces cerevisiae). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Kẽm (Zn): 49.000,0 - 91.000,0 mg; Mangan (Mn): 24.000,0 - 45.000,0 mg; Đồng (Cu): 14.000,0 - 26.000,0 mg; Coban (Co): 1.500,0 - 2.700,0 mg; Selen (Se): 90,0 - 170,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: As ≤ 30,0 ppm; Cd ≤ 15,0 ppm; Pb ≤ 60,0 ppm.	Bổ sung hỗn hợp khoáng hữu cơ trong thức ăn cho bò sữa và bò thịt.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	Vet Superior Consultant Co, Ltd.	Thailand	29/12/2022
2145	Dextrose Anhydrous	666-12/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Dextrose Anhydrous. - Chỉ tiêu chất lượng: Dextrose (tính theo vật chất khô) ≥ 99,5 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Pb ≤ 0,5 ppm; As < 1,0 ppm.	Bổ sung Dextrose trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột tinh thể, màu trắng nhạt.	Qinhuangdao Lihua Starch Co, Ltd.	China	29/12/2022
2146	Dog Chew	667-12/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ngõ, thịt gà, thịt lợn, lúa mạch, Maltodextrin, khoai lang, đậu, cà rốt, Fructose, gelatin, chiết xuất từ hoa cúc (Chamomile extract), chiết xuất từ oải hương (Lavender extract), chất tạo màu (Titanium dioxide), chất bảo quản (Potassium sorbate, Sodium Propionate), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm ≤ 14,0 %; Protein thô ≥ 9,0 %; Béo thô ≥ 0,2 %; Xơ thô ≤ 1,5 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g.	Thanh nhai cho chó giúp răng chắc khỏe.	Dạng que, thanh ngắn, nhiều màu (trắng, vàng, xanh, cam).	Petpal Pet Nutrition Technology Co, Ltd.	China	29/12/2022
2147	Botacid	668-12/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit hữu cơ (Lactic, Citric), chiết xuất tinh dầu Thyme (từ Thymus vulgaris), chất tạo màu (Carmoisine red E122) và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 lít): Axit Lactic ≥ 8.000,0 mg; axit Citric ≥ 1.500,0 mg; Thyme ≥ 5.000,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: As ≤ 10,0 ppm; Hg ≤ 1,0 ppm; Pb ≤ 20,0 ppm; Cd ≤ 10,0 ppm.	Bổ sung các axit hữu cơ và tinh dầu thực vật trong nước uống cho gia cầm nhằm kiểm soát vi khuẩn có hại và cải thiện đường tiêu hóa.	Dạng lỏng, màu đỏ.	Vet Superior Consultant Co, Ltd.	Thailand	29/12/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2148	O-Var	669-12/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Methionine, Choline chloride, Sodium selenite, Vitamin E, chất tạo màu (Carmoisine red E122) và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 lít): Methionine $\geq$ 800,0 mg; Choline $\geq$ 15.000,0 mg; Selenium: 200,0 - 300,0 mg; Vitamin E $\geq$ 30.000,0 IU. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25g, E.coli < 10 CFU/g; As $\leq$ 10,0 ppm; Hg $\leq$ 1,0 ppm; Pb < 20,0 ppm; Cd < 10,0 ppm.	Bổ sung axit amin, vitamin, khoáng, choline trong nước uống cho gia súc, gia cầm nhằm cải thiện chức năng gan.	Dạng lỏng, màu đỏ.	Vet Superior Consultant Co, Ltd.	Thailand	29/12/2022
2149	Verxa	670-12/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit hữu cơ (Lactic, Citric), Zinc Sulfate, Sodium selenite và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 lít): Axit Lactic $\geq$ 800,0 mg; Axit Citric $\geq$ 1.000,0 mg; Selenium: 80,0 - 120,0 mg; Kẽm: 6.400,0 - 9.600,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25g, E.coli < 10 CFU/g; As $\leq$ 10,0 ppm; Hg $\leq$ 1,0 ppm; Pb $\leq$ 20,0 ppm; Cd $\leq$ 10,0 ppm.	Bổ sung axit hữu cơ và khoáng trong nước uống cho gia cầm.	Dạng lỏng, màu xanh.	Vet Superior Consultant Co, Ltd.	Thailand	29/12/2022
2150	Biosol-Broiler	671-12/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sodium chloride, Zinc glycine chelate, Manganese glycine chelate, Copper glycine chelate, Iron glycine chelate, Magnesium glycine chelate, Potassium glycine chelate, Cobalt glycine chelate và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 lít): Natri (Na): 20.000,0 - 31.200,0 mg; Kẽm (Zn): 4.400,0 - 6.600,0 mg; Mangan (Mn): 480,0 - 720,0 mg; Đồng (Cu): 4.000,0 - 6.000,0 mg; Sắt (Fe): 1.200,0 - 1.800,0 mg; Magiê (Mg): 2.400,0 - 3.600,0 mg; Kali (K): 4.800,0 - 7.200,0 mg; Coban (Co): 80,0 - 120,0 mg; Glycine $\geq$ 10.000,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25g, E.coli < 10 CFU/g; As $\leq$ 10,0 ppm; Hg $\leq$ 1,0 ppm; Pb $\leq$ 20,0 ppm; Cd $\leq$ 10,0 ppm.	Bổ sung axit amin và khoáng trong nước uống cho gia cầm.	Dạng lỏng, màu xanh.	Vet Superior Consultant Co, Ltd.	Thailand	29/12/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2151	Ronozyme WX 2000 (CT)	672-12/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất lên men <i>Aspergillus oryzae</i> (chứa enzyme Endo-1,4-beta-Xylanase), Cellulose, Sodium sulphate, Calcium carbonate, Kaolin, Dextrin, dầu thực vật được hydro hoá. - Chỉ tiêu chất lượng: Endo-1,4-beta-Xylanase > 2.000,0 FXU-W/g. - Chỉ tiêu an toàn: <i>Salmonella</i>: không phát hiện CFU/25g; <i>E. coli</i> < 10 CFU/g; Pb < 5,0 ppm; As < 3,0 ppm; Cd < 0,5 ppm; Hg < 0,5 ppm.	Bổ sung enzyme Endo-1,4-beta-Xylanase trong thức ăn chăn nuôi lợn và gia cầm.	Dạng hạt nhỏ mịn, màu trắng nhạt.	Novozymes North America, Inc.	USA	29/12/2022
2152	Migliorcane Professional Crocchette	673-12/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ngũ cốc, thịt và các sản phẩm từ thịt (thịt bò 4 %), các sản phẩm từ thực vật, dầu, mỡ, nấm men, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm ≤ 10,0 %; Protein thô ≥ 18,6 %; Béo thô ≥ 8,0 %; Xơ thô ≤ 5,7 %; Khoáng tổng số ≤ 10,12 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: <i>Salmonella</i>: không phát hiện CFU/25g; <i>E.coli</i> < 10 CFU/g; Cd ≤ 2,0 ppm; As ≤ 2,0 ppm; Pb ≤ 2,0 ppm; Hg ≤ 0,3 ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó.	Dạng viên, màu nâu.	Morando S.P.A.	Italy	29/12/2022
2153	Migliorcane Professional “Puppy”	674-12/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ngũ cốc, thịt và các sản phẩm từ thịt, sản phẩm từ thực vật, dầu, mỡ, nấm men, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm ≤ 10,0 %; Protein thô ≥ 27,0 %; Béo thô ≥ 8,0 %; Xơ thô ≤ 4,7 %; Khoáng tổng số ≤ 9,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: <i>Salmonella</i>: không phát hiện CFU/25g; <i>E. coli</i> < 10 CFU/g; Cd ≤ 2,0 ppm; As ≤ 2,0 ppm; Pb < 2,0 ppm; Hg < 0,3 ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó.	Dạng viên, màu nâu.	Morando S.P.A.	Italy	29/12/2022
2154	Migliorcane Professional Pate’ Vitello	675-12/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt và các sản phẩm từ thịt (bê 5%), dầu, mỡ, cá và các sản phẩm từ cá, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm ≤ 86,4 %; Protein thô ≥ 8,2 %; Béo thô ≥ 2,0 %; Xơ thô ≤ 2,2 %; Khoáng tổng số ≤ 4,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: <i>Salmonella</i>: không phát hiện CFU/25g; <i>E.coli</i> < 10 CFU/g; Cd ≤ 2,0 ppm; As ≤ 2,0 ppm; Pb < 2,0 ppm; Hg < 0,3 ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó.	Dạng nhão, màu nâu.	Morando S.P.A.	Italy	29/12/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2155	Migliorgatto Professional Crocchette Pesce	676-12/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ngũ cốc, thịt và các sản phẩm từ thịt, dầu, mỡ, cá và các sản phẩm từ cá, sản phẩm từ thực vật, protein thực vật, nấm men, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Protein thô $\geq 27,0\%$; Béo thô $\geq 10,5\%$; Xơ thô $\leq 3,7\%$; Khoáng tổng số $\leq 8,9\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E.coli < 10 CFU/g; Cd $\leq 2,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $< 2,0$ ppm; Hg $< 0,3$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho mèo.	Dạng viên, màu nâu.	Morando S.P.A.	Italy	29/12/2022
2156	Migliorgatto Professional Pate'Tonno/Salmone	677-12/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt và các sản phẩm từ thịt, cá và các sản phẩm từ cá (cá ngừ 5%, cá hồi 5%), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 86,4\%$; Protein thô $\geq 8,2\%$; Béo thô $\geq 2,0\%$; Xơ thô $\leq 2,2\%$; Khoáng tổng số $\leq 4,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E.coli < 10 CFU/g; Cd $\leq 2,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $< 2,0$ ppm; Hg $< 0,3$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho mèo.	Dạng nhão, màu nâu.	Morando S.P.A.	Italy	29/12/2022
2157	Migliorgatto Crocchette Adult Salmone	678-12/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ngũ cốc, thịt và các sản phẩm từ thịt (38%), dầu, mỡ, cá và các sản phẩm từ cá (cá hồi 4%), nấm men, sản phẩm từ thực vật, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Protein thô $\geq 27,0\%$; Béo thô $\geq 9,0\%$; Xơ thô $\leq 3,7\%$; Khoáng tổng số $\leq 10,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E.coli < 10 CFU/g; Cd $\leq 2,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $< 2,0$ ppm; Hg $< 0,3$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho mèo.	Dạng viên, màu nâu.	Morando S.P.A.	Italy	29/12/2022
2158	Migliorgatto Crocchette Con Pesce	679-12/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ngũ cốc, thịt và các sản phẩm từ thịt (38%), dầu, mỡ, cá và các sản phẩm từ cá (4%), sản phẩm từ thực vật, nấm men, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Protein thô $\geq 25,5\%$; Béo thô $\geq 9,0\%$; Xơ thô $\leq 3,7\%$; Khoáng tổng số $\leq 10,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E.coli < 10 CFU/g; Cd $\leq 2,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $< 2,0$ ppm; Hg $< 0,3$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho mèo.	Dạng viên, màu nâu.	Morando S.P.A.	Italy	29/12/2022

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2159	Migliorcane Preferiti Adult Pollo/Riso	680-12/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ngũ cốc (gao 4%), thịt và các sản phẩm từ thịt (thịt gà 4%), dầu, mỡ (dầu cá 0,25%, dầu hướng dương 0,1%), sản phẩm từ thực vật (FOS 0,28%), nấm men, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein thô $\geq 21,0$ %; Béo thô $\geq 11,0$ %; Xơ thô $\leq 4,2$ %; Khoáng tổng số $\leq 8,5$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E.coli < 10 CFU/g; Cd $\leq 2,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,3$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó.	Dạng viên, màu nâu.	Morando S.P.A.	Italy	29/12/2022
2160	Migliorcane Preferiti Junior Vitello	681-12/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ngũ cốc, thịt và các sản phẩm từ thịt (thịt bê 4%), dầu, mỡ, protein thực vật, sản phẩm từ thực vật (FOS 0,28%), nấm men, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein thô $\geq 24,0$ %; Béo thô $\geq 12,0$ %; Xơ thô $\leq 3,7$ %; Khoáng tổng số $\leq 7,3$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E.coli < 10 CFU/g; Cd $\leq 2,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $< 2,0$ ppm; Hg $< 0,3$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó.	Dạng viên, màu nâu.	Morando S.P.A.	Italy	29/12/2022
2161	Migliorcane Preferiti Adult Mini Manzo	682-12/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ngũ cốc, thịt và các sản phẩm từ thịt (thịt bê 4%), dầu, mỡ, sản phẩm từ thực vật (FOS 0,26%), nấm men, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein thô $\geq 22,0$ %; Béo thô $\geq 11,5$ %; Xơ thô $\leq 4,2$ %; Khoáng tổng số $\leq 8,5$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E.coli < 10 CFU/g; Cd $\leq 2,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,3$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó trưởng thành.	Dạng viên, màu nâu.	Morando S.P.A.	Italy	29/12/2022
2162	Lovit AD3EC Liquid	01-01/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin (A, D3, E, C) và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 lít): Vitamin A $\geq 1.107.000,0$ IU; Vitamin D3 $\geq 243.000,0$ IU; Vitamin E $\geq 25.200,0$ mg; Vitamin C $\geq 90.000,0$ mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E.coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Pb $< 10,0$ ppm; Hg $< 0,1$ ppm.	Bổ sung premix vitamin trong nước uống cho gia cầm.	Dạng lỏng, màu vàng nhạt đến xanh nhạt.	Kaesler Nutrion GmbH.	Germany	12/1/2023

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2163	Lovit Granule Anilyte +C	02-01/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Potassium chloride, Sodium chloride, Sodium bicarbonate, Sodium hydrogen carbonate, Magnesium sulphate heptahydrate, Vitamin C, chất tạo mùi và chất mang (Lactose). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Vitamin C $\geq$ 180.000,0 mg; Natri (Na): 70.000,0 - 86.000,0 mg; Kali (K): 124.000,0 - 151.000,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E.coli < 10 CFU/g; As $\leq$ 2,0 ppm; Cd $\leq$ 1,0 ppm; Pb $\leq$ 10,0 ppm; Hg $\leq$ 0,1 ppm.	Bổ sung vitamin C và các chất điện giải trong nước uống cho gia cầm.	Dạng hạt nhỏ mịn, màu trắng.	Kaesler Nutrion GmbH.	Germany	12/1/2023
2164	Feed Additive Lutein (from marigold)	03-01/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Lutein (từ cúc vạn thọ) và chất mang (Silicon dioxide). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq$ 10,0 %; Lutein (tương đương tổng số Carotenoid) $\geq$ 2,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq$ 10,0 mg/kg; As $\leq$ 3,0 mg/kg.	Bổ sung chất tạo màu (Lutein) trong thức ăn chăn nuôi gia cầm.	Dạng bột, màu vàng.	Yunnan Rainbow Bio-tech Corp, Ltd.	China	12/1/2023
2165	Herbiotic FS Powder	04-01/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bột thân rễ cây Curcuma longa (chứa hoạt chất Curcuminoids), bột quả Trachyspermum ammi (chứa hoạt chất Thymol), chất mang (xơ thực vật). - Chỉ tiêu chất lượng: Tổng Curcuminoids $\geq$ 1,0 g/kg; Thymol $\geq$ 10,0 g/kg. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Pb $\leq$ 10,0 ppm; As $\leq$ 1,0 ppm; Hg < 0,1 ppm; Cd < 0,3 ppm.	Bổ sung hỗn hợp bột thảo dược trong thức ăn cho gia súc, gia cầm nhằm tăng năng suất vật nuôi.	Dạng bột, màu nâu.	Indian Herbs Specialities Pvt., Ltd.	India	16/1/2023
2166	Animunin Powder	05-01/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bột lá cây Adhatoda vasica, bột thân rễ cây Hedychium spicatum, bột cây Solanum xanthocarpum, bột vỏ cây Albizia lebbeck, bột cây Boerrhavia diffusa, bột quả Piper nigrum, chất mang (xơ thực vật). - Chỉ tiêu chất lượng: Tổng Phenolics $\geq$ 5,0 g/kg; Piperine $\geq$ 0,2 g/kg. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Pb $\leq$ 10,0 ppm; As $\leq$ 1,0 ppm; Hg < 0,1 ppm; Cd < 0,3 ppm.	Bổ sung hỗn hợp bột thảo dược trong thức ăn cho gia súc, gia cầm nhằm tăng năng suất vật nuôi.	Dạng bột, màu nâu xanh.	Indian Herbs Specialities Pvt., Ltd.	India	16/1/2023

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2167	Animunin Liquid	06-01/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất hỗn hợp thực vật (lá cây Adhatoda vasica, thân rễ cây Hedychium spicatum, cây Solanum xanthocarpum, vỏ cây Albizia lebbeck, cây Boerrhavia diffusa, quả Piper nigrum, thân rễ cây Curcuma longa), chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng: Tổng Terpenes $\geq 2,0$ g/kg; Chiết xuất thực vật hòa tan $\geq 60,0$ g/kg. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm; Cd $\leq 0,3$ ppm.	Bổ sung chiết xuất thảo dược trong nước uống cho gia súc, gia cầm nhằm tăng năng suất vật nuôi.	Dạng lỏng, màu nâu.	Indian Herbs Specialities Pvt., Ltd.	India	16/1/2023
2168	Mega-fat 88	07-01/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit béo tự do từ dầu cọ (có hàm lượng axit Palmitic cao) thu được từ tách phân đoạn stearin dầu cọ tinh chế (Refined bleached deodorized stearin). - Chỉ tiêu chất lượng: Béo thô $\geq 99,0$ %; tổng axit béo tự do $\geq 97,0$ %; axit Palmitic (tính trong tổng axit béo) $\geq 85,0$ %; chỉ số axit (mg KOH/g): 213,0 - 220,0; Chỉ số Iốt (g I₂/100g) $\leq 2,0$. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g.	Bổ sung axit béo tự do từ dầu cọ trong thức ăn cho gia súc nhai lại.	Dạng hạt rắn, sáp; màu trắng.	Natural Oleochemical Sdn Bhd.	Malaysia	31/1/2023
2169	Mega-fat Extra	08-01/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit béo tự do từ dầu cọ (có hàm lượng axit Palmitic cao) thu được từ tách phân đoạn stearin dầu cọ tinh chế (Refined bleached deodorized stearin). - Chỉ tiêu chất lượng: Béo thô $\geq 99,0$ %; tổng axit béo tự do $\geq 99,0$ %; axit Palmitic (tính trong tổng axit béo) $\geq 95,0$ %; chỉ số axit (mg KOH/g): 217,0 - 221,0; Chỉ số Iốt (g I₂/100g) $\leq 3,0$. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g.	Bổ sung axit béo tự do từ dầu cọ trong thức ăn cho gia súc nhai lại.	Dạng hạt rắn, sáp; màu trắng.	Natural Oleochemical Sdn Bhd.	Malaysia	31/1/2023
2170	Mega-Energy	09-01/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit béo tự do từ dầu cọ (có hàm lượng axit Palmitic cao) thu được từ tách phân đoạn hỗn hợp stearin dầu cọ tinh chế (Refined bleached deodorized stearin) và dầu nhân cọ thô (Crude palm kernel oil). - Chỉ tiêu chất lượng: Béo thô $\geq 99,0$ %; tổng axit béo tự do $\geq 88,0$ %; axit Palmitic (tính trong tổng axit béo) $\geq 46,0$ %; chỉ số axit (mg KOH/g): 175,0 - 195,0; Chỉ số Iốt (g I₂/100g) $\leq 9,0$. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g.	Bổ sung axit béo trong thức ăn cho gia súc nhai lại.	Dạng hạt rắn, sáp; màu vàng nâu đến be.	Natural Oleochemical Sdn Bhd.	Malaysia	31/1/2023

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2171	Mega Boost	10-01/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Stearin dầu cọ (high-palmitic triglycerides) và chất nhũ hóa (lecithin). - Chỉ tiêu chất lượng: Béo thô $\geq 99,5\%$; tổng axit béo tự do $\leq 1,0\%$; axit Palmitic (tính trong tổng axit béo) $\geq 72,0\%$; Chỉ số Iốt (g I ₂ /100g) : 12,0 - 18,0. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g.	Bổ sung axit béo trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng hạt rắn, sấp; màu trắng.	Natural Oleochemical Sdn Bhd.	Malaysia	31/1/2023
2172	BFA	11-01/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bacillus subtilis và chất mang (Bột Gluten). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 15,0\%$; Bacillus subtilis $\geq 1,2 \times 10^7$ CFU/g - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Aflatoxin tổng số (B1, B2, G1, G2) < 15,0 ppb; Pb < 40,0 ppm; As < 20,0 ppm; Cd < 2,0 ppm; Hg < 0,5 ppm.	Bổ sung vi sinh vật có lợi (Bacillus subtilis) trong thức ăn chăn nuôi lợn và gia cầm, nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột, màu nâu vàng.	Sunbio Co, Ltd.	Korea	16/1/2023
2173	BFS	12-01/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp các vi sinh vật (Lactobacillus acidophilus, Bacillus subtilis, Saccharomyces cerevisiae) được lên men trong môi trường tòi và chất mang (Bột Gluten). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 15,0\%$; Lactobacillus acidophilus $\geq 2,0 \times 10^7$ CFU/g; Bacillus subtilis $\geq 1,0 \times 10^7$ CFU/g; Saccharomyces cerevisiae $\geq 1,0 \times 10^7$ CFU/g - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Aflatoxin tổng số (B1, B2, G1, G2) < 15,0 ppb; Pb < 40,0 ppm; As < 20,0 ppm; Cd < 2,0 ppm; Hg < 0,5 ppm.	Bổ sung hỗn hợp vi sinh vật có lợi trong thức ăn cho gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột, màu nâu vàng.	Sunbio Co, Ltd.	Korea	16/1/2023
2174	BFG	13-01/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp vi sinh vật (Lactobacillus acidophilus, Bacillus subtilis, Saccharomyces cerevisiae) được lên men trong môi trường nhân sâm, tòi và chất mang (Bột Gluten). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 15,0\%$; Lactobacillus acidophilus $\geq 2,0 \times 10^7$ CFU/g; Bacillus subtilis $\geq 1,0 \times 10^7$ CFU/g; Saccharomyces cerevisiae $\geq 1,0 \times 10^7$ CFU/g - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Aflatoxin tổng số (B1, B2, G1, G2) < 15,0 ppb; Pb < 40,0 ppm; As < 20,0 ppm; Cd < 2,0 ppm; Hg < 0,5 ppm.	Bổ sung hỗn hợp vi sinh vật có lợi trong thức ăn cho gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột, màu nâu vàng.	Sunbio Co, Ltd.	Korea	16/1/2023

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2175	BFC	14-01/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Lactobacillus plantarum và chất mang (Glucose). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 15,0\%$; Lactobacillus plantarum $\geq 2,0 \times 10^{10}$ CFU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $< 40,0$ ppm; As $< 20,0$ ppm; Cd $< 2,0$ ppm; Hg $< 0,5$ ppm.	Bổ sung vi sinh vật có lợi (Lactobacillus plantarum) trong thức ăn chăn nuôi gia cầm, nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột, màu trắng vàng.	Sunbio Co, Ltd.	Korea	16/1/2023
2176	BFA+	15-01/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bacillus subtilis và chất mang (Bột Gluten). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 15,0\%$; Bacillus subtilis $\geq 1,2 \times 10^7$ CFU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Aflatoxin tổng số (B1, B2, G1, G2) $< 15,0$ ppb; Pb $< 40,0$ ppm; As $< 20,0$ ppm; Cd $< 2,0$ ppm; Hg $< 0,5$ ppm.	Bổ sung vi sinh vật có lợi (Bacillus subtilis) trong thức ăn chăn nuôi gia cầm, nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột, màu nâu vàng.	Sunbio Co, Ltd.	Korea	16/1/2023
2177	Sodium Selenite Feed Grade	16-01/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sodium Selenite (Na ₂ SeO ₃), đá Maifan. - Chỉ tiêu chất lượng: Selen (Se): 5,0 - 6,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 5,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung khoáng Se trong thức ăn cho gia giúc, gia cầm.	Dạng bột, màu xám.	Sichuan Longda Livestock Technology Co., Ltd.	China	24/1/2023
2178	Vivopro	17-01/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Huyết tương gia cầm thủy phân, dịch đậu tương hoà tan, gluten lúa mì, dịch cá, chất bảo quản (BHT, Calcium propionate). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Protein thô $\geq 73,0\%$; Khoáng tổng số $\leq 14,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli < 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện CFU/25g.	Bổ sung protein trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	Vitafeed, LLC.	USA	22/1/2023
2179	Mega Pro 75	18-01/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Phụ phẩm từ quá trình chế biến thủy sản, dịch cá, huyết tương gia cầm, protein cô đặc từ khoai tây, protein cô đặc từ đậu tương và chất bảo quản (BHT, Calcium propionate). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0\%$; Protein thô $\geq 73,0\%$; Khoáng tổng số $\leq 14,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli < 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện CFU/25g.	Bổ sung protein trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	UFAC US LLC.	USA	22/1/2023
2180	Anyright	19-01/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bacillus subtilis và chất mang (đậu tương lên men, tấm ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Bacillus subtilis $\geq 1,0 \times 10^6$ CFU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli < 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện CFU/25g.	Bổ sung vi sinh vật có lợi đường tiêu hóa vật nuôi (Bacillus subtilis) trong thức ăn chăn nuôi lợn và gia cầm.	Dạng bột, màu vàng.	CTCBIO Inc.	Korea	23/1/2023

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2181	Maxchelate Cu	20-01/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Copper glycine chelate. - Chỉ tiêu chất lượng: Đồng (Cu): 38,8 - 42,1 %; Glycine > 46,8 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As < 2,0 ppm; Cd < 0,5 ppm; Pb < 100,0 ppm; Hg < 0,1 ppm.	Bổ sung khoáng hữu cơ (Đồng) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng hạt nhỏ mịn, màu nâu đen.	H.Wilhelm Schaumann Eilsleben GmbH.	Germany	24/1/2023
2182	Maxchelate Fe	21-01/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ferrous glycine chelate. - Chỉ tiêu chất lượng: Sắt (Fe): 21,6 - 23,4 %; Glycine > 29,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As < 2,0 ppm; Cd < 0,5 ppm; Pb < 5,0 ppm; Hg < 0,1 ppm.	Bổ sung khoáng hữu cơ (Sắt) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng hạt nhỏ mịn, màu xám.	H.Wilhelm Schaumann Eilsleben GmbH.	Germany	24/1/2023
2183	Maxchelate Zn	22-01/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Zinc glycine chelate. - Chỉ tiêu chất lượng: Sắt (Fe): 38,8 - 42,1 %; Glycine > 46,5 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As < 2,0 ppm; Cd < 0,5 ppm; Pb < 5,0 ppm; Hg < 0,1 ppm.	Bổ sung khoáng hữu cơ (Kẽm) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng hạt nhỏ mịn, màu trắng xám.	H.Wilhelm Schaumann Eilsleben GmbH.	Germany	24/1/2023
2184	SeaGut Paste	23-01/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Khoáng tự nhiên (Bentonite, Kieselgur), thành tế bào nấm men bất hoạt (Saccharomyces cerevisiae), Sodium chloride, Potassium sorbate, Sodium bicarbonate, các chất phụ gia và chất mang (tinh dầu đinh hương, kinh giới, Glycerine, tảo biển, tinh bột mỳ, Dextrose, nước). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm ≤ 30,0 %; Khoáng tổng số (Ash): 14,4 - 18,6 %; Natri (Na): 0,58 - 1,18 %; Kali (K): 0,2- 0,8 %; Clo (Cl): 0,8 - 1,47 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Cd < 0,5 ppm; Pb < 10,0 ppm; Hg < 0,1 ppm; As < 4,0 ppm.	Bổ sung các chất ổn định nước và cân bằng điện giải, hỗ trợ đường tiêu hóa cho lợn con.	Dạng nhão, màu xanh.	Synergie Prod., France, (Sản xuất cho Amadeite SAS., France).	France	24/1/2023

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2185	Multi-vitamins premix A for chicken	24-01/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin A acetate, Cholecalciferol, DL-alpha-Tocopherol acetate, Menadione Sodium Bisulfite, Thiamine mononitrate, Riboflavin, Pyridoxine Hydrochloride, Cyanocobalamin, D-Calcium pantothenate, Nicotinamide, Folic acid, D-Biotin, chất mang (bột vỏ trấu). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1kg): Vitamin A $\geq 27.000.000,0$ IU; vitamin D3 $\geq 9.300.000,0$ IU; vitamin E $\geq 67.000,0$ mg; vitamin K3 $\geq 8.000,0$ mg; vitamin B1 $\geq 5.300,0$ mg; vitamin B2 $\geq 19.000,0$ mg; vitamin B6 $\geq 9.300,0$ mg; vitamin B12 $\geq 40,0$ mg; D-Calcium pantothenate $\geq 29.000,0$ mg; Nicotinamide $\geq 93.000,0$ mg; Folic acid $\geq 2.700,0$ mg; D-Biotin $\geq 530,0$ mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 30,0$ ppm; Cd $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung premix vitamin trong thức ăn cho gà.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Guangdong Hinter Biotechnology Group Co., Ltd.	China	26/1/2023
2186	Multi-vitamins premix B for chicken	25-01/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin A acetate, Cholecalciferol, DL-alpha-Tocopherol acetate, Menadione Sodium Bisulfite, Thiamine mononitrate, Riboflavin, Pyridoxine Hydrochloride, Cyanocobalamin, D-Calcium pantothenate, Nicotinamide, Folic acid, D-Biotin, chất mang (bột vỏ trấu). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1kg): Vitamin A $\geq 29.000.000,0$ IU; vitamin D3 $\geq 9.300.000,0$ IU; vitamin E $\geq 93.000,0$ mg; vitamin K3 $\geq 9.300,0$ mg; vitamin B1 $\geq 11.000,0$ mg; vitamin B2 $\geq 24.000,0$ mg; vitamin B6 $\geq 13.300,0$ mg; vitamin B12 $\geq 80,0$ mg; D-Calcium pantothenate $\geq 43.000,0$ mg; Nicotinamide $\geq 120.000,0$ mg; Folic acid $\geq 4.100,0$ mg; D-Biotin $\geq 530,0$ mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 30,0$ ppm; Cd $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung premix vitamin trong thức ăn cho gà.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Guangdong Hinter Biotechnology Group Co., Ltd.	China	26/1/2023

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2187	Multi-vitamins premix C for chicken	26-01/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin A acetate, Cholecalciferol, DL-alpha-Tocopherol acetate, Menadione Sodium Bisulfite, Thiamine mononitrate, Riboflavin, Pyridoxine Hydrochloride, Cyanocobalamin, D-Calcium pantothenate, Nicotinamide, Folic acid, D-Biotin, chất mang (bột vỏ trấu). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1kg): Vitamin A $\geq$ 40.000.000,0 IU; vitamin D3 $\geq$ 9.200.000,0 IU; vitamin E $\geq$ 60.000,0 mg; vitamin K3 $\geq$ 61.000,0 mg; vitamin B1 $\geq$ 11.000,0 mg; vitamin B2 $\geq$ 26.000,0 mg; vitamin B6 $\geq$ 20.000,0 mg; vitamin B12 $\geq$ 100,0 mg; D-Calcium pantothenate $\geq$ 41.000,0 mg; Nicotinamide $\geq$ 200.000,0 mg; Folic acid $\geq$ 4.700,0 mg; D-Biotin $\geq$ 280,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq$ 10,0 ppm; Pb $\leq$ 30,0 ppm; Cd $\leq$ 5,0 ppm; Hg $\leq$ 1,0 ppm.	Bổ sung premix vitamin trong thức ăn cho gà.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Guangdong Hinter Biotechnology Group Co., Ltd.	China	26/1/2023
2188	Multi-vitamins premix D for duck	27-01/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin A acetate, Cholecalciferol, DL-alpha-Tocopherol acetate, Menadione Sodium Bisulfite, Thiamine mononitrate, Riboflavin, Cyanocobalamin, D-Calcium pantothenate, Nicotinamide, Folic acid, chất mang (bột vỏ trấu). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1kg): Vitamin A $\geq$ 72.000.000,0 IU; vitamin D3 $\geq$ 20.000.000,0 IU; vitamin E $\geq$ 72.000,0 mg; vitamin K3 $\geq$ 15.000,0 mg; vitamin B1 $\geq$ 3.100,0 mg; vitamin B2 $\geq$ 24.000,0 mg; vitamin B12 $\geq$ 50,0 mg; D-Calcium pantothenate $\geq$ 47.000,0 mg; Nicotinamide $\geq$ 55.000,0 mg; Folic acid $\geq$ 800,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq$ 10,0 ppm; Pb $\leq$ 30,0 ppm; Cd $\leq$ 5,0 ppm; Hg $\leq$ 1,0 ppm.	Bổ sung premix vitamin trong thức ăn cho vịt.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Guangdong Hinter Biotechnology Group Co., Ltd.	China	26/1/2023

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2189	Multi-vitamins premix E for duck	28-01/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin A acetate, Cholecalciferol, DL-alpha-Tocopherol acetate, Menadione Sodium Bisulfite, Thiamine mononitrate, Riboflavin, Cyanocobalamin, D-Calcium pantothenate, Nicotinamide, Folic acid, chất mang (bột vỏ trấu). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1kg): Vitamin A $\geq$ 32.000.000,0 IU; vitamin D3 $\geq$ 9.300.000,0 IU; vitamin E $\geq$ 72.000,0 mg; vitamin K3 $\geq$ 9.300,0 mg; vitamin B1 $\geq$ 3.100,0 mg; vitamin B2 $\geq$ 24.000,0 mg; vitamin B12 $\geq$ 50,0 mg; D-Calcium pantothenate $\geq$ 40.000,0 mg; Nicotinamide $\geq$ 55.000,0 mg; Folic acid $\geq$ 800,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq$ 10,0 ppm; Pb $\leq$ 30,0 ppm; Cd $\leq$ 5,0 ppm; Hg $\leq$ 1,0 ppm.	Bổ sung premix vitamin trong thức ăn cho vịt.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Guangdong Hinter Biotechnology Group Co., Ltd.	China	26/1/2023
2190	Multi-vitamins premix F for duck	29-01/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin A acetate, Cholecalciferol, DL-alpha-Tocopherol acetate, Menadione Sodium Bisulfite, Thiamine mononitrate, Riboflavin, Pyridoxine Hydrochloride, Cyanocobalamin, D-Calcium pantothenate, Nicotinamide, Folic acid, D-Biotin, chất mang (bột vỏ trấu). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1kg): Vitamin A $\geq$ 32.000.000,0 IU; vitamin D3 $\geq$ 9.300.000,0 IU; vitamin E $\geq$ 32.000,0 mg; vitamin K3 $\geq$ 9.300,0 mg; vitamin B1 $\geq$ 9.300,0 mg; vitamin B2 $\geq$ 24.000,0 mg; vitamin B6 $\geq$ 7.800,0 mg; vitamin B12 $\geq$ 50,0 mg; D-Calcium pantothenate $\geq$ 40.000,0 mg; Nicotinamide $\geq$ 150.000,0 mg; Folic acid $\geq$ 3.100,0 mg; D-Biotin $\geq$ 160,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq$ 10,0 ppm; Pb $\leq$ 30,0 ppm; Cd $\leq$ 5,0 ppm; Hg $\leq$ 1,0 ppm.	Bổ sung premix vitamin trong thức ăn cho vịt.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Guangdong Hinter Biotechnology Group Co., Ltd.	China	26/1/2023

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2191	Multi-vitamins premix Q for pig	30-01/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin A acetate, Cholecalciferol, DL-alpha-Tocopherol acetate, Menadione Sodium Bisulfite, Thiamine mononitrate, Riboflavin, Pyridoxine Hydrochloride, Cyanocobalamin, D-Calcium pantothenate, Nicotinamide, Folic acid, D-Biotin, chất mang (bột vỏ trấu). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1kg): Vitamin A $\geq$ 24.000.000,0 IU; vitamin D3 $\geq$ 6.000.000,0 IU; vitamin E $\geq$ 100.000,0 mg; vitamin K3 $\geq$ 11.500,0 mg; vitamin B1 $\geq$ 6.300,0 mg; vitamin B2 $\geq$ 19.200,0 mg; vitamin B6 $\geq$ 11.800,0 mg; vitamin B12 $\geq$ 80,0 mg; D-Calcium pantothenate $\geq$ 47.000,0 mg; Nicotinamide $\geq$ 103.000,0 mg; Folic acid $\geq$ 4.000,0 mg; D-Biotin $\geq$ 320,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq$ 10,0 ppm; Pb $\leq$ 30,0 ppm; Cd $\leq$ 5,0 ppm; Hg $\leq$ 1,0 ppm.	Bổ sung premix vitamin trong thức ăn cho lợn.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Guangdong Hinter Biotechnology Group Co., Ltd.	China	26/1/2023
2192	Multi-vitamins premix P for pig	31-01/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin A acetate, Cholecalciferol, DL-alpha-Tocopherol acetate, Menadione Sodium Bisulfite, Thiamine mononitrate, Riboflavin, Pyridoxine Hydrochloride, Cyanocobalamin, D-Calcium pantothenate, Nicotinamide, Folic acid, D-Biotin, chất mang (bột vỏ trấu). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1kg): Vitamin A $\geq$ 12.000.000,0 IU; vitamin D3 $\geq$ 4.000.000,0 IU; vitamin E $\geq$ 64.000,0 mg; vitamin K3 $\geq$ 4.800,0 mg; vitamin B1 $\geq$ 2.600,0 mg; vitamin B2 $\geq$ 12.800,0 mg; vitamin B6 $\geq$ 2.600,0 mg; vitamin B12 $\geq$ 50,0 mg; D-Calcium pantothenate $\geq$ 37.000,0 mg; Nicotinamide $\geq$ 42.000,0 mg; Folic acid $\geq$ 2.500,0 mg; D-Biotin $\geq$ 400,0 mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq$ 10,0 ppm; Pb $\leq$ 30,0 ppm; Cd $\leq$ 5,0 ppm; Hg $\leq$ 1,0 ppm.	Bổ sung premix vitamin trong thức ăn cho lợn.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Guangdong Hinter Biotechnology Group Co., Ltd.	China	26/1/2023

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2193	Multi-vitamins premix Y for pig	32-01/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin A acetate, Cholecalciferol, DL-alpha-Tocopherol acetate, Menadione Sodium Bisulfite, Thiamine mononitrate, Riboflavin, Pyridoxine Hydrochloride, Cyanocobalamin, D-Calcium pantothenate, Nicotinamide, Folic acid, D-Biotin, chất mang (bột vỏ trấu). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1kg): Vitamin A $\geq 22.000.000,0$ IU; vitamin D3 $\geq 5.400.000,0$ IU; vitamin E $\geq 90.000,0$ mg; vitamin K3 $\geq 10.000,0$ mg; vitamin B1 $\geq 5.700,0$ mg; vitamin B2 $\geq 17.000,0$ mg; vitamin B6 $\geq 10.600,0$ mg; vitamin B12 $\geq 70,0$ mg; D-Calcium pantothenate $\geq 42.000,0$ mg; Nicotinamide $\geq 93.000,0$ mg; Folic acid $\geq 3.600,0$ mg; D-Biotin $\geq 300,0$ mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 30,0$ ppm; Cd $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung premix vitamin trong thức ăn cho lợn.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Guangdong Hinter Biotechnology Group Co., Ltd.	China	26/1/2023
2194	Multi-vitamins premix M for livestock and poultry	33-01/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin A acetate, Cholecalciferol, DL-alpha-Tocopherol acetate, Menadione Sodium Bisulfite, Thiamine mononitrate, Riboflavin, Pyridoxine Hydrochloride, Cyanocobalamin, D-Calcium pantothenate, Nicotinamide, Folic acid, D-Biotin, chất mang (bột vỏ trấu). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1kg): Vitamin A $\geq 15.000.000,0$ IU; vitamin D3 $\geq 8.000.000,0$ IU; vitamin E $\geq 25.000,0$ mg; vitamin K3 $\geq 7.000,0$ mg; vitamin B1 $\geq 4.000,0$ mg; vitamin B2 $\geq 25.000,0$ mg; vitamin B6 $\geq 8.000,0$ mg; vitamin B12 $\geq 75,0$ mg; D-Calcium pantothenate $\geq 50.000,0$ mg; Nicotinamide $\geq 60.000,0$ mg; Folic acid $\geq 4.000,0$ mg; D-Biotin $\geq 80,0$ mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 30,0$ ppm; Cd $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung premix vitamin trong thức ăn cho gia súc và gia cầm.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Guangdong Hinter Biotechnology Group Co., Ltd.	China	26/1/2023

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2195	Multi-vitamins premix N for livestock and poultry	34-01/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin A acetate, Cholecalciferol, DL-alpha-Tocopherol acetate, Menadione Sodium Bisulfite, Thiamine mononitrate, Riboflavin, Pyridoxine Hydrochloride, Cyanocobalamin, D-Calcium pantothenate, Nicotinamide, Folic acid, D-Biotin, chất mang (bột vỏ trấu). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1kg): Vitamin A $\geq 18.000.000,0$ IU; vitamin D3 $\geq 4.800.000,0$ IU; vitamin E $\geq 15.000,0$ mg; vitamin K3 $\geq 4.200,0$ mg; vitamin B1 $\geq 2.400,0$ mg; vitamin B2 $\geq 15.000,0$ mg; vitamin B6 $\geq 4.800,0$ mg; vitamin B12 $\geq 45,0$ mg; D-Calcium pantothenate $\geq 30.000,0$ mg; Nicotinamide $\geq 36.000,0$ mg; Folic acid $\geq 2.400,0$ mg; D-Biotin $\geq 48,0$ mg. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 30,0$ ppm; Cd $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung premix vitamin trong thức ăn cho gia súc và gia cầm.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Guangdong Hinter Biotechnology Group Co., Ltd.	China	26/1/2023
2196	Probio S	35-01/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bacillus subtilis, Bacillus licheniformis và chất mang (Dextrose, Lactose). - Chỉ tiêu chất lượng: Bacillus subtilis $\geq 1,0 \times 10^7$ CFU/g; Bacillus licheniformis $\geq 1,0 \times 10^7$ CFU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli < 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện CFU/25g.	Bổ sung vi sinh vật có lợi đường tiêu hóa vật nuôi (Bacillus subtilis, Bacillus licheniformis) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	B & B Korea Co, Ltd.	Korea	26/1/2023
2197	Delistart S 2545	36-01/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp chất tạo mùi (Iso amyl iso Valerate, Butyric axit, Butyl butyryl lactate, Iso valeric acid, 2 Heptanone, Methional, Acetyl propionyl, Gamma nonalactone, Cinnamic aldehyde, Ethyl butyrate, Vanillin, Anisaldehyde, Isom amyl acetate, Benzyl acetate, Benzaldehyde, 2 Undecanone mono propylene glycol), hỗn hợp chất tạo ngọt (Sodium saccharin, Thaumatin, Neohesperidin dihydrochalcone (NHDC)), chất mang (Precipitated silica, Dextrose monohydrate). - Chỉ tiêu chất lượng: Sodium saccharin $> 13,0$ %; Gamma Nonalactone $> 5,0$ %; Vanillin $> 2,0$ %; NHDC $> 0,05$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli < 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện CFU/25g; Pb $< 10,0$ ppm; Cd $< 15,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,2$ ppm.	Bổ sung chất tạo mùi và tạo ngọt trong thức ăn chăn nuôi lợn con.	Dạng bột, màu trắng đến trắng nhạt.	Nutriad Ltd.	United Kingdom	30/1/2023

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2198	Acid Punch	37-02/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các axit hữu cơ (Formic, Acetic, Propionic, Lactic) và chất mang (nước khử khoáng). - Chỉ tiêu chất lượng: Axit Formic $\geq 30,0$ %; Axit Acetic $\geq 6,5$ %; Axit Propionic $\geq 8,5$ %; Axit Lactic $\geq 2,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Cd < 1,0 ppm; Pb < 10,0 ppm; Hg < 0,5 ppm; As < 5,0 ppm.	Bổ sung axit hữu cơ (Formic, Acetic Propionic, Lactic) trong nước uống cho gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng lỏng, màu nâu.	Herbavita BVBA.	Belgium	1/2/2023
2199	Jia Gui Fang	38-02/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất tinh dầu từ quế (Cinnamaldehyde) và chất mang (Maltodextrin, Sucrose, tinh bột ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Cinnamaldehyde $\geq 25,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli < 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện CFU/25g; As $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 40,0$ ppm.	Bổ sung tinh dầu quế (Cinnamon) trong thức ăn chăn nuôi cho lợn và gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng hạt nhỏ mịn, màu trắng đến vàng.	Jiangxi Tianjia Biological Engineering Co, Ltd.	China	2/2/2023
2200	Jia Zhi Fang	39-02/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất tinh dầu từ hạt kinh giới (Carvacrol), xạ hương (Thymol), chất mang (Maltodextrin, Sucrose, tinh bột ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Carvacrol $\geq 11,0$ %; Thymol $\geq 0,3$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli < 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện CFU/25g; As $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 40,0$ ppm.	Bổ sung tinh dầu từ hạt kinh giới (Carvacrol), xạ hương (Thymol) trong thức ăn chăn nuôi cho lợn và gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng hạt nhỏ mịn, màu trắng đến vàng.	Jiangxi Tianjia Biological Engineering Co, Ltd.	China	2/2/2023
2201	Jia Duo Bao	40-02/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất tinh dầu từ quế (Cinnamaldehyde), hạt kinh giới (Carvacrol), ớt (Capsaicin), chất mang (Maltodextrin, Sucrose, tinh bột ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Cinnamaldehyde $\geq 6,0$ %; Carvacrol $\geq 10,0$ %; Capsaicin $\geq 2,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli < 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện CFU/25g; As $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 40,0$ ppm.	Bổ sung tinh dầu từ quế (Cinnamaldehyde), hạt kinh giới (Carvacrol), ớt (Capsaicin) trong thức ăn chăn nuôi cho lợn và gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng hạt nhỏ mịn, màu trắng đến vàng.	Jiangxi Tianjia Biological Engineering Co, Ltd.	China	2/2/2023
2202	Jia Le Fang	41-02/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất tinh dầu từ hạt kinh giới (Carvacrol), xạ hương (Thymol), chất mang (Maltodextrin, Sucrose, tinh bột ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Carvacrol $\geq 5,5$ %; Thymol $\geq 0,15$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli < 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện CFU/25g; As $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 40,0$ ppm.	Bổ sung tinh dầu từ hạt kinh giới (Carvacrol), xạ hương (Thymol) trong thức ăn chăn nuôi cho lợn và gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng hạt nhỏ mịn, màu trắng đến vàng.	Jiangxi Tianjia Biological Engineering Co, Ltd.	China	2/2/2023

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2203	D-Yogurt	42-02/17-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp nguyên liệu (khô đậu tương lên men, tấm gạo, ngô, glucose, bột sữa) được lên men bởi Lactobacillus acidophilus. - Chỉ tiêu chất lượng: + Các chất chính: Protein $\geq 18,0\%$; Khoáng tổng số $\leq 7,8\%$; axit Lactic $\geq 6,0\%$; pH $\leq 5,0$. + Các chất khác: Xơ thô $\leq 7,5\%$; Photpho (P) $\geq 0,4\%$; Canxi (Ca): 0,1- 1,0 %. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; tổng Aflatoxin B1 $\leq 10,0$ ppb.	Hỗn hợp các nguyên liệu thức ăn chăn nuôi được lên men bởi Lactobacillus acidophilus, dùng bổ sung trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Jiangsu Yancheng Yuanyao Biological Co. Ltd.	China	5/2/2023
2204	Bio-Rockcell	43-02/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Khoáng Silicate (từ quặng Biotite: K(Mg,Fe)3(AlSi3O10)(OH,F)2). - Chỉ tiêu chất lượng: SiO2 $\geq 40,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 30,0$ ppm; Cd $\leq 50,0$ ppm; As $\leq 0,5$ ppm; Hg $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung khoáng Silicate trong thức ăn cho gia súc, gia cầm nhằm hấp phụ độc tố nấm mốc, cải thiện năng suất vật nuôi.	Dạng bột, màu xám đậm.	Minwuvet Pharma Co., Ltd.	Korea	5/2/2023
2205	Reprofish (Code 08646)	44-02/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Protein đậu tương cô đặc, bột xương cá, bột mì, Mono Dicalciumphosphate, bột đậu tương, muối NaCl, dầu cá, dầu hạt cải. - Chỉ tiêu chất lượng: Protein thô $\geq 40,0\%$; Mỡ thô $\geq 7,5\%$; Khoáng tổng số $\leq 18,4\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g.	Hỗn hợp nguyên liệu giàu dinh dưỡng, dùng thay thế bột cá trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng hạt, màu be đến nâu.	Provimi B.V.	the Netherlands	5/2/2023
2206	Mex Yucca Liquid	45-02/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất cây Yucca Schidigera, chất bảo quản (Đồng sunphate), chất mang (nước cất). - Chỉ tiêu chất lượng: Saponin $> 7,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g.	Bổ sung Saponin từ chiết xuất cây Yucca Schidigera trong thức ăn cho gia súc, gia cầm nhằm giảm mùi hôi của chất thải vật nuôi, cải thiện năng suất vật nuôi.	Dạng lỏng, màu nâu.	Alphatech SAS, France (sản xuất cho Actifeed, France).	France	5/2/2023
2207	Me-O Creamy Treats Salmon Flavor	46-02/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gà, gan gà, thịt cá hồi, cá hồi thủy phân, mỡ gà, chất tạo mùi, tinh bột biến tính, chất tạo đông (Carrageenan), chất tạo màu (Iron oxide orange), DL-Methionine, Taurin, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 85,0\%$; Protein thô $\geq 5,0\%$; Béo thô $\geq 2,0\%$; Xơ thô $\leq 1,0\%$; Khoáng tổng số $\leq 2,3\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 1,2$ ppm; Pb $\leq 0,9$ ppm; Cd $\leq 0,34$ ppm; Hg $\leq 0,06$ ppm.	Thức ăn bổ sung (hương vị cá hồi) cho mèo.	Dạng nhão, màu cam.	Perfect Companion Group Co, Ltd.	Thailand	12/2/2023

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2208	Me-O Creamy Treats Crab Flavor	47-02/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gà, gan gà, bột cua, chất tạo mùi, mỡ gà, Fructose oligosaccharide, tinh bột biến tính, chất tạo mùi, chất tạo đông (Carrageenan), DL-Methionine, Taurin, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 85,0\%$; Protein thô $\geq 5,0\%$; Béo thô $\geq 2,0\%$; Xơ thô $\leq 1,0\%$; Khoáng tổng số $\leq 2,3\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 1,2$ ppm; Pb $\leq 0,9$ ppm; Cd $\leq 0,34$ ppm; Hg $\leq 0,06$ ppm.	Thức ăn bổ sung (hương vị cua) cho mèo.	Dạng nhão, màu trắng đến màu kem.	Perfect Companion Group Co, Ltd.	Thailand	12/2/2023
2209	Me-O Creamy Treats Bonito Flavor	48-02/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gà, gan gà, thịt cá ngừ, Cellulose, mỡ gà, tinh bột biến tính, chất tạo đông (Carrageenan), chất tạo mùi, DL-Methionine, Taurine, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 85,0\%$; Protein thô $\geq 5,0\%$; Béo thô $\geq 2,0\%$; Xơ thô $\leq 2,5\%$; Khoáng tổng số $\leq 2,3\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 1,2$ ppm; Pb $\leq 0,9$ ppm; Cd $< 0,34$ ppm; Hg $< 0,06$ ppm.	Thức ăn bổ sung (hương vị cá ngừ) cho mèo.	Dạng nhão, màu kem đến nâu.	Perfect Companion Group Co, Ltd.	Thailand	12/2/2023
2210	Me-O Creamy Treats Chicken & Liver	49-02/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gà, gan gà, mỡ gà, tinh bột biến tính, chất tạo đông (Carrageenan), chất tạo mùi, DL-Methionine, Taurine, chiết xuất từ trà xanh, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 85,0\%$; Protein thô $\geq 5,0\%$; Béo thô $\geq 2,0\%$; Xơ thô $\leq 1,0\%$; Khoáng tổng số $\leq 2,3\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 1,2$ ppm; Pb $\leq 0,9$ ppm; Cd $< 0,34$ ppm; Hg $< 0,06$ ppm.	Thức ăn bổ sung (hương vị gan gà) cho mèo.	Dạng nhão, màu kem đến nâu.	Perfect Companion Group Co, Ltd.	Thailand	12/2/2023
2211	SmartHeart Chicken & Liver	50-02/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt gà, gan gà, phụ phẩm thịt bò và thịt cừu, protein từ đậu tương, chất tạo đông (Carageenan), tinh bột biến tính, chất tạo mùi (Natural flavor from chicken entrails digestion), chất tạo màu (Iron oxide brown), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 85,0\%$; Protein thô $\geq 8,0\%$; Béo thô $\geq 3,0\%$; Xơ thô $\leq 2,0\%$; Khoáng tổng số $\leq 3,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 0,34$ ppm; Pb $\leq 0,85$ ppm; Cd $\leq 0,34$ ppm; Hg $\leq 0,06$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh hương vị thịt gà và gan gà cho chó.	Dạng nhão, màu nâu.	Perfect Companion Group Co, Ltd.	Thailand	12/2/2023

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2212	SmartHeart Beef & Vegetable	51-02/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt bò và các sản phẩm từ thịt bò, gan gà và các phụ phẩm từ thịt gà, phụ phẩm từ cừu, protein từ đậu tương, cà rốt, chất tạo đông (Carageenan), tinh bột biến tính, chất tạo mùi (Natural flavor from chicken entrails digestion), chất tạo màu (Iron oxide red), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 85,0\%$; Protein thô $\geq 8,0\%$; Béo thô $\geq 3,0\%$; Xơ thô $\leq 2,0\%$; Khoáng tổng số $\leq 3,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 0,34$ ppm; Pb $\leq 0,85$ ppm; Cd $\leq 0,34$ ppm; Hg $\leq 0,06$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh hương vị thịt bò và rau cho chó.	Dạng nhão, màu đỏ đến nâu nhạt.	Perfect Companion Group Co, Ltd.	Thailand	12/2/2023
2213	Me-O Tuna in Jelly	52-02/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt cá ngừ, chất tạo đông (Carageenan), mỡ gà, chất tạo mùi, chất tạo màu, Taurin, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 89,0\%$; Protein thô $\geq 8,0\%$; Béo thô $\geq 1,0\%$; Xơ thô $\leq 1,0\%$; Khoáng tổng số $\leq 3,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 0,34$ ppm; Pb $\leq 0,85$ ppm; Cd $< 0,34$ ppm; Hg $< 0,06$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh hương vị cá ngừ cho mèo.	Dạng nhão, màu đỏ đến nâu.	Perfect Companion Group Co, Ltd.	Thailand	12/2/2023
2214	SmartHeart Lamb	53-02/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt cừu, các phụ phẩm (thịt bò, thịt gà, thịt cừu), gan gà, protein từ đậu tương, chất tạo đông (Carageenan), tinh bột biến tính, chất tạo mùi (Natural flavor from chicken entrails digestion), chất tạo màu (Iron oxide red), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 85,0\%$; Protein thô $\geq 8,0\%$; Béo thô $\geq 3,0\%$; Xơ thô $\leq 2,0\%$; Khoáng tổng số $\leq 3,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 0,34$ ppm; Pb $\leq 0,85$ ppm; Cd $< 0,34$ ppm; Hg $< 0,06$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh hương vị thịt cừu cho chó.	Dạng nhão, màu nâu.	Perfect Companion Group Co, Ltd.	Thailand	12/2/2023

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2215	SmartHeart Beef & Liver	54-02/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt bò, các phụ phẩm (thịt bò, thịt gà, thịt cừu), gan gà, protein từ đậu tương, chất tạo đông (Carageenan), tinh bột biến tính, chất tạo mùi (Natural flavor from chicken entrails digestion), chất tạo màu (Iron oxide red), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 85,0$ %; Protein thô $\geq 8,0$ %; Béo thô $\geq 3,0$ %; Xơ thô $\leq 2,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 3,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 0,34$ ppm; Pb $\leq 0,85$ ppm; Cd $\leq 0,34$ ppm; Hg $\leq 0,06$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh hương vị thịt bò và gan gà cho chó.	Dạng nhão, màu đỏ đến nâu nhạt.	Perfect Companion Group Co, Ltd.	Thailand	12/2/2023
2216	Leodor	55-02/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: 100 % bột cây Yucca Schidigera. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 6,5$ %; Saponin $\geq 8,0$ %; Tổng chất rắn hòa tan (TDS) $\geq 40,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 3 MPN/g; Pb $\leq 10,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung Saponin từ cây Yucca Schidigera trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện năng suất vật nuôi và giảm mùi hôi chất thải vật nuôi.	Dạng bột, màu be nhạt.	Desert King de Mexico S.de R.L.de C.V.	Mexico	12/2/2023
2217	Bipex H2	56-02/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: D-biotin và chất mang (Silica). - Chỉ tiêu chất lượng: Biotin $\geq 1,8$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 12,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm; Hg $\leq 0,5$ ppm; Pb $\leq 200,0$ ppm.	Bổ sung Biotin trong thức ăn chăn nuôi lợn và gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	Impextraco N.V.	Belgium	23/2/2023
2218	Bipex H5	57-02/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: D-biotin và chất mang (Silica). - Chỉ tiêu chất lượng: Biotin $\geq 4,8$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 12,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm; Hg $\leq 0,5$ ppm; Pb $\leq 200,0$ ppm.	Bổ sung Biotin trong thức ăn chăn nuôi lợn và gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	Impextraco N.V.	Belgium	23/2/2023
2219	Bipex H10	58-02/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: D-biotin và chất mang (Silica). - Chỉ tiêu chất lượng: Biotin $\geq 9,8$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 12,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm; Hg $\leq 0,5$ ppm; Pb $\leq 200,0$ ppm.	Bổ sung Biotin trong thức ăn chăn nuôi lợn và gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	Impextraco N.V.	Belgium	23/2/2023
2220	Tocomix 500	59-02/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin E (DL-α-tocopheryl acetate) và chất mang (Silica). - Chỉ tiêu chất lượng: Vitamin E (DL-α-tocopheryl acetate) $\geq 48,5$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 12,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm; Hg $\leq 0,5$ ppm; Pb $\leq 200,0$ ppm.	Bổ sung Vitamin E (DL- α -tocopheryl acetate) trong thức ăn chăn nuôi lợn và gia cầm.	Dạng bột, màu trắng đến màu kem.	Impextraco N.V.	Belgium	23/2/2023

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2221	Maxwin Gamecock Feed Endurance Combat Mix	60-02/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Yên mạch, lúa miến, ngô, lúa mỳ, cám gạo, khô dầu dừa, bột cá, gluten ngô, đậu tương, protein whey đậm đặc, bột trứng, nấm men sấy khô, hỗn hợp thảo dược (bach quả, hạt tiêu, tỏi), DL-Methionine, nấm men (Saccharomyces cerevisiae), chất tạo màu (Ponceau 4R), chất chống oxi hoá (BHA; BHT), Hydrated sodium calcium aluminosilicate, Fructo oligosaccharide, Mannan oligosaccharide, Glucosamine hydrochloride, Chondroitin sulfate, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein thô $\geq 12,5$ %; Béo thô $\geq 10,0$ %; Xơ thô $\leq 8,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 10,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E.coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho gà chọi.	Dạng viên, màu đỏ.	Perfect Companion Group Co, Ltd.	Thailand	26/2/2023
2222	Healthy Growth L-46	61-02/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Khô dầu đậu tương lên men bởi vi sinh vật có lợi (Bacillus subtilis; Lactobacillus). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0$ %; Protein thô $\geq 50,0$ %; Béo thô $\leq 3,0$ %; Xơ thô $\leq 5,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 8,0$ %; pH: 5,0 - 5,5. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella không phát hiện trong 25g; E.coli < 10 CFU/g; Aflatoxin tổng số < 20,0 ppb.	Khô dầu đậu tương lên men, dùng làm nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng.	Tech Team Feed Growth Co, Ltd.	Thailand	23/2/2023
2223	Biostrong Forte	62-02/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các axit hữu cơ (Butyric, Propionic, caprylic, capric), các chất tạo mùi (5,5%) (bột Quilaja, tinh dầu thực vật: Thyme và Anise), chất mang (Silicon dioxide). - Chỉ tiêu chất lượng: Axit propionic $\geq 5,0$ %; axit Butyric $\geq 11,0$ %; axit caprylic $\geq 2,5$ %; axit Capric $\geq 1,5$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As < 2,0 ppm; Cd < 0,5 ppm; Pb < 10,0 ppm; Hg < 0,1 ppm.	Bổ sung axit hữu cơ và hỗn hợp tạo mùi từ thực vật trong thức ăn cho gia cầm.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	Delacon Biotechnik GmbH.	Austria	26/2/2023

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2224	Enerzyme Pro 700	63-02/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Enzyme Protease (lên men từ <i>Bacillus licheniformis</i>), enzyme Mannanase (lên men từ <i>Bacillus lentus</i>), khô dầu đậu tương, chất bảo quản (Food grade sodium benzoate), bột đá, Silica và khoáng sét. - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 g): Protease ≥ 700.000 U; Mannanase $\geq 600,0$ U. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 30,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Cd < 10,0 ppm; Hg < 0,2 ppm.	Bổ sung các enzyme tiêu hoá (Protease, Mannanase) trong thức ăn chăn nuôi lợn và gia cầm.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	Alivira Animal Health, Ltd.	India	27/2/2023
2225	Enerzyme Combi Pro	64-02/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Enzyme Cellulase (lên men từ <i>Trichoderma reesei</i>), Xylanase (lên men từ <i>Trichoderma spp</i>), Beta Glucanase (lên men từ <i>Trichoderma spp</i>), Amylase ((lên men từ <i>Aspergillus oryzae</i>), Pectinase (lên men từ <i>Aspergillus niger</i>), Phytase (lên men từ <i>Aspergillus spp</i>), Protease (lên men từ <i>Bacillus licheniformis</i>, <i>Aspergillus awamori</i>), Lipase (lên men từ <i>Bacillus subtilis</i>), Arabinase (lên men từ <i>Aspergillus niger</i>), Alpha galactosidase (lên men từ <i>Aspergillus niger</i>), Beta glucosidase (lên men từ <i>Trichoderma reesei</i>) và chất mang (khô dầu đậu tương). - Chỉ tiêu chất lượng (đơn vị tính U/g): Protease $\geq 600.000,0$; Cellulase $\geq 125.000,0$; Xylanase $\geq 6.000,0$; Beta Glucanase $\geq 700,0$; Amylase $\geq 300,0$; Pectinase $\geq 70,0$; Phytase $\geq 2.200,0$; Lipase $\geq 10,0$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 30,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,2$ ppm.	Bổ sung các enzyme tiêu hoá trong thức ăn chăn nuôi lợn và gia cầm.	Dạng bột, màu trắng nhạt.	Alivira Animal Health, Ltd.	India	27/2/2023
2226	Digestarom DC Power	65-3/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp chiết xuất và tinh dầu từ thực vật (<i>Origanum vulgare</i>, <i>Gaultheria procumbens</i>, <i>Carum carvi</i>, <i>Mentha arvensis</i>) và chất mang (dầu thực vật, muối NaCl, Silica). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Carvacrol $\geq 65,0$ g; Methyl salicylate $\geq 8,0$ g; Carvone $\geq 1,7$ g; Methol $\geq 15,0$ g; Khoáng tổng số $\leq 50,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli < 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện CFU/25g; As < 12,0 ppm; Cd < 15,0 ppm; Pb < 200,0 ppm; Hg < 0,2 ppm.	Bổ sung hỗn hợp tinh dầu thực vật trong thức ăn cho lợn và gia cầm nhằm cải thiện khả năng ăn vào của vật nuôi.	Dạng bột, màu be đến nâu nhạt.	Biomim GmbH.	Austria	2/3/2023

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2227	Digestarom DC Xcel	66-3/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp chiết xuất và tinh dầu từ thực vật (Origanum vulgare, Gaultheria procumbens, Carum carvi, Mentha arvensis) và chất mang (dầu thực vật, muối NaCl, Silica). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 kg): Carvacrol $\geq 65,0$ g; Methyl salicylate $\geq 8,0$ g; Carvone $\geq 1,7$ g; Methol $\geq 20,0$ g; Khoáng tổng số $\leq 36,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli < 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện CFU/25g; As $\leq 12,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm; Pb $< 200,0$ ppm; Hg $< 0,2$ ppm.	Bổ sung hỗn hợp tinh dầu thực vật trong thức ăn chăn nuôi cho lợn và gia cầm nhằm cải thiện khả năng ăn vào của vật nuôi.	Dạng bột, màu be đến nâu nhạt.	Biomin GmbH.	Austria	2/3/2023
2228	Petto Adult Dog	67-3/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bột thịt gà, bột trứng gà, bột gạo, mỡ gà, dầu đậu tương, dầu cá hồi, gan gà thủy phân, nấm men khô, chiết xuất từ Yucca schidigera, chất chống ôxi hoá (BHT, BHA), Premix vitamin, khoáng và axit amin. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 8,0$ %; Protein thô $\geq 22,0$ %; Béo thô $\geq 9,0$ %; Xơ thô $\leq 3,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 10,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Cd $< 2,0$ ppm; Hg $< 0,33$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh hương vị thịt gà và gan cho chó trưởng thành.	Dạng viên, màu nâu.	Lee Pattana Feed Mill Co, Ltd., Thailand.	Thailand	2/3/2023
2229	Petto Puppy	68-3/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bột thịt gà, bột trứng gà, gạo, mỡ gà, dầu đậu nành, dầu cá hồi, gan gà thủy phân, nấm men khô, chiết xuất từ Yucca schidigera, chất chống ôxi hoá (BHT, BHA), Premix vitamin, khoáng và axit amin. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 8,0$ %; Protein thô $\geq 26,0$ %; Béo thô $\geq 10,0$ %; Xơ thô $\leq 3,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 10,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Cd $< 2,0$ ppm; Hg $< 0,33$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh hương vị thịt gà và gan cho chó con.	Dạng viên, màu nâu.	Lee Pattana Feed Mill Co, Ltd., Thailand.	Thailand	2/3/2023
2230	Mao Mao	69-3/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sản phẩm phụ của chế biến thịt gà, bột cá, tấm gạo, cám gạo, ngô, đậu tương nguyên dầu, bột sắn, dầu cá hồi, chất tạo màu, chất tạo mùi, chất chống ôxi hoá (BHT, BHA), Premix vitamin, khoáng và axit amin. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein thô $\geq 26,0$ %; Béo thô $\geq 7,0$ %; Xơ thô $\leq 5,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 10,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Cd $< 2,0$ ppm; Hg $< 0,33$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh hương vị thịt cá hồi cho mèo.	Dạng viên, màu nâu đỏ và xanh.	Lee Pattana Feed Mill Co, Ltd., Thailand.	Thailand	2/3/2023

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2231	Buzz Adult Cat Food Lamb Flavour	70-3/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ngô, khô dầu đậu tương, thịt gia cầm, gạo, gluten ngô, sắn, mỡ gia cầm, stearine cọ, thịt cừu, protein từ động vật, nấm men bia khô, muối, Choline chloride, dầu cá hồi, Dicalcium phosphate, Taurin, chất bảo quản (Vitamin E, C) premix vitamin và khoáng. - Chi tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 8,5$ %; Protein thô $\geq 30,0$ %; Béo thô $\geq 10,0$ %; Xơ thô $\leq 4,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 12,0$ %. - Chi tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Cd < 2,0 ppm; Hg < 0,33 ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh hương vị thịt cừu cho mèo trưởng thành.	Dạng rắn, nhiều hình khác nhau (bông hoa, ngôi sao chữ Y), màu nâu nhạt.	Nutrix Public Company Limited.	Thailand	2/3/2023
2232	Buzz Adult Cat Food Tuna Flavour	71-3/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ngô, khô dầu đậu tương, thịt gia cầm, gạo, gluten ngô, sắn, mỡ gia cầm, stearine cọ, protein từ động vật, bột cá, nấm men sấy khô, muối, Choline chloride, dầu cá hồi, Dicalcium phosphate, Taurin, chất bảo quản (Vitamin E, C), hương liệu cá hồi, premix vitamin và khoáng. - Chi tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 8,5$ %; Protein thô $\geq 30,0$ %; Béo thô $\geq 10,0$ %; Xơ thô $\leq 4,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 12,0$ %. - Chi tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,33$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh hương vị cá hồi cho mèo trưởng thành.	Dạng rắn, nhiều hình khác nhau (bông hoa, ngôi sao, chữ Y), màu nâu nhạt.	Nutrix Public Company Limited.	Thailand	2/3/2023
2233	Buzz Adult Dog Food Lamb Flavour	72-3/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ngô, cám mỳ, khô dầu đậu tương, gạo, sắn, bột gia cầm, bột thịt xương, mỡ gia cầm, bột thịt cừu, Stearine cọ, muối, protein động vật, mỡ động vật, dầu thực vật, Dicalcium phosphate, choline chloride, chất bảo quản (axit Propionic), premix vitamin và khoáng. - Chi tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 8,5$ %; Protein thô $\geq 20,0$ %; Béo thô $\geq 8,0$ %; Xơ thô $\leq 6,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 12,0$ %. - Chi tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Cd < 2,0 ppm; Hg < 0,33 ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh hương vị thịt cừu cho chó trưởng thành.	Dạng rắn, nhiều hình khác nhau (chữ nhật, trống, khúc xương), màu nâu nhạt.	Nutrix Public Company Limited.	Thailand	2/3/2023

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2234	Buzz Adult Dog Food Liver Flavour	73-3/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ngô, cám mỳ, khô dầu đậu tương, gạo, sắn, bột gia cầm, bột thịt xương, mỡ gia cầm, protein từ động vật, Stearine cọ, muối, mỡ động vật, dầu thực vật, Dicalcium phosphate, hương liệu tạo mùi gan, choline chloride, chất bảo quản (axit Propionic), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 8,5$ %; Protein thô $\geq 20,0$ %; Béo thô $\geq 8,0$ %; Xơ thô $\leq 6,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 12,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,33$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh hương vị gan cho chó.	Dạng rắn, nhiều hình khác nhau (chữ nhật, tam giác, chữ I), màu nâu nhạt.	Nutrix Public Company Limited.	Thailand	2/3/2023
2235	Buzz Adult Cat Food Mackerel Flavour	74-03/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ngô, khô dầu đậu tương, bột gia cầm, gạo, gluten ngô, sắn, mỡ gia cầm, Stearine cọ, bột cá, protein từ động vật, nấm men sấy khô, choline chloride, dầu cá hồi, dầu hướng dương, Dicalcium phosphate, Taurine, chất bảo quản (axit Propionic; vitamin E, C), hương liệu tạo mùi cá thu, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 8,5$ %; Protein thô $\geq 30,0$ %; Béo thô $\geq 10,0$ %; Xơ thô $\leq 4,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 12,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,33$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh hương vị cá thu cho mèo.	Dạng rắn, nhiều hình khác nhau (con cá, hình tạ, mũi tên), màu nâu nhạt.	Nutrix Public Company Limited.	Thailand	2/3/2023
2236	Fun-Tide	75-3/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Saccharomyces cerevisiae, chất mang (tinh bột ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Saccharomyces cerevisiae $\geq 2,0 \times 10^8$ CFU/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g.	Bổ sung nấm men Saccharomyces cerevisiae hoạt động trong thức ăn chăn nuôi lợn và gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	Guangdong Hinabiotech Co., Ltd.	China	2/3/2023
2237	Palpotine 862	76-3/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Đậu tương tách vỏ, bột gia cầm, bột cá, bột huyết, dầu cá, các axit amin (DL-Methionine, L-Lysine, L-Threonine) và chất bảo quản (Ethoxyquin). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein thô $\geq 60,0$ %; Cát sạn $\leq 2,5$ %. - Chỉ tiêu an toàn: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g.	Bổ sung protein trong thức ăn chăn nuôi lợn và gia cầm.	Dạng bột, màu nâu.	Top Feed Mills Co, Ltd.	Thailand	12/3/2023

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2238	Piggystart 20-20	77-3/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bột Whey, dầu thực vật (dầu cọ, dầu dừa), sữa bột tách béo, nấm men thủy phân, bột đậu tương, gluten lúa mì, bột lúa mì, lactose, maltodextrin, tinh bột lúa mì và chất bảo quản (BHT). - Chỉ tiêu chất lượng: Protein thô $\geq 17,5$ %; Béo thô $\geq 17,5$ %; Xơ thô $\leq 1,3$ %; Khoáng tổng số $\leq 5,0$ %; Lactose $\geq 26,5$ %. - Chỉ tiêu an toàn: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g.	Bổ sung dưỡng chất trong thức ăn cho lợn con.	Dạng bột, màu kem.	Lacto Production.	France	12/3/2023
2239	Barox Liquid	78-3/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Butylated hydroxytoluene (BHT), Butylated hydroxyanisole (BHA), Ethoxyquin, chất nhũ hoá (Lecithin), chất tạo mùi (Amyl acetate) và chất mang (dầu thực vật). - Chỉ tiêu chất lượng: BHT $\geq 7,0$ %; BHA $\geq 0,5$ %; Ethoxyquin $\geq 3,0$ %; Hoạt lực chất chống oxy hoá tính theo Ethoxyquin (DPPH) $\geq 250.000,0$ ppm. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 3,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung chất chống oxy hóa trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu nâu đậm.	Kemin Industries (Asia) Pte, Ltd.	Singapore	12/3/2023
2240	Termox Liquid	79-3/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Butylated hydroxytoluene (BHT), Butylated hydroxyanisole (BHA), chất nhũ hoá (Lecithin) và chất mang (dầu thực vật). - Chỉ tiêu chất lượng: BHA $\geq 4,0$ %; BHT $\geq 4,0$ %; Hoạt lực chất chống oxy hoá tính theo Ethoxyquin (DPPH) $\geq 155.000,0$ ppm. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 3,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung chất chống oxy hóa trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu nâu vàng.	Kemin Industries (Asia) Pte, Ltd.	Singapore	12/3/2023
2241	Termox Dry	80-3/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Butylated hydroxytoluene (BHT), Butylated hydroxyanisole (BHA), axit Citric, dầu thực vật và chất mang (CaCO₃, Silica). - Chỉ tiêu chất lượng: BHA $\geq 3,0$ %; BHT $\geq 3,0$ %; Hoạt lực chất chống oxy hoá tính theo Ethoxyquin (DPPH) $\geq 100.000,0$ ppm. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 3,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung chất chống oxy hóa trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng nhạt đến vàng.	Kemin Industries (Asia) Pte, Ltd.	Singapore	12/3/2023

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2242	Endox 5X Concentrate Dry	81-3/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ethoxyquin, Butylated hydroxyanisole (BHA), axit Citric, axit Phosphoric và chất mang (dầu thực vật và silica). - Chỉ tiêu chất lượng: Ethoxyquin $\geq 3,0\%$; BHA $\geq 3,0\%$; Hoạt lực chất chống oxy hoá tính theo Ethoxyquin (DPPH) $\geq 125.000,0$ ppm. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 3,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm; Hg $< 1,0$ ppm.	Bổ sung chất chống oxy hóa trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu.	Kemin Industries (Asia) Pte, Ltd.	Singapore	12/3/2023
2243	Endox C Dry	82-3/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ethoxyquin, axit Citric, Butylated hydroxytoluene (BHT) và chất mang (CaCO₃ và silica). - Chỉ tiêu chất lượng: Ethoxyquin $\geq 4,0\%$; BHT $\geq 0,5\%$; Hoạt lực chất chống oxy hoá tính theo Ethoxyquin (DPPH) $\geq 50.000,0$ ppm. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 3,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm; Hg $< 1,0$ ppm.	Bổ sung chất chống oxy hóa trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu.	Kemin Industries (Asia) Pte, Ltd.	Singapore	12/3/2023
2244	Endox Dry	83-3/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ethoxyquin, Calcium citrate, Butylated hydroxyanisole (BHA), axit Phosphoric và chất mang (CaCO₃, SiO₂ và dầu thực vật). - Chỉ tiêu chất lượng: Ethoxyquin $\geq 1,0\%$; BHA $\geq 0,5\%$; Hoạt lực chất chống oxy hoá tính theo Ethoxyquin (DPPH) $\geq 45.000,0$ ppm. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 3,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm; Hg $< 1,0$ ppm.	Bổ sung chất chống oxy hóa trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	Kemin Industries (Asia) Pte, Ltd.	Singapore	12/3/2023
2245	Endox V Dry	84-3/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Ethoxyquin, axit Citric, Butylated hydroxytoluene (BHT) và chất mang (CaCO₃ và SiO₂). - Chỉ tiêu chất lượng: Ethoxyquin $\geq 2,5\%$; BHT $\geq 0,3\%$; Hoạt lực chất chống oxy hoá tính theo Ethoxyquin (DPPH) $\geq 32.000,0$ ppm. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 3,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm; Hg $< 1,0$ ppm.	Bổ sung chất chống oxy hóa trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu.	Kemin Industries (Asia) Pte, Ltd.	Singapore	12/3/2023

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2246	Vitadrench Powder	85-3/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Premix vitamin (A, D3, E, Niacine, Ascorbic acid), Potassium chloride, Magnesium sulfate, Sodium bicarbonate, Calcium lactate và chất mang (đường). - Chỉ tiêu chất lượng: Vitamin A $\geq 800.000,0$ IU/kg; Vitamin D3 $\geq 72.000,0$ IU/kg; Vitamin E $\geq 1.600,0$ mg/kg; Vitamin PP (Niacine) $\geq 800,0$ mg/kg; Vitamin C (Ascorbic acid) $\geq 8.000,0$ mg/kg; Kali (K): 3,8 - 6,6 %; Magiê (Mg): 0,5 - 5,0 %; Natri (Na) 1,2 - 5,0 %; Canxi (Ca): 4,5 - 7,3 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 4,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung premix vitamin và khoáng trong thức ăn chăn nuôi cho bò sữa.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Vitalac	France	16/3/2023
2247	Vitabiocell	86-3/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bentonite, Saccharomyces cerevisiae NCYC Sc 47, Clinoptilolite, ri mật đường. - Chỉ tiêu chất lượng: Saccharomyces cerevisiae $\geq 1,5 \times 10^8$ CFU/kg; SiO2: 30,0 - 55,0 %; Al2O3: 6,0 - 11,0 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 4,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm.	Bổ sung nấm men hoạt động và chất hấp phụ độc tố nấm mốc trong thức ăn cho gia súc nhai lại.	Dạng bột, màu xám.	Vitalac	France	16/3/2023
2248	Rumen Stimul	87-3/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Saccharomyces cerevisiae NCYC Sc 47, phụ gia và chất mang (Clinoptilolite, Bentonite, Calcium carbonate, ri mật đường, Sodium chloride). - Chỉ tiêu chất lượng: Saccharomyces cerevisiae $\geq 3,0 \times 10^8$ CFU/kg. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 4,0$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm.	Bổ sung nấm men hoạt động trong thức ăn cho gia súc nhai lại.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	Vitalac	France	16/3/2023
2249	Fongiprotect Liquid	88-3/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit Formic, axit Propionic, Sodium formate, Ammonium propionate và chất mang (nước). - Chỉ tiêu chất lượng: Axit Formic $\geq 8,0$ %; axit Propionic $\geq 32,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 30,0$ ppm; Cd $\leq 15,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm; Pb $\leq 200,0$ ppm.	Bổ sung axit hữu cơ và muối của axit hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm kiểm soát nấm mốc.	Dạng lỏng, màu nâu nhạt.	Vitalac	France	16/3/2023

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2250	Stay - Lac	89-3/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Lactobacillus plantarum và chất mang (khô dầu đậu tương, cám lúa mỳ, ri mật đường). - Chi tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0$ %; Lactobacillus plantarum $\geq 1,1 \times 10^9$ CFU/g. - Chi tiêu an toàn: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E.coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Hg $< 0,5$ ppm; Cd $< 2,5$ ppm.	Bổ sung vi khuẩn lactic trong thức ăn chăn nuôi lợn và gia cầm.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	Genebiotech Co, Ltd.	Korea	20/3/2023
2251	Kitten	90-3/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt và các sản phẩm từ động vật (thịt gà, protein động vật thủy phân), ngũ cốc (gạo, bột ngô, bột lúa mỳ), protein từ thực vật, chất béo (mỡ gia cầm, dầu cá, dầu đậu tương), gluten ngô, xơ thực vật, chiết xuất từ cúc vạn thọ, vỏ và hạt cây psyllium, củ cải đường Fructo oligosaccharides, các sản phẩm từ nấm men (nấm men thủy phân, chiết xuất nấm men), premix vitamin và khoáng, chất bảo quản và chất chống oxy hóa (Potassium sorbate, BHA, Propyl gallate). - Chi tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 7,0$ %; Protein thô $\geq 34,0$ %; Xơ thô $\leq 3,3$ %; Béo thô $\geq 16,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 8,5$ %. - Chi tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Cd $\leq 2,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho mèo con đến 12 tháng tuổi.	Dạng viên, màu nâu.	Royal Canin S.A.S.	France	20/3/2023
2252	Babycat milk	91-3/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Protein và chất béo từ sữa bò, dầu đậu tương, protein whey, dầu cá, Fructo oligosaccharides, premix vitamin và khoáng, chất chống oxy hóa. - Chi tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 4,5$ %; Protein thô $\geq 31,0$ %; Xơ thô $\leq 3,0$ %; Béo thô $\geq 36,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 8,0$ %. - Chi tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Cd $\leq 0,34$ ppm; As $\leq 0,34$ ppm; Pb $< 0,85$ ppm; Hg $< 0,06$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh thay thế sữa cho mèo con từ sơ sinh đến 02 tháng tuổi.	Dạng mảnh, màu be.	Royal Canin S.A.S.	France	20/3/2023

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2253	Mother & Baby Cat	92-3/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt và các sản phẩm từ động vật (thịt gà, protein động vật thủy phân), ngũ cốc (gạo, bột ngô), protein từ thực vật, chất béo (mỡ gia cầm, dầu cá, dầu đậu tương), các sản phẩm từ thực vật (xơ, chiết xuất từ cúc vạn thọ), các đường (củ cải đường, Fructo oligosaccharides), các sản phẩm từ nấm men (nấm men thủy phân, chiết xuất nấm men), premix vitamin và khoáng, chất bảo quản và chất chống ôxy hoá (Potassium sorbate, BHA, Propyl gallate), - Chi tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 7,0$ %; Protein thô $\geq 34,0$ %; Xơ thô $\leq 2,9$ %; Béo thô $\geq 22,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 8,1$ %. - Chi tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Cd $\leq 2,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho mèo mang thai, nuôi con và mèo con đến 4 tháng tuổi.	Dạng viên, màu nâu.	Royal Canin S.A.S.	France	20/3/2023
2254	Maxi Puppy	93-3/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt và các sản phẩm từ động vật (thịt gà, protein động vật thủy phân), ngũ cốc (gạo, bột ngô, lúa mì), protein từ thực vật, chất béo (mỡ gia cầm, dầu cá, dầu đậu tương), các sản phẩm từ thực vật (xơ, ngô, gluten, chiết xuất từ cúc vạn thọ, vỏ và hạt cây psyllium), các đường (củ cải đường, Fructo oligosaccharides), các sản phẩm từ nấm men (nấm men thủy phân, chiết xuất nấm men), premix vitamin và khoáng, chất bảo quản và chất chống ôxy hoá (Potassium sorbate, BHA, Propyl gallate). - Chi tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 11,0$ %; Protein thô $\geq 28,0$ %; Xơ thô $\leq 3,4$ %; Béo thô $\geq 14,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 8,5$ %. - Chi tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Cd $\leq 2,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó con đến 15 tháng tuổi.	Dạng viên, màu nâu.	Royal Canin S.A.S.	France	20/3/2023

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2255	Maxi Starter Mother and Babydog	94-3/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt và các sản phẩm từ động vật (thịt gà, protein động vật thủy phân), ngũ cốc (gạo, bột ngô), protein từ thực vật, chất béo (mỡ gia cầm, dầu cá, dầu đậu tương), các sản phẩm từ thực vật (xơ, gluten, chiết xuất từ cúc vạn thọ, vỏ và hạt cây psyllium), các đường (củ cải đường, Fructo oligosaccharides), các sản phẩm từ nấm men (nấm men thủy phân, chiết xuất nấm men), premix vitamin và khoáng, chất bảo quản và chất chống oxy hóa (Potassium sorbate, BHA, Propyl gallate). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 9,5$ %; Protein thô $\geq 28,0$ %; Xơ thô $\leq 2,9$ %; Béo thô $\geq 20,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 8,7$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Cd $\leq 2,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó mang thai và chó con cai sữa đến 02 tháng tuổi.	Dạng viên, màu nâu.	Royal Canin S.A.S.	France	20/3/2023
2256	Medium Puppy	95-3/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt và các sản phẩm từ động vật (thịt gà, protein động vật thủy phân), ngũ cốc (gạo, ngô, lúa mỳ), protein từ thực vật, chất béo (mỡ gia cầm, dầu cá, dầu đậu tương), các sản phẩm từ thực vật (gluten ngô, chiết xuất từ cúc vạn thọ), các đường (củ cải đường, Fructo oligosaccharides), các sản phẩm từ nấm men (nấm men thủy phân, chiết xuất nấm men), premix vitamin và khoáng, chất bảo quản và chất chống oxy hóa (Potassium sorbate, BHA, Propyl gallate). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 9,5$ %; Protein thô $\geq 30,0$ %; Xơ thô $\leq 2,6$ %; Béo thô $\geq 18,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 8,7$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Cd $\leq 2,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó con đến 12 tháng tuổi.	Dạng viên, màu nâu.	Royal Canin S.A.S.	France	20/3/2023

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2257	Medium Starter Mother and Badydog	96-3/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt và các sản phẩm từ động vật (thịt gà, protein động vật thủy phân), ngũ cốc (gạo, ngô), protein từ thực vật, chất béo (mỡ gia cầm, dầu cá, dầu đậu tương), chiết xuất từ cúc vạn thọ, các đường (củ cải đường, Fructo oligosaccharides), các sản phẩm từ nấm men (nấm men thủy phân, chiết xuất nấm men), premix vitamin và khoáng, chất bảo quản và chất chống ôxy hoá (Potassium sorbate, BHA, Propyl gallate). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 9,5$ %; Protein thô $\geq 28,0$ %; Xơ thô $\leq 2,3$ %; Béo thô $\geq 20,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 8,8$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Cd $\leq 2,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó mang thai và chó con cai sữa đến 02 tháng tuổi.	Dạng viên, màu nâu.	Royal Canin S.A.S.	France	20/3/2023
2258	Mini Puppy	97-3/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt và các sản phẩm từ động vật (thịt gà, protein động vật thủy phân), ngũ cốc (gạo, ngô), protein từ thực vật, chất béo (mỡ gia cầm, dầu cá, dầu đậu tương), các sản phẩm từ thực vật (gluten ngô, chiết xuất từ cúc vạn thọ), các đường (từ củ cải đường, Fructo oligosaccharides), các sản phẩm từ nấm men (nấm men thủy phân, chiết xuất nấm men), premix vitamin và khoáng, chất bảo quản và chất chống ôxy hoá (Potassium sorbate, BHA, Propyl gallate). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 11,0$ %; Protein thô $\geq 29,0$ %; Xơ thô $\leq 2,4$ %; Béo thô $\geq 18,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 8,5$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Cd $\leq 2,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó con đến 10 tháng tuổi.	Dạng viên, màu nâu.	Royal Canin S.A.S.	France	20/3/2023

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2259	Mini Starter Mother and Badydog	98-3/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt và các sản phẩm từ động vật (thịt gà, protein động vật thủy phân), ngũ cốc (gạo, ngô), protein từ thực vật, chất béo (mỡ gia cầm, dầu cá, dầu đậu tương, muối axit béo), chiết xuất từ cúc vạn thọ, các đường (từ củ cải đường, Fructo oligosaccharides), các sản phẩm từ nấm men (nấm men thủy phân, chiết xuất nấm men), Clinoptilolite, premix vitamin và khoáng, chất bảo quản và chất chống oxy hoá. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 9,0$ %; Protein thô $\geq 27,0$ %; Xơ thô $\leq 2,3$ %; Béo thô $\geq 19,25$ %; Khoáng tổng số $\leq 8,8$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Cd $\leq 2,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $< 10,0$ ppm; Hg $< 0,1$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó mang thai và chó con cai sữa đến 02 tháng tuổi.	Dạng viên, màu nâu.	Royal Canin S.A.S.	France	20/3/2023
2260	DCS 682	99-3/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin B₁, Saccharomyces cerevisiae, Sodium saccharin, các chất mang (bột trấu, bột mì, canxi cacbonat). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1 kg): Vitamin B₁ $> 100,0$ mg; Saccharomyces cerevisiae $> 3,0 \times 10^9$ CFU; Sodium saccharin $> 0,44$ g. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Pb $< 30,0$ ppm; Cd $< 50,0$ ppm; As $< 40,0$ ppm; Hg $< 0,5$ ppm.	Bổ sung vitamin B ₁ , vi sinh vật có lợi (Saccharomyces cerevisiae) và Sodium saccharin trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu.	DaeHan New Pharm Co. Ltd.	Korea	20/3/2023
2261	Bio SB Gold-V	100-3/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Saccharomyces cerevisiae, Bacillus subtilis, các chất mang (bột trấu, bột mì, canxi cacbonat). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1 kg): Saccharomyces cerevisiae $> 3,0 \times 10^{11}$ CFU; Bacillus subtilis $> 4,0 \times 10^9$ CFU. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Pb $< 30,0$ ppm; Cd $< 50,0$ ppm; As $< 40,0$ ppm; Hg $< 0,5$ ppm.	Bổ sung hỗn hợp vi sinh vật có lợi (Saccharomyces cerevisiae, Bacillus subtilis) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu.	DaeHan New Pharm Co. Ltd.	Korea	20/3/2023
2262	Natufermen	101-3/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bacillus subtilis, Aspergillus oryzae, các chất mang (khô dầu đậu tương, cám mì). - Chỉ tiêu chất lượng (CFU/g): Bacillus subtilis $\geq 1,2 \times 10^7$; Aspergillus oryzae $\geq 1,2 \times 10^6$. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; tổng số Aflatoxin (B₁, B₂, G₁, G₂) $< 50,0$ ppb.	Bổ sung hỗn hợp vi sinh vật có lợi (Bacillus subtilis, Aspergillus oryzae) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu sáng.	Genebiotech Co. Ltd., Korea. (viết tắt là: GB Tech)	Korea	20/3/2023

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2263	Lactocare	102-3/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Lactobacillus reuteri, Saccharomyces cerevisiae, các chất mang (khô đậu tương, cám mì). - Chỉ tiêu chất lượng (CFU/g): Lactobacillus reuteri $\geq 1,2 \times 10^6$; Saccharomyces cerevisiae $\geq 1,2 \times 10^6$. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; tổng số Aflatoxin (B1, B2, G1, G2) $\leq 50,0$ ppb.	Bổ sung hỗn hợp vi sinh vật có lợi (Lactobacillus reuteri và Saccharomyces cerevisiae) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu sáng.	Genebiotech Co. Ltd., Korea. (viết tắt là: GB Tech)	Korea	20/3/2023
2264	Sodium Humate	103-3/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sodium Humate. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 15,0$ %; Axit Humic hòa tan $\geq 60,0$ %. - Chỉ tiêu an toàn: As $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 30,0$ ppm; Hg $\leq 0,5$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm.	Bổ sung Sodium Humate trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng mảnh, màu đen.	Ningxia Sloan Biological Technology Co., Ltd.	China	23/3/2023
2265	IGY-COL P.	104-3/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin C, Taurine, Bacillus subtilis, Clostridium butyricum, Glucose, bột lòng đỏ trứng, sữa đậu, Fructo-oligosaccharide, Sorbitol, chất tạo màu thực phẩm. - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1 kg): Vitamin C $\geq 5,0$ g; Taurine $\geq 10,0$ g; Bacillus subtilis ≥ 109 CFU; Clostridium butyricum ≥ 109 CFU. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli < 10 CFU/g; Salmonella không có trong 25 g.	Bổ sung vitamin C, Taurin và các vi sinh vật có lợi cho lợn con.	Dạng bột, màu trắng đến nâu nhạt.	Samyang Anipharm Co., Ltd.	Korea	27/3/2023
2266	IGY PIG F-1 P.	105-3/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin C, Glucose, Bacillus coagulans, Taurine, bột lòng đỏ trứng, sữa đậu, Fructo-oligosaccharide, Sorbitol. - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1 kg): Vitamin C $\geq 16,0$ g; Glucose $\geq 80,0$ g; Bacillus coagulans ≥ 1010 CFU; Taurine $\geq 3,2$ g. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli < 10 CFU/g; Salmonella không có trong 25 g.	Bổ sung vitamin C, Glucose, Taurin và vi sinh vật có lợi cho lợn con.	Dạng bột, màu trắng đến vàng nhạt.	Samyang Anipharm Co., Ltd.	Korea	27/3/2023
2267	Probiozyme WS	106-3/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bacillus subtilis, Saccharomyces cerevisiae, Amylase, Beta Glucanase, Cellulase, Lipase, Protease, Xylanase, chất mang (Maltodextrin). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1 kg): Bacillus subtilis $\geq 2,8 \times 10^{10}$ CFU; Saccharomyces cerevisiae $\geq 8,0 \times 10^{12}$ CFU; Amylase $\geq 14,0 \times 10^4$ U; Beta Glucanase $\geq 9,0 \times 10^4$ U; Cellulase $\geq 2,3 \times 10^4$ U; Lipase $\geq 4,0 \times 10^4$ U; Protease $\geq 5,5 \times 10^5$ U; Xylanase $\geq 3,4 \times 10^4$ U. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g.	Bổ sung vi sinh vật có lợi và enzyme tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	Zagro Singapore Pte., Ltd.	Singapore	30/3/2023

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2268	Porboos	107-3/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Lactobacillus acidophilus, chất mang (bột trứng tiết trùng, Maltodextrin). - Chỉ tiêu chất lượng: Lactobacillus acidophilus $\geq 1,0 \times 10^6$ CFU/g; Độ ẩm $\leq 10,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g.	Bổ sung vi sinh vật có lợi Lactobacillus acidophilus trong thức ăn chăn nuôi lợn con.	Dạng bột, màu vàng nhạt.	Yerang Green Tech Co.	Korea	30/3/2023
2269	Mixomel 55	108-3/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bột đậu tương, protein đậm đặc từ lúa mì, protein từ khoai tây, dầu dừa. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 7,0$ %; Protein thô $\geq 54,0$ %; Béo thô $\geq 3,0$ %; Xơ thô $\leq 3,5$ %; Khoáng tổng số $\leq 7,0$ %. - Chỉ tiêu an toàn: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E.coli < 10 CFU/g.	Bổ sung protein từ thực vật (có thể thay thế bột cá) trong thức ăn chăn nuôi lợn con và gà thịt.	Dạng bột, màu trắng kem.	Nukamel Productions B.V.	the Netherlands	30/3/2023
2270	TNIbetain 91	109-3/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Betaine anhydrous và chất chống kết dính (Calcium stearate). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 1,5$ %; Betaine $\geq 91,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E.coli < 10 CFU/g; Cd $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung Betaine trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng tinh thể, màu vàng nhạt.	The Amalgamated Sugar Company LLC.	USA	30/3/2023
2271	PIF Power Cell	110-4/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bacillus subtilis (DS-EBN-YM57), Lactobacillus plantarum (DS-EBN-VB1) và các chất mang (Glucose, Zeolite). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1,0 g): Bacillus subtilis $\geq 5,0 \times 10^8$ CFU; Lactobacillus plantarum $\geq 1,0 \times 10^8$ CFU. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli < 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện CFU/25g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung vi sinh vật có lợi (Bacillus subtilis, Lactobacillus plantarum) trong thức ăn chăn nuôi lợn và gia cầm, nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột, màu xám.	Samjo Life Science Co, Ltd.	Korea	2/4/2023
2272	PIF Propolis	111-4/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Chiết xuất từ keo ong (Propolis) và các chất mang (Glucose, Zeolite). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0$ %; Flavonoid $\geq 0,1$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli < 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện CFU/25g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,4$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung chiết xuất từ keo ong (Propolis) trong thức ăn gia súc, gia cầm nhằm cải thiện khả năng miễn dịch của vật nuôi.	Dạng bột, màu xám.	Samjo Life Science Co, Ltd.	Korea	2/4/2023

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2273	Sel-Plex 3000	112-4/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Nấm men bất hoạt giàu Selen và nấm men bất hoạt sấy khô. - Chi tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Selen (Se): 3.000,0 - 3.500,0 ppm. - Chi tiêu an toàn: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E.coli < 10 CFU/g; As $\leq 50,0$ ppm; Cd $\leq 30,0$ ppm.	Bổ sung khoáng Selen (Se) hữu trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu.	Alltech Inc.	USA	4/4/2023
2274	TN OX	113-4/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các chất chống ôxi hoá (Ethoxyquin, Butylated hydroxyanisole (BHA); Butylated hydroxytoluene (BHT)) và chất mang (Calcium Carbonate). - Chi tiêu chất lượng: Ethoxyquin $\geq 0,5$ %; BHA $\geq 0,3$ %; BHT $\geq 3,3$ %. - Chi tiêu vệ sinh: Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm.	Bổ sung chất chống ôxy hóa (Ethoxyquin, BHT, BHA) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu be.	PT. Trouw Nutrition Indonesia.	Indonesia	4/4/2023
2275	Biotronic TOP Forte	114-4/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit Formic, axit Propionic, nước, chất tạo mùi (axit Fumaric) và chất mang (khoáng vermiculite). - Chi tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 15,0$ %; Axit Formic $\geq 18,9$ %; Axit Propionic $\geq 17,1$ %. - Chi tiêu vệ sinh: As $\leq 8,0$ ppm; Pb $\leq 11,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung axit hữu cơ (Formic, Propionic) trong thức ăn chăn nuôi lợn và gia cầm nhằm kiểm soát vi khuẩn có hại.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	Addcon Europe GmbH.	Germany	4/4/2023
2276	Biotronic PX Top3	115-4/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Calcium formate, chất tạo mùi (cinnamaldehyde, axit fumaric) và chất mang (axit silicic). - Chi tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; axit Formic $\geq 49,0$ %. - Chi tiêu vệ sinh: As $\leq 8,0$ ppm; Pb $\leq 11,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung axit hữu cơ (Formic) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột, màu trắng.	Addcon Europe GmbH.	Germany	4/4/2023
2277	Clean Zone	116-4/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Potassium chloride, Sodium sulphate, Magnesium sulphate, Calcium sulphate, chất mang (nước). - Chi tiêu chất lượng (mg/kg): Kali (K): 450,0 - 600,0; Natri (Na): 100,0 - 150,0; Magiê (Mg): 50,0 - 90,0; Canxi (Ca): 200,0 - 280,0. - Chi tiêu vệ sinh: Pb < 30,0 ppm; Cd < 50,0 ppm; As < 20,0 ppm; Hg < 0,5 ppm.	Bổ sung premix khoáng trong nước uống và thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu xanh nâu.	Yerang Green Tech Co.	Korea	9/4/2023

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2278	Bicomax	117-4/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Lactobacillus acidophilus, Bacillus subtilis, chất mang (DDGS). - Chỉ tiêu chất lượng: Lactobacillus acidophilus ≥ 107 CFU/g; Bacillus subtilis ≥ 107 CFU/g; Độ ẩm $\leq 14,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g.	Bổ sung vi sinh vật có lợi Lactobacillus acidophilus và Bacillus subtilis trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	Yerang Green Tech Co.	Korea	10/4/2023
2279	Feed Soybean Lecithin Oil	118-4/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Lecithin từ hạt đậu tương. - Chỉ tiêu chất lượng: Phần không hòa tan trong acetone $\geq 60,0$ %; phần không hòa tan trong Hexane $\leq 1,0$ %; chỉ số axit $\leq 30,0$ mg KOH/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g. As $\leq 3,0$ ppm;	Lecithin, dùng làm chất nhũ hóa trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, vàng nhạt đến nâu nhạt.	Greatocean Oils & Grains Industries (Fangchenggan g) Co., Ltd.	China	10/4/2023
2280	Bioplex C	119-4/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Zinc proteinate, Iron proteinate, nấm men nuôi cấy trong môi trường giàu Selen (Saccharomyces cerevisiae), nấm men nuôi cấy trong môi trường giàu Crôm (Saccharomyces cerevisiae), Manganese proteinate, Copper proteinate và Ethylenediamine dihydroiodide (EDDI). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0$ %; Kẽm (Zn): 5,0 - 6,5 %; Sắt (Fe): 5,0 - 6,5 %; Mangan (Mn): 1,25 - 1,63 %; Đồng (Cu): 8.300,0 - 10.790,0 ppm; Selen (Se): 250,0 - 325,0 ppm; Crôm (Cr): 167,0 - 217,0 ppm; Iốt (I): 1.000,0 - 1.300,0 ppm; Protein thô $\geq 25,0$ %; Cát sạn $\leq 1,5$ %. - Chỉ tiêu an toàn: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E.coli < 10 CFU/g; As $\leq 50,0$ ppm; Cd $\leq 30,0$ ppm; Pb $\leq 100,0$ ppm; Hg $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung premix khoáng hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi cho lợn.	Dạng bột, màu vàng nhạt đến nâu đậm.	Alltech Biotechnology Pvt, Ltd.	India	9/4/2023

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2281	Bioplex Poultry Pak	120-4/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Zinc proteinate, Manganese proteinate, nấm men nuôi cấy trong môi trường giàu Selen (<i>Saccharomyces cerevisiae</i>), nấm men sấy khô, Iron proteinate, Copper proteinate, nấm men nuôi cấy trong môi trường giàu Crôm (<i>Saccharomyces cerevisiae</i>) và Ethylenediamine dihydroiodide (EDDI). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0\%$; Kẽm (Zn): 4,0 - 5,2 %; Mangan (Mn): 4,0 - 5,2 %; Sắt (Fe): 1,5 - 1,95 %; Đồng (Cu): 0,5 - 0,65 %; Iốt (I): 0,4 - 0,56 %; Selen (Se): 300,0 - 390,0 ppm; Crôm (Cr): 200,0 - 260,0 ppm; Protein thô $\geq 28,0\%$; Cát sạn $\leq 1,0\%$. - Chỉ tiêu an toàn: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E.coli < 10 CFU/g; As $\leq 50,0$ ppm; Cd $\leq 30,0$ ppm; Pb $\leq 100,0$ ppm; Hg $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung premix khoáng hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi cho gà.	Dạng bột, màu nâu.	Alltech Biotechnology Pvt, Ltd.	India	9/4/2023
2282	Zagribind	121-4/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hydrated Sodium Calcium Aluminosilicate và chất mang (Calcium carbonate). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; SiO₂ $\geq 56,0\%$; Al₂O₃ $\geq 11,0\%$. - Chỉ tiêu an toàn: Pb $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm; As $\leq 0,5$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung chất hấp phụ độc tố nấm mốc trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng nhạt.	Zagro Singapore Pte, Ltd.	Singapore	9/4/2023
2283	Sel-Plex 2700	122-4/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Nấm men bất hoạt giàu Selen (từ <i>Saccharomyces cerevisiae</i>) và nấm men sấy khô. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Selen (Se): 2.700,0 - 3.500,0 ppm. - Chỉ tiêu an toàn: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E.coli < 10 CFU/g; As $\leq 50,0$ ppm; Cd $\leq 30,0$ ppm.	Bổ sung khoáng Selen (Se) hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu.	Alltech Inc.	USA	11/4/2023
2284	Tipek	123-4/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bacillus subtilis và chất mang (tinh bột ngô, Silicon dioxide). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 9,0\%$; Bacillus subtilis $\geq 5 \times 10^8$ CFU/g - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli < 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện CFU/25g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung vi sinh vật có lợi (<i>Bacillus subtilis</i>) trong thức ăn chăn nuôi lợn và gia cầm, nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng bột, màu vàng.	Sichuan Rota Bioengineering Co, Ltd.	China	13/4/2023

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2285	Protide	124-4/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Phụ phẩm quá trình lên men bởi Corynebacterium để sản xuất Disodium 5'-Inosinate (gồm vi sinh vật bất hoạt được sấy khô, các phần còn lại của đường chưa lên men). - Chỉ tiêu chất lượng: Protein thô $\geq 55,0$ %; Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Xơ thô $\leq 5,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 10,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli < 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện CFU/25g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm.	Phụ phẩm quá trình sản xuất Disodium 5'-Inosinate, dùng để bổ sung protein trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng hạt, màu nâu.	CJ (Shenyang) Biotech Co, Ltd.	China	12/4/2023
2286	Availa Se 2%	125-4/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Zinc - L - Selenomethionine (C₅H₁₀ClNO₂SeZn), chất chống kết dính (Silicon dioxide) và chất mang (Calcium Carbonate). - Chỉ tiêu chất lượng: Selen (Se): 2,0 - 2,4 %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 40,0$ ppm; Cd $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm.	Bổ sung khoáng Se trong thức ăn cho gia giúc, gia cầm.	Dạng bột, màu xanh nhạt.	Vita Co, Ltd.	Thailand	27/4/2023
2287	Canthaxanthin 10 %	126-4/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Canthaxanthin, chất chống oxi hoá (Sodium ascorbate, Tocopherol), chất chống kết dính (Silicon dioxide) và chất mang (Sucrose, Gelatin, tinh bột ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 8,0$ %; Canthaxanthin $\geq 10,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 3,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm.	Bổ sung chất tạo màu Canthaxanthin trong thức ăn chăn nuôi gia cầm nhằm cải thiện màu vàng da và lòng đỏ trứng.	Dạng hạt nhỏ mịn, màu nâu đỏ.	Shandong Tianyin Biotechnology Co, Ltd.	China	19/4/2023
2288	Whiskas Adult Cat Ocean Fish	127-4/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Nước, cá ngừ, cá mòi, cá thu, chất tạo gel, Carrageenan, Cassia gum, Kali Clorua, Guar gum, muối Phosphate, dầu đậu nành, Sodium tripolyphosphate, Xanthan gum, Taurine, Natri nitrit, premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Protein thô $\geq 10,0$ %; Xơ thô $\leq 1,0$ %; Béo thô $\geq 1,5$ %; Khoáng tổng số $\leq 5,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 3,0$ ppm; Hg < 0,3 ppm; Cd < 0,5 ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh hương vị cá biển cho mèo trưởng thành.	Dạng gel, màu nâu đỏ.	Unicord Public Co, Ltd.	Thailand	24/4/2023

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2289	Whiskas Adult Cat Mackerel and Sardines	128-4/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Cá mòi, cá thu, nước, Carrageenan, Cassia gum, Guar gum, Kali Clorua, muối Phosphate, dầu đậu nành, Taurine, chất tạo màu (Astaxanthin), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Protein thô $\geq 10,0$ %; Xơ thô $\leq 1,0$ %; Béo thô $\geq 1,5$ %; Khoáng tổng số $\leq 5,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 10,0$ ppm; Pb $\leq 3,0$ ppm; Hg $< 0,3$ ppm; Cd $< 0,5$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh hương vị cá mòi và cá thu cho mèo trưởng thành.	Dạng gel, màu cam.	Unicord Public Co, Ltd.	Thailand	24/4/2023
2290	Myep Plus 65 Dairy Cow	129-4/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Protein cô đặc từ khô dầu hạt bông thủy phân. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 8,0$ %; Protein thô $\geq 45,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 15,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli < 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện CFU/25g; Aflatoxin B1 $\leq 30,0$ ppb; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $< 5,0$ ppm.	Bổ sung protein cô đặc từ khô dầu hạt bông trong thức ăn chăn nuôi cho bò sữa.	Dạng bột, màu be đến nâu nhạt.	Chengdu Mytech Biotech Co, Ltd.	China	27/4/2023
2291	Novyrate 90	130-4/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sodium butyrate và chất mang (dầu thực vật được hydro hoá, Calcium carbonate). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 5,0$ %; axit Butyric $\geq 70,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 100,0$ ppm; As $\leq 10,0$ ppm; Hg $< 1,0$ ppm; Cd $< 15,0$ ppm.	Bổ sung axit Butyric trong thức ăn chăn nuôi gia súc gia, nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng hạt nhỏ mịn, màu trắng.	Innov AD NV.	Belgium	27/4/2023
2292	TY 100	131-4/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Enzyme Xylanase (từ lên men Pichia pastoris), Protease (từ lên men Bacillus alcalophilus) và chất mang (bột ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Xylanase $\geq 8.000,0$ U/g; Protease $\geq 6.000,0$ U/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g.	Bổ sung các enzyme (Xylanase, Protease) trong thức ăn chăn nuôi lợn, gia cầm.	Dạng bột, màu vàng.	Guangzhou Nutech Bio Tech Co, Ltd.	China	27/4/2023
2293	TY 101	132-4/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Enzyme Amylase (từ lên men Bacillus subtilis) và chất mang (bột ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Amylase $\geq 3.000,0$ U/g. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g.	Bổ sung enzyme Amylase trong thức ăn chăn nuôi lợn, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng đến vàng.	Guangzhou Nutech Bio Tech Co, Ltd.	China	27/4/2023
2294	NT-GP01	133-4/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Canthaxanthin, phụ gia và chất mang (Sucrose, gelatin, tinh bột, Ascorbyl palmitate). - Chỉ tiêu chất lượng: Canthaxanthin $\geq 10,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; Pb $\leq 30,0$ ppm; As $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm; Cd $< 1,0$ ppm.	Bổ sung chất tạo màu Canthaxanthin trong thức ăn chăn nuôi gia cầm nhằm cải thiện màu vàng da và lòng đỏ trứng.	Dạng bột lẫn các viên, màu đỏ.	Guangzhou Nutech Bio Tech Co, Ltd.	China	27/4/2023

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2295	NT-PB	134-4/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit Guanidinoacetic và chất mang (Silicon dioxide). - Chỉ tiêu chất lượng: Axit Guanidinoacetic $\geq 60,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 30,0$ ppm; As $\leq 10,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung axit Guanidinoacetic (dẫn xuất của axit amin Glycine) trong thức ăn chăn nuôi lợn và gia cầm.	Dạng bột hoặc viên, màu trắng đến vàng.	Guangzhou Nutech Bio Tech Co, Ltd.	China	27/4/2023
2296	ProtoCell	135-4/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Phụ phẩm của quá trình sản xuất Ethanol từ ngô được enzyme hoá và cô đặc protein. - Chỉ tiêu chất lượng: Protein thô $\geq 48,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 6,0$ %; Xơ thô $\leq 5,0$ %; Béo thô $\geq 3,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: E. coli < 10 CFU/g; Salmonella: không phát hiện CFU/25g; Aflatoxin tổng số $\leq 20,0$ ppb; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,1$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm.	Bổ sung protein trong thức ăn chăn nuôi lợn, gia cầm và vật nuôi cảnh.	Dạng hạt nhỏ mịn, màu nâu nhạt.	Badger State Ethanol LLC.	USA	27/4/2023
2297	SmartHeart Power Maxx	136-5/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Gạo, thịt gà, mỡ gà, khô dầu đậu tương, protein whey, đậu tương nguyên dầu, gluten ngô, cám gạo, khô dầu hạt lanh, nấm men sấy khô, L-Carnitine, và chất chống ôxi hoá (BHA, BHT), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0$ %; Protein thô $\geq 32,0$ %; Béo thô $\geq 20,0$ %; Xơ thô $\leq 3,5$ %; Khoáng tổng số $\leq 10,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,33$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó.	Dạng hạt, màu nâu.	Perfect Company Group Co, Ltd.	Thailand	9/5/2023
2298	Bird Choize Bird Food For All Bird	137-5/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Tấm gạo, ngô, sắn, bột lông vũ, bột phụ phẩm gia cầm, cám gạo, cám mỳ, khô dầu đậu tương, bột giun, đường, DL-Methione, dầu thực vật, thảo dược (bột Kariat), Choline chloride, chất chống ôxi hoá (BHA, BHT), premix vitamin và khoáng. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 12,0$ %; Protein thô $\geq 20,0$ %; Béo thô $\geq 6,0$ %; Xơ thô $\leq 6,0$ %; Khoáng tổng số $\leq 10,0$ %. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm; Hg $\leq 0,3$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chim.	Dạng hạt, màu nâu.	Perfect Company Group Co, Ltd.	Thailand	9/5/2023

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2299	Yellow Plus	138-5/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp vi sinh vật có lợi (Torulopsis glabrata, Lactobacillus acidophilus, Bacillus amyloliquefaciens, Haematococcus pluvialis), chất mang (Dextrose). - Chỉ tiêu chất lượng (CFU/kg): Torulopsis glabrata $\geq 2,0 \times 10^7$; Lactobacillus acidophilus $\geq 2,0 \times 10^7$; Bacillus amyloliquefaciens $\geq 2,0 \times 10^7$; Haematococcus pluvialis $\geq 1,0 \times 10^7$. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g.	Bổ sung hỗn hợp vi sinh vật có lợi trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu kem.	PVS Implex	India	2/5/2023
2300	Yellow Yolk	139-5/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp vi sinh vật có lợi (Lactobacillus acidophilus, Bacillus amyloliquefaciens), vitamin A, chất mang (Dextrose). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1 kg): Lactobacillus acidophilus $\geq 2,0 \times 10^7$ CFU; Bacillus amyloliquefaciens $\geq 2,0 \times 10^7$ CFU; Vitamin A $\geq 2.500.000,0$ IU. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g.	Bổ sung hỗn hợp vi sinh vật có lợi và vitamin A trong thức ăn chăn nuôi gia cầm.	Dạng bột, màu kem.	PVS Implex	India	2/5/2023
2301	Milk Plus	140-5/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Dicanxi photphat, Vitamin D3, Mangan sunphat, Kẽm sunphat, Sắt sunphat, Đồng sunphat, Caxi cacbonat. - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1 kg): Canxi (Ca): 130,0 - 150,0 g; Phospho (P): 60,0 - 75,0 g; Vitamin D3 $\geq 300.000,0$ IU; Mangan (Mn): 16,0 - 20,0 g; Kẽm (Zn): 16,0 - 20,0 g; Sắt (Fe): 8,0 - 10,0 g; Đồng (Cu): 4,0 - 5,0 g. - Chỉ tiêu an toàn: As $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,05$ ppm.	Bổ sung premix khoáng và vitamin D ₃ cho gia súc nhai lại.	Dạng viên hoặc bột, màu trắng.	PVS Implex	India	2/5/2023
2302	P-coxy	141-5/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp vi sinh vật có lợi (Pediococcus acidilactici, Saccharomyces boulardii), chất mang (bột Talcum). - Chỉ tiêu chất lượng (CFU/kg): Pediococcus acidilactici $\geq 2,0 \times 10^8$; Saccharomyces boulardii $\geq 2,0 \times 10^8$. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g.	Bổ sung hỗn hợp vi sinh vật có lợi trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu kem.	PVS Implex	India	2/5/2023

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2303	Hi Boost	142-5/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Protein thủy phân, DL-methionine, L-Lysine, Mangan sunphat, chất mang (nước cất). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1 lít): Protein $\geq 50,0$ g; Methionine $\geq 25,3$ g; Lysine $\geq 13,6$ g; Mangan (Mn): 12,0 - 16,0 g. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g.	Bổ sung protein, axit amin và khoáng trong nước uống cho gia súc, gia cầm.	Dạng lỏng, màu hồng nhạt.	PVS Implex	India	2/5/2023
2304	Chick Start	143-5/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Các vitamin (A, D3, E), DL-Methionine, L-Lysine, chất mang (nước cất). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1 lít): Vitamin A $\geq 1.250.000,0$ IU; Vitamin D3 $\geq 25.000,0$ IU; Vitamin E $\geq 3,7$ g; Methionine $\geq 5,0$ g; Lysine $\geq 2,5$ g. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g.	Bổ sung vitamin A, D ₃ , E và axit amin trong nước uống cho gia cầm.	Dạng lỏng, màu vàng nhạt.	PVS Implex	India	2/5/2023
2305	Winbro	144-5/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Hỗn hợp vi sinh vật có lợi (Lactobacillus acidophilus, Torulopsis glabrata, Haematococcus pluvialis), chất mang (Dextrose). - Chỉ tiêu chất lượng (CFU/kg): Torulopsis glabrata $\geq 2,0 \times 10^7$; Lactobacillus acidophilus $\geq 2,0 \times 10^7$; Haematococcus pluvialis $\geq 1,0 \times 10^7$. - Chỉ tiêu an toàn: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g.	Bổ sung hỗn hợp vi sinh vật có lợi trong thức ăn chăn nuôi gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	PVS Implex	India	2/5/2023
2306	Ovilac WA	145-5/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Vitamin C, vitamin D3, Enterococcus faecium DSM 7134, Sodium ascobate, Sodium chloride, chất mang (sweet whey powder). - Chỉ tiêu chất lượng (tính trong 1 kg): Enterococcus faecium $\geq 3,3 \times 10^{12}$ CFU; Vitamin C $\geq 450.000,0$ mg; Vitamin D3 $\geq 200.000,0$ IU. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli < 10 CFU/g; Salmonella không có trong 25 g.	Bổ sung vitamin C, D ₃ và vi sinh vật có lợi Enterococcus faecium trong nước uống cho gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	Lactosan GmbH & Co KG	Austria	2/5/2023
2307	Proteecure	146-5/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Enterococcus faecium DSM 7134 và chất mang (sucrose). - Chỉ tiêu chất lượng: Enterococcus faecium $\geq 1,0 \times 10^{10}$ CFU/g. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli < 10 CFU/g; Salmonella không có trong 25 g.	Bổ sung vi sinh vật có lợi Enterococcus faecium trong thức ăn cho lợn và gia cầm.	Dạng hạt mịn, màu vàng đến nâu.	Lactosan GmbH & Co KG	Austria	2/5/2023

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2308	Selenium Yeast S2000 (Prill)	147-5/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Nấm men chứa Selen bất hoạt. - Chỉ tiêu chất lượng: Selen (Se): 2.000,0 - 2.400,0 mg/kg; Protein thô $\geq 40,0\%$. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli < 10 CFU/g; Salmonella không có trong 25 g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Hg $< 0,1$ ppm; Cd $< 0,5$ ppm.	Bổ sung Selen hữu cơ trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng hạt, màu vàng nhạt đến xám.	Shandong Bio Sunkeen Co. Ltd.	China	2/5/2023
2309	Selenium Yeast S3000 (Prill)	148-5/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Nấm men chứa Selen bất hoạt. - Chỉ tiêu chất lượng: Selen (Se): 3.000,0 - 3.400,0 mg/kg; Protein thô $\geq 40,0\%$. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli < 10 CFU/g; Salmonella không có trong 25 g; Pb $\leq 5,0$ ppm; As $\leq 2,0$ ppm; Hg $< 0,1$ ppm; Cd $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung Selen hữu cơ trong thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng hạt, màu vàng nhạt đến xám.	Shandong Bio Sunkeen Co. Ltd.	China	2/5/2023
2310	B-Act	149-5/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bacillus licheniformis, chất chống bụi (paraffin lỏng) và chất mang (bột lõi ngô). - Chỉ tiêu chất lượng: Bacillus licheniformis $\geq 3,2 \times 10^9$ CFU/g. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli < 10 CFU/g; Salmonella không có trong 25 g.	Bổ sung vi sinh vật có lợi Bacillus licheniformis trong thức ăn cho gia cầm.	Dạng hạt, màu vàng đến nâu.	Biovet Joint Stock Company, Bulgaria	Bulgaria	2/5/2023
2311	DBP Bakery Meal	150-5/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bột bánh (vụn bánh và các sản phẩm phụ từ quá trình sản xuất bánh). - Chỉ tiêu chất lượng: Protein $\geq 10,0\%$; Béo thô $\geq 8,0\%$; Khoáng tổng số $\leq 6,0\%$; Xơ $\leq 5,0\%$; NaCl $\leq 3,0\%$. - Chỉ tiêu an toàn: E. coli < 10 CFU/g; Salmonella không có trong 25 g; tổng Aflatoxin (B1, B2, G1, G2) $< 100,0$ ppb.	Bột bánh, dùng làm nguyên liệu sản xuất thức ăn cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu nhạt.	ReConserve of Kansas, Inc.	USA	2/5/2023
2312	Dextrose Monohydrate	151-5/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Dextrose Monohydrate - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Dextrose Monohydrate (tính theo vật chất khô) $\geq 99,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; Pb $\leq 0,5$ ppm; As $\leq 0,5$ ppm.	Bổ sung Dextrose trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột tinh thể, màu trắng nhạt.	Hulunbeier Northeast Fufeng Biotechnologies Co, Ltd.	China	10/5/2023
2313	Keymax	152-5/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Glycerine fatty acid ester và chất mang (SiO2, CaCO3). - Chỉ tiêu chất lượng: Chỉ số axit $\leq 6,0$ mg KOH/g chất béo; Chỉ số xà phòng hoá (Saponification value) $\geq 200,0$ mg KOH/g, Béo thô $\geq 30,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Pb $\leq 2,0$ ppm; Cd $\leq 1,0$ ppm; As $\leq 4,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung chất nhũ hoá trong thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng sáng.	IL Shin Wells Co, Ltd.	Korea	11/5/2023

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2314	Vegacid+	153-5/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Axit hữu cơ (Sorbic, Citric), Thymol (chiết xuất từ cây xạ hương), chất tạo mùi (Vanillin) và chất mang (dầu thực vật được hydro hoá). - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 10,0\%$; Axit Sorbic $\geq 18,0\%$; Axit Citric $\geq 22,5\%$; Thymol $\geq 2,0\%$; Vanillin $\geq 1,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 4,0$ ppm; Pb $\leq 10,0$ ppm.	Bổ sung Thymol và axit hữu cơ (Sorbic, Citric) trong thức ăn chăn nuôi cho lợn và gia cầm nhằm cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi.	Dạng hạt nhỏ mịn, màu vàng.	Zhejiang Vega Bio-Technology Co, Ltd.	China	11/5/2023
2315	Pedigree Beef	154-5/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt (gà, cừu, bò), các chất tạo gel (Potassium chloride, Calcium chloride, Calcium hydroxide, Calcium sulphate dihydrate, Crystal grain konjac, Carrageenan kappa, Sodium alginate, Guar gum, cassia gum), Gluten lúa mì, Premix vitamin và khoáng, Fibro-7 (chiết xuất từ củ cải và rễ rau diếp xoăn, củ cải đường), chiết xuất tỏi, dầu hướng dương, phụ gia và chất bảo quản (EDTA, Sodium nitrate, Red iron oxide, Glycine) và nước. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 85,0\%$; Protein thô $\geq 5,5\%$; Xơ thô $\leq 3,0\%$; Béo thô $\geq 5,5\%$; Khoáng tổng số $\leq 3,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,3$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó.	Dạng nhão, màu hồng đến kem.	Mars Petcare Australia.	Australia	11/5/2023
2316	Pedigree Puppy	155-5/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Thịt (phụ phẩm gà, cừu, gà tây), cà rốt, đậu, gạo, các chất tạo gel (Carrageenan kappa, Sodium tripolyphosphate, Potassium chloride, Crystal grain konjac), premix vitamin và khoáng, Fibro-7 (chiết xuất từ củ cải và rễ rau diếp xoăn, củ cải đường), chiết xuất từ cúc vạn thọ, bột cà chua, dầu hướng dương, phụ gia và chất bảo quản (EDTA, Sodium nitrate) và nước. - Chỉ tiêu chất lượng: Độ ẩm $\leq 85,0\%$; Protein thô $\geq 7,0\%$; Xơ thô $\leq 3,0\%$; Béo thô $\geq 7,0\%$; Khoáng tổng số $\leq 3,0\%$. - Chỉ tiêu vệ sinh: Salmonella: không phát hiện CFU/25g; E. coli < 10 CFU/g; As $\leq 2,0$ ppm; Pb $\leq 5,0$ ppm; Hg $\leq 0,3$ ppm; Cd $\leq 2,0$ ppm.	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho chó con.	Dạng nhão, màu hồng đến kem.	Mars Petcare Australia.	Australia	11/5/2023

STT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất	Công dụng	Dạng, màu	Hãng	Nước	Thời hạn hiệu lực
2317	Alkamax Extra	156-5/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bột và chiết xuất từ cây <i>Macleaya cordata</i> (chất tạo hương vị), chất kết dính (Lignosulphonates) và chất mang (lúa mỳ). - Chỉ tiêu chất lượng: Sanguinarine $\geq 0,5\%$. - Các chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; As $\leq 20,0$ ppm; Cd $\leq 20,0$ ppm; Pb $\leq 20,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung chất tạo hương vị từ chiết xuất thực vật trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện khả năng ăn vào của vật nuôi.	Dạng hạt mịn, màu từ nâu xanh đến đỏ.	Phytobiotics Futterzusatzstoffe GmbH.	Germany	17/5/2023
2318	Alkamax WS	157-5/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Bột và chiết xuất từ cây <i>Macleaya cordata</i> (chất tạo hương vị), chất bảo quản axit hữu cơ (Malic (E 296), Sorbic (E 200)). - Chỉ tiêu chất lượng: Sanguinarine $\geq 1,0\%$. - Các chỉ tiêu vệ sinh: As $\leq 20,0$ ppm; Cd $\leq 20,0$ ppm; Pb $\leq 20,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung chất tạo hương vị từ chiết xuất thực vật trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện khả năng ăn vào của vật nuôi.	Dạng hạt mịn, màu từ nâu xanh đến đỏ.	Phytobiotics Futterzusatzstoffe GmbH.	Germany	17/5/2023
2319	Piggy Sweet S	158-5/18-CN	- Thành phần nguyên liệu: Sodium saccharine (E 954), Neohesperidin dihydrochalcone (NHDC) (E 959), Dextrose, axit Sicilic. - Chỉ tiêu chất lượng: Sodium saccharine $\geq 20,0\%$. - Các chỉ tiêu vệ sinh: E.coli < 10 CFU/g; Salmonella không phát hiện trong 25g; As $\leq 20,0$ ppm; Cd $\leq 20,0$ ppm; Pb $\leq 20,0$ ppm; Hg $\leq 1,0$ ppm.	Bổ sung chất tạo chất tạo ngọt (Sodium saccharine) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu trắng.	Phytobiotics Futterzusatzstoffe GmbH.	Germany	17/5/2023